franz kafka

TUYỂN TẬP TÁC PHẨM



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN
TRUNG TÂM VĂN HÓA NGÔN NGỮ ĐÔNG TÂY

Franz Kafka

TUYỂN TẬP TÁC PHẨM

*

NGUYỄN VĂN DÂN, ĐỨC TÀI, PHÙNG VĂN TỬU,
TRƯƠNG ĐĂNG DUNG, NGUYỄN VĂN QUA, LÊ HUY BẮC,
ĐÀO THU HẰNG, ĐẶNG ANH ĐÀO, ĐOÀN TỬ HUYẾN, DƯƠNG TẤT TỪ
dịch từ các bản tiếng Pháp, Rumani, Nga, Tiệp...

Franz Kafka

TUYỂN TẬP TÁC PHẨM

- HÓA THÂN
- VỤ ÁN
- LÂU ĐÀI
- TRUYỆN NGẮN
- NHẬT KÍ
- THƯ

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN
TRUNG TÂM VĂN HÓA NGÔN NGỮ ĐÔNG TÂY

THAY LỜI GIỚI THIỆU

KAFKA VỚI CUỘC CHIẾN CHỐNG PHI LÍ

Franz Kafka là nhà văn Tiệp Khắc (Séc) gốc Do Thái, viết tiếng Đức, sinh năm 1883 tại Praha và mất năm 1924 tại một nhà điều dưỡng gần Viên, thủ đô nước Áo. Ông từ trần ở độ tuổi đang chín muồi và để lại cho di sản văn học thế giới một khối lượng sáng tác khiêm tốn. Nhưng những gì ông để lại là một tài sản vô giá mà cho mãi đến ngày nay, giới văn học nói riêng và loài người nói chung vẫn còn phải mang ơn ông rất nhiều.

Kafka đỗ tiến sĩ luật học năm 1906 tại Praha và làm việc tại Viện Bảo hiểm công nhân. Ông là người có tư tưởng tiến bộ và văn học chính là một con đường biểu đạt tư tưởng của ông. Với ba cuốn tiểu thuyết: *Châu Mĩ, Vụ án, Lâu đài*, cùng với một số truyện ngắn, Kafka đã làm một cuộc cách tân to lớn trong nghệ thuật văn xuôi. Ông trở thành một trong những cây cột trụ vững chãi làm cơ sở cho nền văn học phương Tây hiện đại phát triển, và hơn thế nữa, nhiều nhà văn trên thế giới cho đến nay vẫn còn lấy Kafka làm hình mẫu sáng tác, trong đó có cả các nhà văn Việt Nam.

Quả thực, trong bối cảnh đầy sôi động của buổi đầu thế kỉ XX, thế kỉ sẽ chứng kiến hai cuộc chiến tranh thế giới vô cùng tàn khốc, văn học nghệ thuật cũng bắt đầu làm một cuộc cách mạng với phong trào tiên phong. Các văn nghệ sĩ không còn bằng lòng với những quy tắc sáng tác truyền thống, họ muốn phá vỡ tất cả để giải phóng cho văn học và nghệ thuật, cho văn học - nghệ thuật được tự do biểu đạt nhằm đáp ứng với tình hình chính trị xã hội mới. Nhiều trào lưu trường phái mới ra đời: trường phái biểu tượng, trường phái đa đa,

trường phái siêu thực, trường phái vị lai... Tuy nhiên, với một bối cảnh xã hội đầy sôi động và bất ổn như vậy, văn học không phải đều được phân chia thành các trường phái một cách rạch ròi. Có những nhà văn mà ta không thể xếp họ vào trường phái nào, nhưng tác phẩm của họ lại thật sự là những cái mốc của quá trình văn học thế giới. Họ là những *hiện tượng bột phát đặc biệt* mà đồng nghiệp đương thời của họ không theo kịp để làm thành một trường phái. Tác động và ảnh hưởng của họ chỉ diễn ra sau một thời gian thế giới đã hết ngỡ ngàng. Và khi hiểu ra thì người ta mới thấy rằng họ là những *hiện tượng tới hạn không thể lặp lại*. Kafka chính là một *hiện tượng* như vậy.

Tuy nhiên, tác phẩm ban đầu của ông (*Mô tả một cuộc chiến*, 1907) đã cho thấy ông có ý định muốn sáng tác theo phong cách của chủ nghĩa biểu tượng. Nhưng chính tác phẩm ấy cũng cho thấy ông sẽ nhanh chóng rời bỏ chủ nghĩa này để đi theo phong cách riêng của mình, một phong cách không thể nhầm lẫn và khác xa với chủ nghĩa biểu tượng. Đến năm 1912 ông viết cuốn tiểu thuyết *Châu Mĩ*, năm 1913 ông viết một số truyện ngắn trong đó có *Lời tuyên án*, năm 1914 bắt đầu viết *Vụ án*, năm 1915 viết *Hóa thân*, năm 1916 viết *Trước cửa pháp luật*, năm 1920 viết *Lâu đài*,... Tiếc rằng bệnh tật đã nhanh chóng quật ngã ông và làm chấm dứt một tài năng đang phát triển.

Vậy cái mới của Kafka trong bối cảnh văn học đương thời là gì? Đó là việc Kafka đã khai phá một mảng đề tài khó xử lí: cái *phi lí* của cuộc đời.

Thực ra, cái phi lí đã xuất hiện phần nào trong văn học thế giới, từ F.Rabelais đến các nhà văn lãng mạn như E.Th.A.Hoffmann, J.Swift, E.Poe, L.Carroll và ở một số nhà văn hiện đại khác, như là một thủ pháp sáng tác văn học, có thể gọi là thủ pháp huyễn tưởng phi lí. Ở các nhà văn này, hiện thực được tiếp cận bằng bút pháp châm biếm hài hước, bằng các thủ pháp ẩn dụ và ngoa dụ. Họ đã xây dựng nên một thế giới huyễn tưởng riêng biệt với những nhân vật hài kịch làm đối tượng châm biếm và hài hước, đi từ châm biếm sâu cay đến hài hước vui nhộn. Từ những cuộc phiêu lưu của Gargantua và Pantagruel (Rabelais), của Gulliver (Swift) qua những thế giới truyện ngắn huyễn tưởng của

Hoffmann và của Poe, đến cuộc phiêu lưu của Alice (Carroll), người đọc được mời đến những thế giới xa lạ hoang tưởng để rút ra những bài học bổ ích cho thế giới thực tại với những hiệu ứng thẩm mĩ hài kịch.

Nhưng đến Kafka thì sự việc hoàn toàn khác hẳn. Ở ông, cái phi lí trở thành một đối tượng nhận thức. Nó không phải đơn thuần chỉ là một hiện tượng xã hội, mà nó có liên quan và thậm chí chi phối vận mệnh của con người, mà muốn tồn tại, con người phải luôn luôn đấu tranh để loại trừ nó. Chính vì vậy mà cái phi lí của Kafka là cái phi lí *bi kịch*. Khi thì cái phi lí ấy nằm ngay trong bản chất của sự sinh tồn, điều này ta có thể nghiệm thấy trong các truyện ngắn *Hang ổ*, *Vô địch nhịn ăn*, *Hóa thân*. Một con vật cố tự đào cho mình một cái hang thật sâu để tìm kiếm sự an toàn cho bản thân, nhưng ngay trong thế giới tầng ngầm đó nó vẫn bắt gặp những địch thủ tiềm tàng khác có nguy cơ phá tan sự yên tĩnh của nó (*Hang ổ*). Nhà vô địch tìm kiếm sự phi lí trong trò diễn nghệ thuật nhịn ăn chỉ để phủ nhận một sự phi lí khác của cuộc đời: sự bất khả dung hòa giữa nghệ sĩ với thế giới bên ngoài (*Vô địch nhịn ăn*). Gregor Samsa mang cả một gánh nặng phi lí trên người để bày tỏ số phận bi kịch của kiếp người lao động (*Hóa thân*). Khi thì cái phi lí là cả bản chất của xã hội: đó chính là cái xã hội phi lí của *Vụ án*, của *Lâu đài* mà trong đó nhân vật chính là Josef K. và K. đấu tranh tuyệt vọng chống lại nó. Trong mọi trường hợp, cái phi lí của Kafka là những tấn bi kịch của con người hiện tồn trong thế giới đương thời. Kafka không phải đi tìm kiếm cái phi lí ở đâu xa như các nhà văn lãng mạn. Nhiều khi cái phi lí đã được ông chắt lọc đến mức tinh chất để cho thấy cái cốt lõi của nó. Đó là lúc nhà văn muốn tấn công trực diện nó không chút quanh co, câu nệ, là lúc ông muốn lôi nó ra ánh sáng dưới dạng cô đúc nhất, tàn nhẫn nhất và bi kịch nhất, chỉ thiếu có việc chỉ mặt gọi đích danh. Đó là cái phi lí trần trụi trong truyện ngắn *Trước cửa pháp luật*.

Phải công nhận rằng quan niệm văn học của Kafka có chịu phần nào ảnh hưởng của triết học hiện sinh của Kierkegaard. Cuốn sách *Khái niệm sự bất an* của nhà triết học người Đan Mạch này bộc lộ một quan điểm triết học bi quan về sự sinh tồn. Trong tác phẩm của mình, Kafka dường như cũng muốn chứng minh rằng bản chất của sự

sinh tồn chính là nỗi bất an, chí ít là của sự sinh tồn của con người đầu thế kỉ XX. Nỗi bất an đeo đẳng con người mà suốt cả đời con người không thể nào thoát khỏi được. Có nỗi bất an nào ám ảnh sâu sắc hơn nỗi bất an của con vật đào hang trong truyện ngắn *Hang ổ*? Có nỗi bất an nào mang tính bi kịch hơn nỗi bất an của Josef K. trong *Vụ án*? Có nỗi bất an nào mang tính khám phá xã hội hơn nỗi bất an của K. trong *Lâu đài*? Và, cùng với đề tài về cái phi lí, việc đưa nỗi bất an vào văn học của Kafka đã mở đường cho một số trào lưu văn học mới sau này: văn học hiện sinh chủ nghĩa và kịch phi lí.

Tuy nhiên, mặc dù chịu sự ảnh hưởng của Kierkegaard, người đã được Kafka gọi là "bạn" (trong một bức thư gửi cho Max Brod năm 1913), nhưng Kafka lại phê phán Kierkegaard là đã bay bổng "trên mây" mà "không nhìn thấy con người bình thường"[*]. Trên phương diện này, có thể nói truyện ngắn *Vô địch nhịn ăn* chính là truyện nhại lại quan điểm về cái tuyệt đối, cái phi thường của nhà triết học Đan Mạch: Người nghệ sĩ nào đi tìm cái tuyệt đối sẽ thất bại. Chính vì vậy mà Kafka đã chủ trương chỉ lưu tâm đến những con người bình thường, đến những nỗi lo đời thường của họ.

Một trong những nỗi lo đời thường sâu sắc của Kafka là lo cho đồng loại, cho những con người bình thường ở quanh ta. Đó là nỗi lo của người cha cho bạn bè của con mình và lo ngại cho tính ích kỉ của con trai (*Lời tuyên án*); là nỗi lo cho bố mẹ và em gái của Gregor Samsa ngay cả khi anh đã bị biến thành một con bọ ("Gregor vẫn còn đang ở bên họ và anh không hề có ý nghĩ bỏ mặc gia đình mình trong hoạn nạn". Anh còn ở trong phòng nói vọng ra với người ủy quyền của giám đốc cửa hàng nơi anh làm việc rằng anh sẽ đi làm, rằng vì "Mặt khác tôi phải lo cho cha mẹ và em gái tôi. Tôi đang gặp khó khăn, nhưng tôi sẽ lại làm việc để vượt qua" - *Hóa thân*); là nỗi lo của nhân vật K. cho công việc và cho cuộc sống của những người dân lao động bình thường ở xung quanh cái lâu đài bí ẩn đại diện cho quyền lực mà anh cố công tìm cách tiếp xúc

---

[*] Trích theo N.Balota: *Lupta cu absurdul, Bucuresti*, Ed. Univers, 1971, 173, (bản tiếng Rumani).

nhưng không thành (*Lâu đài*)... Có thể nói nỗi lo đời thường chính là một trong những yếu tố đã làm cho văn học của Kafka và của chủ nghĩa hiện sinh sau này có được ý nghĩa nhân đạo sâu sắc. *Dịch hạch* của Camus chính là sự nối tiếp nỗi lo của Kafka, nỗi lo cho đồng loại trước sự hủy diệt con người, một nỗi lo sâu nặng thấm đậm tinh thần nhân đạo, nó làm cho các nhân vật chính hoàn toàn quên đi cá nhân mình một cách tự nhiên.

Nhưng nói đến Kafka mà chỉ nói đến cái phi lí và đến sự bất an thì chưa đủ. Cái làm cho Kafka trở thành một hiện tượng văn học đặc biệt là ông đã sáng tạo ra một *nghệ thuật mô tả cái vắng mặt*, nghệ thuật *thông báo cái không thể thông báo, diễn đạt cái không thể diễn đạt*. Cái quyền lực vô hình và phi lí trong *Vụ án* và *Lâu đài* đã được ông biểu đạt thật tài tình và đầy ấn tượng. Đối tượng phê phán không xuất hiện mà hiệu quả phê phán lại rất cao. Nghệ thuật mô tả cái vắng mặt ấy đã làm cho tác phẩm của Kafka thu được những hiệu ứng thẩm mĩ rất mạnh mẽ, làm cho ông trở thành một hiện tượng cách tân trong lịch sử văn học thế giới.

Trong tác phẩm của Kafka, cái quyền lực vô hình và phi lí tồn tại như một bóng ma, nó lờ mờ ẩn hiện và được vây bọc bởi một mê cung không thể vượt qua. Chủ đề *mê cung* là một chủ đề chủ chốt của Kafka, nó chính là vỏ bọc của *cái không thể diễn đạt*. Hệ thống tòa án trong *Vụ án* được đặt trên tầng thượng của một tòa nhà với những ngõ ngách, hành lang tăm tối. Chính quyền địa phương trong *Lâu đài* được đặt trong một tòa lâu đài trên một quả đồi với những đường ngang lối dọc phủ đầy tuyết chẳng biết từ đâu tới và chẳng biết dẫn tới đâu. Các ngõ ngách của một cái hang trong *Hang ổ* thật sự là một mê cung tăm tối như chính cái mê cung của số phận con người. Chủ đề mê cung thật sự là một thủ pháp quan trọng của Kafka trong việc diễn đạt cái phi lí.

*

Nói Kafka là một hiện tượng văn học không lặp lại và không thể lặp lại không có nghĩa là người ta không thể rút ra được những bài

học ở ông. Một mặt, cái phi lí của ông đã được chủ nghĩa hiện sinh phát triển thành thuyết phi lí. Mặt khác, nghệ thuật biểu đạt cái phi lí của ông đã được nhiều nhà văn sau này phát triển thành thủ pháp phi lí, tức là một công cụ nghệ thuật để mô tả đối tượng nhận thức. Dòng kịch phi lí của thế kỉ XX là một ví dụ điển hình. Kịch của S.Beckett và của E.Ionesco tràn ngập cái phi lí và nó thường được biểu đạt như một nhân vật vắng mặt (điển hình là trong vở kịch *Đợi Godot* của Beckett và *Những chiếc ghế* của Ionesco). *Đợi Godot* làm cho ta liên tưởng tới việc đợi chờ của bác nông dân trước cửa pháp luật (*Trước cửa pháp luật*). Chỉ có khác với Kafka là trong khi cái phi lí của ông mang tính bi kịch đau đớn thì cái phi lí của kịch phi lí được biểu đạt dưới góc độ *bi - hài*. Ý nghĩa cách tân của kịch phi lí chính là ở góc độ biểu đạt này, nó chọn đúng thủ pháp biểu đạt sao cho phù hợp với thể loại sáng tác, với bối cảnh thời đại, với đối tượng sáng tác và vì thế nó đã đạt được những hiệu ứng thẩm mĩ rất cao. Ngoài ra, kịch phi lí chỉ lấy cái phi lí của Kafka làm điểm xuất phát chứ không lặp lại nguyên xi, nó đã đóng góp cho nghệ thuật viết kịch những yếu tố rất đặc trưng cho kịch, và một trong những yếu tố làm cho nó khác với Kafka là nó đã đưa cái nghịch dị (tiếng Pháp: le grotesque) vào kịch và phát triển nó thành nhân vật chính. Đây là một bài học quý giá cho việc tiếp thu di sản văn học.

Ở ta cũng có người đã tiếp thu Kafka sau gần một thế kỉ. Tiếp thu di sản văn học nước ngoài là một hiện tượng tự nhiên. Tuy nhiên, như chúng tôi đã nói, khi nào sự tiếp thu dừng lại ở khía cạnh thủ pháp nghệ thuật thì nó đem lại thành công, còn khi nào nó vay mượn cả đối tượng sáng tác của thời đại Kafka vào văn học của thời đại ngày nay thì nó sẽ rơi vào tình trạng lỗi thời và không mang lại được hiệu ứng thẩm mĩ. *Chín bỏ làm mười* của Phạm Thị Hoài thực sự là một truyện bắt chước *Mười một người con trai* của Kafka, tuy nhiên đây chỉ là sự bắt chước về mặt nghệ thuật, cho nên nó vẫn đạt được hiệu quả thẩm mĩ nhất định, các nhân vật trong *Chín bỏ làm mười* thật sự là của Phạm Thị Hoài chứ không phải của Kafka. Nhưng ở *Thiên sứ* và ở các truyện ngắn khác của chị, sự tiếp thu văn học nước ngoài, trong đó có Kafka, không còn

dừng lại ở *thủ pháp nghệ thuật* nữa mà đã mở rộng sang cả *khung cảnh tự sự* lẫn *nhân vật* của tác phẩm được vay mượn. Chính một chủ đề của Kafka là chủ đề mê cung đã được Phạm Thị Hoài dùng để đặt tên cho một tập truyện ngắn của mình: *Mê lộ* (1989). Tất nhiên, đối với một người giàu vốn sách vở như Phạm Thị Hoài thì Kafka không phải là người duy nhất có ảnh hưởng. Ở chị còn có bóng dáng của Camus, của Beckett, của Ionesco.

Cái giống nhau giữa Phạm Thị Hoài với Kafka và các tác giả kịch phi lí thể hiện ở việc đề cập đến sự tha hóa của nhân vật. Nhân vật của họ là những người không hòa hợp được với thế giới, chúng là những kẻ xa lạ, là những số phận bất đắc dĩ, không có tương lai: Bất đắc dĩ như các nhân vật chính (K.) trong *Vụ án* và *Lâu đài* (kết thúc *Vụ án*, Joseft K. đã gào lên với số phận của mình: "Như một con chó!"), bất đắc dĩ như bác nông dân chờ đợi trong *Trước cửa pháp luật*, như ông thầy thuốc trong *Một thầy thuốc nông thôn*, bất đắc dĩ như Gregor Samsa trước số phận cuộc đời để rồi cuối cùng biến thành một con côn trùng, bất đắc dĩ như con vật đào hang khi ngay từ đầu đã ý thức được nỗi nguy hiểm bẩm sinh của thân phận mình, bất đắc dĩ như các nhân vật trong *Thiên sứ* ("họ biết làm gì khác hơn ngoài liên hoan, cơ hội ôn tập và thao diễn chính họ..."), bất đắc dĩ như hai vợ chồng của một cuộc hôn nhân ngắn ngày (*Năm ngày*), và bất đắc dĩ như một lời thở dài tuyên bố nổi tiếng của Phạm Thị Hoài: "Cũng như mọi người Việt Nam khác, hễ có dịp là tôi nguyền rủa số phận là người Việt Nam của mình, và hễ được hỏi vậy muốn là người gì tôi sẽ nhất định thở dài mà xin làm người Việt" (*Một anh hùng*).

Nghệ thuật diễn đạt cái phi lí của Kafka là ngôn ngữ phúng dụ, tượng trưng. Vì thế cái thế giới của Kafka cũng mang tính tượng trưng, siêu thực, phi lịch sử cụ thể (về sau thế giới của kịch phi lí cũng vậy). Phạm Thị Hoài đã vay mượn nghệ thuật phúng dụ, tượng trưng và quan điểm phi lí để xây dựng nên những thế giới siêu thực (*Thiên sứ*, *Thực đơn chủ nhật*, và điển hình là thế giới siêu thực của "những đứa con gái tên toàn dấu sắc" trong *Tiệm may Sài Gòn*). Tuy nhiên, ở đây có một sự khác nhau giữa hai người. Ở Kafka, khung cảnh tự sự phi lịch sử cụ thể không có các dấu hiệu địa lí cụ thể,

thậm chí có lúc tác giả còn sử dụng cả huyền thoại để làm tăng thêm ý nghĩa tượng trưng và khái quát: người biến thành loài côn trùng (*Hóa thân*); một con khỉ tường trình trước Viện Hàn lâm về quá trình tiến hóa thành người của nó (*Một bản báo cáo gửi Viện Hàn lâm*); một con vật kể về cuộc sống dưới lòng đất của mình (*Hang ổ*). Còn Phạm Thị Hoài thì lại muốn sử dụng ngay hiện thực lịch sử cụ thể để xây dựng huyền thoại. Hà Nội nói riêng và đất nước Việt Nam nói chung thường được tác giả dùng làm khung cảnh địa lí để triển khai huyền thoại. Chính vì vậy mà những người đã quen với phương pháp hiện thực thường khó chấp nhận lối viết này.

Đây không phải là dịp để chúng tôi đánh giá về tác phẩm của Phạm Thị Hoài, mà chỉ nhân tiện làm một việc so sánh để thấy rằng Phạm Thị Hoài đã phần nào có tài trong việc "thao tác" vốn sách vở của mình để khai phá một chủ đề khá mới đối với độc giả Việt Nam: cái phi lí. Tuy nhiên, theo chúng tôi, Phạm Thị Hoài chưa xử lí được vấn đề *quan hệ* giữa vốn sách vở với hiện thực cuộc sống (chúng tôi nói *quan hệ* chứ không nói *kết hợp*). Chính vì vậy mà sự khám phá của Phạm Thị Hoài chưa sâu. Những phát ngôn có vẻ triết lí của Phạm Thị Hoài thiếu cơ sở nhận thức và độ sâu triết học. Những "énoncés philosophiques" ấy của chị (xin mạn phép bắt chước Phạm Thị Hoài lạm dụng từ nước ngoài) xét cho kĩ thì chỉ là những đại ngôn vô cớ và vô căn cứ, giỏi lắm chúng chỉ đạt được thành công là làm cho những người dễ xúc động phải khó chịu.

Rõ ràng, tiếp thu di sản văn học thế nào để đạt được thành công là một vấn đề quan trọng. Về mặt này, bài học tiếp nhận của chủ nghĩa hiện sinh và của kịch phi lí đối với Kafka là rất bổ ích. Đó cũng là kết luận mà chúng tôi muốn rút ra để khép lại bài viết này, mong rằng sau khi tác phẩm của Kafka được dịch đầy đủ ra tiếng Việt, bạn đọc Việt Nam sẽ có thêm cơ sở để hiểu các nhà văn Việt Nam hơn và nâng cao thêm tầm văn hóa để tiếp nhận văn học nước ngoài.

NGUYỄN VĂN DÂN

HÓA THÂN
(Tiểu thuyết)

ĐỨC TÀI *dịch*
DƯƠNG TƯỜNG *hiệu đính*

CHƯƠNG I

Một sáng tỉnh giấc băn khoăn, Gregor Samsa nằm trên giường thấy mình biến thành một côn trùng khổng lồ. Lưng anh rắn như thể được bọc kín bằng giáp sắt, anh nằm ngửa dợm nhấc đầu lên và nhìn thấy bụng mình khum tròn, nâu bóng, phân chia làm nhiều đốt cong cứng đờ; tấm chăn bông đắp trên bụng đã bị xô lệch, gần tuột hẳn. Chân anh nhiều ra, mảnh khảnh đến thảm hại so với phần còn lại của thân hình to đùng, vung vẩy bất lực trước mắt anh.

"Mình làm sao thế này? - anh nghĩ thầm. - Đây đâu phải chiêm bao. Vẫn là gian phòng yên tĩnh của anh giữa bốn bức tường quen thuộc; một phòng ngủ bình thường trong thế giới loài người, chỉ có điều hơi nhỏ hẹp mà thôi. Bên trên chiếc bàn bày đầy những mẫu vải vóc quảng cáo đủ loại - Samsa làm nghề chào hàng - vẫn còn treo bức tranh mà gần đây anh đã cắt ra từ một tờ hoạ báo và đem chưng trong một chiếc khung mạ vàng xinh xắn. Tranh vẽ một người đàn bà đội mũ lông thú, quàng khăn lông thú, ngồi thẳng người và phô ra cho khách chiêm ngưỡng một chiếc bao tay to tướng bằng lông thú phủ kín đến tận khuỷu".

Rồi Gregor đưa mắt nhìn qua vuông cửa sổ; những giọt mưa lộp độp rơi trên máng xối; và bầu trời âm u vần vũ ngoài kia khơi dậy trong anh một nỗi sầu khắc khoải. "Chắc mình nên ngủ nán thêm tí nữa cho quên luôn cái chuyện vô lí này đi", anh ngẫm nghĩ, nhưng không sao ngủ được, vì anh vốn quen nằm nghiêng bên phải khi ngủ và trong tình cảnh hiện giờ

anh không thể nào trở mình được. Tha hồ cho anh ráng hết sức xoay nghiêng sang phải, lần nào anh cũng bật ngửa trở lại. Nhắm nghiền mắt để khỏi nhìn thấy những cặp chân đang vùng vẫy, anh thử đi thử lại cả trăm lần và chỉ bỏ cuộc khi anh bắt đầu cảm thấy ở mạng sườn cơn đau âm ỉ, mơ hồ chưa từng nếm trải.

"Lạy chúa, - anh nghĩ. - Mình chọn chi cái nghề quá đỗi nhọc nhằn này! Chạy rông hết ngày này sang ngày khác. Một công việc thật còn khó chịu hơn cả chuyện bán buôn ở cửa hàng và bực mình nhất đời là cứ phải liên tục di chuyển, cứ phải lo lắng chuyện đổi tàu, chuyển ga, ăn uống thất thường, gặp đâu ngủ đấy, lúc nào cũng phải làm quen với những kẻ tình cờ gặp gỡ để rồi không bao giờ thấy mặt lần thứ hai, không bao giờ trở thành bạn hữu thân tình. Quỷ bắt cái nghề này đi!" Anh cảm thấy hơi ngứa ở bụng. Vẫn nằm ngửa, anh từ từ nhích lại gần đầu giường để có thể nhấc cao đầu dễ dàng hơn, anh xác định được chỗ ngứa bao quanh bởi nhiều đốm trắng nho nhỏ mà anh không hiểu là gì. Anh vươn một chân thử chạm vào đó nhưng rụt phắt lại ngay vì sự tiếp xúc ấy khiến toàn thân anh rùng mình ớn lạnh.

Anh lại tụt về vị trí ban đầu. "Dậy sớm như thế này làm cho người ta đâm ra đần độn, - anh nghĩ thầm. - Con người cần phải ngủ đẫy giấc chứ. Mấy tay chào hàng ở hãng khác thì sống như cung tần mĩ nữ. Chẳng hạn mình chạy suốt sáng, quay lại khách sạn để ghi sổ các đơn đặt hàng, thấy chúng mới ngồi vào bàn điểm tâm. Mình mà thử giở cái cung cách như chúng xem? Lão chủ sẽ tống cổ mình ra khỏi hãng ngay lập tức! Nhưng biết đâu điều đó lại tốt cho mình thì sao? Nếu không vì bố mẹ mà chịu nhịn nhục thì mình đã bỏ việc luôn từ lâu rồi: đã đi thẳng đến lão chủ, nói toạc vào mặt cho lão biết mình nghĩ gì về lão. Thế thì lão ắt ngã lộn đầu từ trên bàn xuống đất! A, còn cái lối lão ngồi thượng trên bàn giấy mà phán lệnh xuống cho nhân viên cũng thật là dị hợm quá chừng, nhất là khi các nhân viên phải xán lại thật gần lão để

trả lời bởi vì ông chủ này lãng tai! Hừ, dù sao cũng còn hi vọng; một khi mình đã dành dụm đủ trả hết món tiền bố mẹ mình thiếu nợ lão ta - chắc cũng phải mất năm, sáu năm nữa - nhất định mình sẽ làm thế. Lúc đó mình sẽ hoàn toàn cắt mọi dây dợ ràng buộc. Còn bây giờ, ôi chao, mình phải dậy ngay, kẻo trễ chuyến tàu năm giờ".

Anh nhìn chiếc đồng hồ báo thức đang tích tắc trên đầu tủ. "Trời đất ơi! - anh hốt hoảng. - Đã sáu giờ rưỡi rồi, và những chiếc kim đồng hồ vẫn lầm lì chuyển động; thậm chí đã gần bảy giờ kém mười lăm rồi chứ có phải sáu rưỡi nữa đâu. Chẳng lẽ đồng hồ không réo chuông ư? Nằm trên giường anh vẫn nhìn rõ chiếc kim báo thức đã được vặn đúng vào số bốn trên mặt đồng hồ: dĩ nhiên là chuông có reo chứ. Đúng, nhưng nếu vậy thì làm sao anh có thể ngủ yên với hồi chuông inh tai nhức óc ấy? Chà, anh nào có được ngủ yên đâu, chỉ là một giấc mơ mệt quá đấy thôi. Còn bây giờ anh phải làm sao đây? Chuyến tàu kế tiếp sẽ khởi hành lúc bảy giờ, muốn đón kịp chuyến tàu ắt hẳn anh phải vội như điên, thế mà các mẫu hàng chưa được gói ghém, còn bản thân anh thì chẳng thấy mình sảng khoái, hoạt bát gì mấy. Và cho dù có đón kịp chuyến tàu, anh cũng không thể nào tránh khỏi lôi thôi với lão chủ, bởi vì tên loong toong ở cửa hàng ắt đã tính đợi anh đến bằng chuyến tàu năm giờ và từ lâu hẳn là đã báo cho lão chủ biết sự vắng mặt của anh rồi. Cái tên loong toong ngu xuẩn và chán ngắt này là tay sai của lão chủ. A, hay là anh sẽ viện cớ ốm đau nhỉ? Không được, đó là một cái cớ phiền toái nhất hạng, lại đáng nghi ngờ nữa vì suốt năm năm làm việc anh chẳng hề đau yếu lấy một ngày. Lão chủ chắc chắn sẽ đích thân đến tận nhà anh cùng với bác sĩ của quỹ tương tế bệnh viện, sẽ trách cứ bố mẹ anh vì thằng con lười biếng, và sẽ cắt đứt mọi lí do bào chữa bằng cách viện đến sự giám định của bác sĩ bảo hiểm đau bệnh, cha này tất nhiên coi toàn thể nhân loại là những tên lười nhác hoàn toàn khỏe mạnh giở quẻ đổ bệnh mà thôi. Và giá hắn có nói thế trong trường hợp này thì phỏng có sai gì lắm?" Thực tế, Gregor cảm

thấy rất khỏe khoắn, chỉ hơi buồn ngủ, một điều quả thực là hơi lạ sau một giấc ngủ dài đến thế, và thậm chí anh lại còn đói bụng khác thường nữa chứ.

Trong lúc tất cả những ý nghĩ đó vùn vụt lướt qua tâm trí mà anh còn phân vân chưa quyết định rời khỏi giường - đồng hồ vừa điểm bảy giờ kém mười lăm - thì có người thận trọng gõ vào cánh cửa phía đầu giường anh nằm.

"Gregor ơi," - tiếng mẹ anh gọi, - "bảy giờ kém mười lăm rồi con. Hôm nay không đón tàu đi làm sao, con?" Giọng nói ấy sao mà dịu dàng quá! Gregor bàng hoàng khi nghe thấy giọng nói của chính anh đang trả lời mẹ, đúng là giọng anh, không lầm vào đâu được, nhưng kèm theo một chuỗi âm the thé léo nhéo ghê rợn, rền rền như một tiếng thầm thì, khiến cho các từ thốt ra chỉ rõ ràng lúc đầu, rồi tiếng đó dâng lên dội lại quanh các từ, phá huỷ ý nghĩa của chúng đến mức người nghe không dám chắc là mình có nghe đúng hay không. Gregor đã định trả lời cặn kẽ và giải thích mọi điều nhưng trong hoàn cảnh này anh đành chỉ nói vắn tắt: "Vâng, vâng thưa mẹ, con dậy ngay đây". Cánh cửa gỗ chắn giữa mẹ và anh hẳn đã làm cho người bên ngoài không nhận ra sự đổi khác trong giọng anh, bởi vì bà mẹ bằng lòng với lời anh đáp và quay gót bước đi. Tuy nhiên, mẩu đối thoại ngắn ngủi này khiến các thành viên khác trong gia đình biết Gregor vẫn còn ở nhà, một điều bất ngờ đối với họ, bố anh đập nắm tay khe khẽ vào cánh cửa thông sang phòng Gregor: "Gregor! Gregor!" - ông gọi. - "Con làm sao vậy?" Và sau một chặp, ông lại gọi anh lần nữa, giọng trầm đi: "Gregor ơi! Gregor!" Tiếng nói nhỏ nhẹ, ảo não của em gái anh cũng đã vang lên sau cánh cửa đối diện: "Anh Gregor? Anh không ốm đấy chứ? Có cần gì không, anh?" Anh trả lời chung cho cả hai: "Tôi xong rồi đây," và cố hết sức phát âm thật rõ ràng, tách biệt từng từ một để giọng nói của mình càng có vẻ bình thường càng tốt. Yên lòng, bố anh trở lại tiếp tục bữa điểm tâm, nhưng cô em gái vẫn thì thào gọi: "Anh Gregor, mở cửa ra đi anh". Tuy vậy, anh không nghĩ đến

chuyện nghe lời cô em, và thầm cảm ơn thói quen thận trọng hình thành qua những chuyến đi chào hàng: ban đêm bao giờ anh cũng khóa kín tất cả cửa, kể cả ở nhà.

Ý đồ trước mắt của anh là làm sao để ngồi dậy êm thấm không bị cản trở, mặc áo quần vào, và quan trọng nhất là phải ăn sáng cái đã rồi sau mới cân nhắc xem cần phải làm những gì khác nữa, bởi vì anh biết rõ nếu nằm trên giường thì những suy tính của anh sẽ chẳng đi đến một kết luận nào khôn ngoan cả. Anh nhớ mình rất hay bị ê ẩm, tê chồn cả người những khi nằm lâu trên giường, có lẽ là do cái tư thế nằm không thoải mái gây ra, nhưng một khi anh đã ngồi dậy thì cảm giác đó hóa ra chỉ là tưởng tượng mà thôi; và anh khao khát mong chờ cho cái ảo tưởng sáng hôm nay sẽ dần dần tan biến đi. Sự thay đổi trong giọng nói của anh chắc chắn phải là triệu chứng báo trước một cơn cảm hàn, cái bệnh vặt cố hữu của mấy tay chào hàng, chứ còn nghi ngờ chi nữa.

Muốn vứt bỏ tấm chăn bông thật không gì dễ bằng: chỉ cần anh phềnh bụng lên một chút là nó tự động rơi xuống. Những động tác tiếp theo mới khó, nhất là vì thân hình anh đã to bè ra khác thường. Lẽ ra anh cần phải có hai cánh tay với hai bàn tay để chống thân hình lên; nhưng thay vào đó anh chỉ có vô số cặp chân nhỏ không ngừng vung vẩy khắp mọi hướng không làm sao điều khiển được. Khi anh cố gắng gập một cẳng chân vào thì tức khắc nó lại tự duỗi thẳng ra; và nếu cuối cùng anh có bắt được nó tuân theo ý anh muốn thì tất cả những cẳng chân khác giãy giụa cuồng loạn hơn khiến anh xao xuyến khó chịu đến cực độ. "Nhưng cứ nằm lì trên giường thì có ích lợi gì đâu?" Gregor tự hỏi.

Anh đã ngỡ mình có thể tụt khỏi giường bằng cách trườn phần dưới của thân hình ra trước, nhưng phần dưới của thân hình - nằm khuất tầm mắt và anh chẳng hề có ý niệm gì về nó - hóa ra lại chuyển động khó khăn quá chừng, nó xê dịch hết sức chậm chạp nên rốt cuộc, bực quá hóa rồ, anh gom hết sức lực, liều mạng lao mình ra. Anh đã nhắm chệch hướng và va

đánh sầm vào thành cuối giường đau nhói, do đó anh biết phần dưới này của thân hình anh hiện có lẽ là vùng nhạy cảm nhất.

Anh bèn thận trọng nhích đầu về phía cạnh giường, thử cho phần trên của thân hình nhoài ra trước. Việc này hóa ra lại khá dễ dàng; bất kể tầm vóc đồ sộ, cồng kềnh, cuối cùng thân hình anh từ từ di dịch theo chuyển động của cái đầu. Tuy nhiên, khi đã nhô được qua cạnh giường rồi, anh lại thấy sợ không dám bước xa thêm. Vì nếu anh buông mình xuống đất theo lối này thì chỉ có phép mầu mới giữ cho cái đầu khỏi bị thương tích! Bằng mọi giá, anh không được bất tỉnh, nhất là ngay lúc này; anh thà nằm yên trên giường còn hơn!

Nhưng khi đã lập lại những động tác như vừa rồi để lết về vị trí ban đầu, anh nằm thở dài, nhìn những cẳng chân khẳng khiu của mình vùng vẫy, va đập nhau loạn xạ, và chẳng tìm ra cách nào để kiềm chế những chuyển động rối rắm, tùy tiện ấy. Anh lại tự nhủ: không thể nào cứ nằm mãi trên giường, con đường khôn ngoan nhất là đánh liều tất cả để giành lấy thoi thóp tia hi vọng thoát khỏi chiếc giường này. Đồng thời, anh vẫn không quên tự nhắc mình rằng một suy tính càng điềm tĩnh chừng nào càng nhiều lần tốt hơn những quyết định tuyệt vọng. Anh tập trung hết nhỡn lực nhìn ra cửa sổ, nhưng buồn thay, màn sương mù dày đặc ngoài kia, xóa nhòa ngay cả những ngôi nhà bên kia con phố hẹp, lại chẳng mang đến cho anh chút khích lệ, khuây khỏa nào. "Bảy giờ rồi mà sương mù còn dày đến thế." Và anh nằm yên một lát, thở nhè nhẹ như mong đợi một trạng thái thư giãn hoàn toàn như vậy có lẽ sẽ làm cho mọi sự trở lại bình thường đúng như trong thực tại.

Nhưng rồi anh tự nhủ: "Trước khi đồng hồ điểm bảy giờ mười lăm, mình phải bước hẳn ra khỏi cái giường này, nhất định thế. Dù sao, đến lúc đó thế nào cũng có người ở cửa hàng đến tận đây tìm mình vì cửa hàng bắt đầu mở từ trước bảy giờ kia mà". Và anh bắt đầu dịch người lắc lư toàn thân theo một nhịp điệu đều đặn, với ý định văng mình ra khỏi giường. Nếu anh làm theo cách đó thì có rơi xuống đất anh vẫn có thể giữ cho đầu

khỏi bị thương bằng cách vươn đầu thẳng lên kịp thời tránh không rơi. Lưng anh có vẻ rắn chắc lắm, không lí nào lại đau đớn vì một cái ngã từ trên giường xuống thảm. Băn khoăn lớn nhất của anh là không có cách nào ngăn được tiếng ầm khi rơi phịch xuống, tiếng động ấy có khả năng gây hoang mang, nếu không nói là kinh hoảng, cho những người đang ở phía sau các cánh cửa. Tuy nhiên anh vẫn phải liều thôi.

Khi nửa thân hình đã nhô ra ngoài giường - phương pháp mới này giống một trò chơi hơn là một nỗ lực vì anh chỉ cần lắc lư qua lại là dễ dàng nhích tấm thân của mình xê dịch theo chiều ngang - anh bỗng nhận ra mọi chuyện sẽ đơn giản biết bao nếu có người giúp anh. Anh nghĩ đến bố mình và con hầu: hai người mạnh khỏe sẽ thừa sức nâng anh dậy, họ chỉ việc thọc cánh tay dưới cái lưng khum tròn của anh, nhấc anh ra khỏi giường, khom người hạ anh xuống, rồi kiên trì thêm chút nữa giúp anh tự lật úp xuống sàn nhà, nơi mà anh hi vọng những cặp chân của mình sẽ tìm lại được chức năng phù hợp với chúng. Ôi chao, ngay cả khi những cánh cửa kia không khóa chặt, liệu anh có thật sự dám cầu cứu chăng? Dù đã lâm vào tình cảnh khốn khổ, anh vẫn không nén được một nụ cười trước ý nghĩ đó.

Anh đã trườn ra xa đến mức không thể nào giữ được thăng bằng nếu như anh lắc lư thật mạnh, và chẳng mấy chốc anh phải thu hết can đảm để chuẩn bị cho quyết định cuối cùng vì chỉ năm phút nữa là đến bảy giờ mười lăm rồi. Vừa lúc ấy, tiếng chuông ngoài cửa trước reo vang. "Chắc là người ở cửa hàng tới tìm mình," anh sợ hãi nằm đờ ra trong lúc những chiếc cẳng chân nhỏ xíu càng chòi đạp lung tung, cuồng loạn hơn nữa. Ở nhà ngoài vẫn yên lặng như tờ. "Họ sẽ không mở cửa đâu", Gregor tự nhủ, cố bám víu vào hi vọng vu vơ ấy. Nhưng rồi con hầu thế nào cũng bước thình thịch đi ra mở cửa như lệ thường. Chỉ cần nghe được tiếng chào đầu tiên của người khách Gregor biết ngay đó là ai - đích thị lão quản lí. Khổ thân tôi, đày đọa chi mà chui vào cái hãng này, sơ sót chút xíu là lập tức bị nghi

ngờ tai ác thế đấy! Chẳng lẽ tất cả nhân viên cửa hàng đều rặt một phường vô lại không hơn không kém hay sao, chẳng lẽ trong số đó lại chẳng có lấy một kẻ nào tận tụy, trung thành hay sao, một người dù có lỡ phí phạm một giờ của hãng nhưng vẫn bị lương tâm giày vò muốn phát điên lên thực sự không làm sao bước được xuống giường? Nếu cần tra vấn thì phái một tên tập sự đến đây cũng được rồi, việc gì mà lão quản lí phải đích thân tìm tới chứng tỏ cho cả gia đình, một gia đình vô tội, thấy rằng chỉ có lão mới thừa kinh nghiệm hơn ai hết để điều tra những chuyện đáng ngờ như thế này? Và chính những ý nghĩ bực dọc ấy - chứ không phải ý chí - đã thúc Gregor vùng hết sức mạnh bật tung thân xác ra khỏi giường, rơi đánh bịch một cái, song chưa thành tiếng ầm thực sự lớn. Tấm thảm đã phần nào giảm nhẹ cái ngã của anh, tấm lưng anh cũng không quá rắn như anh tưởng nên tiếng động gây ra không làm anh giật mình chú ý. Có điều anh đã không cẩn thận nhấc cao đầu lên đủ mức nên đã bị va chạm. Đau đớn và bực tức, anh xoay đầu chà xát trên mặt thảm.

"Có cái gì rơi ở trong kia", tiếng lão quản lí ở căn nhà bên trái.

Gregor hình dung lão một ngày nào đó cũng gặp phải những gì đã xảy đến với anh hôm nay: điều đó là có thể lắm chứ! Nhưng kìa lão quản lí đang nện bước thình thịch ở phòng bên như thô bạo trả lời điều giả định của anh; đôi ủng bằng da thuộc của lão rít lên kèn kẹt. Từ căn phòng phía bên phải, em gái anh thì thào báo tin cho anh: "Anh Gregor ơi, ông quản lí đến nhà ta đó". "Biết rồi",Gregor lẩm bẩm, anh không dám nói to sợ cô em nghe thấy. "Gregor" - giờ đến lượt bố anh từ căn phòng bên trái gọi sang, - "ông quản lí đã đến và muốn biết tại sao con không đón chuyến tàu sớm. Bố mẹ chẳng biết phải nói sao đây. Với lại, ông ấy muốn nói chuyện trực tiếp với con. Thôi, mở cửa ra đi con. Ông ấy chắc cũng thông cảm với sự bừa bộn trong phòng con".

"Xin chào anh Samsa", giọng điệu thân thiện của lão quản lí đang gọi Gregor. "Cháu nó ốm rồi", mẹ anh nói đỡ lời trong lúc

bố anh ở bên kia cánh cửa không ngừng thúc giục anh. "Hãy tin tôi, thưa ông, cháu nó ốm thật mà. Nếu không thì làm sao nó lại nhỡ chuyến tàu được! Thằng con tôi lúc nào cũng chỉ nghĩ đến công việc mà thôi. Thật tình, tôi muốn phát bực lên vì nó, tối nào cũng ru rú trong nhà chẳng chịu đi chơi đâu, nó về thành phố cả tuần nay mà chẳng tối nào nó bước chân ra khỏi cửa. Nó cứ ngồi im ở bàn đọc báo chí hay tra cứu mãi mấy cái bảng giờ tàu chạy, thưa ông. Trò tiêu khiển duy nhất của nó là ngồi loay hoay cưa cắt mảnh gỗ vụn. Đấy, nó bỏ hai, ba buổi tối để làm một cái khung ảnh bé bé, xinh ơi là xinh: ông mà nhìn thấy ắt phải kinh ngạc, cái khung ảnh đó treo trong phòng nó đấy, cháu Gregor mà mở cửa ra là sẽ trông thấy ngay. Ôi, nói thật tình, thấy ông đến tôi rất mừng; mình chúng tôi ắt chẳng làm sao dỗ được nó mở khóa cửa, nó bướng bỉnh thế đấy; tôi dám chắc cháu đau yếu gì đấy, mặc dù cháu lẽ ra không nên đau ốm vào sáng hôm nay". "Con sắp ra đấy mà", Gregor chậm rãi và thận trọng lên tiếng, không dám nhúc nhích mảy may, e bỏ sót một lời nào của cuộc đối thoại. "Tôi thấy không có cách giải thích nào khác, thưa bà", - lão quản lí nói. - "Tôi mong là anh ấy chỉ mệt xoàng thôi. Tuy nhiên, mặt khác, tôi cần nói rằng giới thương mại chúng tôi - may thay rủi thay - rất nhiều khi phải dẹp mọi cơn nhức đầu sổ mũi qua loa, bởi vì công việc cần phải có người chăm lo chứ". Bố Gregor lại gõ cửa phòng, sốt ruột hỏi: "Này, mày có để cho ông quản lí vào không thì bảo?". "Không", Gregor đáp. Tiếp theo lời khước từ ấy, một sự im lặng đớn đau bao trùm căn phòng bên trái, và trong căn phòng bên phải em gái anh bật khóc thổn thức.

Sao em gái anh không nhập bọn với những người kia nhỉ? Có lẽ cô ấy vừa mới rời khỏi giường và thậm chí còn chưa khoác áo xống vào người cũng nên. Hừ, nhưng sao nó lại khóc? Khóc vì anh không chịu đứng lên đón lão quản lí vào, vì anh có nguy cơ mất chỗ làm, và bởi vì lão chủ hãng sẽ lại đòi bố mẹ anh trả những món nợ cũ chăng? Chắc chắn đó là những điều người ta không cần phải lo lắng trong lúc này.

Gregor vẫn còn ở nhà và chẳng hề nghĩ đến chuyện bỏ bê gia đình. Còn bây giờ, ôi, anh đang nằm trên tấm thảm và nếu có ai biết được tình cảnh của anh thì không đời nào họ lại thúc bách anh phải ra mở cửa cho lão quản lí. Còn với cái chuyện khiếm nhã vặt vãnh này mà sau này anh có thể tìm cách giải thích hợp lí cho mọi người hiểu, thì đó nhất định không phải là cái cớ để người ta sa thải anh ngay lập tức. Gregor cảm thấy rằng mọi người nên để cho anh được tạm thời yên ổn hơn là phiền nhiễu anh bằng những giọt nước mắt cùng những lời nài nỉ. Nhưng đương nhiên là tất cả bọn họ đều hoang mang, bối rối và điều đó đã biện hộ cho thái độ của họ.

"Anh Samsa", - lão quản lí cất cao giọng hơn, - "anh làm sao thế? Ấy đấy, anh nằm lì trong phòng, khóa chốt cài then hết mọi cửa nẻo, trả lời độc là "ừ hữ" hoặc "không", gây cho bố mẹ mình bao lo phiền không cần thiết, và bỏ bê - tiện thể tôi nói qua thôi - đang bỏ bê bổn phận một cách kì quặc không sao tin nổi. Tôi nói đây nhân danh mẹ anh và ông chủ, và rất nghiêm chỉnh tôi yêu cầu anh giải thích ngay cho tôi thật cụ thể. Anh làm tôi kinh ngạc, kinh ngạc quá đấy! Tôi cứ tưởng anh là người điềm đạm, đáng tin cậy, thế mà đùng một cái, anh tự chường cái mặt nhục của anh ra. Sáng sớm nay, chính ông chủ đã nói bóng gió với tôi một lời giải thích khả dĩ về sự vắng mặt của anh đấy - ông ta muốn nói đến số tiền mặt đã được ủy thác cho anh gần đây - còn tôi thì suýt nữa đã trịnh trọng đem danh dự mình ra bảo đảm không thể có chuyện như thế. Nhưng bây giờ thì tôi biết anh lì lợm đến mức nào, thật không ngờ, tôi chẳng còn muốn bênh vực anh một chút nào nữa cả. Mà vị trí của anh trong cái hãng này có phải vững vàng như bàn thạch đâu. Tôi đến đây định nói riêng cho anh biết tất cả chuyện này, nhưng vì anh đang phí phạm thời giờ của tôi một cách vô ích nên tôi thấy chả có lí do gì mà không để bố mẹ anh nghe luôn thể. Thời gian vừa qua, anh làm việc hết sức kém, tất nhiên, chúng tôi thừa nhận thời kì này không phải là mùa làm ăn phát đạt, nhưng

cũng chẳng làm gì có mùa ngồi chơi xơi nước, không kinh doanh gì hết, anh Samsa ạ, không thể có được."

"Nhưng thưa ông, tôi sẽ mở ngay bây giờ mà," Gregor cuống quýt kêu lên và trong cơn xáo động anh quên hết mọi cái khác. "Một cơn bệnh nhẹ, một cơn chóng mặt đã khiến tôi không đứng dậy được. Tôi còn nằm trên giường đây. Nhưng tôi cảm thấy hồi lại rồi. Tôi đang ra khỏi giường đây. Xin khoan cho tôi vài phút nữa thôi! Tôi chưa được khỏe hẳn như tôi tưởng. Nhưng tôi không sao hết, thật đấy. Trời ơi, sao bỗng dưng lại giáng họa cho tôi thế này! Mới đêm hôm qua đấy thôi, tôi còn mạnh khỏe như thường mà, ông cứ hỏi bố mẹ tôi thì rõ. Đúng hơn, tôi đã hơi có linh cảm, hẳn tôi đã bộc lộ một vài dấu hiệu đau bệnh. Sao tôi lại chẳng báo cho cửa hàng biết trước! Nhưng ai mà chẳng cho rằng mình có thể vượt qua một cơn ốm vặt mà không cần phải nằm nhà. Ôi ông ơi, xin ông đừng làm cho bố mẹ tôi kinh hoảng! Những gì ông trách cứ tôi nãy giờ hoàn toàn vô căn cứ; chưa có ai nói gì với tôi về chuyện đó. Có lẽ ông chưa xem xét những đơn đặt hàng tôi đã nộp cho ông. Dẫu sao cũng còn chuyến tàu tám giờ, tôi đón tàu vẫn còn kịp mà, tôi đã đỡ nhiều sau mấy tiếng đồng hồ nghỉ ngơi. Ôi, xin đừng vì tôi mà ông phải chần chừ ở đây, thưa ông, tôi sẽ đến hãng làm việc ngay. Xin ông thương tình báo với ông chủ hộ tôi với và chuyển giúp lời xin lỗi của tôi!"

Trong khi tuôn hàng tràng lời lẽ lộn xộn mà hầu như không biết mình đang nói cái gì, anh đã bò đến chiếc tủ một cách dễ dàng, có lẽ là nhờ đã tập cử động chân từ lúc còn nằm trên giường, và bây giờ anh đang cố sức dựa vào tủ để dựng đứng thân hình lên. Anh thật lòng muốn mở cửa, thật lòng muốn lộ diện ra nói chuyện với lão quản lí, anh háo hức muốn thấy những kẻ đã khăng khăng buộc anh mở cửa sẽ nói sao khi nhìn thấy anh. Nếu họ kinh hoàng thì trách nhiệm sẽ không thuộc về anh nữa, và anh có thể ở yên tại nhà. Còn nếu họ bình tĩnh đón nhận sự việc thì anh cũng chẳng có lí do gì để họ sợ cuống cuồng và thực sự vẫn còn kịp đến ga đón

chuyến tàu tám giờ nếu như anh khẩn trương lên. Lúc đầu mặt tủ bóng loáng khiến anh tuột xuống mấy bận song cuối cùng anh vùng hết sức lực đứng thẳng lên được; anh chẳng để ý đến những cơn đau nhói buốt ở phần dưới thân thể của mình nữa. Kế đó, anh buông mình dựa vào lưng chiếc ghế gần bên, những cặp chân nhỏ bấu cứng vào thành ghế. Nhờ thế anh tự chủ trở lại và thôi không lên tiếng, vì bây giờ anh đã có thể lắng nghe lão quản lí đang nói.

"Bà có hiểu được một lời nào của anh ta không?" - lão ta hỏi mẹ anh, - "chắc chắn anh ta không định giễu cợt chúng ta đấy chứ?" Bà mẹ bật khóc: "Trời ơi, có lẽ nó đang ốm nặng mà chúng ta cứ hành hạ nó mãi. Grete? Grete?" bà thảng thốt gọi cô con gái. "Mẹ gọi gì ạ?" - tiếng em anh trả lời từ phía bên kia. Họ nói với nhau xuyên qua phòng Gregor. "Mày đi gọi bác sĩ ngay đi, con. Anh Gregor ốm nặng rồi. Đi mời bác sĩ nhanh lên đi. Mày có nghe tiếng anh mày nói ra làm sao rồi chớ con? Đó đâu phải tiếng người", - lão quản lí nói giọng nhỏ hẳn bên cạnh giọng the thé của mẹ anh. "Anna! Anna!" - bố anh vừa vỗ tay vừa gọi vọng xuống nhà bếp ở cuối hành lang, - "gọi thợ khóa ngay!" Anh nghe tiếng chân của hai cô gái chạy băng qua hành lang, tiếng váy sột soạt - sao em gái anh mặc đồ nhanh đến thế nhỉ? - và tiếng cửa trước mở toang. Không có tiếng đóng cửa lại, rõ ràng là họ đã bỏ mặc cửa nẻo mà chạy đi như người ta thường làm khi trong nhà vừa xảy ra tai họa lớn.

Nhưng Gregor lúc này đã bình tĩnh hơn nhiều. Ra là thế, người ta không còn hiểu được những lời anh thốt ra nữa, tuy rằng anh vẫn hiểu mình khá rõ ràng, thậm chí còn rõ ràng hơn trước kia, có lẽ đôi tai anh đã dần quen với âm thanh của lời mình nói. Dù sao đi nữa, mọi người cũng cho rằng anh đang bị làm sao đó và đang cần giúp đỡ. Cái cách họ tiến hành dứt khoát những biện pháp đầu tiên: cho gọi bác sĩ và thợ khóa khiến anh thấy mình được an ủi, anh thấy mình lại được lôi kéo trở về với thế giới con người và anh mong mỏi những kết quả tốt đẹp, hữu hiệu sẽ đến - nhờ cả ông thầy

thuốc lẫn bác thợ khóa chẳng cần phân biệt cụ thể giữa hai người. Chuẩn bị cho cuộc đối thoại quyết định sắp xảy ra, anh ho mấy tiếng để dọn giọng cho thật rành rõ, đương nhiên anh phải ho thật khẽ bởi vì cái âm thanh này - theo nhận xét của anh - quả là chẳng giống tiếng ho của con người chút nào. Trong lúc đó, gian phòng bên cạnh chìm trong im lặng hoàn toàn. Có lẽ bố mẹ anh cùng lão quản lí đang ngồi ở bàn thầm thì bàn chuyện, mà cũng có thể họ đang đứng tựa vào cửa phòng anh nghe ngóng. Gregor từ từ đẩy chiếc ghế về phía cửa, rồi buông ghế ra, bấu chặt lấy cánh cửa cho khỏi ngã - những gót chân tận cùng những chiếc cẳng khẳng khiu của anh hơi dinh dính - và anh tựa người vào cửa phòng để nghỉ. Sau đó, anh dùng mồm hì hụi cố xoay chìa khóa trong ổ. Khốn thay, anh nhận ra miệng mình dường như không còn chiếc răng nào - lấy gì mà kẹp chắc chiếc chìa khóa bây giờ? Nhưng mặt khác, đôi hàm của anh lại rất khỏe, nhờ đó anh có thể xoay được chiếc chìa trong ổ khóa, bất chấp việc đôi hàm của anh đang bị tổn thương ở đâu đó, vì từ trong mồm anh đã ứa ra một chất lỏng màu nâu, trào giàn giụa trên chiếc chìa khóa rồi nhỏ xuống sàn. “Lắng nghe này,” - tiếng lão quản lí thốt lên ở phía cửa bên kia, - “anh ta đang vặn chìa khóa kìa”. Đó là một lời khích lệ lớn lao đối với Gregor, nhưng đáng lẽ tất cả bọn họ đều phải hò reo cổ vũ anh mới phải chứ. Bố mẹ anh lẽ ra cũng phải động viên anh: “Cố lên, Gregor, cố lên đi con, bám vào chiếc chìa khóa đó đi!” Và với niềm tin là tất cả đang chăm chú theo dõi mọi nỗ lực của mình, Gregor liều mạng, gom hết sức lực nghiến chặt đôi hàm vào chiếc chìa khóa. Cùng với chiếc chìa khóa, anh xoay mình vòng theo ổ khóa, toàn thân chỉ níu vào bằng cái mồm, đẩy chìa khóa tới theo thao tác cần thiết rồi lại kéo nó xuống bằng toàn bộ trọng lượng cơ thể. Rốt cuộc ổ khóa nhượng bộ đánh “cách” một cái làm Gregor giật thót! Thở phào một tiếng nhẹ người, anh tự nhủ: “Thế là ta không cần tới bác thợ khóa nữa”, và anh tì đầu lên tay nắm cửa để mở rộng cửa phòng ra.

Vì anh phải kéo cánh cửa về phía trong nên những người đứng ngoài vẫn chưa nhìn thấy anh khi cửa đã thật sự rộng mở. Anh phải nhích từ từ vòng qua cánh cửa gỗ, rất thận trọng để khỏi té bật ngửa ngay trên ngưỡng cửa. Công việc gian nan này không cho phép anh có thời gian quan sát mọi điều khác và anh còn đang làm thế thì bỗng thấy lão quản lí rú lên "Asa!" - nghe như tiếng gió gào - bây giờ anh đã nhìn thấy lão ta, đứng gần cửa nhất, một bàn tay đưa lên bụm chặt lấy cái miệng há hốc và lão đang lùi lại, chậm chạp, như bị đẩy liên tục bởi một áp lực vô hình nào đó. Mẹ anh - mặc dầu có lão quản lí, vẫn để tóc xõa tung, rối bời - mới đầu xiết chặt bàn tay vào nhau, bối rối nhìn bố anh, rồi dợm bước về phía Gregor và ngã quỵ xuống sàn trên lớp váy xống xòe rộng, đầu cúi gục xuống ngực. Bố anh, mặt mày đầy vẻ hung tợn, nắm tay lại như muốn tống Gregor lộn nhào trở lại vào trong phòng, rồi ông lưỡng lự nhìn quanh và đưa hai tay lên bưng mặt khóc, lồng ngực rộng phập phồng theo từng tiếng nấc.

Gregor lúc này không ra phòng khách mà chỉ tựa vào phía sau phần cánh cửa còn chốt cứng, nên thân hình anh chỉ lộ ra ngoài một nửa, và cái đầu bên trên ngoẹo nghiêng qua để nhìn mọi người. Trời đã sáng hơn; anh có thể nhìn rõ phía bên kia đường dãy tường xám xịt dài bất tận của khu bệnh viện đối diện với những ô cửa trổ đều nhau; trời vẫn còn mưa, nhưng lưa thưa, thấy rõ từng giọt lớn rơi lộp độp. Những đĩa thức ăn bày la liệt trên bàn, vì điểm tâm là bữa ăn quan trọng nhất trong ngày đối với bố của Gregor - đó là khoảng thời gian mà ông có thể nấn ná hàng giờ liền để đọc đủ loại báo chí. Trên bức tường ngay trước mặt Gregor vẫn treo bức ảnh anh đã chụp lúc còn là trung úy trong quân ngũ, tay chống trên đốc kiếm, nụ cười ngang tàng trên môi, đòi gọi mọi người kính nể bộ quân phục và tác phong chiến binh của mình. Cánh cửa thông ra hành lang để ngỏ cho thấy cửa trước nhà cũng mở toang, thấy cả đầu cầu thang dẫn xuống dưới.

Biết chắc mình là kẻ duy nhất còn giữ được chút bình tĩnh,

Gregor nói: “Này nhé, để tôi thay áo quần lập tức, gói ghém mẫu hàng rồi lên đường ngay. Liệu có để cho tôi đi không? Ông thấy đấy, tôi đâu có ngoan cố, tôi muốn làm việc mà, đi lưu động là một lối sống cực nhọc nhất, nhưng tôi không thể sống thiếu nó. Ông đi đâu thế, ông? Đến văn phòng ư? Sao ạ? Liệu ông có tường trình trung thực chuyện này không? Con người ta có thể tạm thời bị tàn phế, nhưng đó chính là lúc cần nhớ lại trước kia người ấy đã làm việc đắc lực ra sao, cần tin rằng sau đó, khi hết bệnh, người ấy nhất định sẽ càng cần cù và chuyên tâm hơn trước nữa. Ông biết rõ tôi cúc cung tận tụy phục vụ ông chủ như thế nào rồi. Ngoài ra tôi còn phải phụng dưỡng bố mẹ và nuôi nấng đứa em gái. Tôi đang gặp khó khăn lớn, nhưng rồi tôi sẽ vượt qua. Bấy nhiêu cũng đủ gay rồi, xin ông đừng làm tôi khổ thêm. Ở hãng, xin ông bênh vực tôi, ông nhé. Tôi biết ở đó dân chào hàng không được ưa. Người ta cứ tưởng bọn tôi hốt bạc và chỉ vui chơi đú đởn mà thôi! Một định kiến phổ biến không sao thay đổi được. Nhưng thưa ông, ông thì chắc am hiểu vấn đề hơn là những người khác trong ban quản trị, vâng, xin phép được nói riêng với ông, ông còn am hiểu hơn cả chính ông chủ nữa đấy: là chủ hãng, ông ta dễ bị lung lạc bởi những nhận định thiếu sót của nhân viên. Nhưng ông thì ông thừa biết là cánh chào hàng cả năm trời vắng mặt ở sở, rất dễ dàng trở thành nạn nhân của những chuyện ngồi lê đôi mách, vận rủi và những lời than phiền vô căn cứ mà họ có hề hay biết chi đâu, trừ lúc họ trở về kiệt sức sau những chuyến đi giao dịch, và bấy giờ mới đích thân phải gánh chịu hết những hậu quả tai hại chẳng biết bắt nguồn từ đâu ra. Ông ơi, ông, xin ông đừng bỏ đi, không nói một lời với tôi để chứng tỏ ông nghĩ rằng tôi có lí, trong một chừng mực nào đó, phải không ông!?”

Nhưng Gregor vừa thốt ra mấy lời đầu tiên, lão quản lí đã lùi xa, mắt trừng trừng ngoái nhìn anh qua một bả vai giật thon thót, đôi môi hé mở. Và trong khi Gregor nói, lão ta chẳng hề đứng yên lấy một phút mà cứ len lén nhích dần

từng tí ra cửa, mắt vẫn dán chặt vào Gregor như đang tuân theo một mệnh lệnh bí mật nào đó bắt lão phải rời khỏi phòng. Lão đã tới hành lang và nhảy bước cuối cùng ra khỏi phòng khách đột ngột đến mức người ta tưởng đâu gót chân lão vừa bị bỏng. Ra đến đầu hành lang, lão vươn thẳng cánh tay phải ra phía trước về hướng cầu thang tựa hồ một sức mạnh siêu nhiên đang chờ sẵn ở đó để cứu vớt lão.

Gregor thấy nhất thiết không thể để lão quản lí bỏ đi trong tâm trạng như thế nếu anh không muốn địa vị mình trong hãng bị đe dọa đến cực độ. Bố mẹ anh đâu có hiểu rõ sự tình; cùng với năm tháng trôi qua, họ cứ đinh ninh rằng Gregor sẽ suốt đời ở hãng buôn anh đang làm việc; vả lại, họ quá bận tâm với những lo toan trước mắt nên chẳng còn tâm trí nào mà tiên liệu chuyện mai sau. Nhưng Gregor đã lường trước mọi điều. Phải cầm chân lão quản lí lại, phải vỗ về lão, thuyết phục lão và cuối cùng phải tranh thủ được lão; tất cả tương lai của Gregor cùng gia đình anh đều tùy thuộc vào đó! Giá mà có em gái anh ở đây! Cô ấy quả thông minh, cô ấy đã bật khóc khi Gregor còn nằm ngửa trên giường. Và nếu cô có nhà, chắc hẳn lão quản lí, vốn rất nữ khuynh, đã siêu lòng; cô ắt đã đóng cửa ngăn lão lại và trấn an cho lão bớt kinh hoảng. Nhưng cô ấy lại chẳng có mặt trong lúc này và có lẽ Gregor phải tự mình xử lí tình huống. Thế là Gregor buông cánh cửa, dẫn mình qua khoang cửa mở, quên bẵng rằng anh vẫn chưa biết rõ khả năng chuyển động của mình, thậm chí cũng chẳng nhớ là rất có thể chẳng ai hiểu nổi những lời anh nói; anh dợm bước về phía lão quản lí đang cuống quýt bíu chặt cả hai tay vào lan can trên thềm cầu thang. Nhưng ngay khi còn đang sờ soạng tìm điểm tựa thì anh đã đổ ềnh trên cả mớ chân cẳng chi chít, miệng thốt lên một tiếng kêu khẽ; vừa ngã sấp xuống là Gregor thấy thoải mái liền - cảm giác dễ chịu đầu tiên anh thụ hưởng từ sáng đến giờ: anh vui mừng nhận thấy những cặp chân trụ vững vàng, hoàn toàn tuân theo anh; thậm chí chúng cùng ráng sức chở anh tiến theo bất kì hướng nào anh muốn; và Gregor sẵn sàng tin rằng mọi

nỗi khổ của anh, cuối cùng sắp vơi nhẹ đi. Nhưng cùng lúc anh thấy mình nằm bò trên sàn cách mẹ anh không xa - thực tế là ngay trước mặt bà - thân hình đung đưa cố nén niềm háo hức muốn di động, thì bà mẹ, tưởng đã lịm hoàn toàn, bỗng vùng đứng phắt dậy, chìa tay ra rú lên: "Cứu tôi với, lạy Chúa!" Bà cúi đầu như thể muốn nhìn rõ Gregor hơn nhưng chân cứ bước lùi mãi về phía sau. Quên rằng sau lưng mình là chiếc bàn đầy thức ăn, mẹ anh hấp tấp ngồi phịch lên trên như kẻ đãng trí, dường như không hề hay biết rằng chiếc bình lớn đựng cà phê phía sau đã bị bà hất đổ, cà phê chảy ròng ròng xuống tấm thảm.

"Mẹ ơi, mẹ ơi", Gregor vừa khe khẽ gọi vừa ngước nhìn bà. Trong giây lát lão quản lí hoàn toàn mất hết cảm giác, nhưng khi trông thấy dòng cà phê chảy, lão không sao ngăn nổi mình tợp tợp mấy ngụm không khí, khiến mẹ anh lại rú lên lần nữa, rời bàn chạy ào đi, và ngã vào vòng tay bố anh vừa hối hả lao tới đỡ. Nhưng Gregor chẳng có thì giờ dành cho bố mẹ; lão quản lí đã bắt đầu xuống cầu thang rồi; tì cằm trên thành lan can, lão ngoái nhìn lại lần cuối. Gregor nhảy vọt tới để bảo đảm đuổi kịp lão ta nhưng lão quản lí hẳn đã đoán được ý định của anh: lão nhảy ào xuống mấy bậc thang liền và biến mất để lại một tiếng thét vang dội khắp thang lầu. Rủi thay, bố Gregor, trước đó tương đối giữ được bình tĩnh, giờ bỗng đâm ra bối rối trước sự bỏ chạy của lão quản lí, bởi vì đáng ra phải chạy theo lão, hay chí ít cũng đừng cản trở không cho Gregor đuổi theo, thì ông lại quơ tay phải nắm lấy chiếc can (của lão quản lí bỏ quên trên ghế) cùng với chiếc mũ và áo khoác, tay trái vớ một tờ báo khổ lớn trên bàn ăn và vừa giậm chân vừa khoa cả gậy lẫn tờ báo xua Gregor về lại phòng mình. Gregor nài nỉ thế nào cũng vô ích, vả chăng bố anh cũng chẳng hiểu anh muốn gì; anh càng cúi đầu nhẫn nhục chừng nào thì bố anh lại càng nện chân xuống sàn ầm ĩ hơn nữa. Sau lưng bố anh, bà mẹ đã mở toang một cửa sổ bất kể tiết trời giá lạnh và bà đang giấu mặt trong hai bàn tay, vươn người ra ngoài. Một cơn gió mạnh từ ngoài đường lùa vào

cầu thang, những tấm màn cửa sổ bay tung, mấy tờ báo trên bàn lật phật, và vài trang báo bị cuốn lên trên sàn. Không chút thương tình, bố Gregor vừa xua anh về phòng vừa kêu rít lên "Xéo đi! Xéo đi!" như một kẻ man rợ. Nhưng Gregor vẫn chưa quen với cách bước lui; đi giật ngược như thế này hết sức chậm chạp. Giá như anh có cơ hội để quay vòng lại, anh có thể phóng ngay về phòng, song anh sợ việc xoay trở chậm chạp sẽ khiến bố anh càng nổi điên và bất cứ lúc nào cây gậy trong tay ông cũng có thể giáng cho anh một đòn chí mạng vào lưng hay vào đầu. Nhưng cuối cùng anh bắt buộc phải quay người lại chứ không còn cách nào khác, bởi vì anh kinh hoàng nhận ra: trong khi đi thụt lùi thì ngay cả phương hướng anh cũng không thể điều khiển như ý mình muốn; và thế là ngoái đầu ra sau, luôn luôn lo lắng để mắt dò chừng mọi cử chỉ của ông bố, anh bắt đầu xoay người càng nhanh càng tốt, nhưng thực tế lại rất chậm. Có lẽ bố anh cũng thấy rõ ý định tốt của anh, vì ông không can thiệp ngoại trừ đôi lúc ông đứng ngoài xa đưa đầu gậy giúp anh thực hiện thao tác. Giá ông ấy thôi đừng rú rít khó chịu như thế! Những tiếng ấy làm anh mất bình tĩnh. Anh đã quay gần trọn vòng thì tiếng rít của bố lại khiến anh quẫn trí đến mức anh lại xoay lệch hướng một chút. Tuy nhiên, khi cái đầu của anh cuối cùng cũng may mắn quay đúng ngay ngưỡng cửa thì anh lại thấy thân mình quá đồi kềnh càng không sao qua được khoang cửa mở. Bố anh trong tâm trạng hiện nay đương nhiên không thể nào bình tâm nghĩ đến việc mở nốt phần cánh cửa bên kia cho Gregor có đủ chỗ bò vào. Ông chỉ một mực nghĩ đến chuyện xua Gregor bò vào trong phòng nhanh chừng nào hay chừng ấy. Ông ắt không chịu để yên cho Gregor chậm chạp chạy xoay xở cho thân xác anh dựng đứng lên và thận trọng lách nghiêng qua khung cửa. Hình như lúc này ông còn kêu rú lên ầm ĩ hơn trước để thúc giục Gregor tiến tới làm như chẳng có chướng ngại nào cản trở anh vậy; đối với Gregor thì dù sao cái tiếng động sau lưng anh không còn giống tiếng nói của một người

cha; thật sự đấy chẳng phải trò đùa và Gregor dấn mình vào khuôn cửa - thôi thì muốn ra sao thì ra. Một bên mình anh dựng lên, thân hình anh nằm thành một góc nghiêng trong khung cửa, mạng sườn bầm dập, những vết ươn ướt kinh rợn làm hoen ố cánh cửa trắng, anh bị kẹt cứng ngay sau đó, bất lực, không thể nào nhúc nhích một li, những cẳng chân phía bên sườn nhô cao ngọ nguậy, run rẩy trong không khí, những cẳng chân ở phía sườn kia bị đè cứng xuống sàn đau điếng - trong khi bố anh từ đằng sau thúc mạnh vào lưng anh, đó đúng là cú đẩy giải thoát! Và anh bay vọt vào trong phòng, tuôn máu đầm đìa, cây gậy của bố anh đóng sầm cửa phòng lại rồi cuối cùng là im lặng.

CHƯƠNG II

Mãi đến chập tối Gregor mới tỉnh giấc, một sự thiếp đi mê mệt giống một cơn ngất hơn là một giấc ngủ. Giá như không có ai quấy rầy anh, thì chỉ một lúc nữa thôi anh vẫn tự động thức dậy, vì cảm thấy đã ngủ được một giấc khá ngon lành, nhưng anh thấy hình như tiếng chân bước nhẹ của ai đó và tiếng cánh cửa thông ra hành lang thận trọng khép lại đã đánh thức anh. Ánh đèn điện ngoài đường hắt vào phòng anh những vệt sáng rải rác trên trần nhà và trên bề mặt của các đồ vật, nhưng phía dưới, nơi anh nằm, thì tối mò. Chậm chạp, vụng về, anh thử vươn mấy sợi râu dài trên đầu dò đường, một bộ phận mới trên người của Gregor mà bây giờ anh mới đánh giá được tác dụng; anh lết ra cửa để xem những gì đã diễn ra ngoài kia. Anh cảm thấy mạng sườn bên trái như có

một vết sẹo dài, căng căng đến khó chịu, và thực tế anh đâm ra khập khiễng trên hai hàng chân. Thêm vào đó, một chiếc chân nhỏ đã bị thương tổn trầm trọng trong khi xảy ra những sự kiện sáng hôm nay - náo loạn thế mà chỉ hư có một cẳng thì kể cũng là kì diệu - và nó kéo lết vô dụng đằng sau anh.

Ra đến cửa anh mới khám phá ra điều gì đã lôi cuốn anh thật sự: mùi thức ăn. Bởi vì nằm ngay ngưỡng cửa là một chậu sữa tươi trên mặt nổi lềnh bềnh những mẩu bánh mì trắng xé nhỏ. Suýt nữa anh đã cười phá lên vui sướng vì hiện giờ anh còn đói hơn cả lúc sáng, và anh vục đầu vào chậu, sữa ngập tận chân mày. Nhưng anh liền rụt đầu ra ngay, đầy thất vọng; không những mạng sườn bên trái đau nhức làm anh khó nuốt - anh chỉ có thể ăn bằng cách hít khìn khịt và toàn thân cùng rung động - mà anh còn chán món sữa này, tuy rằng sữa vốn là thức uống ưa thích nhất của anh và chắc chắn là vì thế nên em gái anh mới đặt sẵn ở đó cho anh. Gần như kinh tởm, anh bỏ mặc chậu sữa đầy nguyên, bò trở vào giữa phòng.

Qua khe cửa, anh nhìn thấy ngọn đèn khí đốt trong phòng khách đã được thắp sáng nhưng khác với mọi khi bố anh thường có thói quen lớn giọng đọc báo cho mẹ và đôi khi cho cả em anh nghe nữa, lúc này phòng khách im lặng như tờ. Chà, có lẽ bố anh dạo này đã bỏ thói quen đọc báo lớn tiếng rồi, cái thói quen mà em anh thường nhắc tới những khi trò chuyện hay thư từ với anh. Nhưng khắp bốn bề cũng đều tĩnh lặng như vậy, mặc dù căn nhà này rõ ràng không phải trống vắng người ở! Gregor nghĩ thầm: “Nhà ta sao lại sống trầm lặng quá vậy”, và khi anh đứng bất động đăm đăm nhìn vào bóng tối, anh cảm thấy tự hào hết sức bởi vì nhờ anh mà bố mẹ cùng em gái mới có thể sống bình yên trong một căn hộ xinh xắn như thế này. Nhưng nếu tất cả sự an bình này, sự tiện nghi này, sự thỏa mãn này rồi phải chấm dứt trong nỗi kinh hoàng thì sao? Để tránh chìm ngập trong những ý nghĩ u ám đó, Gregor cố tìm quên bằng cách bò ngang dọc khắp phòng.

Một lần trong buổi tối lê thê này, một bên cánh cửa hông mở hé ra rồi vội vã đóng ập lại ngay; sau đó, cánh bên kia cũng thế; rõ ràng có ai đó định bước vào nhưng rồi đổi ý. Gregor bấy giờ đứng phục ngay trước cửa thông sang phòng khách, quyết tâm thuyết phục người khách lưỡng lự đó bước vào, hay chí ít phải biết được kẻ đó là ai: nhưng cửa không xịch mở ra nữa và anh vô vọng đợi chờ. Lúc sáng sớm, khi mọi cửa nẻo đều khóa kĩ thì ai cũng đòi vào, còn bây giờ khi anh đã tự mở một bên cánh cửa và rõ ràng bên kia cũng đã có người mở khóa từ lúc chưa tối thì chẳng một ai bước vô; thậm chí những chìa khóa còn cắm ở phía bên kia những cánh cửa.

Mãi đến thật khuya ngọn đèn ngoài phòng khách mới tắt đi, và Gregor dễ dàng đoán ra bố mẹ anh và cô em cùng ngồi thức ở đó cho đến giờ, bởi vì anh nghe rõ tiếng chân rón rén của cả ba đang rút lui về phòng riêng. Nhất định là từ giờ đến sáng sẽ chẳng có ai vào thăm anh đâu; như vậy sẽ có nhiều thời gian cho anh tha hồ mà suy ngẫm làm sao để thu xếp cuộc đời mới của mình. Nhưng căn phòng trống trải, cao vòi vọi mà anh đang nằm bẹp trên sàn lại khiến lòng anh tràn đầy một nỗi sợ hãi không sao giải thích nổi vì đây chính là phòng riêng của anh suốt năm năm qua; và trong một hành động gần như vô ý thức, đồng thời không khỏi hơi xấu hổ, anh bò vội xuống gầm ghế xôpha ở đó. Anh lập tức cảm thấy tiện nghi mặc dầu lưng hơi bị ép và đầu không cất ra được; chỉ tiếc là thân hình anh quá kềnh càng không lọt hết vào gầm chiếc tràng kỉ này.

Anh nằm đó suốt đêm, chập chờn ngủ, chốc.chốc lại choàng tỉnh vì cơn đói không ngừng quấy rối anh, có lúc lại trằn trọc lo âu và phác họa những hi vọng vu vơ mà tất cả đều dẫn đến một kết luận: trong tình hình hiện tại, anh phải nằm phục chờ cơ hội đồng thời nhẫn nại và hết sức ý tứ để giúp gia đình chịu đựng những điều bất tiện mà cái thân xác mới của anh tất sẽ gây ra.

Tinh mơ hôm sau, trời vẫn còn tối đen, Gregor đã có dịp thử

thách cường độ những quyết tâm mới của mình. Em gái anh, gần như đã ăn vận chỉnh tề, từ ngoài hành lang mở cửa phòng anh ghé mắt nhìn vào. Cô không trông thấy anh ngay, nhưng khi thoáng nhận ra bóng anh dưới gầm ghế xôpha - trời ơi, anh phải nấp đâu đó chứ làm sao mà bay đi đâu được, phải không? - thì cô giật mình đóng sầm cửa phòng lại không sao kìm được. Nhưng rồi như dường ân hận vì hành động ấy, cô liền mở cửa và nhón chân bước vào chẳng khác nào cô ta đang viếng thăm một người tàn phế hay thậm chí một kẻ xa lạ. Gregor thò đầu ra tới mép xôpha, quan sát. Chẳng biết nó có để ý thấy mình để lại nguyên chậu sữa - mà đâu phải vì không đói - và có đem đến một thứ thực phẩm nào khác hợp khẩu vị mình hơn hay không? Nếu em gái anh không tự ý thức được điều này thì anh thà chết đói còn hơn là lôi cuốn sự chú ý của cô, mặc dù một động lực điên cuồng đang thôi thúc anh lao vọt ra, phủ phục dưới chân cô và xin một thức ăn nào đó. Nhưng em gái anh lập tức kinh ngạc nhận ra chậu sữa vẫn đầy nguyên chỉ sánh một tí ra quanh miệng, cô tức khắc nhấc nó lên, thực ra không phải bằng tay không mà lót một mảnh vải rồi mang đi. Gregor hết sức tò mò muốn biết em mình sẽ mang món gì vào thay, và anh cứ tưởng tượng đủ thứ. Tuy nhiên anh không đoán ra việc làm thực tế sau đó xuất phát từ trái tim nhân hậu của người em gái, để tìm hiểu anh thích món gì, cô đã mang vào nhiều thứ khác nhau, tất cả bày ra trên một tờ báo cũ. Này là rau cải đã héo úng; này là những mẩu xương thừa của bữa ăn tối qua với thứ nước xốt trăng trắng rưới ở trên đã đặc sệt lại; còn đây là ít hạnh nhân và nho khô; đây là một miếng pho mát mà Gregor tin chắc rằng đã hư ôi từ mấy ngày trước; thêm vào đó là một khoanh bánh mì khô rắn, một khoanh bánh mì phết bơ, và một khoanh bánh mì nữa vừa phết bơ vừa rắc muối. Ngoài mọi thứ đó, cô gái lại đặt cái chậu ban nãy, nhưng thay vì sữa cô đã đổ ít nước lã vào; rõ ràng cô đã dành riêng chậu này dùng cho anh. Và rất tế nhị, biết Gregor ắt không chịu ăn khi có mặt mình, cô vội rút lui, lại còn xoay chìa khóa cửa để cho anh hiểu rằng anh

tha hồ muốn ăn bao nhiêu cũng được. Tất cả những cẳng chân của Gregor phóng về phía thức ăn. Hơn nữa những vết thương của anh chắc đã khỏi hẳn vì anh không hề cảm thấy biểu hiện tàn phế nào, điều này làm anh ngỡ ngàng và nhớ lại hơn tháng trước một ngón tay của anh bị dao cắt phạm chút ít thế mà vết thương lại hành anh đau nhức mãi đến hôm kia mới dứt. Chẳng lẽ bây giờ mình đã bớt nhạy cảm đi ư? Anh nghĩ thầm và vội vã dúi mồm vào miếng pho mát, cái món lập tức lôi cuốn anh mạnh mẽ nhất trong tất cả các thức ăn trên tờ báo. Mắt rưng rưng những giọt lệ thỏa mãn, anh cuống quýt nuốt lấy nuốt để hết miếng nẫy đến miếng khác, nào pho mát, nào rau, nào nước xốt, trái lại, những thức ăn tươi lại chẳng có sức hấp dẫn nào đối với anh, thậm chí anh còn không chịu nổi mùi của nó và phải kéo những món anh có thể ăn được ra xa một chút. Anh đã ăn xong bữa từ lâu và đang nằm ngay đó thì em gái anh chầm chậm xoay chìa khóa như để báo hiệu cho anh rút lui. Anh dậy ngay tức khắc, dù đã sắp ngủ, và lại hối hả chui vào gầm ghế xôpha. Song anh phải hết sức tự kiềm chế mới có thể nằm yên dưới gầm tràng kỉ tuy rằng em gái anh chỉ vào phòng không bao lâu, bởi vì bữa ăn dồi dào đã làm thân hình anh trương phồng lên thêm khiến anh bị lèn chặt rất khó thở. Gần chết ngộp, mắt lồi ra, anh quan sát cô em thản nhiên vung chổi quét sạch không những các món anh ăn còn thừa mà cả những thức anh chưa động tới như thể các món ấy giờ đây không còn ích lợi gì cho ai, và cô hối hả xúc hết mọi thứ đổ vào một chiếc xô, dùng nắp gỗ đậy lại và xách đi. Cô vừa quay lưng là Gregor đã bò ngay ra khỏi gầm ghế.

Hằng ngày, Gregor được cho ăn theo lối đó, một lần vào mờ sáng khi bố mẹ anh và con hầu còn ngủ, và lần thứ hai sau khi mọi người đã xong bữa trưa, bởi vì khi đó bố mẹ anh đã về phòng nghỉ và em gái anh có thể sai con hầu ra phố chạy việc vặt này nọ. Dĩ nhiên đâu phải là họ muốn bỏ đói anh nhưng có lẽ họ chỉ cần nghe nói anh vẫn được ăn là đủ chứ biết thêm về chuyện đó thì chịu không nổi, cũng có thể là em gái

muốn giảm bớt lo âu cho bố mẹ được chừng nào hay chừng nấy, vì cứ như hiện nay họ cũng đủ khổ sở rồi.

Gregor không cách nào khám phá được gia đình anh đã viện cớ gì để tống khứ ông bác sĩ lẫn bác thợ khóa vào buổi sáng đầu tiên, bởi lẽ do không ai hiểu được lời anh thành thử mọi người, kể cả em gái anh, đều không ngờ rằng anh vẫn hiểu tiếng người, cho nên mỗi lần em anh bước vào phòng, anh phải cam lòng nghe cô thỉnh thoảng thốt ra một tiếng thở dài hay một lời khẩn cầu với các vị thánh mà thôi. Về sau, khi cô đã hơi quen với tình trạng này - đương nhiên làm sao cô hoàn toàn quen hẳn được, - đôi lúc cô lại buột miệng nhận xét vài câu hàm ý tốt đẹp hay có thể diễn dịch theo nghĩa tốt đẹp. Chẳng hạn như cô thường nói "A, anh ấy thích bữa ăn hôm nay" khi nào Gregor ngốn sạch thực phẩm của anh, hoặc cô lại rầu rĩ bảo "Món nào cũng còn nguyên như cũ" những khi anh không ăn - điều này ngày càng xảy ra thường xuyên hơn.

Nhưng mặc dù Gregor không hề thu nhập được tin tức nào trực tiếp cả, anh vẫn nghe lỏm được nhiều chuyện qua những lời bàn tán ở các phòng bên cạnh, và hễ nghe thấy tiếng nói là anh bò ngay tới trước cánh cửa căn phòng có người trò chuyện, nép sát thân hình vào đấy lắng nghe. Đặc biệt trong mấy ngày đầu, không có câu chuyện nào không nhắc đến anh, bằng cách nào đó dù là gián tiếp. Suốt hai ngày, cứ mỗi bữa ăn gia đình lại hội ý về những gì cần phải làm, và vấn đề đó vẫn được bàn cãi cả trong thời gian giữa hai bữa ăn, vì bao giờ cũng có ít nhất là hai người ở nhà - hẳn không ai muốn một mình trong căn hộ và cũng không thể nghĩ đến chuyện bỏ mặc nhà cửa trống không được. Và ngay hôm đầu tiên, bà bếp trong nhà anh quỳ mọp trước mặt mẹ Gregor van vỉ xin thôi việc - không rõ bà ấy biết gì về chuyện xáo trộn của gia đình anh và biết đến mức nào - rồi mười lăm phút sau đó khi ra đi, bà bếp nước mắt rưng rưng cám ơn như thể chuyện nghỉ việc này là một ân huệ tột cùng mà bà đã được chiếu cố, và bà ta cũng thề thốt, dù không ai thúc bách, sẽ không hề hé răng cho bất kì ai hay biết chuyện gì đã xảy đến với gia đình anh.

Thế là em gái Gregor phải lo luôn chuyện bếp núc để giúp đỡ mẹ, nhưng thật tình, chuyện nấu nướng không đáng bận tâm vì họ nào có ăn uống chi nhiều. Lúc nào Gregor cũng nghe thấy người này phí hơi thúc giục người kia ăn mà chẳng được trả lời gì khác ngoài "Cám ơn, tôi đủ rồi", hay một câu tương tự. Có lẽ họ cũng không uống gì cả cũng nên. Em gái anh cứ hỏi đi hỏi lại bố anh xem ông thích dùng ít bia chăng và ân cần đề nghị sẽ đích thân cô đi kiếm, rồi khi không thấy bố anh nói năng gì, cô lại ngỏ ý sẽ nhờ ông gác dan đi mua hộ để bố anh khỏi cảm thấy bị ràng buộc, nhưng đến lúc bố anh thốt ra một tiếng "Không" cộc lốc thì không ai nói gì về chuyện ấy nữa.

Ngay trong hôm đầu tiên, bố Gregor đã giải thích cho mẹ và em gái anh biết tình trạng tài chính của gia đình cùng những triển vọng trước mắt. Thỉnh thoảng ông lại rời bàn đi lấy những chứng từ sổ sách trong chiếc tủ sắt nhỏ ông còn vớt vát giữ lại được kể từ lúc chuyện làm ăn của ông suy sụp năm năm về trước. Anh nghe rõ tiếng ông mở chiếc ổ khóa phức tạp, lôi giấy tờ ra loạt soạt, lôi ra, rồi lại đóng cửa tủ lại. Lời tuyên bố ấy của bố anh là tin tức vui mừng đầu tiên Gregor nghe được từ lúc anh sống biệt lập trong phòng mình. Lâu nay anh cứ ngỡ bố mình đã hoàn toàn khánh kiệt, ông cụ cũng không hề nói gì ngược lại và anh, hẳn nhiên, không đời nào hỏi thẳng bố mình về chuyện này. Vào dạo đó, ao ước duy nhất của Gregor là làm hết sức mình để giúp gia đình nhanh chóng lãng quên cái tai họa đã phá tan tành công việc kinh doanh của ông bố và ném tất cả vào cảnh tuyệt vọng hoàn toàn. Cho nên anh đã lao đầu vào công việc với một nhiệt tình phi thường và gần như ngay sau đó, thay vì làm một nhân viên quèn, anh đã trở thành một người chào hàng mà đồng lương của nghề này, tất nhiên, khác hẳn - và thành công của anh tức khắc biến thành những đồng tiền tròn trĩnh, xinh xắn mà anh đặt trên bàn trước ánh mắt kinh ngạc và vui sướng của gia đình. Những dịp tốt đẹp đó chẳng bao giờ lặp lại, nếu có thì cũng mất hết hào quang ban

đầu, cho dù sau đó Gregor kiếm được nhiều tiền đến mức anh đủ khả năng cung ứng mọi chi phí của cả nhà và đã thực sự làm thế. Mọi người đã dần quen với điều này một cách đương nhiên, cả gia đình lẫn Gregor. Những đồng tiền được đón nhận với lòng biết ơn và được ban phát với niềm vui sướng, nhưng nào còn nữa cái tình cảm nồng nhiệt đặc biệt trào dâng như hồi đầu. Chỉ riêng với người em gái là anh còn giữ vẹn thân tình, và anh đã bí mật hoạch định cho cô em, một người yêu âm nhạc (trái hẳn với anh) và chơi đàn vĩ cầm rất truyền cảm, sẽ được đi học ở Nhạc viện vào năm tới, cho dù phí tổn có nặng nề tới đâu anh cũng có thể xoay xở được. Những lần về thăm nhà ngắn ngủi, anh thường nói với cô em về chuyện Nhạc viện, nhưng luôn luôn coi điều đó như một giấc mơ đẹp có lẽ không bao giờ thành sự thật, và bố mẹ anh thì cả đến những lời nhắc nhở hồn nhiên đến chuyện ấy, cũng gạt phắt. Nhưng Gregor đã quyết chí thực hiện bằng được và đã định tuyên bố những dự tính rất khả quan của anh với sự trang trọng thích hợp vào Lễ Giáng sinh năm nay.

Đó là những ý nghĩ, giờ đây hoàn toàn hão huyền, lướt qua tâm trí Gregor khi anh dựng đứng thân hình bấu chặt vào cánh cửa nghe ngóng. Có lúc chán ngấy, anh chẳng buồn nghe nữa và uể oải rũ đầu chạm vào cửa, nhưng luôn luôn phải định thần lại ngay, vì chỉ một tiếng động nhỏ do đầu anh tạo nên, phòng bên cũng nghe thấy và lập tức họ sẽ im bặt. Rồi bố anh ắt hẳn sẽ quay về hướng phòng anh, hỏi bâng quơ: "Nó đang làm cái gì thế nhỉ?", chỉ đến khi đó, cuộc đàm luận vừa bị gián đoạn mới dần dần được tiếp nối.

Gregor bấy giờ đã biết được mọi tin tức anh mong muốn - vì bố anh thường nhắc đi nhắc lại những lời giảng giải của ông, phần vì ông từ lâu đã bỏ bẵng không đụng đến những vấn đề ấy, phần vì mẹ anh đâu phải bao giờ cũng hiểu ra ngay được - anh đã biết rằng một số tiền đầu tư nào đó, đành rằng rất nhỏ, còn sót lại sau cuộc phá sản và thậm chí còn tăng lên đôi chút vì phần lãi trong thời gian qua không bị động tới.

Ngoài ra, số tiền Gregor mang về mỗi tháng - anh chỉ giữ lại chút ít cho riêng mình - gia đình anh chưa lần nào tiêu dùng hết và đến nay đã tích luỹ thành một vốn liếng nho nhỏ. Đằng sau cánh cửa, Gregor hí hửng gật gật đầu, vui mừng trước sự tằn tiện và lo xa của ông bố, một điều anh không ngờ tới. Đáng lí ra với món tiền phụ trội này, anh đã có thể trả bớt một phần số nợ bố anh còn thiếu lão chủ, và sẽ tới gần cái ngày anh có thể bỏ cái nghề này, nhưng bây giờ rõ ràng anh thấy bố anh sử dụng tiền như thế hóa ra lại hay hơn.

Tuy nhiên, số vốn này không cách gì đủ cho gia đình anh sống mãi trên lợi tức của nó; có lẽ chỉ một năm hay cùng lắm là hai năm rồi họ sẽ phải lấy vốn gốc ra mà tiêu dùng, thế là hết. Số tiền này chắc chắn gia đình anh không được động tới mà phải để dành nhỡ khi cùng kiệt; phải kiếm những món khác mà chi tiêu hàng ngày. Bố anh hiện giờ tuy còn khỏe mạnh thật nhưng tuổi đã cao rồi, suốt năm năm qua ông không làm một công việc nào hết và không thể trông chờ ông làm lụng gì nhiều; trong năm năm ấy - những năm nhàn hạ đầu tiên trong cuộc đời lao lực nhưng không thành đạt của ông - bố anh đã phát phì ra và trở nên chậm chạp. Còn bà mẹ của Gregor thì làm sao có thể kiếm sống với chứng hen suyễn hành bà ngay cả khi đi lại trong phòng và cứ cách một hôm lại bắt bà nằm dài trên tràng kỉ thở hổn hển bên khung cửa sổ mở rộng? Và em gái anh có thể làm lụng kiếm miếng ăn được chăng trong khi nó chỉ mới mười bảy tuổi đầu, khờ khạo như con nít, cả đời chỉ biết ăn sung mặc sướng, ngủ cho đẫy giấc, phụ giúp việc nhà, thỉnh thoảng ra phố giải trí, và mê nhất là chơi đàn vĩ cầm? Thoạt đầu, hễ nghe nhắc đến việc cần thiết phải kiếm tiền là Gregor lại buông cánh cửa, gieo mình xuống chiếc tràng kỉ bọc da bên cạnh, và anh nằm gục ở đó, lòng bừng bừng day dứt vì khổ đau và nhục nhã.

Nhiều đêm anh chỉ nằm trằn trọc trên tràng kỉ không hề chợp mắt, hàng giờ liền cào cấu vào lớp nệm da. Hoặc anh vận hết sức lực đẩy một cái ghế bành lại gần cửa sổ rồi anh

bò lên thành cửa sổ, bám cứng vào ghế, tì mình vào những vuông cửa kính mà hồi tưởng lại cái cảm giác tự do mà ngày xưa bao giờ anh cũng thấy rộn lên khi ngắm nhìn khoảng trời ngoài cửa sổ. Nhưng, ngày lại ngày, ngay cả những cảnh vật gần kề cũng dần dần nhạt nhòa đi trong mắt anh; khi bệnh viện bên kia đường ngày xưa anh thường nguyền rủa vì lúc nào cũng nằm lồ lộ trước mặt mình, giờ đây đã hoàn toàn xa khuất tầm nhìn của anh, và nếu anh không biết mình đang sống ở đường Charlotte, một con đường yên tĩnh nhưng dẫu sao cũng là đường lớn trong thành phố, thì có lẽ anh đã tin rằng ngoài khung cửa sổ này là sa mạc hoang liêu nơi đất âm u và trời ảm đạm hòa lẫn với nhau xám xịt một màu. Cô em nhanh trí của anh chỉ sau hai lần nhìn thấy chiếc ghế bành đứng bên cửa sổ thì sau đó, bất cứ lúc nào dọn dẹp phòng anh, cũng đều đặt chiếc ghế ấy trở về vị trí cũ bên cửa sổ và thậm chí còn mở cả hai cánh cửa chớp bên trong ra.

Giá như anh có thể nói chuyện với em gái và cám ơn cô vì những gì cô đã làm cho anh, có lẽ anh dễ dàng chịu đựng sự săn sóc của cô; nhưng thực tế những hành động ân cần đó lại đè nặng lòng anh. Rõ ràng em gái anh đã hết sức cố gắng làm nhẹ bớt sự đau đớn của tình trạng hiện nay, và đương nhiên, theo thời gian, cô mỗi lúc một thành công hơn, song thời gian cũng làm cho Gregor sáng mắt ra hơn. Ngay cả cái lối cô ấy bước vào phòng cũng làm anh khổ sở. Vừa vào phòng là cô chạy ào đến cửa sổ, thậm chí cũng chẳng khép cửa phòng lại nữa tuy rằng cô vẫn thường cẩn thận không để cho những người ở nhà ngoài thấy bóng Gregor, rồi như thể sắp chết ngạt đến nơi, những ngón tay hấp tấp của cô giật hai cánh cửa chớp mở toang, rồi đứng đó một hồi đón luồng gió ùa vào, ngay cả những khi trời rét buốt cắt da, và hít một hơi dài. Sự nháo nhác ầm ĩ như vậy của cô mỗi ngày hai lần làm Gregor kinh động; những lúc cô vào, anh cứ nằm run dưới gầm ghế xôpha, thừa biết cô chắc chắn sẽ cố làm cho anh không sợ hãi, nếu như cô có đủ sức chịu đựng sự hiện diện của anh mà không cần mở cửa sổ.

Có một lần, khoảng một tháng sau khi Gregor biến hình (lúc này cô chẳng có lí do gì để giật mình trước hình dạng của anh), cô đến sớm hơn lệ thường một chút và thấy anh đang đăm đăm nhìn ra cửa sổ, hoàn toàn bất động, cho nên trông rất ma quái. Nếu em anh không vào thì Gregor cũng chẳng ngạc nhiên đâu, bởi vì khi anh còn đứng đấy thì cô đâu thể mở toang cửa sổ ngay lập tức được, nhưng thay vì nhẹ nhàng rút lui, cô lại nhảy phắt ra sau và đóng sầm cửa lại; một người lạ ắt có thể tưởng là anh đang nằm mai phục trong phòng chờ em mình vào là ăn thịt đấy! Tất nhiên là anh lập tức trốn ngay xuống gầm ghế, song anh phải đợi đến tận trưa mới thấy cô em quay lại và cô dường như ngượng ngập hơn mọi khi. Điều đó làm anh nhận ra hình hài của anh đối với cô em vẫn còn kinh tởm đến mức nào, cô sẽ không bao giờ chịu đựng nổi bộ dạng của anh và cô chắc phải vận dụng hết ý chí mới không bỏ chạy khi trông thấy dù chỉ một phần thân xác anh thò ra từ dưới gầm tràng kỉ. Để tránh cho em mình khỏi nỗi khổ đó, một hôm anh cõng tấm chăn trên lưng đến chiếc tràng kỉ - anh phải hì hục mất bốn tiếng đồng hồ mới được - và trải chăn lên đó sao cho kín hết thân hình anh để cô em dù có khom người xuống cũng không nhìn thấy. Nếu em anh coi việc làm này là không cần thiết, nhất định cô ta sẽ cuốn tấm chăn cất đi bởi vì phủ chăn giấu mình như thế hoàn toàn không đem lại cho Gregor một chút thoải mái nào, nhưng em anh vẫn để nguyên nó ở đó. Và khi Gregor cẩn thận dùng đầu vén một tí chăn lên ngó ra, thậm chí anh tưởng như bắt gặp trong mắt cô một cái nhìn đầy hàm ơn.

Trong hai tuần đầu, bố mẹ Gregor chưa dám mạnh dạn quyết định vào thăm anh, và anh thường nghe họ khen ngợi những việc làm của em gái anh, mặc dù trước kia họ vẫn hay mắng mỏ cô là một đứa con vô tích sự. Nhưng bây giờ, cả hai ông bà thường hay đứng chờ ngoài cửa trong khi em gái anh dọn dẹp phòng, và vừa bước ra là cô phải cho họ biết chính xác tình trạng ở trong phòng, Gregor đã ăn gì, lần này anh cư xử ra sao, và bệnh tình của anh có thuyên giảm chút nào không. Hơn thế

nữa, chẳng bao lâu sau mẹ anh đã bắt đầu muốn vào thăm nhưng ông bố với cô em liền can ngăn bà với những lí lẽ mà Gregor rất chăm chú lắng nghe và hoàn toàn tán thành. Nhưng sau đó, bố và em anh phải dùng đến sức mạnh để ngăn cản bà mẹ, và khi bà gào lên: "Hãy để cho tôi vào với Gregor, thằng con bất hạnh của tôi! Các người không hiểu rằng tôi phải vào thăm nó sao" thì Gregor nghĩ rằng chắc phải để cho bà vào thôi, dĩ nhiên không phải vào thăm hàng ngày mà có thể là một tuần một lần, nói cho cùng, bà hiểu sự đời hơn em gái anh nhiều, cô ấy chỉ là một đứa trẻ mặc dù cô ta cố gắng hết sức mình và có lẽ chỉ vì tính nông nổi của trẻ con nên mới dám nhận lãnh cái nhiệm vụ khó khăn này.

Niềm ao ước của Gregor được gặp mẹ đã nhanh chóng được đáp ứng. Ban ngày, anh không muốn ló dạng ở cửa sổ, nhưng trên cái sàn nhà vẻn vẹn mấy mét vuông này anh không thể bò được bao xa, mà nằm yên suốt đêm thì anh chẳng chịu nổi, còn ăn uống thì anh cũng chẳng thiết nữa, cho nên anh đâm ra có thói quen bò ngoằn ngoèo trên sàn nhà và bốn bức tường để giải khuây. Anh thích nhất là treo mình lơ lửng trên trần, như thế dễ chịu hơn nằm trên sàn nhiều; anh có thể hít thở thoải mái hơn, thân hình anh đong đưa, lắc lư nhẹ nhàng; và trong sự hấp thụ gần như đạt tới cực lạc nhờ ở tư thế treo mình này anh ngạc nhiên thấy mình có thể buông ra và rơi phịch xuống sàn. Nhưng giờ đây, anh đã điều khiển được cơ thể của mình khéo léo hơn xưa, và ngay cả một cái té nặng như vậy cũng không làm anh hề hấn gì. Em gái anh tức thời để ý ngay cái trò tiêu khiển mới mà Gregor đã tự tìm ra cho mình - chất nhầy ở đầu các cẳng chân của anh để lại dấu vết bất kì nơi nào anh bò đến - và cô nảy ra ý định tạo cho anh một chỗ thật rộng để bò ngang dọc khắp nơi và dọn sạch những đồ đạc nào cản trở anh, đặc biệt là chiếc tủ ngăn kéo và cái bàn giấy. Nhưng chỉ mình cô thì làm sao xoay xở cho xong; cô không dám nhờ bố giúp một tay, còn như con hầu, một đứa con gái mười sáu tuổi đã có gan tiếp tục ở lại sau khi

bà bếp đã ra đi, thì cô không thể nhờ vả gì được - nó đã xin một ân huệ đặc biệt là được phép luôn luôn khóa cửa nhà bếp và chỉ mở ra khi có lệnh đặc biệt; cho nên chỉ còn cách là nhờ mẹ phụ giúp vào giờ bố đi vắng. Và bà già hăm hở đến ngay, nhưng những lời reo vui háo hức của bà tắt ngấm khi đến trước cửa phòng Gregor. Em gái anh đương nhiên phải vào trước để thu xếp mọi thứ cho tươm tất trước khi đưa mẹ vào. Gregor cuống quýt kéo tấm chăn xuống thấp hơn và xô lệch, vò nhàu tấm chăn như thể nó đã được ném bừa lên ghế xôpha một cách ngẫu nhiên. Và lần này, anh không hé mắt nhìn ra, anh từ bỏ niềm hân hoan được nhìn thấy mẹ và chỉ mừng vui rằng bà thật sự đã bước vào. "Vào đi, mẹ, anh ấy nấp kín rồi" tiếng em gái anh vang lên, chắc hẳn cô ta đang nắm tay mẹ đưa vào. Bây giờ Gregor nghe tiếng hai người phụ nữ hì hục xê dịch chiếc tủ cũ kĩ, nặng nề, và em gái anh đang giành phần lớn của công việc nặng nhọc này về mình, bỏ ngoài tai lời bà mẹ cằn nhằn sợ cô làm quá sức. Công việc tốn khá nhiều thời gian. Sau ít nhất mười lăm phút lôi kéo cật lực, mẹ anh phản đối, khuyên cô em nên để nguyên chiếc tủ ở vị trí cũ bởi vì trước hết, nó quá nặng không thể nào khênh ra khỏi phòng trước khi bố về, và để nó đứng ở giữa phòng như thế này chỉ càng làm cản trở chuyển động của Gregor mà thôi; thứ nữa chuyển dịch đồ đạc đi chỗ khác đâu có chắc gì sẽ giúp ích cho Gregor. Suy nghĩ của bà ngả theo chiều ngược lại, hình ảnh những vách tường trần trụi làm bà não lòng, và hẳn Gregor cũng chia sẻ tình cảm ấy bởi vì anh đã quen thuộc với những đồ đạc ấy suốt bao tháng năm dài, chắc chắn anh sẽ cảm thấy bơ vơ nếu không có chúng. "Làm như thế chẳng khác nào..." - mẹ anh hạ giọng kết luận, thực thì từ khi bước vào phòng, bà gần như luôn luôn nói thầm, cơ hồ không muốn Gregor nghe thấy âm độ giọng nói của bà (dù bà không hề hay biết anh đang nấp ở đâu) bởi vì bà tin chắc anh không thể hiểu một lời nào - ... "chẳng khác nào chúng ta cho Gregor thấy rằng gia đình không còn trông mong, hi vọng gì vào

chuyện nó sẽ bình phục, nó sẽ tưởng lầm ta dọn hết đồ đạc đi để mặc cho nó lạnh lẽo cô đơn, không phải vậy sao? Mẹ nghĩ tốt nhất là cứ để phòng anh Gregor như trước, để khi nào anh con trở lại với chúng ta thì sẽ không thấy gì thay đổi và càng dễ dàng quên đi những gì đã xảy ra". Lời mẹ anh nói làm Gregor nhận ra rằng hai tháng trời không hề được nói chuyện trực tiếp với con người cùng với lối sống đơn điệu trong gia đình hẳn đã làm đầu óc anh mụ mẫm, nếu không thế thì làm sao anh cắt nghĩa được việc anh háo hức mong đợi người ta dọn hết đồ đạc trong phòng anh đi. Có thật anh muốn căn phòng ấm cúng, hết sức phù hợp với đồ đạc cổ kính của gia đình biến thành một cái hang trần trụi trong ấy anh chắc chắn sẽ tha hồ bò khắp nơi không bị cản trở, nhưng đồng thời phải trả giá bằng cách rứt bỏ mọi cái gì nhắc nhở đến quá khứ con người của anh? Thực tế, anh đã bước đến quá gần miệng vực lãng quên đến nỗi chỉ có tiếng nói của mẹ anh, tiếng nói mà lâu rồi anh không được nghe, mới kéo lùi anh lại. Không được lấy bất kì thứ gì ra khỏi phòng anh, tất cả phải để nguyên như cũ, tâm thái anh cần sự tác động tốt đẹp của đồ đạc, và cho dù chúng nó có cản trở không cho anh bò luẩn quẩn theo những vòng tròn vô nghĩa thì đó chẳng phải là điều hạn chế mà là một thuận lợi lớn lao.

Khốn thay, em gái anh lại có ý kiến ngược lại, trong lúc tranh cãi với bố mẹ về việc của Gregor, cô đã quen tự coi mình là người am hiểu - và không phải không có lí do - cho nên lời khuyên giải của bà mẹ lúc này càng làm cô thêm quyết tâm thu dọn hết không những chiếc tủ và bàn giấy như ý định ban đầu mà còn dời luôn tất cả đồ đạc khác, ngoại trừ chiếc ghế xôpha không thể thiếu được. Quyết định đó, dĩ nhiên, là không nảy sinh đơn thuần từ sự bướng bỉnh trẻ con hay lòng tự tin gần đây đã phát triển hết sức bất ngờ và với giá đắt đến độ, thực tế, cô nhận thấy rằng Gregor cần nhiều khoảng trống để bò loanh quanh, ngoài ra, theo như cô thấy cho đến nay, anh không hề sử dụng tới các

đồ đạc này. Một nhân tố khác có thể đóng vai trò ở đây là tính khí sôi nổi của một thiếu nữ, sự sôi nổi luôn luôn kiếm tìm mọi cơ hội để bùng ra và bây giờ đang cám dỗ Grete cường điệu thêm sự kinh rợn trong tình trạng của anh cô, để cô có thể làm được nhiều hơn cho anh. Trong một căn phòng nơi Gregor một mình thống ngự những bức tường trống không thì ngoài cô ra không một ai có thể bước chân vào.

Và thế là bà mẹ, vốn bứt rứt không yên khi ở trong phòng Gregor và vì thế không dám tin chắc vào bản thân, đành bó tay không sao lay chuyển được quyết tâm của cô con gái; bà liền im lặng, cố hết sức mình giúp Grete đẩy chiếc tủ ra ngoài. Nếu cần thiết thì Gregor có thể không cần đến cái tủ, nhưng anh phải giữ lại cái bàn giấy. Ngay khi hai người đàn bà đẩy chiếc tủ ra khỏi phòng, vừa lôi kéo vừa rên rỉ, thì Gregor từ dưới gầm xôpha thò đầu ra xem thử có cách nào để can thiệp cho thật dịu dàng và thật thận trọng. Nhưng thật không may, mẹ anh lại là người trở vào phòng trước, để mặc cho Grete ôm ghì lấy chiếc tủ ở phòng bên, đang cố sức một mình xê dịch nó đi nhưng dĩ nhiên nó chẳng lay chuyển mảy may. Mẹ anh đâu đã quen với hình dạng quái gở của anh, rất có thể bà sẽ ngất đi mất, và thế là Gregor kinh hoàng thụt lùi thật nhanh đến đầu đằng kia gần ghế xôpha, song anh không giữ được cho tấm chăn phía trước khỏi bị lay động. Chừng ấy cũng đủ làm mẹ anh chú ý. Bà dừng lại, đứng sững một lúc, rồi quay lại với Grete.

Tuy Gregor không ngừng tự trấn an mình rằng không có gì bất thường xảy ra, chỉ có vài đồ đạc lặt vặt được chuyển quanh thôi, nhưng ngay sau đó anh phải thừa nhận là tất cả những tiếng chân lăng xăng qua lại của hai người đàn bà, những tiếng ho thốt ra khe khẽ và tiếng đồ đạc xê dịch xoàn xoạt trên sàn tác động đến anh như một sự khuấy động lớn từ mọi phía, và dù đã chúi đầu, rụt chân, co rúm thân hình dán sát xuống sàn, anh vẫn không thể nào chịu đựng được lâu. Họ đang dọn sạch phòng anh; lấy đi tất cả những thứ anh yêu quý, chiếc tủ lớn

nơi anh cất giữ cái cưa nhỏ cùng nhiều dụng cụ khác đã bị lôi đi rồi; bây giờ họ đang dời cái bàn viết của anh, cái bàn cũ kĩ đã gần đổ ập xuống sàn, nơi anh đã từng ngồi mài miệt làm những bài tập khi còn học ở trường thương mại, và trước đó, khi còn là học sinh trung học. Anh không thể phí phạm thời gian mà cân nhắc những ý định tốt của mẹ và em gái, anh lúc này hầu như chẳng còn nhớ đến sự tồn tại của họ nữa bởi vì họ gần kiệt sức đến mức chỉ còn ngậm miệng hì hụi làm việc và anh không nghe thấy gì ngoại trừ tiếng bước chân họ nặng nề lê lết trên sàn. Thế là anh phóng ra, trong khi hai người đàn bà đang ở phòng ngoài, đứng tựa vào chiếc bàn giấy thở hào hển lấy hơi. Bốn lần Gregor đổi hướng, vì không biết nên cứu lấy món đồ nào trước, rồi nhìn lên bức tường đối diện đáng lẽ đã bị dọn trống trải, bức tranh người đàn bà trùm đầy lông thú thu hút, anh bò vội đến dán mình vào chiếc khung treo, mặt kính mát lạnh của khung tranh là một chỗ bám vững chắc và nó làm cái bụng nóng bỏng của anh cảm thấy dễ chịu. Ít ra bức tranh đã được giấu kín bên dưới thân hình anh, cũng không để ai tháo gỡ đi. Anh xoay xoay đầu về phía cánh cửa phòng khách để quan sát mẹ và em gái khi họ quay vào.

Họ không cho phép mình nghỉ ngơi lâu và đã trở lại phòng anh; Grete quàng tay ngang lưng mẹ gần như đang nâng đỡ bà. "Chà, bây giờ ta dọn cái gì đây?" Grete vừa nói vừa nhìn quanh. Đôi mắt cô gái gặp đôi mắt của Gregor trên bức tường. Cô cố giữ bình tĩnh, chắc hẳn vì bà mẹ, và cúi đầu xuống để ngăn cho mẹ khỏi ngẩng nhìn lên, cô nói, dao động không tính trước được tình huống này: "Này mẹ, chắc ta nên quay lại phòng khác một chút, mẹ nhé?". Gregor thấy khá rõ ý định của em mình, cô ta muốn đưa bà mẹ đến chỗ an toàn để rồi sau đó cô sẽ đuổi anh bò khỏi bức tường này. Hừ, cứ để nó thử coi! Anh bám cứng vào bức tranh, quyết không chịu nhượng bộ. Anh những muốn vùng lên chống lại Grete.

Nhưng chính những lời của Grete lại làm bà mẹ đâm lo, bà tránh sang một bên, nhìn thấy cái mảng nâu to đùng trên

bức tường dán giấy hoa, và chưa kịp nhận biết đó chính là Gregor, bà đã rú lên một tiếng thất thanh: "Chúa ơi!" rồi ngã quỵ bất động trên chiếc ghế xôpha, hai cánh tay dang rộng như nộp mình cho bóng ma. "Gregor!" em gái anh kêu lên, vung nắm tay, trừng mắt nhìn anh. Đây là lần đầu tiên cô trực tiếp nói với anh kể từ lúc Gregor biến hình. Cô chạy sang phòng bên tìm một loại thuốc nước nào đó để làm cho bà mẹ hồi tỉnh khỏi cơn ngất. Gregor cũng muốn giúp cô - hãy còn thời gian để cứu lấy bức tranh - nhưng bụng anh bị dính chặt vào mặt kính, phải vùng mạnh thân mình rời ra; và anh chạy theo người em gái vào phòng bên cạnh như thể vẫn có khả năng hướng dẫn Grete như ngày xưa, song anh đành phải đứng bất lực sau lưng cô, trong lúc đó Grete lục lọi giữa đống chai lọ đủ loại và khi quay lại cô giật nảy người thảng thốt lúc nhìn thấy anh; một cái chai nhỏ rơi xuống sàn vỡ nát; một mảnh thủy tinh cứa toạc mặt Gregor, một thứ thuốc nước ăn mòn bắn tung tóe vào người. Không chần chờ thêm một giây, Grete vơ nốt những chai lọ có thể mang được, chạy về với mẹ và dùng chân đạp cánh cửa đóng sầm lại. Gregor lúc này bị ngăn cách hẳn với bà mẹ có lẽ đang hấp hối vì anh; anh không dám mở cửa sợ cô em lại hoảng hốt bỏ chạy, cô ấy cần phải ngồi bên săn sóc mẹ; anh không thể làm gì hơn là chờ đợi; và lòng nặng ưu phiền, anh vừa lo âu tự nhiếc móc chính mình vừa bò ngang dọc khắp nơi, những bức tường, trên các đồ đạc, trần nhà, rồi cuối cùng trong nỗi tuyệt vọng, khi cả căn phòng này dường như đang quay cuồng quanh anh, Gregor rơi ầm xuống ngay giữa chiếc bàn ăn rộng lớn.

Một lát sau, Gregor vẫn còn nằm thoi thóp trên bàn giữa bốn bề tĩnh lặng (có lẽ đó là điềm tốt lành) thì chuông cửa bỗng réo vang. Con hầu hẳn nhiên là giam mình trong nhà bếp, và Grete chắc sẽ phải mở cửa. Bố anh về. "Có chuyện gì thế?" vừa bước vào là ông hỏi ngay; nét mặt của Grete rõ ràng đã nói lên tất cả. Hình như Grete gục vào ngực ông, trả lời bằng một giọng nghèn nghẹn: "Mẹ vừa mới ngất đi, nhưng giờ đã tỉnh lại

rồi. Anh Gregor chạy xổng ra ngoài". "Đúng như tao nghĩ mà, - bố anh lên tiếng - đúng như tao đã nói trước nhưng bọn đàn bà các người có thèm nghe tao đâu". Gregor thấy rõ bố mình đã diễn dịch lời thông báo quá đỗi ngắn gọn của Grete theo nghĩa xấu nhất và ông đinh ninh rằng Gregor đã có một hành động hung bạo nào đó. Do đó, Gregor phải cố làm sao cho bố nguôi giận tức khắc, bởi vì anh không có thời gian mà cũng chẳng có cách nào để giải thích cho ông hiểu. Thế là anh phóng ngay về cửa phòng mình, nằm ép mình vào đó để ông cụ từ hành lang bước vào là thấy ngay thiện ý của thằng con trai muốn trở về phòng riêng ngay lập tức, chẳng cần phải xua đuổi; nhưng giá mà cửa phòng anh đã mở sẵn thì Gregor sẽ trốn vào ngay cho khuất mắt bố.

Tuy nhiên trong tâm trạng hiện nay của bố anh, ông làm sao nhận ra những nét tế nhị như vậy được. "A!" - ông kêu lên ngay khi bước vào phòng khách, giọng điệu vừa giận dữ vừa mừng rỡ. Gregor nhích đầu ra xa cánh cửa và ngẩng lên nhìn bố. Đây đâu có đúng là người cha mà anh đã từng hình dung, phải thừa nhận là dạo này anh đã mải mê trò giải trí bò quanh quẹo trên trần nhà nên không còn quan tâm như trước kia đến những gì xảy ra ở những chỗ khác trong căn hộ, và quả thực anh cần phải được chuẩn bị để tiếp nhận một số thay đổi, thế nhưng... thế nhưng... người đàn ông kia là bố anh đấy sao? Bố anh, người thường mệt mỏi nằm bẹp trên giường bất cứ khi nào Gregor thu xếp đi xa theo yêu cầu công việc, người thường khoác áo ngủ nằm dài trên tràng kỉ không thể đứng dậy nổi mà chỉ giơ tay chào anh những tối anh trở về nhà; mỗi năm, xuân thu nhị kì vào một hai ngày chủ nhật hiếm hoi hoặc những ngày lễ lớn, mới cùng gia đình ra phố, đi giữa Gregor và mẹ, hai mẹ con anh đi đã chậm mà ông còn chậm chạp hơn nữa, ông quấn kín người trong chiếc áo bành tô dày cộm, lê bước nặng nhọc với sự trợ giúp của chiếc gậy cán cong mà ông thường cẩn thận dò dẫm trước mỗi bước chân, và mỗi lần muốn nói gì thì hầu như bao giờ cũng đứng khựng lại chờ mọi người

trong gia đình bao quanh mới thốt lên lời? Giờ đây ông đang đứng kia, đường bệ trong bộ đồng phục xanh bảnh bao, khuy vàng chóe, của người chạy việc ở ngân hàng, chiếc cằm hai ngấn của ông phồng ra trên chiếc cổ áo vét hồ cứng, đôi mắt đen dưới cặp chân mày rậm phóng ra những tia nhìn tinh nhanh, sắc sảo, mái tóc bạc một thời rối bời giờ được chải phẳng, bóng mượt hai bên đường ngôi rẽ kĩ lưỡng. Ông nhấc chiếc mũ lưỡi trai có những mẫu tự thêu chỉ vàng lồng vào nhau - có lẽ là phù hiệu của một nhà băng nào đó - và ném vèo sang chiếc ghế xôpha bên kia phòng, rồi hất ngược hai vạt áo vét ra phía sau, ông cho tay vào túi quần, mặt lầm lầm, tiến về phía Gregor. Rất có thể là chính ông cũng chưa biết mình sẽ làm gì! Dẫu sao đi nữa ông vẫn nhấc chân lên thật cao, cao đến khác thường, và Gregor sững sờ khi nhìn thấy kích thước vĩ đại của hai đế giày ông bố. Nhưng Gregor không dám liều lĩnh đương đầu với bố, ngay từ ngày đầu tiên của kiếp sống mới anh đã biết ông cụ tin rằng để đối xử với anh thì chỉ có những biện pháp hà khắc nhất mới thích hợp. Và thế là anh bỏ chạy, ngừng lại khi ông đứng yên và bổ nháo bổ nhào khi ông làm bất kì cử chỉ nào. Cứ như thế họ chạy quanh phòng mấy vòng mà không có sự kiện gì quyết định xảy ra; thực tế, toàn bộ thao tác này chẳng mấy giống một cuộc rượt đuổi vì được tiến hành quá chậm chạp. Và Gregor cũng không dám rời khỏi sàn nhà để bò lên tường hay lên trần, sợ ông bố có thể coi đó là một trò độc ác lạ lùng nào đó. Dầu vậy, anh không thể chịu đựng được tiến trình này lâu hơn nữa, bởi vì trong khi bố anh bước một bước thì anh phải thực hiện hàng loạt chuyển động. Anh đã bắt đầu cảm thấy ngạt thở, hệt như trong kiếp người trước kia, hai lá phổi của anh cũng chẳng đáng tin cậy bao nhiêu. Trong lúc anh lảo đảo bò đi, cố tập trung sức lực để trốn chạy, đôi mắt gần như không mở ra nổi, trong lúc tình trạng choáng váng thậm chí cũng không nghĩ đến cách nào khác để thoát thân hơn là cứ tiến về phía trước, và hầu như quên rằng những bức tường là lối thoát cho anh - tường phòng này được trang hoàng đầy

những đồ chạm trổ tinh tế đầy những mấu lồi cùng hốc lõm - thì một vật gì được ném lẹ đột ngột rơi ngay đằng sau rồi lăn ra trước mặt anh. Đó là quả táo. Quả táo thứ hai tiếp liền theo. Gregor kinh hoàng dừng phắt lại, có chạy tiếp nữa cũng không ích gì vì bố anh đã quyết định oanh kích. Ông đã trút hết đĩa trái cây trên tủ búpphê vào túi và bây giờ đang ném hú họa hết quả táo này tới quả táo khác về phía anh, không cần nhắm cho trúng đích. Những quả táo đỏ lăn tròn trên sàn, và đập vào nhau như thể có nam châm hút. Một quả táo khác được ném không mạnh lắm bay xợt qua lưng Gregor rồi truội đi không gây thương tổn gì. Những quả tiếp theo trúng lưng anh và lún sâu xuống, Gregor muốn lết mình về phía trước, tựa hồ cử động ấy sẽ rứt bỏ cơn đau nhói không thể tưởng tượng này lại phía sau, nhưng anh cảm thấy như mình đã bị ghim cứng một chỗ và bị đè bẹp, mọi tri giác hoàn toàn xáo lộn. Trong cái nhìn cuối cùng còn tỉnh táo, anh trông thấy cửa phòng mình bật mở rồi mẹ anh chạy ào ra trước cô em gái đang gào thét, người bà chỉ mặc đồ lót vì em anh đã tháo bỏ hết áo ngoài cho bà dễ thở lúc bà bị ngất, anh trông thấy mẹ anh lao về phía bố, vừa chạy vừa vứt bỏ những mảnh đồ lót xuống sàn, vấp ngã chúi vào bố anh và ôm chầm lấy ông. Đôi mắt Gregor bỗng tối sầm lại, bóng bố anh và mẹ anh hòa làm một, hai bàn tay bà mẹ ghì chặt quanh cổ ông bố khẩn cầu cho mạng sống của đứa con trai.

CHƯƠNG III

Gregor nằm liệt hơn một tháng trời, quả táo vẫn dính vào thân thể anh như một dấu tích nhắc nhở rõ ràng vì không ai

dám lấy nó đi, vết thương trầm trọng đó dường như khiến cả bố anh cũng phải nhớ rằng Gregor là một thành viên trong gia đình bất kể hình hài bất hạnh và kinh tởm hiện nay của anh, và gia đình không được quyền đối xử với anh như với một kẻ thù, mà trái lại, có bổn phận phải nén ghê tởm và kiên nhẫn, kiên nhẫn chứ không còn cách nào khác.

Mặc dầu vết thương ấy đã làm hỏng - có thể là vĩnh viễn - nhiều khả năng chuyển dịch của anh, và bây giờ anh phải mất đằng đẵng bao nhiêu phút mới trườn qua hết chiều rộng căn phòng chẳng khác nào một lão già tàn phế (nay thì đừng có hòng bò lên tường được nữa) nhưng anh nghĩ tình trạng xấu đi đã được đền bù đầy đủ bằng sự việc là cứ tối đến, cửa phòng khách lại được mở toang (anh thường chăm chú theo dõi từ một hai giờ trước đó) để cho anh có thể nằm khuất trong bóng tối không ai thấy mặt mà vẫn trông rõ mọi người trong gia đình quây quần bên chiếc bàn sáng ngập ánh đèn và lắng nghe họ trò chuyện, thực tế là với sự thuận tình của tất cả chứ không cần phải nghe lỏm như trước.

Thật sự thì những câu chuyện của họ đã mất đi vẻ sôi nổi ngày xưa, điều mà anh luôn luôn rầu rĩ nhớ đến những khi mệt mỏi gieo mình trên lớp chăn trải giường ẩm ướt trong những căn phòng khách sạn chật hẹp. Còn hiện nay hầu như chả ai muốn lên tiếng. Ngay khi xong bữa ăn tối, bố anh thường ngồi ngủ gục trong chiếc ghế bành, mẹ anh và cô em gái bảo nhau giữ yên lặng, rồi bà mẹ đầu cúi bên đèn, tỉ mỉ từng đường kim may thêu cho một hãng sản xuất đồ lót phụ nữ và em anh, cô vừa xin được việc bán hàng, cần cù học thêm môn tốc kí cùng với tiếng Pháp mỗi tối để có cơ hội tiến thân. Thỉnh thoảng bố anh tỉnh giấc, và như thể không nhận ra mình đã ngủ thiếp đi, ông thường bảo vợ: "Hôm nay bà may được nhiều quá nhỉ!" rồi lại gật gà ngủ tiếp ngay lập tức trong khi hai người phụ nữ trao đổi với nhau một nụ cười mệt mỏi.

Ông già mới ngang bướng làm sao, cứ khăng khăng đòi mặc bộ đồng phục ngay cả khi ở trong nhà; chiếc áo ngủ của

ông vẫn treo ở mắc một cách vô dụng và ông để nguyên cả áo quần, ngồi luôn trên ghế mà ngủ, cơ hồ ông sẵn sàng phục vụ công việc bất kì lúc nào và thậm chí ông về nhà chỉ vì phục tùng ý muốn của cấp trên mà thôi. Kết quả là bộ đồng phục của ông, ngay từ đầu đã không phải là hàng mới tinh, bắt đầu có vẻ bẩn thỉu, bất kể mọi chăm chút đầy trìu mến của bà mẹ và cô con gái để giữ cho nó sạch sẽ. Nhiều lần, Gregor suốt buổi tối chỉ đăm đăm nhìn những vết nhờn khá nhiều trên bộ đồ lấp lánh những chiếc khuy vàng lúc nào cũng được đánh bóng sáng loáng trên thân hình của ông già đang ngủ ngồi hết sức thanh thản trong một tư thế cực kì thiếu thoải mái.

Ngay khi đồng hồ gõ mười tiếng, mẹ anh cố dùng những lời dịu dàng để đánh thức bố anh dậy và sau đó thuyết phục ông vào giường nằm, bởi lẽ ngồi đây thì ông làm sao ngủ đủ giấc được, mà giấc ngủ lại là cái cần thiết nhất đối với ông, vì sáu giờ sáng là ông phải đi làm rồi. Nhưng cái tính bướng bỉnh đã ngấm vào người ông kể từ lúc ông trở thành người chạy việc vặt cho ngân hàng khiến ông luôn khăng khăng đòi ngồi ở bàn thêm nữa, cho dù ông vẫn ngủ gục trở lại như thường, và cuối cùng phải khó nhọc lắm ông mới dứt ra khỏi chiếc ghế bành để trở về phòng. Với những lời nhắc nhở nhẹ nhàng, mẹ và em gái Gregor có kiên trì thúc giục đến đâu, ông cũng vẫn tiếp tục đờ đẫn lắc đầu cả mười lăm phút, mắt vẫn nhắm nghiền, không chịu đứng dậy. Bà mẹ giật tay áo ông, thầm thì những lời âu yếm vào tai ông, cả em anh cũng bỏ dở bài học đến giúp mẹ, thế nhưng bố Gregor vẫn không chịu nghe. Ông chỉ càng lún sâu thêm vào chiếc ghế. Mãi đến lúc hai người đàn bà phải xốc nách ông kéo dậy thì bố anh mới mở mắt hết nhìn người này lại quay sang người kia, thường thường kèm theo một lời nhận xét: “Sống thế mới là sống. Đây chính là sự bình yên và thanh thản cho cái thân già này”. Rồi tì vào hai mẹ con, ông gượng đứng lên một cách khó khăn như thể ông không mang nổi sức nặng của chính bản thân mình, ông chịu để cho hai người đàn bà dìu ông lên tận cửa phòng rồi mới khoát tay xua họ đi và

bước tiếp một mình trong khi mẹ anh thường phải bỏ đồ vá may và em anh gác bút để chạy theo đỡ ông lần đến tận giường.

Trong cái gia đình mệt mỏi, lao lực này, đâu còn ai có thời gian mà bận tâm đến Gregor quá mức cần thiết? Công việc trong nhà ngày càng thu gọn lại; con sen đã được cho thôi việc; mỗi sáng và mỗi tối, một bà lao công lực lưỡng, gân guốc, mái tóc bạc phất phơ quanh mặt, đến nhà làm những việc nặng; còn mọi việc khác thì mẹ Gregor phải lo toan, kể cả hàng chồng đồ may vá cao nghệu. Thậm chí nhiều món đồ trang sức đủ loại của gia đình mà ngày xưa mẹ cùng em gái anh thường hãnh diện mang trên người vào những dịp tiệc tùng, lễ hội, giờ cũng phải đem bán đi; Gregor đã khám phá ra điều đó trong một tối lắng nghe họ bàn tán về các món tiền thu được nhờ những đồ trang sức ấy. Nhưng điều họ kêu than nhiều nhất là không thể rời bỏ căn hộ này, nơi giờ đây đã trở thành quá rộng lớn so với hoàn cảnh gia đình hiện nay, bởi vì họ không nghĩ ra được cách nào để di chuyển Gregor. Tuy nhiên, Gregor thừa biết rằng anh đâu phải là trở ngại chính yếu trong việc dọn nhà này, bởi vì họ có thể dễ dàng chở anh đi trong một cái thùng nào đó thích hợp, có đục vài lỗ cho anh thở, điều thật sự ngăn họ dọn sang một căn hộ khác chính là sự tuyệt vọng hoàn toàn của họ và niềm tin rằng cao xanh đã chọn chính cái gia đình này mà giáng cho một tai họa chưa từng xảy ra cho bất kì thân bằng quyến thuộc nào của họ. Họ đáp ứng triệt để tất cả những gì mà cuộc đời đòi hỏi ở những kẻ bần hàn: bố anh lãnh việc đi mua thức ăn điểm tâm cho các tay thư kí quèn ở nhà băng, mẹ anh đổ mồ hôi sôi nước mắt làm ra những bộ đồ lót cho những kẻ xa lạ, em gái anh đứng sau quầy hàng phải chạy tất bật theo những đòi hỏi của khách mua, nhưng cao hơn mức đó thì họ không đủ sức để làm. Và vết thương trên lưng Gregor lại bắt đầu hành hạ anh khi mẹ và em anh quay về phòng khách sau khi đưa bố vào giường, hai người bỏ mặc công việc, chụm đầu ngồi kề bên nhau; anh đớn đau ray rứt khi mẹ chỉ tay về phía phòng anh, bảo Grete: "Đóng cái cửa đó lại đi, con" và anh lại bị

bước tiếp một mình trong khi mẹ anh thường phải bỏ đồ vá may và em anh gác bút để chạy theo đỡ ông lần đến tận giường.

Trong cái gia đình mệt mỏi, lao lực này, đâu còn ai có thời gian mà bận tâm đến Gregor quá mức cần thiết? Công việc trong nhà ngày càng thu gọn lại; con sen đã được cho thôi việc; mỗi sáng và mỗi tối, một bà lao công lực lưỡng, gân guốc, mái tóc bạc phất phơ quanh mặt, đến nhà làm những việc nặng; còn mọi việc khác thì mẹ Gregor phải lo toan, kể cả hàng chồng đồ may vá cao nghệu. Thậm chí nhiều món đồ trang sức đủ loại của gia đình mà ngày xưa mẹ cùng em gái anh thường hãnh diện mang trên người vào những dịp tiệc tùng, lễ hội, giờ cũng phải đem bán đi; Gregor đã khám phá ra điều đó trong một tối lắng nghe họ bàn tán về các món tiền thu được nhờ những đồ trang sức ấy. Nhưng điều họ kêu than nhiều nhất là không thể rời bỏ căn hộ này, nơi giờ đây đã trở thành quá rộng lớn so với hoàn cảnh gia đình hiện nay, bởi vì họ không nghĩ ra được cách nào để di chuyển Gregor. Tuy nhiên, Gregor thừa biết rằng anh đâu phải là trở ngại chính yếu trong việc dọn nhà này, bởi vì họ có thể dễ dàng chở anh đi trong một cái thùng nào đó thích hợp, có đục vài lỗ cho anh thở, điều thật sự ngăn họ dọn sang một căn hộ khác chính là sự tuyệt vọng hoàn toàn của họ và niềm tin rằng cao xanh đã chọn chính cái gia đình này mà giáng cho một tai họa chưa từng xảy ra cho bất kì thân bằng quyến thuộc nào của họ. Họ đáp ứng triệt để tất cả những gì mà cuộc đời đòi hỏi ở những kẻ bần hàn: bố anh lãnh việc đi mua thức ăn điểm tâm cho các tay thư kí quèn ở nhà băng, mẹ anh đổ mồ hôi sôi nước mắt làm ra những bộ đồ lót cho những kẻ xa lạ, em gái anh đứng sau quầy hàng phải chạy tất bật theo những đòi hỏi của khách mua, nhưng cao hơn mức đó thì họ không đủ sức để làm. Và vết thương trên lưng Gregor lại bắt đầu hành hạ anh khi mẹ và em anh quay về phòng khách sau khi đưa bố vào giường, hai người bỏ mặc công việc, chụm đầu ngồi kề bên nhau; anh đớn đau ray rứt khi mẹ chỉ tay về phía phòng anh, bảo Grete: "Đóng cái cửa đó lại đi, con" và anh lại bị

bỏ mặc trong bóng tối trong khi ở phòng bên hai mẹ con đang nhòa lệ hay có lẽ đang ngồi im lìm, đôi mắt ráo hoảnh, đăm đăm nhìn mặt bàn.

Cả ngày lẫn đêm, Gregor hầu như không lúc nào chợp mắt. Anh thường bị ám ảnh bởi cái ý tưởng là lần sau, khi cửa mở, anh sẽ nắm hết công việc gia đình trong tay như ngày xưa anh vẫn thường làm, và một lần nữa sau một thời gian dài gián đoạn, trong ý nghĩ của anh giờ lại hiện ra bóng dáng của lão chủ và lão quản lí, các tay chào hàng và những tên học việc, gã gác dan trì độn, vài ba người bạn ở các hãng buôn khác, một cô hầu phòng ở một khách sạn vùng quê, một kỉ niệm ngọt ngào thoáng qua. Cô thâu ngân trong một cửa hàng bán mũ mà anh đã tán tỉnh thật tình nhưng quá chậm. Tất cả những hình ảnh đó hiện ra cùng với những gương mặt xa lạ hay những người mà anh đã hoàn toàn quên lãng: nhưng thay vì giúp đỡ anh và gia đình anh, tất cả những bóng dáng ấy xa vời vợi, và anh lấy làm mừng khi họ biến mất. Sau đó anh lại không còn hứng thú gì quan tâm đến gia đình nữa, mà chỉ bừng bừng tức giận vì cái lối họ bỏ bê anh; và dù chính anh cũng chẳng biết rõ mình muốn ăn cái gì, anh vẫn rắp tâm sẽ có lúc mò đến tận tủ thức ăn để lấy những thực phẩm mà nói cho cùng anh có quyền được hưởng, cho dầu anh không đói đi nữa. Em gái anh không còn nghĩ đến việc mang vào cho anh những gì có thể làm anh hài lòng nhất, mà thay vào đó, mỗi sáng mỗi trưa, hai lần trước giờ đi làm, cô hấp tập dùng chân đẩy vào phòng anh bất cứ thức ăn nào vớ được, và mỗi tối, bằng một nhát chổi, cô quét sạch tất cả ra ngoài, bất kể món ấy anh chỉ mới nếm sơ qua hay để nguyên không động tới - điều này xảy ra thường xuyên nhất. Còn chuyện quét dọn phòng anh - hồi này cô chỉ làm vào buổi tối - thì không ai có thể làm vội vàng, cẩu thả hơn cô được. Những vệt đất vằn lên dọc theo các bức tường, rải rác khắp nơi là bụi bẩn, rác rưởi vón thành hòn, thành cục. Lúc đầu Gregor thường nằm lì ở một góc nào đó bẩn thỉu nhất khi cô em bước vào để tỏ ý khiển trách sự lười biếng của cô. Nhưng anh có nằm chết gí ở

đấy hàng bao nhiêu tuần lễ đi nữa, thì cô em của anh vẫn chứng nào tật nấy; em gái anh vẫn thấy rõ bụi bẩn chẳng kém gì anh nhưng cô ta đã dứt khoát quyết định cứ để mặc như thế. Ấy thế mà, với cái thói dễ động lòng mới nảy sinh ở cô và dường như đã nhiễm sang cả gia đình, cô lại bo bo giành giữ quyền được làm người duy nhất chăm lo cho căn phòng của Gregor. Có một lần mẹ anh đích thân quét dọn lau chùi phòng anh cho thật sạch, việc này chỉ cần dội mấy xô nước là xong - tất nhiên ướt át như thế thì cũng rầy cho Gregor và anh nằm sóng soài, bất động, cau có trên xôpha - nhưng bà đã bị trừng phạt đích đáng. Ngay tối hôm đó, vừa nhận thấy sự đổi khác trong phòng Gregor là em gái anh đã tức tối chạy ào ra phòng khách, bật khóc ầm ĩ như mưa như gió bất chấp những cái khoát tay van lơn của bà mẹ trong lúc ông bố giật mình bật dậy khỏi chiếc ghế bành; lúc đầu họ nhìn nhau sững sờ, bất lực, rồi họ cũng bắt đầu hành động; ông bố quay sang phải khiển trách bà mẹ sao không để yên chuyện dọn dẹp căn phòng Gregor cho con gái lo; rồi ông quay sang trái quát tháo Grete cấm cô không bao giờ được lau chùi phòng Gregor nữa; bà mẹ giữa lúc đó cố gắng lôi bố anh về phòng ngủ vì ông đã nổi cáu đến phát quẫn; em gái anh, nấc rung cả người, nện hai nắm tay nhỏ nhắn xuống bàn; và Gregor tức điên rít lên vì không một ai trong bọn họ nghĩ đến chuyện đóng cửa phòng anh lại để tránh cho anh một cảnh tượng quá đỗi phũ phàng và ồn ào như vậy.

Tuy nhiên, cho dù em gái anh có kiệt sức vì công việc hằng ngày mà đâm ra chán ghét chuyện chăm lo cho Gregor như trước đấy cô vẫn làm thì mẹ anh cũng không việc gì phải can thiệp vào hoặc cũng không cần phải bỏ bê Gregor. Đã có bà giúp việc đấy! Bà già góa chồng này nhờ thân hình mạnh khỏe, gân guốc mà còn sống được sau những gian nan cùng cực của một cuộc đời dai dẳng, bà tuyệt nhiên không ghê sợ Gregor. Hoàn toàn không phải vì tò mò, bà ta một hôm tình cờ mở cửa phòng anh; và khi nhìn thấy Gregor, do bị bất ngờ, bắt đầu bò tứ tung dù không ai đuổi, thì bà ta chỉ đứng đó

khoanh tay nhìn. Từ đấy về sau, mỗi sáng và mỗi tối đến giúp việc nhà, bà ta không bao giờ quên mở hé cửa phòng Gregor để nhìn anh một lúc. Ban đầu bà ta thậm chí còn gọi anh đến gần với những lời lẽ mà hẳn nhiên bà cho là thân thiện, chẳng hạn như: "Nào, lại đây nào, con bọ hung kia!" hay "Nhìn cái con bọ hung này mà xem!". Gregor chẳng trả lời những câu xưng hô đó mà chỉ đứng yên tại chỗ, như thể cánh cửa chưa hề được mở ra. Thay vì cho phép mụ ta quấy rầy anh vô lối như thế mỗi khi mụ nổi hứng, gia đình anh lẽ ra nên sai mụ ta rửa dọn phòng anh hằng ngày mới phải chứ, cái mụ lao công ấy! Một sáng sớm mưa nặng hạt như roi quất vào những ô kính cửa sổ - có lẽ là dấu hiệu sắp sang xuân - thấy mụ ấy gọi mình, Gregor nổi khùng đến nỗi anh chạy tới như định tấn công mụ, tuy rằng khá chậm chạp và yếu ớt. Nhưng bà giúp việc chẳng những không hoảng sợ mà còn nắm chiếc ghế bên cạnh cửa giơ cao lên, và mụ ta cứ đứng như thế, mồm há hoác, rõ ràng là mụ chỉ muốn ngậm họng lại khi nào đã giáng cái ghế xuống lưng Gregor. "Té ra mày không dám tới gần hơn sao?" mụ ta hỏi lúc Gregor đã bỏ đi, rồi mụ nhẹ nhàng đặt chiếc ghế trở về góc nhà như cũ.

Dạo này Gregor hầu như không ăn một chút gì. Chỉ khi nào vô tình anh bò ngang qua thức ăn để sẵn thì anh mới cắn một miếng giải sầu, ngậm trong mồm cả giờ liền rồi thường lại phun ra. Thoạt tiên, anh ngỡ rằng chính sự chán nản về tình trạng bẩn thỉu của căn phòng đã làm anh không ăn nổi, nhưng sau đó anh dần quen với những thay đổi trong phòng mình. Trong gia đình, đã hình thành cái thói quen tống bừa vào phòng anh những đồ đạc không có chỗ chứa, và đến nay những món ấy đã chồng chất, bởi vì phải dọn trống một căn phòng trong nhà để cho ba người lạ thuê. Những thanh niên đứng đắn này - cả ba đều râu ria xồm xoàm, như Gregor đã có lần quan sát thấy qua kẽ cửa - rất thích ngăn nắp trật tự không chỉ trong phòng riêng của họ, mà còn ở bất kì căn phòng nào khác trong nhà, đặc biệt là trong bếp, bởi vì họ bây giờ đã là thành viên trong hội. Chưa

nói đến những thứ bẩn thỉu, ngay cả những đồ vật thừa họ cũng không chịu nổi. Ngoài ra, họ còn mang theo hầu hết những vật dụng họ cần. Vì vậy, nhiều vật dụng trong gia đình anh phải được tống khứ, nhưng bán thì chẳng ai mua còn vứt bỏ lại không được, thế là tất cả lần lượt tìm đường vào phòng Gregor; kể cả sọt giấy vụn lẫn thùng rác nhà bếp. Bất kì món gì không cần đến trong lúc này đều được bà giúp việc, vốn làm gì cũng vội vàng, quẳng luôn vào phòng Gregor cho tiện; may thay Gregor thường chỉ thấy món đồ phế thải và bàn tay cầm nó. Có lẽ mụ ấy cũng định vất những đồ vật ấy vào chỗ khác khi nào có dịp, hay sẽ gom thành đống mang đi đổ, nhưng thực tế thì chúng vẫn nằm yên ở bất cứ nơi nào mụ ta tình cờ thảy chúng đến, ngoại trừ những khi Gregor len lỏi bò đi giữa đống đồ vô dụng ngổn ngang và xê dịch chúng cho rộng chỗ. Lúc đầu anh làm thế do cần thiết vì không đủ chỗ để bò, nhưng càng về sau anh càng thích thú khi cố đẩy những món linh tinh ấy, tuy rằng sau những cuộc phiêu lưu như vậy, anh thường nằm bất động nhiều giờ liền, u sầu và mệt mỏi muốn chết. Kể từ khi những người ở trọ hay ăn tối trong phòng khách chung thì cánh cửa phòng anh nhiều tối liền phải đóng kín, song Gregor dễ dàng chấp nhận điều này vì nhiều hôm cửa rộng mở, anh vẫn buồn bã nằm sâu trong góc tối tăm nhất của phòng mình, chẳng buồn quan tâm đến những gì xảy ra ngoài kia, và gia đình anh cũng không để ý đến anh. Nhưng có một lần mụ giúp việc mở hé cửa và vẫn để nguyên vậy ngay cả khi các khách trọ đã về nhà dùng bữa và ngọn đèn đã được thắp sáng. Họ ngồi vào đầu bàn, nơi ngày xưa Gregor cùng bố mẹ thường ngồi, trải khăn ăn ra, và dao nĩa sẵn sàng trong tay. Ngay lập tức, mẹ anh hiện ra ở khung cửa đằng kia với một đĩa thịt và theo sát sau lưng bà là em gái anh mang một đĩa khoai tây đầy có ngọn. Thức ăn nóng sốt bốc hơi nghi ngút. Ba người khách cúi xuống các món ăn đặt trước mặt như thể kiểm tra kĩ lưỡng trước khi ăn, thực tế là người ngồi giữa - xem có vẻ uy quyền đối với hai người kia - dùng dao xắt miếng thịt trên đĩa, rõ

ràng là để xem thử thịt đủ mềm chưa hay phải gửi trả lại nhà bếp. Hắn ta lộ vẻ hài lòng, và mẹ cùng em gái Gregor, nãy giờ lo âu quan sát, thở phào an lòng rồi nhoẻn miệng cười.

Bản thân gia đình anh lại ăn tối ngay trong nhà bếp. Song trước khi vào bếp, bố anh vẫn đi qua phòng khách, mũ cầm tay, ông xá một cái dài và đi vòng quanh bàn ăn. Cả ba người khách trọ đứng lên, lẩm bẩm một câu gì đó trong hàm râu, và khi bố anh đi khuất, họ lại tiếp tục ăn gần như không ai nói với ai câu gì. Gregor thấy một điều đáng chú ý là trong số những tiếng động khác nhau từ bàn ăn vẳng ra, bao giờ anh cũng có thể phân biệt được tiếng hàm răng họ đang nhai; đó chẳng khác nào một dấu hiệu nhắc cho Gregor nhớ là người ta cần phải có răng để ăn, và hai cái hàm dù có khỏe đến đâu cũng vô ích nếu không có chiếc răng nào. "Mình thèm ăn quá", Gregor buồn bã nói một mình, "nhưng nào có ham muốn loại thức ăn đó đâu. Chao ôi, mấy kẻ thuê nhà kia tha hồ mà nhồi nhét còn mình thì nằm đây gần chết đói!".

Chính trong buổi tối hôm đó, trong nhà bếp vang lên tiếng vĩ cầm - suốt trong thời gian mang hình dạng mới, Gregor không tài nào nhớ là anh đã bao giờ nghe thấy tiếng vĩ cầm chưa. Ba người khách đã dùng xong bữa ăn, người ngồi giữa lấy ra một tờ báo và chia cho hai người kia mỗi người một trang, rồi tất cả ngả người ra ghế vừa đọc báo vừa hút thuốc thoải mái. Khi tiếng vĩ cầm bắt đầu dạo, họ vểnh tai lên, đứng dậy, bước rón rén đến cửa hành lang, và đứng xúm xít bên nhau. Trong bếp chắc hẳn đã nghe thấy những tiếng chân của họ vì có tiếng bố Gregor hỏi vọng ra: "Tiếng vĩ cầm có quấy rầy quý ông chăng? Nếu cần thiết, nó sẽ chấm dứt ngay". Người khách có uy quyền nhất đáp: "Trái lại, xin mời cô Samsa vào phòng này mà chơi đàn, bên cạnh chúng tôi, ở đây thuận tiện và dễ chịu hơn nhiều". "Xin sẵn lòng", bố Gregor kêu lên, làm như chính ông là người chơi đàn vậy. Ba người thanh niên trở vào phòng khách chờ đợi. Ngay sau đó, bố Gregor mang theo giá nhạc, mẹ anh cầm tập nhạc và em

gái anh với chiếc đàn vĩ cầm xuất hiện. Grete lặng lẽ chuẩn bị mọi thứ để bắt đầu đàn; bố mẹ anh vốn chưa từng cho thuê nhà bao giờ nên họ đã có thái độ lịch sự quá mức đối với khách trọ, thậm chí hai ông bà cũng chẳng dám ngồi vào ghế của họ; bố anh đứng tựa cửa, bàn tay phải thọc vào giữa hai khuy nút của chiếc áo dấu lúc nào cũng trịnh trọng cài kín; một khách trọ đẩy ghế mời mẹ anh, bà để nguyên cái ghế ngay chỗ được đặt, và khép nép ngồi ở đầu mép ghế.

Em gái Gregor bắt đầu đàn; ở hai bên, bố và mẹ anh chăm chú theo dõi chuyển động của hai bàn tay cô. Bị tiếng nhạc lôi cuốn, Gregor đánh liều trườn tới từng chút một cho đến khi đầu anh thò hẳn vào phòng khách. Anh hầu như chẳng cảm thấy ngạc nhiên khi mình càng lúc càng thiếu quan tâm đến người khác dù ngày xưa anh vẫn tự hào mình là người có ý tứ. Vậy mà chính trong trường hợp này, anh lẽ ra càng có lí do hơn bao giờ hết để náu mình, bởi lẽ do lớp bụi bặm dày đặc trong phòng anh, chỉ cần một cử động nhỏ là bốc lên mù mịt, nên cả Gregor cũng bị bụi bám kín người; lông lá và những phần thức ăn thừa kéo lê lết theo sau những xê dịch của anh, bám vào lưng và dọc theo hai bên sườn anh; thế mà Gregor lại dửng dưng với tất cả đến mức không buồn lật ngửa thân hình ra mà chà xát xuống thảm cho sạch, như dạo trước anh thường làm nhiều lần một ngày. Và bất chấp sự bẩn thỉu của mình, không có nỗi xấu hổ nào ngăn nổi anh nhích lần đi trên sàn nhà sạch bong của phòng khách.

Nói cho đúng, không ai hay biết anh vào. Cả gia đình hoàn toàn bị tiếng vĩ cầm thu hút; tuy nhiên, ba người khách trọ thoạt đầu xỏ tay vào túi quần, đứng sát ngay sau giá nhạc để tất cả có thể dò theo nốt nhạc cô gái đang trình tấu - điều này chắc hẳn phải khiến Grete bực mình - nhưng chẳng bao lâu sau, họ rút lui về cửa sổ, chụm đầu lại xầm xì bàn tán và cứ đứng yên ở đó trong lúc bố Gregor lo âu đưa mắt nhìn theo. Thật vậy, nhìn bề ngoài có thể hoàn toàn thấy rõ là họ đã tỏ ra thất vọng trong sự chờ đợi được nghe

tiếng vĩ cầm xuất sắc hoặc thú vị, rằng họ đã chán ngấy cái màn biểu diễn này và chỉ vì lịch sự nên mới chịu để cho sự yên bình của họ tiếp tục bị quấy rối. Cứ nhìn cái lối cả ba không ngừng phun lên không những luồng khói xì gà cuồn cuộn từ mũi, từ miệng thì ai cũng có thể đoán ra sự bực dọc của họ. Tuy nhiên em gái Gregor chơi tuyệt thế cơ mà! Khuôn mặt cô nghiêng về một phía, đôi mắt sầu muộn vẫn chăm chú theo dõi những nốt nhạc. Gregor bò tới thêm chút nữa rồi hạ thấp đầu xuống sàn để đôi mắt của anh có thể gặp luồng mắt của em mình. Anh có phải là một con thú không, khi âm nhạc vẫn còn tác động đến anh mạnh mẽ dường ấy? Anh có cảm tưởng như trước mặt anh đang rộng mở con đường dẫn đến những thức ăn lạ lùng mà anh đã khao khát. Anh quyết định trườn đến gần cô em gái, giật nhẹ vào tà váy để cho cô biết cô phải mang vĩ cầm vào phòng anh, bởi vì ở đây không có ai đánh giá được tiếng đàn của cô như anh. Anh sẽ không bao giờ để cô rời khỏi phòng anh, ít ra cũng đến khi anh chết; hình dạng ghê sợ của anh lần đầu tiên sẽ trở thành có ích cho anh, anh sẽ canh chừng tất cả cửa nẻo trong phòng mình và sẽ phun phì phì vào bất cứ kẻ nào toan đột nhập; nhưng phải làm sao không cần cưỡng bách cô em gái, nên để cô tự nguyện lưu lại với anh, để cô ngồi trên ghế xôpha bên cạnh anh, nghiêng đầu nghe anh tâm sự, giãi bày rằng nếu không vì tai họa này thì Lễ Giáng sinh vừa qua - anh đã quyết tâm cho cô theo học ở Nhạc viện và Lễ Giáng sinh có lẽ đã qua từ lâu rồi ư? - anh đã tuyên bố dự định ấy với mọi người, không cho phép ai phản đối. Sau khi nghe anh tâm sự như thế, chắc hẳn em gái sẽ cảm động đến òa khóc, và khi đó Gregor sẽ rướn mình lên ngang vai cô và hôn vào cổ cô, nơi đã không còn đeo nơ hay những dải lụa màu kể từ lúc em gái anh phải đi làm kiếm sống.

"Ông Samsa!" - người khách trọ chủ chốt lớn tiếng gọi bố Gregor, và không phí thêm một lời nào nữa, hắn chỉ tay về

phía Gregor lúc này đang chậm chạp trườn mình tới trước. Tiếng vĩ cầm im bặt; người khách trọ chủ chốt thoạt tiên lắc đầu mỉm cười với hai người bạn rồi sau đó lại nhìn Gregor. Thay vì xua Gregor đi, dường như bố anh cho rằng cần phải xoa dịu các khách trọ trước đã, mặc dù họ không hề nháo nhác sợ hãi và rõ ràng họ thấy Gregor thú vị hơn hẳn trò diễn tấu vĩ cầm. Bố anh dang tay ra, hấp tấp chạy về phía họ, cố thuyết phục họ về phòng riêng và cùng lúc đó đứng chắn Gregor không cho họ thấy. Lúc này họ đã hơi nổi cáu, không rõ là vì ứng xử của ông già hay là vì họ chớm nhận ra là vô hình trung họ có một tên hàng xóm quái gở như Gregor ở phòng bên cạnh. Họ đòi bố anh phải giải thích, họ cũng vung tay như ông, bực bội giật chòm râu, và rút lui về phòng hết sức miễn cưỡng. Trong lúc ấy, em gái Gregor vừa nãy đứng lặng đi khi cuộc trình tấu của cô bất ngờ bị cắt đứt, bỗng định thần lại sau một hồi đứng nhìn trân trân vào bản nhạc, hai bàn tay buông thõng đờ đẫn cầm cây đàn cùng chiếc vĩ; cô dúi chiếc vĩ cầm vào lòng bà mẹ đang ngồi trên ghế ngạt thở vì cơn suyễn, rồi chạy bay vào phòng của ba người khách trọ trong khi ông bố đang lùa họ đi còn gấp rút hơn trước. Anh có thể nhìn thấy những chiếc gối và chăn thoăn thoắt qua lại dưới những ngón tay thành thạo của cô em và được xếp ngay ngắn. Ba người khách trọ chưa về đến phòng nhưng em gái anh đã dọn xong giường cho họ và lẻn ra ngoài.

Còn ông già có lẽ lại bị chính cái thói tự quyết đoán bướng bỉnh của mình ám ảnh đến nỗi ông quên cả sự tôn trọng cần phải có đối với khách. Ông không ngừng thúc họ đi tiếp, thúc hoài thúc hủy cho đến khi tới chính cửa phòng ngủ thì người khách trọ giẫm chân thình thịch xuống sàn, buộc ông phải thôi. "Tôi xin báo..." - hắn ta vừa nói vừa giơ một bàn tay lên, mắt nhìn về phía mẹ và em gái Gregor - "... rằng do những điều kiện ghê tởm bao trùm căn nhà và gia đình này" - nói đến đấy hắn nhổ toẹt xuống sàn để nhấn mạnh - "Tôi báo

ngay cho các người hay tôi không thuê căn phòng này nữa. Đương nhiên tôi sẽ không trả cho các người một xu nào, kể cả tiền thuê cho những ngày tôi đã sống ở đây, mà trái lại, tôi sẽ tính chuyện khởi tố đòi các người bồi thường trên cơ sở những luận lí có thể dễ dàng chứng minh, các người hãy tin là như thế". Hắn dứt lời và nhìn thẳng trước mắt như thể chờ đợi điều gì. Thực vậy, hai người bạn của hắn tức thời nói chen vào: "Cả chúng tôi cũng không thuê nữa!". Sau đó, hắn vồ lấy nắm cửa và đóng sầm lại.

Bố Gregor giơ hai tay quờ quạng đằng trước lảo đảo bước đi và ngã phịch vào chiếc ghế bành của ông; nếu như đầu ông không giật nẩy từng cơn không kiềm chế được thì người ta ắt lầm tưởng ông đang nằm dài ra đó, ngủ gục như mọi lần. Suốt thời gian ấy, Gregor chỉ nằm yên ngay ở chỗ những người khách trọ đã phát giác ra anh. Anh không sao xê dịch được, do thất vọng vì ý định không thành, có lẽ do cả suy nhược vì quá đói. Anh tin rằng sự căng thẳng chung của cả nhà sắp sửa bùng nổ trút lên đầu anh và anh chờ đợi. Thậm chí, anh không hề phản ứng khi chiếc vĩ cầm trên lòng bà mẹ tuột khỏi những ngón tay run rẩy của bà rơi xuống sàn dội lên một nốt vang động.

"Bố mẹ ơi" - em gái anh vừa nói vừa đập tay xuống bàn thay cho lời mào đầu - "không thể để sự tình tiếp tục như thế này mãi. Có lẽ bố mẹ không nhận ra nhưng con thì thấy rõ quá rồi. Con không muốn gọi tên anh con trước mặt con vật này, cho nên con chỉ nói thế này: ta phải làm sao tống khứ nó đi. Chúng ta đã cố chăm sóc nó và chịu đựng hết mức con người có thể chịu đựng, và con nghĩ rằng sẽ không một ai có thể trách cứ ta chút nào đâu."

"Con bé nói đúng quá chứ còn gì nữa", bố Gregor lẩm bẩm một mình. Mẹ anh vẫn còn ngạt thở, bà ho khan vào lòng bàn tay, ánh mắt lạc thần.

Em gái anh chạy vội tới mẹ, đặt tay lên trán bà. Hồ như

những lời của Grete làm cho suy nghĩ của ông bố rõ ràng hơn, ông ngồi thẳng người, sờ soạng tìm chiếc mũ lưỡi trai đang nằm giữa mấy chiếc đĩa còn lại để trên bàn sau bữa ăn của ba người khách; và chốc chốc lại quan sát thân hình bất động của Gregor.

"Ta phải làm sao rũ bỏ được nó" - em gái lúc này nói thẳng toạc với bố vì mẹ anh đang ho sặc sụa không nghe rõ một lời - "cả bố lẫn mẹ rồi sẽ chết vì nó, con thấy điều đó cũng không còn xa xôi gì đâu. Khi người ta phải làm lụng vất vả như chúng ta, về đến nhà lại thêm sự hành hạ liên tục như thế này thì ai mà chịu đựng nổi. Và ai chứ con thì không thể nào chịu được thêm nữa". Rồi cô gái òa lên khóc nức nở, những giọt nước mắt nhỏ xuống mặt bà mẹ và bị bà gạt đi như cái máy.

"Con ơi" - ông già nói với vẻ thông cảm và đầy am hiểu - "nhưng chúng ta biết làm gì đây?"

Em gái Gregor chỉ nhún vai biểu lộ sự bất lực lúc này hoàn toàn chế ngự cô trong cơn nức nở, trái ngược hẳn với phong thái tự tin của cô ngày trước. "Giá như nó hiểu được chúng ta" - ông bố nói nửa như hỏi, Grete dù đang thổn thức cũng vung mạnh tay để chứng tỏ điều bố nói không thể nào xảy ra. "Giá như nó hiểu được chúng ta" - ông già lặp lại, mắt nhắm nghiền như cân nhắc sự phủ nhận dứt khoát của cô con gái - "thì chúng ta có thể thỏa thuận cách nào với nó cũng nên. Chứ còn thế này thì...".

"Nó phải đi" - em gái Gregor kêu lên - "đó là giải pháp duy nhất, bố ơi. Bố phải cố rũ bỏ ý nghĩ rằng con vật đó lại là anh Gregor. Chính vì lâu nay chúng ta cứ tin vào điều đó nên mới nảy sinh ra bao nhiêu là rắc rối. Nhưng nó làm sao có thể là anh Gregor được? Nếu đó là Gregor thì anh ấy hẳn phải nhận biết từ lâu rằng con người không thể nào sống chung với một con vật ghê tởm như thế được và có lẽ anh ấy đã tự động bỏ đi rồi. Như thế chúng ta thiếu mất một người thân nhưng chúng ta có thể tiếp tục sống và tưởng nhớ mãi đến anh ấy. Còn như thế này thì con vật đó đang làm khổ chúng ta, xua

đuổi hết khách thuê nhà, rõ ràng nó muốn mình nó chiếm trọn căn hộ này và tống chúng ta ra ngủ đường. "Nhìn kìa, bố" - cô gái bất chợt thét lên, "nó lại đang giở trò kìa!". Và trong một cơn hoảng hốt mà Gregor không sao hiểu nổi, em gái anh bỏ cả mẹ mình, đẩy hẳn chiếc ghế ra xa như thể cô thà hi sinh bà mẹ còn hơn ở lại gần kề Gregor đến thế, và cô lao tới nấp sau lưng bố, ông già cũng bật dậy, bối rối bởi sự hoảng loạn của cô con gái, và ông giơ hai tay về phía cô như muốn bảo vệ cô.

Tuy nhiên Gregor không mảy may có ý định làm ai kinh hãi, nhất là đối với em gái mình. Anh chỉ bắt đầu xoay tròn thân hình lại để bò về phòng anh mà thôi, nhưng chắc chắn ai nhìn cái thao tác ấy cũng giật mình ghê rợn, bởi lẽ do tình trạng tàn tật, anh không thể nào thực hiện động tác xoay trở khó khăn này mà không ngóc đầu lên rồi lại bấu xuống sàn, và cứ thế lặp đi lặp lại hoài. Anh nghỉ một lúc cho đỡ mệt và nhìn quanh. Dường như họ đã nhận ra thiện ý của anh, cơn hốt hoảng chỉ là nhất thời. Lúc này tất cả đứng quan sát anh trong im lặng buồn bã. Mẹ anh nằm trên tràng kỉ, hai chân duỗi thẳng đờ, áp vào nhau, mắt hầu như nhắm nghiền vì mệt mỏi, bố và em gái anh đang ngồi bên nhau, cánh tay cô gái quàng qua cổ ông già.

"Có lẽ bây giờ mình có thể tiếp tục quay lại được đấy", Gregor nghĩ thầm và lại bắt đầu công việc nhọc nhằn của mình. Anh không kìm được những tiếng thở hồng hộc vì nỗ lực, chốc chốc anh phải khựng lại để lấy hơi. Không một ai quấy rầy anh nữa, họ hoàn toàn bỏ mặc anh tự xoay xở lấy. Khi anh đã xoay được trọn vòng, lập tức anh bắt đầu bò thẳng về phòng mình. Anh kinh ngạc trước khoảng cách từ chỗ mình đến căn phòng và không hiểu sao vừa nãy trong tình trạng suy yếu thế, anh lại có thể bò ra đến tận đây mà không ai hay biết. Hăm hở bò đi càng nhanh càng tốt, anh không hề để ý rằng gia đình anh không ai thốt ra một lời nào, một tiếng nào cản trở bước tiến của anh. Chỉ khi anh đã tới khung cửa, anh

mới ngoái đầu lại, đầu anh chỉ quay được một chút vì những bắp thịt ở cổ đã tê cứng, nhưng cũng đủ cho anh thấy không có gì thay đổi ở phía sau, chỉ có điều em gái anh giờ đã đứng dậy. Tia nhìn cuối cùng của anh đậu trên người mẹ lúc này đã mê mệt trong giấc ngủ.

Anh vừa lết vào trong phòng thì ai đó đã vội đẩy sập cánh cửa, cài then và khóa kĩ. Tiếng động đột ngột ở phía sau làm anh giật mình đến nỗi những cặp chân nhỏ khụy xuống. Chính em gái anh là kẻ đã tỏ ra vội vàng thế. Cô đã chực sẵn để phóng vọt tới, nhẹ nhàng đến mức ngay cả Gregor cũng không nghe thấy, và cô vừa xoay chìa khóa trong ổ khóa vừa kêu to với bố mẹ: "Thế là xong!".

"Rồi sao nữa đây?" Gregor tự hỏi mình, mắt nhìn quanh trong bóng tối. Chẳng mấy chốc, anh phát hiện ra lúc này anh không sao ngọ ngoậy được lấy một cẳng chân. Điều đó không làm anh ngạc nhiên, mà dường như chính việc những cái chân yếu ớt này lâu nay vẫn giúp anh di chuyển mới là điều khác thường. Ngoài điều đó ra, anh cảm thấy khá dễ chịu. Đành rằng toàn thân anh có đau nhức thật, song cơn đau nhức này có vẻ đang giảm dần và cuối cùng có thể sẽ tan biến. Quả táo thối rữa trên lưng anh cùng đường rãnh bị viêm quanh nó đều phủ đầy bụi mịn, đã hầu như thôi không hành hạ anh nữa. Anh nghĩ đến gia đình với tình yêu thương trìu mến. Anh phải biến mất; đó là một quyết định mà anh hằng nung nấu còn mãnh liệt hơn cả em gái mình - nếu như anh có khả năng thực hiện được. Trong trạng thái suy tư bình an và lơ đãng ấy, anh nằm liệt một chỗ mãi đến lúc chuông đồng hồ trên tháp gõ ba giờ sáng. Ý thức của anh một lần nữa lại tiếp nhận ánh hừng đông đầu tiên dần trải rộng ở thế giới bên ngoài khung cửa sổ. Rồi đầu anh tự động gục xuống sàn nhà và hơi thở mong manh cuối cùng của sự sống thoát khỏi hai lỗ mũi anh.

Sáng sớm, bà giúp việc đến - phần do sốt ruột, phần vì bà rất khỏe, bà ầm ầm đóng sập các cửa phòng, chẳng hề bận

tâm đến lời yêu cầu thường xuyên xin bà đừng làm thế, khiến cho cả căn hộ không ai ngủ yên được sau khi bà đến - bà ta không nhận ra điều chi khác thường lúc hé mắt nhìn vào phòng Gregor theo thói quen. Bà ta tưởng đâu anh cố tình nằm bất động giả vờ giận dỗi; chả là bà ta vốn tin rằng anh có thừa thông minh để làm mọi chuyện. Tình cờ đang cầm chiếc chổi cán dài trong tay, bà đứng ở cửa thử dùng nó để cù cho anh nhột. Khi không thấy anh phản ứng gì, bà cảm thấy mình bị khiêu khích và vung cán chổi chọc mạnh thêm, và mãi đến khi bà đẩy anh trượt trên sàn nhà mà không gặp một chút kháng cự nào thì bà ta mới chú ý hơn. Trong phút chốc bà hiểu ra sự thực và trợn mắt, khẽ rít một tiếng; không phí thời gian, bà giật toang cửa phòng ngủ của ông bà Samsa và mở hết cỡ giọng la lên trong bóng tối: "Ra mà coi này, nó chết rồi; nó nằm chết gí đấy, đi tong rồi!".

Ông bà Samsa giật mình choàng tỉnh trên chiếc giường đôi và sau một lúc vất vả nén cú sốc mới hiểu ra ý nghĩa lời thông báo của bà giúp việc, họ liền nhảy xuống giường thật nhanh, mỗi người một phía, ông Samsa khoác vội chiếc chăn lên vai mình; bà Samsa chỉ mặc phong phanh chiếc áo ngủ, cứ nguyên như thế bà bước vào phòng Gregor. Trong lúc đó, cánh cửa phòng khách, nơi Grete ngủ kể từ lúc phải nhường phòng cô cho khách trọ, cũng đã mở; cô đã ăn mặc chỉnh tề như thể chưa hề lên giường ngủ; vẻ mặt tái nhợt của cô chừng như cũng xác minh điều ấy. "Chết à?" bà Samsa vừa nói vừa nhìn mụ giúp việc, dò hỏi, mặc dù bà đã có thể tự mình thẩm tra điều ấy; mà sự việc rành rành ra đấy lọ là phải thẩm tra. "Tôi tin chắc là thế", mụ giúp việc đáp, và chứng minh lời nói của mình bằng cách dùng cán chổi gạt cái xác của Gregor sang bên một quãng dài. Bà Samsa phác một cử chỉ như định ngăn lại, nhưng rồi lại thôi. "Chà", ông Samsa lên tiếng, "bây giờ thì cám ơn Chúa nhé". Ông làm dấu thánh giá và ba người đàn bà làm theo. Grete hỏi, đôi mắt không rời nhìn vào xác chết: "Xem này, nó gầy ốm làm sao. Suốt một thời gian dài nó có ăn uống gì đâu. Thức ăn đưa vào thế nào thì lấy ra còn

nguyên thế ấy". Quả thực thân hình Gregor dẹp lép và khô đét, mãi đến bây giờ điều đó mới lộ rõ khi nó không còn được những cẳng chân chống đỡ và chẳng còn gì ngăn cản mọi người ngó sát vào tận nơi.

"Grete ơi, lại gần đây với bố mẹ một chút đi con", bà Samsa nói với một nụ cười run rẩy, và Grete đi theo hai người về phòng riêng của ông bà, không khỏi ngoái lại nhìn cái xác lần nữa. Bà giúp việc đóng cửa lớn và mở rộng cửa sổ. Tuy trời mới mờ sáng, đã thấy chút ấm dịu không khí tươi mát. Dù sao đi nữa cũng đã hết tháng ba.

Ba người khách trọ bước ra khỏi phòng và ngạc nhiên khi không thấy bữa điểm tâm sẵn sàng cho họ; họ đã bị bỏ quên. "Bữa điểm tâm đâu?" người khách trọ chủ chốt cáu kỉnh hỏi bà giúp việc. Nhưng bà ta đưa một ngón tay lên môi, rồi không nói một lời, hấp tấp ra hiệu bảo họ nên vào phòng Gregor. Họ làm theo, và tay đút túi áo khoác đã hơi sờn, đứng quanh xác Gregor trong căn phòng lúc này đã sáng bạch. Giữa lúc đó, cửa phòng ngủ của ông bà Samsa bật mở và ông Samsa xuất hiện trong bộ đồng phục, một tay ôm vợ, một tay ôm con gái. Cả ba có vẻ như vừa khóc xong; chốc chốc Grete lại giấu mặt vào cánh tay bố.

"Ra khỏi nhà ta ngay!" ông Samsa vừa nói vừa chỉ ra cửa, tay vẫn ôm hai người đàn bà không rời. "Thế nghĩa là thế nào?" người khách trọ chủ chốt ngỡ ngàng kêu lên, một nụ cười yếu ớt trên môi. Hai người kia chắp tay sau lưng, không ngừng xoa vào nhau như thể khoái chí chờ đợi một cuộc ẩu đả hay ho mà họ tất phải nắm phần thắng. "Nghĩa là thế, đúng như ta nói đấy", ông Samsa đáp và cùng với hai người đàn bà tiến thẳng đến người khách trọ. Thoạt đầu, hắn cứ đứng nguyên một chỗ, mắt nhìn xuống sàn tựa hồ những ý nghĩ trong đầu hắn đang chuyển sang một nếp mới. "Vậy thì chúng tôi đi, tất nhiên", hắn nói và ngẩng lên nhìn ông Samsa như thể, không hiểu sao hắn bỗng hiền lành hẳn đi, chờ ông cho phép ngay cả trong trường hợp này. Ông Samsa chỉ khẽ gật

đầu vài cái, ánh mắt đầy hàm ý. Thấy thế, người khách trọ sải bước ra hành lang, lần này thì đi thật, hai người bạn của hắn nãy giờ đứng lắng nghe và đã thôi không xoa tay nữa cũng hấp tấp bước theo hắn như thể sợ ông Samsa có thể nhanh chân đi ra hành lang trước họ, cắt rời họ khỏi người cầm đầu. Ở hành lang, cả ba lấy mũ nón trên kệ xuống, lấy batoong ở giá mắc ô dù ra, im lặng cúi đầu chào rồi rời căn hộ. Với sự ngờ vực hoàn toàn vô căn cứ, ông Samsa cùng hai người đàn bà đi theo họ ra đến thềm cầu thang, cúi mình qua lan can nhìn theo bóng người đang bước xuống thang lầu, chậm chạp nhưng chắc chắn; cứ xuống hết một tầng lầu lại biến mất ở góc ngoặt của cầu thang để rồi lát sau lại hiện ra; bóng họ càng nhỏ đi thì sự chú ý của gia đình Samsa dõi theo họ càng giảm, và khi thằng bé hàng thịt gặp họ trên cầu thang rồi vượt qua họ tiếp tục đi lên lầu một cách kiêu hãnh với chiếc mâm đội trên đầu thì ông Samsa cùng hai người đàn bà liền rời thềm cầu thang bước vào nhà như thể vừa trút được một gánh nặng.

Họ quyết định suốt ngày hôm nay sẽ nghỉ ngơi và dạo phố; họ không những xứng đáng được hưởng một dịp nghỉ ngơi như thế này mà đó còn là điều tuyệt đối cần thiết đối với họ. Thế là họ ngồi vào bàn, viết ba lá thư xin phép; ông Samsa viết cho ban giám đốc ngân hàng, bà Samsa cho ông chủ hãng may mặc, và Grete cho giám đốc hãng buôn. Trong lúc họ đang viết, mụ giúp việc bước vào chào ra về vì công việc buổi sáng của bà ta đã hoàn tất. Thoạt tiên họ chỉ gật đầu không ngước nhìn lên, nhưng mụ ta cứ đứng chờn vờn ở đó mãi khiến họ bực dọc nhìn mụ. “Sao?” ông Samsa hỏi. Mụ giúp việc đứng ở khung cửa cười toe toét làm như mụ có tin vui muốn truyền đạt cho gia đình nhưng chỉ nói ra khi nào được hỏi tử tế. Chiếc lông đà điểu dựng đứng trên chiếc mũ của mụ đã từng làm ông Samsa khó chịu ngay từ khi thuê mụ bây giờ đang phởn phơ vung vẩy khắp mọi hướng. “Sao, có chuyện gì vậy?” bà Samsa hỏi - bà là người được mụ giúp

việc kính nể hơn hai người kia. “Ôi - mụ ta vừa đáp vừa cười ngặt nghẽo không nói ngay được - ông bà không cần phải lo chuyện vứt bỏ con vật ở phòng bên đâu. Tôi đã lo liệu xong xuôi rồi”. Bà Samsa và Grete lại cúi đầu xuống viết thư tiếp như thể đang bận rộn lắm; ông Samsa thấy rõ mụ đang háo hức muốn mô tả chi tiết những gì mụ đã làm nên kiên quyết xua tay ngăn mụ lại. Bởi chưng không được phép kể con cà con kê, mụ sực nhớ mình đang vội, mụ kêu to với vẻ rõ ràng là tự ái: “Chào tất cả” rồi vùng vằng quay lưng bỏ đi với những tiếng đóng cửa ầm ầm.

“Tối nay sẽ cho mụ thôi việc”, ông Samsa bảo, nhưng cả vợ lẫn con gái không ai buồn trả lời ông, vì mụ giúp việc dường như đã đập tan tành chút bình tĩnh họ vừa mới đạt được. Hai người đàn bà đứng lên, đi đến cửa sổ và đứng đó, ôm ghì lấy nhau. Ngồi trong chiếc ghế bành, ông Samsa xoay người lại nhìn theo và lặng lẽ quan sát họ một lát. Rồi ông gọi: “Lại đây nào, mau đi. Chuyện đã qua rồi thì cho nó qua luôn. Và các người lẽ ra phải quan tâm đến tôi một tí chứ”. Hai mẹ con răm rắp tuân theo, bước vội đến chỗ ông, vỗ về ông, rồi hối hả viết nốt các lá thư.

Sau đó cả ba cùng nhau xuống phố, điều mà bao tháng nay họ không có dịp làm, và đáp tầu điện về miền quê thoáng đãng ở ven đô. Họ là những hành khách duy nhất trên chiếc tầu điện tràn ngập nắng ấm. Thoải mái ngả lưng ra ghế, họ phác họa những viễn cảnh tương lai, và nếu xét cho kĩ thì những viễn cảnh ấy cũng không có gì u ám, vì cả ba đều có công ăn việc làm, công việc nào cũng thích hợp và hứa hẹn nhiều tiền đồ tươi sáng - điều mà lâu nay họ chưa một lần nào bàn luận thực sự với nhau. Tất nhiên nếu họ dời sang một căn nhà khác thì chắc chắn tình trạng của họ sẽ lập tức được cải thiện bội phần; họ cần một căn nhà nhỏ hơn, rẻ hơn nhưng đồng thời cũng ở địa thế tốt hơn và dễ trông coi hơn là căn hộ họ đang ở, căn hộ mà Gregor đã chọn. Giữa lúc bàn cãi, cả ông Samsa lẫn bà vợ gần như

đồng thời sững sốt khi họ nhận ra thái độ càng lúc càng sôi nổi của cô con gái; dù đôi má cô vẫn còn nhợt nhạt sau một thời gian dài chồng chất bao sầu muộn, Grete đã bừng nở thành một cô gái xinh tươi với vóc dáng thanh tú. Hai ông bà trở nên trầm lặng hơn và bất giác liếc mắt nhìn nhau thầm đồng ý với một kết luận: đã đến lúc phải tìm cho cô một người chồng tử tế. Và như để khẳng định cho những mơ ước mới mẻ cùng với những ý đồ tốt đẹp của bố mẹ, đến cuối cuộc hành trình, người con gái đứng dậy trước tiên và vươn thẳng tấm thân thanh xuân phơi phới.

VỤ ÁN

(Tiểu thuyết)

PHÙNG VĂN TỬU *dịch*

CHƯƠNG I
VỤ BẮT BỚ JÔZEP K..
CUỘC TRÒ CHUYỆN VỚI BÀ GRUBACH
RỒI VỚI CÔ BƠCXNE

Chắc hẳn là người ta đã vu oan cho Jôzep K., bởi vì chẳng làm điều gì nên tội, thế mà một buổi sáng kia anh bị bắt. Chị nấu bếp của bà Grubach, chủ cho thuê nhà, hàng ngày vẫn mang bữa ăn sáng đến cho anh vào lúc tám giờ, sớm hôm ấy không thấy tới. Trước đây có thế bao giờ đâu. K. đợi thêm một lúc nữa, đầu vẫn vùi trong gối nhìn bà già ở bên phòng đối diện đương tò mò soi mói anh mới kì lạ làm sao, rồi vừa đói vừa ngạc nhiên, anh bấm chuông gọi chị giúp việc. Đúng lúc ấy có tiếng đập cửa và một người đàn ông bước vào, anh chưa từng gặp nhân vật ấy trong tòa nhà này bao giờ. Hắn người mảnh khảnh nhưng chắc nịch, mặc chiếc áo đen bó lấy người, có thắt lưng và đủ thứ nào li áo, nào túi, nào khoá, nào khuy khiến cho bộ trang phục có vẻ như đặc biệt thực dụng lắm, song chẳng hiểu tất cả những thứ ấy dùng để làm gì.

- Ông là ai? - K. ngồi bật dậy hỏi.

Nhưng người đó lờ đi không trả lời, như thể đã vào nhà thì phải tiếp là chuyện đương nhiên, mà lại hỏi:

- Ông bấm chuông phải không?

- Anna phải mang bữa ăn sáng đến cho tôi, - K. nói, mới đầu cố lặng lẽ suy đoán xem cái ông này là ai. Nhưng hắn không để cho anh có thì giờ quan sát; hắn quay ra mở hé cửa nói với một người nào đấy chắc là đứng ngay bên ngoài:

- Nó muốn Anna mang bữa ăn sáng đến cho nó!

Tiếp theo là tiếng cười khúc khích ở phòng bên cạnh; nghe tiếng, anh đoán bên đó có nhiều người. Mặc dầu người lạ chắc đã thừa biết tiếng cười ấy là thế nào rồi, hắn vẫn tuyên bố với K. "Không được" bằng một giọng hách dịch.

- Thế này thì quá lắm, - K. trả lời, nhảy ra khỏi giường để xỏ chân vào quần. - Tôi rất muốn biết những kẻ ở phòng bên cạnh kia là ai và bà Grubach sẽ giải thích làm sao bà lại có thể để cho người ta đến quấy rầy tôi thế này.

Anh chợt nghĩ lẽ ra chẳng nên nói to như vậy, vì làm thế có vẻ như đã vô hình trung thừa nhận quyền kiểm soát của người lạ, nhưng lúc ấy anh có đếm xỉa gì đâu. Song người kia như hiểu ý anh tuy đúng ra chẳng cần thiết, bởi vì hắn bảo anh:

- Ông không thích ở lại đây hơn ư?

- Tôi chẳng muốn ở lại đây mà cũng chẳng muốn nghe ông nói chừng nào ông không cho biết ông là ai.

- Tôi làm thế là với thiện ý, - người lạ nói, và hắn bỗng mở toang cửa.

Căn phòng bên mà K. cố ra vẻ chậm chạp bước vào, mới thoạt nhìn quang cảnh cũng gần giống như hôm trước. Đó là phòng khách của bà Grubach; có lẽ căn phòng bừa bộn những đồ đạc, đăng ten, đồ sứ và ảnh chụp ấy gọn gàng hơn thường ngày một chút, nhưng mới bước vào không ai để ý vì sự thay đổi chủ yếu là có một người đàn ông ngồi gần cửa sổ mở toang, tay cầm quyển sách, thấy Jôzep K. vào thì ngẩng đầu lên.

- Lẽ ra ông phải ở lại trong phòng của ông chứ, Franz không bảo cho ông biết ư?

- Các ông, tôi muốn được biết là các ông muốn gì, - K. nói, đưa mắt ra ngưỡng cửa nhìn người có tên là Franz, rồi quay lại ngay.

Nhìn qua cửa sổ, vẫn thấy bà già túc trực bên cửa sổ căn phòng của bà - lúc này ở ngay trước mặt - đương tò mò nhìn hau háu để xem cho tường tận mọi chuyện sắp diễn ra.

- Dẫu sao, - K. nói, - thì bà Grubach cũng phải...

Rồi anh quay ngoắt lại như muốn bứt ra khỏi hai người lạ để tiếp tục bước đi, tuy họ đứng cách xa anh.

- Chớ, - gã đàn ông ngồi gần cửa sổ vừa nói vừa quẳng sách xuống chiếc bàn nhỏ và đứng lên, - ông không có quyền đi ra, ông bị bắt.

- Tôi cũng đã cảm thấy như thế, - K. nói. - Nhưng tại sao cơ chứ? - anh hỏi tiếp.

- Chúng tôi tới đây không phải để nói cho ông biết điều đó. Hãy quay về phòng của ông đi và đợi đấy. Việc xét xử đã bắt đầu, rồi ông sẽ biết rõ đầu đuôi. Tôi nói với ông nhã nhặn thế này là đã vượt quá nhiệm vụ của tôi rồi đấy. Nhưng tôi hi vọng là chẳng ai nghe thấy tôi nói trừ Franz là người cũng đối xử thân thiện với ông trái với mọi điều quy định. Nếu sau này ông vẫn gặp may mắn như thế với những kẻ canh giữ ông, thì thật là phúc cho ông đó.

K. muốn ngồi, nhưng anh liền nhận ra rằng trong phòng không có chiếc ghế nào, trừ chiếc ghế tựa ở gần cửa sổ.

- Rồi ông sẽ thấy rõ là chúng tôi đã nói rất thật với ông, - Franz nói và tiến lại gần anh, bạn hắn bước theo sau.

K. hết sức ngạc nhiên, nhất là về gã đi sau, hắn vỗ vỗ lên vai anh nhiều lần. Cả hai đứa nhìn chiếc áo ngủ anh đang mặc và bảo lẽ ra anh phải mặc một chiếc áo tồi hơn, nhưng thôi, chúng sẽ giữ gìn hết sức cẩn thận chiếc sơ mi ấy cũng như tất cả những quần áo khác của anh, và sẽ trả lại anh trong trường hợp vụ này kết thúc tốt đẹp.

- Đồ đạc của ông nên gửi gắm cho chúng tôi thì hơn, - chúng bảo anh, - vì để trong kho hay xảy ra những chuyện gian lận, vả chăng sau một thời gian nhất định, người ta mang bán lại tất, chẳng cần biết án xử đã xong chưa. Hơn nữa, những vụ án như loại này chưa biết sẽ kéo dài bao lâu, nhất là trong thời gian gần đây. Nói cho cùng, bán được bao nhiêu, khó cũng sẽ trả lại cho ông, nhưng trước hết tiền nong chẳng được là bao, vì giá cả có phải do hàng tốt hay xấu quy định đâu mà do hối lộ ít hay nhiều, sau nữa kinh nghiệm cho

thấy quá rõ rằng những món tiền ấy qua tay người này người khác mỗi năm cứ mòn dần đi.

K. hầu như không chú ý nghe những lời chúng nói; đối với anh, áo quần mất hay còn không quan trọng lắm; cái xem ra cần kíp hơn rất nhiều là hiểu được hoàn cảnh của mình; nhưng đứng trước bọn chúng, ngay đến cả suy nghĩ, anh cũng không suy nghĩ được; cái bụng của gã thanh tra thứ hai - rõ ràng đó chỉ có thể là những gã thanh tra - cứ chốc chốc lại áp vào người anh một cách hết sức thân thiết, nhưng khi ngước mắt lên, anh phát hiện thấy một cái đầu khô khốc và xương xẩu, có cái mũi vẹo vọ to tướng, chẳng hợp với tấm thân phốp pháp ấy chút nào, cái đầu bản thân nó như một người riêng biệt đương bàn tính với gã thanh tra thứ nhất. Những đứa này là ai thế nhỉ? Chúng nói chuyện gì vậy? Chúng thuộc sở nào? K. sống trong một quốc gia lập hiến cơ mà. Cuộc sống thanh bình khắp nơi! Luật pháp được tôn trọng! Kẻ nào dám đến đây xông vào nhà anh? Anh vẫn có khuynh hướng xem nhẹ mọi việc, chỉ tin là có chuyện chẳng lành khi chuyện đó đã xảy ra, và chẳng bao giờ phòng bị cho tương lai, ngay cả khi mối nguy cơ đe dọa; nhưng trong trường hợp này, anh cảm thấy thái độ đó không phù hợp; chắc đây chỉ là chuyện đùa nghịch, một trò đùa lỗ mãng do các bạn đồng nghiệp của anh ở ngân hàng bày đặt ra vì những lí do gì anh không biết - có lẽ vì hôm nay là sinh nhật lần thứ ba mươi của anh cũng nên - có lẽ đúng thế rồi; có khi anh chỉ cần phá lên cười là mấy đứa canh giữ anh cũng phá lên cười theo; có thể mấy tên ra dáng thanh tra kia chỉ là mấy gã cớm quèn ở phố; trông bọn chúng giống lắm; song, từ lúc thấy Franz, K. đã quyết định không chịu lép với bọn chúng. Nếu sau này có ai chê anh là người ta đùa mà cóc biết, thì cũng được thôi, chẳng phải chuyện nguy hiểm to tát gì; vốn là người ít gặp may mắn nhờ có kinh nghiệm, anh nhớ lại có một số trường hợp cố tình xử sự một cách khinh suất, đối lập với bạn bè, hóa đâm dại. Sẽ không để tái diễn như thế nữa, ít nhất là lần này. Họ đóng kịch ư, thì anh cũng đóng kịch.

Lúc đó, anh còn được tự do.

- Cho phép tôi, - anh nói, và lách qua bọn canh giữ, anh bước vội về phòng mình.

- Hắn xem ra biết điều đấy, - anh nghe sau lưng có người nói.

Vừa về đến phòng, anh sầm sầm mở các ngăn kéo bàn giấy: tất cả đều hết sức ngăn nắp gọn gàng, nhưng vì xúc động, anh tìm mãi không ra giấy căn cước. Cuối cùng vớ được giấy đăng kí xe đạp, anh đã định xuất trình cho tên canh giữ, nhưng lại thôi vì xét thấy giấy tờ như thế chưa đủ và tiếp tục lục lọi cho đến khi tìm thấy một bản sao giấy khai sinh. Khi anh trở lại phòng bên, cái cửa phía trước mặt mở ra và bà Grubach đương sắp sửa bước vào. Song, người đàn bà ấy chỉ xuất hiện thoáng một lát, vì vừa nhận ra anh, bà lúng túng ra mặt, xin lỗi, biến đi và đóng cửa lại hết sức cẩn thận.

- Bà cứ vào!

K. chỉ kịp nói với bà có thế. Anh đứng sững ở giữa phòng, giấy tờ cầm trong tay, nhìn cánh cửa không mở ra nữa; một tiếng gọi của bọn canh giữ làm cho anh sực tỉnh; chúng đương ngồi chén bữa sáng của anh bên chiếc bàn kê trước cửa sổ mở rộng.

- Tại sao bà ta không vào? - anh hỏi.

- Bà ấy không có quyền, - người canh giữ cao lớn hơn nói. - Ông biết rằng ông bị bắt.

- Sao tôi lại bị bắt? Hơn nữa, còn theo kiểu như thế này?

- Đấy đấy ông lại bắt đầu rồi! - gã thanh tra nói và nhúng lát bánh mì có phết bơ vào trong chiếc lọ mật ong nhỏ. - Chúng tôi không trả lời những câu hỏi như thế đâu.

- Các người sẽ buộc phải trả lời, - K. nói. - Các giấy tờ căn cước của tôi đây; giờ thì hãy đưa tôi xem giấy tờ của các người, nhất là trát bắt giam.

- Trời đất ơi! Trời đất ơi! - tên canh giữ nói. - Mãi ông không chịu nghe ra cho! Ông dường như chỉ tìm cách trêu tức chúng tôi vô ích, thế mà chúng tôi lúc này đây chắc lại là những người đối xử tốt nhất với ông trên đời.

- Vì người ta bảo ông điều đó, - Franz giải thích, và đáng lẽ đưa tách cà phê đương cầm trong tay lên môi, hắn lại đưa mắt nhìn K. một cái rất lâu có lẽ chứa đầy ý nghĩa, nhưng K. chẳng hiểu gì hết.

Tiếp đó hai người còn đối thoại với nhau bằng mắt mãi tuy K. không muốn, song cuối cùng anh cũng đưa giấy tờ ra và nói:

- Giấy tờ của tôi đây.

- Bọn này cần gì đến những thứ đó? - gã cao lớn liền thốt lên. - Ông xử sự thật tệ hơn con nít. Thế ông muốn gì nào? Ông tưởng rằng cãi vã với bọn tôi, những kẻ canh giữ ông, về trát bắt giam và các giấy tờ căn cước là có thể làm cho vụ án đáng nguyền rủa này sớm kết thúc được hay sao? Bọn tôi chỉ là các nhân viên cấp dưới; bọn tôi hầu như chẳng hiểu gì về những giấy tờ căn cước và chẳng phải làm gì khác ngoài việc canh giữ ông mỗi ngày mười tiếng và sau đó lĩnh tiền công. Chỉ có thế; nhưng chẳng phải vì vậy mà bọn tôi không biết rằng các nhà chức trách giao cho bọn tôi công việc này đã điều tra rất tỉ mỉ những lí do bắt giam trước khi phát lệnh bắt. Không thể nào có chuyện lầm lẫn được. Các nhà chức trách mà bọn tôi đại diện - mà bọn tôi cũng chỉ biết qua các cấp dưới của họ mà thôi - không phải loại người đi bới những tội trạng trong dân gian, mà là loại người, như luật pháp nói, bị "lôi cuốn", bị sử dụng vào tội trạng, vì thế họ phải phái bọn tôi đi, bọn tôi, những kẻ gác tù. Luật pháp là thế, làm sao có thể lầm lẫn vào đâu được?

- Tôi không biết cái luật ấy, - K. nói.

- Ông sẽ phải hối hận, - gã canh giữ bảo.

- Chắc chắn nó chỉ tồn tại trong đầu ông thôi, - K. đáp.

Anh chỉ muốn tìm cách len vào trong ý nghĩ của mấy gã canh giữ, xoay chuyển ý nghĩ ấy theo hướng chiếu cố đến anh, hoặc hiểu thật rõ chúng đương nghĩ gì. Nhưng gã canh giữ khéo lẩn tránh mọi sự giải thích bằng cách tuyên bố:

- Rồi ông sẽ rõ, khi nào ông cảm thấy luật ấy đi qua!

Franz xen vào:

- Cậu thấy không, Vilem, - hắn nói, - nó thừa nhận là chẳng biết luật lệ gì cả, nhưng đồng thời lại cứ khăng khăng là không có tội!

- Cậu chí lí lắm, - gã kia nói, - chẳng có gì làm cho nó hiểu ra được.

K. không trả lời nữa.

"Chẳng lẽ cứ để cho những lời ba hoa của lũ nhân viên cấp dưới kia quấy rầy mình ư - anh nghĩ - vì bản thân chúng cũng thừa nhận chúng không là cái gì khác? Xét ra, chúng nói về những chuyện chúng hoàn toàn chẳng hiểu mô tê gì. Chúng vững tin chẳng qua chỉ là do chúng ngốc nghếch mà thôi. Vài ba lời trao đổi với một viên chức bằng vai phải lứa với ta sẽ giúp ta hiểu rõ cảnh ngộ của mình hơn rất nhiều những lời lẽ dông dài của hai thằng cha này."

Anh đi bách bộ một lúc trong khoảng trống của căn phòng và nhìn thấy bà lão ở phòng phía trước kéo một ông lão còn lụ khụ hơn bà đến tận cửa sổ, tay quàng qua người ông.

K. cảm thấy cần thiết phải chấm dứt cái trò này đi.

- Dẫn tôi đến gặp cấp trên của các người, - anh nói.

- Khi nào cấp trên đòi hãy hay, - gã canh giữ có tên là Vilem nói. - Còn bây giờ, tôi khuyên ông, - hắn nói thêm, - hãy quay về phòng mình và bình tĩnh đợi người ta xét xử. Đừng lo lắng cho mệt người vô ích, chúng tôi khuyên ông như thế đấy; ông nên chuẩn bị sức khỏe thì hơn, vì sẽ rất cần lắm đấy. Nãy giờ, ông đối xử không xứng đáng với sự có mặt của chúng tôi ở đây, ông quên rằng dù là người thế nào đi nữa thì ít nhất lúc này đây, trước mặt ông, chúng tôi cũng là những con người tự do, và ưu thế ấy đâu phải là nhỏ. Song chúng tôi cũng sẵn sàng, nếu ông có tiền, bảo người sang tiệm cà phê trước mặt kia kiếm về cho ông chút gì ăn lót dạ.

K. không trả lời đề nghị ấy; anh đứng lặng một lúc không nói gì. Có thể hai tên canh giữ cũng chẳng ngăn cản nếu anh tìm cách mở cửa phòng bên cạnh, hay thậm chí mở cửa ra

ngoài tiền sảnh! Có lẽ cần phải làm toáng lên muốn ra sao thì ra? Biết đâu đó chính là chìa khóa của tình huống này.

Nhưng cũng rất có thể bọn canh giữ sẽ chặn lại ngay nếu anh dở dói điều gì: lúc ấy thì ôi thôi đi đời cái ưu thế mà dẫu sao anh vẫn giữ được đối với bọn chúng về một số phương diện nào đấy! Vì vậy, anh đành đợi một giải pháp ít bấp bênh hơn, cứ để cho sự việc diễn tiến tự nhiên đến đâu hay đấy. Anh liền quay về phòng, không nói thêm một lời nào nữa.

Tại đây, anh ngồi phịch xuống giường, với tay lên bàn cạo râu lấy một quả táo rất ngon, hôm trước anh để dành sớm mai ăn lót dạ. Anh chỉ còn mỗi quả táo ấy, nhưng vừa cắn một miếng, anh thấy ngay nó còn giá trị hơn rất nhiều so với đồ ăn thức uống mà bọn canh giữ có thể ban ơn sai người đến một tiệm cà phê đêm bẩn thỉu nào đó kiếm mang về cho anh. Anh cảm thấy dễ chịu và yên tâm; sáng nay thế là rõ ràng nhỡ buổi đến ngân hàng làm việc, nhưng do anh giữ một chức vụ tương đối cao, người ta chắc sẽ dễ dàng miễn thứ cho anh. Có nên nói rõ lí do ra không? Anh định sẽ nói. Nếu mọi người không tin, kể ra cũng là lẽ đương nhiên, anh có thể dẫn ra mấy người làm chứng là bà Grubach hay hai ông bà lão hiện đương đi tới đứng bên cửa sổ ngay trước phòng của anh. Đặt mình vào địa vị mấy tên canh giữ, K. lấy làm lạ tại sao chúng lại đuổi anh về phòng một mình, nếu anh muốn tự tử thì dễ quá. Nhưng đồng thời, ở vào địa vị của chính mình, anh lại tự hỏi việc gì mà phải chết. Chẳng lẽ tự tử vì hai đứa ấy chén mất bữa sáng của anh trong phòng bên cạnh hay sao! Tự tử vô lí quá đến nỗi dù anh có muốn tự tử, anh cũng thấy thật là ngớ ngẩn đến mức sẽ chẳng bao giờ tự tử nổi. Nếu bọn canh giữ kia chẳng phải là những kẻ thiển cận sờ sờ ra đấy, ta có thể nghĩ rằng cũng chính vì lí do đó nên chúng mới không thấy có gì nguy hiểm khi để mặc anh một mình. Nếu thích, chúng có thể cứ việc nhìn anh! Chúng sẽ nhìn thấy anh đi lấy chai rượu mạnh để lâu ngày rất ngon cất tận trong cùng chiếc tủ nhỏ, cạn một cốc để thay cho bữa ăn sáng, và một cốc thứ hai để lấy can

đảm, nhưng chỉ là do cẩn thận đề phòng trường hợp vạn nhất cần thiết đến sự can đảm ấy.

Vừa lúc đó, anh sợ hãi giật nẩy mình đến nỗi cốc va vào răng khi nghe phòng bên có người gọi.

- Ngài đội cho đòi ông lên, - họ bảo anh.

Anh sợ chỉ là do tiếng gọi ấy, tiếng gọi cộc lốc như một mệnh lệnh nhà binh mà anh chẳng bao giờ nghĩ rằng lại có thể là tiếng gọi của tên canh giữ Franz. Còn bản thân mệnh lệnh thì lại làm cho anh thích thú; anh trả lời "rồi!" bằng một giọng khoan khoái, khóa cái tủ nhỏ lại và bước vội sang phòng bên. Anh thấy ở đấy hai gã thanh tra, chúng lập tức xua đuổi anh trở về phòng, như đó là lẽ đương nhiên.

- Hay nhỉ, - chúng thét, - ông định mặc áo lót lên gặp ngài đội hay sao? Ngài sẽ tẩn cho ông một trận và nhân dịp tẩn cả bọn tôi nữa.

- Để cho tôi yên thân vậy, mẹ kiếp, - K. kêu lên, anh bị dồn đến sát chiếc tủ, - đến bắt người ta khi đang ngủ trên giường thì trông chờ thấy người ta mặc bộ đồ khiêu vũ thế nào được!

- Bọn tôi biết làm sao, - hai gã thanh tra nói, chúng có vẻ buồn bã mỗi lần K. kêu lên, khiến cho anh bối rối hoặc trở nên biết điều đôi chút.

- Nghi thức lố bịch, - anh còn lầu bầu, nhưng cũng đã cầm lấy chiếc áo vét trên lưng ghế; anh giữ nguyên chiếc áo buông thõng một lúc bằng cả hai bàn tay như để cho mấy gã thanh tra xem có được không. Chúng lắc đầu.

- Phải mặc áo vét đen, - chúng nói.

K. liền vứt áo vét xuống đất và nói, mà bản thân anh chẳng hiểu là nói gì:

- Nào có phải chuyện gì to tát trọng thể đâu!

Mấy gã thanh tra mỉm cười, nhưng cố nén lại.

- Phải mặc áo vét đen, - chúng nói.

- Nếu nhờ vậy mà mọi việc chóng vánh thì cũng được thôi, - K. nói, và anh tự mình mở tủ, tìm rất lâu trong đống quần áo,

chọn bộ đồ đen đẹp nhất của anh, một chiếc áo jaket may bó sát lấy người đã từng làm cho bạn bè quen biết của anh phải trầm trồ, anh cũng lấy ra một chiếc áo sơ mi sạch và bắt đầu đóng bộ rất cẩn thận. Trong thâm tâm, anh còn nghĩ đã đẩy nhanh được mọi việc bằng cách làm cho bọn thanh tra quên không bắt anh tắm rửa. Anh để ý dò xét xem liệu chúng có sắp sửa nhắc anh phải đi tắm không, nhưng tất nhiên là chúng không nghĩ đến; ngược lại Vilem không quên cử Franz đến báo cho ngài đội biết là K. đương mặc quần áo.

Khi đã quần áo chỉnh tề, anh phải đi ngang qua phòng bên cạnh, có Vilem kèm sát, để tới phòng kế tiếp, cửa đã mở rộng cả hai cánh. Căn phòng ấy, K. biết rất rõ, là phòng ít lâu nay cô Bơcxne ở, cô là thư kí đánh máy, hàng ngày đi làm từ tờ mờ sáng cho mãi tới khuya mới về, khi gặp nhau, hai người chỉ gật đầu chào hỏi. Cái bàn để đèn đêm trước vẫn kê ở đầu giường, nay được kéo ra giữa phòng để dùng làm bàn giấy cho ngài đội đương ngồi phía sau. Hai chân lão bắt chéo, một cánh tay tì lên lưng ghế tựa.

Trong một góc phòng, có ba thanh niên đương xem ảnh cô Bơcxne; các tấm ảnh treo vào một chiếc mành nhỏ trên tường. Một chiếc áo choàng trắng móc ở quả đấm cửa sổ để mở. Phía trước mặt, hai ông bà lão đã lại đến xem; cả hai cúi gập người trên bậu cửa sổ, nhưng phía sau lưng các cụ bây giờ còn có thêm một tay đàn ông cao lớn vượt hơn các cụ hẳn nửa người, áo sơ mi để phanh trước ngực, tay rứt rứt bộ ria mép màu hung.

- Jôzep K. hả? - viên đội hỏi, có lẽ chỉ là để cho bị cáo đương nhìn lơ đãng phải chú ý đến y.

K. gật đầu.

- Chắc ông ngạc nhiên lắm về những sự kiện xảy ra sáng nay? - viên đội hỏi, hai tay xê dịch mấy thứ đồ vật trên chiếc bàn để đèn đêm - cây nến, những que diêm, quyển sách và hộp kim chỉ - dường như lão cần dùng đến những dụng cụ ấy trong lúc xét hỏi.

- Nhất định rồi, - K. nói, anh sung sướng được đối diện với một con người biết điều và có thể nói với người ấy về vụ việc của anh, - nhất định rồi, tôi ngạc nhiên nhưng không phải là ngạc nhiên lắm.

- Không ngạc nhiên lắm? - viên đội hỏi và đặt lại cây nến ra giữa chiếc bàn con, còn mấy thứ kia thì xếp chung quanh.

- Có lẽ ông hiểu lầm ý tôi định nói, - K. vội giải thích. - Tôi muốn nói, - nhưng đến đây anh ngừng lại để tìm một chiếc ghế. - Tôi có thể ngồi, phải không ạ? - anh hỏi.

- Thường lệ không thế, - viên đội trả lời.

- Tôi muốn nói, - K. nhắc lại và không ngừng lời nữa, - tuy tôi rất ngạc nhiên, nhưng đã ba mươi năm sống ở trên đời và phải hoàn toàn tự lực cánh sinh, tôi đã ít nhiều chai sạn với những sự ngạc nhiên, nên cũng xem thường, nhất là chuyện ngạc nhiên ngày hôm nay.

- Tại sao lại nhất là chuyện ngạc nhiên ngày hôm nay?

- Tôi không muốn nói tôi xem chuyện xảy ra đây là một trò đùa; người ta dàn ra lắm thứ thế này chắc không phải chuyện đùa. Nếu là đóng kịch thì ắt tất cả những người trong nhà đều tham gia, kể cả ông nữa; như thế sẽ vượt những giới hạn của một trò đùa. Vì vậy tôi không muốn nói đây là một trò đùa.

- Rất đúng, - viên đội vừa nói vừa đếm diêm trong bao.

- Nhưng mặt khác, - K. quay về phía mọi người nói tiếp, anh rất muốn mấy tay thanh niên xem ảnh cũng quay lại nghe, - nhưng mặt khác, việc này xem ra cũng chẳng có gì quan trọng lắm. Sở dĩ nói thế vì tôi bị buộc tội mà chẳng thấy mình có một chút lỗi lầm nào đáng trách cả. Nhưng đó vẫn chỉ là điều thứ yếu. Cái chính là tôi muốn biết ai buộc tội tôi? Cơ quan nào điều khiển vụ án? Các ông có phải là viên chức không? Chẳng ai mặc đồng phục cả, trừ phi gọi bộ quần áo này là đồng phục - và anh chỉ quần áo Franz đương mặc - bộ quần áo du lịch bình thường thì đúng hơn. Đó là những điểm tôi yêu cầu ông nói cho rõ; tôi tin rằng sau khi

giải thích đâu vào đấy, chúng ta có thể hết sức thân ái chia tay nhau.

Viên đội lại đặt bao diêm xuống bàn.

- Ông lầm to, - y nói. - Trong vụ này, mấy người kia và cả tôi đều giữ một vai trò hoàn toàn thứ yếu. Chúng tôi thậm chí hầu như không biết gì. Dù chúng tôi có mặc đồng phục hết sức đúng quy cách chăng nữa thì việc của ông cũng chẳng bớt đáng buồn đi một tí nào. Tôi cũng không thể nói là ông bị buộc tội, hay đúng hơn tôi không biết là ông có bị buộc tội hay không. Ông bị bắt, điều đó đúng, tôi không biết gì hơn. Nếu mấy viên thanh tra có nói gì thêm với ông, thì chỉ là ba hoa đấy thôi. Nhưng tuy không trả lời những câu hỏi của ông, tôi vẫn có thể khuyên ông nên bớt nghĩ đến chúng tôi đi và giữ mình nhiều hơn chút nữa. Và đừng lải nhải mãi là không có tội lỗi gì, chỉ tổ làm hại đến cái ấn tượng tạm gọi là tốt đẹp của mọi người đối với ông. Ông cũng nên ăn nói dè dặt hơn; giả sử ông có không nhiều lời đi nữa, thì thái độ của ông hầu như cũng đủ cho mọi người hiểu tất cả những điều ông giải thích từ nãy đến giờ, và những điều ấy lại chẳng có lợi gì cho ông.

K. trố mắt nhìn viên đội. Anh chàng này có lẽ còn ít tuổi hơn anh, thế mà ở đây lại giở giọng lên lớp với anh như với một cậu học trò. Họ trách mắng anh về tính ngay thẳng của anh ư? Và họ chẳng cho anh biết tí gì về lí do cũng như cơ quan hữu trách quyết định việc bắt giữ!

Bực mình, anh liền đi đi lại lại có vẻ bứt rứt khó chịu, điều đó thì chẳng ai ngăn cấm; anh vén cổ tay áo, sờ nắn tấm áo lót trước ngực, vuốt vuốt mái tóc, đi ngang qua chỗ ba tay thanh niên và nói "thật là vô lí hết sức", - khiến cho cả ba quay lại nhìn anh vừa ân cần nhưng cũng vừa nghiêm nghị, - và cuối cùng anh quay về dừng lại trước bàn giấy của viên đội.

- Ông biện lí Haxtêre là chỗ bạn thân của tôi, - anh nói, - tôi gọi điện thoại cho ông ấy có được không?

- Được chứ, - viên đội bảo, - nhưng tôi chẳng hiểu là được tích sự gì, trừ phi để nói chuyện riêng tư thì không kể.

- Được tích sự gì ư? - K. thốt lên, ngơ ngác nhiều hơn là bực tức. - Thế ông là ai? Ông muốn tôi nói chuyện bằng điện thoại phải được tích sự, còn ông, thì ông hành động thật quá ư vô tích sự? Ông xem thế có kì không? Thoạt đầu, họ bất thình lình xông vào nhà tôi, rồi bao vây quanh tôi, rồi cho là tôi có tội nặng! Gọi dây nói cho một ông biện lí thì được tích sự gì ư khi người ta khẳng định rằng tôi bị bắt? Thôi được, tôi sẽ không gọi dây nói nữa.

- Cứ việc gọi chứ, - viên đội bảo anh và trỏ ra ngoài tiền sảnh, - ở đấy có máy điện thoại, tôi xin ông cứ gọi dây nói đi.

- Không, tôi không muốn nữa, - K. nói và bước về phía cửa sổ.

Phía bên kia, ba nhân vật tò mò vẫn đứng ở cửa sổ; họ bình thản đứng xem và chỉ có vẻ bối rối khi K. bước tới nhìn họ. Hai ông bà lão muốn bỏ đi, nhưng tay đàn ông đứng phía sau làm cho hai cụ an tâm.

- Chúng ta có những khán giả quá quắt thật! - K. kêu to lên và vừa quay về phía viên đội vừa giơ tay chỉ mấy người kia: - Đi đi! - anh thét bảo họ.

Họ liền lùi ngay lại mấy bước; hai ông bà lão thậm chí lẩn sau người đàn ông, gã che kín hai cụ bằng tấm thân hộ pháp của mình, còn miệng thì mấp máy như nói gì, nhưng vì họ ở xa nên K. nghe không rõ. Tuy thế họ không bỏ đi hẳn; hình như họ đợi thời cơ để có thể quay trở lại chỗ cửa sổ mà không ai nhìn thấy.

- Đồ mất dạy! - K. quay lại nói.

Liếc nhìn viên đội, anh thấy gã cảnh sát ấy có vẻ như tán đồng với anh. Nhưng cũng rất có thể viên đội không nghe thấy, vì y đã đặt bàn tay trên mặt bàn và hình như đương so xem ngón tay nào dài ngắn. Hai gã thanh tra thì ngồi trên chiếc ghế phủ tấm thảm và xoa bóp đầu gối. Ba tay thanh niên đứng chống nạnh nhìn lơ đãng khắp nơi. Yên lặng như tờ giống một văn phòng bị bỏ quên không có người làm việc.

- Các ông ạ, - K. nói, và có lúc anh cảm thấy như tất cả bọn

biết mình bỏ quên mũ ở trong phòng thì cả ba đều theo nhau chạy đi tìm, điều đó dẫu sao cũng chứng tỏ có phần nào lúng túng. K. đứng tại chỗ nhìn theo chúng qua hai cửa ra vào để ngỏ; đi sau cùng tất nhiên là gã Rabenxtene thờ ơ, có dáng đi thanh thoát, nhưng thuần túy hình thức. Người mang mũ đến là Kamine, và khi gã đưa mũ cho K., anh buộc phải tự nhủ để có thể dằn lòng, như ở ngân hàng, rằng nụ cười của Kamine không phải là do chủ tâm và Kamine thậm chí chẳng bao giờ có thể mỉm cười một cách chủ tâm được. Ngoài tiền sảnh, bà Grubach mở cửa cho tất cả mọi người; bà không có vẻ gì là biết được lỗi lầm của anh; vẫn như mọi lần, đôi mắt K. bị thu hút bởi cái dải tạp dề của bà quá lòng thòng không cần thiết dọc theo cái bụng bệ vệ. Xuống đến dưới đường, xem đồng hồ, anh quyết định đi ô tô để khỏi trễ thêm giờ vô ích. Kamine chạy ra đầu phố tìm xe; hai gã kia cố ra sức làm cho anh đỡ sốt ruột, thì chợt Kulitsơ trỏ chiếc cổng ngôi nhà phía trước, nơi người đàn ông cao lớn râu màu hung vừa ló mặt ra; thoạt đầu hơi ngượng ngùng khi phô ra toàn bộ tấm thân dài lênh khênh, người đó vội lùi phắt lại và dựa vào tường. Hai cụ già chắc còn đương trong cầu thang. K. bực mình với Kulitsơ đã làm cho anh chú ý đến cái anh chàng anh nhìn thấy lúc nãy và vẫn nơm nớp lo y sẽ lại xuất hiện nữa.

- Đừng có nhìn, - anh nói, chẳng hề băn khoăn là một lời nhận xét như thế có thể kì dị đối với những con người tự do.

Nhưng anh chẳng cần phải giải thích gì, vì ô tô vừa đến, mọi người lên ngồi và xe chạy. Lúc ấy anh mới nhận thấy là không để ý đến viên đội và mấy nhân viên thanh tra đã ra về lúc nào; ban nãy viên đội đã che khuất không cho anh nhìn thấy mấy nhân viên; bây giờ, mấy tay nhân viên lại che khuất không cho anh nhìn thấy viên đội. Anh đã thiếu nhạy bén đầu óc và quyết định từ nay phải chú ý hơn về mặt này. Dẫu sao, anh không thể không quay lại một lần nữa và thò đầu ra phía sau xe để cố nhìn xem có thấy mấy ông khách của anh ra về hay không. Nhưng anh lập tức ngồi xuống ngay, thậm chí

không đưa mắt tìm xem họ đâu nữa, và ngả người thoải mái trong góc xe. Tuy không lộ ra ngoài, nhưng lúc đó anh thấy rất cần được nâng đỡ tinh thần, song mấy gã thanh niên có vẻ mỏi mệt: Rabenxtene nhìn ra bên phải; Kulitsơ nhìn sang bên trái; chỉ còn một mình Kamine là ngồi không, với nụ cười nhạo bất di bất dịch trên môi, nhưng tiếc thay vì tình thương, K. không sao giễu cợt được.

*

Hồi đầu năm ấy, K. thường ở lại phòng làm việc đến tận chín giờ, và khi ra về vẫn có thói quen trước hết đi dạo chốc lát, hoặc một mình, hoặc với các bạn đồng sự, rồi sau đó đến quán rượu ngồi suốt buổi tối, thường là đến tận mười một giờ, tại một bàn ăn dành riêng cùng với mấy ông đã có tuổi. Nhưng chương trình ấy cũng có những ngoại lệ: ngài giám đốc ngân hàng vốn đánh giá cao công việc và tính tình nghiêm túc của anh, thỉnh thoảng mời anh đi dạo bằng ô tô hoặc đến dùng cơm tại biệt thự của ông. Hơn nữa, mỗi tuần một lần, K. đến nhà một cô gái tên là Enxa làm hầu bàn suốt đêm tại một tiệm rượu, và chỉ tiếp anh đến thăm ban ngày lúc cô nằm nghỉ.

Nhưng tối hôm đó - thời gian đã trôi qua rất mau nhờ công việc làm cần cù và một lô những lời chúc mừng sinh nhật vừa nịnh bợ, vừa thân tình - K. quyết định về nhà ngay tức khắc.

Anh nghĩ ngợi mãi không thôi trong tất cả những giây phút ngắn ngủi tạm dừng công việc để nghỉ ngơi. Chẳng biết rõ vì sao nhưng anh có cảm tưởng rằng những sự kiện xảy ra ban sáng chắc phải làm náo động cả ngôi nhà của bà Grubach, và sự có mặt của anh là cần thiết để đem lại trật tự. Như thế, mọi dấu vết của các chuyện xảy ra lúc sáng sẽ biến đi, và cuộc sống sẽ trở lại nếp bình thường. Về ba tay nhân viên ngân

hàng, anh chẳng có gì đáng ngại; chúng lại lăn vào đại dương các nhân viên và không có gì tỏ ra thay đổi trong thái độ của chúng. K. đã triệu tập chúng lên nhiều lần, khi riêng rẽ từng đứa, khi đồng thời cả ba, để quan sát chúng. Lần nào khi cho chúng lui ra, anh cũng thấy hài lòng.

Khi về đến trước cửa nhà, lúc chín rưỡi tối, anh thấy một cậu thiếu niên đứng dưới cổng ra vào, hai chân dạng ra, đương lặng lẽ hút tẩu thuốc.

- Cậu là ai? - K. hỏi ngay và ghé sát mặt nhìn cậu thiếu niên vì trong bóng tối lờ mờ của lối đi, anh nhìn không rõ lắm.

- Thưa anh, em là con trai bác gác cổng, - cậu ta đáp, đứng né sang một bên và rút tẩu thuốc ra khỏi miệng.

- Con trai bác gác cổng à? - K. vừa hỏi vừa sốt ruột lấy đầu chiếc can của mình gõ gõ xuống đất.

- Anh cần gì ạ? Em có phải đi tìm cha em không?

- Không, không, - K. nói bằng một giọng có vẻ độ lượng, như thể cậu ta đã làm điều gì sai trái mà anh sẵn lòng tha thứ. - Thôi được, - anh nói thêm và bước đi tiếp, nhưng trước khi lên thang gác, anh còn quay lại một lần nữa.

Anh rất có thể đi thẳng về phòng mình, nhưng vì muốn trò chuyện với bà Grubach, nên anh lại gõ cửa phòng của bà trước. Bà Grubach đương ngồi khâu vá bên một chiếc bàn chất đầy những đôi tất cũ. K. nói vài lời nhạt nhẽo xin lỗi đã đến khuya khoắt như thế này, nhưng bà Grubach rất tử tế, không muốn nghe những lời xin lỗi của anh; bà bảo rằng anh biết rõ là bà luôn luôn quan tâm đến anh, và anh là người thuê nhà bà quý mến hơn cả. K. đưa mắt nhìn quanh phòng; nó đã hoàn toàn khôi phục lại dáng vẻ trước kia: bát đĩa của bữa điểm tâm, sáng nay anh thấy trên chiếc bàn con gần cửa sổ, đã biến đi. "Bàn tay phụ nữ - anh nghĩ - làm những điều ta không sao hiểu nổi", anh thì có lẽ đã đập vỡ số bát đĩa ấy tại chỗ chứ chắc chắn không thể dọn chúng được. Anh nhìn bà Grubach phần nào có vẻ biết ơn.

- Sao bà còn làm việc khuya thế? - anh hỏi.

Lúc này cả hai người đều ngồi ở bàn, và thỉnh thoảng K. lại thọc cả hai bàn tay của anh vào trong đống tất.

- Công việc cứ ùn ùn ra! - bà nói: - ban ngày tôi là người của những người thuê nhà: muốn dọn dẹp đồ đạc, quần áo cho có ngăn nắp, tôi chỉ còn mỗi buổi tối cho riêng mình.

- Hôm nay tôi lại có thêm công thêm việc nặng nề phải phiền bà đấy, - anh nói.

- Mà việc gì thế vậy? - bà hỏi, sôi nổi hẳn lên; chiếc tất bà đương mạng nằm ở vạt áo.

- Tôi muốn nói về những người đàn ông sáng nay đến đây.

- À! những người đàn ông sáng nay! - bà lấy lại vẻ bình thản và nói, - nhưng không, tôi chẳng lấy làm rầy rà lắm đâu.

K. nhìn bà lại lặng lẽ cầm chiếc tất lên để mạng... "Bà ta có vẻ ngạc nhiên thấy mình đề cập đến chuyện đó. - anh nghĩ; - hình như bà ta còn trách mình nữa là khác: như thế lại càng cấp thiết phải nói. Mình chỉ có thể nói được với một bà già mà thôi".

- Có chứ. - một lát sau anh nói, - chuyện đó nhất định đã làm cho bà thêm công thêm việc, nhưng nó sẽ không tái diễn nữa đâu!

- Ồ không, chuyện đó không thể tái diễn được nữa, - đến lượt bà vừa nói vừa mỉm cười với K. một cách hơi buồn buồn.

- Bà thật sự nghĩ như vậy à? - K. hỏi.

- Phải, - bà nói khẽ hơn, - nhưng cốt nhất là không nên xem sự việc là quá nghiêm trọng. Trên đời thiếu gì chuyện xảy ra như thế! Bởi vì bác đã hết lòng tin cậy nói với tôi, bác K. ạ, nên tôi có thể thú thật với bác là tôi đã nghe lõm bõm bên ngoài cửa và hai gã thanh tra cũng rỉ tai cho tôi biết đôi điều. Chuyện này liên quan đến hạnh phúc của bác, và đó là một vấn đề tôi thực sự quan tâm, có thể hơi quá một chút, vì tôi chỉ là bà chủ có nhà cho bác thuê mà thôi. Vậy là tôi có nghe được vài điều vặt vãnh, nhưng có thể nói là chẳng có gì

nghiêm trọng lắm đâu. Tôi biết rõ là bác bị bắt, nhưng chẳng phải như người ta bắt bọn ăn cắp. Khi bị bắt như một thằng ăn cắp thì nghiêm trọng thật; còn như việc bác bị bắt... tôi có cảm giác như một vấn đề bác học gì đấy - bác thứ lỗi cho nếu tôi ăn nói tào lao - tôi có cảm giác như một vấn đề bác học gì đấy mà tôi không hiểu nổi, đúng thế, mà cũng chẳng ai là bắt buộc phải hiểu.

- Điều bà vừa nói chẳng phải là tào lao đâu, bà Grubach ạ, - K. đáp. - Ít ra thì tôi cũng tán thành phần lớn các ý kiến của bà, nhưng tôi còn đi xa hơn nữa kia; chẳng phải chỉ là một vấn đề bác học gì đấy mà thôi đâu, đó là một cái hư không đến nực cười. Tôi là nạn nhân của một vụ tấn công khiêu khích, sự việc là thế. Nếu tôi đã ra khỏi giường ngay khi thức dậy, đừng băn khoăn sao Anna không thấy đến, nếu tôi đã đi tìm gặp bà ngay chẳng cần quan tâm ai cản lối mình, nếu tôi đã ăn điểm tâm lấy một lần trong bếp, và nếu tôi đã nhờ bà vào phòng lấy hộ quần áo cho tôi, tóm lại nếu tôi đã xử sự biết điều, thì chắc đã chẳng xảy ra chuyện gì cả, mọi sự chắc đã bị bóp nghẹt từ trong trứng. Nhưng nào có được chuẩn bị trước gì đâu? Ở ngân hàng, chẳng hạn, tôi luôn luôn sẵn sàng, nên chắc không thể xảy ra chuyện như thế được: tôi có một anh bồi riêng cho tôi để sai khiến, tôi có điện thoại gọi trong thành phố và điện thoại gọi trong ngân hàng. Lúc nào cũng tấp nập kẻ ra người vào, khách hàng hoặc nhân viên, và nhất là lúc nào tôi cũng đương có công việc khẩn trương, nên đầu óc hết sức linh hoạt; tôi sẽ thú vị vô cùng nếu phải đương đầu với một chuyện như thế này tại nơi ấy. Nhưng thôi, đó là một việc đã rồi và tôi cũng không muốn nói đến nữa; tôi chỉ muốn biết ý kiến của bà, ý kiến của một phụ nữ biết lẽ phải trái, và tôi sung sướng thấy rằng chúng ta nhất trí với nhau. Bây giờ, xin bà cho tôi bắt tay; tôi cần một cái bắt tay để xác nhận với tôi sự nhất trí ấy.

"Bà ta liệu có bắt tay mình không, - anh nghĩ; - viên đội đã chẳng bắt tay mình". Anh dùng con mắt dò xét để quan sát bà

Grubach. Vì anh đứng lên. nên bà cũng đứng lên, hơi ngượng nghịu. vì bà không hiểu tất cả những điều K. giải thích với bà. Và do ngượng nghịu nên bà đã nói một điều lẽ ra bà không muốn nói, và nói ra thật không phải lúc:

- Bác đừng bận tâm quá, bác K. ạ.

Bà nói giọng nghẹn ngào và bà quên mất việc bắt tay.

- Nào tôi có bận tâm gì đâu, - K. nói, anh bỗng mệt mỏi rã rời, hiểu ra rằng những lời động viên của người đàn bà ấy chẳng ích lợi gì.

Ra đến cửa, anh còn hỏi:

- Cô Bơcxne có nhà không?

- Không, - bà Grubach nói và mỉm cười với vẻ thông cảm muộn màng, trong khi bà đưa tin cộc lốc: - Cô ấy đi xem hát. Bác muốn gặp cô ấy có việc gì? Tôi có phải nói lại không?

- Tôi chỉ muốn nói với cô ấy vài lời.

- Tiếc thay tôi không biết lúc nào cô ấy về; mỗi lần đi xem hát, cô ấy thường về khá khuya.

- Cũng chẳng có gì quan trọng, - K. nói rồi bước ra cửa, đầu cúi gầm, để về phòng; - tôi chỉ muốn gặp cô ấy để xin lỗi đã mượn căn phòng của cô sáng nay.

- Không cần thiết đâu, bác K. ạ, bác chu đáo quá, cô ta không biết gì hết, cô ta ra đi từ sớm, và bây giờ lại đâu vào đấy rồi, bác cứ nhìn mà xem.

Và bà tới cửa căn phòng của cô Bơcxne.

- Cám ơn, tôi tin lời bà, - K. nói, song vẫn sang xem.

Vầng trăng soi sáng êm đềm căn phòng mờ tối. Qua những gì có thể nhận biết được thì đúng là mọi thứ đâu đã vào đấy; chiếc áo cánh không còn treo ở quả đấm cửa sổ, những chiếc gối trên giường có vẻ cao ghê gớm và thấp thoáng tắm trong ánh trăng.

- Cô ấy thường về nhà rất khuya, - K. vừa nói vừa nhìn bà Grubach như thể bà phải chịu trách nhiệm về chuyện này.

- Tuổi trẻ mà, - bà Grubach nói bằng một giọng biện bạch.

- Nhất định, nhất định rồi, - K. nói, - nhưng cái đó có thể đi quá xa.

- Chính thế! - bà Grubach nói. - Bác có lí bác ạ! Và rất có thể là trường hợp này đấy! Tôi không muốn nói xấu về cô Bơcxne, đó là một cô bé ngoan ngoãn, rất tử tế, rất đáng yêu, rất đúng đắn, lại đúng mực, lại hay lam hay làm: tôi rất mến tất cả những nết đó: nhưng đúng là có một điều, lẽ ra cô ấy phải đĩnh đạc hơn, lẽ ra cô ấy phải ý tứ hơn; tôi đã gặp cô ấy hai lần trong tháng này ở những phố hẻm, và mỗi lần đi với một anh đàn ông khác nhau; tôi rất phiền lòng về chuyện đó. Tôi chỉ kể với bác, bác K. ạ. Nhưng thế nào tôi cũng phải nói với chính bản thân cô ấy nữa. Vả chăng, đó không phải là điều duy nhất khiến tôi ngờ vực cô ấy.

- Bà hoàn toàn đi lạc hướng, - K. điên tiết nói và hầu như không thể che giấu được nỗi tức giận của anh; - vả lại, rõ ràng bà đã hiểu lầm chiều hướng suy nghĩ của tôi về cô ấy. Tôi không hề muốn nói cái điều bà đã nghĩ; tôi cũng thẳng thắn khuyên bà đừng nói gì với cô ấy cả; tôi biết cô ấy rõ lắm; những điều bà vừa nói chẳng có gì là đúng hết. Nhưng có lẽ tôi đi quá xa, tôi không muốn ngăn cản bà làm bất cứ việc gì đâu, bà muốn nói gì với cô ấy thì tùy.

- Nhưng bác K. ơi, - bà Grubach nói và theo anh đến tận cửa mà anh đã mở ra rồi, - tôi hoàn toàn không có ý định nói gì với cô ấy đâu; trước hết, tất nhiên cần phải theo dõi cô ấy thêm; tôi biết được gì chỉ nói với bác thôi đấy. Chung quy chỉ là vì lợi ích của các khách trọ nếu người ta muốn giữ cho nhà trọ của họ được trong sạch! Nào tôi có định làm gì khác đâu?

- Trong sạch! - K. còn nói với theo qua cánh cửa hé mở: - nếu bà muốn giữ cho nhà trọ được trong sạch, thì trước hết bà cần phải không cho tôi ở trọ nữa...

Rồi anh đóng sầm cửa lại, anh còn nghe tiếng gõ cửa nhè nhẹ, nhưng chẳng quan tâm.

Song, vì không buồn ngủ tí nào, anh quyết định không đi nằm: như thế anh đồng thời có cơ hội ghi nhận xem cô Bơcxne về

vào giờ nào. Biết đâu anh còn có thể trao đổi với cô đôi lời, cho dù là rất không đúng chỗ. Trong khi nhìn ra ngoài cửa sổ, có một lúc mệt mỏi anh còn nghĩ là sẽ trừng phạt bà Grubach bằng cách đề nghị cô Bơcxne cùng với anh thôi không thuê trọ nữa, nhưng anh nhận thấy ngay làm thế là quá đáng, và anh ngợ chính anh tìm cách dời nhà vì lí do những sự kiện ban sáng. Có lẽ chẳng có gì điên rồ hơn, nhất là vô ích hơn và bỉ ổi hơn.

Khi nhìn đường phố vắng teo đã mệt, anh ngả lưng xuống ghế tràng kỉ sau khi đã mở hé cửa ra ngoài tiền sảnh để nếu có người về là nhận ngay ra ai. Anh nằm hút một điếu xì gà đến khoảng mười một giờ. Rồi, không chịu được nữa, anh ra ngoài tiền sảnh đi đi lại lại một lát, tưởng chừng như vậy có thể khiến cho cô Bơcxne mau về. Anh chẳng cần gì đến cô lắm, thậm chí không thể hình dung thật rõ nét mặt của cô nhưng anh đã quyết định nói với cô và anh nóng lòng sốt ruột thấy cô về chậm làm xáo lộn nhịp sống đều đặn trong ngày của anh. Đó cũng là lỗi của cô Bơcxne nếu như tối hôm đó anh chưa ăn uống gì và ban ngày không đến thăm Enxa như đã quyết. Nói đúng ra, muốn kéo lại bữa ăn và chuyện đi thăm, anh chỉ cần đến tiệm rượu nơi Enxa làm công. Anh sẽ tới đó sau khi đã nói chuyện với cô Bơcxne rồi.

Đã quá mười một rưỡi khi anh nghe có tiếng chân bước trên cầu thang. Vì mải nghĩ ngợi nên anh đi đi lại lại ngoài tiền sảnh mà cũng rầm rầm như trong phòng riêng; lúc nghe tiếng có người lên, anh bị bất ngờ và trốn vào sau cửa phòng mình; đúng là cô Bơcxne về thật. Lúc khép cửa ra vào lại, cô rùng mình choàng chiếc khăn san lụa lên đôi vai mảnh khảnh. Cô sắp về phòng riêng đến nơi rồi, và tất nhiên K. không thể đến thăm cô nữa sau lúc nửa đêm; vậy anh cần phải nói với cô ngay tức khắc. Tiếc thay anh quên chưa thắp đèn trong phòng; nếu anh từ chỗ tối ấy đi ra thì có khác nào muốn nhảy bổ vào cô gái như một tên bất lương và chắc chắn sẽ làm cô sợ hết hồn. Không biết làm thế nào, mà thời giờ lại gấp quá, anh liền khe khẽ gọi qua cánh cửa hé mở:

- Cô Bơcxne.

Nghe như lời khẩn cầu hơn là tiếng gọi.

- Có ai ở đây thế? - cô Bơcxne hỏi và nhìn quanh bằng đôi mắt sửng sốt tròn xoe.

- Tôi đây mà, - K. bước ra nói.

- A! Anh K., - cô Bơcxne mỉm cười nói, - chào anh! - Và cô giơ tay ra bắt tay anh.

- Tôi có vài lời muốn nói với cô, cô vui lòng cho phép tôi nói bây giờ được không?

- Bây giờ ư? - Cô Bơcxne hỏi. - Nhất thiết phải là bây giờ ư? Hơi lạ thường có phải không?

- Tôi đợi cô đã hai tiếng đồng hồ rồi.

- Thực tình, tôi ở rạp hát nên không thể ngờ được.

- Những lí do tôi phải nói với cô chỉ có thể trình bày hôm nay được thôi.

- Trời ơi, về nguyên tắc em chẳng thấy có gì trở ngại anh đến nói với em, nhưng em mệt kinh khủng. Anh sang phòng em một lát vậy. Không nên trò chuyện ở đây, chúng ta đánh thức tất cả mọi người dậy mất, và như thế còn khó chịu cho em hơn là cho người ta. Anh chờ đây và tắt đèn ngoài tiền sảnh sau khi em đã bật đèn trong phòng nhé.

K. làm theo lời cô; anh còn đợi thêm một chút nữa; cuối cùng, cô Bơcxne từ trong phòng khe khẽ gọi anh.

- Mời anh ngồi, - cô bảo và trỏ cho anh chiếc ghế đi văng.

Còn cô thì vẫn đứng, lưng tựa vào thành giường mặc dầu mệt mỏi như cô đã nói: cô cũng không bỏ chiếc mũ nhỏ trang trí đầy những hoa ra nữa.

- Anh cần gì em nào? - cô nói. - Em thực sự tò mò muốn biết đấy.

Cô nhè nhẹ bắt chéo đôi chân.

- Chắc cô sẽ bảo rằng, - K. bắt đầu, - việc có gì gấp gáp lắm đâu mà cần phải nói bây giờ, nhưng...

- Em không bao giờ nghe những lời quanh co, - cô Bơcxne nói.

- Thế càng dễ cho tôi, - K. bảo. - Căn phòng của cô đã bị xáo lộn ít nhiều sáng hôm nay, và có thể nói là lỗi ở tôi; đấy là những người lạ đã xáo lộn, mặc dầu tôi không muốn, thế nhưng là vì như tôi đã nói với cô: do vậy tôi muốn xin cô thứ lỗi cho.

- Căn phòng của tôi ư? - cô Bơcxne hỏi và nhìn soi mói vào mặt K. chứ không xem xét phòng.

- Tôi chẳng làm gì được, - K. nói.

Cả hai nhìn thẳng vào đôi mắt của nhau lần đầu tiên.

- Cái cung cách sự việc xảy ra bản thân nó chẳng có gì đáng nói.

- Song đấy lại chính là điểm lí thú nhất, - cô Bơcxne bảo.

- Không, - K. nói.

- Nếu vậy, - cô Bơcxne trả lời, - em không muốn bắt anh phải kể gì thêm, ta thừa nhận là sự việc chẳng có gì lí thú, em không bắt bẻ. Còn như anh xin em thứ lỗi, em vui lòng chấp thuận, và càng dễ dàng vì em không thể tìm thấy một dấu vết lộn xộn nào.

Cô đặt hai bàn tay lên hông và đi vòng một lượt quanh phòng. Đi tới chiếc mành nhỏ trên treo các tấm ảnh, cô dừng lại.

- Mà nhìn này? - cô thốt lên, - các ảnh của em đúng là bị lộn xộn thật! Thế này thì không tốt! Vậy là có ai vào trong phòng em thật ư?

K. gật đầu vừa nguyền rủa trong thâm tâm anh chàng nhân viên Kamine chẳng bao giờ kiềm chế được cái tính táy máy ngu ngốc của hắn.

- Lạ một nỗi là em phải cấm đoán anh một điều lẽ ra tự anh phải ngăn cấm anh, - cô Bơcxne nói, - và em buộc phải nói với anh là không được vào phòng em khi em đi vắng!

- Thì tôi cũng đã giải thích cho cô rồi, thưa cô, rằng không phải tôi đã chạm vào những tấm ảnh của cô, - K. nói và cũng bước đến xem, - nhưng vì cô không tin nên tôi buộc phải thú thật với cô là ban điều tra đã dẫn theo ba nhân viên ngân

hàng và một trong ba tay ấy chắc đã tự tiện xê dịch những tấm ảnh kia; hễ có dịp tôi sẽ cho đuổi hắn ngay.

- Đúng thế, cô ạ, một ban điều tra đã tới đây, - anh nói thêm khi thấy cô gái mở to đôi mắt nhìn dò hỏi.

- Vì anh? - cô hỏi.

- Chính thế, - K. đáp.

- Không! - cô gái vừa cười vừa thốt lên.

- Đúng mà, - K. bảo, - thế cô tin là tôi vô tội ư?

- Vô tội? - cô hỏi. - Em không muốn nói ra một lời phán xét có thể có những hậu quả ghê gớm, hơn nữa em không biết rõ anh; thế nhưng em cho rằng muốn cử một ban điều tra ngay tức khắc bám theo gót ai, thì đó chắc phải có liên quan đến một kẻ trọng tội, mà anh thì được tự do - vì sự bình thản của anh cho phép em tin rằng chẳng phải anh vừa vượt ngục về đây - nên chắc chắn anh đã không phạm một tội gì ghê gớm.

- Ban điều tra, - K. nói, - rất có thể đã thừa nhận là tôi chẳng có tội tình gì hay chí ít là chẳng nặng tội như người ta nghĩ chứ?

- Tất nhiên có thể là như thế, - cô Bơcxne nói, bỗng trở nên rất chăm chú.

- Cô thấy không, - K. nói, - cô không có nhiều kinh nghiệm về những chuyện tố tụng.

- Quả thật là không, - cô Bơcxne nói, - và em vẫn lấy làm tiếc đấy, vì em muốn biết tất cả, em thích thú những chuyện tố tụng ghê gớm lắm cơ. Việc xét xử có sức quyến rũ kì lạ, anh không thấy thế ư? Vả lại, em chắc chắn sắp được hiểu biết hơn rất nhiều về vấn đề này, vì đến tháng sau em phải vào làm tại một văn phòng luật sư.

- Tuyệt vời, - K. nói, - biết đâu cô sẽ có thể giúp đỡ tôi chút ít trong vụ án của tôi.

- Sao lại không? - cô Bơcxne nói, - em rất thích sử dụng những điều hiểu biết của mình.

- Tôi nói một cách nghiêm chỉnh đấy, - K. bảo, - hay ít nhất

thì cũng là nửa đùa nửa thật như cô. Vụ việc có quan trọng gì đâu mà tôi phải nhờ cậy đến luật sư, nhưng một lời khuyên thì nào có hại gì cho tôi.

- Nếu em phải đóng vai trò cố vấn ấy, - cô Bơcxne bảo, - thì em cũng cần biết là chuyện gì đã chứ.

- Điểm mấu chốt chính là ở đấy, - K. bảo, - chính tôi cũng có biết gì đâu.

- Thế anh đùa em đấy à? - cô Bơcxne thất vọng ghê gớm nói, - nếu vậy lẽ ra anh phải chọn một thời điểm khác.

Và cô bỏ đi khỏi chỗ những tấm ảnh là nơi hai người đứng cạnh nhau rất lâu.

- Nhưng cô ạ, - K. nói, - tôi không đùa tí nào cả. Khi tôi nghĩ rằng cô không muốn tin lời tôi... Tôi đã kể với cô tất cả những gì mình biết, thậm chí còn hơn thế nữa kia, vì có thể đó không phải là một ban điều tra, tôi cho nó cái tên ấy vì tôi không biết tên nào khác. Họ đã chẳng điều tra gì hết; tôi chỉ đơn giản bị bắt, nhưng là cả một ban đến bắt.

Cô Bơcxne đã ngồi xuống ghế đi văng và lại cười lần nữa.

- Thế chuyện xảy ra làm sao? - cô hỏi.

- Một điều kinh khủng, - K. nói.

Nhưng anh nghĩ sang chuyện khác; anh xúc động vô cùng về cảnh tượng cô Bơcxne: khuỷu tay tì trên chiếc gối dựa, một bàn tay đỡ lấy đầu còn bàn tay kia thong thả lướt trên hông.

- Như vậy chung chung quá, - cô nói.

- Cái gì chung chung quá? - K. hỏi.

Rồi anh nhớ ra và hỏi:

- Có phải trình bày cho cô biết mọi việc xảy ra làm sao không?

Anh muốn xê dịch một chút, nhưng vẫn đứng yên.

- Em mệt lắm rồi, - cô Bơcxne nói.

- Cô về khuya quá mà! - K. trả lời.

- Thế là bây giờ anh trách móc em đấy, - cô Bơcxne đáp; -

xét cho cùng thì anh có lí, lẽ ra em không nên để anh vào; vả lại, chẳng cần thiết gì cả, sự việc đã chứng tỏ rõ ràng.

- Cần thiết chứ, - K. nói, - tự cô sẽ hiểu ra bây giờ đây. Tôi có thể kéo chiếc bàn để đèn đêm ra xa giường của cô được không?

- Sao anh rắc rối thế! - cô Bơcxne nói, - không đời nào!

- Nếu vậy, tôi không thể trình bày gì với cô được, - K. nói và giật nảy mình như thể người ta vừa gây một điều tác hại đến anh không thể nào cứu vãn.

- Nếu là vì những nhu cầu cho sự giải thích của anh, thì anh cứ việc kéo chiếc bàn để đèn đêm ra, - cô Bơcxne nói, và một lát sau lại nói thêm bằng một giọng yếu hơn: - Tối nay em mệt đến nỗi phải nể anh quá mức rồi đấy.

K. đẩy chiếc bàn nhỏ ra tận chính giữa phòng và ngồi phía sau.

- Cô cần phải hình dung chính xác vị trí các diễn viên; đó là một điều rất lí thú. Tôi đây đóng vai viên đội, đằng kia là hai tên thanh tra ngồi trên ghế và ba tay thanh niên đứng ngay trước những tấm ảnh. Ở quả đấm cửa sổ là một chiếc áo cánh trắng mà tôi chỉ nêu lên để ghi nhớ; và thế là bây giờ chuyện đó bắt đầu. À! tí nữa tôi quên mất tôi dẫu sao cũng là nhân vật quan trọng nhất! Tôi thì đứng ở đây, phía trước chiếc bàn để đèn đêm. Viên đội thì ngồi thoải mái nhất trần đời, hai chân bắt chéo, cánh tay buông thõng sau lưng chiếc ghế tựa như cô thấy tôi làm đây này... một thằng cha thô tục to béo, phải gọi đích danh nó như thế. Và thế là chuyện đó thật sự bắt đầu. Viên đội gọi như thể y phải đánh thức tôi dậy, y kêu lên một tiếng hẳn hoi, rất tiếc tôi cũng phải kêu lên để làm cho cô hiểu; vả chăng đó chỉ là tên của tôi mà y kêu thành ra thế.

Cô Bơcxne vừa cười vừa vội đặt ngón tay trỏ lên miệng để ngăn K. đừng kêu, nhưng đã quá muộn; K. nhập quá sâu vào vai nhân vật của anh; anh kêu chậm chậm: "Jôzep K.", tuy không to như anh định kêu, song cũng đủ to để cho tiếng kêu ấy một khi thốt lên rồi, hình như chỉ lan tỏa dần dần trong phòng.

Vừa lúc đó nghe có tiếng gõ cửa nhanh gọn và đều đều ở phòng bên. Cô Bơcxne tái người đi và đưa bàn tay lên ngực.

Nỗi khiếp sợ của K. càng lớn hơn vì trong một lúc lâu anh không thể nghĩ đến cái gì khác ngoài những sự kiện ban sáng và cô gái mà các sự kiện ấy đã đưa anh đến gặp. Anh vừa lấy lại bình tĩnh thì cô Bơcxne nhào đến nắm lấy bàn tay anh.

- Đừng sợ gì cả, - anh thì thầm, - đừng sợ gì cả, tôi sẽ dàn xếp tất. Nhưng có thể là ai nhỉ? Ở đấy chỉ là phòng khách và chẳng có ai ngủ cả.

- Có đấy chứ, - cô Bơcxne rỉ tai anh, - từ hôm qua có cháu bà Grubach là một đại úy ngủ ở đấy vì bà chẳng còn phòng nào trống. Em cũng đã quên bẵng ông ta. Sao anh lại kêu lên như thế cơ chứ? Trời ơi, sao mà tôi khổ sở thế này!

- Cô chẳng có lí do gì mà khổ sở cả, - K. nói và hôn lên trán cô, còn cô thì lại buông mình ngồi xuống đống gối tựa. Nhưng cô vụt nhỏm dậy ngay:

- Chuồn đi, anh chuồn đi, đi đi! Kìa anh đi đi mà! Biết làm thế nào? Ông ta nghe ở ngoài cửa, ông ta nghe thấy tất; anh làm rầy tôi quá!

- Tôi sẽ không đi đâu cả trước khi thấy cô được yên tâm đôi chút, - K. nói. - Cô hãy lại góc kia, hắn sẽ không nghe thấy chúng ta.

Cô để cho anh dìu tới đấy.

- Có thể đây là một việc gây phiền hà cho cô, nhưng cô không gặp nguy hiểm gì đâu. Tất cả đều tùy thuộc vào bà Grubach trong chuyện đó, đặc biệt viên đại úy lại là cháu bà, nhưng cô thừa biết là bà sùng bái tôi thật sự và tôi nói gì bà cũng tin như tin kinh thánh. Đã thế, tôi nắm được bà vì bà đã vay tôi một khoản tiền lớn. Cô muốn tôi giải thích với bà thế nào, dù khó nghe đến mấy, tôi cũng sẽ xin giải thích như thế, và tôi cam kết sẽ dẫn dắt để cho bà Grubach không những làm ra vẻ tin là đúng trước mọi người, mà còn khiến bà tin thật sự nữa: chẳng có gì buộc cô phải nể nang tôi hết: nếu cô

muốn người ta bảo rằng tôi đã cưỡng bức cô, thì tôi sẽ nói thế với bà Grubach, và bà sẽ tin mà vẫn tín nhiệm tôi, vì người đàn bà ấy thân thiết với tôi lắm.

Cô Bơcxne hơi xịu người xuống, nhìn xuống đất không nói năng gì.

- Tại sao bà Grubach lại có thể không tin là tôi cưỡng bức cô? - K. nói thêm.

Anh nhìn trước mặt anh mái tóc của cô gái, mái tóc cắt thấp, chải bồng rắn rỏi, ánh màu đỏ nhạt và rẽ đường ngôi. Anh nghĩ là cô Bơcxne sắp quay mặt về phía anh, nhưng cô vẫn giữ nguyên tư thế và nói.

- Xin lỗi anh, em đã khiếp sợ vì tiếng động bất thình lình hơn là vì những hậu quả mà viên đại úy có thể gây ra nếu vào đây; sau tiếng kêu của anh là im lặng như tờ! Và chính trong sự im lặng ấy mà tiếng gõ cửa bất chợt vang lên; chính cái đó đã làm cho em sợ hết hồn, nhất là em lại ở rất gần cửa; hầu như người ta gõ ngay bên cạnh em. Em cám ơn về những lời đề nghị của anh, nhưng em không chấp nhận, chính em chịu trách nhiệm về những gì xảy ra trong phòng em, và chẳng ai đòi em phải giải thích; em lấy làm lạ anh không nhận thấy có điều xúc phạm trong những đề nghị của anh, mặc dầu ý định của anh rất tốt, em vui lòng thừa nhận; nhưng bây giờ thì anh đi đi, hãy để cho em ở lại đây một mình, em cần như vậy hơn bao giờ hết. Ba phút anh hỏi xin em đã biến thành nửa giờ, thậm chí hơn rồi đấy.

K. mới đầu nắm lấy bàn tay, rồi nắm cổ tay cô.

- Cô không giận tôi chứ? - anh hỏi.

Cô nhè nhẹ gỡ bàn tay ra và đáp:

- Không, không, em không bao giờ giận ai cả.

Anh lại nắm lấy cổ tay cô. Lần này cô để mặc và đưa anh đến tận lối ra cửa. Anh đã nhất quyết ra về. Nhưng đến trước cửa, anh giật lùi lại như không ngờ là đã tới cửa rồi; cô Bơcxne

tranh thủ giây lát ấy để gỡ tay, mở cửa và lách ra ngoài tiền sảnh, từ nơi đó cô thì thầm với anh:

- Nào, bây giờ thì anh ra đây, em van anh. Anh nhìn kìa, - và cô trỏ cửa phòng viên đại úy có một tia sáng lọt ra ở phía dưới, - ông ấy dã bật đèn và thích thú lắng nghe xem chúng ta làm gì đấy.

- Tôi ra, tôi ra đây, - K. nói và bước nhanh ra.

Anh ôm choàng lấy cô và hôn lên môi cô, rồi lên khắp mặt, như một con vật khát nước vục mõm xuống dòng suối mà nó tìm mãi mới phát hiện ra. Để kết thúc, anh còn hôn lên cổ cô, chỗ yết hầu là nơi anh dừng môi lại rất lâu. Một tiếng động từ phòng viên đại úy vọng ra làm anh sững lại.

- Giờ thì tôi về, - anh nói.

Anh còn muốn gọi cô Bơcxne bằng tên tục của cô, nhưng anh không biết cô tên là gì. Cô gật đầu uể oải, đưa bàn tay cho anh hôn trong lúc cô đã quay người đi, dường như cô chẳng hay biết gì hết, rồi cô vào phòng, lưng trĩu xuống.

K. đi nằm ngay; giấc ngủ đến với anh rất nhanh; trước khi thiếp đi, anh còn suy nghĩ một chút về thái độ của mình: anh hài lòng, nhưng lấy làm lạ đã không hài lòng hơn nữa; anh lo ngại thật sự cho cô Bơcxne về sự có mặt của viên đại uý.

CHƯƠNG II
HỎI CUNG LẦN ĐẦU

K. đã được báo bằng điện thoại đến chủ nhật sau người ta sẽ tiến hành một cuộc thẩm vấn nho nhỏ về vụ việc của anh.

Người ta cũng báo cho anh biết trước từ nay trở đi cuộc thẩm vấn sẽ tiếp tục đều đặn, và nếu không phải tuần nào cũng có hỏi cung thì ít ra cũng sẽ khá thường xuyên. Người ta bảo anh là cần phải mau chóng kết thúc vụ án vì lợi ích của tất cả mọi người, nhưng các cuộc hỏi cung vẫn cứ phải hết sức tỉ mỉ, đồng thời phải khá ngắn gọn để tránh mệt mỏi thái quá. Chính vì những lí do ấy nên người ta mới chọn cách hỏi cung rải ra thành nhiều lần nho nhỏ nhưng thường xuyên. Còn như chọn ngày chủ nhật là để khỏi ảnh hưởng đến công việc nghề nghiệp của anh. Người ta dự đoán là anh đồng ý; tuy nhiên, nếu anh thích vào một ngày khác hơn, người ta sẽ cố chiều theo ý anh trong chừng mực có thể, chẳng hạn hỏi cung vào ban đêm, nhưng cách ấy không hay, vì K. sẽ không đủ sức chịu đựng sự mệt mỏi đến thế. rút cục đành chọn ngày chủ nhật nếu anh không thấy có trở ngại gì. Tất nhiên là anh buộc phải có mặt, chẳng cần nhấn mạnh đến điều đó; người ta cho anh biết số nhà anh phải tới; đó là một tòa nhà xa xôi tại một phố ngoại ô K. chưa đến bao giờ.

Anh đặt máy nghe xuống không trả lời gì khi người ta báo cho biết tin ấy; anh quyết định đi tới đó; chắc chắn cần thiết phải tới; vụ án thắt lại rồi và anh cần phải đương đầu với tình thế; phải làm sao để cuộc hỏi cung lần đầu cũng là lần cuối. Anh đứng đăm chiêu bên máy điện thoại, chợt nghe sau lưng tiếng nói của ông phó giám đốc hình như cũng muốn gọi dây nói, nhưng anh đang đứng chắn làm vướng ông.

- Tin chẳng lành ư? - ông phó giám đốc hỏi bằng một giọng nhẹ nhàng, không phải để tò mò muốn biết, mà chỉ cốt để cho K. tránh lui máy ra.

- Không, không, - K. nói và đứng né ra nhưng không bỏ đi.

Ông phó giám đốc cầm ống nghe và nói với K. trong lúc chờ đợi đường dây, tay vẫn không rời máy:

- Xin hỏi một câu, ông K. ơi: ông có vui lòng đến để đi chơi thuyền buồm với tôi vào sáng chủ nhật này không? Có đông

người lắm và thế nào ông cũng gặp bạn bè. Có cả ngài biện lí Haxtêre. Ông đến chứ? Nào, ông đồng ý đi.

K. cố gắng chú ý đến những điều ông phó giám đốc nói. Đây hầu như quả là một sự lạ, vì anh và ông phó giám đốc xưa nay chưa bao giờ thật thông cảm với nhau, lời mời này có nghĩa là thủ trưởng của anh muốn hòa giải và chứng tỏ vị trí của anh ở ngân hàng; nó chứng tỏ vị thủ trưởng thứ hai của ngân hàng rất muốn tranh thủ được cảm tình của K., hay ít nhất cũng mong anh giữ thái độ trung lập. Tuy ông phó giám đốc chỉ mời trong lúc chờ nói điện thoại, tay không rời máy nghe, nhưng như thế là ông cũng đã tự hạ mình rồi; K. còn làm cho ông nhục nhã thêm khi trả lời:

- Cám ơn ông vô cùng, nhưng sáng chủ nhật tôi đã có hẹn.

- Tiếc quá nhỉ! - ông phó giám đốc nói và quay về phía máy điện thoại vừa nối được liên lạc.

Cuộc trò chuyện bằng điện thoại khá lâu, nhưng K. vẫn lơ đãng đứng gần máy suốt thời gian ấy. Chỉ đến khi thấy ông phó giám đốc đặt ống nghe xuống, anh mới giật mình và nói như để thanh minh phần nào cho sự có mặt vô tích sự của anh:

- Họ vừa gọi dây nói bảo tôi đến một địa điểm, nhưng lại quên không cho biết là vào giờ nào.

- Vậy ông gọi lại đi, - ông phó giám đốc bảo.

- Ồ! đâu có quan trọng đến mức như vậy! - K. nói, tuy rằng lời khẳng định ấy làm giảm giá trị câu thanh minh lúc nãy vốn đã không đủ sức thuyết phục.

Ông phó giám đốc khi bước đi còn nói với anh nhiều chuyện khác nữa. K. miễn cưỡng trả lời nhưng đầu óc nghĩ đâu đâu. Anh tự nhủ tốt nhất là sẽ có mặt những ngày ấy vào lúc chín giờ vì đó là giờ tòa bắt đầu làm việc.

Hôm chủ nhật, trời u ám. K. rất mệt, vì suốt nửa đêm hôm trước, anh chè chén với mấy người quen ở tiệm ăn nhân một cuộc vui nho nhỏ, và anh suýt nữa quên giờ. Anh không có thời gian suy nghĩ và liên kết các dự định khác nhau được anh vạch

ra trong tuần; anh phải mặc quần áo vội vàng và đi đến vùng ngoại ô đã được chỉ định, không kịp ăn sáng. Tuy không có mấy thì giờ nhìn phố xá, nhưng - lạ thay - trên đường đi, anh thấy Rabenxtene, Kulitsơ và Kamine là ba nhân viên ngân hàng có dính líu đến vụ việc của anh. Hai tay đầu anh nhìn thấy trên xe điện, còn Kamine thì ngồi ở ngoài hiên một tiệm cà phê và tò mò nhoài người trên hàng lan can trước cửa tiệm đúng vào lúc anh đi ngang qua trước mặt hắn. Cả ba đứa đã đưa mắt nhìn theo anh, ngạc nhiên thấy cấp trên của chúng vội vã như thế; K. không đi xe điện vì anh muốn tỏ ra mình bất cần; trong việc này anh thấy ớn không muốn bất cứ ai cứu giúp; anh không muốn cầu đến ai để bảo đảm không cho ai biết đến điều bí mật; anh cũng không muốn tự hạ mình trước ban điều tra chút nào bằng thái độ quá nghiêm túc.

Trong khi chờ đợi, anh rảo bước để có thể đến kịp vào lúc chín giờ, mặc dầu anh không được triệu tập vào giờ đích xác.

Anh nghĩ có lẽ sẽ nhận ra tòa nhà từ xa qua một dấu hiệu nào đấy mà anh chưa hề hình dung trong óc hoặc có người tấp nập ở các cửa ra vào. Nhưng đến đầu phố Xanh Juyn, nơi có địa chỉ tòa nhà, anh dừng lại một lát, chỉ thấy hai bên những dãy nhà cao xam xám một kiểu giống nhau, những khối nhà tồi tàn cho người nghèo thuê. Vào buổi sáng chủ nhật ấy, hầu như cửa sổ nào cũng có người, những gã đàn ông mặc áo lót đứng tựa cửa sổ, hoặc thận trọng và âu yếm đỡ các trẻ nhỏ ngồi lên chỗ tì tay. Ở những cửa sổ khác là các chồng khăn trải giường, chăn, mền, trên đó thỉnh thoảng lại thấy nhô lên đầu một phụ nữ tóc bù xù. Người ta gọi nhau í ới, người ta nói đùa với nhau từ bên này qua bên kia phố; một trong những lời đùa cợt ấy làm cho ai nấy nhìn K. cười ầm lên. Dọc theo hai dãy nhà có các quán hàng hoa quả, thịt, rau, khoảng cách đều đặn và hơi thấp hơn mặt phố một chút; muốn vào quán phải bước xuống mấy bậc, phụ nữ đi đi lại lại ở đấy, một số khác đứng nói chuyện ở bậc lên xuống. Một người bán hàng rong đẩy xe hàng vừa đi vừa rao, suýt

gạt ngã K.. Cùng lúc ấy, một chiếc máy hát cất lên bài ca chiến thắng, giọng rè rè vì dùng lâu đã mòn tại những khu phố sang trọng hơn.

K. thong thả đi sâu vào trong phố như thể lúc này anh còn thì giờ, hoặc viên dự thẩm đứng ở cửa sổ nào đó nhìn thấy và biết anh đã đến rồi. Lúc ấy hơn chín giờ một chút. Ngôi nhà ở khá xa, mặt trước dài thườn thượt, có cái cửa rộng thênh thang, chắc là được trổ ra để cho xe ba gác chở hàng hóa vào các nhà kho khác nhau vây quanh một cái sân rộng, cửa kho đóng kín, vài kho có đề tên các hãng buôn K. quen biết ở ngân hàng. Trái với thói quen, anh quan sát rất tỉ mỉ những chi tiết ấy và còn dừng lại một lúc ở lối vào sân. Gần anh có một người đàn ông chân đi đất ngồi đọc báo trên một chiếc hòm gỗ. Hai cậu thiếu niên đu đưa ở hai đầu một cái xe đẩy. Trước máy nước, một cô bé mảnh khảnh, mặc áo chẽn, đứng nhìn K. trong lúc nước chảy vào vò. Tại một góc, giữa hai cửa sổ, người ta treo quần áo trên dây; một gã đàn ông đứng phía dưới, điều khiển công việc, chỉ dẫn này nọ.

K. đã tiến vào đến cầu thang thì bỗng dừng lại khi thấy còn có ba cầu thang khác nữa, không kể một lối đi hẹp có lẽ thông sang cái sân thứ hai. Anh bực mình vì người ta đã không nói rõ cho biết vị trí cái phòng nơi anh phải tới; họ đã xử sự với anh một cách cẩu thả lạ lùng, thờ ơ đến phát bực; anh có ý định sẽ dứt khoát nói toạc điều ấy ra. Nhưng rồi anh cũng leo lên thang gác thứ nhất, thầm nghĩ đến câu nói của gã thanh tra Vilem, hắn bảo anh rằng pháp lí bị "lôi cuốn bởi tội phạm", nếu vậy thì căn phòng phải tìm nhất định ở đầu cái thang gác mà K. đã tình cờ lựa chọn.

Khi lên, anh làm cho những đứa trẻ đương chơi ở chỗ chiếu nghỉ cầu thang phải tránh ra, và chúng hậm hực nhìn anh đi ngang qua giữa hàng lối chúng.

"Nếu còn phải trở lại đây, - anh nghĩ bụng, - mình sẽ cần phải mang kẹo để tranh thủ thiện cảm của chúng hoặc một cái roi để quật".

Thậm chí anh còn phải chờ một lúc cho quả cầu của chúng lăn xong; hai thằng nhóc trông đã có vẻ ma cà bông túm quần giữ anh lại; nếu anh giằng ra chắc sẽ làm chúng đau, và anh sợ chúng kêu toáng lên.

Lên đến tầng gác thứ nhất anh mới bắt đầu thực sự tìm kiếm.

Vì không thể nào hỏi viên dự thẩm, anh liền bịa ra một bác thợ mộc Lanx - anh chợt nghĩ ra cái tên ấy vì đó là tên của cháu bà Grubach - và anh định đi khắp các phòng hỏi xem bác thợ mộc Lanx có phải là ở đấy không, để kiếm cớ nhìn vào bên trong. Nhưng anh nhận thấy có thể nhìn vào phần lớn các phòng dễ dàng hơn rất nhiều, vì hầu hết các cửa đều bỏ ngỏ để trẻ em ra vào. Qua cửa, nói chung anh nhìn thấy những căn phòng nhỏ, có một cửa sổ, dùng làm nhà bếp và phòng ngủ. Các phụ nữ, một tay ôm đứa con bé nhất, tay kia đảo xoong chảo trên bếp lò. Các cô bé mặc một chiếc tạp dề giản dị có vẻ như làm đủ mọi việc. Trong một số phòng, trên giường còn có người ốm, người ngủ hoặc mặc nguyên áo quần nằm nghỉ. Khi gặp phòng nào đóng cửa, K. gõ và hỏi xem bác thợ mộc Lanx có ở đấy không. Thường thường một người đàn bà ra mở cửa, nghe hỏi, rồi quay vào nói với ai đó ngồi nhỏm dậy trên giường.

- Ông ấy hỏi ở đây có ai là bác thợ mộc Lanx không.

- Bác thợ mộc Lanx à? - từ trong giường có người hỏi.

- Vâng, - K. nói, tuy nhiên anh thấy viên dự thẩm không có ở đấy và anh không cần biết gì thêm nữa.

Nhiều người tưởng rằng anh rất cần tìm bác thợ mộc Lanx ấy, họ nghĩ ngợi mãi và cuối cùng nói đến một ông thợ mộc, nhưng tên không phải là Lanx, hoặc một cái tên nghe hao hao giống như tên Lanx, hoặc lại đi hỏi hàng xóm, hay cùng đi với K. đến tận cửa phòng nào đó theo ý họ có thể có người tên như thế hoặc có người biết rõ hơn có thể chỉ dẫn cho K.. Cuối cùng, bản thân K. hầu như cũng chẳng còn gì để hỏi nữa. Người ta đã dẫn anh đi gần như khắp nơi. Mới đầu anh có vẻ đắc ý về phương pháp của mình, bây giờ thấy nó thật vô tích sự. Lên

đến tầng gác thứ năm, anh quyết định thôi không tìm kiếm nữa, từ biệt một người thợ trẻ có nhã ý muốn dẫn anh đi tiếp lên tầng trên, rồi anh xuống thang gác. Nhưng tức mình vì không được việc gì nên anh lại leo lên thang gác lần nữa và gõ cửa một căn phòng ở tầng gác thứ năm. Vật đầu tiên anh nhìn thấy trong căn phòng hẹp là chiếc đồng hồ to tướng kim đã chỉ mười giờ.

- Có phải đây là nhà bác thợ mộc Lanx không ạ? - anh hỏi.

- Mời anh vào, - một thiếu phụ mắt đen láy nói, chị đương giặt quần áo trẻ em trong chiếc chậu gỗ, giơ bàn tay đầy bọt xà phòng trỏ chiếc cửa mở của phòng bên cạnh.

K. tưởng chừng đặt chân vào trong một cuộc họp công cộng. Đám đông đủ các hạng người ngồi chật ních căn phòng có hai cửa sổ, quanh phòng là một ban công gần sát trần, người đứng chen chúc, ai cũng phải khom khom, đầu và lưng đụng vào trần nhà. Chẳng ai buồn để ý khi có anh bước vào.

Thấy không khí ngột ngạt quá, K. lại bước ra và nói với người thiếu phụ chắc đã hiểu sai ý anh:

- Tôi hỏi chị có ai tên là Lanx làm nghề thợ mộc.

- Có mà! - chị ta nói, - anh cứ vào đi.

Có lẽ K. cũng chẳng vào nếu đúng lúc ấy chị không nắm lấy quả đấm cửa và nói:

- Anh vào xong là em phải đóng cửa; không ai có quyền được vào nữa.

- Chí phải, - K. nói. - Nhưng phòng đông người quá rồi.

Rồi anh vẫn vào. Giữa hai người đàn ông đương đứng tựa cửa nói chuyện - một người giơ cả hai tay như đang cho tiền, người kia chăm chú nhìn vào mặt - có một bàn tay thò ra bíu lấy K.. Đó là bàn tay một thiếu niên má đỏ hồng.

- Chú vào đây, vào đây, - cậu ta nói.

K. theo cậu dẫn đi; anh thấy có một lối đi hẹp hình như phân chia đám đông ra thành hai phe; có lẽ đúng thế, vì dọc theo hai hàng đầu, bên phải và bên trái, anh chẳng thấy có

ai quay mặt về phía anh cả. mà chỉ nhìn thấy lưng những người đương hoa tay nói với một nửa khối cử tọa mà thôi. Phần đông đều mặc đồ đen với những chiếc áo lễ phục rơđanhgốt dài buông thõng quanh thân thể. Chính cách ăn mặc ấy làm cho K. bối rối; nếu không có lẽ anh đã tưởng mình đương ở trong một hội nghị chính trị.

Ở đầu kia của gian phòng, nơi anh đương được dẫn tới, có một chiếc bàn nhỏ kê ngang trên cái bục thấp, người cũng ngồi chật ních như trong khắp phòng; ngồi sau bàn, gần mép bục, là một người đàn ông béo lùn, đương hổn hển, nói, giữa những tiếng cười ầm ĩ, với một người đứng phía sau lưng, chân bắt chéo, khuỷu tay tì vào lưng ghế tựa. Thỉnh thoảng ông ta lại khua tay lên không khí như phác họa một người nào đó; cậu bé dẫn K. khó khăn lắm mới thực hiện được nhiệm vụ của mình. Đã hai lần cậu phải kiễng chân lên tìm cách báo tin K. đã tới, nhưng người đàn ông thấp béo vẫn không trông thấy. Chỉ đến khi một trong những người ngồi trên bục nói cho biết, người đàn ông béo lùn mới quay lại và cúi xuống nghe cậu thì thầm. Rồi ông rút đồng hồ ra và đưa mắt nhìn K. một cái.

- Lẽ ra ông phải có mặt trước đây một giờ năm phút, - ông ta bảo.

K. muốn trả lời, nhưng anh không có thì giờ, vì ông vừa dứt lời thì tiếng xì xào rộ lên ở nửa phòng bên phải.

- Lẽ ra ông phải có mặt trước đây một giờ năm phút, - ông ta nhắc lại to hơn và nhìn về phía công chúng. Tiếng ồn ào đột ngột tăng lên, đến khi người đàn ông không nói gì nữa, thì nó cũng lắng xuống dần dần. Bây giờ còn yên lặng hơn lúc K. mới bước vào. Chỉ những ai đứng trên ban công là còn bàn tán. Nhìn trong bóng tối lờ mờ, qua lớp bụi và khói, họ ăn mặc có vẻ còn tồi tàn hơn những người ngồi ở dưới nhà nhiều. Trong bọn họ có nhiều kẻ mang theo gối, đệm lên đầu để khỏi phải va vào trần.

K. đã chủ tâm là sẽ chỉ quan sát nhiều mà nói ít thôi, nên

chẳng buồn phân trần về việc người ta bảo anh đến muộn, anh chỉ nói:

- Muộn hay không thì bây giờ tôi cũng đã đến rồi đây.

Những lời tán thưởng lại vang lên ở nửa phòng bên phải.

"Rất dễ tranh thủ cảm tình của những người này" - K. nghĩ, anh chỉ lo ngại về sự im lặng của nửa bên trái. trước mặt chỗ anh đứng, là nơi chỉ nổi lên những lời tán thưởng lẻ tẻ. Anh tự hỏi không biết nên nói năng thế nào để tranh thủ nhất tề tất cả mọi người, hoặc nếu không thể được, thì ít nhất cũng tranh thủ thiện cảm của những ai từ nãy đến giờ vẫn im lặng.

- Đúng thế. - người đàn ông béo lùn liền đáp, - nhưng bây giờ tôi không bị bắt buộc phải lắng nghe ông nữa.

Tiếng xì xào lại rộ lên, nhưng lần này nó làm cho mọi người hiểu lầm. vì người đàn ông vừa ra hiệu cho ai nấy im lặng, vừa vẫn tiếp tục nói:

- Song hôm nay thì tôi sẽ lắng nghe ông, trường hợp ngoại lệ chỉ một lần này nữa thôi. Nào bây giờ ông lên đây.

Có một người nhảy từ trên bục xuống lấy chỗ cho K. đứng. Anh áp sát mép bàn và sau lưng người ta chen ghê quá, anh phải cố chống lại để khỏi làm đổ bàn và có nguy cơ xô ngã cả viên dự thẩm.

Nhưng viên dự thẩm chẳng hề lo lắng mảy may, ông ngồi thoải mái trên chiếc ghế tựa của ông. Sau khi nói mấy lời với người đứng sau lưng, ông cầm một quyển sổ nhỏ là thứ duy nhất có trên bàn. Nó giống như một quyển vở học sinh cũ nát, xộc xệch vì đã giở đi giở lại nhiều lần.

- Xem nào, - viên dự thẩm giở sổ và nói với K. bằng một giọng ghi nhận, - ông là thợ sơn nhà cửa?

- Không, - K. nói, - tôi làm đại diện ở một ngân hàng lớn.

Câu trả lời ấy được phe bên phải cười tán thưởng rất thân ái đến nỗi K. cũng phải cười theo. Mọi người đặt tay lên đầu gối và rung cả người như trong cơn ho rũ rượi; viên dự thẩm

giận sôi lên, nhưng xem chừng chẳng làm gì được những người ngồi dưới nhà, nên tìm cách trút giận lên ban công và cau mày dọa nạt, cặp lông mày bình thường không ai để ý, nhưng trong lúc giận dữ ấy, trông nó có vẻ dựng đứng lên, đen sì và dễ sợ.

Nửa phòng bên trái vẫn hoàn toàn giữ thái độ bình thản: ai nấy vẫn ngồi thành dãy ngay ngắn, mặt quay lên bục và lặng lẽ nghe tiếng huyên náo ở trên cao cũng như ở bên cạnh; đôi khi họ lại để cho một vài người trong bọn rời khỏi hàng và sang tham gia với phe bên kia. Những người thuộc phe bên trái ấy số lượng ít hơn, có lẽ thực ra cũng chẳng khỏe hơn những người thuộc phe bên phải, nhưng thái độ điềm tĩnh làm cho họ có uy thế hơn. Khi K. nói, anh cảm thấy tin chắc là họ tán thành ý kiến của anh.

- Thưa ngài dự thẩm, - anh nói, - ngài đã hỏi tôi có phải là thợ sơn nhà cửa không; hay nói cho đúng hơn, ngài đã không hỏi gì tôi cả, ngài đã giáng vào tôi lời ghi nhận của ngài như một chân lí hiển nhiên; điều đó nói lên khá rõ toàn bộ vụ án đã được tiến hành chống lại tôi theo cách thức như thế nào; rất có thể ngài bắt bẻ tôi rằng đây không phải là một vụ án. Trong trường hợp ấy, ngài trăm phần có lí; các lề lối làm việc của ngài chỉ có thể gọi là trình tự tố tụng nếu tôi chấp nhận nó. Lúc này đây tôi rất muốn chấp nhận; có thể nói là vì thương hại; chỉ với cái giá ấy người ta mới có thể quyết định chú ý phần nào đến chúng mà thôi. Tôi không bảo rằng chúng thể hiện sự phá hoại pháp lí, nhưng giá như tôi cung cấp từ ngữ ấy cho ngài từ trước để khi nghĩ đến, ngài tự tìm ra thì hay hơn.

Đến đấy, K. dừng lại để nhìn khắp phòng. Những lời lẽ của anh rất nghiêm khắc, nghiêm khắc hơn anh dự định nhiều, nhưng đều đúng cả. Chúng đáng được cả phe này lẫn phe kia tán thưởng, thế nhưng ai nấy đều lặng thinh; rõ ràng họ hết sức tò mò chờ đợi anh nói tiếp; cũng có thể mọi người đương ngấm ngầm chuẩn bị cười phá lên để chấm dứt

mọi chuyện. Vì vậy K. rất bực thấy người phụ nữ trẻ tuổi giặt quần áo lúc ấy bước vào trong phòng, chắc chị ta đã xong công việc nên vào tham dự; tuy đã hết sức đề phòng cẩn thận, anh không thể ngăn được cử tọa hơi đưa mắt nhìn đi chỗ khác. Chỉ có một mình viên dự thẩm làm cho anh vui thích thực sự, vì ông ta có vẻ bị chạm nọc bởi những lời nhận xét của anh. Bị chất vấn đột ngột lúc ông đứng dậy để quở trách những người trên ban công, ông vẫn đứng nguyên lắng nghe cho đến bây giờ. Ông lợi dụng lúc anh ngừng lời để len lét ngồi xuống, như không muốn ai để ý đến động tác đó.

Rồi ông lại cầm quyển sổ lên tay, có lẽ để làm ra vẻ ung dung bình tĩnh.

- Tất cả những thứ đó chẳng được dùng làm gì cả, - K. nói. - Thưa ngài dự thẩm, bản thân quyển sổ của ngài xác nhận những lời tôi nói.

Hài lòng vì chỉ thấy những lời lẽ điềm tĩnh của mình vang lên giữa đám đông cử tọa, anh cả gan túm lấy cuốn vở của ông dự thẩm, dùng đầu ngón tay nhón một trang ở giữa quyển, làm như sợ không dám sờ, rồi vung lên, khiến cho các tờ treo lủng lẳng tứ bề, phô ra những chữ ngoằn ngoèo như gà bới, những vết bẩn và những dấu tay vàng vàng.

- Hồ sơ tài liệu của ngài dự thẩm đây, - K. nói và để rơi quyển sổ xuống bàn. - Cứ việc nghiên cứu chúng đi, thưa ngài dự thẩm, tôi không sợ những tờ giấy buộc tội ấy đâu, mặc dù chúng ở ngoài tầm của tôi, vì tôi chỉ có thể dùng đầu ngón tay chạm sơ qua một chút.

Viên dự thẩm nhặt quyển sổ vừa rơi xuống bàn, tìm cách vuốt vuốt qua cho đỡ nát rồi lại đặt trước mặt. Đó là dấu hiệu của một sự nhục nhã ghê gớm, ít ra mọi người cũng hiểu như vậy.

Những người ngồi ở dãy đầu nghênh mặt nhìn K. hết sức tò mò, khiến anh phải nán lại một lát để nhìn họ. Đó là những ông già, nhiều người râu bạc trắng; có lẽ tất cả đều tùy thuộc vào các cụ ấy: có lẽ các cụ là những người có thể tác động đến đám cử tọa kia hơn cả, đám cử tọa bỗng trở nên lạnh như tiền

từ lúc K. bắt đầu nói, và nỗi nhục nhã của viên dự thẩm cũng không làm cho họ sôi động lại được.

- Điều xảy đến với tôi, - anh nói tiếp, hơi thấp giọng hơn trước và luôn dò xét những khuôn mặt ở dãy đầu, khiến cho lời nói của anh có vẻ hơi lơ đãng, - điều xảy đến với tôi chỉ là một trường hợp riêng biệt; nó chẳng phải chuyện to tát gì, vì tôi không xem là điều nghiêm trọng, nếu như đây không phải là sự thâu tóm lề lối làm việc nói chung mà người ta tiến hành với những người khác nữa. Chính vì những người ấy mà tôi nói ở đây chứ không phải là vì tôi.

Anh đã cao giọng lên lúc nào không biết. Có một người ngồi đâu đó dang thẳng cánh vỗ tay tán thưởng và kêu lên:

- Hoan hô! Hoan hô đi chứ! Hoan hô, hoan hô đi!

Vài cụ ngồi dãy đầu giơ tay lên vuốt râu; chẳng ai quay lại khi nghe tiếng hoan hô. K. cũng chẳng hề quan tâm đến người ấy, nhưng dù sao vẫn thấy phấn chấn; anh nghĩ chẳng cần thiết phải tất cả mọi người tán thưởng anh nữa; chỉ cần đa số buộc lòng phải suy nghĩ và thỉnh thoảng anh thuyết phục được một đôi người thế là đủ.

- Tôi không tìm kiếm sự thành đạt bằng nghệ thuật hùng biện - anh nói, theo đuổi dòng tư tưởng thầm kín của mình, - vả chăng chắc tôi sẽ không đạt được. Ngài dự thẩm nhất định nói giỏi hơn tôi nhiều, đó là do chức phận của ngài. Tôi chỉ muốn đưa ra cho công chúng xét đoán một điều bất thường đã trở thành công khai phổ biến. Các vị hãy nghe đây: tôi bị bắt cách đây khoảng mười ngày - bản thân sự việc làm cho tôi thích thú, nhưng vấn đề không phải ở chỗ đó. Người ta đến bắt chộp tôi lúc tờ mờ sáng ở trên giường; có lẽ - cứ theo như lời ngài dự thẩm vừa nói, tôi thấy rất có thể như vậy lắm - có lẽ người ta được lệnh bắt một bác thợ sơn nhà cửa nào đó cũng chẳng có tội tình gì như tôi, nhưng tuy vậy người ta lại chọn tôi để bắt. Có hai gã thanh tra thô lỗ đến chiếm đóng ngay phòng bên cạnh. Nếu tôi là một tướng cướp nguy hiểm, có lẽ người ta cũng chẳng đề phòng cẩn

thận hơn. Hơn nữa, mấy gã thanh tra ấy là bọn bất lương, chúng nói điếc tai tôi để mong được thuê tiền, để chiếm đoạt áo quần của tôi; chúng bảo tôi đưa tiền, theo chúng nói, để đi kiếm cái gì về cho tôi ăn sáng, sau khi đã trơ tráo uống cà phê sữa của tôi ngay trước mặt tôi. Thế chưa hết! Chúng đã dẫn tôi đến gặp viên đội trong một căn phòng thứ ba của căn hộ. Đó là phòng của một người phụ nữ tôi rất quý mến, thế mà tôi phải nhìn căn phòng ấy bị sự hiện diện của viên đội và mấy gã thanh tra làm cho nhơ nhớp, có thể nói nguyên nhân là do tôi, tuy tôi không có lỗi. Thật khó mà có thể giữ được bình tĩnh. Song tôi đã nén được và hỏi viên đội một cách hết sức điềm đạm - nếu có mặt ở đây, tất y cũng phải thừa nhận điều đó - Tại sao tôi lại bị bắt? Các vị có biết hắn ta liền trả lời tôi thế nào không? - hiện giờ tôi vẫn còn như trông thấy hắn trước mặt tôi, ngồi trên chiếc ghế tựa của người phụ nữ ấy như một biểu tượng của tính kiêu căng ngu độn - Thưa các vị, hắn không trả lời gì tôi cả; vả lại có lẽ thực ra hắn cũng chẳng biết gì hơn; hắn đã bắt tôi, đối với hắn thế là đủ. Tệ hơn nữa! hắn đã dẫn vào phòng người phụ nữ ấy ba nhân viên hạ cấp ở ngân hàng của tôi, chúng dùng thì giờ vào việc mó máy làm lung tung những tấm ảnh của chị. Sự có mặt của mấy nhân viên này lẽ dĩ nhiên còn có mục đích khác: chúng cũng như bà chủ cho thuê nhà và chị người ở của bà được dùng để loan tin tôi bị bắt, làm hại đến thanh danh của tôi và làm lung lay địa vị của tôi ở ngân hàng. Chúng không đạt được mục đích, dù chỉ là một chút xíu: ngay bà chủ cho thuê nhà của tôi, một người rất giản dị - tôi muốn nhắc tên bà ở đây để tỏ lòng kính trọng, bà tên là Grubach - ngay bà Grubach cũng là người biết điều nên đã thừa nhận một vụ bắt bớ như thế thì cũng chẳng quan trọng gì hơn cuộc hành hung do những kẻ thiếu giáo dục gây ra ở ngoài phố. Mọi chuyện đó, tôi xin nhắc lại, chỉ đem đến cho tôi những nỗi bực mình thoáng qua, nhưng ai dám bảo không thể có những hậu quả tai hại hơn nữa?

Ngừng lại để nhìn viên dự thẩm một cái. K. thấy ông ta đưa mắt ra hiệu cho một người trong đám đông, anh liền mỉm cười và nói:

- Ông dự thẩm đang ra ám hiệu cho một người trong số các vị đấy. Vậy là trong các vị có những kẻ người ta điều khiển từ trên đây. Tôi không biết mật hiệu ấy nhằm kêu gọi các vị la ó hay tán thưởng, và bằng cách tiết lộ trước điều này, tôi sẵn lòng khước từ không cần biết đến ý nghĩa của nó. Tôi hoàn toàn dửng dưng với ý nghĩa ấy và ngài dự thẩm cứ việc nói to ra lệnh cho các nhân viên ăn tiền thuê của ngài chứ không cần dùng mật hiệu; ông ta cứ việc nói thẳng thừng: bây giờ la ó đi, hoặc: bây giờ hoan hô đi.

Không biết vì sốt ruột hay sượng sùng mà viên dự thẩm cứ xê ghế đi xịch ghế lại. Người đứng sau lưng ông và vừa nãy cùng ông trao đổi, lại cúi xuống để động viên chung chung hay góp ý với ông điều gì không biết. Phía dưới, mọi người bàn tán thì thầm nhưng sôi nổi. Hai phe lúc nãy ý kiến hình như rất khác nhau, bây giờ lại thống nhất; vài người chỉ trỏ K. hoặc chỉ trỏ viên dự thẩm cho nhau xem.

Hơi người từ trong phòng bốc lên tạo thành một luồng khí rất khó chịu; nó thậm chí khiến cho nhìn những người ở cuối phòng lờ mờ không rõ. Nó đặc biệt làm phiền các khán giả trên ban công, họ muốn biết rõ chuyện nên phải hỏi những công chúng ngồi dưới, hỏi khe khẽ sau khi lo lắng đưa mắt nhìn về phía viên dự thẩm. Người được hỏi cũng trả lời thầm với bàn tay khum khum che miệng.

- Tôi sắp xong rồi đây. - K. vừa nói vừa đập nắm tay xuống bàn vì không có chuông.

Đầu viên dự thẩm và đầu gã cố vấn thoắt cái rời xa nhau ra vì giật mình sợ hãi.

- Vụ này không liên quan gì đến tôi cả; vì vậy tôi xét đoán nó một cách bình tĩnh và giả sử cái gọi là tòa án này đối với các vị có phần nào quan trọng đi nữa, thì các vị nghe tôi nói vẫn cứ có lợi. Tôi xin các vị để lát nữa hãy trao đổi về những

lời phát biểu của tôi, vì tôi chỉ còn ít thời gian và sắp đi ra bây giờ.

Yên lặng trở lại ngay lập tức vì K. đã trấn áp được cả cử tọa. Người ta không la hét như lúc đầu nữa, người ta cũng không hoan hô và hình như ai nấy đều bị thuyết phục.

- Chẳng còn nghi ngờ gì nữa, thưa các vị, - K. nói tiếp rất khẽ, vì anh sung sướng thấy ai nấy đều say sưa chăm chú lắng nghe, trong cái yên lặng ấy có một thứ tiếng vo vo còn khích động hơn những tiếng hoan hô phấn khởi nhất, - chẳng còn nghi ngờ gì nữa, thưa các vị, phía sau những biểu hiện của tổ chức tư pháp này, tức là phía sau vụ bắt bớ tôi, đây là nói về tôi, phía sau cuộc hỏi cung mà người ta bắt tôi phải chịu đựng hôm nay, có một tổ chức lớn, một tổ chức không những sử dụng những viên thanh tra hám tiền, những đội trưởng cảnh binh và những viên dự thẩm ngu độn, mà còn bao gồm cả các quan tòa cao cấp với một lô một lốc những tay chân cần thiết của họ, các kí lục, sen đầm, phụ tá, có lẽ cả đao phủ nữa, tôi dám hỏi thẳng như thế. Và bây giờ, thưa các vị, ý nghĩa của cái tổ chức lớn ấy là gì? Là bắt những người vô tội, truy tố họ không lí do, và thường là - như trong trường hợp của tôi - không kết quả. Ở giữa cái vô nghĩa của cả một hệ thống như thế, làm sao tính vụ lợi của các viên chức lại không bùng ra? Thưa các vị, nó không thể nào không bùng ra công khai trắng trợn! Ông quan tòa vĩ đại nhất cũng không sao bóp nghẹt đi được, ngay cả cho ông! Chính vì thế mà gã thanh tra tìm cách đánh cắp áo quần trên lưng bị cáo, chính vì thế mà các viên đội xông vào nhà người ta, chính vì thế mà những kẻ vô tội không được hỏi cung một cách bình thường mà bị làm nhục trước mặt toàn thể cử tọa. Mấy gã thanh tra chỉ nói với tôi về các kho chứa tài sản của các bị cáo; tôi rất muốn được xem các kho đó, nơi có các đồ đạc người ta phải đổ mồ hôi sôi nước mắt mới kiếm ra được, nay bị xếp xó vô dụng trong khi chờ đợi các viên chức tội nặng tẩy đình đến đánh cắp!

Có tiếng người léo xéo ở cuối phòng khiến K. phải ngừng

lại; anh giơ tay khum khum che mắt cố nhìn vì ánh sáng lờ mờ ngày hôm đó làm cho làn hơi bốc lên trong phòng có màu trăng trắng, bưng mắt mọi người, trông gì cũng không rõ. Tiếng kêu phát ra từ chỗ người đàn bà giặt giũ, ngay từ khi chị ta mới bước vào phòng, anh đã nhận thấy quần áo chị xốc xa xốc xếch. Lần này chị phạm tội ư? Chẳng hiểu thế nào. K. chỉ thấy một gã đàn ông lôi chị vào cái xó gần cửa và ghì chặt chị vào lòng. Nhưng không phải chị ta kêu mà là gã đàn ông; gã há hốc mồm và nhìn lên trần nhà.

Một nhóm người xúm quanh các diễn viên của màn kịch ấy và những kẻ đứng trên ban công có vẻ khoái trá được giải khuây trong không khí nghiêm túc mà K. đã đem đến cho cử tọa.

Do ấn tượng ban đầu, K. muốn đi ngay đến để khôi phục lại trật tự, cứ tưởng mọi người đều sẵn lòng ủng hộ anh và ít nhất cũng tống cổ đôi trai gái ra khỏi phòng; nhưng ngay từ những hàng ghế đầu anh đã vấp phải những vị ngồi yên không nhúc nhích và không để cho anh đi qua. Họ còn cản trở anh nữa là khác, và có cả một bàn tay - anh không có thời giờ quay đầu lại - nắm lấy cổ áo phía sau của anh; anh thôi không nghĩ đến đôi trai gái nữa, vì cảm thấy người ta đương tìm cách xâm phạm đến tự do của anh và bắt anh thực sự, anh liền từ trên bục nhảy phốc xuống. Lúc này anh đứng giáp mặt với mọi người. Anh đã xét đoán sai mọi người chăng? Anh đã quá hi vọng vào lời lẽ của mình chăng? Phải chăng họ đã khéo che giấu trong lúc anh đương nói và bây giờ chuyển sang hành động thì các mặt nạ liền rơi xuống? Những bộ mặt quanh anh mới khiếp chưa! Những cặp mắt đen, nhỏ ti hí đưa đi đưa lại trong khoảng tranh tối tranh sáng, má sệ xuống như má bọn say rượu, râu dài thưa và cứng, và khi họ đưa tay vuốt râu thì chẳng khác nào lấy ngón tay quào quào vào chỗ trống không, nhưng dưới những chòm râu ấy, anh nhìn thấy những chiếc huy hiệu to nhỏ, màu sắc khác nhau óng ánh trên các cổ áo, và đó chính là

một phát hiện thực sự của K.. Hình như ai cũng đeo những chiếc huy hiệu ấy, tất cả đều thuộc cùng một phe, những người ngồi bên phải cũng như những người ngồi bên trái, và khi quay phắt đầu lại, K. cũng nhìn thấy những chiếc huy hiệu như vậy trên cổ áo viên dự thẩm, ông ta khoanh tay trước bụng, lặng lẽ nhìn trong phòng.

- Chà chà! - K. thốt lên, giơ cả hai tay lên trời, vì sự phát hiện đột ngột ấy cần phải có khoảng không gian mới phô diễn được. - Như tôi thấy, thì tất cả các vị đều là viên chức tư pháp, các vị là bọn người bị mua chuộc mà tôi vừa nói, các vị tụ họp tại đây để nghe ngóng và dò la, các vị giả vờ chia thành phe phái để đánh lừa tôi; các vị vỗ tay tán thưởng chính là để thăm dò tôi; các vị muốn biết phải làm thế nào để cám dỗ một người vô tội. Ồ, cần gì phải thế: hoặc các vị thích thú thấy có kẻ hiền lành vô tội mong chờ được các vị bênh vực, hoặc... ("Lui ra không tôi nện bây giờ!", anh hét bảo một ông lão run rẩy sán lại quá gần anh), hoặc các vị đã thật sự biết được điều gì đó; tôi xin mừng cho cái nghề nghiệp đẹp đẽ của các vị.

Anh tức tốc vớ lấy mũ để trên mép bàn rồi rảo bước đi ra giữa bầu không khí im lặng như tờ, sự im lặng chỉ có thể giải thích là do hoàn toàn sửng sốt. Nhưng viên dự thẩm hình như còn mau lẹ hơn K., vì ông ta đã đợi anh ở ngoài cửa.

- Khoan đã, - ông ta nói với anh.

K. dừng lại, nhưng không nhìn viên dự thẩm, anh chỉ để mắt đến cánh cửa, tay đã nắm lấy quả đấm cửa.

- Tôi chỉ muốn lưu ý ông rằng, - viên dự thẩm nói, - hôm nay ông đã tự tước bỏ mất của ông cái lợi thế mà một cuộc hỏi cung thường vẫn dành cho bị cáo, mà hình như ông không biết.

K. nhìn cửa nói:

- Các người là bọn vô lại! - anh kêu lên, - tôi biếu các người những cuộc hỏi cung của các người đấy.

Rồi anh mở cửa chạy bổ xuống thang gác. Anh nghe phía sau lưng nổi lên tiếng ồn ào của cử tọa bàn tán những chuyện vừa xảy ra như lớp học bình phẩm một bài văn.

CHƯƠNG III.
TRONG PHÒNG VẮNG BÓNG NGƯỜI - ANH SINH VIÊN - CÁC PHÒNG LỤC SỰ

Tuần lễ sau, K. đợi từng ngày lệnh đòi ra tòa lần nữa; anh không thể nào tưởng tượng họ lại hiểu theo nghĩa đen là anh từ chối không chịu thẩm vấn, và đến chiều thứ bẩy vẫn chưa nhận được gì, anh nghĩ là được mặc nhiên triệu tập vào chủ nhật, thời gian và địa điểm như cũ. Thế là hôm sau anh tới đó và lần này đi thẳng đến các cầu thang và hành lang theo đường gần nhất; vài người thuê nhà nhớ ra anh, đứng ở bậc cửa chào ra, nhưng anh không phải hỏi đường ai cả; chẳng mấy chốc anh đã đến nơi, vừa gõ, cửa đã mở ngay. Không chần chừ nhìn người phụ nữ ra mở cửa cho anh - vẫn là chị lần trước - và chị dừng lại ở gần lối ra vào, anh đương định bước sang phòng bên thì nghe có tiếng nói:

- Hôm nay không có phiên tòa.

- Sao lại không có phiên tòa? - anh ngờ vực hỏi.

Nhưng chị ta thuyết phục bằng cách mở cửa phòng cho anh xem. Phòng đúng là không có ai, và trong cảnh vắng lặng ấy, nó có vẻ còn tồi tàn hơn chủ nhật trước. Bàn vẫn kê trên bục và trên đặt mấy quyển sách cũ to tướng.

- Tôi xem những quyển sách kia có được không? - K. hỏi, không phải vì tò mò, mà chỉ để có thể tự nhủ là mình đến đây chẳng phải hoàn toàn vô tích sự.

- Không được, - người phụ nữ đóng cửa lại và nói, - cái đó không được phép; những quyển sách ấy là của ngài dự thẩm.

- Á à! ra thế, - K. lắc đầu nói, - những quyển kia chắc là sách luật, và tất nhiên lề lối của ngành tư pháp chúng ta đòi hỏi không những người vô tội bị kết án mà còn không được biết đến luật pháp.

- Có lẽ thế, - người phụ nữ nói, không thật hiểu lắm.

- Được, vậy thì tôi đi đây, - K. nói.

- Em có phải nói gì với ngài dự thẩm không? - người phụ nữ hỏi.

- Chị biết ông ấy à? - K hỏi.

- Tất nhiên, - người phụ nữ nói, - chồng em là mõ tòa ở tòa án mà.

Đến lúc ấy K. mới nhận thấy căn phòng ngoài này chủ nhật trước chỉ có một cái chậu giặt quần áo bằng gỗ, nay được sắp đặt lại hoàn toàn thành phòng ở. Người đàn bà nhận thấy sự ngạc nhiên của anh liền nói:

- Vâng, người ta cho chúng em ở đây không mất tiền, nhưng vào các ngày có phiên tòa chúng em phải dọn đi. Do việc làm của chồng em nên có nhiều cái bất tiện.

- Tôi ngạc nhiên về căn phòng thì ít, - K. nói và nhìn chị ta một cách ranh mãnh, - mà ngạc nhiên nhiều là chị đã có chồng.

- Anh muốn ám chỉ việc xảy ra trong phiên tòa lần trước, vì em mà anh không nói tiếp được nữa, có phải không? - chị ta hỏi.

- Đúng thế, - K. bảo. - Hôm nay chuyện ấy đã qua và hầu như quên đi rồi; nhưng lúc ấy tôi điên tiết ghê lắm. Thế mà bây giờ chị vừa nói với tôi là chị đã có chồng!

- Nếu như em đã làm anh bị ngắt lời thì cũng chẳng có hại gì cho anh. Anh vừa đi khỏi là mọi người phán xét anh tệ lắm.

- Cái đó rất có thể, - K. nói, anh né tránh điểm sau cùng, - tất cả những điều đó không biện bạch được cho chị.

- Những ai biết em đều lượng thứ cho em cả, - chị nói, - cái anh ôm hôn em hôm chủ nhật trước đã theo đuổi em từ lâu rồi. Em xem ra có lẽ chẳng hấp dẫn gì lắm đâu, nhưng anh ấy lại cho là em hấp dẫn. Không có cách gì cản anh ấy được, chồng em cũng đành phải cam chịu; nếu chồng em muốn giữ được địa vị thì cũng đành phải như thế, vì anh kia là sinh viên và có lẽ sẽ tiến tới địa vị rất cao. Anh ta lúc nào cũng lẵng nhẵng theo gót em; hôm nay anh ta vừa đi xong lúc anh đến đấy.

- Chuyện ấy tôi không lạ, - K. nói, - hết thảy đều như thế cả.

- Có lẽ anh muốn du nhập vào đây những sự cải cách ư? - chị chậm rãi hỏi và có vẻ thăm dò, như nói một điều gì có thể nguy hiểm cả cho chị và cho K.. - Nghe anh diễn thuyết, em rút ra kết luận ấy, riêng em rất thú những điều anh nói, tuy em chỉ nghe được một phần, vì lúc đầu em không có mặt và đến đoạn cuối, em nằm với anh sinh viên ở dưới sàn... Ở đây ngán lắm! - một lát sau chị cầm lấy bàn tay K. rồi nói. - Anh tưởng rằng có thể cải thiện được tình hình ư?

K. vừa mỉm cười vừa nhẹ nhàng xoay xoay bàn tay của anh trong hai bàn tay mềm mại của người thiếu phụ.

- Nói thực ra, - anh nói, - tôi không có nhiệm vụ cải thiện tình hình ở đây như chị nghĩ, và nếu chị nói điều ấy ra với một người khác, như với ông dự thẩm chẳng hạn, họ sẽ chế nhạo chị; tôi sẽ chẳng bao giờ sẵn lòng can dự vào những chuyện đó và nhu cầu cải thiện tổ chức tư pháp ấy chưa bao giờ làm vẩn đục giấc ngủ của tôi. Nhưng tôi đã bị bắt, vì hiện nay tôi bị bắt, tôi buộc phải nhúng vào vì nó liên quan đến tôi. Nếu nhân tiện tôi có thể giúp thêm cho chị được gì, tất nhiên tôi không nề hà, chẳng những vì tình thương yêu đồng loại, mà còn vì đến lượt chị cũng có thể giúp tôi.

- Về việc gì? - chị hỏi anh.

- Ví như, bây giờ chị cho tôi xem những quyển sách trên bàn kia.

- Được quá! - chị thốt lên và vội vã dẫn K. vào.

Đó là những quyển sách cũ nhàu nát; một quyển đã quá rách, các mảnh giấy chỉ dính vào nhau nhờ những sợi chỉ khâu.

- Ở đây cái gì cũng bẩn cả! - K. lắc đầu nói.

Người đàn bà lấy góc tạp dề phủi bụi ở sách trước khi để anh sờ vào. Anh cầm lấy quyển đầu tiên, giở ra xem và nhìn thấy một bức tranh thô tục. Một gã đàn ông và một ả đàn bà trần truồng ngồi trên ghế tràng kỉ; dụng ý của người vẽ rõ ràng là tục tĩu, nhưng y vụng về quá nên ta chỉ thấy đó là

một gã đàn ông và một ả đàn bà ngồi ngay đơ, cả hai như bước ra khỏi tranh và cố mãi mới nhìn thấu được vì không theo đúng luật viễn cận. K. không xem tiếp nữa; anh mở ngay sang quyển thứ hai, ở trang có đầu đề: đó là một cuốn tiểu thuyết nhan đề *Macgơrit bị câm vì chồng*.

- Thì ra các sách luật mà người ta nghiên cứu ở đây là thế này! - K. nói. - Thì ra ta bị xét xử bởi những kẻ như thế này đây!

- Em sẽ giúp anh nhé! - người phụ nữ nói.

- Chị có thể giúp tôi thật mà không nguy hiểm cho bản thân chị ư? Chẳng phải chị vừa nói lúc nãy là chồng chị sợ cấp trên đó sao?

- Em sẽ vẫn cứ giúp anh, - chị ta nói; - anh lại đây, chúng ta cần trò chuyện với nhau. Anh đừng nói đến những chuyện bất trắc của em nữa. Em chỉ sợ nguy hiểm khi nào em muốn mà thôi.

Chị trỏ cho anh cái bục và mời anh ngồi xuống với chị ở chỗ bậc lên xuống.

- Anh có đôi mắt đen đẹp lắm, - chị ta nói khi hai người đã ngồi xuống và ngước lên nhìn khuôn mặt của K.. - Người ta bảo là cả em cũng có đôi mắt đẹp, nhưng mắt anh còn đẹp hơn nhiều. Vả chăng em đã để ý đến đôi mắt ấy ngay lập tức, lần đầu tiên khi anh đến đây; chính vì chúng mà sau đó em đã vào phòng họp, thông thường em chẳng vào bao giờ và có thể nói là em không có quyền được vào nữa cơ.

"Tất cả điều bí ẩn là ở đó, - K. nghĩ. - Ả tự hiến thân cho ta, ả cũng hư hỏng như mọi người khác ở đây; ả đã chán những viên chức tư pháp rồi, điều đó cũng dễ hiểu, và ả gặp bất cứ ai liền bắt chuyện ngay bằng cách ca tụng đôi mắt người ấy".

Và anh đứng dậy, chẳng nói chẳng rằng, như thể anh đã nghĩ ngợi ra bằng lời và đã giải thích như vậy cách xử sự của anh với chị ta.

- Tôi không tin rằng chị có thể giúp được tôi. - anh nói; - muốn thực sự giúp được tôi thì phải có quan hệ với các viên

chức cao cấp, thế mà chị có lẽ chỉ gặp gỡ các nhân viên cấp dưới đi đi lại lại lũ lượt ở đây. Bọn họ thì chắc chắn chị quen biết lắm và rất có thể chị nhờ cậy được nhiều, nhưng những sự giúp đỡ to lớn nhất mà chị có thể cầu cạnh ở họ cũng sẽ chẳng thúc đẩy được cho vụ án của tôi đi tới kết cục, chị sẽ chỉ có thể vui lòng để mất đi vài ông bạn, và điều ấy thì tôi không muốn. Chị cứ tiếp tục gặp gỡ bọn họ như mọi khi; xem ra bọn họ cần thiết cho chị đấy; tôi nói với chị như thế chẳng phải là không lấy làm tiếc, vì để đáp lại lời khen ngợi của chị, chính tôi cũng phải thú nhận rằng tôi thấy mến chị, nhất là khi chị nhìn tôi bằng cái vẻ buồn buồn không duyên cớ. Chị ở trong nhóm những kẻ mà tôi phải chống lại, nhưng ở đấy chị rất thoải mái, chị còn yêu chàng sinh viên hay ít nhất cũng ưa anh ta hơn chồng của chị, điều đó dễ đọc thấy trong những lời lẽ của chị.

- Không phải đâu, - chị thốt lên, vẫn ngồi, rồi nắm lấy bàn tay của K. bằng một động tác rất nhanh khiến anh không kịp tránh, - anh không thể bỏ đi bây giờ được đâu; anh không có quyền bỏ đi với lời xét đoán không đúng; anh có thể thật sự bỏ đi trong lúc này được ư? Chẳng lẽ em thật sự vô vị đến nỗi anh không muốn ở lại với em lấy một lát để làm vui lòng em ư?

- Chị đã hiểu lầm tôi, - K. nói và lại ngồi xuống. - Nếu chị thật sự muốn tôi ở lại, tôi sẵn lòng ở lại, tôi có thời giờ vì tôi đến đây với hi vọng được hỏi cung. Những điều tôi vừa nói chỉ là để xin chị đừng lo chạy chọt gì cho tôi cả. Và cũng chẳng có gì làm chị phải mếch lòng nếu chị hiểu cho là tôi hoàn toàn dửng dưng với kết cục của vụ án và tôi có bị kết án thì cũng chẳng sao, đấy là giả dụ vụ án có ngày kết thúc thật sự, điều mà tôi không tin; tôi cho rằng có lẽ tính lười nhác, sự trễ nải hay thậm chí nỗi e ngại của các viên chức tư pháp đã khiến cho họ đình chỉ cuộc thẩm vấn, nếu không sẽ chẳng lâu la gì đâu; cũng có thể họ theo đuổi vụ này với hi vọng được một khoản hối lộ kếch sù; nhưng họ sẽ chỉ toi công mà thôi; tôi có thể nói thế ngay bây giờ, vì tôi sẽ không lo lót

ai cả. Có lẽ chị có thể giúp được tôi bằng cách nói với ông dự thẩm hay với bất cứ nhân vật nào khác thích loan truyền những tin quan trọng, là không có một trò vũ lực nào mà chắc là các vị ấy sẽ phóng tay sử dụng lại có thể khiến tôi phải lo lót một ai. Sẽ hoàn toàn uổng công vô ích, chị cứ nói thẳng với họ như vậy. Vả chăng, có lẽ tự họ cũng đã nhận thấy rồi, và ngay cả nếu như họ chưa nhận ra, tôi cũng chẳng cần quan tâm đến việc báo cho họ biết bây giờ. Điều đó có lẽ chỉ làm cho họ đỡ tốn công sức; nếu đúng là như thế tôi sẽ tránh được vài điều bực mình nho nhỏ, nhưng tôi không đòi hỏi gì hơn là chị dựng những chuyện phiền phức sơ sơ ấy, miễn rằng tôi biết là những người kia cũng chịu ảnh hưởng dội lại; và tôi sẽ quan tâm để sao cho tình hình diễn ra như thế. Chị có quen biết ông dự thẩm không?

- Tất nhiên, - chị nói, - chủ yếu là em nghĩ đến ông ta khi em đề nghị giúp đỡ anh. Em không hề biết ông ta chỉ là một nhân viên cấp dưới, nhưng vì anh bảo em thế nên có lẽ đúng. Em cho rằng báo cáo của ông ta đệ trình cấp trên dẫu sao cũng có một ảnh hưởng nào đấy. Ông ta viết nhiều báo cáo lắm cơ! Anh bảo rằng các viên chức thì lười nhác, nhưng chắc chắn không phải ai cũng thế, nhất là ông ta; ông viết nhiều ghê gớm. Chủ nhật trước chẳng hạn, phiên tòa đã kéo dài đến tận tối. Mọi người ra về cả rồi, nhưng ông vẫn ở lại; cần phải có ánh sáng, em chỉ có một chiếc đèn nhỏ để làm bếp, ông tỏ ra hài lòng và lập tức ngồi viết ngay; chồng em đúng hôm ấy là ngày nghỉ phép, vừa lúc đó trở về, chúng em đi tìm đồ đạc và kê dọn lại; còn có bà con hàng xóm sang chơi nữa và mọi người ngồi nói chuyện phiếm dưới ánh sáng của một ngọn nến; tóm lại, chúng em đã quên mất ông dự thẩm và chúng em đi ngủ. Bỗng, đương đêm, có lẽ đã khuya lắm rồi, em thức giấc và nhìn thấy ngài dự thẩm ở cạnh giường em! Ông lấy tay che đèn để ánh sáng khỏi rọi vào chồng em; đó là một sự đề phòng vô ích, vì chồng em ngủ say đến nỗi có rọi đèn vào cũng chẳng bao giờ làm cho thức dậy. Em khiếp đảm đến

muốn rú lên; nhưng ông dự thẩm rất dễ thương, ông đã khuyên em phải thận trọng, ông thì thầm vào tai em là ông đã ngồi viết cho đến lúc bấy giờ, rằng ông mang đèn trả em và ông sẽ chẳng bao giờ quên được cái cảnh tượng ông nhìn thấy em lúc em đang ngủ. Tất cả chỉ là để nói với anh rằng ngài dự thẩm thật sự viết nhiều báo cáo, nhất là về anh, bởi vì chính là cuộc hỏi cung anh đã cung cấp đề tài chủ yếu cho cuộc họp kéo dài hai ngày mới đây. Những bản báo cáo dài như vậy chẳng lẽ lại là không quan trọng tí gì; qua việc xảy ra này, anh cũng thấy là ngài dự thẩm muốn tán tỉnh em và em có thể có ảnh hưởng to lớn đến ông ta, đặc biệt bây giờ là thời gian đầu, vì ông ta chắc là mới để ý đến em rất gần đây thôi. Ông ta thiết tha với em lắm, em đã có nhiều chứng cớ. Thực vậy, hôm qua ông gửi cho em qua chàng sinh viên là chỗ thân tín và là người cộng tác với ông một đôi tất lụa để em quét dọn phòng họp; nhưng đấy chỉ là cái cớ, bởi công việc quét dọn tất yếu đã bao gồm trong phận sự của chồng em, được trả lương để làm việc này. Đó là những đôi tất rất đẹp, anh nhìn mà xem - và chị vừa vén váy lên đến tận đầu gối vừa giơ hai chân ra để cả chị cũng nhìn - đó là những đôi tất rất đẹp, đẹp mê hồn, chúng được làm ra đâu phải để cho em.

Chị đột nhiên im bặt rồi đặt bàn tay lên bàn tay K. như để cho anh yên tâm, trong lúc chị thì thầm với anh:

- Coi chừng, Bectôn đang nhìn chúng ta đấy.

K. từ từ ngước mắt lên. Một chàng thanh niên đứng ở cửa phòng; anh ta người bé nhỏ, hai chân vòng kiềng, và anh ta để râu, một chòm râu ngắn, màu hung và thưa thớt, chốc chốc chàng lại đưa mấy ngón tay lên vờn cho ra vẻ trang nghiêm. K. nhìn chàng một cách tò mò, có thể nói đây là lần đầu tiên anh gặp một chàng sinh viên bằng xương bằng thịt được chuyên môn hóa trong cái khoa học pháp lí mà anh hoàn toàn mù tịt, một người có lẽ rồi đây sẽ đạt tới một chức vụ rất cao. Còn chàng sinh viên thì hình như chẳng bận tâm đến K. chút nào; chàng chỉ ra hiệu cho người phụ nữ bằng cách rút một ngón tay

ra khỏi chòm râu trong giây lát rồi đến đứng ở cửa sổ; người phụ nữ ghé đầu về phía K. và thì thầm bảo anh:

- Đừng giận em nhé, em xin anh, và cũng đừng có trách em; em phải đi gặp hắn ta, con người khủng khiếp kia; anh cứ nhìn đôi chân vặn vẹo của em đây này. Nhưng em sẽ trở lại ngay tức khắc và em sẽ theo anh đến đâu cũng được; em sẽ đi đến bất cứ nơi nào anh thích, lúc đó anh muốn làm gì em thì làm, em chỉ cầu xin được đi khỏi đây càng lâu càng tốt và nếu không bao giờ phải trở lại đây nữa càng hay!

Chị lại vuốt ve bàn tay của K., rồi vội vã đứng lên chạy đến bên cửa sổ.

Như một cái máy, K. với tay lên khoảng không tìm cách nắm lấy bàn tay của chị, nhưng chị đã đi rồi. Người đàn bà này cám dỗ anh thật sự; mà cho dù có suy nghĩ gì đi nữa, anh cũng không tìm ra lí lẽ có giá trị để đừng nhượng bộ trước sự cám dỗ ấy. Đúng là có một lúc anh thoáng nghĩ có lẽ ả tìm cách giăng lưới bẫy anh để nộp cho luật pháp, nhưng đó chỉ là một lí lẽ có thể bác bỏ, anh đánh đổ chẳng khó khăn gì. Bằng cách nào ả có thể bắt anh mới được chứ? Chẳng phải là anh vẫn luôn luôn được tự do, đủ để chỉ một đòn đánh gục cả bộ máy tư pháp, ít ra là những gì có liên quan đến anh hay sao? Anh không thể có được sự tin cậy nhỏ nhoi ấy ư? Thế rồi người đàn bà có vẻ rất chân thành muốn được giúp đỡ anh, và như vậy có thể có ích. Có lẽ để báo thù viên dự thẩm và cả bè lũ của hắn, chẳng có gì hơn là cuỗm luôn của hắn ả đàn bà kia và chiếm lấy cho mình. Thế là rất có thể một hôm nào đó, sau khi đã miệt mài với những bản báo cáo dối trá về K., viên dự thẩm giữa đêm khuya thấy giường của ả đàn bà vắng ngắt. Và vắng ngắt vì ả đã thuộc về K., vì người đàn bà ấy, hiện đương đứng ở cửa sổ, cái tấm thân mềm mại và nóng ấm mặc bộ đồ đen bằng vải thô nặng trịch kia, dứt khoát chỉ thuộc về anh mà thôi.

Sau khi đã xua tan những thành kiến của mình đối với chị ta theo cách ấy, anh bắt đầu thấy rằng cuộc trò chuyện bên cửa sổ kéo dài lâu quá, liền gõ xuống bục, thoạt đầu bằng mấy

ngón tay, rồi sau bằng cả nắm đấm. Chàng sinh viên đưa mắt nhìn anh một cái rất nhanh qua vai người phụ nữ, nhưng vẫn bình thản như không, và chỉ càng ôm chặt lấy chị ta hơn. Chị cúi đầu xuống rất thấp như để hết sức chăm chú lắng nghe chàng nói, và chàng lợi dụng động tác ấy để hôn chùn chụt lên cổ chị mà miệng vẫn nói lắp bắp. K. tưởng chừng nhìn thấy đó là sự xác nhận điều mà chính chị đã nói về cách đối xử bạo ngược của chàng sinh viên; anh đứng lên và bắt đầu đi đi lại lại. Anh tự hỏi làm thế nào để có thể tống cổ chàng sinh viên đi càng nhanh càng tốt; vì vậy anh không bực mình khi chàng ta chắc là sốt ruột vì cái trò dạo chơi nhiều lúc biến thành nện chân thình thịch kia, nên đã quăng lời khiển trách:

- Nếu ông vội, chẳng có gì ngăn cản ông đi đi. Lẽ ra ông có thể đi từ nãy, chẳng ai luyến tiếc ông cả; thậm chí ngay từ lúc tôi mới vào, ông đã nên tức tốc chuồn cho nhanh!

Dù biểu lộ sự giận dữ, lời nói ấy bật ra cũng tỏ rõ niềm kiêu hãnh của một viên chức tư pháp tương lai nói với một bị cáo nào đấy. K. dừng lại sát bên chàng và mỉm cười nói:

- Tôi sốt ruột, đúng thế, nhưng cách tốt nhất làm cho khỏi sốt ruột là ông để chúng tôi lại đây. Nếu ông tới đây để học - vì người ta bảo tôi ông là sinh viên - tôi không đòi hỏi gì hơn là trả chỗ lại cho ông và tôi ra đi với người phụ nữ này. Vả chăng, ông sẽ còn cần phải học không ít thời gian nữa trước khi trở thành quan tòa; tôi không biết rõ lắm cái ngành tư pháp của ông, nhưng tôi nghĩ rằng nó không chỉ bằng lòng với những cách ăn nói hỗn xược mà ông tỏ ra rất giỏi giang.

- Người ta đừng để cho hắn được tự do thì phải, - chàng sinh viên nói như để giải thích với người phụ nữ những lời lẽ xúc phạm của K. - Thật là một điều vụng về. Anh đã nói thẳng với ngài dự thẩm. Ít ra cũng phải không cho hắn ta được ra khỏi nhà trong thời gian đương tiến hành những cuộc hỏi cung. Có những lúc anh chẳng hiểu ông dự thẩm ra thế nào.

- Đừng có dài lời nữa, - K. nói và chìa bàn tay về phía người phụ nữ. - Nào chị, lại đây!

- Á à! Ra thế! - chàng sinh viên nói. - Không, không, cô này thì ông không chiếm được đâu.

Và dùng một cánh tay nhấc bổng cô tình nhân lên bằng một sức khỏe chẳng ai ngờ, chàng khom lưng tiến ra cửa, thỉnh thoảng lại đưa mắt âu yếm nhìn cái gánh nặng trên tay. Cuộc trốn chạy này chứng tỏ một cách không chối cãi được là có phần nào sợ hãi K., thế nhưng chàng ta vẫn cả gan trêu tức anh bằng cách dùng bàn tay để không của mình vuốt ve nắn bóp cánh tay của người phụ nữ. K. đi vài bước ở bên cạnh, chuẩn bị túm lấy anh chàng, và nếu cần thì bóp cổ, nhưng chị ta liền bảo anh:

- Chẳng làm gì được đâu, - và chị đưa bàn tay lên vuốt mặt chàng sinh viên, - nỗi khủng khiếp bé bỏng này sẽ không buông em ra đâu.

- Thế chị không muốn người ta giải thoát cho chị à? - K. kêu lên và đặt một bàn tay lên vai chàng sinh viên làm y ngoái đầu định cắn.

- Không, - chị ta kêu lên và giơ cả hai bàn tay ra đẩy K., - không, không, không mà! Anh định làm cái gì thế? Nguy cho em đấy. Anh buông hắn ra đi, em van anh, anh buông hắn ra đi, hắn mang em đến cho ngài dự thẩm chỉ là thi hành mệnh lệnh của ông ta.

- Thôi được, thì hắn cứ xéo đi! Còn chị, tôi sẽ không thèm gặp nữa! - K. nói, điên người lên vì thất vọng, rồi anh đấm cho chàng sinh viên một quả vào lưng khiến y lảo đảo.

Nhưng rất may y không bị ngã, y càng chạy nhanh hơn với gánh nặng trên đôi cánh tay...

K. thong thả đi theo; anh thừa nhận đó là thất bại rành rành đầu tiên của anh đối với họ. Nhưng chẳng việc gì mà phải băn khoăn; nếu anh phải chịu đựng thất bại, đó chẳng qua chỉ là vì đã khiêu chiến. Nếu anh cứ ngồi nhà và tiếp tục cuộc sống thường ngày, anh sẽ hơn chúng ngàn lần và có thể đá một cái gạt chúng ra khỏi đường anh đi. Anh hình dung ra một cảnh ngộ nghĩnh, chẳng hạn cái anh chàng sinh viên tội nghiệp kia, cái

thằng oắt con lên mặt ta đây kia, cái gã để râu bất thành nhân dạng kia, quỳ xuống trước giường Enxa và chắp tay xin nàng xá tội. Ý nghĩ ấy làm cho anh thích thú đến nỗi anh quyết định hễ có dịp là anh sẽ dẫn hắn đến nhà nàng.

Anh tò mò đi ra cửa để xem người ta đưa người phụ nữ ấy đến đâu, vì chàng sinh viên chắc không đời nào bồng chị ta trên tay ở ngoài phố được. Nhưng anh không phải đi xa lắm. Anh thấy ngay phía trước cửa ra vào là một cầu thang hẹp bằng gỗ chắc là dẫn lên tầng áp mái (vì có một chỗ ngoặt nên không nhìn được thang dẫn lên đâu). Chàng sinh viên leo lên chính cái cầu thang ấy với người phụ nữ trên tay, chậm chạp, và đã thở hổn hển vì chạy mệt rồi. Chị ta huơ bàn tay chào K. và nhún vai nhiều lần để chứng tỏ với anh rằng chị không chịu trách nhiệm về vụ bắt cóc này, nhưng động tác ấy chẳng có vẻ gì là luyến tiếc lắm. K. dửng dưng nhìn chị ta như nhìn một người đàn bà chưa quen biết; anh không muốn tỏ ra thất vọng cũng chẳng muốn để lộ là anh có thể dễ dàng chế ngự được nỗi thất vọng của mình.

Hai kẻ chạy trốn đã biến đi rồi mà anh vẫn còn đứng sững ở ngưỡng cửa. Anh buộc phải thấy rằng người phụ nữ đã lừa dối anh, và hai lần lừa dối, bằng cách viện cớ là người ta mang chị đến cho quan tòa, vì quan tòa không lẽ lại đợi chị ở tầng nóc! Chiếc cầu thang bằng gỗ chẳng giải thích được gì dù người ta có căn vặn nó lâu đến bao giờ đi nữa. K. nhìn thấy một tấm biển nhỏ ở gần lối lên liền chạy lại xem và đọc được trên đó một hàng chữ viết nguệch ngoạc như chữ trẻ con: "Cầu thang khu lưu trữ hồ sơ tư pháp". Thì ra khu lưu trữ hồ sơ ngành tư pháp ở trên tầng nóc của ngôi nhà cho thuê tồi tàn này! Đó không phải là một chốn có tính chất gợi cho mọi người sự kính nể và còn gì khiến cho một bị cáo an tâm hơn là nhìn thấy ngành tư pháp ít tiền nghèo bạc đến nỗi phải lưu trữ hồ sơ tại một nơi mà những kẻ thuê nhà, là dân nghèo của hạng người nghèo khổ, dùng để quẳng những đồ vật không dùng được nữa. Nói thực ra, có thể là nó cũng không đến nỗi

thiếu tiền đâu, nhưng bị các viên chức nhảy vào xâu xé trước khi tiền đó được sử dụng vào những công việc tư pháp. Qua những điều K. đã thấy cho đến lúc này thì xem chừng đúng như thế thật, nhưng sự đồi bại đó tuy có phần nào làm nhục nhã cho bị cáo, về căn bản lại khiến cho bị cáo được an tâm hơn khi thấy tình trạng nghèo nàn của tòa. Bây giờ K. mới hiểu là tổ chức tư pháp tỏ ra ngượng ngùng khi phải triệu tập bị can đến để hỏi cung lần đầu tại một tầng nóc, nên tốt hơn là kéo đến quấy phá anh ngay tại nhà. K. có ưu thế hơn ông quan tòa được bố trí làm việc tại tầng nóc kia biết bao nhiêu, trong khi anh, ở ngân hàng, có cả một phòng rộng, phía trước có tiền sảnh, và phòng có một cửa sổ rất lớn trông xuống quảng trường nhộn nhịp nhất của thành phố! Tất nhiên là anh không có những khoản đút lót bổng lộc phụ và không thể sai người phục vụ mang gái đến văn phòng cho. Nhưng anh vui lòng khước từ những thứ đó, ít ra là ở cõi đời này.

Anh còn đương đứng yên trước tấm biển thì có một người đàn ông đi lên cầu thang, nhìn vào phòng qua cửa ra vào để ngỏ - từ đấy cũng nhìn được sang phòng họp - và cuối cùng hỏi K. là lúc nãy có thấy một người đàn bà ở đó không.

- Chắc anh là mõ tòa? - K. hỏi.

- Vâng, - người đó trả lời, - còn anh là bị cáo K. phải không? Giờ đây tôi cũng nhận ra anh, hoan nghênh là anh đã đến.

Và K. thật không ngờ hắn lại chìa bàn tay ra bắt tay anh.

- Hôm nay không có phiên tòa, - hắn nói thêm khi thấy K. im lặng.

- Tôi biết. - K. nói và nhìn bộ thường phục của viên mõ tòa, hắn không mang huy hiệu nghề nghiệp nào khác ngoài chiếc khuy vàng óng có vẻ như được dứt từ một chiếc áo măng tô sĩ quan đã cũ. - Tôi vừa nói chuyện với vợ anh xong, nhưng giờ thì chị ấy không có đây, tay sinh viên đã đem chị ấy đến cho ông dự thẩm rồi.

- Thế là người ta đem vợ tôi đi suốt, - viên mõ tòa nói. - Mà

hôm nay là chủ nhật đấy! Tôi có công việc gì phải làm đâu, nhưng người ta cứ sai tôi đi làm những việc vớ vẩn, cố để tống tôi đi khỏi đây. Đã thế người ta còn thận trọng không sai tôi đi đâu xa quá để tôi cứ tưởng sẽ về nhà kịp thời. Tôi cố sức nhanh nhanh chóng chóng, tôi hét qua cửa điều cần truyền đạt với người có liên quan, vừa hét vừa thở hổn hển đến mức hầu như chẳng hiểu tôi muốn nói gì, tôi ba chân bốn cẳng quay về, nhưng tay sinh viên còn nhanh chân hơn tôi! Là vì con đường hắn ta đi không xa lắm, chỉ phải xuống thang gác từ trên tầng nóc. Nếu tôi bớt đi được phần nào thân phận nô lệ, tôi đã nghiền nát hắn từ lâu rồi, vào bức tường này, tại đây, bên cạnh tấm biển. Lúc nào tôi cũng mơ ước điều đó... Tại đây, chỗ kia kìa, phía trên sàn, hắn ta sẽ bẹp gí, dán vào tường, hai cánh tay bắt chéo, những ngón tay xòe ra, hai chân khoèo vòng kiềng, và khắp chung quanh là những vết máu tung tóe. Nhưng cho đến nay đó vẫn chỉ là một giấc mơ!

- Chẳng có cách nào khác ư? - K. mỉm cười hỏi.

- Tôi không thấy có, - viên mõ tòa đáp. - Và tình hình còn trở nên tệ hơn nữa, trước đây hắn bằng lòng với việc đem vợ tôi về phòng hắn, nhưng bây giờ, từ lâu tôi vẫn lo ngại điều đó, hắn lại mang vợ tôi đến cho viên dự thẩm...

- Thế vợ anh không có trách nhiệm gì trong chuyện này ư? - K. vừa hỏi vừa tự kiềm chế vì máu ghen tuông bắt đầu làm cho cả anh nữa cũng băn khoăn.

- Có chứ! Tất nhiên! - viên mõ tòa đáp. - Thậm chí cô ả là người có tội nhất. Cô ta bám cổ hắn. Còn hắn thì đàn bà nào mà hắn chẳng tán tỉnh. Riêng ngôi nhà này đã có năm hộ gia đình hắn len lỏi vào và bị tống cổ ra cửa. Không may vợ tôi là người xinh đẹp nhất của cả ngôi nhà, còn tôi lại đúng là kẻ bảo vệ mình kém nhất.

- Nếu như vậy, - K. nói, - thì rõ ràng là chẳng làm gì được.

- Sao thế? - viên mõ tòa hỏi. - Cần phải nện cho cái tay sinh viên vốn là thằng hèn nhát ấy một trận đòn nên thân khi hắn muốn đụng vào vợ tôi để cho hắn chừa đến già. Nhưng tôi thì

tôi không được quyền, và chẳng có ai muốn giúp đỡ tôi, vì tất cả mọi người đều sợ quyền lực của hắn. Cần phải có một người nào đó như anh.

- Sao lại thế? - K. ngạc nhiên hỏi.

- Bởi lẽ anh đang bị buộc tội! - viên mõ tòa đáp.

- Dĩ nhiên, - K. nói, - nhưng chính vì thế mà tôi phải lo sợ hắn trả thù bằng cách tác động, nếu không phải là đến kết cục của vụ án, thì ít nhất cũng là đến cuộc thẩm vấn của hắn.

- Cố nhiên, - viên mõ tòa nói như thể quan điểm của K. cũng đúng đắn như quan điểm của anh ta. - Nhưng theo thường lệ, ở tòa chúng tôi, người ta không khởi tố những vụ án nào chẳng dẫn đến đâu cả.

- Tôi không tán thành ý kiến của anh, - K. nói, - nhưng điều đó không ngăn trở tôi nếu gặp dịp sẽ quan tâm đến tay sinh viên.

- Tôi sẽ đội ơn anh lắm lắm, - viên mõ tòa nói hơi trịnh trọng, nhưng anh ta không có vẻ tin là niềm ước muốn tuyệt đỉnh của mình sẽ có ngày trở thành hiện thực.

- Có lẽ nhiều viên chức khác cũng đáng phải bị trừng trị như thế, - K. nói, - có lẽ tất cả!

- Đúng vậy, đúng vậy, - viên mõ tòa trả lời như thể đó là một điều hoàn toàn tự nhiên.

Rồi y nhìn K. với vẻ tin cậy sâu xa nãy giờ chưa từng biểu hiện mặc dầu hết sức thân tình, và nói thêm:

- Mọi người lúc này đều làm loạn.

Nhưng cuộc trò chuyện hình như đã trở nên hơi nặng nề đối với y, vì y nói để cắt đứt:

- Tôi phải đến văn phòng bây giờ; anh có muốn đến với tôi không?

- Tôi chẳng có việc gì làm ở đấy cả, - K. nói.

- Anh có thể xem các hồ sơ, sẽ chẳng có ai để ý đến anh đâu.

- Ở đấy có gì lạ lùng đáng xem không? - K. ngập ngừng hỏi, nhưng rất muốn nhận lời.

- Thực tình, - viên mõ tòa đáp, - tôi tin là anh sẽ thích thú.

- Thôi được, - cuối cùng K. nói, - tôi đi theo anh.

Và anh trèo lên thang gác còn mau hơn mõ tòa.

Khi bước vào, anh suýt ngã, vì sau cái cửa còn có một bậc nữa.

- Họ chẳng quan tâm gì mấy đến công chúng cả, - anh nói.

- Họ có quan tâm gì đâu, - viên mõ tòa nói, - anh cứ nhìn cái phòng đợi này thì biết.

Đó là một hành lang dài có những cái cửa thô sơ thông với các gian khác nhau của tầng nóc. Mặc dầu chẳng có ánh sáng mặt trời chiếu vào trực tiếp, nhưng không hoàn toàn tối mò, vì có khá nhiều phòng không ngăn cách với hành lang bằng vách kín, mà chỉ bằng lớp gỗ đóng mắt cáo, nên cũng có chút ít ánh sáng lọt qua, và từ ngoài nhìn vào có thể thấy các viên chức đương ngồi hí hoáy viết ở bàn hoặc đứng tựa vào mắt cáo theo dõi mọi người qua lại. Vả chăng, công chúng ngồi ở phòng đợi có rất ít, vì là ngày chủ nhật; họ hầu như chẳng gây ấn tượng gì; họ ngồi rải đều trên các ghế dài bằng gỗ kê hai bên hành lang. Tất cả bọn họ đều ăn mặc luộm thuộm, tuy rằng nếu xét đoán qua diện mạo, tư thế, cách để râu và nhiều thứ linh tinh khác, phần đông họ đều thuộc những tầng lớp khá giả trong xã hội. Vì không có giá treo áo, họ để mũ dưới gầm ghế, chắc là những kẻ tới sau làm theo những người đến trước. Khi thấy K. và viên mõ tòa lên, những người ngồi gần cửa nhất đứng dậy chào, những người khác thấy thế tưởng cũng phải làm vậy, thành thử ai nấy đều đứng lên khi hai người đi ngang qua. Tuy thế không ai đứng thật thẳng, lưng họ vẫn còng còng và đầu gối gập lại: trông cứ như những gã ăn mày ở góc phố. K. đứng lại đợi viên mõ tòa, vì lúc đó anh đang đi vượt lên trước, và bảo:

- Chắc họ đã phải chịu đựng nhục nhã nhiều lắm!

- Vâng, - viên mõ tòa nói, - các bị cáo đấy mà; tất cả những kẻ anh thấy đều là bị cáo.

- Thế ra họ là bạn cùng hội cùng thuyền với tôi thật ư? - K. hỏi.

Và anh lễ phép hỏi người gần anh nhất, một người đàn ông cao gầy, tóc hầu như đã hoa râm:

- Ông đợi gì ở đây, thưa ông?

Nhưng câu hỏi đột ngột ấy làm cho người đứng đó lúng túng, càng lúng túng ra mặt vì rõ ràng đây là một người vốn thạo phép xã giao, ở vào bất cứ hoàn cảnh nào khác chắc sẽ rất chủ động và không dễ dàng quên mất cái ưu thế của mình so với người khác. Ở đây, ông ta không biết trả lời thế nào cái câu hỏi giản dị đến thế và nhìn những người chung quanh như thể họ có nhiệm vụ phải giúp đỡ ông và chẳng ai có thể bắt ông trả lời chừng nào ông chưa được hỗ trợ. Viên mõ tòa liền xen vào và nói để làm yên lòng và động viên ông:

- Ông đây chỉ đơn giản hỏi ông là ông đợi gì. Ông trả lời đi!

Tiếng nói của viên mõ tòa chắc là quen thuộc với ông ta hơn nên có hiệu quả tốt hơn.

- Tôi đợi, - ông bắt đầu nói rồi lại ngừng bặt.

Rõ ràng ông ta chọn cách mở đầu như thế là để trả lời câu hỏi được rành mạch, nhưng tiếp theo lại không biết nói gì nữa. Vài bị cáo mon men đến gần và đứng vây quanh. Viên mõ tòa bảo họ:

- Dẹp ra, dẹp ra lấy lối đi.

Họ hơi lùi lại, nhưng không về ngồi chỗ cũ. Song, người được hỏi đã có thời giờ trấn tĩnh, thậm chí mỉm cười khi trả lời:

- Cách đây một tháng, tôi có đệ vài đơn lên tòa và tôi đợi tòa xét.

- Ông có vẻ tốn công tốn sức quá, - K. nói.

- Vâng, - người ấy nói, - chẳng phải việc của tôi hay sao?

- Không phải ai cũng nghĩ như ông, - K. bảo; - ông cứ xem như tôi đây, cũng bị buộc tội, nhưng quả thật có bao giờ tôi đệ trình đơn từ gì đâu. Ông nghĩ rằng cần thiết phải thế ư?

- Tôi không biết chắc lắm, - người ấy nói và lại trở nên hoàn toàn lúng túng.

Rõ ràng ông ta tưởng K. muốn đùa; chắc ông rất muốn rút lại hoàn toàn câu trả lời của mình lúc nãy, vì sợ hớ lần nữa, nhưng thấy K. nhìn có vẻ sốt ruột, ông chỉ nói:

- Về phần tôi, tôi đã đệ trình đơn từ.

- Ông hình như không tin là tôi bị buộc tội, - K. nói.

- Ồ! thưa ông, có chứ! có tin chứ! - ông ta nói và hơi né sang một bên, nhưng câu trả lời của ông chứng tỏ ông sợ nhiều hơn là tin.

- Ông không tin tôi ư? - K. hỏi.

Thái độ nhún nhường của người ấy khiến anh không chủ tâm mà nắm lấy cánh tay ông như để bắt ông phải tin. Anh không muốn làm ông đau, nên chỉ chạm nhẹ vào tay ông, nhưng ông ta kêu rú lên như thể không phải K. chỉ chạm khẽ bằng ngón tay mà dùng kìm nung đỏ kẹp lấy ông vậy. Tiếng kêu lố bịch đó khiến cho K. bực mình; họ không tin anh là bị cáo kể ra càng hay; chưa biết chừng người đó tưởng anh là quan tòa cũng nên; thay cho lời chào, anh siết tay ông ta mạnh hơn, đẩy ông đến tận chỗ ghế dài, rồi bỏ đi.

- Các ngài bị cáo phần lớn đều dễ bị kích động đến kinh khủng, - viên mõ tòa nói.

Sau lưng hai người, hầu hết những kẻ đương ngồi đợi đã chạy đến xúm quanh ông ta lúc này đã thôi không kêu nữa, và hình như họ hỏi ông đầu đuôi câu chuyện ra sao. Lúc đó, K. nhìn thấy một viên hiến binh đi tới, đặc biệt dễ nhận ra nhờ thanh gươm, bao gươm chắc làm bằng nhôm vì màu trăng trắng. K. ngạc nhiên đến nỗi anh sờ vào gươm xem sao. Hiến binh nghe thấy tiếng kêu của bị cáo nên chạy đến hỏi xem chuyện gì. Viên mõ tòa giải thích qua loa cho y yên tâm, nhưng y tuyên bố là phải đích thân xem xét, y chào rồi cung cúc bước đi: có lẽ do bệnh thống phong nên bước chân y mới líu ríu như thế.

K. chẳng băn khoăn lâu về y và về những người ở hành

lang, vì anh phát hiện thấy ở quãng giữa một lối đi hẹp không có cửa rẽ sang bên phải. Anh hỏi viên mõ tòa có phải là đi lối ấy không, hắn gật đầu và K. liền đi vào. Anh rất khó chịu cứ luôn luôn phải đi trước viên mõ tòa một hai bước, vì cái cách đi như thế, ít ra là ở đây, có thể làm cho người ta tưởng anh là một tội phạm bị giải đến gặp quan tòa. Do đó, anh luôn phải dừng lại chờ kẻ dẫn đường, nhưng hắn thì bao giờ cũng dềnh dàng chậm lại một tí. Để chấm dứt nỗi bực dọc ấy, K. liền nói:

- Tôi xem đủ rồi, bây giờ tôi muốn đi khỏi đây.

- Anh chưa xem hết đâu, - viên mõ tòa nói với vẻ ngay thật đến ngán ngẩm.

- Tôi không muốn xem hết, - K. nói, vả chăng anh cảm thấy thật sự mệt lắm rồi, - tôi muốn ra khỏi đây, ra bằng lối nào?

- Anh có bị lạc đâu cơ chứ? - viên mõ tòa ngạc nhiên hỏi. - Anh chỉ việc rẽ ngoặt ở góc kia rồi lại đi dọc hành lang ra đến tận cửa.

- Đi với tôi, - K. nói, - chỉ đường cho tôi, nếu không tôi sẽ bị lạc; có nhiều ngả quá!

- Nhưng đó là lối duy nhất mà! - viên mõ tòa nói bằng một giọng đã có vẻ dè bỉu. - Tôi không thể quay trở lại với anh được, tôi phải đi làm nhiệm vụ của tôi và đã mất khá nhiều thời giờ với anh rồi.

- Đi theo tôi, - K. lớn tiếng nhắc lại, như thể anh vừa bắt quả tang viên mõ tòa nói dối.

- Đừng có hét lên như thế, - viên mõ tòa khe khẽ nói, - chỗ nào cũng đầy những văn phòng; nếu anh không muốn quay ra một mình, thì hãy đi theo tôi một lát nữa, hoặc đứng ở đây đợi tôi làm xong nhiệm vụ được giao.

- Không! Không! - K. nói, - tôi không đợi, phải đi theo tôi ngay tức khắc.

Từ nãy anh chưa có thì giờ xem xét nơi mình đang đứng; mãi đến khi thấy một trong số rất nhiều chiếc cửa gỗ chung quanh mở ra, anh mới quan sát chốn này. Một thiếu nữ, chắc là nghe

tiếng anh hét, bước ra: "Ông cần gì ạ?" Xa xa, sau lưng cô, có một người đàn ông cũng đương bước tới trong bóng tối nhá nhem. K. nhìn viên mõ tòa; thế mà hắn bảo chẳng ai để ý đến anh cả! Giờ đây anh đã có những hai viên chức cạo giấy trên tay! Lát nữa chưa biết chừng tất cả các nhân viên sẽ đổ xô đến để hỏi xem anh làm gì thế. Cách giải thích duy nhất về sự có mặt của anh ở đây sẽ để lộ ra anh là bị cáo; người ta sẽ nói ngày tháng cuộc hỏi cung sắp tới, và đó chính lại là điều anh không muốn, vì anh đến đây chỉ là do tò mò; hoặc vì ao ước muốn xem cho rõ để thấy rằng cái mặt trong của tòa án này cũng tỏ ra gớm guốc như cái mặt ngoài của nó, nhưng cách lí giải này lại càng không thể đưa ra được, tuy anh có cảm tưởng là mình không nhầm; anh không muốn đi xa hơn nữa, đủ quá rồi, những điều tai nghe mắt thấy từ nãy đến giờ làm cho anh ngột ngạt; anh sẽ không còn đủ sức đương đầu với tình thế nếu chẳng may gặp một trong số những viên chức cao cấp có thể bất thần nhô ra từ một cái cửa nào đấy; anh muốn đi khỏi đây, đi cùng với viên mõ tòa, hay nếu cần thì đi một mình cũng được.

Nhưng sự im lặng của anh chắc là kì dị lắm, vì cô thiếu nữ và viên mõ tòa đứng ngây ra nhìn như thể anh sắp hóa phép đến nơi và họ không muốn bỏ lỡ dịp được xem; người đàn ông mà K. nhìn thấy từ xa ở phía trong cũng ra tới tận cửa; y vịn cả hai bàn tay vào cái then ngang và kiễng chân đung đưa như một khán giả sốt ruột. Cô gái là người đầu tiên nhận thấy thái độ của K. là do nguyên nhân cơ thể mệt nhọc, cô mang ra cho anh một chiếc ghế bành và hỏi:

- Ông ngồi nhé?

K. ngồi xuống ngay và còn đặt cả hai cánh tay lên tay ghế cho được thoải mái hơn.

- Ông cảm thấy hơi chóng mặt phải không? - cô gái hỏi.

Lúc này anh nhìn thấy mặt cô sát gần anh: cô có vẻ mặt nghiêm nghị của rất nhiều phụ nữ ở tuổi thanh xuân tươi đẹp nhất.

- Ông đừng lo vì thấy trong người mệt nhọc, - cô nói, - ở đây

cái đó là thường; bước chân vào đây lần đầu tiên hầu như bao giờ người ta cũng cảm thấy trong người khó chịu như thế. Đúng là ông tới đây lần đầu phải không? Đúng chứ? Vậy thì, như tôi đã nói với ông, cái đó rất chi là thường. Mặt trời hun nóng mái nhà ghê gớm! xà nhà bỏng rẫy; vì thế nên không khí nặng nề lắm, ngột ngạt lắm. Đây chẳng phải là một nơi tuyệt diệu để bố trí các văn phòng, đành rằng có rất nhiều thuận lợi. Có những ngày - những ngày có phiên tòa lớn, và thường có luôn luôn - không khí hầu như không thở nổi. Nếu ông biết thêm là tất cả mọi người đều mang quần áo lên đây phơi - không sao có thể ngăn cấm hoàn toàn những người thuê nhà làm thế - ông sẽ chẳng lấy làm lạ vì thấy trong người khó ở. Nhưng sau rồi người ta cũng hoàn toàn quen với bầu không khí nơi này. Khi nào ông trở lại đây lần thứ hai hay lần thứ ba, ông sẽ hầu như không cảm thấy ngột ngạt nữa; bây giờ ông đã cảm thấy dễ chịu hơn rồi chứ?

K. không trả lời; anh thấy khó chịu vô cùng, cảm thấy mình bị sa vào tay mấy người này chỉ vì bất thần trong người bải hoải; vả lại từ lúc biết rõ nguyên nhân tình trạng khó ở của mình, chẳng những không đỡ, anh còn cảm thấy mệt hơn một chút. Cô gái nhận thấy ngay: cô lấy cái sào có móc dựng ở tường mở chiếc cửa sổ tròn trên mái ngay bên trên đầu K. để cho người bệnh được dễ chịu phần nào. Nhưng mồ hóng rơi xuống nhiều quá nên cô vội đóng ập vào ngay và phải lấy khăn mùi soa lau hai bàn tay cho K., vì anh mệt quá không tự làm được; anh rất muốn ngồi yên tại đây chờ cho khỏe rồi mới đi, nhưng anh chỉ có thể ngồi lại được nếu người ta đừng quan tâm đến anh. Đã thế cô gái lại nói:

- Ông không thể ngồi đây được đâu; vướng đường qua lại.

K. ngước lông mày như để hỏi làm gì có ai qua lại đâu mà sợ vướng đường.

- Tôi sẽ đưa ông đến y xá nếu ông muốn. Làm ơn giúp em một tay, - cô nói với người đàn ông đứng ở cửa, ông ta lập tức đến ngay.

Nhưng K. không muốn đến y xá; anh chỉ muốn người ta đừng dẫn anh đi xa nữa; càng đi sâu vào trong khu vực này, chắc anh sẽ càng cảm thấy khó ở hơn.

- Tôi đi được rồi, - anh nói và chuệnh choạng đứng lên vì ngồi lâu chân bị tê.

Nhưng anh không đứng thẳng được.

- Không ổn, - anh lắc đầu nói.

Và anh thở dài, lại ngồi xuống. Anh nhớ đến viên mõ tòa có thể dìu anh xuống dễ dàng, nhưng viên mõ tòa chắc đã đi lâu rồi, vì khi cố nhìn lách qua người đàn ông và cô gái đứng trước mặt, anh không thấy hắn đâu cả.

- Tôi cho rằng, - người đàn ông nói, ông ta ăn mặc rất lịch sự, đặc biệt có chiếc áo gilê màu xám, hai vạt nhọn hoắt như hình đuôi én, - tôi cho rằng vị này bị mệt là do bầu không khí ở đây; không nên đem đến y xá, mà nên đưa ra khỏi khu văn phòng này, như thế có lẽ tốt cho vị ấy và cho cả chúng ta hơn.

- Chính thế! - K. mừng rỡ thốt lên, hầu như ngắt lời người ấy, - tôi sẽ đỡ ngay lập tức; vả lại tôi cũng không đến nỗi mệt lắm; tôi chỉ cần ai xốc nách dìu tôi một chút, cũng không vất vả lắm đâu, hơn nữa quãng đường không xa, chỉ phải đưa tôi ra đến cửa, tôi sẽ ngồi nghỉ thêm ở bậc cầu thang một lúc nữa và lại sức ngay, bởi vì tôi chưa bao giờ bị khó ở như thế cả nên lần này đối với tôi quá đột ngột. Bản thân tôi cũng đã quen với không khí các văn phòng, nhưng ở đây, đúng như ông nói, không khí thật kinh khủng. Ông vui lòng dìu tôi đi một quãng được không? Tôi chóng mặt và khi đứng lên một mình thấy trong người khó chịu.

Và anh rướn vai lên để nhờ xốc nách cho dễ.

Nhưng người đàn ông không nghe theo anh, ông ta vẫn đứng yên, hai tay đút túi cười phá lên:

- Cô thấy chưa, tôi đoán có đúng không? - ông nói với cô gái. - Chính vì ở đây nên vị ấy mới khó chịu trong người; ở chỗ khác sẽ không sao.

Cô gái cũng mỉm cười nhưng khẽ phát vào cánh tay người đàn ông một cái như thể ông ta nói hơi sa đà.

- Cô bảo sao! - ông ta nói và vẫn cười, - tôi chỉ đề nghị đưa vị ấy đi thôi mà!

- Thế thì được, - cô gái nói, nghiêng nghiêng trong chốc lát cái đầu xinh đẹp của cô. - Ông đừng quá để tâm đến cái cười ấy nhé, - cô hướng về K. nói thêm, còn K. lại trở nên buồn bã, anh vừa nhìn thẳng trước mặt không động đậy vừa chẳng tỏ vẻ gì là cần được giải thích. - Bác này là, cho phép em được giới thiệu (ông ta phẩy tay cho phép), bác này là nhân viên chỉ dẫn của tòa. Bác cung cấp cho các bị cáo tất cả những thông tin có thể cần thiết đối với họ, và vì dân chúng ít biết về các phương pháp tố tụng của chúng tôi, nên họ đòi hỏi được chỉ dẫn nhiều. Bác trả lời được tất. Nếu ông muốn ông cứ thử mà xem. Nhưng đây không phải là tài cán duy nhất của bác ấy đâu; bác còn có đặc quyền được ăn diện. Chúng tôi thiết nghĩ ("chúng tôi" là muốn nói các viên chức khác) phải để cho nhân viên chỉ dẫn ăn mặc diện để gây ấn tượng tốt đối với công chúng, vì các bị cáo bao giờ cũng tiếp xúc với người đó trước tiên. Những nhân viên khác, chà! ăn mặc xuềnh xoàng hơn rất nhiều; ông cứ nhìn tôi thì biết; chúng tôi chẳng quan tâm mấy đến thời trang; hoang phí vào quần áo đối với chúng tôi chẳng thích thú gì nhiều vì hầu như quanh năm suốt tháng ngồi ở văn phòng; chúng tôi ngủ cũng ở đấy. Nhưng như tôi đã nói với ông: chúng tôi cho rằng nhân viên chỉ dẫn cần thiết phải có bộ quần áo đẹp. Khốn nỗi, cơ quan chúng tôi về phương diện này hơi có vẻ kì quặc, không chịu cung cấp cho, nên chúng tôi đã phải quyên góp - cả các bị cáo cũng quyên góp - để lấy tiền sắm cho ông bạn đồng sự của chúng tôi bộ quần áo đẹp đương mặc đây và vài bộ khác nữa. Bây giờ thì mọi việc tiến triển đều, để gây ấn tượng tốt, nếu bác ấy không làm hỏng việc của chúng tôi bằng cái cười khiến cho các bị cáo ai cũng khiếp sợ.

- À ra thế, - ông nhân viên chỉ dẫn nói một cách châm

biếm; - nhưng thưa cô, không hiểu cô mang tất cả những điều bí mật của chúng ta ra kể với ông đây, hay đúng hơn là bắt ông ấy phải nghe, để làm gì, bởi vì ông ấy có mảy may cần biết những chuyện đó đâu; cô cứ nhìn mà xem, ông ấy đương mải nghĩ chuyện riêng đấy.

K. cũng chẳng buồn cãi lại; ý đồ của cô gái có thể là rất tốt; có lẽ cô muốn giải khuây cho anh hoặc để anh có thì giờ lại sức, nhưng cô không đạt được mục đích.

- Em cần phải giải thích cho ông ấy rõ về cái cười của bác, - cô gái nói; - nó xúc phạm lắm kia.

- Tôi cho rằng ông đây sẵn lòng tha thứ cho tôi về những điều xúc phạm còn tệ hơn nữa, - ông nhân viên đáp, - miễn rằng tôi đưa ông ấy ra cửa.

K. chẳng nói chẳng rằng; anh cũng không ngước mắt lên nữa; anh chấp nhận người ta nói đến anh như nói đến một đồ vật và thích được như thế, nhưng bỗng anh cảm thấy bàn tay của ông nhân viên chỉ dẫn và của cô gái, mỗi người một bên, đỡ lấy cánh tay anh.

- Nào, đứng lên, ông bạn ốm yếu! - ông nhân viên chỉ dẫn nói.

- Xin ngàn lần cảm ơn cả hai người, - K. vừa nói vừa từ từ đứng dậy và tự mình kéo bàn tay của hai người đặt vào chỗ anh cần được nâng đỡ.

- Nghe tôi nói, - cô gái thì thầm vào tai anh khi họ ra đến hành lang, - nghe tôi nói người ta có thể tưởng rằng tôi tìm cách đề cao nhân viên chỉ dẫn của chúng tôi; ai muốn nghĩ thế nào thì nghĩ, tôi chỉ tìm cách nói sự thật; bác ấy không phải là người sắt đá; bác ấy không có nhiệm vụ đưa các bị cáo yếu mệt ra đến tận cửa, nhưng vẫn vui vẻ làm; có lẽ tất cả mọi người ở chỗ chúng tôi chẳng ai là có trái tim sắt đá; chúng tôi sẵn lòng giúp đỡ cho bất cứ ai, nhưng vì là viên chức tư pháp, chúng tôi thường bị mọi người cho là ác, chẳng muốn giúp đỡ ai; đó là một điều khiến cho tôi hoàn toàn đau khổ.

- Ông ngồi xuống đây một chút nhé? - ông nhân viên chỉ dẫn hỏi.

Họ đã ra đến hành lang, đúng chỗ trước mặt người bị cáo mà K. đã hỏi chuyện lúc anh đi vào. K. hầu như ngượng đỏ mặt vì vừa mới lúc nãy thái độ của anh đối với người ấy đường hoàng là thế, mà bây giờ phải ra mắt với kẻ dìu người đỡ như thế này; hai người vẫn xốc nách anh và ông nhân viên chỉ dẫn dùng ngón tay xoay xoay mũ trên đầu anh; tóc anh rối bù xõa xuống trán ướt đẫm mồ hôi. Nhưng người bị cáo kia hình như không nhìn thấy gì cả; ông ta đứng nguyên trước mặt ông nhân viên chỉ dẫn một cách khúm núm và chỉ tìm cách xin lỗi về sự có mặt của mình trong khi ông nhân viên chỉ dẫn chẳng buồn nhìn đến ông ta.

- Tôi biết hôm nay không ai có thể giải quyết vụ việc của tôi được, - ông ta nói. - Nhưng tôi vẫn cứ đến vì nghĩ rằng tôi có thể đợi ở đây; hôm nay chủ nhật, tôi có thì giờ và không làm phiền đến ai cả.

- Không phải lúc thanh minh nhiều như thế, - ông nhân viên chỉ dẫn nói, - ông băn khoăn như vậy là tốt rồi; quả thực, ông đến ngồi trong phòng đợi rất vô tích sự, nhưng chừng nào điều đó không làm phiền đến tôi, tôi cũng không muốn cản trở ông theo dõi công việc của mình; khi một người như tôi từng thấy nhiều bị cáo lơ là bổn phận của họ một cách đáng hổ thẹn, thì cũng kiên nhẫn được với những kẻ như ông. Ông ngồi xuống đi.

- Đấy! bác ta ăn nói với công chúng khá chưa! - cô thiếu nữ nói thầm với K..

K. gật đầu, nhưng anh bỗng giật nẩy mình khi nghe ông nhân viên chỉ dẫn hỏi đột ngột:

- Ông không muốn ngồi xuống ư?

- Không, - K. nói, - tôi không muốn nghỉ luôn tại đây.

Anh nói có vẻ rất cả quyết, nhưng thực ra nếu được ngồi nghỉ thì khoan khoái biết chừng nào. Anh cảm thấy như say

sóng. Anh tưởng như đương ở trên một con tàu trong lúc biển động, tưởng như sóng nước đang điên cuồng đập vào những vách ngăn bằng gỗ, và tưởng như nghe thấy ở cuối hành lang có tiếng ầm ầm như tiếng sóng đương xô đến sắp trùm qua đầu; cái hành lang như chao đi chao lại và các bị cáo ngồi hai bên bồng lên bềnh xuống nhịp nhàng. Sự bình tĩnh của cô gái và người đàn ông dìu anh đi càng trở nên khó hiểu. Số phận của K. đang nằm trong tay họ; nếu họ buông tay ra, anh sẽ rơi xuống như một khối thịt. Anh cảm thấy họ bước đi đều đặn mà không sao theo cùng nhịp bước với họ được, vì hầu như họ phải khiêng anh đi. Anh thấy được là họ đương nói với anh, nhưng lại không hiểu họ nói gì; anh chỉ nghe thấy tiếng ù ù đinh tai nhức óc tưởng chừng như tràn ngập không gian, xen vào đó không ngừng có những âm thanh rít lên như tiếng còi.

- Nói to lên, - anh thì thào, gục đầu xấu hổ về điều vừa nói, vì anh biết rất rõ là họ nói đã khá to rồi.

Cuối cùng, như thể đường đột nứt toác ra, một luồng không khí mát lạnh thổi vào mặt anh và anh nghe bên cạnh có người nói:

- Ông ấy khăng khăng một mực đòi đi ra, nhưng khi bảo cho ông ấy biết cửa kia rồi, thì nhắc đi nhắc lại đến trăm lần, ông ấy vẫn trơ ì ra như cái gốc cây.

Lúc ấy mới biết là đã ra đến cửa; cô gái đã mở cửa cho anh. Anh bỗng cảm thấy mình khỏe lại như thường và để thưởng thức luôn mùi vị của tự do, anh bước ngay xuống một bậc thang, từ đấy anh chào từ biệt người đàn ông và cô thiếu nữ đứng bên trên cúi xuống.

- Rất cám ơn, - anh nhắc lại.

Và anh bắt tay họ nhiều lần; anh chỉ thôi khi thấy họ chịu đựng có vẻ khó nhọc làn không khí tương đối mát mẻ từ cầu thang lùa vào, vì họ đã quen với bầu không khí trong các văn phòng rồi. Họ hầu như không đáp lại được và có lẽ cô gái đã ngã xỉu nếu anh không đóng vội cửa lại; anh còn đứng đấy thêm một lúc nữa, rút cái gương trong túi áo, chải qua lại mái

tóc, nhặt chiếc mũ ở bậc thang dưới - chắc ông nhân viên chỉ dẫn đã ném xuống đấy - rồi chạy xuống cầu thang thoăn thoắt đến nỗi anh hầu như phát sợ thấy mình biến đổi nhanh như vậy. Sức khỏe cường tráng của anh chưa bao giờ gây cho anh nỗi bất ngờ như thế; hay bây giờ cơ thể của anh muốn nổi loạn và sửa soạn cho những nỗi phiền muộn thuộc loại khác khi anh đã chịu đựng được rất tốt những nỗi phiền muộn của vụ án? Có lẽ sắp tới anh phải đi khám bệnh chăng? Dù sao đi nữa, anh dự định từ nay về sau sẽ sử dụng tốt hơn những ngày chủ nhật của mình.

CHƯƠNG IV
NGƯỜI BẠN GÁI CỦA CÔ BƠCXNE

Những ngày tiếp theo, K. không thể trao đổi được một lời nào với cô Bơcxne: anh tìm mọi cách lại gần cô, nhưng cô luôn luôn có cách làm cho anh không đạt được; anh cố gắng rời khỏi bàn giấy là về nhà ngay và ngồi lì không đèn đóm ở trong phòng, trên ghế tràng kỉ, để từ đó theo dõi ngoài tiền sảnh. Nếu chị giúp việc đi qua tưởng trong phòng không có ai, khép cửa lại, thì chỉ một lát sau anh đứng dậy để lại mở ra. Buổi sáng, anh rời khỏi giường sớm hơn thường lệ một tiếng đồng hồ để mong gặp được cô Bơcxne một mình khi cô đi làm. Nhưng chẳng có mưu toan nào thành công cả. Anh liền viết hai lá thư cho cô gái, một lá gửi đến chỗ làm việc, còn lá kia gửi về địa chỉ riêng; trong các thư ấy, anh tìm cách biện bạch thêm một lần nữa thái độ cư xử của anh, anh xin chuộc mọi lỗi lầm, hứa hẹn sẽ không bao giờ vượt quá những giới hạn cô

Bơcxne áp đặt cho anh, mà chỉ xin cô cho phép anh được tiếp chuyện, và thêm rằng chừng nào anh chưa gặp cô thì anh không thể nói với bà Grubach; để kết thúc, anh viết rằng sẽ đợi suốt ngày chủ nhật sau tại phòng mình một tín hiệu của cô cho phép anh hi vọng lời thỉnh cầu được chấp thuận, hay ít ra cũng giải thích cho anh những lí do vì sao anh không được chấp thuận, những lí do không thể tưởng tượng nổi vì anh hứa làm bất cứ điều gì cô muốn kia mà. Những lá thư không bị trả lại, nhưng anh chẳng hề nhận được hồi âm. Song, đến chủ nhật sau, anh có thể thấy một tín hiệu khá rõ nét. Từ sáng, qua lỗ khóa, anh nhận thấy ngoài tiền sảnh có sự đi lại đặc biệt, chẳng mấy chốc anh hiểu ngay là chuyện gì. Một thiếu nữ dạy những bài học tiếng Pháp - song đó lại là một cô gái Đức, và cô tên là Môngtăc - một con người yếu ớt, xanh xao và chân đi hơi khập khiễng, từ trước vẫn ở một phòng riêng, nay dọn đến ở với cô Bơcxne; cô đi qua đi lại ngoài tiền sảnh suốt mấy tiếng đồng hồ; luôn luôn còn một quyển sách nào đấy bỏ quên phải quay về phòng cũ tìm để mang sang chỗ ở mới.

Khi bà Grubach mang bữa ăn trưa đến cho K. - từ hôm làm anh nổi giận, bà đích thân cáng đáng mọi việc để phục vụ anh - anh không thể kìm nổi mà không nói với bà, lần đầu tiên kể từ buổi tối lạ lùng:

- Sao hôm nay ngoài tiền sảnh rậm rà rậm rịch như thế? - anh vừa rót cà phê vừa hỏi. - Không thể chấm dứt đi được à? Không có ngày nào khác ngoài hôm chủ nhật để làm công việc quét dọn ư?

Tuy không nhìn bà Grubach, anh cũng nhận thấy bà thở dài một cái ra vẻ nhẹ nhõm. Bà xem như một cách xin lỗi, hay ít ra một cách khởi đầu xin lỗi, ngay trong những câu hỏi của K..

- Không phải là quét dọn đâu, bác K. ạ, - bà nói, - đấy chỉ là cô Môngtăc dọn đến ở với cô Bơcxne và cô ấy chuyển đồ đạc.

Bà không nói thêm gì nữa, chờ xem K. phản ứng ra sao và anh có cho phép bà nói tiếp nữa không. Nhưng mới đầu K.

trầm ngâm dùng thìa quấy tách cà phê một lát, để mặc bà lặng lẽ làm việc nọ việc kia. Rồi anh nhìn bà và nói:

- Bà đã bỏ những mối ngờ vực cũ về cô Bơcxne hay chưa?

- À! bác K. ạ, - bà Grubach liền đáp và chắp hai tay giơ về phía K., từ đầu bà chỉ đợi câu hỏi ấy thôi, - mới đây bác đã quá quan trọng hóa một nhận xét chẳng đâu vào đâu! Tôi thật chẳng hề có ý xúc phạm đến bác hay đến bất cứ ai; bác biết tôi đã khá lâu rồi, bác K. ạ, nên còn lạ gì nữa! Bác không thể biết những ngày vừa qua tôi đã phải chịu đựng như thế nào. Sao! tôi mà lại đi vu khống những khách thuê nhà của tôi! Còn bác, bác K. ạ, bác lại tin vào điều đó và bác bảo là bác phải dọn đi! là bác phải dọn đi!

Lời thốt lên sau cùng ấy nhòa đi trong nước mắt; bà Grubach đưa tạp dề lên mặt và khóc nức nở.

- Bà đừng khóc, - K. vừa nói vừa nhìn ra ngoài cửa sổ, vì anh chỉ nghĩ đến cô Bơcxne và cô sắp cho một thiếu nữ đến ở trong phòng mình. - Bà đừng khóc nữa, - anh quay về phía bà chủ nhà, nhắc lại.

Và khi thấy bà vẫn cứ khóc hoài, K. nói:

- Cả tôi nữa cũng có nói nghiêm chỉnh như bà nghĩ đâu; chúng ta hiểu lầm cả hai, điều đó có thể xảy đến ngay cả đối với những người bạn cũ.

Bà Grubach hạ tạp dề xuống một chút để xem có đúng là K. niềm nở thật không.

- Thật mà! Cũng tốt thôi! - K. nói.

Và vì thái độ của bà Grubach hình như chứng tỏ viên đại úy chưa nói gì cả, anh đánh bạo hỏi thêm:

- Bà tưởng thật là tôi có thể xích mích với bà vì một phụ nữ ngoại quốc ư?

- Chính thế, bác K. ạ, - bà Grubach nói, vì bà có cái dở là luôn nói ra cái điều chẳng nên nói khi không bị gò bó nữa. - Tôi cứ nghĩ bụng hoài: Tại sao bác K. lại bận tâm đến cô Bơcxne? Tại sao bác ấy lại cãi cọ với mình trong khi bác ấy

biết rằng chỉ một lời nói của bác ấy cũng có thể làm cho mình mất ngủ? Tôi có nói gì về cô ta ngoài những điều tai nghe mắt thấy đâu.

K. không trả lời, vì anh không thể không tống bà ra cửa ngay từ lời đầu tiên, mà anh lại không muốn làm thế. Anh đành uống cà phê và làm cho bà Grubach cảm thấy sự có mặt của bà là thừa.

Lại bắt đầu nghe thấy tiếng chân bước kéo lê của cô Môngtăc đi ngang qua ngoài tiền sảnh.

- Bà có nghe thấy không? - K. vừa nói vừa giơ ngón tay trỏ dãy hành lang.

- Có, có! - bà Grubach thở dài nói: - tôi muốn giúp đỡ cô ta và thậm chí muốn cho cô ta mượn cả chị giúp việc, nhưng cô ta cứng đầu cứng cổ lắm cơ, cô ta muốn tự tay chuyển mọi đồ đạc. Tôi lấy làm lạ về thái độ của cô Bơcxne; tôi đã chán ngấy, không muốn giữ cô Môngtăc lại nữa, vậy mà bây giờ cô Bơcxne đón cô ấy về phòng mình!

- Tại sao bà lại băn khoăn về chuyện đó? - K. vừa nói vừa nghiền một chút đường còn sót lại trong tách cà phê. - Bà có gì thiệt thòi chăng?

- Không, - bà Grubach nói, - bản thân chuyện dọn nhà này thậm chí còn làm cho tôi thích thú, vì tôi có được một buồng cho anh đại úy cháu tôi. Từ lâu tôi cứ ngại vì buộc lòng phải để cho cậu ta ở trong phòng khách, cậu ta sẽ làm phiền bác, vì cậu ta chẳng biết giữ gìn ý tứ lắm đâu.

- Bà nghĩ gì mà lạ thế! - K. đứng dậy nói. - Không phải chuyện đó; bà có vẻ tưởng rằng tôi dễ bị kích động lắm, bởi vì tôi không chịu nổi cô Môngtăc cứ đi qua đi lại hoài! Đấy! Cô ta lại quay lại cửa rồi đó!

Bà Grubach cảm thấy tất cả nỗi bất lực của mình:

- Bác K. ơi, tôi có phải báo cô ấy hoãn lại đôi chút rồi hãy dọn nốt đồ đạc không? Nếu bác muốn, tôi sẽ ra bảo ngay lập tức.

- Thế là cô ấy phải sang ở với cô Bơcxne ư? - K. nói.

- Vâng, - bà Grubach trả lời, không hiểu rõ lắm ý K. định nói.

- Thế thì cô ấy phải dọn đồ đạc sang đấy chứ! - K. nói.

Bà Grubach chỉ biết lắc đầu. Nỗi bất lực không nói nên lời ấy có vẻ như một thách thức càng khiến cho K. nổi cáu thêm; anh đi đi lại lại từ cửa ra vào đến cửa sổ làm cho bà chủ chẳng bỏ về được, nếu không có lẽ bà đã bỏ về rồi.

K. vừa bước sát đến cửa ra vào một lần nữa thì có tiếng gõ cửa. Đó là chị giúp việc vào báo là cô Môngtăc muốn trao đổi vài lời với K. và xin anh đến phòng ăn, cô đợi anh ở đấy. K. trầm ngâm lắng nghe, rồi anh quay về phía bà Grubach với vẻ mỉa mai khiến bà phát sợ. Thực vậy, sự mỉa mai ấy dường như nói lên rằng K. đã dự kiến từ lâu lời mời của cô Môngtăc, và sau mọi nỗi buồn phiền anh đã phải chịu đựng sáng hôm ấy từ phía những người thuê nhà của bà Grubach, thì việc mời mọc này cũng chẳng có gì lạ. Anh tống khứ chị giúp việc đi bằng cách bảo chuyển lời là anh sẽ đến, rồi anh mở tủ để thay áo, và thấy bà chủ nhà lầm rầm rền rĩ về chuyện quấy rầy của cô Môngtăc, anh chỉ đáp lại bằng cách xin bà dọn mâm bát đi cho.

- Nhưng bác hầu như có đụng đến món gì đâu! - bà bảo anh.

- Thì cứ dọn đi! - K. quát.

Anh tưởng chừng cô Môngtăc dính dáng cả đến chỗ bát đĩa kia và bỏ thuốc độc vào đó cho anh.

Khi đi ngang qua tiền sảnh, anh đưa mắt nhìn vào cửa phòng khép kín của cô Bơcxne; nhưng có phải anh được mời vào đấy đâu mà là vào phòng ăn. Anh mở tung cửa phòng ăn ra, chẳng buồn thận trọng gõ trước.

Đó là một căn phòng vừa dài vừa hẹp với một cửa sổ duy nhất. Mỗi bên cửa ra vào có vừa đủ chỗ để kê chéo một chiếc tủ buy-phê, tất cả khoảng trống còn lại choán bởi một cái bàn dài từ cửa ra vào tới sát chiếc cửa sổ lớn, do đó hầu như không thể đến bên cửa sổ được. Bàn đã bày biện cho một số đông khách ăn, vì là chủ nhật nên hầu hết những người thuê nhà đều ăn tại đây.

Khi K. vào, cô Môngtăc rời cửa sổ và theo mép bàn tiến tới đón anh; rồi đầu vẫn thẳng đơ như mọi lần, cô bảo:

- Tôi không rõ là anh có biết tôi không?

K. cau mày nhìn cô:

- Có chứ, - anh nói, - cô ở nhà bà Grubach từ lâu rồi mà.

- Vâng, - cô Môngtăc trả lời, - nhưng tôi nghĩ là anh chẳng quan tâm gì lắm đến nhà trọ.

- Không, - K. nói.

- Anh ngồi xuống nhé? - cô Môngtăc hỏi.

Mỗi người mang một chiếc ghế tựa lại đầu bàn và ngồi đối diện với nhau. Nhưng cô Môngtăc lại đứng dậy ngay để đến lấy cái túi lưới cô bỏ ở mép cửa sổ; cô trở lại, mấy đầu ngón tay đung đưa cái túi, rồi nói:

- Tôi chỉ đơn giản có vài lời cô bạn tôi nhờ chuyển đến anh. Cô ấy muốn đích thân đến, nhưng hôm nay cô ấy cảm thấy hơi mệt trong người, xin anh thứ lỗi và vui lòng nghe tôi truyền đạt hộ. Vả chăng, cô ấy không thể cho anh biết gì hơn ngoài những điều tôi sắp báo với anh đây; thậm chí tôi còn nghĩ rằng tôi có thể nói với anh dài hơn là cô ấy nữa, vì tôi tương đối ít liên quan hơn đến vụ này. Anh cũng không tin điều đó ư?

- Biết nói thế nào nhỉ? - K. đáp, mệt mỏi thấy cô Môngtăc cứ nhìn chòng chọc vào môi anh.

Có vẻ như cô ta tự ban cho mình cái quyền bá chủ ngay cả đối với những lời anh sắp nói ra.

- Cô Bơcxne chắc là không muốn cho tôi được tiếp chuyện riêng như tôi đã xin với cô ấy?

- Chính thế, - cô Môngtăc nói, - hay nói đúng hơn không phải hoàn toàn như thế; anh diễn đạt tàn nhẫn quá. Nói chung, làm gì có cuộc tiếp chuyện được chấp thuận hay bị khước từ. Nhưng có thể người ta xét thấy là vô ích, và là trường hợp này đấy. Bây giờ, sau khi anh đã suy nghĩ, tôi có thể nói toạc ra; anh đã bằng lời nói hoặc bằng viết giấy xin được tiếp chuyện cô bạn tôi. Song, cô ấy biết - ít ra là theo tôi hiểu - cô ấy đã biết là nói chuyện gì rồi và vì những lí do nào tôi không rõ, cô ấy tin chắc là cuộc trò chuyện ấy sẽ chẳng được tích sự gì. Vả chăng, cô ấy bảo rằng anh cũng chẳng nên

quan trọng hóa cuộc trò chuyện - vì anh chỉ tình cờ nảy ra ý nghĩ đó - và nếu anh chưa nhận ra thì rồi tự anh cũng sẽ nhận ra ngay là làm thế chỉ vô ích mà thôi mà chẳng cần phải có sự giải thích gì đặc biệt; tôi trả lời cô ấy rằng có lẽ đúng thế, nhưng để cho sự tình được minh bạch, cô vẫn cứ nên trả lời rõ ràng cho anh thì hơn. Tôi đề nghị để tôi giúp cho việc này và cô bạn tôi chấp nhận sau một vài do dự. Tôi hi vọng đã xử sự theo chiều hướng đúng như cô ấy mong muốn, vì chỉ một chút phân vân cũng vẫn khổ tâm, ngay cả trong những điều vụn vặt nhất, và khi người ta có thể tránh được dễ dàng, như trong trường hợp này, thì tốt nhất là nên làm ngay tức khắc.

- Tôi cảm ơn cô, - K. đáp.

Anh từ từ đứng lên, nhìn cô Môngtăc, rồi cái bàn, rồi cái cửa sổ - ngôi nhà phía trước mặt ánh nắng chói chang - rồi tiến ra cửa; cô Môngtăc đi theo anh vài bước như thể cô không hoàn toàn tin cậy, nhưng ra đến trước cửa, cả hai phải lùi lại, vì đại úy Lanx đẩy cửa mở toang. K. chưa bao giờ nhìn ông gần đến thế. Đó là một người đàn ông cao lớn, khoảng bốn mươi tuổi, bộ mặt gầy guộc, rám nắng; ông hơi nghiêng đầu để chào hai người, rồi tiến về phía cô Môngtăc và kính cẩn hôn bàn tay cô. Ông rất tự nhiên thoải mái trong cách xử sự; sự lễ phép của ông đối với cô Môngtăc trái hẳn với thái độ của K.; tuy thế, cô Môngtăc không có vẻ trách cứ K., hình như cô còn muốn giới thiệu anh với đại úy nữa. Nhưng K. thì chẳng thiết chút nào; anh không thể tỏ ra tử tế cả với cô, cả với ông; dưới con mắt của anh, cái hôn tay kia đã liên kết cô gái vào nhóm những kẻ mưu mô bí mật tìm cách ngăn cản anh đến với cô Bơcxne, tuy bề ngoài làm ra vẻ hiền lành vô tư nhất trần đời. Đó không phải là điều duy nhất K. tưởng chừng nhìn được; anh còn nhận thấy cô Môngtăc đã lựa chọn một cách khéo léo mặc dầu nó là con dao hai lưỡi; cô xoay xở để phóng đại tầm quan trọng những mối quan hệ giữa K. với cô Bơcxne, và nhất là tầm quan trọng của cuộc trò chuyện mà K. cầu xin, nhưng lại làm như là chính K. đã phóng đại tất cả; cần phải tỏ cho cô ta thấy rằng cô ta đã đi lầm đường; K. không muốn phóng đại gì hết,

anh biết rằng Bơcxne chỉ là một cô bé đánh máy không cưỡng lại lâu được với anh. Đấy là anh chưa cố ý tính đến những điều bà Grubach cho anh biết về cô. Chính vì suy nghĩ về tất cả những điều ấy mà anh rời khỏi phòng với cái gật đầu chào không nhận thấy được: anh muốn trở về phòng mình ngay lập tức, nhưng tiếng cười khúc khích của cô Môngtăc làm cho anh nghĩ rằng anh rất có thể dành cho cô ta cũng như cho đại úy Lanx một sự bất ngờ. Anh nhìn khắp chung quanh, căng tai căng mắt nghe ngóng rình mò xem có tiếng động nào báo trước chuyện bất thường hay không. Nhưng khắp nơi đều bình lặng. Chỉ nghe thấy tiếng trò chuyện từ phòng ăn vọng lại và tiếng bà Grubach trong hành lang nhà bếp. Cơ hội xem chừng thuận lợi, K. đến gõ cửa phòng cô Bơcxne; chẳng thấy có động tĩnh gì, anh lại gõ nữa, nhưng cả lần này cũng không có ai trả lời. Cô ta ngủ hay đúng là mệt thật? Hay biết đâu cô ta lẩn tránh vì linh cảm thấy gõ cửa nhè nhẹ như vậy chỉ có thể là K.; K. cho rằng cô giả vờ đi vắng; anh lại gõ mạnh hơn, và khi thấy tiếng cốc cốc chẳng có kết quả gì, anh liền mở cửa một cách thận trọng, với cảm giác mình phạm lỗi, và tệ hơn nữa là phạm lỗi mà không được tích sự gì. Trong phòng không có ai; hơn nữa nó không gợi nhớ lại bao nhiêu căn phòng mà K. đã biết. Bây giờ, có hai chiếc giường kê dọc theo tường; gần cửa ra vào là ba chiếc ghế tựa trên chất đầy quần áo; một cái tủ mở toang. Chắc cô Bơcxne đã đi khỏi trong lúc cô Môngtăc đương tiếp chuyện K. tại phòng ăn: anh không sửng sốt lắm, vì anh có trông chờ được gặp cô thiếu nữ mấy đâu; đó chẳng qua là vì bất chấp, muốn thách thức cô Môngtăc nên anh mới có mưu toan này; anh chỉ khổ tâm hơn khi đóng cửa lại, nhìn sang phòng ăn thấy cô Môngtăc đương bình thản trò chuyện với đại úy Lanx; có lẽ họ đứng đấy từ lúc K. mở cửa; họ làm ra vẻ không chú ý, thì thầm trò chuyện và chỉ theo dõi những hành động của anh như người ta thường lơ đãng nhìn chung quanh trong lúc chuyện trò. Song những cái nhìn ấy đè nặng lên K. một cách ghê gớm, anh vội vã đi dọc theo tường hành lang trở về phòng mình.

CHƯƠNG V
TÊN ĐAO PHỦ

Mấy hôm sau, vào một buổi tối, khi K. đang đi trong dãy hành lang ngăn cách văn phòng của anh với cầu thang chính - anh là một trong những người ra về sau cùng và ở ngân hàng chỉ còn lại hai người đương thanh toán nốt một số việc được sai phái trong quầng ánh sáng tròn nho nhỏ của một ngọn đèn điện - thì nghe thấy những tiếng thở dài thốt lên sau cánh cửa buồng lâu nay anh cứ tưởng đó chỉ là buồng để xếp xó các đồ vật cồng kềnh. Ngạc nhiên vô cùng, anh dừng lại và lắng nghe thêm một lần nữa để yên chí là không lầm; thoạt tiên yên lặng một lát rồi những tiếng thở dài lại bắt đầu. Ý nghĩ đầu tiên của anh là đi tìm một người đầy tớ để phòng trường hợp cần có người làm chứng; nhưng anh tò mò ghê gớm đến nỗi đưa tay đẩy tung cả cửa ra. Đúng như anh nghĩ, đây là buồng để xếp xó các đồ vật cồng kềnh; ngưỡng cửa bừa bộn những ấn phẩm không còn dùng được nữa và những bình mực cũ bằng đất nung, nhưng ở giữa buồng có ba gã đàn ông đứng hơi khom khom vì trần thấp. Một cây nến gắn ở giá soi sáng họ.

- Các người làm gì đấy? - K. hỏi, hối hả vì xúc động, nhưng lạc cả giọng.

Một trong ba gã, có lẽ là chủ của hai tên kia và K. nhìn thấy đầu tiên, mặc một bộ áo liền quần bằng da màu sẫm hở vai rất rộng để lộ ra cả hai cánh tay trần. Gã không trả lời gì cả. Nhưng hai tay kia kêu lên:

- Thưa ông! chúng tôi phải ăn đòn vì ông than phiền chúng tôi với ngài dự thẩm.

Lúc đó K. mới nhận ra chúng là hai gã thanh tra Franz và Vilem và thấy người thứ ba tay đương cầm roi để đánh chúng thật.

- Thế nào! - K. nói, mắt nhìn chúng chằm chằm, - tôi có than phiền gì đâu, tôi chỉ đơn giản trình bày những chuyện

xảy ra tại nhà tôi, ở đấy rõ ràng là các ông đã xử sự chẳng phải là đáng chê trách hay sao?

- Thưa ông, - Vilem nói trong lúc Franz tìm cách nấp sau lưng hắn để tránh tay thứ ba, - nếu ông biết chúng tôi bị trả lương tồi tệ thế nào, ông sẽ không phán xét chúng tôi như vậy. Tôi có một gia đình phải nuôi và Franz muốn lấy vợ. Người ta xoay xỏa kiếm cách làm giàu, và đâu phải chỉ làm việc là giàu lên dù có còng lưng quần quật như một con bò. Những bộ quần áo đẹp của ông đã cám dỗ tôi; tất nhiên, các thanh tra không có quyền được hành động như thế; tôi đã sai lầm nhưng theo truyền thống thì quần áo ấy về tay chúng tôi; xưa nay vẫn vậy, ông cứ tin lời tôi; vả chăng đó là lẽ khá đương nhiên, vì các đồ vật ấy liệu còn có thể dùng làm gì nữa đối với những người không may bị bắt? Đã đành là nếu chuyện lộ ra, thì tội phạm phải bị trừng trị.

- Tôi chẳng hiểu ông nói gì với tôi hết, hơn nữa tôi có hề yêu cầu người ta trừng phạt các ông đâu, đối với tôi đó chỉ là một vấn đề nguyên tắc.

- Franz, - lúc đó Vilem nói với bạn đồng nghiệp, - tớ đã chẳng bảo cậu là ông ấy không yêu cầu trừng trị chúng ta là gì? Bây giờ cậu thấy rõ ông ấy thậm chí không biết là chúng ta phải bị trừng trị nữa.

- Ông đừng mủi lòng vì các lời lẽ đó, - gã thứ ba nói với K., - trừng trị là đúng cũng như không thể tránh khỏi.

- Đừng nghe nó, - Vilem nói và chỉ ngừng lại để đưa lên miệng cái bàn tay vừa bị tên đao phủ nện cho một roi. - Chúng tôi bị trừng trị chỉ là vì ông tố cáo chúng tôi, nếu không đã chẳng có chuyện gì xảy ra; ngay cả nếu người ta biết việc chúng tôi làm, cả hai đứa chúng tôi, mà nhất là tôi, luôn luôn tỏ ra là những tên canh giữ tốt. Chính ông cũng sẽ thừa nhận chúng tôi đã canh giữ cẩn thận về mặt chính quyền. Chúng tôi từng hi vọng được thăng cấp và chắc chắn ngay cả chúng tôi cũng đã có thể trở thành nhân viên phạt trượng như viên thanh tra đây là người có cái may mắn chưa bao giờ bị tố cáo - vì chuyện đó thật sự rất hiếm khi xảy ra lắm - còn bây

giờ, thưa ông, tất cả thế là đi đời, con đường tiến thân của chúng tôi chấm dứt, người ta sẽ chỉ dùng chúng tôi vào những công việc còn thứ yếu hơn cả việc canh giữ các bị can, đã thế chúng tôi còn bị trận đòn nên thân này nữa.

- Cái roi này đánh đau lắm ư? - K. hỏi và ngắm nhìn cái dụng cụ gã đao phủ đương vung lên.

- Là vì chúng tôi sẽ phải cởi quần áo ra, - Vilem nói.

- À! trong những điều kiện ấy..., - K. nói và anh nhìn tên đao phủ: đó là một gã đàn ông rám nắng như một thủy thủ với cái đầu dữ tợn và cương quyết. - Thế không có cách nào tránh cho họ những ngọn roi này được ư? - anh hỏi.

- Không, - gã phạt trượng lắc đầu mỉm cười đáp. - Cởi quần áo ra, - gã ra lệnh cho các tên thanh tra.

Và gã bảo K.:

- Không nên tin vào tất cả những lời chúng nói; vì sợ roi vọt nên chúng có phần nào mụ người đi; những điều tên này kể lể về con đường tiến thân của nó - và gã trỏ Vilem - là hoàn toàn lố lăng, ông xem nó béo thế này này; những ngọn roi đầu tiên sẽ lún vào lớp mỡ. Ông có biết làm cách nào mà nó trở nên béo ú lên như thế không? Chính là bằng cách ngốn bữa ăn trưa của tất cả những kẻ bị nó bắt. Thế nó không ngốn bữa trưa của ông à? Đấy, đúng là như thế đấy! Một kẻ có cái bụng như thế kia thì không bao giờ có thể trở thành nhân viên phạt trượng được, tuyệt đối không thể được.

- Thế mà có những viên phạt trượng giống tôi đấy, - Vilem khẳng định và nới thắt lưng quần.

- Không, - gã đao phủ nói và lướt ngọn roi lên cổ Vilem một cái khiến hắn rùng mình, - việc của mày không phải là hóng chuyện mà là cởi quần áo ra.

- Tôi sẽ trả tiền cho ông hậu hĩ nếu ông thả họ ra, - K. vừa nói vừa rút ví mà không nhìn gã đao phủ, - bởi vì tốt nhất là nên giải quyết loại việc này với đôi mắt nhìn xuống.

- Ông lại muốn tố cáo cả tôi nữa, - gã đao phủ nói, - và để tôi cũng bị đánh đòn như mấy đứa kia à? Không, không.

- Ông phải biết suy nghĩ, - K. nói, - nếu tôi muốn cho hai người

kia bị trừng trị, thì bây giờ tôi chẳng tìm cách bỏ tiền ra cho họ được tự do làm gì; tôi chỉ việc khép cửa lại, không nghe không nhìn thấy chi nữa và quay về nhà; ông thấy rõ là tôi không xử sự như thế, tôi tha thiết giải thoát cho họ, và nếu như tôi biết là họ phải bị trừng trị thì tôi đã chẳng bao giờ nói tên họ ra, vì tôi không xem họ là những kẻ phải chịu trách nhiệm. Chịu trách nhiệm là tổ chức, đó là những viên chức cao cấp.

- Đúng thế, - hai tên thanh tra thốt lên và lập tức được nhận ngay một ngọn roi vào xương sống để trần.

- Nếu dưới ngọn roi của ông ở đây là một trong những viên quan tòa, - K. bảo gã, và vừa nói anh vừa vít cái roi mà gã đã lại giơ lên, - chắc chắn tôi sẽ chẳng ngăn cản ông đánh đòn đâu, trái lại còn trả thêm tiền để ông có sức mà phục vụ chính nghĩa.

- Điều ông nói chẳng phải là kì cục, - gã đao phủ bảo, - nhưng tôi không để bị mua chuộc đâu. Tôi được thuê để đánh đòn và tôi cứ đánh đòn.

Tên thanh tra Franz có lẽ trông chờ vào sự can thiệp có kết quả của K., từ nãy vẫn để phòng giữ thế, bây giờ tiến ra cửa, mặc mỗi một cái quần, quỳ xuống trước mặt K., bíu vào cánh tay K. và nói với anh:

- Nếu ông không thể cứu được cả hai chúng tôi, thì ít nhất xin ông cố giải thoát cho tôi vậy. Vilem già hơn tôi, da anh ấy về mọi mặt đều cứng hơn, và anh ấy đã từng bị hình phạt loại này một lần rồi cách đây vài năm, còn tôi thì chưa bị lần nào và tôi chỉ hành động theo sự thúc ép của Vilem, anh ấy là chủ của tôi trong điều thiện cũng như trong điều ác. Trước cửa ngân hàng, cô vợ chưa cưới tội nghiệp của tôi đương chờ đợi kết quả và tôi không biết trốn tránh vào đâu bây giờ.

Hắn lau bộ mặt đầm đìa nước mắt bằng vạt áo vét của K..

- Tao không đợi nữa, - gã đao phủ nói và dùng cả hai tay nắm lấy cái roi để quật xuống người Franz, trong khi Vilem ngồi xổm ở một xó và lén lút nhìn không dám vẫy tai. Vừa lúc đó nghe vút lên tiếng kêu của Franz, một mạch liền hơi và một giọng duy nhất; dường như đó không phải là tiếng kêu

của một con người mà của một cỗ máy đau đớn, cả dãy hành lang đều vang lên, khắp tòa nhà chắc đều nghe thấy.

- Đừng hét lên như thế, - K. phát khùng, thốt lên.

Và vừa bồn chồn nhìn về phía bọn đầy tớ có thể kéo đến, anh xô cho hắn một cái không mạnh, nhưng đủ làm hắn ngã lăn quay; người ta thấy hai bàn tay hắn quờ quạng tìm mặt đất; nhưng hắn không thoát khỏi tay gã đao phủ; cái roi lùng hắn dưới đất; người ta thấy roi giơ lên hạ xuống nhịp nhàng trong khi hắn quằn quại đau đớn.

Một tên đầy tớ đã xuất hiện xa xa, theo sau vài bước là một tên khác. K. nhanh chóng đóng ngay cửa lại, anh đến mở một cái cửa sổ quay ra sân. Tiếng kêu đã dứt hẳn. Để ngăn không cho bọn đầy tớ lại gần, anh thét bảo chúng:

- Tôi đây mà!

- Chào ngài, thưa ngài đại diện, - chúng đáp, - có chuyện gì xảy ra thế ạ?

- Có gì đâu, - K. trả lời, - chỉ là con chó nó rít ngoài sân đấy thôi.

Nhưng thấy bọn đầy tớ vẫn không nhúc nhích, anh thêm:

- Các người đương có công việc gì thì cứ tiếp tục đi.

Và để khỏi phải trò chuyện với chúng, anh cúi ra ngoài cửa sổ.

Một lát sau, khi anh quay nhìn lại dãy hành lang, bọn chúng đã đi rồi. Song anh vẫn đứng bên cửa sổ; anh không dám trở vào căn buồng xếp xó các đồ cồng kềnh nữa, và cũng không muốn về phòng riêng. Mảnh sân anh đương nhìn bé tí tẹo, vuông vắn và có các phòng giấy bao quanh; mọi cửa sổ đều đã tối om, song những khung cửa sổ cao nhất đã le lói ánh trăng. K. cố phân biệt trong xó tối những chiếc xe kéo tay, vốn xếp đống tại đấy, chiếc nọ lồng vào chiếc kia. Anh day dứt vì không ngăn cản được việc trừng trị hai tên thanh tra: nhưng có phải lỗi tại anh đâu; nếu Franz đừng thét lên - roi quất chắc là đau thật đấy, nhưng trong lúc gay cấn, cần phải biết cố mà nhịn chứ - vậy là nếu Franz đừng thét lên, rất có thể K. tìm ra cách khác để thuyết phục gã đao phủ. Nếu tất cả các nhân viên cấp dưới

của cái tổ chức tư pháp kia đều là bọn vô lại, thì tại sao gã đao phủ, kẻ vô nhân đạo nhất so với tất cả, lại có thể là một ngoại lệ? K. đã nhìn thấy rõ tia chớp thèm thuồng vụt qua mắt gã khi nhìn thấy những tờ giấy bạc. Rõ ràng hắn ta đánh đòn chỉ là để được tăng thêm tiền đút lót, mà K. thì có tiếc gì đâu, vì anh chủ tâm giải thoát cho những tên thanh tra. Vì anh đã bắt đầu đấu tranh chống lại sự đồi bại của tổ chức tư pháp, thì cũng là lẽ đương nhiên nếu anh tiến hành cả trong trường hợp này.

Nhưng khi Franz đã kêu thét lên, K. không còn muốn mưu toan gì nữa, vì anh không thể đánh liều để bọn đầy tớ và có khi nhiều người khác nữa tới hàng đàn hàng lũ bắt gặp anh đương thương lượng với những gã trong căn buồng xếp xó các đồ cồng kềnh. Đó là một điều hi sinh mà thực ra không ai có thể đòi hỏi ở anh được. Anh mà có định làm thế, thì hầu như cũng chẳng khó khăn gì; anh chỉ việc tự mình cởi quần áo ra và xin chịu đòn thay cho hai tên thanh tra. Nhưng gã đao phủ chắc không đời nào chấp nhận kẻ thế mạng này, vì như thế là gã cũng vi phạm nghiêm trọng bổn phận của gã mà chẳng được lợi lộc gì, và hai lần vi phạm, bởi cá nhân K. phải là thiêng liêng đối với các viên chức tư pháp trong suốt quá trình của vụ án. Trừ phi có một số quy định nào đấy lường trước những ngoại lệ? Dù sao đi nữa, K. chỉ có thể khép cửa lại, tuy như thế không có nghĩa là tránh cho anh được mọi nguy hiểm. Anh chỉ ân hận đã xô ngã Franz, duy có sự xúc động của anh mới lí giải được cách cư xử ấy mà thôi.

Tiếng bước chân của bọn đầy tớ vẳng lại từ xa; để khỏi bị nhìn thấy, anh liền đóng cửa sổ lại và tiến về phía cầu thang chính. Gần cửa buồng chất đồ, anh dừng lại và lắng nghe một lát; không thấy có động tĩnh gì, gã kia có thể đã ra roi giết chết hai tên thanh tra; chẳng phải là chúng bị phó mặc hoàn toàn cho gã hay sao? K. đã vươn bàn tay về phía quả đấm cửa, nhưng lập tức rụt ngay lại. Anh không thể cứu giúp được ai nữa: tất cả bọn đầy tớ sắp kéo đến bây giờ. Để bù lại, anh quyết sẽ đem chuyện này nói ra, và trong chừng mực có thể,

sẽ làm cho những tên tội phạm chính cống phải bị trừng trị, chúng là những viên chức cao cấp mà chưa tên nào dám xuất đầu lộ diện với anh. Khi bước xuống các bậc thềm ngân hàng, anh chăm chú quan sát tất cả các khách qua đường, nhưng nhìn mãi tít đằng xa cũng không thấy có cô gái nào đợi ai cả. Những lời của Franz bảo rằng vợ chưa cưới của hắn đợi hắn ngoài kia, té ra chỉ là nói dối, nhưng thực ra có thể lượng thứ được, vì không nhằm mục đích nào khác là để làm tăng thêm lòng thương hại của K..

Ngày hôm sau, kí ức về những tên thanh tra cứ lởn vởn mãi trong đầu óc K.. Anh làm việc mà tâm trí để tận đâu đâu, nên để có thể hoàn thành công việc, anh phải lưu lại ở văn phòng lâu hơn hôm trước một chút. Khi ra về, đi ngang qua trước căn buồng, anh vẫn bị ám ảnh nên mở cửa, và hốt hoảng khi thấy trong đó không phải là bóng tối như anh thấy hôm qua khi anh mở cửa ra, những ấn phẩm cũ kĩ, những lọ mực, gã đao phủ tay cầm roi, các tên thanh tra còn mặc nguyên quần áo và cây nến trên giá. Và mấy tên thanh tra bắt đầu rên rỉ như hôm trước:

- Ông chủ ơi! Ông chủ ơi!

K. đóng sập ngay cửa lại và còn nắm tay nện nện lên trên dường như cửa sẽ đóng chặt hơn. Gần như phát khóc, anh đi tới căn phòng bọn đầy tớ đương lặng lẽ quay máy sao chép: chúng ngạc nhiên dừng cả lại.

- Quét dọn phăng căn buồng xếp xó các đồ vật cồng kềnh ấy đi, - anh thét bảo chúng, - người ta ngụp lặn trong rác rưởi ở đây!

Bọn đầy tớ nói để hôm sau sẽ xin dọn dẹp; K. đồng ý, vì thực ra đã quá khuya rồi, không thể bắt chúng làm ngay như anh dự định. Anh ngồi xuống bên cạnh chúng một lát để xem xét, lục lọi trong đống giấy sao chép, tưởng như thế là ra vẻ kiểm tra công việc chúng làm, rồi lại bước đi, đầu óc trống rỗng và mệt mỏi thừa biết rằng bọn đầy tớ sẽ chẳng dám bỏ đi cùng lúc với anh.

CHƯƠNG VI
ÔNG CHÚ - LENI

Một buổi chiều, vào giờ nhận thư tín và K. đương rất bận, anh thấy ông chú của anh tới, một điền chủ nhỏ từ nhà quê lên và lách vào văn phòng của anh giữa hai gã đầy tớ lúc ấy đương mang tới các giấy tờ. Thấy ông chú đến, K. không sợ hãi bằng cách đây ít lâu khi anh nảy ra ý nghĩ là chú anh sắp tới. Từ một tháng nay K. vẫn ngờ là ông chú tất yếu phải đến. Ngay lúc đó, anh tưởng như đã nhìn thấy ông, lưng hơi còng, nắm bẹp rúm chiếc mũ pa-na-ma trong bàn tay trái, và cố vươn bàn tay phải ra cho cháu - ông văng bàn tay ấy phía trên bàn giấy một cách hấp tấp hung hãn và gạt đổ tất cả. Ông chú lúc nào cũng vội vã vì cái ý nghĩ dớ dẩn muốn giải quyết tất cả những công việc dự định sẽ làm trong một ngày duy nhất lưu lại thủ đô, thêm vào đó còn muốn không bỏ lỡ bất cứ cuộc trò chuyện, công việc kinh doanh hay thú tiêu khiển nào xảy đến trong dịp này. K. vốn chịu ơn ông rất nhiều vì ông là giám hộ của anh, nên anh phải giúp đỡ ông trong mọi việc trên, ngoài ra ban đêm còn phải thu xếp chỗ cho ông ngủ. Vì vậy anh gọi ông một cách kinh hãi là "bóng ma thôn dã".

Ngay từ những phút sôi nổi tình cảm đầu tiên - ông chú không có thì giờ ngồi xuống chiếc ghế bành mà K. mời - ông xin anh cho được tiếp chuyện riêng dăm bảy phút.

- Điều này cần thiết, - ông vừa nói vừa nuốt vào một cách khó nhọc, - điều này cần thiết cho sự thanh thản của tao.

K. liền đuổi bọn đầy tớ ra và cấm chúng không được để cho bất cứ ai vào.

- Tao nghe được tin gì, hả Jôzep? - ông chú thốt lên ngay khi chỉ còn có hai người, và ông ngồi lên trên bàn, kê vào đít cho êm đủ thứ giấy tờ mà ông chẳng buồn nhìn nữa.

K. chẳng nói chẳng rằng; anh biết chuyện gì sắp đến, nhưng bỗng được trút bỏ một công việc nhọc nhằn, anh bắt đầu thả mình vào tình trạng bải hoải dễ chịu một cách không chủ tâm, và nhìn qua cửa sổ sang bên kia phố, mà từ chỗ anh ngồi chỉ thấy được một mảng tường nho nhỏ hình tam giác trống trơn giữa hai tủ kính bày hàng.

- Mày lại nhìn ra ngoài cửa sổ! - ông chú giơ cả hai cánh tay lên nói; - Jôzep, có Trời trên cao, mày hãy trả lời tao đi! Xin mày hãy nói cho tao biết đi, chuyện ấy có thật không? Nó lại có thể đúng là như thế thật ư?

- Thưa chú, - K. dứt ra khỏi tình trạng lơ đãng và nói, - cháu chẳng hiểu chú muốn gì cháu cả.

- Jôzep! - ông chú nói bằng một giọng cảnh cáo, - tao biết xưa nay mày vẫn có sao nói vậy. Mấy lời mày vừa nói đó báo hiệu với tao một sự thay đổi chăng?

- Cháu phần nào đoán được ý nghĩ của chú, - K. liền nói một cách từ tốn, - chắc là chú nghe nói đến vụ án của cháu. Mà ai nói với chú thế?

- Ecna viết thư cho tao, - ông chú nói, - mày chưa đến thăm con bé bao giờ, chà! mày chẳng băn khoăn nhiều đến nó, nhưng nó vẫn cứ biết chuyện, tao nhận được thư nó hôm nay; tất nhiên tao lên đây ngay; tao chẳng có lí do nào khác, nhưng tao cho lí do thế là đủ rồi. Tao có thể cho mày xem cái đoạn - ông rút lá thư trong ví ra - đoạn này đây, nó viết cho tao:

"Lâu lắm con chưa gặp anh Jôzep; tuần trước con đến tìm anh ấy ở ngân hàng, nhưng anh bận việc quá nên người ta không cho con vào. Con đã đợi hơn một tiếng đồng hồ, rồi buộc lòng phải quay về nhà vì bài học đàn dương cầm. Con rất mong được nói chuyện với anh, nhưng sắp tới đây chắc là sẽ có cơ hội. Nhân sinh nhật của con, anh đã gửi cho con một hộp sô-cô-la to tướng, anh ấy tử tế thật đấy. Trong thư trước, con quên chưa kể với ba chuyện đó, bây giờ ba hỏi đến con mới nhớ ra. Là vì sô-cô-la biến mất ngay lập tức ở kí túc xá, chưa kịp biết là nhận được sô-cô-la thì sô-cô-la đã bay biến đi rồi.

Nhưng liên quan đến anh Jôzep, con muốn kể ba nghe chuyện khác; như con đã viết trên kia, con đã không thể gặp được anh ấy ở ngân hàng, bởi vì anh đương đàm luận với một ông. Sau khi đã lặng lẽ chờ đợi, con hỏi một anh đầy tớ là cuộc tiếp chuyện liệu còn kéo dài lâu nữa không; hắn bảo con rất có thể lâu đấy, vì chắc là về "vấn đề vụ án người ta khởi tố ngài đại diện". Con đã hỏi hắn vụ án ấy là thế nào và hắn có nghe nhầm không, nhưng hắn đã khẳng định với con là hắn không nghe nhầm, và đúng là một vụ án thật, thậm chí nghiêm trọng, nhưng hắn không biết được gì hơn nữa. Hắn bảo rằng hắn rất muốn giúp đỡ ngài đại diện, một người tốt bụng và công bình, nhưng hắn không biết làm thế nào và hắn mong có những nhân vật thế lực cáng đáng cho chuyện này, ngoài ra nghĩ rằng sự việc chắc chắn sẽ diễn ra như thế và tất cả đều đi đến kết thúc tốt đẹp, nhưng xét đoán qua tính khí của ngài đại diện, thì tình hình hiện nay có vẻ không khả quan lắm. Tất nhiên, con không coi những lẽ đó là quá quan trọng, và con đã tìm cách làm yên lòng con người ngây thơ ấy; con đã cấm hắn không được mang chuyện này đi kể, theo con tất cả chỉ là lời đồn đại ác hiểm. Tuy nhiên, ba ơi, có lẽ cũng hay nếu ba chú tâm đến việc ấy trong chuyến đi tới của ba; ba sẽ dễ dàng tìm hiểu các chi tiết, và nếu có thể thì can thiệp; ba có những bạn bè quyền thế. Nếu điều đó là không cần thiết, theo con có lẽ đúng thế thật, thì chí ít đây cũng là một dịp để con gái ba ôm hôn ba khiến ba sẽ rất hài lòng".

- Con bé ngoan quá! - ông chú nói khi đọc xong và ông chùi vài giọt nước mắt.

K. lắc đầu tư lự; sau những chuyện phiền muộn vừa qua, anh đã quên bẵng Ecna; thậm chí anh đã lơ là không chúc mừng sinh nhật cô. Câu chuyện sô-cô-la rõ ràng chỉ là bịa đặt ra để cho anh khỏi bị ông chú và bà thím trách móc. Đó là một điều hết sức cảm động, dù anh có gửi đều đặn các phiếu xem kịch cho Ecna, mà từ nay anh sẽ gửi đều đặn, thì chắc chắn anh cũng không thể nào đền bù cho được xứng đáng. Nhưng

trong tình trạng của anh hiện nay, anh cảm thấy không thể nào đến kí túc xá thăm một cô gái mười tám tuổi và trò chuyện với cô được.

- Nào, bây giờ mày bảo sao? - ông chú hỏi, lá thư đã làm cho ông quên đi mọi nỗi hấp tấp, mọi điều xúc động, và hình như ông vẫn còn đương đọc đi đọc lại.

- Thưa chú, quả thực đúng là như thế, - K. nói.

- Đúng ư? - ông thốt lên, - cái gì đúng? Điều đó có thể là đúng hay sao? Vụ án ấy là thế nào? Dẫu sao đó cũng không phải một vụ án hình sự chứ?

- Một vụ án hình sự đấy, - K. nói.

- Và mày bình thản ngồi ở đây khi có một vụ án hình sự trên đôi vai ư? - ông chú thốt lên, mỗi lúc một thêm kích động.

- Cháu càng bình tĩnh thì càng tốt hơn, - K. mệt mỏi nói, - chú đừng lo sợ gì cả.

- Tao yên tâm thế nào được, - ông chú kêu lên, - mày hãy nghĩ đến bản thân mày, đến cha mẹ mày, đến thanh danh của chúng ta, từ trước đến nay, mày là niềm vinh dự của chúng ta, mày không thể trở thành nỗi nhục nhã của chúng ta được. Thái độ của mày, - ông nghiêng đầu nhìn K. chăm chú, - thái độ của mày tao không ưng; một người vô tội bị kết án không xử sự như thế khi còn đương sung sức. Hãy mau mau nói cho tao biết là chuyện gì để tao có thể giúp đỡ mày. Về chuyện ngân hàng hẳn thôi?

- Không ạ, - K. đứng dậy nói, - nhưng chú hét to quá chú ơi; chắc chắn là có đầy tớ nấp sau cửa nghe ngóng đấy; cháu khó chịu về chuyện đó lắm; chú cháu ta nên đi khỏi đây, lúc đó chú hỏi gì cháu cũng sẽ trả lời tất; cháu biết rất rõ là cháu phải có nghĩa vụ với gia đình.

- Phải lắm! - ông chú hét, - phải lắm, nhanh lên, Jôzep, nhanh lên.

- Cháu chỉ còn phải ban vài mệnh lệnh, - K. nói, và anh gọi điện thoại cho người đến thay anh, người đó đến ngay.

Ông chú vẫn đương hết sức nóng nảy, giơ tay bảo cho người thay thế biết là K. cho gọi y đến, điều mà ai cũng thừa hiểu. K. đứng trước bàn giấy, chỉ trỏ các giấy tờ khác nhau và nhỏ nhẹ giải thích cho chàng thanh niên, y lắng nghe một cách lạnh lùng nhưng chăm chú những việc còn phải làm trong khi anh vắng mặt. Mới đầu ông chú thật là phiền hà, đứng trơ trơ ra đó với đôi mắt ngạc nhiên, răng căn cắn vào môi, chẳng nghe gì, nói của đáng tội, nhưng cứ nhìn bề ngoài cũng đủ. Tiếp đó, ông đi đi lại lại trong phòng, thỉnh thoảng dừng lại nhìn qua cửa sổ hoặc ngắm một bức tranh, và mỗi lần thốt lên những câu khác nhau như: "Tôi chẳng hiểu mô tê gì hết!" hoặc: "Tôi hỏi các người một chút, cái gì sắp từ chỗ kia bước ra!". Chàng thanh niên làm như không thấy gì cả, y ung dung lắng nghe đến đầu đến đũa các mệnh lệnh của K., ghi chép vài điều rồi biến đi sau khi khẽ gật đầu chào thủ trưởng của y và ông chú, nhưng chẳng may lúc đó ông đương quay lưng lại với y vì mải nhìn ra ngoài cửa sổ, hai bàn tay vò nát nhàu cả những tấm rèm che. Cửa vừa đóng lại, ông chú đã kêu lên:

- Rồi! Thế là thằng cha đã tếch! Chúng ta đã sắp có thể làm như nó.

Anh thật khổ là chẳng có cách nào thuyết phục ông khoan hãy đưa ra những câu hỏi về vụ án ở hàng hiên, nơi các nhân viên, các đầy tớ qua lại và đúng lúc ấy ông phó giám đốc đi ngang qua.

- Nào, Jôzep! - ông chú vừa khẽ gật đầu đáp lễ mọi người vừa bắt đầu, - bây giờ mày hãy thẳng thắn nói cho tao biết vụ án ấy là thế nào.

K. nêu lên vài điều vụn vặt, rồi khi xuống cầu thang anh giải thích cho ông chú rõ là lúc nãy anh không muốn nói trước mặt mọi người.

- Tốt lắm, - ông chú bảo, - nhưng bây giờ thì mày nói đi!

Rồi ông lắng nghe, đầu cúi xuống, miệng hút điếu xì gà từng hơi nhỏ vội vàng.

- Chú ạ, - K. nói, - trước hết đây không phải là một vụ án trước tòa án thông thường.

- Thế thì gay đấy! - ông chú nói.

- Sao cơ? - K. nhìn ông, hỏi.

- Tao bảo là gay đấy, - ông chú nhắc lại.

Lúc đó hai người đương ở bậc thềm và vì bác gác cổng hình như lắng tai nghe, K. liền kéo vội ông chú đi nhanh xuống. Họ hòa vào trong dòng người nhộn nhịp ở ngoài phố. Ông chú bám lấy cánh tay K. mà đi, và không còn hỏi cháu dồn dập nữa; có lúc thậm chí họ chẳng nói năng gì.

- Nhưng chuyện xảy ra làm sao? - cuối cùng ông hỏi và đứng sững ngay lại khiến những người đi sau ông sợ hãi quay đầu nhìn. - Mọi chuyện đó hẳn là không ập đến bất thình lình, mà đã được chuẩn bị từ lâu. Mày chắc là phải thấy nó kéo tới chứ? Tại sao mày không viết thư cho tao? Mày thừa biết là tao sẽ làm tất cả cho mày; tao ít nhiều còn là giám hộ của mày nữa và cho đến nay tao vẫn luôn luôn lấy làm tự hào. Tất nhiên, tao luôn luôn sẵn sàng giúp đỡ mày, duy có điều bây giờ vụ án đã khởi sự rồi thì rất khó khăn. Tốt hơn hết là mày nên nghỉ phép ít ngày về quê ở với tao. Tao nhận thấy mày có phần hơi gầy đi đấy. Ở nhà quê, mày sẽ lấy lại sức khỏe, đó là một điều tốt, bởi vì nhiều nỗi mệt nhọc đương còn chờ đợi mày. Vả chăng kì nghỉ ấy sẽ lôi mày ra khỏi tổ chức tư pháp một chút. Ở đây, chúng có đủ mọi phương tiện; mày không tránh khỏi trở thành nạn nhân: tất cả điều đó diễn ra một cách tự động. Ở nhà quê, chúng sẽ buộc phải bắt đầu bằng cách sai phái người đi hoặc gửi thư, đánh điện, gọi dây nói đòi mày đến. Như thế tất nhiên hiệu lực không mãnh liệt bằng, và nếu chẳng phải nhờ đó mà mày được thoát nạn, thì dẫu sao mày cũng có thời giờ để mà thở.

- Nhưng họ có thể ngăn không cho cháu đi! - K. nói, hơi xiêu xiêu vì lời lẽ của ông chú.

- Tao không tin là họ sẽ làm thế, - ông chú tư lự đáp, - họ nắm giữ khá đủ quyền lực, dù có để cho mày đi đây đi đó.

- Cháu cứ tưởng chú xem chuyện này còn ít quan trọng hơn cả cháu kia, - K. vừa nói vừa xốc cánh tay ông để ngăn không cho ông dừng lại; - nhưng cháu thấy là chú nhìn vấn đề còn tệ hại hơn.

- Jôzep! Jôzep! - ông chú vừa kêu vừa tìm cách gỡ tay để có thể dừng lại, nhưng K. không buông ông ra, - Jôzep, người ta đã đổi tính đổi nết mày, tao biết xưa nay mày vẫn là người xét đoán đâu ra đấy, thế mà bây giờ đầu óc mày bỏ đi đâu; thế mày muốn thua vụ này hay sao? Mày biết điều đó có nghĩa là gì không? Điều đó đơn giản chỉ muốn nói là mày bị xóa tên khỏi xã hội, và cả họ hàng bà con của mày nữa; dù thế nào thì đó cũng sẽ là điều nhục nhã tệ hại nhất. Jôzep, tao xin mày hãy tỉnh táo lại đi, sự dửng dưng của mày làm tao phát điên lên được. Cứ nhìn mày, người ta hầu như tin vào câu cách ngôn: "Vướng vào vụ kiện như thế, coi như đã thua kiện rồi".

- Chú thân mến, - K. nói, - chú nóng nảy quá; nóng nảy có được việc gì đâu; với cháu hay với chú cũng thế. Đâu phải cứ nóng nảy là người ta thắng các vụ kiện; cho phép cháu phát huy phần nào kinh nghiệm của cháu; chú biết rằng cháu vẫn luôn luôn lắng nghe kinh nghiệm của chú, ngay cả khi nó làm cho cháu ngạc nhiên. Bởi lẽ chú bảo rằng cả gia đình sẽ phải chịu hậu quả của vụ án, điều mà về phần cháu, cháu cũng không hiểu, nhưng đó là thứ yếu, nên cháu rất muốn làm theo tất cả những điều chú chỉ bảo, nhưng cháu không tin là những ngày lưu trú ở thôn quê kia lại có lợi theo chiều hướng như chú nghĩ, vì trốn tránh cũng tương đương với thú nhận. Vả chăng, nếu ở lại đây cháu dễ bị rầy rà hơn thì cháu cũng bảo vệ được tốt hơn.

- Được lắm, - ông chú nói bằng một giọng tỏ ra thông cảm hơn, - tao vừa đề nghị với mày như thế chỉ là vì tao thấy thái độ dửng dưng của mày ở đây làm hỏng công hỏng việc và tao cáng đáng thay cho mày thì hơn, nhưng nếu mày muốn tự mày dốc hết sức lực vào đấy, thì đương nhiên là tốt hơn nhiều.

- Thế là chúng ta nhất trí với nhau về điểm ấy, - K. tuyên

bố, - và bây giờ chú có thể nói cho cháu biết trước hết cháu phải làm gì không?

- Phải để cho tao có thì giờ suy nghĩ đã, - ông chú bảo, - mày nên nhớ rằng đã hai chục năm nay tao rời thành phố, óc nhậy bén cùn đi, chẳng còn biết phải đi gõ cửa nào nữa. Những mối quan hệ tao từng duy trì với các nhân vật có lẽ giúp ích được cho mày trong vụ này tự nó đã trở nên lỏng lẻo. Tao phần nào bị bỏ rơi ở nhà quê, mày biết đấy, chỉ trong những dịp như dịp này người ta mới nhận ra. Vụ việc của mày đến với tao một cách khá bất ngờ, tuy rằng lá thư của Ecna đã ít nhiều chuẩn bị tinh thần cho tao và thái độ hiện nay của mày hầu như xác nhận những điều tao linh cảm. Nhưng chẳng hề gì, điều cốt yếu bây giờ là không để mất một phút nào.

Mồm vẫn còn đương nói, ông đã kiễng chân và ra hiệu gọi một cái ô tô; rồi vừa tuôn ra địa chỉ cho người tài xế, ông vừa đẩy K. lên xe.

- Chúng ta đi ngay đến nhà luật sư Hun, - ông nói; - đó là một trong số những bạn học cũ của tao; chắc mày có nghe tên. Mày bảo không à? Lạ đấy! Thế nhưng ông ấy khá nổi tiếng là luật sư bào chữa cho những kẻ nghèo khổ. Song, đặc biệt nhân cách của ông ấy đã khiến cho tao tín nhiệm.

- Chú định tiến hành ra sao, cháu đồng ý tất, - K. nói, mặc dầu ông chú của anh xử sự vội vã và bộp chộp.

Đối với một bị cáo, đi chạy luật sư của người nghèo chẳng có gì thú vị lắm.

- Cháu không biết trong một vụ án như loại này có cần nhờ luật sư không, - anh nói.

- Ơ kìa, đó là chuyện đương nhiên! - ông chú bảo. - Sao lại không nhờ luật sư? Và bây giờ mày hãy kể tất cả những gì đã xảy ra cho tới nay để tao nắm được sự việc.

K. lập tức thuật lại chuyện của anh, không sót điều gì, vì chỉ bằng cách hoàn toàn thành thực, anh mới có thể bác được ý kiến của ông chú cho rằng vụ án này là một điều hết sức

nhuốc nhơ. Anh chỉ nhắc qua đến tên cô Bơcxne một lần, nhưng như thế cũng chẳng ảnh hưởng gì đến sự trung thực của anh, vì cô gái không có gì liên quan tới vụ án. Vừa nói anh vừa nhìn ra ngoài cửa xe; anh nhận thấy đã ra gần đến vùng ngoại ô nơi có các văn phòng tư pháp, anh nói cho ông chú biết, nhưng ông thấy sự trùng hợp này chẳng có gì lạ lùng đáng chú ý. Xe dừng trước một ngôi nhà tối tăm. Ông chú kéo chuông ngay phòng đầu của tầng dưới; ông mỉm cười phô những chiếc răng bàn cuốc trong lúc chờ đợi trả lời và thì thầm với cháu:

- Tám giờ... thực ra đâu phải giờ tiếp khách hàng! Nhưng ông Hun sẽ chẳng giận tao.

Đôi mắt to đen láy ló ra phía sau ô cửa nhỏ, nhìn khách một lúc rồi lại biến mất; nhưng cửa không mở. Ông chú và K. đều xác nhận với nhau là đã nhìn thấy đôi mắt.

- Đó là con ở mới, nó sợ người lạ, - ông chú nói và lại gõ cửa.

Đôi mắt lại hiện ra, trông có vẻ buồn buồn, nhưng có lẽ đó chỉ là một ảo thị gây nên bởi ngọn đèn khí thắp đương cháy xèo xèo phía trên đầu họ, nhưng lại chỉ tỏa ra một ánh sáng yếu ớt.

- Mở cửa ra! - ông chú vừa hét vừa nắm tay đấm vào cửa, - bạn bè của ông luật sư đây.

- Ông luật sư ốm, - có người thì thầm sau lưng họ.

Đó là một ông bận chiếc áo dài mặc trong nhà, đứng trên ngưỡng cửa một phòng ở đầu bên kia hành lang, người ấy nói thế bằng một giọng lí nhí. Ông chú đương bực vì phải đợi lâu, liền quay phắt lại thét lên:

- Ốm à? Bác bảo ông ấy ốm à? - và ông tiến đến, vẻ dọa dẫm, như thể người đó là hiện thân của chính bệnh tật.

- Họ mở cửa cho các ông kia kìa, - người ấy nói và chỉ cửa phòng ông luật sư, rồi khép vạt áo dài lại và biến đi.

Cửa đã mở ra thật. Một thiếu nữ - K. nhận ra đôi mắt đen ở ô cửa nhỏ, đó là những con mắt hơi lồi - một thiếu nữ mặc tạp dề trắng dài, tay cầm nến, đứng ở phòng ngoài.

- Lần sau mở cửa sơm sớm một chút nhé. - ông chú nói trước khi chào cô ta. trong khi cô hơi khúm núm chào. - Jôzep, vào đây, - sau đó ông bảo với K.

- Ông luật sư ốm. - cô gái nói khi nhìn thấy ông chú săm săm tiến đến một cửa phòng, chẳng kịp dừng lại.

K. ngạc nhiên nhìn cô mãi, tuy cô dã quay lưng để khép cửa. Cô có khuôn mặt mũm mĩm và tròn trĩnh; không những đôi má tai tái, cái cằm tròn, mà thái dương cũng tròn, trán cũng tròn.

- Jôzep! - ông chú lại gọi, rồi ông hỏi cô gái: - Chắc là bệnh tim?

- Có lẽ thế. - cô gái nói. cô đã quay trở lại cầm nến dẫn đường cho hai người và mở cửa phòng.

Ở một góc căn phòng ấy, nơi ánh nến chưa dọi vào, một bộ mặt có râu dài nhổm dậy trên giường.

- Ai tới đấy. Leni? - luật sư hỏi. lóa mắt vì ánh sáng.

- Anbe đây, ông bạn già của bác đây, - ông chú nói.

- Ôi! bác Anbe, - luật sư thốt lên và lại ngã người xuống gối, như thể ông chẳng có gì phải giấu giếm người khách đó cả.

- Đau đến thế kia ư? - ông chú vừa hỏi vừa ngồi xuống thành giường. - Chẳng sao đâu, đây là một cơn yếu tim như bác vẫn thường bị luôn và rồi cũng sẽ qua khỏi như mọi lần.

- Cũng có thể. - luật sư khe khẽ nói. - nặng hơn tất cả những lần trước. Tôi thở mệt nhọc lắm. ngủ không được và ngày càng yếu dần đi.

- Chà chà! - ông chú nói, bàn tay hộ pháp của ông tì chiếc mũ pa-na-ma trên đầu gối. - Khổ thật! Thế ít nhất bác có được chăm sóc chu đáo không? Ở đây tối lắm, rầu rĩ quá! Đã lâu tôi không đến chơi. nhà bác trước kia có vẻ vui hơn nhiều. Ngay cả con bé giúp việc của bác tôi thấy cũng ủ ê. trừ phi nó đóng kịch ra thế.

Cô gái vẫn cầm nến đứng ở gần cửa; căn cứ vào cái nhìn có vẻ mơ hồ của cô thì dường như cô nhìn K. hơn là nhìn ông chú. ngay cả khi ông nói về cô.

K. đẩy một cái ghế đến gần cô và đứng vịn thành ghế.

- Ốm như tôi thì cần nghỉ ngơi, - luật sư nói; - sự yên tĩnh này có gì buồn đối với tôi đâu.

Một lát sau ông nói thêm:

- Với lại Leni săn sóc tôi chu đáo lắm, nó rất ngoan.

Nhưng ông chú không tin, rõ ràng ông có ác cảm đối với cô y tá trẻ; tuy không trả lời luật sư, ông vẫn không ngừng đưa mắt nghiêm khắc theo dõi cô khi thấy cô bước đến cạnh giường, đặt cây nến trên chiếc bàn để đèn đêm, cúi xuống luật sư Hun và vừa xếp lại mấy cái gối vừa thì thầm với luật sư.

Hầu như quên hết mọi ý tứ đối với người ốm, ông đứng dậy và đi đi lại lại sau lưng cô, tỏ vẻ bực dọc đến nỗi K. sẽ chẳng lấy làm lạ nếu nhìn thấy ông túm áo người phụ nữ và đẩy cô ra xa giường; còn anh thì vẫn bình thản đứng nhìn; anh không hoàn toàn khó chịu khi thấy luật sư ốm, bởi vì không thể nào phản đối nhiệt tình của ông chú muốn ra tay giúp đỡ anh, anh rất hài lòng thấy nhiệt tình ấy bị bẻ quẹo đi mà không cần anh phải can thiệp. Ông chú nói, có lẽ cốt nhằm làm cho cô y tá mếch lòng:

- Này chị, xin chị ra ngoài một lát cho, tôi có câu chuyện riêng muốn bàn bạc với ông bạn tôi.

Cô y tá lúc ấy đương cúi sát trên người luật sư và mải tém khăn trải giường phía bên tường, chỉ quay đầu lại và trả lời bằng một giọng điềm tĩnh tương phản một cách lạ thường với những lời lẽ của ông chú, khi thì dằn từng tiếng vì tức giận, khi thì liến láu tràng giang:

- Ông xem đấy, ông cháu ốm lắm, không thể bàn bạc bất cứ chuyện gì lúc này được đâu.

Cô lặp lại từ ngữ của ông chú chắc chỉ vì lí do tiện lợi, nhưng bất cứ ai nghe đều có thể tưởng rằng cô châm biếm, vì vậy ông chú giật bắn người như bị kim châm:

- Đồ quỷ cái! - ông thét lên trong cơn xúc động, giọng lạc đi hầu như nghe không rõ.

K. phát sợ, mặc dầu anh vẫn ngờ là sẽ xảy ra chuyện đại loại như thế, liền chạy lại chỗ ông chú, định bụng dùng cả hai tay bịt miệng ông, nhưng vừa may lúc ấy người ốm nhỏm dậy, bóng dáng nổi lên sau lưng cô gái; ông chú nhăn mặt như vừa nuốt phải vật gì kinh tởm, rồi nói một cách bình tĩnh hơn:

- Tôi chưa mất trí đâu chị ơi. Nếu tôi yêu cầu điều gì mà không thể được thì tôi đã chẳng yêu cầu. Bây giờ thì xin chị ra ngoài cho.

Cô y tá đứng thẳng dậy, ở đầu giường, mặt quay hẳn về phía ông chú; K. thấy hình như cô vuốt ve bàn tay luật sư.

- Bác có thể nói mọi chuyện trước mặt Leni cũng được, - người ốm nói, giọng khẩn khoản.

- Chuyện không liên quan gì đến tôi, - ông chú nói, - không phải là chuyện bí mật của tôi, - và ông quay đi như để tỏ ra rằng ông không muốn bàn bạc nữa, nhưng vẫn còn để cho luật sư suy nghĩ thêm giây lát.

- Vậy là chuyện của ai thế? - luật sư lại nằm xuống và hỏi thều thào.

- Của cháu tôi, tôi đã đưa nó đến đây, - và ông giới thiệu: - Ông đại diện Jôzep K..

- Ồ! - người ốm nói nhanh nhẩu hơn và chỉ bàn tay về phía K., - xin lỗi, nãy giờ tôi không nhìn thấy anh.

- Leni, ra ngoài nhé, - sau đó ông nói với cô y tá, cô nghe theo ngay, và ông bắt tay cô làm như cô sẽ đi lâu lắm.

- Thế ra bác đến đây, - ông nói với ông chú lúc này đã thân mật ngồi nhích lại gần, - thế ra bác đến đây không phải vì người ốm mà vì công việc.

Nãy giờ ông lệt bệt có lẽ vì tưởng rằng do mình ốm nên khách đến thăm, bởi từ lúc này ông có vẻ khỏe khoắn hẳn ra. Ông nằm chống trên một khuỷu tay, tư thế ấy chắc khá mệt, và rứt rứt liên tục dăm ba sợi của bộ râu to tướng.

- Bác có vẻ tỉnh táo hơn, - ông chú nói, - từ lúc con mụ phù thủy đã "xéo đi".

Ông ngừng lại để thì thầm "Tôi cuộc với bác con bé nó nghe trộm" và nhẩy phốc ra cửa.

Nhưng ngoài cửa không có ai, ông chú trở lại, không thất vọng, nhưng bực bội, vì không có mặt cô y tá, ông cảm thấy còn ngán hơn.

- Bác hiểu lầm con bé, - luật sư nói, không bào chữa cho cô thêm nữa, có lẽ để tỏ ra rằng cô chẳng cần ai bào chữa.

Rồi ông nói tiếp bằng một giọng thân tình hơn:

- Còn như việc của anh cháu bác đây, giá sức lực của tôi đủ gánh vác một nhiệm vụ nặng nề như thế thì tôi sung sướng quá chừng; tôi rất lo sức lực tôi không đảm đương nổi, nhưng tôi sẽ chẳng nề hà gì; nếu một mình tôi đương đầu không xuể, tôi sẽ nhờ thêm một bạn đồng nghiệp. Thành thực mà nói, tôi rất quan tâm đến vụ này nên không thể chưa chi đã khước từ đích thân lo toan giải quyết. Nếu trái tim tôi bỏ rơi tôi quá sớm thì ít nhất cũng đã tìm được cơ hội xứng đáng để bỏ tôi mà đi.

Những lời lẽ ấy, K. nghe như chẳng hiểu gì cả, anh cứ nhìn chăm chăm ông chú để cố tìm lấy một ý nghĩa, nhưng ông vẫn tay cầm nến ngồi trên chiếc bàn con để đèn đêm làm cho một lọ thuốc đã lăn xuống thảm từ bao giờ; ông gật gật tán thành từng câu từng tiếng của luật sư, tỏ ra đồng ý về tất cả mọi điểm, và chốc chốc lại nhìn cháu một cái như khuyên nhủ anh cũng nên tán thành. Ông chú đã nói đến vụ án ấy rồi chăng? Nhưng không, không có lí, mọi diễn tiến vừa rồi bác bỏ giả thiết này. Vì vậy anh nói:

- Cháu không hiểu.

- Có lẽ tôi hiểu lầm chăng? - luật sư hỏi, cũng ngạc nhiên và bối rối như K.; - chắc vì tôi hấp tấp nên chuyện nọ ra chuyện kia? Bác muốn nói với tôi về chuyện gì nhỉ? Tôi cứ tưởng là chuyện vụ án.

- Chính thế, - ông chú nói, và ông hỏi K.: - Thế mày muốn gì?

- Nhưng do đâu mà luật sư biết chuyện này chuyện nọ về cháu và về vụ án của cháu? - K. hỏi.

- À! ra thế! - luật sư mỉm cười nói, - thì anh cũng biết tôi là luật sư: tôi giao du với các viên chức tư pháp, họ toàn nói những chuyện kiện cáo, và người ta nhớ những chuyện nào tác động đến mình hơn cả, nhất là khi lại có liên quan đến cháu của một ông bạn. Theo tôi, nào có gì đáng ngạc nhiên đâu.

- Mày còn muốn gì nữa? - ông chú bảo K., - mày có vẻ lo lắng.

- Luật sư giao du với các viên chức tư pháp ư? - K. hỏi.

- Chứ sao! - luật sư đáp.

Và ông chú bảo:

- Mày hỏi như trẻ con.

- Chẳng gặp gỡ với những người trong phạm vi nghề nghiệp của tôi thì còn với ai nữa, - luật sư nói thêm.

Ông nói bằng một giọng rất cả quyết đến nỗi K. không trả lời được gì.

- Dẫu sao ông cũng làm việc cho loại tư pháp ở pháp đình chứ không phải cho loại tư pháp ở tầng nóc phải không? - anh vốn định nói như vậy và trên thực tế không thể không nói toạc ra.

- Anh nên biết, - luật sư nói tiếp bằng giọng như để nhân tiện giải thích một chuyện hoàn toàn đương nhiên, - anh nên biết những quan hệ giao thiệp ấy rất có lợi cho khách hàng của tôi, và về nhiều phương diện. Lẽ ra tôi không nên thổ lộ điều này. Dĩ nhiên giờ đây bệnh tật cản trở tôi nhiều lắm, nhưng tôi luôn có nhiều bạn bè tốt bên ngành tư pháp, họ đến thăm, tôi vẫn nắm được các tin tức. Có lẽ còn nhanh hơn cả vô khối kẻ suốt ngày có mặt ở tòa. Chính vì thế mà đương lúc này tôi cũng có ở đây một ông bạn rất thân thiết với tôi đấy.

Và ông trỏ vào một xó tối.

- Đâu nào? - K. hỏi có vẻ lấc cấc do ảnh hưởng của giây phút ngạc nhiên ban đầu.

Anh bối rối nhìn quanh: ánh sáng của cây nến nhỏ soi không thấu tới bức tường trước mặt. Nhưng đúng là có cái gì bắt đầu động đậy trong góc phòng. Ông chú lúc này giơ cây

nến lên, và ai nấy đều nhìn thấy một ông đã đứng tuổi ngồi cạnh chiếc bàn nhỏ. Có lẽ ông ta đã phải nín thở nên mới im hơi kín tiếng được lâu đến thế; ông ấy trịnh trọng đứng dậy, rõ ràng là khó chịu vì thấy người ta chú ý đến ông, và xua xua hai bàn tay như đôi cánh nhỏ để tỏ ý không muốn giới thiệu, chào hỏi gì hết, không muốn làm phiền những người khác tí nào và van nài mọi người cứ để mặc ông ngồi trong xó tối và hãy quên đi sự có mặt của ông. Nhưng điều đó không thực hiện được.

- Các vị đến lúc chúng tôi đương trò chuyện, - luật sư nói để giải thích.

Và ông ra hiệu bảo người đó cứ lại gần, ông ta vừa thong thả bước tới vừa nhìn xung quanh hết sức ngần ngại, nhưng chẳng phải là không đường hoàng.

- Ngài trưởng phòng... À! xin lỗi! Tôi chưa giới thiệu các vị. Đây là Anbe K., ông bạn tôi, và cháu ông, vị đại diện Jôzep K.; còn đây là ngài trưởng phòng. Ngài trưởng phòng có nhã ý đến thăm tôi. Người ngoài không thể nào lường hết giá trị việc đến thăm này; muốn lường được thì phải là người am hiểu, phải biết rõ công việc đương đè nặng trên vai ngài thân mến đây. Vậy mà ngài đã chẳng nề hà đến thăm và chúng tôi đương lặng lẽ trò chuyện với nhau trong chừng mực sức khỏe yếu ớt của tôi cho phép. Chúng tôi đã không giao hẹn với Leni đừng để cho ai vào, vì chúng tôi không ngờ lại có khách đến thăm, cứ tưởng chỉ có hai chúng tôi với nhau mà thôi. Đúng lúc ấy, bác Anbe thân mến ạ, có tiếng đấm cửa thình thình, và ngài trưởng phòng liền lánh vào trong xó với chiếc ghế tựa và cái bàn; nhưng bây giờ thì tôi thấy rằng, nếu chúng ta muốn, chúng ta sẽ có chuyện để nói chung với nhau; nào, ngài trưởng phòng, ta lại quây quần trò chuyện..., - ông nói thêm, nghiêng đầu mỉm cười xun xoe và trỏ một cái ghế bành ở gầm giường.

- Ủa! tôi chỉ có thể ngồi lại vài phút nữa thôi, - ngài trưởng phòng thả mình xuống ghế bành, xem đồng hồ và nói dịu

dàng. - Công việc bận lắm. Nhưng tôi không muốn bỏ lỡ dịp làm quen với một người bạn của ông bạn tôi.

Và ngài cúi đầu chào, còn ông chú có vẻ rất hài lòng về người bạn mới ấy; nói đúng ra, tính khí của ông ngăn trở ông biểu lộ các tình cảm, nhưng ngài trưởng phòng vừa dứt lời, là ông cười theo, cái cười vừa ồn ào vừa ngượng nghịu. Một cảnh tượng kinh khủng! K. có thể tha hồ nhìn ngắm vì chẳng ai quan tâm đến anh cả. Từ lúc được mời tham gia vào cuộc trò chuyện, ngài trưởng phòng, theo thói quen, lại trở thành người chủ trì. Lúc nãy luật sư làm ra bộ ốm yếu có lẽ là để cho những người khách mới đến mau mau ra về, bây giờ ông khum bàn tay lên tai chăm chú lắng nghe, còn ông chú tay vẫn không rời cây nến, vung va vung vẩy trên đùi khiến luật sư chốc chốc lại đưa mắt nhìn có vẻ lo lắng, chẳng mấy nỗi, ông chú quên hết ngượng nghịu, say sưa nghe ngài trưởng phòng thao thao bất tuyệt, vừa nói vừa hoa chân múa tay. K. đứng tựa vào thành giường, bị ngài trưởng phòng hoàn toàn không chú ý tới, có thể là do cố tình, và anh chỉ đóng vai trò thính giả của ba ông già kia. Vả lại, anh hầu như chẳng biết họ nói chuyện gì, anh nghĩ vẩn vơ, khi thì nghĩ đến cô y tá và cách cư xử lỗ mãng của ông chú đối với cô ta, khi thì tự hỏi phải chăng đã trông thấy bộ mặt của ngài trưởng phòng ở đâu rồi. Có lẽ ở giữa đám đông trong buổi hỏi cung anh lần đầu chăng? Cũng có thể là anh nhầm; dù sao đi nữa, ngài trưởng phòng mà ở trong đám các cụ già có chòm râu lưa thưa trên hàng ghế đầu ở tòa án thì thật là hợp quá.

K. đương miên man như thế thì chợt có tiếng như tiếng bát vỡ làm cho ai nấy đều dỏng tai nghe.

- Để tôi ra xem chuyện gì, - anh nói và bước ra một cách chậm chạp như muốn để mọi người giữ anh lại.

Anh vừa bước ra phòng ngoài, đương định thần trong bóng tối thì một bàn tay nhỏ nhắn đặt lên bàn tay anh lúc chưa kịp buông quả đấm cửa. Bàn tay nhỏ nhắn khép cửa lại hết sức nhẹ nhàng. Đó là bàn tay cô y tá, cô đã nghe tiếng anh bước ra.

- Có chuyện gì đâu, - cô nói; - chỉ là em choang một cái đĩa

vào tường để làm cho anh ra đấy thôi.

K. bối rối nói:

- Tôi cũng thế, tôi nghĩ đến cô.

- Càng hay! Anh lại đây!

Đi được vài bước, họ đứng trước một cửa ra vào lắp kính mờ và cô gái mở ra cho anh.

- Anh vào đi, - cô nói.

Chắc đấy là phòng làm việc của luật sư. Cố nhìn kĩ dưới ánh trăng lờ mờ chiếu sáng sàn nhà một khoảng hình chữ nhật nho nhỏ giữa hai khung cửa sổ lớn có thể phân biệt được trong phòng kê những đồ đạc cổ nặng nề.

- Ngồi đây, - cô y tá nói và trỏ một cái ghế tối tối có chỗ tựa lưng bằng gỗ chạm.

Ngồi xuống rồi, K. tiếp tục xem xét; anh đương ngồi trong một phòng cao, khách hàng của ông luật sư bào chữa cho những người nghèo mà đứng giữa nơi đây thì hoàn toàn lọt thỏm. Anh tưởng chừng như nhìn thấy họ đương ren rén bước lại gần cái bàn giấy rộng thênh thang. Nhưng anh quên ngay ấn tượng ấy; anh còn mải nhìn cô gái ngồi sát bên cạnh và hầu như ép sát anh vào chỗ tì khuỷu tay.

- Em cứ nghĩ là tự anh đến đây chứ không cần em gọi, - cô nói. - Kể cũng lạ thật đấy: thoạt đầu, lúc mới đến, anh cứ nhìn em hoài, thế mà bây giờ anh bắt em phải chờ đợi. Gọi em là Leni, - cô hối hả nói thêm, như thể không một lúc nào được sao nhãng tên gọi ấy.

- Rất vui lòng, - K. trả lời, - còn như điều lạ lùng cô vừa nói thì dễ giải thích thôi, Leni ạ. Thoạt đầu tôi phải nghe mấy ông già ba hoa, tôi không thể vô cớ bỏ đi được, hơn nữa tôi không phải là đứa trơ tráo, tôi có tính nhút nhát nữa là khác, và cô cũng có phải là bồng bột ngay từ phút đầu đâu.

- Không phải thế, - Leni vừa nói vừa đặt cánh tay lên tay ghế và nhìn vào mắt K., - không phải thế mà là vì lúc ấy anh không thích em và chắc chẳng bao giờ anh thích em cả.

- Thích ư, - K. nói khống chế, - dùng từ thích thì nhẹ quá...

- Ồ! - cô mỉm cười nói.

Ý nghĩ của K. kèm theo tiếng cảm thán ấy đem lại cho Leni một chút ưu thế; vì vậy K. nín lặng một lát không nói năng gì. Vì đã quen với bóng tối của căn phòng nên bây giờ anh có thể nhìn được khá chi tiết mọi thứ. Anh chú ý hơn cả đến một bức tranh lớn treo ở phía bên phải cửa ra vào và ngả hẳn người ra phía trước để xem cho rõ. Tranh vẽ một người mặc áo quan tòa ngồi trên cái ngai cao mạ vàng lộng lẫy tỏa khắp bức tranh. Điều kì lạ của bức chân dung ấy là thái độ của vị pháp quan: quan không ngồi trầm tĩnh uy nghi, mà cánh tay trái tì mạnh vào lưng ghế và tay ghế, còn cánh tay phải không tì vào đâu cả, chỉ có bàn tay vịn vào tay ghế, nên quan tòa trông như đương tức tối sắp bật dậy để nói một điều quyết định, cũng có thể là để đọc lời phán quyết ghê gớm. Bị cáo chắc là đứng dưới chân thềm, bức tranh chỉ vẽ mấy bậc trên cùng phủ thảm vàng.

- Có lẽ quan tòa xử tôi kia phải không? - K. trỏ bức tranh nói.

- Em biết ông ta, - Leni nói và cũng nhìn bức tranh; - ông ta đến chơi luôn; bức tranh vẽ từ thời ông còn trẻ, nhưng chắc chắn là vẽ không giống: ông quan tòa thật người bé tí xíu. Song ông vẫn cứ muốn được thể hiện là người cao lớn mênh mông, bởi vì ông hợm hĩnh ơi là hợm hĩnh, mà mọi người ở đây ai cũng thế cả. Bản thân em cũng hợm hĩnh, em rất bực vì đã không được anh thích!

K. chỉ đáp lại cái ý nghĩ sau cùng ấy bằng cách quàng tay quanh người Leni và kéo cô sát lại gần anh. Cô lặng lẽ tựa đầu vào vai anh. Nhưng đầu óc vẫn nghĩ đến quan tòa, anh hỏi:

- Ông ấy cấp bậc gì?

- Ông ấy là dự thẩm, - cô vừa nói vừa nắm lấy bàn tay K. (anh đã ôm ngang người cô) và ve vuốt các ngón tay anh.

- Lại vẫn chỉ là một viên dự thẩm quèn! - K. thất vọng nói. - Các viên chức cao cấp toàn giấu mặt. Thế mà hắn cũng ngồi trên một cái ngai!

- Tất cả chỉ là bịa đấy! - Leni nói, mặt cúi xuống bàn tay K.

- Thực ra, ông ấy ngồi ở một cái ghế làm bếp, trên phủ tấm chăn ngựa cũ gập tư. Nhưng anh chỉ có thể nghĩ đến vụ án của anh thôi ư? - cô chậm rãi nói thêm.

- Không, không hề, - K. nói, - có lẽ tôi nghĩ đến quá ít nữa là khác.

- Chẳng phải đấy là tội lỗi của anh đâu, - Leni nói. - Em nghe nói là tại anh ngoan cố lắm kia.

- Ai nói thế? - K. hỏi.

Anh cảm thấy thân thể Leni áp vào ngực và anh nhìn bím tóc màu sẫm vừa to vừa chắc của cô.

- Em không thể nói tỉ mỉ được, - Leni đáp, - đừng hỏi em tên người nọ người kia, mà anh nên sửa lỗi đi, đừng cố chấp quá thế; không có vũ khí nào đối chọi được với tổ chức tư pháp này đâu, chỉ còn cách thú nhận. Anh nên thú nhận ngay từ đầu, sau đó, chỉ sau đó mới có thể tìm cách thoát tội; mà ngay cả lúc ấy anh cũng chỉ thoát được nếu có người giúp đỡ, nhưng anh đừng lo, bản thân em sẽ giúp đỡ anh.

- Cô có vẻ biết rõ cái tổ chức tư pháp ấy lắm và ở đấy cần phải ăn gian nói dối ra sao, - K. nói và đặt Leni ngồi lên đầu gối, vì cô ép vào người anh mạnh quá.

- Đúng như thế đấy, - cô vừa nói vừa thu xếp ngồi lại cho thoải mái sau khi đã sửa sang các nếp áo choàng và áo dài cho ngay ngắn.

Rồi cô bíu cả hai tay lên cổ anh, ngửa đầu ra và nhìn anh rất lâu.

- Và nếu tôi không thú nhận, cô sẽ không giúp đỡ tôi được ư? - anh hỏi thử xem sao.

"Sao lắm người định giúp đỡ mình thế? - anh nghĩ ngợi hầu như lấy làm lạ; - thoạt đầu là cô Bơcxne, rồi đến chị vợ viên mõ tòa, và cuối cùng là cô y tá nhỏ nhắn, cô ta hình như cần đến mình một cách kinh khủng. Cô ta ngồi trên đầu gối mình chẳng khác nào như đấy chính là chỗ ngồi thật sự của cô ta vậy".

- Không, - Leni thong thả lắc đầu trả lời, - em không thể

giúp được anh nếu anh không thú nhận. Nhưng anh có thiết gì em giúp đỡ đâu, anh hoàn toàn xem khinh, anh cứng đầu cứng cổ và chẳng chịu nghe ai... Anh có người yêu không? - ngừng một lát cô hỏi.

- Không, - K. nói.

- Ồ! có chứ! - Leni bảo.

- Có, đúng thế, - K. nói, - tôi bỏ nàng rồi song tôi vẫn mang theo bên mình tấm ảnh của nàng.

Leni van nài, anh liền đưa cho cô xem tấm ảnh của Enxa. Ngồi cuộn tròn trên đầu gối K., Leni ngắm nghía tấm ảnh: đó là ảnh chụp chớp nhoáng; Enxa được chụp khi nhảy gần xong một điệu nhảy quay tít mà cô rất thích nhảy tại quán rượu nơi cô phục vụ; áo dài của cô xoáy tròn quanh thân, cô đặt đôi bàn tay trên hông chắc nịch và vừa nhìn sang bên vừa cười; nhìn trên ảnh không thể biết được đấy là cô cười với ai.

- Chị ấy thắt lưng chặt quá, - Leni vừa nói vừa trỏ vào chỗ đó trong ảnh; - em không ưa chị ta; chị ta thô lỗ và vụng về. Nhưng chắc đối với anh, chị ấy lại dịu dàng và tử tế, cứ xem ảnh thì biết. Những cô gái cao lớn, chắc nịch ấy thường chỉ biết dịu dàng và tử tế; nhưng thử hỏi chị ta có khả năng hi sinh cho anh không?

- Không, - K. nói, - cô ấy chẳng dịu dàng mà cũng không có khả năng hi sinh cho tôi. Vả chăng, tôi chưa bao giờ ngắm tấm ảnh này chăm chú như cô.

- Vì anh chẳng thiết gì cô gái ấy lắm, - Leni nói; - vậy chị ta không phải người yêu của anh ư?

- Có chứ, - K. nói, - tôi không rút lại lời nói của mình.

- Rất có thể bây giờ chị ta vẫn là người yêu của anh, - Leni đáp, - nhưng anh sẽ chẳng tiếc lắm đâu nếu mất chị ta hoặc đổi lấy một cô khác, như em chẳng hạn.

- Tất nhiên ý nghĩ ấy có thể đến, - K. mỉm cười nói, - nhưng Enxa có ưu thế hơn cô rất nhiều; nàng không biết tí gì về vụ án của tôi, và nếu có biết chút nào đi nữa, nàng cũng sẽ chẳng bao giờ nghĩ tới. Chẳng bao giờ nàng tìm cách thuyết phục tôi

phải nhượng bộ.

- Đó không phải là một ưu thế, - Leni nói; - nếu chị ta không có ưu thế nào khác thì em chẳng nản lòng. Chị ta thân thể có tật gì không?

- Tật về thân thể ư? - K. hỏi.

- Vâng, - Leni nói, - em, em có một tật nhỏ đấy, đây này.

Cô xòe ngón giữa và ngón đeo nhẫn của bàn tay phải, giữa hai ngón có da dính liền đến tận đốt thứ hai.

K. không nhìn thấy ngay lập tức trong bóng tối cái tật ấy; cô liền hướng dẫn cho bàn tay anh sờ vào chỗ kẽ tay.

- Hiện tượng lạ nhỉ! - K. thốt lên.

Và sau khi đưa mắt nhìn toàn bộ bàn tay, anh thêm:

- Các móng tay xinh đẹp quá!

Leni tỏ vẻ kiêu hãnh trước sự ngạc nhiên của K. và thấy anh cứ mở ra rồi khép lại hoài hai ngón tay ấy; cuối cùng, anh hôn hai ngón tay trước khi buông ra.

- Ôi! - cô lập tức kêu lên, - anh đã hôn em.

Cô hối hả leo lên đầu gối anh, miệng há ra. K. nhìn cô, sửng sốt. Lúc này, cô ở sát bên anh, anh nhận thấy cô toát lên một hương vị hăng hắc và nồng nồng như mùi hạt tiêu. Cô vít đầu K. vào ngực mình, cúi người lên trên, rồi cắn và hôn cổ anh, cô còn nhá nhá cả tóc anh nữa.

- Anh đã đổi lấy em rồi, - Leni chốc chốc lại thốt lên, - bây giờ anh thấy đấy, anh đã đổi lấy em rồi!

Nhưng lúc ấy, đầu gối anh xoài ra, cô khẽ kêu lên một tiếng và gần như ngã phịch xuống thảm; K. túm ngang người cô để giữ lại, nhưng anh bị ngã theo.

- Bây giờ anh là của em rồi, - cô bảo. - Chìa khóa nhà đây, anh muốn đến khi nào cũng được, - cô thì thầm với anh để kết thúc.

Và cô còn gửi theo một cái hôn khi anh đi ra. Lúc anh ra khỏi nhà, trời mưa lất phất; anh muốn ra giữa lòng đường để nhìn Leni ở cửa sổ một lần chót thì vừa lúc ông chú xuất hiện

từ một chiếc xe ô tô đợi trước cửa nhà, nhưng K. quá đãng trí nên không nhìn thấy; ông chú nắm lấy cánh tay cháu và giúi vào cánh cửa của tòa nhà như muốn găm chặt anh vào đấy.

- Sao mày lại có thể xử sự như thế được? - ông hét lên. - Mày đến làm hỏng bét cả cái việc của mày đương có chiều thuận lợi! Mày chui vào một xó với con ranh con, tệ hại hơn nữa nó rõ ràng là nhân tình nhân ngãi của ông luật sư, và mày ở hàng mấy tiếng đồng hồ không trở lại, cũng chẳng viện lí do lí trấu gì ráo, mày chẳng giấu giếm, mày hành động công khai, mày biến đi gặp nó và ở lì bên cạnh nó! Và mày bỏ mặc cả ba chúng tao: ông chú mệt phờ vì mày, ông luật sư là người cần phải tranh thủ, và nhất là ông trưởng phòng, nhân vật rất có thế lực, nắm quyền sinh quyền sát trong vụ án của mày khi đương ở vào giai đoạn hiện nay! Chúng tao cố tìm ra một cách nào đó để giúp đỡ mày: tao phải đối xử hết sức thận trọng với luật sư, lại phải nhã nhặn tử tế với ông trưởng phòng, và trước bao nhiêu khó khăn ấy, lẽ ra ít nhất mày cũng phải cố hết sức hỗ trợ tao! Nhưng không, mày ở lì bên ngoài! Nhất định đến một lúc mọi việc vỡ lở! Đã đành đó là những con người lịch sự, họ không nói đâu, họ nể tao, nhưng cuối cùng không thể tự chủ được, họ không nói được chuyện ấy ra, thì họ cũng không thở ra một tiếng nào nữa. Chúng tao ngồi mười lăm phút không nói năng gì và nghe ngóng xem mày có quay trở lại không. Vô ích. Cuối cùng, ông trưởng phòng ngồi đã quá lâu, đứng dậy ra về, ông ấy rõ ràng tỏ vẻ ái ngại cho tao, nhưng không thể làm gì để giúp tao được; ông ấy còn hết sức nhã nhặn đứng ở cửa đợi thêm một lúc lâu nữa, rồi ra đi. Mày nghĩ xem ông ấy đi rồi tao nhẹ người như thế nào, trước đó tao thở không được nữa. Ông luật sư đương ốm, vì chuyện này càng ốm thêm, con người tuyệt vời đó nói chẳng ra lời khi tao chào từ biệt. Có lẽ mày đã góp phần làm cho ông ấy suy sụp hẳn, mày đã đẩy vào cõi chết con người duy nhất có thể cứu giúp mày. Còn tao, chú của mày, mày bỏ mặc tao đợi giữa trời mưa hàng mấy tiếng đồng hồ ở đây: mày sờ mà xem, tao ướt đẫm cả.

CHƯƠNG VII
LUẬT SƯ, KĨ NGHỆ GIA VÀ HỌA SĨ

Một ngày mùa đông - tuyết rơi trong bầu ánh sáng màu xam xám - K. ngồi ở bàn giấy; tuy mới buổi sáng, anh đã mệt rã rời. Để khỏi bị các viên chức nhỏ quấy rầy, anh đã vin cớ bận việc, giao hẹn người hầu không được để ai vào. Nhưng anh không làm việc mà cứ trăn trở trong ghế và xê dịch các đồ vật trên bàn; cuối cùng, anh như cái máy, duỗi cánh tay trên bàn giấy và ngồi yên như thế không động đậy, đầu gục xuống.

Ý nghĩ về vụ án của anh không buông tha anh ra nữa, anh cứ đắn đo hoài chẳng biết có nên viết một bản tường trình để tự bào chữa và gửi đến tòa hay không: trong đó anh sẽ trình bày vắn tắt cuộc sống của anh với tất cả những sự kiện ít nhiều quan trọng đã xảy đến, bằng cách giải thích các lí do vì sao anh đã hành động và hiện giờ anh nhận định về những lí do ấy ra sao; để kết luận, anh sẽ nêu lên những lí lẽ của nhận định cuối cùng ấy. Một bản tường trình như thế theo anh hơn đứt cách bào chữa của các luật sư, họ thực ra chẳng phải là những kẻ không thể chê trách vào đâu được. K. quả thực không biết luật sư tiến hành ra sao, chắc chắn chẳng có gì ghê gớm lắm, từ hơn một tháng nay, người bào chữa cho anh đã thôi không gọi anh đến nữa, mà trong các lần hỏi han trước đó, anh cũng chẳng bao giờ có cảm tưởng con người ấy có thể giúp được nhiều cho anh. Luật sư Hun hầu như chưa hỏi gì anh cả, thế mà có biết bao nhiêu câu hỏi cần nêu lên! Những câu hỏi ấy, đó là điều cốt yếu. Bản thân K. cũng cảm thấy bao điều có lẽ cần thiết phải hỏi. Nhưng luật sư lại chẳng hỏi mà cứ thao thao bất tuyệt những lời lẽ rông dài hoặc ngồi yên chẳng nói năng gì trước mặt anh, ngả ngả người trên bàn, chắc là vì tai hơi nghễnh ngãng, rứt rứt mấy sợi râu và nhìn những hình vẽ trên thảm, có lẽ đúng vào chỗ K. đã lăn lộn với Leni. Chốc chốc ông lại báo cho anh biết vài điều rỗng tuếch như người ta nói với

từ một chiếc xe ô tô đợi trước cửa nhà, nhưng K. quá đãng trí nên không nhìn thấy; ông chú nắm lấy cánh tay cháu và giúi vào cánh cửa của tòa nhà như muốn găm chặt anh vào đấy.

- Sao mày lại có thể xử sự như thế được? - ông hét lên. - Mày đến làm hỏng bét cả cái việc của mày đương có chiều thuận lợi! Mày chui vào một xó với con ranh con, tệ hại hơn nữa nó rõ ràng là nhân tình nhân ngãi của ông luật sư, và mày ở hàng mấy tiếng đồng hồ không trở lại, cũng chẳng viện lí do lí trấu gì ráo, mày chẳng giấu giếm, mày hành động công khai, mày biến đi gặp nó và ở lì bên cạnh nó! Và mày bỏ mặc cả ba chúng tao: ông chú mệt phờ vì mày, ông luật sư là người cần phải tranh thủ, và nhất là ông trưởng phòng, nhân vật rất có thế lực, nắm quyền sinh quyền sát trong vụ án của mày khi đương ở vào giai đoạn hiện nay! Chúng tao cố tìm ra một cách nào đó để giúp đỡ mày; tao phải đối xử hết sức thận trọng với luật sư, lại phải nhã nhặn tử tế với ông trưởng phòng, và trước bao nhiêu khó khăn ấy, lẽ ra ít nhất mày cũng phải cố hết sức hỗ trợ tao! Nhưng không, mày ở lì bên ngoài! Nhất định đến một lúc mọi việc vỡ lở! Đã đành đó là những con người lịch sự, họ không nói đâu, họ nể tao. nhưng cuối cùng không thể tự chủ được, họ không nói được chuyện ấy ra, thì họ cũng không thở ra một tiếng nào nữa. Chúng tao ngồi mười lăm phút không nói năng gì và nghe ngóng xem mày có quay trở lại không. Vô ích. Cuối cùng. ông trưởng phòng ngồi đã quá lâu, đứng dậy ra về, ông ấy rõ ràng tỏ vẻ ái ngại cho tao, nhưng không thể làm gì để giúp tao được: ông ấy còn hết sức nhã nhặn đứng ở cửa đợi thêm một lúc lâu nữa, rồi ra đi. Mày nghĩ xem ông ấy đi rồi tao nhẹ người như thế nào, trước đó tao thở không được nữa. Ông luật sư đương ốm, vì chuyện này càng ốm thêm. con người tuyệt vời đó nói chẳng ra lời khi tao chào từ biệt. Có lẽ mày đã góp phần làm cho ông ấy suy sụp hẳn. mày đã đẩy vào cõi chết con người duy nhất có thể cứu giúp mày. Còn tao. chú của mày, mày bỏ mặc tao đợi giữa trời mưa hàng mấy tiếng đồng hồ ở đây: mày sờ mà xem, tao ướt đẫm cả.

CHƯƠNG VII
LUẬT SƯ, KĨ NGHỆ GIA VÀ HỌA SĨ

Một ngày mùa đông - tuyết rơi trong bầu ánh sáng màu xam xám - K. ngồi ở bàn giấy; tuy mới buổi sáng, anh đã mệt rã rời. Để khỏi bị các viên chức nhỏ quấy rầy, anh đã vin cớ bận việc, giao hẹn người hầu không được để ai vào. Nhưng anh không làm việc mà cứ trăn trở trong ghế và xê dịch các đồ vật trên bàn; cuối cùng, anh như cái máy, duỗi cánh tay trên bàn giấy và ngồi yên như thế không động đậy, đầu gục xuống.

Ý nghĩ về vụ án của anh không buông tha anh ra nữa, anh cứ đắn đo hoài chẳng biết có nên viết một bản tường trình để tự bào chữa và gửi đến tòa hay không: trong đó anh sẽ trình bày vắn tắt cuộc sống của anh với tất cả những sự kiện ít nhiều quan trọng đã xảy đến, bằng cách giải thích các lí do vì sao anh đã hành động và hiện giờ anh nhận định về những lí do ấy ra sao; để kết luận, anh sẽ nêu lên những lí lẽ của nhận định cuối cùng ấy. Một bản tường trình như thế theo anh hơn đứt cách bào chữa của các luật sư, họ thực ra chẳng phải là những kẻ không thể chê trách vào đâu được. K. quả thực không biết luật sư tiến hành ra sao, chắc chắn chẳng có gì ghê gớm lắm, từ hơn một tháng nay, người bào chữa cho anh đã thôi không gọi anh đến nữa, mà trong các lần hỏi han trước đó, anh cũng chẳng bao giờ có cảm tưởng con người ấy có thể giúp được nhiều cho anh. Luật sư Hun hầu như chưa hỏi gì anh cả, thế mà có biết bao nhiêu câu hỏi cần nêu lên! Những câu hỏi ấy, đó là điều cốt yếu. Bản thân K. cũng cảm thấy bao điều có lẽ cần thiết phải hỏi. Nhưng luật sư lại chẳng hỏi mà cứ thao thao bất tuyệt những lời lẽ rông dài hoặc ngồi yên chẳng nói năng gì trước mặt anh, ngả ngả người trên bàn, chắc là vì tai hơi nghễnh ngãng, rứt rứt mấy sợi râu và nhìn những hình vẽ trên thảm, có lẽ đúng vào chỗ K. đã lăn lộn với Leni. Chốc chốc ông lại báo cho anh biết vài điều rỗng tuếch như người ta nói với

con nít. Những lời lẽ vừa vô ích vừa chán ngắt mà K. dự định chẳng trả một xu nào vào lúc tính tiền. Khi luật sư cho là đã sỉ nhục anh đủ rồi, ông thường động viên tinh thần anh một chút. Ông bảo là ông đã thành công hoàn toàn hoặc một phần trong nhiều vụ án thuộc loại này, những vụ ấy có lẽ sáng sủa hơn, song xem ra cũng chẳng kém tuyệt vọng. Ông có bản danh sách trong ngăn kéo đây - và ông đập xuống bất kì chỗ nào trên bàn - nhưng rất tiếc là do bí mật nghề nghiệp nên ông không thể đưa các hồ sơ ra được. Kinh nghiệm phong phú mà ông thu thập được trong quá trình tất cả các vụ xét xử ấy, chắc sẽ có lợi cho K., tất nhiên ông đã bắt đầu tiến hành ngay lập tức và ông đã thảo lá đơn đầu tiên. Lá đơn ấy rất quan trọng vì toàn bộ vụ án thường tùy thuộc vào ấn tượng đầu tiên do sự bào chữa đem lại. Rất tiếc là những lá đơn đầu tiên ấy thường không được tòa đọc đến, và tất nhiên ông phải báo cho K. biết điều đó ngay từ bây giờ. Người ta đơn thuần xếp xó chúng lại và tuyên bố rằng tạm thời việc hỏi cung bị cáo còn quan trọng hơn mọi loại giấy tờ. Nếu người đệ đơn năn nỉ quá thì người ta sẽ nói thêm là đơn ấy sẽ được đọc đồng thời với các tài liệu khác trước phiên tòa cuối cùng, khi đã đầy đủ hồ sơ. Điều đó, chao ôi! chẳng phải bao giờ cũng đúng. Luật sư còn nói thêm, lá đơn đầu tiên thường là nằm bẹp trong một ngăn kéo nào đấy, cuối cùng thất lạc, và ngay cả trong trường hợp họ giữ đến cùng đi nữa, thì thường họ cũng không đọc, như luật sư được biết, mặc dầu nói đúng ra là qua những lời đồn đại ít nhiều được công nhận. Tình trạng đó thật đáng tiếc, nhưng chẳng phải là không có lí do. K. không được quên rằng những cuộc xét xử chẳng tiến hành công khai, chúng có thể trở thành công khai nếu tòa thấy là cần thiết, nhưng luật thì không quy định là phải công khai. Vì vậy các hồ sơ tư pháp, nhất là bản cáo trạng, mãi mãi là bí mật đối với bị cáo và luật sư của y, cho nên nói chung không thể biết được phải gửi lá đơn đầu tiên cho ai và thực ra đơn ấy cũng chỉ có thể cung cấp được những yếu tố hữu ích trong trường hợp tình cờ may mắn mà thôi. Những lá đơn thật sự có ích, luật sư Hun nói thêm, chỉ có thể được thảo ra muộn hơn, trong quá

trình các cuộc hỏi cung, nếu qua những câu hỏi mà người ta đặt ra cho bị can, có thể thấy rõ hoặc đoán ra các điểm chính để buộc tội và chúng được căn cứ vào những lí do nào. Tất nhiên, trong những điều kiện như vậy, việc bào chữa ở vào một tình thế bất lợi vô cùng và khó nhọc vô cùng, nhưng đấy là về phía tòa cố tình muốn thế. Vì lẽ việc bào chữa không được luật cho phép một cách dứt khoát, luật sư Hun còn nói thêm: luật chỉ chịu đựng nó thôi, và thậm chí người ta chẳng hiểu cái đoạn trong bộ luật có vẻ chịu đựng việc bào chữa có chịu đựng thực sự hay không. Vì vậy, nói đúng ra chẳng làm gì có luật sư được tòa án có liên quan công nhận, tất cả những ai đứng ra trước tòa làm người bào chữa thực tế chỉ là các luật sư hành nghề không đủ tư cách. Đương nhiên đó là một điều nhục nhã cho cả nghiệp đoàn; K. có lẽ chỉ cần nhìn vào căn phòng chuyên dành cho các luật sư khi anh đi tới khu văn phòng tư pháp, chắc hẳn anh sẽ kinh hãi lùi lại khi nhìn thấy bọn người tụ tập trong đó; chỉ riêng quang cảnh cái xó tồi tàn người ta dành cho họ trong tòa nhà cũng chứng tỏ tòa khinh miệt họ như thế nào. Căn phòng chỉ được chiếu sáng bằng một chiếc cửa tò vò bé tí trên mái, cao đến nỗi muốn nhìn ra ngoài, hít khói của cái ống khói bên cạnh và mặt mũi đen nhẻm mồ hóng, thì trước hết phải nhờ một ông bạn đồng nghiệp công kênh mình lên; đã thế, từ hơn một năm nay, sàn nhà của căn phòng ấy lại bục ra một lỗ người chui qua chắc là không lọt, nhưng cũng đủ rộng để thụt chân xuống hoàn toàn - đấy là chỉ để đưa ra một ý niệm về sự mục nát của nó ra sao. Vả lại, phòng các luật sư ấy lại ở trên gác hai của tầng nóc; nếu một trong các vị đó thụt xuống lỗ, thì chân ngài treo lủng lẳng ở gác một, ngay chính giữa cái hành lang nơi các bị can đang ngồi chờ. Các luật sư không hề quá lời khi tuyên bố rằng tình trạng ấy là hết sức nhục nhã. Chẳng có yêu sách nào được đưa ra. Mà họ cũng tuyệt đối bị cấm không được tự bỏ tiền ra sửa chữa bất cứ gì, vả chăng tổ chức tư pháp có những lí do để bắt họ phải chịu đựng cách đối xử ấy. Nó tìm cách hết sức loại bỏ việc bào chữa; nó muốn bị cáo đích thân chịu trách nhiệm tất. Thực ra, quan điểm này chẳng phải là dở,

nhưng còn gì sai lầm hơn là từ đó rút ra kết luận rằng các luật sư chẳng ích gì cho bị cáo trước cái tòa án ấy. Hoàn toàn trái lại, không ở đâu họ lại có thể hữu ích cho bị cáo hơn. vì nói chung các vụ xét xử không những bí mật với công chúng, mà còn bí mật cả với bị cáo; tất nhiên là trong chừng mực có thể giữ được bí mật, nhưng tuyệt đại bộ phận là giữ được. Bởi lẽ bị cáo không được quyền nhòm ngó vào các hồ sơ và thật khó mà biết được qua các buổi hỏi cung những gì có thể có trong các hồ sơ ấy, nhất là đối với bị cáo nào mất tinh thần và sự chú ý bị phân tán vì đủ mọi thứ lo lắng. Đấy là chỗ việc bào chữa can thiệp. Thông thường luật sư không có quyền dự các buổi tiếp xúc với ngài dự thẩm, vì vậy họ phải hỏi bị cáo càng sớm càng tốt sau cuộc thẩm vấn và cố phát hiện xem có thể có gì hữu ích cho việc bào chữa để đưa vào các bản tường trình thường là rất lộn xộn. Nhưng đây vẫn chưa phải là điều quan trọng hơn cả, vì theo cách này người ta không thể biết được gì nhiều, tuy rằng nói cho đúng, một người có thẩm quyền xoay xở vẫn cứ tốt hơn những kẻ khác. Con chủ bài lớn đó là những mối quan hệ cá nhân của luật sư, giá trị chủ yếu của việc bào chữa chính là ở đây. Qua kinh nghiệm riêng, K. chắc đã nhận thấy rằng tổ chức tư pháp chưa được hoàn hảo ở những cấp bậc dưới là nơi có nhiều viên chức hám lợi hoặc không trung thành; bức tường vây quanh có những chỗ sụt lở về phía ấy. Chính các chỗ sụt lở ấy là nơi đại đa số các luật sư đổ xô đến, chính đấy là nơi họ thuê tiền. họ tìm kiếm. họ dò la; cũng đã xảy ra những vụ đánh cắp tài liệu, ít nhất là trong quá khứ. Không thể chối cãi được rằng một số luật sư bào chữa bằng cách đó đã đạt được những kết quả nhất thời vô cùng thuận lợi cho bị cáo: tất cả bọn luật sư quèn nhãi ranh cũng lợi dụng ngay cách ấy để thu hút những khách hàng mới, nhưng các kết quả như thế không có hoặc hầu như không có một chút ảnh hưởng nào đến diễn biến các cuộc xét xử. Duy chỉ những mối quan hệ cá nhân lương thiện với các viên chức quan trọng - tất nhiên ở những cấp bậc dưới - là có thể có một giá trị thật sự: duy chỉ có những quan hệ ấy là ảnh hưởng đến diễn biến của vụ án. mới đầu khó nhận

thấy, nhưng càng về sau càng rõ rệt. Dĩ nhiên ít có luật sư thành công bằng con đường này; chính vì thế mà sự lựa chọn của K. tỏ ra là may mắn một cách đặc biệt. Tiến sĩ Hun bảo rằng chỉ có một hoặc hai người bào chữa là có thể huênh hoang về những mối quan hệ như những mối quan hệ của ông. Họ chắc chắn là chẳng để tâm làm quen với các vị trong phòng luật sư; họ chẳng có gì liên quan với bọn người ấy cả. Những mối quan hệ của họ do đó chỉ càng chặt chẽ hơn với các viên chức tư pháp. Tiến sĩ Hun thậm chí chẳng cần lúc nào cũng chầu chực biết đâu gặp được các vị dự thẩm ở ngoài tiền sảnh để may ra thu lượm được một kết quả thường là hão huyền và phụ thuộc vào sở thích ngông cuồng của các vị ấy. Không, K. đã có thể nhận thấy rằng các viên chức, và đôi khi cả những viên chức cao cấp, thân hành đến báo tin cho ông, một cách công khai, hay ít ra là một cách dễ giải thích, và thảo luận với ông về diễn biến sắp tới của các cuộc xét xử; trong một số trường hợp, các vị ấy còn được thuyết phục nữa, và đôi khi nghe theo ý kiến gợi ý. Đã đành là không nên quá trông cậy vào đấy; dù họ có nói như đinh đóng cột là sẽ thay chiều đổi hướng và chiếu cố đến sự bào chữa, họ có thể lập tức về ngay văn phòng để đưa ra cho những phiên xét xử ngày hôm sau các chỉ thị hoàn toàn khác hẳn và có thể còn khắc nghiệt đối với bị cáo hơn là quan điểm đầu tiên mà họ khẳng định là đã hoàn toàn hủy bỏ đi rồi. Đó là một điều không thể nào phòng chống được, bởi vì những lời cam đoan họ đưa ra không có nhân chứng thì mãi mãi vẫn là không có nhân chứng và chẳng thể ràng buộc gì được họ cho dù phía luật sư bào chữa không nhất thiết phải duy trì thiện cảm của họ. Cũng cần phải nói rằng khi các vị ấy quan hệ với những luật sư bào chữa, trong trường hợp đó là những người có tài cán, thì đấy không phải chỉ vì tình bạn hay từ tâm, mà bởi lẽ về một số mặt nào đó họ phụ thuộc vào các luật sư.

Chính đấy là chỗ thiếu sót của một tổ chức tư pháp quy định ngay từ đầu việc giữ bí mật các tài liệu. Các viên chức thiếu tiếp xúc với xã hội, họ được trang bị đầy đủ đối với các vụ án thông thường, các vụ án ấy có thể nói là tự nó theo dòng mà đi,

người ta chỉ phải can thiệp từng lúc và sơ sơ; nhưng trong những trường hợp hoặc hết sức đơn giản hoặc đặc biệt gay go, họ thường lúng túng; suốt đêm ngày vùi đầu vào những bộ luật, cuối cùng họ mất đi cái ý thức đúng đắn về các mối quan hệ giữa người với người, và họ thiếu cái ý thức ấy trong những trường hợp chúng tôi đã nói rõ. Họ liền đến xin ý kiến các luật sư, có một gã đầy tớ mang các tài liệu nói chung là rất mật đi theo. Qua cái cửa sổ mà ta đã biết, ta có thể thường xuyên thấy nhiều vị, cả những vị ta không thể nào ngờ tới, đương nhìn ra phố với vẻ tuyệt vọng vô cùng, trong lúc các luật sư tra cứu hồ sơ để có thể góp ý kiến. Trong các dịp này ta cũng thấy rõ các vị ấy quan tâm nghiêm túc đến nghề nghiệp của họ ra sao và họ tuyệt vọng biết chừng nào trước những trở ngại mà do méo mó nghề nghiệp nên họ không vượt qua được.

Luật sư nói thêm rằng tình cảnh của họ chẳng bao giờ là dễ dàng lắm, không nên tưởng lầm mà tội cho họ. Tôn ti của ngành tư pháp bao gồm vô vàn cấp bậc, trong đó ngay cả những người am hiểu cũng vất vả mới mò mẫm ra. Vả lại, các phiên xét xử trước tòa thường là được giữ kín đối với các viên chức nhỏ cũng như đối với công chúng, nên họ không bao giờ có thể theo dõi đến nơi đến chốn được; họ chẳng biết các vụ việc thuộc phạm vi xét xử của họ từ đâu tới và sau đó đi tới đâu. Vì vậy, họ không biết đến những bài học mà người ta có thể rút ra từ việc nghiên cứu các giai đoạn khác nhau của một vụ án, nghiên cứu bản án và những lí do của nó. Họ chỉ được quyền đảm nhiệm bộ phận tố tụng mà luật pháp dành cho họ, còn như sau đó ra sao, nghĩa là công việc của bản thân họ kết quả ra sao, thì thường họ biết còn ít hơn luật sư bào chữa là người nói chung tiếp xúc với bị cáo cho đến khi xét xử xong xuôi. Về phương diện ấy, các viên chức tư pháp phải tìm hiểu ở các luật sư nhiều lắm. Trước một tình cảnh như vậy, liệu K. có thể còn ngạc nhiên nữa không về tính hay cáu gắt mà các viên chức thường trút lên đầu bị cáo một cách hết sức tệ hại, chẳng ai thoát khỏi? Mọi viên chức đều ở vào trạng thái cáu gắt, ngay cả khi họ có vẻ tươi tỉnh. Tất nhiên, các luật sư quèn phải chịu thiệt thòi nhiều. Người ta kể về vấn đề này

một giai thoại xem ra có thể là thật: một viên chức già là người hiền hậu và tử tế đã nghiên cứu một ngày một đêm ròng rã - vì các viên chức ấy cực kì siêng năng - một trong những vụ án gai góc nhất, lại còn bị những đơn từ của các luật sư làm cho rắc rối thêm. Buổi sáng, sau hai mươi bốn tiếng đồng hồ làm việc kiệt sức, cụ đến nấp sau cánh cửa và dẩy ngã nhào xuống thang tất cả các luật sư nào định vào. Các luật sư liền tụ tập ở một chỗ mặt bằng thang phía dưới để bàn bạc xem nên xử sự ra sao; một mặt, rõ ràng họ không có quyền được vào, do đó không thể tiến hành bất cứ việc gì để chống lại lão viên chức - vả chăng họ cũng cần phải nể nang, như ta đã giải thích - nhưng mặt khác, ngày nào họ không có mặt ở tòa là ngày ấy mất đứt đối với họ nên họ nhất thiết phải vào được trong phòng. Cuối cùng, họ nhất trí với nhau là phải làm cho lão già mệt nhoài. Họ liền thay phiên nhau trèo lên; khi tới đầu cầu thang họ chống đỡ một hồi lâu rồi để bị dẩy xuống; các bạn đồng sự đón người bị nạn dưới chân thang. Cứ thế kéo dài gần một tiếng đồng hồ thì lão già, đã kiệt sức sau một đêm làm việc, bây giờ mệt quá không chịu được nữa và bỏ đi. Bọn đứng dưới thoạt đầu không tin. Họ phái một người lên xem có đúng là chẳng có ai trong phòng không. Chỉ khi người đó trở lại họ mới kéo vào và chẳng dám ho he, vì còn xa các luật sư mới mong muốn đưa vào hệ thống tư pháp bất kì một sự cải tiến nào đấy, trong khi mọi bị cáo, ngay cả người đầu óc chất phác nhất - thật là đặc biệt - kể từ buổi tiếp xúc đầu tiên với tòa, bao giờ cũng bắt đầu bằng việc nghiền ngẫm những dự án cải cách, phung phí vào đấy thời gian và sức lực lẽ ra có thể sử dụng hữu ích hơn nhiều. Tiến sĩ Hun nói rằng phương pháp duy nhất hợp lí là thích nghi với hoàn cảnh như nó tồn tại. Dù cho có thể cải tiến được một số điểm vặt vãnh đi nữa - tuy đó chỉ là hão huyền - thì may mắn nhất cũng chỉ có thể đạt được kết quả cho những trường hợp sẽ xảy ra về sau, nhưng lại bị tai hại ghê gớm là làm cho các viên chức vốn có tính hiềm thù chú ý đến mình. Cần phải bằng mọi giá tránh sao cho đừng bị để ý, phải im hơi lặng tiếng cho dù cảm thấy tức tối không chịu được, phải cố mà hiểu rằng cái bộ máy tư

pháp khổng lồ kia như thể lúc nào cũng ở trên mây trên gió, và nếu ta tìm cách dùng quyền lực của mình sửa đổi một chút gì đấy, ta sẽ bị hẫng dưới chân, có nguy cơ bị ngã, trong khi cái bộ máy khổng lồ mà tất cả gắn với nhau thành hệ thống có thể dễ dàng tìm được phụ tùng thay thế, và vẫn y nguyên như cũ, trừ phi nó trở nên mãnh liệt hơn, chăm chú hơn, nghiệt ngã hơn, tàn ác hơn, và điều này rất có thể xảy ra. Tốt nhất là cứ để cho luật sư xoay xở chứ đừng quấy rầy ông. Những lời trách móc dĩ nhiên là chẳng được tích sự gì nhiều, nhất là khi người ta không thể nào làm cho ai nấy đều hiểu được hết tầm quan trọng của các lí do trách móc, song dẫu sao cũng phải nói cho K. biết rằng cách cư xử của anh với ông trưởng phòng làm hại rất nhiều cho việc của bản thân anh. Tên của con người có thế lực ấy từ nay hầu như phải loại bỏ khỏi danh sách các nhân vật có thể vận động ít nhiều cho K.: ông ta cố ý làm như không nghe thấy lời bóng gió dù là hết sức xa xôi nào đến vụ án, thế là rõ quá. Các viên chức ấy về nhiều mặt xử sự như trẻ con. Một chuyện chẳng đâu vào đâu - rất tiếc thái độ của K. không phải như vậy - đôi khi có thể làm cho họ phật lòng đến mức họ chẳng thèm nói năng dù là với bạn bè thân nhất, họ quay đi khi gặp bạn và cái gì cũng chống lại bạn. Nhưng cũng có khi một câu nói đùa đánh liều thốt ra vì không có cách nào khác làm cho họ bỗng dưng bật cười và trở lại hỉ hả một cách đột ngột lạ lùng hết sức. Giao thiệp với họ vừa rất phức tạp, vừa rất dễ dàng, không có một nguyên tắc nào chi phối cả.

Đôi khi người ta lấy làm lạ trong những tình trạng như thế làm một cuộc đời lại đủ để đi đến công nhận là người ta có thể có lúc thành công. Rõ ràng là có những giờ phút u buồn mà ai cũng đã từng trải qua, khi ta nghĩ rằng mình đã không đạt được một mục đích nào cả, khi ta tưởng chừng mình chỉ thành công trong những vụ án mà vốn sinh ra là để thành công và không có ta thì chúng vẫn đạt tới kết quả như thế, còn tất cả các vụ án khác thì ta lại thất bại, mặc dầu tốn bao công vất vả, chạy vạy với những kết quả bề ngoài nho nhỏ đã từng

khiến cho ta mừng rơn. Và trong những lúc ấy, hình như ta chẳng còn biết tin cậy vào cái gì nữa, và nếu như phải trả lời một số câu hỏi nhất định nào đấy, thậm chí ta cũng không dám chối là tuy với ý định tốt nhất trần đời, ta đã đẩy đi sai đường trệch lối những vụ án mà nếu cứ để mặc nó thì chắc đã thành công. Rõ ràng là ngay trong cái ý thức đó cũng có một thứ tin chắc, nhưng đó là điều tin chắc duy nhất còn lại với ta. Những cơn hoài nghi ấy - vì cố nhiên đấy chỉ là những cơn - đặc biệt đe dọa các luật sư khi người ta rút ra khỏi tay họ một vụ án họ đã dẫn đi khá xa và hoàn toàn thỏa mãn. Chắc chắn đấy là điều tệ hại nhất có thể xảy đến với một người bào chữa. Nỗi bất hạnh này không bao giờ xảy ra do lỗi của bị cáo; một bị cáo đã chọn luật sư nào thì dù cơ sự ra sao cũng phải bám lấy luật sư ấy. Vả chăng, làm sao y có thể xoay xở được một mình sau khi đã có người giúp đỡ? Vậy chuyện đó chẳng bao giờ xảy ra, nhưng đôi khi có tình hình là tiến trình vụ án đi vào một hướng mà luật sư không có quyền theo đuổi nữa. Người ta liền cùng một lúc rút khỏi tay ông vụ án, bị cáo và tất cả; những mối quan hệ hữu ích nhất lúc này cũng chẳng còn dùng được việc gì, vì ngay bản thân các viên chức cũng không được biết. Vụ án vừa đi vào một giai đoạn người ta không có quyền được giúp đỡ nữa, nó nằm trong tay pháp đình, không ai tới được và ở giai đoạn ấy luật sư không còn được gặp bị can. Một hôm nào đó, khi về đến nhà ta thấy ở trên bàn tất cả các đơn từ ta đã thảo ra với bao nhiệt tình và hi vọng; chúng được gửi trả lại cho ta vì không có quyền hiện diện trong giai đoạn mới của vụ án nữa. Đó chỉ còn là mớ giấy lộn. Song như thế không có nghĩa là vụ án thất bại. Ít ra cũng chẳng có một lí do vững chãi nào để công nhận giả thiết này: duy chỉ có điều là ta chẳng được biết gì và có lẽ chẳng bao giờ được biết gì về vụ án nữa. Cũng may những trường hợp như thế chỉ là ngoại lệ, và cho dù vụ án của K. rồi sẽ phải đi vào con đường ấy thì lúc này cũng còn xa và vẫn còn vô khối việc để luật sư làm. K. có thể yên chí là chưa đến nỗi nào. Đơn

chưa gửi đi, như ta đã nói, nhưng việc đó không cấp thiết, đối với lúc này điều quan trọng hơn nhiều là phải thiết lập những mối tiếp xúc đầu tiên với các viên chức có ích, và việc ấy đã được tiến hành rồi, với các thành công khác nhau, cần phải thẳng thắn thừa nhận như vậy. Tốt nhất là tạm thời không nên cho K. biết những chi tiết chỉ có thể ảnh hưởng bất lợi đến K. bằng cách làm cho anh hi vọng quá hoặc sợ hãi quá: chỉ cần anh biết rằng một số viên chức đã tỏ ra hết sức ân cần và một số khác lạnh nhạt hơn nhưng không khước từ giúp đỡ. Nhìn chung kết quả là rất khả quan, nhưng không nên vội rút ra kết luận, vì mọi cuộc thương lượng sơ bộ đều bắt đầu như thế cả và chỉ sau những phiên xét xử mới có thể biết là chúng có giúp ích gì không. Dù thế nào đi nữa thì cũng chưa có gì là tuyệt vọng, và nếu ta lại vẫn tranh thủ được ông trưởng phòng - nhiều cuộc vận động đã được tiến hành theo hướng này - thì như các nhà phẫu thuật nói, vết thương thế là rõ, ta có thể tin tưởng chờ đợi diễn biến tiếp theo.

Luật sư khi đã nói đến loại chuyện ấy thôi thì thao thao bất tuyệt; mỗi lần gặp gỡ, lão lại bắt đầu tuôn ra. Luôn luôn có những tiến bộ, nhưng không bao giờ người ta có quyền được nói tiến bộ ở những điểm nào. Người ta không ngừng soạn thảo lá đơn đầu tiên, nhưng chẳng bao giờ xong, điều đó tỏ ra là hay ngay từ lần gặp gỡ tiếp theo, vì gửi tài liệu ấy đi lúc này có lẽ chẳng hợp thời chút nào, đó là điều người ta không lường trước được. Nếu K. nghe mãi đã kiệt sức, thỉnh thoảng nhắc nhở là công việc chẳng tiến triển gì mấy, tuy có tính đến mọi nỗi khó khăn, người ta trả lời anh rằng nó vẫn nhẩn nha tiến lên đấy chứ, nhưng dĩ nhiên là nó có thể tiến xa hơn rất nhiều nếu người ta tìm đến với luật sư kịp thời. Đáng tiếc người ta đã không làm thế, và sự lơ là ấy sẽ còn kéo theo sau những điều phiền muộn còn tệ hại hơn là mất thời giờ nữa.

Trong những buổi luật sư Hun gặp gỡ hỏi han ấy, Leni luôn khéo thu xếp để mang trà vào cho lão lúc K. đang có mặt, và đó là những giây phút ngắt quãng duy nhất thật là dễ chịu.

Cô đứng sau lưng anh, làm ra vẻ nhìn luật sư đương cúi sát xuống hau háu rót trà ra tách uống, và cô len lén luồn bàn tay cho K. nắm. Yên lặng hoàn toàn; luật sư uống trà, K. bóp bàn tay Leni và Leni thỉnh thoảng đánh liều nhẹ nhàng vuốt mái tóc K..

- Mày vẫn còn đấy à? - luật sư hỏi khi uống xong.

- Cháu muốn mang tách đi, - Leni nói.

Họ còn siết tay nhau thêm một cái cuối cùng; luật sư chùi mép rồi lại bắt đầu khích lệ K. với một đà hăng hái mới mẻ.

Nhưng ông ta muốn gì? Động viên anh chăng? Hay làm cho anh hoàn toàn tuyệt vọng? K. không phân biệt được, nhưng chẳng bao lâu anh biết chắc chắn là anh đã chọn nhầm người bào chữa cho mình.

Rất có thể là luật sư nói đúng, tuy rõ ràng lão tìm cách gán cho mình vai trò hàng đầu và lão chưa từng phải cáng đáng một vụ án nào quan trọng như lão cảm thấy đối với vụ án của K.. Nhưng các mối quan hệ mà lão luôn luôn khoe khoang kia xem ra có vẻ đáng ngờ lắm; có đúng là lão sử dụng chúng vì lợi ích của K. không? Lão chẳng bao giờ quên nói rằng đó chỉ là những viên chức cấp dưới, vì thế họ là các nhân viên hết sức phụ thuộc mà diễn biến của vụ án trong một số trường hợp có thể tạo điều kiện thuận lợi cho họ được thăng cấp. Biết đâu chung quy chính họ lợi dụng luật sư để đạt được diễn biến mong muốn, cái diễn biến tất yếu có hại cho bị cáo? Có lẽ không phải vụ án nào họ cũng xử sự như thế, vì xem ra có vẻ không hợp lí, chắc chắn cũng có những vụ mà họ giúp cho luật sư một tay để thưởng công cho ông, bởi lẽ thế nào thì họ cũng phải chăm lo giữ gìn danh tiếng cho ông chứ; nhưng nếu sự việc xảy ra như vậy thật thì liệu họ sẽ can thiệp theo chiều hướng nào đối với vụ án của K., một vụ án rất gai góc như luật sư Hun nói, cho nên nó là một sự kiện giật gân chắc chắn đã chiếm lĩnh ngay từ đầu toàn bộ sự chú ý của tòa? Chao ôi! chẳng có gì mà phải nghi ngờ nhiều. Ai cũng rõ là lá đơn đầu tiên còn chưa được gửi đi, thế mà vụ án kéo dài đã nhiều tháng rồi. Mọi việc

chỉ mới bắt đầu, theo như luật sư nói; phương pháp rõ ràng là tuyệt vời nếu người ta muốn ru ngủ bị cáo và duy trì y trong tình trạng không hoạt động để cho y bị sửng sốt về lời phán quyết hay ít nhất là về kết quả cuộc điều tra người ta đột ngột báo cho biết là bất lợi với y và vụ việc được chuyển lên một tòa án cấp cao...

Nhất thiết là K. phải tự mình can thiệp. Niềm tin chắc đó trở nên gắt gao đặc biệt khi anh thấy người mệt rã rời như buổi sáng mùa đông hôm ấy lúc ai nấy đều thấy anh mất hết ý chí. Anh đã quên bẵng thái độ coi thường của anh ban đầu; nếu chỉ có một mình anh trên thế gian, chắc anh đã có thể bỏ mặc vụ án của anh, coi như người ta đã khởi tố anh, tuy hình như không phải thế. Nhưng bây giờ, ông chú anh đã đưa anh đến nhà luật sư, và còn phải tính đến gia đình; tình cảnh của anh thôi không còn hoàn toàn độc lập với diễn biến của vụ án, anh lại đã dại dột đích thân kể cho bạn bè về cái vụ ấy với một nỗi hí hả không thể nào lí giải được; một số khác chẳng hiểu do đâu mà biết; những mối quan hệ của anh với cô Bơcxne dường như cũng còn treo đấy đồng thời với vụ rắc rối của anh... Tóm lại, anh chẳng có quyền chấp nhận hay khước từ vụ án; anh đương chìm ngập trong đó và cần phải bảo vệ lấy thân; nếu anh chán nản, anh hãy liệu hồn!

Lúc này anh chưa có gì phải lo lắng lắm. Anh đã xoay xở vào làm việc được ở ngân hàng sau một thời gian tương đối ngắn, và bằng nỗ lực bản thân, đã tới được địa vị hiện nay; anh đã có thể ngồi vững ở cái ghế này, được mọi người kính nể, giờ anh chỉ cần dành cho vụ án một phần những năng lực đã giúp anh lên cao như vậy là chắc mọi việc sẽ kết thúc tốt đẹp; muốn đạt được mục đích, chủ yếu anh cần phải trước tiên loại bỏ mọi ý nghĩ là mình có tội. Chẳng có tội lỗi nào cả, vụ án chẳng qua chỉ là một vụ việc lớn như anh đã từng giải quyết vì lợi ích của ngân hàng, một vụ việc mà theo lẽ tất nhiên có nhiều nguy hiểm anh cần phải chống đỡ. Vậy anh không được băn khoăn về ý nghĩ một lỗi lầm, mà chỉ được

nghĩ đến lợi ích của bản thân mình mà thôi. Về phương diện ấy, cần phải tước bỏ của luật sư cái quyền đại diện cho anh, càng sớm càng hay; đấy có thể là một điều xưa nay chưa từng có, một hành động vô cùng xúc phạm, như lão ta đã từng nói với anh, nhưng K. không thể chấp nhận được là trong vụ án anh vấp phải những trở ngại từ phía chính ngay luật sư bào chữa cho anh. Khi đã loại được luật sư ra rồi, cần phải gửi đơn đi ngay lập tức và nhắc nhở luôn, nếu có thể thì ngày nào cũng nhắc để cho người ta xem xét. Cố nhiên muốn được như thế thì không thể cứ ngồi lì như những người khác ở hành lang với chiếc mũ đút dưới gầm ghế, mà cần phải quấy rầy các nhân viên ngày này qua ngày khác, cho đàn bà con gái hoặc bất kì một người thứ ba nào đó đến ám họ, buộc họ phải ngồi vào bàn nghiên cứu lá đơn thay cho đứng nhìn ra ngoài hành lang qua tấm mắt cáo bằng gỗ. Không một phút lơi lỏng trong những nỗ lực ấy, cần phải tổ chức, theo dõi mọi sự hết sức chu đáo; cần phải làm cho cái tổ chức tư pháp vấp phải một bị cáo biết bảo vệ mình một phen.

Mặc dầu K. tin vào bản thân anh để thi hành chương trình đó, nhưng anh mệt nhoài vì khó quá, không sao thảo nổi lá đơn đầu tiên. Trước đó một tuần lễ, anh chỉ mới thấy như ngượng ngùng khi hình dung một hôm nào đó có lẽ anh sẽ phải tự tay thảo tài liệu ấy, nhưng anh chưa bao giờ nghĩ đấy là một công việc khó khăn. Anh nhớ lại một buổi sáng kia công việc bận bù đầu, anh đã dẹp tất cả sang một bên, và vớ luôn tập giấy ghi để thử phác dàn ý một lá đơn thuộc loại ấy hộ cho ông luật sư chậm như rùa của anh thì vừa lúc cửa phòng bật mở và ông phó giám đốc cười ha hả bước vào.

Cái cười đã khiến cho K. lúc đó rất khó chịu, mặc dầu tất nhiên nó không nhằm vào lá đơn, vì ông phó giám đốc có biết gì đâu, mà nhằm vào một trò đùa về tài chính mà ông vừa được biết xong. Cần phải vẽ ra mới hiểu được và ông phó giám đốc đã cúi xuống bàn của K. giật lấy chiếc bút chì từ tay anh vẽ ngay lên trên tập giấy ghi dành cho lá đơn.

Hôm nay K. chẳng còn thẹn thùng gì nữa: lá đơn ấy cần phải viết. Nếu anh không thu xếp được thời giờ ở văn phòng, mà chắc là như thế, anh sẽ viết ở nhà vào ban đêm. Nếu các ban đêm không đủ, anh sẽ xin nghỉ phép: điều cốt yếu là không được tiến hành nửa vời, bởi đó là phương pháp dở nhất, không những trong các vụ việc mà ở đâu và bao giờ cũng thế. Thảo lá đơn ấy dĩ nhiên là một công việc bất tận. Nếu không phải là người có tính hay lo lắng, ta dễ có thể nghĩ rằng chẳng bao giờ viết xong được. Chẳng phải vì lười biếng hay vì tính toán (những lí do này chỉ có thể đúng trong trường hợp luật sư Hun), mà bởi lẽ không biết bị ghép vào tội gì và diễn biến bấy lâu ra sao, nên anh phải nhớ lại cuộc đời anh, đến từng chi tiết vặt vãnh nhất, phơi bày nó ra trong mọi uẩn khúc, khảo sát nó dưới mọi phương diện. Thêm một nỗi, công việc buồn tẻ biết bao! Có lẽ nó thích hợp với đầu óc suy nhược của một người đã về hưu và giúp cho ông ta qua ngày đoạn tháng. Nhưng bây giờ là lúc K. đương cần tập trung trí lực vào công việc, thấy thời gian đi nhanh vùn vụt - vì anh đang độ tung hoành và đã là một mối đe dọa cho ông phó giám đốc - bây giờ là lúc anh muốn tận hưởng như một chàng thanh niên những buổi tối ngắn ngủi và những ban đêm chóng tàn của anh, thế mà bây giờ anh lại phải ngồi thảo cái lá đơn kia! Anh rên rỉ đến kiệt sức. Như một cái máy, để chấm dứt những nỗi khắc khoải, anh ấn vào cái nút điện nối với chuông ở ngoài tiền sảnh. Vừa lúc ấy, anh nhìn thấy chiếc đồng hồ treo tường. Đồng hồ chỉ mười một giờ: vậy là anh đã nghĩ miên man hai tiếng đồng hồ, bao nhiêu là thời gian, thời gian quý báu, và tất nhiên anh càng mệt hơn trước. Nhưng xét cho cùng, thời gian ấy không phải là hoàn toàn lãng phí: nhờ nó mà anh đã đi đến được những quyết định có thể nói là rất hữu ích. Các đầy tớ mang vào cùng với thư từ những danh thiếp của hai vị đợi K. đã lâu lắm. Đấy chính là hai khách hàng sụ của ngân hàng lẽ ra không bao giờ nên để ngồi mốc ra như vậy. Tại sao họ lại đến vào lúc tệ hại như thế này? Và tại sao - nghe như có

tiếng họ hỏi thế ở phía sau cánh cửa - tại sao ông K. là người siêng năng mà lại phung phí những giờ phút tốt đẹp nhất của ông vào việc chăm lo các công việc riêng? Chưa hết mệt về những nỗi băn khoăn vừa qua lại đã mệt về những điều băn khoăn sắp đến, anh đứng lên để tiếp vị khách thứ nhất.

Đó là một ông người bé nhỏ, hoạt bát khỏe mạnh, một kĩ nghệ gia anh vốn quen biết. Ông ta lấy làm tiếc đã quấy rầy K. đang lúc bận việc quan trọng, còn K. cũng xin lỗi đã để ông phải chờ đợi quá lâu. Nhưng anh xin lỗi một cách hết sức lơ đãng và bằng một giọng hờ hững vô cùng đến nỗi nhà kĩ nghệ chắc thế nào cũng ngạc nhiên nếu ông không đương mải để hết tâm trí vào công việc của ông. Ông rút ở túi trong, túi ngoài ra các giấy tờ chi chít những cột số tính toán, dàn ra trước mắt K., giải thích nhiều số liệu, sửa một con tính sai nho nhỏ ông vừa phát hiện tuy chỉ duyệt lướt qua, nhắc với K. rằng năm ngoái anh đã đi đến nhất trí với ông về một công việc kinh doanh thuộc cùng một loại và nhân tiện cho anh biết rằng lần này một ngân hàng khác muốn đảm đương công việc ấy với bất cứ giá nào, và cuối cùng im lặng để chờ nghe ý kiến của K.; lúc đầu K. theo dõi được những lời lẽ trình bày của nhà kĩ nghệ; anh thấy rõ tầm quan trọng của công việc và hết sức chăm chú, nhưng than ôi! chỉ là trong một khoảnh khắc ngắn ngủi; chẳng mấy chốc anh thôi không còn lắng nghe nữa, mà chỉ gật gù mỗi lần kĩ nghệ gia thốt lên, rồi anh cũng chẳng buồn gật gù nữa mà cứ nhìn trân trân vào cái đầu hói đương cúi xuống đống giấy tờ; anh băn khoăn chẳng biết đến bao giờ cái ông kia mới nhận ra là đương nói giữa chốn không người. Vì vậy khi ông ta thôi không nói nữa, K. thật sự tin rằng ông im tiếng chỉ là để anh thấy rõ là không thể nào lắng nghe được mà thôi. Nhưng qua cái nhìn chăm chú của nhà kĩ nghệ, hau háu sẵn sàng đón mọi câu trả lời, anh lấy làm tiếc mà nhận thấy rằng cần phải tiếp tục cuộc trò chuyện. Anh liền cúi đầu như thể vừa nhận một mệnh lệnh rồi thong thả lướt bút chì trên

các giấy tờ. thỉnh thoảng dừng lại để chấm vào một con số nào đấy. Nhà kĩ nghệ linh cảm thấy những điều bác bỏ: có lẽ những con số của ông không chính xác, hay là chúng không thuyết phục. dù sao ông cũng lấy tay phủ lên các tờ giấy, và vừa ngồi sát lại gần K. vừa trình bày khái quát lại đầu đuôi công việc.

- Khó lắm, - K. bĩu môi nói.

Chẳng bấu víu vào đâu được nữa vì lúc này các giấy tờ đã bị che lấp đi rồi, anh liền bải hoải rã rời khuỵu người xuống tay ghế bành. Thậm chí anh chỉ ngước mắt lên một cách lờ đờ khi cửa phòng ban giám đốc mở ra, và ông phó giám đốc xuất hiện lờ mờ như sau lớp màn the. Anh chẳng nghĩ ngợi gì hết mà chỉ để ý đến cái kết quả tức thì của sự can thiệp kia làm cho anh nhẹ hẳn người, vì kĩ nghệ gia đứng phắt dậy vội vã ra đón ông phó giám đốc. Nhưng K. sợ ông lại biến đi nên chỉ mong nhà kĩ nghệ nhanh nhẩu gấp năm gấp mười lên nữa. Song nỗi sợ hãi không có cơ sở, hai vị gặp nhau, bắt tay nhau và cùng bước tới bàn giấy của anh; nhà kĩ nghệ than phiền là vị đại diện ít quan tâm hứng thú đến việc kinh doanh của ông quá và trỏ K. lại đương vùi đầu vào đống giấy tờ dưới con mắt của ông phó giám đốc. Khi hai người cúi xuống trên bàn của anh và nhà kĩ nghệ tìm cách giảng giải cho ông phó giám đốc rõ những đề nghị của mình hay ho ra sao, K. tưởng chừng như hai người đó. mà anh hình dung ra cao lớn mênh mông, đương thương lượng ở trên đầu anh về vụ việc của chính anh; anh hé mắt từ từ ngước nhìn lên, cố xem phía trên đương diễn ra chuyện gì. tiện tay vớ lấy một giấy tờ bất kì trên bàn, xòe tay nâng lên đưa cho hai người, đồng thời thong thả đứng dậy. Cử chỉ ấy chẳng tương ứng với một tất yếu nào cả; K. chỉ đơn thuần tuân theo cái cảm tính cho rằng có lẽ cần phải hành động như thế sau khi thảo xong lá đơn dài nó sẽ giải thoát hoàn toàn cho anh. Ông phó giám đốc đương mải nói chuyện nên chỉ lơ đãng đưa mắt nhìn qua tờ giấy, điều mà ông đại diện cho là quan trọng lại không quan trọng đối với ông; ông

chỉ đón lấy tài liệu từ tay K., và nói "cám ơn, tôi đã biết", rồi lại lặng lẽ đặt tờ giấy xuống bàn; K. tức mình, lườm ông, nhưng ông phó giám đốc thậm chí không thấy, hoặc nếu có thấy chỉ càng được khích lệ hơn, ông cười ha hả nhiều lần, làm cho nhà kĩ nghệ bối rối bằng một câu trả lời tinh tế, rồi lập tức lại đưa ra một lí lẽ mới bác bẻ chính bản thân mình để làm cho ông ta hết bối rối, cuối cùng mời nhà kĩ nghệ sang văn phòng của ông để kí kết công việc.

- Đó là một việc vô cùng quan trọng, - ông nói với nhà kĩ nghệ, - tôi hoàn toàn hiểu rõ. Ông đại diện, - nhưng ngay lúc ấy ông cũng chỉ nói với nhà kĩ nghệ,- ông đại diện chắc sẽ sung sướng được chúng ta đỡ cho việc này, vì nó đòi hỏi phải có đầu óc thảnh thơi mới suy nghĩ được, thế mà hôm nay trông ông ấy có vẻ đã làm việc quá sức; vả chăng cũng còn vài người đương đợi đã lâu ở ngoài tiền sảnh.

K. còn vừa đủ nhanh trí để quay đi không nhìn ông phó giám đốc và chỉ mỉm với nhà kĩ nghệ một nụ cười dễ thương mặc dầu ngượng nghịu; anh không can thiệp cách nào khác mà cứ ngả người về phía trước với cả hai bàn tay tì lên bàn như một thầy kí ngồi trước bàn làm việc, nhìn hai người vừa tiếp tục nói vừa thu các giấy tờ trước mắt anh, rồi biến sang văn phòng ban giám đốc. Ra đến cửa, kĩ nghệ gia còn quay lại một lần nữa và nói rằng ông đi nhưng chưa chào vội đâu vì ông định sẽ quay trở lại để thông báo với ông đại diện kết quả thương lượng; vả lại, ông nói thêm là cũng còn một việc nho nhỏ muốn thông báo nữa.

Thế rồi lại chỉ có một mình K.; anh không hề nghĩ đến chuyện mời các khách hàng khác vào, thậm chí cũng chỉ lờ mờ nghĩ tới một điều may mắn: những người ở ngoài tiền sảnh tưởng rằng anh vẫn còn đương thảo luận với kĩ nghệ gia, và chẳng ai được phép vào, kể cả đầy tớ. Anh đến bên cửa sổ, ngồi lên bậc, tay víu vào quả đấm và nhìn ra quảng trường bên ngoài. Tuyết vẫn tiếp tục rơi, trời còn u ám.

Anh ngồi như thế rất lâu, chẳng biết thật rõ rệt mình băn

khoăn nỗi gì: chỉ thỉnh thoảng khi tưởng chừng nghe có tiếng động anh mới thoáng vẻ sợ sệt quay nhìn về phía cửa thông ra ngoài tiền sảnh. Song chẳng có ai vào cả, anh bình tĩnh lại, đi đến chậu rửa mặt, vã nước lạnh, rồi quay trở lại ngồi ở cửa sổ, đầu óc thảnh thơi hơn. Cái quyết định tự mình bào chữa xem ra khó thi hành hơn anh tưởng lúc đầu. Từ khi trút việc bào chữa cho luật sư, vụ án rốt cục đụng chạm đến anh rất ít; anh chỉ quan sát từ xa, chẳng bao giờ bị tác động trực tiếp: anh có thể tùy theo sở thích nhẩn nha theo dõi tiến trình vụ án hoặc chẳng quan tâm gì đến nó. Nhưng bây giờ, nếu đích thân cáng đáng công việc bào chữa, anh sẽ phải một mình giơ lưng ra đón tất cả những búa rìu của tòa, ít ra là tạm thời; kết quả về sau có thể sẽ là được tha bổng; trong khi chờ đợi sẽ phải đương đầu với những nguy hiểm gay go hơn rất nhiều từ trước đến nay. Nếu anh còn chưa tin thì những quan hệ của anh với nhà kĩ nghệ và ông phó giám đốc trong ngày hôm ấy đã làm cho anh sáng mắt. Anh đã có thái độ như thế nào trong tình trạng bối rối mà chỉ riêng việc quyết định tự mình bào chữa đã gây ra cho anh? Và rồi sau sẽ ra sao? Tương lai nào sẽ đến? Liệu anh có tìm ra lối đi đúng băng qua mọi trở ngại để dẫn tới kết quả hay không? Một việc bào chữa tỉ mỉ - mà không thể không được - có nhất thiết đòi hỏi anh phải từ bỏ mọi công việc không? Liệu anh có đạt được mà chẳng sứt đầu mẻ trán không? Và anh sẽ làm gì ở ngân hàng? Đâu phải chỉ là vấn đề lá đơn, để viết đơn có lẽ anh chỉ cần nghỉ phép là đủ, tuy rằng xin nghỉ phép lúc này là rất phiêu lưu; vấn đề là cả một vụ án mà không thể dự đoán nó sẽ kéo dài bao lâu. Thật là một trở ngại bất thình lình trong sự nghiệp của K.!

Và anh phải làm việc cho ngân hàng! Anh nhìn bàn giấy của anh. Bây giờ anh phải để các khách hàng vào và thảo luận với họ ư? Trong khi vụ án của anh vẫn tiếp tục, trong khi ở tầng nóc trên kia, các nhân viên tư pháp vẫn đang cúi xuống hồ sơ vụ án ấy, anh phải giải quyết công việc của sở ư? Đó chẳng phải là một thứ khổ hình được tòa án chuẩn y để bổ

sung cho vụ án hay sao? Liệu ở ngân hàng người ta có chỉ căn cứ vào đấy để đánh giá việc làm của anh không? Không đời nào. Vụ án của anh ở đây chẳng phải hoàn toàn không ai biết đến... nhưng ai biết... và biết đến đâu? Ông phó giám đốc chắc là chẳng biết tí gì rồi, nếu không tránh sao được ông ấy đã lợi dụng! Ông ta chắc đã chẳng biết đến thương đến sót là gì. Còn ngài giám đốc? Nhất định ngài ủng hộ K.; nếu ngài nghe phong phanh về vụ án thì có lẽ đã tìm cách giảm nhẹ công việc cho K. trong chừng mực có thể, nhưng chắc chắn chẳng ăn thua gì, vì cái đối trọng là K. từ trước đến nay bây giờ bắt đầu yếu đi, ngài càng ngày càng chịu ảnh hưởng của phó giám đốc, ông này tranh thủ kiếm chác từ tình trạng sức khỏe tồi tệ của thủ trưởng. Vậy K. có thể hi vọng được gì? Cứ suy đi tính lại như vậy có lẽ chỉ làm cho sức chống đỡ của anh mòn mỏi dần, nhưng tìm cách để khỏi bị huyễn hoặc và để cố nhìn cho tỏ tường chẳng phải là cần thiết hay sao?

Anh cố mở cửa sổ ra, chẳng để làm gì cả, mà đơn thuần chỉ vì muốn trì hoãn không bắt tay vào công việc vội. Cửa rít khó mở, anh phải dùng cả hai bàn tay. Sương mù quyện với khói ùa vào trong phòng, xông lên một mùi khen khét. Vài bông tuyết gió tạt vào theo.

- Mùa thu ớn quá! - nhà kĩ nghệ nói phía sau K., ông từ phòng phó giám đốc trở về lúc nào không biết.

K. gật đầu và lo lắng nhìn cái cặp nhà kĩ nghệ sửa soạn rút giấy tờ trong đó ra để thông báo cho anh biết kết quả thương lượng với phó giám đốc. Nhưng kĩ nghệ gia vẫn theo dõi cái nhìn của K., chỉ vỗ vỗ vào cặp chứ không mở và nói:

- Ông muốn biết kết quả? Tôi có hợp đồng trong tay đây rồi hoặc gần gần như thế. Phó giám đốc của ông là một con người dễ chịu lắm... nhưng phải dè chừng đấy!

Rồi ông cười và bắt tay K., cứ ngỡ làm cho K. cũng cười theo. Nhưng bây giờ K. đâm nghi ngờ về việc người ta không muốn đưa giấy tờ cho anh xem; anh chẳng thấy có chút gì là nhộn cả trong ý kiến nhận xét của nhà kĩ nghệ.

- Thưa ông đại diện, - người đó liền nói với anh, - chắc ông khổ sở vì thời tiết. Ông có vẻ buồn phiền lắm.

- Vâng, - K. vừa nói vừa đưa tay lên bóp thái dương,-nhức đầu quá, những chuyện buồn phiền trong gia đình.

- Đúng thế, - nhà kĩ nghệ nói, - ông là một con người sốt ruột, chẳng bao giờ nghe được đến đầu, đến đũa, "ai cũng phải mang thánh giá của mình trên lưng".

K. như cái máy tiến một bước về phía cửa như để tiễn ông, nhưng ông lại nói:

- Tôi còn vài lời muốn nói với ông, thưa ông đại diện. Nói với ông chuyện này trong ngày hôm nay tôi rất sợ làm phiền ông, nhưng thời gian vừa qua tôi đã đến đây hai lần, mà lần nào cũng quên bẵng đi mất. Nếu tôi hoãn lại nữa, chẳng biết nó sẽ còn lí do tồn tại nữa không? Và có lẽ sẽ rất tai hại, vì xét cho cùng điều tôi cho ông biết đây có thể có một giá trị nào đấy.

K. chưa kịp trả lời, nhà kĩ nghệ đã đứng sát bên anh, dùng lưng ngón tay khẽ gõ gõ vào ngực anh và hỏi nhỏ:

- Ông vướng vào một vụ án, có phải không?

K. lùi lại thốt lên:

- Ông phó giám đốc bảo ông chứ gì!

- Đời nào, - nhà kĩ nghệ đáp, - ông ấy biết thế nào được?

- Hay chính ông cho biết? - K. đã tự chủ được hơn và hỏi.

- Tôi nghe ngóng được chỗ này chỗ khác những tin tức vặt vãnh của tòa, - kĩ nghệ gia liền bảo, - chính về vấn đề ấy mà tôi muốn nói vài lời với ông.

- Thế ra tất cả mọi người đều có liên hệ với tổ chức tư pháp ư! - K. vừa nói vừa buông thõng đầu xuống.

Anh dẫn nhà kĩ nghệ đến bàn giấy. Cả hai lại ngồi xuống như trước và nhà kĩ nghệ nói:

- Điều tôi có thể cho ông biết có lẽ không quan trọng lắm, nhưng trong loại vụ việc này, chẳng nên bỏ qua cái gì cả. Vả chăng tôi vẫn mong muốn được giúp đỡ ông, dù chỉ là tí chút.

Chẳng phải là chúng ta luôn luôn tâm đầu ý hợp với nhau trong công việc đó sao? Này nhé...

Lúc ấy K. muốn xin lỗi về thái độ trước đó của mình, nhưng nhà kĩ nghệ, không muốn ai ngắt lời, cắp cặp lên tay để tỏ ra ông đương vội và nói tiếp:

- Tôi nghe nói đến vụ án của ông qua một người tên là Titoreli. Đó là một họa sĩ. Titoreli chỉ là biệt hiệu của anh ta, tôi không biết anh ta tên thật là gì. Từ nhiều năm nay, thỉnh thoảng anh ta đến gặp tôi ở phòng làm việc và đem đến cho tôi những bức tranh nho nhỏ, lần nào cũng được tôi trả cho một món tiền bố thí - anh ta cũng gần gần như một kẻ ăn xin. Song tranh thì phải nói là đẹp, những đồng hoang, những phong cảnh, đại khái như thế. Những cuộc mua bán ấy đã thành quen đối với cả hai chúng tôi và luôn luôn diễn ra hỉ hả nhất trần đời; nhưng cuối cùng, anh ta cứ đến luôn xoành xoạch và tôi đã ngỏ lời trách; chúng tôi bắt đầu nói chuyện, tôi tò mò muốn biết anh ta làm thế nào mà sống được chỉ với nghề vẽ tranh, và lúc đó tôi ngạc nhiên vô cùng được biết anh ta sống chủ yếu bằng tranh vẽ chân dung. Anh ta bảo tôi là anh ta làm việc cho tòa. Tôi hỏi tòa nào. Đấy là lúc anh ta đem chuyện ra nói tôi nghe. Ông là người hơn bất cứ ai có thể hình dung khi nghe anh ta kể, tôi sửng sốt đến thế nào. Từ ngày ấy, mỗi lần anh ta đến thăm, tôi đều được biết ít nhiều tin tức của tòa và cứ thế nay một chút, mai một chút, cuối cùng tôi trở nên thông tỏ ngọn ngành. Nói đúng ra, anh chàng Titoreli ấy ba hoa lắm và tôi thường phải bảo anh ta im đi, không những chỉ vì anh ta nói dối - điều đó thì không thể chối cãi được - mà chủ yếu còn là vì một nhà kinh doanh còng lưng dưới gánh nặng những mối lo lắng của bản thân mình như tôi thì còn thì giờ đâu mà quan tâm đến chuyện người khác. Nhưng thôi. Tôi nghĩ bụng rằng anh chàng Titoreli ấy xem chừng có thể giúp được cho ông, anh ta quen biết rất nhiều quan tòa, và tuy bản thân anh ta có lẽ chẳng có thế lực to lớn, nhưng anh ta có thể bày cho ông cách tốt nhất để tiếp cận một

số quan tòa. Và cho dù những góp ý của anh ta không phải là quyết định, thì ông, ông vẫn có thể từ đấy rút ra được nhiều điều bổ ích. Bởi vì ông gần như là một luật sư. Tôi vẫn thường nói: Ông K. hầu như là một luật sư. A! tôi không sợ cho vụ án của ông! Nhưng bây giờ ông có muốn đến nhà Titoreli không? Qua sự giới thiệu của tôi, anh ta chắc chắn sẽ làm tất cả những gì có thể làm được. Tôi thật bụng nghĩ rằng ông cần đến đấy. Không nhất thiết hôm nay, mà nhân tiện lúc nào cũng được. Vả chăng, không phải vì tôi khuyên như thế mà ông bó buộc phải đến. Nếu ông nghĩ có thể chẳng cần đến anh ta, thì cố nhiên tốt nhất là đừng để anh ta dính vào. Biết đâu bản thân ông đã có một kế hoạch dứt khoát mà Titoreli có nguy cơ làm rối tung lên. Trong trường hợp ấy thì tôi xin ông đừng đi gặp anh ta làm gì. Vả lại chắc chắn là phải nhẫn nhục lắm đấy mới đến xin ý kiến một anh chàng như vậy. Tóm lại, tùy ông xét xem cần phải làm gì. Đây là mấy lời giới thiệu kèm theo cả địa chỉ của gã.

K. thất vọng cầm lấy phong thư và cho vào túi. Ngay trong trường hợp thuận lợi nhất thì cái lợi có thể rút ra được từ thư giới thiệu này cũng tương đối ít hơn cái phiền là kĩ nghệ gia biết chuyện vụ án và họa sĩ có cơ làm cho tin đó lan ra. Anh hầu như chẳng quyết định kịp, lắp bắp vài lời cám ơn vị khách hàng đã ra đến cửa.

- Tôi sẽ đi, - cuối cùng anh nói để chia tay, - hoặc tôi sẽ viết thư mời ông ấy đến gặp tôi ở văn phòng, vì lúc này tôi đương rất rất bận.

- Tôi vẫn biết là ông sẽ tìm ra giải pháp tốt nhất. Thực tình mà nói tôi cứ nghĩ là ông muốn tránh được càng hay không mời những người như Titoreli đến ngân hàng và nói chuyện với anh ta ở đây về vụ án của ông. Để lại thư từ trong tay những nhân vật loại ấy chẳng phải lúc nào cũng hay ho. Nhưng chắc chắn ông đã suy nghĩ mọi bề và biết là có thể làm gì.

K. gật đầu và tiễn nhà kĩ nghệ ra đến mãi ngoài tiền sảnh.

Song, anh bắt đầu thấy lo sợ, mặc dầu bề ngoài tỏ ra bình tĩnh. Thực ra, anh nói sẽ viết thư cho Titoreli chỉ là để chứng tỏ với ông khách hàng sụ rằng anh đánh giá cao lời khuyên bảo của ông và không muốn lần lữa suy nghĩ đến những khả năng đi gặp họa sĩ, nhưng nếu nghĩ rằng sự giúp đỡ của nghệ sĩ là có ích thì anh đã viết ngay tức khắc rồi. Phải đợi có ý kiến của kĩ nghệ gia anh mới nhận thấy một lá thư có cơ làm cho anh phải trải qua những nguy hiểm ra sao. Vậy là anh có thể tin cậy quá ít vào óc suy xét của bản thân anh đến thế kia ư? Nếu anh có thể bằng giấy trắng mực đen mời một cá nhân mờ ám đến ngân hàng và nếu anh có thể nghĩ tới việc trò chuyện với hắn về vụ án của anh chỉ cách cửa phòng phó giám đốc có hai bước, thì chẳng lẽ anh lại không có thể, thậm chí rất có thể đi kề bên những hiểm họa khác mà chẳng ngờ tới và đương lao vào các tảng đá ngầm mắt không nhìn thấy sao? Chẳng phải lúc nào anh cũng có người bên cạnh để báo cho biết. Và đúng lúc này - là lúc anh muốn thu hết sức lực để bước vào đấu trường - đúng lúc này anh lại đâm ra ngờ vực sự thận trọng của chính bản thân anh là điều xưa nay chưa từng xảy ra! Chẳng lẽ những khó khăn anh gặp phải trong nghề nghiệp chuyên môn cũng cản trở anh trong vụ án hay sao? Anh thật chẳng hiểu sao anh lại có thể nảy ra ý định viết thư cho Titoreli và mời anh ta đến ngân hàng.

Anh vẫn còn đương lắc đầu khi người đầy tớ lại gần nhắc cho anh lưu ý đến ba ông khách ngồi trên một chiếc ghế dài ngoài tiền sảnh. Họ chờ đợi lâu lắm để được K. tiếp. Khi thấy người đầy tớ đương thưa với anh, họ đứng cả dậy và ai cũng tìm cơ hội để được len vào trước. Vì ngân hàng có nể nang gì đâu để họ mất thời giờ ở cái phòng đợi này, nên họ cũng chẳng giữ gìn ý tứ nữa.

- Thưa ông đại diện! - một người trong số họ gọi.

Nhưng K. đã cho mang áo lông tới, vừa mặc áo với sự giúp đỡ của đầy tớ, vừa nói với cả ba:

- Xin các ông thứ lỗi cho, tôi rất lấy làm tiếc, tôi không có

thời giờ tiếp các ông lúc này, tôi vô cùng xin lỗi, nhưng tôi có những công việc hết sức cấp thiết phải giải quyết ở ngoài và tôi buộc phải đi ngay. Chính các ông đã thấy tôi vừa bận như thế nào. Các ông vui lòng ngày mai hoặc một hôm khác trở lại đây nhé! Trừ phi các ông thích trao đổi công việc bằng điện thoại hơn. Nếu muốn, có lẽ các ông cũng có thể ngay lập tức nói vài câu cho tôi biết qua vấn đề và tôi sẽ viết thư trả lời tỉ mỉ. Cố nhiên tốt hơn hết vẫn là các ông trở lại đây.

Những lời đề nghị của K. làm cho mấy ông đó biết rằng họ đã chờ đợi uổng công, nên vô cùng ngạc nhiên nhìn nhau chẳng nói chẳng rằng.

- Vậy ta đồng ý chứ? - K. vừa hỏi vừa quay về phía người đầy tớ mang mũ đến cho anh.

Qua cửa văn phòng để ngỏ, người ta thấy tuyết rơi mỗi lúc một dầy. Anh liền dựng cổ áo lên và cài khuy ở dưới cằm.

Vừa lúc đó, ông phó giám đốc từ phòng bên bước ra: ông mỉm cười nhìn K. mặc áo lông trao đổi ý kiến với mấy ông khách đợi ở ngoài tiền sảnh và hỏi:

- Ông đi bây giờ đấy ư, hả ông đại diện?

- Vâng, - K. rướn người lên nói, - tôi có công việc phải giải quyết ngoài tỉnh.

Nhưng ông phó giám đốc đã quay về phía mấy vị khách.

- Còn mấy vị kia thì sao? - ông hỏi. - Tôi tưởng họ chờ đợi đã lâu.

- Chúng tôi đã thu xếp với nhau, - K. nói.

Nhưng không có cách gì cản ba vị lại được nữa: họ vây lấy K. và nói rằng nếu chẳng phải là công việc cần kíp đòi hỏi phải được bàn bạc triệt để, riêng biệt, ngay lập tức thì họ đã chẳng chờ đợi hàng mấy tiếng đồng hồ. Viên phó giám đốc lắng nghe họ một lúc, rồi chăm chú nhìn K. vẫn đương đứng đấy, mũ cầm tay, thỉnh thoảng lại phủi bụi ở chỗ này chỗ khác, cuối cùng ông nói:

- Có một giải pháp rất đơn giản, các ông ạ. Nếu các ông

đồng ý để tôi tiếp thay cho ông đại diện, tôi sẵn sàng vui lòng. Hiển nhiên là phải giải quyết công việc ngay lập tức. Chúng tôi cũng là những người kinh doanh như các ông, nên chúng tôi biết giá trị của thời gian. Các ông vui lòng vào đây chứ?

Và ông mở cái cửa dẫn vào tiền sảnh văn phòng của ông.

K. buộc phải hi sinh cái gì ra là y như ông phó giám đốc lại vơ vào! Nhưng chẳng phải là K. chỉ hi sinh những gì thật là bất đắc dĩ thôi ư? Trong khi anh ba chân bốn cẳng đến nhà một họa sĩ không quen biết để thỏa mãn những đòi hỏi của một niềm hi vọng bấp bênh và rất nhỏ nhoi như anh vẫn thầm nghĩ trong lòng thì uy tín của anh ở đây bị thiệt hại không gì cứu vãn được. Có lẽ anh nên cởi áo lông ra và đuổi theo kéo lại ít nhất hai khách hàng đương còn phải đợi ở phòng bên. Chắc K. đã làm thế rồi nếu lúc đó anh không nhìn thấy ông phó giám đốc đương tìm tòi cái gì trong cặp hồ sơ trên bàn giấy của anh chẳng khác nào đó là cặp hồ sơ của ông vậy. Khi K. bực mình bước lại gần cửa, ông phó giám đốc kêu lên với anh:

- Ơ kìa! ông vẫn chưa đi!

Và ông quay mặt về phía K., một bộ mặt với những nếp nhăn hình như không phải là biểu hiện của tuổi già mà của sức mạnh; rồi ông lại bắt đầu lục lọi ngay lập tức.

- Tôi tìm tờ sao bản hợp đồng mà theo lời người đại diện cho hãng thì nó phải nằm ở đây, - ông giải thích. - Ông có thể giúp tôi một tay được không?

K. tiến đến một bước, nhưng ông phó giám đốc bảo:

- Cám ơn, tôi tìm thấy đây rồi.

Rồi ông trở về văn phòng của ông mang theo một bó văn bản lớn không những có bản sao của hợp đồng mà còn gồm nhiều giấy tờ khác nữa.

"Bây giờ mình không đủ sức, - K. nghĩ bụng,- nhưng một khi dứt điểm với những nỗi phiền muộn cá nhân rồi, hắn sẽ là kẻ đầu tiên được biết tay, và biết tay cay đắng".

Ý nghĩ ấy nguôi nguôi đi, anh liền bảo gã đầy tớ từ nãy vẫn

giữ cánh cửa mở ra cho anh nếu có dịp thì thưa với ngài giám đốc là anh có việc phải ra phố, và anh rời ngân hàng, hầu như sung sướng vì có thể dành một lúc cho công việc của chính mình.

Anh gọi một cái xe và tức khắc đến ngay nhà họa sĩ ở một vùng ngoại ô ngược chiều với vùng ngoại ô của các văn phòng tòa án. Đó là một xó xỉnh còn tồi tàn hơn cái xó của tòa, với các ngôi nhà tối tăm hơn và các đường phố đầy một thứ bùn làm đen cả tuyết đương tan. Trong ngôi nhà họa sĩ ở, cái cổng lớn chỉ có một cánh cửa duy nhất mở ra; một cái lỗ khoét trong tường, khi lại gần K. nhìn thấy bất thình lình tóe ra một thứ nước khủng khiếp màu vàng và bốc khói làm cho chuột cũng phải bỏ chạy. Ở dưới chân cầu thang, một thằng bé nằm sấp trên mặt đất đương khóc, nhưng hầu như chẳng ai nghe thấy giữa những tiếng ầm ầm của một xưởng đồ sắt tây ở phía bên kia lối đi. Cửa xưởng để ngỏ; người ta thấy ba công nhân xúm thành hình bán nguyệt đương nện búa trên một vật gì không rõ. Một tấm sắt tây lớn treo trên tường rọi thứ ánh sáng nhợt nhạt giữa hai trong số ba người thợ ấy; ánh sáng làm cho khuôn mặt và tạp dề của họ sáng lên. K. chỉ đưa mắt nhìn quang cảnh đó một cách lơ đãng; anh muốn xong việc càng nhanh càng tốt, nói một vài lời thăm dò họa sĩ, rồi lập tức trở về ngân hàng. Nếu anh đạt được một chút kết quả, thì cái thành tựu nhỏ bé ấy sẽ có ảnh hưởng tốt đến công việc của anh trong ngày. Lên đến lầu ba, bở hơi tai, anh phải bước chầm chậm lại; thang gác cũng như các tầng đều cao hun hút, và họa sĩ ở trên tầng nóc. Không khí ngột ngạt khó thở; cầu thang kẹp giữa những bức tường lớn, chẳng có sân thông gió, chỉ thỉnh thoảng ở phần tít trên cao có trổ những ô cửa tò vò bé tí xíu. Lúc K. dừng lại, vài cô bé từ một cửa phòng ùa ra và vừa cười vừa leo lên thang. K. thong thả theo sau, túm lấy một đứa vì trượt chân nên chậm lại sau và hỏi nó trong khi các cô bé khác vẫn tiếp tục xúm xít nhau trèo lên.

- Trong nhà có ai là họa sĩ Titoreli không?

Cô bé là một đứa trẻ gù lưng, độ mười ba tuổi là cùng, khẽ

hích cho anh một cái và liếc mắt nhìn trộm. Cả tuổi trẻ lẫn sự tàn tật của nó đều đã không thể giữ cho nó khỏi bị hư hỏng hoàn toàn. Thậm chí nó không mỉm cười. Nó nhìn K. gườm gườm và khiêu khích. K. làm như anh không thấy và hỏi:

- Cháu có biết họa sĩ Titoreli không?

Cô bé gật đầu và hỏi lại:

- Bác cần gì chú ấy?

K. nghĩ là nên nhanh chóng tìm hiểu luôn về Titoreli.

- Bác muốn nhờ vẽ chân dung, - anh bảo.

- Chân dung bác à? - nó vừa hỏi vừa há hốc miệng và vỗ vỗ lên cánh tay K. như thể anh vừa nói ra một điều kì dị hoặc vụng về ghê gớm; rồi nó dùng cả hai tay vén chiếc áo dài vốn đã ngắn cũn cỡn và ra sức đuổi theo cho kịp các cô bé kia mà tiếng cười nói bô bô đã mất hút ở các tầng thang trên. Nhưng đến khúc ngoặt tiếp đó, K. lại thấy bọn chúng đầy đủ cả. Cô bé gù chắc đã báo cho chúng biết ý định của anh, và chúng đợi anh ở đấy, đứng dàn ra hai bên thang, lưng áp vào tường để lấy lối cho anh đi được dễ dàng, tay mân mê sửa lại nếp áo choàng. Khuôn mặt và thái độ của chúng biểu hiện một sự pha trộn vừa thơ ngây vừa đồi bại. Chúng lại xúm xít sau lưng K., vừa cười vừa đi theo anh, cô bé gù đi trước cầm đầu. Nhờ có nó, K. mới tìm được ngay lối đi đúng. Nếu không, anh đã lên thẳng tuột; nhưng nó chỉ cho anh là phải đi chênh chếch mới đến được nhà Titoreli. Cầu thang dẫn lên phòng ấy càng hẹp hơn, rất dài, thẳng tuột, nhìn thấy được suốt; anh dừng lại sát ngay trước cửa. Cửa tương đối sáng sủa do nhận được ánh sáng từ trên cao qua một ô tò vò nhỏ chênh chếch, và đóng bằng những tấm ván bằng gỗ mộc, trên viết nguệch ngoạc bằng bút lông tên của Titoreli màu đỏ. K. cùng với đoàn hộ tống lên chưa được nửa cầu thang thì cửa hé mở và một người đàn ông mặc độc một cái áo ngủ he hé nhìn ra, chắc là vì nghe thấy bao tiếng bước chân khua ầm ĩ.

- Ối! - chàng kêu lên khi nhìn thấy cái đám ấy, và biến luôn đi.

Cô bé gù vỗ tay thích thú, và những đứa khác chen chúc sau lưng K. để thúc anh tiến nhanh lên.

Chúng chưa lên đến nơi thì họa sĩ mở hẳn cửa ra và cung kính mời K. vào. Chàng ra hiệu cho bọn nhóc đi đi và không muốn để ai vào mặc dầu chúng năn nỉ và định cứ xông bừa vào. Chỉ có cô bé gù luồn qua cánh tay chàng chắn ngang trước cửa vào được trong phòng, nhưng họa sĩ lao theo, túm lấy váy, lăng một vòng quanh chàng rồi đặt nó ra bên ngoài cạnh các cô bé khác là những đứa dẫu sao cũng không dám vượt qua ngưỡng cửa trong giây phút ngắn ngủi chàng không có đấy.

K. chẳng biết nên nghĩ thế nào về cái cảnh đó; thực tế, mọi chuyện hình như diễn ra thân ái nhất trần đời. Các cô bé ở dưới chân cửa nghển cả cằm lên và thốt ra với họa sĩ những lời đùa cợt mà K. chẳng hiểu gì: Titoreli cũng vừa cười vừa lăng đi lăng lại cô bé gù lưng. Rồi chàng đóng cửa lại, cung kính cúi chào K. một lần nữa và tự giới thiệu:

- Titoreli, nghệ sĩ vẽ tranh.

K. vừa đáp vừa trỏ cái cửa phía sau có các cô bé đương thì thầm:

- Chúng có vẻ được quý mến trong nhà này lắm nhỉ!

- Chà! bọn nhãi ranh mất dạy! - họa sĩ vừa nói vừa cố cài khuy cổ chiếc áo ngủ mà không được.

Chàng lại vẫn còn đi đất và mới chỉ kịp mặc một chiếc quần lót rộng thùng thình bằng vải thô màu cháo lòng thắt dải rút dài lê thê hai đầu thõng xuống lập lờ quanh mắt cá chân.

- Bọn ghê tởm nhãi ranh ấy làm tôi bực cả mình, - họa sĩ nói tiếp và đành thôi không khép chiếc áo ngủ lại nữa vì chiếc khuy cuối cùng cũng vừa đứt nốt.

Chàng đi kiếm một cái ghế tựa và mời K. ngồi.

- Có lần tôi vẽ chân dung một con trong bọn chúng - con bé hôm nay không có ở đấy đâu - thế là từ đó cả lũ cứ bám lấy tôi nhằng nhằng. Khi tôi có nhà, chúng chỉ vào nếu được tôi cho

phép, nhưng khi tôi không có nhà, ít nhất bao giờ cũng có một con ở đây. Chúng đánh một chiếc chìa khóa cửa buồng tôi và cho nhau mượn. Không ai có thể hình dung nổi rầy rà như thế nào. Chẳng hạn, tôi về nhà cùng với một bà theo về để vẽ chân dung, tôi lấy chìa khóa ra mở cửa và thấy con bé gù ngồi cạnh bàn đương lấy bút lông tô đỏ lên môi, trong khi lũ em trai em gái mà nó được giao nhiệm vụ trông coi chạy rông khắp phòng và xó xỉnh nào cũng đái bậy ỉa bậy. Hay như tối hôm qua, tôi về khuya - đấy là lí do vì sao, cùng với tình trạng sức khỏe của tôi, căn phòng mới bừa bộn thế này, ông anh thứ lỗi cho nhé - vậy là tôi về khuya và tôi leo lên giường thì bỗng cảm thấy như chân mình bị véo; tôi nhòm xuống gầm giường và lại lôi ra được một trong số những con bé ma mãnh kia. Tại sao chúng lại đến quấy nhiễu tôi tại nhà tôi, tôi chẳng biết nữa; ông anh đã có thể nhận thấy là tôi có tìm cách kéo chúng đến đâu. Tất nhiên chúng phá rối cả công việc của tôi. Nếu người ta không để cho tôi sử dụng cái xưởng vẽ này không mất tiền thì tôi đã dọn đi từ lâu rồi.

Đúng lúc ấy, sau cánh cửa, một giọng nói rin rít khẽ thốt lên rụt rè:

- Chú Titoreli ơi, chúng cháu vào được không?

- Không được, - họa sĩ đáp.

- Thế một mình cháu cũng không được à? - tiếng con bé lại hỏi.

- Cũng không được, - họa sĩ nói.

Rồi chàng ra khóa trái cửa lại.

Trong khi đó, K. quan sát gian phòng; anh chưa bao giờ tự mình quan niệm nổi một cái buồng con tồi tàn như thế mà người ta có thể gọi được là xưởng vẽ. Ngang dọc mỗi chiều không nổi lấy được trên hai bước chân. Tường, sàn và trần, tất cả đều bằng gỗ. Các tấm ván ghép với nhau không khít. Giường kê áp vào tường, ngay trước mặt K., trên giường bừa bộn những chăn, gối, đệm nhiều màu sặc sỡ. Giữa phòng là một bức tranh đương vẽ trên giá, bên ngoài phủ một chiếc áo

sơ mi, hai cánh tay áo lủng lẳng sát đất. Cửa sổ ở phía sau lưng K., nhưng vì sương mù nên không nhìn được xa hơn mái nhà hàng xóm phủ đầy tuyết.

Tiếng chìa khóa lạch xạch trong ổ nhắc K. nhớ đến ý định không ngồi lâu. Anh liền rút trong túi ra mảnh giấy của nhà kĩ nghệ, đưa cho họa sĩ và nói:

- Tôi biết được địa chỉ của anh qua một ông quen anh đây và tôi đến tìm anh theo lời khuyên của ông ấy.

Họa sĩ đưa mắt liếc qua lá thư rồi ném xuống giường. Nếu nhà kĩ nghệ đã không khẳng định dứt khoát là quen biết Titoreli và bảo rằng chàng là một kẻ nghèo khổ phải sống bằng của bố thí thì người ta có thể tin tưởng thực sự rằng Titoreli không quen biết hay ít nhất cũng không nhớ ông ta là ai. Đã thế, chàng lại hỏi:

- Ông anh muốn mua tranh hay muốn được vẽ chân dung?

K. ngạc nhiên nhìn nhà nghệ sĩ. Vậy trong thư viết cái gì? Anh cứ tưởng kĩ nghệ gia nói rõ là anh đến chỉ vì chuyện vụ án. Đúng là anh đã quá vội vã ba chân bốn cẳng đến đây; anh đã chẳng suy nghĩ gì cả. Nhưng anh cần phải trả lời họa sĩ, vì thế đưa mắt nhìn lên giá vẽ, anh hỏi:

- Anh đương vẽ một bức tranh?

- Phải. - họa sĩ vừa nói vừa quẳng chiếc sơ mi trên giá vẽ lên giường theo với lá thư. - Một bức chân dung đấy. Vẽ đẹp, nhưng chưa xong.

Sự tình cờ thuận lợi cho K.; anh không thể có cơ hội nào may mắn hơn để nói về chuyện tòa án, vì bức chân dung là chân dung của một vị quan tòa. Vả chăng nó lại giống một cách lạ lùng với bức tranh K. đã thấy trong phòng làm việc của luật sư Hun. Chắc chắn đây là một ông quan tòa khác (đó là một người cao lớn với bộ râu đen to rậm lan kín cả hai má), cũng chắc chắn bức tranh của ông luật sư là một bức tranh sơn dầu. còn bức tranh này chỉ được điểm xuyết bằng những màu paxten nhạt. Còn ngoài ra thì rất giống nhau: ở đây cũng

thế, quan tòa như đương sắp bật dậy với vẻ dọa nạt, bàn tay đã nắm lấy tay ngai để nhổm người lên. K. suýt bật ra: "Mà đây là một quan tòa!" nhưng anh cố nén thêm một lúc và lại gần bức tranh như để xem cho kĩ. Ở lưng ngai, vượt lên ngay chính giữa là một nhân vật biểu tượng lớn mà anh không thể lí giải được ý nghĩa là gì; anh hỏi họa sĩ. Titoreli trả lời anh rằng chi tiết ấy chưa vẽ xong, chàng đến lấy mẩu paxten trên một chiếc bàn con và tô nhè nhẹ lên hình vẽ, xong vẫn chẳng làm cho K. thấy được rõ ý hơn.

- Đấy là thần Công lí, - cuối cùng chàng nói.

- A! quả vậy, tôi đã bắt đầu nhận ra rồi, - K. đáp. - Đây là dải băng bịt mắt, và đây là cái cân nữa này. Nhưng trông như thần có cánh dưới gót chân hay như thần đương chạy thế ư?

- Phải, - họa sĩ nói. - Người ta đặt tôi phải vẽ như vậy; vì phải thể hiện đồng thời vừa là thần Công lí vừa là thần Chiến thắng.

- Một sự kết hợp thật là khó khăn, - K. mỉm cười nói. - Thần Công lí chẳng được động đậy, nếu không cái cân dao động và cân không chính xác nữa.

- Tôi đã làm đúng như ý muốn khách hàng của tôi, - họa sĩ nói.

- Cố nhiên! - K. bảo, - vì anh không muốn làm phật lòng ai. Anh đã vẽ biểu tượng đúng như nó được thể hiện trên cái ngai thật.

- Không, - họa sĩ nói, - tôi chưa bao giờ nhìn thấy biểu tượng cũng như cái ngai, tôi vẽ theo trí nhớ, nhưng là như người ta đã quy định cho tôi phải vẽ thế.

- Sao cơ? - K. hỏi, cố ý vờ làm như không hiểu. - Thế ra đúng là một ông quan tòa thì ngồi trên chiếc ghế bành kia à?

- Phải, - họa sĩ nói, - nhưng nhỏ thôi; ông ta không bao giờ ngồi trên một cái ngai như thế.

- Và ông ta cũng bảo vẽ với thái độ hết sức trịnh trọng thế kia ư? Ông ta ngồi cứ như là chủ tọa phiên tòa ấy!

- Phải, các vị đó hợm hĩnh lắm, - họa sĩ đáp. - Nhưng cấp

trên cho phép họ được thể hiện như vậy. Người ta quy định chính xác cho họ ai nấy có quyền được vẽ ra sao. Rất tiếc bức tranh này không cho ta thấy được chi tiết áo quần và những hoa văn của chiếc ngai, vẽ bằng paxten nên không thể tỉ mỉ được.

- Quả vậy, - K. nói, - tôi lấy làm lạ tại sao anh lại dùng paxten.

- Ấy là ông quan tòa muốn thế, - họa sĩ nói. - Bức tranh này là để tặng cho một bà.

Hình như nhìn thấy bức tranh khiến chàng hăng hái muốn bắt tay vào việc. Chàng xắn tay áo sơ mi lên, cầm lấy vài cây bút chì, và K. nhìn thấy chung quanh đầu quan tòa hình thành dưới ngọn paxten run run một vầng hào quang đo đỏ tắt dần khi ra tới mép tranh. Cứ đánh bóng như vậy từng chút từng chút, cuối cùng quanh đầu trông như đội vương miện hay một đồ trang sức cao quý. Ngược lại, nhìn chung, tất cả vẫn để màu sáng chung quanh hình biểu tượng; do đó hình nổi bật hẳn lên, nhưng không còn giống với thần Công lí cũng như thần Chiến thắng lắm nữa, mà lại hoàn toàn có vẻ giống nữ thần Săn bắn. K. không ngờ thích thú với công việc của họa sĩ đến thế; song cuối cùng anh cũng tự trách mình đã ngồi lại đấy quá lâu mà vẫn chưa đề cập gì đến công việc của anh.

- Ông quan tòa ấy tên là gì thế? - anh hỏi đột ngột.

- Tôi không có quyền nói tên ông ra, - họa sĩ trả lời.

Mải miết cúi xuống vẽ tranh, rõ ràng chàng lơ là ông khách mà lúc đầu dẫu sao chàng cũng tiếp đón với bao trân trọng. K. cho đó là tính khí thất thường và bực mình vì mất thời giờ.

- Chắc anh là chỗ tin cẩn của tòa? - anh hỏi.

Titoreli liền dẹp ngay những cây bút chì sang một bên, đứng dậy, xoa tay và mỉm cười nhìn K.

- Bao giờ cũng phải bắt đầu bằng sự thật, - chàng nói. - Ông anh đến đây để tôi nói cho ông anh nghe về tòa án, như người ta viết cho tôi trong mấy dòng kia, thế mà ông anh lại bắt đầu bằng cách nói về tranh của tôi để lấy lòng tôi. Tôi

không nhận ông anh đâu, ông anh làm sao có thể biết được rằng điều đó là không chấp nhận được ở nhà tôi. Đừng, tôi van ông anh! - chàng nói thêm để dứt khoát gạt vấn đề ấy đi khi thấy K. định bác bỏ.

Chàng tiếp tục:

- Vả chăng, ông anh suy nghĩ hoàn toàn chính xác, tôi là chỗ tin cẩn của tòa.

Chàng ngừng lại một chút như để cho người đương đối thoại có thì giờ làm quen với điều đó. Lại nghe có tiếng lũ nhóc con ở ngoài cửa. Chắc là chúng chen lấn nhau để nhòm qua lỗ khóa; cũng có thể chúng nhìn vào trong phòng qua các khe cửa. K. không xin lỗi để khỏi làm trệch hướng đề tài thật sự của câu chuyện; nhưng anh cũng không muốn cho phép chàng ta được thổi phồng lên và trở nên cao vời vợi, vì vậy anh hỏi đơn giản:

- Đấy là một chức vụ được chính thức công nhận ư?

- Không, - họa sĩ nói cộc lốc như thể nhận xét ấy ngăn chàng không nói tiếp được nữa. Nhưng K. không chịu để cho chàng im lặng, anh phát biểu:

- Những chức vụ không chính thức ấy thường lại có thế lực hơn các địa vị chính thức nhiều lắm.

- Trường hợp của tôi là thế đấy, - họa sĩ vừa nói vừa lắc đầu và chau mày. - Hôm qua nhân nói chuyện về việc của ông với kĩ nghệ gia ấy đấy, ông ta hỏi tôi có thể giúp gì được ông anh không, tôi đã trả lời: "Anh ấy chỉ việc qua nhà tôi", và tôi rất mừng thấy anh đến mau chóng thế. Ông anh có vẻ để tâm để trí vào công việc này, điều đó cố nhiên chẳng làm tôi sửng sốt. Nhưng có lẽ trước hết ông anh cởi áo khoác ra đã chứ?

Mặc dầu K. không có ý định ngồi lâu, nhưng lời mời đó của họa sĩ làm cho anh vô cùng thích thú. Không khí trong phòng đã trở nên nặng nề đối với anh; anh đã mấy lần nhìn lò sưởi nhỏ bằng gang ở góc buồng một cách ngạc nhiên: lò sưởi không đốt lửa; chẳng hiểu tại sao không khí lại ngột ngạt.

Trong khi anh đặt cái áo khoác lông xuống, và cởi khuy áo vét, họa sĩ nói để biện bạch:

- Tôi cần nóng ấm, ở đây rất dễ chịu phải không? Về mặt này, phòng của tôi ở vào một vị trí rất tốt.

K. không trả lời gì; thực ra không phải cái nóng làm cho anh khó chịu, mà đúng hơn, bầu không khí nặng nề khiến anh hầu như không thở được; chắc hẳn căn buồng từ lâu chưa được thông khí. Cảm giác khó chịu ấy càng tăng lên khi họa sĩ đề nghị anh ngồi lên giường, còn chàng thì ngồi trước giá vẽ, trên chiếc ghế tựa duy nhất có trong phòng. Titoreli còn tỏ vẻ không hiểu tại sao lại ngồi ở mép giường; chàng bảo anh cứ tự nhiên, ngồi cho thoải mái, và thấy anh ngần ngại, liền đích thân đến giúi anh vào giữa đống chăn gối. Rồi chàng lại quay về chỗ của mình và lần đầu tiên hỏi K. một câu thiết thực khiến anh quên hết mọi chuyện khác:

- Ông anh không có tội tình gì ư? - chàng hỏi.

- Vâng, - K. nói.

Anh rất sung sướng được trả lời câu hỏi ấy, nhất là vì đây không phải câu trả lời chính thức cho tòa nên anh không lo trách nhiệm gì hết. Chưa có ai hỏi anh thẳng thắn như thế bao giờ. Để tận hưởng niềm vui ấy, anh nhắc lại lần nữa:

- Tôi hoàn toàn chẳng có tội tình gì.

- Chà! chà! - họa sĩ thốt lên, nghiêng đầu ra vẻ nghĩ ngợi.

Rồi chàng đột nhiên ngẩng lên và nói:

- Nếu ông anh không có chuyện gì thì vấn đề đơn giản lắm.

K. xịu mặt xuống. Anh chàng này tự nhận là chỗ tin cẩn của tòa mà ăn nói như trẻ con.

- Sự vô tội của tôi chẳng làm cho vấn đề đơn giản đi chút nào, - anh đáp. Anh không nén nổi mỉm cười, và chậm chạp lắc đầu.- Tổ chức tư pháp chìm ngập trong vô vàn những cái tinh vi! Rồi cuối cùng nó sẽ khám phá ra một tội trạng ở chỗ xưa nay chưa từng bao giờ có cả.

- Đã đành, đã đành, - họa sĩ nói, làm như K. đã phá rối các

ý nghĩ của chàng một cách vô ích. - Nhưng ông anh không có tội tình gì thật chứ?

- Vâng, - K. nói.

- Đấy là điều cơ bản, - họa sĩ đáp.

Những ý kiến bác bẻ chẳng ảnh hưởng gì đến chàng, nhưng mặc dầu chàng nói bằng một giọng cả quyết, người ta cũng không thể hiểu được chàng có tin vào những điều mình nói không hay chỉ nói để mà nói.

K. muốn làm sáng tỏ trước hết điểm này, liền bảo:

- Nhất định anh biết rõ tổ chức tư pháp hơn tôi rất nhiều; tôi thì chỉ biết sơ sơ những gì người ta muốn cho tôi biết. Song tôi thấy tất cả mọi người đều nhất trí khẳng định rằng không có một sự truy tố nào lại được tung ra một cách khinh suất, và khi đã có truy tố rồi, tòa tin chắc như đinh đóng cột là bị cáo có tội; hình như khó khăn lắm mới lay chuyển được sự tin chắc ấy của tòa.

- Khó khăn lắm ư? - họa sĩ vung tay lên hỏi. - Ông anh phải nói là tòa chẳng bao giờ để mất đi niềm tin chắc ấy! Nếu tôi vẽ tất cả các quan tòa xếp hàng ra đây và ông anh đứng bào chữa cho mình trước bức tranh này, chắc chắn ông anh sẽ thành công hơn là trước tòa án thật sự.

- Vâng, - K. nói cho bản thân mình, anh quên rằng mục đích duy nhất của anh chỉ là thăm dò họa sĩ.

Bên ngoài cửa, một cô bé lại bắt đầu hỏi:

- Chú Titoreli ơi! Bác ấy sắp về chưa?

- Im đi, - họa sĩ quay ra cửa hét lên; - thế chúng mày không thấy tao đương nói chuyện với ông khách đây à?

Nhưng con bé chưa thỏa mãn, nó lại hỏi:

- Chú sắp vẽ chân dung bác ấy à?

Không thấy họa sĩ trả lời, nó nói thêm.

- Đừng vẽ chú ạ! Bác ấy xấu xí lắm!

Tiếp đó ngoài cầu thang có tiếng reo tán thưởng láo nháo chẳng rõ lời. Họa sĩ nhảy phốc ra, hé mở cửa - ta thấy các cô bé giơ tay ra van nài - và bảo:

- Nếu chúng mày không giữ yên lặng, tao sẽ quẳng tuốt xuống dưới chân thang. Ngồi cả xuống trên các bậc kia và không được động đậy nữa.

Chắc bọn chúng chẳng nghe theo ngay vì chàng còn phải ra lệnh thêm:

- Nào, ngồi cả xuống và mau lên chứ!

- Chỉ đến lúc ấy mới có yên lặng.

- Tôi xin ông anh đại xá cho. - họa sĩ nói và quay trở lại chỗ K.

K. nãy giờ hầu như chẳng buồn quay nhìn ra cửa: anh để mặc nghệ sĩ muốn bênh vực anh hay không tùy ý và muốn lựa chọn cách nào cũng được. Anh vẫn ngồi thừ người khi Titoreli cúi xuống thì thầm vào tai anh để bên ngoài khỏi nghe được:

- Những con bé ấy cũng là của tổ chức tư pháp đấy.

- Thế nào? - K. hỏi và quay đầu nhìn họa sĩ một cách kinh ngạc.

Nhưng Titoreli lại ngồi xuống ghế, và nói bông đùa, như đã giải thích:

- Chẳng có cái gì là không thuộc về tổ chức tư pháp!

- Tin mới lạ, - K. nói gọn lỏn.

Tầm bao quát chung trong suy nghĩ của họa sĩ làm cho nhận xét của chàng về bọn con gái chẳng có gì đáng lo ngại. Song K. vẫn ngồi thừ một lúc nhìn cái cánh cửa mà phía bên ngoài bọn con bé đương lặng lẽ ngồi yên. Chỉ có một đứa trong bọn lấy sợi rơm luồn qua khe cửa rồi từ từ đưa lên hạ xuống.

- Ông anh xem chừng chưa hiểu rõ tổ chức tư pháp lắm, - họa sĩ nói (chàng giạng rộng hai chân ra và dùng đầu ngón chân gõ gõ liên hồi xuống sàn). - Vả lại ông anh cũng chẳng cần hiểu rõ, bởi vì ông anh chẳng có tội tình gì; một mình ông anh rồi cũng sẽ xoay xở xong xuôi.

- Thế anh định tiến hành ra sao? - K. hỏi. - Anh chẳng vừa bảo tôi là tổ chức tư pháp không chấp nhận bất cứ loại bằng chứng nào đấy ư?

- Nó không chấp nhận bằng chứng trước tòa, - họa sĩ vừa

nói vừa giơ ngón tay trỏ lên như để làm cho K. chú ý đến một sự khác biệt tinh vi, - nhưng các bằng chứng được luồn vào một cách không chính thức trong phòng thảo luận, trong các hành lang hay trong xưởng vẽ này thì lại khác.

Điều họa sĩ vừa giải thích, K. thấy có lí hơn; nó rất giống với ý kiến của nhiều người khác. Nó cũng làm cho anh rất yên tâm. Nếu đúng như luật sư Hun nói với anh, thông qua bạn bè tác động đến quan tòa không khó khăn gì, thì những mối quan hệ của họa sĩ với các quan tòa có thể là rất quan trọng, chẳng nên coi thường! Titoreli có thể giữ vị trí đáng kể trong số những kẻ phù tá mà K. tập hợp dần dần chung quanh anh.

- Ở ngân hàng, mọi người chẳng ca ngợi tài năng tổ chức của ông đại diện đó sao? Đây là lúc thử tài. - Họa sĩ quan sát tác động lời giải thích của chàng đến K.; rồi chàng nói với anh bằng một giọng hơi băn khoăn:

- Chắc ông anh ngạc nhiên thấy tôi ăn nói hệt như một nhà luật học! Đó là kết quả tôi tiếp xúc thường xuyên với các vị ở tổ chức tư pháp đấy. Tất nhiên tôi cũng có được nhiều cái lợi, nhưng nhiệt tình nghệ thuật của tôi lại bị ảnh hưởng ghê gớm.

- Anh quen biết các quan tòa bằng cách nào? - K. hỏi, muốn tranh thủ sự tin cậy của Titoreli trước khi dứt khoát nhờ chàng giúp đỡ.

-Bằng cách đơn giản nhất đời, - họa sĩ đáp. - Tôi thừa hưởng các mối quen biết ấy. Cha tôi trước kia đã là họa sĩ của tòa. Đó là một địa vị vốn cha truyền con nối. Trong nghề này người ta không thích tuyển những kẻ mới đến. Tùy theo cấp bậc các viên chức, quả thật là phải chạm trán với những quy định hết sức khác nhau, nhiều vô kể và nhất là hết sức bí mật đến nỗi ngoài một số gia đình ra chẳng ai biết cả. Bảng ghi điều quy định cất trong ngăn kéo kia kìa, trước do cha tôi giữ, và bây giờ tôi cũng không để cho ai xem. Vả chăng, phải nắm thật chắc bản quy định ấy mới được phép vẽ chân dung các quan tòa. Nếu có đánh mất đi, tôi cũng đã thuộc lòng rất nhiều

điểm nên chẳng ai có thể tranh giành địa vị ấy với tôi. Quan tòa nào cũng muốn được vẽ giống như các vị đại pháp quan thời xưa, ông anh còn lạ gì, và chỉ có tôi mới vẽ được như thế.

- Sướng quá nhỉ, - K. nói, và nghĩ tới hoàn cảnh của mình ở ngân hàng. - Như vậy thì địa vị của anh vững như bàn thạch.

- Vâng, vững như bàn thạch, - họa sĩ vừa nói vừa rướn người lên một cách kiêu hãnh. - Do đó thỉnh thoảng tôi cũng có thể cho phép mình giúp đỡ một gã bị cáo khốn khổ.

- Thế anh tiến hành ra sao? - K. hỏi, làm như không phải họa sĩ muốn bảo anh là gã khốn khổ.

Nhưng Titoreli không để cho câu chuyện đi lan man, chàng nói:

- Trong trường hợp của ông anh, vì ông anh hoàn toàn chẳng có tội tình gì, nên tôi định sẽ tiến hành như thế này...

K. đã bắt đầu thấy ngán vì cứ phải nghe đi nghe lại mãi là chẳng có tội tình gì. Đôi lúc anh có cảm tưởng họa sĩ chỉ nhận giúp đỡ với điều kiện anh được tha nhưng như thế còn cần gì giúp đỡ nữa. Nhưng anh cố nén và không ngắt lời chàng ta. Anh không muốn khước từ sự giúp đỡ ấy, anh đã nhất quyết như vậy rồi; vả lại sự giúp đỡ này đâu có mong manh hơn sự giúp đỡ của luật sư. Anh còn thích sự giúp đỡ này hơn sự giúp đỡ của luật sư nữa là khác vì nó vô tư hơn và thật thà hơn.

Họa sĩ dịch ghế lại gần giường và tiếp tục bằng giọng thì thầm:

- Tôi quên chưa hỏi ông anh thích được tha theo phương thức nào. Có ba khả năng: tha bổng, tha tạm, và hoãn vô thời hạn. Tha bổng cố nhiên là tốt nhất, nhưng tôi không có một chút ảnh hưởng nào đối với giải pháp này. Theo tôi biết, chẳng ai có thể quyết định tha bổng. Chỉ có sự vô tội mới khiến cho bị cáo được tha bổng mà thôi. Bởi vì ông anh chẳng có tội tình gì nên thực tế là ông anh rất có thể trông cậy vào riêng sự vô tội ấy. Nhưng trong trường hợp này, ông anh không cần đến sự giúp đỡ của tôi, mà cũng chẳng cần đến sự giúp đỡ của ai.

Mới đầu, K. rất sửng sốt về lời lẽ trình bày có phương pháp ấy, nhưng rồi trấn tĩnh lại, anh trả lời cũng thì thầm như họa sĩ:

- Hình như anh nói mâu thuẫn với anh.

- Về điểm nào? - họa sĩ sốt ruột nói.

Và chàng ngửa đầu ra, mỉm cười. Nụ cười ấy gợi cho K. thấy là cần phát hiện những mâu thuẫn ngay trong cách thức tiến hành của tổ chức tư pháp, chứ không phải trong các lời lẽ của họa sĩ. Song, anh không lùi bước và nói:

- Lúc nãy anh bảo tôi là tổ chức tư pháp không chấp nhận các bằng chứng, rồi anh giới hạn bằng cách bảo rằng đấy chỉ là nói về tổ chức tư pháp chính thức, và bây giờ thậm chí anh lại bảo người vô tội có thể không cần đến sự giúp đỡ. Đó là mâu thuẫn thứ nhất. Hơn nữa, lúc nãy anh cho tôi biết có thể đích thân lung lạc các quan tòa, thế mà bây giờ anh lại bảo muốn được tha bổng, theo chữ dùng của anh, thì chẳng bao giờ đạt được bằng con đường quen biết cá nhân; đó là mâu thuẫn thứ hai của anh.

- Những mâu thuẫn ấy rất dễ lí giải, - họa sĩ đáp. - Vấn đề là ở đây có hai điều khác biệt nhau, một đằng căn cứ theo luật pháp, và một đằng do cá nhân tôi lúc nhận thức được; ông anh chớ nên lẫn lộn. Trong luật - mặc dầu tôi chưa đọc - tất nhiên có ghi là người vô tội được tha, nhưng luật không cho biết là có thể lung lạc các quan tòa. Nhưng theo tôi biết thì hoàn toàn trái lại; tôi chưa bao giờ nghe nói có trường hợp nào tha bổng mà trái lại tôi đã thấy diễn ra rất nhiều ca lung lạc quan tòa. Hiển nhiên rất có thể tất cả các trường hợp tôi biết đều chẳng có ai là vô tội, nhưng như thế xem ra chẳng vô lí hay sao? Trong bao nhiêu trường hợp như thế lại chẳng có lấy một người nào vô tội ư? Từ hồi còn bé tí tôi đã nghe cha tôi kể chuyện các vụ án ở ngoài; các quan tòa đến xưởng vẽ cũng mang theo những giai thoại của tòa án; mà đến nhà tôi, họ chẳng nói gì khác ngoài những chuyện ấy. Khi lớn lên có khả năng tự mình đến tòa án được là tôi tranh thủ đến tòa luôn;

tôi đã dự tất cả các phiên tòa lớn; tôi đã ra sức theo dõi cơ man nào là các vụ án, và tôi phải thú thực chưa bao giờ thấy có trường hợp nào tha bổng cả.

- Ra thế, không có ai được tha bổng cả! - K. nói, như để trả lời cho những niềm hi vọng của anh. - Điều này xác nhận thêm ý kiến của tôi trước đây đối với tổ chức tư pháp. Về mặt ấy cũng chẳng có một cơ may nào. Chỉ một tên đao phủ có thể thay thế cho cả tòa án.

- Đừng nên khái quát, - họa sĩ bực dọc nói; - đấy là tôi chỉ nói với ông anh về kinh nghiệm cá nhân của tôi mà thôi.

- Như thế không đủ hay sao? - K. nói. - Thế anh có nghe nói đến những trường hợp tuyên bố tha xưa kia không?

- Người ta bảo là có, - họa sĩ nói. - Nhưng khó biết lắm: các bản tuyên án của tòa không bao giờ được công bố; bản thân các quan tòa cũng không có quyền xem, vì vậy người ta chỉ giữ lại được những truyền thuyết về tổ chức tư pháp của quá khứ. Các truyền thuyết ấy quả có nói đến những trường hợp tha bổng, thậm chí phần lớn đều tha bổng, chẳng có gì khiến ta đừng tin, nhưng cũng không có gì chứng tỏ là chính xác. Tuy nhiên ta không nên hoàn toàn bỏ qua những truyền thuyết ấy; chắc chắn nó chứa đựng một phần sự thật; vả chăng nó rất hay, chính bản thân tôi đã sử dụng rất nhiều làm đề tài vẽ tranh đấy.

- Chỉ là những truyền thuyết thì không làm thay đổi ý kiến của tôi được, - K. nói. - Chẳng ai có thể viện dẫn truyền thuyết ở trước tòa, có phải thế không?

Họa sĩ nói:

- Không, không thể được.

- Vậy nói đến làm gì vô ích, - K. bảo.

Anh tạm thời chấp nhận tất cả các ý kiến của họa sĩ, ngay cả khi anh thấy có vẻ không đúng hoặc mâu thuẫn lẫn nhau; lúc này anh không có thì giờ thẩm tra hoặc bác bỏ những điều người ta nói với anh; cốt sao thuyết phục được họa sĩ giúp đỡ

anh, bằng cách nào cũng được, dù chỉ nói giúp đôi ba câu với kết quả mong manh, anh xem thế cũng là đạt. Vì vậy anh nói:

- Ta hãy gạt chuyện tha bổng sang một bên; vừa nãy anh có kể ra hai giải pháp khác.

- Đúng: tha tạm và hoãn không thời hạn. Chỉ có hai trường hợp ấy là có thể xét đến được, - họa sĩ nói. - Nhưng trước khi đề cập tới điều đó, ông anh cởi áo vét ra đã chứ?

- Đúng thế, - K. nói và cảm thấy mồ hôi chảy ròng ròng khi nghe nhắc đến cái nóng. Hầu như không thể nào chịu nổi.

Họa sĩ gật đầu, tỏ vẻ rất thông cảm với nỗi khó chịu của K.

- Mở cửa sổ ra có được không, - K. hỏi.

- Không, - họa sĩ nói; - đó chỉ là một tấm kính lắp vào khuôn cửa, không mở ra được.

Lúc bấy giờ K. mới để ý là ngay từ đầu, anh cứ ao ước mãi họa sĩ đứng lên mở tung cửa sổ hoặc tự anh ra mở lấy. Anh sẵn sàng hít thở căng đầy hai lá phổi cái thứ sương mù tồi tệ nhất. Cảm giác bị cách li hoàn toàn với không khí ở nơi này làm anh chóng mặt.

Anh dùng bàn tay vỗ nhẹ vào cái đệm ở bên cạnh:

- Khó chịu và độc hại thật đấy! - anh nói thều thào.

- Ồ! không, - họa sĩ nói để bênh vực cho cái cửa sổ của chàng; - tuy chỉ là một tấm kính đơn giản, nhưng vì không bao giờ mở ra được nên giữ nhiệt còn tốt hơn cửa sổ hai lớp nhiều. Nếu tôi muốn cho thoáng khí, điều đó chẳng cần thiết lắm vì không khí luồn vào qua tất cả các khe hở, tôi chỉ việc mở một trong hai cửa ra vào, hoặc mở luôn cả hai.

K. nghe lời giải thích ấy cũng có phần khuây khỏa, anh đưa mắt nhìn quanh để tìm xem cái cửa thứ hai đâu. Họa sĩ nhận thấy thế liền bảo:

- Nó ở sau lưng ông anh đấy, tôi buộc phải kê giường chắn ngang.

Mãi tới lúc đó K. mới nhìn thấy cái cửa nhỏ.

- Vâng, ở đây cái gì cũng đều quá nhỏ bé, - họa sĩ nói, như

để chặn trước một lời phê bình của K. - Tôi buộc phải tự mình xoay xở sao cho thuận lợi nhất. Giường kê trước cửa ra vào rõ ràng là không đúng chỗ. Vị quan tòa tôi đương vẽ chân dung đây, lần nào đến cũng vấp phải giường. Tôi đã đưa cho ông ta một chiếc chìa khóa của cái cửa ấy để ông ta có thể đợi tôi ở đây khi tôi không có nhà; nhưng ông ta thường đến lúc sáng tinh mơ khi tôi còn đương ngủ, tất nhiên lần nào ông ta cũng khua tôi thức dậy khi mở cái cửa ở đầu giường tôi. Nếu ông anh nghe được những lời tôi chửi rủa khi ông ta bước qua trên giường tôi vào buổi sáng, ông anh sẽ chẳng còn kính trọng gì các quan tòa nữa. Tôi rất có thể đòi lại ông ta chìa khóa, nhưng như thế tình trạng sẽ càng tệ hơn. Chỉ cần lấy tay huých một cái là cửa giả ở đây đều bật ra khỏi bản lề hết.

Từ lúc họa sĩ bắt đầu thuyết những lời ấy, K. băn khoăn chẳng biết có nên cởi áo vét ra không; cuối cùng anh nhận thấy nếu không cởi ra ngay, sẽ không thể nào chịu đựng lâu hơn được nữa; anh liền cởi ra nhưng đặt trên đầu gối để khi nói chuyện xong, có thể mặc vào ngay tức khắc. Anh vừa cởi ra, một con bé đã kêu lên:

- Bác ấy cởi áo vét ra rồi!

Và người ta nghe thấy tất cả bọn chúng chen chúc nhau áp sát các khe hở để được tận mắt ngắm nhìn quang cảnh.

- Bọn nhóc tưởng tôi sắp vẽ chân dung ông anh, - họa sĩ giải thích, - và vì thế nên ông anh mới cởi áo ra.

- À! ra thế! - K. nói chẳng lấy gì làm hóm hỉnh lắm, vì tuy ăn mặc đơn giản hơn, anh cũng chẳng thấy dễ chịu hơn bao nhiêu.

Anh càu nhàu hỏi:

- Thế anh gọi hai giải pháp khác kia là gì?

Anh đã quên mất những thuật ngữ của họa sĩ.

- Tha tạm và hoãn vô thời hạn, - Titoreli đáp. - Tùy ông anh chọn. Tôi có thể giúp ông anh theo hai cách ấy, nhưng tất nhiên chẳng phải là không vất vả: hai cách chỉ khác

nhau ở chỗ muốn được tha tạm phải có sự nỗ lực vượt bậc trong chốc lát, còn muốn được hoãn vô thời hạn. thì đòi hỏi một sự nỗ lực không cao nhưng kéo dài. Trước hết, chúng ta hãy nói đến trường hợp tha tạm đã nhé. Nếu ông anh ưng cách ấy, tôi sẽ lấy giấy bút viết cho ông anh một chứng chỉ vô tội. Mẫu giấy chứng chỉ này, tôi đã được cha tôi truyền lại cho, hoàn toàn không ai bắt bẻ được. Viết xong chứng chỉ rồi, tôi sẽ đi một tua các vị quan tòa quen biết. Chẳng hạn tôi sẽ bắt đầu bằng việc trình giấy chiều nay cho vị quan tòa tôi đương vẽ chân dung lúc ông ta đến nhà tôi để ngồi mẫu. Tôi đưa chứng chỉ cho ông ta xem, tôi giải thích cho ông ta rõ là ông anh chẳng có tội tình gì và tự tôi đứng ra bảo lãnh cho sự vô tội ấy. Không phải chỉ là sự cam đoan giản đơn có tính chất hình thức đâu, mà là bảo lãnh thực sự, tôi đứng ra chịu trách nhiệm.

Họa sĩ nhìn K., biểu lộ vẻ trách móc vì anh mà chàng phải chuốc lấy gánh nặng của một sự bảo đảm như thế.

- Anh tử tế quá, - K. nói, - nhưng quan tòa tin anh mà vẫn không tha bổng cho tôi ư?

- Điều đó tôi đã nói với ông anh rồi. Vả lại cũng không chắc là tất cả đều tin tôi. Nhiều quan tòa có thể đòi tôi trước hết phải đưa ông anh đến trình diện họ đã. Lúc đó ông anh phải đến. Nói đúng ra, trong trường hợp ấy, công việc xem như kết quả một nửa rồi, nhất là nếu tôi lại báo trước cho ông anh biết cách thức phải xử sự với họ ra sao. Đối với những quan tòa họ gạt tôi ngay từ đầu thì khó khăn hơn, và thế nào cũng sẽ gặp trường hợp như vậy. Tuy tôi đã quyết định cố tranh thủ hết mức, chúng ta vẫn cứ phải từ bỏ họ. Vả chăng cũng chẳng có gì nghiêm trọng lắm đâu, vì một vài viên quan tòa quyết định sao nổi trong một vấn đề như thế. Khi đã tập hợp được trên giấy chứng chỉ của tôi một số chữ kí đủ rồi, tôi sẽ đi gặp chính vị quan tòa thẩm xét vụ án của ông anh. Rất có thể ông ấy cũng đã kí trên giấy của tôi rồi, như thế mọi việc sẽ tiến hành càng mau chóng hơn. Nhưng

nói chung, khi đã triển khai đến giai đoạn đó sẽ không gặp mấy trở ngại nữa; đây là thời kì bị cáo được yên trí nhất. Bởi vì lúc ấy bị cáo được yên trí hơn nhiều so với sau khi được tha, điều này nghe có vẻ kì lạ, nhưng đó là một sự thật ai cũng phải công nhận. Khi đã đạt được tới đấy rồi, mọi việc coi như gần xong xuôi. Quan tòa nắm tờ chứng chỉ trong tay, có sự cam đoan của một số vị quan tòa nào khác, nên có thể tha cho ông anh chẳng lo ngại gì, và chắc chắn ông ấy sẽ tha, sau khi giải quyết một số thủ tục, để chiều ý tôi và cũng để làm ơn cho vài bạn bè khác. Còn ông anh thì chào từ biệt tòa và ông anh được tự do.

- Thế là tôi được tự do ư? - K. ngập ngừng hỏi.

- Phải, - họa sĩ nói, - nhưng chỉ là bề ngoài, hay nói đúng hơn, chỉ là tạm thời. Thực vậy, các quan tòa cấp dưới, như các quan tòa chỗ bạn bè của tôi, không có quyền tuyên bố tha hẳn; cái quyền ấy thuộc về tòa án tối cao mà cả ông anh, cả tôi, cả những người khác nữa, không ai với tới được. Những chuyện diễn ra trên đó, chúng ta chẳng biết tí gì, và xin nói thêm, chúng ta chẳng muốn biết. Những viên quan tòa mà chúng ta đương tìm cách lôi cuốn vào cuộc, không có cái quyền to lớn gột rửa tội trạng cho bị cáo mà chỉ có quyền giải thoát bị cáo khỏi tội trạng mà thôi. Nghĩa là nhờ kiểu tha ấy, ông anh có thể tạm thời thoát khỏi tội trạng, nhưng tội trạng vẫn cứ treo lơ lửng trên đầu ông anh với tất cả các hậu quả của nó có thể kéo theo nếu cấp trên can thiệp vào. Nhờ các mối quan hệ của tôi với tổ chức tư pháp, tôi có thể giải thích cho ông anh rõ sự khác nhau giữa hai kiểu tha ấy trong thực tiễn biểu hiện ra như thế nào. Đối với kiểu tha bổng, tất cả các hồ sơ của vụ án đều phải bị thủ tiêu hết, hủy bỏ toàn bộ, không lưu lại tí gì, chẳng những bản cáo trạng, mà cả những giấy tờ dính dáng đến vụ án, kể cả giấy quyết định tha, không sót lại gì hết. Đối với kiểu tha tạm thì khác. Quyết định tha tạm không đem lại bất cứ thay đổi gì cho vụ án, ngoài việc trong tập hồ sơ có thêm giấy chứng nhận vô tội, bản quyết định tha

và những lí do. Còn về tất cả các phương diện khác, trình tự tố tụng vẫn tiếp diễn. Người ta vẫn tiếp tục chuyển nó lên tòa án cấp trên rồi lại trả nó về tòa án cấp dưới, như thủ tục luân chuyển các hồ sơ từ văn phòng này đến văn phòng khác đòi hỏi, cứ thế hết đợt này đến đợt khác, khi lên khi xuống, với độ dao động khi lâu khi mau và những lúc dừng lại hoặc chóng hoặc chầy... Chẳng bao giờ biết được con đường nó sẽ đi ra sao. Cứ đứng ngoài mà nhìn, đôi khi người ta có thể tưởng rằng tất cả đã bị quên bẵng đi từ lâu, giấy tờ mất hết rồi và bị cáo coi như được tha hẳn; song những ai am hiểu thì biết rõ là không phải như thế. Chẳng có giấy tờ nào mất mát, tổ chức tư pháp không bao giờ quên. Một ngày kia, chẳng ai ngờ tới, có viên quan tòa nào đó xem bản cáo trạng, thấy rằng nó chưa mất hiệu lực và lập tức ra lệnh bắt. Từ khi tha đến khi bị bắt lại là cả một thời gian dài, có khả năng như thế lắm và tôi có thể dẫn ra nhiều trường hợp, nhưng cũng rất có thể bị cáo được tha, vừa ra khỏi tòa đã có người chờ sẵn ở hè phố để bắt lại lần nữa. Lúc ấy dĩ nhiên là vĩnh biệt tự do.

- Và vụ án lại bắt đầu nữa ư? - K. hoài nghi hỏi.

- Đã đành, - họa sĩ đáp, - vụ án lại tiếp diễn, nhưng vẫn còn khả năng tạm tha lần nữa; lúc ấy lại phải bắt đầu thu góp mọi sức lực; không bao giờ nên đầu hàng cả.

Có lẽ họa sĩ nói mấy lời cuối cùng ấy vì nhận thấy K. bắt đầu tỏ ra chán nản.

- Nhưng, - K. hỏi như để đón trước một số điều tiết lộ nào đấy họa sĩ có thể hé ra, - lần tha thứ hai chạy chọt có khó khăn như tha lần thứ nhất không?

- Về điểm này không thể nói chắc được, - họa sĩ đáp. - Có lẽ ông anh nghĩ rằng các quan tòa thông cảm với bị cáo bị bắt lần thứ hai ư? Không phải thế đâu. Lúc tha, các quan tòa đã dự kiến trước là có thể bị bắt lại. Vì vậy trường hợp này chẳng có tác động gì đến họ cả. Nhưng tính khí của họ có thể biến đổi, hàng loạt những lí do khác có thể đã làm thay đổi ý kiến của họ về vụ án, nên muốn được tha lần thứ

hai cần phải thích ứng với những hoàn cảnh mới; vì thế nói chung lần sau cũng vất vả như lần đầu.

- Và lần này cũng vẫn không phải là được tha hẳn ư? - K. nói và tự anh cũng đã lắc đầu phủ nhận.

- Đã đành, - họa sĩ nói, - sau lần tha thứ hai đến lần bắt thứ ba, sau lần tha thứ ba đến lần bắt thứ tư, và cứ thế. Đấy là do tính chất của tha tạm.

K. im lặng.

- Hình như ông anh không khoái lắm với kiểu tha tạm? - họa sĩ nói. - Có lẽ ông thích anh hoãn vô thời hạn hơn. Tôi phải giải thích cho ông anh thế nào là hoãn vô thời hạn chứ?

- Vâng, - K. nói.

Họa sĩ ngả người một cách thoải mái trên ghế, ngực áo phanh ra, một bàn tay luồn vào trong áo vuốt vuốt hai bên sườn.

- Hoãn vô thời hạn..., - chàng nói, ngừng lại một lát nhìn phía trước mặt như để tìm một lời giải thích sao cho hoàn toàn thích đáng, - hoãn vô thời hạn duy trì mãi mãi vụ án ở giai đoạn đầu tiên của nó. Muốn được thế thì bị cáo và người giúp đỡ, đặc biệt là người giúp đỡ, nhất thiết phải liên hệ thường xuyên với tổ chức tư pháp. Tôi xin nhắc lại với ông anh, trường hợp này không đòi hỏi phải tốn nhiều sức lực như khi muốn được tạm tha, nhưng có lẽ cần chăm chú nhiều hơn. Phải luôn luôn để tâm trí vào vụ án, phải thường xuyên đều đặn đến thăm vị quan tòa trực tiếp xét xử, không bỏ lỡ tất cả các dịp lễ lạt, và tìm mọi cách duy trì thiện cảm của ông ta: nếu bản thân mình không quen biết thì phải gây áp lực với ông ta thông qua các vị quan tòa mình quen biết, song dẫu sao vẫn cần phải nói trực tiếp. Nếu quan tâm đầy đủ, ta có thể nhẩm bụng một cách khá chắc chắn là vụ án sẽ không vượt ra khỏi giai đoạn đầu tiên. Cố nhiên vụ án vẫn còn đấy, nhưng bị cáo có thể yên trí không bị kết án, cũng gần như anh ta được tự do vậy. Việc kéo dài vô hạn định so với tạm tha có cái lợi là đảm bảo cho bị cáo một tương lai đỡ

bấp bênh hơn; anh ta khỏi phải lo sợ bị bắt đột ngột; anh ta khỏi sợ hãi bất chợt phải lo chạy chọt vất vả để được tạm tha trong những lúc hoàn cảnh không thuận lợi. Cố nhiên, kiểu hoãn vô thời hạn cũng gây cho bị cáo một số phiền phức khá quan trọng chẳng nên coi thường. Tôi không muốn nói đến tình trạng là bị cáo chẳng bao giờ được tự do, nói cho đúng ra, trong trường hợp tạm tha, anh ta cũng có được tự do đâu. Vấn đề là ở chỗ khác. Thực vậy, ít nhất phải có lí do lí trấu nào đấy mới có thể đình chỉ cuộc thẩm xét được chứ. Vì thế, đứng trên lí thuyết, cuộc thẩm xét vẫn cứ tiếp diễn. Thỉnh thoảng vẫn cứ phải tiến hành việc này việc nọ, tổ chức các cuộc hỏi cung, ra lệnh khám xét, v.v... và v.v... Tóm lại vẫn cứ phải để cho vụ án không ngừng loay hoay trong cái vòng tròn nhỏ giới hạn phạm vi hoạt động của nó một cách giả tạo. Cố nhiên bị cáo rất phiền phức về những chuyện đó, song cũng chẳng nên phóng đại thêm ra với ông anh làm gì. Thực ra, tất cả những cái đó chỉ là bề ngoài; chẳng hạn các cuộc hỏi cung rất chóng vánh; nếu không có thời gian hoặc không muốn đến thì đôi khi có thể xin miễn được; thậm chí đối với một vài quan tòa, ta có thể định trước thời gian biểu cho cả một giai đoạn; thực ra vấn đề chỉ là thỉnh thoảng đến trình diện quan tòa để làm nhiệm vụ bị cáo.

Họa sĩ chưa nói xong, K. đã vắt áo vét lên tay và đứng dậy để ra về.

- Bác ấy đứng lên rồi! - ngoài cửa có tiếng thốt lên.

- Ông anh muốn ra về rồi ư? - họa sĩ hỏi và cũng đứng dậy. -Chắc là vì không khí ở đây nên ông anh muốn bỏ đi, tôi rất lấy làm buồn. Tôi còn nhiều điều lẽ ra phải nói với ông anh. Tôi đã phải thu tóm lại quá vắn tắt, nhưng hi vọng cũng đã làm cho ông anh hiểu được.

- Ồ! vâng, - K. nói, anh phải tập trung chú ý mãi nên đâm nhức đầu.

Mặc dù sự khẳng định ấy, họa sĩ vẫn còn nói thêm một lần nữa, bằng cách tóm tắt, như để cho K. được an ủi:

- Hai phương pháp có điểm này chung là đều ngăn không cho kết án bị cáo.

- Nhưng cũng ngăn không cho tha bổng, - K. nói rất khẽ, như xấu hổ đã hiểu ra điều ấy.

- Ông anh đã nắm được tinh thần đấy, - họa sĩ nói vội vã.

K. đã cầm lấy chiếc áo khoác, nhưng vẫn chưa quyết định mặc áo vét tông. Cứ như ý anh, có lẽ anh đã vơ lấy tất cả trong tay và mặc sơ mi trần bước ra ngoài phố; ngay cả bọn nhóc cũng không làm được cho anh đi đến quyết định mặc áo, mặc dù chúng hét bảo nhau - quá sớm - là anh đương mặc áo rồi. Họa sĩ, xét đoán thái độ của K., liền bảo:

- Các đề nghị của tôi, ông anh chưa quyết định theo bề nào. Tôi tán thành ông anh. Chính tôi đã định khuyên can ông anh đừng lựa chọn ngay tức khắc. Hơn thiệt hai đằng suýt soát ngang nhau. Cần phải cân nhắc thật tỉ mỉ. Nhưng mặt khác, cũng không nên để mất quá nhiều thời giờ.

- Tôi sẽ trở lại ngay, - K. nói, anh bỗng có một quyết định đột ngột, mặc áo vét, choàng áo khoác lên vai và lao ra cửa, mà ở phía bên ngoài tụi trẻ con bắt đầu la hét ầm ĩ.

K. tưởng chừng nhìn thấy chúng qua lớp cửa gỗ.

- Ông anh giữ lời hứa nhé, - họa sĩ nói và chẳng đi theo, - nếu không tôi sẽ đích thân đến tận ngân hàng để căn vặn ông anh đấy.

- Mở cửa cho tôi nào, - K. vừa nói vừa kéo quả đấm cửa nhưng kéo không được, chắc là vì bọn con gái giữ bên ngoài.

- Ông anh muốn để cho bọn nhóc quấy rầy suốt dọc cầu thang hay sao? - Titoreli hỏi anh. - Ông anh nên đi lối này thì hơn, - và anh trỏ cái cửa phía sau giường.

Còn gì bằng. K. liền quay về chỗ cái giường. Nhưng đáng lẽ mở cửa, họa sĩ lại chui xuống gầm giường và từ dưới đó hỏi lên:

- Một giây nữa thôi! Ông anh xem một bức tranh mà tôi có thể bán cho ông anh nhé?

K. không muốn bất lịch sự, vì nghệ sĩ đã thực tình quan tâm đến anh, và còn hứa sẽ tiếp tục giúp đỡ anh, tuy rằng do sự lơ đễnh của K., nên hai bên chưa đề cập đến hình thức đền bù công lao nào cả; vì thế K. không thể lảng tránh lời mời mọc; tuy đã sốt ruột điên lên, anh vẫn đề nghị cho xem tranh. Họa sĩ lôi ở gầm giường ra một đống tranh chưa có khung, phủ đầy bụi đến nỗi chàng mới thổi lên bức tranh đầu tiên, K. đã ngập một lúc lâu trong đám mây bụi và thở không được.

- Đây là một cánh đồng hoang, - họa sĩ vừa nói vừa đưa bức tranh cho K.

Tranh vẽ hai cái cây khẳng khiu cách xa nhau trên một nền cỏ sẫm. Phía sau, mặt trời lặn trong ánh tà dương rực rỡ.

- Được! - K. nói, - tôi mua bức này.

Anh nói rất cộc cằn, vì thế hài lòng khi thấy họa sĩ chẳng những không phật ý mà còn đưa cho anh bức tranh thứ hai:

- Đây là bức tranh hợp thành bộ với bức thứ nhất, - chàng nói.

Có lẽ bức này được vẽ ra với ý định hợp thành bộ với bức thứ nhất thật, nhưng hai bức không khác nhau một chút nào cả; vẫn lại những cái cây, bãi cỏ và mặt trời lặn. Nhưng sự giống nhau ấy chẳng quan hệ gì đối với K.

- Những phong cảnh đẹp thật đấy, - anh nói, - tôi xin mua cả hai bức và sẽ treo ở phòng làm việc của tôi.

- Ông anh có vẻ ưa thích đề tài này! - họa sĩ vừa nói vừa lấy bức tranh thứ ba. - Thế thì hay quá, vì tôi còn một bức nữa cùng loại.

Bức tranh không phải là cùng loại mà y hệt như hai bức kia. Titoreli ra sức lợi dụng cơ hội này để bán tống đi các bức tranh cũ.

- Tôi mua cả bức này nữa, - K. nói. - Cả ba bức giá bao nhiêu?

- Chúng ta sẽ nói đến chuyện đó vào dịp khác, - họa sĩ bảo. - Lúc này ông anh đương vội, và dẫu sao chúng ta còn quan hệ với nhau kia mà. Tôi rất vui sướng thấy ông anh

thích các bức tranh ấy, tôi sẽ đưa hầu ông anh tất cả các bức tranh tôi có ở đây. Toàn tranh vẽ những cánh đồng hoang. Nhiều người không ưa các tranh này, vì họ thấy phong cảnh hơi buồn, nhưng lại có những người như ông anh chẳng hạn, ưa thích chính cái vẻ buồn buồn kia.

K. chẳng có bụng dạ nào quan tâm đến những kinh nghiệm nghề nghiệp của gã họa sĩ - ăn xin đó:

- Gói tất cả đống tranh đó lại, - anh nói cắt ngang lời chàng ta đương thao thao, - ngày mai gia nhân của tôi sẽ đến lấy.

- Không cần phải làm thế, - họa sĩ nói. - Để tôi kiếm một phu khuân vác mang theo ông anh ngay bây giờ.

Rồi chàng nhoài người trên giường để mở cửa.

- Ông anh cứ giẫm lên trên đệm, đừng ngại, - chàng bảo, - ai vào đây cũng đều phải thế tất.

Chẳng cần phải có lời động viên ấy, K. cũng vẫn trèo qua giường không nề hà; thậm chí anh còn giẫm chân vào chính giữa đống chăn, nhưng bỗng nhìn ra ngoài cửa, anh giật mình lùi lại:

- Cái gì thế kia? - anh hỏi họa sĩ.

- Ông anh ngạc nhiên về chuyện gì? - họa sĩ cũng ngơ ngác hỏi. - Đó là các văn phòng tư pháp. Ông anh không biết là ở đây cũng có ư? Hầu hết tầng nóc nhà nào cũng có các văn phòng ấy, tại sao ở đây lại không? Chính xưởng vẽ của tôi nằm trong khu vực của tòa, nhưng tòa để cho tôi sử dụng.

K. sợ hãi vì thấy ở nơi đây cũng có lưu trữ các hồ sơ tư pháp, nhưng còn khiếp đảm hơn vì thấy mình chẳng hiểu gì về tòa án cả. Theo anh, quy tắc lớn đối với bị cáo là phải luôn luôn sẵn sàng đối phó mọi chuyện, đừng bao giờ để bị bất ngờ, đừng bao giờ nhìn sang phải khi quan tòa ở bên trái, thế mà anh lại cứ luôn luôn vi phạm chính cái quy tắc lớn này.

Một hành lang dài trải ra trước mắt anh, một luồng không khí lùa vào, so với không khí trong xưởng vẽ thì còn

mát mẻ hơn. Hai bên kê hai dãy ghế dài, như trong nơi chờ đợi ở khu văn phòng tòa xử vụ án của K.. Cách bố trí các văn phòng ấy hình như ở đâu cũng rập khuôn như nhau. Lúc ấy, người tới không đông. Có một người đương ngồi, hay đúng hơn là nửa nằm nửa ngồi trên một chiếc ghế dài, mặt vùi kín trong hai cánh tay và úp sùm sụp xuống ghế; hình như ông ta đương ngủ; một người khác đứng trong chỗ tranh tối tranh sáng ở tận đầu hành lang bên kia. K. lại quyết định trèo lên giường, họa sĩ ôm bó tranh đi theo sau. Chẳng mấy chốc họ gặp một viên mõ tòa - K. đã biết cách nhận ra các mõ tòa ở chiếc khuy vàng trên bộ áo thường - và họa sĩ sai luôn hắn ta mang tranh cho K.; K. không hẳn là đi mà chỉ bước chuệnh choạng, cầm khăn tay ép lên miệng. Hai người đã đến gần lối ra thì thấy bọn con gái từ phía trước chạy xô đến; đã phải đi qua lối tầng nóc mà K. vẫn không thoát khỏi gặp chúng! Chắc bọn chúng nhìn thấy họa sĩ mở cái cửa khác của xưởng vẽ nên đã đi vòng ra phía này.

- Tôi không thể đi cùng với ông anh được nữa, - họa sĩ vừa cười vừa kêu lên khi thấy bọn nhóc xông tới, - xin tạm biệt. Đừng nên mất thời giờ suy nghĩ quá lâu nhé!

K. chẳng mảy may đưa mắt nhìn chàng. Ra đến phố, gặp chiếc xe ngựa đầu tiên, anh gọi ngay. Anh nóng lòng muốn được giải thoát khỏi gã mõ tòa mà chiếc khuy vàng làm cho anh ngứa mắt, tuy rằng có lẽ ngoài anh ra chẳng ai để ý tới. Gã nhân viên phục dịch của tòa còn muốn leo lên ghế ngồi của bác đánh xe, nhưng K. tống khứ hắn đi ngay. Khi xe dừng trước cửa ngân hàng, đồng hồ điểm mười hai giờ trưa đã lâu. K. những muốn vứt bỏ các bức tranh lại đấy, nhưng anh sợ có khi anh phải chứng tỏ cho họa sĩ là mình vẫn giữ tranh. Vì thế anh liền cho đem lên văn phòng và tống vào ngăn kéo bàn thấp nhất để cho ông phó giám đốc khỏi nhìn thấy.

CHƯƠNG VIII
ÔNG BLÔC THƯƠNG GIA - K. TỪ BỎ LUẬT SƯ CỦA ANH

Cuối cùng K. đã quyết định từ bỏ luật sư của anh. Nói thực ra, anh không khỏi băn khoăn xử sự như thế có nên không, nhưng niềm tin chắc cần thiết phải có động tác ấy đã thắng các nỗi do dự. Tuy nhiên, bao nhiêu nỗ lực mới đi tới quyết định khiến cho hôm chuyển qua hành động anh mệt bã cả người đến nỗi anh chỉ có thể làm việc hết sức dề dà ở văn phòng, và khi anh đứng trước cửa nhà luật sư thì đã quá mười giờ. Trước khi bấm chuông, anh vẫn còn băn khoăn có lẽ giải quyết chuyện này bằng thư hoặc bằng điện thoại thì hơn, vì anh nghĩ rằng cuộc gặp mặt chắc chắn sẽ rất nặng nề. Suy đi tính lại, anh thấy dẫu sao giải pháp đích thân gặp gỡ vẫn là tốt nhất: với mọi cách khác, ông luật sư chắc chỉ trả lời bằng sự im lặng hoặc bằng một công thức khuôn sáo và K. sẽ chẳng bao giờ biết được luật sư Hun tiếp nhận cái tin bị anh gạt bỏ ra sao và hệ quả sau đó thế nào theo những điều nhìn xa thấy trước uyên bác thông thái của con người lão luyện ấy, trừ phi Leni phỏng đoán được đôi điều: còn như nếu anh ngồi trực diện với luật sư và bất thần thông báo toạc móng heo ra, anh sẽ dễ dàng tìm hiểu được tất cả những gì anh muốn trên khuôn mặt và trong các phản ứng của lão, cho dù lão vẫn hà tiện lời ăn tiếng nói. Song chẳng phải là lúc này K. không thể thay đổi quyết định được nữa.

Như thường lệ, tiếng chuông đầu tiên chẳng được việc gì.

"Leni nhanh chân lên chút nữa mới phải" - anh nghĩ.

Nhưng cũng đã may mắn lắm rồi là chẳng có ai khác can thiệp vào, vì trong những cơ hội như thế này luôn luôn có một người hàng xóm nào đấy bước ra nói nọ nói kia như cái ông

bận áo dài mặc trong nhà hôm anh đến lần đầu. Vừa bấm nút chuông lần thứ hai, K. vừa quay lại để nhìn cái cửa phía sau, nhưng lần này nó cũng đóng im ỉm. Cuối cùng hai con mắt xuất hiện ở ô cửa nhỏ: đó không phải là đôi mắt của Leni. Có một người nào đấy tay vặn quả đấm nhưng vẫn đè chặt lấy cửa, quay vào trong hét to: "Hắn ta đấy", và chỉ sau đó mới mở hẳn ra.

Trước đó, K. đã đẩy cửa ra rồi, do anh thấy tiếng chìa khóa lạch xạch trong ổ khóa bên hàng xóm; vì vậy, nhanh như chớp, anh thoáng nhìn thấy Leni mặc sơ mi trần đương lủi dọc theo hành lang trước các cửa phòng, bởi chính là người ta vừa hét bảo cô. Anh đưa mắt nhìn theo cô ta một lúc, rồi nhìn người ra mở cửa. Đó là một người đàn ông bé nhỏ gầy gò để chòm râu rậm và tay cầm một cây nến.

- Ông là nhân viên ở đây? - K. hỏi.

- Không, - người đó trả lời, - tôi không phải người ở nhà này; ông luật sư chỉ là đại diện của tôi, tôi đến đây vì công việc kiện tụng.

- Mà không mặc áo vét ư? - K. vừa hỏi vừa giơ tay trỏ cách ăn mặc chưa đủ lệ bộ của ông ta.

- Xin ông bỏ quá cho, - người đó nói và cầm nến soi, hình như chưa biết tình trạng ăn mặc của mình ra sao.

- Leni là nhân tình của ông à? - K. hỏi sẵng.

Anh hơi giạng chân ra và hai bàn tay đan chéo cầm mũ phía sau lưng. Chỉ riêng với chiếc áo măng tô bằng lông to tướng, anh đã cảm thấy mình hơn đứt cái ông bé nhỏ còm nhom kia...

- Ủa! Trời ơi! - ông ta vừa nói vừa giơ một bàn tay lên trước bộ mặt khiếp đảm để tự vệ. - Không, không, ông định nghĩ gì đấy?

- Ông coi bộ đáng tin, song hãy đi theo tôi, - K. nói.

Anh vẫy mũ ra hiệu và bảo ông đi lên trước.

- Thế tên ông là gì? - anh vừa đi vừa hỏi.

- Blôc, thương gia Blôc, - người đàn ông bé nhỏ đáp và quay lại để tự giới thiệu với K., nhưng... không cho phép y dừng bước.

- Tên thật của ông đấy à? - anh hỏi.

- Cố nhiên là thế, - y trả lời anh, mà tại sao ông lại không tin?

- Tôi nghĩ là ông có thể có những lí do để không nói ra tên họ thật của mình, - K. đáp lại.

Anh cảm thấy đầu óc thoải mái như khi ta nói chuyện ở nước ngoài với những người dân thường, chẳng hở ra điều gì về bản thân ta mà chỉ thanh thản nói đến các quyền lợi của kẻ đương cùng ta trò chuyện, khiến họ được đề cao dưới con mắt mọi người, nhưng để bù lại, ta muốn dứt ra khỏi họ lúc nào thì dứt.

Đến trước văn phòng của luật sư Hun, K. dừng lại, mở cửa và quát bảo thương gia vẫn đương ngoan ngoãn bước đi:

- Đi chầm chậm chứ, soi hộ cho nơi đây.

Nghĩ rằng Leni có thể nấp trong đó, anh cho lục lọi khắp các xó xỉnh, nhưng căn phòng không có ai. Đến trước bức chân dung quan tòa, anh nắm dải đeo quần ghìm cho thương gia đứng lại.

- Lão kia, ông biết là ai không? - anh giơ tay trỏ và hỏi.

Còn thương gia thì giơ cây nến, hấp háy mắt nhìn lên và trả lời:

- Đó là một ông quan tòa.

- Một vị đại pháp quan chứ? - K. vừa hỏi vừa đến đứng bên cạnh Blôc để quan sát ấn tượng của y khi nhìn bức tranh. Thương gia ngước mắt lên với vẻ khâm phục.

- Đó là một vị đại pháp quan, - y nói.

- Ông chẳng hiểu biết gì mấy, - K. bảo. - Đây là viên thẩm phán nhỏ mọn nhất trong số tất cả các viên thẩm phán nhỏ mọn trên đời này đấy.

- À! bây giờ tôi nhớ ra rồi, - thương gia vừa nói vừa nghiêng nghiêng cây nến, - bản thân tôi cũng đã từng được nghe nói.

- Mà cố nhiên! - K. thốt lên. - Tôi không nghĩ ra. Cố nhiên là ông đã biết rồi!

- Sao lại thế? Sao lại thế? - thương gia vừa hỏi vừa bị K. đẩy ra cửa.

Khi hai người ra đến ngoài hành lang, K. bảo y:

- Ông biết Leni nấp ở đâu không?

- Nấp à? - thương gia nói, - không; nhưng rất có thể cô ta ở trong bếp đương nấu cháo cho ông luật sư.

- Sao ông không nói ngay? - K. hỏi.

- Tôi định dẫn ông đến đấy, nhưng ông đã gọi tôi lại, - thương gia trả lời, có vẻ bối rối vì những mệnh lệnh mâu thuẫn nhau.

- Chắc ông tưởng mình tinh quái lắm đấy hẳn? Nào, dẫn tôi đi!

K. chưa bao giờ vào bếp; bếp rộng thênh thang và đầy đủ dụng cụ bóng loáng: chỉ riêng cái lò cũng đã lớn gấp ba lần lò nấu bếp thông thường, nhưng ta không phân biệt được chi tiết những thứ còn lại, vì căn bếp chỉ được soi sáng bằng một chiếc đèn con treo ở lối vào. Leni đứng trước bếp lò, mặc tạp dề trắng như mọi khi, đương đập trứng vào một cái xoong đặt trên chiếc đèn cồn.

- Chào anh Jôzep! - cô vừa nói vừa đưa mắt nhìn K..

- Chào em, - K. nói và trỏ một cái ghế tựa cho thương gia ngồi xuống.

Còn anh thì sán đến gần sau lưng Leni, cúi xuống bên vai cô và hỏi:

- Gã kia là ai?

Leni quàng một bàn tay quanh người K., còn bàn tay kia vẫn tiếp tục đập trứng, rồi cô xoay anh đến phía trước mặt và bảo anh:

- Đấy là một con người tội nghiệp, một thương gia tội nghiệp, một ông tên là Blôc. Anh cứ nhìn thì biết!

Cả hai đều quay lại để nhìn y. Thương gia vẫn ngồi trên chiếc ghế K. trỏ cho lúc nãy, y đã thổi tắt ngọn nến vì ánh sáng của nó lúc này không cần thiết nữa và lấy hai ngón tay bóp vào bấc để cho nó khỏi khói.

- Em mặc sơ mi trần, - K. nói và quay đầu Leni trở lại phía bếp lò.

Cô lặng im không nói.

- Nhân tình của em đấy à? - anh hỏi.

Cô muốn vớ lấy cái xoong, nhưng K. túm lấy cả hai bàn tay cô và bảo:

- Nào, trả lời đi.

Cô trả lời:

- Anh cứ vào văn phòng, em sẽ giải thích hết cho anh.

- Không, - K. nói, - anh muốn em biện bạch tại đây.

Cô bíu lấy cổ anh để ôm hôn. Nhưng K. đẩy cô ra và bảo:

- Anh không muốn em ôm hôn anh lúc này.

- Anh Jôzep. - Leni nói với anh bằng một giọng van nài nhưng đồng thời nhìn thẳng vào đôi mắt anh, - dẫu sao anh cũng không ghen với ông Blôc chứ?

Rồi quay về phía thương gia, cô thêm:

- Giúp em đi nào, Ruyđi, mình thấy rõ là người ta ngờ vực em đấy, buông cây nến ra đi mình.

Người ta có thể tưởng rằng y chẳng chú ý gì đến những lời Leni vừa bảo, nhưng y hoàn toàn nắm được.

- Tôi chẳng hiểu vì sao mà ông lại ghen cơ chứ, - y nói không lấy gì làm nhanh nhạy lắm.

- Cả tôi nữa cũng chẳng hiểu vì sao, - K. nói và anh mỉm cười nhìn y.

Leni phá lên cười và lợi dụng lúc K. không chú ý để bíu lấy cánh tay anh và thì thầm với anh:

- Giờ thì anh mặc ông ta nhé, anh thấy rõ là ông ta người như thế nào rồi. Em đã quan tâm đến ông ta một chút vì đấy là một khách hàng sụ của luật sư, nào có lí do gì khác đâu. Còn anh? Anh muốn nói chuyện với luật sư hôm nay ư? Ông ấy ốm lắm, nhưng nếu anh muốn, em vẫn sẽ vào báo tin. Duy có điều đêm nay anh phải ở lại với em. Đã lâu lắm anh không đến thăm bọn em rồi đấy! Chính ông luật sư cũng hỏi anh luôn. Anh đừng lơ là vụ án của anh nhé. Em đây cũng biết được

nhiều điều cần thông báo với anh. Nhưng trước hết anh hãy cởi áo khoác ra đã nào.

Cô giúp anh cởi áo lông ra, bỏ mũ của anh xuống, chạy ra ngoài tiền sảnh treo mũ treo áo, rồi vội vã trở lại và xem món sữa trứng gà làm đã xong chưa.

- Em phải báo tin anh đến hay đem sữa cho ông ấy trước?

- Hãy báo tin anh đến đi đã, - K. bảo.

Anh đâm bực mình, anh vốn dự định trước hết thảo luận cặn kẽ với Leni về ý đồ của anh; sự có mặt của thương gia làm cho anh chẳng còn thiết gì trao đổi nữa. Nhưng bây giờ anh bắt đầu cảm thấy vụ việc của mình quan trọng quá, nên không thể để cho cái lão Blôc loắt choắt kia dính vào và đóng một vai trò có tính chất quyết định chưa biết chừng. Vì vậy, anh gọi giật Leni lại khi cô đã ra đến ngoài hành lang.

- Thôi hãy mang sữa đến cho ông ấy trước đi! - anh ra lệnh, -phải cho ông ấy có sức lực để bước vào cuộc nói chuyện, vì sẽ cần lắm đấy.

- Ông cũng là một khách hàng của luật sư à? - thương gia vẫn ngồi một chỗ, nói khe khẽ bằng một giọng ghi nhận. Nhưng y bị thất vọng.

- Có can hệ gì đến ông? - K. bảo.

Và Leni thêm:

- Mình có im đi không? Em mang sữa đến cho ông ấy đây, - cô vừa nói vừa quay về phía K.; và cô rót sữa trứng gà vào một cái tách. - Sẽ chỉ còn ngại một điều là thấy ông ấy ngủ quá sớm thôi, bởi vì hễ cứ ăn xong là ông ta ngủ.

- Câu chuyện anh nói sẽ khua ông ta dậy, - K. bảo, vì anh muốn để cho Leni hiểu được rằng anh có ý định nói với luật sư những điều vô cùng quan trọng.

Anh muốn Leni hỏi trước rồi mới đi vào vấn đề. Nhưng cô thì chỉ nhất nhất bảo sao làm vậy. Khi bưng sữa trứng gà qua trước mặt anh, cô cố tình chạm vào anh và thì thầm:

- Khi ông ấy ăn xong là em báo tin anh đến ngay, để được gặp lại anh sớm chừng nào hay chừng nấy.

- Thôi đi đi! - K. bảo.

- Phải dễ thương hơn vào chứ anh. - cô vừa đáp vừa quay lại lần cuối cùng khi ra đến bực cửa.

K. đưa mắt nhìn theo. Bây giờ anh hoàn toàn nhất quyết rũ bỏ luật sư: tốt hơn hết là không nói gì với Leni cả; cô ta có biết rõ đầu đuôi sự việc ra sao đâu. và chắc là cô sẽ can ngăn anh: vả lại, nếu lần này K. còn do dự, thì sau đó anh sẽ băn khoăn mãi. và sẽ phải bắt đầu lại. vì anh đã quyết định dứt khoát rồi. Càng đem thi hành chóng vánh bao nhiêu. anh càng tránh được tổn hại bấy nhiêu: lão thương gia chắc có thể chỉ dẫn cho anh về vấn đề này.

K. quay về phía y; vừa thấy thế. thương gia liền định đứng dậy.

- Ông cứ ngồi, - K. vừa nói vừa kéo một cái ghế đến gần ghế của y. - Ông là một khách hàng đã lâu của luật sư phải không?

- Vâng, - thương gia nói, - một khách hàng đã lâu lắm.

- Ông ấy giúp ông từ bao nhiêu năm nay rồi?

- Tôi không hiểu ý ông muốn hỏi, - người kia đáp. - Đối với những vấn đề nảy ra trong công việc làm ăn của tôi. tôi buôn bán lớn về thóc gạo, ông ấy góp ý với tôi từ ngày tôi bắt đầu kinh doanh. nghĩa là khoảng hai chục năm, còn đối với vụ án của tôi. chắc ông muốn nói đến chuyện đó chứ gì. ông ấy đại diện cho tôi ngay từ đầu. cách đây đã hơn năm năm.

- Vâng. lâu hơn nhiều. - y nói thêm và rút ra một chiếc ví cũ, - tôi đã ghi tất cả ở đây; nếu ông muốn tôi có thể nói với ông ngày tháng chính xác: không làm sao mà nhớ cho hết được. Vụ án của tôi chắc phải kéo dài từ lâu hơn nhiều. nó bắt đầu ít ngày sau cái chết của bà nó nhà tôi xảy đến cách đây hơn năm năm rưỡi.

K. xích lại gần hơn nữa.

- Thế ra ông ấy cũng đảm nhiệm những vấn đề luật pháp hiện hành ư?

Sự liên kết ấy giữa công việc kinh doanh với luật pháp có vẻ làm cho anh hết sức yên tâm.

- Tất nhiên, - thương gia nói.

Rồi y thì thầm với K.:

- Thậm chí người ta còn bảo là ông ấy có năng lực trong loại việc này hơn là trong các loại khác nữa kia.

Nhưng hình như y ân hận đã nói quá lời, vì y đặt một bàn tay lên vai K. và nói thêm:

- Tôi van ông, đừng phản lại tôi nhé.

K. vỗ lên đùi y để làm cho y yên lòng và bảo:

- Không, tôi không phải là một kẻ phản bội.

- Là vì ông ấy hay thù hằn lắm kia, - thương gia nói.

- Với một khách hàng trung thành như ông, - K. bảo, - chắc chắn ông ta sẽ không làm gì cả.

- Ôi! có chứ! - thương gia nói, - khi ông ấy bị kích động là ông ấy nổi giận; vả lại cũng không thể nói được là tôi trung thành.

- Sao thế? - K. hỏi.

- Tôi phải thổ lộ với ông ư? - đến lượt thương gia hỏi hơi ngập ngừng.

- Tôi thiết nghĩ ông có thể thổ lộ được, - K. bảo.

- Thôi được, - thương gia nói, - tôi sẽ thú thật với ông một phần bí mật của tôi, nhưng đến lượt ông cũng phải cho tôi biết điều sâu kín của ông nữa để chúng ta thành liên đới với nhau trước ngài luật sư.

- Thận trọng thế! - K. nói, - nhưng thôi được, tôi sẽ bộc lộ một điều bí mật khiến ông hoàn toàn yên tâm. Thế ông không trung thành ở chỗ nào?

- Tôi có, - thương gia nói ngập ngừng và bằng một giọng như khi thú thật điều gì ô nhục, - tôi có những luật sư khác ngoài ông ta.

- Thế thì có gì nghiêm trọng lắm đâu, - K. nói hơi thất vọng.

- Ở đây thì không, - thương gia nói và thở hổn hển sau khi thốt ra lời thú nhận ấy, song qua suy nghĩ của K., y cũng đã bắt đầu lấy lại tin cậy đôi phần.-Duy có điều không được phép như thế; và càng không được phép khi đó là những luật sư

vườn[1]. Vậy mà tôi lại rơi đúng vào trường hợp ấy đấy. Tôi có năm luật sư vườn.

- Năm! - K. thốt lên.

Con số ấy làm cho anh sửng sốt.

- Năm luật sư không kể ông này ư?

Thương gia gật đầu.

- Tôi đương thương lượng với một ông thứ sáu.

- Nhưng cớ sao nhiều luật sư đến thế? - K. hỏi.

- Tôi cần đến tất cả!

- Ông có thể giải thích cho tôi vì sao không?

- Dễ dàng lắm, - thương gia nói. - Trước hết, hiển nhiên là tôi không muốn thua kiện. Vì vậy tôi không thể bỏ qua bất cứ cái gì có cơ giúp ích được cho tôi; dù chỉ là hi vọng hết sức mong manh, tôi cũng không có quyền bỏ lỡ dịp may. Cho nên tôi đã dốc tất cả những gì tôi có cho vụ án của tôi. Tôi đã rút hết tiền bạc ra khỏi công việc kinh doanh; xưa kia, các văn phòng của tôi choán gần hết cả một tầng lầu; ngày nay, tôi bằng lòng với một căn phòng cỏn con ở sau nhà và một gã học việc không hơn không kém. Chẳng phải chỉ vì rút hết tiền ra nên mới suy thoái đi như thế đâu, mà chủ yếu là vì công việc làm ăn của tôi giảm xuống. Khi người ta muốn làm một cái gì cho vụ án của mình thì không thể quan tâm đến chi khác nữa.

- Thế bản thân ông đến làm việc hẳn ở tòa ư? - K. hỏi. - Tôi ưng nghe ông nói trắng ra như thế.

- Tôi không thể cho ông biết gì nhiều về vấn đề ấy được, - thương gia nói, - lúc đầu quả thật tôi đã cố làm như vậy, nhưng chẳng mấy bữa đành phải thôi ngay. Đó là một công việc kiệt sức vô cùng mà chẳng bổ ích gì nhiều; chẳng mấy chốc tôi hoàn toàn không thể nào làm việc và thương lượng trong các văn phòng của tòa được nữa. Chỉ riêng cái việc ngồi ở đấy và đợi đến lượt mình cũng đã đòi hỏi phải nỗ lực ghê

[1] Avoat marron: luật sư không đủ tư cách.

gớm, nhưng bản thân ông có lạ gì bầu không khí của các văn phòng ấy đâu.

- Sao ông biết là tôi đã tới đấy? - K. hỏi.

- Tôi đương ở phòng đợi lúc ông đi ngang qua.

- Sự trùng hợp mới lạ lùng làm sao! - K. kêu lên, vì mải quan tâm đến sự việc ấy nên anh quên bẵng mất cái lố lăng của lão thương gia. - Thế ra ông đã nhìn thấy tôi đi qua ư? Ông đương ở trong phòng đợi lúc tôi đi ngang ư? Đúng, tôi có lần đến đấy thật.

- Chẳng phải tình cờ ngẫu nhiên gì lắm đâu, - thương gia nói, - hầu như ngày nào tôi cũng ở đấy.

- Bây giờ thì có lẽ bản thân tôi cũng sẽ đến đấy thường xuyên, - K. nói, - nhưng có lẽ tôi được đón tiếp cung kính thua xa lần trước nhiều. Dạo ấy mọi người đều đứng cả dậy, có lẽ người ta tưởng tôi là một ông quan tòa.

- Không phải đâu, - thương gia nói, - chúng tôi đứng lên vì viên mõ tòa đấy. Còn đối với ông, chúng tôi thừa biết ông là bị cáo. Những tin ấy lan truyền đi nhanh chóng lắm.

- Ông đã biết từ dạo ấy rồi ư? - K. bảo. - Vậy trong trường hợp đó, chắc ông thấy thái độ của tôi có vẻ kiêu kì lắm. Chẳng ai nói gì theo hướng đó sao?

- Không, trái lại là khác, - thương gia nói. - Song đó chỉ là những điều bậy bạ.

- Những điều bậy bạ gì? - K. hỏi.

- Tại sao ông lại hỏi tôi như vậy? - thương gia sốt ruột nói.

- Ông xem ra chưa hiểu biết những con người ấy và có lẽ ông sẽ bực mình với họ. Ông đừng nên quên rằng trong quá trình những cuộc xét xử dài đằng đẵng kia, người ta thường nói ra lắm điều mà lí trí không sao kiểm soát nổi; người ta mệt mỏi quá đi rồi, nhiều lí do khiến người ta đâm ra nguội lạnh và chuyển sang mê tín. Tôi nói về những người khác, nhưng thực ra tôi cũng chẳng hơn gì họ đâu. Một trong những điều mê tín ấy là người ta tin rằng có thể đọc được kết cục vụ án ở trên đầu bị cáo, và nhất là ở đường nét đôi môi. Những kẻ tin vào các

điềm như thế đã bảo rằng căn cứ vào đôi môi của ông thì chắc chắn chẳng bao lâu nữa ông sẽ bị kết án. Tôi xin nhắc lại với ông, đó là một thành kiến nực cười mà kinh nghiệm bác bỏ trong phần lớn các trường hợp, nhưng khi người ta sống ở môi trường ấy thì khó mà tránh khỏi những suy nghĩ như vậy. Ông không hình dung được điều mê tín ấy có thể mãnh liệt đâu. Ông có nói với một người ở nơi ấy phải không? Hầu như hắn đã không trả lời ông được. Dĩ nhiên là người ta có thể có nhiều lí do, bối rối. Nhưng một trong những lí do, ở trường hợp đó, chắc chắn là dáng dấp cái miệng của ông. Về sau hắn còn kể rằng tưởng chừng nhìn thấy trên đôi môi ông dấu hiệu bản án của chính bản thân hắn.

- Trên đôi môi của tôi ư? - K. vừa hỏi vừa rút một cái gương nhỏ trong túi ra soi. - Tôi chẳng thấy có gì đặc biệt trên đôi môi tôi cả. Còn ông?

- Tôi cũng chẳng thấy, - thương gia nói, - chẳng thấy gì hết.

- Bọn người đó mê tín thật! - K. kêu lên.

- Tôi đã chẳng bảo ông là gì? - thương gia hỏi.

- Họ năng gặp gỡ nhau đến thế kia ư? - K. nói. - Thế họ có trao đổi cảm tưởng với nhau không? Cho đến nay, tôi hoàn toàn cách biệt.

- Nói chung, họ không năng gặp gỡ nhau, - thương gia bảo, -năng gặp gỡ nhau làm sau được; họ đông quá! Vả chăng họ có ít những mối quan tâm chung. Nếu đôi khi có nhóm phát hiện ra với nhau điều gì chung thì chẳng bao lâu họ thấy ngay là đã lầm. Chẳng điều gì có thể tiến hành chung để chống lại tòa án cả. Mọi trường hợp đều xem xét riêng rẽ; chẳng có tòa án nào xét xử tỉ mỉ hơn. Liên minh với nhau chẳng đi đến đâu cả. Đôi khi những người riêng rẽ ngấm ngầm đạt được một điều gì đấy, mà mọi người khác mãi sau mới biết, nhưng chẳng ai hiểu sự việc đã tiến hành ra sao. Không có sự liên kết, người ta thỉnh thoảng có gặp nhau ở phòng đợi thật đấy, nhưng tại đó người ta rất ít nói. Các ý kiến mê tín đã tồn tại từ xửa từ xưa và tự nó tăng thêm lên mãi.

- Tôi đã thấy các vị ấy chầu chực ở đó. - K. nói, - và họ chờ đợi xem ra thật vô tích sự!

- Chờ đợi chẳng phải là vô tích sự đâu. - thương gia nói. - Điều vô tích sự là đích thân xen vào vụ án của mình. Tôi đã nói với ông là ngoài luật sư Hun, tôi còn có năm luật sư nữa. Người ta chắc là tưởng rằng tôi có thể mặc họ lo liệu mọi chuyện cho tôi, và chính tôi lúc đầu cũng phó mặc cho họ thật. Té ra hoàn toàn là sai. Còn khó hơn là nếu tôi chỉ có một luật sư. Chắc ông không hiểu ý tôi?

- Không. - K. vừa nói vừa đặt tay lên bàn tay của thương gia để làm cho y dịu lại. vì y nói liến thoắng quá. - Nhưng xin ông nói chậm chạp cho một chút. bởi vì tất cả những điều này đều vô cùng quan trọng đối với tôi. và tôi nghe không kịp.

- Ông nhắc tôi như thế là phải, - thương gia nói, - ông là một người mới. một kẻ mới nhập cuộc; vụ án của ông mới có sáu tháng phải không?

- Phải.

- Tôi đã nghe nói; thật là một vụ án mới toanh! Nhưng tôi đây đã hàng trăm ngàn lần suy nghĩ về những chuyện đó. chúng đều là tự nhiên đối với tôi.

- Chắc ông lấy làm sung sướng là vụ án của ông tiến đã khá xa? - K. nói. anh không muốn hỏi thẳng y công việc hiện nay ra sao.

Anh nhận được một câu trả lời chẳng rõ ràng gì hơn câu hỏi của anh.

- Vâng. - thương gia gật đầu nói. - thế là đã năm năm trời nay tôi thúc đẩy vụ án của tôi. Có phải là công việc nhỏ mọn đâu!

Rồi y lặng im một lúc. K. ngóng trông Leni trở lại. Một mặt anh không muốn cô ta trở lại quá sớm. vì anh còn bao nhiêu điều cần hỏi và không muốn bị bất chợt trong lúc đương trò chuyện riêng với thương gia; nhưng mặt khác anh bực mình vì có anh tới mà cô ta ở bên lão luật sư lâu đến thế; món sữa trứng gà không thanh minh được cho sự vắng mặt mãi như vậy.

- Tôi còn nhớ cái thời. - thương gia nói và K. bị thu hút

ngay tức khắc, - tôi còn nhớ cái thời vụ án của tôi mới kéo dài gần gần như vụ án của ông, lúc ấy tôi chỉ mới có mình luật sư Hun, nhưng tôi không hài lòng với ông ấy lắm.

"Mình sắp biết tất cả đây" - K. nghĩ bụng và gật gật đầu. tưởng chừng như động tác ấy có thể khích lệ thương gia nói ra tất cả những điều gì đáng biết.

- Vụ án của tôi không tiến triển gì cả, - ông Blôc nói tiếp, - đúng là người ta có ấn định những cuộc hỏi cung thật, và bao giờ tôi cũng đến, tôi thu thập tài liệu, tôi xuất trình tất cả các sổ sách kinh doanh của tôi, về sau tôi mới biết là thậm chí chẳng cần thiết, tôi không ngừng đi tìm luật sư, ông ấy cũng đã đệ trình lên tòa nhiều lá đơn...

- Nhiều đơn ư? - K. hỏi.

- Đúng thế, cố nhiên, - thương gia bảo.

- Đấy là điều tôi hết sức quan tâm, - K. nói, - với tôi thì ông ấy mới đương còn soạn thảo lá đơn đầu tiên. Ông ấy chẳng làm gì cả. Giờ thì tôi thấy ông ta bỏ lơ tôi một cách nhục nhã.

- Có thể đơn chưa thảo xong là vì có những lí do xác đáng, - thương gia nói. - Vả chăng, về sau chúng tôi đã thấy các đơn từ của tôi tuyệt nhiên chẳng được tích sự gì cả. Chính tôi do nhã ý của một nhân viên nên đã được đọc một lá đơn. Phải nói là đơn viết uyên bác lắm: nhưng thực ra nội dung rỗng tuếch: vô khối tiếng Latinh tôi chẳng hiểu, và rồi hết trang này đến trang khác kêu gọi công lí, tiếp đến những lời nịnh nọt đối với một số viên chức, tuy không nói thẳng tên ra, song giới am hiểu có thể biết là ai, sau đó là lời tán dương chính ông luật sư, một lời tán dương theo kiểu ông ta lăn lộn trước tòa, quỵ lụy như một con chó, cuối cùng là xem xét đến những trường hợp xử án cũ chắc là giống với trường hợp của tôi. Nói thực ra, cứ như tôi nắm được thì việc xem xét ấy được tiến hành hết sức cẩn thận. Xin ông hiểu cho là nói ra với ông tất cả những điều đó, tôi không có ý định phán xét công việc của luật sư đâu; vả lại, lá đơn mà tôi được đọc chỉ là một trong số bao lá

đơn khác; song dẫu sao tôi chẳng bao giờ ghi nhận được một tiến triển nào trong vụ án của tôi cả, và đấy là điểm tôi muốn nói với ông.

- Thế ông muốn ghi nhận loại tiến triển gì? - K. hỏi.

- Câu hỏi của ông có lí lắm. - thương gia mỉm cười nói; - trong loại vụ việc này, họa hoằn lắm mới có thể thấy được tiến triển, nhưng dạo ấy nào tôi có biết đâu. Tôi là thương gia, và hồi đó tôi còn là thương gia hơn cả bây giờ; tôi rất muốn có những tiến triển sờ mó được, mọi chuyện cần phải được sắp đặt để đi tới kết thúc hoặc tôi phải thấy được là sự việc đi đúng đường. Nhưng lại chỉ diễn ra những cuộc hỏi cung hầu như lần nào cũng giống lần nào; tôi biết trước các câu trả lời; tôi thuộc lòng như bài kinh cầu nguyện; hàng tuần các nhân viên tư pháp đến gặp tôi nhiều lần ở cửa hàng, tại nhà hoặc bất cứ đâu, phiền quá đi mất (về mặt đó, hôm nay đỡ hơn nhiều; điện thoại quấy rầy tôi ít hơn); thế rồi tin đồn về vụ án của tôi bắt đầu lọt ra, đến tai các nhà buôn chỗ bạn bè của tôi, các cụ thân sinh cũng biết; tôi chịu đựng thiệt hại khắp mọi nơi, mà chẳng thấy có dấu hiệu gì cho biết là những phiên xét xử đầu tiên sắp sửa bắt đầu. Tôi liền đến than phiền với luật sư. Ông ta giải thích rông dài với tôi, nhưng dứt khoát từ chối không chịu làm bất cứ việc gì theo hướng như tôi mong muốn, viện cớ là chẳng ai có thể tác động đến ngày tháng các cuộc xét xử, và tuyệt đối không thể nào hình dung được là lại đề nghị trong đơn cho xét xử sớm lên, như tôi mong muốn, chuyện ấy xưa nay chưa từng có bao giờ và chỉ có thể làm hại cho ông ta và cho tôi. Tôi thiết nghĩ điều mà ông này không muốn hoặc không thể làm được, biết đâu một ông khác lại muốn và có thể làm. Vì vậy tôi đi tìm các luật sư khác. Nhưng tôi thấy nói luôn với ông là hơn: chưa từng có vị nào trong bọn họ đã yêu cầu hoặc được người ta chấp nhận ấn định ngày tháng cho các buổi xét xử. Không kể trường hợp ngoại trừ mà tôi sẽ nói với ông sau, đây là một điều dứt khoát không thể được; về phương diện này, luật sư Hun đã không

lừa dối tôi, nhưng tôi cũng chẳng ân hận gì đã tìm đến với các luật sư khác. Chắc luật sư Hun vẫn nói với ông luôn về các luật sư vườn và đã miêu tả ra họ hết sức đáng khinh, kể ra điều đó cũng đúng. Nhưng khi so sánh mình với họ, ông ta thường bật ra một sai sót nhỏ mà nhân tiện đây tôi muốn ông lưu ý tới. Để phân biệt bọn đó với các luật sư quen biết của ông, ông thường gọi "các luật sư lớn" khi nói về những vị ông quen biết. Chữ dùng ấy là sai; tất nhiên, ai cũng có thể tùy thích tự cho mình là "lớn", nhưng trong trường hợp ta đương nói đây, cách dùng của ngành tư pháp trở thành quy tắc. Cách dùng này phân biệt rõ, không kể các luật sư vườn, có những luật sư lớn và những luật sư nhỏ. Nhưng luật sư Hun và các đồng sự của ông chỉ là những luật sư nhỏ; các luật sư lớn mà tôi chỉ nghe nói chứ chưa thấy bao giờ thì oách hơn những luật sư nhỏ, cũng giống như các luật sư nhỏ lại oách hơn bọn luật sư vườn kia bị họ khinh như mẻ.

- Các luật sư lớn ư? - K. hỏi. - Ai thế? Làm sao gặp được họ?

- Thế ra ông chưa bao giờ nghe nói đến họ ư? - thương gia bảo. - Có lẽ chẳng có bị cáo nào, sau khi được nghe nói đến mà lại không mơ tưởng tới họ trong một thời gian. Ông đừng có yếu đuối như vậy đấy. Họ là ai ư? Nào tôi có biết. Còn như gặp họ thì không được đâu. Tôi không biết một trường hợp nào mà người ta có thể khẳng định chắc chắn là có họ tham gia. Họ có bào chữa cho một vài khách hàng thật, nhưng điều đó không tùy thuộc ý thích của bị cáo; họ chỉ muốn bào chữa cho ai thì bào chữa. Muốn cho họ đảm nhiệm một vụ nào đấy, chắc chắn là vụ đó cần phải vượt ra ngoài thẩm quyền của những tòa án nhỏ. Vả chăng đừng nên nghĩ tới họ là hơn; bằng không - tôi đã có kinh nghiệm bản thân về việc này - ta sẽ thấy những lời góp ý, những lời khuyên bảo và sự giúp đỡ của các luật sư khác ngốc nghếch và vô ích đến nỗi thà rằng tống khứ tất cả, rồi đi ngủ và không hay biết gì nữa còn hơn, song tất nhiên như thế lại càng ngu dại; hơn nữa có nằm yên trên giường lâu được đâu.

- Vậy ông chẳng bao giờ nghĩ tới các luật sư lớn ư? - K. hỏi.

- Không lâu, - thương gia nói và lại bắt đầu mỉm cười. - Khốn nỗi, người ta không thể nào quên đứt họ đi được, đó là một ý nghĩ nó giày vò ta nhất là về đêm. Song vào lúc ấy, tôi lại muốn đạt được những kết quả tức thì, vì thế tôi đã đi kiếm các luật sư vườn.

- Hai anh thế là ngồi kề bên nhau rồi đấy! - Leni thốt lên, cô đã quay trở lại với chiếc tách và đứng ở ngưỡng cửa.

Đúng là hai người đương ngồi kề bên nhau thật; chỉ cần một cử động nhỏ là đầu họ sẽ va phải nhau; thương gia chẳng những bé nhỏ lại hơi gù nên buộc K. phải cúi rất thấp xuống mới nghe y nói rõ:

- Khoan đã, - K. kêu lên để gạt Leni ra trong chốc lát, đồng thời bàn tay anh tỏ vẻ bứt rứt sốt ruột tuy vẫn nắm lấy bàn tay của thương gia.

- Ông ấy muốn anh kể cho nghe vụ án của anh, - thương gia nói với Leni.

- Mình cứ kể, cứ kể đi, - cô ta bảo. Cô âu yếm nói với thương gia, nhưng bằng một giọng chiếu cố. Điều đó không làm cho K. hài lòng. Như anh vừa nhận ra, con người này dẫu sao vẫn có một giá trị nào đấy; nhất là y có kinh nghiệm và biết cách nói ra rành rọt... Chắc hẳn Leni nhận định sai về y. K. buồn bực thấy cô rút từ đôi bàn tay ông Blôc ra cây nến mà y vẫn cầm lăm lăm suốt thời gian ấy, lấy góc tạp dề lau các ngón tay cho y, rồi quỳ xuống bên cạnh y để cạo một giọt nến y đánh rớt xuống quần.

- Ông ấy đương chuẩn bị kể cho tôi về các luật sư vườn, - K. vừa nói vừa lầm lì gạt bàn tay Leni ra.

- Anh muốn cái gì thế? - Leni hỏi và phát cho K. một cái để có thể tiếp tục công việc của cô.

- Đúng rồi, về các luật sư vườn, - thương gia vừa nói vừa đưa bàn tay lên trán như thể nghĩ ngợi.

K. muốn giúp cho y nhớ lại nên nhắc:

- Ông muốn đạt được những kết quả tức thì, vì thế ông đã đi kiếm các luật sư vườn.

- Đúng rồi, - thương gia nói, nhưng lại ắng đi.

"Chắc gã không muốn nói chuyện đó trước mặt Leni" - K. nghĩ, và chế ngự được nỗi sốt ruột muốn nghe tiếp câu chuyện, anh thôi không cố nài nữa.

- Em đã báo tin anh đến chưa? - anh hỏi Leni.

- Dĩ nhiên, - cô nói. - Ông ấy đương đợi anh. Giờ thì anh để ông Blôc đấy, anh sẽ có thể nói chuyện với ông ấy sau, ông ấy ở lại đây.

K. vẫn còn lưỡng lự.

- Ông ở lại đây à? - anh hỏi thương gia, vì anh muốn y tự mình trả lời.

Anh không chấp nhận Leni nói về Blôc như nói về một người vắng mặt; ngày hôm ấy, anh ngấm ngầm giận cô ứ lên đến cổ; nhưng lại vẫn là cô trả lời thay cho Blôc:

- Ông ấy thường ngủ lại đây.

- Ông ta ngủ lại đây? - K. kêu lên.

Anh cứ tưởng thương gia chỉ chờ đợi ở đấy thời gian cần thiết để giải quyết công việc với luật sư, sau đó hai người sẽ ra về cùng với nhau và có thể bình tâm trò chuyện đến nơi đến chốn tất cả những vấn đề anh muốn biết.

- Đúng thế, - Leni nói. - anh Jôzep thân mến ơi, chẳng phải ai cũng như anh có thể được luật sư tiếp bất cứ lúc nào đâu. Anh có vẻ không ngạc nhiên gì cả được ông ấy tiếp lúc mười một giờ đêm, tuy ông ấy ốm. Anh cũng xem các bạn bè giúp đỡ anh là chuyện tất nhiên. Mà..., cũng do tự nguyện tự giác, nhất là em. Em không muốn sự cảm ơn nào khác, chỉ trừ được biết là anh yêu em.

"Là ta yêu ả ư?" - thoạt đầu K. nghĩ; chỉ sau đó anh mới tự nhủ: "Đúng rồi, mình yêu cô ấy". Song, chẳng để ý tới gì khác nữa, anh bảo:

- Ông ấy tiếp tôi vì tôi là khách hàng của ông ấy. Nếu cứ

phải cần đến một người thứ ba mới được tiếp trong những hoàn cảnh như thế, thì người ta không thể đi một bước nào mà chẳng phải cầu cạnh và cám ơn.

- Hôm nay anh ấy dở quá phải không? - Leni hỏi thương gia.

"Lần này thì mình là kẻ vắng mặt" - K. nghĩ. và anh gần như giận Blôc khi thấy y đỡ cho sự vô lễ của Leni bằng cách nói với cô:

- Luật sư cũng tiếp ông ấy vì những lí do khác. Trường hợp của ông ấy lí thú hơn trường hợp của anh. Với lại. vụ án của ông ấy mới ở giai đoạn đầu, chắc là chưa đến nỗi nào, và luật sư hẳn là còn thích thú muốn được cáng đáng. Nhưng cái đó rồi sẽ thay đổi.

- Và liến thoắng huyên thiên. - Leni vừa nói vừa nhìn Blôc với một nụ cười mai mỉa. - Cứ nhìn gã ba hoa mà xem kìa! Ông ta nói chẳng có điều gì tin được đâu. anh biết không.-cô quay về phía K. nói thêm. - Ông ta tử tế. nhưng còn ba hoa hơn. Có lẽ đấy là một trong những lí do khiến luật sư không chịu được ông ta. Dù sao đi nữa thì luật sư cũng chỉ tiếp ông ta khi nào thấy hứng mà thôi. Em đã cố ra sức tìm cách thay đổi tình trạng này. nhưng chẳng làm sao được. Anh biết không. có lần em vào báo tin Blôc đến, và luật sư tiếp ông ta, nhưng là sau đó ba ngày. Và nếu Blôc không có mặt ở đấy khi được mời vào là mọi việc hỏng bét và lại phải làm lại từ đầu. Vì vậy em đã cho phép ông ta ngủ ở đây. bởi đã có lần đương đêm luật sư bấm chuông cho em để tiếp ông ta. Do đó bây giờ ông ta sẵn sàng cả ban đêm. Nói thực ra cũng có lần biết ông ta đương ở đây, luật sư lại thôi không tiếp nữa.

K. nhìn thương gia có vẻ dò hỏi. Nhưng Blôc hoàn toàn tán thành: y vẫn nói thẳng thắn như trước - có thể nỗi nhục nhã làm cho y thành ra lơ đãng.

- Vâng. về sau người ta hết sức bị lệ thuộc vào luật sư của mình.

- Ông ta chỉ vờ than phiền đấy thôi. - Leni nói. - Ông ta rất thích ngủ lại đây, và thường thú nhận với em như vậy.

Thế rồi cô ra mở cái cửa nhỏ.

- Anh có muốn xem phòng ngủ của ông ấy không? - cô hỏi.

K. đi tới xem và từ ngưỡng cửa nhìn thấy một căn phòng thấp lè tè, cửa sổ không có, và kê vừa đủ một chiếc giường hẹp. Phải bước qua chân giường mới có thể lên nằm trong đó. Ngang với đầu giường là một cái hốc khoét vào tường, ở mép có đặt một cây nến, một lọ mực và một quản bút xếp thành hàng hết sức ngay ngắn, cũng như một bó giấy tờ, chắc là các tài liệu của vụ án...

- Ông ngủ trong buồng con sen ư? - K. quay về phía thương gia hỏi.

- Đấy là Leni thu xếp cho tôi. - Blôc trả lời, - tiện lợi vô cùng.

K. nhìn y hồi lâu. Ấn tượng ban đầu của anh về gã thương gia có lẽ là tốt đẹp; rõ ràng Blôc có kinh nghiệm, vì vụ án của y kéo dài từ lâu, nhưng y đã phải trả giá đắt. Đột nhiên, K. không chịu đựng nổi nhìn y được nữa.

- Đặt ông ta lên giường đi! - anh quát bảo Leni, và cô hình như không hiểu.

Còn anh, anh sẽ sang phòng luật sư và kiếu từ lão để tự giải thoát không những khỏi lão mà còn khỏi cả Leni và thương gia nữa; nhưng anh chưa ra đến cửa thì Blôc đã gọi anh khe khẽ:

- Thưa ông đại diện!

K. nghiêm nét mặt quay lại.

- Ông đã quên lời hứa, - Blôc vừa nói vừa nghển về phía anh bộ mặt van vỉ. - Ông còn phải kể cho tôi nghe một điều bí mật nữa chứ.

- Đúng thế, - K. nói và đưa mắt về phía Leni đương nhìn anh chăm chú. - Nào, nghe đây: vả chăng hầu như cũng chẳng còn là chuyện bí mật nữa. Tôi đến kiếu từ luật sư ngay bây giờ đây.

- Ông ấy đến kiếu từ luật sư! - thương gia thốt lên mấy tiếng ấy rồi đứng phắt dậy giơ cả hai tay lên trời chạy ngang qua gian bếp.

Y cứ nhắc đi nhắc lại mãi:

- Ông ấy thải hồi luật sư!

Leni muốn nhảy bổ đến K. ngay tức khắc, nhưng thương gia đứng vướng đường: cô xô mạnh gạt y ra, rồi hai bàn tay vẫn nắm chặt, cô lao theo K.; nhưng anh đã vượt lên trước khá xa. Khi Leni đuổi kịp thì anh đã đặt chân vào trong phòng luật sư. Anh đẩy cửa lại phía sau. Leni giơ bàn chân chặn cánh cửa không cho đóng, túm lấy cánh tay K. và cố kéo anh ra. Nhưng anh bóp cổ tay cô mạnh quá đến nỗi cô phải buông anh ra và thốt lên một tiếng thở dài đau đớn. Cô không dám trở vào phòng ngay lập tức, và K. khóa trái cửa lại.

- Tôi đợi anh đã lâu, - luật sư ở trên giường nói và đặt lại lên chiếc bàn để đèn đêm tờ chứng thư mà ông vừa đọc dưới ánh sáng ngọn nến. Rồi sau khi đã giương mục kỉnh lên, lão nhìn K. một cách nghiêm khắc. Đáng lẽ xin lỗi thì K. lại nói:

- Tôi đi ngay bây giờ đây.

Vì đấy chẳng phải là một lời xin lỗi nên luật sư không trả lời; lão chỉ tuyên bố:

- Từ nay về sau, tôi sẽ không tiếp anh vào một giờ khuya khoắt như thế này nữa.

- Ông đón trước những mong muốn của tôi, - K. nói.

Luật sư nhìn anh với vẻ dò xét.

- Anh ngồi xuống, - lão bảo.

- Bởi vì ông muốn thế, - K. vừa nói vừa kéo một cái ghế tựa lại gần chiếc bàn để đèn đêm và ngồi xuống ghế.

- Hình như anh khóa trái cửa thì phải, - luật sư nói.

- Vâng, - K. nói, - đó là vì Leni.

Anh chẳng có ý định nể nang bất cứ ai. Nhưng luật sư hỏi anh:

- Nó vẫn còn tỏ vẻ quấy rầy à?

- Quấy rầy ư? - K. hỏi.

- Phải, - luật sư nói và phá lên cười; rồi lão nổi cơn ho rũ rượi, tiếp theo là một trận cười nữa. - Dẫu sao thì anh cũng đã phải nhận thấy sự quấy rầy của nó rồi chứ? - lão vừa hỏi vừa

vỗ lên bàn tay K. đương lơ đễnh tì trên chiếc bàn để đèn đêm làm anh vội rụt ngay lại. Anh chẳng để tâm mấy đến chuyện đó. Luật sư Hun nói khi thấy K. im lặng: - càng hay, nếu không có lẽ tôi phải xin lỗi anh. Đó là tính kì cục của Leni đã được tôi tha thứ cho từ lâu, và nếu vừa rồi anh không đóng cửa thì tôi cũng chẳng đem nói với anh làm gì. Tính kì cục ấy - tôi không định giải thích với anh đâu, nhưng anh có vẻ bàng hoàng quá nên tôi đành giải thích vậy - tính kì cục ấy là ở chỗ hầu như Leni thấy tất cả các bị cáo đều rất đẹp trai, ai nó cũng bám, ai nó cũng yêu, và hình như nó đều được đáp lại; thỉnh thoảng khi tôi cho phép, nó cũng mang ra kể để mua vui cho tôi. Tôi không ngạc nhiên lắm về tất cả những chuyện đó như anh có vẻ ngạc nhiên trong lúc này. Khi người ta biết nhìn thì quả là tất cả các bị cáo đều đẹp trai thật. Nếu tôi dám nói thì rõ ràng đây là một hiện tượng vạn vật học khá kì lạ. Tất nhiên không vì bị buộc tội mà bị cáo có những thay đổi dễ thấy bên ngoài; trong những trường hợp ấy, tình hình diễn ra không như trong các vụ án khác; phần lớn các khách hàng của tôi vẫn giữ cách sinh hoạt bình thường của họ, và nếu họ có được một luật sư tốt biết cách chăm lo cho họ, thì vụ án cũng chẳng làm rầy rà họ bao nhiêu. Thế nhưng khi người ta đã có kinh nghiệm về chuyện này rồi thì người ta nhận ra một gã bị cáo trong đám cả ngàn người. "Ở cái gì?" - chắc anh sẽ hỏi tôi; câu trả lời của tôi sẽ không làm anh hài lòng đâu; chính là ở khía cạnh các bị cáo đích thị là những chàng đẹp trai nhất. Chắc không phải lỗi lầm làm cho họ đẹp ra, vì chẳng phải tất cả đều có tội - ít ra đấy là điều tôi cần phải nói với tư cách luật sư của tôi - cũng chẳng phải sự kết án tỏa trước cho họ ánh hào quang, vì không phải tất cả đều sẽ bị kết án; vậy điều đó chỉ có thể là do quá trình xét xử người ta tiến hành chống lại họ và có thể nói là họ mang theo ánh phản chiếu của quá trình xét xử ấy. Nói thực ra, trong số đẹp trai cũng có những kẻ đặc biệt đẹp trai hơn cả. Nhưng tất cả đều đẹp trai, kể cả Blôc, cái gã khốn khổ tội nghiệp kia.

Khi luật sư nói xong, K. đã hoàn toàn trở lại bình tĩnh; thậm chí anh đã lắc đầu rõ rệt vào những tiếng cuối cùng của luật sư Hun để tự xác nhận với mình ý nghĩ anh ấp ủ từ lâu là luật sư luôn luôn tìm cách nói ra những điều chung chung chẳng có liên quan gì để đánh lạc hướng sự chú ý của anh khỏi vấn đề thật sự là xem luật sư Hun thực tế đã làm gì cho anh... Luật sư Hun chắc nhận thấy lần này K. bướng với lão hơn mọi khi, bởi vì lão im bặt để nhường cho anh nói, và thấy anh vẫn chẳng nói năng gì, liền hỏi:

- Hôm nay anh đến đây tìm tôi với ý định đặc biệt phải không?

- Vâng, - K. nói và lấy tay che ngọn nến để nhìn luật sư cho rõ. - Tôi muốn thưa với ông là từ nay trở đi tôi thôi không nhờ ông giúp đỡ nữa.

- Tôi đã thật hiểu ý anh chưa? - luật sư vừa hỏi vừa hơi nhổm người dậy, một bàn tay tì trên đống gối để đỡ trọng lượng thân thể.

- Chắc là hiểu, - K. nói, căng người trên ghế như gã đi săn đương rình mồi.

- Thôi được, đó là một dự kiến mà chúng ta có thể bàn bạc, -lát sau luật sư nói.

- Đó không phải là một dự kiến, - K. nói.

- Cũng có thể, - luật sư bảo, - song chúng ta chẳng việc gì mà vội vàng.

Lão dùng từ "chúng ta" như muốn tước đi của K. quyền tự do ý chí và ép anh phải xem lão như cố vấn nếu lão thôi không còn là người đại diện cho anh nữa.

- Có vội vàng gì đâu, - K. nói và từ từ đứng dậy đi vòng ra sau lưng ghế; - đã nghĩ chín rồi và có lẽ còn quá nữa là khác; tôi đã quyết định dứt khoát.

- Thế thì hãy cho phép tôi nói thêm vài lời nữa, - luật sư vừa nói vừa vén chăn lên để ngồi ra mép giường.

Đôi chân lởm chởm những lông trắng của lão run rẩy. Lão nhờ K. đưa giúp cho một chiếc nệm ghế tràng kỉ; K. đi lấy nệm và bảo luật sư Hun:

- Ông không khéo bị cảm lạnh mà chẳng được tích sự gì đâu.

- Lí do cũng bõ công! - luật sư vừa nói vừa trùm chăn lên đôi vai và quấn hai chân vào trong nệm. - Ông chú anh là bạn của tôi, còn anh, cùng với thời gian, anh cũng trở thành thân thiết với tôi. tôi không úp mở thú nhận như vậy và chẳng lấy thế làm xấu hổ.

Những lời lẽ cảm động ấy của ông già làm cho K. hết sức ngán ngẩm vì chúng buộc anh phải biện minh dài dòng, là điều anh muốn tránh, và chúng cũng làm cho anh bối rối, muốn thẳng thắn anh phải thú nhận với lòng mình như vậy, tuy rằng sự quyết định của anh không vì thế mà giảm đi.

- Tôi xin cám ơn ông về nhiệt tình giúp đỡ, tôi tôn kính những nỗ lực của ông. Ông đã lo toan hết sức mình cho công việc của tôi và theo cách ông nghĩ là có lợi cho tôi hơn cả, nhưng trong thời gian gần đây tôi đi đến tin chắc là những nỗ lực ấy không đủ. Tôi sẽ không cố gắng làm cho một người tuổi tác và kinh nghiệm đều hơn tôi như ông phải ngả theo ý kiến của tôi; nếu đôi khi tôi đã vô tình toan làm như vậy, tôi xin ông tha lỗi cho, nhưng vụ việc quan trọng quá mà; tôi cho rằng cần thiết phải can thiệp mạnh mẽ hơn như ta đã làm từ trước đến nay rất nhiều.

- Tôi hiểu anh, - luật sư nói, - anh nóng lòng sốt ruột.

- Tôi không nóng lòng sốt ruột, - K. nói, hơi bị chạm nọc và kém giữ gìn lời ăn tiếng nói. - Chắc ông đã nhận thấy rằng lần đầu tiên khi tôi đến gặp ông cùng với ông chú của tôi, tôi chẳng lo lắng gì mấy đến vụ án; khi người ta không cố ép cho tôi nhớ đến, có thể nói tôi đã quên đứt đi rồi. Nhưng ông chú tôi tha thiết muốn tôi phải nhờ ông đại diện cho và tôi đã nghe lời để làm cho ông chú tôi vui lòng. Tôi cứ tưởng từ đó gánh nặng của vụ án nhẹ đi trên vai tôi hơn bao giờ hết, bởi vì khi ta nhờ cậy người đại diện thì dẫu sao cũng là để cho bản thân mình được nhẹ gánh bớt đi. Nhưng sự việc diễn ra ngược lại... Vụ án của tôi chưa bao giờ làm cho tôi băn khoăn lo lắng nhiều như từ khi ông giúp đỡ tôi. Hồi tôi chỉ có một mình, tôi

chẳng quan tâm đến nó, và hầu như không cảm thấy gánh nặng; còn bây giờ, với một luật sư bào chữa, tất cả đều sẵn sàng để tiến triển, tôi chờ đợi sự can thiệp của ông càng ngày càng sốt ruột hơn, nhưng chẳng bao giờ thấy có tiến hành gì. Đúng là ông đã cho tôi biết về tổ chức tư pháp nhiều điều chỉ dẫn mà có lẽ không một ai khác có thể cung cấp cho tôi được. Nhưng điều đó không thể là đủ cho tôi khi tôi cảm thấy vụ án của mình vẫn chìm trong bóng tối vào lúc nó trở nên mỗi lúc một đáng lo ngại hơn.

K. đã đẩy ghế ra và hai tay đút túi đứng sững trước mặt luật sư của anh.

- Sau một thời gian trong nghề, người ta thấy chẳng có điều gì mới mẻ diễn ra nữa, - luật sư khe khẽ nói một cách bình thản. - Vẫn những khách hàng đứng trước mặt tôi như thế này, ở vào cùng một pha trong vụ án của họ, và cũng nói năng với tôi như thế!

- Này, các khách hàng ấy có lí cũng chẳng kém gì tôi đâu, - K. nói. - Cái đó không bác bỏ điều tôi vừa nói.

- Tôi đâu có ý định bác bỏ những lời lẽ của anh, - luật sư nói, - nhưng tôi muốn thêm rằng tôi cứ tưởng anh phải suy nghĩ chín chắn hơn, đặc biệt là vì tôi đã cho anh biết rõ hơn các khách hàng khác về tổ chức tư pháp và về vai trò của tôi. Còn bây giờ dù sao tôi cũng phải thấy rằng anh thiếu tin cậy ở tôi! Anh không tạo điều kiện dễ dàng cho tôi làm việc.

Lão tự hạ mình trước mặt K. quá đỗi! Lão chẳng còn nể nang gì danh dự nghề nghiệp của lão vốn rất hay bất bình về khoản phẩm giá! Và tại sao lão lại làm như vậy? Lão có vẻ rất bận với công việc luật sư; thêm vào đó, lão lại giàu có, vậy bỏ lỡ một dịp kiếm tiền hay mất đi một người khách hàng có gì là quan trọng ghê gớm với lão lắm đâu. Hơn nữa, lão lại ốm yếu và chắc cũng phải tự mình tìm cách để được nhẹ công bớt việc đi chứ. Thế mà lão lại bám lấy K.! Sao vậy? Phải chăng là do thiện cảm cá nhân với ông chú hay lão thực sự cho rằng vụ án của K. là một vụ giật gân, qua đó lão hi vọng có thể tôn mình

lên trước con mắt của K., hoặc không bao giờ nên loại trừ khả năng là trước con mắt bạn bè và của tổ chức tư pháp? Thái độ của lão không cho K. biết được điều gì cả, mặc dù anh quan sát luật sư Hun chằm chằm. Hầu như ta có thể nghĩ rằng luật sư cố ý che giấu các tình cảm của mình đi để chờ đợi hiệu quả của lời lẽ; nhưng chắc lão hiểu sự im lặng của K. một cách quá thuận lợi, vì lão nói tiếp những lời sau đây:

- Chắc chẳng phải anh không nhận thấy là tôi không dùng thư kí mặc dầu văn phòng của tôi hết sức quan trọng? Xưa kia thì khác; có một thời tôi sử dụng vài luật gia trẻ tuổi, nhưng ngày nay tôi tiến hành một mình. Điều đó một phần là do khách hàng của tôi có thay đổi - vì càng ngày tôi chỉ càng tự hạn chế vào những vụ việc thuộc loại vụ việc của anh mà thôi - và một phần là do kinh nghiệm của tôi thu thập được về các vấn đề ấy. Tôi đã thấy rằng không thể giao những công việc này cho bất cứ ai mà không lo mắc lỗi với khách hàng của tôi và với các nhiệm vụ tôi phải cáng đáng. Nhưng để có thể tự mình làm hết mọi việc như tôi đã quyết định, tôi buộc phải gạt đi hầu hết những người đến tìm tôi xin giúp đỡ và chỉ có thể nhượng bộ những ai đặc biệt thân thiết với tôi thôi; chẳng cần tìm đâu xa cũng thấy được khối kẻ vẫn lăn xả vào nhờ vả tôi. Thậm chí tôi đâm ốm vì làm việc quá sức. Nhưng dẫu sao, tôi không ân hận về quyết định của mình; lẽ ra tôi đã phải khước từ nhiều vụ hơn nữa, song dù thế nào tôi cũng lấy làm thú vị xác nhận rằng tôi hoàn toàn có lí đem hết tâm trí dốc vào những vụ mà tôi đã cáng đáng; sự thành công làm vẻ vang cho các nỗ lực của tôi. Có hôm tôi đọc được một lời rất hay xác định rõ rệt sự khác nhau giữa luật sư của những vụ án thông thường với luật sư của các vụ án mà hiện nay tôi đương đảm nhiệm: người đầu cầm dây dẫn khách hàng của mình đến tận bản án, còn người kia nắm lấy hai vai khách hàng ngay từ đầu, và nhấc bổng y lên đem thẳng một mạch đến bản án, thậm chí còn xa hơn. Đúng như thế đấy. Nhưng có lẽ tôi cũng hơi lầm khi bảo rằng tôi chẳng bao giờ ân hận về

những công sức bỏ ra vô cùng nặng nhọc kia. Khi người ta không biết đến nó một cách quá đáng, như trong trường hợp của anh, thì tôi, thì tôi hầu như cũng lấy làm hối tiếc.

Những lời lẽ ấy khiến cho K. sốt ruột nhiều hơn là tin chắc. Qua giọng nói của luật sư, anh đoán được nếu mình nhượng bộ thì sẽ đi đến đâu; những lời động viên chắc sẽ lại bắt đầu, người ta chắc sẽ nhắc lại với anh rằng việc thảo đơn đương tiến triển, các nhân viên tư pháp có vẻ hồ hởi hơn, nhưng cũng có những khó khăn lớn xen ngang... Tóm lại, người ta sẽ lại tuôn ra với anh đến lần thứ một trăm tất cả những gì anh biết đến phát ngấy, người ta sẽ lại bắt đầu dỗ dành anh bằng những niềm hi vọng phỉnh phờ và quấy rầy anh bằng những nỗi đe dọa không rõ rệt. Cần phải cắt đứt chuyện đó đi thôi: vì vậy anh bảo:

- Ông dự định tiến hành điều gì cho tôi nếu ông tiếp tục đảm nhiệm công việc của tôi?

Luật sư cam chịu với câu hỏi xúc phạm đó và trả lời:

- Tôi sẽ tiếp tục những sự vận động mà tôi đã tiến hành cho anh.

- Đúng như tôi đã nghĩ, - K. bảo. - Cố nài chẳng ích lợi gì đâu.

- Tôi sẽ còn tiến hành một mưu toan nữa, - luật sư nói, chẳng khác nào chính lão là người phải chịu đựng những nỗi bực dọc mà K. than phiền. - Anh đi đến chỗ không những đánh giá sai sự giúp đỡ của tôi về mặt pháp lí, mà khái quát hơn còn xử sự như anh xử sự trong vụ này, theo tôi thực ra đó là vì người ta đã tỏ ra nể nang anh quá, tuy anh là bị cáo, hoặc đúng hơn là người ta đã đối xử hờ hững với anh, tất nhiên chỉ là hờ hững bề ngoài. Điều đó chẳng phải là không có lí do, nhưng thường khi bị xiềng xích còn hơn là được tự do. Nếu anh biết cái cách người ta tiến hành với bị cáo khác ra sao, có lẽ anh đã rút ra được bài học. Rồi anh xem, tôi sắp gọi Blôc, anh mở cửa ra và ngồi xuống cạnh chiếc bàn để đèn đêm này.

- Rất hài lòng, - K. nói và làm theo như luật sư yêu cầu.

Anh luôn luôn sẵn sàng tìm hiểu. Nhưng để tránh mọi may rủi, anh còn hỏi thêm luật sư Hun:

- Ông biết là tôi thôi không còn nhờ ông đại diện cho nữa chứ?

- Phải. - luật sư nói. - Nhưng đó là một quyết định mà anh có thể đổi ý ngay trong ngày hôm nay.

Lão lại nằm xuống giường, kéo chăn lên đến tận đầu gối và quay mặt vào tường, rồi ông bấm chuông.

Ngay lúc ấy Leni xuất hiện; cô đưa mắt lướt nhìn rất nhanh để cố xem chuyện gì xảy ra; cô có vẻ khá yên tâm thấy K. vẫn ngồi bình thản ở đầu giường luật sư Hun. K. nhìn cô chăm chú; cô mỉm với anh một nụ cười.

- Đi tìm Blôc đến đây, - luật sư bảo.

Nhưng cô không đi mà chỉ đứng ở bậc cửa hét:

- Blôc! Luật sư!

Rồi có lẽ lợi dụng lúc luật sư vẫn còn đương quay mặt vào tường chẳng quan tâm gì đến những chuyện xảy ra, cô lẻn vào phía sau ghế của K.. Từ lúc đó cô không ngừng quấy nhiễu anh bằng cách cúi mình trên lưng ghế, hoặc vuốt tóc, vuốt má anh phải nói là rất âu yếm và hết sức thận trọng.

Chịu không nổi, K. định ngăn cản bằng cách tóm lấy một bàn tay của cô, cô giẫy giẫy một chút rồi cuối cùng để yên cho anh nắm.

Vừa nghe gọi là Blôc tới ngay, nhưng y cứ đứng ở ngưỡng cửa và có vẻ băn khoăn chẳng biết có nên vào hay không. Y rướn cặp lông mày lên và ngó nghiêng đầu, chắc là chờ đợi lệnh phát ra lần nữa. K. rất muốn động viên y cứ vào, nhưng anh đã quyết định đoạn tuyệt hẳn không những với luật sư, mà với cả cái nhà này; vì vậy anh ngồi yên không động đậy. Về phía mình, Leni cũng im lặng. Blôc thấy là dù sao cũng chẳng bị ai xua đuổi, nên rón rén bước vào, vẻ mặt lo lắng, hai bàn tay co quắp phía sau lưng. Y vẫn để ngỏ cửa để có chuyện gì thì tháo chạy cho nhanh...

Y không nhìn thấy K.. Y chỉ để mắt đến đống chăn lù lù. song không thể nhận ra luật sư dưới đó vì lão nằm áp sát vào tường. Nhưng luật sư Hun lên tiếng:

- Blôc tới đấy à?

Câu hỏi ấy đập vào Blôc - y đương tiến tới - vào tai. vào mặt, vào mũi[1]; y lảo đảo. rồi đứng khựng lại. cúi rạp xuống và thưa:

- Để hầu hạ ngài.

- Bác muốn gì? - luật sư hỏi. - Bác đến chẳng đúng lúc gì cả.

- Chẳng phải người ta đã gọi tôi ư? - Blôc hỏi. có vẻ tự hỏi mình hơn là hỏi luật sư.

Y giơ hai bàn tay lên để chống đỡ và chuẩn bị sẵn sàng tháo chạy.

- Người ta đã gọi bác thật. - luật sư nói. - nhưng vẫn là bác đến chẳng đúng lúc gì cả.

Rồi im lặng một lát. lão thêm:

- Bác luôn luôn đến chẳng đúng lúc gì cả.

Từ lúc luật sư nói. Blôc không nhìn cái giường nữa: đôi mắt y mải miết ngắm nghía chẳng biết cái xó buồng nào: chỉ lâu lâu y mới len lén đưa mắt nhìn lên giường. như thể con mắt mà thỉnh thoảng luật sư lườm y làm cho y chói mắt quá. Đã thế. y lắng nghe cũng khó khăn chẳng kém. vì luật sư Hun nói vào tường. lí nhí và liến thoắng.

- Ngài muốn tôi đi ra ạ? - Blôc hỏi.

- Bác đã đến đây rồi thì có thể ở lại. - luật sư bảo.

Người ta tưởng đâu luật sư chẳng hề làm vui lòng khách hàng mà còn dọa đánh nữa, vì Blôc lúc đó thật sự run lên bần bật.

- Hôm qua ta đi gặp vị quan tòa thứ ba. là bạn của ta. - luật sư nói, - và ta đã dần dần dẫn dắt câu chuyện đến bác. Bác có muốn biết vị ấy đã nói gì với ta không?

- Có chứ ạ! Xin ngài làm ơn. - Blôc nói.

---

[1] Nguyên bản tiếng Pháp: en pleine poitrine. puis en pleine dos.

Và vì luật sư còn dềnh dàng chưa trả lời, y vừa nhắc lại lời cầu xin vừa cúi rạp như sắp quỳ sụp xuống. Nhưng K. mắng như tát nước vào mặt y:

- Ông làm trò gì thế? - anh quát bảo y.

Và vì Leni tìm cách ngăn không cho anh nói, anh liền tóm luôn bàn tay kia của cô. Đó không phải là một cử chỉ âu yếm, vì vậy cô rên rỉ và cố thoát ra.

Blôc là kẻ bị trừng phạt về lời kêu thốt lên của K.. Luật sư Hun hỏi y:

- Ai là luật sư của bác?

- Thưa chính là ngài ạ.

- Còn ngoài ta ra? - luật sư hỏi.

- Không có ai nữa ạ, - Blôc nói.

- Vậy đừng nghe theo ai ngoài ta.

Blôc hoàn toàn đồng ý: y gườm gườm nhìn K. từ đầu đến chân và vừa nhìn vừa hất mạnh đầu. Nếu muốn dịch cái cử chỉ ấy ra thành lời thì chỉ có thể đi đến những tiếng chửi rủa thô tục. Ấy thế mà K. lại muốn trao đổi với con người đó về công việc của chính mình đấy!

- Tôi không quấy rầy ông nữa, - K. ngả người trên ghế nói. - Cứ quỳ xuống đi, cứ bò đi bằng bốn vó và muốn làm gì thì làm. Tôi sẽ chẳng quan tâm đến đâu.

Nhưng Blôc có ý thức về danh dự, ít ra là đối với K., bởi vì y vung hai nắm đấm tiến thẳng về phía anh và quát to trong chừng mực y dám quát khi có mặt luật sư:

- Ông không có quyền ăn nói với tôi như vậy, không được phép thế. Cớ sao ông lại xúc phạm tôi? Hơn nữa, ở đây, trước mặt luật sư, ngài chỉ tha thứ cho cả ông lẫn tôi vì thương tình mà thôi! Ông cũng chẳng hơn gì tôi, ông cũng là bị cáo, ông cũng có một vụ án. Nhưng nếu như dẫu sao ông vẫn là một người danh giá, thì tôi đây cũng là một người danh giá nếu chẳng phải là danh giá hơn ông. Và tôi muốn người ta nói với tôi là nói với người như thế, và nhất là ông. Nếu ông tưởng

rằng ông được ưu ái hơn vì ông có quyền được ngồi ở đây và được bình thản lắng nghe trong khi tôi bò đi bằng bốn vó (theo chữ dùng của ông), tôi xin nhắc lại với ông câu ngạn ngữ cổ: "Đối với một kẻ bị tình nghi thì chạy vạy tốt hơn là nghỉ ngơi, vì kẻ nghỉ ngơi tuy không biết nhưng luôn có nguy cơ thấy mình trên một đĩa cân và bị cân theo với trọng lượng các tội lỗi của mình".

K. chẳng nói chẳng rằng; anh vẫn ngồi đấy, ngạc nhiên vô cùng trước sự bối rối của gã khách hàng. Biết bao lần anh chàng Blôc kia đã thay đổi thái độ chỉ riêng trong tiếng đồng hồ vừa qua! Phải chăng vụ án đã lắc y hết sang phải lại sang trái như vậy mà chẳng cho phép y phân biệt được ai là bạn ai là thù? Y không thấy hay sao là luật sư cố tình làm nhục y chỉ với mục đích duy nhất phô trương quyền lực của lão trước mặt K., có lẽ để cố khuất phục cả anh nữa? Nhưng nếu Blôc không có khả năng hiểu được điều đó hoặc y sợ luật sư Hun đến mức dù có hiểu được tình thế cũng chẳng biết làm trò trống gì, thì tại sao y lại đủ tinh quái hoặc đủ táo tợn để lừa dối luật sư, không cho lão biết tất cả những người y đã nhờ cậy ngoài lão ra để giúp đỡ y? Và tại sao y dám đả kích K. là người có thể tiết lộ điều bí mật nguy hiểm của y bất cứ lúc nào? Nhưng y còn to gan lớn mật hơn nữa kia, vì y dám đi đến bên giường luật sư Hun để than phiền về K.

- Bẩm ngài luật sư, - y thưa với lão, - ngài có nghe thấy anh chàng này đã bảo tôi như thế nào không? Người ta có thể đếm được vụ án của hắn mới kéo dài bao nhiêu tiếng đồng hồ, thế mà hắn đã muốn khuyên tôi điều này điều nọ, trong khi tôi có một vụ án từ năm năm trời nay. Hắn còn dám chửi rủa tôi nữa. Hắn chẳng biết gì hết, thế mà hắn chửi rủa tôi, trong khi tôi là kẻ, trong chừng mực cơ thể yếu đuối của tôi cho phép, đã nghiên cứu hết sức chu đáo những gì mà các phép tắc, bổn phận và những truyền thống tư pháp đòi hỏi.

- Bác đừng băn khoăn về ai cả, - luật sư nói, - bác thấy làm thế nào là đúng thì làm.

- Cố nhiên, - Blôc nói, như để tự khích lệ mình, rồi đánh liều đưa mắt nhìn vội luật sư một cái, y quỳ xuống sát bên giường.

- Tôi đương quỳ đây, bẩm luật sư, - y thốt lên.

Nhưng luật sư im lặng. Blôc dùng một bàn tay rón rén vuốt ve cái chăn. Trong cảnh lặng lẽ như tờ, Leni vùng ra khỏi hai bàn tay của K., kêu lên:

- Anh làm em đau. Buông em ra. Em đến với Blôc đây.

Cô đến bên Blôc và ngồi xuống mép giường. Blôc mừng rơn thấy cô tới, y lập tức rối rít ra hiệu van nài cô can thiệp với luật sư giúp cho y. Rõ ràng là y cần những lời tuyên bố của luật sư Hun, nhưng có lẽ chỉ là để cho các luật sư bào chữa khác của y khai thác. Leni chắc là phải biết cách làm thế nào để chinh phục luật sư. Cô trỏ bàn tay luật sư Hun và chìa môi ra như để hôn. Blôc lập tức thi hành hôn tay, thậm chí hôn thêm hai lần nữa theo sự thôi thúc của Leni. Nhưng luật sư vẫn im lặng. Leni liền cúi xuống lão - người ta thấy thân thể cô nổi lên tuyệt vời trong động tác ấy - và cúi sát xuống mặt luật sư Hun, cô vuốt ve mái tóc dài bạc trắng của lão. Cử chỉ ấy dẫu sao cũng moi được của ông lão một câu trả lời:

- Ta run sợ nói điều đó ra với hắn, - lão tuyên bố.

Và người ta thấy lão lắc đầu, có lẽ là để cảm nhận được rõ hơn bàn tay Leni áp xuống. Blôc lắng nghe, đầu cúi gầm, như thể y làm điều gì bị cấm đoán.

- Sao ông run như thế? - Leni hỏi.

K. có cảm tưởng chứng kiến một cuộc đối thoại được chuẩn bị từ trước, chắc đã tái diễn và sẽ còn tái diễn luôn luôn, chỉ có Blôc mới thấy là mới lạ mà thôi.

- Hôm nay hắn cư xử ra sao? - đáng lẽ trả lời thì luật sư lại hỏi.

Trước khi nói, Leni đưa mắt nhìn Blôc; trong một lúc, cô cứ để cho y vươn hai cánh tay về phía cô, hai bàn tay xoắn vào nhau tỏ ý van nài. Cuối cùng, cô nghiêm nghị lắc đầu, rồi quay về phía luật sư, cô nói:

- Ông ấy bình tĩnh, ông ấy đã làm việc tốt.

Một thương gia già đương ngồi kia, một người có cả chòm râu to tướng và đương van nài một cô gái chấp thuận cho mình điểm tốt! Dù ẩn ý của y thế nào đi nữa, không gì có thể biện bạch được cho y trước con mắt ai chứng kiến cảnh này! Y làm cho người chứng kiến cũng trở thành hèn hạ. Kết quả phương pháp này của luật sư là thế đấy - cũng may K. không phải chịu đựng lâu: gã khách hàng rút cục quên hết thiên hạ và chỉ còn mong mỏi lê lết tới tận cùng vụ án của y bằng con đường quanh co ngoắt ngoéo nhục nhã này. Đấy không còn là một khách hàng nữa mà là con chó của luật sư. Nếu lão ta ra lệnh cho y bò vào gầm giường và sủa ăng ẳng như từ trong cũi chó, chắc y cũng nghe theo một cách thích thú.

K. lắng nghe và cân nhắc từng chữ trong khi anh vẫn vượt mình lên cao hơn cái cảnh tượng kia, dường như anh được giao công việc ghi nhớ cho chính xác tất cả những gì nghe được ở nơi đây để đệ trình lên cấp trên.

- Suốt ngày hắn làm gì? - luật sư hỏi.

- Để cho ông ấy khỏi quấy rầy cháu, - Leni đáp -cháu đã khóa trái ông ấy trong buồng con sen, nói chung ông ấy ở trong đó. Thỉnh thoảng cháu có thể nhìn vào qua ô cửa tò vò. Lúc nào ông ấy cũng quỳ gối trên giường, ông ấy đặt trên mép ô cửa tò vò những giấy tờ ông cho ông ấy mượn và ông ấy cứ đọc hoài. Điều đó gây cho cháu một ấn tượng tốt; bởi vì ô cửa tò vò chỉ trông xuống một mảnh sân tối om hầu như chẳng có tí ánh sáng nào. Thế mà ông ấy vẫn cứ đọc nên cháu cho rằng đấy là một dấu hiệu lớn của tính ngoan ngoãn dễ bảo.

- Ta rất sung sướng về tin vui đó, - luật sư nói. - Nhưng hắn có đọc một cách thông minh không?

Trong suốt cuộc đối thoại ấy, Blốc không ngừng mấp máy đôi môi; chắc đấy là những câu trả lời y hi vọng ở Leni.

- Cháu không thể trả lời ông một cách chắc chắn được, - Leni đáp. - Nhưng dẫu sao, cháu thấy ông ấy đọc nghiêm túc lắm. Ông ấy cứ đọc mãi một trang với ngón tay lần theo các

dòng. Lần nào cháu nhìn vào. ông ấy cũng thở hổn hển hình như đọc vất vả lắm. Những giấy tờ ông cho ông ấy mượn chắc là rất khó hiểu.

- Phải. - luật sư nói. - chúng rất khó hiểu: ta đây cũng không tin là hắn hiểu được gì nhiều. Chúng chỉ cốt đem lại cho hắn một ý niệm về việc ta phải dấn thân vào cuộc chiến đấu khó khăn ra sao để bào chữa cho hắn. Và vì đâu mà ta đã lao vào cuộc chiến đấu khó khăn ấy? Vì... - nói ra mà nực cười - vì một thằng cha Blôc. Hắn cần phải cố mà hiểu như thế nghĩa là thế nào. Hắn đã nghiên cứu liên tục chứ?

- Gần như liên tục. - Leni đáp. - Chỉ có một lần ông ấy hỏi xin cháu nước uống. Cháu đã đưa cho một cốc qua ô cửa tò vò. Rồi đến tám giờ cháu để ông ấy ra và cho ăn một miếng.

Blôc lướt mắt nhìn K. chẳng khác nào người ta vừa kể về y một chuyện gì đó vẻ vang vô cùng và chắc phải gây ấn tượng mạnh mẽ cho người nghe. Y có vẻ chứa chan hi vọng, y lấy lại được đôi chút thoải mái. thỉnh thoảng y cựa quậy trên đôi đầu gối. Như thế chỉ càng làm cho ta xúc động hơn khi thấy y sững lại như thế nào ở những lời tiếp sau đó của luật sư:

- Chỉ khen ngợi hắn. - luật sư Hun bảo. - nhưng chính vì thế mà ta rất khó nói. bởi vì quan tòa đã không phát biểu theo hướng thuận lợi về Blôc. mà cũng chẳng thuận lợi về vụ án của hắn.

- Ông ta đã không phát biểu theo hướng thuận lợi ư? - Leni nói. - Sao lại có thể như thế được?

Blôc nhìn cô chằm chằm đến nỗi dường như y cho rằng cô có khả năng lật lại theo hướng có lợi cho y những lời lẽ mà quan tòa đã thốt ra rồi.

- Không, - luật sư nói. - vị ấy đã không phát biểu theo hướng thuận lợi. Thậm chí vị ấy còn có vẻ ngạc nhiên một cách khó chịu khi ta lên tiếng về Blôc. "Đừng nói với tôi về Blôc - vị ấy bảo ta."Đấy là khách hàng của tôi mà" - ta đã đáp lại. "Ngài để cho nó lợi dụng ngài rồi" - vị ấy lại bảo ta. "Tôi không tin như thế - ta đã trả lời. - Blôc ra sức hăng hái làm

việc cho vụ án của hắn, hắn không ngừng lo toan đến công việc của mình; hầu như hắn ở luôn tại nhà tôi để nắm tình hình cho vững hơn. Không phải lúc nào cũng có được người hăng hái như thế đâu. Cố nhiên về phương diện cá nhân hắn thì cũng khá khó chịu đấy, hắn có những cung cách hết sức xấu xa, thêm vào đó lại bẩn thỉu nữa, nhưng về phương diện kiện cáo thì hắn quả là không chê vào đâu được". Khi nói không chê vào đâu được là ta đã cố ý phóng đại lên. Nhưng vị ấy đã trả lời ta: "Blôc chỉ là đứa tinh quái. Nó đã thu góp được rất nhiều kinh nghiệm và nó biết cách kéo rê vụ án của mình ra. Nhưng nó còn ngu dốt hơn là quỷ quái nhiều. Liệu nó sẽ bảo sao nếu biết rằng vụ án của nó chưa bắt đầu, ngay đến tiếng chuông khai mào cũng vẫn còn chưa được rung lên?"

- Im đi, Blôc, - lão nói thêm vì thấy Blôc đương nhổm dậy trên đôi đầu gối run rẩy của y chắc là để xin một lời giải thích.

Đây là lần đầu tiên luật sư nói trực tiếp với y một cách hơi tỉ mỉ đôi chút. Luật sư Hun với con mắt mệt mỏi, nửa như nhìn vào chỗ trống, nửa như nhìn về phía Blôc, y lại từ từ khuỵu xuống hai đầu gối do ảnh hưởng của cái nhìn ấy.

- Những lời tuyên bố đó của quan tòa chẳng có gì quan trọng với bác cả, - luật sư Hun nói tiếp. - Đừng có chưa chi đã sợ rúm lại. Nếu còn như thế, tôi sẽ không nói gì cho mà biết nữa đâu. Người ta chẳng mở miệng nói ra câu nào mà bác không xem như người ta tuyên án bác. Bác thật xấu hổ có một thái độ như thế trước mặt khách hàng của tôi. Bác làm lung lay niềm tin cậy của anh ấy đối với tôi. Thế bác muốn gì nào? Bác chẳng vẫn còn sống đấy ư? Bác chẳng vẫn được tôi che chở đấy ư? Sợ hãi ngớ ngẩn! Bác đọc ở đâu chẳng biết là nhiều khi sự kết án rơi xuống vào một lúc hoàn toàn bất ngờ và từ bất cứ cửa miệng nào thốt ra; trừ ra rất nhiều ngoại lệ, cố nhiên điều đó không phải là sai, song cũng hoàn toàn chính xác là nỗi lo lắng của bác làm cho tôi ngán ngẩm lắm và tôi nhìn thấy ở đấy một sự thiếu tin cậy thật đáng tiếc. Tôi đã nói gì nào? Tôi đã nhắc lại những lời của một quan tòa. Bác còn lạ

gì có những ý kiến hết sức khác nhau tích tụ chung quanh của các vụ tranh chấp. Vị quan tòa đó chẳng hạn cho khởi sự vụ án vào một lúc khác với tôi. Chỉ là do bất đồng về quan điểm. Theo một truyền thống xưa thì đến một lúc nào đó của vụ án phải rung lên một tiếng chuông báo. Dưới con mắt của vị quan tòa đó, chỉ đến lúc ấy mọi sự mới bắt đầu. Tôi không thể nói cụ thể với bác được, vì bác sẽ không hiểu ông ta, bác chỉ cần biết rằng có nhiều lập luận bác bỏ ông ta thế là đủ.

Blôc lúng túng liền lấy tay cạo cạo lớp da của cái thảm chân giường. Vì lo sợ những lời tuyên bố của quan tòa mà nhiều lúc y quên bẵng mất cái thân phận nô lệ mà luật sư bắt y phải chịu đựng; lúc ấy y chỉ còn nghĩ đến bản thân mình và lật đi lật lại những lời của quan tòa theo đủ mọi chiều hướng.

- Blôc, - Leni nói bằng một giọng quở trách và nhè nhẹ nắm cổ áo vét tông kéo y lên trên không, - để yên tấm da con vật đấy và lắng nghe luật sư đi.

K. không hiểu tại sao luật sư bào chữa của anh lại có thể nghĩ là thu phục được anh bằng cách bày ra cái trò này. Có lẽ nó đủ để xua đuổi anh đi nếu anh không có ý định từ lâu là sẽ chẳng quay trở lại.

CHƯƠNG IX
Ở NHÀ THỜ LỚN

K. được giao trách nhiệm hướng dẫn đi thăm vài công trình nghệ thuật cho một ông người Italia là khách hàng sộp của ngân hàng và mới đến thành phố lần đầu tiên. Đó là một

nhiệm vụ chắc chắn đã làm cho anh vô cùng vinh hạnh vào những thời điểm khác. nhưng lần này anh chỉ miễn cưỡng nhận lời, vì anh chỉ có thể cứu vãn được uy tín của anh ở ngân hàng bằng những nỗ lực to lớn nhất. Những giờ phút nào anh không có mặt ở văn phòng đều khiến cho anh hết sức băn khoăn lo lắng; anh không còn được sử dụng thời gian làm việc của anh một cách hữu ích như xưa; bao tiếng đồng hồ trôi qua anh chỉ có thể làm ra vẻ như đương bận rộn; nỗi lo lắng của anh chỉ càng tăng lên khi anh vắng mặt ở ngân hàng. Lúc đó anh tưởng chừng nhìn thấy viên phó giám đốc, vẫn luôn rình mò, thậm thụt ra vào trong văn phòng của anh, ngồi vào bàn làm việc, lục soát các giấy tờ của anh. tiếp những khách hàng mà lâu nay anh vẫn giữ được quan hệ có thể nói là thân ái, làm cho họ xa lánh người vẫn thường góp ý cho họ, thậm chí còn tìm thấy trong công việc của ông đại diện những lỗi lầm mà bây giờ K. cảm thấy như chỗ nào cũng có và không sao tránh khỏi. Vì vậy, bất cứ lần nào người ta giao cho anh đi đâu để gặp một khách hàng nào đấy hay thậm chí một chuyến đi ngắn ngày - chuyện đó thường diễn ra luôn. hoàn toàn do ngẫu nhiên trong những ngày gần đây - thì dù nhiệm vụ vẻ vang đến mấy, anh vẫn luôn luôn nghĩ rằng người ta chỉ tìm cách tống anh đi để kiểm tra công việc của anh hoặc người ta cho là có thể dễ dàng bất cần đến anh. Kể ra anh có thể thoát khỏi tất cả những nhiệm vụ ấy chẳng khó khăn gì mấy. nhưng anh không dám, bởi vì cho dù những nỗi lo sợ của anh chẳng có cơ sở bao nhiêu, thì từ chối khác nào là thú nhận có lo sợ. Vì vậy anh bao giờ cũng ra vẻ sẵn sàng nhận lời. Thậm chí, một ngày trước chuyến đi công cán vất vả kéo dài hai hôm, anh đã giấu không cho biết là bị cảm lạnh nặng để người ta đừng vin cớ thời tiết xấu mà thay thế anh. Khi anh trở về, thần kinh hết sức căng thẳng, thì được biết là người ta giao cho nhiệm vụ đi tháp tùng ông khách hàng sụ người Italia. Lần này anh rất muốn từ chối, nhất là chẳng phải một công việc có tính chất nghiệp vụ gắt gao; nhiệm vụ tiếp tân mà anh

phải hoàn thành cố nhiên là có tầm quan trọng lớn lao, nhưng không phải là đối với anh; anh biết rằng mình chỉ có thể đứng vững được nhờ thắng lợi trong kinh doanh, và nếu anh không thành công ở đó, thì cũng chẳng ai tính cho anh là đã làm cho cái ông từ nước Italia đến kia được vui sướng mê tơi; anh không muốn xa rời nơi làm việc của anh một ngày nào, vì quá lo sợ là sẽ không thể trở về đấy được nữa, nỗi sợ hãi chính anh cũng thừa nhận là thổi phồng quá đáng, nhưng dù sao nó vẫn đè nặng lên anh. Tuy nhiên anh không kiếm được cớ gì có thể chấp nhận được. Vốn kiến thức về tiếng Italia của anh không lớn nhưng đủ để hướng dẫn một khách du lịch, và nỗi bất hạnh chủ yếu là ở ngân hàng ai cũng rõ anh hiểu biết ít nhiều về nghệ thuật, người ta còn phóng đại tầm quan trọng lên vì biết anh đã từng có một thời là thành viên ủy ban bảo vệ các công trình nghệ thuật của thành phố - thực ra đó cũng là vì lí do kinh doanh. Người ta biết ông khách Italia rất ham thích nghệ thuật nên cho rằng chọn K. để đi tháp tùng là chuyện đương nhiên.

Sáng hôm ấy, thời tiết xấu và có mưa lúc anh tới văn phòng, trong người đã bực dọc về cái ngày đương chờ đợi anh; anh đến từ bảy giờ để có thể giải quyết quáng quàng đôi ba công việc trong lúc chờ đợi ông khách. Anh thấy mệt kinh khủng vì đã thức suốt nửa đêm nghiên cứu cuốn ngữ pháp tiếng Italia để nhớ lại, và cái cửa sổ anh ngồi đã quá quen từ ít lâu nay thu hút anh mạnh hơn là bàn giấy, nhưng anh cưỡng lại sự cám dỗ và bắt tay vào công việc. Khốn nỗi, đúng lúc đó gã đầy tớ vào báo tin ngài giám đốc sai tới xem ông đại diện đã đến chưa và cho mời ông sang phòng tiếp khách, ở đấy ông người Italia đương đợi.

- Tôi sang ngay đây, - K. nói.

Anh nhét một cuốn từ điển nhỏ vào trong túi; tay cắp một tập an bom những danh lam thắng cảnh của thành phố mà anh đã chủ tâm chuẩn bị cho ông khách nước ngoài rồi đi qua phòng phó giám đốc để sang phòng giám đốc. Anh mừng là đã

đến sớm và khi ngân hàng cần đến là có mặt ngay lập tức, vì thật ra ai có thể nghĩ anh lại tới sớm như thế.

Tất nhiên, văn phòng ông phó giám đốc vẫn còn vắng lặng như đương đêm: gã đầy tớ đã phải vào tìm chủ và chẳng thấy bóng ai.

Khi K. bước vào phòng khách, có hai vị đương ngồi trên những chiếc ghế bành sâu liền đứng dậy; ngài giám đốc mỉm cười tươi tỉnh, vui thích ra mặt khi thấy K. tới, và lập tức giới thiệu ngay: ông người Italia bắt tay K. rất mạnh và vừa cười vừa nói về một người nào đó ngủ dậy từ lúc gà gáy. K. không hiểu rõ lắm điều đó ám chỉ ai; ông người Italia đã sử dụng một từ lạ mà một lúc sau anh mới nắm được ý nghĩa. Anh đáp lại bằng vài câu xã giao lịch sự; khách lạ nghe thấy thế lại cười nữa, ông ta luôn tay vuốt vuốt bộ ria mép rậm màu xám xanh. Bộ ria ấy chắc là được xức nước hoa, nhìn thấy hầu như ai cũng muốn sờ, muốn ngửi. Khi mọi người đã ngồi xuống và đã vào đề, K. luống cuống nhận thấy rằng anh chỉ nghe hiểu ông người Italia từng lúc. Khi ông ta nói thong thả, anh nắm được gần hết; nhưng đó chỉ là ngoại lệ! Phần lớn thời gian, lời lẽ từ miệng ông tuôn ra như suối; đồng thời đầu ông gật gù như lấy thế làm sung sướng lắm. Lúc ông nói liến thoắng như vậy, ông thường xuyên nói líu ríu một thứ thổ ngữ chẳng còn gì là tiếng Italia đối với K., nhưng ngài giám đốc thì hiểu và nói thành thạo, điều đó lẽ ra K. phải dự kiến trước, vì ông khách hàng là người miền nam nước Italia, nơi mà ngài giám đốc đã từng sống vài năm. K. nhận thấy anh thật khó lòng giao tiếp được với khách lạ mà tiếng Pháp nói cũng chẳng dễ hiểu gì hơn tiếng Italia! Đã thế bộ râu lại che không nhìn được đôi môi mấp máy có thể giúp thêm cho người nghe. K. bắt đầu dự kiến một lô những điều phiền phức, nhưng anh tạm thời thôi không cố nghe cho thủng nữa - cố gắng cũng vô ích khi ngài giám đốc có mặt đấy và nghe hiểu dễ dàng - và anh đành buồn rười rượi nhìn phong thái thoải mái của ông người Italia tuy ông ngồi lún sâu trong chiếc ghế bành; ông

luôn tay lôi lôi kéo kéo chiếc áo vét tông chật bó lấy người và một lần ông giơ hai cánh tay lên và xoay xoay hai bàn tay để cố diễn tả một cái gì đó mà K. không tài nào hiểu rõ tuy anh đã cúi người về phía trước để quan sát chăm chú hơn. Cuối cùng, K. lại thấm mệt; anh chỉ còn theo dõi một cách bị động, bằng cách quan sát một cách máy móc đôi mắt, những hiện tượng chuyển đổi ngôn từ, và giật mình thấy suýt nữa thì anh đứng lên, quay lưng và bỏ đi vì anh đãng trí và mệt quá rồi. Nhưng cuối cùng ông người Italia nhìn đồng hồ của mình, đứng phắt ngay dậy, và sau khi chào từ biệt ngài giám đốc, ông bước tới sát bên K. đến nỗi anh phải lùi ghế lại để giữ cho cử động của anh được thoải mái. Ngài giám đốc chắc là đọc thấy trong đôi mắt nỗi khổ cực của anh trước mặt ông người Italia kia, nên liền xen vào câu chuyện một cách hết sức tế nhị, làm ra vẻ như chỉ góp ý kiến vặt vãnh, nhưng thực ra là giải thích vắn tắt với K. tất cả những gì ông khách hàng nói, còn ông ta thì cứ ngắt lời luôn.

Vì thế K. biết là ông người Italia còn một số công việc phải giải quyết, và do thiếu thời gian nên ông bỏ ý định thăm tất cả những danh lam thắng cảnh; ông muốn tự giới hạn - nếu K. cũng tán thành: tùy anh quyết định - chỉ tham quan nhà thờ lớn, nhưng thật cặn kẽ. Ông rất lấy làm sung sướng được cùng đi thăm với một người vừa thành thạo vừa uyên bác - đấy là nói về K., nhưng khốn nỗi K. có để tai nghe đâu mà chỉ cốt sao nắm lõm bõm được vài ba lời của ngài giám đốc - và xin anh vui lòng có mặt ở nhà thờ lớn sau đây hai tiếng nữa, nghĩa là vào khoảng mười giờ, nếu lúc đó phù hợp với anh. Ông hi vọng có thể dứt khoát đến được vào lúc ấy.

K. trả lời tán thành, ông người Italia bắt tay ngài giám đốc, rồi bắt tay K., rồi lại bắt tay ngài giám đốc lần nữa mới ra về, cả hai người cùng tiễn chân; ông chỉ hơi ngoái đầu về phía họ, nhưng vẫn nói luôn miệng; ở ngoài cửa, K. còn đứng lại thêm lúc nữa với ngài giám đốc, hôm ấy ngài có vẻ mệt nhọc hơn và thấy cần phải cáo lỗi với anh; ngài giữ K. lại sát bên cạnh và

bảo rằng mới đầu ngài có ý định đích thân đi cùng với ông người Italia, nhưng - ngài không nêu lí do gì cụ thể - nhưng rồi ngài thấy tốt nhất là nên cử K. đi.

Nếu như K. không thật hiểu rõ ngay từ đầu thì anh cũng chẳng việc gì phải bối rối, chẳng mấy chốc anh sẽ hiểu ngay thôi, và nếu anh không nắm được hết mọi ý thì cũng chẳng phải là một nỗi bất hạnh to tát gì, vì ông người Italia có cần thiết là phải được anh hiểu lắm đâu. Vả chăng K. nói thạo tiếng Italia và rất tháo vát. Đến đây K. ra về. Anh dùng thời gian còn lại để tra từ điển và chép lại vào một quyển sổ tay những từ hiếm anh cần dùng để giải thích tòa nhà thờ. Đó là một việc làm buồn chán kinh khủng. Người hầu mang thư từ đến, các nhân viên tới hỏi điều này điều nọ, thấy K. đương mải miết, nên đều dừng lại ở ngưỡng cửa, nhưng nếu chưa được nghe thưa trình thì cũng chẳng chịu đi; còn ông phó giám đốc, không muốn bỏ lỡ dịp quấy rầy K., nên cứ tới luôn, cầm lấy cuốn từ điển từ tay anh và lật trang này trang khác, rõ ràng chẳng để làm gì cả; các khách hàng xuất hiện trong bóng tối lờ mờ ở ngoài tiền sảnh mỗi lần cửa mở, và ngập ngừng cúi đầu chào, vì họ muốn được anh nhìn thấy, nhưng lại không dám chắc là anh trông thấy họ. Cái vũ trụ cỏn con kia mà K. là trung tâm chuyển vận chung quanh anh trong lúc anh thu thập các từ ngữ cần dùng, tìm chúng trong từ điển, tập luyện phát âm và cuối cùng học thuộc lòng. Nhưng trí nhớ của anh, xưa kia tốt là thế, hình như đã bỏ rơi anh; đôi lúc anh căm tức cái ông người Italia kia làm anh vất vả thế này đến mức anh vùi cuốn từ điển vào đống giấy tờ với quyết tâm dứt khoát thôi không chuẩn bị nữa; nhưng chẳng mấy chốc anh lại nhận ra rằng dẫu sao cũng không thể cứ đi đi lại lại cùng với một ông người ngoại quốc trước các tác phẩm nghệ thuật của tòa nhà thờ mà chẳng nói năng gì, thế là anh lại lôi cuốn từ điển ra và càng căm tức hơn.

Đúng lúc anh sắp ra đi - khi ấy là chín giờ rưỡi - thì có điện thoại gọi anh; đó là Leni gọi tới chào và hỏi thăm tin tức của

anh; K. cám ơn cô vội vã và bảo rằng anh không thể nói chuyện với cô thêm nữa. vì anh phải đi đến nhà thờ lớn.

- Đến nhà thờ lớn! - Leni thốt lên.

- Đúng thế. - K. nói. - đến nhà thờ lớn.

- Mà tại sao lại đến nhà thờ lớn? - Leni hỏi.

K. tìm cách giải thích chóng vánh cho cô hiểu, nhưng anh vừa bắt đầu thì Leni đột nhiên nói:

- Người ta quấy rầy anh quá!

Sự cảm thông K. không yêu cầu mà cũng chẳng hề chờ đợi ấy làm cho anh bực mình. Anh liền nói vắn tắt vài lời chào từ biệt; nhưng anh vừa bỏ ống nghe xuống vừa nói, nửa như với mình, nửa như với cô gái lúc ấy không còn nghe thấy anh nói nữa:

- Phải, đúng thế, người ta quấy rầy tôi quá!

Song, thời giờ trôi qua, và bây giờ không khéo anh đến chậm mất. Anh sẽ phóng đi bằng ô tô; đến lúc cuối cùng anh chỉ còn vừa đủ thời giờ nhớ đến tập ảnh lúc sáng anh chưa có dịp đưa ra, và anh đi tìm nó. Anh giữ nó trên đùi, và trong suốt chặng đường, anh không ngừng sốt lòng sốt ruột gõ lên tập an bom ấy. Tuy mưa đã ngớt phần nào nhưng thời tiết vẫn lạnh, ẩm và u ám; nhìn vào trong nhà thờ lờ mờ không rõ, và phải dừng lại lâu trên nền đá lát rét buốt ấy, chứng cảm lạnh của K. trở nên trầm trọng hơn nhiều.

Quảng trường nhà thờ lớn hoàn toàn không có ai. K. nhớ lại từ hồi còn nhỏ xíu anh đã để ý thấy các ngôi nhà quanh cái quảng trường hẹp này lúc nào cũng buông rèm kín mít. Vào một ngày thời tiết như hôm ấy, chuyện đó dễ hiểu hơn. Bên trong nhà thờ có vẻ cũng trống rỗng như ngoài quảng trường; chẳng ai có ý nghĩ đi nhà thờ vào giờ đó. Anh đi khắp hai gian bên và chỉ thấy một bà già choàng khăn kín đương quỳ trước tượng Đức Mẹ. Anh cũng thoáng thấy ở phía xa một người coi giữ đồ thờ chân bước khập khiễng đi mất hút vào một cái cửa trổ trong tường. K. đến đúng hẹn; anh vừa bước chân vào nhà

thờ thì đồng hồ điểm mười tiếng, nhưng ông người Italia chưa có đấy. Anh liền quay trở lại lối cửa chính, đứng đấy một lúc, lúng túng, rồi đi một vòng quanh nhà thờ dưới trời mưa để xem nhỡ ông khách của ngân hàng biết đâu lại đợi anh ở một cửa khác. Anh không thấy ông ta đâu cả. Ngài giám đốc nhầm giờ chăng? Nghe hiểu cho được ông người Italia ấy đâu phải chuyện chơi! Dẫu sao K. cũng phải đợi ít nhất nửa giờ nữa. Vì quá mệt, anh tìm chỗ ngồi và trở vào trong nhà thờ, thấy ở trên bậc có một mảnh thảm con, liền dùng đầu mũi giầy đẩy tới sát chân chiếc ghế dài gần nhất; anh quấn chặt mình hơn trong chiếc áo măng tô, lật cổ áo lên và ngồi xuống. Anh mở quyển an bom ra, giở xem cho đỡ buồn, nhưng đành lại gấp vào ngay, vì tối quá, nhìn gian bên nhà thờ chỗ gần nhất cũng không thấy rõ các chi tiết.

Xa xa, trên ban thờ chính, nến cháy sáng xếp thành một hình tam giác lớn. K. không nhớ lúc nãy đã nhìn thấy chưa. Có lẽ người ta vừa châm nến lên xong. Những người giữ đồ thờ có thói quen lặng lẽ, làm gì không ai hay. Tình cờ quay lại, anh nhìn thấy phía sau, cách khoảng vài bước, cũng có một cây nến lớn thắp sáng bên cái cột. Dù nến thắp rất đẹp, nhưng cũng không đủ soi sáng những hình chạm trổ hầu hết đều ở trong bóng tối các gian bên; nến thắp lên chỉ càng làm cho bóng tối tăng thêm. Ông người Italia không đến là vừa bất lịch sự nhưng cũng vừa tỏ ra sáng suốt; có đến cũng sẽ chẳng nhìn thấy gì; có lẽ sẽ phải dùng cái đèn pin của K. soi vào vài pho tượng để xem từng khúc từng khúc một vậy.

Để thử xem cách ấy có được không, K. tiến về phía ban thờ nhỏ ở gian bên, trèo lên mấy bậc, cúi người qua lan can bằng đá hoa cương, soi vào hình chạm nổi trên ban thờ. Ánh sáng của chiếc khám thờ phản lại ánh sáng đèn pin. Cái đầu tiên anh nhìn thấy hoặc đoán ra là hình một chàng hiệp sĩ cao lớn giáp trụ uy nghi chạm trổ trên một cạnh của bức phù điêu.

Chàng hiệp sĩ tì vào thanh gươm cắm trước mặt trên nền đất trơ trụi - chỉ lơ thơ đó đây vài ngọn cỏ - và hình như đương

chăm chú quan sát một cảnh chắc là diễn ra ngay trước mắt. Anh lấy làm lạ thấy chàng cứ đứng nguyên tại chỗ như thế chứ không tỏ ra là muốn bước lại gần. Có lẽ chàng đứng gác. Đã lâu K. không xem những hình chạm nổi, nên anh nấn ná xem xét chàng hiệp sĩ khá lâu, tuy rằng anh cứ phải hấp háy mắt luôn vì không chịu đựng được ánh sáng xanh của cây đèn. Lướt ánh đèn lên những phần còn lại của ban thờ, anh phát hiện được một cảnh hạ huyệt đúng hệt như cách thức tiến hành mới đây nhất. Anh liền cho đèn vào túi và quay về ngồi ở chỗ cũ.

Rõ ràng có đợi ông người Italia thêm nữa cũng vô ích, nhưng bên ngoài chắc là trời đương mưa như trút nước, hơn nữa K. thấy trong nhà thờ không đến nỗi lạnh lắm như anh nghĩ lúc ban đầu vì thế anh quyết định cứ ở lại đây. Giảng đàn lớn ở ngay gần anh. Trên chiếc mái tròn nhỏ của nó, người ta đặt chênh chếch hai cây thánh giá bằng vàng trần trụi ngọn chạm vào nhau. Chung quanh giảng đàn trang trí các tiểu thiên thần đùa giỡn trong đám cành lá nho xanh.

K. bước đến gần giảng đàn và ngắm nghía khắp các phía. Những đường nét chạm trổ trên đá hết sức tỉ mỉ. Bóng sẫm trong đám lá cũng như bóng tối của cành lá in trên nền phông hình như được cẩn chìm vào trong hình chạm nổi. K. rón rén sờ tay vào một trong những chỗ khắc chìm trên đá; anh chưa từng bao giờ thấy có giảng đàn này tồn tại. Đúng lúc ấy tình cờ anh thấy một người trông coi nhà thờ đứng phía sau hàng ghế đầu, mặc một chiếc áo dài đen lòa xòa và mải nhìn chiếc hộp đựng thuốc lá cầm trong bàn tay trái.

“Lão ta muốn gì? - K. nghĩ. - Lão nghi ngờ mình chăng? Hay lão muốn tiền trà nước?”

Nhưng khi biết rằng K. đã nhìn thấy mình, lão bõ nhà thờ liền giơ tay chỉ trỏ cho K. một chỗ vu vơ, đầu ngón tay trỏ và ngón tay cái vẫn còn đương vê vê một nhúm thuốc lá. Hầu như chẳng hiểu lão muốn nói gì bằng cử chỉ ấy. K. đợi thêm một lát, nhưng lão vẫn cứ giơ tay trỏ và còn gật gật đầu xác nhận là ra hiệu cho K. nữa.

"Lão muốn gì thế nhỉ?" - K. tự nhủ thầm.

Không dám lên tiếng gọi ở những nơi như thế này, K. liền rút ví tiền và đi qua hàng ghế thứ nhất đến chỗ người ấy. Nhưng lão xua tay ra hiệu bảo không, rồi nhún vai, khập khiễng bước đi. Lão đi giống hệt cái kiểu đi khập khiễng, nhanh nhanh của K. hồi còn thơ ấu cố bắt chước động tác kị sĩ phi ngựa.

"Người với ngợm! - K. nghĩ. - Lão chỉ còn vừa đủ lí trí để phục dịch trong nhà thờ. Ta dừng, lão cũng dừng! Ta bước đi, lão lại ngoái trông theo!"

Anh mỉm cười đi theo lão suốt dọc khoang bên lên đến gần ngang tầm ban thờ chính. Lão già vẫn cứ chỉ trỏ cho anh một cái gì đấy, nhưng anh nhất định không nhìn và cho rằng cử chỉ của lão chẳng có mục đích gì khác là ngăn anh đừng đi theo. Cuối cùng, chẳng muốn để lão phải lo lắng thái quá, anh không đi theo nữa; chẳng nên làm cho lão hoảng sợ, vì ông người Italia vẫn có thể sẽ tới.

Lúc đi qua khoang chính để quay lại chỗ cũ tìm quyển an bom bỏ quên, anh nhìn thấy một giảng đàn phụ, rất mộc mạc, bằng đá trắng, trần trụi, sát cái cột bên cạnh những hàng ghế của ban đồng ca. Nó bé đến nỗi trông xa giống như một cái khám còn trống và dùng để đặt tượng. Chắc chắn người giảng đạo không thể lùi xa tay vịn ra được một bước. Hơn nữa, vòm mái bằng đá của giảng đàn lại cong xuống thấp lè tè và chẳng có chút hoa văn nào, một người tầm thước trung bình không thể đứng thẳng bên trong mà phải luôn luôn vươn đầu ra phía ngoài tay vịn. Hình như tất cả đều được bố trí để hành hạ người giảng đạo; không sao hiểu nổi cái giảng đàn ấy dùng để làm gì, trong khi đã có một giảng đàn khác cao to đến thế và trang trí mĩ thuật biết bao.

Có lẽ K. cũng chẳng chú ý đến cái giảng đàn nhỏ bé ấy nếu như nó không được soi sáng bằng một ngọn đèn giống như những ngọn đèn người ta thắp lên trước khi thuyết pháp. Sắp có một cuộc thuyết pháp ở đây chăng? Trong nhà thờ vắng

tanh vắng ngắt này ư? K. nhìn chiếc cầu thang xoáy ốc quanh chiếc cột dẫn lên giảng đàn, cầu thang hẹp đến nỗi có lẽ nó chỉ là một mô típ trang trí, chứ không phải nhằm mục đích để dùng. Tuy nhiên K. vẫn mỉm cười ngạc nhiên khi thấy một linh mục đứng ở những bậc cuối, một bàn tay đặt trên tay vịn, đương sắp sửa bước lên thang, mắt hướng nhìn về phía K.. Ông còn gật đầu ra hiệu, thấy thế K. liền làm dấu thánh cúi chào, lẽ ra anh phải xử sự như vậy sớm hơn. Linh mục hơi rún người rồi thoăn thoắt từng bước ngắn trèo lên thang. Ông ta sắp sửa bắt đầu thuyết pháp thật ư? Lão bõ nhà thờ vừa nãy có lẽ trông thế mà không đến nỗi mất trí chăng? Hay lão muốn dẫn K. đến nghe thuyết pháp? Có lẽ thế thật, vì nhà thờ vắng ngắt. Nhưng đáng ra phải dẫn cả bà già đương quỳ trước tượng Đức Mẹ đến đây nghe thuyết pháp nữa chứ, và nếu có thuyết pháp, tại sao không dạo đàn đại phong cầm? Nhưng những chiếc đại phong cầm vẫn im bặt và chỉ lấp lánh một cách lờ mờ trong bóng tối trên kia dưới vòm mái mà thôi.

K. băn khoăn không biết có nên mau mau bỏ đi không; nếu không đi ngay bây giờ, anh sẽ phải ở lại đấy không đi được trong suốt thời gian thuyết pháp, như vậy thì mất thời gian vô cùng! Anh cho rằng mình có thể xem như không còn phải chờ đợi ông người Italia từ lâu rồi, anh nhìn đồng hồ, đã mười một giờ. Nhưng người ta có thể giảng đạo trong cái nơi hoang vắng này thật ư? Một mình K. có thể đại diện cho cả bầy tín đồ ư? Và nếu anh chỉ là một khách du lịch đi qua thì sao? Thực ra anh chẳng phải một khách du lịch là gì? Không thể nào tưởng tượng nổi người ta lại có thể giảng đạo bây giờ, vào một ngày thường trong tuần, lúc mười một giờ, với thời tiết kinh khủng nhất. Chắc hẳn linh mục - người trẻ tuổi nước da nâu, mặt cạo nhẵn nhụi kia chỉ có thể là một linh mục - trèo lên trên đó chỉ là để tắt ngọn đèn ai thắp nhầm.

Nhưng không phải thế; trái lại, sau khi xem xét ngọn đèn, ông ta khêu bấc lên; rồi từ từ quay lại tì cả hai bàn tay vào chỗ vịn. Ông đứng một lúc trong tư thế ấy, đưa mắt nhìn

chung quanh, đầu không động đậy. K. lùi lại và bây giờ đứng trước hàng ghế thứ nhất, hai cánh tay tì vào thành ghế. Anh lờ mờ nhìn thấy lão bõ nhà thờ lặng lẽ ngồi xổm ở một xó, lưng còng xuống, như một người đã làm xong công việc của mình. Trong nhà thờ im phăng phắc! Song K. cần phải khuấy động nó lên; anh không có ý định ở lại; nếu linh mục buộc phải đến giảng đạo trong nhà thờ vào ngày giờ quy định, bất kể có công chúng hay không, thì ông cứ việc giảng đạo; không có K. tham dự cũng chẳng sao, vì sự có mặt của vị thính giả duy nhất này chắc chắn không làm tăng thêm hiệu quả của buổi giảng đạo nhiều lắm. K. liền từ từ mò mẫm rê bàn chân lần theo hàng ghế ra lối giữa rồi quay trở xuống không vấp váp gì, duy có điều mỗi bước chân đi dù rất khẽ vẫn cứ vang lên trên nền đá lát, dội vào vòm cuốn rồi vọng lại khô đục hơn, và cứ thế tạo thành rất nhiều âm hưởng khác nhau.

Anh cảm thấy có phần bối rối khi đi ngang qua những dãy ghế dài trống rỗng trước mặt linh mục. Sức lực của con người dường như không chịu đựng nổi tầm vóc của tòa nhà thờ. Đi ngang chỗ ngồi lúc nãy, anh không dừng lại giây phút nào mà chỉ vớ lấy quyển an bom.

Anh vừa đi hết khu vực kê ghế, sắp bước vào khoảng trống nằm giữa khu vực ấy với lối ra thì lần đầu tiên chợt nghe thấy tiếng nói của ông linh mục. Đó là một tiếng nói mạnh mẽ, hùng dũng. Nó mới âm vang làm sao trong tòa nhà thờ sẵn sàng tiếp nhận nó. Nhưng chẳng phải linh mục gọi các giáo dân, làm gì có chuyện nghe lầm và lẩn tránh được, ông vừa gọi: "Jôzep K.".

K. đứng sững lại, mắt dán xuống đất. Anh đương còn tự do và vẫn có thể vùng chạy ra qua một trong ba cái cửa nhỏ tối tăm cách vài bước phía trước mặt. Coi như anh chưa nghe rõ, hoặc nếu có nghe rõ đi nữa thì cũng chẳng cần biết người ta bảo gì mình. Còn nếu như anh quay lại thì nguy to, bị bắt quả tang, anh thú nhận đã nghe rõ, thú nhận anh chính là kẻ vừa được gọi và sẵn sàng tuân lệnh.

Nếu linh mục gọi thêm lần nữa, chắc K sẽ đi thẳng, nhưng

vì càng đợi càng thấy im lặng nên anh hơi quay đầu lại để xem linh mục đương làm gì. Linh mục vẫn đứng trên giảng đàn bình thản như trước; nhưng rõ ràng ông đã nhìn thấy cử chỉ của K.. Đến lúc này mà anh không quay hẳn lại thì thật là trẻ con. Anh liền quay lại và nhìn thấy linh mục ra hiệu cho anh đến gần. Vì bây giờ tất cả đã rõ ràng, anh rảo bước đến tòa giảng - vừa do tò mò vừa để cho xong việc. Anh dừng lại khi đến ngang hàng ghế đầu, nhưng linh mục vẫn thấy là xa quá nên giơ tay trỏ cho K. một chỗ sát ngay bên giảng đàn. K. nghe lời; ở chỗ đó, anh phải ngửa hẳn mặt lên mới nhìn thấy được linh mục.

- Con là Jôzep K.? - linh mục hỏi.

- Vâng, - K. nói và nghĩ đến chuyện xưa kia anh thẳng thắn biết bao mỗi khi nhắc đến tên mình.

Trái lại, từ ít lâu nay, điều đó đối với anh trở thành một nỗi khổ tâm thực sự; và bây giờ tất cả mọi người đều biết cái tên ấy.

Giá như chỉ khi nào tự giới thiệu người ta mới biết đến tên mình thì hay biết bao!

- Con là bị cáo, - linh mục nói bằng một giọng rất khẽ.

- Vâng, - K. thưa, - họ đã báo cho tôi biết.

- Nếu vậy, con là người ta đương muốn tìm, - linh mục nói. - Ta là cha tuyên úy của các nhà lao.

- À! ra thế, - K. nói.

- Ta cho gọi con đến đây để nói chuyện, - linh mục bảo.

- Tôi không được biết, - K. nói. - Tôi đến đây để hướng dẫn một ông người Italia tham quan nhà thờ.

- Con hãy để vấn đề phụ lại đấy, - linh mục nói. - Tay con cầm gì đó? Sách cầu kinh phải không?

- Không, - K. trả lời, - đây là một tập an bom những danh lam thắng cảnh của thành phố.

- Con hãy bỏ nó xuống, - linh mục bảo anh.

K. quẳng tập an bom rất mạnh làm cho nó rách xoạt rơi tung tóe trên mặt đất.

- Con có biết vụ án của con diễn biến xấu đi không? - linh mục hỏi.

- Tôi cảm thấy như thế thật, - K. nói. - Tôi đã bỏ nhiều công sức, nhưng cho đến nay vẫn chẳng có kết quả gì; nói đúng ra là đơn của tôi chưa thảo xong.

- Con nghĩ rồi chuyện đó sẽ kết thúc ra sao? - linh mục hỏi.

- Trước kia tôi nghĩ rằng vụ án của tôi sẽ kết thúc tốt đẹp, - K. nói, - nhưng hiện nay đôi lúc tôi đâm nghi ngờ. Tôi chẳng biết rồi nó sẽ kết thúc ra sao. Còn ông, ông có biết không?

- Không, - linh mục nói, - nhưng ta e rằng nó sẽ kết thúc xấu. Người ta cho là con có tội. Vụ án của con có lẽ sẽ không vượt ra ngoài phạm vi của tòa án cấp dưới. Hiện giờ đây, ít ra thì người ta cũng coi như tội lỗi của con đã được chứng minh rồi.

- Nhưng tôi có tội tình gì đâu! - K. nói, - đó là một sự lầm lẫn. Vả chăng, làm sao một con người lại có thể là có tội được? Chúng ta ở đây, ai cũng như ai, tất cả đều là con người.

- Đúng thế, - linh mục đáp, - song những kẻ có tội đều nói như thế.

- Bản thân ông cũng có thành kiến với tôi ư? - K. hỏi.

- Ta không có thành kiến với con, - linh mục trả lời.

- Tôi cám ơn ông, - K. nói. - Nhưng tất cả những người phụ trách vụ án đều có thành kiến với tôi. Họ còn làm cho những ai chẳng dính líu gì đến chuyện này cũng có thành kiến với tôi nốt, tình thế của tôi ngày càng trở nên khó khăn hơn.

- Con lầm đấy, - linh mục nói. - Có phải đột nhiên người ta tuyên án đâu, xét xử dần dần từng bước rồi mới đi đến quyết định.

- Tình cảnh của tôi bây giờ ra thế, - K. vừa nói vừa thõng đầu xuống.

- Con định làm gì lúc này cho vụ án của con? - linh mục hỏi.

- Tôi sẽ còn đi tìm người giúp đỡ, - K. nói và ngẩng đầu lên để thăm dò xem vị tu sĩ nghĩ về chuyện này ra sao. - Có một số khả năng mà tôi chưa khai thác.

- Con trông mong quá nhiều vào sự giúp đỡ của người khác, và nhất là vào sự giúp đỡ của phụ nữ, - linh mục trả lời với vẻ không tán thành. - Thế ra con không nhận thấy rằng phụ nữ sẽ chẳng thật sự cứu giúp được gì cho con ư?

- Ý kiến của ông đôi khi đúng, thậm chí nhiều khi đúng, - K. nói, - nhưng không phải bao giờ cũng đúng. Phụ nữ có thế lực rất lớn. Nếu tôi có cách gì làm cho mấy người phụ nữ tôi quen biết liên kết lại với nhau để giúp tôi thì chắc chắn cuối cùng tôi cũng sẽ đạt được kết quả. Nhất là đối với cái tổ chức tư pháp hầu như chỉ gồm toàn những kẻ mê gái kia. Ông cứ chỉ cho lão dự thẩm nhìn thấy một ả đàn bà ở xa xa, lão sẽ lật đổ cả bàn và gạt ngã cả bị cáo để chạy đến cho kịp.

Linh mục cúi đầu về phía tay vịn, đấy là lần đầu tiên ông cảm thấy cái mái của tòa giảng như đè nặng bên trên. Ngoài trời thời tiết sắp sửa ra sao? Chẳng còn là một thứ ánh sáng xám ngoét nữa, mà đã tối mịt. Màu sắc của những khung kính màu to lớn hắt xuống không đủ sức làm tiêu tan bóng tối của các bức tường.

Thế nhưng chính vào lúc ấy, người coi giữ đồ thánh lại đi tắt hết ngọn nến này đến ngọn nến khác trên ban thờ chính.

- Ông có giận tôi không? - K. hỏi. - Có lẽ ông không biết là mình đương phục dịch cho cái thứ tổ chức tư pháp như thế nào?

Anh không nhận được câu trả lời.

- Tôi chỉ nói về những điều từng trải của tôi, - K. nói.

Nhưng từ trên cao vẫn không có tiếng đáp lại.

- Tôi không hề muốn xúc phạm đến ông, - K. nói.

Nhưng linh mục quát bảo anh từ trên cao:

- Con không nhìn xa được đến hai bước chân ư?

Ông ta hét lên vì giận dữ, nhưng đồng thời cũng do sợ hãi như ta bất giác sợ hãi kêu lên khi nhìn thấy có ai ngã.

Và bây giờ cả hai đều lặng thinh. Chắc linh mục không thể nhìn rõ K. trong bóng tối dầy đặc dưới chân giảng đàn, còn K. lại nhìn rõ ông trong ánh sáng của cây đèn nhỏ. Tại sao linh

mục không xuống đi? Ông ta có thuyết pháp đâu mà chỉ đơn thuần góp với K. vài ý kiến, nếu anh nhất nhất nghe theo có lẽ lợi bất cập hại. Tuy nhiên, thiện ý của linh mục thì xem ra không còn phải nghi ngờ gì nữa.

Rất có thể K. nhất trí được với ông nếu ông xuống khỏi giảng đàn, chẳng phải là ông không thể góp cho anh một lời khuyên có thể chấp nhận được và có tính chất quyết định, chẳng hạn không bầy vẽ cho anh cách tác động vào quá trình xét xử, mà là cách thoát ra khỏi sự bủa vây của vụ án, đi quanh nó và sống bên ngoài nó như thế nào. Khả năng ấy dứt khoát là có, trong những ngày vừa qua K. đã nghĩ đến nó luôn. Nhưng nếu linh mục biết thì liệu ông ấy có nói ra khi người ta cầu xin không? Bản thân ông chẳng phải người của tổ chức tư pháp là gì? Khi K. công kích tòa án, ông ta đã chẳng tự mình dẹp cái tính tình dịu dàng lại để quở mắng K. một cách gay gắt đấy ư?

- Ông xuống đây được không? - K. hỏi. - Có phải thuyết pháp gì đâu. Xuống đây với tôi.

- Được, bây giờ ta có thể xuống, - linh mục nói.

Có lẽ ông hối hận lúc nãy đã hét lên. Trong lúc tháo cây đèn, ông nói:

- Ta buộc lòng lúc bắt đầu nói phải đứng xa xa. Nếu không thế, ta dễ để bị lung lạc và do đó quên mất giáo chức của mình.

K. đợi ông ở chân thang. Chưa xuống đến nơi, linh mục đã giơ tay ra bắt tay anh.

- Ông có thể bớt chút thời giờ với tôi được không? - K. hỏi.

- Muốn bao lâu cũng được, - linh mục vừa nói vừa đưa chiếc đèn con cho K. cầm. Ngay khi đứng gần, ông vẫn cố giữ phong thái trang trọng.

- Ông tử tế với tôi quá, - K. nói.

Hai người đi đi lại lại bên cạnh nhau trong bóng tối âm u của gian bên nhà thờ.

- Ông là một trường hợp ngoại lệ trong số các nhân viên tư

pháp. Tôi tin ông hơn bất cứ ai trong bọn họ, tuy tôi quen biết khá nhiều. Với ông, tôi có thể nói thẳng được.

- Con đừng hiểu lầm, - linh mục nói.

- Hiểu lầm về cái gì? - K. hỏi.

- Chính là con hiểu lầm về tổ chức tư pháp. Trước khi có Luật Pháp, trong sách đã nói đến sự sai lầm ấy rồi: Một lính canh đứng gác trước cửa Pháp Luật; bữa kia có người đến gặp và xin phép được vào. Nhưng lính canh bảo là gã không thể để cho y vào lúc này được. Người đó nghĩ ngợi và hỏi mai mốt có vào được không. "Có thể được, lính canh nói, nhưng bây giờ thì không." Lính canh đứng né sang một bên, cửa vẫn luôn mở nên người đó nghiêng đầu nhìn vào bên trong. Thấy vậy lính canh cười và bảo: "Nếu tha thiết muốn vào đến thế, ông cứ thử vào bất chấp sự cấm đoán của tôi xem sao. Nhưng ông nên nhớ tôi rất có thế lực. Và tôi chỉ là thằng lính gác mạt hạng nhất mà thôi. Vào trong ấy, cứ qua mỗi cửa phòng, ông lại gặp những lính canh ngày càng có thế lực hơn; từ cửa phòng thứ ba trở đi, đến bản thân tôi cũng không dám nhìn họ nữa." Người đó không ngờ lại khó khăn đến thế, y cứ tưởng đã là Pháp Luật thì bất cứ ai vào lúc nào cũng được, nhưng bây giờ, quan sát kĩ tên lính canh, chiếc áo khoác bằng lông của hắn, cái mũi to nhọn hoắt cùng với chòm râu dài, lơ thơ và đen nhánh theo kiểu Hung Nô của hắn, y đành quyết định chờ đợi cho đến khi nào được phép mời vào. Lính gác đưa cho y một cái ghế đẩu để ngồi xuống cạnh cửa. Đợi như thế đã nhiều năm. Y tìm đủ mọi cách để xin vào và khẩn khoản cầu xin làm cho lính gác phát mệt. Thỉnh thoảng lính gác còn lục vấn y về quê hương bản quán và về rất nhiều chuyện khác, nhưng đó chỉ là những câu hỏi vớ vẩn như các ngài quyền quý thường hỏi, và cuối cùng bao giờ cũng bảo là không thể để cho y vào được. Người đó mang theo rất nhiều lương thực, vật dụng đủ loại, đã đem ra hết để đút cho lính canh, kể cả những thứ quý giá nhất. Lính canh lấy tất, nhưng nói: "Tôi nhận chỉ để cho ông đỡ

băn khoăn là còn sơ suất chưa tận dụng mọi biện pháp." Trong những năm dài chờ đợi, người đó hầu như lúc nào cũng để mắt đến tên lính gác. Y quên bẵng những tên khác vì cho rằng tên đầu tiên này là kẻ duy nhất đã ngăn cản y bước vào Pháp Luật. Và trong những năm đầu, y nguyền rủa ầm ĩ số phận độc địa; về sau, khi đã già, y chỉ còn cằn nhằn. Y trở nên lẩn cẩn, và vì đã tìm hiểu tên lính gác ròng rã nhiều năm đến mức biết rõ từng con rận trên cổ áo lông của hắn, y van xin cả những con rận giúp đỡ để làm cho lính gác xiêu lòng. Cuối cùng, mắt kém, y không biết chung quanh có phải là đêm tối thật không hay mắt y trông nhầm ra thế. Nhưng bây giờ, y nhận thấy trong bóng tối có ánh sáng lóe lên qua các lần cửa của Pháp Luật. Y không còn sống được bao lâu nữa. Trước khi chết, tất cả những kí ức dồn về trong óc y, làm cho y nhớ đến có điểm băn khoăn mà chưa hỏi được ai bao giờ. Vì thân thể cứng đờ không cất mình được, y ra hiệu cho tên lính gác lại gần. Lính gác bắt buộc phải cúi xuống rất thấp vì sự khác nhau giữa tầm vóc của hai người đã thay đổi ghê gớm. "Ông còn muốn biết điều gì nữa, gã hỏi, ông thật là tham lam vô độ." "Nếu tất cả mọi người đều muốn tìm hiểu Pháp Luật, người đó nói, tại sao từ bấy đến nay, ngoài tôi ra, chẳng có ai đến xin ông cho vào?" Tên lính gác nhìn thấy người đó đã đến giờ tận số, gã liền gào vào tai để cố thấu được đến tấm màng nhĩ đã chết của y: "Ngoài ông ra chẳng ai có quyền vào đây, vì lối vào này làm ra chỉ để cho ông mà thôi, bây giờ tôi đi đóng lại đây".

- Tên lính gác đã lừa dối người đó, - K. lập tức nói, câu chuyện làm cho anh hết sức quan tâm.

- Con đừng vội phán xét, - linh mục nói, - con đừng chấp nhận các ý kiến của những người khác mà không suy nghĩ. Ta vừa kể cho con nghe câu chuyện trong văn bản Thánh Kinh. Trong đó có nói người ấy bị lừa dối đâu.

- Song rõ ràng là thế, - K. nói. - Tên lính gác chỉ nói khi đã quá muộn.

- Trước đó hắn chưa hề được hỏi, - linh mục nói, - con cũng nên biết rằng hắn chỉ là một tên lính gác bình thường mà thôi, và hắn đã làm tròn bổn phận lính gác của hắn.

- Tại sao ông lại tin rằng hắn đã làm tròn bổn phận của hắn? - K. hỏi. - Hắn đã làm tròn đâu. Bổn phận của hắn có lẽ là xua đuổi mọi kẻ khác, nhưng phải để cho người đó đi qua vì lối vào là để dành cho y.

- Con không tôn trọng đúng mức Kinh Thánh, con thay đổi câu chuyện, - linh mục nói. - Câu chuyện chứa đựng hai lời tuyên bố quan trọng của tên lính gác về vấn đề lối vào, một ở đầu, một ở cuối. Lời trước nói rằng hắn không thể để cho người đó vào được trong lúc này, còn lời sau: "Lối vào này làm ra chỉ để cho ông mà thôi". Nếu có mâu thuẫn giữa hai lời giải thích ấy thì con có thể có lí, tên lính gác đã lừa dối người kia. Nhưng không có mâu thuẫn. Lời giải thích thứ nhất còn báo trước lời thứ hai nữa. Hầu như người ta có thể nói rằng tên lính gác vượt quá bổn phận của hắn khi để cho người kia thấy có khả năng sau này sẽ được vào. Dường như trong lúc ấy bổn phận của hắn đơn giản chỉ là không để cho người kia vào, và trên thực tế, nhiều nhà chú giải học lấy làm lạ là tên lính gác lại có thể thốt ra một lời bóng gió như thế, vì hắn xem ra thích sự chính xác và thi hành nhiệm vụ một cách chu đáo. Hắn canh gác nhiều năm ròng rã không rời bỏ vị trí của mình, và chỉ đến mãi cuối cùng mới đóng cửa lại: hắn đã ý thức được tầm quan trọng trong nhiệm vụ của hắn, vì hắn bảo: "Tôi có thế lực", và hắn kính trọng cấp trên vì hắn tuyên bố: "Tôi chỉ là thằng lính gác mạt hạng nhất". Hắn không ba hoa vì hắn chỉ thỉnh thoảng mới hỏi vài câu vớ vẩn, như trong Kinh Thánh viết; hắn không vụ lợi, vì khi nhận quà cáp hắn bảo: "Tôi nhận chỉ để cho ông đỡ băn khoăn là còn sơ suất chưa tận dụng mọi biện pháp"; hắn không để cho mình bị xúc động hoặc bực tức khi có liên quan đến việc hoàn thành phận sự, vì có chỗ nói về người kia: "Y khẩn khoản cầu xin làm cho lính gác phát mệt"; thế rồi, ngay vẻ người của hắn cũng báo trước

một tính cách thông thái rởm, vì hắn có một cái mũi to nhọn hoắt cùng với một chòm râu dài, lơ thơ và đen nhánh theo kiểu Hung Nô. Liệu người ta có thể kiếm được một tay gác cổng trung thành hơn không? Nhưng trong tính cách của hắn có một số khía cạnh khác hết sức thuận lợi cho ai muốn xin vào và dẫu sao cũng lí giải cho chúng ta do đâu mà tên lính gác lại có thể vượt quá phận sự của mình bằng cách hé ra lời bóng gió mà ta đã nói về những khả năng người kia sau này có thể vào thấu đến tận trung tâm của Pháp Luật. Quả thực người ta có lẽ không thể phủ nhận là tên gác cổng ấy hơi khờ khạo và hợm mình - cái đó có thể nói cũng là do khờ khạo mà ra. Dù có chính xác đến đâu những lời tuyên bố về thế lực của những tên lính gác khác mà hắn bảo là bản thân hắn có lẽ cũng không dám nhìn, dù những lời tuyên bố ấy có chính xác đến đâu, thì cái giọng hắn nói ra cũng chứng tỏ cách nhìn của hắn đã bị sự khờ khạo và tính kiêu căng làm cho vẩn đục. Các nhà chú giải học khi nói về vấn đề đó đã cho là người ta có thể đồng thời vừa hiểu đúng lại vừa hiểu sai một điều gì đấy. Dẫu sao, người ta buộc phải thừa nhận rằng tính kiêu căng và sự khờ khạo dù biểu hiện mong manh đến đâu đi nữa thì cũng làm giảm hiệu lực canh gác cửa vào, có những lỗ hổng trong tính cách của tên lính gác. Cần phải thêm vào một điều là tên gác cổng xem chừng bản chất là người tử tế. Không phải lúc nào hắn cũng phép tắc. Ngay từ đầu hắn bông đùa mời người kia cứ việc mà vào tuy bị cấm đoán, rồi đáng lẽ đuổi người ta đi, hắn lại đích thân đưa cho một chiếc ghế đẩu để người đó ngồi xuống bên cạnh cửa. Sự kiên trì nhẫn nại chịu đựng trong bao nhiêu năm ròng những lời khẩn khoản của người kia chứng tỏ hắn có lòng trắc ẩn, cũng như những lúc nói chuyện vặt, những quà cáp hắn nhận và lòng rộng lượng đã cho phép người kia được nguyền rủa bên cạnh hắn số phận độc địa mà chính hắn, tên gác cổng, là người thể hiện tại đấy chứ ai. Chẳng phải ai cũng xử sự như vậy. Và cuối cùng chẳng phải chính hắn chỉ cần thấy người kia ra hiệu đã cúi xuống để

cho y có thể đặt ra câu hỏi tối hậu đấy ư? Người ta chỉ có thể nêu ra những dấu hiệu sốt ruột ở những từ: "Ông thật là tham lam vô độ", tuy rằng tên gác cổng biết rằng vào lúc ấy tất cả thế là hết; nhiều người còn đi xa hơn và bảo rằng lời nói ấy biểu hiện một thứ cảm phục thân tình, tuy rằng thực ra hơi có vẻ chiếu cố. Dẫu sao thì nhân vật tên lính gác cũng có vẻ hoàn toàn khác với như con nghĩ.

- Ông biết rõ câu chuyện hơn tôi và biết từ lâu hơn, - K. nói.

Rồi cả hai lại lặng đi một lúc, sau đó K. bảo:

- Ông cho rằng người đó không bị lừa dối ư?

- Con đừng hiểu lầm về những lời nói của ta, - linh mục đáp. - Đấy là ta chỉ muốn trình bày những luận thuyết khác nhau mà thôi. Con đừng xem những lời chú giải là cái gì quan trọng ghê gớm. Kinh Thánh là bất di bất dịch còn những lời chú giải thường chỉ là biểu hiện nỗi tuyệt vọng mà các nhà chú giải học cảm thấy mà thôi. Trong trường hợp chúng ta xem xét đây, thậm chí có một số nhà bình luận cho rằng chính tên lính gác mới là người bị lừa dối.

- Thế thì lạ thật, - K. nói. - Nhưng sao họ lại có thể nghĩ như vậy được?

- Sự khẳng định ấy dựa trên cái vẻ khờ khạo của tên gác cổng, - linh mục nói. - Người ta bảo rằng hắn không biết bên trong của Pháp Luật, mà chỉ biết con đường trước cửa vào mà thôi. Các nhà chú giải học coi là trẻ con cái ý nghĩ của hắn về những gì có ở bên trong và cho rằng khi hắn muốn làm cho người kia sợ thì chính hắn cũng sợ; và thậm chí còn sợ hơn người kia nữa cơ, vì ông ta cứ nằng nặc đòi vào, ngay cả khi được nghe nói đến những tên lính gác dữ tợn, còn bản thân gã gác cổng lại không muốn vào, hay chí ít vấn đề ấy không đặt ra. Một số khác nói rằng nhất định hắn đã vào rồi, vì hắn đã được nhận tới làm việc cho Pháp Luật và việc kí kết hợp đồng chỉ có thể diễn ra ở bên trong. Nhưng người ta có quyền trả lời họ là hắn rất có thể được bổ nhiệm từ trong ấy mà không cần

hắn phải vào, và nếu có vào chắc cũng chưa vào sâu lắm. vì mới đến tên lính gác thứ ba hắn đã không dám nhìn mặt nữa rồi. Vả chăng, suốt những năm dài người kia chờ đợi, không thấy ở đâu có ghi việc tên gác cổng kể bất cứ chuyện gì ở bên trong, ngoại trừ suy nghĩ của hắn về những tên lính gác. Cố nhiên có thể là hắn bị cấm không được kể, nhưng cả chi tiết này cũng không thấy nhắc đến. Từ tất cả những điều đó, người ta kết luận rằng hắn chẳng biết gì và hắn đã hiểu lầm cả về dáng dấp lẫn tầm quan trọng của bên trong. Và hắn cũng lầm về con người của đồng ruộng kia, vì hắn kém vai vế hơn y và hắn không biết y. Hắn đối xử với y như với kẻ vai vế không bằng mình. điều này lộ ra ở nhiều đoạn chắc con vẫn còn nhớ. Nhưng thực tế là hắn kém vai vế hơn, luận thuyết mà ta dẫn giải với con ở đây chứng tỏ rõ như vậy. Trước hết, người tự do thì vai vế hơn kẻ bị trói buộc. Mà người ở nơi khác đến thì tự do, y có thể muốn đi đâu thì đi; chỉ có lối vào Pháp Luật là bị cấm, và hơn nữa chỉ bị cấm bởi một cá nhân duy nhất là cá nhân tên lính gác. Nếu y ngồi bên cạnh cổng và ngồi đó cho đến suốt đời, thì đấy là do tự nguyện; truyện không thấy chỗ nào nêu là y bị bắt ép. Trái lại, tên lính gác bị nhiệm vụ trói buộc vào cái vị trí của hắn. Hắn không có quyền đi xa ra bên ngoài, và xem chừng cũng chẳng được đi sâu vào bên trong, dù hắn muốn. Hơn nữa, nếu hắn phục dịch Pháp Luật, thì cũng chỉ là phục dịch ở lối vào này: vậy thực tế là hắn chỉ phục dịch cho người được dành riêng lối vào ấy, và đấy lại thêm một lí do để thấy hắn kém vai vế hơn y. Phải thừa nhận rằng hắn đã phải phục dịch một cách vô tích sự nhiều năm ròng - có thể nói suốt một đời người - bởi vì truyện kể rằng có người đến, là một người đứng tuổi, do đó tên lính gác chắc đã phải đợi rất lâu trước khi làm tròn chức vụ, nói cho chính xác là phải đợi cho đến khi nào người kia muốn đến. Và ngay cả việc phải canh gác đến bao giờ cũng vẫn phụ thuộc vào người kia, vì việc canh gác chỉ kết thúc khi nào ông khách chết mà thôi; vậy là hắn phụ thuộc vào y cho đến cùng. Thế

mà văn bản luôn chỉ ra rằng tên lính gác hình như không biết tất cả những điều đó. Song, các nhà chú giải học không thấy ở đấy có gì đáng ngạc nhiên, vì theo ý họ, hắn còn lầm to hơn ở một điểm khác, nghĩa là về nghề nghiệp của chính hắn. Thực vậy, lúc cuối hắn chẳng nói: "Bây giờ tôi đi đóng cửa lại đây" là gì? Nhưng lúc đầu truyện lại kể rằng cánh cửa của Pháp Luật vẫn luôn luôn mở! Mà nếu cửa "luôn luôn" mở, nghĩa là không tùy thuộc vào cuộc đời dài bao nhiêu của người được dành riêng cái cửa ấy, thì bản thân tên lính gác không thể đóng nó lại được. Về điểm này có những ý kiến khác nhau. Một số cho rằng tên lính gác nói sắp đóng cửa lại chẳng qua chỉ là để trả lời, số khác cho rằng hắn muốn nhấn mạnh phận sự của hắn, một số khác nữa cho rằng hắn tìm cách dìm người kia vào trong nỗi ân hận cuối cùng, vào trong niềm hối tiếc cuối cùng. Song một số đông các nhà chú giải học nhất trí khẳng định rằng hắn sẽ không thể đóng cửa lại được. Họ còn cho rằng ít ra là đến lúc cuối tên lính gác vẫn thấp kém hơn người kia về mặt tri thức, bởi vì người kia nhìn thấy có ánh sáng lóe lên qua các lần cửa của Pháp Luật, trong khi tên canh cửa với tư cách lính gác vẫn luôn luôn đứng quay lưng vào trong và không tuyên bố điều gì chứng tỏ là đã nhận thấy có sự đổi thay.

- Cái đó có căn cứ lắm, - K. nói, anh đã vừa theo dõi một số đoạn dẫn giải của linh mục, vừa lẩm nhẩm nhắc lại. - Cái đó có căn cứ lắm, và bây giờ chính tôi cũng tin là tên lính gác bị lừa. Nhưng điều đó không thủ tiêu cái ý ban đầu của tôi, nó thậm chí trùng hợp phần nào ý kiến tôi vừa có được. Quả thật tên lính gác có thấy hay không thì cũng chẳng quan hệ gì. Lúc nãy tôi bảo rằng người kia bị lừa dối. Nếu tên lính gác thấy rõ, ta có thể nghi ngờ, nhưng nếu hắn bị lừa dối, thì người kia cũng bị lừa dối không kém. Trong trường hợp ấy, tên lính gác thôi không còn là kẻ lừa dối nữa, nhưng hắn có vẻ khờ khạo quá đến nỗi người ta chắc phải thải hồi hắn ngay tức khắc. Ông nên biết rằng nếu sự sai

lầm của tên lính gác không có hại gì cho hắn, thì nó lại ngàn lần nguy hiểm cho người kia.

- Ở đây con đụng chạm đến luận thuyết đối lập rồi đấy, - ông linh mục bảo anh. - Thực tế, một số nhà bình luận tuyên bố rằng câu chuyện không cho ai quyền được phán xét tên gác cổng. Dù ta có thấy hắn thế nào đi nữa thì hắn vẫn cứ là một kẻ nô bộc của Pháp Luật; vậy hắn thuộc về Pháp Luật; vậy hắn thoát ra khỏi sự phán xử của nhân loại. Và trong trường hợp ấy, ta cũng phải thôi đừng nghĩ là hắn thấp kém hơn người kia. Vì chỉ riêng sự kiện do công việc phục dịch hắn được ràng buộc vào một cái cửa - dù chỉ là một thời thôi - của Pháp Luật, cũng đã đặt hắn cao hơn rất nhiều không thể nào so sánh được đối với người kia là kẻ sống trong thế gian, dù được tự do thế nào đi chăng nữa. Người kia mới lần đầu tiên đến Pháp Luật, trong khi tên gác cổng đã ở đấy rồi. Hắn được Pháp Luật sử dụng; nghi ngờ phẩm giá của tên gác cổng, có khác gì nghi ngờ Pháp Luật.

- Tôi không tán thành ý kiến ấy. - K. lắc đầu nói. - Bởi vì nếu người ta chấp nhận nó, thì tên gác cổng nói gì cũng phải tin. Mà như thế thì không thể được, chính ông đã trình bày tỉ mỉ các lí do vì sao.

- Không, - linh mục bảo, - người ta không bắt buộc phải tin là đúng tất cả những điều hắn nói, chỉ cần xem chúng là tất yếu, thế là được.

- Ý kiến mới đáng buồn làm sao, - K. nói, - nó nâng sự dối trá lên ngang tầm một quy tắc của thế gian.

K. kết thúc bằng nhận xét ấy, nhưng đó không phải là nhận định cuối cùng của anh. Anh mệt quá nên không thể đi sâu vào hết mọi tầm quan trọng của câu chuyện ấy trong các hệ quả cùng kiệt của nó, hơn nữa nó đẩy tư duy của anh vào những lối mòn xa lạ, nó khiến anh phải bận tâm đến những điều hư ảo để cho bọn nhân viên tư pháp bàn cãi hơn là để cho anh. Câu chuyện lúc ban đầu giờ đây trở nên không còn nhận

ra được nữa, anh chỉ còn muốn quên nó đi: linh mục chịu đựng anh nhã nhặn vô cùng và chẳng nói năng gì, chấp nhận suy nghĩ của anh, tuy rằng nó không phù hợp với ý kiến của bản thân ông.

Hai người tiếp tục lặng lẽ đi dạo một lúc nữa: K. không rời linh mục một bước, vì tối quá anh chẳng biết đường nào mà đi. Ngọn đèn anh cầm trong tay đã tắt từ lâu. Anh nhìn thấy pho tượng một vị đại thánh bằng bạc lấp lánh trong chốc lát ở ngay trước mặt rồi lập tức chìm vào bóng tối. Để khỏi phải ở lại trơ trọi một mình bên cạnh linh mục, anh hỏi ông:

- Chúng ta gần ra đến cửa rồi phải không?

- Không, - linh mục nói, - còn rất xa. Con muốn ra về rồi ư?

Tuy lúc ấy K. chưa nghĩ đến chuyện ra về, nhưng vẫn nói ngay:

- Cố nhiên, tôi phải về bây giờ. Tôi làm đại diện ở một ngân hàng, tại đấy người ta đương đợi tôi, tôi tới đây chỉ là để hướng dẫn cho một vị khách hàng người ngoại quốc của chúng tôi tham quan nhà thờ.

- Thôi thế con đi đi, - linh mục vừa nói vừa giơ tay ra bắt.

- Song một mình tôi chẳng biết đường nào mà lần trong bóng tối như bưng này, - K. nói.

- Đi sang bên trái, - linh mục bảo, - khi nào gặp tường cứ men theo tường mà đi, con sẽ thấy lối ra.

Linh mục mới đi được mấy bước, K. đã kêu toáng lên:

- Ông làm ơn đợi tôi với.

- Tôi đợi đây, - linh mục nói.

- Ông không có gì hỏi tôi nữa ư? - K. hỏi.

- Không, - linh mục nói.

- Lúc nãy ông tử tế với tôi thế, - K. nói, - Ông đã giảng giải mọi chuyện cho tôi nghe, mà bây giờ ông lại bỏ mặc tôi, làm như chẳng hề bao giờ quan tâm đến tôi.

- Nhưng con nói là con phải ra về kia mà, - linh mục đáp.

- Đúng thế. - K. nói. - mong ông hiểu cho.

- Trước hết chính con phải hiểu ta là ai đã. - linh mục nói.

- Ông là cha tuyên úy của các nhà lao. - K. vừa nói vừa bước lại gần ông.

Anh không cần phải trở về ngay ngân hàng như anh đã nói: anh vẫn có thể nán lại thêm nữa.

- Vậy ta là người của tòa án, - linh mục nói. - Đã thế. ta còn cần gì đến con nữa? Tòa án chẳng cần gì đến con. Khi con đến. tòa tiếp nhận con. và khi con đi tòa để cho đi.

CHƯƠNG X

Cách một hôm trước sinh nhật lần thứ ba mươi mốt của K. - lúc ấy vào khoảng chín giờ tối, giờ yên tĩnh trong các phố xá - có hai người tới nhà anh. Trông họ xanh nhợt và béo. mặc áo rơđanhgốt. đội mũ cao thành như vít chặt vào xương sọ. Đến trước cửa nhà. họ tỏ vẻ lịch sự. ai cũng muốn nhường nhau vào trước. và càng mời mọc nhường nhau nhiều hơn ở trước cửa phòng K..

Tuy không được báo trước có khách đến. nhưng K. lúc ấy cũng mặc đồ đen, đương ngồi gần cửa, tư thế như chờ đợi ai. và mải xâu đôi găng tay mới dần dần từng tí một bó sát lấy những ngón tay của anh. Anh đứng phắt ngay dậy và tò mò nhìn hai người đó.

- Người ta cử các ông đến đây phải không? - anh hỏi.

Hai đứa gật đầu. mũ cầm trên tay và trỏ lẫn nhau. K. nghĩ bụng là mình đâu có chờ đợi cuộc đến thăm này. Anh đến bên

cửa sổ và nhìn một lần nữa xuống đường phố tối tăm. Phía bên kia, hầu hết các cửa sổ vẫn tối om như cửa sổ phòng anh; nhiều cửa sổ buông rèm. Ở một cửa sổ có đèn sáng trên tầng gác, có những đứa con nít đương chơi với nhau đằng sau chấn song, và vì còn nhỏ quá chưa rời chỗ được, chúng giơ về phía nhau những cánh tay mũm mĩm.

"Họ phái đến ta những diễn viên già loại xoàng. - K. nghĩ bụng và quay nhìn họ để xác minh lại một lần nữa. - Họ tìm cách thanh toán với ta theo kiểu rẻ tiền."

Rồi đột nhiên đứng sững trước mặt họ, anh hỏi:

- Các ông diễn ở rạp hát nào?

- Rạp hát à? - một trong hai đứa lên tiếng và đưa mắt hỏi ý kiến đứa kia.

Đứa kia ú ớ như anh câm muốn nói mà không nói được.

"Chúng không ngờ trước là lại bị căn vặn" - K. nghĩ bụng.

Và anh đi lấy mũ.

Vừa đến cầu thang, hai người đó cứ muốn bám lấy cánh tay anh, nhưng anh bảo chúng:

- Ra phố, ra phố đã, tôi có ốm đâu!

Ra khỏi cửa, chúng lập tức khoác chặt lấy hai cánh tay anh một cách hết sức kì cục: K. chưa đi chơi phố với ai như thế bao giờ. Chúng áp chặt vai chúng vào phía sau vai anh, không quàng tay, mà lại quấn dọc theo cánh tay K. từ trên xuống dưới, tay nắm bàn tay, một kiểu khóa tay có hiệu quả do công phu luyện tập lâu dài. K. bị kẹp giữa hai người, lê bước đi cứng nhắc; cả ba lúc này kết thành một khối duy nhất, giá có đập chết một thì hai người kia ắt hẳn cũng phải chết theo. Thường chỉ đối với những vật chết người ta mới có thể thực hiện được một sự kết hợp chặt chẽ đến thế.

Những lúc đi qua dưới các ngọn đèn khí, tuy bị siết rất chặt, nhiều lần K. vẫn cố tìm cách nhìn cho rõ mặt hơn mấy kẻ cùng đi mà anh chỉ mới thấy được lờ mờ trong bóng tối nhá nhem của căn phòng anh ở. "Có lẽ chúng là những đứa

hát giọng nam cao" - anh nghĩ khi nhìn thấy những cái cằm lớn hai ngấn của chúng. Những bộ mặt sạch bóng của chúng làm cho anh ghê tởm. Anh như còn trông rõ bàn tay đầy bọt xà phòng xoa xoa đuôi lông mày, kì cọ môi trên và gãi gãi các kẽ ở cằm.

Nhìn thấy thế, K. dừng lại, hai người kia cũng dừng lại theo: chỗ đó là rìa một quảng trường vắng vẻ có trang trí thảm cỏ và hoa.

- Tại sao họ lại cử chính các ông? - anh hỏi mà cứ như là quát lên.

Hai đứa chắc là không biết trả lời thế nào, chúng chờ đợi và buông thõng cánh tay còn lại xuống, giống như các y tá khi bệnh nhân mà họ dẫn đi chơi muốn dừng lại nghỉ.

- Tôi không đi xa hơn nữa đâu. - K. nói để thử.

Lần này chúng không phải trả lời: chúng chỉ cần túm lấy K. cho chặt và cố xốc anh đi, nhưng K cưỡng lại. Anh nghĩ: "Rồi đây ta sẽ chẳng cần đến sức lực nhiều lắm nữa, ta sẽ đem ra dùng hết tất cả tại nơi này". Anh nghĩ đến những con ruồi cố giẫy giụa để tìm cách thoát ra khỏi đám hồ dính. "Mấy tay này sẽ mệt với ta" - anh nghĩ bụng.

Vào lúc ấy, cô Bơcxne đột ngột hiện ra từ một chiếc cầu thang nhỏ tận cuối phố hẻm. Có lẽ rút cục không phải cô ta, nhưng sao trông giống quá chừng. Vả lại, dù cho đúng là cô Bơcxne thì cũng chẳng quan hệ gì đến K.. Anh chỉ nghĩ đến sự kháng cự vô ích của mình. Nhưng kháng cự lại, gây khó khăn vất vả cho mấy đứa này, tìm cách tự bảo vệ mình để hưởng thêm những giây phút sống thừa, thì có gì là anh hùng lắm đâu. Anh liền bước đi và nỗi vui mừng của hai người kia phản chiếu ngay trên khuôn mặt của anh. Lúc này, chúng để cho K. lựa chọn hướng đi, và K. dẫn chúng đi theo vết chân cô gái, không phải để đuổi kịp cô, cũng chẳng phải để được nhìn thấy cô thêm phút nào hay phút ấy, mà đơn giản chỉ là để đừng quên lời báo trước mà cô biểu thị cho anh.

"Điều duy nhất ta có thể làm bây giờ, - anh nghĩ bụng, và bước đi ăn nhịp giữa anh với hai đứa kia xác nhận những ý nghĩ của anh, - điều duy nhất ta có thể làm bây giờ là giữ cho óc suy luận của ta được sáng suốt cho đến tận cùng. Ở đời, ta cứ hay muốn tiến hành hai mươi việc cùng một lúc, thêm vào đó ý định không phải lúc nào cũng đáng khen. Đó là một sai lầm: bây giờ chẳng lẽ ta lại chứng tỏ chẳng khôn ra được chút nào sau một năm đeo đuổi vụ án hay sao? Chẳng lẽ ta lại ra đi như một kẻ đần độn chẳng bao giờ hiểu được cái gì? Chẳng lẽ ta lại để cho thiên hạ dị nghị là khi vụ án bắt đầu thì ta muốn cho nó kết thúc, và khi nó kết thúc ta lại muốn làm lại từ đầu? Ta không muốn thiên hạ nói như thế. Ta rất mừng là họ đã cử đến cho ta hai đứa dở câm dở ngọng này, chúng chẳng hiểu gì hết và họ đã để cho ta nói với chính bản thân ta những điều gì cần nói.

Cô gái vừa rẽ vào một phố nhỏ, nhưng K. bây giờ có thể chẳng cần đến cô nữa nên phó mặc bản thân mình cho hai kẻ cùng đi. Từ lúc đó, hoàn toàn nhất trí với nhau, cả ba cùng bước lên một cái cầu chan hòa ánh trăng; hai đứa kia đã ngoan ngoãn nghe theo mọi nhất cử nhất động của anh; khi anh quay về phía thành cầu, chúng làm theo và quay nhìn xuống sông. Dòng nước loang loáng gợn sóng dưới ánh trăng, tách ra làm đôi để bao quanh một hòn đảo nhỏ cây cối um tùm. Dưới lùm cây có các lối đi rải sỏi nhìn không rõ, hai bên kê những chiếc ghế có thể ngồi rất thoải mái, về mùa hè K. thường ra ngồi đấy nghỉ ngơi.

- Tôi có muốn dừng lại đâu, - anh nói với chúng và hơi ngượng vì thấy chúng dễ bảo quá.

Ở sau lưng anh hình như một trong hai đứa trách đứa kia tại sao dừng lại để gây ra hiểu lầm, sau đó cả bọn lại tiếp tục đi.

Họ đi đến những dãy phố chạy thoai thoải lên dốc và nhìn thấy khi gần khi xa những người lính cảnh sát hoặc đứng hoặc đương đi đi lại lại. Một nhân viên cảnh sát có bộ ria

mép to tướng, tay đặt trên đốc gươm, có ý đi gần lại nhóm người này vì thấy có vẻ khả nghi. Hai đứa cùng đi với K. dừng lại, gã cảnh sát hình như đã mở miệng định nói, nhưng K. ra sức kéo chúng đi. Anh thận trọng quay lại nhiều lần để xem gã cảnh sát có đi theo không; nhưng khi cả ba vừa rẽ ngoặt vào một góc phố, không bị ai nhìn thấy nữa, anh liền chạy băng băng, làm hai đứa kia cũng phải chạy theo, thở không ra hơi.

Chẳng mấy chốc họ đã ra khỏi thành phố, ở phía này tiếp cận với đồng ruộng ngay, hầu như không có ngoại ô. Cạnh một ngôi nhà bề ngoài trông vẫn còn ra vẻ nhà ở thành thị là một công trường nhỏ khai thác đá bỏ hoang. Đến đây hai đứa dừng lại; có thể từ lúc mới ra đi, chúng đã chủ tâm sẽ tới đây, nhưng cũng có thể là do mệt quá rồi không thể đi tiếp được nữa. Chúng buông K. ra, bỏ mũ cao thành xuống và vừa lấy khăn tay lau trán ướt đẫm mồ hôi, vừa xem xét cái công trường khai thác đá, trong khi K. lặng lẽ chờ đợi. Mặt trăng đổ chan hòa xuống cảnh vật thứ ánh sáng êm ả, thanh thanh mà không có thứ ánh sáng khác nào có được.

Sau khi nhường nhau ai sau ai trước - có lẽ hai đứa cùng nhận chung nhiệm vụ với nhau - một đứa bước lại gần K., lột áo vét, gi lê và sơ mi của anh ra. K. bất giác rùng mình; tên đó khẽ vỗ vào lưng K. một cái để động viên anh, sau đó hắn gấp quần áo của anh lại một cách cẩn thận, như thể sau này sẽ có lúc cần dùng, tuy chưa biết lúc nào. Để cho K. khỏi phải đứng im trong đêm tối lạnh, hắn bèn khoác tay K. dẫn anh đi đi lại lại, trong lúc đứa kia tìm trong công trường đá một địa điểm thích hợp. Khi đã tìm xong địa điểm, hắn ra hiệu cho đứa kia dẫn K. tới. Địa điểm chọn sát ngay vách đá, có một tảng đá nậy ra rồi hãy còn bị vứt đấy. Hai đứa đặt K. ngồi xuống đất, người ngả ra, đầu kê lên tảng đá. Mặc dầu hai đứa loay hoay vất vả và K. không hề cưỡng lại, nhưng tư

thế nằm vẫn chưa được thoải mái. Vì vậy một trong hai đứa đề nghị đứa kia để cho một mình hắn xoay xở đặt K. nằm xem sao, nhưng cũng chẳng hơn gì. Cuối cùng, chúng đành để anh nằm theo một tư thế thậm chí chẳng phải là tư thế tốt nhất mà chúng đã lựa chọn từ nãy đến giờ. Một đứa liền phanh áo rơđanhgốt, lôi từ trong bao đeo ở thắt lưng quấn quanh áo gi lê ra một con dao hàng thịt hai lưỡi dài và mỏng, giơ dao ra ánh sáng kiểm tra lại xem có sắc không. Đến đây, hai đứa diễn lại cái trò nhường nhau ghê tởm như lúc nãy: đứa này với tay qua đầu K. đưa dao cho đứa kia, đứa kia trả dao lại cũng theo cách ấy. Lúc này, K. hiểu rõ có lẽ bổn phận của anh là phải tự mình giật lấy con dao đương chuyển qua trên đầu từ tay kẻ này sang tay kẻ khác mà tự đâm thẳng vào người mình. Nhưng anh lại không làm thế: cổ vẫn còn được cử động, anh liền quay đi quay lại nhìn chung quanh. Anh không thể đóng vai diễn của mình đến cùng được, anh không thể làm hộ các nhà chức trách tất cả mọi công việc được: trách nhiệm về sai sót cuối cùng này thuộc về kẻ đã không cho anh còn đủ sức lực để làm việc đó. Anh ngẫu nhiên đưa mắt nhìn tầng gác trên cùng của ngôi nhà sát cạnh công trường đá. Hai cánh cửa sổ trên cao bỗng mở toang, giống như ánh sáng lóe ra: một người đàn ông - vì ở xa và cao nên trông mảnh dẻ, yếu ớt - thình lình cúi người ra ngoài, hai tay vung về phía trước. Ai thế nhỉ? Một người bạn chăng? Một tâm hồn từ thiện chăng? Một người chia sẻ nỗi bất hạnh của anh chăng? Một người muốn giúp đỡ anh chăng? Chỉ có một người thôi ư? Hay là tất cả? Còn có chuyện kháng án chăng? Còn có những lập luận bác bỏ mà người ta chưa nêu ra chăng? Nhất định thế. Cái lôgích dù không lay chuyển được thế nào đi nữa, nó cũng không cưỡng lại được một con người đương muốn sống. Viên quan tòa anh chưa gặp bao giờ ở đâu? Tòa án tối cao anh chưa đến bao giờ ở đâu? Anh giơ hai bàn tay và căng các ngón ra.

Nhưng một trong hai đứa vừa túm lấy cổ họng anh; đứa kia thọc dao vào tim anh và ngoáy ngoáy hai lần. Đôi mắt đã lờ đờ. nhưng K. vẫn còn nhìn thấy hai đứa chụm đầu vào nhau cúi sát xuống mặt anh để quan sát cảnh chót.

- Như một con chó! - anh nói, như để gửi lại nỗi nhục nhã ở đời.

LÂU ĐÀI

(Tiểu thuyết)

TRƯƠNG ĐĂNG DUNG *dịch*

CHƯƠNG I

Khi K. đến nơi thì đêm đã khuya. Ngôi làng yên nghỉ dưới lớp tuyết dày. Sương mù và bóng tối bao phủ, không thể nhìn thấy ngọn đồi có thành luỹ và tòa Lâu đài lớn, dù chỉ là một ít ánh sáng mờ nhạt nhất. K. đứng hồi lâu trên chiếc cầu gỗ dẫn từ dường quốc lộ vào làng và nhìn vào khoảng không.

Sau đó chàng đi tìm nơi nghỉ. Trong quán trọ người ta vẫn còn thức. Không có phòng cho thuê, nhưng ông khách đến muộn này đã làm cho người chủ quán bị bất ngờ và bối rối, anh ta đề nghị K. ngủ trên đệm rơm trong quầy uống. K. đã đồng ý. Một vài người nông dân vẫn còn ngồi lom khom bên cốc bia, nhưng chàng không muốn bắt chuyện với ai cả. Chàng mang đệm rơm xuống nằm cạnh lò sưởi. Quán trọ ấm áp, những người nông dận ngồi im lặng. K. quan sát họ một lúc bằng đôi mắt mệt mỏi rồi chàng ngủ thiếp đi.

Nhưng chẳng mấy chốc người ta đã đánh thức chàng dậy. Một gã trẻ tuổi mặc quần áo như người thành phố, có khuôn mặt nghệ sĩ, - mắt ti hí, lông mày rậm, - đang đứng bên chàng cùng với chủ quán. Những người nông dân vẫn chưa về, một số quay ghế lại để nhìn và nghe cho rõ hơn. Gã trẻ tuổi xin lỗi K. một cách lịch sự vì đã đánh thức chàng dậy rồi tự giới thiệu mình là con trai quan phòng thành. Gã nói:

- Cái làng này là của Lâu đài, ai sống hoặc nghỉ đêm ở đây cũng đều như là sống hoặc nghỉ đêm trong Lâu đài, phải được phép của bá tước. Ngài không có giấy tờ gì, chí ít thì ngài đã không cho chúng tôi xem.

K. chống hai tay ngồi dậy, vuốt lại tóc, nhìn mọi người, hỏi:

- Tôi lạc vào làng nào thế này? Chẳng lẽ ở đây có Lâu đài à?

- Có chứ! - gã trẻ tuổi kiên nhẫn trả lời, và K. thấy một vài người lắc đầu. - Lâu đài của bá tước West West.

- Phải có giấy phép thì mới được nghỉ đêm tại đây à?- K. hỏi như thể muốn tin chắc điều mình vừa nghe là không phải ở trong mơ.

- Phải có giấy phép, - có tiếng đáp, và như để cợt nhạo K., gã trẻ tuổi dang cánh tay về phía chủ quán và những người khách: - Hay là không cần giấy phép nhỉ?

- Vậy thì tôi đi xin phép, - K. vừa ngáp vừa nói, rồi hất chiếc chăn khỏi người như thể chàng muốn ngồi dậy.

- Nhưng đi xin ai? - gã trẻ tuổi hỏi.

- Đến xin ngài bá tước, - K. trả lời, - tôi có thể đi xin ai khác được?

- Đến ngài bá tước để xin phép lúc nửa đêm thế này à? - gã trẻ tuổi kêu lên và lùi lại một bước.

- Không được sao? - K. hỏi tưng tửng. - Vậy tại sao anh đánh thức tôi dậy?

Gã trẻ tuổi đột nhiên nổi cáu:

- Quân lêu lổng! - gã thét lên. - Tôi yêu cầu anh phải tôn trọng người của bá tước! Tôi gọi anh dậy để cho anh biết rằng ngay lập tức, anh phải rời khỏi lãnh địa của bá tước.

- Trò hề ấy đủ rồi đấy! - K. nói giọng nhẹ nhàng một cách bất ngờ, rồi chàng nằm xuống, kéo chăn lên đắp. - Anh quá hống hách đấy, anh bạn trẻ ạ. Ngày mai chúng ta sẽ nói chuyện về cách xử sự của anh bạn. Chủ quán và các ngài đây sẽ là nhân chứng, nếu tôi cần đến. Anh bạn hãy biết rằng tôi là người đạc điền mà ngài bá tước mời đến. Các phụ tá của tôi sẽ đến sau bằng ôtô cùng với những dụng cụ đo đạc, riêng tôi thích đi bộ trên tuyết, chỉ tiếc là mấy lần bị lạc nên mới đến muộn thế này. Tôi tự biết là lúc này không thể đến trình diện ở Lâu đài, anh lên lớp tôi là thừa. Tôi phải nghỉ lại ở cái nơi

mà nói một cách nhẹ nhàng, anh đã phá rối sự yên tĩnh của tôi một cách bất nhã. Xin được kết thúc sự giải thích của tôi ở đây, chúc các vị ngủ ngon.

Nói xong K. quay mặt về phía lò sưởi.

- Người đạc điền à? - chàng nghe sau lưng có tiếng hỏi ngập ngừng, rồi tất cả im lặng. Gã trẻ tuổi nhanh chóng trấn tĩnh lại, và như thể quan tâm tới giấc ngủ của K., gã nói với chủ quán một cách nhỏ nhẹ nhưng rõ ràng từng tiếng:

- Tôi hỏi qua điện thoại vậy.

Vậy ra trong quán trọ của làng này cũng có điện thoại ư? Họ được trang bị ghê thật. Tuy K. có hơi ngạc nhiên nhưng nói chung chàng cũng không quan tâm lắm. Hóa ra điện thoại treo gần như ở phía trên đầu chàng, nhưng do buồn ngủ nên K. đã không nhìn thấy. Nếu gã trẻ tuổi gọi điện thoại thì dù có giữ ý mấy vẫn phải quấy rầy giấc ngủ của K.. Vấn đề bây giờ là K. có để cho gã gọi điện thoại không? Chàng quyết định cứ để gã gọi. Nếu vậy thì việc chàng tiếp tục giả vờ ngủ không còn ý nghĩa gì nữa, nên K. lại nằm ngửa ra. Chàng thấy những người nông dân chụm đầu lại, thì thầm. Phải rồi, việc người đạc điền đến làng có phải là chuyện thường ngày đâu. Cánh cửa nhà bếp bỗng mở ra, bà vợ chủ quán xuất hiện với tấm thân đẫy đà, to lớn choán hết khung cửa. Anh chồng liền nhón chân đến thông báo cho bà vợ về sự việc vừa xảy ra. Gã trẻ tuổi bắt đầu gọi điện thoại. Quan phòng thành của Lâu đài đã ngủ, nhưng một trong số những người giúp việc quan phòng thành, ngài Fritz, đang thức. Gã trẻ tuổi xưng tên là Schwarzer và thuật lại việc gã gặp K., một người đàn ông trạc độ ba mươi tuổi, ăn mặc khá tồi tàn, đang ngủ ngon lành trên nệm rơm, đầu gối lên cái ba lô nhỏ, một cây gậy gỗ đặt bên cạnh. Tất nhiên gã nghi ngờ con người này, và vì chủ quán đã quên mất trách nhiệm của mình, nên gã, Schwarzer, phải kiểm tra sự việc đến nơi đến chốn, nhưng K. tỏ ra bực tức vì bị đánh thức và bị dọa sẽ phải ra khỏi lãnh địa của bá tước. Có thể là K. đúng, vì đã quả quyết mình là người đạc điền được

ngài bá tước mời đến đây. Tất nhiên ít ra thì cũng phải có trách nhiệm xem xét lại lời quả quyết đó của K. theo thủ tục, vì vậy Schwarzer đề nghị ngài Fritz làm ơn hỏi lại văn phòng trung tâm là có thật họ đang đợi một nhà đạc điền như thế này không và xin trả lời ngay bằng điện thoại.

Lại yên lặng. Ngài Fritz đang kiểm tra sự việc ở trên đó, còn ở đây mọi người đợi trả lời. K. vẫn nằm bất động như cũ, mắt nhìn ra trước mặt, không lộ vẻ tò mò. Qua câu chuyện của Schwarzer, thái độ ác cảm và thận trọng của gã, chàng có thể nhận thấy trong Lâu đài thậm chí cả những người cấp thấp như Schwarzer cũng ít nhiều được huấn luyện về phép ngoại giao. Người ta không lười biếng, ở văn phòng trung tâm vẫn có người trực lúc nửa đêm, và rõ ràng họ làm việc khẩn trương, bởi vì Fritz đã lên tiếng. Câu trả lời chắc là rất ngắn gọn, ngay lập tức Schwarzer bực bội dập ống nói xuống:

- Tôi đã bảo mà, - gã hét lên. - Anh ta không phải là người đạc điền nào cả, mà chỉ là kẻ bịp bợm, một gã lang thang nếu không phải là xấu hơn thế.

Ngay lúc đó K. sợ Schwarzer, những người nông dân cùng chủ quán và vợ lao vào chàng, vì thế để ít ra cũng tránh được đòn tấn công đầu tiên, chàng vội chui hẳn vào chăn. Lại có tiếng chuông điện thoại, tiếng chuông réo to một cách đặc biệt đối với K.. Chàng lại thận trọng thò đầu ra. Mặc dù không ai biết chắc chắn cú điện thoại này liên quan đến K., mọi người đều đứng sững lại, còn Schwarzer thì đi đến chỗ để máy. Gã nghe một lúc lâu rồi khẽ lên tiếng:

- Nghĩa là nhầm ạ? Thật là khó xử cho tôi. Ngài chánh văn phòng ấy à? Thật là lạ lùng. Tôi phải giải thích sao đây cho ngài đạc điền?

K. chăm chú lắng nghe. Nghĩa là Lâu đài đã khẳng định chàng là người đạc điền. Việc này một mặt bất lợi cho chàng, vì nó chứng tỏ Lâu đài đã biết hết về chàng, họ đã nhận ra tương quan lực lượng và mỉm cười chấp nhận cuộc chiến; mặt khác, nó cũng có lợi vì qua đó chàng rút ra được kết luận là

người ta đã coi thường mình nên chàng sẽ tự do hơn so với lúc đầu chàng hi vọng. Còn nếu họ tưởng bằng việc nghiễm nhiên thừa nhận chàng là người đạc điền có thể làm cho chàng sợ thì họ đã nhầm: chàng chỉ hơi chờn chợn một chút, tất cả chỉ có thế!

K. quay người tránh đi khi Schwarzer rụt rè đi đến bên chàng. Người ta thuyết phục chàng chuyển sang phòng chủ quán, nhưng K. không chịu, chàng chỉ uống một ngụm nước làm cho dễ ngủ mà người chủ quán đưa, rồi đón lấy chậu rửa cùng xà phòng và khăn mặt từ tay vợ người chủ quán. Chàng cũng không cần phải đề nghị họ giải tán, vì mọi người đã ra ngoài, mặt cúi gằm xuống để sáng hôm sau chàng không nhận ra. Đèn tắt, cuối cùng thì sự yên tĩnh đã đến. K. ngủ thiếp đi cho đến sáng, chỉ một hai lần có con chuột cống đến quấy rầy giấc ngủ của chàng.

Sau bữa ăn sáng mà theo lời người chủ quán thì Lâu đài sẽ thanh toán tất cả, K. muốn đi vào làng ngay. Chủ quán, người mà cho đến lúc ấy chàng chỉ trao đổi vài lời xã giao cần thiết do sự đối xử của anh ta hôm qua, cứ quanh quẩn bên chàng đến nỗi cuối cùng thương tình chàng đã bảo ngồi xuống cạnh mình.

- Tôi chưa quen ngài bá tước, - K. nói. - Người ta bảo nếu làm việc tốt thì được trả tiền cao, có đúng thế không? Con người ta nếu xa gia đình, vợ con, tha phương cầu thực thì ít ra cũng muốn mang về nhà được một cái gì đó.

- Về việc ấy xin ngài đừng lo, tôi chưa nghe nói có ai than phiền là họ trả tiền ít.

- Tôi cũng không phải là người nhút nhát đâu, - K. nói, - tôi có thể phát biểu thẳng ý kiến mình với chính ngài bá tước. Nhưng tất nhiên tốt nhất là chúng ta sống yên ổn với các vị đó.

Chủ quán ngồi đối diện với K. trên mép cửa sổ mà không dám chuyển chỗ ngồi cho thoải mái hơn. Suốt thời gian đó anh ta chỉ chăm chú nhìn chàng với đôi mắt to, màu nâu, đầy vẻ lo

lắng. Và mặc dù trước đó anh ta cứ quanh quẩn bên chàng, bây giờ lại như thể muốn bỏ chạy. Anh ta sợ chàng hỏi về ngài bá tước chăng? Hay là anh ta sợ K. là một "ông lớn" không đáng tin cậy? K. nghĩ tốt nhất là nói tránh sang việc khác. Chàng nhìn đồng hồ rồi nói:

- Không lâu nữa những người phụ việc của tôi sẽ đến, anh có thể sắp chỗ nghỉ cho họ được không?

- Tất nhiên, thưa ông! - anh ta trả lời. - Thế họ không ở với ông trong Lâu đài à?

Anh ta dễ dàng từ chối khách như thế đấy, nhất là với K., bằng mọi giá anh ta muốn chuyển chàng vào Lâu đài hay sao?

- Điều đó còn chưa chắc chắn, - K. nói, - trước hết tôi cần phải biết công việc ra sao. Nếu cần phải làm việc ở đây thì hợp lí nhất là tôi sống ở dưới này. Tôi e rằng cuộc sống ở trên Lâu đài không thích hợp với tôi. Tôi luôn muốn được tự do.

- Ông chưa biết Lâu đài rồi, - chủ quán nói nhỏ.

- Tất nhiên không nên nói mò, - K. nói. - Tôi chỉ biết ở Lâu đài người ta hiểu cần phải chọn một nhà đạc điền như thế nào cho mình. Nhưng chắc là họ còn có những ưu điểm khác nữa.

Chàng đứng dậy để giải thoát cho người chủ quán đang bặm môi, bồn chồn lo lắng. Thật là không dễ gì làm cho con người này tin được.

Một bức chân dung sẫm màu viền khung đen ở trên tường đập vào mắt K. khi chàng bước ra cửa. Chàng đã thấy nó từ chỗ nằm hôm qua, nhưng vì ở xa chàng không nhận ra bức ảnh, cứ tưởng người ta đã lấy ảnh đi rồi, không có gì ở đó nữa mà chỉ nhìn thấy mặt sau của bìa giấy còn lại. Bây giờ chàng mới rõ đó là bức ảnh chụp nửa thân của một người đàn ông trạc độ năm mươi tuổi. Đầu ông ta trễ cúi thấp xuống ngực như thể cái trán to, nặng và cái mũi khoằm nhọn đã kéo đầu ông ta xuống. Do tư thế của cái đầu, bộ râu quai nón trên cằm bị ấn dẹt vào, tỏe ra mềm mại. Tay trái của ông ta luồn sâu hết mức vào bộ tóc dày, nhưng không thể nào lôi cái đầu lên cao hơn.

- Ai đây? - K. hỏi - Có phải bá tước không?

Chàng đứng trước bức ảnh, không quay về phía người chủ quán.

- Không phải, - người chủ quán trả lời, - đây là quan phòng thành.

- Đúng là các ông có vị quan phòng thành đẹp mã ở Lâu đài, - K. nói. - Tiếc là con trai ngài không được như thế.

- Không phải đâu, - chủ quán nói rồi kéo K. lại gần hơn thì thầm vào tai chàng. - Schwarzer hôm qua nói quá lên đấy, bố anh ta chỉ là người giúp việc quan phòng thành thôi, ông ta cũng chỉ là một người hạng bét trong số đó.

K. cảm thấy vào giây phút ấy, chủ quán hệt như một đứa trẻ vậy.

- Ồ, một thằng cha lếu láo! - chàng cười, nói.

Nhưng chủ quán không cười theo chàng mà nói:

- Tuy vậy, bố anh ta cũng là người có quyền thế lắm.

- Thôi đi! - K. nói. - Đối với anh tất cả mọi người đều có quyền thế. Tôi cũng là người như thế chắc?

- Không, - chủ quán trả lời rụt rè nhưng nghiêm chỉnh. - Tôi không xem ông là người có quyền thế.

- Tôi thấy anh có đôi mắt tinh tường đấy, - K. nói. - Nói để chúng ta biết với nhau, quả thật tôi không phải là người có quyền thế. vì thế tôi cũng nể sợ quyền lực, có điều tôi không thành thật như anh và không phải lúc nào tôi cũng thừa nhận điều đó.

Nói rồi K. vỗ vỗ vào má người chủ quán một cách an ủi, để khơi thêm trong anh ta một chút nhiệt tình với chàng. Thấy thế chủ quán cũng mỉm cười. Với khuôn mặt mềm mại, gần như không có râu, quả thật trông anh ta như một cậu bé. Nhưng làm sao anh ta lại lấy phải một cô vợ đẫy đà, đứng tuổi như vậy? Qua ô cửa sổ trên tường, chàng trông thấy chị ta đang chống khuỷu tay mải miết với công việc trong nhà bếp. Nhưng K. không muốn gạn hỏi về việc đó, sợ làm biến mất nụ

cười thật khó khăn lắm mới hiện lên trên gương mặt anh ta. K. ra hiệu cho chủ quán mở cửa rồi chàng bước ra giữa buổi sáng mùa đông đẹp trời.

Lúc này, trong không khí trong lành rực rỡ ánh sáng, chàng nhìn thấy Lâu đài ở trên cao, đã được lớp tuyết mỏng phủ lên toàn phần làm hiện rõ hơn những đường nét của nó. Trên đó hình như có ít tuyết hơn ở dưới làng, nơi chàng phải bước đi thật khó khăn chẳng kém gì hôm qua ở ngoài đường quốc lộ. Ở dưới này tuyết ngập đến cửa sổ của những ngôi nhà nhỏ, treo thành từng khối từ trên các mái nhà đến mức gần như rủ xuống đến mép cửa sổ, còn ở trên núi thì tất cả đều vươn lên cao một cách tự do dễ dàng. Ít ra thì ở dưới này thấy như vậy.

Nhìn từ xa, Lâu đài nói chung đúng là như K. chờ đợi. Không có vẻ cổ kính, không có cung điện nguy nga, tráng lệ. Lâu đài chỉ là quần thể những ngôi nhà hợp thành. Có vài ngôi nhà hai tầng, còn lại là nhiều nhà thấp nằm ngổn ngang, ai không biết đấy là Lâu đài thì cứ tưởng là một thị trấn nào đó. K. chỉ thấy một tháp chuông, nhưng không thể nhận ra đó là tháp chuông nhà thờ hay của nhà ở. Những con quạ đang lượn quanh đó.

K. tiếp tục đi, mắt dán vào Lâu đài, không để tâm đến việc gì khác. Nhưng càng đến gần, chàng lại càng cảm thấy thất vọng: Lâu đài này trong thực tế chỉ là một thị trấn thảm hại; những ngôi nhà ở đây chỉ khác những căn nhà gỗ làng quê là được xây bằng đá, nhưng lớp vữa trên tường đã tróc từ lâu, và hình như đá cũng đã lở vụn dần ra. K. thoáng nhớ tới thị trấn quê hương của chàng: nó cũng không chút thua kém cái gọi là Lâu đài này. Nếu K. đến đây chỉ là để thấy những thứ này thì thật uổng cho cuộc hành trình dài vừa qua. Thông minh hơn nếu chàng đã về quê cũ, lần cuối cùng chàng thăm quê đã lâu rồi. Và chàng thầm so sánh gác chuông nhà thờ ở nhà với gác chuông ở trên này. Cái gác chuông đó, với mái ngói rộng, màu đỏ, thẳng như mũi tên vươn lên một cách quả quyết, càng lên

cao càng hẹp dần rồi mất hút trong khoảng không. Không nghi ngờ gì nữa, đó là ngôi nhà trần thế - chúng ta có thể xây gì khác hơn - nhưng với mục đích cao hơn những ngôi nhà thấp bé ở phía dưới nó, và với ý nghĩa trong sáng hơn ý nghĩa vẩn đục đời thường. Còn ở đây, gác chuông này có lẽ là của ngôi nhà chính, để ở, một công trình tròn trịa, đơn điệu, và sự đơn điệu của nó phần nào được cây dây leo che lấp. Những tấm cửa sổ nhỏ giờ đây lấp lánh dưới mặt trời, - có cái gì ngớ ngẩn toát ra từ sự lấp lánh đó, - trên phần mái đua được tạo thành của gác chuông là những hình trang trí đứt đoạn, lộn xộn và rời rạc hiện lên giữa trời xanh như thể chúng được khắc lên đó bởi bàn tay hoảng hốt, cẩu thả của trẻ con. Cái gác chuông giống như một người có tâm tính chán chường, sống ru rú trong phòng ở nơi cuối cùng nhất của ngôi nhà, bỗng phá mái, nhô lên cao cho cả thế giới biết.

K. lại dừng lại, cứ như là khi đứng yên chàng nhận xét các sự việc tốt hơn vậy. Nhưng người ta đã quấy rầy chàng. Chàng đang đứng trước ngôi nhà thờ của làng, thực ra đây chỉ là một điếm canh nhỏ được xây phụ thêm một gian nhà kho để có đủ chỗ cho các tín đồ. Đằng sau nó là trường học. Một ngôi nhà dài, thấp, đứng vô công rồi nghề một cách đặc biệt, trong một cái vườn có hàng rào bao quanh, phủ đầy tuyết, nó vừa gợi lên không khí cổ xưa lại vừa có gì như tạm bợ. Vừa lúc đó những đứa trẻ đi ra cùng với thầy giáo, chúng túm tụm quanh thầy, mắt dán vào anh ta, miệng huyên thuyên không nghỉ. Bọn trẻ nói nhanh nên K. không hiểu gì cả. Thầy giáo là một người nhỏ bé, vai hẹp, dáng đứng thật thẳng, mặc dù vậy anh ta không đến nỗi buồn cười. Người đàn ông trẻ tuổi, tự cao này từ xa đã chăm chú để ý tới K., sinh linh duy nhất ngoài bọn trẻ. Như người từ xa đến, K. chào con người nhỏ bé quen ra lệnh này trước:

- Chào thầy giáo, - K. nói.

Bọn trẻ im lặng. Và sự im lặng đột ngột như chờ đợi lời thầy giáo chắc là đã làm cho anh ta thích thú.

- Anh ngắm Lâu đài à? - thầy giáo hỏi một cách nhã nhặn hơn là K. tưởng, nhưng với giọng như thể không tán thành việc chàng làm.

- Vâng, - K. trả lời, - tôi là người lạ ở đây, tôi mới đến hôm qua.

- Anh không thích Lâu đài à? - thầy giáo hỏi nhanh.

- Sao cơ? - K. hỏi hơi ngạc nhiên, rồi chàng nhắc lại câu hỏi một cách nhẹ nhàng hơn: - Tôi có thích Lâu đài không ư? Vì sao anh nghĩ là tôi không thích nhỉ?

- Những người lạ không bao giờ thích, - thầy giáo trả lời.

Để khỏi phải nói điều không đúng chỗ, K. nói lảng sang chuyện khác.

- Chắc là anh quen ngài bá tước? - chàng hỏi.

- Không, - thầy giáo trả lời và định bước đi, nhưng K. không chịu thôi, chàng hỏi lại:

- Sao, anh không quen bá tước à?

- Làm sao tôi có thể quen ông ta được? - thầy giáo nói nhỏ, rồi anh ta nói thêm bằng tiếng Pháp, giọng to hơn: - Anh hãy thận trọng hơn trước mặt những đứa trẻ vô tội này.

Nghe thế K. cảm thấy mình có thể đặt câu hỏi:

- Tôi có thể đến thăm anh được không, thầy giáo? Tôi sẽ ở lại đây lâu, vậy mà bây giờ đã cảm thấy mình bị bỏ rơi, tôi không thuộc về những người nông dân, cũng không thuộc về Lâu đài.

- Giữa nông dân và Lâu đài không có sự khác biệt lớn, - thầy giáo nói.

- Có thể, - K. nói, - những điều đó không làm thay đổi gì được tình thế của tôi. Tôi có thể đến thăm anh được chứ?

- Tôi ở phố Thiên Nga, cạnh nhà bán thịt.

Như vậy là anh ta đã không mời chàng, chỉ thông báo địa chỉ, thế nhưng K. vẫn nói:

- Được rồi, tôi sẽ tìm anh.

Thầy giáo khẽ gật đầu và đi cùng với đội quân tí hon đang ầm ĩ trở lại. Họ nhanh chóng biến mất ở con đường dốc.

K. lúng túng. Cuộc nói chuyện đã làm chàng bực mình. Từ khi lên đường, đây là lần đầu tiên chàng cảm thấy mệt thật sự. Con đường dài tới đây, qua bao ngày, từng bước chàng đã vượt qua yên ổn. Vậy mà giờ đây, thật là không đúng lúc, xuất hiện những hậu quả khó chịu vô cùng, ngoài ý muốn. Chàng không cưỡng lại được lòng mong muốn có những mối quen biết mới, nhưng những quan hệ mới lại làm chàng mệt mỏi. Nếu trong trạng thái này mà cố bình tâm lại và đi dạo cho đến cổng tòa Lâu đài thì cũng đã là quá đủ.

Chàng tiếp tục đi về phía trước, nhưng đường còn rất dài. hóa ra con đường chính của làng lại không dẫn lên quả đồi có Lâu dài, mà chỉ dẫn đến gần đó, rồi như cố ý, nó rẽ ngang, không bỏ xa Lâu đài mà cũng không dẫn đến gần. K. nóng lòng mong sao con đường sẽ hướng về phía Lâu đài, vì thế chàng tiếp tục đi. Chắc chắn do đã mệt nên chàng không muốn tránh con đường đó, nhưng chàng hết sức ngạc nhiên thấy cái làng này mới dài làm sao, đi mãi cũng không hết. Những ngôi nhà nhỏ nối đuôi nhau vô tận với những con mắt cửa sổ đã bị đóng băng. Khắp nơi đều có tuyết, nhưng không ở đâu có một bóng người. K. đành rời con đường hấp dẫn đó, rẽ vào một cái ngõ hẹp, ở đây tuyết phủ dày hơn. Chân ngập trong tuyết nên mỗi bước đi đều làm chàng mệt mỏi, ê chề. Mồ hôi vã ra, chàng bỗng dừng lại, không thể đi tiếp được.

Dù sao chàng vẫn không đơn độc: bên phải, bên trái đều có những ngôi nhà của nông dân. Chàng vắt một nắm tuyết rồi ném vào ô cửa sổ gần đấy. Lập tức một cánh cửa mở ra, - đây là cánh cửa đầu tiên mở ra kể từ khi chàng lang thang trong làng, - và một ông lão nông dân đứng ở đó, mình mặc chiếc áo chẽn lông thú, đầu nghiêng nghiêng lắc lư một cách yếu ớt và thân mật.

- Tôi có thể vào chỗ các bác một lúc được không? - K. nói, - tôi mệt lắm.

Chàng không nghe thấy ông lão nông dân trả lời, nhưng với lòng biết ơn, chàng nhìn thấy ông ta lấy một tấm ván ra lót để chàng có thể thoát ra khỏi lớp tuyết dày và chỉ sau vài bước đã có mặt ở trong phòng.

Căn phòng lớn, tranh tối tranh sáng: người ở ngoài vào không nhìn thấy gì hết. K. vấp phải cái chậu giặt, một bàn tay phụ nữ kéo chàng trở lại. Từ một góc phòng vẳng đến tiếng trẻ con, ở góc khác có hơi nước bốc lên, và căn phòng tranh tối tranh sáng trở nên tối hẳn. K. như đứng trong đám mây.

- Anh ta say rượu, - có ai đó nói.

- Anh là ai? - một giọng kẻ cả hỏi chàng rồi quát ông lão: - Tại sao lại để hắn vào? Ông tưởng có thể cho tất cả bọn lang thang ngoài đường vào nhà hay sao?

- Tôi là người đạc điền của ngài bá tước, - K. nói như muốn thanh minh trước người hỏi chưa rõ mặt.

- Ồ, người đạc điền! - một giọng phụ nữ cất lên, sau đó là sự im lặng bao trùm.

- Mọi người biết tôi chứ? - K. hỏi.

- Sao lại không, - vẫn là giọng nói cộc lốc đó.

Xem ra thì việc người ta biết chàng không phải là lá thư bảo đảm lúc này.

Cuối cùng hơi nước đã tan đi một ít, và K. bắt đầu định hướng được. Dường như hôm nay là ngày tắm giặt của họ. Cạnh cửa người ta giặt đồ lót. Hơi nước bốc lên từ cuối góc phòng, nơi đó trong một cái thùng to mà K. chưa từng thấy bao giờ trong đời, - to như một cái giường đôi - hai người đàn ông đang tắm, hơi nước mù mịt. Nhưng bất ngờ nhất là góc phòng bên phải, mặc dù không thể biết chính xác là có cái gì bất ngờ nơi đó. Qua một cái lỗ lớn, duy nhất, trên tường phía sau của căn phòng, từ ngoài sân trăng bàng bạc chiếu lên quần áo của một người phụ nữ thứ ánh sáng mượt mà. Nàng đang nằm uể oải thì đúng hơn là ngồi trong một chiếc ghế bành cao, ôm đứa trẻ sơ sinh trên ngực. Xung quanh nàng là mấy đứa trẻ đang chơi, chúng là những đứa trẻ con nông dân;

nhưng nàng thì dường như không phải là nông dân. Tuy nhiên cũng có thể sự mệt mỏi và bệnh tật làm cho người nông dân trở nên yểu điệu hơn.

- Mời anh ngồi! - một người đàn ông nói, anh ta có bộ râu quai nón. thêm vào đó là bộ ria mép cá trê và dưới nó là cái miệng luôn mở ra, phì phò. Bằng một cái vung tay kì cục, anh ta chỉ vào một cái hòm nằm trên chiếc thùng vắt sữa làm nước ấm bắn tung tóe lên mặt K.. Trên cái hòm đó đã có ông lão, người cho K. vào lúc nãy, đang ngồi trầm ngâm. K. thích thú vì rốt cuộc chàng có thể ngồi xuống. Từ lúc đó người ta không để ý đến chàng nữa. Cạnh cái chậu giặt. một thiếu phụ có mái tóc dày, màu vàng vừa se sẽ hát vừa làm việc, còn trong thùng tắm là hai người đàn ông đang cười nói huyên thuyên. chân tay vùng vẫy. Thỉnh thoảng bọn trẻ thận trọng đến gần họ nhưng đều bị họ, không nể mặt K., quẫy cho nước bắn tung tóe. đuổi đi. Trên chiếc ghế bành người đàn bà nằm bất động, không liếc nhìn đến đứa trẻ sơ sinh, nàng chỉ đăm đắm nhìn vào đâu đó, ở trên cao. K. nhìn hồi lâu cảnh tượng đẹp và buồn đó. rồi có thể chàng đã ngủ. vì khi choàng tỉnh dậy bởi một giọng nói oang oang, chàng thấy đầu mình ngả vào vai ông lão ngồi cạnh. Hai người đàn ông đã tắm xong, họ đã mặc quần áo và đứng trước mặt K., còn bọn trẻ thì đùa giỡn trong thùng nước bên cạnh thiếu phụ tóc vàng đang ngồi trông. Té ra. cái gã to giọng. có râu quai nón lại là người ít quan trọng trong bọn họ. Người đàn ông khác cũng cao như gã có râu quai nón, nhưng ít râu hơn nhiều, là một người trầm tĩnh, chậm rãi, to ngang. mặt rộng. lưỡng quyền nhô cao.

- Ngài đạc điền ạ, - gã nói, - ngài không thể ở đây được, xin lỗi ngài về sự bất nhã.

- Tôi cũng không muốn ở đây, - K. nói. - Tôi chỉ muốn nghỉ ngơi một lúc. Và tôi được nghỉ rồi, bây giờ tôi đi đây.

- Chắc là ngài ngạc nhiên vì chúng tôi không hiếu khách, - gã nói tiếp. - nhưng hiếu khách không phải là mốt ở đây, chúng tôi không cần khách.

K. sảng khoái hơn tí chút nhờ giấc ngủ, chàng lấy làm mừng trước lời nói thẳng thắn. Chàng cử động thoải mái hơn, chống gậy đi lại trong phòng, thậm chí còn đến gần chỗ người đàn bà ngồi trong chiếc ghế bành, cảm thấy mình cao hơn tất cả mọi người.

- Phải rồi, - K. nói, - các anh cần gì khách. Nhưng dù sao thỉnh thoảng cũng cần đến một người đạc điền như tôi đây.

- Điều đó tôi không biết, - người đàn ông nói chậm rãi, - Nếu người ta mời ngài đến thì hẳn là cần, chắc chắn đây là trường hợp ngoại lệ. Nhưng chúng tôi là những kẻ thấp cổ bé miệng, phải giữ đúng nguyên tắc, ngài không nên khó chịu với chúng tôi.

- Không, không, - K. nói. - Tôi mang ơn các vị và tất cả mọi người ở đây thì đúng hơn.

Và thật hoàn toàn bất ngờ đối với họ, K. nhảy một cái, và chàng đã đến trước mặt người đàn bà trong ghế bành. Nàng đưa mắt mệt mỏi nhìn K., chiếc khăn quàng bằng lụa mỏng trùm đến giữa trán, trên ngực nàng là đứa trẻ sơ sinh đang ngủ.

- Cô là ai? - K. hỏi.

- Một cô gái đến từ Lâu đài, - nàng trả lời cộc lốc, không thể hiểu là sự miệt thị này dành cho K. hay cho chính câu trả lời của nàng.

Tất cả chỉ xảy ra trong chốc lát, hai người đàn ông túm lấy K. và dường như không thể giải thích được bằng lời nói, họ lặng lẽ lấy hết sức lôi chàng ra cửa. Trong khi đó, ông lão không hiểu vui mừng vì điều gì đó, vỗ hai tay vào nhau. Người đàn bà đang giặt cũng cười bên cạnh những đứa trẻ bỗng nhiên làm ầm ĩ cả lên.

K. đã ở ngoài đường, hai người đàn ông theo dõi chàng từ bậu cửa. Tuyết lại rơi, dường như trời sáng hơn chút ít. Gã có râu quai nón kêu lên, vẻ sốt ruột:

- Ngài định đi đâu? Đường vào Lâu đài đi lối này kia mà, còn lối kia dẫn vào làng.

K. không trả lời gã, mà lại hỏi người đàn ông bên cạnh, người này có vẻ thân thiện hơn, mặc dù ít nói.

- Các anh là ai? Tôi phải cảm ơn ai về việc tôi đã được nghỉ ở đây?

- Tôi là Laseman, thợ thuộc da, - gã trả lời, - ngài không cần phải cảm ơn ai về việc gì cả.

- Được rồi, - K. nói, - chắc là chúng ta còn gặp nhau.

- Tôi không tin, - người đàn ông nói.

Ngay lúc đó, gã rậm râu giơ tay lên và bắt đầu gào to:

- Chào Artúr! Chào Jeremiás.

K. quay lại: vậy là ở trong làng này vẫn có người đi lại ngoài đường! Có hai người trẻ tuổi từ phía Lâu đài đang đi đến gần. Cả hai dáng người tầm thước, cân đối, họ đều mặc quần áo bó sát người, khuôn mặt cũng rất giống nhau. Và mặc dù da mặt họ màu nâu sẫm nhưng bộ râu nhọn của họ đen đến mức vẫn nổi lên tương phản trên khuôn mặt họ. Hai người đi nhanh một cách không ngờ ngay trên con đường khó đi, chân họ rảo bước cùng một nhịp.

- Đi đâu, đi đâu đấy? - gã rậm râu lớn tiếng hỏi. Chỉ có gào lên thì mới bắt chuyện được với họ, họ đi nhanh, không dừng chân một giây nào.

- Chúng tôi có việc! - họ cười, gào lên đáp lại.

- Ở đâu?

- Ở trong quán trọ!

- Tôi cũng đi đến đó! - K. hét lên quá đột ngột.

K. rất muốn hai người kia đưa chàng đi cùng, dù không chờ đợi gì nhiều ở sự quen biết nhưng chắc họ là những người đồng hành tốt đầy sảng khoái. Họ đã nghe thấy tiếng chàng, nhưng chỉ kịp gật đầu thì đã đi xa.

K. vẫn còn đứng trong tuyết, chàng không thấy hứng thú gì rút chân lên, để chỉ liền ngay đó lại dẫm sâu vào lớp tuyết. Gã làm nghề thuộc da cùng với bạn, và sau khi đã đuổi được K. ra

khỏi nhà, vừa lui vào nhà qua cánh cửa hé mở, vừa đưa mắt theo dõi chàng. K. còn lại một mình trên tuyết. "Một dịp để thất vọng, - chàng nghĩ, - nếu ta đứng đây do tình cờ chứ không phải có chủ ý".

Lúc đó cánh cửa sổ bé tí của nhà bếp bên phía tay trái mở ra. Ô cửa này khi đóng, có lẽ do ánh tuyết, như có màu xanh thẫm, nó nhỏ đến mức giờ đây khi được mở ra vẫn không thấy rõ cả khuôn mặt người đang nhìn ra từ đó, mà chỉ mỗi đôi mắt, màu nâu và già nua.

- Anh ta đứng kia, - K. nghe một giọng phụ nữ.

- Người đạc điền, - giọng đàn ông nói.

Rồi người đàn ông bước lại gần cửa sổ, hỏi chàng một cách không hẳn là bất nhã, nhưng dường như mối quan tâm chính của ông ta là trước nhà, ngoài ngõ mọi thứ đều phải có trật tự.

- Ông đợi ai?

- Tôi đợi xe trượt tuyết đưa đi, - K. đáp.

- Xe trượt tuyết không đi qua đây, - người đàn ông nói, - đường này không có xe đi.

- Vậy mà con đường này dẫn tới Lâu đài, - K. nhận xét.

- Vô ích thôi, - người đàn ông nói vẻ quả quyết. - Dù sao đường này cũng không có xe.

Cả hai cùng im lặng. Nhưng người đàn ông có vẻ như đang toan tính điều gì trong đầu, vì ông ta vẫn để mở ô cửa sổ có hơi nước đang tỏa ra.

- Con đường xấu quá, - K. nói để tiếp tục câu chuyện.

Nhưng người đó chỉ nói:

- Phải.

Thế rồi sau một lúc im lặng, ông ta nói thêm:

- Nếu ông muốn, tôi đưa ông đi bằng xe ngựa của tôi.

- Việc đó thật là tốt, - K. phấn khởi nói. - Ông lấy bao nhiêu tiền?

- Không lấy gì cả, - ông ta nói.

K. ngạc nhiên.

- Ông là người đạc điền của Lâu đài mà, - người đàn ông giải thích. - Ông muốn đi đâu?

- Tôi muốn đến Lâu đài, - K. đáp.

- Thế thì tôi không đi, - người đàn ông nói ngay.

- Nhưng tôi thuộc về Lâu đài, - K. nhắc lại lời của ông ta.

- Như thế tôi cũng không đi, - người đó nói giọng phản đối.

- Vậy ông đưa tôi đến quán trọ! - K. nói.

- Thế thì được, - người đó nói. - Tôi sẽ đưa xe trượt tuyết ra ngay.

Tất cả những việc này hoàn toàn không thể hiện sự thiện chí mà hầu như chỉ là sự cố gắng ích kỉ và hoảng hốt nhằm tống khứ K. đi cho khuất mắt.

Cổng sân mở ra, chiếc xe trượt tuyết nhỏ và thấp dành để chở hàng nhẹ xuất hiện. Chiếc xe không có chỗ ngồi nào, do một con ngựa ốm yếu kéo, chủ xe nghiêng ngả đi sau, dáng người lom khom, xiêu vẹo. Khuôn mặt không cân đối, gầy gò, ửng đỏ của ông ta trông càng nhỏ bé hơn bởi chiếc khăn len quấn chặt trên đầu. Nhìn là biết ngay ông ta đang ốm, ông ta ra đường chỉ là để đưa K. đi. K. nói điều gì đó với ông ta, nhưng ông ta chỉ phẩy tay. Tên ông ta là Gerstäcker, làm nghề đánh xe ngựa, đấy là tất cả những gì mà K. biết được. Ông ta mang cái xe trượt tuyết tồi tàn này đến là vì nó có sẵn, nếu ông ta muốn kéo một chiếc xe khác thì phải mất nhiều thời gian.

- Mời ông ngồi lên, - ông ta nói và dùng roi da chỉ vào chỗ cuối của chiếc xe trượt tuyết.

- Tôi sẽ ngồi cạnh ông, - K. nói.

- Tôi đi bộ, - Gerstäcker đáp.

- Tại sao? - K. hỏi.

- Tôi đi bộ, - Gerstäcker nhắc lại, và cơn ho đã làm cho

người ông ta rung lên, phải chôn chân trong tuyết, tay bám vào thành xe. K. không nài nỉ nữa, chàng ngồi lên cuối xe. Cơn ho ngớt dần và họ xuất phát.

Ở phía tòa Lâu đài mà K. muốn đến ngày hôm đó, trời đã tối một cách lạ lùng, và nó mỗi lúc một lùi xa. Nhưng dường như muốn tỏ dấu hiệu gì đó để tạm biệt chàng, tiếng chuông đổ từng hồi trầm ấm vang xa một cách vui vẻ. Và trong chốc lát nó làm cho trái tim chàng run rẩy như thể được thực hiện điều gì đó mà chàng khao khát. Tiếng chuông như đe dọa vì nó cũng vang lên đau đớn. Nhưng rồi hồi chuông lớn đã nhanh chóng im lặng, thay vào đó là những tiếng chuông yếu ớt vang lên lay lắt, có lẽ ở cả trên đồi lẫn dưới làng. Tiếng chuông đều đều này thích hợp hơn với cuộc hành trình chậm chạp và với người đánh xe rầu rĩ nhưng khó tính.

- Này ông! - K. đột ngột kêu lên khi họ đang đến gần nhà thờ, đường đến quán trọ cũng không xa nữa, K. đã có thể đánh bạo hỏi vài điều. - Tôi lấy làm lạ là ông dám chịu trách nhiệm chở tôi đi! Ông được phép làm việc này à?

Gerstäcker không để ý đến chàng, tiếp tục lê bước bên con ngựa của mình.

- Hê! - K. kêu to, chàng lấy ít tuyết ở xe ném trúng vào tai Gerstäcker. Người đánh xe ngựa đứng lại và quay mặt về phía sau, nhưng giờ đây, khi K. trực tiếp nhìn thấy ông ta từ khoảng cách gần, vì chiếc xe vẫn tiếp tục trượt một đoạn ngắn, với dáng người lom khom, gần như khổ ải, khuôn mặt mệt mỏi, gày gò, đỏ gay không cân đối bởi một bên má phẳng phiu còn bên kia lõm vào cùng với cái miệng há ra trong đó chỉ còn vài chiếc răng cô đơn treo lủng lẳng thì với một sự cảm thông chàng nhắc lại điều lúc nãy do ác ý chàng đã hỏi: rằng người ta không trừng phạt Gerstäcker tội chở chàng đi hay sao?

- Ông muốn gì? - Gerstäcker hỏi một cách khó hiểu, và không đợi giải thích gì thêm, ông ta quát ngựa, họ tiếp tục đi.

CHƯƠNG II

Khi gần đến quán trọ. - K. nhận ra điều này nhờ chỗ rẽ của con đường. - rất bất ngờ đối với K. là trời đã tối hoàn toàn. Chàng đã đi khỏi đây lâu như thế ư? Không, theo tính toán của K. thì cùng lắm chỉ mới độ một - hai giờ, chàng xuất phát buổi sáng, đến giờ chưa hề thấy đói, với lại vừa mới đây vẫn còn ánh sáng ban ngày, vậy mà giờ đây bóng tối đột ngột tràn xuống. "Ngày thật ngắn ngủi, thật ngắn ngủi!" - chàng thầm nói rồi nhoài người xuống khỏi chiếc xe trượt tuyết, đi về hướng nhà trọ.

Người chủ quán dã đứng trên bực tam cấp dẫn vào nhà, đón K. hết sức nồng nhiệt, với chiếc đèn gió lên cao chiếu thẳng vào chàng. K. chợt nhớ đến người đánh xe, chàng dừng lại, nhưng chàng nghe tiếng ho ở một nơi nào đó trong bóng tối, có thể là ông ta đã đi khỏi. Rồi họ sẽ gặp nhau một dịp gần đây nhất thôi mà! Khi bước đến bên người chủ quán đã chào chàng một cách nhún nhường, chàng thấy cạnh cửa, ở hai phía phải, trái đều có một người đang đứng. Chàng lấy đèn ở tay người chủ quán soi vào mặt họ, và đã nhận ra họ là ai. Chàng dã nhìn thấy họ, tên họ là Artúr và Jeremiás. Họ chào chàng theo lối nhà binh. K. bật cười, sự kính trọng của họ làm chàng nhớ đến thời đi lính hạnh phúc của mình.

- Thế các anh là ai? - chàng hỏi, hết nhìn người này đến người khác.

- Những phụ tá của ông, - họ trả lời.

- Phải, họ là những người giúp việc, - người chủ quán nhấn mạnh, giọng nhẹ nhàng.

- Sao? - K. hỏi. - Các anh là những phụ tá cũ mà tôi đã bảo đi theo, những người mà tôi đang đợi ư?

- Vâng, - họ đáp.

- Được rồi. - K. nói sau một lúc im lặng. - Các anh đã đến,

thế là tốt. Tuy nhiên, - chàng lại nói thêm sau một lúc im lặng, - các anh đến muộn quá đấy, các anh thật là lười biếng.

- Đường xa quá, - một người trong bọn họ nói.

- Đường xa, - K. nhắc lại. - Nhưng tôi đã thấy các anh đến từ Lâu đài.

- Vâng, - họ trả lời mà không giải thích dài dòng.

- Thế dụng cụ đo đạc đâu cả rồi? - K. hỏi.

- Chúng tôi không có dụng cụ đo đạc, - họ nói.

- Những dụng cụ đo đạc mà tôi đã giao cho các anh giữ ấy? - K. nói.

- Chúng tôi không có dụng cụ đo đạc, - họ nhắc lại.

- Không thể chịu đựng nổi các anh! - K. nói. - Thế các anh có hiểu gì về công việc đạc điền không?

- Không! - họ nói.

- Nhưng nếu các anh là những phụ tá cũ của tôi thì các anh cần phải hiểu việc đó chứ? - K. nói.

Họ im lặng.

- Nào, các anh hãy theo tôi! - K. nói và bước qua trước mặt họ, vào nhà.

Sau đó, ba người ngồi trong quán không nói một lời cạnh một chiếc bàn nhỏ, bên những cốc bia, K. ngồi ở giữa, những người giúp việc của chàng ngồi ở hai bên. Ngoài chiếc bàn của họ ra, chỉ mới có một chiếc bàn duy nhất có người ngồi, ở đó những người nông dân đang uống như tối hôm qua.

- Tôi sẽ khó khăn với các anh đây, - K. nói, và không ngừng so sánh mặt của họ với nhau. - Tôi phải phân biệt các anh thế nào đây? Chỉ có tên của các anh là khác, còn các anh đều giống nhau như... - Chàng ngắc ngứ, rồi nói tiếp một cách miễn cưỡng: - Còn các anh đều giống nhau như là hai con rắn.

Những người đó chỉ cười.

- Người ta vẫn dễ phân biệt được chúng tôi đấy, - một người nói như để tự bào chữa.

- Tôi tin thế, - K. nói, - bởi vì chính tôi đã được chứng kiến,

nhưng tôi chỉ nhìn được bằng đôi mắt của mình, và tôi không thấy được sự khác biệt giữa các anh. Cho nên tôi sẽ đối xử với các anh như thể các anh là một người duy nhất, và tôi sẽ gọi cả hai người là Artúr, vì đó là tên của một trong hai người. Có phải tên của anh không? - chàng hỏi một trong hai người.

- Không phải, - người đó trả lời, - tôi là Jeremiás.

- Thế nào cũng được, - K. nói, - tôi sẽ gọi cả hai anh là Artúr. Nếu tôi bảo đi đâu thì cả hai người cùng đi; nếu tôi giao việc cho Artúr thì cả hai người cùng làm. Đối với tôi, làm như thế rất bất lợi, vì không thể dùng các anh vào từng việc riêng biệt, nhưng lại có lợi thế là các anh phải cùng chịu trách nhiệm đối với tất cả những việc tôi giao phó. Còn các anh phân chia công việc như thế nào, chuyện ấy không dính dáng gì đến tôi, nhưng các anh không thể đổ lỗi gì cho nhau vì trong mắt tôi các anh chỉ là một người duy nhất.

Những người giúp việc nghĩ ngợi rồi nói:

- Điều đó rất khó chịu đối với chúng tôi.

- Tất nhiên, - K. nói, - tất nhiên là khó chịu đối với các anh, nhưng sẽ phải làm như thế.

K. nhìn thấy một người nông dân cứ quanh quẩn hồi lâu bên chiếc bàn của họ, và cuối cùng ông ta mạnh dạn bước đến một trong hai người phụ tá để thì thầm điều gì đó.

- Xin lỗi, - K. nói,rồi đập tay xuống bàn,chàng đứng dậy, - đây là những người giúp việc của tôi, bây giờ chúng tôi đang trao đổi, không ai có quyền quấy rầy chúng tôi cả.

- Ồ, xin ông cứ việc ạ! - người nông dân nói vẻ sợ hãi rồi lùi về với những người cùng hội.

- Các anh cần phải đặc biệt ghi nhớ điều này, - K. nói và lại ngồi xuống. - Không được chuyện trò với bất kì ai nếu không được phép của tôi. Ở đây tôi là người lạ, và nếu các anh là những phụ tá cũ của tôi thì ở đây các anh cũng là người lạ. Chúng ta, ba người lạ, cần phải gắn bó với nhau. Các anh chìa tay ra!

Họ chìa tay về phía K. rất sẵn sàng.

- Các anh hãy đi đi, - K. nói, - lệnh là lệnh. Bây giờ tôi đi ngủ và tôi khuyên các anh cũng làm như vậy. Chúng ta không hoàn thành công việc ngày hôm nay, ngày mai cần phải bắt tay vào công việc sớm. Các anh cần phải kiếm xe trượt tuyết để tôi có thể đi đến Lâu đài, sáu giờ sáng các anh hãy có mặt ở trước nhà với xe trượt tuyết.

- Được thôi! - một trong hai người giúp việc nói.

Nhưng người kia nói chen vào:

- Mày nói được thôi, trong khi mày biết là không thể được.

- Im đi! - K. nói. - Các anh đã bắt đầu khác nhau đấy hả?

Bây giờ thì người giúp việc thứ nhất cũng nói:

- Nó nói đúng đấy, người lạ không thể vào Lâu đài nếu không được phép.

- Cần phải xin phép ở đâu?

- Tôi không biết, có lẽ xin ở quan phòng thành.

- Thế thì chúng ta gọi điện thoại cho ông ta. Các anh hãy gọi điện cho quan phòng thành ngay bây giờ, cả hai người!

Cả hai người giúp việc đều cùng chạy đến chỗ để máy điện thoại, xô đẩy nhau tỏ ra vâng lời một cách lố bịch, và đã nhận được đường dây liên lạc. Họ hỏi rằng sáng mai K. có thể đi cùng với họ vào Lâu đài được không?

K. ở bên bàn cũng nghe trả lời "không"! Nhưng câu trả lời không chỉ có thế:

- Ngày mai cũng không mà lúc khác cũng không!

- Để tôi gọi cho, - K. nói và đứng dậy.

Không kể đến ông nông dân lúc nãy, cho đến lúc này trong quán rượu người ta không quan tâm nhiều đến K. và những người giúp việc của chàng. Nhưng những lời vừa rồi của K. đã làm cho mọi người chú ý. Những người nông dân đứng cả dậy, và mặc dù chủ quán đã cố gắng giữ họ lại, đám đông vẫn dồn đến bên máy điện thoại, làm thành vòng tròn xung quanh K.. Họ đều cho rằng K. sẽ không nhận được câu trả lời. Chàng đã phải yêu cầu họ giữ trật tự, nói chung K. không quan tâm đến ý kiến của họ.

Có tiếng vo ve phát ra từ ống nghe mà K. chưa bao giờ gặp khi gọi điện thoại, như thể đó là sự ồn ào được tạo nên từ vô số tiếng trẻ con - nhưng cũng không phải tiếng vo ve thật mà là tiếng hát xa xôi, bất tận - như thể từ tiếng vo ve ấy một âm thanh cao duy nhất và mạnh mẽ được tạo ra một cách vô lí, nó đập vào tai như muốn vào sâu hơn cái màng nhĩ mỏng manh của chàng. K. không nói, chàng chỉ lắng nghe, tay trái chống lên hộp máy. Chính K. cũng không biết mình đã đứng như thế được bao lâu, cho tới khi người chủ quán kéo áo bành tô của chàng vì có liên lạc viên nào đó tìm chàng.

- Đi đi! - K. quát giọng tức tối, có lẽ chàng quát thẳng vào ống nghe nên bất ngờ đầu dây đằng kia có người đáp lại. Cuộc nói chuyện đã diễn ra như sau:

- Oszvald đây, ai ở đó? - một giọng nghiêm khắc, kiêu ngạo vang lên. K. nhận thấy giọng nói của người này có một khuyết tật nào đó nên ông ta che giấu nó bằng vẻ nghiêm khắc cố ý.

Chàng ngập ngừng, không muốn xưng danh. Đối diện với máy điện thoại chàng cảm thấy bất lực: người kia có thể nổi cơn thịnh nộ hoặc vứt ống nghe đi và như vậy thì ai mà biết được con đường quan trọng nào đó đã khép lại trước mặt K.

Người kia sốt ruột trước sự do dự của chàng.

- Ai đấy? - ông ta lại hỏi và nói thêm: - Tôi rất mừng nếu ở đấy các vị gọi điện thoại ít hơn cho, các vị vừa mới gọi chưa đầy một phút.

K. để ra ngoài tai lời nhắc nhở, với quyết định bất ngờ, chàng nói:

- Tôi là phụ tá của ngài đạc điền.

- Phụ tá nào? Ngài đạc điền nào?

Lúc này, bỗng nhiên K. nhớ tới cuộc nói chuyện qua điện thoại hôm qua.

- Ông hãy hỏi Fritz ấy! - chàng nói cộc lốc.

Điều này, thật bất ngờ, đã có tác dụng. Nhưng chàng còn ngạc nhiên hơn, là sự phục vụ nơi văn phòng ở trên đó mới thống nhất làm sao. Người kia trả lời:

- Tôi đã biết. Lại cái ngài đạc điền ấy. Phải, phải. Sao nữa? Phụ tá nào?

- József, - K. nói.

Tiếng ồn ào của đám nông dân sau lưng K. đã quấy rầy chàng, rõ ràng họ không thích việc chàng đã nói tên giả. Nhưng K. không có thời gian để ý tới họ, cuộc nói chuyện đã thu hút mọi sự chú ý của chàng.

- József à? - người kia hỏi. - Nhưng tên của các phụ tá là... - ngừng một lúc, chắc chắn ông ta hỏi ai đó, - là Artúr và Jeremiás!

- Đó là những phụ tá mới, - K. nói.

- Không phải. Họ là những phụ tá cũ.

- Họ là những người mới, chỉ có tôi là cũ, hôm nay tôi đến sau ngài đạc điền.

- Không phải, - ông ta kêu lên.

- Thế thì tôi là ai? - K. hỏi với giọng thản nhiên như từ đầu.

Sau một lát im lặng, vẫn cái giọng đó, với cách nói không chuẩn nhưng dường như đã khác, trầm hơn, oai vệ hơn, người kia nói:

- Anh là phụ tá cũ.

Trong khi chú ý đến âm vang của giọng nói ấy, K. suýt nữa buột miệng hỏi:

- Ông muốn gì?

Chàng muốn để quách ống nói xuống cho rồi. Chàng không chờ đợi gì nữa ở cuộc nói chuyện này. Tuy vậy, gần như bị thôi thúc, chàng vội hỏi:

- Thế bao giờ thì ông chủ của tôi có thể đi đến Lâu đài?

- Không bao giờ cả, - ống nghe trả lời.

- Được rồi, - K. nói và treo ống nghe về chỗ.

Ở phía sau, đám nông dân đã chen lấn đến gần chàng hơn. Hai người giúp việc vừa liếc mắt nhìn chàng vừa lo giữ họ lại. Nhưng họ làm việc đó chỉ cho có vẻ, và đám đông thôi không chen chúc nữa, chắc là kết quả của cuộc nói chuyện

đã làm họ thỏa mãn. Lúc đó đám đông bị rẽ ra bởi một người đàn ông đi đến từ phía sau với bước chân nhanh nhẹn, người đó cúi xuống trước mặt K. và trao cho chàng một lá thư. K. nhận lá thư, nhưng trước hết chàng nhìn người đàn ông vì đó là việc quan trọng nhất lúc này. Anh ta cực kì giống những người giúp việc, cũng với dáng người dong dỏng trong bộ quần áo chật căng, cũng với cử chỉ hoạt bát và khéo léo như họ. Mặc dù vậy, anh ta vẫn hoàn toàn khác. Nếu anh ta là phụ tá của chàng thì chàng vừa ý hơn biết mấy! Anh ta phần nào làm chàng nhớ tới người đàn bà với đứa trẻ sơ sinh mà chàng đã gặp ở nhà ông thợ thuộc da. Anh ta mặc gần như toàn màu trắng, áo ngoài không phải bằng lụa vì đây là quần áo mùa đông như của mọi người, nhưng trông mịn màng và sang trọng như lụa. Khuôn mặt anh ta trong sáng với đôi mắt to, cởi mở. Anh ta lấy tay vuốt khắp khuôn mặt có nụ cười rất đáng tin cậy như thể muốn lau đi nụ cười đó mà không lau được.

- Anh là ai? - K. hỏi.

- Tôi tên là Barnabás, - anh ta trả lời, - tôi là người đưa thư.

Anh ta nói năng một cách đàn ông mà môi vẫn khép mở dịu dàng.

- Anh nghĩ thế nào về họ? - K. hỏi và chỉ vào đám nông dân mà chàng vẫn chưa mất hết sự quan tâm. Với những khuôn mặt đau khổ (như thể sọ của họ bị đập từ trên xuống, dẹt ra, và sự đau đớn đó đã tạo nên nét mặt của họ), môi sưng lên, miệng há ra, họ hết nhìn K. lại nhìn sang chỗ khác, ánh mắt họ chỉ lướt qua và trước khi lẽ ra quay trở lại thì nó đã bám vào một vật xa lạ nào đó. Sau đó K. chỉ vào những người giúp việc đang đứng tay khoác tay, má áp vào nhau mỉm cười, không thể biết được họ cười khúm núm hay mỉa mai. Chàng chỉ cho anh ta tất cả những người đó như là đoàn tùy tùng buộc phải có do hoàn cảnh đặc biệt, và chờ đợi - vì cuối cùng sự tin cậy đó chính là điều mà chàng mong đạt được - Barnabás một lần và mãi mãi nhìn thấy sự khác biệt giữa họ

và chàng. Nhưng Barnabás với một vẻ hoàn toàn ngây thơ, đã không hiểu ý, anh ta chỉ nghe chàng như người đầy tớ có giáo dục nghe mọi lời nói của ông chủ, kể cả những lời không liên quan với mình. Anh ta ngoan ngoãn đưa mắt nhìn quanh, vẫy vẫy một hai người nông dân quen biết, và nói vài lời với những người giúp việc. Anh ta làm những việc này một cách thoải mái, tự nhiên mà vẫn không hòa lẫn với họ. Còn K. sau khi bị từ chối như vậy, mà không bị người ta làm cho xấu hổ, chàng nhớ tới lá thư có trong tay, liền mở ra.

Thư viết:

"Thưa Ngài rất tôn kính! Như Ngài đã biết, chúng tôi đã nhận Ngài vào phục vụ Bá tước. Cấp trên trực tiếp của Ngài là ông trưởng thôn, người sẽ thông báo cho Ngài về những gì liên quan tới công việc và tiền lương của Ngài, đồng thời Ngài phải chịu trách nhiệm trước ông ta. Tuy vậy tôi sẽ không bỏ quên Ngài. Barnabás, người chuyển lá thư này, thỉnh thoảng sẽ quan tâm đến Ngài để biết và chuyển cho tôi những yêu cầu đột xuất của Ngài. Tôi sẵn sàng làm theo yêu cầu của Ngài trong khả năng có thể. Tôi cho rằng, điều quan trọng nhất là làm cho những người lao động được hài lòng."

Cạnh chữ kí không thể đọc được là hàng chữ: "Chánh văn phòng X".

- Đợi đã! - K. nói với Barnabás đang cúi xuống trước mặt chàng, rồi bảo người chủ quán mở cửa một căn phòng, chàng muốn ở một mình chốc lát với lá thư. Cùng lúc đó, chàng nhớ ra rằng Barnabás cho dù hấp dẫn thế nào thì anh ta cũng không có gì khác hơn một người đưa thư: và chàng gọi bia cho anh ta. Chàng để ý xem anh ta đón nhận việc đó như thế nào, và thấy anh ta mừng rỡ uống ngay cốc bia. K. liền đi theo người chủ quán. Trong ngôi nhà nhỏ này, người ta không thể tìm cho chàng một căn phòng nào khác ngoài cái gác xép. Cả đến việc này cũng gặp khó khăn vì phải chuyển hai cô hầu gái ngủ ở đó đi nơi khác. Thực ra thì người ta không thu dọn gì ngoài việc các cô hầu bị đưa ra ngoài: một chiếc giường duy

nhất chưa trải ga, vài chiếc gối và một tấm vải thô, tất cả vẫn y nguyên như khi người ta bỏ ở đấy từ đêm trước. Trên tường treo mấy tấm ảnh thánh và ảnh về những người lính. Người ta cũng không thông gió, rõ ràng họ hi vọng rằng người khách mới sẽ không nghỉ ở đây lâu, và họ cũng không giữ chàng ở lại. Nhưng K. hài lòng với những gì đã đạt được. Chàng quấn tấm vải thô quanh người, ngồi xuống bên chiếc bàn và bắt đầu đọc lại lá thư trong ánh sáng của một ngọn nến.

Lá thư không nhất quán, có chỗ người ta nói với chàng như nói với một người tự do, có ý chí riêng: cách xưng hô, hoặc chi tiết nói về những yêu cầu của chàng là những chỗ như thế. Ở chỗ khác thì một cách thẳng thắn hoặc bóng gió, người ta xử sự với chàng như với một người lao động vô danh tiểu tốt, người mà từ chiếc ghế của một ngài chánh văn phòng nào đó thì khó mà có thể nhận ra, quả là ngài chánh văn phòng cần phải cố gắng lắm mới không "bỏ quên" chàng. Cấp trên trực tiếp của chàng là ngài trưởng thôn, thậm chí chàng phải báo cáo công việc với ông ta. Và thật chẳng tốt đẹp gì nếu người đồng liêu duy nhất của ông ta là công an thôn. Ở đây rõ ràng có những mâu thuẫn hiển nhiên đến nỗi phải cố ý đưa vào trong thư. K. lập tức gạt ngay ý nghĩ vô lí đối với một đối tượng như thế: phải chăng có cái gì không dứt khoát đằng sau sự việc? Chàng thiên về ý nghĩ coi đây là một sự lựa chọn đưa ra để chàng quyết định: chàng phải đưa ra những kết luận rút ra từ nội dung bức thư, chàng muốn trở thành người như thế nào: một người lao động ở trong làng, với mối quan hệ phô trương nhưng thực chất chỉ là hình thức bề ngoài với Lâu đài; hoặc bề ngoài là người lao động ở làng nhưng trong thực tế thì toàn bộ công việc đều tuân theo những chỉ dẫn của Lâu đài do Barnabás truyền đạt. K. quyết định ngay, mà giá như không được biết gì thêm trong thời gian gần đây thì chàng cũng đã có sự lựa chọn của mình. Chàng chỉ có thể đạt được một điều gì đó trong Lâu đài nếu chàng là một người lao động ở làng, tránh càng xa càng tốt các quan chức ở Lâu đài, mà cả dân

làng hiện nay tạm thời chưa tin cậy chàng, họ sẽ có thái độ khác với chàng khi chàng nếu không phải là bạn thì ít ra cũng là người cùng làng với họ. Và nếu không còn có thể phân biệt chàng với Gerstäcker hay Laseman. - một việc cần phải xảy ra gấp vì tất cả đều phụ thuộc vào nó - thì lúc đó chắc chắn cùng một lúc mở ra trước mặt chàng mọi con đường mà đối với chàng sẽ vĩnh viễn khép lại, thậm chí mãi mãi không thể nhìn thấy nếu sự việc chỉ tùy thuộc vào lòng nhân từ của các vị ở trên đó. Tất nhiên một nguy cơ đang tồn tại mà lá thư cũng đã nhấn mạnh, thậm chí là đã vẽ ra có phần thích thú, dường như không thể nào tránh khỏi là phương diện địa vị người lao động của chàng. Lá thư đầy rẫy những chữ phục vụ, cấp trên, công việc, tiền lương, báo cáo, người lao động, kể cả khi nói đến chuyện riêng tư khác thì lá thư cũng xuất phát từ quan điểm đó. Nếu K. muốn trở thành người lao động, thì chàng sẽ trở thành người lao động, nhưng lúc đó là vĩnh viễn, không đường lùi, không có viễn cảnh nào khác. K. biết rằng người ta không đe dọa chàng bằng sự cưỡng chế thật sự, chàng không sợ điều đó mà lại sợ cái quyền uy của ngoại cảnh làm cho mình chán nản, sợ sự dửng dưng, mệt mỏi của mình trước những thất vọng, sợ sức mạnh của những tác động không thể nhận thấy đang từng giây lát có thể đến với chàng. Chàng cần phải chấp nhận cuộc đọ sức với nguy cơ này. Lá thư cũng không giấu giếm rằng nếu phải chiến đấu thì chàng đã có đủ sự dũng cảm để bắt đầu. Lá thư chỉ mới ám chỉ một cách tinh tế mà điều đó chỉ có lương tâm bất ổn, bất ổn chứ không phải xấu, thì mới nhận thấy: nó ẩn chứa trong ba chữ liên quan đến việc tiếp nhận chàng: "như ngài biết". Từ khi có mặt, K. có thể biết được, như lá thư nói, là người ta đã tiếp nhận chàng.

Chàng lấy một tấm ảnh từ trên tường xuống và gắn lá thư vào cái đinh ở đó. Chàng sẽ ở trong căn phòng này, lá thư cũng phải nằm ở đây.

Sau đó chàng đi xuống quầy. Barnabás đang ngồi cạnh một chiếc bàn cùng với những người giúp việc.

- Ô, anh đấy à! - K. nói nhưng chàng không có ý định gì với anh ta cả, chỉ tỏ ra vui vì được gặp lại.

Barnabás liền bật dậy. K. vừa mới bước vào, đám nông dân đã đứng lên để được đến gần chàng hơn, dường như họ đã quen túm tụm quanh chàng.

- Các người muốn gì tôi hoài vậy? - K. kêu lên. Họ không phật ý, quay lại lê bước về chỗ của mình. Một người trong số họ vừa đi vừa buông một câu có ý phân bua, với nụ cười nghi hoặc (nụ cười đó còn xuất hiện trên vài khuôn mặt khác):

- Biết đâu có thể được nghe tin gì mới.

Rồi y liếm mép, như thể mép là món ăn mới vậy. K. không nói một lời nào làm lành với họ, không sao nếu họ biết kính trọng chàng đôi chút. Nhưng K. chưa kịp ngồi xuống cạnh Barnabás thì đã cảm thấy hơi thở của gã nông dân trên gáy mình. Gã nông dân nói hắn đến lấy hộp đựng muối, nhưng K. đã hét lên giận dữ làm cho gã nông dân bỏ cả hộp đựng muối, chạy mất. Chẳng có gì dễ hơn việc chọc tức K., không cần làm gì khác, chỉ cần xúi giục đám nông dân quấy chàng, chàng thấy sự quan tâm bướng bỉnh của họ còn tồi tệ hơn cả sự xa lánh của những người khác. Đây cũng là một sự xa lánh, bởi vì nếu chàng đến ngồi vào bàn họ, chắc họ sẽ lập tức đứng lên bỏ đi. Nhờ sự có mặt của Barnabás mà chàng không làm ầm lên. Tuy nhiên, chàng cũng đã quay về phía đám nông dân, vẻ hăm dọa và đám nông dân cũng quay về phía chàng. K. thấy họ đều ngồi im như hến, không thể nhận thấy có mối quan hệ nào giữa họ với nhau, chỉ có một việc liên kết họ lại đó là ai cũng chăm chăm nhìn chàng. Đột nhiên K. cảm thấy việc họ quanh quẩn bên chàng không phải vì độc ác, có lẽ là họ muốn cái gì đó ở chàng mà không nói được, hoặc nếu không phải thế thì vì thói trẻ con, chỉ vì tính trẻ con thôi, tính trẻ con xem ra phổ biến ở đây. Chủ quán mà không trẻ con à? Lẽ ra phải mang bia đến cho một người khách hàng nào đó thì anh ta lại đứng mọc rễ xuống đất, hai tay bưng hai cốc bia, nhìn K. chằm chằm, không

nghe thấy chị vợ đang thò đầu ra ngoài cửa sổ nhỏ của nhà bếp mà gào lên điều gì đó.

K. đã phần nào yên tâm, quay về phía Barnabás. chàng muốn đuổi những người giúp việc đi chỗ khác, nhưng không tìm được lí do. Thật ra những người giúp việc chỉ im lặng, chăm chú nhìn vào cốc bia của họ.

- Tôi đã đọc xong lá thư, - K. nói. - Anh có biết thư viết gì không?

- Không, - Barnabás trả lời, nhưng ánh mắt của anh ta dường như nói nhiều hơn.

Có thể là K. đã nhầm, khi thấy ở Barnabás nhiều điều tốt, còn ở những người nông dân là điều xấu, nhưng sự có mặt của anh ta vẫn làm cho chàng thích thú.

- Trong thư cũng có nói tới anh, thỉnh thoảng anh cần phải chuyển những lời nhắn tin giữa tôi và ban quản lí, chính vì vậy mà tôi nghĩ là anh biết lá thư viết gì.

- Người ta chỉ giao cho tôi, - Barnabás nói, - chuyển lá thư và chờ ông đọc xong, sau đó, nếu ông thấy cần thiết thì tôi phải mang trở lại ý kiến trả lời bằng lời hoặc bằng văn bản.

- Được rồi, - K. nói. - Không cần phải viết gì cả, anh báo với ngài chánh văn phòng... Tên ông ta là gì nhỉ? Tôi không đọc ra chữ kí của ông ta.

- Klamm, - Barnabás nói.

- Anh báo với ngài Klamm là tôi cảm ơn sự tiếp nhận và sự giúp đỡ đặc biệt của ông ta. Tôi biết đánh giá điều đó một cách thành thực, bởi vì cho đến hôm nay tôi đã làm được việc gì cho ông ta đâu. Tôi sẽ thích ứng với các ý định của ông ta trong mọi việc. Hôm nay tôi chưa có yêu cầu gì đặc biệt cả.

Barnabás chăm chú lắng nghe và đề nghị K. để anh ta nhắc lại lời nhắn tin trước mặt chàng. K. đồng ý, và Barnabás đã nhắc lại tất cả, đúng từng lời, sau đó anh ta đứng dậy, chào tạm biệt.

Suốt thời gian K. đã quan sát khuôn mặt của anh ta. Giờ đây chàng càng nhìn kĩ anh ta hơn. Barnabás cao như

chàng, thế mà dường như anh ta nhìn xuống chàng mặc dù nhìn với vẻ khúm núm, vì không thể tưởng tượng được rằng con người này có thể muốn hạ nhục ai đó. Anh ta đúng chỉ là một người đưa thư, thậm chí không biết trong lá thư mà anh ta cần trao tận tay nói gì, nhưng ánh mắt, nụ cười, dáng điệu, cử chỉ của anh ta đều như ẩn giấu một thông tin nào đó, mặc dù chính anh ta có lẽ không cảm thấy như vậy. K. chìa tay cho anh ta, chàng nhận thấy ngay là anh ta bị bất ngờ, bởi vì anh ta chỉ muốn tạm biệt bằng một cái nghiêng mình chào.

Anh ta vừa đi khỏi, - trước khi mở cửa, anh ta đứng tựa cửa một lúc và nhìn lướt khắp quán trọ nhưng cái nhìn đó không dành cho ai cả, - K. nói với những người giúp việc:

- Để tôi lấy sổ ghi chép ở trên phòng xuống, sau đó chúng ta trao đổi những công việc tiếp theo.

Những người giúp việc muốn đi với chàng.

- Các anh ở lại, - K. nói.

Họ vẫn cứ muốn đi với chàng, đến nỗi chàng phải nghiêm khắc ra lệnh cho họ một lần nữa.

Barnabás đã không còn ở hành lang nữa, nhưng anh ta chỉ có thể vừa mới đi khỏi đây thôi. Cả ở trước nhà,K. không nhìn thấy ai. Tuyết lại rơi.

- Barnabás! - chàng gọi.

Không có tiếng trả lời. Anh ta còn ở trong nhà chăng? Chỉ có khả năng đó mà thôi. Mặc dù vậy, K. vẫn lấy hết sức để gọi tên anh ta lần nữa. Tiếng gọi vang lên, lan dài trong đêm. Và từ nơi xa vọng lại tiếng trả lời yếu ớt. Barnabás đã đi xa như thế. K. gọi anh ta quay lại và tự mình cũng đi đến gặp anh ta. Họ đã gặp nhau ở nơi mà từ quán trọ không thể nhìn thấy.

- Barnabás, - K. nói giọng run rẩy, không kìm được. - Tôi còn định nói vài điều với anh. Bây giờ tôi mới nhận thấy cái cơ chế này dở quá, nếu tôi cần gì ở Lâu đài thì tôi phải phụ thuộc vào những cuộc thăm hỏi tình cờ của anh. Vừa rồi nếu tôi không đuổi kịp anh (anh đi như bay ấy, tôi cứ tưởng anh còn ở

trong nhà), ai mà biết được tôi phải đợi đến bao giờ mới gặp được anh.

- Ông có thể đề nghị với ngài chánh văn phòng, - Barnabás nói, - rằng tôi hãy đến vào thời gian quy định do ông đặt ra.

- Điều đó sẽ không phù hợp, - K. nói. - Có thể cả năm tôi không có gì để nhắn tin, nhưng có khi anh vừa đi khỏi mười lăm phút là lại có việc gì không thể trì hoãn được.

- Vậy tôi phải báo cáo với ngài chánh văn phòng, - Barnabás hỏi, - là phải thiết lập một mối quan hệ khác giữa ông và ông ta không thông qua tôi?

- Không, không, - K. nói, - hoàn toàn không cần làm thế, tôi nhắc đến việc này vì may mắn đuổi kịp anh.

- Chúng ta có cần quay lại quán trọ để ông giao nhiệm vụ mới không? - Barnabás hỏi.

Và anh ta đã bước một bước về phía ngôi nhà.

- Không cần gì phải làm như vậy, Barnabás, - K. nói, - để tôi tiễn anh một đoạn thì tốt hơn.

- Tại sao ông không muốn quay lại quán trọ? - Barnabás hỏi.

- Ở đó người ta quấy rầy tôi, - K. trả lời, - chính anh cũng đã thấy đám nông dân làm phiền như thế nào.

- Chúng ta có thể đi lên phòng ông, - Barnabás nói.

- Đó là phòng đầy tớ, bẩn và không được thông gió, - K. nói, - chính vì thế mà tôi muốn đi với anh một lúc để khỏi phải ngồi co quắp ở đó. Nhưng, - chàng nói cố vượt lên nỗi e ngại, - anh cho phép tôi được khoác tay anh, anh đi chắc chắn hơn.

Nói rồi chàng khoác tay Barnabás. Trời đã tối hẳn, chàng không nhìn thấy mặt và không thể nhận ra hình dáng của anh ta, nhưng chàng mò mẫm tìm tay anh ta.

Barnabás không phản đối, họ đi ra xa quán trọ. Tất nhiên K. cảm thấy rằng dù cố gắng bao nhiêu chàng cũng không thể theo được Barnabás và kìm bước chân anh ta, rằng điều này trong những hoàn cảnh bình thường còn làm hỏng hết mọi chuyện, nhất là nếu họ rơi vào những ngõ hẻm mà sáng nay

K. đã bị ngập trong tuyết thì có lẽ Barnabás phải lôi chàng ra. Nhưng lúc này chàng không lo lắng về những chuyện như thế, và việc Barnabás không nói một lời càng làm cho chàng nhẹ nhõm. Nếu họ đi im lặng như thế này thì rõ ràng là đối với anh ta mục đích duy nhất của họ là đi.

Họ cứ đi mà K. không biết là đi đâu, chàng không tài nào định hướng nổi. K. không còn biết là họ đã đi quá nhà thờ chưa? Việc đi bộ đơn điệu càng làm cho chàng mệt mỏi, không làm chủ được những ý nghĩ của mình: những ý nghĩ thay vì hướng tới mục đích, lại cứ rối tung lên. Chàng da diết nhớ quê hương đầy ắp những kỉ niệm. Ở đó cũng có một cái nhà thờ đứng giữa quảng trường chính, bên cạnh khu nghĩa địa cổ có tường cao bao quanh. Có rất ít chàng trai trèo qua được bức tường, một thời gian dài K. cũng không trèo qua được. Không phải họ làm việc đó vì tò mò, cái nghĩa địa đã từ lâu không còn bí ẩn đối với họ, họ đã nhiều lần đi qua cái cổng có chắn song của nó. Nhưng họ muốn chinh phục bức tường cao, phẳng phiu đó. Một buổi sáng, ánh sáng tràn ngập quảng trường vắng lặng, K. chưa bao giờ được thấy quảng trường như thế cả trước đấy và về sau này nữa, K. đã chiến thắng bức tường một cách dễ dàng, bất ngờ. Ở một chỗ thường xuyên chịu thất bại, K. trèo lên bức tường ngay từ cái đà đầu tiên, miệng cắn chặt lá cờ nhỏ. Khi nơi dấu chân chàng những mảnh tường vỡ vụn còn rơi lả tả thì chàng đã ở trên cao. Chàng cắm lá cờ, gió thổi căng tấm vải. Chàng nhìn xuống, nhìn quanh ra cả phía sau nơi có những cây thánh giá gắn sâu vào đất, lúc ấy ở nơi đó không có ai vĩ đại hơn chàng. Nhưng cũng vừa lúc ấy có ông giáo đi qua, ông ta đuổi chàng xuống với cái nhìn tức giận. K. nhảy xuống, đầu gối bị va mạnh, chàng đau đớn lê bước về nhà. Dù thế thì chàng cũng đã ở trên bức tường! Lúc đó K. cảm thấy chiến công ấy tăng thêm sức mạnh cho chàng suốt cả cuộc đời. Mà cảm giác đó đâu phải là vớ vẩn, vì cho đến lúc này đây, sau nhiều năm trôi qua, nó lại đến giúp chàng, bên cạnh Barnabás, trong đêm tuyết phủ.

Chàng bám chặt hơn vào Barnabás, anh ta hầu như lôi chàng đi, họ vẫn không phá tan sự im lặng. Họ đang đi về phía nào? Qua trạng thái con đường, K. chỉ biết là họ chưa hề rẽ vào con đường phụ nào cả. K. tự khen mình, vì con đường khó đi và nỗi lo sẽ trở về nhà ra sao đã không cản được bước tiến của chàng. Chàng còn đủ sức để tiếp tục cho con đường lôi cuốn đến cùng. Chẳng lẽ con đường này không bao giờ kết thúc? Ban ngày, Lâu đài ở trước mặt chàng như một cái đích dễ dàng đạt tới. Người liên lạc chắc chắn biết được con đường ngắn nhất đến đấy.

Nhưng bỗng nhiên Barnabás đứng lại. Họ đang ở đâu? Họ không đi tiếp tục được sao? Barnabás muốn chia tay với K.? Anh ta sẽ không làm được điều đó. Chàng nắm chặt vào cánh tay anh ta đến mức chàng cũng cảm thấy đau. Hay là đã xảy ra điều không thể ngờ tới: phải chăng họ đã ở trong Lâu đài, hoặc trước cổng của nó? Nhưng theo như chàng quan sát thì họ không hề đi lên phía đồi. Hay Barnabás đã dẫn chàng đi theo con đường dốc khác?

- Chúng ta đang ở đâu?- K. thầm hỏi chính mình hơn là hỏi Barnabás.

- Ở nhà, - Barnabás cũng trả lời như là cho chính mình.

- Ở nhà ư?

- Ông chú ý kẻo ngã, thưa ông. Đường dốc đấy!

- Dốc à?

- Chỉ dốc một vài bước thôi, - Barnabás vừa nói dứt lời đã gõ cửa.

Một cô gái mở cửa, họ đứng trên bậc cửa của một căn phòng lớn, gần như trong bóng tối vì chỉ có một chiếc đèn dầu nhỏ tồi tàn treo ở phía sau, bên trái, trên một chiếc bàn.

- Ai đi với anh đấy, Barnabás? - cô gái hỏi.

- Người đạc điền, - Barnabás trả lời.

- Người đạc điền, - cô gái nhắc lại giọng to hơn hướng về phía chiếc bàn.

Nghe thế, ở chỗ chiếc bàn, hai người già - một đàn ông, một đàn bà - và một cô gái đứng dậy chào K.. Barnabás giới thiệu họ là bố mẹ, chị Olga, và em gái Amália của anh ta. K. không nhìn họ, chàng để cho người ta lột cái áo bành tô ẩm ướt của mình để đem hơ cạnh lò sưởi.

Vậy là không phải họ đã tới đích, mà chỉ là Barnabás đi về nhà. Nhưng nói chung, họ đến đây làm gì chứ? K. kéo Barnabás sang một bên, hỏi:

- Tại sao anh về nhà ư? Hay là các anh đang ở trong khu vực của Lâu đài?

- Khu vực của Lâu đài? - Barnabás nhắc lại như thể anh ta không hiểu ý K..

- Nhưng từ quán trọ anh đã muốn đi đến Lâu đài cơ mà? - K. nói.

- Không, thưa ông, - Barnabás trả lời. - Tôi muốn đi về nhà, buổi sáng tôi mới vào Lâu dài, tôi không bao giờ ngủ đêm ở đó.

- À, thì ra vậy, - K. nói, - tóm lại anh không muốn đi đến Lâu đài, mà chỉ muốn đến đây.

Nụ cười của Barnabás dường như nhợt nhạt hơn, và toàn bộ con người thực của anh ta toát lên vẻ kém cỏi, vô vị.

- Tại sao anh không nói trước cho tôi điều đó?

- Ông không hỏi, thưa ông, - Barnabás trả lời. - Ông chẳng bảo là còn muốn giao một việc gì đó, nhưng không phải ở trong quán, cũng không ở trong phòng ông. Tôi nghĩ rằng ở chỗ bố mẹ tôi đây ông có thể giao nhiệm vụ cho tôi một cách đàng hoàng. Nếu ông ra lệnh, họ sẽ rời khỏi đây ngay. Ông có thể nghỉ đêm ở chỗ chúng tôi nếu ông thích ở đây hơn. Có lẽ tôi đã làm một việc không đúng?

K. không biết trả lời gì. Tóm lại là một sự hiểu lầm, một sự hiểu lầm tầm thường, tai hại, và chàng đã nộp mình cho sự hiểu lầm đó vô điều kiện. Chàng đã để cho chiếc áo chẽn, màu lục của Barnabás quyến rũ. Giờ đây, khi anh ta mở khuy, trên bộ ngực khỏe mạnh, rắn chắc của một kẻ đầy tớ, phía trong lớp áo chẽn thò ra chiếc áo sơ mi thô, cáu bẩn và xám xịt đã

vá chằng vá đụp. Tình cảnh của anh ta thật là ngao ngán quá mức: một ông bố già nua, bị bệnh thống phong, bàn tay mò mẫm, bước đi bằng đôi chân cứng đờ; một bà mẹ hai tay áp chéo lên ngực, béo đến mức không bước đi nổi. Cả hai người, ông bố và bà mẹ, đều đã tiến về phía K. từ nãy, ngay khi chàng mới bước vào, vậy mà họ vẫn chưa đến nơi. Hai cô gái tóc vàng đều giống nhau và giống cả Barnabás nữa, nhưng họ sắc nét hơn và to người hơn. Họ đứng bên người lạ và đợi K. chào hỏi ít ra chỉ một lời thôi. Nhưng K. không biết nói gì. Chàng tưởng rằng ở trong làng ai cũng có tầm quan trọng đối với chàng. Điều đó quả là đúng như vậy, chỉ có ở đây, những người này là không liên quan gì tới chàng. Nếu còn đủ sức một mình vật lộn với con đường để trở về quán trọ thì ngay lập tức chàng đã lên đường. Cái khả năng sáng sớm mai K. cùng Barnabás đi vào Lâu đài lại càng không quyến rũ chàng. Ngay bây giờ, trong đêm, chàng muốn lọt vào Lâu đài với sự dẫn đường của Barnabás mà không ai có thể nhìn thấy, nhưng đó là với một Barnabás mà chàng biết trước đây: người gần gũi nhất đối với chàng so với bất kì ai chàng đã gặp giữa đám dân làng, người mà chàng cứ tưởng là có quan hệ mật thiết với Lâu đài. Nhưng đi với một đứa con trai của gia đình này, - anh ta hoàn toàn thuộc về gia đình, và đang ngồi bên bàn với họ - khoác tay với người mà rõ ràng là ngủ ở Lâu đài cũng không được phép, giữa ban ngày ban mặt như vậy thì chàng xin chịu, việc đó sẽ là một thử nghiệm vô vọng, buồn cười.

K. ngồi xuống bệ lò sưởi ở dưới cửa sổ với quyết định sẽ nghỉ đêm tại đây, và sẽ không nhận một sự phục vụ nào của gia đình. Chàng cảm thấy những người dân làng đã đuổi hoặc sợ chàng đều ít nguy hiểm hơn: thực ra, họ bỏ mặc chàng và cho chàng tập trung sức mạnh: còn những kẻ giúp việc giả vờ thì chỉ với màn kịch nhỏ đóng mau lẹ như thế này họ đã đưa chàng đến nhà thay cho Lâu đài, thực chất là đánh lạc hướng chàng, dù họ muốn hay không, làm cho sức chàng suy kiệt.

Không để ý là người ta đã mời mình đến chiếc bàn gia đình, chàng tiếp tục ngồi trên bệ lò sưởi, đầu gục xuống.

Lúc này Olga, người hiền lành nhất trong số hai cô gái, với cử chỉ bối rối của thiếu nữ đứng dậy đi đến bên K., và mời chàng tới bên bàn. Bánh mì và thịt mỡ đã được bày ra, bây giờ cô ta sẽ mang bia tới nữa.

- Lấy bia ở đâu? - K. hỏi.

- Ở quán rượu, - Olga trả lời.

K. mừng vì câu trả lời, và đề nghị cô gái đừng đi lấy bia nữa: mà hãy đưa chàng đến quán rượu, ở đó chàng còn một vài việc quan trọng khác. Nhưng hóa ra Olga không muốn đi đến quán trọ xa của K. mà đến một quán rượu khác, gần hơn, quán Ông chủ. Mặc dù thế, K. vẫn yêu cầu cô ta cho chàng đi cùng, chàng nghĩ mình có thể ngủ ở đó. Dù có phải nhận một chỗ nghỉ tồi tàn như thế nào thì chàng cũng cứ quý hơn cái giường tốt nhất mà người ta dành cho chàng ở đây, trong cái nhà này. Olga không trả lời ngay, mà quay nhìn lên phía trên chiếc bàn. Em cô đứng dậy gật đầu và nói:

- Nếu ông ấy muốn thì...

Sự đồng ý này suýt nữa đã làm cho K. từ bỏ yêu cầu của mình: chàng sẽ không đạt được gì nhiều với việc người ta đồng ý dễ dàng như thế. Nhưng khi họ bắt đầu tranh luận rằng người ta có để K. vào quán rượu không, và mọi người đều tỏ ra nghi ngờ điều đó, thì chàng lại muốn đi với cô gái bằng bất kì giá nào. Chàng cũng không cố nghĩ ra lí do gì hợp lí đối với yêu cầu của mình cả, gia đình này cứ việc hiểu như họ hiểu, thật sự chàng không cảm thấy có điều gì xấu hổ trước mặt họ. Chỉ có một mình Amália trong sự thờ ơ của mình đã làm chàng lúng túng bằng ánh mắt nghiêm nghị, nhìn thẳng, không xúc động, thậm chí hơi đần độn.

Trên đoạn đường ngắn đến quán rượu, K. đã khoác chặt tay Olga, vì không thể tự giúp mình bằng cách nào khác, gần như chàng để Olga kéo đi như trước đấy đã làm với em trai cô. K. được biết thực ra cái quán này chỉ phục vụ cho các quý ông

ở Lâu đài: nếu họ có việc gì trong làng, họ sẽ ăn và ngủ ở đây. Olga nói với chàng một cách nhỏ nhẹ, gần như là tin cẩn, đi với cô thật thích, gần giống như đi với em trai cô vậy. K. cảnh giác với cảm giác thích thú đó, nhưng tuy thế, chàng vẫn cảm thấy nó.

Quán này, bề ngoài rất giống với quán trọ mà K. đã ở. Ở trong làng nói chung không có những sự khác biệt gì lớn, nhưng có thể nhận thấy ngay những khác biệt nho nhỏ tại đây: Trên bậc thang của lối đi vào có lan can, phía trên cánh cửa có ngọn đèn đẹp soi sáng. Khi bước vào, trên đầu họ có tấm vải gì khẽ đung đưa: đó là lá cờ gắn gia huy bá tước. Ở hành lang, họ gặp ngay người chủ quán, chắc là ông ta đang thực hiện vòng tuần tra của mình. Ông ta nhìn K. dò xét từ đầu đến chân một cách buồn ngủ bằng đôi mắt ti hí, nói:

- Ngài đạc điền không được đi quá quầy bán rượu.

- Tất nhiên. - Olga nói, cô lập tức đứng về phía K., - anh ấy chỉ tiễn tôi.

K. thì ngược lại, đã bỏ Olga ở đấy một cách bạc bẽo và gọi người chủ quán ra một chỗ. Suốt thời gian đó, Olga kiên nhẫn chờ đợi ở cuối hành lang.

- Tôi muốn ngủ ở đây, - K. nói.

- Rất tiếc, việc đó không thể được, - người chủ quán nói. - Hình như ông chưa biết quán này chỉ dành riêng cho các quý ông của Lâu đài.

- Tôi tin rằng đây là nguyên tắc, - K. nói. - Nhưng dù thế nào thì tôi cũng có thể ngủ ở đây, trong một góc phòng nào đó chứ!

- Tôi rất sẵn sàng làm theo ý ông, - người chủ quán nói, - nhưng, chưa nói đến sự nghiêm ngặt của quy định, mà ông là người từ xa đến nên chưa rõ yêu cầu của ông không thực hiện được còn vì các quý ông của Lâu đài cực kì nhạy cảm, tôi tin là họ không chịu nổi dù chỉ tình cờ phải nhìn thấy người lạ. Nếu tôi cho phép ông ngủ đêm ở đây, nhưng do một sự ngẫu nhiên nào đó họ phát hiện ra, mà sự ngẫu nhiên thì

bao giờ cũng ưu ái cho các quý ông, thì chẳng những tôi hết đường sống mà ông cũng thế. Điều này nghe buồn cười, nhưng đúng như vậy đấy.

Cái ông cao lớn, quần áo nai nịt bó sát người này một tay chống lên tường, tay kia chống vào hông, chân đứng bắt chéo, đầu hơi cúi xuống phía K., đã nói chuyện với chàng một cách tin cẩn như thể ông ta không liên quan lắm đến làng, dù rằng bộ quần áo màu tối của ông ta vẫn toát lên vẻ trịnh trọng một cách quê mùa.

- Tôi tin từng lời ông nói, - K. nói, - và cũng không hạ thấp ý nghĩa của các quy định, khi tôi diễn đạt một cách vụng về. Tôi tha thiết muốn lưu ý ông rằng tôi có những mối quan hệ quý giá trong Lâu đài, và tôi sẽ còn có được những quan hệ quý giá hơn thế. Những mối quan hệ này bảo đảm cho ông đối mặt với mọi sự nguy hiểm xảy ra do tôi ngủ ở đây, và cam đoan với ông rằng tôi sẽ có dịp đền ơn hậu hĩ cho ông vì một chút hảo tâm này.

- Tôi biết, - ông chủ quán nói, và nhắc lại: - Tôi biết điều ấy.

K. đã định đề đạt rõ hơn yêu cầu của mình, nhưng câu trả lời này đã làm chàng bối rối, nên chỉ hỏi:

- Hôm nay, có nhiều quý ông ở Lâu đài ngủ tại đây không?

- Về phương diện đó thì hôm nay tình hình thuận lợi, - ông chủ quán nói với vẻ gần như là khích lệ, - chỉ có một quý ông ở lại đây.

Nhưng K. vẫn cứ do dự, mặc dù hi vọng rằng chàng đã được chấp nhận, chàng chỉ quan tâm đến cái tên của quý ông của Lâu đài.

- Klamm, - ông chủ quán trả lời vẻ không quan trọng, rồi quay lại với bà vợ đang loạt xoạt bước đến gần họ trong bộ quần áo người thành phố cũ kĩ một cách kinh ngạc, dày dặc nếp gấp, và đường viền xoăn tít, may từ một loại vải mịn màng. Bà ta đến gọi ông chủ quán, vì ngài chánh văn phòng muốn nói với ông ta điều gì đó. Ông chủ quán trước khi đi khỏi đã liếc nhìn K. như thể giờ đây không phải ông ta mà

chính chàng phải tự quyết định lấy việc ngủ đêm ở đó. Nhưng K. không biết nói gì cả, chính việc ông chánh văn phòng của chàng đang ở trong ngôi nhà này đã làm cho chàng lúng túng. Tuy không ý thức rõ điều này, nhưng chàng cảm thấy mình bị trói buộc bởi sự hiện diện của Klamm hơn là các quy định của Lâu đài. Chàng không sợ bị Klamm bắt gặp chàng ở đây trong ý nghĩa mà ông chủ quán nghĩ, thế nhưng lại rất khó xử, như thể chàng gây ra nỗi đau khổ một cách nông nổi cho người mà chàng chịu ơn. Bên cạnh đó điều tác động mạnh đến chàng là chàng đã thấy trong sự do dự của mình, cái cảm giác đáng sợ của sự phụ thuộc đối với ông chủ và cái cảm giác đó mạnh đến mức chàng không đủ sức vượt qua. Chàng đứng cắn môi, im lặng. Ông chủ quán, trước khi biến mất sau cánh cửa, còn quay lại nhìn K. lần nữa, K. nhìn theo ông ta, và đứng yên không nhúc nhích cho đến khi Olga bước đến, đưa chàng đi ra nơi khác.

- Anh muốn gì ông chủ quán? - cô hỏi.

- Tôi muốn ngủ đêm tại đây, - K. nói.

- Nhưng anh ngủ ở chỗ chúng tôi cơ mà, - Olga ngạc nhiên nói.

- Tất nhiên, tất nhiên. - K. nói, và Olga có thể hiểu câu đó như thế nào tùy ý.

CHƯƠNG III

Nơi uống rượu là một căn phòng lớn, ở giữa hoàn toàn trống, những người nông dân đang ngồi trên các thùng gỗ, hoặc cạnh đó, sát tường. Bề ngoài họ khác với đám nông dân K. đã thấy trong quán rượu trước. Những người này sạch sẽ

hơn và đều giống nhau trong bộ quần áo màu vàng đơn điệu may từ một loại vải thô. Họ mặc áo vét rộng thùng thình và quần chật. Thoạt nhìn trông họ dều thấp bé, rất giống nhau với khuôn mặt bẹt, gầy gò mà lại tròn trĩnh. Những người nông dân ngồi im lặng, hầu như không cựa quậy, họ đưa mắt quan sát người vừa bước vào một cách từ tốn, đơn điệu, mà vẫn gây tác động nhất dịnh đối với K., bởi vì họ đông thế mà lại yên lặng. Chàng lại nắm cánh tay Olga, tuồng như muốn xác nhận trước mặt họ lí do có mặt của mình ở dây. Trong một góc phòng, một người đàn ông quen biết của Olga đứng dậy, tiến về phía Olga, nhưng K. đã khoác tay Olga đưa cô rẽ sang hướng khác. Không một ai nhận thấy điều đó ngoài Olga, cô tuân theo chàng với nụ cười trong ánh mắt liếc sang bên.

Một cô gái trẻ tuổi tên là Frida lấy bia ở thùng gỗ. Đó là cô gái tóc vàng, có đôi mắt buồn, khuôn mặt gầy, không có gì dặc biệt, nhưng ánh mắt kiêu hãnh của cô đã làm K. sửng sốt. Khi ánh mắt cô ta chiếu lên chàng, K. cảm thấy ánh mắt đó biết những việc liên quan tới mình mà chàng vẫn chưa hay biết tí gì cả, và cái nhìn của cô dã làm cho chàng nhận ra chúng. K. nhìn nghiêng, quan sát Frida kể cả khi cô nói chuyện với Olga. Họ không có vẻ gì là những người bạn, chỉ trao đổi với nhau vài lời lạnh nhạt. K. muốn góp chuyện nên chàng đã trực tiếp hỏi Frida:

- Cô quen ông Klamm chứ?

Olga bật cười.

- Cô cười gì thế? - K. hỏi một cách bực dọc.

- Tôi không cười. - Olga nói nhưng vẫn tiếp tục cười.

- Cô Olga này dúng là còn trẻ con, - K. nói và vươn người qua quầy hàng để một lần nữa nhìn vào mắt của Frida.

Frida cụp mắt xuống và hỏi khẽ:

- Ông muốn nhìn thấy Klamm à?

K. nói vâng. Frida chỉ vào một cái cửa ngay sau lưng cô, về phía bên trái.

- Ở dây có một lỗ nhỏ, ông có thể nhìn qua được.

- Thế những người này sẽ nói gì? - K. hỏi.

Frida bĩu môi, và với bàn tay mềm mại lạ thường đã kéo chàng đến cạnh cửa. Qua cái lỗ nhỏ mà chắc là người ta đã khoan ra để quan sát, K. gần như có thể nhìn hết được căn phòng. Ngài Klamm ngồi bên chiếc bàn viết kê ở giữa phòng, trong chiếc ghế quay, có chỗ tựa thoải mái, và được chiếu sáng bởi ngọn đèn điện treo ở đó. Ngài có dáng người tầm thước, béo tốt và bệ vệ. Khuôn mặt ngài còn trơn tru, nhưng hai cái má của ngài đã hơi phị ra do tuổi tác. Bộ ria màu đen của ngài được xoắn rộng ra. Mắt ngài bị chiếc kính kẹp mũi lấp loáng, treo nghiêng che khuất. Nếu như Klamm ngồi ngay ngắn bên chiếc bàn, thì K. chỉ có thể thấy khuôn mặt trông nghiêng của ngài, nhưng ngài vừa ngồi quay lại đối diện với chàng, nên chàng đã có thể nhìn thẳng vào mặt. Ngài chống khuỷu tay trái lên bàn và để tay phải đang cầm điếu xì gà dài lên đầu gối. Trên bàn có chai bia, vì mép bàn cao K. không thể thấy giấy tờ gì trên bàn cả, nhưng hình như cái bàn để không. Để cho chắc chắn, chàng nhờ Frida nhìn qua lỗ, nói cho chàng về việc đó, nhưng cô gái mới vào trong phòng nên liền thông báo cho K. là trên bàn không có loại giấy tờ gì cả. K. hỏi Frida là chàng đã phải rời khỏi chỗ đó chưa, cô gái trả lời rằng chàng có thể nhìn trộm đến khi nào tùy thích. Lúc này chỉ còn K. với Frida. Olga, như chàng thoáng để ý thấy, đã lấy cớ đến với người quen, và đang ngồi trên một thùng gỗ cao, chân đung đưa.

- Frida, - K. khẽ hỏi, - cô quen thân ngài Klamm à?

- Ồ, vâng, tôi rất quen biết ông ta, - cô gái trả lời.

Cô ta đứng tựa bên cạnh K. và sửa lại một cách nghịch ngợm - chỉ bây giờ K. mới nhận thấy - chiếc áo bluz mỏng mảnh, hở hang màu kem của mình gần như được treo trên cơ thể ốm yếu. Cô ta hỏi:

- Ông còn nhớ Olga đã cười chứ?

- Một người không được giáo dục, - K. nói.

- Không, - Frida nói để hòa giải. - Có lí do để chị ấy cười

đấy. Ông hỏi tôi có biết Klamm không, trong khi tôi là... - Nói đến đây vô tình cô ta tỏ ra vênh váo, và cái nhìn đắc thắng của cô ta hoàn toàn không liên quan gì đến điều họ vừa nói, lại lướt đến K.. - Tôi là tình nhân của ông ấy.

- Cô là người tình của Klamm?

Frida gật đầu.

- Thế thì trong mắt tôi cô là người hết sức quan trọng. - K. mỉm cười, nói để cuộc đối thoại của họ không xen vào quá nhiều sự đạo mạo.

- Không chỉ đối với ông, - Frida nói một cách thân mật, nhưng không đáp lại nụ cười của chàng.

K. có vũ khí lợi hại đối lại tính tự cao tự đại, và chàng sử dụng.

- Cô đã ở trong Lâu đài chưa? - chàng hỏi.

Nhưng Frida không nhận thấy ẩn ý của câu hỏi.

- Chưa, tôi ở quán này chưa đủ hay sao? - cô ta nói.

Tính hiếu danh của cô ta rõ ràng quá đáng và xem ra cô ta muốn được thỏa mãn điều đó thông qua K..

- Cô ở đây là thay chủ quán chứ?

- Đúng vậy, - cô gái trả lời. - Thế mà ở quán trọ Bên cầu, tôi bắt đầu như một người quét dọn chuồng bò đấy.

- Với bàn tay mềm mại này ư! - K. nói nửa như hỏi, và không biết là mình nịnh bợ, hay thật ra chàng đã bị bàn tay của Frida quyến rũ.

Đúng là tay cô ta mảnh dẻ, nhỏ nhắn, nhưng cũng có thể gọi đó là bàn tay yếu ớt, không có gì đáng để ý.

- Lúc ấy không ai quan tâm đến chúng, và bây giờ cũng thế... - cô gái nói.

K. ném cái nhìn dò hỏi về phía cô ta. Frida lắc đầu, không nói tiếp.

- Tất nhiên cô có những bí mật của mình, - K. nói, - và cô sẽ không nói về những bí mật đó cho một người mới quen chỉ mới được nửa giờ, và người đó cũng chưa có dịp để kể cho cô nghe công việc của mình.

Nhưng lời nhận xét này tỏ ra không đúng chỗ: tuồng như chàng đã làm cho Frida choàng tỉnh khỏi sự mơ mơ màng màng dễ chịu. Cô ta lấy ra từ cái túi da treo ở ngang hông một mẩu gỗ, và đút nó vào lỗ nhòm ở cửa. Có thể thấy là cô ta cố gắng để K. khỏi nhận ra sự thay đổi tâm trạng của mình. Frida nói:

- Mọi việc liên quan đến ông, tôi đều biết, ông là người đạc điền. - Và cô ta nói thêm: - Nhưng bây giờ tôi có việc. - Cô ta quay lại đằng sau quầy bán rượu, đây đó, người ta đều đứng dậy để cô lại rót cho đầy những cái cốc đã cạn của họ. K. còn muốn kín đáo nói với cô ta vài lời nữa, nên chàng đã lấy một chiếc cốc không ở trên giá và đi đến chỗ cô.

- Còn một điều nữa, Frida ạ, - chàng nói. - Thật là chuyện phi thường, và phải cần một sức mạnh đặc biệt để ai đó từ cô gái dọn chuồng bò phấn đấu thành người bán rượu. Nhưng chẳng lẽ đối với một người như thế, đó là mục đích cuối cùng của mình ư? Mà thực ra đó là câu hỏi ngốc nghếch. Từng ánh mắt cô, đừng cười tôi, cô Frida ạ, không chỉ nói về quá khứ mà còn về những cuộc tranh đấu trong tương lai. Nhưng sự chống đối của thế giới thật ghê gớm, mục đích càng lớn thì sự chống đối càng lớn. Thật không có gì đáng xấu hổ, nếu cô cần đến sự giúp đỡ của một người đàn ông dẫu không có quyền thế, nhưng là người cũng biết tranh đấu không mệt mỏi, có lẽ rồi có lúc chúng ta nói chuyện với nhau một cách bình tĩnh mà không bị bấy nhiêu cặp mắt tò mò nhìn dán vào chúng ta.

- Tôi không biết ông muốn gì, - Frida nói và trong giọng nói lúc này, ngoài cả ý muốn, dường như không phải những thành công mà là những thất vọng không thể kể hết của cuộc đời cô ta đã vang lên. - Ông không định giành lấy tôi khỏi tay Klamm đấy chứ? Trời đất! - Cô ta vỗ tay đánh bốp.

- Cô đã thấu hiểu tôi, - K. nói giọng mệt mỏi như bị bao nhiêu sự ngờ vực giày vò, - chính đó là ý nghĩ sâu kín của tôi. Cô hãy bỏ Klamm, và làm tình nhân của tôi. Bây giờ tôi có thể đi được rồi. Olga! - chàng gọi. - Chúng ta đi về nhà thôi.

Olga trượt xuống khỏi chiếc thùng gỗ một cách ngoan ngoãn nhưng cô không thể thoát ngay khỏi đám đông bạn bè.

Frida liếc nhìn K. một cách đe dọa, và nói khẽ:

- Bao giờ tôi có thể nói chuyện với ông?

- Tôi có thể ngủ đêm ở đây không? - K. hỏi.

- Được. - Frida nói.

- Tôi có thể ở lại đây ngay bây giờ chứ?

- Ông cứ đi khỏi đây với Olga để tôi có thể đuổi người ta ra, sau đó một lúc ông có thể trở lại.

- Được rồi, - K. nói và nóng lòng chờ Olga.

Nhưng những người nông dân không cho cô ta đi, họ nghĩ ra một điệu vũ mà Olga là trung tâm và nhảy vòng quanh cô. Cứ một đợt lại hò reo, nơi thì người này, nơi thì người kia bước đến gần Olga, một tay ôm chặt ngang lưng cô, quay tít vài vòng. Điệu múa vòng tròn ngày càng nhanh hơn, và những tiếng kêu khao khát, khàn khàn gần như hòa nhập thành một tiếng rú duy nhất. Olga, mặc dù lúc đầu chỉ cười muốn bứt ra khỏi vòng tròn đó, nhưng lúc này, với mái tóc xõa ra, cô ta đang nghiêng ngả, lắc lư từ người này đến người khác.

- Họ đưa bọn này đến làm khổ tôi, - Frida nói và cắn vào môi mỏng, tức giận.

- Đấy là những ai? - K. hỏi.

- Bọn đầy tớ của Klamm, - Frida nói. - Ông ta luôn đưa theo lũ đê tiện này, sự có mặt của chúng chỉ phá hoại. Tôi cũng không biết mình đã nói gì với ông, thưa ông đạc điền. Xin ông thứ lỗi cho, nếu tôi đã nói điều gì không tốt chỉ vì bọn này mà thôi, không có gì ghê tởm và đáng ghét hơn chúng, thế mà tôi phải rót bia vào cốc của chúng. Đã bao nhiêu lần tôi đề nghị Klamm để chúng ở nhà, tôi cần phải chịu đựng bọn đầy tớ của các ngài khác chưa đủ hay sao? Ít ra thì ông ta cũng nên quan tâm đến tôi, nhưng tôi van nài chỉ vô ích, trước khi ông ấy đến một giờ thì chúng đã ùa đến đây như đàn gia súc ùa vào chuồng vậy. Nhưng bây giờ thì đúng là chúng phải cút

vào chuồng. nơi ấy là của chúng. Nếu ông không có ở đây thì tôi đã đập cửa, và Klamm đã trực tiếp đuổi cả bọn ra ngoài.

- Thế ông ấy không nghe tiếng họ à? - K. hỏi.

- Không, ông ấy đang ngủ. - Frida nói.

- Thế nào cơ? - K. kêu lên. - Ông ấy ngủ à? Khi nhìn vào phòng, tôi thấy ông ấy vẫn còn thức, ngồi cạnh bàn kia mà.

- Bây giờ ông ấy vẫn ngồi như thế. - Frida nói. - Khi ông nhìn thấy, lúc đó ông ta cũng đang ngủ, nếu không thì tôi chưa chắc đã để cho ông nhìn vào. Ông ấy ngủ trong tình trạng như thế này đấy, các quý ông thường ngủ rất nhiều, không hiểu được họ nữa. Vả lại, nếu ông ta không ngủ nhiều như thế, thì làm sao mà chịu đựng nổi cái lũ này? Bây giờ thì chắc tôi sẽ đuổi bọn chúng.

Cô ta lấy chiếc roi da ở trong góc, và chỉ bằng một cú nhảy duy nhất, không hoàn toàn chắc chắn, nhưng khá giống như những con cừu nhảy, cô ta đã có ở chỗ bọn người đang nhảy nhót. Thoạt tiên họ quay lại phía cô ta, như thể có một vũ nữ mới đến vậy, và trong chốc lát tưởng như Frida muốn để rơi chiếc roi da khỏi tay, nhưng rồi cô ta lại nâng roi lên.

- Nhân danh Klamm, - cô ta kêu to, - các người hãy cút ra chuồng ngựa! Tất cả hãy ra chuồng ngựa!

Họ đã thấy là chuyện nghiêm chỉnh, và bắt đầu lùi về phía cuối căn phòng với nỗi sợ hãi không thể hiểu được đối với K.. Ở đó khi một người trong bọn bị ấn vào cánh cửa, cánh cửa mở ra, không khí trong lành ban đêm ùa vào và cả bọn đã biến mất cùng với Frida, cô ta chắc là đã lùa họ qua sân, đi vào chuồng ngựa.

Trong sự yên tĩnh đột ngột, K. nghe tiếng những bước chân từ ngoài hành lang. Bằng cách nào đó để được an toàn, chàng nhảy đến sau quầy rượu, vì chỉ còn nơi đó là chàng có thể nấp được mà thôi. Đúng là người ta không cấm chàng ở trong quán rượu, nhưng vì muốn ngủ đêm tại đây, nên chàng cần phải coi chừng để họ khỏi thấy mình vẫn còn ở đó. Chàng ngồi co ro dưới quầy bán hàng khi cánh cửa mở. Tất nhiên không

phải là hoàn toàn vô sự nếu họ phát hiện ra chàng ở đó, nhưng ít ra thì việc đó cũng giải thích có phần tin được rằng chàng trốn bọn nông dân hung hãn. Ông chủ quán đến.

- Frida! - ông ta gọi và đi đi lại lại vài lần trong phòng.

May là Frida chẳng mấy chốc đã quay lại và không nhắc tới K., cô ta chỉ phàn nàn về những người nông dân, và đi về phía sau quầy bán rượu tìm K.. K. chạm vào đôi chân bé nhỏ của cô ta, từ lúc đó chàng cảm thấy an toàn. Vì Frida không nhắc đến người đạc điền, nên rốt cuộc ông chủ quán phải nói đến:

- Thế người đạc điền đâu rồi?

Tuy vậy ông ta là một người lịch sự, mối quan hệ thường xuyên và tự do của ông với những người ở trên mình đã luyện cho tác phong của ông. Ông chủ quán nói chuyện với Frida với một sự tôn trọng đặc biệt, điều này dễ thấy hơn cả vì suốt cuộc nói chuyện, ông ta đã đứng đối diện với cô như là nhà kinh doanh với nhân viên của mình, tuy đó là một nhân viên tự cao tự đại vậy.

- Tôi hoàn toàn đã quên mất người đạc điền, - Frida nói và đặt bàn chân bé nhỏ của mình lên ngực K., - chắc là anh ta đã đi khỏi đây lâu rồi.

- Nhưng mà tôi chưa thấy, tôi đã ở ngoài hành lang suốt cả thời gian đó, - ông chủ quán nói.

- Anh ta không có ở đây, - Frida nói vẻ thản nhiên.

- Có lẽ anh ta đã trốn, - ông chủ quán nói, - theo như tôi thấy thì anh ta có thể làm đủ mọi chuyện đấy.

- Anh ta không liều lĩnh thế đâu, - Frida nói và ấn mạnh hơn bàn chân vào ngực K..

Trong bản chất cô ta có cái gì như là sự vui vẻ, cởi mở mà cho đến lúc này K. đã không nhận ra. Và hoàn toàn không thể ngờ được đối với chàng, khi Frida bật cười nói:

- Có lẽ anh ta trốn ở dưới quầy này. - Và bất ngờ cô ta cúi xuống hôn vội chàng rồi lại đứng thẳng lên nói một cách tiếc rẻ: - Không, anh ta không có ở đây.

Chàng cũng ngạc nhiên khi ông chủ quán nói:

- Tôi cũng rất khó chịu vì không biết chắc chắn là có thật anh ta đã đi khỏi đây chưa, không phải vì liên quan đến ngài Klamm, mà là vì quy chế. Mà quy chế thì liên quan tới cả chị, thưa chị Frida, cả đối với tôi. Chị phải chịu trách nhiệm về quầy rượu, những phần còn lại của ngôi nhà rồi tôi sẽ xem qua. Chúc chị ngủ ngon.

Ông ta chưa bước ra khỏi phòng thì Frida đã tắt đèn, ngồi xuống cạnh K., ở dưới quầy.

- Người yêu của em, anh yêu quý của em, - cô ta thì thầm, nhưng không đụng vào người K.. Như ngây ngất vì tình yêu, Frida nằm ngửa và dang tay ra. Đối với cô ta, thời gian là vô tận trước hạnh phúc của tình yêu, cô ta bắt đầu hát một bài hát gì đó, không hẳn là hát, mà là thở dài thì đúng hơn. Sau đó, vì K. vẫn im lặng đắm chìm trong suy nghĩ, cô ta bỗng ngồi bật dậy và bắt đầu lắc mạnh chàng:

- Lại đây anh, chúng ta có thể chết ngạt ở dưới này.

Họ ôm choàng lấy nhau, trong cánh tay K. là cơ thể nhỏ bé và nóng bỏng. Họ lăn mấy bước trong sự mê mẩn mà K. thỉnh thoảng muốn bứt ra khỏi nhưng vô hiệu. Họ va nhẹ vào cửa phòng Klamm, sau đó họ nằm trong vũng bia, trên những vết bẩn phủ lên sàn nhà. Giờ này qua giờ khác, họ cùng chung nhịp thở, và nhịp đập của trái tim. Đó là thời gian dài mà K. liên tục cảm thấy mình bị lạc, hoặc đang rơi vào một miền xa lạ chưa có con người xuất hiện trước khi chàng tới, cái xứ sở xa lạ mà trong không khí cũng không có lấy một tí nào không khí của quê hương, nơi mà sự xa lạ bóp nghẹt con người, nhưng chàng không thể làm gì để cưỡng lại sự cám dỗ mê hồn ngoài việc tiếp tục đi, và càng đi càng bị lạc sâu hơn. Thế rồi sau đó có cái gì đấy thoạt tiên không làm chàng hoảng hốt, mà như là sự bừng tỉnh đầy an ủi, khi từ phòng Klamm một giọng trầm trầm, xa lạ và uy nghiêm gọi Frida.

- Frida, - K. nói thầm vào tai cô gái, như chuyển tiếp lời gọi.

Frida lúc đầu với sự ngoan ngoãn cố hữu định vùng dậy,

sau đó cô ta đã nhận ra mình đang ở đâu, liền duỗi tay chân, cười khẽ và nói:

- Em không đi. Không bao giờ em đến với ông ta nữa.

K. muốn phản đối, muốn thuyết phục cô ta đi vào với Klamm, thậm chí chàng đã tìm những tấm áo sơ mi của cô ta, nhưng chàng không nói được nên lời. Chàng hạnh phúc vì có thể giữ cô gái trong cánh tay mình, nhưng trong hạnh phúc chàng cũng hoang mang, vì cảm thấy nếu Frida bỏ chàng thì tất cả những gì chàng có đều từ bỏ chàng. Còn Frida như thể đã lấy thêm sức mạnh do được gần K., nắm chặt tay đập vào cửa, kêu to:

- Tôi đi với người đạc điền! Tôi đi với người đạc điền!

Klamm lập tức im lặng. K. ngồi dậy, quỳ cạnh Frida và nhìn quanh trong ánh bình minh phơn phớt. Cái gì đã xảy ra? Đâu rồi những niềm hi vọng của chàng? Bây giờ chàng có thể chờ đợi gì ở Frida, khi mà tất cả đều đã rõ? Thay vì tiến về phía trước một cách thận trọng tùy theo tầm vóc của kẻ thù và mục đích, suốt một đêm chàng đã nằm ngả ngớn ở đây, trong những vũng nước bia mà giờ đây chàng đang chóng mặt vì mùi của chúng.

- Em làm gì vậy? - chàng nói lúng búng. - Cả hai chúng ta đều mất hết.

- Không phải, - Frida nói, - chỉ có em là mất, nhưng em lại được anh. Anh hãy yên tâm. Anh nhìn hai anh chàng kia đang cười kia kìa.

- Ai cơ? - K. hỏi và quay lại.

Hai người giúp việc của chàng đang ngồi trên quầy hàng, hơi có vẻ mất ngủ, nhưng vui vẻ, cái niềm vui của sự thực thi trách nhiệm một cách trung thành.

- Các anh muốn gì ở đây? - K. quát lên như thể họ là những kẻ có tội đã gây ra mọi sự. Chàng nhìn quanh tìm chiếc roi da mà buổi tối Frida đã cầm.

- Chúng tôi phải tìm ông, không thấy ông xuống quán trọ với chúng tôi; lúc đầu chúng tôi đã tìm ông đằng nhà

Barnabás, cuối cùng thì gặp ông ở đây. Chúng tôi đã phải ngồi ở đây suốt đêm. Công việc của chúng tôi chẳng dễ dàng gì. - những người giúp việc nói.

- Tôi chỉ cần đến các anh vào ban ngày, chứ không phải ban đêm. Các anh hãy xéo đi khỏi đây! - K. nói.

- Thì đã ban ngày rồi đấy thôi, - họ nói và không nhúc nhích.

Ban ngày thật rồi, cánh cửa nhìn ra sân đã mở, những người nông dân ùa vào phòng với Olga, người mà K. đã hoàn toàn quên mất. Olga vẫn tươi tỉnh như tối hôm qua, dù tóc và quần áo cô không gọn gàng, từ bậc cửa cô đã đưa mắt tìm K.

- Tại sao anh không đi về nhà với em? - cô hỏi gần như khóc. - Vì một người đàn bà như thế này! - Cô ta nói thêm, và nhắc đi nhắc lại câu đó nhiều lần.

Frida đã biến đi mấy phút, bây giờ lại xuất hiện, với cái bọc nhỏ trong tay. Olga đứng bên nhìn buồn bã.

- Chúng ta có thể đi, - Frida nói. Chắc chắn cô ta nghĩ đến quán trọ Bên cầu, và họ sẽ đi tới đó. K. đi cùng Frida, sau họ là những người giúp việc. Có thể thấy ngay là đám nông dân đã coi khinh Frida, điều đó cũng dễ hiểu, vì cho đến lúc ấy cô ta đã đối xử nghiêm khắc với họ. Một người trong đám nông dân lấy chiếc gậy, ông ta làm như thể không để cô ta đi, nếu cô ta nhảy qua chiếc gậy thì mới được đi. Nhưng chỉ một cái nhìn của Frida cũng đủ để người đó lủi ngay. Trong tuyết, ở ngoài trời, K. hít thở. Chàng hạnh phúc vì cuối cùng được tự do, trong niềm hạnh phúc lớn này, chàng chịu đựng tốt hơn sự vất vả của cuộc hành trình, và nếu đi một mình thì chàng còn chịu đựng tốt hơn nữa. Đến quán trọ, chàng đi thẳng về phòng mình, và nằm xuống giường, còn Frida thì tự kiếm chỗ nằm cho mình ở dưới đất, cạnh K. Những người giúp việc cùng ùa vào theo, họ đuổi, nhưng những người đó vẫn quay trở lại qua cửa sổ. K. càng mệt mỏi hơn. Bà vợ chủ quán trực tiếp lên chào Frida và Frida gọi bà ta là "Mẹ", họ ôm hôn nhau tật lâu với vẻ thân thiết đến là khó hiểu. Căn phòng không được yên tĩnh, những người hầu gái cứ chạy vào, rồi lấy

đi một thứ gì đó, họ đi lại ầm ĩ trong những đôi ủng đàn ông. Nếu cần lấy cái gì từ chiếc giường đã chất đống đủ loại đồ đạc, thì họ cứ việc lôi ra dưới người K. một cách không thương xót. Họ chào Frida như là chào một người cùng một duộc với họ. K. bất chấp sự ra vào liên tục của những người đó, suốt một ngày đêm chàng nằm trên giường. Nếu chàng cần gì thì đã có Frida lo giúp. Đến sáng hôm sau, khi đã hoàn toàn tươi tỉnh, cuối cùng K. đã dậy, lúc đó là ngày thứ tư chàng có mặt trong làng.

CHƯƠNG IV

Chàng muốn nói chuyện một mình với Frida, nhưng những người giúp việc đã làm cản trở việc đó bằng sự có mặt trơ tráo của họ. Đã thế, thỉnh thoảng Frida lại cười nói, đùa cợt với họ. Nói chung, những người giúp việc không hề khó tính, họ trải hai chiếc váy đã cũ sờn xuống đất, thu xếp chỗ nằm trong góc phòng. Như nhiều lần họ đã nói với Frida, mong muốn chính của họ là đừng quấy rầy ngài đạc điền, và chiếm ít chỗ thôi. Tất nhiên, vì lẽ đó mà họ thì thầm rồi thể nghiệm nhiều trò khác nhau và cười ré lên. Họ khoanh tay, chụm chân, ghì sát vào nhau, trong sự tranh tối tranh sáng, trông họ ở góc phòng không khác gì một cuộn len. Thế nhưng rất tiếc, khi trời sáng sủa, dựa trên những điều thấy được, cần phải biết rằng họ là những người quan sát rất tỉnh táo, họ liên tục nhìn trộm K. cho dù họ chơi trò ra vẻ ngây ngô trẻ con, lấy tay làm ống nghe để sau tai, và làm một số việc ngớ ngẩn tương tự khác, họ làm như ngoài việc trau chuốt bộ râu của mình ra thì họ không quan tâm đến việc gì khác vì họ đã tốn rất nhiều công

sức cho bộ râu, vô số lần họ so sánh xem râu của ai dầy và dài hơn, rồi đề nghị Frida làm trọng tài quyết định. Từ trên giường K. thường xuyên quan sát sự bắng nhắng của cả ba người với một sự thờ ơ tuyệt đối.

Giờ đây khi chàng cảm thấy đủ sức để từ biệt chiếc giường, họ liền vội đến để phục vụ chàng. Chàng vẫn chưa khỏe đến mức phải từ chối cố gắng của họ, chàng nhận thấy rằng với việc này chàng phải phụ thuộc ở họ; có thể có những hậu quả xấu, nhưng chàng không thể làm gì để chống lại. Vả lại cũng không khó chịu đối với chàng khi ngồi bên bàn uống cà phê do Frida mang tới, và ngồi sưởi ấm cạnh lò sưởi mà cô ta đốt, hoặc sai những người giúp việc hăng hái một cách vụng về lên lên xuống xuống cầu thang mười lần để lấy nước rửa, xà phòng, lược, gương, và cuối cùng (vì K. có gợi ý ra điều đó) là một cốc rum.

K. ra lệnh như vậy, và họ đã phục vụ chàng. Bỗng chàng nói vì sự vui vẻ hơn là niềm hi vọng thành công:

- Bây giờ các anh hãy đi khỏi đây, tạm thời tôi không cần gì cả, tôi muốn nói chuyện riêng với cô Frida.

Vì không nhận thấy sự chống đối nào cả trên khuôn mặt của những người giúp việc, nên chàng nói thêm:

- Lát nữa cả ba chúng ta đi đến chỗ ngài trưởng thôn, các anh đợi tôi ở chỗ quầy rượu.

Họ vâng lời, chỉ nhận xét trước khi đi:

- Đợi thì ở đây chúng tôi cũng đợi được.

- Tôi biết, nhưng tôi không muốn thế, - K. trả lời. Việc đó đã làm chàng bực mình, nhưng trong ý nghĩa nhất định thì nó cũng dễ chịu đối với K., khi Frida sau khi những người giúp việc đi khỏi liền ngồi vào lòng chàng, và nói:

- Anh làm sao với những người giúp việc thế, anh thân yêu? Chúng ta đừng bí mật điều gì trước mặt họ. Họ trung thành mà.

- Hừ, trung thành! - K. nói. - Chúng liên tục nhìn trộm, một việc làm vô nghĩa nhưng thật ghê tởm.

- Em tin là em hiểu anh, - Frida nói rồi ôm ngang cổ chàng, cô ta còn muốn nói điều gì đó, nhưng không nói được, bởi vì cái ghế ở ngay cạnh giường nên họ lăn xuống giường. Họ nằm trên giường, nhưng không mê mẩn như đêm trước. Frida tìm một cái gì đó, và K. cũng thế. Mặt nhăn nhó, miệng rên rỉ, họ chúi đầu vào nhau tìm cái gì đó. Họ ôm nhau, cơ thể họ cứ nẩy lên, nhưng việc đó không làm cho họ quên đi mà ngược lại, chỉ càng làm cho họ nhớ tới nhiệm vụ là phải tìm kiếm. Họ cào cấu thân thể nhau giống như những con chó cào bới mặt đất một cách tuyệt vọng. Rồi thỉnh thoảng họ liếm khắp mặt nhau một cách bất lực, chán chường trong niềm hi vọng cuối cùng của hạnh phúc. Khi đã mệt mỏi, họ nằm im, và nỗi niềm biết ơn đối với nhau trỗi dậy trong họ. Lúc đó những cô đầy tớ đi lên.

- Xem kìa, những người này vô công rồi nghề ở đây, - một cô nói, rồi vì thương hại, đắp lên người họ một cái khăn trải bàn.

Lúc sau K. hất chiếc khăn trải bàn khỏi người và nhìn quanh: chàng không ngạc nhiên khi thấy những người giúp việc lại có mặt ở góc phòng, họ nháy mắt cho nhau phải nghiêm chỉnh, rồi chỉ về phía K., chào theo kiểu nhà binh; ngoài họ ra còn có bà chủ quán đang ngồi đan tất dài của phụ nữ ngay sát cạnh giường. Cái công việc nhỏ nhặt ấy nói chung chẳng lấy gì làm thích hợp với tấm thân to lớn đẫy đà của bà ta đã trùm lên làm tối cả căn phòng.

- Tôi đợi đã lâu, - bà ta nói và ngẩng khuôn mặt to bè chằng chịt nếp nhăn, do nung núc thịt nên vẫn trơn tru, có lẽ đã có một thời đẹp. Bà ta nói với vẻ trách cứ, nhưng không có lí do gì, bởi vì K. không hề cho gọi bà ta đến. Vì vậy mà chàng chỉ gật đầu với cái điều vừa nghe và ngồi dậy. Frida cũng đã dậy, bỏ K. ở đó, cô ta đứng tựa vào chiếc ghế của bà chủ quán.

- Bà đợi tôi đến chỗ trưởng thôn về hãy nói, có được không? - K. do dự hỏi. - Tôi có chuyện quan trọng muốn bàn với ông ta.

- Chuyện này quan trọng hơn, ông hãy tin vậy, thưa ông đạc điền. Ở đó chắc chỉ bàn về công việc của ông, còn ở đây là chuyện về một con người, về Frida, cô phục vụ của tôi, - bà chủ quán nói.

- À, phải rồi. Đó là chuyện khác, tôi không biết là tại sao các người lại không để việc đó cho hai chúng tôi tự giải quyết.

- Vì tình thương và sự lo lắng, - bà vợ ông chủ quán nói và kéo đầu Frida về phía mình. Cô gái đứng chỉ đến vai người đàn bà đang ngồi.

- Nếu Frida tin tưởng bà như thế thì tôi không thể làm gì khác được, - K. nói. - Vì vừa rồi, Frida đã xác nhận những người giúp việc của tôi là người trung thành, như vậy chúng ta đang ở giữa bạn bè. Tôi có thể tuyên bố với bà, thưa bà chủ quán, tốt nhất là tôi cưới cô Frida thật nhanh. Rất tiếc làm thế tôi cũng không thể đền đáp lại cho Frida cái mà vì tôi cô ấy đã đánh mất: đó là việc làm ở quán Ông chủ và sự bảo trợ của Klamm.

Frida ngước nhìn lên, nước mắt lưng tròng, mắt cô ta không có dấu hiệu gì lộ vẻ thắng lợi.

- Tại sao lại là tôi? Tại sao các người chọn tôi làm việc này?

- Cái gì? - cùng một lúc K. và bà vợ ông chủ quán đều hỏi.

- Tội nghiệp con bé, nó hoàn toàn lúng túng. May mắn và tai họa đã làm cho nó bối rối, - bà vợ ông chủ quán nói.

Và như để làm tăng thêm sức mạnh cho những lời đó, Frida nhảy đến chỗ K. và hôn chàng một cách mãnh liệt như thể ở trong phòng không còn ai khác ngoài họ. Sau đó, vẫn ôm chặt K. khóc, cô ta khuỵu xuống trước mặt chàng. K. vuốt tóc Frida bằng cả hai tay, và hỏi bà vợ ông chủ quán:

- Thế thì bà đồng ý với tôi chứ?

- Ông là một người tử tế, - bà chủ quán nói giọng muốn khóc với một vẻ bất lực. Bà ta thở khó khăn nhưng dù sao vẫn còn sức để nói: - Bây giờ chỉ cần cân nhắc xem ông lấy gì bảo đảm cho cô Frida, vì cho dù tôi trọng ông như thế nào sau

những sự việc này thì rốt cuộc ông cũng chỉ là một người lạ, ông không thể dựa vào ai cả, về những mối quan hệ của ông ở nhà thì ở đây không một ai biết cả. Cho nên phải cần đến sự bảo đảm. Ông cũng thấy như thế, thưa ông đạc điền, bởi vì vừa nãy chính ông đã nhấn mạnh rằng Frida đã mất mát nhiều khi gắn bó với ông.

- Sự bảo đảm, phải rồi, tất nhiên những cái đó tốt nhất là trao trước mặt ngài công chứng viên, nhưng có lẽ các nhà chức trách khác của bá tước cũng sẽ can thiệp vào việc đó. Hơn nữa tôi cũng có việc phải giải quyết, không thể trì hoãn được trước ngày cưới. Tôi phải nói chuyện với Klamm.

- Điều đó không thể được, ý nghĩ gì mà kì vậy! - Frida nói, và hơi rướn lên nép vào người K.

- Thế mà phải làm đấy, - K. nói. - Nếu anh không thành công, thì em phải cố gắng thực hiện bằng được.

- Em không thể làm việc đó, anh K., em không thể. Klamm không bao giờ thèm bắt chuyện với anh. Làm sao anh có thể tưởng tượng ra rằng Klamm nói chuyện với anh! - Frida nói.

- Thế thì ông ta nói chuyện với em chứ? - K. hỏi.

- Với em cũng không, - Frida nói. - Ông ta không nói chuyện với anh, với em cũng không. Đây là việc hoàn toàn vô lí.

Cô ta dang tay quay về phía bà chủ quán:

- Đấy mẹ xem anh ấy muốn gì!

- Ông là người kì quặc, ông đạc điền ạ, ông muốn điều không thể được, - bà chủ quán nói, rồi trong tư thế ngồi bà ta doãi chân, ưỡn người: cái đầu gối to đoành lồi ra khỏi chiếc váy mỏng mảnh, trông bà thật khủng khiếp.

- Tại sao lại không thể được? - K. hỏi.

- Tôi giải thích cho ông ngay đây, - bà chủ quán nói với giọng như thể sự giải thích này không phải là cử chỉ giúp đỡ cuối cùng, mà là sự trừng phạt đầu tiên của bà ta. - Tôi rất vui lòng giải thích cho ông về việc đó. Tuy rằng tôi không thuộc về Lâu đài, tôi chỉ là một người đàn bà bình thường,

một bà chủ quán trọ bình thường ở đây, trong một quán hạng bét (cũng không hoàn toàn là hạng bét, nhưng mà gần như thế), chính vì vậy mà những điều tôi sắp nói sẽ không được ông coi trọng, nhưng suốt đời tôi đã tỉnh táo và được gặp nhiều người, tất cả mọi lo toan về kinh doanh, buôn bán đều đè lên vai tôi, vì tuy chồng tôi là một chàng trai cừ khôi đấy, nhưng thật ra anh ấy chủ quán không ra chủ quán, chưa bao giờ anh ấy có ý niệm rằng trách nhiệm là cái gì. Tỉ như ông chỉ có thể nhờ sự cẩu thả của anh ấy, tối hôm đó tôi mệt quá, thì ông mới được ở trong làng, và ngồi yên thoải mái trên giường, ở đây.

- Thế nào cơ? - K. hỏi, chàng sực tỉnh khỏi sự lơ đễnh của mình vì tò mò hơn là giận dữ.

- Ông chỉ có thể nhờ sự cẩu thả của chồng tôi, - bà chủ quán kêu to lên, ngón tay trỏ chĩa về phía K..

Frida thử làm cho bà ta bình tĩnh.

- Cô muốn gì? - bà chủ quán hỏi, rồi toàn thân đột ngột quay về phía cô ta. - Ngài đạc điền hỏi, tôi cần phải trả lời cho ông ta. Mà làm sao ông ta có thể hiểu nổi điều đối với chúng ta là tất nhiên kia chứ: Ngài Klamm sẽ không bao giờ thèm nói chuyện với ông ta. Tôi nói gì, "sẽ" ư? Không bao giờ ông ta *có thể* bắt chuyện được với Klamm! Hãy nghe đây, ông đạc điền. Ngài Klamm là người thuộc về Lâu đài, chỉ riêng điều đó cũng đã chứng tỏ địa vị rất cao, không cần phụ thuộc vào các cấp bậc khác của ông ấy. Ông là cái gì đối với ông ấy? Ông, người mà chúng tôi phải khẩn khoản van nài để ông đồng ý cưới vợ ở đây? Ông không phải người của Lâu đài, cũng không phải người của làng, nói một cách đơn giản ông chẳng là gì cả. Nhưng rất tiếc là tuy thế, ông cũng là một cái gì đó: một kẻ thừa, xa lạ, và có mặt trên đường ở khắp nơi, và liên tục gây nên sự phiền phức cho người khác. Vì ông mà chúng tôi phải chuyển những người phục vụ đi khỏi phòng của họ. Chúng tôi không biết ông muốn gì, ông đã quyến rũ cô Frida bé bỏng và yêu quý của chúng tôi, và rất tiếc chúng tôi phải để ông cưới

cô ta làm vợ. Nhưng tôi nói những điều này thực ra không phải để quở trách ông. Ông là ông, thế thôi. Tôi đã nhìn thấy quá nhiều trong cuộc đời nên tình cảnh này không đến nỗi không chịu đựng được. Nhưng bây giờ ông phải suy nghĩ xem thật ra ông muốn gì. Một người như ngài Klamm mà phải bắt chuyện với ông! Tôi đau khổ được nghe rằng Frida đã để ông nhìn trộm qua lỗ nhòm, khi cho phép ông làm việc đó cô ta đã là nạn nhân của sự quyến rũ của ông. Ông nói đi, nói chung ông làm thế nào mà chịu được khi nhìn thấy Klamm? Ông không cần phải trả lời, tôi biết là ông đã chịu đựng rất tốt. Bởi vì ông không thể thật sự nhìn thấy Klamm, và điều này về phần mình tôi cũng không nói quá, bởi vì chính tôi cũng không thể nhìn thấy ông ta thật sự. Làm sao Klamm nói chuyện với ông một khi ngài không thèm nói chuyện với cả người làng này, ngài chưa bao giờ nói chuyện với một người nào trong làng cả. Phần thưởng đối với cô Frida, một phần thưởng mà tôi sẽ tự hào suốt đời, là ít ra thỉnh thoảng ngài đã gọi tên Frida, và Frida lúc nào cũng có thể nói chuyện với ngài, được phép ngài cho nhìn qua lỗ nhòm, nhưng tuy thế ngài cũng không thèm nói chuyện với cô ấy. Còn nếu thẳng hoặc ngài gọi Frida, thì nói chung, không cần phải cho việc đó có ý nghĩa như người ta sẵn sàng gán cho nó, bởi đơn giản là ngài chỉ gọi cái tên "Frida", ai mà biết được những ý định của ngài? Và Frida tất nhiên là chạy tới ngay lập tức, và đó là việc của cô ta; còn người ta cho phép cô ấy vào với ngài, thì việc đó là nhờ lòng tốt của Klamm chứ không thể nói là ngài đã trực tiếp mời cô ấy. Cố nhiên những gì đã có thì bây giờ kết thúc vĩnh viễn. Có thể Klamm rồi đây cũng vẫn còn gọi cái tên "Frida", nhưng chắc chắn ngài không bao giờ cho cô ấy, một cô gái dan díu với ông, vào nữa! Và cái đầu tội nghiệp của tôi không hiểu một điều rằng, một cô gái mà người ta vẫn bảo là người tình của Klamm, - điều mà tôi cho là nói quá, - làm sao lại có thể để ông động được đến mình.

- Điều này thật là đặc biệt, - K. nói và kéo Frida vào lòng.

cô ta nép vào người chàng, đầu vẫn cúi xuống, - nhưng tôi nghĩ nó chứng minh rằng chưa phải tất cả đều hoàn toàn như bà nghĩ. Ví dụ khi bà nói so với Klamm thì tôi là một kẻ vô danh tiểu tốt, điều đó quả là đúng, không phải nghi ngờ gì nữa. Và nếu như sau những chuyện này tôi vẫn cứ muốn nói chuyện với Klamm bất chấp sự giảng giải của bà thì việc đó không có nghĩa là tôi có thể chịu đựng nổi Klamm khi không còn có tấm cửa chắn ngang, và hoàn toàn rất có thể là tôi bỏ chạy ra khỏi căn phòng khi ông ta xuất hiện. Nhưng nỗi lo sợ này, cho dù chính đáng bao nhiêu đi nữa, thì cũng không đủ lí do đối với tôi, để tôi không thể nghiệm việc đó. Còn nếu tôi đứng được trước mặt ngài thì ngài không cần phải nói chuyện với tôi, đối với tôi được thấy lời nói của mình gây tác động như thế nào trong ngài là đủ. Và, nếu lời nói của tôi không gây được tác động gì, thậm chí ngài không thèm nghe chúng, thì tôi vẫn có lợi: Mình đã nói năng tự do trước một kẻ có quyền thế! Còn bà, thưa bà chủ quán, với kinh nghiệm sống phong phú và sự am hiểu con người, cùng Frida, người mà mới hôm qua còn là người tình của Klamm (tôi không thấy có lí do gì để chúng ta tránh diễn đạt như thế), hai người chắc chắn dễ dàng tìm được dịp để tôi nói chuyện với Klamm. Nếu không có khả năng nào khác thì chúng ta đến quán Ông chủ, bởi vì có thể bây giờ ngài vẫn ở đó.

- Không thể được, - bà chủ quán nói, - tôi thấy ông không có khả năng để hiểu điều này. Nhưng ông nói đi, ông muốn nói chuyện gì với Klamm.

- Tất nhiên là nói về Frida, - K. nói.

- Nói về Frida? - bà chủ quán ngơ ngác hỏi và quay sang Frida: - Cô nghe thấy không, Frida? Ông ta muốn nói chuyện với Klamm về cô đấy, ông ta nói chuyện với Klamm!

- Này, bà chủ quán ạ, - K. nói, - bà là một người thông minh, đáng kính thế mà lại hoảng sợ trước những điều không đâu. Tôi muốn nói chuyện với Klamm về Frida, việc đó nói chung không có gì là ghê gớm mà là tất nhiên. Vì rõ ràng, bà

đã lầm nếu bà nghĩ rằng từ giây phút tôi xuất hiện, Frida đã không hề có ý nghĩa gì đối với Klamm. Nghĩ như thế có nghĩa là không đánh giá đúng ngài. Về phần mình, tôi biết rằng dạy bà những việc như thế thật là liều lĩnh, nhưng tôi cần phải làm. Trong mối quan hệ của Klamm đối với Frida không thể vì cá nhân tôi mà xảy ra sự thay đổi nào cả. Hoặc là giữa họ nói chung chưa từng có mối quan hệ mật thiết nào, điều này đã được những người tước mất danh hiệu "người tình" của Frida khẳng định, như vậy hiện nay cũng không có quan hệ gì. Còn nếu giữa họ có mối quan hệ đó thì làm sao trong mắt Klamm một kẻ vô danh tiểu tốt không là gì cả như tôi - như bà vừa nói rất đúng - lại có thể quấy nhiễu được. Việc này chỉ trong những giây phút đầu tiên của sự hoảng hốt thì người ta mới có thể nghĩ ra để sau đó, đắn đo cân nhắc một tí thôi là người ta phải điều chỉnh lại tất cả. Tuy thế chúng ta cũng nên nghe ý kiến của Frida về việc này.

Với ánh mắt mơ màng, xa xăm, Frida gục mặt vào ngực K. nói:

- Rõ ràng đúng như mẹ nói: Klamm không muốn biết gì về em nữa. Nhưng tất nhiên không phải vì anh yêu xuất hiện giữa chừng, những việc như thế thường không lay chuyển nổi ông ta. Em nghĩ rằng chúng ta đến được với nhau ở dưới quầy bán hàng là nhờ ông ta, thời gian đó không đáng bị nguyền rủa.

- Nếu sự việc như vậy, - K. nói chậm rãi, vì những lời của Frida vừa nói nghe ngọt ngào dễ thương, chàng nhắm mắt lại trong giây lát để cho ý nghĩa cốt lõi của lời nói thấm vào lòng, - nếu sự việc như vậy thì tôi càng ít có lí do để sợ cuộc nói chuyện với Klamm.

- Cái gì đúng thì là đúng, - bà chủ quán nói và nhìn xuống K.. - Đôi khi ông làm tôi nhớ đến chồng mình, ông cũng ngây ngô và ương bướng như chồng tôi vậy. Chỉ mới có vài ngày ở đây mà ông đã muốn biết tất cả tốt hơn cả người địa phương, hơn cả tôi, một bà già và hơn cả Frida, người đã được nghe,

được thấy nhiều trong quán Ông chủ. Tôi không phủ nhận rằng, người ta có thể một lần bất chấp các quy định và truyền thống mà vẫn có thể đạt được một cái gì. Tôi thì cả đời chưa từng trải qua những việc như thế, theo người ta nói thì cũng đã có trường hợp tương tự, có thể lắm, nhưng lúc đó chắc chắn người ta không làm theo con đường và cách thức ông làm là liên tục lặp đi lặp lại "không", "không", rồi ngang bướng đi theo cái đầu của mình, lời khuyên thông minh nhất cũng không thèm nghe. Ông tưởng tôi lo cho ông đấy à? Tôi có quan tâm tới ông khi ông còn một thân một mình không? Giá mà tôi đã can thiệp vào thì chúng ta đã tránh được chuyện này, chuyện kia! Hôm đó tôi chỉ nói với chồng tôi về ông là: "Anh hãy coi chừng anh ta!" Và hôm nay tôi vẫn cứ làm điều đó nếu như cô Frida đã không gắn bó với số phận của ông. Ông nhờ cô ấy mà có được sự chăm sóc của tôi, thậm chí cả sự quý trọng của tôi, cho dù ông thích hay không. Và đừng có mà đùng đùng cự tuyệt cô ấy, vì ông phải chịu trách nhiệm một cách nghiêm túc với một người duy nhất để ý tới Frida bằng sự lo lắng của người mẹ, đó là tôi. Có thể Frida nói đúng, và việc đã xảy ra là do ý muốn Klamm, nhưng bây giờ tôi không biết gì về Klamm, tôi cũng sẽ không bao giờ nói chuyện với ngài, đối với tôi ngài xa vời, không thể gặp. Còn ông thì đang ngồi ở đây, trong lòng là Frida bé bỏng của tôi; ông giữ cô ấy, - và tại sao tôi phải giấu nhỉ? - tôi thì giữ ông ở đây. Phải, tôi giữ ông, vì nếu tôi đuổi ông ra khỏi nhà, ông bạn trẻ cứ thử tìm chỗ ở trong cái làng này xem có được không, dù chỉ là một ổ chó nằm.

- Xin cám ơn, - K. nói. - Đây là cuộc nói chuyện thẳng thắn, và tôi tin tất cả những lời bà nói. Nghĩa là tình hình của tôi bấp bênh như thế đấy, tôi với Frida cùng chung cảnh ngộ, tình hình của cô ấy cũng vậy.

- Không! - bà chủ quán quát lên cắt ngang một cách tức giận. - Tình hình của Frida không có gì liên quan đến tình hình của ông về phương diện này. Frida là người của gia

đình tôi, không ai ở đây có quyền gọi tình hình của cô ấy là bấp bênh.

- Được rồi, được rồi, - K. nói, - về mặt đó tôi công nhận là bà nói đúng, nhất là sau khi thấy Frida trước mặt tôi do nguyên nhân gì không biết đã sợ bà hơn mà không dám nói. Vậy tạm thời chúng ta hãy nói về phần tôi. Tình hình của tôi cực kì bấp bênh, bà đã không phủ nhận mà ngược lại, bà cố gắng nhấn mạnh hơn điều đó. Nhưng cũng như tất cả những việc khác, phần lớn điều bà nói là đúng nhưng không đúng trong mọi trường hợp. Ví dụ tôi biết một chỗ nghỉ đêm rất tốt đang mở cửa chờ tôi.

- Ở đâu, ở đâu? - cả Frida lẫn bà chủ quán cùng hỏi to như thể cả hai người đều cùng một nguyên nhân để tò mò.

- Ở đằng nhà Barnabás. - K. trả lời.

- Quân bịp bợm! - bà chủ quán kêu lên. - Bọn lừa đảo ranh ma. Ở đằng nhà Barnabás! Chúng mày có nghe thấy không? - Và quay về phía góc phòng, mặc dù những người giúp việc đã bước ra khỏi chỗ đó từ lâu, tay khoác tay đang đứng đằng sau bà chủ quán, bà ta bám lấy tay một người trong bọn như thể bà ta cần có chỗ tựa. - Chúng mày có nghe thấy ngài đã lang thang ở những đâu không? Ở đằng nhà Barnabás! Ở đó dĩ nhiên ông có chỗ nghỉ đêm. Ôi, giá mà ông đã ngủ ở đó thì tốt hơn là ở trong quán Ông chủ! Nhưng các anh, các anh có thể ở đâu?

- Bà chủ quán ạ, - K. nói, trước khi những người giúp việc có thể trả lời, - đây là những người giúp việc của tôi, bà xử sự như thể họ là những đầy tớ của bà, còn đối với tôi họ là những kẻ canh giữ không bằng. Trong tất cả mọi chuyện khác tôi có thể hết sức lịch sự tranh luận với các quan điểm của bà, nhưng cái gì liên quan đến những người giúp việc của tôi thì không, bởi vì sự việc ở đây rõ hơn ban ngày. Tôi đề nghị bà đừng nói chuyện với những người giúp việc của tôi, và nếu như yêu cầu này của tôi không được đáp ứng thì tôi cấm những người giúp việc của tôi trả lời bà.

- Tóm lại tôi không được nói chuyện với các anh? - Bà chủ quán hỏi hai người giúp việc, và cả ba người cùng cười, nhưng bà chủ quán cười một cách mai mỉa và hiền hơn là K. chờ đợi, những người giúp việc thì theo thói quen cười nhiều (không có nghĩa gì cả) nhưng vô duyên và vô trách nhiệm.

- Anh đừng giận, - Frida nói, - anh cần phải thật sự hiểu sự nổi nóng của chúng em. Nhờ Barnabás mà bây giờ chúng ta thuộc về nhau. Khi em thấy anh lần đầu trong quầy uống, anh bước vào, tay khoác tay Olga, lúc đó em đã biết một đôi điều về anh, nhưng cơ bản là em thờ ơ đối với anh. Mà không phải chỉ với anh, mà là thờ ơ đối với gần như tất cả. Đúng là lúc đó em không bằng lòng với tất cả, và nhiều cái đã làm em bực mình. Chẳng hạn trong chỗ uống rượu, một người nào đó xúc phạm em, ở đó họ cứ bám lấy em (Anh cũng đã thấy mấy thằng cha đó, mà không phải bọn đầy tớ của Klamm là đểu nhất đâu), có ông khách đã xúc phạm em, mà điều đó thì có nghĩa gì đối với em? Em cảm thấy chuyện đó như đã xảy ra từ nhiều năm về trước, hoặc như thể không xảy ra với em, mà là em nghe có người kể như vậy, hoặc tuồng như chính em cũng đã quên mất rồi. Không, em không biết mô tả thế nào, cũng không tưởng tượng nổi, tất cả đã thay đổi đến vậy từ khi Klamm bỏ em.

Frida bỏ dở câu chuyện, đầu gục xuống một cách buồn bã, tay chắp lại để trong lòng.

- Ông xem! - bà chủ quán kêu lên, bà ta làm như thể không phải tự mình nói mà là cho Frida mượn giọng, và xích lại gần Frida, ngồi ngay bên cạnh cô ta. - Ông thấy đấy, ông đạc điền, việc ông làm đã kéo theo những hậu quả như thế nào. Và những người giúp việc - mà tôi không được phép nói chuyện - cũng hãy nhìn và rút ra bài học! Ông đã tách Frida ra khỏi trạng thái hạnh phúc nhất mà cô ta đã có thể được, ông đã thành công trong việc đó trước hết là vì Frida, với nỗi niềm thương cảm quá trẻ con của mình, đã không chịu đựng nổi cảnh ông cứ bám vào cánh tay Olga, nhìn biết ngay là ông đã

sa vào bẫy gia đình Barnabás. Cô ấy đã cứu ông và đã hiến mình. Và bây giờ, sau khi xảy ra điều đã xảy ra, cô Frida đã đổi tất cả những gì mình có để được niềm hạnh phúc duy nhất là có thể ngồi trong lòng ông thì ông lại nói ra một cách đơn giản để lừa bịp rằng ông đã có thể ngủ ở đằng nhà Barnabás, làm như mình có ưu thế gì ghê gớm. Với việc đó ông muốn chứng tỏ rằng ông không phụ thuộc vào tôi. Phải, ông đúng đấy: Giá ông thật sự đã ngủ ở nhà Barnabás thì bây giờ ông không phụ thuộc vào tôi đến mức trong nháy mắt, ông đã phải rời khỏi nhà tôi ngay.

- Tôi không biết những tội lỗi của gia đình Barnabás. - K. nói trong khi thận trọng nhấc Frida, người mà dường như đã mất hết sức sống, từ tốn để cô ta ngồi xuống giường, rồi chàng đứng dậy. - Có lẽ bà nói phải nhưng tôi lại đúng khi yêu cầu bà cứ để chuyện của chúng tôi, của Frida và của tôi, mặc hai chúng tôi. Bà đã nói điều gì đó về sự chăm sóc, về tình thương nhưng từ những điều bà nói tôi chỉ thấy sự căm thù, chế giễu và ý muốn đuổi tôi ra khỏi nhà. Nếu mục đích của bà là bằng những cái đó tách biệt chúng tôi, tách Frida ra khỏi tôi, và tôi ra khỏi Frida, thì bà đã làm một cách khéo léo không ngờ. Nhưng tôi tin là mặc dù như vậy bà sẽ không thành công, hoặc giả có thành công đi chăng nữa - lần này cho phép tôi đe dọa dù là một cách bóng gió - bà sẽ phải cay đắng ân hận. Còn chuyện nhà ở, mà bà đang cho tôi - chính là cái lỗ phát khiếp này đây - thì không chắc là bà đã tự nguyện dành cho tôi, xem ra thì có một sự chỉ đạo nào đó từ các nhà chức trách của bá tước. Tôi sẽ báo cáo là bà đã đuổi tôi đi, và nếu họ kiếm được nhà ở khác cho tôi thì chắc là bà sẽ thở phào, mà tôi còn thở phào nhẹ nhõm hơn thế. Bây giờ tôi sẽ đi gặp trưởng thôn về việc đó, và về những việc khác nữa. Tôi yêu cầu bà ít nhất cũng quan tâm tới Frida, bà thử nhìn xem, bằng những cái gọi là lời của mẹ, bà đã hành hạ cô ấy đến như thế đấy.

Nói đoạn chàng quay lại với những người giúp việc.

- Đi thôi, các anh! - chàng nói rồi gỡ lá thư của Klamm khỏi cái đinh và bước ra cửa.

Bà chủ quán nhìn chàng, không nói một lời, bà chỉ lên tiếng khi tay chàng đã đặt trên tay cửa.

- Ông đạc điền, để tôi cho ông một lời khuyên trước lúc ông lên đường, vì dù ông nói năng thế nào và ông đã xúc phạm tôi, một bà già ra sao chăng nữa thì ông vẫn là chồng chưa cưới của Frida. Tôi nói vậy là vì ông không am hiểu các mối quan hệ ở đây một cách đáng kinh ngạc. Thật đến chóng mặt khi nghe những điều ông nói và đem đối chiếu những điều đó với tình hình thực tế. Không thể nhoáng một cái là sửa chữa ngay được sự dốt nát đó, và có lẽ nói chung là không thể được, nhưng nhiều việc có thể trôi chảy hơn nếu ông tin tôi một điều gì đó và luôn ý thức được sự dốt nát của mình. Lúc đó ngay lập tức ông sẽ công bằng hơn đối với tôi và ít ra cũng linh cảm thấy tôi đã khiếp đảm như thế nào, và những hậu quả của nỗi khiếp đảm đó vẫn ngày càng bám giữ lấy tôi; khi tôi biết rằng đứa con gái bé bỏng và yêu quý của tôi đã bỏ con chim đại bàng để gắn đời mình với một kẻ luồn cúi, nịnh bợ, mà trong thực tế thất thế hơn nhiều. Tôi phải thường xuyên cố gắng để quên đi điều đó, nếu không tôi đã không nói được một lời bình tĩnh nào với ông đâu. Ôi, bây giờ ông lại giận rồi. Không, ông khoan hãy đi, hãy nghe một yêu cầu này của tôi đã: cho dù ông rơi vào nơi nào, ông hãy tin chắc rằng, ở đây ông là người ngù ngờ, và hãy thận trọng. Ở bên chúng tôi, sự hiện diện của Frida bảo vệ ông trước mọi nguy hiểm; tôi không tiếc, ông có thể tự do thổ lộ hết lòng dạ của mình, có thể biểu diễn việc ông muốn nói chuyện với Klamm như thế nào, nhưng trong thực tế, trong thực tế thì tôi xin ông đừng làm.

Bà ta đứng dậy, loạng choạng bước đến chỗ K. vì xúc động, rồi nắm lấy tay chàng và nhìn chàng một cách cầu khẩn.

- Bà chủ quán của tôi ạ, - K. nói, - tôi không hiểu tại sao bà lại tự hạ thấp mình vì một việc như thế đến mức phải van nài tôi. Nếu không thể nói chuyện được với Klamm như bà

quả quyết, thì dù các người yêu cầu hay không tôi cũng không thực hiện được cơ mà. Nhưng nếu như vẫn có thể được thì tại sao tôi không làm, nhất là khi đẩy lùi được lí do ngăn cản chính của bà như vậy thì những mối lo ngại còn lại của bà cũng trở nên hết sức đáng nghi ngờ? Tất nhiên là tôi ngù ngờ, điều này đúng mười mươi rồi, và thật là đáng buồn cho tôi. Nhưng sự ngù ngờ của tôi lại có lợi thế của nó: người điếc thì không sợ súng, vì vậy trong khi còn có sức, tôi sẵn sàng chịu đựng sự ngù ngờ của tôi và chắc chắn cả những hậu quả tai hại của nó một thời gian nữa. Nhưng những hậu quả này thực chất chỉ liên quan đến tôi, vì vậy tôi càng không hiểu sự cầu khẩn của bà. Rõ ràng là bà sẽ luôn luôn chăm lo đến Frida, và nếu tôi mãi mãi biến khỏi tầm nhìn của Frida thì việc ấy, theo quan niệm của bà, là một sự may mắn của cô ấy. Vậy thì bà sợ gì? Hay là đối với một người ngù ngờ như tôi thì mọi cái đều tưởng là có thể - nói đến đây K. đã mở cửa - hay là bà sợ cho Klamm?

Bà chủ quán im lặng nhìn theo chàng đang vội vã đi xuống cầu thang, cùng với những người giúp việc.

CHƯƠNG V

Bản thân K. cũng gần như ngạc nhiên là cuộc nói chuyện với trưởng thôn khiến chàng ít lo lắng đến thế. Chàng cố gắng lí giải điều này cho mình rằng những kinh nghiệm đến lúc này cho thấy đối với chàng các cuộc tiếp xúc chính thức với các nhà chức trách của bá tước diễn ra hết sức đơn giản. Cơ sở của điều này là công việc của chàng có vẻ được giải quyết dứt

khoát, rất thuận lợi đối với chàng; mặc khác hình như có một sự nhất trí đến kinh ngạc ở các cấp chính quyền, điều đó đặc biệt thể hiện ở nơi mà thoạt nhìn không cảm thấy nó. Nếu K. ngẫm nghĩ trên những sự việc này thì chàng thấy tình thế của mình đã ổn, mặc dù cứ sau mỗi lần dễ chịu như thế chàng lại vội lưu ý mình rằng chính trong sự dễ chịu đầy quyến rũ này ẩn giấu nguy hiểm.

Việc tiếp xúc một cách trực tiếp với các nhà đương cục không có gì là khó khăn đặc biệt, bởi vì cho dù họ được tổ chức tốt như thế nào, họ cũng chỉ bảo vệ những điều xa xôi, vô hình, thay mặt các ngài cũng xa vời không thể thấy. Trong khi K. trực tiếp chiến đấu cho một cái gì đó gần gũi, sống động vì bản thân mình, hơn nữa ít ra ngay từ khởi đầu K. chiến đấu bằng ý chí riêng của mình, chàng là người tấn công, và không chỉ có chàng tranh đấu cho chính mình, mà rõ ràng những lực lượng khác cũng tranh đấu vì chàng. Những lực lượng đó chàng không quen biết, nhưng qua các biện pháp của các nhà chức trách, chàng có thể thấy là chúng tồn tại. Thế nhưng các nhà chức trách với việc biểu lộ sự ân cần chu đáo đối với K. trong từng vụ việc không đáng kể - vì những việc đáng kể cho đến nay chưa nói đến - đã tước mất của chàng khả năng có được những thắng lợi nhỏ, dễ dàng, cùng với nó là sự đền bù chính đáng, niềm tin vững chắc có căn cứ, bắt rễ từ thắng lợi đó để tiếp tục những cuộc tranh đấu lớn hơn. Thay vào đó người ta đã để mặc K., trong phạm vi của làng, muốn ở đâu thì chui vào đó, và đã nuông chiều làm cho chàng mềm yếu bằng việc ấy. Nói chung người ta đã loại trừ mọi cuộc tranh đấu ở nơi này, thông qua đó đày ải chàng tới cuộc sống không có công việc, phức tạp, và xa lạ. Với hình thức như thế, nếu chàng không thường xuyên đề phòng cẩn thận thì một ngày nào đó mặc cho họ ân cần thực hiện hoàn hảo những nghĩa vụ hành chính quá nhẹ nhàng của các nhà chức trách thì từ những biểu hiện có vẻ thiện chí đó đối với mình, vẫn có thể xảy ra việc chàng sẽ sắp xếp lạc hướng cả cuộc đời còn lại

một cách gàn dở, vô cớ đến nỗi dễ dàng dẫn đến chán chường tuyệt vọng ở đây. Còn nhà chức trách thì vẫn với vẻ hiền lành và thân mật. nhân danh những điều luật nào đó xa lạ đối với chàng. buộc phải can thiệp để tống khứ chàng đi cho khuất mắt. Và thực ra "cuộc đời còn lại" ở đây là gì? K. chưa từng thấy ở đâu mà bộ máy hành chính và cuộc sống lại lẫn lộn với nhau như ở đây, đến mức dường như bộ máy hành chính và cuộc sống đã đổi chỗ cho nhau vậy. Tỉ như cái uy quyền trên danh nghĩa mà cho tới lúc này Klamm đã tỏ ra đối với sự phục vụ của K., có nghĩa gì so với cái uy quyền mà Klamm có được một cách thực tế trong phòng ngủ của chàng. Như vậy, ở đây xử sự hơi khinh xuất và thoải mái một chút là có thể đối lập trực tiếp với các nhà chức trách, cho nên phải thường xuyên thận trọng, trước mỗi bước đi đều phải quan sát cặn kẽ.

Cuộc gặp gỡ với trưởng thôn đã nhanh chóng xác thực sự hình dung của K. về các nhà chức trách ở đây. Trưởng thôn là một người đàn ông niềm nở, béo tốt, mày râu nhẵn nhụi, đang ốm, bị cơn thống phong hành hạ. Ông ta đón tiếp K. trên giường.

- Thế là ngài đạc điền của chúng ta ở đây rồi. - trưởng thôn nói và định nhỏm dậy chào K., nhưng không đủ sức, ông ta lại ngả người xuống gối, và chỉ vào chân mình vẻ xin lỗi. Trong căn phòng có cửa sổ nhỏ đã buông rèm, tranh tối tranh sáng, một người đàn bà thầm lặng như cái bóng mang ghế đến cho K. và để cạnh chiếc giường.

- Ngồi xuống đi, ông đạc điền, mời ông ngồi xuống, - trưởng thôn nói, - và cho tôi biết những yêu cầu của ông.

K. đọc lá thư của Klamm và nói thêm một vài ý kiến nhận xét. Chàng lại cảm thấy tiếp xúc với các nhà chức trách cực kì dễ dàng. Nhìn bề ngoài thì mọi gánh nặng đều do họ gánh vác, mọi chuyện có thể đổ lên đầu họ, người ta không bị liên lụy và tự do. Dường như trưởng thôn, theo cách của mình, cũng cảm thấy điều đó, ông ta cựa quậy khó khăn ở trên giường. Cuối cùng ông ta nói:

- Như ông thấy, ông đạc điền ạ, tôi đã biết hết việc này. Vậy mà đến bây giờ tôi vẫn chưa làm gì cả, điều đó có nguyên nhân của nó. Một phần do bệnh tật của tôi, phần khác là do ông lâu rồi không trình diện, tôi cứ tưởng ông đã bỏ việc. Nhưng bây giờ ông đã cất công trực tiếp đến tìm tôi thì tất nhiên tôi cần phải nói hết sự thật khó chịu. Như ông nói, người ta đã nhận ông làm người đạc điền nhưng chúng tôi lại không cần đến người đạc điền. Chúng tôi không biết tìm đâu ra việc làm cho ông. Biên giới lãnh địa nhỏ của chúng tôi đã được người ta đo lâu lắm rồi, tất cả đều đã được ghi trong sổ điền bạ. Sự thay đổi tài sản ít khi xảy ra ở chúng tôi, còn những tranh cãi về đường bờ ruộng thì bản thân chúng tôi phải giải quyết lấy. Thế thì chúng tôi cần người đạc điền để làm gì?

K. mặc dù không nghĩ trước về sự việc, từ đáy lòng mình chàng vẫn cứ đinh ninh rằng chàng chờ đợi sự thông báo này. Chính vì thế mà chàng có ngay câu trả lời:

- Việc này hết sức bất ngờ đối với tôi. Nó làm tiêu tan mọi tính toán của tôi. Tôi chỉ còn niềm hi vọng duy nhất rằng đây là một sự hiểu lầm.

- Rất tiếc là không phải, - trưởng thôn trả lời, - đúng như tôi đã nói.

- Nhưng việc này làm sao lại có thể như thế được? - K. kêu lên. - Tôi vượt một con đường dài vô tận không phải để bây giờ các người lại đuổi tôi về!

- Việc đó lại là chuyện khác, - trưởng thôn nói, - trong chuyện đó tôi không quyết định được, nhưng tôi có thể giải thích chuyện hiểu lầm đã xảy ra như thế nào. Trong cái văn phòng lớn như của bá tước,có thể xảy ra việc ban này cần cái này, ban kia cần cái kia, ban này không biết đến chỉ thị của ban kia, cho dù sự kiểm tra của cấp trên là hết sức chính xác nhưng thực chất lại diễn ra quá muộn, cho nên luôn luôn có thể xảy ra một sự lộn xộn nho nhỏ. Tất nhiên thường chỉ là những chuyện vặt vãnh mà thôi, tỉ như trường hợp của ông

vậy. Theo tôi biết, trong những vụ việc lớn chưa hề xảy ra lỗi lầm, nhưng trong những vụ việc không đáng kể thỉnh thoảng lại xuất hiện sai lầm nghiêm trọng. Trường hợp của ông, tôi sẵn sàng kể lại cho ông toàn bộ sự việc đã xảy ra như thế nào mà không cần giấu giếm - tôi chưa đủ tư cách là một viên chức để làm việc đó, tôi chỉ là một nông dân giản dị, và tôi cũng sẽ là nông dân mà thôi. Cách đây đã lâu rồi, khi tôi mới làm việc được vài tháng thì có nhận được một thông báo, tôi không còn nhớ là từ ban nào gửi, trong đó các vị ấy theo tác phong dứt khoát thường thấy đã cho tôi biết là họ nhận người đạc điền, và làng phải có sẵn những đồ án và những ghi chép cần thiết. Bản thông báo ấy tất nhiên không liên quan đến ông, bởi vì việc đó đã xảy ra cách đây lâu lắm rồi, tôi đã chẳng còn nhớ đến nếu không bị ốm, khi nằm trên giường thì có quá nhiều thời gian và hay nghĩ ngợi về đủ mọi thứ việc. Mici à, - ông ta nói với người đàn bà đang lăng xăng đi đi lại lại một cách khó hiểu trong phòng, đột ngột cắt ngang câu chuyện của mình, - nhờ em tìm hộ xem, may ra em thấy tờ thông báo ở trong tủ. Chả là bản thông báo ấy có từ thời kì đầu, lúc ấy cái gì tôi cũng cất cẩn thận - ông ta quay lại phía K. có ý giải thích.

Người đàn bà mở tủ, K. và trưởng thôn cùng nhìn vào. Cái tủ nhét đầy các loại giấy tờ. Khi người đàn bà mở tủ, hai tập hồ sơ lớn quấn lại thành hai tập giấy khổng lồ được bó làm một như người ta bó củi khô, truồi ra làm bà ta hoảng hốt nhảy sang một bên.

- Ở dưới ấy, ở dưới ấy, - trưởng thôn nói, từ giường ông ta hướng dẫn vợ đang ôm cả bó hồ sơ và ngoan ngoãn lôi tất cả mọi thứ khỏi cái tủ để có thể lấy được những giấy tờ nằm ở phía dưới. Số giấy tờ la liệt đó đã phủ kín nửa căn phòng.

- Chúng tôi đã làm việc nhiều, - trưởng thôn gật đầu nói, - đây chỉ là một phần nhỏ trong số các giấy tờ mà thôi. Những giấy tờ có giá trị ở trong kho, thực ra một phần lớn đã bị mất. Ai mà giữ hết những thứ này được! Nhưng số giấy tờ còn lại ở

ngoài kia là đáng kể. Em có tìm thấy tờ thông báo đó không? - Ông ta lại quay về phía vợ. - Em cần phải tìm tập hồ sơ trên đó đề chữ "Người đạc điền" có gạch dưới màu xanh.

- Ở đây tối quá, để em mang đến một ngọn nến, - bà vợ nói rồi rờ rẫm trên các loại giấy tờ đi ra khỏi phòng.

- Vợ tôi giúp đỡ tôi nhiều lắm trong công việc giấy tờ này, một công việc tôi chỉ làm phụ thêm. Tôi còn có một người giúp ghi chép là ông giáo, thế mà vẫn không tài nào làm hết việc, luôn luôn có nhiều giấy tờ không được giải quyết, tập hợp dồn lại trong cái thùng ở kia, - ông trưởng thôn nói và chỉ vào một cái tủ khác. - Bây giờ tôi ốm nên công việc càng bề bộn hơn. - Nói rồi ông ta ngã người ra sau một cách mệt mỏi nhưng tự hào.

- Tôi có thể giúp đỡ vợ ông được không? - K. hỏi khi bà vợ quay lại với cái nến và tiếp tục quỳ xuống cạnh tủ để tìm tờ thông báo.

Ông trưởng thôn lắc đầu cười.

- Như tôi đã nói, tôi không có gì bí mật đối với ông, nhưng chưa đến mức để cho phép ông lục soát các tập hồ sơ.

Trong phòng bây giờ yên tĩnh, chỉ còn tiếng giấy tờ loạt xoạt, ông trưởng thôn có lẽ đã chợp mắt được một tí. Có tiếng gõ cửa nhẹ, K. quay lại: tất nhiên họ là những người giúp việc của chàng. Dù sao họ đã được chàng dạy cho tí chút, họ không xông vào phòng ngay, mà chỉ nói thầm qua cánh cửa mở chừng gang tay:

- Ở ngoài này chúng tôi lạnh lắm.

- Ai đấy? - trưởng thôn choàng tỉnh, hỏi.

- Những người giúp việc của tôi. Tôi không biết phải bảo họ đợi ở đâu, ở ngoài đó họ bị lạnh, mà ở trong này thì họ làm phiền chúng ta, - K. trả lời.

- Họ không quấy rầy tôi, - trưởng thôn nói một cách thân mật, - ông cứ để họ vào đây, tôi quen các cậu ấy mà. Họ là những người quen cũ của tôi.

- Nhưng họ là gánh nặng đối với tôi, - K. nói thẳng thừng, không chút bóng gió và chàng hết nhìn những người giúp việc lại nhìn trưởng thôn, sau đó ánh mắt chàng lại lướt từ trưởng thôn đến những người giúp việc, chàng thấy cùng một nụ cười ở cả ba gương mặt. - Các anh đã ở đây thì cứ ở lại và giúp phu nhân trưởng thôn tìm tập hồ sơ có chữ "Người đạc điền" gạch màu xanh ở dưới.

Trưởng thôn không phản đối. Việc mà K. không được phép làm thì những người giúp việc của chàng lại được phép. Ngay lập tức lao vào đống giấy tờ, họ bới tung lên thì đúng hơn là tìm kiếm, hễ ai trong họ nhặt được một tờ tài liệu gì là liền bị người kia giật khỏi tay. Bà vợ quỳ trước chiếc tủ trống, và hình như không tìm gì cả, ít ra thì ngọn nến ở cách bà ta quá xa.

- Tóm lại những người giúp việc là gánh nặng của ông, vậy mà họ vẫn cứ là những người giúp việc của ông đấy! - trưởng thôn nói với nụ cười tự mãn như thể mọi việc xảy ra theo sự xếp đặt của ông ta, chỉ có điều chưa có ai biết về điều đó cả.

- Không, họ chỉ bám theo đuôi tôi ở đây, - K. nói vẻ lạnh nhạt.

- Sao họ chỉ bám theo đuôi? - trưởng thôn hỏi. - Chắc là ông muốn nói rằng, người ta phân công họ giúp đỡ ông ở đây?

- Được rồi, cứ cho là người ta phân công họ giúp đỡ tôi ở đây, nhưng cứ như từ trên trời rơi xuống vậy, thật là một sự phân công thiếu suy nghĩ, - K. nói.

- Ở đây không có việc gì xảy ra thiếu suy nghĩ cả, - trưởng thôn nói, và quên cả đau chân, ông ta ngồi dậy.

- Không có việc gì thiếu suy nghĩ ư? Vậy việc nhận tôi vào đây là thế nào? - K. nói.

- Người ta đã cân nhắc kĩ lưỡng việc nhận ông, - trưởng thôn nói. - Nhưng chỉ vì hoàn cảnh không thuận lợi mà thôi, tôi sẽ chứng minh điều này cho ông qua hồ sơ, tài liệu.

- Nhưng sẽ không tìm thấy các hồ sơ, - K. nói.

- Không tìm thấy à? - trưởng thôn kêu lên. - Mici, em cố gắng tìm nhanh nhanh lên một tí! Tuy nhiên không có hồ sơ

tôi vẫn có thể nói cho ông biết cái gì đã xảy ra. Chúng tôi đã cảm ơn và trả lời về cái tờ thông báo mà tôi vừa nhắc tới rằng chúng tôi không cần đến người đạc điền nào cả. Nhưng có lẽ chúng tôi đã không trả lời đúng cho phòng A, ta gọi như vậy, mà lại nhầm sang một phòng khác, phòng B. Như vậy phòng A không hề nhận được trả lời, nhưng rất tiếc ngay cả phòng B cũng không nhận được câu trả lời trọn vẹn của chúng tôi, bởi vì cho dù hồ sơ mắc kẹt ở chỗ chúng tôi, hoặc trên đường đi bị mất (tôi có thể cam đoan là ở các phòng ban không thể nào mất được), sự thật là chỉ có phần ngoài đề địa chỉ phòng B là đến được, mà trong thực tế, rất tiếc tập hồ sơ đã mất lại nói về việc nhận người đạc điền. Trong lúc đó, phòng A vẫn cứ đợi trả lời, và đã có những báo cáo lên trên về sự việc đó. Có điều chuyện đó, cũng dễ hiểu thôi, và chẳng phải chỉ xảy ra một lần, ngay cả khi giải quyết các vụ việc quan trọng hơn vẫn có thể xảy ra. Viên chức nắm việc này đã ủy thác cho chúng tôi và tin chắc là trước sau chúng tôi sẽ trả lời, và lúc đó ông ta sẽ nhận người đạc điền, hoặc nếu thấy cần thiết thì sẽ tiếp tục trao đổi thư từ với chúng tôi. Chính vì vậy mà ông ta đã không để tâm đến những đề nghị trước đây và toàn bộ sự việc đã bị quên lãng. Ở phòng B, một viên chức người Ý tên là Sortini nổi tiếng là người có lương tâm, đã nhận được bọc ngoài có ghi địa chỉ của tập hồ sơ. Chính tôi cũng không hiểu, dẫu rằng tôi là người hiểu biết, rằng sao lại có thể để người có năng lực như vậy ở một vị trí tầm thường như thế. Anh chàng Sortini này tất nhiên đã gửi trở lại cho chúng tôi bọc hồ sơ rỗng để bổ sung thêm. Có điều là từ khi có tờ thông báo đầu tiên của phòng A thì nhiều tháng đã trôi qua, nếu không phải là nhiều năm; nếu một tập hồ sơ được chuyển đi tử tế thì chậm nhất trong một ngày là đến phòng nó phải đến, và ngay ngày hôm đó đã được giải quyết. Còn nếu nó đi nhầm đường, thì với sự ưu việt của bộ máy hành chính nó cần phải hăng hái tìm ra con đường nhầm, nếu vẫn không tìm thấy, thì sự việc kéo dài là tất nhiên thôi. Vì vậy nên sau khi được Sortini

lưu ý thì chúng tôi không còn nhớ rõ ràng toàn bộ vụ việc, lúc ấy chỉ có hai chúng tôi, Mici và tôi, thực hiện mọi công việc, vì người ta chưa phân công thầy giáo làm việc với tôi. Chúng tôi thường chỉ giữ lại các bản sao về những vụ việc quan trọng nhất. Tóm lại lúc ấy chúng tôi chỉ có thể trả lời một cách không dứt khoát trong ý nghĩa là chúng tôi không biết về việc giao kèo với người đạc điền, và chúng tôi không cần người đạc điền. Nhưng mà, - trưởng thôn bỏ dở câu chuyện, như thể vì quá hăng mà ông ta đã đi quá xa, hoặc ít ra thì cũng có thể ông ta sẽ đi quá xa. - Câu chuyện này không làm ông chán chứ?

- Không, - K. trả lời. - Tôi tiêu khiển thì đúng hơn.

Nghe thế trưởng thôn nói:

- Không phải tôi kể cho ông để ông tiêu khiển.

- Ông chỉ làm tôi tiêu khiển ở chỗ ông cho một cái nhìn thoáng qua cái mớ hỗn độn buồn cười đã quyết định cuộc đời của một con người giữa những hoàn cảnh nhất định, - K. nói.

- Tạm thời ông chưa có được cái nhìn thoáng qua nào cả, - trưởng thôn nói nghiêm chỉnh, - và tôi có thể tiếp tục câu chuyện. Làm sao mà sự trả lời của chúng tôi có thể làm cho anh chàng Sortini yên tâm được! Tôi rất cảm phục con người này, mặc dù anh ta chỉ gây ra khổ sở cho tôi. Anh ta nghi ngờ tất cả mọi người, chẳng hạn dù anh ta đã có nhiều dịp để thấy rõ sự đáng tin cậy một cách vô điều kiện của ai đó thì một dịp khác gần nhất anh ta lại không tin người đó, cứ như thể anh ta không hề quen biết, hoặc đúng hơn như quen một kẻ cha căng chú kiết vậy. Tôi công nhận là một công chức cần phải xử sự như thế, rất tiếc bản tính tôi lại khác, tôi không thể làm theo nguyên tắc này được, như ông có thể thấy đó, mặc dù ông là người lạ, tôi cũng cứ bộc bạch hết với ông, đơn giản là vì tôi không thể làm khác được. Sự trả lời của chúng tôi đã làm trỗi dậy nỗi nghi ngờ trong lòng Sortini, và thế là bắt đầu cuộc trao đổi thư từ giữa chúng tôi. Sortini đã hỏi rằng tại sao tôi nghĩ ngay là không cần nhận người đạc điền. Nhờ trí nhớ

tuyệt vời của Mici, tôi đã trả lời rằng bước đầu tiên trong chuyện này được gợi lên từ phía văn phòng. Tất nhiên, về chuyện công văn do phòng khác chuyển đến thì chúng tôi đã quên từ lâu. Sortini hỏi: tại sao chỉ bây giờ tôi mới nhắc đến tờ công văn này; tôi nói: vì bây giờ tôi mới biết; Sortini nói rằng đây là điều cực kì đáng kinh ngạc; tôi nói: một vụ việc kéo dài đã lâu như thế thì không có gì là đáng kinh ngạc cả; Sortini nói: kinh ngạc chứ, vì rằng làm gì có cái tờ công văn mà tôi nhắc đến; tôi nói: tất nhiên là không có vì cả tập hồ sơ đã bị mất; Sortini nói: thì ít ra cũng phải có sự ghi chép liên quan đến tờ công văn đầu tiên chứ, nhưng cái đó cũng không có nốt. Đến đây thì tôi bí, bởi vì tôi không dám quả quyết và tin rằng có thể đã xảy ra sai lầm gì đó ở phòng của Sortini. Còn ông, ông đạc điền, có lẽ trong ý nghĩ ông trách Sortini, vì theo như sự khẳng định của tôi thì ít ra Sortini đã phải dò hỏi thêm các phòng ban khác về việc đó. Có điều làm như vậy là không đúng, và tôi không muốn ở con người đó, cũng như trong ý nghĩ của ông có bất kì vết gì vẩn đục. Nguyên tắc cơ bản trong công việc của các nhà chức trách là không tính đến các khả năng sai lầm. Và tổ chức tuyệt vời của bộ máy hành chính đã chứng thực nguyên tắc cơ bản đó, và không thể thiếu nó nếu như người ta muốn tiến hành giải quyết công việc một cách nhanh nhất. Với những chuyện như thế, Sortini không được dò hỏi ở các phòng ban khác, mà những phòng ban ấy cũng không trả lời cho anh ta đâu, bởi vì họ nhận ra ngay rằng đó chỉ là chuyện làm sáng tỏ một sai sót tình cờ.

- Thưa trưởng thôn, ông cho phép tôi được nêu một câu hỏi, - K. nói, - có phải vừa rồi ông đã nhắc đến ban thanh tra nào đó? Cứ theo suy nghĩ của ông thì mọi việc diễn ra mà không có sự giám sát thì người ta phát ốm lên mất.

- Ông quá nghiêm khắc đấy, - trưởng thôn nói, - nhưng ông cứ nghìn lần nghiêm khắc hơn thì vẫn chưa là gì cả so với sự nghiêm khắc của các nhà chức trách đối với bản thân. Một kẻ hoàn toàn xa lạ và ngờ nghệch thì mới đặt những câu hỏi như

thế. Rằng có chăng những nhà thanh tra ư? Vâng, ở đây đâu cũng có ban thanh tra hết. Tất nhiên công việc của họ không phải là tìm kiếm những sai sót xảy ra trong ý nghĩa thông thường của từ thanh tra, bởi vì lỗi lầm không xảy ra, mà nếu có xảy ra những thiếu sót như trong trường hợp của ông thì ai có thể nói dứt khoát rằng quả thật đó là thiếu sót?

- Đây là chuyện hoàn toàn mới! - K. kêu lên.

- Đối với tôi thì lại quá cũ rồi, - trưởng thôn nói. - Tôi cũng nghĩ gần như ông rằng có sai sót xảy ra, và vì thế mà Sortini đã phát ốm nặng vì tuyệt vọng, các văn phòng thanh tra cấp một cũng đã công nhận khuyết điểm là ở đây, nhờ họ mà chúng ta biết được nguồn gốc khuyết điểm nữa. Nhưng ai có thể quả quyết rằng các văn phòng thanh tra cấp hai, cấp ba và những người khác cũng đều cho là như thế?

- Được rồi, - K. nói, - tôi không muốn dính vào những chuyện đắn đo, cân nhắc kiểu đó, tuy nhiên lần đầu tiên tôi được nghe về các văn phòng thanh tra này, và dĩ nhiên tôi chưa hiểu được họ. Tôi nghĩ, ở đây phải phân biệt hai việc: một mặt có việc đang xảy ra ở các công sở, mặt khác tôi đang có mặt ở đây, hiện diện là tôi, một người đứng ngoài công sở mà lại chịu sự xúc phạm từ các công sở, một điều vô lí mà tính chất hệ trọng của nó tôi vẫn chưa tin. Việc đầu tiên có lẽ tình hình đúng như ngài đã nói, với một sự hiểu biết đặc biệt đến là kinh ngạc, còn bây giờ tôi chỉ muốn nghe vài lời về bản thân mình.

- Rồi tôi cũng sẽ đề cập đến việc đó, - trưởng thôn nói, - nhưng ngài sẽ không hiểu nếu tôi chưa nói một vài chuyện. Việc nhắc đến các ban thanh tra là quá sớm. Tôi trở lại cuộc tranh luận với Sortini vậy. Như tôi đã nói, sự chối cãi của tôi đã trở nên yếu ớt, còn Sortini nếu có được một tí lợi thế khi đối diện với ai thì tức là anh ta chiến thắng, vì cùng một lúc sự chú ý và tính cương quyết, sự lạnh lùng của anh ta được tăng lên nhiều lần. Anh ta quả là người đáng gờm đối với kẻ bị tấn công, và đối với những đối thủ bị tấn công thì đấy là

cảnh tượng lí thú. Sở dĩ tôi biết được những điều này mà báo cho ông là vì trong những trường hợp khác tôi đã có thể tham gia vào cảnh tượng lí thú đó. Tuy vậy, tôi chưa bao giờ được tận mắt nhìn thấy Sortini. Công việc cứ chồng chất lên đầu đến mức anh ta không thể xuống làng được. Người ta kể cho tôi rằng những cột hồ sơ chất đống nằm ngổn ngang bao bọc lấy những bức tường của căn phòng anh ta. mà đấy chỉ mới là những hồ sơ hiện tại anh ta đang cần đến. Do người ta thường xuyên rút ở chỗ này hoặc thêm vào chỗ kia một tờ công văn và tất cả những việc này đã xảy ra hết sức vội vàng, nên những cột giấy kia cứ liên tục đổ ập xuống. và trong phòng của Sortini không ngừng có tiếng sụp đổ của những chồng hồ sơ tiếp nối nhau nhanh chóng. Bây giờ Sortini là người làm việc không biết mệt mỏi, việc nhỏ nhất cũng được anh ta quan tâm lo lắng như là việc lớn nhất vậy.

- Thưa trưởng thôn. ông cứ nhấn mạnh rằng việc của tôi là một trong những việc nhỏ nhất thế mà nó chiếm nhiều thời gian của các nhà chức trách, và lúc đầu việc của tôi dù không đáng kể thì với lòng tận tâm của những người như Sortini nó đã trở nên một vụ việc lớn. Rất tiếc, điều đó trái với ý định của tôi. bởi vì không phải tính hiếu danh của tôi làm xuất hiện và gây ra sự sụp đổ của các cột hồ sơ đồ sộ, tóm lại tôi chỉ muốn được yên ổn làm việc bên một chiếc bàn nhỏ như một người đạc điền vô danh tiểu tốt. - K. nói.

- Không, - trưởng thôn nói, - nói chung vụ này không phải là lớn. Về mặt này ông không có lí do để than vãn. giữa những việc vặt vãnh thì việc của ông là một trong những việc nhỏ nhặt nhất. Tầm vóc vụ việc không phải do phạm vi của công việc quyết định, nếu ông nghĩ như thế thì còn lâu ông mới hiểu được bộ máy hành chính của chúng tôi. Mà nếu như xem xét về khối lượng công việc thì trường hợp của ông cũng chỉ là một trong những trường hợp nhỏ nhất; trong những trường hợp thông thường. nghĩa là khi không xảy ra cái gọi là sai lầm thì tất nhiên càng đòi hỏi công việc phải

khẩn trương và hiệu quả hơn. Hơn nữa ông chưa biết về thực chất công việc mà vụ việc của ông gây ra, và bây giờ tôi muốn thông báo cho ông về điều đó. Tạm thời, Sortini bỏ tôi ở ngoài cuộc, chỉ có các nhân viên của anh ta thường xuyên đến chỗ tôi, và liên tục ngày nào họ cũng gọi những người được kính trọng trong làng đến quán Ông chủ để tra hỏi và ghi biên bản. Phần đông họ đứng về phía tôi, nhưng cũng có một vài người bướng bỉnh. Vấn đề đạc điền thì liên quan thiết thực, gần gũi đến tất cả nông dân, họ đánh hơi thấy sự thỏa thuận bí mật và điều bất hợp pháp gì đó, hơn nữa họ còn tìm ra người đứng đầu của mình, và trên cơ sở những điều nông dân thổ lộ, Sortini vẫn tin chắc rằng nếu như tôi đưa sự việc ra trước Hội đồng làng thì không phải tất cả mọi người đã bỏ phiếu phản đối việc nhận người đạc điền. Như vậy, hiển nhiên là việc không cần đến người đạc điền, ít ra vẫn còn là vấn đề chưa rõ ràng dứt khoát. Trong những việc này nổi bật nhất là anh chàng Brunswick, anh rể của Laseman (chưa chắc ông quen anh ta), có lẽ anh ta không phải là người xấu, mà chỉ là kẻ ngu ngốc và hay ảo tưởng.

- Có phải anh rể của ông thợ thuộc da không? - K. hỏi và mô tả người có bộ râu quai nón mà chàng đã nhìn thấy ở nhà Laseman.

- Chính anh ta đấy, - trưởng thôn nói.

- Tôi cũng quen vợ anh ta, - K. nói hú họa.

- Có thể, - trưởng thôn nói và im lặng.

- Chị ấy đẹp lắm, - K. nói, - chỉ tội hơi xanh xao, ốm yếu. Chị ấy là người của Lâu đài?

Chàng nói nửa như hỏi. Trưởng thôn liếc nhìn đồng hồ, ông ta cho thuốc vào chiếc thìa và nuốt ực luôn.

- Trong Lâu đài hình như ông chỉ biết cái cơ cấu bộ máy văn phòng thì phải! - K. hỏi gay gắt.

- Vâng, - trưởng thôn trả lời, với nụ cười mai mỉa nhưng hiền lành. - Vì chính đó là cơ quan quan trọng nhất. Bây giờ nói về Brunswick, nếu như đuổi anh ta ra khỏi địa phương thì

chúng tôi ai cũng đều hạnh phúc, Laseman cũng hạnh phúc không kém. Nhưng đồng thời, Brunswick cũng ít nhiều có ảnh hưởng, tuy anh ta không phải là diễn giả, nhưng lại to mồm, mà có người chỉ cần bấy nhiêu thôi là đủ. Như vậy sau đó tôi đành phải đưa vụ việc ra trước Hội đồng làng, và đấy cũng là thành công duy nhất của Brunswick, bởi vì tất nhiên ở Hội đồng phần lớn người ta không muốn nghe về bất kì người đạc điền nào cả. Chuyện này xảy ra đã nhiều năm rồi, nhưng vụ việc sau thời gian dài vẫn chưa yên, một mặt vì lòng nhiệt tâm của Sortini, anh ta quá lo lắng muốn điều tra động cơ của số đông những người chống đối; mặt khác do sự ngu ngốc và tính nhiễu sự của Brunswick, bằng những chuyện bịa đặt hắn liên tiếp tác động đến các nhà chức trách mà hắn có quan hệ. Tất nhiên là Brunswick không bịp được Sortini, làm sao một kẻ như Brunswick có thể lừa bịp được Sortini kia chứ! Nhưng để tránh sự lừa bịp đó, thì lại cần mở những cuộc điều tra. Trước khi những cuộc điều tra đó kết thúc, Brunswick lại bịa ra một cái gì đó mới, vì hắn là một người rất hay gây gổ và ngu ngốc. Còn bây giờ tôi muốn nhắc tới một đặc điểm của bộ máy hành chính của chúng tôi: nó chính xác bao nhiêu thì cũng nhạy cảm bấy nhiêu. Nếu người ta xem xét rất lâu một việc nào đó thì trước khi xem xét xong, đột nhiên trong nháy mắt ở một cấp bất ngờ nhất - về sau đố có thể biết được là cấp nào - bỗng đưa ra một quyết định, mặc dù không phải bao giờ cũng đúng, nhưng đó là quyết định cuối cùng, kết thúc vụ việc. Dường như bộ máy văn phòng không chịu đựng được sự căng thẳng kéo dài nhiều năm mà thực chất vẫn là do một vụ việc có lẽ không có gì đáng kể gây ra, và nó đã tự động, không có sự tham gia của các nhân viên, kết thúc vụ việc. Tất nhiên không phải chuyện gì phi thường, mà chỉ là một viên chức nào đó đã thảo ra văn bản kết luận vụ việc, hoặc thậm chí chưa viết thành văn bản, và không thể xác định được ít ra là ở chỗ chúng tôi, mà cũng có thể là cả ở văn phòng, nhà chức trách nào đã đưa ra quyết định và dựa trên cơ sở nào. Việc đó rồi

đây các tổ chức thanh tra sẽ xác nhận sau, chúng tôi không được biết về nó, tuy nhiên đến lúc đó thì chẳng còn ai quan tâm đến nữa. Như tôi đã nói, phần lớn những quyết định này là hay, chỉ có điều rắc rối là do tính chất của sự việc, chúng tôi được biết về các quyết định quá ư là muộn, cho nên về những vụ việc đã được quyết định từ đời tám hoánh nào rồi vẫn diễn ra tranh luận sôi nổi. Tôi không biết trong trường hợp của ông có xảy ra quyết định kiểu đó không. Có quyết định ủng hộ, có quyết định phản đối, nhưng nếu có quyết định thì người ta mới gửi giấy mời cho ông; và ông mới đến đây sau một cuộc hành trình dài, mất nhiều thời gian như thế, trong khi đó, ở đấy Sortini vẫn làm việc đến kiệt sức vì chính việc đó của ông, và Brunswick vẫn tiếp tục âm mưu, thủ đoạn, cả hai tiếp tục hành hạ tôi. Tôi nhắc đến khả năng này chính là vì tôi biết chắc chắn rằng bỗng nhiên ban thanh tra đã phát hiện thấy nhiều năm trước đây từ phòng A người ta đã hỏi về việc nhận người đạc điền, vậy mà vẫn chưa được trả lời. Người ta lại dò hỏi ở chỗ tôi, và bây giờ thì tất nhiên toàn bộ sự việc đã rõ ràng, phòng A bằng lòng với sự trả lời của tôi, rằng đúng là không cần đến người đạc điền, Sortini thì phải công nhận là trong chuyện này anh ta không có thẩm quyền, và tất nhiên vô tình là anh ta đã làm nhiều việc vô bổ, căng thẳng thần kinh. Nếu qua việc này mà không dồn lại từ nhiều phía những công việc mới mẻ không kể xiết, nếu như vụ việc của ông đã không phải là việc hoàn toàn nhỏ nhặt, chúng tôi có thể nói một cách yên tâm rằng đó là chuyện nhỏ nhặt nhất giữa những chuyện nhỏ nhặt, tất cả chúng tôi đã thở phào nhẹ nhõm, tôi nghĩ ngay cả Sortini cũng thế. Chỉ có Brunswick là cáu kỉnh, nhưng chuyện đó chỉ buồn cười. Ông thử tưởng tượng, ông đạc điền, sự thất vọng của tôi giờ đây, sau khi toàn bộ vụ việc đã may mắn kết thúc, sau một thời gian đã qua, ông đột ngột xuất hiện, và có vẻ là tất cả bắt đầu lại từ đầu. Chắc là ông hiểu quyết định sắt đá của tôi, trong phạm vi giải quyết của mình, tôi không cho phép điều đó xảy ra đâu.

- Vâng, - K. nói, - tôi còn hiểu một điều hơn cả điều đó, rằng ở đây đang diễn ra sự lạm dụng khủng khiếp đối với tôi, thậm chí với cả pháp luật. Nhưng mà tôi sẽ biết mình phải chống lại việc đó ra sao.

- Ông định làm gì? - trưởng thôn hỏi.

- Tôi không thể nói ra, - K. nói.

- Tôi không dám quấy quả, - trưởng thôn nói, - mà chỉ muốn lưu ý ông rằng trong một chừng mực nhất định, ông có thể thấy ở tôi một người cộng sự làm ăn, tôi không nói là người bạn bởi vì chúng ta hoàn toàn xa lạ đối với nhau. Tôi chỉ không đồng ý để người ta nhận ông làm người đạc điền, còn về những vấn đề khác ông có thể tin tưởng đến với tôi vào bất kì lúc nào, tất nhiên là trong khuôn khổ những khả năng quyền hạn của tôi, tôi không có quyền lực gì lớn.

- Ngài cứ luôn miệng nói rằng người ta phải nhận tôi làm người đạc điền, khi trong thực tế người ta đã nhận tôi. Có thư của ngài Klamm đây, - K. nói.

- Thư của Klamm à? - trưởng thôn nói. - Thật là giá trị và đáng kính vì có chữ kí của Klamm, mà có vẻ là chữ kí của ngài thật, tuy nhiên..., nhưng trong vấn đề này tôi không dám nhận xét một mình. Mici! Các người làm gì đấy? - ông ta gọi.

Mici và những người giúp việc từ nãy đến giờ không được để ý tới, hình như không tìm thấy tờ công văn cần tìm, định cất tất cả tài liệu trở lại tủ nhưng không thành công, họ không cất xuể một khối lượng tài liệu đã đổ ra vung vãi, ngổn ngang. Khi ấy những người giúp việc mới nảy ra sáng kiến và họ thực hiện sáng kiến đúng vào lúc trưởng thôn gọi: Họ đặt cái tủ nằm xuống đất và nhồi nhét toàn bộ đống hồ sơ tài liệu vào đó, rồi cùng với Mici ngồi lên những cánh cửa tủ thử ấn chúng vào từ từ.

- Tóm lại là không tìm thấy tập hồ sơ, - trưởng thôn nói. - Đáng tiếc, nhưng ông đã biết rõ câu chuyện rồi, thực ra chúng ta không cần đến tập tài liệu nữa. Tuy nhiên chắc chắn chúng tôi sẽ tìm ra, có lẽ nó nằm ở chỗ ông giáo, còn có rất nhiều tài

liệu ở chỗ ông ta. Mici mang nến lại đây em, chúng ta phải đọc lá thư này.

Mici bước đến, giờ đây trông bà ta càng xám xịt và không có gì đáng nói hơn khi ngồi trên mép giường, nép vào người đàn ông gân guốc, đầy sức sống đang ôm bà. Chỉ có khuôn mặt nhỏ nhắn của bà hiện ra trong ánh nến với những đường nét trong sáng và nghiêm nghị mà tuổi già đã làm cho dịu bớt. Vừa nhìn vào lá thư bà liền chắp tay lại.

- Thư của Klamm, - bà nói.

Sau đó họ cùng đọc lá thư, và thì thầm với nhau mất một lúc, cuối cùng, khi những người giúp việc reo lên ầm ĩ vì rốt cuộc đã ấn được cánh tủ vào. Mici liếc nhìn về phía họ với vẻ biết ơn thầm lặng, và ngài trưởng thôn nói:

- Mici hoàn toàn chung ý kiến với tôi, cho nên tôi có thể mạnh dạn nói ra suy nghĩ của mình. Lá thư này không phải là công văn chính thức mà chỉ là một lá thư riêng. Điều này đã thể hiện một cách không thể hiểu nhầm ở ngay cách xưng hô. "Thưa Ngài rất tôn kính". Hơn nữa, trong thư cũng không mảy may có một lời nào quả quyết rằng người ta đã nhận ông làm người đạc điền, họ chỉ nói chung chung về sự phục vụ bá tước, mà cả điều này họ cũng không nói gì rõ ràng, chỉ nói là đã nhận ông "như ngài đã biết", tức là ông phải chứng minh rằng người ta đã nhận ông. Về mặt hành chính chỉ có tôi là người duy nhất được người ta bảo ông tìm đến như một thượng cấp trực tiếp của ông và tôi sẽ chỉ ra những gì tiếp theo. Tôi xin báo để ông biết: việc đó, bây giờ phần nào đã được thực hiện. Ông đang đứng trước một người hiểu được các công văn chính thức, do đó càng hiểu hơn những lá thư không chính thức, tất cả điều này rõ hơn cả mặt trời. Cố nhiên tôi không ngạc nhiên là ông không thấy được điều đó, vì ông là người lạ. Tựu trung lại, lá thư không nói gì khác hơn việc Klamm, với tư cách cá nhân, sẵn sàng quan tâm tới ông trong trường hợp người ta nhận ông vào phục vụ cho bá tước.

- Ngài phân tích lá thư mới sắc sảo làm sao, thưa trưởng thôn, - K. nói, - rốt cuộc thì trong đó không có gì khác hơn một chữ kí trên một tờ giấy trống rỗng. Ngài không nhận thấy rằng, với việc đó, ngài đã coi thường tên tuổi của Klamm mà ngài vẫn bảo là kính trọng?

- Nói thế là một sự nhầm lẫn, - trưởng thôn nói. - Tôi không hề hiểu sai ý nghĩa của lá thư, và cũng không hạ thấp ông ấy bằng việc phân tích lá thư, mà ngược lại. Lá thư riêng của Klamm tất nhiên có ý nghĩa lớn hơn nhiều so với một tờ công văn chính thức, chỉ có điều lá thư này không có được cái ý nghĩa mà ông gán cho nó.

- Ngài có quen Schwarzer không? - K. hỏi.

- Không, - trưởng thôn trả lời. - Mici, chắc là em quen ông ấy chứ? Em cũng không quen à. Thế thì không, chúng tôi không quen ông ấy.

- Tôi ngạc nhiên đấy, - K. nói, - anh ấy là con trai của một trong những người giúp việc quan phòng thành.

- Ông đạc điền thân mến ạ, làm sao tôi có thể quen biết hết con trai của tất cả các người giúp việc quan phòng thành kia chứ! - trưởng thôn nói.

- Được rồi, - K. nói, - thế thì ngài phải tin điều tôi vừa nói. Ngay hôm tôi mới đến đã xảy ra va chạm nhỏ với anh chàng Schwarzer. Lúc đó, qua điện thoại anh ta có hỏi một người giúp việc quan phòng thành tên là Fritz, và được biết rằng người ta đã nhận tôi làm người đạc điền. Ngài giải thích việc này thế nào, thưa trưởng thôn?

- Rất đơn giản thôi, - trưởng thôn trả lời, - ông chưa bao giờ có quan hệ với các nhà chức trách của chúng tôi. Những cuộc tiếp xúc ấy chỉ là giả tạo, nhưng vì thiếu hiểu biết, ông lại tưởng là thật. Còn điện thoại thì, ông thấy đấy, tôi không có điện thoại, vậy mà trong thực tế tôi có tương đối nhiều việc với các nhà chức trách. Trong các quán rượu, và ở những nơi tương tự, điện thoại còn có thể được dùng như một cái máy phát nhạc, không hơn không kém. Ông đã gọi điện thoại ở đây

các cuộc nói chuyện qua điện thoại; trong tôi luôn có một niềm tin là chỉ có cái mà ta biết hoặc đạt được ở ngay trong Lâu đài thì mới có ý nghĩa đích thực.

- Không, - trưởng thôn nói. - Những cuộc nói chuyện điện thoại cũng rất có ý nghĩa. Làm sao một sự thông báo do một viên chức nói ra từ Lâu đài lại không có ý nghĩa? Mà điều này tôi đã giải thích cho ông qua chuyện lá thư của Klamm: những lời như vậy không có ý nghĩa chính thức trực tiếp, nếu ông nghĩ như vậy thì ông nhầm rồi, nhưng trong quan hệ riêng tư, theo hướng thân thiện hay thù địch, chúng cũng đều có ý nghĩa lớn hơn nhiều so với tầm quan trọng chính thức mà nói chung chúng có thể có được.

- Đúng, - K. nói. - Chúng ta giả thiết tất cả những việc này là như vậy thì theo đó tôi có vô khối bạn bè ở trong Lâu đài. Nếu chúng ta xem xét kĩ hơn sự việc, thời kì đó, nhiều năm trước đây, cái phòng mà ngài đã nói ấy mới có sáng kiến là lúc nào đó có thể mời một người đạc điền, thực chất đó là cử chỉ thân thiện đối với tôi, rồi tiếp sau đó, phòng này làm theo phòng kia cho đến khi họ - điều này quả là tồi tệ - đã lừa tôi đến đây, để bây giờ lại đe dọa tống khứ tôi đi.

- Trong quan niệm này của ông có một phần sự thật đấy, - trưởng thôn nói. - Ông nói đúng rằng không nên hiểu những ý kiến của Lâu đài theo nghĩa đen. Nhưng nơi nào mà chẳng cần đến sự thận trọng, không chỉ ở đậy, nhất là trước một ý kiến càng quan trọng thì lại chàng phải thận trọng. Còn việc lừa ông đến đây mà ông vừa nói, quả là tôi không hiểu. Nếu ông chú ý hơn những điều tôi đã giải thích, thì ông cần phải biết rằng vấn đề mời ông đến đây là một việc phức tạp hơn nhiều nên chúng ta không thể phân tích hết được trong một cuộc trao đổi ngắn ngủi.

- Từ những việc trên có thể rút ra kết luận cuối cùng là toàn bộ vụ việc này, ngoài chuyện đuổi tôi đi, là cực kì mập mờ và phức tạp, - K. nói.

- Ai dám đuổi ông, ông đạc điền? - trưởng thôn hỏi. - Chính

sự mập mờ của những dữ kiện ban đầu bảo đảm cho ông sự đối xử lịch thiệp nhất có thể có. Ông có vẻ nhạy cảm quá đấy - không ai giữ ông ở đây, nhưng điều đó vẫn chưa thể gọi là đuổi ông đi.

- Ồ, thưa ngài trưởng thôn, - K. nói, - bây giờ lại đến lượt ngài nhìn sự việc quá ư là đơn giản. Tôi nêu lên cho ngài một vài việc đã giữ tôi ở lại đây, đó là sự hi sinh mà tôi phải chịu khi bỏ nhà đến đây, là cuộc hành trình kéo dài, vất vả, là những hi vọng của tôi về việc người ta nhận mình, là sự túng thiếu, là sự bất lực trong chuyện tìm việc làm phù hợp bây giờ, ở nhà; và cuối cùng không kém phần quan trọng: vợ chưa cưới của tôi là người ở đây.

- À, Frida, - trưởng thôn nói, không hề tỏ ra bị bất ngờ. - Tôi biết. Nhưng cô Frida sẽ đi với ông khắp nơi. Còn những việc khác, tất nhiên cần phải tiếp tục suy nghĩ, tôi sẽ thông báo vào Lâu đài nữa. Nếu có quyết định gì đó, hoặc nếu thấy cần phải nghe ông trước một lần nữa thì tôi sẽ cho mời ông đến. Được không?

- Không được, - K. nói, - hoàn toàn chưa ổn. Tôi không cần Lâu đài ban cho món quà thương hại, mà tôi cần có được tất cả theo các quyền của tôi.

- Mici, - trưởng thôn nói với vợ đang ngồi nép vào người ông ta. Bà ta hờ hững gấp lá thư của Klamm thành một chiếc tàu thủy nhỏ và chơi với nó làm cho K. phải hoảng hốt lấy lại, - chân anh lại bắt đầu đau lắm rồi, cần có tấm vải chườm mới đắp lên thôi.

K. đứng dậy.

- Vậy tôi xin cáo từ, - chàng nói.

- Tốt, - Mici nói trong khi đang chuẩn bị thuốc bôi, - Gió mạnh lắm.

- K. quay lại, những người giúp việc với vẻ hăng hái không đúng chỗ, nghe chàng nói lập tức mở toang cả hai cánh cửa. Và K., để hơi lạnh đang ùa đến dày đặc không tràn ngập căn

phòng người ốm, chỉ kịp gật đầu cúi chào trưởng thôn, rồi kéo theo những người giúp việc, chàng lao ra khỏi phòng và nhanh chóng đóng cửa lại.

CHƯƠNG VI

Trước quán trọ người chủ quán đang đợi chàng. Anh ta không muốn lên tiếng trước, vì thế K. đã hỏi anh ta muốn gì.

- Ông đã tìm được chỗ ở mới cho mình chưa? - chủ quán hỏi, mắt đăm đăm nhìn xuống đất.

- Vợ anh bảo anh hỏi à? - K. hỏi, - chả là không có bà ta thì anh không nhúc nhích đi đâu cả mà.

- Không, tôi không hỏi vì vợ tôi bảo. Nhưng bà ấy đang rất hồi hộp và lo lắng vì ông; không làm việc được, bà ấy chỉ nằm ở trong giường, thở dài và trách móc.

- Tôi phải đi vào với bà ấy à?

- Tôi xin ông, - chủ quán nói, - tôi đã định gọi ông ở chỗ trưởng thôn, tôi đã đứng ở trước cửa nghe, thấy các ông đang say sưa nói chuyện nên không dám quấy rầy, vả lại vì lo lắng cho vợ tôi, nên tôi vội trở về, nhưng bà ấy không cho vào, vậy nên tôi không làm được gì khác hơn là đợi ông ở đây.

- Thế thì ta đi nhanh lên, - K. nói, - rồi ta sẽ làm cho bà ấy yên tâm.

- Giá được như thế, - chủ quán nói.

Họ đi qua nhà bếp sáng sủa, ở đó có ba hay bốn hầu gái đang làm việc, cách xa nhau. Vừa nhìn thấy K., họ thật sự lặng người đi. Ở trong nhà bếp đã có thể nghe tiếng thở dài

của bà chủ quán trọ. Bà ta nằm trong gian nhà kho nhỏ được ngăn cách với nhà bếp bởi một bức tường xây bằng gạch, chỉ chứa được một chiếc giường rộng và một tủ. Cái giường được kê ở một nơi có thể nhìn thấy toàn bộ nhà bếp, để có thể kiểm tra được công việc. Ngược lại từ nhà bếp không thể nhìn thấy gì ở nhà kho. Trong gian nhà kho đã tối hoàn toàn, chỉ có tấm vải trải giường kẻ sọc đỏ và trắng là còn sáng lên tí chút. Người ta chỉ có thể phân biệt được các đồ vật nếu đã bước vào trong và mắt quen với bóng tối.

- Cuối cùng ông đã đến, - bà chủ quán nói uể oải. Bà ta nằm ngửa, người duỗi ra, hất chiếc chăn nhồi cốt lông chim xuống đất, thở khó nhọc. Ở trên giường trông bà ta trẻ hơn là khi ăn mặc nghiêm chỉnh, chiếc khăn dùng để chít ban đêm có viền đăng ten mịn màng, dù quá nhỏ và phất phơ trên mái tóc, thì vẫn làm cho khuôn mặt thiểu não của bà ta trở nên đáng thương.

- Làm sao tôi có thể đến được? - K. dịu dàng hỏi. - Bà có cho gọi đâu ạ!

- Ông không cần phải để tôi đợi lâu thế! - bà chủ quán nói với tính cố chấp của người ốm. - Ông ngồi xuống đi. - bà nói và chỉ xuống mép giường. - Còn các anh hãy đi khỏi đây!

Trong phòng, ngoài những người giúp việc, những hầu gái cũng đã rón rén bước vào.

- Tôi cũng đi đây, Gardena ạ, - chủ quán nói. Đây là lần đầu tiên K. nghe tên của bà chủ quán.

- Tất nhiên, - bà ta nói nhỏ nhẹ, và dường như đang bận tâm với việc khác, bà nói thêm một cách lơ đễnh: - Mà anh ở lại làm gì?

Nhưng khi mọi người đã lui vào nhà bếp - những người giúp việc ngay lập tức đã vâng lời, hơn nữa họ bám theo tán tỉnh một người hầu gái - Gardena cũng đủ tỉnh táo để biết rằng ở trong nhà bếp có thể nghe hết những gì mà họ nói trong gian nhà kho, bởi vì nhà kho không có cửa, vì vậy bà ta đã ra lệnh cho họ rời khỏi nhà bếp. Việc này đã được thực hiện ngay.

- Ông đạc điền, tôi nhờ ông làm ơn lấy cho tôi chiếc khăn quàng vai trong tủ, ở ngay phía trên ấy, tôi muốn đắp nó, vì không chịu được chăn nhồi lông chim, tôi khó thở quá.

Và khi K. đưa cho chiếc khăn, bà ta nói:

- Ông thấy chiếc khăn đẹp không?

K. thấy đấy là chiếc khăn len thông thường, chỉ vì giữ ý mà chàng sờ thêm một lần nữa, nhưng không nói gì cả.

- Cái khăn đẹp thật, - Gardena nói và quấn khăn lên người. Bây giờ bà nằm yên như thể nỗi đau của mình đã chấm dứt. Biết là tóc bị rối trong khi nằm, bà đã ngồi dậy một phút sửa lại bộ tóc một tí quanh chiếc khăn trùm đầu. Tóc bà dày.

K. bắt đầu thấy sốt ruột.

- Bà hỏi là tôi đã có chỗ ở khác chưa, phải không bà chủ quán?

- Tôi hỏi à? - bà chủ quán nói. - Không, đây là một sự nhầm lẫn.

- Nhưng mà chồng bà vừa hỏi tôi đấy thôi.

- Tôi tin ông, - bà chủ quán nói. - Tôi đến phải chịu con người đó. Khi mà tôi không muốn ông ở đây thì anh ta giữ ông lại, còn bây giờ, khi mà tôi cảm thấy hạnh phúc vì ông ở đây thì anh ta lại muốn xua đuổi! Anh ta luôn luôn làm như vậy.

- Chỉ trong vòng một đến hai tiếng đồng hồ mà bà đã thay đổi ý kiến về tôi như vậy ư? - K. hỏi.

- Tôi đã không thay đổi ý kiến, -bà chủ quán lại nói giọng uể oải hơn. - Ông đưa tay đây. Thế thế... Và bây giờ ông hãy hứa rằng ông sẽ hoàn toàn thành thật, tôi muốn thành thật với ông.

- Đúng đấy, - K. nói. - Nhưng ai trong chúng ta bắt đầu trước?

- Tôi, - bà chủ quán nói, không phải để tỏ ra lịch thiệp với K., mà dường như bà rất mong được nói đầu tiên.

Bà lấy ở dưới gối ra tấm ảnh và đưa cho K.

- Ông xem bức ảnh này, - bà khẩn khoản nói.

Để nhìn cho rõ hơn, K. bước vào nhà bếp, nhưng ở đó chàng cũng không thể nhận ra cái gì ở trên tấm ảnh. Tấm ảnh đã phai màu, nhàu nát, cũ kĩ và lỗ chỗ do để lâu ngày.

- Tấm ảnh không được tốt nữa, - chàng nói.

- Rất tiếc, rất tiếc, - bà chủ quán nói, nếu năm này qua năm khác người ta mang nó trong người thì sẽ như vậy thôi. Nhưng nếu ông nhìn kĩ hơn ông sẽ nhận ra, tất cả, chắc chắn là như thế. Mà tôi có thể giúp ông, ông cứ nói ông thấy gì. Tôi rất mừng nếu được nghe về tấm ảnh. Nào, ông thấy gì?

- Một người trẻ tuổi, - K. nói.

- Đúng đấy, - bà chủ quán nói, - và anh ta đang làm gì nào?

- Tôi nghĩ rằng anh ta nằm trên một tấm gỗ, người duỗi ra và đang ngáp.

Bà chủ quán bật cười:

- Làm gì có chuyện đó, - bà nói.

- Nhưng mà đây là tấm gỗ, và anh ta đang nằm lên đó, - K. cố chứng minh.

- Anh hãy nhìn cho kĩ hơn, - bà chủ quán bực tức nói. - Có thật là anh ta đang nằm không?

- Không phải, - K. nói, anh ta không nằm mà là đang lơ lửng. - Bây giờ tôi mới thấy đây không phải là tấm gỗ mà có lẽ là sợi dây, người trẻ tuổi đang nhảy qua nó.

- Đấy đấy, - bà chủ quán vui vẻ nói, - anh ta đang nhảy. Những người đưa thư phải tập như vậy đấy. Tôi đã biết là cuối cùng ông cũng nhận ra. Ông có thấy mặt anh ta không?

- Tôi không thấy rõ hết khuôn mặt anh ta, - K. nói, - chắc là anh ta đang lấy hết sức, miệng há, mắt nhắm và tóc bay xõa ra.

- Phải, phải, - bà chủ quán nói vẻ tán thành. - Người nào không trực tiếp biết anh ta thì không nhận được ra nhiều hơn. Đây là một người trẻ tuổi rất điển trai, tôi chỉ thấy có một lần thoáng qua, nhưng sẽ không bao giờ quên được anh ta.

- Anh ta là ai thế? - K. hỏi.

- Là người đưa thư, - bà chủ quán nói, - anh ta đã đưa tôi đến gặp Klamm lần đầu tiên.

K. không thể tập trung nghe những điều bà chủ quán trọ

nói, vì chàng bị quấy rầy bởi tiếng va chạm vào cửa kính. Ngay lập tức chàng phát hiện ra nguyên nhân gây tiếng động. Những người giúp việc đứng ở ngoài sân, họ đổi chân mà nhảy trong tuyết. Họ làm như thể đang hạnh phúc vì được gặp lại K., vừa vui sướng chỉ trỏ cho nhau, họ vừa liên tục chọc ngón tay vào cửa sổ nhà bếp. Thấy K. giơ tay dọa, họ liền chạy khỏi chỗ đó, nhưng vẫn cố xô đẩy nhau, người nọ vượt qua người kia, không biết chán và rồi họ lại ở bên cửa sổ. K. vội đi vào nhà kho, từ ngoài nhìn vào những người giúp việc không thể thấy chàng được, và chàng cũng không muốn nhìn họ. Nhưng tiếng gõ nhẹ nhàng, nài nỉ trên mặt kính cửa sổ vẫn bám theo chàng vào tận nhà kho một lúc lâu.

- Lại những người giúp việc, - chàng nói nhã nhặn với bà chủ quán và chỉ ra ngoài. Nhưng không chú ý đến chàng, bà chủ quán lấy lại tấm ảnh, bà ta xem và vuốt lại rồi đút xuống dưới chiếc gối. Bà ta cử động chậm chạp hơn, nhưng không phải do mệt mỏi mà là do sức nặng của sự hồi tưởng. Bà định kể cho K. nghe, vậy mà trong lúc kể lể bà đã quên mất chàng. Bà nghịch những dải viền tua của chiếc khăn. Chỉ sau đó bà mới ngước nhìn lên, xoa xoa mắt khắp lượt và nói:

- Chiếc khăn này cũng của Klamm cho, cả chiếc khăn chít đầu nữa. Tấm ảnh, chiếc khăn này và khăn chít đầu: đấy là ba kỉ niệm của tôi có được từ ông ấy. Tôi không trẻ như Frida, không muốn làm nên việc lớn như cô ấy, và cũng không đa cảm, cô ấy đa cảm lắm. Tóm lại, tôi biết cam chịu với cuộc đời, nhưng cần phải nói rằng, thiếu ba thứ này tôi đã không chịu được lâu đến thế, thậm chí một ngày duy nhất thôi cũng không thể! Có lẽ ông coi thường ba vật kỉ niệm này, nhưng ông xem: Frida mặc dù đã có quan hệ lâu với Klamm nhưng cô ấy không hề có một vật kỉ niệm nào cả, tôi đã hỏi rồi mà. Cô ấy quá mơ mộng, thêm vào đó là quá bất mãn; còn tôi thì mặc dù chỉ gặp Klamm có ba lần (sau đó ngài không cho tôi gọi tôi, tôi không biết tại sao), tôi có lẽ đã dự cảm thấy thời gian ngắn ngủi làm sao nên đã mang theo những kỉ vật này.

Tất nhiên tôi phải tự lo lấy những vật đó. Klamm không bao giờ cho gì cả, nhưng nếu nhìn thấy cái gì có thể xin được thì có thể xin ngài.

Những chuyện này đã làm K. khó chịu. dù chúng liên quan trực tiếp tới chàng.

- Những chuyện này có từ bao giờ? - chàng thở dài hỏi.

- Hơn hai mươi năm rồi, - bà chủ quán nói. - Nhiều hơn hai mươi năm rồi.

- Các người chung thủy với Klamm lâu như thế cơ đấy, - K. nói. - Bà biết không, thưa bà chủ quán, bà đã làm tôi lo lắng thật sự. nếu tôi nghĩ đến cuộc sống vợ chồng sắp tới!

Bà chủ quán cho việc K. đưa chuyện riêng của mình ra là không đúng chỗ, bà bực tức liếc nhìn K..

- Bà đừng giận tôi, bà chủ quán ạ, - K. nói. - Tôi không nói một lời nào chống lại Klamm đâu, do hoàn cảnh mà tôi đã phải có mối quan hệ nhất định với Klamm, điều đó thì người kính trọng Klamm nhất cũng không phủ nhận được. Đúng như vậy. Còn bây giờ nếu như khi nhắc đến Klamm mà tôi luôn phải nghĩ đến bản thân thì đó là chuyện có thể hiểu được, và không thể thay đổi được nữa. Tuy nhiên, thưa bà chủ quán. - nói đến đây K. nắm lấy bàn tay đang lảng tránh của bà ta. - bà đừng quên là cuộc nói chuyện lần cuối cùng của chúng ta đã không thành công, bây giờ thì chúng ta cũng nên chia tay nhau êm đẹp.

- Ông nói đúng đấy, - bà chủ quán nói và cúi đầu xuống - nhưng tôi xin ông lượng thứ cho. Tôi không đa cảm hơn những người khác mà ngược lại, nhưng ai cũng có điểm dễ xúc động của mình, tôi chỉ có một điểm này đây.

- Rất tiếc, điểm xúc động của tôi cũng như thế, - K. nói. - Tôi sẽ cố gắng làm chủ mình trong mọi trường hợp. Nhưng bà nói đi, bà chủ quán, tôi phải chịu đựng ra sao sự chung thủy khủng khiếp ấy với Klamm trong cuộc sống vợ chồng tôi, nếu trong lĩnh vực này Frida giống bà?

- Sự thủy chung khủng khiếp ư? - bà chủ quán càu nhàu

nhắc lại. - Đấy có phải là sự chung thủy không? Tôi chung thủy với chồng tôi, điều đó đúng, nhưng chung thủy với Klamm ư? Có một lần Klamm đã biến tôi thành tình nhân của ông ta, và như thế nào đó tôi đã đánh mất cái vinh dự đó rồi à? Ông phải chịu đựng ra sao với Frida ư? Ồ, ông đạc điền, ông là ai mà dám hỏi như vậy?

- Bà chủ quán! - K. lưu ý nói.

- Tôi biết. - bà chủ quán nhượng bộ. - nhưng chồng tôi không bao giờ hỏi tôi những chuyện như thế. Tôi không biết ai là người bất hạnh hơn: Tôi của thời đó, hay Frida bây giờ? Frida, người đã tự nguyện bỏ Klamm, hay là tôi, người mà ông ta không cho gọi đến nữa. Có lẽ là Frida, cho dù xem ra, trước mắt cô ta chưa hoàn toàn ý thức được điều đó. Ngày ấy những suy nghĩ của tôi đều bị số phận hẩm hiu của mình chế ngự, tôi luôn tự hỏi mình, và thực ra ngay bây giờ tôi vẫn thường xuyên hỏi: tại sao lại xảy ra như vậy? Klamm đã cho mời tôi đến ba lần, và lần thứ tư thì không, và không bao giờ nữa! Thời gian đó tôi chỉ dằn vặt về điều ấy. Tôi có thể kể được cái gì khác cho chồng tôi, người mà tôi đã lấy sau sự kiện đó không lâu? Ban ngày chúng tôi không có thì giờ, vì chúng tôi đã mua lại cái quán khi ấy nó tương đối thảm hại, nên phải cố gắng cho nó khởi sắc chút ít; còn ban đêm thì sao? Đã bao năm rồi những cuộc trò chuyện ban đêm của chúng tôi vẫn chỉ xoay quanh ông Klamm, quanh việc tại sao ông ấy có thể thay đổi tình cảm đối với tôi. Nếu trong khi nói chuyện mà chồng tôi ngủ thì tôi đánh thức ông ấy dậy và chúng tôi lại tiếp tục nói chuyện.

- Bây giờ nếu bà cho phép, - K. nói. - Tôi xin hỏi một điều rất thô lỗ.

Bà chủ quán im lặng.

- Tóm lại là tôi không có thể hỏi? - K. nói. - Với từng ấy điều tôi cũng đã hiểu cả rồi.

- Tất nhiên, - bà chủ quán nói, - là ông đã hiểu cả, đây là một việc đặc biệt. Ông đã hiểu nhầm tất cả, kể cả sự im lặng. Ông không có khả năng khác. Tôi cho phép ông hỏi.

- Nếu tôi hiểu sai tất cả, thì có lẽ tôi hiểu sai cả câu hỏi của mình, - K. nói, - có lẽ câu hỏi của tôi cũng không thô lỗ. Tôi chỉ muốn biết là bà đã làm quen với ông nhà như thế nào, và ông bà đã đến với cái quán này ra sao?

Bà chủ quán nhăn trán, trả lời chàng một cách lãnh đạm.

- Chuyện rất đơn giản. Bố tôi là thợ rèn, còn Jankó, người chồng hiện nay của tôi, hồi ấy là anh chàng coi ngựa cho một ông chủ lớn, và thường đến chỗ bố tôi. Sau đó, khi tôi gặp Klamm lần cuối cùng, tôi rất bất hạnh mặc dù không nên như vậy vì mọi việc đều xảy ra theo cách thức của nó, chính Klamm đã quyết định là tôi không còn được đến gặp ông ấy nữa; nghĩa là việc đó đã xảy ra theo cách thức của nó. Chỉ có các nguyên nhân là chưa rõ ràng, lẽ ra tôi đã có thể tìm hiểu những nguyên nhân đó, và không được bất hạnh. Nhưng tôi đã bất hạnh, không làm việc được, cả ngày tôi ngồi trong mảnh vườn nhỏ, trước nhà. Jankó đã nhìn thấy tôi ở đó, thỉnh thoảng anh ấy ngồi cạnh tôi, tôi không than vãn với anh ấy, nhưng anh ấy biết chuyện gì đã xảy ra, vì anh ấy là người tốt. Có khi anh ấy đã khóc cùng với tôi. Thế rồi ông chủ quán lúc ấy, một lần đi ngang qua vườn và thấy chúng tôi đang ngồi ở đó - vợ ông ta đã chết, vì thế ông ta muốn bỏ việc, ông ta lúc ấy cũng đã già rồi - ông ta dừng lại và ngay tại đó, đã cho chúng tôi thuê quán, và ông ta cũng không yêu cầu số tiền ứng trước, vì ông rất tin ở chúng tôi, tiền thuê quán ông cũng định ra rất thấp. Tôi không muốn làm gánh nặng cho bố tôi, tuy vậy đối với tôi tất cả mọi chuyện đều thế cả thôi, nghĩ đến quán trọ và cho rằng công việc mới mẻ có lẽ làm cho mình khuây khoả, tôi đã lấy Jankó, chuyện xảy ra như vậy đó.

Yên lặng một lúc, sau đó K. nói:

- Ông chủ quán ấy xử sự đẹp, nhưng thiếu suy nghĩ, hay là ông ta có nguyên nhân gì đó đặc biệt mà đã tin ở hai người?

- Ông ta hiểu Jankó, - bà chủ quán nói, - là bác họ của anh ấy.

- Thế thì đó là chuyện khác, - K. nói, - gia đình Jankó rõ ràng đã rất quan tâm tới quan hệ của ông bà.

- Có thể, - bà chủ quán nói. - Tôi không biết, mà tôi cũng không bao giờ để ý đến việc đó.

- Thế mà lẽ ra bà phải quan tâm đấy, - K. nói, - nếu gia đình anh ta đã sẵn sàng chấp nhận sự hi sinh và đã trao cho bà quán trọ mà không cần có gì bảo đảm như thế.

- Sau đó mới té ra là không phải người ta thiếu suy nghĩ, - bà chủ quán nói, - tôi đã lao vào công việc, tôi khoẻ, con gái thợ rèn mà lại, không cần gái hầu, đầy tớ. Tôi có mặt khắp nơi, trong quầy uống, trong bếp, trong chuồng bò, ngoài sân, và tôi nấu nướng ngon đến nỗi phải nấu cả cho khách bị lôi cuốn đến đây từ quán Ông chủ. Ông chưa đến quán ăn vào buổi trưa, ông không biết những người khách đến buổi trưa của chúng tôi, hồi đó họ tới đây đông hơn nhiều, từ đó có nhiều người đã không đến. Kết quả là, chúng tôi không những trả tiền thuê quán đều đặn, mà một vài năm sau đã mua toàn bộ cái quán ăn, và hiện nay hầu như không có khó khăn gì nữa. Nhưng tất nhiên có một kết quả khác: tôi đã bị tàn tạ, bị bệnh tim và giờ đây trở thành một bà già. Chắc là ông tưởng tôi già hơn Jankó nhiều lắm nhưng thật ra anh ấy chỉ kém tôi độ hai, ba tuổi thôi, mà anh ấy cũng sẽ chẳng bao giờ già đâu, bởi vì với những công việc như hút tẩu, nghe khách nói chuyện, đổ tẩu, thỉnh thoảng mang ra vài cốc bia... thì con người ta không già được đâu.

- Công việc mà bà đã làm thật là tuyệt vời, - K. nói, - điều đó không thể nghi ngờ được nữa. Nhưng vừa rồi chúng ta nói về thời gian trước khi bà lấy chồng, vậy thì vẫn là chuyện lạ nếu như gia đình Jankó đưa tiền, hoặc phải trả giá liều lĩnh bằng việc trao lại quán trọ để đồng ý cho anh ấy lấy bà một khi không có hi vọng gì khác, ngay như khả năng lao động của bà lúc đó họ cũng chưa thể biết được, còn về khả năng lao động của Jankó thì họ đã biết rất rõ là không đáng kể gì cả.

- Vâng, vâng, - bà chủ quán nói. - Tôi hiểu ông ám chỉ gì,

ông lại nhầm lẫn rồi đấy. Trong những chuyện đó Klamm không có dính dáng gì. Tại sao ông ấy lại phải lo lắng cho tôi, nói đúng hơn, làm sao ông ấy có thể lo lắng cho tôi được nhỉ? Bởi vì ông ấy cũng không biết tôi có mặt ở trên đời. Ông ấy không cho gọi tôi nữa, điều đó chứng tỏ rằng ông ấy đã quên tôi rồi. Người mà ông không cho gọi nữa thì ông hoàn toàn quên. Trước mặt Frida tôi không muốn nói về điều đó. Nhưng việc đó còn nhiều hơn là sự quên lãng. Chúng ta có thể quan hệ lại với người mà chúng ta đã quên, nhưng với Klamm thì điều đó không thể được. Nếu ông ấy đã không cho gọi ai đó nữa thì ông ấy đã quên người đó không chỉ trong quá khứ, mà là quên dứt điểm, trong tương lai cũng thế. Nếu cố ép buộc mình, tôi cũng nghĩ được như ông, và có thể những ý nghĩ đó có hiệu lực ở cái nơi xa xôi mà ông đã rời bỏ để đến đây, còn ở đây thì hoàn toàn vô nghĩa. Có thể ông đã có cái ý nghĩ hoang đường, rồ dại cho rằng sở dĩ Klamm cho tôi đi lấy anh chàng Jankó như thế là để khi ông ta gọi, tôi có thể đến với ông ta êm thấm. Thế thì thật là ngu ngốc, ông sẽ không thể đi xa hơn thế được đâu. Ai là người đàn ông có thể cản đường tôi để tôi khỏi chạy đến với Klamm, nếu như ông ấy cho một tí tín hiệu gọi tôi? Phi lí, hoàn toàn phi lí, con người ta đâm ra lẩn thẩn nếu cứ đùa chơi với sự phi lí này.

- Không, vì thế chúng ta cũng chưa muốn lẩn thẩn đâu, - K. nói. - Và tôi cũng chưa suy nghĩ đến điều mà bà linh cảm thấy đâu, mặc dù tôi thú nhận là mình đã suy nghĩ theo hướng đó. Tạm thời, tôi ngạc nhiên là họ hàng của chồng bà đã chờ đợi nhiều làm sao ở cuộc hôn nhân này, và những hi vọng của họ đã được toại nguyện đến mức nào, dù phải trả giá cho trái tim và sức khỏe của bà đi nữa. Trong tôi xuất hiện ý nghĩ rằng hết thảy những việc này đều liên quan tới Klamm, chỉ có điều không phải, hoặc chưa phải trong hình thức thô lỗ mà bà đã nêu lên rõ ràng với mục đích mắng nhiếc tôi lần nữa. Vì một cái gì đó, bởi trong việc ấy bà lấy

làm thích thú thật sự. Thì bà cứ việc thích thú! Nhưng ý nghĩ của tôi như sau: động lực thúc đẩy cuộc hôn nhân rõ ràng là Klamm. Nếu không có Klamm thì bà đã không bất hạnh, không ngồi vất vưởng ở trong vườn; không có Klamm, Jankó đã không trông thấy bà ở đó, người đần độn như thế thì nếu không có nỗi đau của bà, anh ta đã không dám lên tiếng; không có Klamm thì không bao giờ bà khóc với Jankó, không có Klamm thì ông bác họ chủ quán trọ đã không thể gặp bà và Jankó đang lặng lẽ ngồi cạnh nhau trong vườn, không có Klamm thì không phải mọi việc đối với bà thế nào cũng xong, nghĩa là bà đã không lấy Jankó làm chồng. Nào, trong tất cả những điều đó đều có đủ Klamm, tôi đã nghĩ như vậy đấy. Nhưng hết thảy những điều này vẫn chưa là gì cả. Nếu bà không cố quên ông ta đi thì chắc chắn bà đã quan tâm đến bản thân nhiều hơn, không lao vào công việc đến mức đó, và không làm cho quán trọ khởi sắc đâu. Vậy thì ở đây cũng có Klamm. Nhưng tất cả những việc đó, ngay cả nguyên nhân bệnh tình của bà cũng là Klamm nốt, bởi vì trước cuộc hôn nhân, trái tim bà đã chịu đựng những dục vọng bất hạnh. Vấn đề còn lại bây giờ là cái gì đã quyến rũ họ hàng nhà Jankó trong cuộc hôn nhân này. Chính bà đã nói rằng được một lần làm tình nhân của Klamm nghĩa là mãi mãi giữ được danh hiệu quý giá đó, chắc điều này đã quyến rũ họ. Ngoài ra, theo tôi họ đã hi vọng rằng ngôi sao hạnh phúc đưa bà đến với Klamm - nếu đúng ngôi sao đó là hạnh phúc như bà đã khẳng định, và trong thực tế đúng là như vậy - nó sẽ mãi mãi ở lại với bà và không từ bỏ bà không lời từ biệt như Klamm đã làm.

- Ông nghĩ những điều này nghiêm chỉnh chứ? - bà chủ quán hỏi.

- Nghiêm chỉnh, - K. trả lời, - bên cạnh đó tôi tin rằng những họ hàng Jankó vừa đúng vừa đồng thời không hoàn toàn đúng. Tôi đã cảm thấy họ phạm sai lầm. Trông qua thì mọi chuyện đều thành công, cuộc sống của Jankó

được thu xếp tuyệt vời: anh ta có một người vợ tốt, được mọi người kính trọng và một cái quán làm ăn trôi chảy. Nhưng thật ra vẫn không thành công tất cả, rõ ràng anh ta sẽ hạnh phúc hơn với một cô gái bình thường mà anh ta là người tình thật sự đầu tiên. Nếu có lúc như bà cũng thấy, anh ta hầu như đứng vô dụng ở quầy uống, anh ta làm như vậy là vì cảm thấy mình vô dụng thật nhưng cũng không có nghĩa là vì thế mà anh ta cho rằng mình bất hạnh, tôi biết chứ, nhưng đồng thời cũng chắc chắn rằng anh chàng điển trai, thông minh này sống với người phụ nữ khác thì hạnh phúc hơn, tôi muốn nói là anh ta sẽ độc lập và chăm chỉ hơn nhiều. Mà nay thì bản thân bà cũng không hạnh phúc, và thiếu ba kỉ vật kể trên là bà không thiết sống nữa, thêm vào đó bà còn bị bệnh đau tim. Theo đó thì họ hàng nhà anh ta đã hi vọng hão chăng? Tôi không nghĩ như vậy. Ngôi sao hạnh phúc vẫn ở trên đầu bà, nhưng họ không biết cách với tới đó thôi.

- Vậy thì chúng tôi đã quên không làm cái gì? - bà chủ quán hỏi. Bây giờ bà nằm ngửa, toàn thân duỗi ra, mắt nhìn chăm chăm lên trần nhà.

- Quên hỏi Klamm! - K. trả lời.

- Nghĩa là chúng ta trở lại vấn đề của ông, - bà chủ quán nói.

- Tức là trở lại vấn đề của bà, - K. nói, - việc của chúng ta gần gũi nhau mà.

- Vậy ông muốn gì ở Klamm? - bà chủ quán hỏi, rồi ngồi dậy, bà dựng những chiếc gối ở phía sau để có thể dựa lưng vào đó, và nhìn thẳng vào mắt K. - Tôi đã thành thật kể cho ông nghe chuyện của tôi, ông có thể học được việc này, việc kia. Bây giờ ông hãy nói cho tôi cũng chân thành như thế rằng ông muốn hỏi gì Klamm? Tôi đã phải khó khăn lắm mới thuyết phục được Frida đi lên phòng của ông và ở lại đó, tôi sợ sự có mặt của cô ấy ở đây làm cho ông không nói thành thật.

- Tôi không có gì phải giấu giếm cả, - K. nói.- Trước hết tôi muốn lưu ý bà một việc. Bà nói: Klamm quên ngay lập tức.

Tôi cho điều đó thứ nhất là cực kì không hiện thực, thứ hai là không chứng minh được, đó chỉ là một chuyện hoang đường do những cô gái đang hưởng ân huệ của Klamm nghĩ ra. Tôi ngạc nhiên là bà đã tin vào những điều bịa đặt nông cạn kiểu đó.

- Không phải chuyện hoang đường, - bà chủ quán nói, - mà là được đúc kết từ những kinh nghiệm chung.

- Vậy thì những kinh nghiệm mới có thể bác bỏ chúng, - K. nói. - Ở đây còn có một sự khác biệt giữa trường hợp của bà và của Frida là không có chuyện Klamm không gọi Frida nữa mà ngược lại, chắc chắn ông ta gọi nhưng Frida không làm theo. Có thể là ông ta vẫn luôn luôn chờ đợi cô ấy.

Bà chủ quán im lặng, ánh mắt bà ta chăm chú lướt trên người K.. Cuối cùng bà nói:

- Tôi muốn bình tĩnh nghe tất cả những điều ông nói. Ông đừng thương hại, mà tốt nhất hãy nói thật lòng. Tôi yêu cầu ông dừng nói đến tên Klamm, ông hãy gọi là Ông ta, hoặc thế nào cũng được, miễn là đừng gọi tên.

- Tôi sẵn lòng thôi, - K. nói, - nhưng thật khó nói là tôi muốn gì ở ông ta. Trước hết tôi muốn được trực tiếp nhìn thấy ông ta thật gần, sau đó tôi muốn nghe tiếng ông ta, và muốn biết ông ta có ý kiến gì về cuộc hôn nhân của chúng tôi. Ngoài ra, tôi còn muốn yêu cầu ông ta điều gì nữa thì còn phụ thuộc xem cuộc nói chuyện của chúng tôi diễn ra như thế nào. Có thể sẽ trao đổi việc này, việc kia, nhưng đối với tôi quan trọng nhất vẫn là mặt đối mặt với ông ta. Cho đến bây giờ, tôi cũng chưa được nói chuyện trực tiếp với các nhà chức trách thực thụ. Xem ra thì việc này khó thực hiện hơn là tôi đã nghĩ. Bây giờ thì trách nhiệm của tôi là phải nói chuyện với ông ta như nói với một con người bình thường, và theo tôi, việc này dễ thực hiện hơn nhiều. Với một nhà chức trách, ông ấy chỉ nói chuyện với tôi ở một nơi - mà xem ra là không thể nào đến được - là ở văn phòng của ông ấy, trong Lâu đài hoặc ở quán Ông chủ, mặc dù điều này

rất khó xảy ra. Nhưng nếu với tư cách cá nhân thì ông ấy tiếp chuyện tôi ở đâu mà chẳng được: ở nhà, ngoài đường, ở mọi nơi mà tôi gặp được ông ấy. Nếu cùng lúc đó mà ông ta tiếp tôi với tư cách nhà chức trách thì tôi rất mừng, nhưng đó không phải là mục đích của tôi.

- Được rồi, - bà chủ quán nói và úp mặt vào gối, như thể bà nói điều gì xấu hổ, - nếu tôi liên hệ để ông gặp được Klamm, thì ông có hứa với tôi rằng ông sẽ không làm gì phương hại chứ?

- Tôi không thể hứa điều đó được, - K. nói, - cho dù tôi cũng muốn sẵn sàng đáp ứng yêu cầu hay sự khó tính của bà. Sự việc rất khẩn cấp, nhất là sau khi cuộc nói chuyện của tôi với ngài trưởng thôn diễn ra không thuận lợi.

- Lí do này không xác đáng, - bà chủ quán nói. - Ngài trưởng thôn là một nhân vật hoàn toàn vô tích sự, ông không nhận thấy à? Dù chỉ một ngày thôi ông ta cũng không giữ được địa vị của mình nếu không có bà vợ bên cạnh, bà ấy làm tất cả đấy.

- Bà Mici ư? - K. hỏi. Bà chủ quán gật đầu. - Bà ta cũng đã có mặt ở đó, - K. nói.

- Bà ấy nói gì không? - bà chủ quán hỏi.

- Không, - K. nói, - nhưng tôi có ấn tượng là bà ta cũng không có ý kiến gì.

- Ông thấy chưa, - bà chủ quán nói, - ông nhìn mọi việc đều nhầm lẫn như thế đấy. Trong mọi trường hợp, cho dù trưởng thôn đã giải quyết công việc liên quan đến ông ra sao thì điều đó cũng chẳng có ý nghĩa gì cả, nếu có dịp tôi sẽ nói chuyện với vợ ông ta sau. Còn nếu bây giờ tôi hứa thêm với ông rằng chậm nhất là một tuần nữa sẽ có trả lời của Klamm thì thật ra ông không có lí do gì nữa để không chấp nhận đề nghị của tôi.

- Chuyện đó cũng chỉ là thứ yếu, - K. nói, - tôi đã quyết tâm thực hiện quyết định của mình, dù có phải nhận câu trả lời từ chối. Và nếu tôi đã có ý định đó từ trước thì tôi cũng

không thể đề nghị cuộc nói chuyện được. Không đề nghị có lẽ là việc làm liều lĩnh, nhưng không phải là có ý xấu, sau khi bị từ chối sẽ là sự chống đối công khai. Điều này tất nhiên là xấu hơn nhiều.

- Xấu hơn nhiều ư? - bà chủ quán hỏi. - Dù sao thì đó cũng là sự chống đối. Ông hãy làm như ông muốn. Ông đưa cho tôi cái váy!

Và không thèm để ý đến K., bà ta mặc váy, vội đi ra nhà bếp. Từ phía quầy uống từ lâu đã vọng đến tiếng lộn xộn ầm ĩ. Người ta gõ vào cửa sổ. Những người giúp việc cùng một lúc giật cửa sổ và hét to vào rằng họ đói bụng. Sau đó xuất hiện những khuôn mặt khác, thậm chí có thể nghe nhiều tiếng hát khe khẽ.

Cuộc nói chuyện của K. và bà chủ quán tất nhiên đã làm muộn thời gian nấu cơm trưa; vẫn chưa có gì chuẩn bị xong, nhưng khách hàng đã tấp nập kéo đến. Vì bà chủ quán cấm không được vào nhà bếp, nên không một ai dám bước vào. Khi những kẻ nhìn trộm qua cửa sổ nhỏ cho biết bà chủ quán đang đến thì ngay lập tức những cô hầu gái chạy vào nhà bếp, và khi K. bước vào quầy uống thì chàng cũng bất ngờ thấy một nhóm hơn hai mươi người, có cả đàn ông lẫn đàn bà ăn mặc theo kiểu tỉnh lẻ nhưng không phải nông dân, cùng một lúc ùa vào phía các dãy bàn để chiếm chỗ. Ở một góc phòng, cạnh chiếc bàn nhỏ, đã có một cặp vợ chồng cùng ngồi với mấy đứa trẻ. Người đàn ông có đôi mắt xanh, niềm nở với mái tóc và bộ râu bạc trắng, rối bù đang cúi xuống những đứa trẻ và dùng con dao đánh nhịp bài hát đang bị ông ta cố gắng làm cho trầm đi, có lẽ bằng lời hát như vậy ông ta muốn làm cho những đứa trẻ quên rằng chúng đang đói. Bà chủ quán nói vài lời xin lỗi với đám đông mặc dù chẳng ai trách móc bà cả. Bà nhìn quanh tìm chủ quán, nhưng anh ta thấy tình thế khó khăn nên đã chuồn từ lâu. Rồi bà chủ quán từ từ quay lại bếp, không hề nhìn K. đang vội vàng lên phòng với Frida.

CHƯƠNG VII

Thầy giáo đợi chàng ở trên phòng. Rất khó có thể nhận ra căn phòng, thật đáng mừng là Frida đã chăm chỉ như thế. Cô đã thông gió, nhóm lò sưởi chu đáo, rửa sàn nhà, và dọn lại giường. Những thứ bẩn kinh người, đồ đạc của đám hầu gái, đã biến đi cùng với họ. Chiếc bàn mà trước đấy ghét bẩn đóng lại thành lớp cứ ám ảnh người ta, cho dù có quay đi đâu, thì giờ đây đã được phủ một tấm khăn thêu màu trắng. Như vậy thì có thể tiếp khách. Còn ít đồ lót của K. mà chắc là Frida mới giặt lúc sáng, đang phơi cạnh lò sưởi không ảnh hưởng gì lắm. Khi K. bước vào, thầy giáo và Frida đang ngồi cạnh chiếc bàn đều đứng dậy. Frida chào K. bằng một cái hôn, thầy giáo thì hơi cúi xuống. K. vẫn còn bị ảnh hưởng của cuộc nói chuyện với bà chủ quán, đã lơ đãng thanh minh rằng chưa thăm thầy giáo được, làm như thể thầy giáo vì sốt ruột không thấy chàng đến thăm nên bây giờ đến tìm chàng. Nhưng thầy giáo với tác phong điềm tĩnh, tỏ ra khó khăn lắm mới nhớ lại trước đây họ đã thỏa thuận với nhau một cuộc gặp gỡ nào đó.

- Thưa ông đạc điền, có phải ông là người lạ mà vài ngày trước đây tôi đã được đôi lời trò chuyện ở sân nhà thờ? - anh ta nói chậm rãi.

- Vâng, - K. đáp cộc lốc. Cái mà lúc đó khi bị bỏ rơi, K. đã phải chịu, thì giờ đây trong căn phòng của mình chàng không thể cho phép. Chàng quay lại với Frida, và bắt đầu bàn bạc với cô về một cuộc viếng thăm quan trọng mà ngay bây giờ chàng phải ăn mặc nghiêm chỉnh hơn để thực hiện. Frida không gạn hỏi chàng nhiều, ngay lập tức cô gọi những người giúp việc đang xem chiếc khăn trải bàn mới, và ra lệnh cho họ phải chải sạch quần áo và đôi ủng của K. ở dưới sân. K. cởi quần áo, còn Frida lấy xuống một chiếc áo sơ mi từ dây phơi và cô chạy vào nhà bếp để là.

Còn lại hai người, K. và thầy giáo đang ngồi im lặng cạnh chiếc bàn. K. còn bắt anh ta phải đợi một lúc nữa; chàng cởi áo sơ mi, và bắt đầu rửa người bên chỗ rửa mặt. Chỉ lúc này, quay lưng lại với thầy giáo, chàng mới hỏi anh ta đến để làm gì.

- Ngài trưởng thôn đã ủy nhiệm cho tôi đến đây, - anh ta trả lời.

K. muốn nghe việc mà ông trưởng thôn ủy nhiệm, nhưng khó có thể nghe rõ lời thầy giáo trong tiếng vòi nước chảy róc rách, vì vậy thầy giáo phải đến gần hơn, đứng tựa người vào tường cạnh K.. K. lấy cớ vội đi thăm ai đó theo kế hoạch để thanh minh cho sự tắm rửa và thái độ cáu kỉnh của mình. Thầy giáo bỏ ngoài tai điều đó, anh ta nói:

- Ông đã xử sự bất nhã với ngài trưởng thôn, một con người già cả, có công, từng trải và đáng kính như thế.

- Tôi không biết là mình có bất nhã không, - K. nói trong khi lau người, - nhưng rõ ràng là tôi cũng phải lo chuyện khác hơn là để ý đến tác phong lịch thiệp, bởi vì đó là chuyện kiếm sống của tôi đã bị sự trì hoãn nhục nhã của chính quyền đe dọa. Về chi tiết của việc này tôi khỏi phải kể lại cho anh, bởi vì anh cũng là thành viên tích cực của chính quyền này. Ngài trưởng thôn kêu ca tôi phải không?

- Ông ấy kêu ca với ai được kia chứ? - thầy giáo hỏi. - Mà nếu có ai để mà kêu ca thì chẳng lẽ ông ấy lại đi kêu ca? Tôi chỉ ghi biên bản về cuộc trao đổi của các ông, theo lời ông ấy đọc cho. Và chính từ những ghi chép này mà tôi đã có thể hiểu được lòng tốt của ngài trưởng thôn cũng như những câu trả lời độc đáo của ông.

Trong khi tìm cái lược của mình, chắc là Frida đã cất ở đâu đó, K. nói:

- Như thế nào? Biên bản ư? Ai đó đã ghi biên bản về tôi mà không có mặt tôi sao, hơn nữa người đó lại không có mặt ở cuộc nói chuyện đó? Cũng hay ho đấy. Nói chung tờ biên bản đó để làm gì? Đấy là việc làm chính thức phải không?

- Không phải, - thầy giáo nói, - mà chỉ là bán chính thức, và

tờ biên bản cũng chỉ là bán chính thức. Chúng tôi phải làm việc đó vì ở đây mọi chuyện đều phải có nền nếp, nghiêm chỉnh. Dù sao cũng đã có tờ biên bản, và nó không làm cho ông đáng khen đâu.

Cái lược nằm lẫn trên giường, cuối cùng K. cũng tìm ra, bây giờ chàng nói bình tĩnh hơn:

- Nếu có tờ biên bản thì có chứ sao! Anh đến để thông báo điều đó cho tôi chăng?

- Không, - thầy giáo nói. - Tôi không phải là cái máy, tôi cần phải nói ý kiến của mình. Tôi được ủy quyền, điều đó chứng tỏ lòng tốt của ngài trưởng thôn. tôi nhấn mạnh là đối với tôi lòng tốt này thật là kì lạ, và chỉ vì cương vị của mình và vì lòng kính trọng ngài trưởng thôn mà tôi thực hiện sự ủy nhiệm.

Tắm rửa và chải đầu xong, bây giờ K. ngồi bên chiếc bàn đợi áo sơ mi. Chàng không quan tâm lắm tới việc thầy giáo đến để làm gì, nhưng bên cạnh đó, việc bà chủ quán có ý kiến không được khả dĩ về ngài trưởng thôn lại làm chàng để tâm.

- Chắc chắn đã quá trưa rồi, - K. nói và nghĩ đến con đường sẽ đi, sau đó giống như sực tỉnh ra điều gì, chàng nói tiếp: - Anh muốn chuyển lời nhắn nhủ gì đó của ngài trưởng thôn, phải không?

- Phải, phải, - thầy giáo nói và nhún vai, như thể anh ta trút bỏ mọi trách nhiệm cá nhân. - Ngài trưởng thôn sợ rằng phải đợi quyết định quá lâu, nhỡ ra ông tự mình làm điều gì thiếu suy nghĩ. Về phần mình, tôi không hiểu tại sao trưởng thôn lại lo lắng về việc đó. Theo ý kiến tôi, ông cứ làm điều ông muốn. Suy cho cùng chúng tôi không phải là những thiên thần canh gác của ông và trách nhiệm chúng tôi không phải là ông đi đâu thì chúng tôi bám theo đấy. Tóm lại là như vậy. Nhưng ngài trưởng thôn lại có ý kiến khác. Ai quyết định, tất nhiên do các nhà chức trách của bá tước, việc này ngài trưởng thôn không thể thúc giục được. Nhưng trong phạm vi ảnh hưởng của mình, ngài muốn tìm giải pháp quá

độ nào đó, một giải pháp thật sự là cao thượng, mà chỉ phụ thuộc ở ông có nhận hay không: Ngài đề nghị ông phục vụ tạm thời ở trường học.

Việc người ta đề nghị chàng điều gì, ngay từ đầu K. đã ít quan tâm nhưng chàng không xem nhẹ ý nghĩa của việc đó. Sự việc này chứng tỏ theo ý kiến của trưởng thôn, chàng có khả năng làm một cái gì đó để bảo vệ mình, và để tránh nó, làng cũng phải mất một khoản đầu tư nhất định. Thế là người ta phải để tâm đến chuyện của chàng! Còn anh chàng thầy giáo đang đợi nãy đến giờ, người mà trước đó đã viết biên bản, đúng là đã bị trưởng thôn phái đến đây. Thấy sự việc thế là đã lọt tai K., thầy giáo liền tiếp tục:

- Tôi đã phản đối với lí do rằng từ trước đến nay nhà trường không cần đến bất kì sự phục vụ nào cả, thỉnh thoảng vợ người phục vụ nhà thờ vẫn đến quét dọn và cô giáo Giza vẫn theo dõi việc đó. Tôi cũng đã đủ tai họa với bọn trẻ, tôi không muốn bây giờ lại phải bực mình thêm với một người phục vụ nhà trường nữa. Nghe thế ngài trưởng thôn trả lời rằng dù sao ở trường học cũng có thể có nhiều rác bẩn. Tôi đã trả lời là tuy vậy tình hình không đến nỗi bi đát lắm, mà đúng thế thật. Tôi còn hỏi thêm phải chăng tình hình sẽ tốt hơn nếu chúng ta nhận con người này vào phục vụ nhà trường? Chưa kể đến việc anh ta không thông thạo loại công việc đó, trường học chỉ có hai phòng học lớn, không có một chỗ nào cả cho người phục vụ, có nghĩa là người phục vụ cùng gia đình phải ăn ở trong một trong hai phòng học đó, thậm chí cả nấu nướng cũng ở đó, và việc này, tất nhiên không làm tăng thêm sự sạch sẽ một tí nào. Nhưng ngài trưởng thôn để trả lời đã lấy lí do rằng công việc này đối với ông là sự giải thoát trong trường hợp tối cần thiết; chính vì thế mà ông sẽ làm hết sức mình để hoàn thành tốt công việc; hơn nữa ngài trưởng thôn nghĩ rằng, cùng với ông chúng tôi còn thu được cả sức lao động của vợ và những người giúp việc của ông, như vậy thì chẳng những chúng tôi giữ cho nhà trường quy củ mà cả vườn

trường cũng được gọn gàng. Tất nhiên, tôi đã dễ dàng bác bỏ những điều đó. Cuối cùng, ngài trưởng thôn không còn biết lấy gì để bênh vực ông, mà chỉ còn biết cười trừ và nói là dù sao thì ông cũng là người đạc điền, nhờ đó mà ông có thể uốn thẳng những luống hoa trong vườn trường cho đẹp một cách đặc biệt. Tất nhiên chẳng nên phản đối câu nói đùa, và tôi đến gặp ông với sự ủy nhiệm.

- Anh lo lắng cũng thừa, anh giáo ạ, - K. nói, - tôi không hề nghĩ là mình sẽ nhận việc làm đó.

- Tuyệt lắm, - thầy giáo nói, - tuyệt, ông đã từ chối mà không hề do dự. - Nói xong anh ta cầm mũ, cúi chào và đi khỏi.

Ngay sau đó, Frida xuất hiện với bộ mặt giận dữ, cô mang lại chiếc áo sơ mi không là và không trả lời bất kì câu hỏi nào. Để làm cho cô ta vui lên, K. kể lại cuộc viếng thăm và lời đề nghị của thầy giáo, nhưng Frida chưa nghe hết đã vứt áo sơ mi xuống giường và chạy đi. Và cô ta nhanh chóng trở lại với thầy giáo có bộ mặt hết sức bất cần, không thèm chào hỏi gì cả. Frida yêu cầu anh ta kiên nhẫn cho một chút, - chắc là dọc đường cô ta đã yêu cầu như thế một vài lần, - sau đó cô kéo K. bước qua một cái cửa sang gác xép bên cạnh mà cho đến lúc này chàng vẫn chưa biết. Ở đó cô ta hổn hển kể lại một cách lo lắng điều gì đã xảy ra. Bà chủ quán vô cùng tức giận vì đã thổ lộ những chuyện riêng tư trước mặt K.. Và tệ hơn thế là để có một cuộc nói chuyện với Klamm, với những điều kiện cho phép nhất định, bà đã quỵ lụy mà như bà nói, vẫn không đạt được cái gì khác sự từ chối lạnh lùng, thậm chí là giảo quyệt. Bà đã cương quyết không chấp nhận K. ở trong nhà nữa, nếu chàng có quan hệ với Lâu đài thì cứ việc lợi dụng quan hệ đó, mà phải làm ngay lập tức, vì hôm nay, ngay bây giờ chàng phải rời khỏi ngôi nhà này, bà ta không bao giờ nhận chàng nữa, nếu không có lệnh và sự thúc ép trực tiếp của chính quyền, nhưng bà hi vọng là chuyện đó sẽ không xảy ra vì bà ta cũng có các mối quan hệ với Lâu đài và bà sẽ hiểu cách thức lợi dụng chúng như thế

nào. Hơn nữa chỉ vì sự nhẹ dạ của chồng bà mà chàng vào được quán trọ, còn bây giờ chàng không cần ở đây nữa, mới sáng nay thôi chàng chẳng đã khoe là luôn có một chỗ dành cho mình đó thôi. Tất nhiên Frida có thể ở lại, nếu cô cũng muốn đi với K. thì bà chủ quán sẽ bất hạnh lắm, chỉ mới nghĩ đến thôi bà đã khóc lóc khuỵu xuống bên bếp lửa, tội nghiệp bà ta bị bệnh tim! Nhưng bây giờ bà ta có thể làm được gì khác khi mà chí ít theo quan niệm của bà ta, tất cả những việc này đe dọa làm vấy bẩn những kỉ niệm về Klamm. Với bà chủ quán, sự việc là như vậy. Còn Frida thì tất nhiên cô sẽ theo K. đi bất kì đâu, về điều đó khỏi phải phí lời bàn cãi; nhưng dù sao thì họ cũng đang lâm vào tình cảnh khốn quẫn, vì thế nên cô đã vui mừng nhận lời đề nghị của trưởng thôn, còn nếu công việc không thích hợp với K. - họ đã khẳng định công việc đó chỉ mang tính chất tạm thời - thì tranh thủ thời gian họ có thể dễ dàng tìm được khả năng khác nếu như quyết định cuối cùng không thuận lợi đối với K. chăng nữa.

- Trong trường hợp cuối cùng, - Frida kêu lên, cô đã ôm lấy cổ K., - chúng ta sẽ đi khỏi đây, cái gì giữ chúng ta ở lại làng này kia chứ? Nhưng tạm thời chúng ta cứ nhận lời đề nghị, phải không, anh yêu? Em đã đưa thầy giáo trở lại, anh chỉ nói với anh ta là "nhận lời", và chúng ta chuyển sang trường học.

- Đây là trò đểu giả, - K. nói không hoàn toàn nghiêm chỉnh vì chàng không quan tâm đến nơi ở với lại trong chiếc quần độc nhất, chàng cũng rất lạnh ở gian gác xép không có tường che và cửa sổ mở ở cả hai phía này, gió lạnh buốt cứ thổi thông thống. - Em đã dọn dẹp căn phòng, bây giờ chả nhẽ chúng ta bỏ đi, anh không nhận công việc đó; ngay cái chuyện phải quỵ lụy trước anh chàng giáo viên trong chốc lát cũng đã làm anh khó chịu, huống hồ anh ta sẽ là cấp trên của anh! Nếu như chúng ta vẫn có thể ở lại đây một lúc, có lẽ ngay chiều nay tình hình của anh sẽ thay đổi. Hoặc nếu chỉ có em ở lại đây, chúng ta có thể chờ xem cái gì xảy ra, cần trả lời cho anh chàng giáo viên một cách lập lờ. Về phần mình, anh luôn

luôn tìm được cho bản thân chỗ nghỉ đêm; nếu như công việc không có cách nào trôi chảy thì quả thật Bar...

Frida đặt tay lên miệng K.:

- Không, không, - cô lo ngại nói, - em xin anh đừng nhắc lại điều đó. Tuy nhiên em sẽ làm mọi chuyện theo ý thích của anh. Nếu anh muốn, thì em ở lại đây một mình, cho dù điều đó làm em buồn như thế nào đi chăng nữa. Nếu anh muốn thì chúng ta cứ từ chối lời đề nghị, cho dù em có cho là sai lầm như thế nào chăng nữa. Bởi vì anh xem, nếu anh tìm được giải pháp nào khác thì ngay chiều nay tất nhiên là ngay lập tức chúng ta từ chối việc ở nhà trường, không ai có thể gây khó dễ trong chuyện đó. Còn việc quỵ lụy trước mặt anh chàng giáo viên thì anh cứ để mặc em, em cam đoan là không có chuyện đó, để rồi em nói chuyện với anh ta. Anh sẽ đứng ở đó, không nói một lời nào, mà sau này cũng thế, nếu anh không muốn thì không cần phải nói chuyện với anh ta, trong thực tế chỉ có em đóng vai trò phụ thuộc anh ta, mà cũng sẽ không như vậy, vì em biết những chỗ yếu của hắn. Cho nên nếu chấp nhận việc làm đó thì chúng ta cũng không mất gì, mà ngược lại chúng ta mất nhiều nếu từ chối: trước hết, nếu anh không đạt được gì ở trong Lâu đài thì quả thật là anh không thể tìm chỗ nghỉ đêm cho mình ở bất kì nơi nào trong làng, một chỗ nghỉ mà người vợ tương lai của anh không phải xấu hổ. Và nếu anh không tìm được chỗ nghỉ đêm thì làm sao anh có thể muốn em ngủ ở trong căn phòng ấm áp này, trong khi em biết rằng anh đang lang thang ở ngoài trời trong đêm lạnh giá?

Suốt thời gian đó K. đứng khoanh tay trên ngực, bàn tay vỗ vỗ lên lưng để người ấm lên tí chút, bây giờ chàng mới nói:

- Thế thì chúng ta không làm được gì khác hơn là chấp nhận thôi. Đi em.

Vào trong phòng, chàng đi thẳng đến lò sưởi, không để ý đến anh chàng giáo viên đang ngồi cạnh chiếc bàn. Anh ta lôi đồng hồ ra và nói:

- Thời gian trôi nhanh quá.

- Còn chúng tôi thì đã thỏa thuận, thầy giáo ạ, - Frida nói. - Chúng tôi chấp nhận công việc đó.

- Được rồi, - anh chàng giáo viên nói, - nhưng người ta đề nghị công việc cho ông đạc điền. Bản thân ông ấy phải có ý kiến.

Frida nói đỡ K.

- Tất nhiên, - cô nói, - anh ấy chấp nhận công việc đó, đúng không K.?.

Như vậy thì K. có thể hạn chế ý kiến của mình thành một lời cộc lốc duy nhất là "đúng", lời đó chàng không nói với anh chàng giáo viên, mà là nói với Frida.

- Như thế, - anh chàng giáo viên nói, - bây giờ tôi chỉ cần nhắc cho ông ấy biết bổn phận của mình để trong chuyện này chúng ta hiểu nhau dứt điểm. Ông đạc điền ạ, hàng ngày ông phải quét dọn hai phòng học, phải đốt lò sưởi, phải hoàn thành những sửa chữa nhỏ trong nhà, phải làm ra các dụng cụ học tập và dụng cụ thể dục, cần phải quét tuyết trên đoạn đường dẫn qua vườn, thực hiện sự liên lạc cho tôi và cho cô giáo trẻ, và trong những mùa nóng hơn ông phải làm mọi công việc trong vườn. Ông có quyền chọn phòng học nào mình thích để ở, nên việc dạy không xảy ra cùng một lúc ở cả hai phòng. Tất nhiên là ông phải chuyển sang phòng khác nếu người ta dạy trong phòng ông đang ở. Không được nấu nướng trong trường học, vì thế cùng với thân nhân ông sẽ ăn ở quán này do làng chi phí. Cần phải cư xử cho phù hợp với trường học nhất là đừng để bọn trẻ trông thấy bất kì cảnh sinh hoạt gia đình nào, chủ yếu trong giờ dạy. Điều này tôi chỉ nhắc thêm, vì như một người có học ông cũng cần phải biết. Liên quan tới tất cả những việc này, chúng tôi rất mong mối quan hệ của ông với chị Frida mau chóng được hợp pháp hoá. Chúng tôi sẽ thảo một tờ hợp đồng phục vụ có liên quan tới những điểm đó và những việc nhỏ nhặt khác, và khi ông chuyển vào trường thì phải kí ngay.

K. không thấy có gì là quan trọng trong tất cả những điều

đó, dường như chàng không liên quan đến hoặc ít ra không bị chúng trói buộc. Chỉ có sự quan trọng hóa của anh chàng giáo viên làm K. bực mình, chàng buông một câu dễ dãi:

- Phải rồi, những điều kiện quen thuộc.

Để giảm bớt sự gay gắt của câu nhận xét trên, Frida quan tâm đến tiền công.

- Tiền công như thế nào thì sau khi phục vụ thử một tháng sẽ được xem xét, - thầy giáo nói.

- Việc đó rất ảnh hưởng đến chúng tôi, - Frida nói, - chúng tôi phải cưới nhau không có tiền, phải tạo lập cuộc sống gia đình từ con số không: chúng tôi có thể làm đơn gửi lên làng về việc xin một ít tiền công ngay được không, thầy giáo? Anh thấy có nên không?

- Không, - thầy giáo trả lời, luôn hướng lời mình về phía K.. - Một lá đơn như vậy chỉ có kết quả nếu được tôi ủng hộ, nhưng mà tôi lại không ủng hộ. Người ta đề xuất công việc cho ông là vì lòng tốt, mà lòng tốt thì người ta không phung phí quá đáng nếu có ý thức về trách nhiệm của mình.

Nghe thế, không kìm được mình, K. đã nói cắt ngang:

- Về lòng tốt, thầy giáo ạ, tôi nghĩ anh nhầm đấy. Có lẽ tôi mới là người làm điều tốt.

- Không phải, - thầy giáo mỉm cười nói vì đã làm được K. lên tiếng, - tôi được biết một cách chính xác về việc này. Chúng tôi cần đến người phục vụ nhà trường như là cần người đạc điền vậy. Dù là người phục vụ nhà trường hay là người đạc điền thì cả hai cũng chỉ là gánh nặng trên cổ chúng tôi. Tôi còn phải vắt óc lo biện bạch thế nào đây trước làng về các khoản chi phí. Tốt nhất và cũng là phù hợp nhất với sự thật nếu chúng tôi không biện bạch gì mà chỉ đặt lên bàn những yêu cầu của mình.

- Từ những việc này tôi thấy, - K. nói, - anh buộc phải thuê người. Dẫu rằng việc đó làm anh phải suy nghĩ thì anh vẫn phải thuê. Mà ai đó phải thuê một người nào đó và người đó để cho mà thuê thì rõ ràng người để cho thuê làm điều tốt chứ!

- Thật là lạ lùng. - thầy giáo nói. - Ai bắt chúng tôi phải thuê người nào? Chỉ có tấm lòng tốt, tốt vô cùng của ngài trưởng thôn bắt buộc chúng tôi. Tôi thấy ông cần phải bỏ ý nghĩ rằng mình sẽ là một người phục vụ trường học tốt. Mà những nhận xét như thế sẽ không thúc đẩy việc cho phép lĩnh tiền công ngay đâu. Tiếc là tôi phải khẳng định rằng tôi sẽ còn nhiều chuyện rắc rối với lối cư xử của ông: ngay bây giờ cũng thế, tôi thấy mà khó tin ở mắt mình, suốt thời gian tọa đàm với tôi, ông mặc áo sơ mi, quần lót.

- Vâng, - K. cười, thốt lên và đập bàn tay vào nhau, - bọn giúp việc này tệ quá! Mà họ ở đâu nhỉ?

Frida vội đến bên cửa và anh chàng giáo viên nhận thấy khó có thể nói chuyện tiếp tục với K. nên đã hỏi Frida là bao giờ thì họ muốn chuyển vào trường.

- Hôm nay, - Frida trả lời.

- Thế thì sáng mai tôi sẽ kiểm tra. - anh chàng giáo viên nói, và thay cho lời chào anh ta vẫy tay, định đi qua cánh cửa mà Frida đã mở trước mặt nhưng va vào những người hầu gái đang mang đồ đạc của họ vào xếp đặt lại căn phòng. Anh ta phải lách qua họ, vì những người hầu gái không tránh bất kì ai cả. Frida đi theo.

- Gấp thế, - K. nói với những người hầu gái nhưng không ác ý, - chúng tôi đang ở đây mà các người đã kéo vào à?

Những người hầu gái không trả lời, họ lúng túng lắc lư cái bọc mà K. thấy thò ra những thứ quần áo rách nát, bẩn thỉu.

- Các người hầu như không bao giờ chịu giặt mớ giẻ rách này, - K. nói không tỏ vẻ giận dữ, mà với thái độ có thiện chí. Những người hầu gái đã nhận thấy thế, những cái miệng cứng đờ của họ liền hé ra, lấp lánh những hàng răng đẹp, khỏe mà dữ tợn, họ cười không ra tiếng.

- Nào, các người cứ vào mà sắp xếp lại chỗ ở, - K. nói, - đây là phòng của các người.

Nhưng vì họ cứ do dự - họ thấy căn phòng của mình đã quá thay đổi - K. liền nắm lấy cánh tay của một người trong số họ

đẩy vào, người đó liền vùng vẫy nhoài ra, mắt đầy vẻ sửng sốt, họ liếc nhìn nhau rồi cứ chằm chằm không rời mắt khỏi K..

- Bây giờ thì các người đã nhìn đủ rồi, - K. nói để xua đi cái cảm giác khó chịu, rồi lấy quần áo và đôi ủng mà Frida vừa mang vào cùng với những người giúp việc rụt rè đi theo sau lưng, chàng thay quần áo. Cho tới lúc đó, và ngay cả bây giờ chàng cũng không hiểu là Frida làm sao có thể kiên nhẫn được với những người giúp việc như thế. Cô đã tìm họ hồi lâu mới thấy. Lẽ ra họ phải chải quần áo ở ngoài sân thì họ lại ngồi ở phòng ăn, nhét quần áo chưa chải sạch vào trong lòng, để cô phải đứng ra làm việc đó. Thế mà cô vẫn không nói gì họ, dù cô ấy biết cách cứng rắn với những kẻ mạt hạng ở trong quán trọ. Thậm chí trước mặt bọn giúp việc cô ấy nói về sự sơ suất của họ như nói về một chuyện đùa vậy, lại còn âu yếm, vỗ vỗ vào má một trong hai người. K. quyết định là rồi đây sẽ nhắc nhở cô. Còn bây giờ là lúc chàng phải đi.

- Những người giúp việc ở lại đây, họ giúp em chuyển nhà, - K. nói.

Những người giúp việc không thích việc đó, vì họ muốn vận động vui vẻ tí chút sau khi đã no bụng. Họ chỉ nghe lời khi Frida cũng nói:

- Phải rồi, các anh ở lại đây.

- Em biết anh đi đâu chứ? - K. hỏi.

- Em biết, - Frida trả lời.

- Nghĩa là em không giữ anh lại nữa chứ? - K. hỏi.

- Anh sẽ gặp bao nhiêu là trở ngại, - Frida nói, - lời nói của em có ý nghĩa gì đâu!

Cô hôn K. từ biệt, vì chàng chưa ăn trưa nên cô ấn một gói nhỏ có lạp xưởng và bánh mì vào tay chàng, đó là những thứ cô mang ở dưới nhà lên. Cô lưu ý chàng đừng quay lại đây nữa mà cứ đi thẳng đến trường học, và đặt tay lên vai K., cô tiễn chàng đi.

CHƯƠNG VIII

Lần đầu tiên K. hạnh phúc vì thoát được khỏi căn phòng ấm áp và sự ồn ã của những người hầu gái và giúp việc. Hơi bị đóng băng, tuyết cứng hơn, nên đi lại dễ dàng hơn. Chỉ có điều trời đã tối, chàng rảo bước.

Hình dáng tòa Lâu đài đã bắt đầu chìm trong bóng tối, nó đứng câm lặng như vẫn thế. K. chưa bao giờ thấy ở đó dấu hiệu nhỏ nào của cuộc sống, có lẽ ở xa như thế không thể nhận ra cái gì cả, nhưng con mắt vẫn khao khát được thấy cái gì đó, và không thể nào chịu được sự bất động câm lặng này. Nhìn Lâu đài, thỉnh thoảng K. cảm thấy như mình đang quan sát một ai đó ngồi điềm tĩnh và nhìn ra trước mặt, chưa mải nghĩ ngợi, nhưng tuy thế vẫn xa lánh với mọi thứ khác; một cách tự do, người đó không quan tâm đến điều gì cả như thể chỉ có một mình anh ta, và không ai để ý đến, thế nhưng anh ta cũng biết là có người nhìn, điều đó không quấy rầy sự yên tĩnh của anh ta. Và quả vậy - ai biết được điều đó là nguyên nhân hay hậu quả - cái nhìn quan sát của chàng không dừng lại được mà cứ tuột khỏi Lâu đài. Hoàng hôn đến sớm hôm nay đã làm tăng thêm ấn tượng đó của chàng; càng nhìn tòa Lâu đài, chàng càng khó nhận ra nó, càng thấy tất cả chìm sâu vào mờ ảo.

Vừa lúc chàng đến cạnh quán Ông chủ chưa được chiếu sáng, bên cửa sổ đã mở ở tầng một, một người trẻ tuổi béo tốt, mặc áo choàng lông thú, mày râu nhẵn nhụi, thò đầu ra nhìn. Anh ta không đáp lại lời chào của K., dù chỉ là gật đầu khe khẽ. K. không gặp ai ở hành lang, cũng như trong quầy uống. Mùi bia tụ lại càng trở nên ngột ngạt hơn lần trước. Trong quán Bên cầu không thể có mùi như thế được. K. lập tức đi đến cạnh cánh cửa mà lần trước chàng đã ngó trộm ngài Klamm. K. thận trọng ấn cái then cửa, nhưng cửa đã đóng,

chàng thử rờ rẫm tìm lỗ quan sát, nhưng chắc người ta đã bịt lại một cách chắc chắn nên chàng không tìm thấy, phải bật diêm. Có tiếng kêu đột ngột làm chàng hoảng hốt. Ở trong góc cạnh lò sưởi, giữa cánh cửa và chiếc tủ thấp dùng để bày dụng cụ ăn uống và thức ăn, một cô gái ngồi co quắp, trong ánh lửa của que diêm lóe sáng, cô ta nhìn chàng bằng đôi mắt lim dim, ngái ngủ. Chắc cô ta là người thay Frida. Cô ta nhanh chóng định thần, rồi bật đèn, nét mặt vẫn còn giận dữ, sau đó mới nhận ra K..

- A, ông đạc điền! - cô ta mỉm cười nói và chìa tay giới thiệu. - Tôi là Pepi.

Cô ta người bé nhỏ, khuôn mặt đầy đặn, hồng hào, khỏe mạnh; mái tóc dày, màu hung được tết thành búi dày, những mớ tóc quăn loã xõa quanh khuôn mặt. Bộ quần áo được may bằng thứ vải màu xám, bóng, kiểu cắt đơn giản không hợp với cô ta, ở phía dưới là dải lụa buộc quanh thành túm vụng về trẻ con, làm cho cô ta cử động khó khăn. Cô ta hỏi thăm Frida có nhanh chóng trở lại không. Có cái gì xỏ xiên trong câu hỏi đó.

- Sau khi Frida đi, người ta liền đưa em đến đây, vì không thể đưa bất kì ai đến đây cũng được, - cô ta nói. - Cho đến nay em là gái hầu phòng, nhưng em đã đổi lấy công việc không hay ho gì cho lắm. Ở đây có nhiều việc vào buổi tối và nửa đêm, rất mệt, em sẽ khó mà chịu được, em cũng không ngạc nhiên là Frida đã bỏ việc ở đây.

- Ở đây Frida rất bằng lòng, - K. nhận xét để lưu ý Pepi về sự khác biệt giữa cô ta và Frida, - cô ấy không nghĩ đến chuyện ấy đâu.

- Ông đừng bao giờ tin chị ấy, - Pepi nói, - Frida biết kiềm chế bản thân đến mức có ít người làm được. Điều gì không muốn thừa nhận thì chị ấy không thừa nhận, và người ta không nhận thấy rằng chị ấy cần phải thừa nhận một điều gì. Em cũng đã phục vụ ở đây với chị ấy được vài năm, bọn em thường ngủ chung một giường. Vậy mà chúng em vẫn chưa là

bạn bè đáng tin cậy của nhau, bây giờ thì chắc chắn chị ấy không nhớ đến em nữa. Có lẽ bà chủ quán Bên cầu là người bạn duy nhất của chị ấy, và điều này cũng đúng thôi.

- Frida là vợ chưa cưới của tôi, - K. nói trong khi kín đáo tìm lỗ quan sát trên cánh cửa.

- Em biết, chính vì thế mà em kể, - Pepi nói. - Mà ông cần gì mới được chứ?

- Tôi hiểu, tôi hiểu, - K. nói, - cô nghĩ rằng tôi có thể tự hào là đã chinh phục được cô gái lầm lì này!

- Vâng, - Pepi nói và cười vẻ bằng lòng như thể cô ta đồng ý với K. khi nói đến Frida.

Nhưng không phải những lời cô ta nói đã làm K. bận tâm và làm chàng sao nhãng việc tìm lỗ quan sát, mà là sự xuất hiện của cô ta, việc cô ta ở trong quầy uống này. Tất nhiên là cô ta trẻ hơn Frida, còn trẻ con lắm, quần áo thật buồn cười, rõ ràng cô ta ăn mặc như vậy là phù hợp với sự tưởng tượng quá đáng của mình về tầm quan trọng của một cô gái bán hàng ở quán rượu. Mà sự tưởng tượng của cô ta theo ý mình là chính đáng, bởi vì chỗ làm việc mà nói chung là không hợp với cô ta, thật sự đã đến bất ngờ không cần cô ta phải hi vọng hay xứng đáng hay không. Mà cô ta cũng chỉ nhận công việc này một cách tạm thời, ngay đến chiếc túi đựng tiền bằng da mà Frida vẫn đeo ở thắt lưng, người ta cũng không giao lại cho cô ta. Sự bất bình giả tạo của cô ta đối với chỗ làm việc không có gì khác bệnh sĩ diện hão. Thế nhưng mặc cho mọi sự ngây ngô trẻ con của mình, cô ta có thể có những mối quan hệ với Lâu đài, bởi vì nếu cô ta không nói dối thì cô ta đã từng là gái hầu phòng. Không biết gì về sự may mắn của mình, cô ta đã như trong mơ để mất ở đây bao nhiêu ngày, nhưng, chàng có ôm ngang tấm thân nhỏ nhắn, béo tốt của cô ta thì cũng không chiếm được một lợi thế nào, việc đó cùng lắm chỉ cho phép chàng tiếp xúc được với cái thế giới nọ để khích lệ chàng trên con đường gian khổ. Thế thì có lẽ việc ấy cũng sẽ xảy ra như với Frida? Ồ, không, tất cả sẽ khác chứ. Chỉ cần nghĩ đến ánh

mắt của Frida thì sẽ hiểu ngay. Chắc K. sẽ không bao giờ đụng đến Pepi, vậy mà giờ đây, trong một chốc lát, chàng vẫn phải nhắm cặp mắt nhìn cô gái một cách thèm thuồng.

- Ở đây không được bật đèn, - Pepi nói và tắt công tắc. - Em bật đèn lên là vì anh làm em hoảng quá. Anh tìm gì ở đây vậy? Frida bỏ quên cái gì ở đây à?

- Phải, - K. nói và chỉ vào cánh cửa, - cô ấy quên ở đây, trong căn phòng này một tấm khăn trải bàn thêu màu trắng.

- Vâng, cái khăn trải bàn của chị ấy, - Pepi nói, - em nhớ ra rồi, một tấm khăn đẹp, em đã giúp chị ấy thêu, nhưng nó không thể có trong phòng này được.

- Frida tưởng là chiếc khăn có ở đây. Thế ai ở đây vậy? - K. hỏi.

- Không có ai cả, - Pepi nói. - Đây là phòng các ông lớn, họ ăn uống ở đây, nghĩa là căn phòng này chỉ phục vụ chuyện đó, nhưng phần lớn các ông ấy thích ở trên phòng của họ.

- Nếu biết được rằng lúc này không có ai ở đó, - K. nói, - tôi đi vào ngay để tìm chiếc khăn trải bàn. Nhưng điều đó không chắc chắn, chẳng hạn Klamm thường ngồi ở đó.

- Chắc chắn bây giờ Klamm không có ở trong đó, - Pepi nói, - ông ấy sắp đi ngay mà, xe trượt tuyết đang đợi ông ấy ở ngoài sân.

K. chẳng nói chẳng rằng vội đi khỏi quầy uống, nhưng ở ngoài hành lang chàng không đi về hướng lối ra, mà trở vào phía trong nhà, và sau vài bước chàng đã đến sân. Ở đây đẹp và yên tĩnh biết bao! Cái sân hình tứ giác, ba phía có nhà bao bọc, phía ngõ - ngõ phụ, K. không nhận ra - là bức tường cao màu trắng với chiếc cổng lớn, nặng nề đang mở sẵn. Ở đây nhìn từ sân lên ngôi nhà có vẻ cao hơn là nhìn từ phía trước, ít nhất thì toàn bộ tầng một đã hoàn toàn được xây cất cẩn thận, có mái hiên bằng gỗ khép kín bọc quanh với một khe hở ở độ cao ngang tầm mắt. Nằm nghiêng đối diện với K., ở phần giữa ngôi nhà, nơi tiếp nối với hồi nhà là lối vào đang mở tự do, không có cửa. Trước lối vào có xe trượt tuyết màu tối do

hai con ngựa kéo, đã đóng lại, đang đứng. Không nhìn thấy ai cả ngoài gã xà ích mà từ xa trong ánh hoàng hôn, K. cũng chỉ ngờ ngợ đúng hơn là thấy.

Đút tay vào túi quần, thận trọng quan sát xung quanh rồi men theo tường, vòng qua hai đầu sân, K. đến bên chiếc xe trượt tuyết. Gã xà ích là một trong số những người nông dân vô công rồi nghề chàng thấy lần trước trong quầy bán rượu. Co ro trong chiếc áo lông, gã thờ ơ nhìn chàng đến gần, giống như người ta vẫn thường theo dõi con mèo đi lẻn. Gã xà ích vẫn lãnh đạm như không ngay cả khi chàng đã đứng trước mặt và chào gã. Những con ngựa bắt đầu không chịu đứng im vì sự xuất hiện đột ngột của một người trong bóng tối. Mừng vì không ai để ý đến mình, K. tựa người vào tường lấy thức ăn ra và trong khi nghĩ đến Frida với lòng biết ơn vì sự chăm lo của cô, chàng nhìn trộm vào trong nhà. Cái cầu thang uốn vuông góc dẫn xuống phía dưới nơi có hành lang thấp, dài cắt ngang. Tất cả đều sạch sẽ, mới được quét vôi trắng với những đường nét đậm và dứt khoát.

K. phải chờ đợi nhiều hơn là chàng đã nghĩ. Chàng ăn xong đã lâu, ngày càng rét buốt hơn, trời từ màu xám chuyển sang tối, và Klamm vẫn chưa đến.

- Có thể còn lâu đấy... - một giọng khàn khàn vang lên đột ngột ngay gần K. làm chàng giật mình. Đó là gã xà ích, như thể mới tỉnh dậy, gã vươn vai và ngáp thành tiếng.

- Cái gì có thể còn lâu? - K. hỏi và không lấy làm tiếc rằng người ta đã quấy rầy mình, vì sự yên tĩnh căng thẳng kéo dài đã làm chàng khó chịu.

- Cho đến khi ông đi, - gã xà ích trả lời.

K. không hiểu, nhưng chàng cũng không gặng hỏi, chàng nghĩ làm như vậy thì có thể buộc con người tự cao tự đại này lên tiếng. Việc chàng không trả lời thật là có tác dụng kích thích trong bóng tối. Và quả nhiên gã xà ích sau một lúc im lặng đã hỏi:

- Ông muốn uống cô nhắc không?

- Có, - K. trả lời không nghĩ ngợi, chàng không cưỡng lại được lời đề nghị, vì chàng đang rét run.

- Thế thì ông mở xe trượt tuyết ra, - gã xà ích nói, - trong mặt bên của cái cặp còn một vài chai, ông lấy ra một chai mà uống rồi đưa cho tôi. Tôi khó mà bò ra khỏi đây vì cái áo lông thú.

Đối với K., phải làm những việc như thế thật không hợp một tí nào, nhưng nếu một khi chàng đã bắt chuyện với gã xà ích thì phải làm theo thôi, dù là liều lĩnh, vì Klamm sẽ bắt gặp chàng ở cạnh chiếc xe trượt tuyết. Chàng mở cánh cửa xe rộng, và lẽ ra chàng đã lôi ngay một chai rượu từ mặt bên của chiếc cặp treo ở phía trong cửa, nhưng lúc này khi cửa xe đã mở chàng không cưỡng lại được ý muốn vào hẳn phía trong xe; ít ra thì chàng cũng phải ngồi được trong đó chốc lát. Chàng đột ngột quyết định vào trong đó. Thật bất ngờ là trong xe ấm áp, dù cửa xe vẫn mở toang. K. không dám đóng cửa xe lại. Nói chung K. không cảm thấy mình đang ngồi trên ghế, vì chàng ngập giữa đống chăn gối, tấm lông thú, có thể quay ngang, quay ngửa, vươn vai mà ở đâu cũng thấy ấm áp. K. duỗi tay, tựa đầu vào những tấm gối, nhìn về phía ngôi nhà tăm tối. Tại sao chàng phải đợi lâu thế, tại sao Klamm vẫn chưa đến? Sau khi lang thang mãi trong tuyết và giờ đây hầu như choáng váng vì ấm, K. vẫn muốn Klamm đi xuống cho xong chuyện. Chàng chỉ ý thức được một cách mơ hồ, lộn xộn rằng tốt nhất là không nên để Klamm thấy chàng trong tình thế đó. Trong sự mê mải, chàng vẫn nhận ra thái độ của gã xà ích, bởi vì hắn cần phải biết rằng chàng đang ngồi trong xe trượt tuyết thế mà vẫn để yên, hắn không cần tới cả rượu cô nhắc. Đây là điều đáng cảm động đối với chàng, và K. muốn phục vụ hắn. Không thay đổi tư thế, chàng vụng về với tay về phía chiếc cặp nhưng không phải về phía cánh cửa mở, vì cánh cửa xa chàng, mà là về phía sau lưng chàng, nơi có cánh cửa đang đóng, trong cái túi ở đó cũng có mấy chai. Chàng lấy ra một chai mở nút ngửi rồi vô tình mỉm cười: cái mùi ngọt

ngào dễ chịu xốc vào mũi giống như khi chúng ta nghe những lời khen tốt đẹp từ một người nào đó mà ta rất yêu quý, và chúng ta không biết chính xác là khen gì. Chúng ta cũng không muốn biết, chỉ vui là người đó ở bên ta và nói với ta như vậy.

"Có thật đây là cô nhắc không?" - K. tự hỏi một cách nghi hoặc, và chàng đã tò mò nếm thử. Phải rồi, rượu cô nhắc, nó đốt cháy và sưởi ấm một cách tuyệt vời khi chàng uống, từ một thứ nước không có gì khác hơn một thứ hương liệu ngọt ngào đã biến thành thứ rượu không thể làm giả được của gã xà ích. "Có thể như vậy chăng?" - K. tự hỏi mình như trách móc và lại uống.

Ngay khi chàng nhấp một ngụm lớn thì điện bật sáng ở cầu thang, mái hiên, hành lang và phía trên lối vào nhà. Có tiếng bước chân đi xuống trên cầu thang, cái chai rơi khỏi tay K., rượu cô nhắc chảy lênh láng khắp một tấm lông thú, chàng nhảy ra khỏi chiếc xe. Chàng vừa kịp đóng sập cửa xe lại thì một người bước ra khỏi nhà. Chỉ có điều an ủi - hay ngược lại là đáng tiếc? - rằng người đó không phải là Klamm. Ông ta không phải Klamm mà là người K. đã nhìn thấy một lần ở cửa sổ trên tầng một. Ông ta còn trẻ, mặt mũi hồng hào, khẻo mạnh, nhưng quá nghiêm khắc. K. nhìn ông ta ảo não, nhưng cái nhìn ảo não này dành cho chính bản thân chàng. Giá mà chàng cho bọn giúp việc đến đây, chắc những người đó cũng xử sự như chàng thôi. Đứng trước mặt chàng người đàn ông đó vẫn im lặng, dường như trong lồng ngực rộng của ông ta không có đủ không khí để ông ta nói điều mình muốn.

- Việc này thật kinh khủng! - sau đó ông ta nói, và khẽ đẩy chiếc mũ trật ra khỏi trán, về phía sau.

Thế là thế nào? Chẳng lẽ ông ta không biết K. đã ngồi trong xe, và ông ta đã thấy việc gì khác kinh khủng? Chẳng lẽ là việc K. đã lọt vào trong sân?

- Ông làm sao đến đây được? - ông ta hỏi giọng nhỏ nhẹ hơn, và thở dài như phải tuân theo một sự cần thiết. Hỏi

kiểu gì vậy? Và chàng phải trả lời cái gì đây? Chàng phải công nhận trước mặt con người này rằng con đường mà chàng đã bỏ bao nhiêu hi vọng để vượt qua, giờ đây tỏ ra vô ích chăng? Thay cho câu trả lời, chàng quay về phía chiếc xe trượt tuyết, mở cửa lấy cái mũ của mình đã bỏ quên trong đó. Chàng ngượng ngùng khi thấy rượu cô nhắc đang rỏ giọt trên bậc lên xuống.

Sau đó chàng lại quay về phía ông ta, giờ thì chàng không nghĩ đến chuyện giấu việc mình đã ngồi ở trong xe, việc đó không phải là xấu xa nhất. Nếu ông ta hỏi, nhưng mà chỉ khi ông ta hỏi, thì nói chung chàng cũng không giấu giếm việc gã xà ích đã để chàng mở cửa xe, nếu không nói là buộc chàng mở. Thật ra, việc ông ta bắt gặp, và chàng không có thời gian ẩn nấp để sau đó tiếp tục chờ Klamm, hoặc việc chàng không có đủ sự lì lợm lạnh lùng để đóng cửa lại, ở trong xe mà đợi Klamm, hay là chàng đã không làm cái việc ít ra hãy nấp ở trong đó cho tới lúc ông ta đến gần, là những việc dở. Tất nhiên chàng đã không thể biết được Klamm đến hay không, trong trường hợp ông ta đến thì tốt nhất là chàng đón ở ngoài xe. Phải rồi, lẽ ra ở đây chàng đã có thể nghĩ ra một vài việc, còn bây giờ thì không thể nghĩ gì được nữa, bởi vì thế là hết.

- Ông hãy đi theo tôi, - ông ta nói, không hẳn ra lệnh, mệnh lệnh không ở trong những lời của ông ta, mà thể hiện qua cử động bàn tay đưa đẩy lời nói một cách cộc lốc và thờ ơ cố ý.

- Tôi đợi một người ở đây, - K nói không hi vọng thành công, mà chỉ nói để mà nói.

- Ông hãy đi nào, - ông ta nói lần thứ hai một cách tự tin như muốn tỏ ra rằng không bao giờ ông ta ngờ vực việc K. chờ đợi ai đó.

- Nhưng như thế thì tôi sẽ không gặp người mình đợi, - K. nói, bực bội. Bất chấp chuyện vừa xảy ra K. cảm thấy rằng chàng đã đạt được một cái gì đó, đã giành được một cái gì đó, dẫu rằng nó chỉ mới có vẻ như là của mình thì chàng cũng sẽ không trao khỏi tay ngay từ lời ra lệnh đầu tiên.

- Cho dù ông ở đây, hay ông đi, bằng cách nào ông cũng không gặp người đó, - ông ta nói với một niềm tin cứng nhắc nhưng vẫn lộ rõ sự nhượng bộ đối với diễn biến suy nghĩ của K.

- Thế thì tôi cứ ở đây dù không gặp được, - K. bướng bỉnh nói, chàng không chịu để ngài trẻ tuổi này đuổi khỏi đây bằng lời nói. Ngài trẻ tuổi với thái độ trịch thượng trên khuôn mặt thảng thốt, đã nhắm mắt lại một phút, như thể ngài muốn trở lại với đầu óc tỉnh táo của mình trước sự đần độn của K.. Rồi ông ta liếm hết môi bằng đầu lưỡi và nói với gã xà ích:

- Tháo ngựa ra!

Gã xà ích vâng lời, nhưng vẫn liếc trộm K. một cách tức tối. Bây giờ, trong chiếc áo lông to xù gã vẫn leo xuống ghế ngồi. Gã lưỡng lự không phải như chờ đợi ngài trẻ tuổi huỷ bỏ lệnh, mà là hi vọng rằng rốt cuộc K. sẽ thay đổi cách xử sự, gã bắt đầu cho ngựa kéo xe lùi về phía hiên nhà, chắc chắn ở đó, đằng sau cái cổng lớn có chuồng ngựa và nhà để xe. K. còn lại một mình, một phía là gã xà ích và chiếc xe trượt tuyết đang xa dần, phía khác, nơi mà K. đã đi đến đây, là ngài trẻ tuổi đang bỏ đi. Cả hai đều đi rất chậm, như thể muốn để chàng hiểu rằng chàng có quyền gọi họ quay lại.

Có lẽ K. cũng có cái quyền đó, nhưng chàng không thấy có ích lợi gì cả: gọi xe trượt tuyết trở lại có nghĩa là tự đuổi chính mình đi. Vậy là chàng ở lại, làm người chủ duy nhất của nơi đó, nhưng thắng lợi không mang niềm vui đến cho chàng. Hết nhìn theo ngài trẻ tuổi, chàng lại nhìn theo gã xà ích. Ngài trẻ tuổi, khi đến bên cửa mà K. đã bước qua để vào sân, còn quay lại nhìn lần nữa. K. như thấy ngài lắc đầu trước bấy nhiêu cảnh ương bướng, sau đó với cử chỉ cương quyết, nhanh nhẹn, và dứt điểm, ngài quay lại bước vào hành lang, rồi biến mất ngay ở đó. Gã xà ích tiếp tục ở lại trong sân, gã có nhiều việc với chiếc xe, phải mở cửa chuồng ngựa, đẩy chiếc xe lùi về chỗ của nó, phải tháo ngựa rồi dẫn ngựa đến cái máng ăn. Gã thực hiện những việc này một cách nghiêm túc và mải miết, không mảy may nghĩ đến chuyến đi sắp tới. Trong khi im lặng

làm những việc đó gã không hề liếc nhìn về phía chàng, và việc đó trong mắt K. là một sự quở trách còn gay gắt hơn cả thái độ của ngài trẻ tuổi. Sau đó, khi đã làm xong công việc ở chuồng ngựa, gã ngất ngưởng lê bước qua sân, đóng cái cổng lớn rồi chậm rãi quay trở lại, không để ý đến cái gì khác, chỉ chăm chú nhìn những bước chân của mình trong tuyết. Cuối cùng gã ở lại trong chuồng ngựa, và bây giờ mọi ánh điện đều đã tắt - sáng cho ai cơ chứ? - chỉ khe hở của hiên nhà là còn chiếu sáng. Và lúc đó, K. cảm thấy người ta đã cắt đứt mọi mối quan hệ với chàng và giờ đây tất nhiên chàng tự do hơn bao giờ hết, chàng có thể chờ đợi cho đến khi chàng muốn ở một nơi mà đối với chàng là cấm địa. Chàng đã giành được tự do này cho mình, người khác khó lòng làm được như thế. Không ai được phép đụng đến chàng hoặc đuổi chàng đi khỏi đây, kể cả nói với chàng cũng không ai được phép. Nhưng đồng thời - và niềm tin này của chàng ít ra cũng mãnh liệt - không có cái gì vô nghĩa hơn, không có cái gì tuyệt vọng hơn sự tự do, sự chờ đợi, và sự bất khả xâm phạm này.

CHƯƠNG IX

Sau đó chàng rời khỏi chỗ và quay lại, đi vào nhà. Bây giờ chàng không đi men theo tường mà đi ngang qua sân trên tuyết, ở hành lang chàng xô phải người chủ quán, anh ta lặng lẽ chào chàng và chỉ vào cánh cửa quầy uống. K. đi theo hướng đó, vì đang lạnh và muốn nhìn thấy mặt người, nhưng chàng đã thật sự thất vọng khi nhìn thấy ngài trẻ tuổi cạnh một chiếc bàn mà người ta đặt riêng ra cho ngài (còn những

người khác vẫn bằng lòng với những chiếc thùng). Ngài trẻ tuổi ngồi đó, đứng trước mặt ngài là - một cảnh tượng nặng nề đối với K. - bà chủ quán Bên cầu của chàng. Cô Pepi vẻ tự hào, với cái đầu nghiêng về phía sau, nụ cười không dứt và bím tóc đung đưa mỗi lần quay người, với ý thức không thể lay chuyển về phẩm giá của mình, cô vội vã chạy đi chạy lại, mang bia, và sau đó là mực và bút đến, vì ngài trẻ tuổi trải những tờ giấy ra trước mặt và đối chiếu các số liệu nào đó khi thì từ tờ giấy này, khi thì từ một tờ giấy khác ở nửa cuối chiếc bàn, và bây giờ ngài muốn viết. Bà chủ quán hơi bĩu môi, từ trên cao như vừa nghỉ ngơi vừa quan sát ngài trẻ tuổi và những tờ giấy của ông ta, như thể bà đã nói tất cả những điều cần nói, và người ta đã chấp nhận tất cả một cách tốt đẹp.

- Ngài đạc điền đây rồi, - ngài nói khi K. bước vào, và ngẩng lên nhìn sau đó lại cắm cúi vào những tờ giấy. Bà chủ quán chỉ nhìn lướt qua K. với ánh mắt thờ ơ không bị bất ngờ. Còn Pepi thì như thể lần đầu tiên nhìn thấy K., chàng bước đến quầy và gọi một cốc cô nhắc.

K. tựa vào quầy rượu, áp chặt tay vào mắt, không để ý đến điều gì cả. Sau đó chàng nếm thử cô nhắc và liền đẩy cốc rượu ra vì chàng thấy không thể thưởng thức nổi loại rượu đó.

- Các ông ấy cũng uống rượu này, - Pepi nói cộc lốc. Cô ta đổ đi số rượu còn lại, rửa cốc và lại đặt vào giá đựng.

- Các ông ấy có loại rượu ngon hơn, - K. nói.

- Có thể lắm, - Pepi nói, - nhưng tôi không có.

Với câu nói đó, cô ta đã giải quyết xong với K. và lại xoay quanh ngài trẻ tuổi. Nhưng vì ngài không cần gì cả, nên cô ta chỉ lượn lờ đằng sau lưng, và cố gắng nhìn trộm các giấy tờ qua vai của ngài với vẻ tôn kính, dè dặt. Đúng là sự tò mò và hợm hĩnh vô nghĩa, bà chủ quán cũng nhíu mày không đồng tình.

Thế rồi sau đó bỗng ngài trẻ tuổi ngẩng nhìn lên, mắt dán vào khoảng không, hầu như ngài lặng người đi. K. quay lại,

chàng không nghe thấy gì đặc biệt, và hình như những người khác cũng không nghe thấy gì cả. Bà chủ quán thì với những bước dài nhón chân chạy đến cánh cửa mở ra sân, và nhìn trộm ra ngoài qua lỗ tra khóa rồi với đôi mắt mở to, nét mặt hứng khởi bà ta quay lại với mọi người, vẫy họ đến gần. Bây giờ thì người ta thay nhau nhìn ra, nhìn lâu nhất là bà chủ quán, nhưng bà cũng nghĩ đến cô Pepi nữa, so với họ thì ngài trẻ tuổi là người thờ ơ nhất. Ông ta và Pepi nhanh chóng quay trở lại, chỉ có bà chủ quán là tiếp tục nhìn với vẻ mặt căng thẳng, người oằn xuống gần như là quỳ, trông như thể bà ta van xin, phù phép cái lỗ tra khóa để nó cho bà đi qua, vì đã từ lâu không thể nhìn thấy gì nữa. Và rốt cuộc khi ngẩng lên, bà vuốt khắp mặt, sửa lại tóc, thở sâu; có thể thấy rằng bà lại che mắt làm quen với cảnh tượng của căn phòng và mọi người một cách rất khó khăn. Bất chấp cả ý muốn của mình. K. không phải chỉ tin chắc vào điều mình đã biết mà còn đề phòng bị tấn công bất ngờ, trong chốc lát chàng cảm thấy là mình dễ bị thương tổn.

- Vậy là Klamm đã đi rồi sao? - chàng hỏi.

Bà chủ quán đi ngang bên cạnh chàng không nói nhưng ngài trẻ tuổi đã trả lời chàng từ chỗ chiếc bàn:

- Vâng, đúng thế, sau khi ông bỏ chỗ đón đợi ông ấy thì Klamm có thể ra đi. Nhưng ông ta mới nhạy cảm làm sao, thật đáng kinh ngạc. Bà có chú ý thấy ông ta lo lắng nhìn quanh không, bà chủ quán?

Bà chủ quán có vẻ không nhận thấy điều đó, ngài trẻ tuổi vẫn tiếp tục:

- Bây giờ thì may là không thể nhìn thấy gì nữa, gã xà ích đã quét luôn cả dấu vết trong tuyết.

- Bà chủ quán không nhận thấy gì hết, - K. nói, không phải để hi vọng điều gì đó, mà chỉ vì lời nhận xét tỏ ra kiêu kì và không thể bài bác được của ngài trẻ tuổi.

- Có lẽ lúc đó tôi không nhìn qua lỗ khoá, - bà chủ quán nói, thoạt đầu cốt để bảo vệ ngài trẻ tuổi, nhưng sau đó quay sang

bênh vực Klamm, và nói thêm: - Tuy vậy, tôi không tin rằng Klamm lại nhạy cảm cực kì như thế. Tất nhiên chúng ta lo cho ông ấy và muốn bảo vệ ông ấy. Cố gắng này của chúng tôi xuất phát từ chỗ Klamm là người cực kì nhạy cảm. Việc đó là tốt, chắc chắn Klamm cũng muốn như vậy. Còn như trong thực tế, sự việc ra làm sao thì chúng tôi không biết được, điều chắc chắn là nếu Klamm không muốn nói chuyện với ai thì sẽ không bao giờ ông ta bắt chuyện, cho dù người đó cố công quấy quả đến mức nào chăng nữa. Sự thật là Klamm sẽ không bao giờ thèm nói chuyện với người đó, sẽ không bao giờ cho phép người đó trực tiếp gặp mình. chỉ riêng điều đó là đã đủ rồi, tại sao lại phải để cho Klamm thật sự không chịu đựng được việc phải nhìn thấy người đó? Ít ra thì cũng không thể chứng minh được việc này vì ông ấy sẽ không bao giờ thử cả.

Ngài trẻ tuổi gật đầu vẻ sốt sắng:

- Về cơ bản, tất nhiên ý kiến của tôi cũng như thế, - ông ta nói, - nếu tôi nói hơi khác là vì để cho ngài đạc điền hiểu đó thôi. Mà đúng là lúc đó, vừa bước ra ngoài, Klamm đã nhìn quanh nửa vòng nhiều lần.

- Có lẽ ông ấy tìm tôi, - K. nói.

- Có thể, - ngài trẻ tuổi nói, - tôi không nghĩ điều đó.

Họ cười, cười to nhất là Pepi, người hầu như không hiểu đầu cua tai nheo gì hết.

- Nếu chúng ta đã có mặt vui vẻ như thế này, - ngài trẻ tuổi nói, - tôi muốn đề nghị ông đạc điền làm ơn bổ sung hồ sơ của tôi bằng một vài tư liệu.

- Ở đây các người viết nhiều quá, - K. nhận xét và liếc nhìn những tập hồ sơ từ xa.

- Vâng, một thói quen xấu, - ngài trẻ tuổi nói và lại cười, - nhưng có lẽ ông chưa biết tôi là ai cả. Tôi là Momus, thư kí làng của Klamm.

Nghe những lời này mọi người trong phòng đột nhiên nghiêm nét mặt, bà chủ quán và Pepi tất nhiên là đã biết ngài trẻ tuổi, thế nhưng việc nhắc đến tên tuổi và chức vụ của ngài

vẫn tác động sâu sắc đến họ. Bản thân ngài trẻ tuổi cũng dường như đã nói nhiều hơn mức cần thiết, và để thoát khỏi sự trang trọng sượng sùng ấy trong những lời nói, ngài chăm chú nhìn tập hồ sơ và bắt đầu viết; trong phòng không còn có thể nghe thấy gì khác hơn ngoài tiếng sột soạt của ngòi bút.

- Thư kí làng là gì vậy? - K. hỏi sau một lúc im lặng.

Momus sau khi tự giới thiệu, có vẻ không cho là thích hợp việc mình tự giải thích những chuyện như thế, bà chủ quán đã trả lời thay cho ngài:

- Ngài Momus là thư kí của ngài Klamm, như những người thư kí khác của Klamm, nhưng trụ sở của ngài, và nếu tôi không nhầm thì phạm vi hoạt động của ngài... - trong khi viết, Momus lắc đầu mạnh, nên bà chủ quán chữa lại, - nghĩa là chỉ trụ sở của ngài, chứ không phải phạm vi hoạt động của ngài, hạn chế ở trong làng. Ngài Momus chuyển giấy tờ của Klamm cho làng, và tất cả mọi giấy tờ từ dưới làng báo lên cho Klamm đều đến tay ngài trước tiên.

Do vẫn chưa hiểu lắm những chuyện này, K. nhìn bà chủ quán bằng đôi mắt trống rỗng làm cho bà ta phải nói thêm vẻ hơi lúng túng:

- Trật tự ở đây là như thế, tất cả các ông chủ ở Lâu đài đều có thư kí làng của mình.

Momus chú ý những lời bà chủ quán một cách chăm chú hơn cả K., ngài nói thêm:

- Phần lớn thư kí làng chỉ làm việc cho một ngài ở Lâu đài, nhưng tôi thì phục vụ hai người, Klamm và Vallabene.

- Vâng, - bà chủ quán nói, giờ thì bà cũng nhớ ra, bà quay về phía K.. - Ngài Momus làm việc cho hai người, Klamm và Vallabene, tức là hai lần thư kí làng.

- Những hai lần! - K. nói và gật đầu về hướng Mumus đang gần như ưỡn người ra trước, nhìn lên chàng. Chàng gật đầu với ngài trẻ tuổi như gật đầu với một đứa trẻ được người ta khen ngợi trước mặt mình. Nếu trong cử chỉ đó có cái gì là khinh bỉ thì hoặc là họ không nhận ra, hoặc là họ đang chấp

nhận. Mặc dù K. không được Klamm một lần liếc nhìn qua, trước mặt chàng, người ta tán dương một người thân cận của Klamm với ý định rõ ràng là gợi lên một sự thừa nhận và lời khen của chàng. Và K. đã không tiếp nhận điều đó như đáng ra chàng phải tiếp nhận; K. đang cố hết sức mình để được một cái liếc nhìn duy nhất của Klamm nhưng chàng lại không trọng vọng gì nhiều cái công việc của một kẻ như Momus, người được phép gần gũi Klamm. Và K. không ngạc nhiên hay ghen tị, bởi vì cái mà chàng cố gắng đạt được không chỉ là sự gần gũi của Klamm, mà là chính chàng, K., không phải ai khác, phải gặp được Klamm với những công việc của riêng chàng chứ không phải của ai khác, và không phải đến với Klamm để rồi chàng nghỉ ngơi, mà là để chàng đi tiếp, qua ông ta đến với Lâu đài.

Chàng liếc nhìn đồng hồ của mình và nói:

- Nào, bây giờ tôi phải đi về nhà.

Tình thế bỗng dưng thay đổi có lợi cho Momus.

- Tất nhiên, tất nhiên, - ngài trẻ tuổi nói, - những công việc ở nhà trường đang đợi ông. Nhưng ông còn phải dành cho tôi một phút nữa, chỉ để hỏi một vài câu ngắn thôi.

- Tôi không có hứng thú gì để làm việc đó, - K. nói và định tiến về phía cánh cửa.

Mumus ném một tập hồ sơ lên bàn và đứng dậy:

- Nhân danh Klamm tôi yêu cầu hãy trả lời những câu hỏi của tôi!

- Nhân danh Klamm ư? - K. nhắc lại. - Thế ra ông ta quan tâm đến việc của tôi sao?

- Điều đó không liên quan đến tôi, - Momus nói, - càng ít liên quan tới ông, cả hai chúng ta có thể yên tâm phó mặc ông ấy. Nhưng với trách nhiệm được ngài Klamm giao phó, tôi yêu cầu ông hãy ở lại đây và trả lời các câu hỏi.

- Ông đạc điền ạ, - bà chủ quán can thiệp vào, - tôi ngại phải tiếp tục khuyên bảo ông, bởi vì ông đã từ chối những lời khuyên thiện chí nhất của tôi một cách quá đáng. Tôi không

có gì cần phải bí mật, tôi đến gặp ngài thư kí đây cũng chỉ để báo cho ngài biết về thái độ ứng xử và về những ý định của ông, để dứt khoát miễn cho tôi, đừng đưa ông đến ở chỗ tôi. Quan hệ giữa chúng ta là như vậy, không còn có thể thay đổi được nữa. Còn nếu như giờ đây tôi nói ý kiến của mình thì không phải là để giúp đỡ ông, mà hoàn toàn chỉ để bớt phần nào công việc của ngài thư kí đang có nhiệm vụ nặng nề là phải thảo luận với một người như ông. Thế nhưng, nếu ông muốn, nhờ sự cởi mở của tôi, ông có thể rút ra từ những lời tôi nói điều gì đó có ích cho bản thân, bởi vì tôi không biết nói với ông bằng cách khác với nói thẳng, nói thẳng mà tôi còn không muốn nữa là. Trong trường hợp này tôi lưu ý ông rằng con đường duy nhất có thể đưa ông đến với Klamm là đi qua các biên bản của ngài thư kí đây. Tôi không muốn nói quá, có thể cả con đường này cũng không dẫn đến Klamm, nó có thể dừng lại ở cách xa ông ấy, việc này tùy thuộc vào ý định của ngài thư kí. Trong mọi trường hợp thì đây là con đường duy nhất đối với ông dẫn về hướng Klamm. Chẳng nhẽ ông muốn từ bỏ con đường duy nhất này không phải vì nguyên nhân nào khác mà chỉ vì ngang bướng sao?

- Ồ, thưa bà chủ quán, - K. nói, - con đường này cũng không phải là duy nhất và nó cũng không dẫn đến đâu cả, như mọi con đường khác mà thôi. Còn ngài, thưa ngài thư kí, có thật ngài quyết định điều tôi nói sẽ đến tai Klamm hay không?

- Tất nhiên rồi, - Momus nói, đôi mắt tự hào liếc ngang liếc ngửa vào nơi không có gì để nhìn cả, - bằng không tôi làm thư kí để làm gì?

- Bà thấy chứ, thưa bà chủ quán, - K. nói. - Hóa ra tôi không cần tìm con đường dẫn đến Klamm, mà trước hết phải đến ngài thư kí.

- Tôi đã muốn mở con đường này cho ông, - bà chủ quán nói. - Chẳng phải tôi đã đề nghị sáng nay là để tôi chuyển yêu cầu của ông đến Klamm đó sao? Việc này chỉ có thể được thực hiện qua ngài thư kí. Nhưng chính ông đã bác bỏ đề nghị của

tôi, và bây giờ ông cũng không còn con đường nào khác ngoài con đường này thôi. Tất nhiên sau những trò của ông mưu toan bất ngờ gặp được Klamm hôm nay thì ông càng ít có hi vọng thành công. Thế nhưng, niềm hi vọng cuối cùng, mong manh, không đáng kể, thật ra không tồn tại này lại là niềm hi vọng duy nhất của ông.

- Sao lại có chuyện này, thưa bà chủ quán? - K. nói. - Đầu tiên bằng mọi cách, bà can ngăn tôi đừng đến gặp Klamm, còn bây giờ thì lại coi trọng yêu cầu của tôi và thậm chí còn xem tôi gần như là người gặp rủi ro đến mức đó nếu những kế hoạch của tôi thất bại. Nếu trước đây bà thành thật khuyên tôi từ bỏ nỗ lực tìm đến Klamm, thì làm sao bây giờ bà lại xúi tôi tìm đường dẫn đến Klamm cũng một cách chân thành như thế, kể cả khi con đường đó không dẫn đến ông ta?

- Sao lại tôi xúi ông? - bà chủ quán nói. - Sao lại là xúi, khi tôi nói với ông rằng những cố gắng của ông là vô vọng? Đây quả là một sự trắng trợn, nếu ông định trút trách nhiệm lên đầu tôi như vậy. Chắc không phải sự có mặt của ngài thư kí đã xúi bẩy ông điều đó? Không, ông đạc điền ạ, tôi không hề có ý nghĩ thúc giục ông. Cùng lắm, tôi chỉ nói được rằng, khi mới gặp ông, có lẽ tôi đã đánh giá ông hơi cao. Việc ông chinh phục cô Frida một cách nhanh chóng đã làm tôi hoảng, tôi không biết được ông còn có thể làm những điều gì nữa, tôi muốn ngăn chặn những tai họa tiếp theo, tôi tưởng rằng chỉ có thể làm được việc đó nếu tôi cố gắng lay chuyển được ông bằng sự nài nỉ và đe dọa của mình. Nhưng rồi tôi đã học được cách suy nghĩ bình tĩnh hơn về những chuyện này. Ông muốn làm gì thì cứ việc. Những hành động của ông có lẽ để lại dấu chân in sâu trong tuyết ở ngoài kia, nhưng không để lại cái gì khác đâu.

- Bà đã không giải thích được những lời nói mâu thuẫn của mình, - K. nói, - nhưng tôi đã chỉ ra cho bà những mâu thuẫn đó. Còn bây giờ thì tôi yêu cầu ngài thư kí nói cho tôi biết là ý kiến bà chủ quán có đúng không, rằng nhờ biên bản ông định

ghi với tôi mà tôi có thể gặp được Klamm? Nếu đúng như vậy thì ngay lập tức tôi sẵn sàng trả lời mọi câu hỏi của ông.

- Không, - Momus nói. - Nói chung là không có những mối liên quan như thế. Chỉ có chuyện là trong tập tài liệu làng của Klamm phải ghi chép chính xác về buổi chiều hôm nay. Tôi đã ghi chép xong, giờ chỉ cần bù vào hai - ba tư liệu thiếu để cho quy củ mà thôi, không có mục đích nào khác đâu.

K. im lặng nhìn bà chủ quán không nói.

- Ông nhìn gì thế? - bà chủ quán hỏi. - Dễ thường tôi đã nói khác sao? Ông ta luôn luôn như thế, ngài thư kí ạ, luôn luôn như thế. Ông ta xuyên tạc điều người ta thông báo cho mình rồi sau đó nói rằng người ta đã thông báo không đúng. Từ đầu đến hôm nay tôi vẫn luôn bảo ông ta rằng ông ta không có hi vọng được Klamm tiếp đón. Mà, nếu ông ta không có hi vọng gì cả thì biên bản này cũng không giúp gì được. Có phải điều đó rõ hơn ban ngày không? Tôi nói tiếp rằng, biên bản này có thể tạo ra mối quan hệ hành chính thực tế duy nhất với Klamm, điều này cũng tương đối rõ và không thể phủ nhận. Nhưng nếu ông ta không tin tôi, và tôi không biết được là tại sao càng ngày ông ta càng hi vọng rằng có thể đến với Klamm, nếu trong một chừng mực nào đó chúng ta dựa theo ý nghĩ của ông ta, thì không có gì khác có thể giúp ông ta ngoài mối quan hệ hành chính thực tế duy nhất có được với Klamm là tờ biên bản này. Đây là tất cả điều tôi đã nói, nếu ai nói khác thì người đó xuyên tạc lời tôi một cách cố ý.

- Nếu như vậy, thưa bà chủ quán, - K. nói, - thì tôi xin lỗi vì đã hiểu lầm. Bây giờ mới rõ là tôi đã hiểu sai lời bà, dẫu sao tôi vẫn có hi vọng vô cùng mong manh.

- Hiển nhiên, - bà chủ quán nói. - Tôi cũng chỉ có ý kiến đó, nhưng lần này ông đã giải thích sai lời tôi nói theo hướng ngược lại. Theo ý kiến tôi, có hi vọng như thế đối với ông, nhưng trong mọi trường hợp chỉ dựa trên biên bản này thôi. Nhưng sự việc không chỉ bằng cách ông dồn ngài thư kí bằng câu hỏi: "Nếu tôi trả lời ông thì tôi có thể đến được với

Klamm chứ?". Nếu một đứa trẻ hỏi câu hỏi đó thì cùng lắm người ta chỉ cười nó, nhưng nếu một người lớn mà cũng hỏi như vậy thì xúc phạm đến nhà chức trách. Với câu trả lời tinh tế ngài thư kí đã có ý tốt giấu đi điều đó. Niềm hi vọng mà tôi nghĩ đến chính là ở chỗ thông qua biên bản mà ông có được mối quan hệ nào đó, có lẽ là mối quan hệ với Klamm. Điều đó chưa đủ để hi vọng hay sao? Tôi đặt cho ông một câu hỏi: Ông lấy gì để xứng đáng với cái mà niềm hi vọng mang đến, ông dựa vào cái gì mới được chứ? Thật ra là không thể nói cụ thể hơn về niềm hi vọng này, nhất là ngài thư kí với tư cách công chức cũng không bao giờ có thể ám chỉ đến, dù chỉ là thoáng qua. Đối với ngài thư kí, như ông ấy đã nói, chỉ là chuyện ghi biên bản chiều nay cho nó có quy củ mà thôi: ngài thư kí sẽ không nói nữa đâu cho dù ông dựa vào lời tôi mà lập tức bắt đầu gạn hỏi ông ấy.

- Ngài thư kí, - K. hỏi, - nghĩa là Klamm sẽ đọc biên bản này chứ?

- Không, - Momus trả lời. - Ông ấy đọc làm gì? Klamm không thể đọc tất cả các biên bản, thậm chí một tờ biên bản ông ấy cũng không đọc. Phần lớn ông ấy bảo: "Các anh hãy để tôi yên với các biên bản của các anh!"

- Ông đạc điền, - bà chủ quán nói với vẻ trách cứ, - ông làm tôi đau đầu với những câu hỏi như thế. Chẳng lẽ là cần thiết hoặc nói chung có gì hấp dẫn để Klamm phải đọc biên bản này và biết tỉ mỉ những chuyện không đâu của cuộc đời ông? Tốt nhất ông hãy nhẫn nhục yêu cầu người ta giấu Klamm tờ biên bản, dù yêu cầu đó cũng vô lí như yêu cầu trước, vì ai có thể giấu được Klamm điều gì?... Nhưng việc làm này chí ít thì cũng làm cho ông dễ có cảm tình hơn. Chẳng lẽ cái đó cần để cho cái mà ông gọi là niềm hi vọng của ông? Chẳng phải chính ông đã nói là ông hài lòng với việc được nói chuyện trước mặt Klamm, không cần biết Klamm có nhìn hay chú ý đến ông đó sao? Có phải với tờ biên bản này ít nhất ông cũng đạt được bấy nhiêu chuyện, hoặc có thể có nhiều hơn thế?

- Nhiều hơn ư? - K. hỏi. - Bằng cách nào?

- Ít ra là ông đừng đòi người ta đút ngay vào miệng mình tất cả mọi thứ bánh kẹo như một đứa trẻ! - bà chủ quán kêu to. - Ai có thể trả lời những câu hỏi như thế? Ông đã nghe rằng biên bản sẽ nằm trong tủ tài liệu làng của Klamm, và không thể nói gì về nó nữa. Nhưng ông có hiểu biết được toàn bộ ý nghĩa của tờ biên bản của ngài thư kí và tủ tài liệu làng chứ? Ông có biết rằng nếu ngài thư kí truy hỏi ông thì việc đó có ý nghĩa gì không? Có thể, thậm chí bản thân ngài thư kí cũng không biết được. Ông ấy ngồi đây bình thản làm công việc của mình vì sự quy củ như ông ấy đã nói. Nhưng ông nên biết rằng, Klamm đã bổ nhiệm ông ấy, ông ấy làm việc thay mặt Klamm, và cái mà ông ấy làm đều đã được Klamm chuẩn y trước, mặc dù có thể không bao giờ những việc đó đến tay Klamm. Ngài thư kí làm sao có thể được sự chuẩn y của Klamm nếu tinh thần của Klamm không ngự trị? Đừng cho là tôi nói như thế để lấy lòng ngài thư kí một cách lộ liễu, việc đó đơn giản là ngài thư kí không tha thứ nhưng mà tôi đâu có nói về cá nhân ngài thư kí, tôi nói là những lúc ngài có được sự chuẩn y của Klamm, như lúc này đây, thì ngài không khác gì một thứ công cụ trong tay của Klamm và vô phúc cho ai không làm theo ngài.

K. không sợ sự đe dọa của bà chủ quán, chàng chán ngấy những niềm hi vọng mà bà ta định làm cho chàng mắc bẫy. Klamm ở xa. Có một lần bà chủ quán ví Klamm như con chim đại bàng, lúc đó K. cảm thấy chuyện đó nực cười, nhưng bây giờ thì không. Chàng nghĩ đến một nơi xa, nghĩ đến một cái tổ không thể đến gần được và sự câm lặng của nó mà có lẽ chỉ một mình tiếng kêu của đại bàng mới phá tan được, tiếng kêu đó K. chưa từng nghe. Chàng nghĩ đến cái nhìn ngạo mạn và không nắm bắt được của nó, đến những vòng tròn vô hình ở trên cao được vẽ theo những đạo luật không thể hiểu nổi: Thấy những điều này đều cùng thể hiện đặc điểm của Klamm và đại bàng. Nhưng chắc chắn tờ biên bản không có gì liên

quan đến những việc đó, Momus giờ đây đang bẻ chiếc bánh hình cái vòng có rắc muối để ăn cùng với bia, làm muối và hạt thì là phủ đầy lên các tờ giấy.

- Chúc ngủ ngon, - K. nói. - Tôi kinh tởm tất cả các cuộc thẩm vấn.

Nói xong chàng thật sự bước về phía cánh cửa.

- Thế là ông ta vẫn cứ đi đấy, - Momus nói với bà chủ quán vẻ lo lắng.

- Ông ta không dám làm, - bà ta nói, K. không còn nghe gì nữa, chàng đã ở ngoài hành lang.

Trời lạnh, gió thổi mạnh. Anh chủ quán bước ra từ cửa đối diện, hình như anh ta đã quan sát hành lang qua một cái lỗ từ đó. Anh ta phải túm chặt chiếc áo bành tô trên người vì ngoài hành lang này gió quất mạnh.

- Ông đi đấy à, ông đạc điền? - anh ta hỏi.

- Anh ngạc nhiên sao? - K. hỏi.

- Vâng, - chủ quán nói. - Chẳng lẽ người ta không thẩm vấn ông à?

- Không, - K. nói. - Tôi không thể để cho họ thẩm vấn.

- Tại sao lại không? - chủ quán hỏi.

- Tại sao tôi lại phải để cho họ thẩm vấn, tại sao tôi phải làm theo một trò đùa hay thói đỏng đảnh của một công chức? Lúc khác có lẽ tôi đã làm theo cũng để đùa hoặc vì đỏng đảnh đấy, nhưng hôm nay thì không.

- Tất nhiên, tất nhiên, - chủ quán nói, một sự tán thành vì xã giao chứ không hẳn là tin tưởng. - Bây giờ tôi phải cho bọn đầy tớ vào quầy uống đây, - anh ta nói. - Đã đến giờ rồi, lúc nãy tôi đã không muốn quấy rầy cuộc thẩm vấn.

- Anh cho cuộc thẩm vấn quan trọng thế à?

- Ồ vâng, - chủ quán trả lời.

- Nghĩa là lẽ ra tôi không cần từ chối? - K. nói.

- Không cần, - chủ quán nói, - không cần thiết phải từ chối cuộc thẩm vấn. - Vì thấy K. im lặng nên anh ta nói thêm hoặc

là để an ủi chàng, hoặc là để thoát khỏi chàng thật nhanh: - Tốt, tốt, nhưng tuy thế trời không đổ ngay trận mưa đá lưu huỳnh vì chuyện đó đâu.

- Không, - K. nói, - trời không đổ trận mưa đá lưu huỳnh đâu.

Rồi họ cười, chia tay nhau.

CHƯƠNG X

K. bước ra ngoài gió đang hoang dại thổi, và từ chỗ cầu thang lên chàng nhìn vào bóng tối. Thời tiết rất xấu. Không hiểu sao chàng lại nhớ tới việc bà chủ quán đã cố gắng thuyết phục chàng làm biên bản ra sao, và chàng đã từ chối như thế nào. Tất nhiên đó không phải là nỗ lực rõ ràng, ngay liền đó bà ta lại đã ngấm ngầm xúi chàng từ chối việc làm biên bản. Rốt cuộc không thể biết được là chàng đã từ chối hay nghe theo bà ta. Bản chất của bà ta là quỷ quyệt và bà ta hành động có vẻ vô nghĩa và mù quáng như ngọn gió, theo một sự chỉ đạo của ai đó, từ xa mà không bao giờ chúng ta có thể biết được.

Mới đi được vài bước trên đường quốc lộ, chàng thấy hai người cầm đèn đi lảo đảo: tín hiệu của cuộc sống vui tươi. Chàng đi vội về phía họ, và những người đó cũng ngất ngưởng về phía chàng. Chính chàng cũng không biết là tại sao mình lại cảm thấy thất vọng đến thế khi nhận ra những kẻ giúp việc. Những người đó đến với chàng, chắc là Frida bảo họ; những chiếc đèn đã giải thoát chàng ra khỏi bóng đêm gào rít, ầm ĩ cũng là đèn của chàng. Vậy mà chàng vẫn cảm thấy thất vọng, chàng tưởng họ là những người lạ chứ đâu nghĩ là

những người quen cũ mà mình đã chán đến tận cổ này. Nhưng không chỉ những người giúp việc đến từ trong bóng tối, giữa họ, Barnabás bước ra.

- Barnabás! - K. kêu lên và chìa tay cho gã. - Anh đến gặp tôi à?

Cuộc gặp gỡ bất ngờ, đột ngột đã làm chàng quên đi mối thù mà mới gần đây nhất Barnabás đã gây nên cho chàng.

- Tôi đến gặp ông, - Barnabás vẫn thân mật như hôm nào. - Tôi mang thư của Klamm đến.

- Thư của Klamm! - K. ngẩng phắt đầu, nói và nhanh nhẹn lấy lá thư từ tay Barnabás. - Các anh soi đèn vào đây! - chàng bảo những người giúp việc đang từ bên phải và bên trái chen lên tới chỗ chàng, họ nâng đèn lên, K. phải gập nhỏ tờ giấy cỡ lớn để gió không giật đi, sau đó chàng bắt đầu đọc:

"*Gửi ngài đạc điền ở quán Bên cầu. Tôi ghi nhận những công việc đạc điền cho đến lúc này ngài đã hoàn thành. Công việc của những người giúp việc cũng đáng khen ngợi, ngài đã biết làm cho họ làm việc một cách tốt đẹp. Mong rằng nhiệt tình của ngài không giảm sút trong thời gian tới! Hãy đưa công việc này đến cùng, sự ngưng trệ sẽ làm tôi không hài lòng. Về những việc khác ngài hãy yên tâm, vấn đề tiền công sẽ được giải quyết nhanh chóng. Tôi vẫn để ý tới ngài*"

K. ngẩng lên nhìn sau khi đọc thư, những người giúp việc đọc chậm hơn, sung sướng trước tin vui, họ reo to lên ba lần tiếng hoan hô, đung đưa những chiếc đèn họa theo.

- Các anh hãy yên lặng, - chàng nói với họ; rồi sau đó với Barnabás: - Đây là một sự hiểu nhầm.

Barnabás không hiểu.

- Đây là sự hiểu nhầm, - K. nhắc lại, và nỗi mệt mỏi ban chiều lại xâm chiếm người chàng, con đường dẫn đến trường học trở nên dài vô tận, phía sau Barnabás hiện lên toàn bộ gia đình gã, còn những người giúp việc thì vẫn luôn luôn chen lấn cạnh chàng làm cho chàng phải dùng cùi tay, hất họ ra xa. Làm sao mà Frida bảo họ đến với chàng, một khi

chàng đã ra lệnh cho họ ở lại với cô ấy. Một mình chàng cũng có thể tìm về đến nhà cơ mà; đi một mình còn dễ hơn là đi với cả hội này. Thêm vào đó, một người trong bọn họ lại còn quấn chiếc khăn quanh cổ, đoạn cuối của chiếc khăn bay phất phới trong gió, mấy lần đã quất vào mặt K., cho dù người giúp việc thứ hai dùng những ngón tay dài nhọn luôn ngọ nguậy lập tức kéo nó ra khỏi mặt chàng thì cũng không giúp ích gì nhiều. Mà rõ ràng là họ thích thú cái trò chơi này, cũng như sự náo động của gió và đêm tối đã làm cho họ phấn chấn lên.

- Cút! - K. kêu lên. - Nếu các anh đến đón tôi, tại sao các anh không mang gậy của tôi đi theo? Bây giờ lấy gì để tôi đuổi các anh về nhà?

Nghe thế những người giúp việc trốn ra phía sau Barnabás, nhưng họ cũng không sợ đến mức không dám để những chiếc đèn của họ từ hai phía lên vai người bảo hộ. Tuy nhiên Barnabás ngay lập tức đã hất chúng xuống.

- Barnabás, - K. nói, vì chàng cảm thấy nặng nề trước việc Barnabás không hiểu mình, rằng những lúc bình yên thì áo chẽn của anh ta lấp lánh, những lúc có chuyện nghiêm chỉnh thì anh không thể tìm được sự giúp đỡ ở anh ta mà chỉ thấy một sự chống đối im lặng, không thể cùng chiến đấu với con người này được, bởi vì bản thân anh ta cũng không được bảo vệ, chỉ có nụ cười của anh ta là tỏa sáng, nhưng nụ cười cũng không giúp được gì giống như những ngôi sao ở trên trời trước cơn bão dữ tợn dưới mặt đất.

- Anh xem, ngài chánh văn phòng đã viết gì cho tôi, - K. nói và chìa lá thư trước mặt anh ta. - Người ta đã thông báo cho ngài không đúng. Tôi chưa hoàn thành công việc đạc điền nào cả, còn những người giúp việc làm được tích sự gì thì chính anh cũng thấy đấy. Vì công việc chưa làm nên không thể có sự ngưng trệ, nghĩa là cả sự không hài lòng của ngài tôi cũng còn chưa làm được thì làm sao tôi có được sự thừa nhận của ngài! Và tôi cũng không thể nào yên tâm được.

- Rồi đây tôi sẽ báo cáo, - Barnabás nói; suốt thời gian đó anh ta nhìn lá thư mà không thể đọc được vì K. đã để lá thư quá gần mặt anh ta.

- Ồ, anh lúc nào cũng hứa là sẽ báo cáo, - K nói, - nhưng chẳng lẽ tôi có thể tin được anh à? Tôi rất cần một liên lạc viên có lời nói đáng tin cậy, bây giờ lại càng cần hơn bao giờ hết. - Chàng cắn môi vì sốt ruột.

- Thưa ông, - Barnabás nói, đầu hơi nghiêng sang bên, và với cử chỉ đó anh ta lại khiến cho K. phải tin mình: - Hoàn toàn chắc chắn là tôi sẽ báo cáo, tôi cũng sẽ báo cáo việc mà gần đây nhất ông đã giao cho tôi.

- Làm sao cơ? - K. kêu lên. - Thế anh vẫn chưa giải quyết việc đó à? Hôm đó anh không đến Lâu đài à?

- Không, - Barnabás nói. - Ông đã thấy đấy, bố tôi là một người già cả, đang lúc có nhiều việc nên tôi đã phải giúp đỡ ông cụ, nhưng bây giờ thì tôi sẽ đi ngay lên Lâu đài.

- Anh làm gì, người đâu mà quá đáng! - K. kêu lên và vỗ tay lên trán. - Thế không phải những việc của Klamm là quan trọng hay sao? Anh là liên lạc, vậy mà anh đã đảm đương trọng trách đó một cách tồi tệ như thế sao? Ai quan tâm đến công việc của bố anh? Klamm đang chờ tin tức, còn anh lẽ ra phải vắt chân lên cổ mà chạy thì lại lấy việc chuyển phân ra khỏi chuồng là quan trọng nhất!

- Bố tôi là thợ giày, - Barnabás nói không chút bối rối. - Ông cụ đã nhận hàng của Brunswick, và tôi là người phụ việc.

- Thợ giày! Đặt hàng! Brunswick! - K. kêu lên một cách xót xa như thể dứt khoát vô hiệu hóa những từ đó. - Ở đây ai cần đến giày đi trên những con đường muôn thuở hẻo lánh này kia chứ? Và tôi liên quan gì đến toàn bộ chuyện đóng giày dép này? Không phải tôi nhờ anh nhắn tin để rồi anh quên khuấy đi mà vá giầy, mà là để anh chuyển ngay cho ngài.

Lúc này K. đã hơi bình tĩnh lại vì chàng nhớ rằng có thể trong thời gian đó Klamm không ở Lâu đài mà có mặt ở quán Ông chủ. Nhưng Barnabás lại làm K. bực mình khi anh ta bắt

đầu đọc lại thuộc lòng điều nhắn gửi đầu tiên của chàng để chứng tỏ rằng anh ta nhớ rõ ra sao.

- Đủ rồi, - K. nói. - Tôi không muốn nghe một lời nào nữa.

- Ông đừng giận tôi, thưa ông, - Barnabás nói và dường như định trừng phạt K. một cách vô tình, anh ta không nhìn chàng mà nhìn xuống đất, thật ra anh ta chỉ hoảng lên vì tiếng quát của K..

- Tôi không giận anh, - K. nói và sự bực bội của chàng giờ đây quay lại chống chàng. - Tôi không giận anh, nhưng thật nguy cho tôi vì tôi chỉ có người liên lạc như thế này trong những công việc quan trọng.

- Ông xem, - Barnabás nói, và có lẽ vì bảo vệ danh dự của người liên lạc nên anh ta đã nói nhiều hơn mức cho phép. - Klamm không chờ đợi tin tức, thậm chí ngài cáu thẳng thừng nếu phải nhìn thấy tôi. "Lại những tin mới!", có một lần ngài đã nói vậy, và phần lớn là ngài đứng dậy đi sang phòng bên khi vừa thoáng trông thấy tôi, không thèm tiếp. Mà thực ra cũng không có quy định là tôi phải trình báo ngay tất cả mọi điều nhắn gửi, nếu có thì tất nhiên tôi đã đi ngay, nhưng không có gì hết, không có quy định nào như thế cả, và như vậy thì người ta cũng chẳng lưu ý nếu tôi không bao giờ xuất hiện. Nếu tôi chuyển lời nhắn gửi thì cũng chỉ vì lòng tốt của mình thôi.

- Được rồi, - K. nói, chàng chăm chú nhìn Barnabás, không để ý tới những người giúp việc đang thay nhau rướn người lên từ từ sau lưng Barnabás như từ một thiết bị nâng lên hạ xuống, sau đó đột nhiên họ lại đổ nhào xuống với tiếng huýt sáo bắt chước tiếng gió thổi, tuồng như sợ K.. Họ giải trí như vậy hồi lâu.

- Ở chỗ Klamm như thế nào thì tôi không biết, tôi cũng nghi ngờ là anh biết tất cả một cách chính xác ở chỗ ngài, mà nếu anh có biết tất cả một cách chính xác thì chúng ta cũng không thể thay đổi được cái gì. Nhưng việc chuyển lời nhắn của tôi thì anh làm được, và tôi yêu cầu anh làm việc đó. Chỉ

một lời nhắn ngắn gọn thôi. Anh đưa đến ngay ngày mai và ngay ngày mai anh có thể nói câu trả lời, hoặc chí ít thì anh cũng có thể thông báo về việc người ta đã đón tiếp như thế nào? Anh có làm được và muốn làm việc này không? Việc này có nhiều ý nghĩa đối với tôi. Và có lẽ tôi sẽ có cách để trả ơn anh xứng đáng; hay là ngay bây giờ anh cũng có mong muốn gì chăng?

- Chắc chắn tôi sẽ thực hiện sự ủy nhiệm, - Barnabás nói.

- Và anh sẽ hoàn thành một cách tốt đẹp theo khả năng: anh chuyển cho Klamm lời nhắn gửi, và xin ông ta câu trả lời. Anh làm việc này ngay ngày mai, sáng ngày mai chứ?

- Tôi làm cái gì tôi làm được, - Barnabás nói. - Tôi vẫn luôn luôn làm việc đó.

- Chúng ta đừng tranh luận nữa về điều đó, - K. nói. - Lời nhắn của tôi như sau: Ông đạc điền đề nghị ngài chánh văn phòng cho phép ông ta được trình bày trực tiếp những điều muốn nói, ông ta chấp thuận trước mọi điều kiện kèm theo sự cho phép đó. Ông ta buộc phải làm như vậy vì những nhân vật trung gian, cho đến lúc này, đã hoàn toàn không có tác dụng, và điều đó đã dẫn đến việc cho đến lúc này ông ta chưa làm được một chút công việc đạc điền nào. Theo thông báo của ngài trưởng thôn thì ông đạc điền sẽ không bao giờ có thể làm việc được, chính vì vậy mà ông ta đọc lá thư gần đây nhất của ngài chánh văn phòng với một sự xấu hổ tuyệt vọng mà chỉ có việc thưa chuyện trước mặt ngài chánh văn phòng mới giúp được ông ta. Ông đạc điền rất biết rằng yêu cầu của ông ta quá lớn, nhưng ông ta sẽ cố gắng để làm phiền ngài chánh văn phòng ít nhất, ông ta buộc mình phải hạn chế thời gian, và nếu thấy cần thiết, bằng lòng chấp nhận việc xác định trước số lời sẽ dùng khi thưa chuyện, và tin rằng ông ta chỉ cần mười lời cũng đủ sung sướng rồi. Xin chờ quyết định với lòng kính trọng và sự hồi hộp căng thẳng.

K. nói một cách say sưa như thể đang đứng trước cửa phòng Klamm và nói với người gác cổng vậy.

- Dài hơn là tôi nghĩ nhiều, - sau đó chàng nói, - tuy vậy, anh phải chuyển cho ngài bằng lời nói, tôi không muốn viết thư, vì thư chỉ lọt vào các tập hồ sơ bất tận mà thôi.

Thế rồi chàng viết nguệch ngoạc những điều vừa nói lên một mẩu giấy kê trên lưng một người giúp việc, trong khi người kia soi đèn cho chàng. Và giờ đây chàng viết theo lời đọc của Barnabás, bởi vì anh ta đã nhớ và nói từng lời như một cậu học trò, không để ý tới những lời huyên thuyên giả dối của những người giúp việc.

- Anh có trí nhớ cực kì đấy, - K. nói và đưa cho anh ta tờ giấy, - tôi chỉ yêu cầu anh hãy tỏ ra cực kì trong những việc khác nữa. Bây giờ chúng ta hãy nghe những mong muốn của anh. Anh có muốn gì không? Nói thật, nếu anh có mong muốn gì thì tôi mới có phần yên tâm về số phận điều tôi nhắn gửi.

Barnabás đầu tiên im lặng, sau đó nói:

- Chị và em gái tôi có lời chào ông.

- Chị và em gái anh à? - K. nói. - Phải rồi, đó là những cô gái khỏe mạnh, to lớn.

- Cả hai đều gửi lời chào, nhất là Amália, - Barnabás nói, hôm nay cô ấy mang về cho tôi lá thư từ Lâu đài gửi anh.

Câu cuối cùng này đã thu hút K. hơn tất cả.

- Thế cô ấy có thể chuyển lời nhắn gửi của tôi vào Lâu đài được không? - K. hỏi. - Hoặc anh với cô ấy có thể cùng đi và cả hai thử xem có may mắn hay không?

- Amália không được phép vào các văn phòng, - Barnabás nói, - nếu không thì cô ấy rất sẵn sàng làm việc đó.

- Có lẽ ngày mai tôi đến chỗ các anh,-K. nói. - Nhưng anh hãy đến trước với câu trả lời cho tôi. Tôi đợi anh trong trường học. Anh chuyển lời chào của tôi đến các chị anh.

Barnabás tỏ ra rất mừng vì lời hứa của K., khi họ chia tay, anh ta không chỉ bắt chặt tay K. mà còn khẽ vuốt ve vai chàng nữa. K. nhận cử chỉ đó như thể tất cả lại đâu vào đấy giống như khi Barnabás lần đầu tiên bước vào quầy uống,

nổi bật lên giữa những người nông dân, chàng mỉm cười như nhận một phần thưởng. Tính khí chàng dịu đi, dọc đường về nhà chàng để mặc cho những người giúp việc muốn làm gì thì làm.

CHƯƠNG XI

K. về đến nhà người hoàn toàn lạnh cóng, trời tối om, các ngọn nến đã cháy hết; với sự dẫn đường của những người giúp việc, họ đã quen ở đây, chàng mò mẫm bước vào một phòng học.

- Hành động đáng khen ngợi đầu tiên của các anh, - K. nói, khi nhớ lại lá thư của Klamm. Frida, nửa thức nửa ngủ, quát về phía họ từ một góc phòng:

- Các anh hãy để K. ngủ! Đừng quấy rầy anh ấy!

Mặc dù đã không chờ được chàng vì buồn ngủ, nhưng những ý nghĩ của cô chỉ dành cho K.. Giờ đây họ đã thắp được đèn, nhưng không thể vặn bấc đèn lên cho đủ, họ còn rất ít dầu. Còn thiếu nhiều thứ trong công việc nội trợ mới. Họ cũng đốt lò sưởi, nhưng cái lò sưởi lọt thỏm trong phòng học lớn và đồng thời được dùng làm phòng thể dục: các dụng cụ thể dục đứng bao quanh phòng, được treo lên trần nhà nữa. Họ nói với K. là phòng đã ấm lên rồi, nhưng sau đó rất tiếc nó lại lạnh. Trong một gian nhà kho có chứa khá nhiều củi nhưng người ta đã khóa trái gian nhà kho đó, thầy giáo giữ chìa khoá, anh ta không cho phép đốt lửa bằng củi đó, chỉ trong giờ dạy thì mới được đốt. Thảy những điều ấy còn có thể chịu đựng được nếu họ có một cái giường để ngả người. Nhưng họ không có

chỗ nằm nào khác ngoài cái đệm rơm đã được bọc ngoài bằng những chiếc khăn quàng đẹp, bằng len của Frida, không có chăn nhồi lông chim, chỉ có hai cái chăn thô, cứng, ít giữ được ấm. Những người giúp việc nhìn cái đệm rơm thảm hại này vẻ thèm muốn nhưng tất nhiên họ không hi vọng là có thể được nằm lên đó. Frida lo ngại liếc nhìn K., ở trong quán Bên cầu cô ta đã chứng minh là mình biết sắp xếp một cái phòng khéo léo như thế nào, cho dù cái phòng không ra gì đi nữa, còn ở đây thì thiếu mọi thứ, nó vẫn như cũ, cô đã không làm được gì nhiều hơn.

- Chúng ta có một thứ trang trí phòng duy nhất là các dụng cụ thể dục này, - cô nói với nụ cười mệt mỏi, đẫm nước mắt. Còn chỗ nằm và lò sưởi thì cô quả quyết hứa ngày hôm sau sẽ lo, cô yêu cầu K. hãy kiên nhẫn. Cô không có một lời nào, một cử chỉ nào, hay một biểu hiện nào trên nét mặt có thể nhận ra rằng trong trái tim cô có nỗi cay đắng vì K., dù chỉ là tí chút, mặc dù chính K. phải thầm thừa nhận rằng chàng đã đưa cô ra khỏi quán Ông chủ và quán Bên cầu. Chàng cố gắng chấp nhận tất cả, và việc đó thật may là cũng không mấy khó khăn đối với chàng, bởi vì ý nghĩ của chàng đang bám theo Barnabás, thầm nhắc lại từng lời điều mình nhắn gửi, nhưng không phải theo cách của Barnabás mà như là nói trước mặt Klamm, theo sự tưởng tượng của chàng. Trong khi đó K. thật sự mừng vì cốc cà phê mà Frida đã nấu cho chàng trên bếp đun bằng cồn, và tựa vào lò sưởi đã nguội lạnh, chàng chú ý những động tác lanh lợi, thuần thục của Frida khi cô trải tấm vải trắng không thể thiếu được lên bục giảng, rồi đặt tách cà phê có in hoa lên đó, để cạnh đấy bánh mì và mỡ súc, thậm chí cả một hộp cá xác-đin nữa. Giờ đây tất cả đã chuẩn bị xong, cô cũng chưa ăn vì đợi K.. Có hai cái ghế, K. và Frida ngồi trên đó, cạnh chiếc bàn, còn những người giúp việc thì ngồi trên cái bệ, bên chân họ, nhưng không một phút giây những người giúp việc chịu yên, trong khi ăn chúng cũng quấy rầy hai người. Mặc dù những người giúp việc đã được ăn

uống thoải mái tất cả, và chưa ăn hết phần của mình, từ xa chúng vẫn bật dậy liên tục để ngó xem còn có gì trên bàn, có thể xin thêm được miếng gì chăng. K. không để ý nhiều đến chúng, chỉ có tiếng cười của Frida làm chàng chú ý đến chúng. Chàng âu yếm để tay mình lên bàn tay của Frida ở trên bàn, nhẹ nhàng hỏi cô tại sao lại quan tâm đến những người giúp việc và chịu đựng sự vô lễ của chúng một cách thân mật như thế? Cứ như vậy, họ không thoát khỏi những người giúp việc, nếu đối xử cứng rắn với những người giúp việc, đúng như sự cư xử của họ xứng đáng phải có thì không chóng thì chày họ phải kiềm chế chúng, làm cho tình hình của chúng khó khăn đến mức rốt cuộc chúng phải trốn đi. Nói chung, sống ở trong trường học này xem ra không phải là chuyện thoải mái gì. Nhưng mà cũng không lâu nữa, có thể nói rằng họ sẽ không nhận thấy mình đang chịu đựng bao nhiêu sự thiếu thốn, nếu họ tống cổ được bọn giúp việc, sống với nhau trong một ngôi nhà yên tĩnh - Frida có lẽ không thấy rằng bọn giúp việc ngày càng hỗn láo hơn, cứ như thể sự có mặt của Frida đã khuyến khích chúng, và chúng hi vọng trước mặt cô K. sẽ không gò bó chúng như chàng vẫn làm. Mà có lẽ cũng có cách hết sức đơn giản để họ đuổi chúng ra khỏi cửa không cần dài dòng văn tự. Có lẽ Frida cũng biết cần phải làm gì, bởi vì cô hiểu rất rõ các mối quan hệ ở đây. Có thể chính bản thân bọn giúp việc cũng mừng nếu họ bỏ mặc chúng, vì ở đây đời chúng cũng không phải là hoàn toàn mĩ mãn, giờ đây trò lười biếng của chúng đã kết thúc, ít ra thì cũng phần nào, bởi vì chúng phải bắt tay vào công việc. Sau những ngày hồi hộp gần đây nhất, Frida cần phải nghỉ ngơi, cô sẽ buộc K. phải tìm lối thoát khỏi tình trạng khó khăn của hai người. Nhưng nếu bọn giúp việc đi khỏi thì chàng nhẹ nhõm đến nỗi bên cạnh mọi sự bận rộn khác, chàng vẫn dễ dàng hoàn thành công việc của nhà trường.

Frida lắng nghe một cách chăm chú, cô chậm rãi ve vuốt cánh tay chàng, và nói rằng ý kiến của cô cũng như thế.

Nhưng có lẽ K. quá bận tâm đến sự vô lễ của bọn giúp việc còn trẻ măng, vui tính và hơi ngờ nghệch này, lần đầu tiên phục vụ người lạ, chúng hơi hồi hộp và ngạc nhiên trước tất cả mọi chuyện, bởi vì chúng thoát khỏi kỉ luật nghiêm khắc ở Lâu đài, cho nên chúng làm những điều ngu ngốc khiến chúng ta bực tức, nhưng thông minh nhất là chúng ta chỉ cười, phớt lờ đi. Chẳng hạn thỉnh thoảng cô đã không thể nhịn cười được. Mặc dù như thế thì cô hoàn toàn đồng ý với K. rằng quả thật tốt nhất là cho chúng đi đi, để hai người ở lại với nhau. Cô xích lại gần K. hơn, áp mặt lên vai chàng nói lúng búng làm K. phải cúi xuống, rằng thật đáng tiếc là cô không biết làm thế nào để đuổi bọn giúp việc, và cô sợ rằng những gì mà K. đề ra cũng sẽ thất bại. Theo cô biết thì chính K. đã cho gọi chúng, bây giờ chàng đã có chúng rồi thì cũng phải giữ chúng lại. Tốt nhất là đối với chúng một cách trịch thượng như đối với những kẻ ngớ ngẩn, bởi vì làm như vậy thì ngay cả những người đó cũng vẫn có thể chấp nhận được.

Câu trả lời không làm K. thỏa mãn; chàng nhận xét nửa đùa nửa thật rằng dường như Frida cùng cánh với chúng, hoặc chí ít thì cũng quá bao dung đối với chúng. Tất nhiên chúng là những kẻ điển trai, nhưng chỉ cần có nghị lực thì không có ai là không đuổi đi được, chàng sẽ chứng minh điều đó qua bọn giúp việc.

Frida trả lời rằng cô sẽ rất biết ơn nếu chàng làm được việc đó, từ bây giờ trở đi cô sẽ không cười chúng, không nói một lời thừa nào với chúng nữa. Mà quả là thật không có cái gì đáng cười ở chúng cả, quả thật không phải là chuyện nhỏ nhặt khi bị hai người đàn ông thường xuyên theo dõi, và bây giờ cô đã học được cách nhìn chúng bằng đôi mắt của K.. Mà đúng là cô cũng hơi rùng mình khi những người giúp việc lại đột ngột ngẩng lên, vừa để ý xem còn cái ăn nữa không, vừa để biết họ thì thầm cái gì lâu vậy.

K. thừa dịp đó để làm cho Frida chán bọn giúp việc, chàng kéo Frida vào gần và họ ngồi sát bên nhau ăn xong bữa. Đã

đến giờ họ đi ngủ, mọi người đều rất mệt, đến nỗi một tên giúp việc đã ngủ trong khi ăn, việc đó làm cho tên kia khoái trá, và bằng mọi giá hắn đã muốn chủ hãy nhìn xem tên đang ngủ có bộ mặt ngớ ngẩn làm sao. Nhưng hắn không làm sao đạt được điều đó. Frida và K. ngồi ở phía trên vẻ bất cần. Họ không muốn đi ngủ trong khí lạnh tăng dần đến mức không thể chịu được. Cuối cùng K. bảo phải đốt lửa lại, nếu không thì không tài nào ngủ được ở đây. Chàng tìm cái rìu, những người giúp việc biết có một chiếc, chúng lấy ra, và bây giờ chúng đi ra chỗ nhà kho. Trong chốc lát chúng đập vỡ cánh cửa yếu ớt, vẻ hào hứng như thể trong đời chúng chưa từng tham gia một việc đẹp tuyệt vời như thế, chúng xua đuổi, chen lấn nhau để mang củi, chẳng mấy chốc củi đã chất đống trong phòng học. Họ đốt lửa, và cả bọn cùng xúm quanh lò sưởi. Bọn giúp việc nhận một chiếc chăn để chui vào, đối với chúng một chiếc chăn là đủ lắm rồi, vì chúng thỏa thuận rằng một trong hai đứa thường xuyên thức để trông lửa. Chẳng mấy chốc xung quanh lò sưởi nóng đến nỗi không cần đến chăn nữa. Họ tắt đèn, K. và Frida nằm xuống vẻ hạnh phúc trong ấm áp và yên tĩnh. Lúc nửa đêm, thức giấc vì tiếng động, bằng cử chỉ còn ngái ngủ K. tìm Frida và chàng nhận ra một đứa giúp việc nằm cạnh mình thay Frida. Có lẽ do bực mình vì phải thức giấc đột ngột, K. cảm thấy một nỗi kinh hoàng lớn nhất mà chàng trải qua kể từ khi có mặt trong làng. K. thét lên nhổm dậy và gần như mất trí, chàng tống một quả đấm vào tên giúp việc mạnh đến nỗi kẻ bất hạnh òa khóc tại chỗ. Nhưng mà ngay lập tức mọi việc đều đã rõ. Frida đã thức giấc vì - ít ra thì cô cũng đã cảm thấy như vậy - có con vật to, có lẽ một con mèo nhảy lên ngực cô, và liền đó nó đã chạy mất. Cô dậy thắp nến và sục sạo khắp căn phòng tìm mèo. Một tên giúp việc đã lợi dụng cơ hội đó để có thể tận hưởng đệm rơm một lát, và vì việc đó mà giờ đây hắn bị trừng phạt một cách chua chát. Frida không tìm thấy con vật nào cả, có lẽ tất cả chỉ là sự tưởng tượng mà thôi, cô trở lại chỗ K.

Trên đường, dường như quên mất cuộc nói chuyện lúc tối của họ, vẻ an ủi, cô đã vuốt ve tóc tên giúp việc đang ngồi bó gối khóc mếu máo.

K. không nói gì cả, chàng chỉ ra lệnh cho bọn giúp việc thôi đừng đốt lửa nữa, vì sau khi chúng đốt toàn bộ đống củi, căn phòng đã quá nóng.

CHƯƠNG XII

Đến sáng họ thức dậy khi những đứa học sinh đầu tiên đến trường, chúng đứng bao quanh chỗ nằm của họ một cách tò mò. Đây là điều khó chịu, bởi vì do trong phòng quá nóng, họ đều đã cởi áo sơ mi, và khi họ bắt đầu mặc quần áo thì cô giáo Giza, một cô gái đẹp nhưng hơi cứng, dáng to lớn, tóc màu vàng xuất hiện ở cánh cửa. Có thể thấy là cô giáo không bị bất ngờ trước người phục vụ mới của nhà trường, và có thể cô đã được thầy giáo hướng dẫn phải đối xử với chàng như thế nào, bởi vì ngay trên ngưỡng cửa cô đã tuyên bố:

- Tôi không thể chấp nhận được việc này. Đẹp nhỉ! Ông được phép ngủ ở trong phòng học, còn tôi không có nghĩa vụ phải dạy trong phòng ngủ của ông. Một người phục vụ nhà trường có gia đình mà lại ngả ngớn trong giường ngủ đến tận trưa! Hừ!·

"Về việc này có thể nói lại, nhất là chuyện gia đình và giường chiếu!" - K. nghĩ, trong khi cùng Frida vội vàng đẩy cái xà đôi và ngựa gỗ, lấy tấm chăn len thô khoanh lại một góc để bọn trẻ không nhìn vào được, như vậy ít ra họ cũng có thể thay quần áo. Bọn giúp việc vô tích sự thì nằm nhìn chằm

chầm vào cô giáo và bọn trẻ. Nhưng từ giờ họ không yên được một phút nào nữa, ngay lập tức cô giáo đã bắt đầu lên giọng hạch sách tại sao không có nước sạch trong chậu rửa, - K. đang nghĩ phải mang chậu cho Frida và cho mình, nhưng không muốn làm cho cô giáo quá bực mình, chàng đành bỏ ý định đó, nhưng kết quả không được là bao, vì liền sau đó có tiếng kêu loảng xoảng. Tiếc thay, họ đã quên dọn phần còn lại của bữa cơm tối khỏi bục giảng, và bây giờ cô giáo đã hất tất cả xuống đất bằng cái thước kẻ của mình. Việc dầu cá xác-đin và nước cà phê thừa đổ ra, tách cà phê bị vỡ không làm cô giáo bận tâm: sở dĩ có người phục vụ nhà trường là để ngay lập tức hắn phải dọn dẹp. Frida và K. còn chưa mặc hết quần áo, tựa vào cái xà đôi nhìn số của cải ít ỏi của mình bị phá hoại, bọn giúp việc thì không nghĩ đến việc phải mặc quần áo, từ dưới chăn ngó ra khiến những đứa trẻ vô cùng khoái chí. Tất nhiên đau nhất đối với Frida là mất chiếc tách cà phê, chỉ khi K. tuyên bố vẻ an ủi rằng ngay lập tức chàng đi gặp trưởng thôn để xin đền bù và chắc chắn là chàng sẽ được nhận, thì lúc đó cô mới trấn tĩnh lại, mặc áo sơ mi và chiếc váy lót, cô chạy ra phía sau chỗ nấp để lấy chiếc khăn trải bàn vì cô muốn ít ra thì cũng phải giữ không cho họ làm bẩn mất. Cô đã làm được việc đó, mặc dù cô giáo với chiếc thước kẻ liên tiếp đập xuống bàn đinh tai nhức óc làm cho cô khiếp đảm. Các sự kiện thật sự đã làm cho bọn giúp việc mê muội, K. và Frida sau khi đã mặc xong quần áo, chẳng những phải thúc giục chúng mặc quần áo bằng cách ra lệnh và xô đẩy, mà họ còn phải đưa quần áo cho chúng nữa. Khi rốt cuộc mọi người đều đã chuẩn bị xong, K. phân công công việc như sau: bọn giúp việc mang củi vào, và đốt lửa lên, nhưng trước tiên ở trong một phòng học khác, nơi đang có mối nguy đe dọa chính, vì thầy giáo chắc là đã có ở đó, Frida phải rửa sàn nhà, K. lấy nước và dọn dẹp. Tạm thời chưa nghĩ đến ăn sáng. Nhưng trước hết K. muốn kiểm tra tâm trạng của cô giáo, vì thế chàng quyết định mình là người đầu tiên đi ra, những người

còn lại sẽ đi theo chàng nếu được chàng gọi đến. Sở dĩ chàng quyết định như vậy, là vì một mặt chàng không muốn vì sự ngu ngốc của bọn giúp việc làm tình thế tiếp tục xấu đi, mặt khác chàng thương Frida, cô là người tự ái, còn chàng nói chung là không như thế, Frida là người nhạy cảm, chàng không; Frida chỉ thấy những việc nhỏ nhặt ngang tai trái mắt bây giờ, còn chàng thì ngược lại chỉ nghĩ đến Barnabás và tương lai. Frida chấp thuận mọi chuyện chàng muốn, và không rời mắt khỏi chàng. K. bước ra sau chiếc xà đôi, cô giáo, trong khi bọn trẻ cười ngặt ngẽo không dứt, đã kêu lên:

- Nào, các người ngủ đã rồi chứ?

Thực ra đó cũng không phải là câu hỏi thật sự, cho nên K. chỉ bỏ ngoài tai và chàng tiến đến chậu rửa, lúc ấy cô giáo hỏi:

- Các người đã làm gì con mèo của tôi thế?

Một con mèo già to, béo, nằm thõng thượt trên chiếc bàn, cô giáo đang xem xét chân trước của nó vì có một thương tích gì trên đó. Vậy là Frida đã không nhầm, đúng là có con mèo nhưng nó không nhảy lên người cô, - vì nó không còn mấy sức để nhảy nữa, - mà chỉ lê lết khắp phòng và giật mình vấp phải người trong căn nhà trống nó đã hốt hoảng trốn chạy, và trong sự vội vàng đối với nó là khác thường này, con mèo đã bị thương nhẹ. K. thử bình tĩnh giải thích sự việc cho cô giáo, nhưng cô giáo chỉ thấy kết cục của nó.

- Phải, phải rồi, các người đã làm nó bị thương, các người bắt đầu bằng việc này, - cô giáo nói. - Ông nhìn xem!

Cô giáo gọi K. đến chỗ bục giảng, chỉ cho chàng chân trước của con vật, và trước khi K. kịp tính toán, cô giáo đã cào khắp mu bàn tay chàng bằng những chiếc móng của con mèo. Những chiếc móng đã mòn, không sắc, nhưng lần này không thương tiếc cả con mèo của mình, cô giáo ấn sâu những cái móng làm tứa máu ở tay chàng.

- Bây giờ thì ông hãy đi làm việc của mình, - cô giáo nói vẻ sốt ruột, và lại cúi xuống với con mèo.

Frida đang quan sát sau chiếc xà đôi cùng với bọn giúp việc

đã kêu lên khi nhìn thấy máu. K. chỉ cho bọn trẻ thấy tay mình và nói:

- Các cháu có thấy con mèo độc ác, nham hiểm đã làm gì chú không?

Tất nhiên chàng nói không phải vì bọn trẻ, chúng vẫn gào thét và cười ré lên không kìm được, đúng là không cần khuyến khích hay tạo cơ hội để chúng làm ầm ĩ lên, bởi vì không có lời nói nào có thể tác động đến chúng. Nhưng vì cô giáo cũng chỉ đáp lại lời xúc phạm bằng cái liếc mắt thoáng qua, con mèo đã thu hút sự chú ý của cô giáo, có vẻ như cô ta đã trút hết sự giận dữ đầu tiên bằng hình phạt đẫm máu. K. gọi Frida và bọn giúp việc ra, chàng bắt tay vào công việc.

Sau khi đổ nước bẩn và rửa sạch cái xô, chàng quét dọn phòng học. Một cậu học sinh khoảng mười hai tuổi bước ra từ chỗ có chiếc ghế dài, nó chạm vào cánh tay K. và nói với chàng điều gì đó không thể hiểu được vì quá ồn ào. Bỗng dưng tiếng ồn im bặt. K. quay lại. Cái điều mà cả buổi sáng chàng vẫn lo sợ đã xảy ra. Thầy giáo đứng ở cửa, con người bé nhỏ ấy mỗi tay nắm vào cổ áo một tên giúp việc, anh ta túm được chúng trong khi lấy củi. Anh ta hét tướng lên, giọng đứt quãng:

- Ai dám đột nhập vào kho chứa củi? Thằng ấy ở đâu để tôi nghiền nát nó ra?

Frida lúc đó đang rửa sàn nhà trước chân thầy giáo, cô ngồi thẳng lên, liếc nhìn K. như muốn lấy sức, và với tư thế và ánh mắt làm nhớ lại ưu thế xưa kia, cô nói:

- Tôi đã làm việc đó, thưa thầy giáo. Tôi đã không tìm thấy giải pháp nào khác. Nếu như phải sưởi nóng cho phòng học từ sáng sớm, thì phải mở cửa nhà kho chứ. Lúc nửa đêm tôi không dám xin ngài chìa khoá, chồng chưa cưới của tôi thì lúc đó lại đang ở quán Ông chủ, tôi không thể biết được là anh ấy có ngủ lại ở đó không, vì vậy tôi phải tự quyết định lấy. Nếu tôi đã hành động không đúng lúc thì xin thầy thứ lỗi, tôi chưa có kinh nghiệm, chồng chưa cưới của tôi cũng vừa quở trách tôi khi anh ấy nhìn thấy việc gì đã xảy ra. Anh ấy liền cấm

chúng tôi không được đốt lò sưởi sớm, vì anh ấy tưởng việc thầy giáo khóa cửa kho củi là để chúng tôi hiểu rằng, chừng nào thầy chưa đến thì chúng tôi không phải đốt lò sưởi, còn chuyện đột nhập vào kho củi là lỗi của tôi.

- Ai đã phá cửa? - thầy giáo hỏi bọn giúp việc đang cố thoát khỏi tay mình một cách vô hiệu.

- Ngài đạc điền, - cả hai cùng nói, và để khỏi phải nghi ngờ, chúng chỉ vào K.

Frida bật cười, và nụ cười này là sự xác nhận có hiệu lực mạnh hơn cả những lời cô nói. Sau đó, cô bắt đầu vắt giẻ lau dùng để lau sàn nhà phía trên chiếc xô, như thể với những điều cô nói thì sự việc đã kết thúc, và sự khẳng định của bọn giúp việc không là cái gì khác sự đùa tếu ngu ngốc mà thôi. Chỉ khi quỳ xuống tiếp tục công việc, cô mới nhận xét:

- Những người giúp việc của chúng tôi là trẻ con, bất kể tuổi tác, lẽ ra chỗ của họ là ở đây, trên những chiếc ghế này. Buổi tối, quả thật chính tôi đã mở cửa kho bằng cái rìu, việc đó diễn ra đơn giản, không cần đến những người giúp việc, họ chỉ làm quẩn chân. Thế rồi đến đêm chồng chưa cưới của tôi về, anh ấy đi ra để xem xét, và nếu có thể thì chữa lại chỗ hỏng, những người giúp việc đã chạy theo anh ấy có lẽ vì chúng không dám ở đây một mình, và thấy chồng chưa cưới của tôi đang loay hoay với cánh cửa bị phá nên bây giờ chúng nói thế... Nhưng chúng là trẻ con mà...

Trong khi Frida còn đang nói, bọn giúp việc cứ lắc đầu, tiếp tục chỉ vào K., và bằng trò chơi không lời cố làm cho Frida thay đổi ý kiến, nhưng điều đó không thành công, rốt cuộc chúng cũng phải đầu hàng, xem những lời nói của Frida là mệnh lệnh, khi thầy giáo hỏi lại thì chúng không trả lời.

- Như vậy là các anh đã nói dối hả? - thầy giáo hỏi. - Hoặc chí ít thì các anh đã đổ việc đó một cách vô trách nhiệm cho người phục vụ nhà trường phải không? - Bọn giúp việc im lặng, nhưng sự run rẩy và cái nhìn hoảng sợ đã khiến cho thầy giáo nghĩ chúng có tội thật. - Thế thì tôi sẽ nói chuyện

với các anh! - thầy giáo nói và bảo một đứa trẻ sang lớp khác lấy cái roi. Nhưng khi thầy vừa nâng roi thì Frida đã kêu lên:

- Những người giúp việc nói đúng! - Rồi cô vứt chiếc giẻ lau vào cái xô, vẻ tuyệt vọng, làm nước bắn tung tóe lên cao, chạy trốn vào phía sau chiếc xà kép.

- Quân dối trá! - cô giáo nói. Cô ta vừa băng bó xong bàn chân trước của con mèo, và ôm nó vào lòng, con vật không đủ chỗ ở đó.

- Vậy là còn lại ngài phục vụ nhà trường, - thầy giáo nói, rồi đẩy bọn giúp việc ra, quay về phía K. đang chống chổi lắng nghe những chuyện vừa rồi, - ngài phục vụ nhà trường này vì hèn nhát mà đã thản nhiên để người ta buộc tội người khác do những việc làm đê tiện của mình.

- Nào, - K. nói và nhận thấy sự can thiệp của Frida tuy thế mà đã làm dịu bớt cơn tức giận không thể kìm nén lúc đầu của thầy giáo. - Nói chung tôi sẽ không ân hận, nếu chúng bị một trận đòn, phải đến hàng chục lần đáng bị đánh mà chúng lại được tha, thì lần này, chúng thật sự đáng được một trận đòn oan. Nhưng tôi cũng mừng nếu tránh được sự va chạm trực tiếp giữa hai chúng ta, thầy giáo ạ, và có lẽ anh cũng không muốn làm ngược lại. Nhưng nếu Frida đã hi sinh tôi vì bọn giúp việc, - nói đến đây K. dừng lại, có thể nghe tiếng nức nở của Frida sau tấm chăn, - thì tất nhiên cần phải làm rõ sự việc.

- Không thể nghe được! - cô giáo nói.

- Tôi hoàn toàn đồng ý với ý kiến của chị, chị Giza ạ, - thầy giáo nói. - Còn ông, người phục vụ nhà trường, sau khi thực thi trách nhiệm của mình một cách tồi tệ như thế này, ông có thể cắp mũ đi đâu thì đi, rồi ông còn bị xử phạt thích đáng nữa. Bây giờ thì cùng với gia đình, ông hãy biến khỏi đây ngay lập tức. Chúng tôi rất nhẹ nhõm nếu ông đi khỏi để cuối cùng chúng tôi có thể bắt đầu dạy. Một, hai, nào!

- Một bước tôi cũng không đi khỏi đây, - K. nói. - Ông là cấp trên của tôi, nhưng tôi không nhận công việc ở ông, mà là từ

ngài trưởng thôn, và tôi chỉ chấp thuận sự sa thải của ông ta. Ông ta không tìm việc này cho tôi để tôi chịu lạnh cóng ở đây với những người của mình, mà là để, như ông cũng đã nói, tôi đừng làm những việc thiếu suy nghĩ vì tuyệt vọng, sự thải hồi tôi ngay lập tức là trái với những ý định của ông ta, chừng nào chưa nghe từ chính miệng ông ta điều ngược lại, tôi không tin gì hết cả. Mà có lẽ việc tôi không làm theo sự sa thải nông nổi của ông cũng có lợi lớn cho ông.

- Tóm lại ông không chấp hành? - thầy giáo hỏi.

K. lắc đầu.

- Ông hãy cân nhắc cho kĩ, - thầy giáo nói. - Những quyết định của ông không phải lúc nào cũng tốt nhất, chẳng hạn ông hãy nghĩ đến chiều hôm qua, khi ông đã khước từ cuộc thẩm vấn.

- Tại sao bây giờ ông lại nhắc tới chuyện đó? - K. hỏi.

- Vì tôi thích thế, - thầy giáo nói. - Và tôi nói lần cuối cùng: Ông hãy đi khỏi đây!

Nhưng vì lời nói này cũng không có tác dụng, thầy giáo đi đến bục giảng và thì thầm trao đổi với cô giáo. Cô ta nhắc đến công an, nhưng thầy giáo bác bỏ ý kiến này, cuối cùng họ đã thỏa thuận. Thầy giáo bảo bọn trẻ sang bên lớp của anh ta để lát nữa chúng học cùng với những đứa khác. Bước ngoặt này đã gây nên không khí vui vẻ chung, bọn trẻ liền cười nói ầm ĩ, rời khỏi phòng học, thầy giáo và cô giáo là những người cuối cùng ở lại. Cô giáo mang theo cuốn sổ lớp, cùng với con mèo béo hoàn toàn hờ hững trên đó. Thầy giáo muốn bỏ con mèo lại, nhưng cô giáo vin vào sự độc ác của K. đã gạt đi. Thì ra vì K. mà thầy giáo còn phải chịu dựng thêm cả con mèo nữa. Việc này sau đó đã ảnh hưởng đến những lời cuối cùng mà thầy giáo nói với K. từ cánh cửa:

- Cô giáo buộc phải rời phòng học cùng với bọn trẻ, bởi vì ông đã ngang bướng không chấp thuận sự sa thải của tôi. Không một ai có thể để một cô giáo trẻ dạy học ở nơi bẩn thỉu do công việc gia đình không tốt của ông. Vậy nên ông ở lại đây

một mình và cứ việc ngả ngớn theo ý thích, sự kinh tởm của những người quan sát tử tế sẽ không làm phiền ông. Nhưng mà không lâu đâu, tôi cam đoan về việc đó.

Nói rồi anh ta đóng sầm cửa lại.

CHƯƠNG XIII

Họ vừa đi khỏi, K. bảo bọn giúp việc:

- Chúng mày hãy đi khỏi đây!

Kinh ngạc trước mệnh lệnh đột ngột, bọn giúp việc đã phục tùng, nhưng khi K. vừa đóng cánh cửa sau lưng, chúng liền muốn quay trở lại, chúng rên rỉ ở ngoài đó và gõ cửa:

- Chúng mày đã bị đuổi việc! - K. quát lên. - Tao không bao giờ nhận chúng mày trở lại làm việc nữa!

Tất nhiên là chúng không hề để tâm đến điều đó, chúng đập cửa bằng chân, bằng nắm tay.

- Trở lại, thưa ông, trở lại với ông! - chúng hét lên như thể K. là đất khô, và chúng thì đang chết ngạt trong nước lũ. Nhưng K. không hề tỏ ra đồng cảm gì cả, chàng nóng lòng chờ đợi bao giờ thì sự ầm ĩ không thể chịu này buộc thầy giáo phải can thiệp. Chàng đã không phải đợi lâu.

- Ông hãy cho những kẻ giúp việc đáng nguyền rủa của ông vào đi! - thầy giáo kêu lên.

- Tôi sa thải chúng, - K. hét lên, với việc đó, ngoài ý muốn của mình chàng đã cho thầy giáo biết thế nào là người đủ sức mạnh để không chỉ sa thải mà còn làm cho sự sa thải có hiệu lực. Thầy giáo giờ đây cố gắng làm cho bọn giúp việc an tâm bằng những lời ngọt ngào: rằng chúng hãy kiên trì chờ đợi, rồi

cuối cùng K. cần phải cho chúng vào. Sau đó thầy giáo đi, lúc này lẽ ra tất cả đã yên ổn nếu K. lại không bắt đầu nói với chúng là chàng đuổi chúng mãi mãi, và chúng không có hi vọng mỏng manh nào để được trở lại phục vụ. Nghe thế, chúng lại bắt đầu làm ầm lên như trước. Thầy giáo lại xuất hiện nhưng bây giờ không giải thích nhiều, ông ta đuổi chúng ra khỏi nhà, rõ ràng với cái roi sậy ông ta là người đáng sợ.

Chẳng mấy chốc chúng đã xuất hiện trước cửa sổ phòng thể dục, đập lạch cạch và than vãn, nhưng không thể hiểu được lời của chúng. Nhưng chúng không ở lại đó lâu, trong tuyết sâu chúng không thể nhảy đi nhảy lại và sự lo lắng không để chúng ở yên một chỗ. Vậy là chúng chạy đến bên hàng rào nhỏ của trường học, và nhảy lên bậc đá; ở đó, dù từ xa, chúng vẫn nhìn vào phòng rõ hơn. Bám vào chấn song hàng rào, chúng nhảy lên nhảy xuống trên bậc đá và khẩn khoản chìa tay về phía K.. Chúng nài nỉ như vậy hồi lâu, không để ý đến việc gì khác, trong sự cố gắng vô ích của mình, giống như bị thôi miên, kể cả khi K. kéo tấm màn che lại để khỏi phải nhìn thấy chúng thì chúng vẫn không thôi.

Và bây giờ, trong căn phòng tranh tối tranh sáng, K. đến bên chiếc xà đôi để xem Frida làm sao. Trông thấy chàng, Frida nhổm dậy sửa lại tóc, nuốt nước mắt và không nói một lời, đi nấu cà phê. Mặc dù cô đã biết tất cả, K. vẫn muốn báo với cô rằng chàng đã sa thải bọn giúp việc. Frida gật đầu. K. ngồi trên một chiếc ghế, và quan sát cử động mệt mỏi của Frida từ đó. Tấm thân ốm yếu luôn được làm cho đẹp lên bởi sự tươi mát và tính cương quyết của cô, giờ đây vẻ đẹp đó không còn lại dấu vết gì nữa. Chỉ vài ngày sống với K. cũng đủ huỷ hoại sắc đẹp của cô. Công việc của cô ở quầy uống cũng chẳng nhẹ nhàng gì, nhưng chắc là phù hợp hơn đối với cô. Hay là nguyên nhân đích thực làm cho cô ấy tàn lụi là do cô ấy phải xa Klamm? Sự gần gũi của Klamm đã làm cho cô ấy trở nên quyến rũ một cách điên dại, và với sự quyến rũ đó cô đã thu hút K. đến với mình, còn giờ đây thì cô đã tàn úa trong cánh tay chàng.

- Frida! - K. gọi.

Frida liền đặt máy xay cà phê xuống và đi đến cạnh chiếc ghế K. đang ngồi.

- Anh giận em à?

- Không, - K. nói. - Anh tin rằng em không thể làm khác được. Em đã sống hạnh phúc ở quán Ông chủ. Lẽ ra anh phải để em ở đó.

- Vâng, - Frida nói và nhìn ra trước mặt vẻ buồn bã, - lẽ ra anh cần phải để em ở đó. Em không xứng đáng sống với anh. Nếu anh xa em ra, có lẽ anh sẽ đạt được tất cả những gì anh muốn. Vì nghĩ đến em mà anh đã chịu đựng sự ức hiếp của thầy giáo, anh nhận cái việc làm khốn khổ này, và cố gắng hết sức vất vả để được nói chuyện với Klamm. Anh làm những việc đó là vì em, mà em thì mang lại cho anh được cái gì.

- Không, - K. nói và ôm ngang người cô vẻ an ủi. - Những việc đó có gì đâu, và không hề phương hại đến anh. Anh muốn nói chuyện với Klamm không phải vì em. Em đã làm bao nhiêu việc vì anh! Trước khi quen biết em, anh đã lang thang ở đây một cách mù quáng. Không có ai chấp nhận anh, và nếu anh bám lấy ai thì người đó liền hất ra, còn nếu anh tìm được chốn yên thân thì ở đó có những con người làm anh phải vội vàng chạy trốn, họ là những người giống như gia đình Barnabás...

- Anh đã trốn khỏi họ? Có thật là anh đã chạy trốn không? Anh yêu quý! - Frida kêu lên cắt ngang vẻ sôi nổi, và sau tiếng "vâng" trả lời ngập ngừng của K., cô trở lại vẻ tư lự một cách mệt mỏi. Bây giờ K. cũng không còn đủ sức để nói là mối quan hệ của chàng với Frida đã làm cho số phận của chàng trở nên tốt đẹp đến mức nào. Chàng từ tốn cất cánh tay khỏi người cô, họ ngồi im lặng một lúc, sau đó cô gái cất tiếng nói, dường như cánh tay K. đã truyền cho cô cái hơi ấm mà lúc này cô không thể thiếu.

- Em sẽ không chịu được cuộc sống này ở đây. Nếu anh muốn giữ em lại thì chúng ta cần phải xuất dương, đi bất kì đâu, đến miền Nam nước Pháp hay đến Tây Ban Nha vậy.

- Anh không thể đi ra nước ngoài, - K. nói.- Anh đến đây là để ở lại đây. Anh sẽ ở lại đây. - Sau đó, với một sự mâu thuẫn mà chàng cũng chẳng muốn giải thích, chàng nói thêm, giống như nói thầm: - Cái gì đã có thể lôi cuốn tôi đến vùng đất hoang vu này, nếu không phải là khát vọng ở lại đây? - Rồi chàng nói: - Mà em cũng muốn ở lại đây, bởi vì đây là quê của em. Em chỉ thiếu Klamm, vì thế mà trong em xuất hiện những ý nghĩ tuyệt vọng.

- Em thiếu Klamm ư? - Frida hỏi. - Ở đây tất cả đều đầy rẫy Klamm, nhiều hơn mức cần thiết, cho nên em muốn đi khỏi đây, để thoát khỏi ông ta. Không phải em thiếu Klamm, em chỉ cần anh, em muốn vì anh mà ra đi, vì ở nơi có bao nhiêu sự phiền toái này em không thể ở với anh. Giá em đánh mất sắc đẹp, giá mà thân thể em trở nên tiều tuỵ thì em đã có thể sống yên ổn với anh.

Từ tất cả những điều đó K. chỉ chú ý đến một việc.

- Klamm vẫn còn quan hệ với em à? - chàng hỏi ngay. - Ông ta lại gọi em à?

- Em không biết gì về Klamm cả, - Frida trả lời. - Em đang nói về những người khác, tỉ như bọn giúp việc.

- Ồ, bọn giúp việc! - K. nói vẻ sửng sốt. - Có lẽ chúng theo đuổi em?

- Thế anh không nhận thấy à? - Frida hỏi.

- Không, - K. nói và uổng công lục tìm trong trí nhớ. - Chắc chắn chúng là những gã tham lam và hay quấy quả, nhưng anh không nhận thấy rằng chúng dám để ý đến em.

- Không à? - Frida hỏi. - Anh không nhận thấy rằng ở trong quán Bên cầu không làm sao có thể bảo chúng ra khỏi phòng của chúng ta, rằng chúng theo dõi quan hệ của chúng ta một cách ghen tị, rằng mới đây nhất một tên đã nằm lên chỗ của em ở trên đệm rơm, còn vừa rồi chúng đổ lỗi cho anh chỉ cốt đuổi anh, làm hại anh để ở lại với em đó sao? Anh không nhận thấy những điều đó à?

K. nhìn Frida, nhưng chàng không trả lời. Những lời than

phiền này về bọn giúp việc đều đúng cả, nhưng cũng có thể nhìn nhận chúng một cách vô tội hơn nhiều từ bản chất trẻ con, nông nổi, sống bừa bãi của chúng. Và có phải chúng vô tội với việc chúng không bao giờ muốn ở lại với Frida, mà luôn luôn cố sức để bám theo K.? K. đã nói ra một nhận xét tương tự.

- Anh không thấy rằng đó là chúng giả vờ hay sao? Tại sao anh lại xua đuổi chúng, nếu không phải vì điều đó.

Cô đến gần cửa sổ, khẽ kéo tấm màn che và nhìn ra ngoài, rồi sau đó gọi K. đến. Bọn giúp việc vẫn còn ở chỗ hàng rào, có thể thấy chúng đã rất mệt, nhưng vẫn hết sức khẩn khoản vươn cánh tay về phía nhà trường. Một tên, bám chắc hơn vào hàng rào, đã móc một vạt áo khoác vào cọc nhọn.

- Tội nghiệp, tội nghiệp! - Frida nói.

- Tại sao anh xua đuổi chúng ư? - K. hỏi. - Em là nguyên nhân trực tiếp đấy.

- Em? - Frida hỏi và vẫn nhìn ra ngoài.

- Em đã đối xử quá thân mật với chúng, - K. nói. - Em đã tha thứ cho tất cả mọi trò đểu cáng của chúng, em đã cười và vuốt ve tóc chúng, luôn luôn cảm thông với chúng, ngay cả bây giờ em cũng cứ lặp đi lặp lại "tội nghiệp, tội nghiệp" và cuối cùng là trường hợp gần đây nhất, khi em hi sinh anh chỉ cốt để cứu chúng khỏi bị đánh.

- Chính là vì việc đó, - Frida nói, - bởi vì em đang nói về điều đó, cái điều đã làm cho em không may mắn, cái đã giữ em cách xa anh, vậy mà em không thể hình dung nổi hạnh phúc nào lớn hơn là thường xuyên và vĩnh viễn được sống với anh, thay vì thế, em cứ nghĩ ngợi rằng không có một tấc đất yên ổn cho tình yêu của chúng ta trên mặt đất này, ở trong làng cũng như ở nơi khác. Và vì thế em tưởng tượng ra một cái mồ chật hẹp cho chính mình, ở đó, cuối cùng chúng ta ôm nhau như thể máy nén ép chúng ta lại với nhau, em áp chặt mặt em vào anh, anh áp mặt anh vào em, ở nơi ẩn náu ấy không một ai còn có thể trông thấy chúng ta nữa. Nhưng ở

đây... anh nhìn xem bọn giúp việc! Chúng chìa cánh tay nài nỉ không phải cho anh mà cho em đấy.

- Và không phải anh nhìn chúng mà là em, - K. nói.

- Tất nhiên là em, - Frida nói gần như giận dữ, - bởi vì em vẫn đang nói về điều đó. Nếu không thì đã sao việc bọn chúng cứ bám lấy em, kể cả khi chúng do Klamm sai đến...

- Do Klamm sai đến à? - K. hỏi, ngạc nhiên, mặc dù chàng cho những lời đó là đúng sự thật.

- Chắc chắn là do Klamm sai đến, - Frida nói, - nhưng dù sao thì chúng vẫn chỉ là những gã trai tơ ngờ nghệch còn phải dạy bằng roi vọt. Những gã trai độc ác và đáng ghét làm sao! Sự trái ngược giữa khuôn mặt người lớn, gần như sinh viên và cách xử sự trẻ con, điên rồ của chúng mới ghê tởm làm sao! Anh tưởng em không nhận thấy hay sao? Em xấu hổ vì chúng. Nhưng cái chính là em không hoảng sợ trước chúng, mà em xấu hổ vì chúng. Em luôn luôn phải để ý đến chúng. Nếu phải bực mình với chúng thì em lại phải cười. Nếu cần đánh cho chúng một trận thì em lại vuốt ve tóc chúng. Còn ban đêm nằm cạnh anh, em không ngủ được, em cần phải quan sát ở phía trên người anh một tên ngủ trong chiếc chăn thô quấn chặt vào người, còn tên kia quỳ xuống ra sao trước cánh cửa lò sưởi và đốt lò sưởi như thế nào, và có khi em nhoài người ra phía trước nên suýt đã đánh thức anh dậy. Và không phải con mèo đã làm em hoảng sợ, ồ em biết những con mèo chứ, ở quầy uống em đã quen vừa đi vừa ngủ gật, nơi em bị quấy rầy thường xuyên. Không phải con mèo làm em hoảng sợ, mà chính em làm em sợ. Mà cũng không cần đến một con mèo khủng khiếp như thế, chỉ cần một tiếng động nhỏ nhất là em đã co rúm người lại. Khi thì em sợ anh bất ngờ thức dậy và mọi việc sẽ kết thúc, lúc thì em nhảy lên đi thắp nến để anh dậy nhanh lên và có thể bảo vệ em.

- Anh có biết gì đâu về những việc đó, - K. nói. - Nếu chỉ cảm thấy thôi, anh đã đuổi ngay chúng, nhưng bây giờ thì chúng đã đi rồi, có lẽ mọi việc sẽ trở nên tốt đẹp.

- Vâng, bây giờ, cuối cùng chúng đã đi rồi, - Frida nói, nhưng trên nét mặt cô không biểu hiện niềm vui mà chỉ là nỗi dằn vặt. - Có điều là chúng ta không biết chúng là ai. Thực ra em gọi chúng là những kẻ do Klamm sai đến, nhưng biết đâu chúng là những người đó thật. Mắt của chúng, hai cặp mắt ngây ngô mà lại long lanh ấy như thế nào đó làm em nhớ đến mắt Klamm. Vâng, đúng vậy, từ mắt chúng ánh mắt của Klamm nhìn em, và nhìn thấu suốt qua toàn bộ thực chất của em. Và có lẽ chưa thật đúng khi em nói em xấu hổ vì chúng. Giá được như vậy đã tốt. Và em biết ở nơi khác, ở những người khác sự ứng xử này bị coi là ngốc và đáng ghê tởm, nhưng ở chỗ chúng em thì không phải như vậy. Em nhìn những việc điên rồ của chúng với sự chăm chú và kinh ngạc. Nhưng nếu quả thật chúng là do Klamm sai đến, thì ai có thể giải thoát chúng ta khỏi chúng? Và nói chung chúng ta có nên thoát khỏi chúng không? Liệu có cần gọi chúng lại - vui mừng đón chúng hay không?

- Em muốn anh lại cho chúng vào nữa chứ gì? - K. hỏi.

- Không, không phải, - Frida nói. - Em không muốn điều gì cả. Nhìn chúng xông vào, vui sướng thấy lại em, tí ta tí tởn theo lối trẻ con, chìa cánh tay ra theo lối đàn ông thì em không thể chịu được. Nhưng em nghĩ rằng nếu anh vẫn nghiêm khắc đối với chúng thì có lẽ chính anh tự khép lại trước mặt anh con đường dẫn đến Klamm, vậy nên bằng mọi cách em muốn tránh cho anh những hậu quả đó. Nghĩ vậy thì em lại muốn anh cho chúng nó vào. Anh K., cho chúng vào nhanh lên anh! Anh đừng quan tâm đến em, em chẳng là gì cả! Em chịu đựng được đến lúc nào thì em chống đỡ đến lúc đó, nhưng nếu cần phải hi sinh thì em sẽ hi sinh, trong mọi trường hợp việc này xảy ra với ý thức là vì anh.

- Em chỉ làm anh cương quyết hơn trong phán xét liên quan đến bọn giúp việc, - K. nói. - Anh không bao giờ đồng ý cho chúng được vào đây cả. Việc anh đã đuổi chúng ra chỉ chứng minh rằng trong những hoàn cảnh nhất định vẫn có

thể chỉ huy chúng, mà điều đó chứng tỏ rằng chúng chẳng có gì quan trọng liên quan đến Klamm. Vả lại anh vừa nhận thư của ông ấy tối hôm qua, qua thư có thể thấy rằng ông ấy thông báo hoàn toàn giả dối về bọn giúp việc, và từ điều đó có thể rút ra kết luận rằng đối với ông ấy chúng chỉ là những người dưng, vì nếu chúng không phải là người dưng thì chắc chắn ông ấy đã có thể có được những thông báo xác thực về chúng. Còn việc em nhìn thấy Klamm trong chúng không hề chứng minh điều gì cả, bởi vì đáng tiếc là cho đến bây giờ em vẫn chịu sự ảnh hưởng của bà chủ quán, và em nhìn thấy Klamm ở khắp mọi nơi. Cho đến bây giờ em vẫn là tình nhân của Klamm, và nói chung em vẫn chưa phải là vợ anh. Điều đó thỉnh thoảng đã làm anh chán nản, như thể anh đã mất tất cả, những lúc như thế này anh cảm thấy dường như chỉ bây giờ anh mới đến làng, nhưng không hi vọng như trước đây, trong thực tế, mà cầm chắc rằng chỉ có sự lừa dối đang chờ đợi, và anh phải hứng chịu đến cùng tất cả. Nhưng chỉ thỉnh thoảng mới như vậy, - K. mỉm cười nói thêm, khi thấy Frida thật sự choáng váng trước những lời chàng nói, - và điều đó chỉ chứng tỏ một cái tốt đẹp, cụ thể: em có nhiều ý nghĩa đối với anh! Và, nếu bây giờ em bảo anh chọn giữa em và bọn giúp việc thì bọn giúp việc bị loại liền. Cái ý nghĩ chọn giữa em và bọn giúp việc mới vô lí làm sao! Bây giờ thì anh muốn mãi mãi được thoát khỏi chúng kể cả trong lời nói và ý nghĩ. Mà ai biết được, cả hai chúng ta đều trở nên yếu ớt là do chúng ta chưa ăn sáng cũng nên?

- Có thể, - Frida nói với nụ cười mệt mỏi, và bắt tay vào công việc. K. lại cầm lấy cái chổi.

Một lúc sau thì có tiếng gõ cửa nhẹ.

- Barnabás! - K. kêu lên, vứt cái chổi và đến bên cánh cửa. Frida nhìn đăm đăm vào chàng, cái tên này đã làm cô hoảng sợ hơn tất cả. Tay K. run run, chàng mở một cách khó khăn cái ổ khóa cũ kĩ.

- Tôi mở đây, tôi mở đây, - chàng nhắc đi nhắc lại, thay vì

hỏi xem ai gõ cửa. Sau đó chàng đã có thể ngạc nhiên nhìn thấy nơi cánh cửa mở rộng không phải là Barnabás bước vào mà là cậu con trai, người mà trước đó có lần đã định nói với chàng điều gì đó. Nhưng K. không còn lòng dạ nào mà nhớ lại cậu ta nữa.

- Mày tìm gì ở đây? - chàng hỏi. - Học ở bên kia kìa.

- Cháu ở đó đến, - cậu con trai nói, và nhìn K. một cách thanh thản bằng đôi mắt to, màu nâu, cậu ta đứng nghiêm, tay áp chặt vào đùi.

- Vậy mày muốn gì? Nói nhanh lên! - K. nói và hơi cúi xuống, vì cậu bé nói nhỏ.

- Cháu có thể giúp chú được không? - cậu con trai hỏi.

- Nó muốn giúp đỡ chúng ta! - K. nói với Frida, sau đó quay lại cậu con trai: - Tên cháu là gì?

- Cháu là Brunswick Jancsi, - cậu con trai trả lời, - học sinh lớp 4, con trai thợ giầy Brunswick Ottò, ở phố Magdaléna.

- Thế hả, tên cháu là Brunswick, - K. nói và bỗng nhiên chàng trở nên thân mật hơn.

Té ra những vết xước chảy máu mà cô giáo gây ra trên tay K. đã tác động rất mạnh đến Jancsi, cậu ta liền quyết chí đứng về phía K.. Giờ đây, như một tên lính đào ngũ, cậu ta tự ý lẻn ra khỏi phòng học bên cạnh, đánh liều với nguy cơ bị trừng phạt nặng. Lối suy nghĩ kiểu trẻ con như thế đã có thể điều khiển cậu ta, và từ những điều cậu ta nói và làm toát ra vẻ nghiêm chỉnh phù hợp với cách nghĩ đó. Chỉ lúc đầu cậu ta mới luống cuống, cậu đã nhanh chóng quen với K. và Frida, và sau khi được uống cà phê nóng, cậu ta tươi tỉnh, và thân mật hẳn lên, hỏi chuyện vẻ sốt sắng và trịnh trọng như thể muốn biết trước tất cả những gì quan trọng để rồi sau đó chính cậu ta có thể quyết định vì lợi ích của K. và Frida. Bản chất cậu ta có nét chỉ huy, trộn lẫn với ngần ấy sự ngây thơ con trẻ làm cho người ta sẵn sàng nhượng bộ, nửa chân thành, nửa đùa cợt. Trong mọi trường hợp cậu ta đều thu hút sự chú ý về phía

mình, mọi công việc ngừng lại, và buổi ăn sáng lùi lại quá muộn. Thỉnh thoảng cậu ta ngồi trên ghế dài, K. ngồi trên bục giảng, và Frida ngồi cạnh chàng, trên một chiếc ghế, vậy mà Jancsi vẫn như thể là giảng viên đang cân nhắc và nhận định các câu trả lời: Trên môi cậu ta thoáng một nụ cười dường như để tỏ ra rằng cậu ta thừa biết đây chỉ là trò chơi, nhưng mà cậu ta đã làm việc này nghiêm túc hơn. Trên môi cậu ta có lẽ không phải ẩn giấu nụ cười mà là niềm hạnh phúc của thời thơ ấu. Về sau cậu ta tiết lộ một cách lộ liễu rằng cậu ta đã biết K. từ lâu, từ hồi chàng qua nhà Laseman. K. lấy làm mừng vì chuyện đó.

- Lúc đó cháu chơi bên cạnh một thiếu phụ phải không? - chàng hỏi.

- Vâng, - Jancsi trả lời. - Đó là mẹ cháu.

Hai người hỏi về mẹ cậu, nhưng cậu ta cứ chần chừ, phải giục nhiều lần mới chịu bắt đầu kể. Bây giờ thì mới thấy rằng cậu ta vẫn chỉ là một cậu bé, mặc dù đôi lúc, đặc biệt qua những câu hỏi, căng thẳng, đầy lo lắng, người nghe có lúc nghi đó là một người đàn ông cương nghị, thông thái, nhìn xa thấy rộng. Thế rồi sau đó, cậu ta lại đột ngột là một cậu học sinh bình thường, một số câu hỏi cậu ta đã không hiểu, hoặc đã hiểu sai. Đôi lúc cậu ta nói năng quá nhỏ nhẹ với một sự hồn nhiên trẻ con, bởi thế mà đã bị lưu ý nhiều lần, cuối cùng, giống như vì bướng bỉnh, cậu ta hoàn toàn không trả lời, nhưng với một thái độ tự nhiên mà người lớn không bao giờ làm được. Dường như cậu ta nghĩ rằng chỉ cậu ta mới có quyền đặt câu hỏi, và những câu hỏi của người khác đã vi phạm cái quy định gì đó, chỉ làm mất thời gian. Sau đó cậu ta ngồi im lặng hồi lâu, người ưỡn thẳng, đầu cúi xuống, môi dưới trễ ra. Điều đó làm cho Frida thích thú đến mức nhiều lần cô đã hỏi cậu những câu hỏi mà cô hi vọng làm như thế sẽ buộc cậu nói, thỉnh thoảng đã thành công, nhưng việc đó đã làm K. bực mình. Nói chung họ đã không được biết gì nhiều. Mẹ cậu ốm, nhưng bà bị bệnh gì thì vẫn chưa rõ, đứa trẻ mà

bà Brunswick ôm trong lòng là em gái của Jancsi, tên là Frida (Jancsi đã tỏ ra không thích sự trùng tên này giữa em gái cậu và người hỏi chuyện); họ đều sống trong làng, nhưng không ở nhà Laseman, họ chỉ qua đó để tắm. Vì Laseman có một cái thùng to, bọn trẻ con rất sung sướng nếu được tắm và đùa giỡn ở trong đó. Nhưng Jancsi không phải là đứa trẻ trong số đó. Cậu nói về bố với niềm kính trọng hoặc lo sợ, nhưng chỉ khi mà cậu không còn nói về mẹ, bởi vì so với mẹ thì có thể thấy rằng cậu ít quý bố hơn. Nhưng nói chung dù cố gắng đến mấy, họ cũng không nhận được câu trả lời liên quan đến cuộc sống gia đình cậu bé. Họ biết rằng về nghề thợ thì bố cậu là thợ đóng giày lớn nhất trong vùng, và cũng không có ai để có thể so bì được với ông ta. Câu này thường được dùng trả lời cho những câu hỏi hoàn toàn khác. Bố cậu ta đã không phải một lần cấp việc cho cả những thợ giày khác nữa, tỉ như bố Barnabás chẳng hạn, nhưng việc ấy đối với Brunswick chỉ là một ân huệ đặc biệt mà thôi, ít ra thì cử chỉ lắc đầu của cậu đã nói lên điều đó. Nhưng cử chỉ đó đã làm cho Frida nhảy đến chỗ cậu và hôn cậu. Còn đối với câu hỏi cậu đã ở trong Lâu đài chưa thì họ chỉ nhận được câu trả lời là chưa sau nhiều lần hỏi, cậu cũng không trả lời khi họ hỏi câu đó về mẹ. Rốt cuộc K. đã mệt mỏi, chàng thấy việc vặn hỏi là vô nghĩa, và cho rằng cậu bé đúng. Có cái gì đó đáng xấu hổ trong việc moi móc những bí mật gia đình qua một đứa trẻ vô tư, thậm chí hai lần xấu hổ bởi vì rốt cục họ cũng chẳng biết được gì cả. Và khi K. hỏi cậu bé lần cuối cùng rằng cậu ta có thể giúp gì họ, thì chàng đã không ngạc nhiên vì câu trả lời của Jancsi: cậu bé muốn giúp đỡ họ trong công việc ở đây để thầy giáo và cô giáo khỏi cãi nhau với K. nữa. K. nói với Jancsi rằng chàng không cần đến sự giúp đỡ ấy, còn sự tranh cãi thì có trong máu của thầy giáo, dẫu công việc hoàn thành không chê vào đâu được thì cũng không bảo vệ được họ. Bản thân công việc không nặng nhọc, và hôm nay chỉ vì do hoàn cảnh ngẫu nhiên mà chàng phải ngừng công việc lại. Còn chuyện cãi cọ thì ảnh

hưởng đến chàng ít hơn là đối với học sinh. Chàng phớt đi một cách đơn giản, có thể nói rằng chàng không bận tâm đến điều đó, tuy nhiên chàng hi vọng rằng chẳng mấy chốc chàng sẽ hoàn toàn thoát khỏi phạm vi ảnh hưởng của thầy giáo. Do Jancsi chỉ muốn giúp đỡ K. chống lại thầy giáo nên chàng chân thành cảm ơn cậu, nhưng bây giờ thì cậu có thể quay vào lớp, hi vọng là người ta không phạt cậu. Tuy rằng K. nói chung không nhấn mạnh, chàng chỉ vô tình để lộ ra, rằng chàng không cần sự giúp đỡ chống lại thầy giáo. Jancsi đã hiểu rõ điều đó qua lời chàng, và cậu hỏi K. có cần sự giúp đỡ nào khác không, rằng cậu rất sẵn sàng giúp đỡ chàng, nếu cậu không giúp được thì cậu nhờ mẹ giúp, và lúc đó chắc chắn sẽ thành công. Nếu có điều gì lo nghĩ, bố cậu cũng nhờ mẹ cậu. Và có một lần mẹ cậu cũng đã hỏi thăm về K., nói chung bà ít khi đi ra khỏi nhà, dạo đó chỉ tình cờ mà bà đến chỗ nhà Laseman. Nhưng Jancsi thì thường xuyên đến chỗ họ, chơi với những đứa trẻ nhà Laseman. Có một lần đến nhà Laseman về, mẹ cậu đã hỏi là cậu có gặp lại ông đạc điền không; do mẹ cậu rất yếu và mệt, không cần thiết phải làm bà hồi hộp, lúc đó cậu chỉ nói một cách qua quýt rằng không gặp ông đạc điền đằng nhà Laseman, và họ đã không nói về việc này nữa. Thế cho nên bây giờ đã gặp chàng ở trong trường thì bằng mọi cách, cậu phải nói chuyện với chàng để còn thuật lại cho mẹ, vì mẹ cậu không thích gì hơn việc người ta thực hiện điều mong muốn của bà mà không cần phải sai bảo. Sau một thoáng nghĩ ngợi, K. đã trả lời rằng chàng không cần sự giúp đỡ, những gì cần thì chàng đã có, Jancsi rất quý hóa là đã định giúp đỡ chàng, chàng cảm ơn ý định tốt của cậu, cũng có thể rồi đây có lúc chàng cần gì đó, lúc ấy chàng sẽ tìm đến cậu sau, bởi vì chàng đã biết địa chỉ của cậu. Ngược lại, nhân dịp này có lẽ K. có thể giúp được gì đó; chàng lấy làm ái ngại rằng mẹ Jancsi đang ốm, và chắc chắn không một ai hiểu được bệnh tình của bà: nếu người ta cứ bỏ mặc như vậy thì ngay cả bệnh nhẹ cũng thường có thể trở nên tồi tệ. K. có những am

hiểu nhất định về nghề y, và hơn nữa chàng có những kinh nghiệm chăm sóc người ốm. Không dưới một lần chàng đã thành công ở nơi mà các bác sĩ chịu bó tay. Ở nhà, nhờ khả năng chữa bệnh của chàng mà người ta gọi chàng là "cây chữa bệnh". Trong mọi trường hợp, chàng sẵn sàng đến thăm mẹ Jancsi và nói chuyện với bà. Biết đâu chàng có thể cho lời khuyên tốt, chàng rất vui lòng làm việc đó, dù chỉ chiều theo ý thích của Jancsi đi nữa. Thoạt đầu mắt Jancsi sáng lên trước lời đề nghị đó, nên K. càng cố thuyết phục, nhưng cuối cùng vẫn không kết quả, vì Jancsi đã khá thản nhiên trả lời tất cả các câu hỏi, rằng mẹ cậu ở vào tình trạng cần phải rất nương nhẹ, cho nên không một người lạ nào có thể thăm bà được. Mặc dù hồi đó, K. không nói chuyện nhiều với bà thế mà sau đấy bà đã nằm liệt giường mất vài ngày, một việc mà tất nhiên lúc khác cũng xảy ra. Bố cậu lúc đó rất giận K., và rõ ràng ông không bao giờ cho phép K. thăm mẹ cậu. Phải rồi, lúc đó ông còn muốn tìm K. để trừng phạt chàng, nhưng mẹ cậu đã ngăn ông lại. Mà bản thân mẹ cậu cũng chẳng muốn nói chuyện với ai, K. hoàn toàn không phải là ngoại lệ. Chính khi bà nhắc đến K. là khi bà có thể biểu hiện sự mong muốn gặp K., nhưng bà đã không nói gì, điều đó chứng tỏ ý chí của bà một cách rõ ràng. Bà chỉ muốn nghe nói về K., nhưng không muốn nói chuyện với chàng. Thực chất cái đang hành hạ bà không phải là căn bệnh đích thực, bà biết rất rõ nguyên nhân của tình trạng ốm yếu của mình, và thỉnh thoảng bà cũng nói ám chỉ về điều đó, có lẽ bà không chịu được khí hậu ở đây, nhưng bà không muốn lại rời khỏi nơi này vì các con và bố của chúng, với lại so với trước đấy thì bệnh bà có phần đỡ hơn. Đó là tất cả những gì K. được biết, và có thể thấy Jancsi khá tỉnh táo trong việc cậu ta giữ gìn bảo vệ mẹ trước K., người mà cậu tỏ ra muốn giúp đỡ. Thậm chí để giữ K. có khoảng cách đối với mẹ, để giữ gìn cho mẹ, cậu đã tự mâu thuẫn với tuyên bố của cậu trước đây, chẳng hạn về chuyện bệnh tình của mẹ. Nhưng như vậy K. vẫn nhận thấy rằng

Jancsi luôn luôn có thiện chí đối với chàng, và cậu ta chỉ quên đi tất cả những chuyện khác khi nói về mẹ. Nếu ai đó đối lập với mẹ thì trong mắt của Jancsi, lập tức người đó mất đi sự tin cậy, trong trường hợp này là K., nhưng cũng rất có thể đó là người khác, ví dụ bố cậu. Bây giờ K. thử kiểm tra điều đó, chàng nói là chắc chắn về phía bố cậu ta, việc bảo vệ mẹ cậu một cách kiên quyết trước sự quấy rầy là việc làm sáng suốt. Nếu hồi đó dù K. chỉ linh cảm thấy điều ấy thôi thì chàng cũng đã không dám bắt chuyện với mẹ cậu, giờ đây chàng xin lỗi vì việc đã làm. Nhưng chàng hoàn toàn không hiểu rằng nếu đã thấy rõ nguyên nhân của căn bệnh như Jancsi nói, thì tại sao ông bố không để cho mẹ cậu lấy lại sức khỏe ở một nơi nào đó có khí hậu khác. Cần phải nói rằng ông đã không để, vì mẹ cậu vì ông và các con mà không đi khỏi đây, nhưng bà có thể đưa các con đi cùng, không cần phải đi quá lâu và đi quá xa, bởi vì ngay ở trên núi Lâu đài khí hậu cũng đã hoàn toàn khác rồi. Ông bố không lo về phí tổn của chuyến đi nghỉ kiểu đó, ông là thợ giầy khá giả nhất của làng, và chắc chắn ông hoặc mẹ cậu có họ hàng hay người quen ở trong Lâu đài, sẵn sàng đón họ vào. Vậy thì cớ gì ông không để cho họ đi? Không được coi thường bệnh tật: đúng là K. chỉ thoáng nhìn thấy mẹ cậu, nhưng do sự vàng vọt và ốm yếu dị thường của bà mà chàng bắt chuyện với bà. Ngay lúc đó chàng đã ngạc nhiên trước việc ông bố đã bỏ người đàn bà bệnh tật ở chỗ khó thở của nhà giặt và phòng tắm chung, và không hề giảm bớt giọng nói oang oang của mình trước bà. Chắc chắn ông bố không hề biết rằng cho dù thời gian gần đây bệnh tình của bà có đỡ hơn thì những loại bệnh này thường thay đổi bất ngờ, nếu chúng ta không chống lại nó thì cuối cùng căn bệnh sẽ dồn sức tấn công lại con người, lúc đó hết phương cứu chữa. Nếu một khi K. không thể nói chuyện được với mẹ cậu, thì có lẽ vẫn là tốt nếu chí ít chàng có thể nói chuyện với ông bố, lưu ý ông về những điều đó.

Jancsi nghe vẻ chăm chú cao độ, cậu hiểu gần hết những

điều đã nghe, trong những điều mà cậu chưa hoàn toàn hiểu hết cậu lại cảm thấy một sự nguy hiểm ngầm. Thế nhưng cậu đã trả lời là K. không thể nói chuyện được với bố mẹ cậu, bởi vì ông bố có ác cảm đối với K.. Và chắc là ông sẽ đối xử với chàng như thầy giáo. Nếu nhắc đến K., cậu mỉm cười nói những điều này vẻ phấn chấn, nếu nhắc đến ông bố, cậu nói vẻ xót xa buồn bã. Nhưng cậu còn nói thêm: Tuy thế K. vẫn có thể nói chuyện với mẹ cậu, nhưng không được để bố biết. Sau đó Jancsi suy nghĩ một lúc với ánh mắt cứng rắn như một người phụ nữ đang nung nấu một điều gì đó cấm đoán trong đầu, và cân nhắc xem cần phải thực hiện như thế nào mà không bị trừng phạt, thế rồi cậu ta nói ngày kia có thể được, vì ông bố lên quán Ông chủ, có cuộc bàn bạc gì ở đó. Tối ngày kia Jancsi đến và đưa K. đến chỗ mẹ cậu, tất nhiên với điều kiện là mẹ cậu cũng đồng ý - điều đó thì còn chưa chắc chắn lắm. Bởi vì bà mẹ không làm điều gì trái ý ông bố, bà vâng lời ông trong mọi chuyện, kể cả những chuyện mà Jancsi cho là vô lí. Đúng là bây giờ Jancsi tìm kiếm sự giúp đỡ ở nơi K. bất chấp ý muốn của bố, hóa ra cậu đã tự lừa dối mình khi tưởng rằng cậu muốn giúp đỡ K., trong thực tế cậu muốn tìm hiểu xem con người lạ mặt đột nhiên xuất hiện mà đến mẹ cậu cũng nhắc tới này, có khả năng giúp đỡ họ không, khi những người quen trước đây không còn một ai giúp được. Cậu bé này mới kín đáo và láu lỉnh làm sao! Qua dáng điệu cử chỉ và lời nói của cậu ta, không thể nhận ra điều ấy, chỉ từ những lời cậu ta tự thổ lộ ra một cách tình cờ hoặc cố ý, thì mới rõ. Bây giờ cậu mới bàn bạc cân nhắc với K. là cần phải vượt qua những khó khăn gì. Mặc cho mọi ý định tốt đẹp của Jancsi, những khó khăn đó là không thể vượt qua. Cậu chìm đắm trong ý nghĩ của mình, nhưng vẫn chăm chú nhìn K. với đôi mắt hấp háy một cách lo lắng và cầu khẩn. Trước khi ông bố ra đi, cậu không thể nói gì với mẹ, bởi vì bố cậu mà biết thì hỏng mọi việc, cho nên cậu chỉ có thể nhắc đến việc đó muộn hơn, mà cũng không thể làm một cách đột ngột và chóng vánh

đối với mẹ cậu, phải từ tốn và chọn thời cơ thích hợp. Chỉ có như vậy cậu mới có thể xin mẹ đồng ý. Và lúc đó cậu mới có thể đến đón K., chỉ có điều là lúc đó có muộn mất không? Có cần phải đề phòng việc bố cậu trở về không? Không, việc này vẫn không thể thực hiện. K. cố chứng minh là có thể được. Không cần phải lo là chàng không đủ thời gian, bởi vì họ chỉ cần trao đổi vài lời là đủ. Nói chung cậu ta không phải đến đón K., chàng sẽ nấp ở đâu đó gần nhà và chờ đợi Jancsi ra hiệu là sẽ đến ngay. Không được, - Jancsi nói, K. không thể chờ ở gần nhà, - cậu ta lại lo lắng vì mẹ - nếu mẹ cậu không biết, K. không thể đến. Jancsi không thể thỏa thuận gì với K. mà mẹ cậu không được biết. Cậu ta phải đến đón K. không sớm hơn thời điểm mẹ cậu biết và cho phép, dù chỉ chốc lát. Được rồi, - K. nói, thế thì quả thật là nguy hiểm, và có khả năng là bố Jancsi bắt gặp chàng ở trong nhà. Nhưng nếu sự việc không xảy ra như vậy, mà mẹ cậu ta lại sợ cái khả năng này đến mức không đồng ý để K. đến, thì như thế tất cả cũng đều thất bại vì bố cậu, Jancsi lại phản đối ý kiến đó, cứ như vậy họ tiếp tục cuộc tranh luận.

K. đã gọi Jancsi rời chỗ chiếc ghế đến bục giảng từ lâu. Chàng kéo cậu vào giữa hai đầu gối mình và vuốt ve cậu vẻ an ủi. Cử chỉ gần gũi này cũng góp phần để cuối cùng họ đi đến thỏa thuận, mặc dù Jancsi đã lảng tránh một lúc. Họ thỏa thuận như sau: Jancsi sẽ nhanh chóng thông báo với mẹ toàn bộ sự thật, nhưng để cho bà dễ dàng đồng ý, cậu nói thêm rằng K. cũng muốn nói chuyện với Brunswick, không phải vì mẹ cậu, mà là vì việc riêng của chồng. Điều này cũng đúng như vậy, vì trong khi nói chuyện K. đã nhận ra rằng Brunswick thực ra không thể là kẻ thù của chàng, cho dù ông ta là một người nguy hiểm và nóng tính, bởi vì - ít ra theo trưởng thôn cho biết - thì ông ta, dù với lí do chính trị, đã đứng về phía những người muốn thuê đạc điền. Vậy thì Brunswick phải mừng là K. đã đến làng, thế mà gần như không thể hiểu được tại sao ông ta đã đón tiếp chàng một cách

bực bội trong ngày đầu tiên, tại sao ông ta có cái ác cảm mà Jancsi đã nói? Có thể Brunswick giận chàng vì K. đã không đến thẳng chỗ ông ta, yêu cầu được giúp đỡ, nhưng cũng có thể vì một sự hiểu nhầm nào đó mà rồi đây chỉ cần vài lời là chấm dứt được. Và nếu việc đó xảy ra thì chẳng những K. có chỗ dựa để đối mặt với thầy giáo mà ngay cả với trưởng thôn nữa. Chàng có thể vạch trần toàn bộ sự dối trá của bộ máy chính quyền - vì có gì khác ngoài cái đó? - mà thầy giáo và trưởng thôn dùng để giữ chàng ở xa các nhà chức trách của Lâu đài, và buộc chàng phải phục vụ nhà trường. Nếu như cuộc chiến giữa Brunswick và trưởng thôn lại nổ ra chung quanh K. thì Brunswick sẽ phải kéo K. về phía mình, K. sẽ là khách trong nhà Brunswick, và các sức mạnh của Brunswick sẽ được K. sử dụng để chống lại trưởng thôn. Ai biết được làm như vậy, chàng có thể đạt được cái gì, nhưng tất nhiên là chàng sẽ thường xuyên ở gần người đàn bà đó. Chàng mơ màng như vậy, và những ước mơ của chàng cũng đùa nghịch với chàng, trong khi đó Jancsi, người chỉ quan tâm đến mẹ mình, đã chú ý tới sự im lặng của K., vẻ lo lắng giống như chúng ta chú ý đến bác sĩ, khi ông ta đang nghĩ ngợi xem có thể giúp được gì trong ca bệnh hiểm nghèo nào đó. Sở dĩ Jancsi đồng ý để K. nói chuyện với Brunswick về việc làm của người đạc điền, vì như vậy thì cậu mới bảo vệ được mẹ trước bố, vả lại toàn bộ việc đó chỉ đề phòng trường hợp cần thiết mà hi vọng nó sẽ không xảy ra. Giờ thì cậu chỉ hỏi rằng K. phải giải thích thế nào cho bố cậu việc chàng đến muộn như thế. Và cuối cùng, mặc dù nét mặt vẫn hơi buồn, cậu ta đã hài lòng rằng K. sẽ nói là công việc phục vụ ở nhà trường không thể chịu được và sự đối xử của thầy giáo hay thóa mạ đã đột ngột làm cho chàng buồn phiền đến nỗi trong sự tuyệt vọng của mình, chàng đã quên hết mọi sự thận trọng.

Bây giờ mọi việc đã được cân nhắc xong và xem ra cũng không phải là không thể có được sự thành công, Jancsi không phải nghĩ ngợi, đã vui hơn, và với vẻ hồn nhiên trẻ con, cậu ta

còn nói cười một lúc, trước hết với K., sau đó với Frida, người ngồi cạnh họ đã từ lâu mà như thể đang theo đuổi những ý nghĩ hoàn toàn khác, và bây giờ lại nhập hội. Trong nhiều câu hỏi, cô đã hỏi Jancsi muốn trở thành người như thế nào. Không đắn đo nhiều, cậu ta tuyên bố muốn trở thành người như K.. Sau đó, khi cô hỏi cậu tại sao, thì cậu không biết trả lời ra sao. Trả lời câu hỏi có muốn trở thành người phục vụ nhà trường, cậu dứt khoát đáp là không. Chỉ khi họ tiếp tục chất vấn thì mới rõ cậu đã đến với điều mong muốn đó bằng con đường vòng như thế nào. Tình hình hiện tại của K. nói chung không đáng để ghen tị, mà là đáng buồn và thấp kém, điều này Jancsi đã thấy rõ, và không cần so sánh K. với những người khác thì cậu cũng đã biết, vì vậy cậu cũng rất sẵn sàng bảo vệ mẹ mình khỏi phải gặp và nói chuyện với K., thế nhưng cậu ta đã đến với K., yêu cầu chàng giúp đỡ, và cậu đã hạnh phúc khi K. đồng ý giúp đỡ. Dường như ở những người khác cậu cũng nhận thấy có thái độ như vậy đối với K., chính mẹ cậu cũng đã nhắc đến K.. Từ mâu thuẫn đó mà xuất hiện trong cậu sự tin tưởng rằng dẫu cho hiện tại K. đang sống vất vưởng thuộc hạng thấp kém, và là người đáng sợ, nhưng trong một tương lai xa, hầu như còn rất mơ hồ, chàng sẽ vượt lên tất cả mọi người. Chính ý nghĩ ngờ nghệch về cái tương lai xa xôi, và con đường đáng tự hào dẫn đến đó đã đưa cậu đến với chàng, với cái giá đó thì cậu sẵn sàng chấp nhận ngay cả K. hiện tại. Cái lối nghĩ trẻ con nhưng đồng thời lại già trước tuổi của cậu còn thể hiện ở cách Jancsi nhìn xuống K. như nhìn một người trẻ hơn mà tương lai của anh ta còn xa hơn của mình, tương lai của một cậu bé! Những câu hỏi của Frida đã làm cho cậu nói về mọi chuyện gần như với một vẻ nghiêm nghị buồn bã. K. lại làm cho cậu ta vui lên, khi tuyên bố là chàng biết rõ tại sao Jancsi ghen tị với mình. Là vì chiếc gậy đang nằm trên bàn mà trong khi nói chuyện Jancsi đã mân mê, nghịch ngợm. K. biết cách làm những chiếc gậy như thế này, và nếu kế hoạch của họ thành công,

chàng sẽ đẽo cho Jancsi một chiếc đẹp hơn chiếc này. Jancsi rất mừng trước lời hứa của K., cậu ta vui vẻ từ biệt họ, vừa nắm chặt tay vừa nói:

- Vậy, đến ngày kia nhé!

Chính lúc Jancsi vừa đi khỏi, thầy giáo đã đến đập cửa, và khi nhìn thấy K. và Frida đang thản nhiên ngồi bên bàn, y bắt đầu quát lên:

- Xin lỗi đã quấy rầy, nhưng tôi muốn biết bao giờ thì ở đây được sạch sẽ, ngăn nắp! Chúng tôi chen chúc nhau ngồi ngay ở bên kia, việc đó đã ảnh hưởng đến giảng dạy, còn các người thì lại ngồi dạng chân dang tay ở đây, trong cái phòng thể dục rộng này. Để cho thoải mái hơn, các người đã đuổi bọn phụ tá đi! Nhưng bây giờ thì ít ra, các người hãy đứng dậy, hoạt động đi! - Rồi y quay về phía K.: - Còn anh bây giờ đi lấy cơm sáng ở quán Bên cầu về cho tôi!

Y hét lên giận dữ, nhưng lời lẽ lại có phần hiền lành, kể cả tiếng *anh* cục cằn nữa. Nhưng K. sẵn sàng làm theo, chàng chỉ muốn dò xét gã giáo viên, nên đã nói:

- Nhưng mà người ta đã sa thải tôi rồi kia mà.

- Sa thải hay không sa thải, anh cũng phải đi lấy cơm sáng cho tôi, - gã giáo viên nói.

- Thì chính tôi muốn biết rằng họ có sa thải tôi hay không, - K. trả lời.

- Anh huyên thuyên gì thế? Chính anh đã không chấp nhận sự sa thải kia mà? - gã giáo viên hỏi.

- Và việc đó đủ để sự sa thải mất hiệu lực hay sao? - K. hỏi.

- Với tôi thì không, anh có thể tin điều đó, nhưng đối với trưởng thôn thì đúng thế, thật không thể hiểu nổi. Bây giờ thì anh nhanh chân lên cho, nếu không thì anh bay.

K. hài lòng. Gã giáo viên như thế là đã nói chuyện với trưởng thôn, hoặc có lẽ y chưa nói chuyện với ông ta mà chỉ tưởng tượng ra cho mình cái ý kiến có thể là của trưởng thôn, và điều đó đối với K. nghe ra thuận lợi. Bây giờ K. định đi lấy

cơm sáng ngay, nhưng từ chỗ hành lang gã giáo viên còn gọi chàng quay lại. Hoặc là y muốn thử xem K. có ngoan ngoãn tuân lệnh không, hay y lại nảy ra ý thích ra lệnh nữa, và thích thú nhìn K. lao đi, rồi sau đó nghe y gọi, quay lại cũng nhanh như vậy, chẳng khác một gã hầu bàn. K. biết rõ rằng nếu quá vâng lời thì hẳn sẽ không tránh khỏi trở thành nô lệ và làm bung xung cho gã giáo viên, nhưng lúc này thì chàng muốn trong một giới hạn nhất định, kiên nhẫn chịu đựng tính tình bất thường của y, vì nếu y không thể sa thải chàng theo cách đó thì như đã biết, rõ ràng y có thể làm khổ chàng đến mức không chịu đựng được vì việc làm. Mà đối với K. giờ đây việc làm này lại quan trọng hơn, so với trước đây. Cuộc trò chuyện với Jancsi đã khơi dậy trong chàng những hi vọng mới, hiển nhiên là bấp bênh và hoàn toàn không có cơ sở nhưng chàng không thể nào quên được nữa, những hi vọng đó hầu như đã làm lu mờ cả Barnabás. Nếu lập tức chàng theo những hi vọng đó, và không thể làm gì khác thì phải dồn hết sức lực cho nó, không được quan tâm đến điều gì khác, kể cả ăn uống, nhà ở, cũng như các nhà chức trách của làng, thậm chí cả Frida nữa, mặc dù thật ra cơ sở của mọi chuyện chính là Frida và chàng chỉ quan tâm đến tất cả những gì liên quan tới Frida. Công việc hiện tại đã phần nào làm cho Frida vững tin, vì vậy mà chàng phải cố gắng duy trì nó. Và chàng không được ân hận vì để thực hiện mục đích mà phải chịu đựng gã giáo viên nhiều hơn mức đã chịu đựng. Những việc đó cũng không có gì đặc biệt đau đớn, chỉ là một trong những nỗi chịu đựng nhỏ thường xuyên của cuộc đời, thấm gì so với cái mà K. vươn tới. Mà đâu phải chàng đến đây để sống cuộc đời tử tế, yên ổn.

Như đã tỏ ra sẵn sàng ngay lập tức chạy đến quán ăn, giờ đây, cũng với tinh thần đó, chàng sẵn sàng thực hiện lệnh mới, dọn dẹp lại căn phòng để cô giáo kia cùng với lớp học của mình có thể chuyển sang. Nhưng phải dọn thật nhanh, bởi vì sau đó K. phải đi lấy cơm sáng, vì gã giáo viên cũng đã đói

lắm rồi, và khát nữa. K. cố công tỏ ra là mọi thứ sẽ được như họ mong muốn, gã giáo viên nhìn K. làm việc: chàng dọn dẹp chỗ nằm, đẩy các dụng cụ thể dục về vị trí của chúng và quét nhà rất vội vã trong khi Frida lau bục giảng. Sự nhiệt tình của họ đã làm cho gã giáo viên yên tâm, y còn chỉ cho K. biết củi dùng để đốt lò nằm phía sau cửa ra vào - rõ ràng là y không muốn cho phép K. đến kho chứa củi. Sau đó y đi sang với bọn trẻ, với lời đe dọa rằng lát nữa sẽ quay trở lại kiểm tra công việc của họ.

Họ im lặng làm việc một lúc, sau đó Frida hỏi K. tại sao bây giờ chàng lại nghe lời gã giáo viên với sự sốt sắng như thế. Một câu hỏi lo lắng và cảm thông, nhưng K. lại nghĩ Frida trước đây đã hứa sẽ bảo vệ chàng trước mệnh lệnh và sự lộng quyền của gã giáo viên, nhưng cô không thực hiện được điều đó. chàng chỉ trả lời là nếu một khi đã là người phục vụ nhà trường thì chàng cũng phải làm tròn bổn phận của mình. Lại im lặng, cho đến khi K. - cuộc nói chuyện ngắn ngủi này đã làm chàng nhớ lại rằng dường như một lúc lâu rồi, hầu như trong suốt thời gian cuộc nói chuyện diễn ra với Jancsi, Frida đắm chìm trong lo toan - trong khi lấy củi đã hỏi cô đang bận tâm về việc gì. Frida từ từ nhìn lên chàng và trả lời rằng không có chuyện gì rõ ràng cả, cô đang nghĩ đến bà chủ quán, và nghĩ rằng trong mỗi lời bà nói có bao nhiêu là sự thật. Chỉ khi K. gạn hỏi thì sau một chút do dự, cô mới trả lời chi tiết hơn mà vẫn không ngừng công việc. Đâu phải vì cô chăm chỉ, chính công việc đang không tiến triển, mà chỉ cốt để cô khỏi phải nhìn K.. Và bây giờ cô kể rằng khi K. nói chuyện với Jancsi,lúc đầu cô đã thản nhiên nghe họ nói, nhưng sau đó cô chú ý đến lời K. và bắt đầu nhận ra ý nghĩa của những lời nói một cách tỉnh táo hơn, từ lúc đó trở đi, trong những lời của K. cô không thể không nhận thấy sự thật trong những lời của bà chủ quán mà cô không bao giờ muốn tin. Câu trả lời chung chung này, cả giọng nói như than vãn, khóc lóc đã làm K. bực mình hơn là làm chàng cảm động, nhất là việc bà chủ quán lại

can thiệp vào cuộc đời chàng thông qua những hồi ức của Frida. Ném chỗ củi đang ôm trong tay xuống đất, và ngồi lên đó, với giọng nghiêm nghị chàng đòi hỏi cô giải thích cặn kẽ.

- Ngay từ đầu bà ấy đã nhiều lần thuyết phục em đừng tin anh, - Frida bắt đầu nói. - Bà ấy không khẳng định rằng anh nói dối, ngược lại, bà ấy nói anh là người cởi mở một cách tồ tuệch, bản tính của anh khác với những người ở đây đến nỗi nếu anh có nói thật thì chúng em cũng khó mà tin anh được, và nếu không có một người bạn gái tốt bụng giải nguy trước thì chúng em phải trải qua những cay đắng vì niềm tin đó. Điều ấy cũng xảy ra ngay cả với bà ta, mặc dù bà ta hiểu được con người đấy. Chỉ sau khi nói chuyện với anh lần cuối ở quán Bên cầu, thì bà ta mới nhận ra sự láu cá của anh (em chỉ nhắc lại những lời của bà ấy), bây giờ thì anh không thể lừa được bà ta, cho dù anh có giấu những ý định thực của mình. Có điều là anh không giấu giếm gì cả, bà ấy nói đi nói lại như thế, bà ấy còn nói: Nếu có dịp cô thử lắng nghe anh ta, không phải một cách hời hợt, không, mà phải thật sự lắng nghe tới. Bà ấy đã làm điều đó, và bà ấy còn rút ra những việc liên quan đến em, đại loại là: anh bám lấy em, bà ấy dùng đúng cái từ đó, là vì em tình cờ gặp anh, thấy em dễ thương, anh đã nghĩ một cách hết sức nhầm rằng một cô bán hàng ở quán rượu là chiến lợi phẩm dễ dàng cho bất kỳ người khách nào chìa tay ra cho cô. Ngoài ra, như bà ấy biết từ người phụ trách nhà ăn quán Ông chủ, hôm ấy, vì lí do gì đó, anh định ngủ lại ở đó, và nói chung anh không thể đạt được việc đó bằng cách khác, nếu không thông qua em. Với những việc đó. đối với anh cũng đủ lí do để đêm ấy anh là tình nhân của em, nhưng để anh tiếp tục đi tới thì phải cần nhiều thứ hơn, và cái nhiều hơn và phải tiếp tục này chính là Klamm. Bà chủ quán không khẳng định rằng bà ấy biết anh muốn gì ở Klamm. Bà ấy chỉ nói là trước khi quen em, anh cũng đã tha thiết đến với Klamm như là sau đó. Có khác chăng chỉ là trước đây anh không có hi vọng gì, còn bây giờ thì anh nghĩ là trong em anh đã tìm thấy

công cụ đáng tin cậy để thật sự có thể đến với Klamm một cách nhanh chóng, thậm chí là có tư thế. Em mới hoảng làm sao, nhưng lần đầu chỉ thoáng quá, không có nguyên nhân gì sâu xa hơn, hôm nay, anh nói trước ngày quen em, anh đã lang thang hoàn toàn không phương hướng ở đây. Hình như chính bà chủ quán cũng nói những lời này. Bà ấy nói rằng từ khi quen biết em, anh đã trở nên có chí hướng. Từ chỗ anh tưởng rằng đã chiếm đoạt được em, người yêu của Klamm, và với việc đó anh đã biến em thành vật bảo đảm mà chỉ có thể chuộc lại với một giá đắt nhất. Cố gắng duy nhất của anh là bàn bạc được với Klamm với số tiền chuộc lại đó. Bởi em không là gì đối với anh nên anh đã làm tất cả vì số tiền chuộc: anh sẵn sàng nhượng bộ tất cả những gì liên quan đến em, nhưng về cái phần thưởng đó thì anh lại tỏ ra bướng bỉnh. Cho nên anh không quan tâm đến việc em mất việc làm ở quán Ông chủ, không để ý tới việc em bỏ quán Bên cầu, không cần biết rằng em phải hoàn thành công việc phục vụ nặng nề ở nhà trường. Anh không hề có tí tế nhị nào đối với em, thời gian anh cũng không có cho em nữa, anh bỏ mặc em cho bọn phụ tá, nghe tin đồn anh cũng không biết ghen tuông, trong mắt anh em chỉ có một giá trị duy nhất - em là người tình của Klamm. Anh chỉ ngờ nghệch lo em quên mất Klamm, và khi rốt cuộc cái giây phút quyết định đến thì em đừng phản đối quá lắm; anh giao chiến với bà chủ quán, người duy nhất mà anh cho là có khả năng *tách* em ra khỏi anh, và làm căng thẳng thêm mối hiềm khích của anh với bà ấy để cùng với em bỏ cái quán Bên cầu đó, anh không nghi ngờ rằng trong mọi hoàn cảnh em là sở hữu của anh. Anh thầm hình dung cuộc nói chuyện với Klamm như một thứ kinh doanh gì đó trên cơ sở kẻ bán, người mua. Anh tính toán mọi nhẽ. Chỉ để đạt cái mà anh mong muốn; nếu Klamm cần em, anh cũng sẽ trao em cho Klamm; nếu Klamm muốn anh ở lại với em thì anh ở lại: nếu ông ấy muốn anh đuổi em đi thì anh đuổi; anh còn sẵn sàng làm trò hề nữa cơ. Để phục vụ lợi ích của mình, anh làm

ra vẻ yêu em để qua đó cố thắng được sự thờ ơ của Klamm, nhấn mạnh cái vô danh tiểu tốt của mình, và làm nhục ông ấy là anh đã thế vào vị trí của ông ta. Hoặc thông qua việc anh nói cho ông ấy biết những điều em tự bộc lộ về tình yêu của em với ông ấy, - mà quả là em đã nói như vậy thật, - và anh đề nghị ông ấy chấp nhận em trở lại, tất nhiên là để được đáp lại khoản tiền chuộc. Rồi rốt cuộc, anh sẽ dễ dàng nhân danh vợ chồng K. mà đi ăn xin đấy. Nếu rồi đây anh đã thất vọng về tất cả, về những điều anh giả định, về những hi vọng và cả những điều anh hình dung cho mình, về Klamm và về mối quan hệ của ông ấy với em thì lúc đó bắt đầu cái địa ngục của em, lúc đó em sẽ là sở hữu duy nhất của anh để anh dựa vào nhưng lại là sở hữu không có giá trị, và anh sẽ đối xử với em như vậy, vì trong anh chỉ có một tình cảm duy nhất dành cho em: đó là tình cảm của kẻ sở hữu.

K. mím chặt môi chú ý, vẻ căng thẳng, đống củi đã vung vãi ở dưới chàng, chàng hầu như ngồi phệt xuống đất nhưng không nhận thấy. Chàng đứng dậy, ngồi lên bục giảng và nắm lấy tay Frida, cô lảng tránh vẻ mệt mỏi. Chàng nói với cô:

- Anh không thể nào phân biệt được trong những điều em nói, đâu là ý kiến của bà chủ quán và đâu là ý kiến của em.

- Đây chỉ là ý kiến của bà chủ quán, - Frida trả lời. - Em đã nghe, vì em kính trọng bà ấy, nhưng lần đầu tiên trong đời em đã không đồng ý với bà ấy. Tất cả những điều bà ấy nói đều đau lòng, nó xa lạ ngay cả với những linh cảm về chuyện của hai chúng ta! Thậm chí em cảm thấy mọi điều đều ngược lại với những lời bà ấy. Em nhớ đến buổi sáng ảm đạm sau cái đêm đầu tiên của chúng mình, anh quỳ ở bên em, và ánh mắt anh dường như nói: tất cả thế là hết. Sau đó, quả thật sự việc đã diễn ra là cho dù em cố gắng đến đâu thì em cũng chỉ cản trở anh hơn là giúp đỡ. Vì em mà bà chủ quán trở thành kẻ thù của anh, kẻ thù lớn, người mà anh vẫn coi thường, vì em mà anh phải lo lắng, phải đấu tranh để có việc làm. Vì em mà anh phải rơi vào tình thế bất lợi trước trưởng thôn, vì em mà

anh phải phục tùng gã giáo viên, vì em mà anh phải chịu đựng bọn phụ tá, và điều xấu xa nhất là vì em mà có thể anh đã xúc phạm Klamm. Bởi vì việc bây giờ anh cố tìm cách gặp Klamm, chỉ là một cố gắng vô hiệu để làm lành với ông ta. Em nghĩ rằng bà chủ quán biết tất cả những điều này hơn em nhiều, bà ấy chỉ muốn tránh cho em sự trách móc dằn vặt bản thân. Ý định thì tốt nhưng vô ích. Tình yêu mà em dành cho anh lẽ ra đã có thể giúp em vượt qua tất cả, thậm chí còn đưa anh đi xa hơn, nếu không ở trong làng thì ở nơi khác. Nó đã thể hiện sức mạnh của mình bằng một bài học khi cứu anh khỏi nhà Barnabás.

- Nói tóm lại, lúc đó em đã suy nghĩ khác với bà chủ? - K. hỏi. - Và từ ấy có gì đã thay đổi?

- Em không biết nữa, - Frida trả lời và liếc nhìn bàn tay K. đang đặt trên bàn tay cô, - có lẽ không có gì thay đổi cả. Anh ở bên em, và hỏi bình tĩnh như thế này thì em tin là không có gì thay đổi. Nhưng thật ra... - Cô rút bàn tay mình ra khỏi tay K., ngồi thẳng lên, vẻ cứng nhắc và bật khóc mà không giấu mặt. Cô phô khuôn mặt đẫm nước mắt về phía K. như thể không phải cô vì bản thân, và như vậy thì không có gì phải giấu giếm, mà cô khóc vì sự phản bội của K., và những giọt nước mắt đau khổ của cô liên quan đến K. một cách chính đáng. - Nhưng thật ra tất cả đã thay đổi kể từ khi em nghe anh nói chuyện với cậu bé đó. Anh bắt đầu mới hồn nhiên làm sao, anh quan tâm đến các mối quan hệ ở gia đình của họ, đến điều này điều kia, giống như khi anh bước vào quầy uống rượu, thân mật và cởi mở, anh tìm ánh mắt em với một vẻ sốt sắng ngây thơ. Vâng, giống như vậy, và em chỉ muốn giá có bà chủ quán ở đấy để nghe những lời anh nói, để rồi sau những sự việc này bà ấy hãy tiếp tục giữ nguyên ý kiến của mình! Mà lúc đó chính em cũng không biết bằng cách nào, bỗng nhiên em nhận ra cuộc nói chuyện của anh sẽ đi đến đâu. Bằng những lời đầy thông cảm của mình, anh cố tìm cách lấy lòng tin không dễ gì lấy được của cậu bé, để sau đó có thể đi thẳng tới mục đích của mình, mục đích ấy em ngày

càng nhận thức rõ: Đó là người đàn bà! Qua lời anh thì tưởng như anh lo lắng vì cô ta, nhưng đằng sau những lời nói đó che giấu mối quan tâm đến những việc riêng của mình. Anh đã lừa cô ta trước khi chiếm được cô ta. Em không chỉ nghe thấy quá khứ của mình từ những điều anh nói, mà cả tương lai của em nữa. Em cảm thấy bà chủ quán đang ngồi bên em và giải thích cho em tất cả, còn em thì cố công bác bỏ, nhưng đồng thời em cũng thấy rõ sự vô vọng trong những cố gắng của mình, trong khi, thực chất thì không phải em là kẻ bị lừa gạt, - em thì chẳng còn gì để bị lừa nữa - mà là người đàn bà xa lạ đó. Khi em trấn tĩnh lại và hỏi Jancsi muốn trở thành gì, và cậu ta trả lời rằng muốn trở thành người như anh, nghĩa là cậu ta đã hoàn toàn thuộc về anh. Thế thì bây giờ có gì khác biệt giữa cậu bé cừ khôi mà sự ngây thơ đã bị người ta lạm dụng, và em ở quầy bán rượu?

- Thảy những điều em nói, trong chừng mực nào đó là đúng, - K. trả lời, và như đã từng quen với những lời trách móc, chàng cố tự chủ, - không thể nói là không đúng logic, nhưng mà quá thù địch. Đấy là những ý nghĩ của bà chủ quán, kẻ thù của anh, cho dù em tưởng là của em, và điều này đã an ủi anh. Đồng thời đó cũng là những bài học: vẫn luôn luôn có thể học hỏi ở bà chủ quán việc này, việc kia. Bà ấy không hề nói cho anh những chuyện như thế, dù rằng bà ta đâu có thương tiếc gì anh. Chắc chắn bà ấy giao vũ khí này cho em với hi vọng rằng trong thời điểm đặc biệt xấu hoặc quyết định đối với anh em sẽ dùng để chống lại anh. Nếu anh lạm dụng em, thì bà ta cũng làm như thế! Em hãy nghĩ lại đi, Frida, nếu tất cả đúng như bà chủ quán nói thì điều đó là rất tồi tệ chỉ trong trường hợp em không yêu anh. Lúc đó, và chỉ lúc đó mới đúng là anh bày mưu kế chinh phục em có tính toán để rồi bắt bí bằng cái mà anh đã tìm kiếm được. Và trong trường hợp ấy thì có lẽ ngay từ đầu theo kế hoạch của mình anh đã khoác tay Olga bước đến bên em với ý đồ đặt ra từ trước là gợi sự thông cảm của em đối với anh, bà chủ quán đã

quên liệt kê điều đó vào danh mục tội lỗi của anh. Nhưng nếu không có khả năng tồi tệ ấy, và hồi đó không phải con thú nào đó đã lôi em lại phía mình, mà em cũng đến với anh như anh đã đến với em, cho đến khi gặp được nhau say sưa mê mẩn, thì Frida, em nói xem tình hình thế nào? Vậy thì, việc của anh cũng là của em, giữa hai ta không có sự khác biệt, chỉ có kẻ thù của chúng ta chia tách chúng ta. Điều này đúng với mọi việc nói chung, và đúng cả với Jancsi nữa. Còn cuộc nói chuyện với Jancsi thì em xét đoán hơi quá do tâm hồn em quá dễ bị tổn thương, vì nếu mục đích của hai chúng tôi, của Jancsi và của anh, không hoàn toàn trái ngược nhau thì việc đó không thể dẫn đến mâu thuẫn gì đó giữa hai chúng tôi mà những sự trái ngược đó cũng không giấu được Jancsi. Và nếu em cho là mình đánh giá thấp con người thận trọng ấy thì dẫu cho cậu ta không hiểu hết mọi việc, anh hi vọng rằng điều đó cũng không gây nguy hại gì cho một ai cả.

- Con người ta khó mà nhận biết được, anh K. ạ, - Frida thở dài nói. - Điều chắc chắn là em không có gì nghi ngờ anh cả, còn nếu qua bà chủ quán mà có những chuyện như thế nhập vào em, thì em xin sung sướng gạt bỏ và quỳ xuống xin lỗi anh. Thực ra em làm việc đó suốt thời gian vừa qua, cho dù em nói với anh những điều khắt khe như thế nào đi nữa. Nhưng mà đúng là anh vẫn giữ kín nhiều chuyện đối với em, anh đi đi về về mà em không biết anh đi đâu, về đâu. Vừa rồi khi Jancsi gõ cửa, anh liền kêu to cái tên Barnabás. Giá mà chỉ một lần thôi em được anh gọi tình cảm như thế, vì những lí do không thể hiểu, anh đã nói ra cái tên đáng ghét đó trước mặt em. Nếu anh không tin em, thì làm sao trong tim em lại không nổi lên sự ngờ vực đối với anh? Bởi vì như vậy thì anh hoàn toàn nộp em cho bà chủ quán và có vẻ dường như với thái độ của mình, anh khẳng định những lời của bà ấy. Không phải trong mọi việc, em không muốn nói rằng anh khẳng định cho bà ấy trong mọi việc, anh chẳng đã vì em mà đuổi bọn phụ tá đó sao? Ồ, nếu anh biết được em khát khao tìm một tí chút

điều tốt đẹp đối với mình trong những việc anh làm, anh nói, cho dù em có đau khổ giày vò vì nó đi chăng nữa!

- Frida ạ, trước hết anh không giấu em điều gì trên đời này cả, - K. trả lời. - Bà chủ quán căm ghét anh, và cố công chia rẽ em khỏi anh, bà ấy đã làm việc bằng những thủ đoạn mới kinh tởm làm sao! Còn em, Frida, em cho phép bà ấy nhiều quá! Vậy em nói đi, anh giấu em điều gì? Em biết rằng anh muốn đến được chỗ Klamm, em cũng biết trong chuyện này em không thể giúp anh, và anh phải tự mình làm lấy. Em thấy đấy, cho đến lúc này anh chưa đạt được gì cả. Những cuộc thể nghiệm vô ích này cũng đã đủ làm anh nhục nhã, lẽ nào anh phải làm tăng thêm sự nhục nhã của mình bằng việc kể lại chúng? Anh phải khoe rằng anh đã đợi Klamm, rét run lẩy bẩy suốt cả buổi chiều bên cái xe trượt tuyết của ông ấy chắc? Anh vội đến với em, hạnh phúc vì cuối cùng không phải nghĩ về những việc như thế này nữa thì những việc đó lại ập đến từ phía em một cách đe dọa. Barnabás ư? Vâng, anh đợi anh ta đấy, Barnabás là người liên lạc của Klamm, và không phải anh đã làm cho anh ta trở thành người liên lạc.

- Lại Barnabás! - Frida kêu lên. - Em không tin được anh ta là người liên lạc tốt.

- Có thể là em nói đúng, - K. trả lời. - Nhưng anh ta là người liên lạc duy nhất mà người ta phái đến với anh.

- Thế thì càng không tốt, - Frida nói. - Anh càng phải đề phòng anh ta hơn.

- Rất tiếc, cho đến lúc này chưa có lí do gì để làm việc đó, - K. mỉm cười, nói. - Anh ta ít đến, và cái anh ta mang đến lại vô giá trị: chỉ có giá trị là nó đến trực tiếp từ Klamm.

- Nhưng mà anh xem, - Frida nói, - hóa ra Klamm không còn là mục đích của anh nữa, có lẽ điều này làm cho em lo ngại nhất. Việc anh luôn hướng tới Klamm mà lờ em đi là không tốt, nhưng bây giờ hình như anh đã lùi cách xa Klamm, thì mới là điều tồi tệ nhất mà bà chủ quán cũng không nhìn thấy trước. Theo bà ấy thì hạnh phúc của em, cái hạnh phúc mơ hồ nhất

mà lại thực tế, sẽ kết thúc vào ngày anh hoàn toàn thấy được rằng những hi vọng gắn liền với Klamm là vớ vẩn. Nhưng bây giờ anh không đợi đến ngày đó nữa, bỗng nhiên có một cậu bé bước vào, và thế là anh bắt đầu tranh đấu vì mẹ cậu ta như thể tranh đấu vì ý nghĩa của cuộc đời mình vậy.

- Em đã hiểu đúng cuộc nói chuyện của anh với Jancsi, - K. nói. - Quả thật là như vậy. Nhưng mà em đã quên hết toàn bộ cuộc đời em trước đây (tất nhiên là trừ bà chủ quán, người không chịu để người ta vứt bỏ một cách dễ dàng) đến nỗi em không biết là chúng ta cần phải tranh đấu quyết liệt vì mỗi sự tiến lên, nhất là nếu ai đó từ hàng thấp kém vươn lên hay sao? Em cũng không biết là ta cần phải lợi dụng tất cả những gì hứa hẹn niềm hi vọng, dù là nhỏ nhoi như thế nào chăng nữa hay sao? Mà người đàn bà ấy là người của Lâu đài, chính bà ta đã nói cho anh biết khi ngày đầu tiên anh lạc vào nhà Laseman. Cái gì chắc chắn hơn là xin lời khuyên hoặc yêu cầu sự giúp đỡ của bà ấy. Nếu bà chủ quán biết một cách chính xác các trở ngại đã giữ chúng ta cách xa Klamm, thì người đàn bà ấy lại biết con đường dẫn đến ông ta, bởi vì chính bà ta cũng đã đi trên con đường đó.

- Đường dẫn đến Klamm ư? - Frida hỏi.

- Tất nhiên là đến Klamm, đến nơi nào khác nữa cơ chứ? - K. nói và chàng nhảy lên. - Anh phải đi lấy cơm sáng đây.

Frida khẩn khoản, gần như là năn nỉ chàng hãy ở lại, như thể nếu chàng ở lại với cô thì chàng khẳng định những lời an ủi của mình. Nhưng K. nhớ tới gã giáo viên, chàng chỉ vào cánh cửa mà bất kì lúc nào cũng có thể bật mở giận dữ, và hứa là sẽ trở về ngay; Frida không cần phải đốt lò sưởi, rồi đây chàng sẽ làm việc đó. Cuối cùng Frida im lặng đồng ý. Khi chân đã dẫm lên tuyết ở ngoài sân, lẽ ra con đường phải được xúc tuyết từ lâu, công việc mới chậm chạp làm sao! - K. trông thấy một tên phụ tá đang bám vào chấn song hàng rào vẻ mệt mỏi phờ phạc. Nhưng chàng chỉ thấy có một tên, tên phụ tá kia ở đâu? Ít ra thì chàng cũng đã làm cho một tên

phải nhụt chí rồi chăng? Nhưng ở đây vẫn còn sự sốt sắng, biểu hiện là khi trông thấy K., tên phụ tá liền tươi tỉnh lên, và hắn bắt đầu huơ mạnh tay vẻ khát khao quy phục giả nhân giả nghĩa. "Sự kiên trì của hắn quả là mẫu mực! - K. tự nhủ, và chàng buộc phải nói thêm: Sẵn sàng chịu lạnh ở chấn song hàng rào!". Nhưng chàng chỉ giơ nắm đấm lên vẻ đe dọa, cử chỉ này đã chặn trước mọi sự tiến lại gần, thậm chí tên phụ tá giật lùi lại vì hoảng sợ. Chính lúc đó Frida mở cửa sổ, theo thỏa thuận của họ, trước khi đốt lò sưởi cô phải thông gió. Tên phụ tá, ngay phút ấy, hướng mọi sự chú ý vào cô, và dường như làm theo lực hấp dẫn không thể cưỡng lại được, hắn bò về hướng cửa sổ. Nét mặt Frida méo xệch đi, rõ ràng bị giày vò bởi lòng thương hại đối với tên phụ tá và cô quay về phía K. ngần ngại, vẻ van xin chân thành. Từ trên cửa sổ cô vẫy tay một cái vẻ do dự, không biết được chắc chắn cái vẫy tay đó có nghĩa là cấm hay là sự cho phép. Nên tên phụ tá không dám liều lĩnh và ngừng tiến lại gần. Thấy thế Frida vội vàng đóng lớp cửa sổ ngoài cùng, và cô đứng sau cánh cửa, tay cầm then cửa sổ với nụ cười đông cứng, đầu ngả sang bên và mắt mở to. Cô có biết chăng là làm như vậy cô càng quyến rũ tên phụ tá hơn là đuổi hắn quay lại? Nhưng K. không ngoái lại nữa, chàng chỉ lo đi nhanh hơn và trở về sớm hơn.

CHƯƠNG XIV

Xế chiều, khi trời đã tối, cuối cùng K. đã dọn sạch con đường ngoài vườn, chàng xúc tuyết ra hai bên thành gò cao. Chàng đã hoàn thành công việc của ngày. Chàng đứng nơi

cổng vườn, cô đơn giữa vùng quê. Chàng đã đuổi tên phụ tá từ mấy giờ trước đấy, rượt theo hắn một đoạn, tên phụ tá đã trốn ở đâu đó giữa khu vườn và những túp nhà nhỏ, rồi mất hút không xuất hiện nữa. Frida ở nhà, hoặc là cô đang giặt quần áo bẩn, hoặc là cô vẫn đang tắm cho con mèo của Giza. Giao việc này cho Frida - cái công việc hiển nhiên là ghê tởm và không xứng đáng - là dấu hiệu của sự tin cậy lớn từ phía Giza. Lẽ ra K. không đồng ý đảm nhiệm công việc đó, nếu họ phải không bằng mọi cách lấy lòng Giza sau những lúc sao nhãng công việc phục vụ các kiểu. Giza quan sát vẻ hài lòng từ việc K. mang cái thùng tắm trẻ con bé tí từ gác xép xuống như thế nào, đến việc họ đun nước nóng, và cuối cùng cho con mèo vào thùng tắm thận trọng ra sao. Thế rồi sau đó Giza giao hẳn con mèo cho Frida, vì Schwarzer đến, người mà K. đã quen từ buổi tối đầu tiên. Gã chào K., trong lời chào có vẻ bối rối vì những sự kiện xảy ra tối hôm ấy, pha lẫn sự khinh bỉ thường thấy khi người ta chào hỏi kẻ phục vụ nhà trường, sau đó gã đi sang phòng khác cùng với Giza. Và đến giờ hai người vẫn còn ở đó. Schwarzer, mặc dù là con trai của quan phòng thành, vẫn sống ở trong làng, bởi tình yêu đối với Giza. Người ta đã kể cho K. nghe như vậy ở trong quán Bên cầu. Bằng các mối quan hệ của mình, Schwarzer đã được làng cho làm phụ giảng, gã đã thực hiện việc đó bằng cách gần như không bỏ qua một giờ giảng nào của Giza: hoặc là gã ngồi giữa bọn trẻ trên một chiếc ghế nào đó, hoặc thích thú hơn là ngồi bên chân Giza, trên bục giảng. Sự có mặt của gã không gây phiền phức, bọn trẻ đã quen từ lâu rồi, và có lẽ chỉ làm thế là dễ nhất, vì gã cũng chẳng thích gì bọn trẻ, mà cũng không hiểu được chúng; gã không nói chuyện với chúng, chỉ dạy thể dục thay Giza. Nhưng gã lấy làm hài lòng là có thể được sống gần Giza, trong bầu không khí và hơi ấm của cô ta. Gã vui sướng nhất là được ngồi cạnh Giza và chữa các bài tập. Hôm nay họ cũng làm việc đó, Schwarzer mang theo cả chồng vở lớn, gã giáo viên cũng thường xuyên đưa cho y số vở của mình, và

trong khi trời còn sáng, K. thấy họ ngồi bên một chiếc bàn nhỏ, cạnh cửa sổ, họ làm việc đầu sát bên đầu, bất động. Bây giờ thì chỉ có thể nhìn thấy hai ngọn nến. Tình yêu đứng đắn, thầm lặng đã kết họ lại, trong mối tình này Giza là người làm chủ; quả là bản tính cô ta đôi khi khó chịu, nếu cáu thì cô ta vượt quá giới hạn, nhưng lại không bao giờ chịu được việc như thế ở người khác. Do vậy mà Schwarzer với tính tình sôi nổi cần phải thuận theo: gã đi lại, nói năng chậm rãi và phải im lặng nhiều. Nhưng bù lại thỏa đáng cho những chuyện đó là sự gần gũi giản dị và lặng lẽ của Giza. Trong khi đó có thể Giza, nói chung không hề yêu gã, chí ít thì đôi mắt tròn, màu tro, thật ra chưa lúc nào sáng lên, nhấp nháy bất thường ấy chưa bao giờ trả lời câu hỏi về việc đó, chỉ có thể thấy rằng cô ta chấp nhận Schwarzer mà không chống đối, nhưng chắc chắn cô không hề có ý tưởng gì về sự vinh hạnh đối với mình là được yêu con trai của quan phòng thành. Tấm thân đầy đặn, phì nhiêu của cô uốn éo một cách thoải mái, cho dù Schwarzer có dán mắt nhìn hay không. Về phần mình, Schwarzer đã liên tục hi sinh cho cô ta bằng việc gã ở lại trong làng. Vì gã, ông bố đã nhiều lần cho người xuống, nhưng gã đã bực bội bỏ ngoài tai những đòi hỏi ấy, dường như việc người ta làm cho gã nhớ tới Lâu đài và nghĩa vụ của đứa con trai đã quấy nhiễu hạnh phúc của gã đúng vào điểm yếu và không thể nào bù đắp lại được. Vậy mà gã có nhiều thì giờ rỗi, chính vì Giza thông thường chỉ xuất hiện trước mặt gã lúc dạy học và chữa bài, tất nhiên không phải do tính toán gần xa, mà bởi vì, cô ta yêu sự thoải mái và do đó yêu cả nỗi cô đơn hơn tất cả. Có lẽ cô ta hạnh phúc nhất là được ở nhà dang tay, duỗi chân trên chiếc đi văng một cách yên ổn bên cạnh con mèo không quấy rầy của mình, vì nó không động đậy được mấy nữa. Như vậy phần lớn thời gian trong ngày Schwarzer chỉ chơi rông, nhưng gã cũng lấy thế làm thích thú vì gã luôn luôn tìm cách lợi dụng khả năng có sẵn để đến ngõ Sư tử nơi Giza ở, rồi rón rén đi lên phòng gác xép của cô ta, nghe ngóng một lúc trước cánh

cửa luôn luôn khóa sau đó vội vàng chuồn thẳng, vì gã nhận thấy vẫn một sự yên tĩnh hoàn toàn không thể nào hiểu được đó ở trong phòng. Thỉnh thoảng những hậu quả của lối sống này cũng xuất hiện ở gã, dù là không bao giờ trước mặt Giza: có lúc tính kiêu kì của giới chức trỗi dậy trong lòng gã một cách buồn cười, điều mà tất nhiên là không hợp với trạng thái bây giờ của gã. Phần lớn sự việc không kết thúc một cách tốt đẹp, như K. đã thấy.

Điều kì lạ là bất chấp những việc ấy người ta vẫn nhắc tới Schwarzer với một sự tôn kính, ít ra thì cũng ở quán Bên cầu, và sự tôn kính này lan sang cả Giza. Nhưng dù sao vẫn là không đúng, khi Schwarzer, với tư cách phụ giảng, tưởng mình có ưu thế hơn K., bởi vì thực ra không thể nói tới cái ưu thế như vậy. Một người phục vụ nhà trường là nhân vật rất quan trọng đối với hội đồng giáo viên và nhất là đối với Schwarzer, không thể coi thường vô tội vạ anh ta, và nếu ai đó do địa vị mà không bỏ được thói khinh thị thì người phục vụ cũng có khả năng tự do tỏ thái độ của mình. Đôi lúc K. muốn nghĩ về điều đó, vả lại từ buổi tối đầu tiên Schwarzer đã phạm lỗi lầm, lỗi lầm ấy không hề giảm đi mặc dù các sự kiện những ngày tiếp theo về cơ bản đã xác minh sự tiếp đón của Schwarzer dành cho chàng như vậy là đúng. Và không thể quên rằng có thể cách tiếp đón ấy đã định hướng cho những sự việc về sau. Ngay từ giờ đầu Schwarzer đã làm cho các nhà chức trách chú ý đến chàng, khi mà chàng còn hoàn toàn xa lạ ở trong làng, không người quen và nơi ẩn náu, kiệt sức vì đi đường, trơ trọi nằm trên cái đệm rơm. Nếu như đêm đó trôi qua yên tĩnh thì mọi chuyện có thể đã không diễn ra ồn ào, ít ra thì đã không một ai biết về chàng, không một ai nghi ngờ chàng, chí ít thì người ta đã không lảng tránh chàng để rồi vào một ngày đẹp trời, họ để cho chàng trú nhờ như bất kì một người khách bộ hành nào, họ thấy chàng có ích và có thể tin được, tin đó lan đi khắp vùng, và có lẽ chàng đã có thể tìm được một chân phục vụ ở một nơi nào đó. Các nhà chức

trách tất nhiên cũng sẽ biết về chàng. Chỉ có sự khác biệt cơ bản giữa hai việc: một là vì chàng mà đang đêm người ta khuấy động cả văn phòng trung tâm, đòi hỏi phải có sự quyết định ngay lập tức, hơn nữa thủ phạm lại là Schwarzer, người mà xem ra ở trên đó người ta không thích lắm: nhưng sẽ khác đi, nếu hôm sau K. đến gặp trưởng thôn vào giờ hành chính và trình diện ở đó theo đúng cung cách, như một lữ khách đã có chỗ tạm trú tại nhà một người dân nào đó trong làng, và có thể ngay sáng hôm sau chàng lại tiếp tục lên đường, nếu như điều rất ít có khả năng, là chàng không tìm được việc làm ở đây, tất nhiên là chỉ trong vài ngày, bởi vì chàng không có ý định ở lại lâu hơn. Không có Schwarzer thì hẳn sự việc đã xảy ra như vậy, các nhà chức trách sau đó cũng sẽ quan tâm đến vụ việc này nhưng một cách bình tĩnh bằng con đường hành chính. không bị sự thiếu kiên nhẫn của các đương sự làm phiền, điều mà họ đặc biệt ghét. Trong mọi chuyện K. đều vô tội, các lỗi lầm thuộc về Schwarzer, nhưng Schwarzer lại là con trai quan phòng thành mà bề ngoài thì hắn đã xử sự không chê vào đâu được, và thế là K. cần phải trả giá vì tất cả. Mà rốt cuộc là do nguyên nhân buồn cười như thế nào? Có thể là do sự đỏng đảnh của Giza ngày hôm ấy đã làm cho Schwarzer đêm đến đi lang thang không ngủ, và lấy K. để trả thù cho nỗi bực bội của mình. Thế nhưng mặt khác thì có thể nói rằng K. có thể cảm ơn rất nhiều cách xử sự như vậy của Schwarzer đối với chàng. Chỉ nhờ vậy mà đã trở thành khả năng điều chàng không bao giờ tự mình có thể đạt được, điều mà về phần mình các nhà chức trách cũng không bao giờ đồng ý: ngay từ đầu chàng đã tiếp xúc trực tiếp, tất nhiên trong chừng mực có thể, với các nhà chức trách một cách công khai mà không cần sự ranh mãnh nào. Có điều đó là một món quà không lấy gì là lớn, nhưng nó đã giải thoát chàng khỏi nhiều sự dối trá và gian kế, nhưng cũng ngay lúc đó nó biến chàng thành kẻ gần như hoàn toàn trơ trọi. Trong mọi trường hợp, nó bất lợi cho chàng trong cuộc tranh đấu, và đã làm cho

chàng tuyệt vọng nếu chàng không thừa nhận rằng giữa chàng và các nhà chức trách có sự khác biệt ghê gớm về mặt quyền lực đến nỗi chàng không bao giờ có thể sửa đổi nó có lợi cho mình dù chỉ là tí chút bằng bất kì sự dối trá và gian kế nào mà chàng có thể. Nhưng ý nghĩ này chỉ để K. tự an ủi, không có gì giảm nhẹ tội của Schwarzer. Nếu lúc đó gã hại K. thì sắp tới có thể giúp đỡ chàng, bởi vì chàng có thể phải cần đến sự giúp đỡ gấp rút, tỉ như lúc này, xem ra Barnabás lại bất lực.

Vì Frida mà cả ngày K. đã do dự trong việc đi đến nhà Barnabás để thăm dò. Bây giờ chàng làm việc ở ngoài và ở lại trong vườn sau khi xong việc là để đợi Barnabás, và khỏi phải tiếp y trước mặt Frida. Nhưng Barnabás đã không đến. Giờ thì không còn gì khác là chàng phải đến chỗ mấy người chị em nhà Barnabás, chỉ vài phút thôi, chàng muốn hỏi thăm từ ngoài bậc cửa rồi trở về ngay. Cắm chiếc xẻng vào trong tuyết, chàng đi ngay. Đến nhà Barnabás, thở không ra hơi, chàng gõ cộc lốc và giật cửa, cũng chẳng nhìn quanh ở trong phòng, chàng hỏi:

- Barnabás vẫn chưa về à?

Chỉ bây giờ chàng mới thấy Olga không có ở trong đó, hai người già lại gật gà gật gù ở bên chiếc bàn phía xa, họ vẫn chưa hiểu cái gì đang xảy ra ở cửa, khuôn mặt họ rất chậm chạp quay về phía đó. Amália đang nằm trên bệ lò sưởi, người phủ chăn, cô choàng tỉnh dậy khi K. xuất hiện, tay giơ lên trán để trấn tĩnh lại. Nếu có Olga ở đây, cô trả lời ngay, và K. đã có thể đi được rồi. Nhưng như thế này thì ít ra chàng cũng phải bước vài bước về phía Amália, chìa tay cho cô, cô gái im lặng xiết chặt tay K., chàng đề nghị cô nói với bố mẹ, những người vừa bị chàng làm cho hốt hoảng, là cứ ngồi yên chỗ cũ. Amália đã làm điều đó bằng vài lời. K. biết được Olga đang chẻ củi ở ngoài sân. Amália mệt mỏi đến mức vừa rồi cô đã phải nằm xuống. Barnabás vẫn chưa có ở đây, nhưng chẳng mấy chốc nữa y phải trở về, vì ban đêm y không bao giờ nghỉ

lại ở Lâu đài. K. cảm ơn những lời giải thích, giờ thì quả thật chàng đã có thể đi được rồi, nhưng Amália hỏi chàng có muốn đợi Olga không. K. trả lời rằng, rất tiếc chàng không có thời gian đợi. Amália hỏi chàng hôm đó đã nói chuyện với Olga chưa? K. ngạc nhiên trả lời rằng chưa, và hỏi Olga có điều gì đặc biệt muốn nói cho chàng hay sao. Amália dường như bực mình, cô hơi bĩu môi, im lặng gật đầu vẻ như muốn từ biệt và lại nằm xuống. Từ chỗ nằm cô nhìn ra, dường như cô ngạc nhiên thấy chàng vẫn còn ở đó. Ánh mắt cô như vẫn thế, lạnh lùng, trong sáng và bất động, không hướng thẳng tới nơi nhìn mà là hơi lướt qua bên cạnh một cách bối rối, khó nhận thấy, nhưng không phải do ốm yếu, hay bối rối hoặc đóng kịch, mà là hậu quả của nỗi khao khát được cô đơn thường xuyên vượt lên trên tất cả mọi cảm giác khác, điều mà bản thân cô có lẽ cũng không che giấu. K. nhớ lại cái nhìn này đã làm chàng bận tâm ngay từ buổi tối đầu tiên, thậm chí nó là nguyên nhân làm cho cả gia đình ngay lập tức gây ra trong chàng sự khó chịu, dù trong bản thân cái nhìn đó không có gì xấu, mà đúng hơn đó chỉ là vẻ kiêu hãnh xa lạ một cách công khai của nó.

- Cô lúc nào cũng buồn như thế này hở Amália? - K. hỏi. - Có điều gì đó hành hạ cô chăng? Cô có thể nói được không? Tôi chưa bao giờ thấy một cô gái nông thôn như cô. Thực ra chỉ hôm nay, bây giờ tôi mới nghĩ tới điều này. Cô người ở làng này à? Cô sinh ở đây?

Amália gật đầu, như thể K. chỉ hỏi câu cuối cùng, lúc sau cô nói:

- Vậy là anh vẫn đợi Olga chứ?

- Tôi không hiểu tại sao cô cứ hỏi điều đó, - K. trả lời. - Tôi không thể ở lại nữa, vợ chưa cưới của tôi đang chờ ở nhà.

Amália đột ngột chống khuỷu tay nhổm dậy, cô không biết về người vợ chưa cưới nào cả. K. nói tên, Amália không quen cô ta. Cô hỏi chàng rằng Olga có biết về sự hứa hôn này không. K. trả lời rằng chàng tin là cô ta có biết, bởi vì Olga đã

trông thấy chàng đi với Frida, vả lại ở trong làng những chuyện như thế vẫn truyền đi nhanh chóng. Nhưng Amália đã cho chàng biết rằng Olga không biết về việc đó, và cô ấy sẽ bất hạnh, bởi lẽ hình như cô ấy yêu K.. Tuy cô ấy không công khai nói về điều này, vì bản tính cô ấy rất rụt rè, nhưng mà không thể giấu được tình yêu. K. trả lời rằng chàng tin chắc là Amália nhầm. Amália mỉm cười, dù là nụ cười buồn bã cũng đã làm sáng lên khuôn mặt cau có khắc khổ, biến sự câm lặng thành cởi mở, sự xa lạ thành thân thiết, một bí mật được tiết lộ, bí mật của một vật báu mà tuy có thể lấy lại bất kì lúc nào, nhưng lấy lại hoàn toàn thì không bao giờ làm được nữa. Nhất định là cô không nhầm, Amália nói, thậm chí cô còn biết nhiều hơn. Cô biết rằng Olga cũng hấp dẫn K., và cuộc thăm hỏi của chàng lấy cớ xem Barnabás đi công cán như thế nào thật ra cũng là vì Olga. Nhưng bây giờ, khi Amália đã biết tất cả rồi thì chàng khỏi phải nghiêm khắc như vậy, chàng có thể lui tới thường xuyên hơn. Cô chỉ muốn nói điều đó cho chàng mà thôi. K. lắc đầu, nhắc lại là chàng đã hứa hôn. Amália, hình như không chú ý đến việc đính hôn, đối với cô cái ấn tượng mà K. trực tiếp khơi dậy trong cô, và việc chàng đang đứng một mình trước mặt cô là quyết định. Cô chỉ hỏi K. quen cô gái kia ở đâu, bởi vì chàng chỉ mới có mặt trong làng mấy hôm. K. kể lại cho cô về cái buổi tối ở trong quán Ông chủ, Amália chỉ nhận xét ngắn gọn là cô rất phản đối việc Olga đưa K. vào quán Ông chủ. Cô gọi Olga làm chứng, người vừa lúc ấy bước vào, tay ôm một bó củi, vẻ hào hứng, nhanh nhẹn, đầy sinh lực, má đỏ hồng vì khí lạnh. Cô đã phải thường xuyên ngồi ở trong phòng, nhưng bây giờ dường như công việc đã làm cho cô thay đổi. Cô ném bó củi xuống, chào K. một cách thoải mái và liền hỏi thăm về Frida. K. liếc nhìn Amália một cách ý nghĩa, nhưng dường như cô không muốn thừa nhận là mình sai. Điều này cũng làm K. hơi bực mình, chính vì thế chàng nói về Frida một cách chi tiết hơn là lẽ ra chàng định nói. Chàng kể rằng trong hoàn cảnh khó khăn như thế

mà Frida vẫn cố gắng thu xếp công việc ở trường học, và trong khi vội vã kể chuyện - vì muốn trở về nhà ngay - chàng say sưa đến mức khi từ biệt, đã mời họ đến thăm. Sau đó chàng hoảng lên và ngắc ngứ, trong khi Amália gần như chặn lại không cho chàng nói tiếp và tuyên bố ngay rằng cô xin nhận lời mời, Olga cũng bất giác đồng ý theo. Cái ý nghĩ cần phải nhanh chóng chuồn khỏi đây đã làm K. mỗi lúc một phập phồng lo lắng, lại còn ánh mắt Amália cứ nhìn dán vào cũng làm chàng bồn chồn day dứt. Không màu mè, chàng nói rằng lời mời vừa rồi hoàn toàn thiếu suy nghĩ, do những cảm giác riêng tư của chàng chi phối, rất tiếc là chàng không thể giữ nguyên lời mời, bởi vì giữa Frida và gia đình Barnabás có một sự thù hằn lớn gì đó mà chàng không thể hiểu nổi.

- Nói hằn thù thì cũng không phải, - Amália nói, cô ngồi dậy trên bệ lò sưởi, hất chăn ra phía sau, - mà chỉ là sự bắt chước theo dư luận. Nhưng bây giờ thì anh hãy đi về với vợ chưa cưới của anh, tôi thấy là anh đang vội, và anh đừng lo, chúng tôi không tới thăm anh đâu, lúc đầu tôi nói đùa vì muốn xỏ anh đấy. Còn anh thì có thể đến với chúng tôi thường xuyên hơn, điều ấy không có gì trở ngại cả, anh có thể viện cớ là đợi tin tức ở Barnabás. Tôi còn làm cho việc anh dễ dàng hơn: tôi sẽ giải thích rằng nếu Barnabás có mang tin tức từ Lâu đài về cho anh thì anh ấy cũng không thể đi đến trường học để trao cho anh được. Anh ấy không thể chạy nhiều đến thế, tội nghiệp, anh ấy đến kiệt sức vì công việc mất thôi, chính anh cần phải đến mà lấy tin!

K. chưa từng được nghe Amália nói một thôi như thế, những lời nói của cô cũng vang lên khác thường, có cái gì cao ngạo trong những lời nói đó. Không chỉ K. cảm thấy điều này, mà rõ ràng là cả Olga nữa, dẫu là cô đã quen với Amália. Cô hơi đứng sang một bên trong tư thế đã quen, tay để trước bụng, và vai hơi xệ xuống, mắt nhìn chăm chăm vào Amália, trong khi Amália dán mắt vào K.

- Cô nhầm rồi, - K. nói. - Cô nhầm to nếu cô tưởng rằng tôi

không chờ đợi Barnabás một cách nghiêm túc nhất. Mong muốn chính, mà thật ra là duy nhất của tôi là giải quyết công chuyện của mình với các nhà chức trách. Và trong việc này tôi cần Barnabás giúp đỡ, phần lớn tôi đặt hi vọng ở anh ấy. Có một lần tôi đã thất vọng về anh ấy quá, nhưng trong việc ấy tôi là người có lỗi chứ đâu phải anh ấy, nó xảy ra trong sự lúng túng của những giờ đầu tiên, lúc đó tôi cứ tưởng rằng mình có thể đạt được tất cả bằng một cuộc dạo chơi buổi tối, và khi đã rõ là không thể được, tôi đã trút gánh nặng cho anh ấy. Điều này cũng đã tác động đến lời nhận xét mà tôi đã nói về gia đình các cô, về các cô. Nhưng việc này qua rồi, tôi tin là bây giờ tôi đã hiểu các cô hơn, thậm chí, thậm chí... - chàng tìm lời thích hợp, nhưng vì đột ngột nên không tìm ra, đành bằng lòng với từ bắt gặp đầu tiên, - có lẽ giữa những người trong làng mà cho đến nay tôi đã quen biết thì các cô tốt bụng hơn bất kì ai khác. Amália ạ, nếu cô coi thường, dù là không phải sự phục vụ của anh cô, mà là ý nghĩa của công việc ấy đối với tôi, thì cô lại nhầm đấy! Có lẽ cô không phải là người tham dự vào những việc của Barnabás, thế thì tốt, tôi không khuấy lên chuyện ấy, cứ để như vậy, còn nếu cô tham dự, mà tôi có ấn tượng này đấy, thì đấy là tai họa lớn, bởi vì nó có nghĩa rằng anh cô đã lừa dối tôi.

- Anh yên tâm, - Amália nói, - tôi không tham dự và không có gì bắt tôi phải tham dự cả, không có cái gì có thể bắt tôi, kể cả anh, dù là tôi sẵn sàng làm việc này, việc kia vì anh như anh đã nói. chúng tôi là người tốt bụng, nhưng những việc của anh tôi là việc của anh tôi, tôi không hề biết gì những việc của anh ấy, ngoài những điều tình cờ tôi nghe được nơi này, nơi khác. Còn qua Olga thì anh có thể nhận được thông báo đầy đủ, bởi vì chị ấy là người tin cậy của anh tôi.

Nói rồi Amália đi khỏi đó, lúc đầu cô đến chỗ bố mẹ, thì thầm vài lời với họ, sau đó cô đi vào nhà bếp, không chào tạm biệt, bỏ K. ở lại như thể cô biết rằng chàng còn ở lại đó lâu, và không cần thiết phải chào.

CHƯƠNG XV

K. hơi sửng sốt đứng ở đó, Olga cười chàng và kéo chàng đến bên bệ lò sưởi, xem ra thì cô thật sự mừng vì bây giờ có thể ngồi với K., chỉ hai người với nhau, niềm hạnh phúc yên ổn mà sự ghen tuông chắc chắn không quấy phá. Chính điều này làm K. thích thú. Không hề có biểu hiện gì của sự ghen tuông và nỗi e ngại do ghen tuông, chàng vui vẻ nhìn vào đôi mắt xanh không quyến rũ, cũng không sai khiến mà hoàn toàn điềm tĩnh e lệ nhìn lại chàng vẻ hiền lành. Dường như sự cảnh báo để giữ gìn của Frida và bà chủ quán đã không làm cho chàng nhạy cảm hơn với những gì chàng nhận biết ở đây, mà lại làm cho chàng để ý hơn tới những gì đang diễn ra và khôn khéo hơn trong xét đoán. Chàng cười với Olga, khi cô ngạc nhiên hỏi rằng tại sao chàng lại nói Amália là người tốt bụng, bởi vì có thể nói tất cả mọi ưu điểm khác cho cô ấy, nhưng khó mà nói được là tốt bụng. K. nói rằng lời khen này tất nhiên là dành cho Olga, nhưng Amália có ưu thế là ham quyền lực, không chỉ bản thân cô ấy nhận về mình tất cả những gì người ta nói trước mặt, mà những người khác cũng tự nguyện dành tất cả cho cô.

- Điều đó đúng đấy, - Olga tư lự nói, - đúng hơn là anh nghĩ. Amália trẻ hơn em, trẻ hơn cả Barnabás nữa, thế nhưng trong gia đình thì cô ấy quyết định mọi chuyện tốt, xấu, thực ra, cô ấy cũng phải gánh về mình cả cái tốt lẫn cái xấu nhiều hơn những người khác.

K. thấy điều này cường điệu, bởi vì chính Amália vừa nói rằng cô không quan tâm đến công việc của anh, còn Olga thì lại biết hết về chúng.

- Em phải giải thích điều ấy thế nào đây? - Olga nói. - Amália không quan tâm đến Barnabás và em, thực ra cô ấy cũng chẳng quan tâm tới ai, trừ bố mẹ chúng em ra. Cô ấy

đêm ngày chăm sóc các cụ, cô ấy vừa hỏi xem các cụ có muốn gì không, và đi ra nhà bếp để nấu thứ gì đó cho các cụ. Vì các cụ mà cô ấy thức dậy, mặc dù cảm thấy người khó ở. Cô ấy bị ốm từ trưa và nằm ở trên bệ lò sưởi này. Nhưng dù cô ấy không quan tâm đến chúng em, thì chúng em vẫn phụ thuộc vào cô ấy, như thể giữa chúng em, cô ấy là người nhiều tuổi nhất. Nếu cô ấy cũng cho chúng em lời khuyên trong công việc của mình thì hiển nhiên là chúng em nghe lời khuyên của cô ấy, nhưng không bao giờ cô ấy làm như thế, đối với cô ấy. chúng em là những người xa lạ. Từ nơi xa lạ đến, và hiểu biết con người, anh có thấy cô ấy thông minh khác thường không?

- Tôi thấy rõ ràng là cô ấy bất hạnh, - K. nói. - Nhưng cô và em trai dung hòa sự tôn trọng mà hai người dành cho cô ấy như thế nào, một khi Barnabás làm công việc đưa thư này mà Amália lại không coi trọng, thậm chí cô ấy còn coi thường?

- Nếu biết mình có thể làm được gì khác thì ngay lập tức cậu ấy bỏ nghề đưa thư mà nói chung không làm cho cậu ấy thỏa mãn.

- Thế anh ấy không học nghề đóng giày à? - K. hỏi.

- Có đấy, - Olga trả lời, - thỉnh thoảng cậu ấy cũng làm thêm cho Brunswick, và nếu muốn thì đêm ngày cậu ấy đều có việc và có thể kiếm tiền khá.

- Vậy thì, - K. nói, - anh ấy có thể thay thế việc đưa thư bằng việc đó.

- Thay thế việc đưa thư à? - Olga ngạc nhiên hỏi, - có lẽ cậu ấy làm nghề đưa thư vì mong được trả tiền chắc?

- Được rồi, được rồi, - K. nói, - nhưng mà chính cô vừa nói rằng việc đó không làm anh ấy thỏa mãn.

- Không, không làm cậu ấy thỏa mãn, - Olga nói. - Vì các nguyên nhân khác nhau. Nhưng dù sao thì đó cũng là công việc phục vụ trong Lâu đài, hay một cái gì đó đại loại như thế, chí ít thì chúng em cũng tin như vậy.

- Sao lại thế, - K. hỏi, - các cô cũng nghi ngờ điều ấy ư?

- Thật ra không, - Olga trả lời, - Barnabás quen thuộc các văn phòng, cậu ấy tiếp xúc với những người phục vụ như là những người ngang hàng với mình, thấy từ xa các viên chức, họ giao cho cậu ấy những lá thư tương đối quan trọng, thậm chí những lúc như vậy họ còn nhắn tin bằng lời nhờ chuyển, mà việc đó không phải nhỏ, chúng em có thể tự hào rằng đang còn trẻ như thế mà cậu ấy đã thành đạt như vậy.

K. gật đầu, và giờ đây chàng không còn nghĩ đến việc phải về nhà.

- Anh ấy có quần áo đồng phục riêng không? - chàng hỏi.

- Anh nói về cái áo chẽn của cậu ấy ư? - Olga hỏi. - Không phải đâu, cái áo ấy Amália may trước khi cậu ấy làm người đưa thư. Anh bắt đầu chạm tới chỗ đau của câu chuyện. Lẽ ra cậu ấy đã nhận quần áo từ lâu, dù không phải là đồng phục, bởi vì quần áo như thế không có trong Lâu đài, mà là bộ quần áo phục vụ. Người ta đã hứa với cậu ấy, trong những việc kiểu đó ở Lâu đài người ta rất lề mề, và điều tệ hại xấu nhất là con người không biết được sự dây dưa này nghĩa là gì. Có thể có nghĩa là thủ tục đang được tiến hành, cũng có thể có nghĩa là nó chưa được xem xét. Ví dụ người ta vẫn chỉ muốn thử thách Barnabás. Cuối cùng thì lại có thể có nghĩa là thủ tục hành chính đã xong, do nguyên nhân thế nào đó người ta nuốt lời hứa và Barnabás không bao giờ được nhận quần áo. Về việc này không thể biết gì chính xác hơn, ít ra cũng phải mất một thời gian dài nữa. Người ta nói, chắc anh biết thành ngữ: Những quyết định hành chính rụt rè như gái tơ.

- Sự quan sát khá đấy, - K. nói, khi tiếp nhận một cách nghiêm túc điều đó hơn cả Olga. - Sự quan sát khá đấy, các quyết định trong những việc khác có lẽ cũng giống các cô gái.

- Có thể, - Olga nói, - tất nhiên em biết anh nghĩ như thế nào. Có lẽ là khen ngợi. Nhưng bộ quần áo phục vụ chính là một trong những mối lo của Barnabás, và bởi vì chúng em vẫn chia sẻ nỗi lo lắng, nên đồng thời cũng là mối lo của em. Tại sao cậu ấy không được nhận quần áo phục vụ? Chúng em tự

hỏi một cách vô ích. Có điều sự việc không đơn giản như vậy. Chúng em được biết là các quan chức cũng không có quần áo phục vụ, và như Barnabás nói thì họ mặc quần áo thông thường, tất nhiên là quần áo rất đẹp. Mà anh cũng đã thấy Klamm rồi. Bây giờ thì Barnabás không phải quan chức, cũng chưa thuộc giới quan chức cấp thấp nhất, và cậu ấy không dám mơ trở thành quan chức. Theo Barnabás cho biết thì những người phục vụ cao cấp hơn cũng không có quần áo phục vụ, những người này tất nhiên không thể thấy ở trong làng, con người ta có thể nghĩ đấy là niềm an ủi, có điều đó là niềm an ủi hão huyền, bởi vì phải chăng Barnabás là người phục vụ cao cấp? Không, cho dù ai đó có thích cậu ta bao nhiêu đi nữa thì cũng không thể quả quyết được điều đó, không có chuyện cậu ấy là người phục vụ cấp cao, bản thân việc cậu ấy xuống làng, thậm chí ở trong làng cũng đã *chống* lại điều đó. Những người phục vụ cấp cao dè dặt hơn cả các viên chức, có lẽ họ có quyền làm thế, thậm chí họ còn đứng cao hơn một số viên chức. Những việc nhất định đã chứng tỏ điều đó: họ làm việc ít hơn, và theo Barnabás thì cảnh tượng thật dễ chịu khi những người đàn ông cao, khỏe một cách hiếm hoi này ung dung đi suốt các hành lang. Barnabás luôn lảng vảng quanh họ. Vậy là không thể có chuyện Barnabás là người phục vụ cao cấp. Ngược lại, cậu ấy có thể thuộc giới đầy tớ hạ đẳng, nhưng mà bọn đầy tớ hạ đẳng này có quần áo phục vụ, chí ít thì họ cũng ăn mặc như thế khi vào làng. Đấy không phải là quần áo thực sự, có nhiều sự khác biệt giữa hai loại quần áo ấy, nhưng rõ ràng ngay lập tức có thể nhận ra người phục vụ ở Lâu đài qua quần áo, bởi vì anh cũng đã thấy họ ở quán Ông chủ. Cái nổi bật nhất trên những bộ quần áo này là phần lớn chúng chật căng, một người nông dân hay thợ thủ công không thể mặc loại quần áo như thế. Barnabás không có loại quần áo đó, việc này cũng không làm cậu ta phải xấu hổ hay nhục nhã, có thể chịu đựng được, nhưng trong những giờ xấu của chúng em - nếu không quá thường xuyên, thỉnh thoảng chúng

em cũng có những giờ xấu như thế - buộc Barnabás và em phải nghi ngờ tất cả. Có đúng là Barnabás đang phục vụ ở Lâu đài hay không? Chúng em tự hỏi trong những lúc đó. Hiển nhiên là cậu ấy thường đến các văn phòng, nhưng các văn phòng có đúng là một bộ phận thật sự của Lâu đài chưa? Và nếu các văn phòng thuộc về Lâu đài đi chăng nữa thì những nơi Barnabás được phép bước vào có đúng là các văn phòng không? Cậu ấy đến các văn phòng, nhưng đấy chỉ những bộ phận của một tổng thể, tiếp đấy là những hàng rào và bên kia hàng rào còn có các văn phòng khác. Người ta không công khai cấm cậu ấy tiếp tục đi, nhưng cậu ấy đi tiếp tục như thế nào được, nếu đã gặp thượng cấp, họ giải quyết việc của cậu ấy và cho cậu về? Ngoài ra, ở đó người ta thường xuyên để ý, ít ra thì cậu ấy cũng cảm thấy như vậy. Và cậu ấy được gì nếu tiếp tục đi, một khi không còn công việc gì ở đó nữa mà chỉ quấy rầy? Nhưng, anh cũng đừng coi những cái tường chắn ngang là biên giới đã quy định, Barnabás vẫn thường xuyên lưu ý em về điều đó. Những bức tường chắn ngang cũng có ở trong các văn phòng mà cậu ấy vẫn qua lại, vậy là có những bức tường chắn ngang mà cậu ấy đi qua, chúng cũng giống như những bức tường chắn ngang mà cậu ấy chưa bao giờ bước qua, chính vì vậy không cần giả thiết trước rằng bên kia những bức tường chắn ngang cuối cùng đó thực chất là những văn phòng khác hẳn so với các văn phòng mà Barnabás đã vào. Chỉ trong những *giờ xấu* thì con người ta mới nghĩ như vậy. Và sự nghi ngờ ngày càng tiếp tục lan đi, không thể nào chống lại nó. Phải, Barnabás nói chuyện với các viên chức, và họ giao cho Barnabás những nhiệm vụ. Nhưng đấy là những viên chức nào, và nhiệm vụ gì vậy? Barnabás nói là bây giờ người ta bổ nhiệm cậu ấy đến chỗ Klamm, và trực tiếp nhận sự ủy nhiệm của ngài. Đây quả là việc lớn, gần như là việc quá lớn, những kẻ phục vụ cao cấp cũng không được như vậy, và chính đấy là điều đáng lo ngại. Anh nghĩ xem: được làm nhân viên của Klamm, mặt đối mặt

nói chuyện với ông ta! Nhưng có thật là như vậy không? Vâng, đúng như vậy, thế thì tại sao Barnabás nghi ngờ viên chức mà ở đó họ gọi là Klamm, có phải là Klamm thật không?

- Cô đừng đùa nữa, Olga, - K. nói. - Làm sao mà ai đó có thể nghi ngờ diện mạo bề ngoài của Klamm, một khi mọi người đều biết ông ta như thế nào, chính tôi cũng đã nhìn thấy.

- Không, anh K. ạ, - Olga nói, - em không hề có ý đùa đâu, đây là nỗi lo lắng nghiêm chỉnh nhất của em. Không phải em kể những chuyện này cho anh để em nhẹ bớt nỗi lòng mình và đè nặng trái tim anh, mà là vì anh hỏi thăm về Barnabás, Amália đã để em nói, và em tin rằng nếu biết chính xác hơn về các sự việc thì có ích đối với anh. Cũng vì Barnabás mà em kể, để anh đừng gửi gắm những hi vọng quá lớn ở cậu ấy, mà sau đấy phải thất vọng, để cậu ấy khỏi phải chịu đựng vì sự thất vọng của anh. Cậu ấy đa cảm lắm, dễ bị tổn thương lắm, đêm qua chẳng hạn, cậu ấy không hề chợp mắt vì tối qua anh không vừa lòng. Hình như anh đã nói rằng thật nguy cho anh vì anh có người đưa thư như Barnabás. Trước những lời đó cậu ấy đã không ngủ được. Chính anh cũng chưa chắc đã nhận thấy cậu ta hồi hộp, một người đưa thư của Lâu đài thì phải tự kiềm chế mình mạnh mẽ. Công việc của cậu ấy không dễ dàng gì, với anh cũng vậy thôi. Theo cách hình dung của mình anh không đòi hỏi quá nhiều ở cậu ấy, anh có khái niệm đã hình thành về công việc của người đưa thư và theo đó anh định ra yêu cầu của mình. Có điều là ở trong Lâu đài người ta có khái niệm khác về nhiệm vụ của người đưa thư, và ý kiến của họ không khớp với ý kiến của anh, kể cả khi Barnabás toàn tâm toàn ý hi sinh cho công việc, điều mà rất tiếc đôi khi có vẻ như cậu ấy muốn thế. Và phải yên phận trong chuyện đó, ai có thể dám ho he một lời chống lại, nếu không nổi lên vấn đề là: trong thực tế, công việc mà cậu ấy làm có phải là việc của người đưa thư không? Trước mặt anh tất nhiên cậu ấy không thể làm rùm beng về bất kì sự nghi ngờ nào như thế, làm như vậy thì có nghĩa là cậu ấy chặt cây ở dưới chân,

và vi phạm trầm trọng những quy chế nhất định mà đến giờ cậu ấy vẫn đang phụ thuộc. Ngay trước mặt em cậu ấy cũng không nói ra; em phải nói ngon nói ngọt mãi để cậu ấy tiết lộ ra sự nghi ngờ, thế mà lúc đó cậu ấy còn chống chế, vẫn không muốn thừa nhận rằng trong thực tế là nghi ngờ. Chính ở đây cậu ấy giống hệt Amália. Cố nhiên là cậu ấy không nói tất cả cho em, vậy mà em là người đáng tin cậy duy nhất của cậu ấy. Thảng hoặc chúng em nói chuyện với nhau về Klamm, em chưa bao giờ thấy Klamm, (anh biết đấy, Frida không thích gì em, và chị ấy không cho phép em nhìn trộm), nhưng ở trong làng tất nhiên là người ta biết ông ta như thế nào. Một số người cũng đã thấy, và ai cũng nghe nói về ông ta. Sau đó từ chỗ trực tiếp nhìn thấy và từ những lời bàn tán cộng thêm ý định méo mó nhất định phía sau, chứng cớ gián tiếp không được kiểm nghiệm khác đã hình thành một hình ảnh về ông ta mà trong những nét cơ bản là xác thực. Nhưng mà chỉ trong những nét cơ bản. Tuy thế hình ảnh đó cũng thường xuyên thay đổi, thậm chí thay đổi hơn cả vẻ ngoài của Klamm trong thực tế. Ông ta hoàn toàn khác khi đến làng, và lại hoàn toàn khác khi ra đi, ông ta khác trước khi uống bia và khác sau đó, khác lúc thức và khác lúc ngủ, khác lúc ở một mình và khác trong khi nói chuyện. Và như vậy thật dễ hiểu là: ông ta hoàn toàn khác khi ở trong Lâu đài. Và ngay ở trong làng thôi thì người ta cũng mô tả về ông rất khác nhau: những sự khác biệt tương đối lớn về mặt chiều cao, tư thế vạm vỡ, về bộ râu rậm của ông, chỉ có về quần áo của ông ta là may mắn có sự nhất trí với nhau: ông ta luôn luôn mặc một bộ quần áo, với cái áo bành tô màu đen tà dài, có hai hàng cúc. Những khác biệt ấy tất nhiên không bắt nguồn từ một sự phù phép vớ vẩn nào, cũng rất dễ hiểu thôi. Chúng ra đời từ tâm trạng chốc lát và mức độ bực bội, và từ vô vàn kiểu hi vọng và tuyệt vọng đã trải qua ở người có thể thoáng nhìn thấy Klamm. Với tất cả những chuyện này em chỉ nhắc lại cho anh điều mà không phải một lần em đã nghe từ Barnabás.

Người không đích thân liên quan đến sự việc thì có thể vừa lòng với bấy nhiêu chuyện. Nhưng chúng em thì không: đối với Barnabás, vấn đề sống còn là có thật cậu ấy nói chuyện với Klamm hay không.

- Đối với tôi cũng không kém phần quan trọng, - K. nói và họ càng sát lại gần nhau hơn trên bệ lò sưởi.

Những thông báo bất lợi này của Olga đã tác động mạnh tới K., nhưng nói chung việc chàng gặp ở đây những con người mà ít ra bề ngoài hoàn cảnh của họ giống như của chàng, đã làm cân bằng lại sự việc. Vậy là chàng có thể tham gia, trao đổi với họ về tất cả mọi chuyện, không chỉ trong vài chuyện như đối với Frida. Đúng là K. ngày càng mất hi vọng về thành công của Barnabás trong nhiệm vụ đưa thư, nhưng công việc của Barnabás ở trên đó càng thất bại thì anh ta lại càng gần gũi hơn với chàng ở dưới này. K. chưa bao giờ nghĩ rằng ở trong làng cũng nảy sinh những cố gắng rủi ro, những âu lo và sự không thỏa mãn như của Barnabás và của chị anh ta. Tất nhiên chàng cũng chưa nhìn thấy tương đối rõ ràng tất thảy những việc này, rốt cuộc sự việc có thể chuyển theo hướng ngược lại. Không cần để cho bản tính hồn nhiên của Olga đột ngột làm cho chàng lạc hướng, và cũng không cần phải tin một cách vô điều kiện sự thành thật của Barnabás.

- Barnabás biết rất rõ những gì người ta nói về diện mạo bề ngoài của Klamm, - Olga tiếp tục nói, - cậu ấy thu thập và so sánh, có lẽ quá nhiều là khác, và cậu ấy cũng đã thấy Klamm một lần, cậu ấy nghĩ mình đã thấy ông ta trong làng, qua cửa sổ xe trượt tuyết. Cậu ấy đã chuẩn bị đầy đủ để nhận ra ông ta, vậy mà, anh lí giải thế nào cho mình về việc này, khi Barnabás bước vào một trong các văn phòng và người ta chỉ cho cậu ấy một người ngồi giữa đám viên chức, nói đây là Klamm mà cậu ấy không nhận ra, sau đó khá lâu cũng chưa tin rằng quả thật đó là Klamm. Nếu bây giờ anh hỏi Barnabás rằng có gì khác giữa người đó và người mà thông thường chúng ta tưởng tượng là Klamm thì cậu ấy không biết trả lời

gì. nói đúng hơn, cậu ấy trả lời bằng cách mô tả các viên chức Lâu đài, nhưng sự mô tả này từng điểm một lại khớp với hình dung của chúng ta về Klamm. "Vậy thì, em nói với cậu ấy, tại sao em nghi ngờ, Barnabás, tại sao em hành hạ bản thân?". Nghe thế, có thể thấy là cậu ấy rất bối rối, bắt đầu liệt kê những đặc điểm của viên chức nọ trong Lâu đài, nhưng dường như cậu ấy nghĩ ra chúng thì đúng hơn là mô tả. Hơn nữa những đặc điểm này không đáng kể, tỉ như kiểu gật đầu đặc biệt hay thói quen mở cúc áo gilê của Klamm, không thể nào coi trọng chúng. Em thấy cách tiếp xúc của Klamm với Barnabás như thế nào mới là quan trọng hơn. Barnabás thường mô tả, thậm chí cậu ấy vẽ cho em nữa. Thông thường người ta dẫn cậu ấy vào một văn phòng rộng, nhưng đấy không phải là văn phòng của Klamm, và cũng không phải của viên chức nào cả. Dọc theo căn phòng là cái giá đọc duy nhất kéo từ bức tường này đến bức tường kia, chia đôi căn phòng thành hai nửa: Một nửa hẹp hơn chỉ vừa đủ để hai người có thể tránh nhau, đây là nơi của các viên chức, một nửa rộng hơn, tại đây có các đương sự, người xem, những người phục vụ và người đưa thư. Trên giá có những quyển sách to, mở sẵn, nằm sát vào nhau. Trước phần lớn số sách đó, các viên chức đang đứng đọc. Nhưng họ không liên tục ở nguyên một chỗ bên cùng một quyển sách, có điều không phải họ thay đổi sách mà là thay đổi vị trí của mình. Barnabás ngạc nhiên nhất là họ chen chúc nhau một cách thảm hại làm sao khi thay đổi vị trí vì chật chội. Về phía trước, ngay cạnh bàn đọc, là một dãy bàn thấp, nằm xếp hàng có các thư kí ngồi cạnh, và nếu các viên chức muốn thì họ viết những điều mà các viên chức đọc cho họ viết. Cách thức diễn ra quá trình này luôn luôn làm cho Barnabás sửng sốt. Viên chức không ra lệnh rõ ràng, và cũng không đọc to tiếng, khó có thể nhận ra họ đọc cho thư kí viết, dường như họ tiếp tục đọc sách như vẫn làm, chỉ thì thầm mà thư kí cũng nghe ra. Thỉnh thoảng viên chức đọc nhỏ đến nỗi, ở chỗ ngồi viên thư kí không hiểu ra, những lúc

như thế y nhổm lên, lắng nghe lấy cái người ta đọc cho mình viết, rồi nhanh chóng ngồi xuống và ghi chép, sau đó lại nhổm lên, cứ thế tiếp tục. Cảnh tượng mới kì lạ làm sao! Hầu như không thể hiểu nổi. Tất nhiên là Barnabás có đủ thì giờ để theo dõi cảnh tượng đó, bởi vì cậu ấy đã vô công rồi nghề hàng mấy giờ, đôi khi hàng mấy ngày liền ở đó, nơi dành cho các khán giả, cho tới lúc ánh mắt của Klamm bắt gặp cậu ấy. Nếu Klamm đã nhận ra cậu ấy, và Barnabás đứng nghiêm thì thật ra vẫn chưa có nghĩa là gì cả, bởi vì có thể Klamm lại quay đi, chăm chú vào quyển sách và quên mất cậu ấy. Việc này xảy ra luôn. Nhưng mà nhiệm vụ đưa thư gì mà lại không quan trọng đến mức đó? Tim em cứ se lại, nếu mỗi sáng sớm Barnabás nói cậu ấy đi đến Lâu đài. Có lẽ đây là chuyến đi vô tích sự, là ngày mất toi, là niềm hi vọng hão! Việc đó có ý nghĩa gì? Trong khi ở đây công việc đóng giày đang chất đống lên không ai làm, Brunswick thì ngày càng thúc giục.

- Được rồi, - K. nói, - Barnabás cần phải đợi lâu cho tới khi nhận được ủy nhiệm. Điều này có thể hiểu được. Ở đây hình như có nhiều nhân viên hơn mức cần thiết, không phải ai ngày nào cũng có thể nhận sự ủy nhiệm, cô không có gì phải than thở vì việc đó, với ai cũng như vậy thôi. Nhưng mà cuối cùng thì Barnabás cũng nhận được sự ủy nhiệm, anh ấy đã mang về cho tôi hai lá thư rồi.

- Có thể, - Olga nói, - chúng em không đúng khi kêu ca, nhất là em, bởi vì em biết những việc đó nhờ nghe nói mà thôi, hơn nữa em là đàn bà, không hiểu được như Barnabás, cậu ấy ngoài những chuyện đó còn lờ đi rất nhiều chuyện khác nữa. Bây giờ thì anh chú ý đây, anh hãy xem sự việc ra sao với các lá thư, tỉ như với những lá thư của anh. Barnabás không trực tiếp nhận những lá thư này từ Klamm, mà là từ viên thư kí. Vào một ngày, một giờ theo ý thích (vì thế mà nhiệm vụ này nó mệt mỏi, cho dù có vẻ là nhẹ nhàng như thế nào đi chăng nữa, vì Barnabás phải liên tục chuẩn bị sẵn, đề phòng), gã thư kí bỗng nhớ đến, và ra hiệu cho cậu ấy. Việc

này xảy ra không hề do Klamm chủ động, ông ta vẫn điềm nhiên đọc sách. Có khi Barnabás đi ra thì vừa lúc đó ông ta đang lau cặp kính mũi, Klamm thường xuyên làm việc này, và có thể là trong khi đó ông ta cũng quan sát Barnabás, giả thiết rằng không có cặp kính mũi thì Klamm cũng nhìn thấy. Barnabás nghi ngờ việc đó, bởi vì những lúc như thế Klamm gần như nhắm mắt vẻ đang ngủ, vừa ngủ vừa lau kính. Trong khi đó viên thư kí tìm trong bọc thư và tài liệu mà ngài cất dưới bàn một lá thư viết cho anh. Như vậy đấy, không phải là lá thư ngài vừa mới viết, nhìn phong bì thì lại càng có vẻ là lá thư cũ, ai biết được nó đã nằm ở đấy từ bao giờ. Nhưng nếu là lá thư cũ thì tại sao người ta bắt Barnabás đợi lâu thế? Và cả anh nữa? Cuối cùng cả lá thư nữa, bởi vì giờ đây nó đã lỗi thời? Qua việc đó mà Barnabás mang tiếng là người đưa thư tồi và chậm chạp. Viên thư kí dù sao vẫn xem sự việc một cách dễ dãi, hắn đưa lá thư cho Barnabás và nói: "Ông Klamm gửi K.", rồi để cậu ấy đi. Sau đó Barnabás phóng về nhà, thở không ra hơi, dưới áo sơ mi, áp vào người của cậu ấy là lá thư rốt cuộc đã lấy được. Lúc đó bọn em ngồi xuống cái bệ này, giống như hai ta bây giờ, và cậu ấy bắt đầu kể, sau đó bọn em xem xét tất cả từng điểm một, rồi lại cân nhắc xem cậu ấy đã đạt được cái gì, cuối cùng mới vỡ nhẽ rằng cậu ấy hầu như chẳng đạt được gì cả, ngay cả cái "chẳng được gì cả" ấy hầu như cũng còn ngờ vực. Thế rồi Barnabás cất lá thư đi, cậu ấy không có hứng thú chuyển nó nữa, nhưng không muốn đi ngủ, nên cậu ấy ngồi đóng giày suốt đêm trên cái ghế thấp. Chuyện như vậy đấy, anh K., đây là những điều bí mật của em, và bây giờ thì chắc chắn anh không ngạc nhiên là Amália đã từ chối không muốn biết gì cả về việc này rồi chứ.

- Thế còn lá thư? - K. hỏi.

- Lá thư à? - Olga nói. - Sau một thời gian, phải đến hàng tuần, nếu em thúc giục thì cuối cùng, Barnabás cũng lấy lá thư để đưa đi. Trong các thủ tục kiểu đó, cậu ấy phụ thuộc nhiều ở em. Em thì sau khi vượt qua được ảnh hưởng đầu tiên

của câu chuyện của cậu ấy, biết trấn tĩnh lại, nhưng cậu ấy thì không tài nào, có thể chính vì cậu ấy biết nhiều hơn em. Những lúc đó em cứ nói đi nói lại với cậu ấy đại khái: "Em nói đi, Barnabás, thật ra em muốn gì? Em mơ tưởng đến nghề gì, mục đích gì thế? Em muốn đi đến chỗ cuối cùng hoàn toàn phải bỏ mọi người, bỏ chị hay sao? Đấy là mục đích của em chăng? Có phải chị cần phải tin điều này không, bởi vì không thể nào hiểu nổi là tại sao em không bằng lòng một cách ghê gớm như vậy với cái đã đạt được? Em hãy nhìn quanh mà xem, hàng xóm có phải ai cũng tiến tới được như vậy đâu. Tất nhiên tình hình của họ khác với chúng ta, họ không có lí do gì để vươn tới nhiều hơn sự bận bịu thường có, nhưng không có sự so sánh thì em cũng thấy rằng ở em tất cả đều đang tốt đẹp. Tất nhiên là có những trở ngại, sự bấp bênh, và thất vọng, nhưng thảy những điều đó chỉ có nghĩa là em không nhận được gì một cách dễ dãi, và đây là điều chính chúng ta đã biết trước, em phải giành giật cho mình dù chỉ là điều nhỏ nhặt. Thêm một lí do nữa để em tự hào thay vì ủ rũ: em chẳng phải vì các chị mà tranh đấu đó sao? Việc này không có nghĩa gì đối với em sao? Nó không tăng thêm sức mạnh của em à? Cái ý thức là chị đang hạnh phúc, thậm chí chị đã có phần tự cao tự đại vì có đứa em như thế này, không làm cho em vững tin sao? Chị nói thật điều làm chị thất vọng không phải là cái mà em đạt được ở Lâu đài, mà là cái chị có được nơi em. Em, có quyền đi lên Lâu đài, quen thuộc các văn phòng; em ở cùng Klamm nhiều ngày trong một căn phòng, rõ ràng em là người đưa thư đã được thừa nhận, em chắc sắp được nhận quần áo phục vụ, người ta giao cho em mang những lá thư quan trọng, đấy là em. Em được phép làm tất cả, và khi em đi xuống, thay vì chúng ta ngả vào cánh tay nhau khóc vui sướng, em chỉ nhìn chị và như thể em hoàn toàn buồn chán. Em nghi ngờ tất cả, chỉ quan tâm tới việc đóng giày, còn lá thư, cái bảo đảm cho tương lai của chúng ta, thì em vứt lăn lóc trong xó". Em nói như thế cho cậu ấy, và khi mà em đã nói đi nói lại cả ngày.

cuối cùng cậu ấy cũng thở dài lấy lá thư, lên đường. Nhưng có lẽ không phải vì ảnh hưởng của những lời em nói, mà là ước muốn đến Lâu đài của cậu ấy lại nổi lên, và chưa thực hiện xong nhiệm vụ được giao thì cậu ấy cũng không dám quay lại.

- Nhưng những điều em nói với anh ấy đều đúng cả, - K. nói. - Em đã tóm tắt sự việc tuyệt lắm. Thật bất ngờ là em suy nghĩ một cách rõ ràng.

- Không đâu, - Olga nói, - anh nhầm đấy, và có lẽ em cũng đã làm cậu ấy bị nhầm. Bởi vì cậu ấy đạt được gì kia chứ? Cậu ấy có thể đi vào một căn phòng, nhưng cái phòng đó xem ra chưa phải là văn phòng mà là phòng ngoài của các văn phòng, có lẽ cũng không phải thế, nó chỉ là một nơi dành cho những người không thể đi vào các văn phòng thật sự. Cậu ấy nói chuyện với Klamm, nhưng có đúng là với ông ta không? Hay là với một người nào đó ít nhiều giống Klamm? Có thể, mà cũng dễ như thế lắm, rằng cậu ấy nói chuyện với một viên thư kí hơi giống Klamm, lúc đó ông ta mới bắt chước tác phong ngái ngủ, uể oải của ông ta mà làm ra vẻ quan trọng hóa thì sao? Bởi vì đấy là đặc điểm dễ bắt chước nhất, có nhiều người đã sao chép lại của ông ấy: còn những đặc điểm khác, tất nhiên là họ biết khôn ngoan dừng lại. Một nam nhi được người ta khao khát, nhưng ít khi gặp như Klamm thì dễ tạo ra các hình ảnh khác nhau trong trí tưởng tượng của mọi người. Tỉ như viên thư kí của Klamm ở làng này, cái anh chàng Momus ấy. Anh biết hắn chứ? Hắn rất ít xuất hiện, nhưng em đã thấy hắn một đôi lần. Một anh chàng cao, trẻ, đúng không? Nghĩa là có lẽ hắn không giống Klamm một tí gì cả, thế nhưng trong làng có người thề rằng Momus chính là Klamm, không ai khác. Người ta cứ tự lừa dối bản thân như vậy. Tại sao ở Lâu đài lại khác được? Có ai đó đã nói với Barnabás rằng cái ông viên chức ấy là Klamm, và quả thật giữa họ có cái gì giống nhau, nhưng Barnabás lúc nào cũng nghi ngờ. Klamm mà phải chen chúc trong một phòng chung như thế này, giữa những viên chức khác, với cái bút chì bên

tai hay sao? Cực kì không chắc chắn. Thỉnh thoảng với vẻ ngây ngô chút đỉnh, nhưng đó là niềm tin nơi cậu ấy lên tiếng thất thường, Barnabás bảo: Cái ông viên chức ấy rất giống Klamm, nếu ông ta ngồi trong phòng làm việc, bên chiếc bàn riêng của mình, và ngoài cửa có đề tên thì em không còn nghi ngờ gì nữa. Chuyện trẻ con, nhưng cũng có thể hiểu được. Càng có thể hiểu hơn, nếu Barnabás khi ở trên đó, cậu ấy tìm hiểu cặn kẽ xem thực chất sự việc ra làm sao, bởi vì, như cậu ấy nói thì họ đứng đủ ở trong phòng. Và nếu như những điều giải thích của họ chưa đủ tin cậy hơn so với người đã chỉ Klamm cho K. mà không cần hỏi, thì ít ra từ nhiều nguồn khác nhau cũng cho những điểm tựa, làm cơ sở để so sánh. Đây không phải sáng kiến của em, mà là của Barnabás, có điều cậu ấy không dám thực hiện, sợ rằng với việc vi phạm vô tình như thế nào đấy các quy tắc không biết thì có thể bị mất việc. Cậu ấy không dám bắt chuyện với ai cả, và cảm thấy hoài nghi, thực ra mà nói, sự hoài nghi thảm hại đó đã soi sáng một cách sâu sắc hơn mọi sự mô tả về tình hình của cậu ấy. Có thể cậu ấy thấy tất cả ở trên đó đều đáng ngờ và đe dọa như thế nào đó, đến nỗi không thốt ra nổi một câu hỏi ngây ngô nơi cửa miệng! Nếu nghĩ về điều đó, em tự trách mình tại sao lại để Barnabás dám đến những nơi không quen biết, nơi xảy ra những điều mà có lẽ cậu ấy cũng run rẩy vì lo sợ, trong khi cậu ấy là người gan dạ thì đúng hơn là hèn nhát.

- Anh nghĩ là bây giờ em đã chạm tới điều cơ bản, - K. nói. - Sau những điều em nói, anh nghĩ là mình đã nhìn thấy rõ. Barnabás còn quá trẻ cho nhiệm vụ này. Không thể tin hết ở những việc anh ấy kể. Sở dĩ anh ấy không đủ sức chú ý đến các sự việc ở trên đó, vì ở đó anh ấy thần hồn nát thần tính vì lo sợ. Còn nếu như ở dưới này người ta ép anh ta phải kể về những điều đã trải qua thì chỉ được nghe những chuyện tầm phào lộn xộn mà thôi. Anh không ngạc nhiên về điều đó. Sự khiếp sợ trước các nhà chức trách là bẩm sinh ở đây cùng với các cô, và sau đó suốt cuộc đời các cô, người ta gieo sâu vào các

cô điều ấy bằng những cách thức và từ các phía rất khác nhau, mà chính các cô cũng tác động thêm việc đó theo khả năng của mình. Nói chung, anh không nói gì để chống lại việc đó. Tại sao chúng ta không kính trọng chính quyền, nếu là chính quyền tốt? Nhưng không được đột nhiên gửi một chàng trai vô học chưa bao giờ đi quá biên giới làng như Barnabás đến Lâu đài, để rồi muốn có được những thông báo chính thức ở anh ấy, giải nghĩa từng lời của anh ấy như một thứ phát hiện nào đó mà hạnh phúc của cuộc đời ta phải phụ thuộc vào ý nghĩa của nó. Không còn gì sai lầm hơn. Tất nhiên anh cũng đã để cho anh ấy làm cho nhầm lẫn như em, và anh cũng đã kì vọng ở anh ấy và chịu những nỗi tuyệt vọng, nhưng cả hai điều đó chỉ dựa trên những lời anh ấy nói, tức là không có cơ sở.

Olga im lặng.

- Anh thật khổ tâm, - K. nói, - vì phải khuấy động sự tin cậy mà em gửi gắm ở cậu em, bởi vì anh thấy em yêu anh ấy như thế nào và chờ đợi ở anh ấy biết bao điều. Nhưng anh cần phải nói như vậy một phần cũng vì tình cảm của em, và vì lợi ích của những sự chờ đợi của em. Bởi vì, em xem, luôn luôn có cái gì đó cản trở, anh không biết là cái gì, trong việc thừa nhận cái mà nếu Barnabás không với tới thì cũng được số phận ban tặng anh ấy. Anh ấy có thể đi vào các văn phòng hay nếu thích nói khác hơn, là có thể đến căn phòng ngoài; được rồi, chúng ta coi như đó chỉ là một phòng ngoài đi, có điều cái phòng đó có cửa, và từ các cửa đó tiếp tục mở ra những con đường dẫn đi tiếp tục và trong ấy có các vách ngăn có thể trèo qua nếu như ai đó đủ khôn ngoan lanh lợi. Đối với anh, chẳng hạn cái phòng ngoài đó, ít ra thì trước mắt là hoàn toàn không thể với tới được. Anh không biết Barnabás nói chuyện với ai ở đó, viên thư kí ấy và người phục vụ cấp thấp nhất, nhưng thậm chí là hạ đẳng nhất thì cũng có thể đưa anh ấy đến người cấp cao hơn, hoặc nếu không thể đưa đến, thì chí ít ông ta cũng có thể nêu tên người đó, và nếu như không thể gọi tên, thì ông ta có thể chỉ cho anh ấy đến với ai

đó có thể gọi tên. Chúng ta giả thiết, ông Klamm giả tạo đó không hề có gì giống ông Klamm thật; giả thiết là sự giống nhau ấy chỉ có trong con mắt đã mờ đi vì xúc động của Barnabás; giả thiết viên công chức hạ đẳng nói đến ấy thậm chí chưa phải là viên chức đi thì hắn cũng có nhiệm vụ gì đó bên giá đọc, cũng đọc một cái gì đó trong quyển sách to của mình chứ, và cũng thì thầm điều gì đó cho gã thư kí, cũng suy nghĩ một điều gì đó và ánh mắt hắn đôi lúc cũng dừng lại ở Barnabás. Và nếu thậy những điều đó cũng không đúng, nếu cái hắn ta làm không có nghĩa gì đi chăng nữa thì vẫn có ai đó đã phân công hắn ở đó, chắc chắn là với ý định như thế nào đó. Với những chuyện này, anh muốn nói vì thế vẫn có cái gì ở đó, và người ta vẫn trao cho Barnabás cái gì đó, chỉ một mình Barnabás là có lỗi nếu với những điều đó mà anh ấy vẫn không đạt được gì khác ngoài sự ngờ vực, nỗi lo sợ và tuyệt vọng. Và trong khi anh vẫn luôn luôn xuất phát từ giả thiết bất lợi nhất, vậy mà điều đó có thể là không chắc chắn. Thế nhưng trong tay chúng ta có những lá thư, quả là anh không tin quá nhiều ở chúng, nhưng dù sao thì vẫn tin nhiều hơn là tin ở lời Barnabás. Có thể đó là những lá thư cũ, vô giá trị được người ta lôi ra một cách hú họa từ giữa một đống thư vô giá trị như thế. Hú họa và vô nghĩa như con chim hoàng yến ở ngoài chợ nhặt hú họa ra những chiếc vé "số phận" của ai đó. Dẫu có như thế đi nữa, những lá thư này chí ít thì cũng liên quan như thế nào đó tới công việc của anh, rõ ràng chúng được viết cho anh, chắc rằng không phải với mục đích giúp ích cho anh. Chúng xuất phát từ tay Klamm, như trưởng thôn và vợ ông ta khẳng định, và mặc dù ý nghĩa của chúng không rõ ràng, lại theo lời trưởng thôn, chỉ mang tính chất cá nhân, thì chúng vẫn có giá trị lớn.

- Trưởng thôn nói điều này à? - Olga hỏi.

- Vâng, ông ấy nói, - K. trả lời.

- Em sẽ kể chuyện này cho Barnabás, - Olga nói nhanh, - nó sẽ cổ vũ cậu ấy nhiều.

- Có điều anh ấy không cần sự cổ vũ, - K. nói. - Cổ vũ anh ấy, cũng giống như nói là anh ấy đúng, hãy tiếp tục công việc mà anh ấy đã làm cho đến lúc này một cách như cũ. Làm như thế anh ấy không bao giờ đạt được cái gì cả. Nếu ai đó bị bịt mắt thì em có thể cổ vũ như ý em muốn, để người đó cố hết sức nhìn qua cái khăn mà vẫn không thấy gì hết. Người đó chỉ có thể nhìn thấy nếu trước đó anh ta bỏ cái khăn xuống. Barnabás không cần sự cổ vũ mà cần được giúp đỡ. Em nghĩ xem, ở trên đó là chính quyền với bộ máy rắc rối... Anh nghĩ rằng trước khi đến đây mình đã biết sơ qua về điều đó, nhưng đó là sự tưởng tượng ngây ngô biết bao!... Tóm lại ở đó có các nhà chức trách, và Barnabás đối mặt với họ, đơn thương độc mã một cách đáng thương, mà vẫn kính trọng họ quá mức, dù là cho đến tàn đời nếu anh ấy có chết dí trong xó xỉnh của một văn phòng nào đó.

- Anh K., đừng nghĩ rằng, - Olga nói, - chúng em coi thường những khó khăn của công việc Barnabás đảm nhiệm. Còn sự kính trọng dành cho các nhà chức trách thì chính anh đã nói, có quá đủ trong chúng em.

- Có điều đấy là sự kính trọng sai lầm, - K. nói, - không đúng chỗ. Sự kính trọng như thế hạ thấp người mà người ta kính trọng. Còn xứng đáng chăng sự kính trọng, nếu một khi Barnabás lạm dụng việc được ra vào các văn phòng một cách dễ dãi để vô công rồi nghề hàng ngày ở đó, hay lúc được ra về thì chê bai dè bỉu những người mà vừa mới đấy, trước họ anh ấy run sợ, hoặc do thất vọng hay mệt mỏi, anh ấy không đưa thư và không chuyển ngay các tin tức được giao? Nói chung đó không phải là sự kính trọng. Nhưng trách móc anh ấy vẫn còn là ít, anh còn phải trách cả em đấy, Olga ạ, anh không thể nương nhẹ cho em. Mặc dù em đang mang trong lòng sự sợ hãi trước các nhà chức trách, thế mà em đã cho Barnabás - một người non nớt, và cô độc như thế - đến Lâu đài, hoặc ít ra thì em đã không giữ anh ấy lại.

- Từ đầu em đã buộc tội mình như thế, - Olga trả lời, -

không phải vì em đã cho cậu ấy đến Lâu đài, việc này không thể trách em được, bởi vì em không bảo mà cậu ấy tự đi, nhưng lẽ ra bằng cưỡng ép, mưu kế, thuyết phục, hay mọi cách em cần phải giữ cậu ấy lại. Em cần phải giữ cậu ấy lại, nhưng nếu hôm nay là ngày đó, là cái ngày quyết định đó, nếu em cảm thấy tai họa của Barnabás, của gia đình như lúc đó, nếu Barnabás với ý thức trọn vẹn về tất cả trách nhiệm và sự nguy hiểm, lại mỉm cười từ biệt em vẻ hiền lành để lên đường thì em cũng không ngăn cản cậu ấy, bất chấp những kinh nghiệm mà em đã có được trong khoảng thời gian đó. Em tin là ở vào vị trí của em, anh cũng không hành động khác. Anh không biết tai họa của gia đình em, vì thế anh không công bằng đối với chúng em, trước hết là đối với Barnabás. Hồi ấy chúng em có nhiều hi vọng hơn hôm nay, nhưng lúc đó chúng em cũng đã không hi vọng gì lắm; chúng em gặp tai họa lớn, và vẫn đang trong tai họa lớn. Frida không kể gì về chúng em cho anh sao?

- Cô ấy chỉ nói bóng nói gió, - K. trả lời. - Không có gì quả quyết, nhưng chỉ tên của các cô cũng đã làm cho cô ấy phát cáu.

- Bà chủ quán không nói gì cả à?

- Không, không nói gì hết.

- Và người khác cũng không?

- Không có ai cả.

- Tất nhiên là làm sao mà họ có thể kể được kia chứ! Ai cũng biết điều gì đó về chúng em, hoặc là sự thật, nếu người ta có thể biết được, hoặc ít ra đã nghe được cái gì đó, hay những điều chính họ thêu dệt ra, và mọi người quan tâm đến chúng em nhiều hơn mức cần thiết, nhưng kể về chúng em thì không ai kể cả. Họ ngại phải nói những điều như thế. Mà kể ra thì trong chuyện đó họ cũng đúng thôi. Khó nhắc tới chuyện này, ngay cả trước mặt anh cũng vậy, anh K. ạ. Và có thể là sau khi nghe hết câu chuyện, anh liền bỏ em đấy chẳng nói chẳng rằng, không muốn biết gì về chúng em nữa, dù bề ngoài những việc đó ít liên quan đến anh như thế nào đi nữa.

Lúc đó, chúng em mất anh, thế mà lúc này em cần phải nói là gần như anh có nhiều ý nghĩa đối với em hơn là sự phục vụ trong Lâu đài từ trước đến nay của Barnabás. Tuy thế anh cần phải biết, suốt buổi tối sự mâu thuẫn này hành hạ em, vì nếu không thì anh không nhìn thấy được tình cảnh chúng em. Điều đặc biệt làm em đau là anh không công bằng đối với Barnabás; giữa chúng ta sẽ không có được sự thống nhất trọn vẹn cần thiết, và anh không thể giúp chúng em, cũng như không thể sử dụng được sự giúp đỡ đặc biệt của chúng em. Nhưng vẫn luôn luôn còn một vấn đề: nói chung anh có muốn biết không?

- Tại sao em hỏi điều đó? - K. hỏi. - Nếu cần thiết thì anh muốn biết, nhưng mà câu hỏi này để làm gì?

- Do mê tín thôi, - Olga trả lời, - anh đã dính dáng vào các việc của chúng em một cách ngây thơ, không lầm lỗi nhiều hơn Barnabás.

- Vậy thì cô hãy kể nhanh đi, - K. nói. - Tôi không sợ. Vì sự lo lắng của đàn bà mà cô đã làm cho câu chuyện xấu hơn là vốn có.

Bí mật của Amália

- Tự anh hãy xét lấy, - Olga nói. - Tuy thế, mọi chuyện có vẻ rất đơn giản, thoạt đầu không thể hiểu, làm sao mà nó có thể có ý nghĩa lớn đến thế. Ở Lâu đài có một viên chức quan trọng tên là Sortini.

- Tôi đã nghe nói về ông ta, - K. nói. - Ông ta cũng tham gia vào việc mời tôi.

- Em không tin, - Olga nói, - Sortini hầu như không bao giờ phát biểu trước công chúng. Anh không nhầm ông ta với Sordini, với chữ d - chứ?

- Cô nói đúng, - K. nói. - Đúng là Sordini.

- Phải, - Olga nói, - ai chả biết ông ấy là một trong những viên chức năng động nhất, và người ta nói nhiều về ông ấy.

Còn Sortini, ngược lại, là người rất kín đáo, nói chung chẳng ai biết đến ông. Em nhìn thấy ông ta lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng đã hơn ba năm rồi. Đó là ngày mồng ba tháng sáu, ở lễ hội cứu hỏa, và Lâu đài cũng tham gia, và gửi đến tặng một chiếc máy bơm nước mới tinh. Sortini đôi lúc cũng phụ trách công tác cứu hỏa, Sortini cùng tham gia trao tặng chiếc máy bơm, tất nhiên rất nhiều người khác từ Lâu đài đã tới dự - cả những người hầu lẫn các viên chức. Phù hợp với bản tính của mình, Sortini đã hoàn toàn tách mình khỏi mọi người. Ông ta bé nhỏ, yếu ớt, vẻ đăm chiêu tư lự, cái đặc biệt đập vào mắt những người nào trông thấy ông ta đó là các nếp nhăn của ông ta: bao nhiêu là nếp nhăn (có đầy trên trán, vậy mà ông ta có lẽ không ngoại tứ tuần) tỏa theo hình cái quạt từ trán thẳng xuống mũi, trong đời em chưa bao giờ thấy một cái gì tương tự như thế. Tóm lại là ngày lễ. Mấy tuần liền cùng với Amália chúng em đã vui sướng vì ngày lễ, sửa soạn quần áo lễ, đặc biệt bộ váy áo Amália rất đẹp, với chiếc áo bluz phía trước thật lộng lẫy, hàng đăngten này chồng lên hàng đăngten kia, mẹ em có bao nhiêu đăngten đều cho cô ấy tất. Lúc ấy em đã ghen tức, đã khóc suốt gần một đêm. Chỉ đến sáng, khi bà chủ nhà trọ Bên cầu đến với chúng em...

- Bà chủ quán Bên cầu à? - K. hỏi.

- Vâng, - Olga trả lời. - Bà ấy rất tử tế với chúng em. Tóm lại bà ấy đến nhà trọ và thừa nhận rằng Amália mặc đẹp hơn em nhiều. Rồi để an ủi em, bà ấy cho em mượn vòng dây chuyền đeo cổ bằng đá thạch lựu. Sau đó, khi chúng em đã chuẩn bị xong xuôi và Amália đứng trước mặt em, ai cũng trầm trồ thán phục cô ấy, bố em nói: "Hôm nay Amália sẽ tìm người yêu"... Lúc đó, chính em cũng không biết là tại sao, em đã tháo vòng dây chuyền đeo cổ, niềm tự hào của mình, và không hề ghen tị, em đã quàng lên cổ Amália. Em thầm cúi mình trước chiến thắng của Amália, nghĩ rằng ai cũng phải cúi mình trước cô ấy, có thể tất cả bị bất ngờ vì cô ấy khác thường ngày, thực ra không thể gọi cô ấy là người đẹp, nhưng

ánh mắt buồn của cô ấy từ trước tới nay giờ bỗng như lơ lửng đâu đó trên cao phía trên chúng em, bất giác buộc con người ta gần như vô tình phải cúi mình trước mặt cô ấy. Ai cũng nhận thấy điều đó, thậm chí cả Laseman và vợ, những người đến đón chúng em, cũng vậy.

- Laseman à? - K. hỏi.

- Vâng, Laseman, - Olga nói. - Vốn là chúng em rất được kính trọng, buổi lễ chắc đã không thể bắt đầu được nếu thiếu gia đình em, vì bố em là huấn luyện viên thứ ba của đội cứu hỏa mà.

- Ông ấy còn khỏe thế ư? - K. hỏi.

- Bố em ư? - Olga hỏi như thể không hiểu. - Ba năm trước đây bố em là người còn khá trẻ. Ví dụ trong vụ hỏa hoạn ở quán Ông chủ, bố em đã vác trên lưng một quan chức béo ị, ông Galatert, và cứu được ông ta. Chính em cũng ở đó, đám cháy không nguy hiểm lắm, củi khô cạnh lò sưởi chỉ vừa mới bén lửa và bốc khói nhưng Galatert đã hoảng hốt kêu cứu qua cửa sổ. Đội cứu hỏa đến, và bố em phải vác ông ta, mặc dù người ta đã dập tắt lửa. Cái ông Galatert ấy thật là lù đù, và trong những trường hợp như thế bố em buộc phải thận trọng. Thảy những điều này chỉ vì bố em mà em kể ra, mới chưa quá ba năm mà anh nhìn xem, bây giờ ông ấy ngồi như thế nào ở kia.

Chỉ bây giờ K. mới nhận thấy Amália lại có mặt trong phòng, nhưng ở cách xa họ, bên chiếc bàn của bố mẹ. Cô vừa cho mẹ ăn, bà cụ không tài nào cử động nổi những cánh tay bị bệnh phong thấp, vừa nói chuyện với bố: bố hãy kiên nhẫn đợi một tí rồi sẽ đến lượt bố được ăn. Nhưng sự lưu ý của cô không mấy thành công, bởi vì ông bố vì thèm ăn đã không đợi được đến lượt ăn món súp, vượt lên sự yếu ớt của cơ thể, nơi thì ông muốn dùng thìa múc súp, nơi thì muốn húp thẳng từ bát, và ông lầm bầm tức tối khi cả hai cách đó đều không có kết quả: cái thìa đã sạch từ lâu khi tới miệng ông, và không bao giờ miệng ông chạm vào súp, mà chỉ bộ ria lớn, xìa ra lởm

chởm là nhúng được vào, nước nhỏ giọt và bắn ra tứ tung, nhưng lại không vào miệng ông.

- Ba năm trời qua đã tàn phá ông cụ như vậy ư? - K. hỏi, nhưng vẫn chưa cảm thông được với ông bà già và thế giới của chiếc bàn gia đình ở trong góc, chàng thấy xa lạ thì đúng hơn.

- Ba năm trời, - Olga chậm rãi trả lời, - nói chính xác hơn là vài giờ của một buổi lễ. Buổi lễ diễn ra trên cánh đồng cỏ trước làng, bên con suối. Khi chúng em tới nơi thì đám đông đã chen chúc ở đó, người ta đến từ các làng lân cận, không còn biết mình đang ở đâu trong sự ồn ào. Đầu tiên tất nhiên bố dẫn chúng em đến máy bơm, khi trông thấy nó ông bắt đầu cười vì vui sướng, chiếc máy bơm mới đã làm ông hạnh phúc. Ông bắt đầu sờ nắn, và nói với chúng em rằng ông không chịu được bất kì sự chống đối hoặc sự do dự nào. Nơi nào có cái gì xem được dưới máy bơm nước là chúng em cần phải cong người xuống, thật ra là trườn dưới chiếc máy bơm nước. Ông đã đuổi Barnabás vì cậu ấy gây sự. Chỉ Amália là không quan tâm đến máy bơm, cô ấy đứng dáng thanh cao trong bộ quần áo đẹp, và không một ai dám bảo cô ấy, thỉnh thoảng em chạy đến nắm lấy cánh tay cô ấy, nhưng cô ấy chỉ im lặng. Đến hôm nay em cũng không hiểu cái gì đã xảy ra, đứng hồi lâu trước cái máy bơm nước thế mà chúng em chỉ nhận ra Sortini khi bố em cuối cùng đã đi ra xa, vậy mà rõ ràng suốt thời gian đó Sortini đã đứng đằng sau chiếc máy bơm, tựa vào một trong những chiếc tay cầm. Tất nhiên lúc đó ồn kinh khủng, ồn ào hơn là những buổi lễ thông thường như thế. Chả là Lâu đài cũng tặng vài chiếc kèn trom-bét cho đội cứu hỏa, những nhạc cụ đặc biệt mà không cần cố gắng gì lắm một đứa trẻ cũng có thể làm bật ra những tiếng man dại nhất. Người nào đã nghe thì tưởng là có giặc Thổ đến nhà, không thể nào quen được: mỗi lần nó vang lên là mỗi lần người ta giật mình co rúm lại. Vả lại đó là những chiếc kèn trom-bét mới, ai cũng muốn thử, vì là ngày lễ nên họ cho phép tất cả mọi người. Quanh chúng em có vài chiếc kèn trom-bét như thế đang biểu

diễn; có lẽ sắc đẹp của Amália đã thu hút họ đến đó. Người ta khó mà tập trung chú ý, thêm vào đó bố chúng em còn ra lệnh cần phải xem xét kĩ chiếc máy bơm nước, chính vì vậy mà hồi lâu chúng em không nhận thấy Sortini, người mà trước đó chúng em còn chưa quen biết... "Sortini kia kìa", cuối cùng Laseman đã thầm thì vào tai bố em, vừa lúc em đang đứng gần họ. Bố em cúi thấp đầu và ra hiệu cho chúng em ý là hãy cúi chào Sortini. Bố mẹ, mặc dù đến lúc đó vẫn chưa quen biết Sortini, nhưng luôn luôn kính trọng ông ta như một chuyên gia của nghề cứu hỏa và ở nhà nhắc đến ông ta nhiều lần; cho nên cũng dễ hiểu nếu giờ đây chúng em bị bất ngờ cực độ, và là sự kiện lớn, việc bỗng nhiên chúng em được nhìn thấy ông ta mặt đối mặt. Nhưng Sortini không để ý đến chúng em (sự xa lạ này không phải là thói đỏng đảnh riêng của ông ta, phần lớn các viên chức của Lâu đài đều tỏ ra lãnh đạm trước công chúng, với lại ông ta bị mệt, chỉ vì bổn phận của một viên chức giữ ông ta ở lại dưới này. Những viên chức cho bổn phận phải xã giao kiểu đó là gánh nặng đặc biệt thì không có nghĩa họ là những viên chức xấu nhất. Các viên chức khác cùng với những người đầy tớ một khi đã tới đây họ hòa nhập với đám đông, nhưng Sortini thì ở lại bên chiếc máy bơm nước, và bằng sự im lặng của mình, làm cho những ai muốn lại gần ông để yêu cầu hay nịnh bợ đều phải phát hoảng. Bởi vậy Sortini nhận ra chúng em còn muộn hơn là chúng em nhận ra ông ta. Chỉ khi chúng em đã cúi chào với sự kính trọng và ông bố thay mặt chúng em bắt đầu thanh minh thì lúc đó ông ta mới liếc nhìn chúng em lần lượt từng người bằng ánh mắt mệt mỏi; dường như ông ta thở dài vì chúng em người này tiếp người kia tiến lại, cho tới lúc ánh mắt ông dừng lại ở Amália, Sortini đành phải ngước nhìn lên vì Amália cao hơn ông nhiều. Ông ta sửng sốt, nhảy qua chiếc cần máy bơm để đến gần hơn với Amália. Thoạt tiên chúng em không hiểu chuyện gì xảy ra, đứng đầu là bố định đến gần ông ta, nhưng Sortini giơ tay lên chặn lại, rồi ông ra hiệu để chúng em đi khỏi nơi

đó. Chuyện chỉ có thế thôi. Sau đó chúng em nhiều lần trêu tức Amália rằng quả thật cô đã tìm được người yêu cho mình, suốt buổi chiều chúng em rất vui vẻ không một gợn ngờ vực. Nhưng Amália thì lại im lặng hơn so với bất kì lúc nào. "Hẳn là cô ấy phải lòng Sortini mất rồi" - Brunswick nói; anh ta vốn thô lỗ và không hiểu được những người như kiểu Amália; nhưng lần này chúng em cảm thấy lời nhận xét của anh ta là đúng. Nói chung ngày hôm đó chúng em vui vẻ một cách ngớ ngẩn, và trở về nhà lúc nửa đêm. Cùng với Amália, cả hội dường như chuếnh choáng vì rượu vang ngọt của Lâu đài.

- Thế Sortini? - K. hỏi.

- Tất nhiên, - Olga nói, - em còn thấy Sortini một vài lần nữa trong buổi lễ. Ông ta ngồi trên chiếc cần của máy bơm nước, khoanh tay trên ngực cho đến khi xe ở Lâu đài đến đón. Ông ta cũng không đến chỗ biểu diễn chữa cháy, vậy mà bố em lúc đó vì hi vọng là Sortini chú ý đến, ông đã trội hơn vượt lên tất cả những người bạn cùng tuổi.

- Các cô không nghe gì thêm về ông ta à? - K. hỏi. - Tôi thấy cô rất kính trọng Sortini.

- Vâng, em kính trọng ông ấy, - Olga trả lời, - và chúng em còn nhanh chóng nghe nói về ông ta. Sáng hôm sau, tiếng kêu của Amália đã làm chúng em choàng tỉnh khỏi giấc ngủ có men rượu, những người khác khuỵu xuống giường ngủ lại ngay, nhưng em đã hoàn toàn tỉnh táo, và chạy đến chỗ Amália. Cô ấy đang đứng bên cửa sổ, trong tay cầm lá thư mà một người đàn ông nào đó vừa đưa vào cho cô ấy và đang đợi trả lời. Amália đã đọc xong lá thư ngắn, và cô giữ nó trong cánh tay đang rũ xuống, vẻ mệt mỏi. Em luôn luôn yêu cô ấy những lần nhìn thấy cô ấy mệt mỏi như thế. Em quỳ xuống bên cạnh cô ấy và đọc lá thư. Em vừa kịp đọc xong, Amália cầm lá thư lên, nhìn em ráo hoảnh, nhưng không đủ sức đọc lại một lần nữa cô đã xé nát lá thư và ném các mảnh vụn vào mặt người đàn ông đang chờ ở phía ngoài, rồi đóng cửa sổ lại. Đó là buổi sáng quyết định. Em nói là quyết định, dẫu cả một

ngày hôm trước, mỗi một giây phút của nó cũng chẳng kém phần quyết định.

- Thế lá thư viết gì? - K. hỏi.

- Phải, em còn chưa kể gì về điều đó, - Olga nói. - Đó là lá thư Sortini gửi cho cô gái đeo dây chuyền đá thạch lựu. Em không đủ sức truyền đạt lại nội dung của nó. Ông ta đòi Amália phải lập tức đến chỗ ông ấy ở quán Ông chủ, vì nửa giờ nữa Sortini sẽ đi khỏi đây. Ông ta thông báo điều đó với những lời lẽ thô thiển mà em chưa từng nghe thấy, em hiểu được phần nửa là nhờ các phỏng đoán như vậy. Ai không biết Amália, nếu đọc lá thư thì chỉ có thể xem cô gái mà người ta dám viết cho như vậy là kẻ hư hỏng mà thôi, dù chưa bao giờ người ta đụng một ngón tay đến cô ấy. Đấy không phải là một lá thư tình, không một lời âu yếm, ngược lại rõ ràng Sortini bực tức vì hình ảnh Amália đã thu hút và khuấy đảo ông ta, dứt ông ta ra khỏi công việc thì đúng hơn. Sau đó, chúng em suy tính có lẽ Sortini đã muốn trở về Lâu đài ngay từ buổi tối, chỉ vì Amália mà ông ta ở lại trong làng, và đến sáng thì ông ta viết thư, trong lòng đầy bực bội vì suốt đêm đó ông ta không làm sao quên được Amália. Một lá thư như thế làm phẫn uất bất kì cô gái nào, thậm chí cả người phớt đời nhất, nhưng sau đó hẳn nỗi khiếp sợ bởi giọng điệu đe dọa và giận dữ của lá thư sẽ thắng cô gái không giống như Amália. Thế nhưng ở Amália nó chỉ gây nên sự phẫn nộ, chứ cô không biết sợ, dù nó liên quan đến bản thân hay những người khác. Cho đến khi em lại chui lên giường, và thầm nhắc đi nhắc lại câu kết bị cắt ngang: "đến đây ngay, nếu không thì..." Amália vẫn đứng ở bậu cửa sổ nhìn ra, như thể cô đang đợi những người đưa thư mới, và sẵn sàng xử sự với họ như với người đầu tiên.

- Nói tóm lại, bọn quan chức là như thế đấy, - K. nói ngập ngừng, - nghĩa là, trong số họ có những kẻ như thế đấy. Thế bố cô đã làm gì? Tôi hi vọng là ông đã lên án Sortini ở nơi có thẩm quyền, nếu như ông không thích chọn con đường ngắn và đúng đắn nhất là đến thẳng quán Ông chủ. Trong toàn bộ

câu chuyện, cái tởm lợm nhất không phải là việc xúc phạm Amália, việc đó thì dễ dàng sửa chữa, tôi không hiểu tại sao cô lại cường điệu ý nghĩa việc đó đến mức ấy, tại sao Sortini dứt khoát phải làm nhục Amália suốt đời bằng một lá thư? Qua câu chuyện cô kể thì người ta có thể nghĩ như vậy, nhưng đấy chính là điều hoàn toàn vớ vẩn. Có thể dễ dàng làm cho Amália hoàn toàn thỏa mãn, và sau vài ngày hẳn câu chuyện sẽ đi vào quên lãng; nói chung Sortini không làm nhục Amália, mà làm nhục chính mình. Sortini làm cho tôi phải sợ, điều làm tôi khiếp đảm chính là khả năng có thể lạm dụng quyền lực đến như vậy. Trong trường hợp này việc đó đã thất bại, vì nó được thẳng thắn nói ra, lộ liễu và vì nó vấp phải sự kháng cự kiên quyết của Amália; chứ trong hàng nghìn những trường hợp khác, với những hoàn cảnh khác ít thuận lợi hơn, nó có thể thành công mĩ mãn và hoàn toàn kín đáo, thậm chí ngay cả người bị hại cũng không nhận thấy.

- Nói nhỏ thôi, - Olga nói, - Amália để ý đấy!

Amália cho bố mẹ ăn xong và đang bắt đầu thay quần áo cho mẹ. Cô cởi váy của mẹ, vòng hai cánh tay của bà quanh cổ mình, hơi nhấc bà lên một tí, và kéo chiếc váy của mẹ xuống, sau đó thận trọng để bà ngồi xuống. Ông bố luôn luôn bất bình việc người ta phục vụ bà mẹ trước - việc này xảy ra như vậy là vì bà mẹ còn yếu hơn ông bố nhiều - ông cố tự mình thay quần áo, hẳn là cố ý trách cứ con gái vì sự chậm chạp mà ông tưởng tượng của cô, nhưng mặc dù bắt đầu từ cái dễ dàng nhất và thứ yếu, ông cũng không tài nào cởi nổi chiếc dép khổng lồ quả là đang xộc xệch trên chân. Ông thở khò khè và cuối cùng bỏ dở mọi cố gắng không thành và lại ngồi sững trong chiếc ghế.

- Anh không nhận thấy trong toàn bộ câu chuyện chi tiết gì là quyết định? - Olga nói. - Có thể anh đúng trong mọi điều, nhưng cái quyết định lại là việc Amália không đi đến quán Ông chủ. Việc cô ấy đối xử với người đưa thư như thế thì còn có thể bỏ qua, vẫn có thể bưng bít được, nhưng với việc cô ấy

không đi đến đó thì rõ ràng gia đình chúng em phải chịu sự nguyền rủa và cả cách đối xử với người đưa thư bị xem là không thể tha thứ được, mà sự buộc tội này đã chính thức bị đặt lên hàng đầu.

- Sao? - K. kêu lên, nhưng liền đó chàng hạ giọng vì Olga giơ tay vẻ nài nỉ. - Cô là chị cô ấy, chắc cô không định nói rằng lẽ ra Amália cần phải phục tùng Sortini, chạy ngay tới quán Ông chủ chứ?

- Không, - Olga nói. - Cầu Trời bảo vệ cho em khỏi sự nghi ngờ kiểu đó, làm sao anh có thể nghĩ thế cơ chứ? Em chưa thấy ai làm việc gì cũng đúng đắn như Amália. Nếu cô ấy đi đến gặp Sortini, hẳn em đã bào chữa cho cô ấy, nhưng cô ấy đã không đi tới đó, em cho cô ấy thật là anh hùng. Phần em, thú thật với anh, nếu em nhận được lá thư như thế thì nhất định em đã đi rồi. Em không chịu đựng được nỗi lo sợ về hậu quả đang đe dọa em, chỉ Amália mới có khả năng làm việc đó. Thế nhưng có thiếu gì cách thoát: tỉ như người khác thì sẽ trang điểm, bỏ vào đấy kha khá thời gian, rồi mới đi tới chỗ hẹn và khi đến đấy, nghe thấy rằng Sortini đã đi rồi, cũng có thể như thế lắm chứ, rằng ông ấy ra đi ngay sau khi đã phái người đưa thư đi, việc như thế là có thể lắm bởi vì tính khí của các quý ông vốn thất thường. Nhưng Amália đã xử sự khác kia, hoàn toàn khác hẳn; cô ấy bị xúc phạm sâu sắc, và đã trả lời không cân nhắc. Nếu như cô ấy làm ra vẻ phục tùng, nếu hồi đó cô ấy chỉ cần bước qua bậc cửa của quán Ông chủ thì đã có thể tránh được, có thể loại bỏ mọi lời buộc tội; chúng em có những trạng sư bào chữa rất thông minh, từ những chuyện nhỏ nhặt không đâu họ cũng sử dụng thành lợi thế, nhưng mà trong trường hợp này thì không có lấy một chứng cớ nhỏ thuận lợi nào có thể giúp được, mà ngược lại, ở đây nào là tội coi thường lá thư Sortini, nào là tội xúc phạm người đưa thư.

- Nhưng mà cô nói về lời buộc tội nào vậy? Và những trạng sư nào thế? - K. hỏi. - Chẳng nhẽ vì hành động đểu cáng của Sortini lại có thể buộc tội Amália điều gì cơ chứ!

- Nhưng mà có thể đấy! - Olga đáp. - Tất nhiên không phải bằng con đường tố tụng, mà trực tiếp cô ấy chẳng bị trừng phạt gì, nhưng bằng cách khác, cô ấy và cả gia đình đã bị trừng phạt. Sự trừng phạt đó nặng như thế nào thì chắc anh bắt đầu hiểu rồi. Anh cho là oan uổng và kinh khủng, nhưng đấy là ý kiến duy nhất ở trong làng, rất có lợi đối với chúng em. Ý kiến đó chắc đã an ủi chúng em nhiều, nếu nó không dựa trên những sự nhầm lẫn dễ nhận thấy. Điều này em có thể chứng minh dễ dàng cho anh, anh đừng phật lòng, nếu em nói về Frida, nhưng giữa Frida và Klamm, không tính đến kết cục như thế nào, cũng đã xảy ra một chuyện hoàn toàn giống như giữa Amália và Sortini. Bây giờ thì anh cho việc này là đúng, thế nhưng lúc đầu anh đã giật mình. Đây không phải là chuyện anh đã quen với mọi sự, chẳng có sự u mê nào có thể làm cho người ta quen đi với mọi chuyện. Đưa ra một sự đánh giá, đơn thuần anh đã từ bỏ những nhầm lẫn trước đây.

- Không đâu Olga ạ, - K. nói, - tôi không hiểu tại sao cô lại đưa Frida vào chuyện này, đó là trường hợp hoàn toàn khác, cô đừng làm lẫn lộn các sự việc trái ngược hẳn, và kể tiếp đi.

- Em xin anh đừng giận, nếu em vẫn thích so sánh, - Olga nói. - Anh vẫn cứ nhầm lẫn, kể cả với chuyện của Frida cũng thế, nếu anh nghĩ rằng cần phải bảo vệ cô ấy, mà không cho phép được so sánh. Nói chung cô ấy không cần đến sự bảo vệ, cô ấy chỉ xứng đáng được khen ngợi mà thôi. Nếu là đối chiếu hai trường hợp, thì không phải em nói rằng họ giống nhau, họ đối với nhau như màu trắng với màu đen, và màu trắng ở đây là Frida. Trong trường hợp xấu nhất, chỉ có thể cười Frida mà thôi, như chính em lúc ấy đã hành động một cách bất lịch sự trong quầy bia, mà sau đó em rất ân hận. Nhưng ở đây nếu ai đó cười cợt thì tức đó là kẻ độc ác và ghen ăn ghét ở, nhưng dẫu sao có thể cười chê cô ấy. Nhưng với Amália thì chỉ có thể khinh bỉ thôi, nếu ta không gắn bó ruột thịt với cô ấy. Chính vì vậy mà như anh đã nói rất đúng là hai trường hợp trái ngược nhau hẳn, đồng thời lại giống nhau.

- Không giống nhau, - K. nói và bất giác lắc đầu, - cô hãy để Frida yên, cô ấy không được nhận những lá thư đẹp như Amália đã nhận từ Sordini, và Frida thực sự yêu Klamm, ai không tin thì có thể hỏi cô ấy, đến hôm nay cô ấy vẫn còn yêu.

- Điều đó khác lắm sao? - Olga hỏi. - Anh nghĩ gì vậy? Dễ thường Klamm đã không thể viết loại thư như thế cho Frida dấy chắc? Các quý ông đều như thế cả, nếu họ đứng dậy khỏi bàn viết của mình là không còn biết làm gì trong đời nữa, thế rồi trong sự lúng túng họ có thể nói những điều thô lỗ tục tằn, không phải tất cả họ, nhưng phần đông là như thế. Có thể ông ấy lúng túng viết thư cho Amália, không hề để ý đến những gì hiện ra trên giấy. Chúng ta biết đâu được ý nghĩ của các quý ông? Anh chưa nghe ông ta nói hoặc chí ít thì anh chưa nghe nói là Klamm trò chuyện với Frida bằng cái giọng như thế nào hay sao? Ai cũng biết rằng Klamm rất thô bạo, nghe nói hàng giờ liền lặng thinh, rồi bỗng nhiên thốt ra một điều thô lỗ làm cho người ta lạnh cả xương sống. Có ai rõ chuyện gì như thế về Sordini đâu, mà nói chung chẳng ai biết ông ta cả. Thực ra về ông ta người ta chỉ biết là tên ông ta giống tên của Sordini, giá như tên của họ không giống nhau thì có lẽ nói chung người ta cũng chẳng biết đến ông. Như một chuyên gia về nghề cứu hỏa, người ta cũng có thể lẫn lộn ông ta với Sordini, vì Sordini đúng là chuyên gia đích thực, và ông ta đã lợi dụng sự giống nhau về tên tuổi của họ, thoái thác trách nhiệm xã giao cho Sordini, còn mình thì ung dung làm việc. Còn khi ở một người chưa từng trải việc đời như Sordini, đột nhiên bùng lên tình yêu đối với một cô gái nông thôn, thì tình cảm đó tất nhiên có dáng vẻ hoàn toàn khác so với tình yêu của anh chàng học nghề mộc nào đó. Bên cạnh đó cũng không được quên rằng giữa một viên chức và con gái ông thợ đóng giày là một vực thẳm khổng lồ, phải bằng cách nào đó bắc cầu qua, vậy nên Sordini mới thử làm, một người khác thì đã có thể làm cách khác lắm chứ. Về nguyên tắc thì tất cả chúng ta đều thuộc về Lâu dài, ta không có vực thẳm nào cả, tức là chẳng cần phải

bắc cầu gì cả, và trong những hoàn cảnh bình thường thì đúng thế, nhưng rất tiếc là chúng em đã có dịp để khẳng định rằng chính khi dính dáng đến điều đó thì mọi sự lại hoàn toàn khác hẳn. Ít ra có lẽ bây giờ anh đã phần nào hiểu hơn thủ đoạn của Sordini, và anh còn không cho là kinh khủng đến vậy, mà đúng là như thế trong thực tế; so sánh với hành vi của Klamm thì càng dễ hiểu hơn, và người được để ý tới càng dễ chịu đựng hơn. Nếu Klamm viết một lá thư dịu dàng nhất, thì nó còn làm cho người ta khó chịu hơn nhiều so với lá thư thô lỗ nhất của Sordini. Nhưng anh đừng hiểu nhầm, em không dám xét đoán về Klamm, em chỉ đối chiếu các sự việc, bởi vì anh đã phản đối mọi sự so sánh. Klamm là vị chỉ huy của phụ nữ, ông ta ra lệnh người này rồi người khác đến gặp mình, nhưng chẳng chịu được ai lâu, và ra lệnh cho họ đến như thế nào thì cũng ra lệnh cho họ ra đi như thế. Ồ, Klamm không phí công để viết thư đâu! Và so sánh việc đó với việc Sordini, hoàn toàn sống đơn độc, ít ra chúng em cũng không biết gì về mối quan hệ của ông ta với phụ nữ, bỗng dưng ngồi viết một lá thư bằng nét chữ đẹp của một viên chức dẫu là ghê tởm đi nữa thì anh lại thấy là kinh khủng hay sao? Và nếu như chứng minh được Klamm chẳng tốt đẹp gì hơn Sordini, thậm chí là ngược lại, thì tình yêu của Frida có thể thay đổi điều gì có lợi cho Klamm chăng? Anh hãy tin là xác định mối quan hệ của phụ nữ đối với các viên chức rất là khó, nói chính xác hơn, luôn luôn rất dễ dàng. Trong tình yêu không có sự khiếm khuyết; không có những mối tình bất hạnh ở các viên chức. Vì vậy chẳng có gì đáng khen nếu người ta nói về một cô gái rằng (bây giờ em không chỉ nói về Frida) cô ta hiến thân cho một viên chức nào đó bởi vì cô ta yêu người đó. Cô ta yêu và hiến thân, đúng vậy, nhưng việc đó chẳng có gì là đáng khen. Còn Amália thì, anh có thể nói chen vào, không yêu Sordini. Ừ thì cô ấy không yêu, nhưng có thể lại là yêu, ai mà biết được. Đến cô ấy cũng không biết nữa là. Làm sao cô ấy có thể quyết được là mình yêu hay không, khi mà cô ấy đã thẳng

thừng từ chối, như chưa bao giờ một viên chức nào bị từ chối như thế. Barnabás nói rằng bây giờ thỉnh thoảng cậu ấy vẫn còn run, mỗi khi nhớ đến việc lúc ấy, ba năm về trước Amália đã giận dữ đập vào cửa sổ như thế nào. Đó là sự thực, và vì thế không nên gạn hỏi cô ấy điều gì. Cô ấy đã giải quyết xong với Sortini, và không biết thêm điều gì khác. Còn Amália yêu ông ta hay là không, cô ấy cũng không rõ. Nhưng chúng em biết rằng một người đàn bà không thể không yêu viên chức, nếu một khi họ chú ý đến mình. Hơn nữa, họ đã yêu các viên chức từ trước kia, mặc dù là cố phủ nhận. Sortini không chỉ chú ý tới Amália, mà ông ấy còn nhảy qua chiếc cần của máy bơm nước khi trông thấy cô ấy, ông ta đã nhảy qua chiếc cần của máy bơm nước bằng đôi chân tê dại do phải ngồi bên bàn viết quá nhiều. Nhưng như anh nói, Amália là trường hợp ngoại lệ. Vâng, đúng thế, và cô ấy cũng đã khẳng định điều đó bằng việc không đến với Sortini, nhẽ nào đấy không là ngoại lệ? Nhưng nếu cô ấy không yêu Sortini thì điều đó hơn cả ngoại lệ, điều đó không thể nào hiểu được. Buổi chiều hôm đó rõ ràng có thứ bệnh màng mắt nào đó đã che khuất mắt chúng em, tuy vậy vẫn còn có trong chúng em tí chút sáng suốt, bởi vì cho dù nhìn qua lớp sương mù thì hình như chúng em vẫn nhận ra rằng Amália đang yêu. Và, nếu bây giờ chúng ta đối chiếu tất cả những điều đó, thì sự khác biệt giữa Frida và Amália là gì vậy? Chỉ có một sự khác biệt duy nhất đó là Frida đã làm cái mà Amália cự tuyệt.

- Cũng có thể, - K. nói, - nhưng đối với tôi sự khác biệt chính là Frida là vợ chưa cưới của tôi, còn Amália, thực chất, làm tôi quan tâm chỉ vì cô ấy là em của Barnabás, người đưa thư của Lâu đài, và số phận của cô ấy có lẽ liên quan đến công việc của Barnabás. Nếu một viên chức nào đó xúc phạm quá đáng đối với cô ấy như lúc đầu từ câu chuyện cô kể tôi đã nghĩ, thì hẳn đã làm tôi rất bận tâm, nhưng bận tâm đến nó như một hiện tượng xã hội nhiều hơn chứ không chỉ là sự xúc phạm cá nhân của Amália. Còn bây giờ cũng chính từ câu

chuyện cô kể, bức tranh đã hoàn toàn thay đổi, thực ra, với tôi không phải mọi điều đều có thể hiểu. Nhưng dù sao tôi cũng tin cô, vì cô là người kể chuyện, chính vì thế tôi rất sẵn sàng bỏ qua toàn bộ việc này, hơn nữa tôi đâu phải người cứu hỏa, và Sortini không dính dáng gì đến tôi cả. Tôi quan tâm đến Frida hơn, và tôi lấy làm lạ là dù tôi đã tin cô, và luôn luôn sẵn sàng tin tưởng cô, vậy mà cô, bằng con đường vòng vèo, thông qua Amália, liên tiếp tấn công Frida, gợi lên mối ngờ vực trong tôi. Tôi không muốn nghĩ rằng cô làm điều đó có chủ ý hoặc do ý định xấu, chứ không thì tôi đã bỏ đi từ lâu. Không, cô không có chủ ý gì, đơn thuần là hoàn cảnh buộc cô làm việc đó; cô yêu quý Amália đến mức muốn nâng cô ấy lên tầm cao hơn so với những người phụ nữ khác, nhưng vì không tìm thấy ở cô ấy điều gì đáng khen để làm việc đó nên cô đã vớt vát bằng cách hạ thấp những phụ nữ khác. Amália đã hành động, làm mọi người sửng sốt, nhưng cô càng kể về hành động ấy, thì lại càng khó quyết định hành động ấy cao cả hay nhỏ nhen, thông minh hay đần độn, dũng cảm hay hèn nhát, bởi Amália giữ kín trong lòng những lí do của mình, và không một ai có thể lấy được bí mật của cô ấy. Ngược lại, Frida không làm một điều gì đáng kinh ngạc, cô ấy chỉ làm theo tiếng gọi của trái tim, ai là người quan tâm tới sự việc một cách thiện chí đều đã rõ, bất kì ai cũng có thể kiểm tra, trong chuyện này không có chỗ cho sự nói xấu. Nhưng tôi không muốn chê bai Amália, cũng không muốn bảo vệ Frida, tôi chỉ muốn làm cho cô hiểu rõ rằng quan hệ của tôi với Frida là thế nào, và tại sao mỗi sự công kích Frida, mỗi sự đe dọa Frida đồng thời cũng đe dọa đời tôi. Tôi đã tự đến đây, tự ở lại đây, nhưng tất cả những gì đã xảy ra trong thời gian này và nhất là những triển vọng tương lai của tôi - cho dù chúng mờ mịt đi nữa, thì vẫn có - tôi đều nhờ Frida, điều này không thể chối cãi được. Ở đây người ta đã nhận tôi làm đạc điền, nhưng toàn bộ chỉ là bề ngoài, họ đã đùa cợt với tôi, xua đuổi tôi rời khỏi mọi căn nhà, cho đến hôm nay họ vẫn đùa cợt với tôi, nhưng

thận trọng hơn, chắc hẳn vì tôi đã trở nên có giá hơn, mà thế cũng đã là một cái gì có ý nghĩa rồi. Hiện giờ tôi đã có nhà ở, cho dù là xấu xí, có công ăn việc làm, một công việc thật sự, có vợ chưa cưới, người gánh một phần trách nhiệm thay tôi khi tôi bận việc khác; tôi chuẩn bị cưới cô ấy làm vợ, tôi sẽ là công dân của cộng đồng. Ngoài mối quan hệ công vụ tôi còn có một mối quan hệ cá nhân khác với Klamm mà thực ra cho đến lúc này vẫn chưa cần đến. Chẳng lẽ như thế còn ít ư? Và các vị chào đón ai trong nhà mình, nếu tôi đến với các vị? Các vị kể lịch sử của gia đình một cách tin cậy cho ai vậy? Các vị chờ đợi sự giúp đỡ ở ai, dù khả năng đó là nhỏ bé và bấp bênh? Cố nhiên là không phải ở tôi, ở kẻ đạc điền mà mới cách đây một tuần Laseman và Brunswick đã tống ra khỏi nhà. Còn cô thì đã hi vọng ở một người đủ sức làm được điều gì đó, mà điều đó tôi phải nhờ Frida mới có được, cô ấy khiêm nhường đến mức nếu cô dò hỏi về những chuyện như thế, chắc chắn cô ấy sẽ nói là không biết cái gì hết. Nhưng hóa ra nhờ sự không biết gì của mình, Frida đã làm được nhiều hơn so với cô Amália tự cao, tự đại. Bởi vì cô xem, tôi cảm thấy cô tìm sự giúp đỡ cho Amália. Và tìm ở ai cơ chứ? Trong thực tế không phải là ở Frida kia hay sao!

- Lẽ nào em đã nói về Frida tồi tệ như thế? - Olga hỏi. - Em không hề muốn, và em tin là mình không phạm phải lỗi đó, nhưng mọi điều đều có thể. Chúng em ở trong tình trạng bất hòa với cả thế giới, nếu chỉ cần bắt đầu thì chẳng còn biết sẽ bị bêu riếu tận đầu tận đâu. Vâng anh nói đúng, giờ đây có sự khác biệt lớn giữa Frida và chúng em, và anh đã đúng khi nhấn mạnh điều đó thêm một lần nữa. Cách đây ba năm chúng em là những tiểu thư con nhà tư sản, còn Frida là cô gái mồ côi, là đầy tớ ở quán trọ; chúng em đi ngang qua cô ấy mà không thèm nhìn mặt; hiển nhiên là chúng em kiêu kì, nhưng người ta đã dạy chúng em như vậy. Thế nhưng buổi tối hôm ấy ở trong quán Ông chủ chính anh đã có thể nhìn thấy tình thế hiện nay: Frida tay cầm roi, còn em thì lẫn trong

đám đầy tớ. Nhưng thực tế còn tệ hơn thế. Frida hoàn toàn có quyền coi khinh chúng em, điều đó phù hợp với địa vị của cô ấy, hoàn cảnh hiện thời đã quy định điều đó. Mà có ai không coi khinh chúng em cơ chứ? Người nào quyết định khinh bỉ chúng em thì ngay lập tức được gia nhập vào giới thượng lưu. Anh có biết người thay thế Frida chứ? Tên ả là Pepi. Tối hôm kia em mới quen ả, trước đây ả là hầu phòng. Thế mà trong sự khinh bỉ em thì tất nhiên là ả ta còn vượt xa Frida. Từ cửa sổ ả trông thấy em đi lấy bia, thế là ả liền chạy đến cửa và khóa trái lại ngay trước mũi em, em phải nài nỉ hồi lâu và hứa cho ả dải nơ em vẫn buộc tóc thì ả mới cho vào. Sau đó, khi em đưa chiếc nơ cho ả thì ả đã vứt nó vào xó. Nhưng cho dù ả có khinh bỉ em, phần nào em vẫn phải nhờ đến thiện chí của ả, và ả còn là người bán ở quầy hàng. Tất nhiên chỉ là tạm thời, vì rõ ràng ả không có đủ những khả năng cần có cho một công việc cố định. Chỉ cần nghe ông chủ quán nói năng ra sao với ả Pepi và so sánh với việc ông ta nói năng như thế nào với Frida thì rõ. Nhưng điều này không hề cản trở Pepi khỏi coi khinh Amália, cô Amália mà chỉ từ một cái nhìn cũng đủ làm cho Pepi với những đuôi sam lẫn các dải nơ nhanh chóng bay ra khỏi phòng nhanh gấp trăm lần so với đôi chân phè phè của ả mang ả lê ra được khỏi đó. Hôm qua em đã phải nghe hết những điều bực mình mà ả ta ba hoa về Amália, mãi cho đến khi các khách hàng phải can thiệp, dẫu là họ can thiệp cho em, bằng cách mà lúc ấy anh đã thấy.

- Rằng cô rất hoang mang lo sợ, - K. nói. - Tôi chỉ để Frida về đúng chỗ của cô ấy, nhưng tôi hoàn toàn không có ý dè bỉu các cô như là giờ đây cô đang tưởng tượng. Tất nhiên tôi có cảm giác trong gia đình các cô có cái gì đó khác thường, nhưng tại sao sự khác thường ấy lại là nguyên nhân để người ta khinh bỉ, thì tôi không tài nào hiểu được.

- Ồ, anh K., - Olga nói, em cho rằng rồi anh cũng hiểu! Chả lẽ anh không rõ rằng cách xử sự của Amália đối với Sortini là nguyên nhân của sự coi thường ư?

- Điều đó lạ lùng quá thể, - K. nói. - Có thể khâm phục hoặc chê trách Amália chứ sao lại coi khinh cô ấy được? Và nếu thậm chí vì những nguyên nhân tôi không thể nào hiểu được mà người ta thực sự coi thường Amália đi nữa, thì tại sao sự khinh bỉ ấy lại lan sang cả các cô, sang cả một gia đình vô tội? Việc Pepi coi thường cô, đơn thuần là tầm bậy, tôi sẽ hỏi tội cô ta nếu lúc nào đó tôi đến quán trọ ấy...

- Việc khó đấy, anh K. ạ, - Olga nói, - nếu như anh muốn làm cho người nào coi thường chúng em cũng phải thấu hiểu hơn, bởi mọi chuyện từ Lâu đài mà ra cả. Em còn nhớ chính xác cái buổi sáng hôm sau đó. Gã thợ phụ Brunswick đến chỗ nhà em, như mọi ngày, bố em giao việc rồi cho gã về nhà. Sau đấy chúng em ngồi ăn sáng, Amália và em đều rất hào hứng, bố em không ngừng kể về buổi lễ, ông có các kế hoạch khác nhau liên quan tới đội cứu hoả. Bởi vì Lâu đài cũng có đội cứu hỏa riêng, đội cứu hỏa này cũng cử đại diện đến dự lễ, và họ thỏa thuận được với nhau đôi điều. Các quý ông của Lâu đài có mặt đã xem đội cứu hỏa của bố em diễn tập, và đã nhận xét rất tốt, họ so sánh với cuộc thao diễn của đội cứu hỏa của Lâu đài, và kết quả sự so sánh đã nghiêng về đội cứu hỏa của bố em. Người ta đã nói tới việc cần phải tổ chức lại đội cứu hỏa của Lâu đài, để làm việc đó phải cần đến các giảng viên của làng, nhiều người được nhắc tới, nhưng bố em vẫn hi vọng là cuối cùng người ta sẽ chọn ông. Bố em nói về điều đó, ông ngồi xoạng chân ở chỗ vẫn thích ngồi, cánh tay ôm ngang nửa chiếc bàn; ông liếc nhìn lên trời qua cửa sổ mở, gương mặt bừng lên sự trẻ trung, sung sướng và tràn ngập niềm hi vọng; em chưa bao giờ nhìn thấy ông như thế. Khi đó Amália với ưu thế khác thường, đã tuyên bố rằng không nên quá tin tưởng vào những lời phát biểu của các quý ông, vì những lúc như thế họ thích tỏ ra hảo tâm, nhưng lời nói của họ có ít ý nghĩa, hoặc nói chung không có ý nghĩa gì. Họ quên ngay điều mình chỉ vừa mới nói ra, thế nhưng một dịp tiếp theo lại vẫn rơi vào cái mồi nhử nọ. Mẹ quở mắng Amália vì những lời nói đó, bố thì chỉ cười nhạo

sự thông thái và từng trải già trước tuổi của cô, thế rồi bỗng nhiên ông ngừng bặt như thể đang tìm một cái gì đó mà dường như chỉ lúc này ông mới nhận ra sự thiếu vắng của nó. Brunswick có kể với ông về người đưa thư nào đó với lá thư nào đó bị xé, và ông hỏi chúng em có biết việc đó không, điều ấy có liên quan gì đến ai, và điều gì đã xảy ra. Chúng em im lặng; Barnabás hồi đó còn nghịch ngợm như một chú cừu non đã nói điều gì đó rất ngớ ngẩn và láo lếu, sau đấy chúng em chuyển sang nói chuyện khác, và việc đó đã bị lãng quên.

Sự trừng phạt Amália

Sau đó chẳng bao lâu người ta bắt đầu vây lấy gia đình em bằng những câu hỏi liên quan tới lá thư; lần lượt bạn bè, kẻ thù, những người quen và người lạ đến, không ai ở lại lâu, những người bạn tốt nhất của gia đình vội vàng từ biệt trước tiên. Laseman là người vẫn luôn có cử chỉ chậm rãi và chững chạc đúng mực giờ đây bước vào phòng như thể chỉ muốn đo căn phòng, mắt nhìn quanh, mọi việc cứ y như một trò chơi trẻ con tồi tệ; khi Laseman định bắt đầu ra về, bố em đã gạt mọi người bâu lấy ông để chạy theo ông ta đến tận bậu cửa rồi đứng sững lại ở đó. Lúc sau Brunswick đến xin thôi việc nói rất chân thành với ông bố rằng anh ta muốn làm việc độc lập; anh ta đủ khôn để lợi dụng giây phút thích hợp. Các khách hàng đến, họ tìm trong xưởng của bố em những chiếc ủng mà họ đã bỏ lại để chữa. Bố em thoạt đầu cố thử thuyết phục khách hàng, chúng em đã làm hết khả năng để giúp ông trọng cố gắng đó, nhưng sau đó ông chịu thua và lặng lẽ giúp họ tìm kiếm giày. Người ta lần lượt gạch tên trong sổ đặt hàng, chúng em đã trả lại da mà những người đặt hàng mang đến, thanh toán hết nợ nần, tất cả những việc đó đã diễn ra không hề có tranh cãi; ai cũng thỏa mãn là đã may mắn nhanh chóng cắt đứt được hoàn toàn mối quan hệ của họ với chúng em, dù có người chịu thiệt thòi chút ít họ cũng không

bố em là gương mặt sáng của đội cứu hỏa, là mẫu mực không ai sánh kịp đối với lớp trẻ và là thành viên không thể thay thế của xã hội, mà sự nghỉ việc của ông hầu như làm cho đội cũng tê liệt luôn. Những điều này nghe rất tốt đẹp, giá mà ông ta kết thúc bằng sự ca ngợi đó! Nhưng ông ta vẫn tiếp tục. Nếu như giờ đây đội cứu hỏa quyết định yêu cầu bố ra đi, tất nhiên là chỉ tạm thời, thì cần phải nghĩ rằng nhất định có những lí do nghiêm trọng buộc họ làm điều đó. Nếu không có những kết quả xuất sắc của bố trong buổi lễ hôm qua thì có lẽ sự thể đã không đến nộng nỗi này, nhưng chính những kết quả xuất sắc đã làm cho chính quyền đặc biệt để ý tới ông, đội cứu hỏa giờ đây là trung tâm của sự chú ý, và càng phải giữ gìn danh tiếng trong sạch của nó hơn cả từ trước tới nay. Thế mà lại xảy ra việc xúc phạm người đưa thư của Lâu đài, đó là trường hợp đáng tiếc, đội không tìm thấy giải pháp nào khác, và ông ta, Seeman đành phải gánh cái trách nhiệm nặng nề về mình, là thông báo quyết định đó. Seeman mong bố em đừng gây khó dễ cho việc ông ta hoàn thành sứ mệnh nặng nề đó, rằng ông ta, Seeman rất mừng vì đã nói ra được những điều cần nói, tự tin là mọi việc đã hoàn tất, không cần tỏ ra quá tế nhị, ông ta chỉ lên chiếc bằng treo trên tường và ra hiệu bằng ngón tay. Bố em gật đầu và đi lấy chiếc bằng, nhưng tay ông run đến nỗi không gỡ được chiếc bằng khỏi cái đinh, em đã trèo lên bàn giúp bố. Từ giây phút đó mọi sự thế là hết, thậm chí bố em không gỡ chiếc bằng ra khỏi khung, mà cứ để nguyên như thế trao cho Seeman. Sau đó ông ngồi trong góc nhà, bất động, không nói không rằng, bọn em phải tự xoay sở thanh toán với mọi khách hàng.

- Và cô thấy sự can thiệp của Lâu đài thể hiện ở đâu? - K. hỏi. - Tạm thời không có gì tỏ ra Lâu đài đã can thiệp vào sự việc. Điều mà cô nói từ nãy đến giờ chỉ thấy đó là một nỗi lo sợ vô cớ, sự vui sướng độc địa trên đau khổ của kẻ khác, và sự bất tín trong tình bạn, mà những chuyện ấy ở đâu chả có. Tôi có cảm tưởng bố cô cũng có phần nhỏ nhen. Bởi vì thực ra

bằng là cái gì vậy? Chỉ là sự khẳng định những khả năng của ông ấy, mà những cái đó bố cô có bị mất đi đâu; nếu những khả năng ấy làm cho ông trở thành người không thể thay thế, thì càng hay, viên chỉ huy hẳn đã lâm vào một tình thế khá là lố bịch, nếu ngay từ lời đầu tiên bố cô quẳng luôn cái bằng xuống chân hắn. Còn tôi cho là rất quan trọng việc cô không hề nhắc đến Amália, Amália mới là nguyên nhân của mọi chuyện, có lẽ lúc ấy đang thản nhiên đứng ở đâu đó mà thờ ơ nhìn sự tan nát.

- Không, - Olga nói, - không một ai đáng phải trách cả, không ai có thể xử sự khác được, thảy những việc này đều do tác động của Lâu đài.

- Tác động của Lâu đài, - Amália nhắc lại, cô đã từ ngoài sân bước vào phòng không ai hay, bố mẹ đã nằm trên giường từ lâu. - Vẫn cứ kể chuyện cổ tích về Lâu đài ấy à? Anh chị vẫn ngồi với nhau ư? Thế mà anh K. cứ muốn đi ngay lập tức, đã mười giờ rồi đấy. Anh cũng quan tâm tới những chuyện như vậy hay sao? Ở trong làng này có những người chuyên sống bằng những chuyện như thế, họ ngồi lại với nhau như anh chị bây giờ và mời mọc nhau những chuyện phiếm như thế, nhưng em không tin là anh cũng thuộc về những người đó.

- Ngược lại, - K. nói, - tôi thuộc về họ, tôi không coi trọng những người không quan tâm tới những chuyện này mà cứ bắt người khác lo lắng.

- Tốt, tốt, - Amália nói, - nhưng sự quan tâm của con người rất khác nhau. Em nghe nói rằng một lần có một người trẻ tuổi đêm ngày chỉ nghĩ đến Lâu đài, không quan tâm gì đến việc khác, người ta lo cho năng lực trí tuệ của anh ta, vì Lâu đài là tất cả ý nghĩ của anh ta. Cuối cùng thì té ra anh ta thực chất không nghĩ đến Lâu đài mà là nghĩ đến cô con gái của người lao công ở một văn phòng. Khi anh ta có được cô gái rồi thì mọi việc đâu lại vào đấy.

- Tôi tin là mình sẽ thích con người đó, - K. nhận xét.

- Em nghi ngờ người chồng, - Amália nói. - Mà có lẽ anh thích vợ anh ta. Nhưng xin anh chị đừng bận tâm, dù sao em cũng phải đi nằm, vì bố mẹ em cần phải tắt đèn. Bố mẹ ngủ say ngay, nhưng chỉ một giờ nữa thì giấc ngủ thực của bố mẹ kết thúc, lúc đó chỉ một chút ánh sáng yếu ớt nhất cũng làm bố mẹ khó chịu. Chúc ngủ ngon!

Quả thực, bóng tối sập xuống ngay, Amália chuẩn bị chỗ nằm cho mình ở dưới đất, gần giường bố mẹ.

- Người trẻ tuổi mà cô ấy nhắc đến là ai thế? - K. hỏi.

- Em không biết, - Olga nói. - Có lẽ Brunswick, mặc dù không hoàn toàn thích hợp với anh ta, cũng có thể là người nào đó khác. Khó mà hiểu được Amália một cách chính xác, vì nhiều khi không biết là cô ấy nói thật, hay là nói mỉa. Phần lớn cô ấy nói nghiêm túc, chỉ nghe có vẻ mỉa mai.

- Thôi, cô đừng giải thích nữa! - K. nói. - Làm sao cô phải rơi vào hoàn cảnh phụ thuộc cô ấy đến mức này? Trước khi có tai vạ lớn đó đã như vậy rồi sao? Hay là chỉ từ hôm đó? Cô không bao giờ thích độc lập với cô ấy hay sao? Có cơ sở hợp lí gì cho sự phụ thuộc này không? Cô ấy trẻ hơn, và như thế thì cô ấy cần phải phục tùng chứ? Có tội hay vô tội thì cô ấy cũng đã mang tai họa đến cho gia đình. Thay vì ngày nào cũng phải xin từng người một trong gia đình tha lỗi, thì cô ấy lại còn ngẩng cao đầu, không quan tâm đến việc gì hết, ngoài sự quan tâm tới bố mẹ vì lòng vị tha và như cô ấy nói, cô ấy không muốn để người ta cho cô ấy biết rõ mọi việc, nếu cô ấy hạ cố bắt chuyện với hai chị em cô, thì phần lớn cô ấy nói năng nghiêm chỉnh, nhưng lại nghe có vẻ mỉa mai. Hay có lẽ cô ấy thống trị bằng sắc đẹp của mình mà thảng hoặc cô cũng nhắc tới? Cả ba chị em cô đều rất giống nhau, nhưng cái mà cô ấy khác với chị em cô thì chỉ càng làm cho cô ấy bất lợi. Ngay khi tôi thấy cô ấy lần đầu, ánh mắt lờ đờ, khinh khỉnh của cô ấy đã làm tôi chờn chợn. Cô ấy trẻ hơn cũng vô ích, không có gì tỏ ra là trẻ, cô ấy thuộc những người phụ nữ không tuổi tác, họ ít già, nhưng cũng chưa bao giờ trẻ thật sự.

- Em nghi ngờ người chồng, - Amália nói. - Mà có lẽ anh thích vợ anh ta. Nhưng xin anh chị đừng bận tâm, dù sao em cũng phải đi nằm, vì bố mẹ em cần phải tắt đèn. Bố mẹ ngủ say ngay, nhưng chỉ một giờ nữa thì giấc ngủ thực của bố mẹ kết thúc, lúc đó chỉ một chút ánh sáng yếu ớt nhất cũng làm bố mẹ khó chịu. Chúc ngủ ngon!

Quả thực, bóng tối sập xuống ngay, Amália chuẩn bị chỗ nằm cho mình ở dưới đất, gần giường bố mẹ.

- Người trẻ tuổi mà cô ấy nhắc đến là ai thế? - K. hỏi.

- Em không biết, - Olga nói. - Có lẽ Brunswick, mặc dù không hoàn toàn thích hợp với anh ta, cũng có thể là người nào đó khác. Khó mà hiểu được Amália một cách chính xác, vì nhiều khi không biết là cô ấy nói thật, hay là nói mỉa. Phần lớn cô ấy nói nghiêm túc, chỉ nghe có vẻ mỉa mai.

- Thôi, cô đừng giải thích nữa! - K. nói. - Làm sao cô phải rơi vào hoàn cảnh phụ thuộc cô ấy đến mức này? Trước khi có tai vạ lớn đó đã như vậy rồi sao? Hay là chỉ từ hôm đó? Cô không bao giờ thích độc lập với cô ấy hay sao? Có cơ sở hợp lí gì cho sự phụ thuộc này không? Cô ấy trẻ hơn, và như thế thì cô ấy cần phải phục tùng chứ? Có tội hay vô tội thì cô ấy cũng đã mang tai họa đến cho gia đình. Thay vì ngày nào cũng phải xin từng người một trong gia đình tha lỗi, thì cô ấy lại còn ngẩng cao đầu, không quan tâm đến việc gì hết, ngoài sự quan tâm tới bố mẹ vì lòng vị tha và như cô ấy nói, cô ấy không muốn để người ta cho cô ấy biết rõ mọi việc, nếu cô ấy hạ cố bắt chuyện với hai chị em cô, thì phần lớn cô ấy nói năng nghiêm chỉnh, nhưng lại nghe có vẻ mỉa mai. Hay có lẽ cô ấy thống trị bằng sắc đẹp của mình mà thảng hoặc cô cũng nhắc tới? Cả ba chị em cô đều rất giống nhau, nhưng cái mà cô ấy khác với chị em cô thì chỉ càng làm cho cô ấy bất lợi. Ngay khi tôi thấy cô ấy lần đầu, ánh mắt lờ đờ, khinh khỉnh của cô ấy đã làm tôi chờn chợn. Cô ấy trẻ hơn cũng vô ích, không có gì tỏ ra là trẻ, cô ấy thuộc những người phụ nữ không tuổi tác, họ ít già, nhưng cũng chưa bao giờ trẻ thật sự.

Ngày nào cũng nhìn thấy nên cô không nhận ra khuôn mặt cô ấy mới thô làm sao. Nếu nghĩ lại, tôi cũng không hoàn toàn hiểu được ý định của Sortini với lá thư đó, có lẽ ông ta không muốn mời cô ấy, mà là chỉ muốn trừng phạt.

- Em không muốn nói về Sortini, - Olga nói. - Với các quý ông ở Lâu đài ấy thì mọi chuyện đều có thể xảy ra, dù là với cô gái đẹp nhất, hay xấu nhất. Tuy nhiên về Amália thì anh nhầm to. Anh xem, em không có lí do gì để thuyết phục anh vì Amália, còn nếu như em thử làm điều đó thì chỉ vì anh mà thôi. Cố nhiên nguyên nhân của nỗi bất hạnh của gia đình là Amália, nhưng cả những lúc khó khăn nhất thì bố cũng không nói một lời nào trách móc Amália, cho dù ông là người hứng chịu tai họa nhiều nhất, và ông là người không bao giờ làm chủ được lời nói, đặc biệt là ở nhà. Không phải ông tán thành cách xử sự của Amália, làm sao bố em có thể tán thành được, ông không hiểu nổi, vì ông là người rất kính trọng Sortini, ông đã có thể vui sướng hi sinh bản thân và tất cả của cải cho Sortini nếu sự việc không xảy ra như trong thực tế đã xảy ra do sự tức giận của Sortini. Có lẽ là như thế, bởi vì chúng em không nghe nói về Sortini nữa. Trước đây ông ta sống ẩn dật còn bây giờ dường như ông ta không tồn tại nữa. Trong thời gian đó giá mà anh nhìn thấy Amália! Chúng em đều biết không có sự trừng phạt dứt khoát nào tiếp theo cả. Người ta chỉ lảng tránh gia đình em, dân ở đây cũng như trên Lâu đài. Có điều là trong khi có thể nhận thấy sự lảng tránh của những người ở đây, thì không thể nhận thấy gì từ Lâu đài cả. Trước đấy, gia đình em đã không bị phiền phức gì từ phía Lâu đài, thì làm sao mà lúc này có thể nhận ra được sự thay đổi nào đó! Sự yên lặng này là xấu nhất. Nó không giống sự lảng tránh của mọi người ở đây, không phải vì tin thế này hay thế khác mà người ta lẩn tránh, có lẽ họ cũng chẳng chê trách gì ghê gớm đối với gia đình em. Hồi đó sự khinh bỉ của ngày hôm nay là chưa có, người ta hành động chỉ vì sợ, và sau đó thì chờ đợi xem cái gì sẽ xảy ra. Tạm thời sự nghèo túng cũng không

đe dọa, những người mắc nợ đều thanh toán ổn thỏa, các hóa đơn kết thúc một cách thuận lợi; nếu thiếu lương thực thì đã có họ hàng bí mật giúp đỡ, cũng dễ thôi, lúc đó đang là mùa gặt. Gia đình em không có đất, thế mà chẳng ai nhờ chúng em làm việc gì, lần đầu tiên trong đời chúng em buộc phải gần như là vô công rồi nghề. Chúng em ngồi cả ở nhà, đằng sau những cánh cửa sổ, cửa lớn khép kín, trong cái nóng của tháng bảy, tháng tám. Không giấy gọi, không thông báo, không viếng thăm, không có gì cả.

- Này, - K. nói, - cô biết không, nếu không xảy ra điều gì cả, và không có hình phạt được xác định rõ ràng nào đe dọa thì các người sợ cái gì? Các cô là những người lạ lùng!

- Em phải giải thích cho anh thế nào đây? - Olga nói. - Chúng em không sợ cái gì đó sẽ đến, mà chúng em phải chịu đựng cái đang có, gia đình em hiện giờ vẫn ở trong trạng thái bị trừng phạt. Người trong làng chỉ đợi chúng em đến với họ, rằng bố hãy mở lại xưởng đóng giày, và Amália, người may quần áo rất đẹp, tất nhiên cô ấy chỉ làm việc cho những người khá giả nhất, hãy nhận lại những đơn đặt hàng mới, bởi vì ai cũng đau vì cái việc họ đã làm. Khi một gia đình có uy tín như vậy bị hoàn toàn tách biệt thì ai cũng có sự mất mát nào đó. Khi họ từ bỏ chúng em, họ tưởng là chỉ thực hiện bổn phận của mình, ở địa vị họ thì chúng em cũng xử sự đúng như vậy thôi. Họ không biết chính xác là chuyện gì xảy ra, chỉ thấy gã đưa thư vừa trở lại, trong tay là một nắm giấy vụn. Frida nhìn thấy gã đi, rồi khi gã quay lại, cô ấy đã trao đổi một vài lời với gã, và ngay lập tức cô ấy phun ra ngay điều biết được. Đối với chúng em, cô ấy không có thù oán gì, làm việc đó đơn giản là vì bổn phận, như bất kì ai trong trường hợp tương tự. Nhưng, như em đã nói, chắc ai cũng mừng nếu toàn bộ sự việc được dàn xếp ổn thỏa. Nếu bỗng nhiên chúng em xuất hiện với tin là tất cả đâu vào đấy cả rồi, rằng đấy chỉ là một sự hiểu nhầm đã hoàn toàn được làm sáng tỏ, hoặc có thể đó là lỗi lầm mà chúng em đã sửa chữa, càng hay hơn khi mọi người chỉ

cần nghe thấy rằng nhờ có các mối liên hệ với Lâu đài mà gia đình em đã dập tắt được vụ việc, thì chắc chắn họ đã dang rộng cánh tay ôm hôn, mở hội đón gia đình em trở lại, không phải chỉ một lần em đã chứng kiến những chuyện như thế của người khác. Nhưng cũng không cần đến loại tin đó, nếu chúng em tỉnh ngộ, tự đến với mọi người, nếu chúng em nối lại những quan hệ cũ mà không cần nói một lời nào về chuyện lá thư: chỉ cần bấy nhiêu là đủ, và họ sẵn sàng thôi không tranh luận về việc đó nữa. Bên cạnh nỗi lo sợ, chủ yếu là vì sự phiền toái của vụ việc mà người ta cắt đứt quan hệ với gia đình em, đơn giản là để khỏi phải nghe và nói về nó; khỏi phải nghĩ về nó và họ khỏi phải liên quan gì đến nó. Nếu Frida đã để lộ sự việc, thì không phải vì cô ấy vui sướng trên đau khổ của người khác, mà là để bảo vệ bản thân mình và những người khác khỏi nó, để lưu ý làng rằng có cái gì đó đã xảy ra mà tất cả mọi người phải lo tránh xa. Họ không quan tâm đến chúng em, như với một gia đình, mà chỉ quan tâm đến việc dính líu vào một câu chuyện nhục nhã của gia đình em. Tức là nếu chúng em lại xuất hiện trước mọi người, bỏ qua quá khứ, và bằng sự ứng xử của mình chúng em chứng tỏ rằng không có gì quan trọng cả, chúng em đã dàn xếp xong vụ việc ấy bằng cách nào, và hẳn đã thuyết phục được công chúng tin chắc là vụ việc dù nó là thế nào chăng nữa cũng không còn phải bàn tán về nó nữa: như vậy thì lẽ ra mọi sự đã tốt đẹp, khắp nơi chúng em đã có thể gặp sự giúp đỡ, và thậm chí nếu vụ việc ấy chưa được quên hẳn hoàn toàn, hẳn mọi người cũng hiểu; và chắc rằng họ sẽ giúp chúng em hoàn toàn quên hẳn nó. Thế mà chúng em đã ngồi lì ở nhà. Em không biết là chúng em đã chờ đợi điều gì, chắc là chờ sự quyết định của Amália, kể từ buổi sáng đó cô ấy nắm lấy quyền lãnh đạo gia đình không hề bàn bạc, không cần ra lệnh, hoặc yêu cầu gì đặc biệt, hầu như chỉ bằng sự im lặng cô ấy đã giữ chặt lấy quyền đó. Chúng em, những người còn lại có rất nhiều điều cần bàn bạc, từ sáng đến tối chúng em liên tục thì thầm trao đổi. Có

lúc bố em đột nhiên lo sợ, gọi em đến cạnh, và em đã ngồi bên giường ông gần suốt đêm. Lúc khác em và Barnabás co cụm vào một xó, cậu ấy thoạt đầu không hiểu gì cả, nên cứ nôn nóng liên tục đòi giải thích, bao giờ cũng đòi lời giải thích như nhau, bởi rõ ràng cậu ấy đã biết rằng, đối với cậu thế là hết những năm tháng vô tư, cái cuộc sống vô tư đang chờ đợi những người cùng lứa với cậu ấy. Chúng em đã ngồi cạnh nhau như hai ta bây giờ, anh K. ạ, và không nhận thấy đêm qua đi, sau đó trời lại sáng lúc nào. Trong gia đình em bà mẹ là người yếu nhất, bởi vì bà không chỉ chịu nỗi đau chung, mà hơn thế còn đau đớn thay cho mỗi người trong gia đình nữa. Sau đấy chúng em kinh hoàng nhận thấy những thay đổi nhất định trên người mẹ, dự cảm những thay đổi đó sẽ nhanh chóng lan sang cả gia đình. Mẹ thích nhất là ngồi một mình ở góc ghế đi văng (bộ ghế đi văng từ lâu đã không phải là của gia đình em nữa, bây giờ nó nằm trong căn phòng sạch sẽ của Brunswick), bà ngồi ở đó, và không thể biết chính xác là bà đang ngủ gà ngủ gật qua cặp môi bà liên tục mấp máy, lẩm bẩm một mình không biết mệt. Có gì hiển nhiên hơn là việc chúng em bàn luận không ngớt về chuyện lá thư, tranh luận cặn kẽ về các chi tiết chắc chắn cũng như những khả năng đáng ngờ của nó, hầu như chúng em đua nhau thử nghĩ ra những phương thức giải quyết khôn khéo. Việc này là tất nhiên và không tránh khỏi, nhưng cũng có hại bởi vì làm như thế thì chúng em càng đâm sâu hơn vào vụ việc mà chúng em muốn quên đi. Vả lại dù là sáng kiến tuyệt vời nhất thì có giúp được gì? Không có Amália thì không thể thực hiện được việc gì hết, tất cả chỉ là kế hoạch dự kiến hoàn toàn vô nghĩa bởi vì kết quả của nó không đến được Amália, mà nếu có đến được thì cũng không gặp gì khác ở cô ấy ngoài sự im lặng. Hiện nay may mà em đã hiểu Amália hơn hồi đó. Cô ấy mang nỗi lo âu lớn hơn nỗi lo của tất cả chúng em cộng lại, em không biết là làm sao mà cô ấy chịu đựng được, làm sao mà cô ấy còn có thể sống được nữa đến hôm nay. Bà mẹ chịu nỗi đau

của cả gia đình em, bao nhiêu là bất hạnh ập xuống đầu bà, nhưng bà đã đau khổ không lâu. Bây giờ thì không thể nói là mẹ đang bị giày vò vì ngay từ lúc đó mẹ tội nghiệp đã quẫn trí rồi. Nhưng Amália không chỉ mang toàn bộ nỗi đau, mà cô ấy còn một trí tuệ để hiểu biết. Chúng em chỉ nhìn thấy hậu quả, còn cô ấy đã thấy tận gốc rễ tất cả mọi chuyện; chúng em hi vọng vào một khả năng mỏng manh nào đó, còn cô ấy thì biết rằng tất cả đã được quyết định; chúng em thì thầm còn cô ấy chỉ im lặng đối mặt với sự thật, sống và chịu đựng cuộc đời này từ hồi đó cho đến hôm nay. Trong tai họa chúng em vẫn đỡ hơn bao nhiêu so với cô ấy. Tất nhiên gia đình em đã phải bỏ nhà. Brunswick đã chuyển đến ở, người ta cho chúng em cái lều này. Có đồ đạc gì thì chúng em đã mang qua bằng cái xe đẩy, chở làm mấy chuyến; em và Barnabás kéo, bố và Amália thì đẩy. Chúng em đưa mẹ sang đầu tiên, bà ngồi trên cái rương để đợi chúng em và luôn miệng than thở. Nhưng em còn nhớ, ngay cả trong khi chuyển nhà mệt mỏi cũng vậy - việc này làm chúng em rất xấu hổ - chúng em không ngớt gặp những chiếc xe chở ngũ cốc, những chủ xe khi thấy chúng em họ liền quay lưng ngoảnh đầu đi... Em vẫn còn nhớ là trong khi chuyển nhà em với Barnabás vẫn liên tục bàn bạc về những lo toan và kế hoạch của mình. Thảng hoặc chúng em cũng dừng lại vì tranh luận hăng quá, và chỉ khi ông bố đằng hắng thì chúng em mới lại nhớ ra việc của mình. Nhưng sau khi chuyển nhà, các cuộc bàn bạc, thảo luận cũng đã không thay đổi được cuộc đời chúng em, và chúng em cứ từ từ cảm thấy dần sự nghèo khổ. Sự giúp đỡ của họ hàng không còn nữa, vốn dự trữ của gia đình cũng cạn kiệt, chính trong thời gian ấy bắt đầu tăng cường sự khinh bỉ đối với gia đình em mà anh đã nhận thấy. Người ta nhận ra rằng chúng em không đủ sức thoát ra khỏi chuyện lá thư, và họ đã không hài lòng với chúng em về việc đó. Họ đánh giá chính xác số phận ngặt nghèo của chúng em, dẫu chẳng biết một cái gì chính xác, họ hiểu rằng họ có thể đương nổi những thử thách tốt hơn

chúng em, thế nhưng đối với họ, việc phải cắt đứt hoàn toàn quan hệ với gia đình em lại càng là tất yếu. Nếu chúng em vượt qua được tai họa, hiển nhiên họ đã dành cho chúng em sự kính trọng, nhưng do không được như thế, nên giờ đây họ hành động một cách dứt khoát, điều mà cho đến lúc này họ chỉ mới làm một cách nửa vời: họ loại hẳn chúng em ra khỏi mọi tầng lớp xã hội. Người ta đã không nói về chúng em như về những con người, tên họ của chúng em không bao giờ còn được gọi tới nữa, nếu chuyện có dính tới gia đình em thì người ta cũng chỉ gọi tên của Barnabás, người vô tội nhất trong gia đình em. Đến cái lều của chúng em còn có tiếng xấu, nếu anh là người thật thà, anh cần phải công nhận: khi lần đầu bước vào nhà em, chính anh cũng tưởng rằng sự khinh bỉ ấy là chính đáng; sau đó thi thoảng cũng có người ghé vào, họ đã nhăn nhó ngay cả trước những việc nhỏ nhặt không đâu, tỉ như chiếc đèn dầu treo lủng lẳng phía trên bàn. Chiếc đèn có thể treo ở đâu, nếu không phải phía trên bàn kia chứ; nhưng họ lại thấy điều đó là không thể chịu được. Nhưng nếu chúng em có treo chiếc đèn ở chỗ khác thì cũng không làm thay đổi gì sự ác cảm của họ. Chúng em là ai, và cái gì chúng em có: tất cả đều bị khinh bỉ.

Những cuộc hành hương

- Và suốt thời gian đó chúng em đã làm gì? Chúng em đã làm cái việc xấu xa hơn những việc đã làm, để người ta có thể khinh chúng em hơn là trong thực tế đã coi khinh: chúng em đã phản bội Amália, không quan tâm tới mệnh lệnh im lặng của cô ấy nữa, không thể sống như vậy tiếp tục; không chịu sống vô vọng hoàn toàn, mỗi người theo cách của mình, chúng em bắt đầu nài nỉ xin Lâu đài thứ lỗi cho mình. Tất nhiên chúng em biết là không thể nào sửa chữa được gì nữa, và chúng em cũng biết là mối quan hệ có hi vọng duy nhất của gia đình em với Lâu đài đúng hơn là với Sortini, vị viên chức

có thiện chí với bố em này, đã trở nên xa vời đối với chúng em do chính những việc xảy ra. Tuy vậy chúng em vẫn tiến hành công việc. Bố em khởi xướng, và ông bắt đầu những chuyến đi vô nghĩa đến cấp trên, để gặp các thư kí, trạng sư, thư lại, nhưng phần nhiều người ta đã không tiếp ông, mỗi khi do mưu kế gì đó hoặc tình cờ mà họ tiếp bố, chúng em đều hân hoan sung sướng làm sao! Nhưng người ta đã đuổi ông đi rất chóng vánh, và sau đó không bao giờ tiếp ông nữa. Ngoài ra người ta trả lời ông thật dễ dàng; Lâu đài bao giờ chẳng dễ dàng như thế. Thực ra ông muốn gì? Cái gì đã xảy ra với ông? Tại sao ông muốn xin lỗi? Trong Lâu đài lúc nào có ai đã đụng đến dù chỉ là cái lông chân của ông? Hiển nhiên là ông bị bần cùng, đã mất hết người đặt hàng v.v và v.v, nhưng đây là những hiện tượng của cuộc sống thường ngày, mọi sự nằm trong hoàn cảnh của thương trường, chả nhẽ Lâu đài phải lo lắng đến tất cả mọi việc hay sao? Tất nhiên, quả thật Lâu đài lo lắng đến tất cả nhưng cũng không thể can thiệp thô bạo đến diễn biến tự nhiên của các sự việc đơn giản chỉ nhằm bảo đảm quyền lợi một người duy nhất nào đó! Lâu đài, theo các vị, phải cử các viên chức ra, phái họ đi theo các khách hàng của bố các vị, để rồi dùng vũ lực buộc họ trở lại với ông ấy sao?

- Ồ, không, - bố em đã nói giữa chừng, - thảy những điều đó chúng em đã bàn bạc trước và sau đó ở nhà, trong một xó nhà hầu như là trốn Amália, người biết hết tất cả, nhưng không can dự vào. - Rằng ông không trách móc vì đã bị nghèo khó, bởi vì ông có thể bù lại tất cả những gì đã mất, những việc đó là thứ yếu, chỉ cần được họ tha lỗi cho ông.

Nhưng họ phải tha lỗi vì cái gì? - Họ trả lời: - Tạm thời chưa có sự tố cáo nào chống ông đến Lâu đài cả, những chuyện như thế không có dấu vết trong các biên bản, ít ra là trong các biên bản công khai tới được các trạng sư; tiếp nữa là trong chừng mực có thể xác định được thì cũng chưa thấy ai khởi tố, chưa thấy ý đồ nào đang tiến hành chống lại ông. Ông có thể cho biết chỉ thị chính thức nào đó mà người ta đã ban

hành chống lại ông không? Hoặc là đã có sự can thiệp nào đó từ phía cơ quan chính thức chăng? - Về những chuyện như thế bố không biết gì cả.

Thế là, ông không biết gì hết, và không có gì xảy ra cả, vậy thì thực ra ông muốn gì? Phải tha lỗi cho ông vì cái gì? Nhiều lắm là việc ông gây khó khăn cho các văn phòng mà chính đó lại là điều không thể tha thứ được.

Ông không bỏ cuộc, hồi ấy ông hãy còn là người tràn đầy sinh lực, và do buộc phải vô công rồi nghề nên ông có thừa thời gian. "Sẽ không lâu nữa bố sẽ lấy lại danh dự cho Amália" ông nói với em và Barnabás nhiều lần trong ngày, nhưng chỉ nói thầm vì Amália không nên nghe, và thật ra ông nói chỉ vì Amália, bởi vì đúng là ông không suy nghĩ đến việc lấy lại danh dự, mà chỉ nghĩ đến sự tha thứ. Nhưng để được tha thứ, trước hết cần phải xác định ra tội trạng, mà các cơ quan thì đơn giản là không muốn nghe nói về tội lỗi. Lúc đó bố em nghĩ (điều này cho thấy trí tuệ của ông đã sút kém) rằng sở dĩ người ta giấu ông về tội trạng là vì ông chưa trả đủ tiền, đúng là ông chỉ mới nộp số tiền thuế quy định, số tiền so với hoàn cảnh gia đình em cũng tương đối cao rồi. Nhưng bây giờ ông tưởng phải trả nhiều hơn, rõ ràng ông đã nhầm trong chuyện đó, vì trong các văn phòng ở đây, đơn giản là để tránh những lời tầm phào vô ích, quả là người ta có nhận hối lộ, nhưng bằng việc đó cũng không thể đạt được cái gì. Nhưng bố em cứ hi vọng về điều đó, nên thật lòng chúng em cũng không muốn làm tiêu tan niềm hi vọng của ông. Chúng em đã bán những gì còn lại, mà hầu như những thứ cần thiết không thể thiếu được để bố có phương tiện đi chạy vạy. Một thời gian dài, hàng ngày chúng em lấy làm hài lòng rằng cứ mỗi sáng lên đường ít ra trong túi của bố em cũng có mấy đồng tiền đồng loẻng xoẻng. Tất nhiên vì chuyện đó mà ngày ngày chúng em nhịn đói, mặc dù vậy điều duy nhất chúng em đạt được nhờ những đồng tiền ấy chỉ là giúp bố được sống trong niềm hi vọng nhất định. Nhưng hầu như cả việc đó cũng

chẳng đem lại lợi lộc gì. Ông chỉ tự hành hạ mình trong các chuyến đi và cái việc mà lẽ ra nếu thiếu tiền thì đã nhanh chóng kết thúc, lại cứ kéo dài ra mãi.

Dù có tiền thì cũng chẳng ai làm được trò trống gì, họa chăng chỉ một gã thư lại nào đó đôi khi cố tạo ra cái vẻ, rằng vẫn cố gắng, gã đã hứa rằng rồi đây sẽ tiến hành điều tra, hoặc ám chỉ là đã tìm thấy những dấu vết nhất định, và gã sẽ thực hiện việc kiểm tra chúng, không phải vì trách nhiệm mà chỉ vì ý thích của bố em. Còn bố, đáng lẽ phải nghi ngờ hơn thì lại càng ngày càng tin hơn. Ông trở về nhà với những lời hứa rõ ràng là vô nghĩa như thế, mà cứ như là mang vào nhà sự ban phước vậy. Và thật khổ tâm khi nhìn ông ở sau lưng Amália, với nụ cười méo xệch, đôi mắt tròn hướng về phía cô ấy, cố ra hiệu cho chúng em hiểu rằng việc cứu Amália, điều sẽ làm cho cô ấy bị bất ngờ nhất nhờ những cố gắng của ông sắp thành công, nhưng tạm thời tất cả còn bí mật, chúng em phải nghiêm khắc giữ kín. Và chắc chắn những việc đó vẫn diễn ra như vậy rất lâu nữa, nếu chúng em vẫn tiếp tục có tiền đưa cho bố. Thực ra thì vào thời gian ấy, sau nhiều nài nỉ, Brunswick đã nhận Barnabás làm phụ tá, nhưng với điều kiện là Barnabás chỉ đến chỗ y vào buổi tối để nhận việc và mang hàng đã làm xong đến đó cũng trong bóng tối... Cần phải lưu ý rằng, bằng việc đó Brunswick đã vì chúng em mà phần nào làm nguy hại tới việc kinh doanh của mình, nhưng anh ta trả công rất ít, mặc dù Barnabás làm việc không có sai phạm gì cả, và tiền công chỉ vừa đủ cứu gia đình khỏi chết đói. Sau khi chuẩn bị rất tế nhị và chu đáo chúng em đã thông báo với bố rằng chúng em không thể giúp đỡ tiền cho ông được nữa, nhưng bố đã tiếp nhận sự việc rất thản nhiên. Ông không thể hiểu ra bằng trí tuệ của mình, rằng những cố gắng của ông là vô vọng, nhưng ông đã rất mệt mỏi vì bị thất vọng triền miên.

Ông nói là ông chỉ cần ít tiền nữa thôi, ông không nói năng rõ ràng như trước đây, vì trước đây ông nói quá rõ ràng. Hôm

nay hoặc mai là ông sẽ biết tất cả, giờ đây mọi cố gắng của ông đều đã vô ích, tất cả đều thất bại chỉ vì thiếu tiền, và đại loại như vậy. Nhưng từ cách ông nói có thể cảm thấy rằng chính ông cũng không tin, và liền đó ông bắt đầu vạch những kế hoạch mới. Vì không thành công trong việc xác định nỗi tội của ông và do đó bằng con đường chính thức ông không thể đạt được cái gì cả, giờ đây ông chỉ còn biết đích thân đến nài nỉ với các viên chức, chắc là trong số họ chắc chắn có những người đồng cảm, tốt bụng, và nếu họ không thể nghe những lời tâm tình của ông trong giờ hành chính thì họ có thể nghe ông ngoài giờ hành chính, nhất là trong một thời điểm thích hợp ông làm cho họ bị bất ngờ.

Cho tới lúc này K. vẫn mải mê lắng nghe Olga nói, nhưng bây giờ chàng đã cắt ngang câu chuyện của cô bằng một câu hỏi:

- Thế cô không cho việc đó là đúng sao?

Từ những điều dưới đây, chắc là K. cũng nhận được câu trả lời, nhưng lúc này chàng muốn biết ngay.

- Không, - Olga nói, - không thể có sự đồng cảm như thế. Cho dù còn trẻ và không từng trải như thế nào thì chúng em cũng biết điều đó, và tất nhiên là ông bố cũng biết nhưng ông đã quên mất như quên hầu hết những chuyện khác. Ông dự định sẽ đứng ở đường quốc lộ gần tòa Lâu đài, nơi mà các viên chức vẫn đi xe qua. Ở đó, có dịp là ông xin được tha lỗi. Nói thật đó là một kế hoạch không tưởng, cứ cho là điều không thể có ấy lại xảy ra, và yêu cầu của ông bố lọt được vào tai một viên chức nào đó đi chăng nữa. Bởi vì một viên chức duy nhất mà cũng có thể tha thứ được cho ông ư? Đó là việc của toàn bộ các nhà chức trách, nhưng có lẽ họ cũng không tha thứ được, họ chỉ biết xét xử mà thôi. Và cứ cho là có một viên chức xuống xe, thì ông ta làm sao có thể hiểu được toàn bộ sự việc qua những lời lắp bắp của bố em, một ông già bất hạnh, nghèo khổ, mệt mỏi? Các viên chức là những người rất có học thức, nhưng chỉ được một mặt thôi. Một viên chức trong ngành của

mình thì chỉ nghe một lời là có thể đưa ra hàng loạt ý tưởng, nhưng về những việc của ban khác thì người ta có thể giải thích cho ông ta hàng giờ, mà ông ta cũng chỉ gật đầu vẻ lịch sự, nhưng không hiểu một lời nào hết. Cũng dễ hiểu thôi: cứ thử làm những công vụ nhỏ nhặt nhất liên quan tới bản thân anh ở những điều vớ vẩn gì đó mà bất kì viên chức nào cũng giải quyết xong bằng một cái nhún vai, cứ thử xem xét chúng cho đến nơi đến chốn, chắc anh có thể theo đuổi nó đến hết đời cũng không tìm ra bản chất sự việc. Ta cứ cho là bố em gặp được viên chức có thẩm quyền nhưng không có tập hồ sơ chuẩn bị trước thì ông ta cũng không có thể giải quyết được gì cả; nhất là ở ngoài đường quốc lộ ông ta làm sao có thể tha lỗi được; ông ta chỉ có thể hiểu thấu đáo được toàn bộ vấn đề tại công sở, bởi thế ông ta lại sẽ khuyên đi theo con đường thông thường tuần tự của các cấp có thẩm quyền, nhưng đó lại chính là bằng con đường bố em đã thất bại hoàn toàn. Bố đã lẩn thẩn lắm thì mới hi vọng sự thành công nào đó ở kế hoạch mới này! Nếu có được khả năng mỏng manh đạt được một điều gì bằng cách đó, thì hẳn những người van xin đã xúm đông xúm đỏ ngoài đường quốc lộ rồi chứ, nhưng đến cả học sinh cấp một cũng biết những chuyện như thế đơn giản là không thể có, vì vậy mà đường quốc lộ vắng tanh vắng ngắt. Nhưng có thể điều đó chỉ làm cho bố vững tin hơn, bởi thế ông đã tìm mọi cách để củng cố niềm hi vọng của mình. Ông cũng cần điều đó, nhưng đối với chuyện ấy thì con người đâu cần phải những suy luận rối rắm, ngay từ lần đầu tiên ông đã thấy rõ, mọi sự đều vô cùng vô vọng. Bởi các viên chức lúc đi vào làng, cũng như khi trở về Lâu đài, thì đối với họ đều hoàn toàn không phải là những chuyến đi hành lạc, ở trong làng cũng như ở Lâu đài công việc đang chờ đợi họ, vì thế mà họ đi với tốc độ nhanh nhất. Họ cũng chẳng hề có ý nghĩ phải nhìn qua cửa sổ xe để xem có những người muốn gặp họ hay không. Trong xe đầy hồ sơ tài liệu, các viên chức còn nghiên cứu những thứ đó.

- Vậy mà tôi đã ngó vào bên trong chiếc xe trượt tuyết của một viên chức, - K. nói, - không hề có hồ sơ tài liệu gì tuốt.

Trong câu chuyện Olga kể, một thế giới lớn, gần như là hoang tưởng, đã mở ra trước mắt chàng: Chàng không thể kìm lại để không đụng chạm tới thế giới đó bằng những điều băn khoăn vụn vặt của mình, chàng muốn tự khẳng định không chỉ sự tồn tại của thế giới ấy, mà còn để được có cảm giác rõ ràng hơn về sự tồn tại của riêng mình.

- Có thể, - Olga nói, - nhưng mà như thế càng tồi tệ hơn, viên chức có những vụ việc rất quan trọng, còn hồ sơ tài liệu quá giá trị, hoặc quá nhiều, không thể mang theo được, những viên chức này cho xe chạy nước đại. Nhưng dù thế này, hoặc thế kia thì cũng không một ai có thời gian dành cho bố em. Hơn nữa có nhiều con đường dẫn đến Lâu đài. Lúc thì con đường này là mốt, và nhiều người đi nhất, lúc khác thì con đường kia là mốt, ai cũng chen chúc trên đó. Vẫn chưa rõ là người ta lựa chọn các con đường theo những quy tắc như thế nào. Có khi tám giờ sáng ai cũng đi trên một con đường, nhưng nửa giờ sau thì mọi người lại đi trên con đường khác, khoảng mười phút sau người ta đi trên con đường thứ ba, nửa giờ sau đó có lẽ lại trở về con đường đầu tiên, và rồi cả ngày người ta đi lại trên con đường đó. Nhưng mỗi một giây phút đều có khả năng thay đổi. Gần làng những con đường đi vào đều hợp lại, ở đó xe phóng như điên, còn ở gần Lâu đài thì chúng chạy với tốc độ vừa phải. Và không thể xác định được chế độ đi lại, tìm hiểu thấu đáo chế độ đó thật khó khăn, và điều đó cũng liên quan tới số lượng xe như vậy. Có những ngày đôi lúc không hề thấy một chiếc xe nào, nhưng sau đó thì lại từng đoàn lũ lượt chạy qua. Bây giờ anh hãy tưởng tượng bố em đối diện với cảnh tượng đó. Tất cả các buổi sáng ông đều ra đi trong bộ quần áo tốt nhất... nay mai thì ông chỉ có một bộ duy nhất thôi. Những lời cầu mong tốt đẹp của chúng em đưa tiễn ông lên đường. Ông mang theo cái phù hiệu nhân viên cứu hỏa mà thật ra ông đã giữ lại một cách

không chính đáng; ra khỏi làng ông mới gắn lên, ở trong làng ông không dám cho ai thấy, vậy mà cái phù hiệu bé tí, cách hai bước cũng khó mà phát hiện ra, nhưng bố tưởng rằng cái phù hiệu có thể làm cho các viên chức đang lao đi để ý tới mình. Cách lối vào Lâu đài không xa có một khu vườn trồng rau của Bertuch - ông ta cung cấp rau quả cho Lâu đài - bố đã chọn chỗ cho mình ở đó, trên một bệ đá nhô ra từ hàng rào. Bertuch không phản đối, vì trước đấy ông ta có quan hệ tốt với bố, từng là bạn hàng của ông; chả là một chân ông ta hơi tàn tật, ông ta cho rằng chỉ có bố mới làm cho ông ta đôi ủng phù hợp. Vậy là ngày nào bố cũng ngồi ở đó, đang mùa thu trời mưa, nhưng bố không quan tâm đến thời tiết. Sáng sáng cứ đúng vào giờ đã định, ông mở then cửa và ra hiệu từ biệt chúng em. Sau đó đến tối - như thể càng ngày ông càng còng hơn - bố trở về nhà, người ướt như chuột lột và ngã vật xuống một góc nào đó. Thoạt đầu ông còn kể về những ấn tượng nhỏ của mình, tỉ như chuyện Bertuch vì thương tình và nghĩ đến tình bạn cũ, đã ném cho ông cái chăn qua hàng rào; hoặc chuyện trong một chiếc xe đang vút qua dường như ông đã nhận ra viên chức nào đó, hay chuyện những người đánh xe nhận ra ông, đã vung roi da vun vút để đùa. Sau đó bố từ bỏ những câu chuyện ấy, chắc chắn ông không hi vọng có thể đạt được bất kì cái gì, ông cho việc phải đi và ngồi cho hết ngày ở đó là nghĩa vụ và trách nhiệm buồn thảm vô vọng của mình. Lúc đó ông bắt đầu có những cơn đau thấp khớp, mùa đông đã đến gần, tuyết rơi sớm, ở đây mùa đông ập đến rất nhanh. Bố vẫn cứ ngồi, ngồi ở chỗ của mình, trên hòn đá trơn dưới trời mưa, hoặc trong tuyết đổ. Đêm đêm ông rên rỉ vì đau đớn, đến sáng thỉnh thoảng bố cũng do dự nên đi hay không, nhưng rồi ông thu hết sức ra đi: Mẹ bám chặt lấy bố, không muốn để ông đi. Có lẽ bố lo sợ vì đôi chân ông không phục tùng ông, ông đã để bà đi với mình. Thế rồi mẹ cũng bị những cơn đau hành hạ; chúng em thường xuyên đi ra đó, mang cái ăn, hoặc chỉ để thăm bố mẹ, thuyết phục họ trở về nhà. Đã bao nhiêu lần

chúng em thấy bố mẹ ngồi co ro rúm ró lại với nhau trên phiến đá chật chội trong chiếc chăn mỏng không đủ bọc kín họ, xung quanh không có gì khác ngoài màu xám của tuyết và sương mù bao phủ, cả ngày cũng không thấy gì: không một chiếc xe, không một bóng người, ôi cảnh tượng gì mà lạ lùng, anh K. ạ, cảnh tượng lạ lùng! Thế rồi vào một buổi sáng, với đôi chân cứng đờ, bố không thể dậy ra khỏi giường được nữa, ông rất khổ tâm, trong một cơn nửa mê nửa tỉnh ông nghĩ là mình nhìn thấy ở trên đó, ngay lúc ấy cạnh hàng rào của Bertuch, một viên chức bước ra khỏi xe, đưa mắt tìm ông ở bên hàng rào, rồi y lắc đầu ngồi vào xe vẻ bực bội. Trong khi đó ông kêu to lên dường như muốn cho viên chức kia biết rằng ông vắng mặt không phải lỗi tại ông. Và sự vắng mặt này đã kéo dài rất lâu, bố không còn trở lại chỗ đó được nữa, ông nằm liệt giường hàng tuần. Amália đảm nhiệm việc chăm sóc, phục vụ và chạy chữa cho ông; cô ấy làm tất cả, thỉnh thoảng mới nghỉ một lúc, tình hình đó kéo dài cho đến hôm nay. Amália biết những cây thuốc nào làm giảm các cơn đau, hầu như cô không cần ngủ, không bao giờ hoảng hốt, hay sợ gì cả, không bao giờ sốt ruột, cô ấy làm mọi công việc phục vụ bố mẹ, trong khi đó vì không thể đỡ đần được việc gì nên chúng em chỉ quanh quẩn ở đấy mà thôi, cô ấy vẫn luôn luôn lặng lẽ và đúng mực. Sau đó, khi điều tồi tệ nhất đã qua, và bố đã có thể thận trọng, nhờ được đỡ từ hai bên, buông được hai chân ra khỏi giường thì Amália liền co lại và giao ông cho chúng em.

Những kế hoạch của Olga

- Bây giờ chúng em lại phải tìm cho bố một việc gì đó mà ông còn đủ khả năng để làm, bất kì việc gì, chí ít thì cũng cứ để bố tin rằng với công việc đó ông đang hành động để chuộc lại tội lỗi đang đè nặng lên gia đình. Tìm việc như thế không khó khăn gì, về cơ bản mà nói thì việc gì khác cũng hợp lí hơn là đứng chôn chân ở trước vườn rau nhà Bertuch. Nhưng em

đã nghĩ ra điều mà đến em cũng phần nào hi vọng. Nếu trong các văn phòng, trước mặt bọn thư lại hay ở chỗ khác khi nói đến lỗi lầm của gia đình em, người ta chỉ nhắc tới sự xúc phạm người đưa thư Sortini và không ai nói gì hơn. Em tự nhủ nếu công luận làm như chỉ biết đến sự xúc phạm người đưa thư thì tất cả có thể sửa chữa lại, nếu như chúng em làm lành được với người đưa thư, dù chỉ là bề ngoài. Người ta đã tuyên bố rằng không có sự trình báo nào đến, chưa có văn phòng nào nắm được sự việc, theo đó thì người đưa thư, với tư cách cá nhân, và chỉ một mình anh ta thôi có quyền tha lỗi. Tất cả đều không có ý nghĩa gì quyết định, chỉ là bề ngoài, và chỉ có thể tạo ra kết quả bề ngoài mà thôi, nhưng có lẽ nó mang lại niềm vui cho bố, và có thể phần nào làm ông hài lòng, nếu với việc đó chúng em có thể dồn vào chân tường những kẻ đã bao lần hành hạ ông bằng sự giải thích của họ. Tất nhiên, việc đầu tiên là phải tìm gặp người đưa thư. Khi em kể kế hoạch của mình cho bố nghe, lúc đầu ông đã đùng đùng nổi giận, và trở nên rất ngang bướng: một mặt ông tưởng (trong thời gian ốm đã hình thành trong ông ý nghĩ hão huyền này) rằng chúng em luôn luôn cản trở ông khi ông sắp thành công. Khởi đầu là với việc cắt viện trợ tiền, bây giờ thì giữ ông ở trong giường; mặt khác bố đã không đủ khả năng tiếp nhận những suy nghĩ của người khác. Em chưa trình bày hết thì ông đã bác luôn kế hoạch của em. Bố nghĩ rằng, cần phải tiếp tục chờ đợi ở cạnh vườn Bertuch, và chắc chắn ông không còn sức nữa để ngày nào cũng đi ra đó, nên chúng em phải đưa ông đi bằng xe đẩy. Nhưng em đã không chịu lùi, và dần dần ông cũng nguôi đi với ý nghĩ đó: chỉ còn một điều làm ông không yên, rằng trong chuyện ấy ông hoàn toàn tùy thuộc vào em, bởi vì hồi đó chỉ có em đã nhìn thấy người đưa thư, ông không quen anh ta, tất nhiên là người phục vụ nào cũng giống nhau, chính em cũng không chắc chắn rằng mình nhận được ra người đó. Thế là chúng em bắt đầu đi đến quán Ông chủ và tìm kiếm anh ta trong đám đầy tớ. Anh chàng đưa thư

đó đúng là người phục vụ của Sortini, mà Sortini không còn xuống làng nữa, nhưng các quý ông thì lại thường xuyên thay đổi những người phục vụ, cho nên hoàn toàn có thể tìm thấy anh ta trong số đầy tớ của một quý ông khác, nếu không gặp được anh ta thì có lẽ qua những người phục vụ khác chúng em cũng có thể biết được điều gì đó về anh ta. Để làm được việc đó thì tối nào chúng em cũng phải đến quán Ông chủ, không ở đâu người ta sẵn sàng đón tiếp chúng em, huống chi ở một nơi như thế: chúng em cũng không thể bước lên đó như những người khách trả tiền. Nhưng sau đó té ra ở đấy chúng em cũng có ích cho họ, anh biết đấy, Frida có bao nhiêu là chuyện rắc rối với bọn đầy tớ, về cơ bản mà nói, hầu như họ là những người hiền lành, công việc phục vụ nhẹ nhàng đã nuông chiều và làm cho họ lười biếng. "Anh hãy được như đầy tớ", có câu thành ngữ như thế trong đám viên chức. Nói đến cuộc sống dễ dàng, sung sướng, thì những người phục vụ đúng là các quý ông trong Lâu đài. Họ cũng quý trọng cuộc sống hiện tại của mình, và trong Lâu đài, họ sống theo các luật lệ của Lâu đài, cũng ứng xử điềm đạm và tử tế, điều này người ta đã làm rùm beng lên cho em rất nhiều lần, ở dưới này vẫn còn có thể nhận thấy chút ít tàn tích đó của cuộc sống đầy tớ nhưng chỉ là tàn dư, bởi vì ở trong làng những luật lệ của Lâu đài không hoàn toàn có hiệu lực đối với họ, dường như họ đã lột bỏ bản thân mình; trở thành quân man rợ, vô kỉ luật, những bản năng không thể làm thỏa mãn ngự trị lên họ thay cho luật lệ. Sự trơ tráo của họ là vô cùng: may cho làng là họ chỉ có thể rời quán Ông chủ nếu có lệnh. Nhưng ở trong quán Ông chủ người ta cần phải cố gắng để yên ổn với họ, việc này rất khó khăn đối với Frida, cô ấy rất mừng là đã có thể dùng em để làm cho bọn phục vụ yên tâm. Đã hơn hai năm rồi, hàng tuần ít ra là hai lần em ngủ với bọn phục vụ ở trong chuồng ngựa. Hồi trước, khi còn đến quán Ông chủ được, bố em đã ngủ ở đâu đấy trong quầy uống và chờ đến sáng em mang tin tức cho ông. Em đã mang rất ít tin tức cho ông. Cho đến hôm nay

chúng em vẫn không gặp người đưa thư cần gặp. hình như anh ta vẫn đang phục vụ Sortini. có lẽ anh ta đã đi theo Sortini khi ông ấy chuyển đến một văn phòng ở nơi xa nào đó. Phần đông những người phục vụ đã từ lâu cũng không nhìn thấy anh ta như chúng em, và nếu một người nào của họ có cảm giác đã nhìn thấy anh ta, thì chỉ là nhầm. Kế hoạch của em thực ra có vẻ như chịu thất bại. nhưng cũng chưa phải thất bại hoàn toàn. Đúng là chúng em đã không tìm được người đưa thư, rốt cuộc việc bố em đi đến quán Ông chủ và ngủ ở đó và có lẽ cả sự đồng cảm dành cho em nữa, nếu như ông còn khả năng đồng cảm. đã tàn phá ông. Đã hai năm rồi bố sống vất vưởng trong trạng thái mà anh đã thấy đấy. dẫu sao bố còn đỡ hơn mẹ. bà đợi cái chết từng ngày. cho đến nay mà điều đó vẫn chưa xảy ra là nhờ những nỗ lực không thể đo được của Amália. Tuy thế trong quán Ông chủ em cũng đạt được cái gì đó: một số mối quan hệ với Lâu đài. anh đừng coi thường nếu em nói là em không ân hận về việc mình đã làm. Anh có thể nghĩ bụng rằng đó không phải là mối liên kết gì to tát. Anh đúng đấy. một sự liên kết không lớn. Dù sao em cũng quen hết những người phục vụ của các quý ông mà trong hai năm vừa rồi thường đến làng. nếu có lúc nào đến được Lâu đài thì em sẽ không phải là người lạ ở đó. Tất nhiên chỉ trong làng họ mới là những người phục vụ. ở Lâu đài họ hoàn toàn là những người khác. ở đó có lẽ người ta không quen biết ai. nhất là với người nào đó mà ở trong làng họ đã từng chung sống, dù một trăm lần họ đã thề thốt ở trong chuồng ngựa rằng họ rất mừng nếu gặp lại em ở Lâu đài. Tuy nhiên em đã có kinh nghiệm là những lời hứa kiểu đó có ít ý nghĩa lắm. Nhưng điều đó không phải là quan trọng nhất. Không chỉ qua những người phục vụ mà em có được quan hệ với Lâu đài. mà còn có hi vọng rằng. đằng nào chẳng có ai ở trên ấy đang theo dõi em. và việc em làm. việc điều hành một đội ngũ đầy tớ lớn tất nhiên là cực kì quan trọng và là phần gánh nặng của công việc chính quyền; người nào đó đang theo dõi em chắc là có

nhận xét về em vừa phải hơn so với những người khác, và có lẽ ông ta cũng nhận thấy rằng mặc dù em tranh đấu một cách thảm hại thì cũng là vì gia đình, và em tiếp tục những cố gắng của bố mà thôi. Nếu người ta nhìn sự việc như vậy, có lẽ họ tha thứ cho em vì đã nhận tiền của những người phục vụ, và dành những gì nhận được cho gia đình. Em còn đạt được một cái gì đó mà tất nhiên là anh sẽ cho em là tội lỗi. Qua những người phục vụ em đã biết một đôi điều liên quan tới việc ai đó làm thế nào để có thể vào phục vụ Lâu đài bằng con đường tắt không cần thủ tục tiếp nhận công khai, khó khăn mất hàng năm. Quả thật lúc đó anh ta không phải là nhân viên, mà người ta chỉ phần nào bí mật cho anh ta đến đó, anh ta không có quyền lợi và nghĩa vụ, và tệ hại nhất là không có nghĩa vụ; nhưng tuy thế anh ta cũng có một cái gì: với việc được gần tất cả, anh ta có thể rình đón và lợi dụng những cơ hội thuận lợi; không phải là nhân viên, nhưng có thể tình cờ anh ta có việc gì đó, nếu đang lúc không có sẵn nhân viên, thì chỉ cần gọi một tiếng là anh ta có mặt ngay; chỉ một phút trước đó anh ta còn chưa là gì cả, và bây giờ đã là nhân viên. Lúc nào thì có dịp như thế? Đôi lúc ngay lập tức, khi anh ta vừa mới đến nơi chưa kịp nhìn quanh, thì đã có thời cơ, ở đây không một người mới vào nghề nào cũng đủ can đảm để chộp ngay lấy thời cơ. Lúc ấy thì lại phải mất hàng năm, lâu hơn so với thủ tục tiếp nhận, theo đúng cung cách thủ tục của nó thì người ta không thể nhận kẻ được phép đến đó một cách bất hợp pháp như vậy. Vậy là có nhiều điều để suy nghĩ; nhưng chúng không nói ra rằng khi tiếp nhận chính thức vào làm việc thì sự lựa chọn rất nghiêm ngặt, và người xuất thân từ gia đình bất kể có tiếng xấu như thế nào đều bị từ chối trước. Anh ta có thể trải qua thủ tục tiếp nhận hồ sơ, lo lắng chờ đợi kết quả hàng mấy năm trời, ngay từ ngày đầu người ta đã rất đỗi ngạc nhiên hỏi anh ta làm thế nào mà lại có thể dấn thân vào một thử nghiệm vô vọng như thế. Nhưng anh ta vẫn hi vọng, làm sao anh ta có thể sống khác cơ chứ; thế rồi sau nhiều năm tháng, có lẽ

khi đã thành bô lão, anh ta mới được biết là người ta từ chối, rằng tất cả thế là hết, anh ta đã sống vô ích. Tất nhiên ở đây cũng có những trường hợp ngoại lệ, chính vì thế mà người ta dễ dàng bị quyến rũ như vậy. Có khi rốt cuộc họ nhận những người mang tiếng xấu, có những viên chức có thể nói là bất chấp cả ý chí của mình, họ thích cái mùi hoang dã đó, trong khi kiểm tra, họ hít ngửi không khí, mồm xệ xuống, mắt trợn trừng, rõ ràng họ thấy con người như thế gợi lên một khẩu vị đặc biệt, và họ phải cố sức bám vào các bộ luật để có thể cưỡng lại việc tiếp nhận anh ta. Tuy nhiên điều ấy đôi khi cũng không dẫn đến việc người ta nhận anh chàng đó, mà chỉ làm kéo dài vô tận thủ tục tiếp nhận, nó không kết thúc mà chỉ đứt đoạn bởi cái chết của người đó. Như vậy là việc nhận người đúng quy cách cũng như là nhận không đúng quy cách đều gặp khó khăn giấu kín và công khai; trước khi người ta định đâm đầu vào những việc như thế nên cân nhắc cho kĩ càng mọi nhẽ. Trong chuyện này quả thật gia đình em đã không phạm một sơ xuất gì, kể cả Barnabás và em. Bao nhiêu lần em ở quán Ông chủ về, chúng em đều ngồi lại với nhau. Em kể cho cậu ấy nghe điều mới mẻ mà mình đã biết được, chúng em nói chuyện suốt cả ngày, Barnabás ngừng tay làm việc nhiều hơn mức cần thiết. Theo anh thì có thể ở đây em đã mắc sai lầm. Thì em biết là những câu chuyện của bọn phục vụ khó mà tin được. Em đã biết là chưa bao giờ chúng muốn kể cho em nghe về Lâu đài, chúng luôn luôn vòng vo về nơi nào khác, phải nài nỉ chúng từng lời. Nhưng tất nhiên nếu hứng lên lưỡi chúng cởi mở, chúng huyên thuyên những chuyện ngốc nghếch, huênh hoang, cố chơi trội nhau bằng những điều quá đáng và bịa đặt. Chúng thay nhau nói trong sự ầm ĩ bất tận, nơi chuồng ngựa tăm tối; chắc chắn trong trường hợp tốt nhất, thẳng hoặc trong một vài điều nhắc tới có ẩn chứa phần nào thực tế. Nhưng em đã kể lại lần lượt cho Barnabás nghe tất cả những gì mà em ghi nhớ được. Cậu ấy vẫn chưa biết phân biệt giữa sự thật và sự dối trá, nên cậu ấy

say sưa khao khát cuộc sống kia, cái cuộc sống không thể nào đạt tới nổi vì tình cảnh của gia đình chúng em. Cậu ấy như uống lấy từng lời và nồng nhiệt yêu cầu. Kế hoạch mới của em đúng là chỉ dựa vào Barnabás. Không thể đạt được điều gì hơn ở bọn phục vụ nữa. Không thể gặp người đưa thư của Sortini, có lẽ chẳng bao giờ có thể tìm ra dấu vết của y, cùng với Sortini, người đưa thư cũng ngày càng đi xa hơn vào chốn vô định. Người ta bắt đầu quên tên của Sortini, quên ông ta là người như thế nào. Em phải thường xuyên mô tả dài dòng tất cả, mà cũng chẳng đi đến đâu, hơn nữa người ta chỉ nhớ tới ông ta và người hầu một cách rất khó khăn, nên không nói được gì về họ. Về cuộc sống của em với những người phục vụ, tất nhiên em đã không đủ sức ngăn ngừa tin đồn đại, em chỉ có thể hi vọng là mọi việc được hiểu đúng như nó có, và vì thế tội lỗi của gia đình chúng em cũng được giảm đi tí chút gì đó, nhưng em đã không nhận được dấu hiệu gì rõ ràng về điều đó. Em vẫn tiếp tục sống như vậy, mà không thấy khả năng nào khác để đạt được cái gì đó ở trong Lâu đài cho gia đình. Em nhìn thấy một khả năng như thế chỉ dành cho Barnabás. Từ các câu chuyện của những người phục vụ, nếu em muốn, có thể rút ra kết luận rằng ai mà được người ta nhận vào phục vụ ở Lâu đài thì người đó có thể làm được rất nhiều cho gia đình mình. Tất nhiên vấn đề là cái gì đáng tin cậy trong những câu chuyện đó của họ. Không thể xác định được, tuy vậy chắc chắn là có rất ít. Ví dụ nếu có một người phục vụ mà em sẽ không bao giờ còn được thấy nữa hoặc giả nếu nhìn thấy em cũng khó nhận ra, hắn ta hứa một cách trịnh trọng rằng hắn giúp em em có việc làm ở Lâu đài, hay chí ít thì hắn cũng ủng hộ, tức là hắn làm cho Barnabás tươi tỉnh lên với việc giúp cậu ấy vào được Lâu đài bằng con đường nào đó. Vì theo những lời kể của những người phục vụ thì có trường hợp trong khi chờ đợi lâu, những người nộp đơn xin việc bị ngất, hoặc họ quẫn trí mà chết, nếu như bạn bè không quan tâm tới họ. Khi họ kể những chuyện như thế và nhiều chuyện khác,

lưu ý em, thì những điều phòng ngừa của họ là hoàn toàn có cơ sở. còn những điều họ hứa đều hoàn toàn trống rỗng... Nhưng thái độ Barnabás về những lời hứa ấy lại khác, dù em đã ngăn ngừa cậu ấy đừng tin những lời hứa hão. nhưng chỉ với việc kể những điều đó cho cậu ấy nghe đã đủ cho cậu ấy say sưa với các kế hoạch của em. Điều mà em gửi gắm ở Barnabás ít tác động tới cậu ấy. mà chủ yếu những chuyện của những người phục vụ đã tác động đến cậu ấy. Như vậy sau đó về thực chất em hoàn toàn chỉ dựa vào bản thân mình; ngoài Amália ra, không ai có thể nói chuyện được với bố mẹ. Em càng cương quyết thực hiện những kế hoạch cũ của bố theo cách của mình. thì Amália càng xa lánh em hơn. Trước mặt anh hoặc người khác, cô ấy còn nói chuyện với em, nhưng giữa hai chị em thì không bao giờ. Ở quán Ông chủ em chỉ là đồ chơi của những người phục vụ mà họ đã điên cuồng cố đập cho vỡ đi, nhưng suốt hai năm trời. chẳng ai trong số chúng nói cho một lời dù là rẻ mạt. Em đã không nghe điều gì khác ở họ ngoài những điều giảo quyệt, dối trá và vớ vẩn, như thế em không còn ai ngoài Barnabás. mà cậu ấy thì còn rất trẻ. Trong khi kể chuyện cho cậu ấy, thấy ánh rạng rỡ vẫn bừng lên trong mắt nó, từ dạo ấy em đã khiếp sợ; nhưng vẫn không ngừng nói. bởi vụ cá cược là quá lớn. Tất nhiên em đã không có được những kế hoạch to tát, mà trống rỗng của bố. trong em không có lòng quyết tâm của đàn ông. em chỉ muốn làm sao chuộc lại được lỗi đã xúc phạm người đưa thư, và nghĩ là sự khiêm nhường đó đã là công lao của mình. Và cái mà tự mình không thể làm nổi. giờ đây thông qua Barnabás em muốn đạt được bằng cách khác, một cách chắc chắn hơn. Chúng em đã xúc phạm một người đưa thư. đã gây trở ngại cho anh ta ở các văn phòng gần cận. vậy có gì hiển nhiên hơn là đề nghị Barnabás được làm người đưa thư mới, để cậu ấy làm công việc của người đưa thư đã bị xúc phạm. Bằng cách đó. có thể tạo điều kiện cho người đưa thư bị xúc phạm được yên ổn ở nơi xa xôi cho đến khi nào mà anh ta muốn, với thời

gian cần thiết để quên đi sự xúc phạm. Em đã nhận thấy rằng, cho dù kế hoạch của em đơn giản như thế nào thì vẫn có trong đó một sự thiếu khiêm tốn nào đó, nó có thể gây ấn tượng là dường như chúng em đòi hỏi chính quyền phải giải quyết như thế nào những vấn đề tiếp nhận nhân viên, hoặc như thể chúng em nghi ngờ việc chính quyền tự mình có tìm ra được giải pháp tốt nhất hay không. Mà có thể, chính quyền đã tìm được giải pháp từ lâu, trước khi chúng em nghĩ ra rằng có thể làm được cái gì ở đây. Thế rồi sau đó em nghĩ không thể có chuyện chính quyền hiểu nhầm đến mức đó, hoặc nếu việc đó vẫn xảy ra là do họ cố ý hiểu nhầm, tức là họ bác bỏ trước việc em làm, mà không có sự xem xét kĩ lưỡng. Tóm lại là em đã không bỏ cuộc, và tính hiếu danh của Barnabás cũng đã làm nốt phần việc. Trong thời gian chuẩn bị đó, Barnabás tự cao tự đại đến mức, như một nhân viên văn phòng tương lai, cậu ấy cho rằng công việc của người thợ đóng giày là quá bẩn đối với mình, thậm chí còn dám cãi lại Amália mà cãi rất hăng nếu thảng hoặc cô ấy, có thể nói là rất ít khi, nói vài lời với cậu ấy. Thật ra em cũng chẳng cản trở niềm vui ngắn ngủi đó của cậu ấy, bởi vì, như đã có thể nhìn thấy trước ngay ngày đầu tiên cậu ấy lên Lâu đài, thì cùng một lúc đã chấm hết niềm vui và sự ngạo mạn. Bắt đầu công việc phục vụ như là thật mà em đã kể cho anh nghe. Cũng lạ lùng là lần đầu tiên mà Barnabás đã vào được Lâu đài dễ dàng làm sao, nói chính xác, cậu ấy vào cái văn phòng gần như là nơi làm việc của mình. Thành công này gần như đã làm em phát điên lên; buổi tối, khi Barnabás trở về, nói thầm cho em, em đã lao đến Amália, nắm lấy cô ấy, kéo vào góc nhà và bắt đầu hôn, em còn cắn cô ấy, làm cho cô ấy khóc thét lên vì đau và hoảng sợ. Trong niềm xúc động lớn, em không biết nói gì với cô ấy, vả lại đã lâu rồi chúng em không nói chuyện với nhau. Em đã trì hoãn việc đó đến sáng hôm sau, nhưng trong những ngày tiếp theo tất nhiên đã không có gì để nói nữa. Mọi việc đã dừng lại ở thành công nhanh chóng này. Hai năm liền

Barnabás đã trải qua cuộc sống đơn điệu, nặng nề đó. Bọn phục vụ chẳng chịu làm gì cả, em đã đưa thư cho Barnabás, trong đó em muốn họ lưu ý đến Barnabás, đồng thời nhắc nhở họ nhớ tới lời hứa. Còn Barnabás gặp người phục vụ nào cậu ấy cũng lấy thư chìa ra cho anh ta: thẳng hoặc cậu ấy gặp phải người phục vụ không biết em, hoặc làm bực mình một người quen nào đó vì kiểu chìa lá thư về phía anh ta mà không nói (bởi vì ở trên đó cậu ấy không dám nói); tuy vậy thật là nhục nhã vì đã không có ai giúp đỡ cậu ấy, và cũng là sự giải thoát, đáng lẽ, chúng em tự giải thoát mình bằng cách như vậy, khi một người phục vụ mà chắc là đã nhiều lần bị Barnabás gây phiền toái, cầm lá thư vò nát và ném vào sọt đựng giấy loại. Em nghĩ có lẽ anh ta đã có thể nói thêm: "Các anh tự mình chắc cũng xử sự với thư từ như vậy!" Nhưng thời gian đó dù không mang lại kết quả như thế nào đi chăng nữa thì nó cũng ảnh hưởng tốt đến Barnabás, nếu có thể gọi là có lợi việc cậu ấy đã già hơn so với tuổi và đã trở thành đàn ông trước thời gian: vâng, về nhiều mặt cậu ấy đã trở nên đứng đắn và thận trọng hơn so với tuổi tác. Em buồn không phải một lần, nếu nhìn và so sánh cậu ấy với chàng trai cách đây chỉ mới hai năm. Trong khi đó em không có được niềm an ủi và chỗ dựa mà có lẽ như một người đàn ông, cậu ấy có thể cho. Nếu không có em, cậu ấy chắc gì đã vào được Lâu đài, nhưng từ khi ở đó cậu ấy không còn phụ thuộc vào em nữa. Em là người đáng tin cậy duy nhất của cậu ấy, thế mà rõ ràng là cậu ấy chỉ mới nói với em một phần nhỏ điều đang dạy dứt tâm hồn mình. Cậu ấy kể nhiều chuyện về Lâu đài, nhưng từ những câu chuyện, những chi tiết mà cậu ấy kể không thể nào hiểu được là hoàn cảnh này làm thế nào mà có thể thay đổi cậu ấy nhường đó. Đặc biệt không thể hiểu được làm sao bây giờ ở trên đó như một người đàn ông cậu ấy lại có thể để mất đi hoàn toàn sự can đảm mà thuở thiếu thời cậu ấy đã từng làm cho chúng em điên đảo. Tất nhiên, sự ngừng trệ vô ích, sự chờ đợi bất tận, ngày này qua ngày khác không có một chút hi

vọng nhỏ nhất về một sự thay đổi cũng đã bẻ gãy con người, làm cho anh ta rụt rè và trước sau cũng trở nên không có khả năng với những việc khác, ngoài sự dẫm chân tại chỗ đầy vô vọng. Nhưng tại sao ngay từ đầu cậu ấy không kháng cự gì cả? Có lẽ Barnabás đã nhanh chóng nhận ra là em nói đúng, và ở trên đó cũng không thể có sự thỏa mãn cho lòng kiêu ngạo, mặc dù, rất có thể cậu ấy may ra cải thiện lại tình cảnh của gia đình. Bởi vì ở đó, ngoài tính nết thất thường của những người phục vụ, mọi việc đều diễn ra khiêm nhường, tính hiếu danh tìm sự thỏa mãn trong công việc; bởi vì trong khi chỉ có công việc là quan trọng nhất, thì lòng kiêu ngạo hầu như bị chìm đi; ở đó không có chỗ cho những mong muốn ngây ngô. Nhưng mà như Barnabás kể thì cậu ấy nhận thấy rõ quyền lực và sự thông tuệ lớn lao ngay cả ở những viên chức không quan trọng lắm, ở những người mà cậu ấy được phép ra vào phòng họ. Nào là họ mắt nửa nhắm nửa mở, tay vung vẩy nhanh chóng ra lệnh ra sao, họ chỉ bằng cách động đậy một ngón tay, không cần nói một lời là đủ xử lí bọn phục vụ cáu bẩn, còn chúng vào những phút ấy, thì thở phì phì, mà vẫn cười hạnh phúc; nào là việc một viên chức tìm được một chỗ quan trọng trong quyển sách, liền đập tay xuống trang giấy, những người khác thấy thế liền túm lại, nào là chỗ chật hẹp cho phép họ nghiêng ngó, vươn cổ ra: từ những cảnh như thế, Barnabás đã tạo cho mình ý niệm rất cao cả về những người đó, và cậu ấy tưởng tượng rằng, nếu lúc nào cậu ấy làm cho người ta thấy mình, và có thể trao đổi được vài lời với họ, không phải như người lạ, mà là như người đồng nghiệp cùng công sở, dù là người cấp dưới cũng thế, thì cậu ấy có thể làm được nhiều vô kể cho gia đình. Cho đến nay, tạm thời cậu ấy chưa đạt được điều đó, và cũng không dám đánh liều làm những việc có thể đưa mình tới gần mục đích hơn, dù cậu ấy biết rõ rằng do hoàn cảnh không may mắn, trách nhiệm nặng nề của người chủ gia đình cũng đã đổ lên đầu cậu ấy. Cuối cùng em phải kể cho anh nghe cái gì đã xảy ra mới đây: anh

đến được một tuần rồi. Em đã nghe ở quán Ông chủ, ai đó nhắc tới việc có một người đạc điền đến đây, nhưng em không để ý, cũng không biết người đạc điền là ai. Nhưng tối ngày hôm sau thì Barnabás trở về sớm hơn mọi khi, em vẫn thường đi đón cậu ấy vào một giờ nhất định, thấy Amália đang ở trong phòng, cậu ấy kéo em ra ngoài đường, gục vào vai em khóc mấy phút liền. Cậu ấy lại là cậu bé năm xưa. Cậu ấy đã gặp chuyện gì đó mà chưa đủ trưởng thành để hiểu nó. Như thể bất ngờ một thế giới hoàn toàn mới mở ra trước mắt cậu ấy, và cậu ấy không làm chủ nổi những mối quan tâm đầy hạnh phúc của cái thế giới mới mẻ đó. Vậy mà có cái gì khác xảy ra với cậu ấy đâu, người ta chỉ giao một bức thư để cậu ấy chuyển đến tay anh thôi. Có điều đây là lá thư đầu tiên, là công việc đầu tiên mà cậu ấy nhận được.

Olga không nói nữa. Yên lặng, chỉ còn nghe thấy tiếng thở nặng nề, thỉnh thoảng khò khè của bố mẹ. K. nói vẻ trịch thượng như để tổng kết vào câu chuyện của Olga:

- Các người giả nhân, giả nghĩa trước mặt tôi. Barnabás đã đưa lá thư cho tôi như một người đưa thư sành sỏi, rất chi là bận rộn; và thế đấy, còn cô và Amália, cả cô ấy và cô, dường như cũng cùng một giuộc với nhau; các người làm như là việc đưa thư và các lá thư chỉ là chuyện thứ yếu không bằng.

- Anh cần phải có sự phân biệt giữa chúng em, - Olga nói. - Nhờ hai lá thư đó mà Barnabás lại là đứa trẻ hạnh phúc, cho dù từ bấy đến giờ cậu ấy vẫn nghi ngờ công việc của mình. Nhưng sự nghi ngờ này cậu ấy chỉ nói với em mà thôi; đối diện với anh, cậu ấy muốn xuất hiện theo đúng cách thức của một người đưa thư thực sự, như những người đưa thư thực sự vẫn ứng xử, theo tưởng tượng của cậu ấy. Ví dụ như bây giờ, mặc dù cậu ấy hi vọng được nhận quần áo phục vụ, em phải mất hai tiếng đồng hồ để may lại quần cậu ấy, để chí ít thì nó cũng có vẻ giống cái quần phục vụ bó sát người, để cậu ấy có thể ra vẻ ta đây với anh, bởi vì về mặt này tất nhiên có thể dễ lừa được anh. Sự việc với Barnabás là như vậy. Nhưng Amália quả thật

không coi nghề đưa thư là gì cả, và bây giờ, khi Barnabás đã đạt thành công gì đó, cô ấy dễ dàng đoán ra được qua nét mặt em cũng như Barnabás, khi chúng em ngồi thì thầm với nhau; bây giờ thì cô ấy còn coi khinh Barnabás hơn từ trước đến nay. Nghĩa là cô ấy nói đúng đấy, anh đừng nhầm lẫn, và ở đây chẳng cần phải nghi ngờ. Về em, anh K. ạ, nếu thẳng hoặc em có nói về nghề đưa thư một cách thoá mạ thì không phải là để lừa dối anh, mà là vì lo sợ. Hai lá thư đã qua tay Barnabás, đó là dấu hiệu đầu tiên và dù hết sức mơ hồ, mà gia đình chúng em nhận được sau ba năm nay chỉ ra rằng người ta đã thương hại chúng em. Bước ngoặt này, nếu đúng là bước ngoặt, chứ không phải là sự nhầm lẫn... - sự nhầm lẫn luôn nhiều hơn là bước ngoặt... - có liên quan đến việc anh xuất hiện, số phận chúng em dường như phần nào đã tùy thuộc vào anh. Hai lá thư đó có lẽ chỉ là bước đầu, và hoạt động của Barnabás biết đâu còn vượt quá việc đưa thư, phục vụ một mình anh, đây là tất cả hi vọng của chúng em, chừng nào còn được hi vọng; nhưng tạm thời thì tất cả chỉ tập trung vào một mình anh. Ở trên đó chúng em cần phải bằng lòng với cái mà người ta cho, còn dưới này thì có lẽ bản thân chúng em cũng có thể làm được cái gì đó, nghĩa là chúng em có thể giữ gìn thiện chí của anh, hoặc ít ra thì chúng em có thể ngăn ngừa không để anh có ác cảm đối với gia đình em; hay điều quan trọng nhất là chúng em có thể giúp đỡ anh bằng tất cả sức lực và kinh nghiệm của mình để mối quan hệ của anh với Lâu đài, mối quan hệ có thể đưa chúng em trở lại với cuộc sống, khỏi mất đi một cách phí hoài. Cách gì là tốt nhất để làm việc này? Bằng cách là nếu chúng em gần gũi anh, anh đừng nghi ngờ chúng em, bởi vì ở đây anh là người lạ, và do đó lòng anh đầy nghi kị đối với tất cả, cố nhiên đó là sự nghi kị chính đáng. Hơn nữa người ta khinh bỉ chúng em, mà dư luận thì tác động đến anh, nhất là qua vợ chưa cưới của anh; làm thế nào để chúng em có thể lại gần anh mà, chẳng hạn, không làm mất lòng vợ chưa cưới của anh, dù việc đó hoàn toàn nằm ngoài ý định của chúng em, để

không xúc phạm đến anh? Những tin tức mà em đã đọc một cách chính xác trước khi đến tay anh (Barnabás không đọc, như một người đưa thư, cậu ấy không được phép), thoạt tiên chúng không có vẻ quan trọng gì đặc biệt, mà xem ra đã lỗi thời, bản thân các thông tin đã làm giảm ý nghĩa của chúng nếu như người ta chỉ thị cho anh đến thượng cấp. Còn bây giờ, chúng em phải tỏ thái độ như thế nào đối với anh về mặt đó? Nếu nhấn mạnh tầm quan trọng của các tin tức thì chúng em bị nghi ngờ rằng chúng em chỉ lo thực hiện mục đích riêng của mình chứ không phải của anh. Khi chúng em quá coi trọng, và như những người chuyển tin, trước mặt anh chúng em đánh giá cao cái rõ ràng là không đáng kể, thì bằng việc đó chúng em có thể coi thường bản thân các tin tức, và như vậy, rõ ràng chúng em đã có thể lừa anh, trái với ý muốn của mình. Ngược lại, nếu không cho những lá thư là quan trọng thì chúng em cũng bị nghi ngờ như vậy mà thôi, bởi vì tại sao chúng em vẫn làm cái việc chuyển các lá thư không đáng kể đó; tại sao có sự mâu thuẫn giữa lời nói và việc làm của chúng em; tại sao chúng em đã lừa gạt không chỉ anh, là người nhận, mà cả những người đã ủy nhiệm của mình; chắc chắn họ không giao những lá thư để chúng em bằng những nhận xét của mình làm mất uy tín của họ nơi người nhận. Và giữa những điều quá đáng, tìm được con đường trung gian, tức là nhận xét một cách đúng đắn các lá thư là không thể được, bởi vì giá trị của chúng thường xuyên thay đổi, cùng một lúc chúng cho lí do để cân nhắc vô số việc; con người ta dừng lại ở việc nào là hoàn toàn do tình cờ, mà như vậy thì ý kiến cũng chỉ ngẫu nhiên mà thôi. Và nếu ở đây lại còn vì anh nữa thì mọi thứ sẽ lẫn lộn hết, nhưng xin anh đừng xét đoán những lời em nói một cách quá nghiêm khắc. Ví dụ Barnabás đã có lần trở về với tin là anh không hài lòng với công việc đưa thư của cậu ấy, do sợ hãi và, rất tiếc, do lòng tự trọng bị xúc phạm, cậu ấy đề nghị từ bỏ công việc đó. Lúc ấy, để sửa chữa lỗi lầm, em đã sẵn sàng lừa đảo, dối trá loè bịp, và làm mọi chuyện xấu xa để có thể giúp được mình. Nhưng lúc đó,

theo như em nghĩ, thì em làm không chỉ vì lợi ích của chúng em mà còn vì lợi ích của anh nữa.

*

Có người gõ cửa, và Olga ra mở cửa. Chiếc đèn pin bỏ túi hắt vạch sáng vào bóng tối. Người đến thăm muộn thì thầm hỏi điều gì đó, và nhận được câu trả lời cũng thì thầm, nhưng người đó không vừa lòng, bằng mọi giá y muốn len vào phòng. Một mình Olga không giữ được y, cô gọi Amália, chắc chắn với hi vọng để bảo vệ giấc ngủ của bố mẹ, Amália có thể làm tất cả những gì có thể làm được để đuổi người đến thăm. Quả thật cô ấy đã vội đến đó, đẩy Olga sang một bên bước ra ngoài ngõ, đóng cánh cửa phía sau lại. Chỉ phút chốc cô đã quay về, cô giải quyết nhanh chóng như thế cái việc mà Olga không thể giải quyết nổi.

K. được Olga cho biết rằng vị khách vừa đến là một phụ tá của chàng được Frida giao cho đi tìm kiếm chàng. Olga muốn bảo vệ K. trước tên phụ tá; nếu rồi đây chàng thú thật với Frida là đã ở chỗ họ, thì cứ việc làm, dù sao thì cũng đừng để tên phụ tá nhìn thấy chàng ở đây. K. tán thành việc đó. Nhưng K. đã khước từ đề nghị của Olga là chàng hãy ngủ lại đó và đợi Barnabás. Nếu chỉ có như thế, thì có lẽ chàng đã chấp thuận rồi, bởi vì đêm đã khuya, và chàng nghĩ bây giờ dù muốn hay không, chàng đã gắn bó chặt chẽ với gia đình này; dù rằng nghỉ lại ở chỗ họ thật sự không đủ tiện nghi, nhưng xét đến mối quan hệ của họ thì khắp làng không thể tìm được một chỗ nghỉ nào tốt hơn thế. Thế mà chàng vẫn khước từ, bởi vì sự xuất hiện của tên phụ tá làm cho chàng lo sợ. Chàng không sao hiểu nổi rằng Frida, người biết được ý chí của chàng, và bọn phụ tá, những người đã quen việc sợ chàng, lại có được sự nhất trí như thế. Đến mức Frida đã không e ngại bảo một trong những tên phụ tá đi tìm chàng, mà lại chỉ một tên thôi, trong khi đó chắc

chắn tên kia ở lại chỗ cô. Chàng hỏi Olga có roi da không, không có roi da, chỉ có một cành liễu vừa khéo. K. cầm cành cây, sau đó chàng hỏi có lối đi khác ra khỏi nhà không. Có một lối đi qua sân, chỉ phải trèo qua hàng rào của vườn hàng xóm, rồi băng qua vườn, và như vậy là ra đến đường. K. đã chọn con đường đó. Theo sự dẫn đường của Olga, đi qua sân đến hàng rào, K. cố gắng làm dịu bớt những lo lắng của cô gái, chàng tuyên bố rằng mình không hề phật ý vì trong các chuyện cô kể đây đó vẫn có ít nhiều mánh khóe, mà ngược lại, chàng rất hiểu cô, cảm ơn sự tin cậy của cô đối với chàng mà bằng chứng là câu chuyện cô đã kể; và chàng dặn cô là khi Barnabás về, cô hãy bảo anh ta đến trường học ngay lập tức, cho dù là lúc nửa đêm đi nữa. Không phải những tin tức mà Barnabás mang đến là niềm hi vọng duy nhất đối với chàng, bởi nếu như thế thì từ lâu chàng đã phải vất vả, nhưng chàng không muốn từ bỏ chúng, chàng muốn thích nghi với chúng, trong khi đó chàng cũng không quên Olga, bởi vì đối với chàng gần như Olga với lòng dũng cảm, tính thận trọng, sự thông thái, và đức hi sinh vì gia đình của cô ấy, còn quan trọng hơn cả mọi tin tức. Nếu cần phải lựa chọn giữa Amália và Olga thì một phút chàng cũng không do dự. Chàng nắm chặt tay cô thân thiết, trước khi nhảy qua hàng rào của vườn nhà hàng xóm.

CHƯƠNG XVI

Khi đã ở ngoài đường, chàng thấy, trong chừng mực bóng đêm ảm đạm cho phép, ở nơi cao hơn, trước nhà Barnabás tên phụ tá vẫn còn đi lên đi xuống, thỉnh thoảng hắn dừng lại và

thử chiếu sáng vào phòng qua cửa sổ có phủ rèm. K. gọi hắn, tên phụ tá không hoảng hốt, mà chỉ ngừng việc nhòm ngó, hắn tiến về phía K.

- Anh tìm ai? - K. hỏi và quất quất nhánh liễu vào chân mình xem có dễ uốn không.

- Tìm ông, - tên phụ tá trả lời trong khi đang tiến lại gần.

- Thật ra anh là ai vậy? - K. đột ngột hỏi bởi vì dường như hắn không phải là tên phụ tá của chàng. Trông hắn già, mệt mỏi và nhiều nếp nhăn hơn, đồng thời mặt hắn đầy đặn hơn, và dáng đi của hắn hoàn toàn khác so với sự chuyển động nhanh nhẹn của bọn phụ tá, chúng nó bước đi như thể có dòng điện làm hoạt động các khớp xương vậy, còn tên này thì lại lê bước một cách chậm chạp, hơi tập tễnh, ra vẻ thư giãn chững chạc.

- Ông không nhận ra tôi sao? - hắn hỏi, - tôi là Jeremiás, phụ tá trưởng của ông.

- Vậy hả, - K. nói và lôi nhành liễu vừa giấu sau lưng, - nhưng cậu hoàn toàn khác.

- Bởi vì chỉ có một mình tôi, - Jeremiás nói. - Nếu một mình thì sự trẻ trung vui vẻ cũng biến mất.

- Thế Artúr đâu rồi? - K. hỏi.

- Artúr ư? - Jeremiás hỏi, - cậu bé yêu quý của chúng ta ấy à? Cậu ấy đã bỏ việc rồi. Ông đã quá thô lỗ và khắt khe đối với chúng tôi. Tâm hồn tinh tế của cậu ấy không chịu nổi. Cậu ấy đã trở về Lâu đài để tố cáo ông.

- Còn anh? - K. hỏi.

- Tôi có thể ở lại, - Jeremiás nói, - Artúr cũng thay mặt tôi để tố cáo ông.

- Nhưng các anh tố cáo vì chuyện gì mới được chứ? - K. hỏi.

- Vì... - Jeremiás trả lời. - Ông không hiểu chuyện đùa. Chúng tôi đã làm gì kia chứ? Chúng tôi đùa một tí, cười một tí, trêu chọc vợ chưa cưới của ông một tí mà thôi. Vả lại, chúng tôi làm những việc đó theo sự chỉ bảo. Khi mà Galater cử chúng tôi đến với anh...

- Galater à? - K. hỏi.

- Vâng, Galater, - Jeremiás nói, - lúc đó ông ấy vừa thay Klamm. Khi cử chúng tôi đến với ông, ông ấy bảo, - tôi đã ghi nhớ, vì chúng tôi được cử đến vì chuyện đó: Các anh đi xuống làm phụ tá cho ngài đạc điền. Chúng tôi nói: nhưng chúng tôi không hiểu gì về công việc này cả! Ông ấy bảo: điều đó không quan trọng, nếu cần thiết thì anh ta sẽ dạy cho các anh; điều quan trọng nhất là các anh hãy làm cho anh ta vui vẻ lên một tí, tôi nghe nói là anh ta rất bận tâm đến mọi việc. Anh ta vừa mới đến làng, và lập tức cho rằng việc đó là sự kiện trọng đại, thế nhưng thực ra thì tất cả chẳng là gì cả. Các anh cần phải làm cho anh ta hiểu điều đó.

- Này, - K. hỏi, - Galater nói đúng, và các anh đã thực hiện nhiệm vụ của mình chứ?

- Tôi không biết, - Jeremiás trả lời. - Trong một thời gian ngắn như thế này hẳn là không thể được. Tôi chỉ biết rằng ông rất thô lỗ và vì thế mà chúng tôi tố cáo. Nếu ông cũng là nhân viên, và hơn nữa lại không phải là nhân viên của Lâu đài, tại sao ông không hiểu rằng công việc đó là rất nặng nề, và việc làm khó khăn cho công việc người phụ tá một cách ngang bướng, gần như ấu trĩ như ông đã làm với chúng tôi là điều rất không đúng. Ông đã buộc chúng tôi rét cóng ở bên hàng rào một cách nhẫn tâm làm sao; và chẳng phải suýt nữa ông đã đấm chết Artúr trên tấm đệm đó sao? Cậu ấy là con người, suốt ngày đau lòng chỉ vì một lời ác độc; chẳng phải ông cũng xua tôi suốt cả buổi chiều đi đi lại lại trong tuyết đó sao phải mất cả tiếng mà tôi vẫn không lấy hơi lại nổi! Nghĩ cho cùng thì tôi cũng không còn trẻ nữa!

- Jeremiás thân mến ạ, - K. nói, - trong tất cả những điều đó anh đều đúng, anh cứ việc mà trình bày với Galater - Tôi không xin ông ấy cử các anh đến với tôi, mà tự ý ông ấy cử các anh xuống. Và nếu tôi đã không yêu cầu các anh thì tôi cũng có thể gửi trả lại các anh, lẽ ra tôi sẵn sàng làm việc đó một cách êm thấm hơn là bằng vũ lực, nhưng rõ ràng các anh

không muốn như vậy. Tuy nhiên khi các anh mới đến với tôi, tại sao anh đã không nói trắng ra như bây giờ.

- Bởi vì lúc đó tôi đang làm nhiệm vụ, - Jeremiás nói. - Điều đó tự nó đã rõ.

- Thế bây giờ anh không làm nhiệm vụ à? - K. hỏi.

- Bây giờ thì không, - Jeremiás trả lời, - ở Lâu đài Artúr đã xin thôi việc, hoặc chí ít thì cũng đang tiến hành thủ tục giải phóng chúng tôi khỏi công việc này.

- Thế mà anh tìm tôi như thể đang còn làm nhiệm vụ vậy, - K. nói.

- Không. - Jeremiás nói, - tôi tìm ông là để làm cho Frida yên tâm. Khi ông bỏ chị ấy ở đó vì chị gái của Barnabás, chị ấy rất bất hạnh, không hẳn vì sự mất mát, mà chủ yếu vì sự phản bội của ông. Tuy nhiên, từ lâu chị ấy đã nhìn thấy trước sự việc, và đã chịu đựng nhiều vì nó. Một lần tôi đến bên cửa sổ trường học để nhìn, có thể cuối cùng ông đã tỉnh ra chăng? Lúc ấy ông không có trong đó, chỉ có Frida ngồi trong phòng, trên một chiếc ghế và đang khóc. Thấy thế, tôi đi đến với chị ấy, và chúng tôi đã thỏa thuận với nhau. Mọi việc đã hoàn tất. Bây giờ tôi làm hầu phòng ở trong quán Ông chủ, Frida lại làm việc ở quầy uống. Như vậy tốt hơn cho Frida. Phải làm vợ ông, đối với chị ấy việc đó chẳng có ý nghĩa gì cả. Vả lại ông cũng không biết quý trọng sự hi sinh mà chị ấy muốn dành cho ông. Vậy mà tâm hồn cao đẹp đó vẫn luôn có những lo lắng, nhỡ ra có sự bất công xảy ra với ông, rằng biết đâu ông không có ở đằng nhà Barnabás. Tuy rằng chẳng có sự nghi ngờ gì về việc ông đã ở đâu, thế nhưng tôi vẫn cứ lên đường để dứt khoát xác định việc đó; bởi vì sau ngần ấy sự lo âu, cuối cùng, Frida thật xứng đáng được ngủ một lần thanh thản, mà tôi cũng thế! Vậy là tôi đã đến, và không chỉ gặp ông, mà thêm vào đó tôi đã có thể thấy các cô gái bám theo ông như thế nào, dường như ông kéo họ bằng sợi dây vậy. Nhất là cái cô đen đúa đang mê mệt vì ông, đây là con mèo hoang thật sự. Ừ, thì mỗi người có một khẩu vị riêng. Dù sao thì ông cũng

không cần phải vòng qua vườn nhà bên cạnh. ở đây tôi biết hết ngõ ngách.

Vậy là đã xảy ra điều có thể thấy từ trước mà không thể cản lại được. Frida đã bỏ chàng. Thảy những điều đó chưa phải đã dứt điểm. sự việc chưa đến nỗi tồi tệ như vậy. Có thể giành lại Frida. cô ấy đã dễ dàng bị những người lạ can thiệp. đặc biệt là sự can thiệp của những tên phụ tá này. Chúng nghĩ rằng tình cảnh của Frida cũng như của chúng. và bây giờ chúng đã bỏ việc thì chúng cũng thuyết phục Frida làm theo. Nhưng lúc này K. chỉ cần đứng bên cô, chỉ cần làm cô ấy nhớ lại tất cả những gì vẫn có lợi cho chàng, thì Frida sẽ ăn năn hối lỗi và lại là của chàng: nhất là chàng có thể biện hộ cho cuộc viếng thăm ở nhà các cô gái bằng thành công gì đó mà nhờ họ mới có thể có được. Nhưng dù cố gắng tự an ủi mình bằng những tính toán như thế nào đi nữa về chuyện Frida. thì chàng cũng không hề yên tâm được. Vừa nãy, trước mặt Olga chàng còn khoe về Frida, chàng đã nói cô là chỗ dựa duy nhất của mình. Cô ấy đâu phải là chỗ dựa vững chắc nhất, để cướp Frida khỏi tay K., không cần đến sự can thiệp của một thế lực nào đó. chỉ cần tên phụ tá không mấy hấp dẫn, cái cục thịt mà thỉnh thoảng cứ như thể không có sinh khí này là đủ.

Jeremiás đã định đi; K. gọi lại:

- Jeremiás. - chàng nói. - tôi muốn nói chuyện một cách cởi mở với anh. anh cũng phải trả lời trung thực câu hỏi của tôi. Chúng ta không còn đối với nhau như chủ và tớ, điều này không chỉ anh mừng mà tôi cũng thế. Cho nên chúng ta không có lí do gì để đánh lừa nhau. Ở đây. trước mắt anh tôi bẻ cái roi này đi. cái roi tôi đã định dành để quật vào lưng anh đấy. bởi vì không phải tôi vòng qua vườn là do sợ anh, mà là để làm anh bị bất ngờ và vuốt ve anh vài lần bằng cái roi này. Nào. bây giờ anh đừng giận tôi nữa, chúng ta bỏ qua đi. Nếu văn phòng không buộc anh vào cổ tôi. làm phụ tá của tôi, mà chúng ta chỉ đơn giản là những người quen biết nhau. thì tôi tin chắc rằng chúng ta đã đối xử với nhau rất tốt. cho dù bề

ngoài của anh đôi khi cũng làm tôi điên tiết. Nhưng bây giờ chúng ta có thể bù đắp lại cái đã bỏ qua trên lĩnh vực này.

- Ông tin vậy sao? - tên phụ tá hỏi, và vừa ngáp vừa dụi lên đôi mắt đã mệt mỏi. - Tôi có thể giải thích sự việc nhiều hơn cho ông nhưng tôi không có thời gian, tôi cần phải quay về với Frida, cô bé ấy đang đợi tôi, cô ấy vẫn chưa làm việc. Cô ấy muốn lao mình vào công việc ngay lập tức, chắc chắn là để quên ông cho dễ hơn, nhưng tôi đã thuyết phục được người chủ quán cho cô ấy nghỉ một thời gian để cô ấy bình tĩnh lại. Chúng tôi muốn ít ra cũng được sống với nhau trong khoảng thời gian ít ỏi đó. Về đề nghị của ông thì hiển nhiên tôi không có lí do gì phải lừa gạt ông, nhưng lại càng ít cơ sở hơn để tin cậy. Ở tôi, đúng là sự việc có khác so với ông. Khi tôi còn phục vụ ông thì tất nhiên ông là người rất quan trọng đối với tôi, không phải do những tính cách của ông mà là do nhiệm vụ của tôi. Vì ông, tôi đã sẵn sàng làm tất cả những gì ông muốn. Nhưng bây giờ thì ông hoàn toàn xa lạ đối với tôi. Việc ông bẻ gãy cái roi cũng chẳng tác động đến tôi, việc đó chỉ làm tôi nhớ là mình đã có một ông chủ thô bạo như thế nào, nhưng cách xử sự như vậy lại không thể làm tôi có cảm tình với ông.

- Anh nói năng với tôi, - K. nói, - như thể anh chắc chắn rằng sẽ không bao giờ phải sợ gì tôi nữa ấy. Vậy mà tình thế không hoàn toàn như vậy. Trước mắt có lẽ anh cũng chưa hoàn toàn độc lập với tôi, những việc như thế người ta không giải quyết nhanh chóng đâu...

- Thỉnh thoảng người ta còn giải quyết nhanh hơn thế, - Jeremiás nói chen vào.

- Thỉnh thoảng thôi, - K. nói, - nhưng chưa có dấu hiệu gì chứng tỏ việc đó đã xảy ra như vậy, chí ít thì trước mắt, trong tay chúng ta chưa có quyết định bằng văn bản, cả tôi và anh đều không có. Tức là thủ tục chỉ vừa mới được tiến hành và tôi chưa hề can thiệp vào bằng các mối quan hệ của mình nhưng chắc chắn tôi sẽ can thiệp. Nếu sự việc bất lợi đối với anh, dù sao anh cũng đã không làm gì nhiều để tranh thủ lòng tốt của

chủ anh, và có lẽ cũng tiếc là tôi đã bẻ mất cái roi. Anh đã đưa Frida đi, việc đó đã làm cho anh vênh váo rồi đấy, nhưng cho dù tôi coi trọng anh đến đâu (bởi vì tôi coi trọng anh, mặc dù anh không hề coi trọng tôi) chỉ cần nói vài lời với Frida, tôi tin chắc rằng tôi sẽ làm tiêu tan những sự dối trá mà anh đã dùng để quyến rũ cô ấy. Bởi vì chỉ có sự dối trá mới có thể tách cô ấy ra khỏi tôi.

- Tôi không hề sợ hãi trước những lời đe dọa này, - Jeremiás nói. - Ông không muốn tôi làm phụ tá cho ông, ông sợ tôi như sợ người phụ tá, nói chung ông sợ các loại phụ tá, và cũng vì lo sợ mà ông đã đấm Artúr.

- Có thể, - K. nói. - Như thế thì có lẽ đau ít thôi chăng? Ai biết được là rồi đây tôi cũng có thể cho anh biết một vài lần là tôi sợ anh đến mức nào. Nếu tôi thấy anh coi khinh nghề phụ tá, thì chẳng sự sợ hãi nào có thể làm hỏng thích thú của tôi bằng vũ lực buộc anh phải phục vụ tôi. Và hơn nữa tôi sẽ nỗ lực hết sức để có được chỉ một mình anh, không cần Artúr, đến lúc đó thì tôi sẽ có thể lưu ý nhiều đến anh hơn.

- Ông tin là, - Jeremiás hỏi, - tôi mảy may sợ những điều đó hay sao?

- Tôi tin chắc rằng anh có sợ một tí, - K. nói, - nhưng nếu có đầu óc thì anh rất sợ. Nếu không tại sao anh không về với Frida từ lâu? Anh nói đi, anh yêu cô ấy chứ?

- Tôi yêu cô ấy không ư? - Jeremiás nói. - Cô ấy thông minh, tốt bụng, từng là tình nhân của Klamm, nghĩa là thế nào cũng đáng kính. Và nếu cô ấy liên tục yêu cầu tôi giải thoát khỏi ông, thì tại sao tôi không làm theo ý muốn của cô ấy, nhất là nếu tôi không gây ra đau khổ cho ông vì nó, bởi vì ông đã được an ủi bằng những cô gái nhà Barnabás đáng nguyền rủa đấy thôi.

- Bây giờ thì tôi thấy rằng anh hèn nhát, - K. nói, - gần như anh tru tréo lên vì sợ hãi, anh định vu vạ tôi bằng sự dối trá như vậy đấy. Frida chỉ yêu cầu tôi một điều là cô ấy phải thoát khỏi bọn phụ tá phát cuồng như những con ngựa đực

dâm đãng. Rất tiếc tôi đã không có thì giờ để thực hiện yêu cầu của cô ấy và bây giờ thì những hậu quả của việc chưa làm đã đến với tôi.

- Ngài đạc điền! Ngài đạc điền! - Có ai đó kêu lên ở ngoài đường. Barnabás hổn ha hổn hển lao đến, nhưng vẫn không quên cúi chào trước mặt K.. - Thành công rồi, - anh ta nói.

- Cái gì thành công? - K. hỏi. - Anh đã trình bày yêu cầu của tôi cho Klamm rồi chứ?

- Việc đó không làm được, - Barnabás nói. - Tôi đã làm tất cả những gì mình có thể làm mà vẫn không thể được, tôi đã lấn hẳn lên trước và đứng cả ngày ở đó mà người ta không gọi đến. Tôi đứng gần bên bàn đến nỗi có lần, một văn thư bị tôi che mất ánh sáng đã thẳng cánh đẩy tôi ra xa. Tôi còn làm điều không được phép: tôi đã giơ tay trình diện khi Klamm nhìn lên. Tôi đã ở lại lâu nhất trong văn phòng, khi chỉ còn tôi với những người phục vụ thì rất may mắn nhìn thấy một lần nữa, Klamm đã quay lại, nhưng không phải vì tôi, ngài chỉ muốn xem lại điều gì đó ở một trong các quyển sách, sau đó ngài đi liền. Và vì đến lúc đó mà tôi vẫn chưa chịu chùn bước, một tên phục vụ suýt đã dùng chổi quét tôi ra khỏi cửa. Tôi tường thuật tất cả những chuyện đó để ông khỏi bất bình với cố gắng của tôi.

- Sự chăm chỉ của anh đã cho tôi ích lợi gì Barnabás? - K. nói, - một khi nó không có kết quả gì cả.

- Nhưng mà có đấy! - Barnabás nói. - Khi tôi bước ra khỏi văn phòng của tôi, tôi gọi như vậy, thì thấy ở ngoài hành lang một quý ông đang từ từ tiến lại gần, lúc ấy tất cả đều trống vắng, muộn lắm rồi. Tôi tự nhủ là phải đợi ông ấy, đây là dịp tốt để tôi tiếp tục ở lại đó. Tôi sẵn sàng ở lại đó vĩnh viễn, miễn là khỏi mang tin xấu về cho ông. Nhưng tuy thế, tôi phải đợi ông ấy cũng xứng, đó là ngài Erlanger. Ông không quen ông ấy à? Ông ấy là một trong những thư kí đầu tiên của Klamm. Con người gầy gò, bé nhỏ, đi hơi tập tễnh. Ông ta nhận ra tôi ngay, ông ta vẫn nổi tiếng về tài nhớ và nhận

người, chỉ nhíu mày là ông ấy đã nhận ra bất kì ai, nhiều lần ông ấy nhận ra cả những người mà trong đời ông chưa từng thấy, cùng lắm là chỉ nghe hoặc đọc về họ; chẳng hạn tôi là người chắc chắn ông ấy chưa bao giờ nhìn thấy. Nhưng mặc dù ông ấy nhận ra ngay tất cả mọi người thì trước hết ông vẫn hỏi như thể không biết chắc sự việc; ông ấy cũng đã hỏi tôi: "Có phải anh là Barnabás?" và sau đó ông ấy lại hỏi: "Anh quen ngài đạc điền, đúng không?" rồi nói: "Thật may: tôi đang đi đến quán Ông chủ đây. Ngài đạc điền hãy tìm tôi ở đó. Tôi ở phòng số mười lăm, nhưng ông ta phải đến ngay. Tôi chỉ bàn bạc điều gì đó, rồi năm giờ sáng tôi lại quay về. Anh hãy nói với ngài đạc điền rằng tôi rất cần nói chuyện với ông ta".

Bất thần Jeremiás bỏ chạy, Barnabás cho đến lúc này vì hồi hộp đã không để ý đến anh ta, bây giờ thì lại hỏi:

- Jeremiás làm sao thế?

- Anh ta muốn vượt tôi đến gặp Erlanger trước, - K. nói và chạy theo Jeremiás, chàng đã đuổi kịp, nắm lấy cánh tay anh ta nói.

- Anh đột ngột nhớ Frida phải không? Tôi cũng vậy, thế này thì chúng ta có thể đi cùng nhau.

CHƯƠNG XVII

Có nhóm người đứng trước quán Ông chủ tối tăm, hai - ba người tay cầm đèn, vì vậy có thể nhận ra những khuôn mặt. K. đã tìm được trong số họ một người quen, gã xà ích Gerstäcker. Gerstäcker chào chàng bằng câu hỏi:

- Anh vẫn còn ở trong làng à?

- Vâng, - K. nói, - tôi đến đây một thời gian dài.

- Điều đó chẳng liên can gì đến tôi, - Gerstäcker nói, gã ho mạnh và quay về phía những người khác.

Té ra mọi người đều đợi Erlanger. Erlanger đã đến, nhưng trước khi tiếp khách, ông ta còn thảo luận với Momus. Cuộc nói chuyện xoay quanh việc không được phép chờ đợi ở trong nhà, đành phải đứng ở ngoài này, trong tuyết. Trời không lạnh lắm, thế nhưng bắt khách đứng chôn chân có lẽ hàng giờ ở trước nhà, trong đêm tối là một sự khiếm nhã. Việc này tất nhiên không thể đổ cho Erlanger, ông ta rất ân cần, chắc gì đã biết về sự việc, và hẳn là đã lấy làm bực bội nếu người ta báo cho ông ta biết. Tội lỗi đó là của bà chủ quán, cố gắng làm ra vẻ phong lưu đài các của bà ấy đã đến mức bệnh hoạn, bà ấy không muốn phải chịu đựng cùng một lúc nhiều khách ở trong quán Ông chủ.

- Nếu cần phải như vậy, và họ phải đến đây, - bà ta lẩm bẩm, - thì lạy Chúa, hãy đứng thành hàng, người nọ sau người kia.

Và bà ta đã làm được việc là những người khách lúc đầu chỉ đơn giản chờ đợi trong một hành lang, sau đấy ở cầu thang, rồi ở hiên nhà, và ở cả quầy uống, rốt cuộc thì đẩy ra ngoài đường. Nhưng việc đó vẫn chưa đủ cho bà ta. Bà ta cho là không thể chấp nhận được chuyện nhà của mình, như bà ta nói, liên tục "bị bao vây", bà không làm sao hiểu nổi tại sao cần phải tiếp khách.

- Để họ làm bẩn cầu thang của ngôi nhà. - Một viên chức có lần đã buột miệng, có lẽ do bực tức. Nhưng câu trả lời đó thực sự đã soi sáng cho bà, và bà sẵn sàng dẫn lời tuyên bố đó. Bà cố gắng để người ta dựng lên một ngôi nhà nhỏ đối diện với quán Ông chủ, nơi mà khách có thể chờ đợi, và sự cố gắng này của bà cũng phù hợp với mong muốn của khách. Bà mừng nhất là nếu những cuộc thảo luận và tiếp kiến đều diễn ra ở ngoài quán Ông chủ, nhưng các viên chức không muốn nghe về điều đó, và nếu một khi họ đã nghiêm nghị phản đối điều

gì thì tất nhiên bà chủ quán cũng không thể thực hiện được ý định của mình, mặc dù trong những chuyện thứ yếu hơn bà thật sự chuyên quyền độc đoán bằng sự quyết đoán tinh khôn một cách đàn bà, không biết mệt mỏi. Nhưng hiện thời bà đành phải tiếp tục chịu đựng các cuộc thảo luận và tiếp kiến ở trong quán Ông chủ, bởi vì các quý ông của Lâu đài không hề muốn bỏ quán này, họ vào làng vì những việc chính quyền. Họ luôn luôn vội vàng, và lúc nào cũng lưu lại trong làng trái với ý thích của mình, không tỏ ra muốn lưu lại lâu hơn mức cần thiết, vì thế không ai có thể đòi hỏi ở họ chỉ vì sự bình yên của quán mà mất đi bao nhiêu thì giờ vì phải chuyển sang một căn nhà khác cùng với các tài liệu, giấy tờ của mình. Các viên chức thích nhất là giải quyết những việc chính quyền ở trong quầy uống hoặc trong phòng của họ, có thể trong khi ăn, hoặc từ trong giường trước lúc ngủ, hay sáng sớm nếu họ còn lười chưa muốn dậy và muốn nằm dài một tí. Vấn đề xây dựng phòng đợi, trái lại rõ ràng đã tiến gần hơn tới giải pháp có lợi, giờ đây chính vì chuyện phòng đợi mà cần phải tiếp tục nhiều cuộc bàn bạc, và thường xuyên có người qua lại ở các hành lang như vậy, nhưng đấy lại là sự trừng phạt đối với bà chủ quán, vì nó mà người ta cười bà. Những người chờ đợi rì rầm nói chuyện với nhau về những việc đó.

K. cảm thấy mặc dù họ có đủ lí do để càu nhàu nhưng không một ai nổi cáu trước việc Erlanger đang giữa đêm mà tiếp khách. Khi chàng dò hỏi về điều đó thì được trả lời rằng họ phải biết ơn Erlanger vì việc đó thì đúng hơn; bởi vì chỉ có thiện chí mới buộc ông ta phải xuống dưới làng; nếu ông ta muốn, và điều này có lẽ phù hợp nhất với các quy chế, ông ta có thể phái một người thư kí nào đó dưới quyền, bắt anh ta làm biên bản được chứ. Thế nhưng phần lớn ông ta lại xa lạ với việc đó, ông ta muốn đích thân thấy và nghe tất cả cho nên ông ta phải hi sinh các buổi đêm, bởi vì trong lịch phân chia thời gian ở công sở của ông thì những cuộc đi xuống làng như thế không thảo ra trước. K. phản bác rằng Klamm cũng

thường đến làng vào ban ngày, thậm chí có khi ngài ở lại đây nhiều ngày; nhẽ nào Erlanger, chỉ là thư kí mà lại không thể vắng mặt ở trên đó hơn Klamm cơ chứ? Một số người cười vẻ thông cảm, những người khác thì im lặng một cách lúng túng, những người này nhiều hơn, và hầu như họ không trả lời K.. Chỉ có một người nào đó tuyên bố ngập ngừng rằng tất nhiên Klamm không thể thay thế ở Lâu đài cũng như ở trong làng.

Lúc đó cửa nhà mở ra và Momus xuất hiện giữa hai người phục vụ cầm đèn.

- Tiếp theo đây là những người đầu tiên đến gặp ngài thư kí Erlanger, - gã nói, - Gerstäcker và K.. Cả hai người có ở đây chứ?

Họ trình diện.

Nhưng Jeremiás đã lẻn vào nhà, trước họ, miệng nói: "Tôi là hầu phòng ở đây". Momus mỉm cười chào và vỗ vai hắn.

- Rồi đây mình cần phải dè chừng Jeremiás hơn, - K. thầm nhủ trong khi chàng tin chắc chắn rằng Jeremiás có lẽ ít nguy hiểm hơn so với Artúr, người đang bày mưu kế chống lại chàng ở trên đó, trong Lâu đài. Có lẽ thông minh nhất là chấp nhận việc để cho chúng, như là những người phụ tá, hành hạ chàng, còn hơn là để cho chúng đi lại và bày mưu tính kế không kiểm soát được, một việc làm mà hình như chúng đặc biệt ham muốn.

Khi K. đi qua trước mặt Momus, gã làm như chỉ bây giờ mới nhận ra người đạc điền.

- Ồ, ngài đạc điền, - y nói, - con người không chịu được cật vấn, bây giờ lại chen lấn để được cật vấn. Với tôi hôm đó thì sự việc hẳn đã đơn giản hơn. Tất nhiên là không dễ gì lựa chọn được sự cật vấn nào thích hợp hơn.

Nghe những lời ấy, K. định đứng lại, nhưng Momus nói:

- Ngài cứ đi đi! Hôm đó tôi cần ngài trả lời, nhưng bây giờ thì không cần nữa.

K. lo lắng vì cách xử sự của Momus, thế nhưng chàng vẫn nói với y:

- Các ông chỉ nghĩ đến bản thân thôi. Chỉ vì một người có địa vị nào đó thì tôi đã và vẫn không có ý định trả lời, cả hôm đó lẫn hôm nay.

- Vậy thì chúng tôi nghĩ đến ai nếu không phải là vì bản thân? - Momus nói. - Có ai khác ở đây nữa không? Ông đi đi!

Ở hiên nhà một tên đầy tớ đón và dẫn họ qua sân, trên con đường mà K. đã biết, rồi qua cổng và đi hết một dãy hành lang thấp, hơi dốc. Trên những tầng cao nhất chắc chắn chỉ có các viên chức cấp cao ở; các thư kí ở dưới, trên hành lang này; Erlanger cũng thế, mặc dù ông ta thuộc về số những thư kí quan trọng nhất. Tên đầy tớ tắt đèn cầm tay, vì ở đây chỗ nào cũng có ánh điện chiếu sáng. Tất cả được xây dựng nhỏ nhắn, nhưng tinh xảo. Người ta đã sử dụng không gian một cách tối ưu nhất. Hành lang chỉ cao vừa đủ để có thể đi thẳng người ở trong đó. Hai bên là cửa tiếp cửa. Những dãy tường bên không cao đến tận trần, chắc là để thông gió, vì những căn phòng trên hành lang sâu, giống như hầm rượu đó có lẽ không có cửa sổ. Những dãy tường không kín hoàn toàn có điểm bất lợi là ở hành lang, và do đó ở trong các phòng thường xuyên ồn ào. Nhiều phòng hình như đã có người ở, phần đông họ đang thức, có thể nghe được tiếng nói, tiếng gõ, và tiếng cốc chén va chạm nhau. Thấy những điều đó cũng không làm khơi dậy trong lòng người cái ấn tượng gì thích thú đặc biệt. Những giọng nói trầm, khó có thể hiểu rõ từng lời, có lẽ người ta không nói chuyện, mà ai đó đang đọc chính tả, hay đọc một cái gì đó. Từ những căn phòng lọt ra tiếng va chạm của cốc chén bát đĩa thì lại không vẳng ra một lời nói nào. Tiếng động, tiếng búa gõ làm K. nhớ tới chuyện mà có lần người ta đã kể cho chàng nghe, ở đâu đó, rằng một số viên chức để làm cân bằng công việc trí óc thường xuyên căng thẳng bằng một việc gì đó, họ đã làm nghề mộc, hoặc những bộ phận máy móc chính xác hoặc những việc khác tương tự như thế, một cách nghỉ ngơi tạm thời. Hành lang vắng vẻ, chỉ có một ngài da vàng vọt, gầy gò, dáng người cao đang ngồi trước một trong

những cánh cửa, từ dưới chiếc áo lông thú lộ ra chiếc áo ngủ; có lẽ căn phòng ngột ngạt quá nên ông ta đã ngồi ra đây đọc báo, nhưng không đọc một cách chăm chú, vì ông ta ngáp liên tục, thỉnh thoảng bỏ báo xuống, nghiêng người về phía trước nhìn suốt hành lang. Có lẽ ông ta đang đợi người khách được mời đến và anh ta đã không xuất hiện.

Khi họ đi ngang qua trước mặt ông ta, tên đầy tớ đã nói với Gerstäcker về ông ta:

- Pinzgauer đấy!

Gerstäcker gật đầu.

- Đã lâu rồi ông ta không ở dưới này, - gã nói.

- Lâu lắm rồi, - tên đầy tớ tán thành.

Cuối cùng họ đến cạnh một chiếc cửa giống như mọi chiếc cửa khác, nhưng theo như lời tên đầy tớ nói thì Erlanger ở trong phòng này, hắn đứng lên vai K. và nhìn vào phòng qua khoảng trống ở phía trên bức tường.

- Ông ta đang nằm trên giường, - hắn nói khi xuống, - nhưng mặc cả quần áo, tôi tin là ông ấy thiu thiu ngủ. Ở trong làng này, vì lối sống thay đổi, không phải một lần ông ấy bị mệt như vậy. Chúng ta cần phải chờ thôi. Nếu tỉnh dậy, ông ấy sẽ bấm chuông. Mặc dù có lúc ông ấy đã ngủ suốt thời gian ở lại làng, đến khi thức dậy, ông ấy phải quay về Lâu đài ngay lập tức. Bởi vì ông ấy đến đây làm việc theo ý nguyện riêng.

- Bây giờ thì tốt nhất là ông ấy cứ ngủ đến lúc ra về, - Gerstäcker nói, - bởi vì sau khi thức dậy ông ấy chỉ còn một ít thời gian cho công việc, rất bực mình là đã ngủ quá, ông ấy cố gắng giải quyết mọi việc một cách vội vàng, và người ta cũng không kịp nói hết câu chuyện nữa.

- Ông đến để nhận chuyên chở cho công việc xây dựng à? - tên đầy tớ hỏi.

Gerstäcker gật đầu, kéo tên đầy tớ sang một bên và thì thầm giải thích cho hắn điều gì đó; nhưng tên đầy tớ không chú ý tới, hắn nhìn phía trên Gerstäcker, - hắn cao hơn gã gần một cái đầu, - và chậm rãi, thận trọng vuốt tóc.

CHƯƠNG XVIII

Lúc đó K. nhìn quanh không mục đích, chàng chợt thấy Frida từ xa, ở một trong số các lối rẽ của hành lang. Cô gái làm như không quen biết, chăm chăm nhìn chàng, tay cô ta cầm chiếc khay và những chiếc nồi không. K. quay về phía người đầy tớ, nhưng hắn hoàn toàn không để ý đến chàng, dường như người ta càng nói nhiều với hắn thì các ý nghĩ của hắn càng lơ đễnh hơn. Chàng bảo hắn là chàng sẽ quay lại ngay, rồi chạy đến với Frida. Vừa tới nơi chàng đã bám lấy vai cô ta như thể Frida lần nữa lại là của chàng, và trong khi hỏi cô ta vài câu vu vơ chàng nhìn vào mắt cô ta dò hỏi. Nhưng Frida vẫn chưa hết vẻ cứng nhắc, cô ta lúng túng xếp trên chiếc khay và nói:

- Anh còn muốn gì tôi nữa? Hãy đến với họ đi... anh biết là đến với ai rồi đấy. Anh vừa từ chỗ họ, nhìn anh là tôi biết.

K. lập tức chuyển hướng sang chuyện khác, tránh phải giải thích quá đột ngột bắt đầu bằng điều xấu nhất và bất lợi nhất đối với chàng.

- Anh tưởng em ở quán rượu, - K. nói. Frida nhìn chàng ngạc nhiên, rồi bất thần với bàn tay không bị vướng víu gì, cô âu yếm vuốt ve lên trán, lên mặt K. như thể giữa chừng cô đã quên mất chàng là người như thế nào, và giờ đây bằng sự tiếp xúc này cô muốn nhớ lại. Trong ánh mắt mờ sương cảm thấy sự hồi tưởng mệt mỏi.

- Người ta đã lại nhận em vào làm việc ở quầy rượu, - cô nói khẽ như thể điều cô nói là không quan trọng, nhưng đằng sau những lời nói dường như có cuộc trò chuyện khác với K., về điều quan trọng nhất. - Công việc này không thích hợp với em, ai cũng có thể làm được, ai mà chẳng làm được gái hầu phòng, người nào biết trải giường, biết tỏ ra thân thiện và không sợ khách quấy rầy mà ngược lại biết mời gọi họ, đều làm được.

Nhưng trong quán rượu thì hoàn toàn khác. Ngay lập tức người ta nhận lại em vào quầy rượu, dẫu hồi đó em đã bỏ đi không đàng hoàng lắm, tất nhiên là em đã có tay trong. Chủ quán cũng mừng là em có người nói giúp và vì thế ông ta có thể nhận lại em dễ dàng hơn. Thậm chí cứ như là ông phải nài nỉ em nhận công việc đó. Nếu anh biết rằng cái quán rượu đã khơi dậy trong em những kỉ niệm như thế nào thì anh dễ hiểu thôi. Cuối cùng thì em cũng đã chấp nhận việc làm đó. Bây giờ, ở đây em chỉ giúp đỡ họ thôi. Pepi xin em đừng làm cho cô ấy xấu hổ, phải rời bỏ quầy rượu ngay, bởi vì cô ấy chăm chỉ, làm mọi việc hết khả năng của mình, do đó bọn em cho cô ấy hoãn lại hai mươi bốn giờ nữa.

- Mọi việc đều rất đẹp, - K. nói. - Đầu tiên em bỏ quầy rượu vì anh, và bây giờ khi mà chúng ta đang chuẩn bị cưới nhau, em lại về nơi đó sao?

- Sẽ không có đám cưới, - Frida nói.

- Có phải vì anh đã không chung thủy với em? - K. hỏi.

Frida gật đầu.

- Frida này, - K. nói, - chúng ta đã nhiều lần nói về sự không chung thủy theo phỏng đoán này và cuối cùng em luôn luôn thừa nhận tất cả chỉ là một sự nghi ngờ vô lí. Nhưng về phần anh không có gì thay đổi từ đó, tất cả đều vô tội như đã từng vô tội, và cũng không thể khác được. Vậy nên về phần em phải có một sự thay đổi nào đó hoặc là có lẽ kẻ nào bêu riếu anh với em, hoặc là vì những việc gì khác nữa. Em thật là bất công đối với anh, bởi vì em xem, câu chuyện với hai cô gái như thế nào nhỉ? Một cô gái da ngăm ngăm, anh thật xấu hổ là phải bào chữa cho họ từng người một như thế này, nhưng em buộc anh phải làm điều đó, nói chung cô gái da ngăm ngăm có lẽ cũng khó chịu đối với anh như đối với em, anh cố gắng thận trọng hết mức với cô ta, và việc này chính cô ta cũng đã giúp anh vì không thể có ai dút dát hơn cô ta.

- Vâng! - Frida kêu lên, lời nói bật ra gần như ngược lại với

ý chí của cô ta. K. vui mừng nhận thấy cô ta đã không kìm được, đã xử sự không như cô muốn.

- Anh gọi một kẻ trơ tráo nhất thế giới là người dút dát và cho dù khó tin như thế nào, thì quả thật anh nghĩ như vậy, vì em biết anh không đóng kịch. Bà chủ quán rượu Bên cầu nói về anh rằng: "tôi không thể chịu đựng nổi con người này, nhưng cũng không thể để anh ta một mình; giống như khi ta không thể không dừng lại để đỡ lấy đứa bé chưa biết đi mà dám đi xa".

- Lần này thì em phải nghe lời dạy bảo của bà ấy, - K. mỉm cười, nói, - còn về cô gái đó, cho dù cô ta dút dát hay trơ tráo thì bây giờ chúng ta cũng đừng tranh luận nữa, và anh cũng không muốn biết về cô ta.

- Nhưng tại sao anh lại nói là cô ấy dút dát? - Frida hỏi một cách bướng bỉnh.

K. xem sự quan tâm này là dấu hiệu tốt lành.

- Anh đã thử rồi hay là anh muốn coi thường người khác? - Frida hỏi.

- Không phải thế này mà cũng chẳng phải thế kia, - K. nói, - mà là lòng biết ơn vì cô ấy đã làm cho anh dễ dàng không để ý đến, và nếu cô ta đùa giỡn với anh, thì hẳn anh không dễ nào đi đến chỗ họ lần nữa. Mà đối với anh, thực ra đó là một mất mát lớn như em biết đấy, vì tương lai chung của chúng ta, anh cần phải đi đến chỗ họ. Và vì lẽ đó mà anh cũng cần phải nói chuyện với cô gái thứ hai, anh quý cô này bởi tính trung thực, sự cẩn trọng và tính vô tư của cô ta, quả thật chưa ai có thể nói rằng cô ta là người quyến rũ cả.

- Những người giúp việc có ý kiến khác, - Frida nói.

- Trong chuyện này, và chắc chắn trong cả những chuyện khác, - K. nói, - em muốn từ tính dâm đãng của mấy đứa giúp việc rút ra kết luận về sự không chung thủy của anh à?

Frida im lặng, cô ta để cho K. lấy khỏi tay chiếc khay, để xuống đất rồi tay khoác tay, họ đi đi lại lại ở nơi chật chội.

- Anh chẳng biết chung thủy là gì, - Frida nói, hơi nhích ra

khỏi K.. - Việc anh xử sự như thế nào với các cô gái không phải là điều quan trọng nhất, mà chính là việc anh đến gia đình đó rồi trở về, quần áo sặc mùi nhà ở của họ mới là sự nhục nhã không chịu nổi đối với em. Anh chuồn khỏi trường học mà không thèm có lấy một lời cho em, và ở lại nửa đêm chỗ họ. Sau đó, nếu người ta muốn biết về anh thì anh lại cho phép các ả kia bác bỏ việc anh ở đấy, mà còn bác bỏ một cách nhiệt thành nữa! Và nhất là với cái cô gái dút dát vô cùng kia. Thế rồi, bằng con đường bí mật anh lẻn ra khỏi nhà người ta, có lẽ để giữ tiếng tốt cho các cô gái đó! Không, chúng ta đừng nói nhiều về việc này nữa.

- Đừng nói về việc này nữa, - K. nói, - mà nói chuyện gì khác đi, Frida, về việc này không có gì để nói cả. Chính em cũng biết vì sao anh phải đến chỗ đó. Chuyện đó quả là khó đối với anh, em không cần phải gây khó khăn nữa. Hôm nay anh chỉ muốn tạt qua một lúc để hỏi xem Barnabás đã đến chưa, vì từ lâu rồi lẽ ra anh ta phải mang đến cho anh một thông tin rất quan trọng. Anh ta vẫn chưa đến, nhưng theo người ta nói thì cứ như cái vẻ đáng tin cậy của anh ta, anh ta cần phải đến rồi. Anh không muốn để anh ta theo anh vào trường học, anh không muốn sự hiện diện của anh ta là gánh nặng cho em. Giờ này qua giờ khác, rất tiếc, anh ta vẫn chưa đến. Thế nhưng một người khác mà anh căm ghét lại đến. Anh không thể chịu được việc thằng cha này theo dõi anh, vì thế anh đi vào vườn nhà hàng xóm, nhưng anh lại không có ý định lẩn trốn hắn ta, anh đi thẳng tới đối mặt với hắn, nói thật, trong tay anh là một cái roi có thể uốn cong lấy từ cây liễu, rất tuyệt. Đấy là tất cả, về chuyện này không có gì để nói nhiều nữa, tốt nhất là nói chuyện khác. Về bọn người giúp việc, những kẻ mà anh nhắc đến với một sự ghê tởm có giống như em nhắc đến cái gia đình kia không? Em hãy so sánh cả hai với nhau: mối quan hệ của em với họ, và mối quan hệ của anh với gia đình đó. Anh hiểu sự ác cảm của em đối với gia đình ấy và anh có thể chia sẻ được. Anh

chỉ vì công việc mà đến với họ, và đôi khi quả thật là anh cảm thấy mình không phải đối với họ, anh đã lợi dụng họ. Em như thế nào với bọn giúp việc? Em hoàn toàn không phủ nhận rằng chúng tán tỉnh em và em thừa nhận rằng em thân thiết với chúng. Anh đã không giận em vì việc đó, anh công nhận là ở đây có những thế lực tham dự mà em không đủ sức chống chọi nổi, và anh lấy làm mừng là ít ra em vẫn cứ kháng cự lại, anh đã giúp em chống đỡ, vậy mà anh chỉ lơi là có vài giờ, tin ở sự chung tình của em, hơn nữa cứ đinh ninh rằng ngôi nhà đã khóa kĩ và anh đã đuổi bọn giúp việc đi rồi (hoá ra anh vẫn còn coi thường chúng nó); chỉ có vài giờ mất cảnh giác, và gã Jeremiás kia, nếu nhìn kĩ, thì chỉ là một thằng cha không lấy gì làm khỏe mạnh, đã dám liều lĩnh làm cái trò đểu giả, ngó vào trong cửa sổ: Chỉ vì thế mà anh phải mất em, Frida, và thay bằng lời chào anh phải nghe cái câu rằng sẽ không có đám cưới ư? Thật ra ngoài anh thì còn ai có thể trách móc em, nhưng anh đã và vẫn sẽ không trách móc gì!

Và bây giờ K. lại thấy nên đánh lạc hướng sự chú ý của Frida, chàng đề nghị cô mang gì cho chàng ăn, vì từ trưa đến giờ chàng chưa ăn gì cả.

Frida lộ rõ vẻ nhẹ nhõm trước đề nghị của K., cô gật đầu và chạy đi để mang thức ăn đến, nhưng không chạy theo hành lang phía mà K. tưởng là nhà bếp, mà là sang bên, qua vài bậc thang xuống phía dưới. Chẳng mấy chốc cô trở lại với một cái đĩa đựng xúc xích cắt nhỏ và một chai rượu vang, rõ ràng đó là phần bữa ăn còn lại của một ai đó, và để giấu điều đó, người ta đã nhanh chóng xếp lại từng miếng, đến cả vỏ của xúc xích người ta cũng bỏ quên trên chiếc đĩa, còn chai rượu thì vơi tới ba phần tư chai. Nhưng K. không nhận xét gì cả và thực hiện công việc thỏa mãn nhu cầu một cách ngon lành.

- Em vừa vào nhà bếp à? - chàng hỏi.

- Không, - Frida trả lời. - Em vào phòng em. Em có một phòng ở dưới này.

- Lẽ ra em có thể đưa anh xuống cùng, - K. nói. - ít ra thì anh cũng có thể ngồi ăn.

- Để em mang ghế đến cho anh, - Frida nói và định đi ngay.

- Cảm ơn, - K. nói và giữ cô ta lại. - Anh không đi xuống mà ghế cũng không cần nữa.

Frida chịu đựng việc đó một cách miễn cưỡng, cô ta gằm mặt, môi bặm lại.

- Ừ thì anh ấy ở dưới đó đấy, - cô nói, - anh còn muốn gì nữa nào? Anh ấy đang nằm trong giường em, anh ấy đã bị cảm lạnh nặng lắm, run lẩy bẩy và không ăn uống gì. Thực ra anh là người có lỗi trong mọi chuyện: nếu như anh không xua đuổi những người giúp việc, và không chạy đến với những người kia thì giờ đây hẳn chúng ta đang ngồi bình yên trong trường học. Một mình anh đã phá hoại hạnh phúc của chúng ta. Anh tưởng Jeremiás dám giúp em bỏ đi khi vẫn còn phục vụ anh ư? Nếu như vậy thì anh hoàn toàn chẳng hiểu gì trật tự ở đây. Anh ấy muốn đến với em, đau khổ vì em, trông ngóng em, nhưng tất cả những việc đó chỉ là trò chơi giống như một con chó đói giỡn chơi, nó không dám nhảy lên bàn. Đối với em anh ấy cũng như vậy. Em đã thích anh ấy, anh ấy là bạn thời nhỏ của em, chúng em thường chơi với nhau nơi dốc đồi của Lâu đài, đó là những ngày đẹp đẽ; có bao giờ anh hỏi em về quá khứ của em đâu. Nhưng tất cả những điều này cũng đều không quan trọng cho tới khi Jeremiás còn phục vụ, bởi vì em như một người vợ tương lai của anh, biết nghĩa vụ của em là gì. Thế rồi anh đã xua đuổi những người giúp việc, lại còn khoe khoang về việc ấy như thể anh đã làm việc gì đó vì em. Cứ cho là, trong một chừng mực thì đúng là như vậy. Anh đã thỏa thuận được với Artúr, dù chỉ là tạm thời, anh ta là người tế nhị, chẳng có đam mê táo tợn gì như Jeremiás, ngoài ra suýt nữa anh giết chết người ta bằng cú đấm đêm ấy... đó cũng là cú đấm vào hạnh phúc của chúng ta, hầu như làm vỡ nát hạnh phúc ấy... Anh ta đã chạy lên Lâu đài để kiện anh, dẫu anh ta sẽ còn quay lại, nhưng lúc này thì chưa.

Nhưng Jeremiás thì đã ở lại đây. Trong khi làm nhiệm vụ anh ấy sợ từ cái nhíu mày nhỏ nhất của ông chủ, nhưng khi không làm nhiệm vụ thì anh ấy chẳng sợ gì cả. Anh ấy đến với em và đưa em đi: Anh đã bỏ em, và em thì không cưỡng lại được với uy lực của tình bạn cũ. Em không mở cửa của trường học, anh ấy phá cửa sổ kéo em ra. Chúng em tìm nơi ẩn náu tại đây, chủ quán quý trọng Jeremiás, khách cũng mừng là họ có những người phục vụ như thế này, vậy là họ nhận bọn em; anh ấy không sống với em nhưng bọn em có phòng chung.

- Anh vẫn không lấy làm tiếc là đã đuổi bọn giúp việc, - K. nói. - Nếu tất cả đều đúng như lời em kể thì toàn bộ sự chung tình của em đã dựa trên sự ràng buộc về công việc của những người giúp việc: thì, ơn Chúa, tất cả đã kết thúc. Suýt nữa thì đã có một cuộc hôn nhân không lấy gì làm hạnh phúc khi có mặt của hai con thú, loại chỉ nhìn thấy roi thì mới chịu nghe lời. Vậy thì anh phải biết ơn cái gia đình kia, đã góp phần giúp cho chúng ta chia tay nhau.

Họ im lặng, và lại đi cạnh nhau; không thể xác định được ai là người khởi đầu. Dường như việc K. không khoác tay Frida ở ngay gần chàng đã làm cho cô ta bực mình.

- Vậy là tất cả đâu vào đấy, - K. tiếp tục nói, - và chúng ta đã có thể chia tay nhau, em có thể về với ngài Jeremiás thân yêu của em, chắc ngài ấy bị cảm lạnh từ lần bị anh rượt đuổi khắp vườn trường kia, mà bây giờ em lại để ngài ấy một mình quá lâu rồi đấy; còn anh thì có thể quay trở lại trường một mình, hoặc, đi bất kì đâu mà người ta đón tiếp, vì không có em anh chẳng còn việc gì làm ở đó. Sở dĩ anh còn ngập ngừng là vì anh vẫn còn nghi ngờ chút ít, không phải là không có lí do, về những điều em vừa kể. Ấn tượng của anh về Jeremiás thì ngược lại. Trong khi đang làm nhiệm vụ, hắn luôn luôn nhìn trộm em, và công việc cũng khó mà giữ được hắn lâu không sán vào em. Nhưng bây giờ khi hắn xem nhiệm vụ đã kết thúc thì tình hình lại hoàn toàn khác. Em tha lỗi cho anh, nếu anh lí giải sự việc cho chính mình như sau: từ khi em

không phải là vợ chưa cưới của ông chủ hắn, em không còn quyến rũ đối với hắn như trước đây. Em có là bạn gái thời nhỏ của hắn cũng vô ích. Thực ra, qua cuộc nói chuyện ngắn ngủi đêm nay mà anh nhận ra, theo ý kiến của anh thì những tình cảm ủy mị như thế hắn không coi trọng gì lắm. Anh quả thật không biết là tại sao em lại xem hắn là người mãnh liệt. Anh thì ngược lại, thấy hắn vô cùng lạnh lùng. Hắn nhận nhiệm vụ từ Galater có lẽ không hay gì cho anh, và hắn cố gắng hoàn thành việc đó với nhiệt tình không phải hiếm ở vùng này, nhiệm vụ của hắn là phải phá hoại mối quan hệ của chúng ta, hắn đã thử nhiều cách, một trong những cách đó là cố gắng quyến rũ em bằng gợi tình, và cách khác là (trong việc này mụ chủ quán cũng ủng hộ) tung tin thất thiệt về sự không chung thủy của anh. Kế hoạch của hắn đã thành công, lại còn sự gợi nhớ tới Klamm liên quan với hắn và đã giúp đỡ hắn. Mặc dù hắn đã bị mất việc làm, nhưng có lẽ hắn mất việc làm đúng vào cái giây phút biết đâu hắn không cần đến nó nữa, giờ đây hắn gặt hái thành quả của những cố gắng và kéo em ra khỏi cửa sổ trường học. Nhưng đến đấy thì công việc của hắn đã kết thúc, thiếu đi nhiệt tình phục vụ, Jeremiás mệt mỏi và hắn là rất muốn ở vào vị trí của Artúr, tay này rõ ràng chẳng phải đi kiện cáo gì đâu, mà chỉ đi cầu cạnh cho mình sự khen ngợi và nhận những nhiệm vụ mới, nhưng cũng phải có ai ở dưới này theo dõi tiến trình sự việc chứ. Hắn chỉ hơi bị ức chế là phải quan tâm đến em. Làm gì có chuyện hắn yêu em, hắn đã nói thẳng với anh rồi. Là người tình của Klamm, tất nhiên em làm cho hắn nể trọng, và rõ ràng hắn cảm thấy thích thú nếu lọt được vào phòng em, việc đó làm cho hắn cảm thấy mình là Klamm nhỏ, đấy là tất cả, giờ đây em không có ý nghĩa gì đối với hắn, thêm vào nhiệm vụ chính của hắn là mang em đến đây, và để làm cho em yên tâm, hắn ở lại đây nhưng chỉ tạm thời cho đến khi nhận được những chỉ dẫn mới từ Lâu đài và em đã trở lại bình thường trước sự lạnh lùng của hắn.

- Anh vu khống! - Frida đập hai bàn tay nhỏ vào nhau.

- Anh vu khống ư? - K. nói. - Anh không muốn vu khống. Cũng có thể là anh bất công đối với hắn, có thể lắm. Điều anh nói về hắn, thoạt nhìn cũng rất có thể không được rõ ràng, cũng có thể lí giải theo nhiều cách khác. Nhưng vu khống ư? Sự vu khống chỉ có thể vì một mục đích là chống lại cái tình yêu mà em dành cho hắn. Nếu việc này tỏ ra cần thiết và vu khống là công cụ phù hợp để thực hiện thì anh sẵn sàng vu khống không ngần ngại. Chắc không một ai có thể phê phán gì anh; bởi vì nhờ các ông chủ của hắn, hắn có bao nhiêu là lợi thế, còn anh hoàn toàn đơn độc, bị bỏ rơi, vì thế anh có thể cho phép mình vu khống một tí chứ? Đó sẽ là cách tự vệ tương đối ngây thơ mà rốt cuộc cũng bất lực mà thôi. Vậy nên em đừng giơ tay dậm chân nữa.

Nói rồi K. nắm lấy tay Frida; Frida muốn rút tay lại nhưng cô ta mỉm cười, làm việc đó một cách yếu ớt.

- Nhưng anh không cần phải vu khống, - K. nói, - bởi vì em không yêu hắn, cùng lắm là em tưởng như thế, và em sẽ biết ơn anh nếu anh phá tan sự lầm lạc của em. Em ạ, nếu ai đó muốn tách em ra khỏi anh không phải bằng vũ lực mà bằng sự tính toán kĩ lưỡng mọi khả năng thì rõ ràng người đó phải làm việc ấy thông qua hai tên giúp việc. Trông bề ngoài thì đó là những chàng trai tốt, ngây thơ, vui vẻ và vô trách nhiệm, có ngọn gió đưa chúng đến từ Lâu đài thêm vào đó là một ít kỉ niệm thời thơ ấu, tất cả đều rất dễ thương, đặc biệt anh lại là sự đối lập hoàn toàn với tất cả. Ngoài ra, anh liên tục chạy theo những sự việc mà em không hiểu hết được, thậm chí còn làm em bực mình. Anh gặp những con người mà em căm ghét, họ đã làm cho anh, dù có trong sạch như thế nào đi nữa, cũng bị em ghét lây. Tất cả không có gì khác hơn là sự độc ác, mặc dù rõ ràng đó là sự lợi dụng hết sức thông minh các điểm yếu trong mối quan hệ của chúng ta. Tất cả các mối quan hệ đều có những điểm yếu, quan hệ của chúng ta cũng thế, bởi vì cả hai chúng ta đều đến với nhau mỗi người từ một thế giới khác, và từ khi quen

biết nhau, cuộc đời của hai chúng ta rẽ sang con đường hoàn toàn mới mẻ, tạm thời chúng ta cảm thấy còn bấp bênh vì tất cả đều quá mới mẻ. Anh không nói về bản thân mình, anh không quan trọng, bởi lẽ anh chỉ liên tục được nhận quà kể từ khi lần đầu tiên được em để mắt đến, mà nhận quà là việc dễ trở thành thói quen. Không kể đến những chuyện khác, anh đã tách em ra khỏi Klamm; anh không xác định được sự chia tách này có nghĩa gì với em không, nhưng trong anh dần dần đã có một quan niệm. Anh cứ ngất ngưởng không tìm thấy vị trí của mình; và dù luôn sẵn sàng ủng hộ em thì anh cũng không thường xuyên có mặt bên cạnh em, mà giả sử anh có mặt lúc đó thì em cũng đang bận với những mộng mơ của mình, hoặc bận với ai đó tỉ như mụ chủ quán chẳng hạn. Nói chung có những thời gian em đã không nhìn anh, mà là hướng tới nơi nào đó bấp bênh bất định; tội nghiệp em bé bỏng, những lúc đó chỉ cần đưa ra những người thích hợp để lọt mắt em, và thế là em đã quên anh, em đã bị khuất phục, bị cuốn theo ảo giác, dường như tất cả những điều thoảng qua, những bóng ma, những kỉ niệm cũ, tóm lại thực chất là cuộc sống đã qua và đang ngày càng lùi xa vào dĩ vãng vẫn còn là cuộc sống đích thực, hiện tại của em! Đấy là sự nhầm lẫn, Frida, là sự cản trở nhỏ nhoi cuối cùng đối với sự hòa hợp mãi mãi của hai ta. Em hãy tỉnh táo lại đi, hãy lấy lại nghị lực, nếu em tưởng Klamm cử bọn giúp việc đến thì em nhầm, Galater gửi chúng đấy. Người ta chỉ mê hoặc em bằng việc đó, đến nỗi ngay cả trong sự bẩn thỉu và dâm đãng của họ em cũng muốn tìm ra dấu vết của Klamm, giống như khi có người nào đó muốn tìm thấy viên đá quý bị đánh mất từ lâu trong một đống rác, mặc dù trong thực tế không thể tìm thấy nếu quả thật viên đá quý có ở đó. Mà ở đây thực chất chúng lại chỉ là những thanh niên tầm thường, giống như những gã đầy tớ trong chuồng ngựa, mà chúng còn không được khỏe mạnh như thế, chỉ cần một ngọn gió mát nhỏ thổi là chúng đã ốm lăn ra giường, mà cái giường phù hợp thì chúng kiếm được ngay cho mình bằng sự láu cá của người đi ở.

Frida ngả đầu vào vai K., họ khoác tay nhau và lại lặng lẽ đi lên đi xuống.

- Giá mà, - Frida nói chậm rãi, gần như dịu dàng như thể biết rằng cô ta chỉ có được thoáng lát yên tĩnh ngắn ngủi trên vai K., và cô ta muốn tận hưởng nó trọn vẹn, - giá mà chúng ta đã đi ngay trong đêm ấy thì bây giờ chúng ta có thể đang ở đâu đó, an toàn, luôn bên cạnh nhau và tay anh luôn gần bên tay em để có thể nắm được, em cần sự gần gũi của anh biết bao. Từ khi quen biết anh, em cô đơn làm sao mỗi khi anh không ở gần em, anh hãy tin rằng em chỉ mơ một điều duy nhất, vâng, duy nhất, là được gần anh.

Lúc ấy có tiếng gọi vang lên phía bên kia hành lang. Đó là Jeremiás, anh ta đứng ở trên bậc cuối của cầu thang, trong chiếc áo sơ mi phong phanh, trên vai là một trong những chiếc khăn của Frida. Anh ta đứng đó vẻ thiểu não, với bộ râu lơ thơ ướt sũng như bị mưa, với đôi mắt mở to, mệt mỏi, van xin, trách móc; với hai má đỏ gay, xệ xuống, giống như một mớ thịt ôi; với hai chân trần run lẩy bẩy vì lạnh đến nỗi những sợi tua dài của chiếc khăn cũng lẩy bẩy theo. Anh ta trông giống một bệnh nhân vừa trốn khỏi bệnh viện, nhìn thấy cảnh ấy không thể nghĩ gì khác hơn là phải đưa ngay vào giường. Frida cũng quan niệm sự việc như vậy, cô ta thoát ra khỏi tay K. và có mặt ngay ở dưới đó bên cạnh Jeremiás. Anh chàng đó thì dường như được tăng thêm sức mạnh nhờ sự gần gũi của Frida, nhờ sự quan tâm lo lắng khi cô ta buộc chặt hơn chiếc khăn cho anh ta, nhờ sự vội vã khi cô ta muốn đẩy anh ta trở lại phòng: dường như chỉ bây giờ gã mới nhận ra K.

- Ô, ngài đạc điền, - gã nói và vuốt ve khuôn mặt Frida vẻ dỗ dành, vì rõ ràng Frida không muốn nói chuyện. - Xin lỗi vì đã làm phiền. Tôi khó ở lắm, điều đó cũng đủ để ông thông cảm. Tôi nghĩ mình bị sốt, cần phải uống nước chè để cho toát mồ hôi. Tôi sẽ còn có việc với cái hàng rào đáng nguyền rủa ở trong vườn trường. Tôi đã bị cảm lạnh nặng, lại còn phải chạy đêm qua. Con người ta không nhận thấy đã phải đánh liều

sức khỏe của mình cho một cái gì đó hoàn toàn không xứng đáng. Nhưng ngài, thưa ngài đạc điền, xin ngài đừng bận tâm một tí nào cả về tôi, mời ngài vào phòng chúng tôi thăm một người bệnh nhỏ bé và nói với Frida điều ngài chưa kịp nói. Khi hai người đã quen sống với nhau mà sau đó phải chia tay, thì họ có nhiều điều cần phải nói với nhau trong giây phút cuối, một người thứ ba sẽ không thể hiểu gì đâu, cho dù anh ta đang nằm trong giường và chờ đợi cốc nước chè người ta đã hứa với anh ta. Ngài cứ vào đi, tôi xin hứa là tôi sẽ im lặng.

- Đủ rồi, đủ rồi. - Frida nói, và nắm lấy cánh tay Jeremiás lôi mạnh: - Anh ấy bị sốt và không biết mình đang nói gì. Còn anh, K., em xin anh đừng đi theo chúng em. Đây là phòng của Jeremiás và của em, nói đúng hơn chỉ là của em, em cấm anh bước vào đó với bọn em. Anh đừng đeo đuổi em, K. ạ, ôi, tại sao anh lại cứ đeo đuổi em? Không bao giờ, không bao giờ em quay lại với anh; chỉ nghĩ đến khả năng đó thôi em cũng đã kinh hoàng. Anh hãy đến với các cô gái của anh đi, họ chỉ mặc độc áo sơ mi, ngồi cạnh anh bên lò sưởi, người ta đã kể cho em như vậy, và nếu có ai đó đến tìm anh là họ rít lên. Nhà của anh là ở đó nếu như anh muốn đến đó tới mức ấy. Em luôn luôn kìm giữ anh trước những kẻ đó, dù không làm gì được, nhưng dẫu sao cũng đã kìm giữ. Bây giờ thì mọi việc đã kết thúc, anh là người tự do. Cuộc sống tốt đẹp đang chờ đợi anh ở đằng ấy, có lẽ sẽ có một cuộc chiến nhỏ với bọn đầy tớ vì một cô, còn cô kia thì chẳng ai thèm lấy mất của anh đâu. Mối liên kết của các vị đã được ban phước từ trước rồi. Anh đừng nói một lời phản đối nào, cái gì anh cũng có thể phủ nhận nhưng cuối cùng thì chẳng bác bỏ được điều gì cả. Anh thử nghĩ mà xem, Jeremiás, anh ta phủ nhận tất cả.

Họ gật đầu tán thưởng và mỉm cười với nhau.

- Nhưng ta cứ giả thiết, - Frida nói tiếp, - rằng tất cả đều bị phủ nhận thật sự đi nữa thì chúng ta được gì trong chuyện đó, em cần gì kia chứ? Và việc gì xảy ra ở chỗ họ thì đó là việc của họ và của anh ta, em không có gì liên quan cả. Việc của em là

chăm sóc anh cho đến khi anh khỏe mạnh như thời gian trước khi K. vì em mà hành hạ anh.

- Quả thật ngài không đi với chúng tôi sao, ngài đạc điền? - Jeremiás hỏi, nhưng Frida không hề quay về phía K., đã lôi anh ta đi. Cánh cửa nhỏ ở phía dưới thấp hơn những cánh cửa của hành lang, không chỉ Jeremiás mà cả Frida đều phải cúi xuống khi bước qua, ở phía trong có ánh đèn và chắc chắn là ấm áp: còn nghe cả tiếng thì thầm, có lẽ cô gái đã âu yếm bảo Jeremiás nằm vào giường, sau đó cánh cửa đóng lại.

Chỉ bây giờ K. mới nhận thấy ở hành lang đã trở nên yên tĩnh như thế nào, không chỉ ở phần hành lang nơi chàng cùng Frida đã lưu lại, đây là chỗ chắc chắn thuộc về khu vực để dụng cụ gia đình, mà cả ở hành lang dài với những căn phòng vừa mới đây còn sống động là thế. Vậy là các ngài đã ngủ cả rồi. K. cũng rất mệt mỏi, có lẽ vì mệt mỏi mà chàng đã không chống lại Jeremiás được như lẽ ra cần phải chống. Có lẽ thông minh hơn nếu chàng điều chỉnh theo gương Jeremiás, anh ta đã làm rùm beng quá đáng bệnh tật của mình một cách lộ liễu. - Cái mặt anh ta trông thảm hại không phải do bị cảm, mà là dị tật bẩm sinh, và không có loại thuốc thánh nào có thể làm thay đổi được anh ta. - Lẽ ra phải theo gương Jeremiás, phô trương cái mệt rã rời thực sự của mình, khuỵu xuống đây (riêng việc này đã là dễ chịu rồi) chợp mắt một tí, sau đó ai mà biết được, biết đâu người ta lại chẳng chăm sóc chàng chút đỉnh. Có điều chàng không thể giả vờ một cách khéo léo như Jeremiás, người chắc chắn đã chiến thắng, mà có lẽ cũng xứng đáng thôi, trong cuộc đua vì sự cảm thông này và cả trong cuộc đấu tranh khác nữa. K. mệt mỏi đến mức chàng đã nghĩ tới việc có nên thử mở cửa một căn phòng nào đó, bởi vì có những phòng rõ ràng không có người, chàng có thể ngủ đẫy giấc trên một chiếc giường có chăn nào đó chứ. Chàng cảm thấy việc này có thể bù đắp cho tất cả. Chàng còn gặp may trước khi ngủ. Ở cái khay mà Frida bỏ lại trên mặt đất vẫn còn một cái hũ nhỏ đựng rượu rum. K. bất chấp sự mệt mỏi đã quay lại uống hết số rượu rum đó.

Giờ đây ít ra chàng đã cảm thấy mình đủ sức để trình diện trước Erlanger. Chàng tìm cửa phòng Erlanger, nhưng không thấy, vì chẳng thấy người dầy tớ và Gerstäcker ở đâu cả, còn những cái cửa thì đều giống nhau. Nhưng dường như chàng nhớ ở khoảng nào đó của hành lang có cánh cửa nọ, và chàng đã quyết định mở một trong những cánh cửa mà chàng cho rằng có thể trúng nơi mình tìm. Sự thể nghiệm không tỏ ra nguy hiểm gì đặc biệt: nếu chàng mở đúng cửa phòng của Erlanger, chắc chắn Erlanger sẽ đón tiếp chàng thân mật, còn nếu mở vào phòng của người khác thì vẫn luôn luôn có cách để chàng xin lỗi và đi ra, hoặc mở vào phòng có khách đang ngủ, mà điều đó dễ xảy ra nhất, thì, khách không thấy được cuộc viếng thăm của chàng. Sự việc sẽ trở nên tồi tệ nếu căn phòng đó không có người, vì lúc ấy hẳn chàng không thể cưỡng lại nổi ý muốn nằm lên giường và ngủ một mạch. Chàng còn nhìn suốt dọc hành lang, hết phải qua trái, một lượt nữa xem có ai đến không, và người đó có thể giải thích cho chàng, để khỏi phải liều lĩnh vô ích, nhưng hành lang dài vẫn yên tĩnh và trống rỗng. Sau đó chàng lắng nghe qua cánh cửa: không có dấu hiệu gì của khách cả. Chàng gõ cửa nhẹ nhàng để nếu nhỡ ra có ai đang ngủ trong đó khỏi phải thức giấc, nhưng không có gì xảy ra, chàng mở cửa hết sức thận trọng. Bất chợt chàng nghe thấy một tiếng kêu thốt lên khe khẽ.

Đó là căn phòng nhỏ mà chiếc giường rộng đã chiếm mất hơn một nửa, trên chiếc tủ nhỏ đèn vẫn sáng, cạnh đó là chiếc ba lô. Trên giường, dưới chiếc chăn trùm kín có ai đang ngọ nguậy bất an, người đó hỏi giọng thì thào qua chăn và khăn trải giường:

- Ai đó?

K. giờ đây không thể đơn giản bỏ đi mà không nói gì, chàng bực bội quan sát cái giường hấp dẫn nhưng rất tiếc đã có người nằm, rồi nhớ tới câu hỏi, chàng đã nói tên mình. Việc này có vẻ có ảnh hưởng tốt, vì người đàn ông nằm trong giường đã kéo chiếc chăn xuống khỏi khuôn mặt một ít,

nhưng vẫn giữ thái độ lo lắng, sẵn sàng kéo trùm chăn lại ngay, nếu có sự gì bất lợi. Nhưng rồi ông ta đã không do dự hất chiếc chăn ra phía sau và ngồi dậy. Một điều chắc chắn rằng ông ta không phải là Erlanger. Ông ta là người có thân hình nhỏ bé, vẻ ngoài dễ chịu, trên khuôn mặt ông ta có cái gì đó mâu thuẫn rất đặc trưng: khuôn mặt bầu bĩnh ngây ngô, đôi mắt tinh nghịch trẻ con, nhưng trán cao, mũi nhọn, miệng hẹp, môi gần như trễ ra, còn cái cằm xẻ thì không hề toát ra vẻ trẻ con, mà luôn luôn tỏ ra đang nghĩ ngợi căng thẳng. Rõ ràng do bằng lòng với bản thân mình nên ông ta đã giữ được trong bản chất của mình sự ngây ngô con trẻ lành mạnh đến thế.

- Ông có quen Friedrich không?

K. lắc đầu.

- Nhưng ông ta lại biết ông đấy, - ông ta mỉm cười nói.

K. gật đầu, khá nhiều người biết chàng, thậm chí điều đó là cản trở chính trên con đường của chàng.

- Tôi là thư kí của ông ấy, - ông ta nói. - Tên tôi là Bürgel.

- Xin lỗi, - K. nói và với tay về phía nắm đấm trên cửa, - rất tiếc là tôi đã nhầm cửa của ông với cửa của người khác. Bởi vì tôi được mời đến chỗ ngài thư kí Erlanger.

- Thật là tiếc, - Bürgel nói, - không phải tiếc là ông được mời đến nơi khác, mà là tiếc ông đã nhầm các cửa. Tôi mà đã bị đánh thức rồi thì khó mà ngủ lại nữa. Nhưng ông đừng áy náy vì việc đó, đây là sự bất hạnh của cá nhân tôi. Tại sao ở đây lại không khóa các cửa lại, có đúng không? Điều này tất nhiên có nguyên nhân của nó. Theo một thành ngữ cũ thì cửa phòng của các thư kí luôn luôn cần phải mở. Tuy vậy cũng không nên hiểu việc này một cách máy móc.

Bürgel nhìn K. khẩn khoản và cười vui vẻ. Mặc dù có lời phàn nàn nhưng xem ra ông ta cũng đã được nghỉ ngơi tốt, chắc chắn chưa bao giờ ông ta mệt mỏi như K. lúc này.

- Thế ông định đi đâu bây giờ? - Bürgel hỏi. - Bốn giờ rồi. Ông buộc phải đánh thức bất kì ai mà ông ghé vào, và không

phải ai cũng quen bị đánh thức như tôi, không phải ai cũng xử sự một cách kiên nhẫn như thế này, thư kí là dân hay các. Vậy nên ông hãy ở lại chỗ tôi một lúc. Ở đây người ta bắt đầu dậy lúc năm giờ, lúc đó ông có thể làm thỏa mãn giấy mời triệu tập của họ. Xin ông buông cái tay cầm ra và ngồi xuống chỗ nào đấy, tất nhiên, chỗ của chúng ta hơi chật, tốt nhất là ông ngồi xuống mép giường đây. Ông ngạc nhiên là tôi không có bàn ghế gì cả chứ gì? Tôi đã có thể lựa chọn: hoặc là một căn phòng được trang bị không chê vào đâu được, với cái giường khách sạn hẹp, hoặc là cái giường lớn này và không có gì khác ngoài một bồn rửa mặt. Tôi đã chọn cái giường lớn, trong phòng ngủ thì chung quy lại giường là cái quan trọng nhất. Ôi, cái giường này thật sự là lí tưởng đối với một người ngủ dễ, với người chỉ duỗi chân tay ra là ngủ như chết. Nhưng đối với tôi cũng tốt, dù tôi không ngủ được, luôn luôn mệt mỏi, phần lớn thời gian trong ngày tôi sinh hoạt trên giường này, ở đây tôi viết tất cả các lá thư và nghe lời khai của các bên. Như thế thật tiện lợi. Đúng là khách thăm không biết ngồi vào đâu, nhưng họ không quan tâm tới điều đó, họ có lợi hơn nếu đứng, mà người làm biên bản cũng phấn khởi hơn là họ ngồi thoải mái và liên tục phải rít gào lên với họ. Thêm nữa tôi có thể mời ai đó ngồi xuống mép giường này, nhưng đây không phải là chỗ ngồi khi làm việc, nó chỉ dành cho những cuộc nói chuyện ban đêm. Nhưng tại sao ông im lặng thế, ông đạc điền?

- Tôi rất mệt, - K. nói. Vừa được mời, chàng liền ngồi phệt xuống giường và dựa vào thành giường, không cần đến mọi sự tế nhị.

- Tất nhiên, - Bürgel cười nói, - ở đây tất cả mọi người đều mệt. Hoàn toàn không phải là việc nhỏ, ví dụ cái công việc mà tôi đã làm hôm qua và hôm nay. Quả thật, tôi chịu không thể nào ngủ lại vào lúc này, nhưng nếu cái điều không thể này vẫn xảy ra, trong khi ông còn ở đây mà tôi lại ngủ được thì xin ông đừng làm ồn và đừng mở cửa. Không có gì phải lo lắng cả, đằng nào thì tôi cũng không ngủ hẳn, và nếu có ngủ thì cùng

lắm cũng chỉ trong chốc lát. Chuyện này có lẽ là do tôi đã quen với các đương sự, tôi thường dễ ngủ nhất khi có người xung quanh.

- Xin ông cứ ngủ đi, ông thư kí, - K. nói vẻ mừng rỡ. - Nếu ông cho phép tôi cũng ngủ một tí.

- Không, không, - Bürgel lại cười. - Chỉ khuyến khích suông thôi thì tôi không ngủ được, trong khi đang nói chuyện thì tôi mới ngủ được, ít ra thì sự nói chuyện ru tôi ngủ. Chắc chắn là nghề nghiệp của chúng ta làm thần kinh chúng ta căng thẳng. Tôi là thư kí làm công việc liên kết giữa các nơi. Ông không biết đó là việc gì, phải không? Tôi bảo đảm sự liên hệ chặt chẽ nhất - nói đến đây ông ta bất giác xoa hai tay vào với nhau, với vẻ thỏa mãn - giữa Friedrich và làng, tôi bảo đảm sự liên hệ giữa các thư kí của ông ấy ở Lâu đài và ở làng; hầu như tôi ở làng là nhiều, mặc dù không thường xuyên, trong mọi thời khắc tôi đều phải sẵn sàng để lên Lâu đài. Ông thấy cái túi đi đường của tôi đấy, một cuộc sống bất ổn, không phải ai cũng thích hợp. Mặt khác, đúng là tôi không thể tồn tại nếu không có công việc này, tất cả những công việc khác tôi đều thấy vô vị. Ông cũng như thế với công việc đạc điền chứ?

- Tôi không làm việc đó, người ta không quan tâm đến tôi như là người đạc điền, - K. nói, chàng không chú ý lắm. Chàng chỉ mong Bürgel ngủ đi, nhưng mong muốn đó có được trong chàng là nhờ ý thức trách nhiệm đối với bản thân, vì từ đáy lòng mình dường như chàng biết rằng cái giây phút Bürgel ngủ còn lâu, không biết bao giờ.

- Chuyện này lạ đấy, - Bürgel nói, hất mạnh đầu và lôi từ dưới chăn ra quyển sổ ghi chép để ghi lại điều gì đó. - Ông là đạc điền, mà lại không tiến hành công việc đạc điền nào cả à?

K. gật đầu theo thói quen, chàng duỗi cánh tay trên thành giường và gối đầu vào đấy. Chàng đã thử di chuyển vị trí cho thoải mái, nhưng tư thế này là thoải mái nhất, như vậy chàng đã có thể chú ý tốt hơn đến những lời của Bürgel.

- Tôi sẵn sàng xem xét chuyện này, - Bürgel tiếp tục nói. -

Rõ ràng là ở chỗ chúng tôi không thể có chuyện bỏ phí, không khai thác hết các khả năng chuyên môn. Tình trạng này rõ ràng rất khó chịu đối với ông, ông có đau khổ vì nó không?

- Tôi khổ vì nó, - K. nói khẽ, chàng cười thầm vì ngay chính lúc này chàng chẳng hề khổ vì nó một chút nào. Lời đề nghị của Bürgel cũng không có tác động gì đặc biệt đối với chàng. Một thái độ hời hợt quá mức. Ông ta không biết gì về việc người ta mời K. trong hoàn cảnh như thế nào, chàng đã gặp phải những khó khăn ra sao ở trong làng và trong Lâu đài, chàng đã đạt được cái gì, hoặc những triển vọng gì mở ra từ khi chàng lưu lại đây: ông ta không hề biết gì cả; ông ta cũng không làm ra vẻ có liên quan đến những việc đó dù chỉ là mơ hồ nhất, điều mà từ phía một thư kí lẽ ra cần biết nhưng lại đề xuất một cách nhanh chóng rằng sẽ sắp xếp vụ việc đó trong Lâu đài với sự giúp đỡ của quyển vở ghi chép nhỏ của ông ta.

- Trông ông có vẻ là người đã từng một vài lần thất vọng, - Bürgel nói, và với nhận xét này ông ta tỏ ra có hiểu biết về con người nhất định. Nói chung từ khi bước vào căn phòng, K. luôn cố gắng thuyết phục mình không được coi thường Bürgel, nhưng trong trạng thái lúc này của mình, chàng không thể xét đoán điều gì khác một cách đúng đắn ngoài sự mệt mỏi của chàng.

- Không, - Bürgel nói, dường như để trả lời ý nghĩ của K. và ông ta muốn tế nhị tránh cho K. khỏi mệt mỏi vì phải nói chuyện. - Không được hoảng hốt lùi bước vì thất vọng. Ở đây việc này, việc khác cứ như chỉ để nhằm làm cho người ta hoảng hốt vậy, trong con mắt của người mới đến đây thì những trở ngại hoàn toàn không thể vượt qua. Tôi không muốn làm rắc rối bằng các cuộc điều tra xem sự việc như thế nào, vẻ bề ngoài có lẽ phù hợp với thực tế. Ở vị trí của tôi, tôi không có đủ tư cách cần thiết để có thể xét đoán việc này, nhưng ông xem, có những cơ hội không trùng khớp hoàn toàn làm một với tình hình chung, những cơ hội mà chỉ với một lời

nói, một cái nhìn, với dấu hiệu của sự tin cậy có thể đạt được nhiều hơn bằng những cố gắng đầy mệt mỏi suốt cả đời. Chắc chắn như vậy. Tất nhiên những cơ hội ngẫu nhiên này có một sự tương đồng với tình hình chung đó là vì người ta không bao giờ lợi dụng chúng. Nhưng tại sao người ta không lợi dụng chúng? Tôi vẫn hỏi đi hỏi lại.

K. không biết được. Chàng hiểu điều Bürgel nói có thể rất liên quan đến mình, nhưng giờ đây chàng cảm thấy khó chịu với tất cả những gì liên quan đến chàng. K. hơi né đầu sang bên như thể với cử chỉ đó chàng nhường đường tự do cho những câu hỏi của Bürgel để chúng đừng đụng tới chàng nữa.

- Những người thư kí, - Bürgel tiếp tục nói, ông ta duỗi chân tay và ngáp một cái, cử chỉ trái ngược một cách bất ngờ với tính chất nghiêm túc của những lời ông ta nói. - Những người thư kí thường xuyên than vãn rằng người ta bắt buộc họ thi hành phần lớn các cuộc thẩm vấn ở làng vào ban đêm. Tại sao họ lại than vãn vì việc đó? Có phải vì việc đó làm họ mệt mỏi quá? Hay vì họ muốn ban đêm để ngủ? Không, chắc chắn họ không than vãn vì lẽ đó. Tất nhiên trong đám thư kí thì cũng có người chăm chỉ nhiều, kẻ chăm chỉ ít, giống như mọi nơi trên thế giới, nhưng không ai trong số họ than vãn vì công việc quá nặng, ít ra thì cũng không có ai công khai than vãn. Đơn thuần là chúng tôi xa lạ với những việc như thế này. Trong tinh thần đó chúng tôi không biết đến sự khác biệt nào giữa thời gian thông thường và thời gian làm việc. Sự phân biệt kiểu này hoàn toàn xa lạ đối với chúng tôi. Nhưng như thế thì các thư kí phản đối những cuộc thẩm vấn ban đêm vì lẽ gì? Có lẽ họ thương hại các đương sự chăng? Không, điều này không thể nói đến. Các thư kí không thương hại các đương sự, bởi vì ngay tới bản thân mình, họ cũng chẳng biết đến thương hại. Trong thực tế, tất nhiên sự nghiêm khắc này không có gì khác hơn là thực hiện kỉ luật sắt trong lúc thực thi trách nhiệm công vụ, mà nếu vậy thì đương sự còn có thể muốn gì hơn? Thực ra người ta

hoàn toàn công nhận điều này (kẻ quan sát hời hợt thì không biết được), rằng chính các đương sự sẵn sàng chịu thẩm vấn ban đêm, và không có lời than vãn nào thật sự chống lại các cuộc thẩm vấn ban đêm. Vậy thì tại sao các thư kí lại không bằng lòng với chúng đến thế?

K. không biết điều đó, chàng biết ít quá, thậm chí chàng không thể xác định xem Bürgel thật sự muốn có câu trả lời không, hay chỉ hỏi để mà hỏi thôi. "Nếu ông cho phép tôi nằm vào giường của ông đánh một giấc, - chàng nghĩ, - trưa hoặc tối mai tôi sẵn sàng trả lời các câu hỏi của ông". Nhưng Bürgel xem ra không để ý nhiều đến chàng, ông ta còn bận tâm với câu hỏi tự đặt ra cho chính mình.

- Như tôi thấy và bản thân tôi cũng đã chiêm nghiệm thì các cuộc thẩm vấn ban đêm bị các thư kí phản đối bởi có những suy nghĩ sau đây: ban đêm không thích hợp cho việc thẩm vấn với các đương sự, bởi vì ban đêm khó lòng và không thể giữ được trọn vẹn tính chất công vụ của các cuộc thẩm vấn. Điều này không phụ thuộc vào những biểu hiện bên ngoài, tất nhiên mỗi người tùy theo sở thích đều có thể duy trì một cách nghiêm túc các hình thức, đêm cũng như ngày. Không phải vậy, mà thất thiệt chính là ở cách tiếp cận đối với sự việc. Ban đêm con người ta vô tình dễ cho phép các quan điểm riêng tư tham dự nhiều hơn vào việc xét đoán các sự việc, sự trình bày của các đương sự có sức nặng hơn là nó có được, và trong việc xây dựng sự phán xét đều có vai trò của những tính toán cân nhắc nhất định, hoàn toàn vô cớ về những việc khác của các đương sự, về những lo lắng, phiền muộn của họ; sự ngăn cách cần thiết giữa các đương sự và các công chức dù cho bề ngoài là có tồn tại nghiêm chỉnh thì trong thực tế nó lỏng lẻo, và lẽ ra, cần phải tuân thủ, một bên là câu hỏi và bên kia - trả lời thì đôi khi, thật kì quặc, lại nảy sinh sự thay đổi vai trò của nhau không thể chấp nhận được. Chí ít thì những người thư kí nói như vậy, mà họ thì, nhờ nghề nghiệp của mình, cảm nhận cực kì tinh tế về những chuyện

như thế. Về tác động xấu này, chúng tôi cũng đã tranh luận trong nội bộ, thế nhưng trong những cuộc thẩm vấn ban đêm các thư kí chỉ nhận thấy rất ít. Ngược lại họ chuẩn bị trước để đối mặt với nó và rốt cuộc vẫn tưởng là đã đạt được kết quả xuất sắc trên lĩnh vực này. Thế rồi sau đó người ta đọc lại các biên bản và không phải một lần kinh ngạc trước những điểm yếu đập vào mắt. Đây là những sai lầm không thể bào chữa nổi mà ít ra theo điều lệ của chúng tôi là không còn có thể sửa chữa được nữa bằng con đường ngắn nhất, nhưng đối với các đương sự thì lại phần nào được lợi. Hoàn toàn chắc chắn rằng rồi đây một văn phòng thanh tra sẽ sửa chữa những sai lầm ấy, nhưng việc này chỉ được tính cho sự sửa chữa các vi phạm về mặt pháp lí, còn đương sự liên quan thì vẫn bằng chân như vại. Giữa những hoàn cảnh như thế này, những điều than vãn của các thư kí chẳng phải là rất có cơ sở hay sao?

K. đã chợp mắt được một lúc, bây giờ chàng lại bị đánh thức. "Tất cả những điều này để làm gì? Tất cả những điều này để làm gì?" - chàng thầm hỏi và nhìn Bürgel bằng đôi mắt nửa nhắm nửa mở của mình nhưng không phải là nhìn một công chức, người vừa nói với chàng những vấn đề trọng đại, mà như là nhìn một cái gì đó không để yên cho chàng ngủ, cái mà chàng không tài nào nghĩ ra được ý nghĩa của nó. Bürgel thì bị cuốn hút bởi các ý nghĩ của mình, ông ta mỉm cười như thể đã đánh lạc hướng được K.. Nhưng, ông ta một lần nữa sẵn sàng đưa K. trở lại con đường đúng.

- Tuy thế, - ông ta nói, - cũng không thể cho những điều than vãn này là đúng hoàn toàn mà không nghi ngờ gì cả. Sự thật là không ở đâu có quy định về các cuộc thẩm vấn ban đêm, tức là người nào muốn tránh chúng thì cũng không vi phạm điều luật nào cả. Mặt khác, các mối quan hệ, sự quá tải trong công việc, phương thức hoạt động bên trong Lâu đài của các nhà chức trách, việc họ không thể vắng mặt, và điều lệ, theo đó việc thẩm vấn các đương sự chỉ được thực hiện sau khi đã hoàn tất các cuộc điều tra khác, mà phải thực hiện

ngay: tất cả những điều này và còn bao nhiêu chuyện khác nữa đã làm cho việc thẩm vấn ban đêm trở nên cần thiết không thể tránh khỏi. Nhưng nếu những cuộc thẩm vấn đó đã trở nên cần thiết không thể tránh khỏi thì tôi phải nói rằng việc đó cũng là xuất phát từ các điều lệ, ít ra là gián tiếp, vậy thì than phiền về những cuộc thẩm vấn ban đêm, tất nhiên tôi nói hơi quá một chút, tôi dám tuyên bố như sự cường điệu, rằng đó: cũng có nghĩa là than phiền về các điều lệ. Các thư kí được phép trong khuôn khổ của các điều lệ, trong chừng mực có thể, tránh cho chính mình khỏi những cuộc thẩm vấn ban đêm, và khỏi cả những điều không thuận lợi có thể chỉ là bề ngoài. Họ làm việc đó với mức độ lớn nhất. Họ chỉ chọn những vụ việc vô hại xét từ mọi phương diện, trước các cuộc hội đàm, họ kiểm tra lại mình một cách cẩn thận, nếu kết quả kiểm tra thấy cần thiết, thì cả trong phút chót họ cũng từ chối không tiếp đương sự, và họ khẳng định mình bằng việc cho gọi đương sự hàng chục lần trước khi họ thật sự làm việc với người ta; họ rất thích nhờ những đồng nghiệp thay thế mình, những đồng nghiệp không nắm được vụ việc đang bàn đến, và chính vì vậy đồng nghiệp của họ dễ dàng giải quyết sự vụ hơn, hoặc ít ra họ bố trí các cuộc tiếp kiến vào đầu buổi tối hoặc cuối đêm, tránh các giờ giữa đêm, tóm lại còn nhiều giải pháp bảo vệ như thế nữa, không dễ dàng vạch ra được những điểm yếu của họ, các thư kí hầu như có khả năng kháng thể ngang với khả năng bị tổn thương.

K. đã ngủ, nhưng không phải là giấc ngủ thật sự, giờ đây có lẽ chàng còn nghe rõ hơn những lời của Bürgel so với lúc nãy, trong khi thức mệt rũ người ra. Lời tiếp lời lọt vào tai chàng, nhưng cảm giác khó chịu đã phân tán, chàng cảm thấy mình tự do, không phải Bürgel giữ chàng lại, mà chính chàng thỉnh thoảng mò mẫm về phía Bürgel; chàng chưa chìm hẳn vào giấc ngủ nhưng đã rơi vào trạng thái mơ màng. Không ai có thể cướp đi cảm giác đó của chàng. Chàng cảm thấy dường như mình đã giành được chiến thắng lớn lao bằng giấc ngủ, và

để ăn mừng chiến thắng cả hội đã tụ tập, chàng nâng cốc sâm banh và có thể ai đó cũng làm như chàng. Và như để mọi người đều biết điều gì đang diễn ra, một lần nữa trận đánh và sự chiến thắng tái diễn lại, hoặc có thể không phải diễn lại mà chỉ bây giờ chúng mới bắt đầu, còn họ đã ăn mừng từ trước, liên tục, không nghỉ, vì họ may mắn biết chắc được chung cục của trận đánh. Có một viên thư kí - người trần truồng rất giống bức tượng thần của Hi Lạp - trong trận đấu bị K. ép sát vào góc. Cảnh tượng rất hài hước, trong mơ K. cũng mỉm cười, khi trước sự tấn công của chàng, viên thư kí mất hết phong thái kiêu hãnh, vội vã hạ hai tay nắm chặt đang giơ lên cao để che sự lõa lồ nhưng động tác đó thường không kịp thời. Trận đấu không kéo dài lâu. K. từng bước, những bước chân khổng lồ, tiến về phía trước. Có phải chăng đây là cuộc đấu? Không thấy có sự chống trả quyết liệt nào cả, chỉ thỉnh thoảng nghe thấy tiếng kêu rú lên! Vị thần Hi Lạp này kêu ré lên như một cô gái bị cù. Và cuối cùng ông ta cũng biến mất, K. còn lại một mình trong căn phòng rộng lớn, chàng can trường quay tới quay lui để tìm kiếm đối phương, nhưng không còn ai ở đó, đám đông cũng đã giải tán, chỉ còn cốc sâm banh bị vỡ nằm lăn lóc trên mặt đất. K. giẫm nát hết ra. Nhưng những mảnh vỡ đâm vào chân, K. rùng mình và thức giấc, khó chịu như một đứa trẻ bị người ta đánh thức dậy. Tuy nhiên, khi thoáng nhìn thấy bộ ngực để trần của Bürgel, K. nhớ đến giấc ngủ của mình, một ý nghĩ lướt qua đầu: Đây là vị thần Hi Lạp của nhà ngươi! Hãy lôi ngài ra khỏi đệm!

- Thế nhưng... - Bürgel nói và trầm ngâm ngước mắt lên trần nhà như thể tìm kiếm ví dụ trong trí nhớ của mình, nhưng không thể nào tìm thấy. - Thế nhưng bất chấp mọi giải pháp bảo vệ, các đương sự cũng tìm ra khả năng lợi dụng điểm yếu ban đêm của các thư kí, tất nhiên giả thiết rằng quả thật có tồn tại những điểm yếu. Tất nhiên rất hiếm khi, nói đúng hơn hầu như khả năng đó chưa bao giờ xảy ra. Nhưng có khả năng như thế này: nửa đêm thì đương sự đến, không báo

trước. Chắc ông ngạc nhiên, rõ ràng là cái khả năng hiển nhiên này ít khi bị lợi dụng. Phải, ông hoàn toàn xa lạ với những hoàn cảnh của chúng tôi. Nhưng chắc chắn ông cũng đã nhận thấy các tổ chức chính quyền của chúng tôi không có kẽ hở như thế nào. Chính vì khi nào cũng chặt chẽ nên người nào đó có việc gì, hoặc ai đó vì những lí do khác cần phải thẩm vấn, thì ngay lập tức được nhận ngay trát triệu tập, không trì hoãn, phần lớn việc này xảy ra trước khi đương sự kịp chuẩn bị, thậm chí trước cả khi đương sự chưa biết gì về nó. Tạm thời người ta chưa thẩm vấn, đa phần người ta không thẩm vấn theo con đường đó, sự việc chưa theo trật tự đến mức đó, nhưng trát gọi thì có, không báo trước thì không được vào, cùng lắm thì có thể đến không đúng giờ quy định, nhưng người ta lại lưu ý đương sự đến ngày giờ của trát gọi rồi đuổi về, đó là tất cả; và nếu sau đó đương sự quay trở lại vào thời điểm cần đến thì thông thường người ta không tiếp, việc này không gây khó khăn gì cả. Trát gọi có trong tay đương sự, còn những điều ghi chép thì nằm trong hồ sơ: những thứ này không phải lúc nào cũng đủ đối với các thư kí, nhưng chúng vẫn là những vũ khí bảo vệ lợi hại. Tuy nhiên việc này chỉ liên quan đến viên thư kí có thẩm quyền xử lí vụ việc, thế nhưng ai cũng có thể tự do ghé vào bất ngờ bắt gặp bất kì thư kí nào lúc nửa đêm. Nhưng chẳng ai làm việc đó, nó gần như là vô nghĩa. Trước hết việc đó làm cho viên thư kí có thẩm quyền tức giận, chúng tôi, những thư kí, không ghen tị nhau vì công việc, bởi mỗi chúng tôi đều đã có đủ những lo toan lạnh lùng được phân công bởi công việc, quả thật không có sự nhỏ nhen ti tiện nào cả. Chúng tôi không thể chịu được sự quấy phá từ phía các đương sự đối với người có thẩm quyền. Không phải mới chỉ có một người đã làm hỏng vụ việc vì thấy mình không có khả năng gặp được người có thẩm quyền nên thử luồn lách qua nơi không có thẩm quyền. Nhưng những cố gắng kiểu này đều không thành công: khi một thư kí không có thẩm quyền bị người ta đổ xô vào ban đêm, dù anh ta sẵn lòng thì cũng

không giúp đỡ nổi, vì anh ta không liên quan đến sự vụ và cũng không can thiệp được tốt hơn vào sự tiến triển của vụ việc so với bất kì luật sư nào chính là vì anh ta không có thẩm quyền. Thực chất là anh ta ít có khả năng can thiệp được vì anh ta không tiếp cận được nó... cho dù anh ta làm được điều gì đó vì anh ta biết những con đường bí ẩn của luật pháp rõ hơn tất cả các ngài luật sư gộp lại... thì anh ta đơn giản là không có thời gian cho những việc nằm ngoài thẩm quyền của mình, thậm chí một giây duy nhất anh ta cũng không được bỏ phí cho những việc đó. Với những triển vọng như thế, ai còn dành ban đêm để đến gặp các thư kí không có thẩm quyền, vì các đương sự công việc cũng ngập cổ, nếu bên cạnh việc hoàn thành chức trách của mình họ còn đáp ứng trát gọi và các giấy mời của các cấp có trách nhiệm. Nói "ngập cổ", tất nhiên là trong ý nghĩa mà đương sự quan niệm, điều đó không phải theo ý nghĩa là "ngập cổ các thư kí".

K. mỉm cười gật gù, giờ đây chàng tin rằng mình đã hiểu tất cả một cách chính xác, nhưng không phải là những điều đó hấp dẫn chàng, mà là bởi vì chàng tin tưởng sắt đá rằng những giây phút tiếp theo mình sẽ ngủ thật sự, không mộng mơ, bực tức. Giữa một bên là các thư kí có thẩm quyền, bên kia là các thư kí không có thẩm quyền và trước mặt là đám đông các đương sự ngán tận cổ, chàng sẽ chìm vào giấc ngủ sâu, và với giấc ngủ này chàng thoát khỏi họ. K. cũng đã quen với giọng nói nhỏ nhẹ, tự mãn đang vật lộn với giấc ngủ một cách vô ích của Bürgel đến mức giọng nói của ông ta giúp chàng ngủ thì đúng hơn là quấy rầy chàng. "Mày cứ huyên thuyên đi, huyên thuyên đi cái cối xay, - chàng nghĩ, - mày huyên thuyên chỉ có lợi cho tao thôi".

- Vậy thì ở đâu, - Bürgel nói, hai ngón tay gõ gõ trên môi dưới, mắt mở to, cổ vươn ra như thể sau chuyến đi mệt lử dài ngày ông ta đang đến gần một phong cảnh đẹp đẽ. - Ở đâu có cái khả năng đã nhắc tới mà ít khi, gần như không bao giờ xảy ra đó? Bí mật ẩn chứa trong các điều lệ liên quan tới

thẩm quyền. Vì sự việc không phải như vậy, ở một tổ chức lớn đang hoạt động, không thể có chuyện trong từng việc chỉ có duy nhất một thư kí có thẩm quyền. Được quy định là có một thư kí có thẩm quyền chính sau đó có nhiều người gần như có thẩm quyền trong các phần việc nhất định, thậm chí mức độ thẩm quyền của họ tất nhiên là rất nhỏ. Ai có thể làm được - cho dù là người lao động tuyệt vời như thế nào đi nữa - thu thập đủ mọi chi tiết liên quan của vụ việc cứ cho là một vụ việc nhỏ nhất đi nữa? Tôi cũng đã nói hơi quá về thẩm quyền chính. Bởi vì chẳng phải trong thẩm quyền nhỏ nhất đã ẩn giấu toàn bộ thẩm quyền rồi hay sao? Chẳng phải với sự say mê mà họ bắt tay vào công việc là yếu tố quyết định đấy ư? Và sự nhiệt thành không phải luôn luôn như nhau hay sao? Chẳng phải nó luôn luôn thể hiện bằng toàn bộ sức mình đó sao? Trong nhiều chuyện có thể có sự khác biệt giữa các thư kí, và có vô số sự khác biệt giữa họ với nhau, nhưng về mặt đam mê thì không có gì khác biệt, không một viên thư kí nào chịu ngồi yên nếu được làm việc, cho dù với một trường hợp mà anh ta nắm bắt ở mức độ nhỏ như thế nào. Tất nhiên bề ngoài cần phải tồn tại một thể thức tiến hành công việc một cách xác định, vì thế luôn xuất hiện trước các đương sự một viên thư kí đã được xác định, người ta phải giữ các quan hệ công việc. Viên thư kí này không nhất thiết phải nắm vững vụ việc hơn những người khác, chuyện này đã có tổ chức và những yêu cầu cấp bức của nó quyết định. Tình hình là như vậy. Bây giờ ông thử nghĩ xem, ông đạc điền, rằng có một đương sự chẳng hạn, ai biết được là nhờ những hoàn cảnh như thế nào, dám coi thường tất cả những trở ngại mà vừa rồi tôi đã mô tả cho ông, bỗng dưng bắt gặp viên thư kí nào đó trong đêm, người phần nào có thẩm quyền trong vụ việc đang nói đến. Ông chưa bao giờ nghĩ đến khả năng này hay sao? Tôi tin. Cũng không cần phải nghĩ tới nó, bởi vì chưa từng xảy ra việc đó. Đương sự như thế này phải là hạt giống nhỏ, khéo léo, có hình thức đặc biệt như thế nào thì mới lọt qua được cái

sàng khó lọt ấy chứ. Ông nghĩ là không thể xảy ra sao? Ông nghĩ đúng, hoàn toàn không thể xảy ra. Nhưng một đêm nào đó nó cứ xảy ra, ai mà dám chắc được mọi chuyện. Trong mọi trường hợp, tôi chưa biết ai trong số những người quen của tôi gặp phải chuyện đó, nhưng việc này chưa chứng minh được gì và phạm vi quen biết của tôi rất hạn chế so với con số liên quan đến chuyện đó; hơn nữa, đã chắc gì viên thư kí gặp phải chuyện như vậy lại thừa nhận sự việc mình làm bởi vì đó là việc vô cùng riêng tư, và trong chừng mực nhất định động chạm nghiêm trọng tới đạo đức nghề nghiệp. Dù sao kinh nghiệm của tôi có lẽ chứng minh được một điều: Đó là chuyện hiếm có, thật ra chỉ tồn tại trong những lời đồn đại, là hiện tượng hoàn toàn vô căn cứ, mà sợ nó thì thật là quá đáng. Nếu như trong thực tế nó vẫn xảy ra thì về mặt hình thức có thể làm cho nó vô hại bằng cách chứng minh những trường hợp như thế không thể có - một việc quá dễ - trên thế gian này. Nói chung đó là một hiện tượng bệnh hoạn, nếu ai đó sợ đến mức phải trốn dưới chăn và không dám thò đầu ra ngoài. Và nếu toàn bộ cái không thể có đột ngột trở thành hiện thực thì lập tức thế giới sụp đổ ngay chăng? Ngược lại. Thế giới sụp đổ, đó là điều không thể có hơn cả điều không thể có. Tất nhiên nếu một khi đương sự có mặt ở trong phòng thì đó là điều quá tồi tệ. Trái tim con người ta se lại. "Phải chăng ngươi cưỡng lại được đến bao giờ", ta tự hỏi. Và ngay lúc đó ta đã biết rõ rằng sẽ không có sự cưỡng lại nào cả. Ông thử tưởng tượng tình cảnh đó cho đúng. Đương sự ngồi đây, người mà ta chưa từng thấy bao giờ, và ta liên tục chờ đợi với một nỗi khao khát thật sự nhưng vẫn hoàn toàn sáng suốt xem là không tồn tại. Sự hiện diện im lặng của anh ta cũng đã kêu gọi ta đi sâu vào cuộc đời đáng thương của anh ta, phải xem xét anh ta như xem xét vật sở hữu của riêng mình và hãy cảm thông với những mong muốn vô ích của anh ta. Sự cám dỗ này vào lúc nửa đêm làm mê hoặc con người ta. Cho phép anh ta, về bản chất, tức là ta thôi không còn là công chức chính quyền. Trong

tình thế này khó có thể từ chối các đề nghị. Nói chính xác hơn, ta vô cùng tuyệt vọng; chính xác hơn, ta rất hạnh phúc. Ta tuyệt vọng vì bất lực, ngồi đó chờ đợi điều yêu cầu của đương sự, và ta biết rằng khi lời đề nghị kết thúc ta phải thực hiện, kể cả nếu việc đó (ít ra trong chừng mực có thể xét xử) về mặt hình thức, làm tan nát tổ chức chính quyền: đây là điều tệ hại nhất mà người ta có thể gặp phải trong thực tiễn. Mà trước hết bởi vì, dù không tính đến những gì còn lại, hóa ra đấy là sự vượt quá mọi giới hạn quyền lực mà ta tự tiện nhận vào mình trong thời điểm đó. Theo vị trí của mình thì chúng tôi không được ủy quyền đáp ứng những yêu cầu nói đến ở đây, nhưng do gần gũi các đương sự trong đêm như thế này có thể nói sức mạnh chính quyền của chúng tôi được tăng lên, và chúng tôi tự nhận về mình những đặc quyền mà chúng tôi không được phép, hơn thế nữa chúng tôi còn sử dụng những đặc quyền ấy nữa. Như là tên cướp trong rừng, trong đêm đương sự đòi hỏi ở chúng tôi những hi sinh mà thông thường chúng tôi không thể nào có khả năng thực hiện. Mọi việc đều tốt đẹp trong khi đương sự còn ở đó, và động viên, khuyến khích chúng tôi; hầu như mọi việc trôi chảy không đắn đo cân nhắc, theo cách của nó, nhưng điều gì xảy ra khi đương sự đã ra về, khi anh ta mãn nguyện và vô lo bỏ chúng tôi ở lại đó một mình không có gì bảo vệ, đối diện với tội lạm dụng công quyền, một việc làm hoàn toàn không thể tưởng tượng nổi. Nhưng bất chấp tất cả, thế mà ta hạnh phúc. Hạnh phúc chết người làm sao! Bởi vì chúng tôi có thể giấu kín thực trạng trước đương sự. Chính anh ta cũng không tự nhận ra điều gì cả. Anh ta, theo ý kiến riêng mình, mệt mỏi và thất vọng từ một lí do không quan trọng, ngẫu nhiên, anh ta hờ hững và xa lạ, bước vào một nơi khác với nơi anh ta muốn, giờ đây anh ta ngồi ở trong phòng, không nghi ngờ gì cả, đang suy nghĩ - nếu anh ta còn đủ sức suy nghĩ - về sự nhầm lẫn hoặc sự mệt mỏi của mình. Có thể bỏ mặc anh ta trong trạng thái như vậy được sao? Không thể. Với sự lắm lời của một người hạnh phúc

cần phải giảng giải cho anh ta đủ mọi chuyện. Không tiếc sức mình nói cho anh ta biết cái gì đã xảy ra, và vì sao nó xảy ra, rằng những cơ hội như vậy là vô cùng hiếm hoi hầu như duy nhất và anh ta đã dò dẫm một cách vụng về như thế nào trong cơ hội đó, với một sự bất lực mà không thể có được ở bất kì sinh vật nào khác, mà chỉ có ở một mình anh ta, đương sự là như vậy. Còn cuối cùng anh ta có thể chiến thắng như thế nào, thưa ông đạc điền, anh ta chỉ cần nêu lên yêu cầu của mình mà sự thực hiện nó đã có sẵn, vâng, hầu như anh ta đang đối mặt với nó, cần phải chỉ cho anh ta thấy tất cả, đây là thời gian nặng nề của một công chức. Nhưng nếu như việc này xảy ra, thưa ông đạc điền, thì tức là đã xảy ra điều quan trọng nhất, và thế thì chỉ cần kiên nhẫn chờ đợi.

K. đã ngủ, không có gì đến được với chàng từ những điều đã xảy ra. Lúc đầu, đầu chàng nghỉ ngơi trên cánh tay trái gối trên thành giường, sau đó nó truột xuống trong khi chàng ngủ và bây giờ thì nó rũ xuống trong khoảng không ngày một sâu hơn. Chỗ tựa của cánh tay chàng ở phía trên không đủ, K. buộc phải tìm cái gì khác cho mình: Chàng chống cánh tay phải lên tấm chăn, và tình cờ túm lấy chân của Bürgel nhô lên dưới tấm chăn. Bürgel nhìn về phía đó, và mặc dù việc đó khó chịu như thế nào, ông ta cũng để mặc K..

Lúc đó có ai gõ mạnh vài lần vào bức tường chung. K. giật mình, liếc mắt về phía bức tường.

- Có ông đạc điền ở đó không? - người ta hỏi.

- Có đây, - Bürgel nói, rút chân ra, vươn vai một cách mạnh mẽ và tinh nghịch như một đứa trẻ.

- Thế thì ông ta sang đây đi, - có tiếng trả lời, không để ý đến Bürgel và việc ông ta có cần K. nữa không.

- Erlanger đấy, - Bürgel nói nhỏ và có vẻ như ông ta không hề bị bất ngờ trước việc Erlanger có ở phòng bên cạnh. - Ông sang ngay với ông ta, bây giờ ông ta đang bực mình, ông hãy thử làm cho ông ta khuây khỏa. Ông ta dễ ngủ lắm, nhưng chúng ta đã nói chuyện hơi to tiếng; con người ta vẫn thường

không làm chủ được mình và tiếng nói của mình một khi nói về những sự việc nhất định. Ông đi đi, trông ông vẫn chưa hết buồn ngủ. Đi đi, ông còn muốn gì ở đây nữa? Không, quả thật ông không cần phải bào chữa vì buồn ngủ, tại sao lại phải làm như vậy? Sức mạnh thể chất cũng có những giới hạn của nó chứ, biết làm sao được nếu như cái giới hạn này có ý nghĩa quyết định? Không, về việc này không ai có lỗi cả. Thế giới cũng điều chỉnh bản thân nó như vậy để duy trì sự cân bằng. Tuyệt vời, sự sắp xếp này chứng tỏ thế giới tuyệt vời không thể tin được, cho dù nhìn từ phương diện khác nó cũng buồn. Nào, đi đi ông, tôi không hiểu tại sao ông nhìn tôi như vậy. Nếu ông do dự lâu, Erlanger lại nói tôi, thật ra tôi đâu có cần gì. Ông hãy đi đi, ai mà biết điều gì đang chờ ông ở đó; ở đây tất cả đều là cơ hội. Tất nhiên có những cơ hội tôi phải nói là quá quan trọng so với việc người ta phải lợi dụng chúng, có những sự việc không thành ở ngay bản thân chúng, chứ không phải do cái gì khác. Vâng, đây là điều kì lạ. Tôi hi vọng giờ đây tôi có thể ngủ được một lúc. Tất nhiên đã năm giờ rồi, chẳng bao lâu nữa sẽ bắt đầu sự ầm ĩ. Chí ít thì ông cũng đi khỏi cho!

K. hồi lâu mà không làm sao đứng dậy nổi, chàng hoàn toàn choáng váng vì bị đánh thức đột ngột khi đang ngủ say; chàng những muốn ngủ thật nhiều nữa. Do nằm trong tư thế không thoải mái nên toàn bộ cơ thể chàng đau ê ẩm, úp trán vào lòng bàn tay, chàng thẫn thờ nhìn hai đầu gối mình. Những lời từ biệt lặp đi lặp lại của Bürgel vẫn không làm cho chàng rời khỏi nơi đó. Chỉ có ý thức về sự vô lí hoàn toàn việc ở lại trong phòng buộc chàng đứng lên một cách chậm chạp. Chàng cảm thấy căn phòng thảm hại không thể nào mô tả nổi. Chỉ bây giờ nó mới như thế hay là thường xuyên như thế, chàng không biết. Ở đây chàng không bao giờ ngủ ngon được. Nhận thức này là trọng lượng quyết định vào cán cân; chàng cười thầm rồi đứng dậy tựa vào cái gì có thể tựa được như giường, tường, cửa và như thể đã tạm biệt Bürgel, chàng bước ra mà không chào ông ta.

CHƯƠNG XIX

Có lẽ chàng cũng đã đi ngang qua trước cửa phòng Erlanger một cách xa lạ như thế nếu Erlanger không đứng ở nơi cánh cửa mở và không ra hiệu cho chàng. Ông ta ra hiệu ngắn gọn, một lần, bằng ngón tay trỏ. Erlanger đứng với tư thế sẵn sàng lên đường. Ông ta mặc chiếc áo choàng bằng lông thú, màu đen, cổ áo dựng cao gài chặt. Một người đầy tớ tay cầm một chiếc mũ lông, đang trao cho ông ta đôi găng tay.

- Ông phải đến từ lâu rồi, - Erlanger nói. K. muốn xin lỗi. Erlanger nhắm mắt vẻ mệt mỏi, ra hiệu không cần thiết.

- Chuyện thế này, - ông ta nói. - Trước đây trong quán rượu có một cô gái tên là Frida phục vụ, tôi chỉ biết tên cô ta, nhưng không biết cô ta, cũng không quan tâm đến. Thỉnh thoảng cô Frida này có phục vụ bia cho Klamm. Bây giờ hình như có cô gái khác ở đó. Tất nhiên đây là sự thay đổi không đáng kể gì có lẽ đối với mọi người, còn đối với Klamm thì chắc chắn như vậy. Nhưng người nào công việc càng lớn - và tất nhiên công việc của Klamm là lớn nhất - thì càng có ít thời gian để đối mặt với thế giới bên ngoài, vì thế sự thay đổi không đáng kể nhất của những việc không đáng kể nhất cũng có thể làm phiền ông ta. Tất cả đều có thể tác động xấu, từ sự thay đổi nhỏ nhất trên bàn viết như việc tẩy xoá một vết bẩn nhỏ có ở đó từ lâu đến một cô phục vụ mới. Tất nhiên những việc đó có thể làm phiền người khác trong công việc khác như thế nào đi nữa cũng không làm phiền nổi Klamm; làm gì có chuyện làm phiền được Klamm. Tuy vậy, trách nhiệm của chúng tôi là giữ gìn sự thoải mái của Klamm tới mức phải loại bỏ những yếu tố gây phiền phức mà đối với ông ta không phải là những yếu tố gây phiền phức (đối với ông ta có lẽ hầu như không có những yếu tố gây phiền phức) nhưng theo sự suy xét của chúng tôi chúng có thể là những yếu tố gây phiền phức.

Chúng tôi không vì ông ta, không vì lợi ích công việc của ông ta mà loại bỏ những yếu tố gây phiền phức đó, mà là vì lợi ích riêng của mình, vì lương tâm thanh thản và sự yên bình của chúng tôi. Cho nên cái cô Frida ấy cần phải trở lại quán rượu ngay lập tức, rất có thể cô ta sẽ gây phiền toái vì quay trở lại, và nếu vậy chúng tôi lại phải cho đi, nhưng trước mắt cô ta cần phải trở về. Như tôi nghe nói, thì các người sống chung với nhau, vậy ông hãy giải quyết ngay việc cô ta quay trở lại. Chúng tôi không thể quan tâm đến những tình cảm riêng tư, điều này là tất nhiên, vì thế tôi không muốn tiếp tục tranh luận gì về sự việc cả. Tôi làm quá nhiều so với sự cần thiết khi tôi nhắc rằng trong công việc nho nhỏ này nếu ông thể hiện sự sẵn sàng, có dịp nó sẽ có thể có ích cho sự thành đạt của ông. Tôi chỉ muốn nói từng ấy cho ông.

Ông ta ra hiệu chào tạm biệt K., rồi đội chiếc mũ lông mà người đầy tớ đưa cho và nhanh chóng, nhưng hơi khập khiễng, rời khỏi hành lang, theo chân ông ta là tên đầy tớ.

Thỉnh thoảng ở đây người ta ra những cái lệnh rất dễ thực hiện, nhưng giờ đây K. không mừng cho sự dễ dàng đó. Không chỉ vì lệnh này liên quan đến Frida, K. cảm thấy như một sự xúc phạm chàng, mà còn trước hết vì qua đó nổi lên cái thực tế vô ích trong tất cả những cố gắng đầy mệt mỏi của chàng. Những mệnh lệnh ban ra không đếm xỉa đến chàng, chúng bất tiện cũng như là thuận tiện, kể cả trong các mệnh lệnh thuận tiện nhất vẫn ẩn giấu cốt lõi bất tiện, trong mọi trường hợp chúng đều phớt lờ chàng, và chàng đứng quá thấp phía dưới không thể can thiệp làm cho người khác im lặng và lắng nghe chàng. Nếu Erlanger ra lệnh, anh muốn làm gì? Nếu ông ta không ra lệnh, anh nói gì với ông ta? K. cũng biết rằng sự mệt mỏi của chàng hôm nay có hại cho chàng hơn mọi hoàn cảnh bất lợi, nhưng vậy thì tại sao chàng lại tin tưởng vào sức khỏe của mình có thể trụ vững? Nếu trong chàng không có niềm tin đó, đơn giản là chàng không lên đường, tại sao chàng lại không chịu được một vài đêm xấu và một đêm mất ngủ; tại

sao chàng lại mệt mỏi không thể nào khắc phục được chính tại đây, nơi mà không một ai mệt mỏi, hay nói chính xác hơn ai cũng luôn luôn mệt mỏi, vậy mà thay vì nhìn thấy tác hại của sự mệt mỏi đối với công việc thì ngược lại, chàng thấy dường như sự mệt mỏi này lại có lợi cho công việc. Từ đấy có thể rút ra kết luận rằng sự mệt mỏi của họ hoàn toàn khác sự mệt mỏi của K., là sự mệt mỏi đến sau khi công việc được hoàn thành tốt đẹp: nhìn bề ngoài thì mệt mỏi, nhưng trong thực tế thì đó là sự yên tĩnh, bình yên tuyệt đối. Nếu vào buổi trưa con người ta mệt mỏi một tí thì điều đó là tất yếu, là hậu quả tự nhiên của buổi sáng. "Ở các ngài đây luôn luôn là buổi trưa", - K. thầm nghĩ.

Và khớp với việc đó một cách chính xác là cuộc sống đã nhộn nhịp ở hai bên hành lang, dù chỉ mới năm giờ sáng. Trong tiếng động này có gì vui vẻ lắm. Nơi thì vang lên như tiếng bọn trẻ hân hoan chuẩn bị đi du lịch, nơi thì nháo nhác như tiếng gà trong chuồng với niềm vui được thức dậy cùng với mặt trời. Ở đâu đó có một người còn bắt chước tiếng gà gáy. Hành lang vẫn còn trống vắng, nhưng những cánh cửa đã chuyển động, chúng thường xuyên được mở hé ra rồi sau đó nhanh chóng được đóng lại, cả hành lang cứ thế lục cục tiếng đóng, mở cửa liên tục, và K. nhìn thấy đây đó qua khe hở phía trên những bức tường không che kín tận trần nhà, những cái đầu rối bù mới dậy khỏi giường, chúng xuất hiện rồi biến mất ngay. Từ xa một chiếc xe con do một người phục vụ đẩy, tiến lại gần, trên xe chở đầy ắp hồ sơ tài liệu. Đi cạnh là một người phục vụ khác tay cầm sổ ghi chép, chắc anh ta đối chiếu các con số ngoài cửa phòng với các số ở những cặp tài liệu. Chiếc xe đẩy nhỏ đó dừng lại trước cửa nhiều phòng, thường thì cánh cửa cũng mở ra và người ta cho vào trong phòng những cặp tài liệu phù hợp, nhưng thỉnh thoảng người trong phòng chỉ nhận được mỗi một tờ duy nhất; những lúc như thế đều nghe thấy lời qua tiếng lại giữa căn phòng và hành lang, có lẽ người ta trách cứ người phục vụ. Nếu cánh cửa nào đóng thì

người ta cẩn thận xếp chồng các cặp hồ sơ tài liệu lên bậu cửa. Trong những trường hợp như vậy K. cảm thấy các cánh cửa quanh đó không ngừng chuyển động, mà chuyển động mạnh lên, mặc dù ở những nơi đó hồ sơ tài liệu đã được giao. Có lẽ lúc đó người ta nóng lòng nhìn chồng hồ sơ tài liệu vẫn đứng đó không ai chạm tới một cách không thể hiểu nổi. Họ không thể hình dung được là làm sao lại có người chỉ cần mở cửa ra là có ngay tài liệu, vậy mà vẫn không chịu mở cửa. Ai biết được cuối cùng có lẽ người ta chia đều số hồ sơ không ai đụng đến đó cho các vị khác, và những người kia vẫn không ngừng nhìn ra ngoài cửa để tin rằng các hồ sơ vẫn nằm ngoài bậu cửa và như vậy họ vẫn luôn luôn còn hi vọng được nhận chúng. Phần lớn các cặp hồ sơ bị bỏ ngoài cửa phòng là những cái bọc dầy một cách khác thường, và K. thấy người ta chỉ tạm thời để chúng ở đó để khoe khoang hay vì ý đồ xấu gì đó, hoặc có lẽ do sự hãnh diện xứng đáng dành để động viên các đồng nghiệp. Sự phỏng đoán này của chàng được khẳng định khi mỗi lần đúng vào lúc chàng không nhìn vào đó thì cái bọc được người ta đột ngột lôi vào phòng một cách chóng vánh sau khi đã nằm ở đó khá lâu trước mắt mọi người, và sau đó cánh cửa trở lại bất động như trước, các cánh cửa xung quanh cũng vậy, thất vọng hoặc có lẽ vui mừng vì đối tượng của sự hồi hộp thường xuyên cuối cùng đã biến mất để rồi lúc sau chúng lại chuyển động theo thứ tự.

K. không chỉ quan sát mọi việc một cách tò mò, mà còn với mối đồng cảm. Chàng cảm thấy dễ chịu trong sự hối hả luân hồi này, lúc nhìn chỗ này, lúc nhìn chỗ khác và chàng còn đi theo những người phục vụ, nhưng với khoảng cách cần thiết. Những người này tất nhiên là đã nhiều lần quay lại về phía chàng với ánh mắt nghiêm khắc, họ cúi đầu xuống và mím môi. Thế nhưng chàng vẫn nhìn xem người ta phân phát các tài liệu như thế nào. Càng tiến về phía trước, công việc của họ càng khó khăn hơn, nơi thì sổ ghi chép không hoàn toàn chính xác, nơi thì họ không phân biệt được các loại tài liệu, nơi thì

các ngài phản đối vì nguyên nhân gì đó. Dẫu sao thì đôi lúc một số tài liệu cũng phải phân chia lại, những lúc đó chiếc xe nhỏ được đẩy trở lại và qua khe hở nơi cánh cửa người ta trao đổi về việc trả lại những tài liệu nhất định nào đó. Các cuộc trao đổi này cũng gặp đủ những khó khăn. Thông thường khi có chuyện trả lại tài liệu thì chính những cánh cửa từ nãy tới giờ vẫn chuyển động nhiều nhất lại đóng im thin thít như thể người ta không muốn biết gì nữa về sự việc. Và lúc đó mới bắt đầu những khó khăn thật sự. Người nào cho rằng tài liệu đó là của mình thì sốt sắng, làm ầm ĩ ở trong phòng, như vỗ tay, giậm chân và liên tục hét ra ngoài hành lang số hiệu của tập tài liệu. Lúc này những người phục vụ thỉnh thoảng bỏ chiếc xe ở đó: người thì bận bịu với việc làm yên lòng kẻ đang sốt ruột, người thì đòi lại tập tài liệu trước cánh cửa đóng im ỉm. Công việc của cả hai người đều khó khăn. Những cử chỉ nhằm làm yên lòng kẻ đang sốt ruột càng làm cho anh ta cáu tiết hơn, không chịu nghe những lời trống rỗng của người phục vụ: anh ta muốn tập tài liệu chứ không phải lời an ủi. Một trong số những người như thế đã trút cả chậu nước lên người phục vụ qua khe hở ở phía trên bức tường; còn công việc của người phục vụ khác khó khăn hơn, rõ ràng anh ta có chức vụ cao hơn. Nếu người có liên quan tỏ ra đồng ý thảo luận thì sẽ diễn ra cuộc trao đổi về các dữ kiện, trong quá trình trao đổi đó người phục vụ dựa vào sổ ghi chép của mình, còn người liên quan kia thì dựa vào những gì nhớ được, thậm chí dựa vào những tập hồ sơ mà lẽ ra ông ta phải trả lại nhưng tạm thời vẫn giữ chặt trong tay đến nỗi con mắt mong mỏi của người phục vụ cũng không thể nhìn thấy được các góc của nó. Để có chứng cớ mới, người phục vụ phải chạy về chiếc xe đẩy luôn lăn trở lại trên hành lang hơi bị dốc, hoặc anh ta phải đến chỗ người đang cần tập hồ sơ báo với ông ta về những lời phản đối của người đang giữ hồ sơ và lắng nghe lời đáp của ông ta phản bác lại. Những cuộc mặc cả này kéo dài rất lâu cho đến khi họ đạt được thỏa thuận thì thôi: người giữ tập hồ sơ đưa ra một

phần hồ sơ, hoặc được bồi thường những tập hồ sơ khác với lí do rằng chúng đã bị thay thế vì nhầm lẫn. Nhưng cũng có ai đó đơn giản là cần từ bỏ tập hồ sơ đã nhận, hoặc vì những lí lẽ của người phục vụ đã dồn ông ta vào thế bí hay vì ông ta đã quá mệt mỏi bởi chuyện đôi co. Tuy nhiên, lúc này ông ta không trả lại người phục vụ các hồ sơ tài liệu mà đột ngột ném mạnh chúng ra xa, ngoài hành lang, làm cho các sợi dây buộc bật ra, giấy bay tung tóe, những người phục vụ phải mất nhiều công sức mới xếp lại được toàn bộ. Tuy vậy, tất cả những chuyện đó vẫn còn đơn giản hơn so với việc người phục vụ không nhận được câu trả lời về đề nghị trả lại hồ sơ, anh ta cứ đứng, đứng mãi trước cánh cửa đóng im ỉm mà yêu cầu, van lạy, trích đọc sổ ghi chép, dẫn ra các quy định nhưng đều vô ích, không một tiếng người lọt ra khỏi phòng. Anh ta chắc chắn không có quyền bước vào phòng nếu không được phép. Nhưng thỉnh thoảng anh chàng phục vụ này cũng mất hết kiên nhẫn, anh ta quay trở lại chiếc xe, ngồi lên những tập hồ sơ, lau mồ hôi trán, và một hồi lâu không làm gì khác ngoài việc vung vảy hai chân. Việc đó đã làm cho mọi người rất chú ý, khắp nơi người ta thì thầm với nhau, các cánh cửa không đóng yên được, phía trên bức tường thỉnh thoảng những khuôn mặt hầu như bị khăn bịt kín, thò ra lo lắng theo dõi các sự kiện. Trong sự nhốn nháo, K. nhận thấy cánh cửa phòng Bürgel suốt thời gian đó vẫn đóng, và những người phục vụ đã đi quá chỗ hành lang có phòng của Bürgel mà họ vẫn không chia cho ông ta tập hồ sơ nào cả. Có thể ông ta còn đang ngủ, điều đó chứng tỏ tính dễ ngủ của ông ta trong sự ồn ào này, nhưng tại sao ông ta không được nhận tập hồ sơ nào? Những người phục vụ chỉ đi ngang qua như vậy rất ít phòng, và chắc là những phòng đó không có ai ở. Còn trong phòng của Erlanger thì đã có khách mới, ông khách không bình tĩnh, có thể đã tống khứ Erlanger ra khỏi phòng lúc nửa đêm, điều đó không hợp với bản tính lạnh lùng, cẩn trọng của Erlanger, nhưng việc ông ta phải đợi K. nơi bậu cửa thì đã nói lên điều đó.

Sau khi để ý tới những việc không quan trọng, K. lại quay về với người phục vụ. Chàng không tìm thấy ở người phục vụ này điều mà người ta thường kể cho chàng về những người phục vụ, về sự lười biếng, thói kiêu kì và cuộc sống thoải mái của họ. Xem ra thì trong số các người phục vụ cũng có những ngoại lệ, hoặc họ có những nhóm khác nhau, bởi vì ở đây, như chàng nhận thấy, có nhiều sự phân biệt mà cho tới lúc này chàng chưa hề biết gì. Cái chính là tính kiên quyết của người phục vụ làm cho chàng thích thú. Anh ta không bỏ cuộc chiến với căn phòng nhỏ, bướng bỉnh này; vì K. cảm thấy cuộc chiến chỉ dẫn ra với căn phòng, chàng không thể nhìn thấy chủ nhân của nó. Người phục vụ, nếu có bị mệt, - ai mà không mệt kia chứ? - thì cũng nhanh chóng lấy lại sức, truồi xuống khỏi chiếc xe, và lại nghiến răng tiến đến đối diện với cánh cửa bướng bỉnh mà anh ta cần phải chiếm lấy. Và người ta đã đẩy lùi anh ta, hai lần rồi ba lần, một cách rất đơn giản, chỉ bằng một sự im lặng đáng nguyền rủa. Nhưng họ không chiến thắng được anh ta. Sau khi thấy việc tấn công công khai không có kết quả, anh ta thử cách khác, ví dụ bằng mưu kế, nếu K. hiểu đúng. Có vẻ như anh ta bỏ qua cánh cửa đó như bỏ lại chiến lợi phẩm cho sự câm lặng của nó, và quay sang những cánh cửa khác, một lúc sau anh ta trở lại gọi người phục vụ kia; anh ta làm những việc đó một cách ầm ĩ, ai cũng biết, sau đấy bắt đầu chất đống các tập hồ sơ lên bậu cửa của cánh cửa đóng như thể anh ta đã thay đổi ý kiến của mình, như thể anh ta đã nhận ra rằng chẳng những không cần phải lấy lại hồ sơ của vị kia mà còn cần phải chia cho ông ta nhiều hơn nữa. Sau đó anh ta đi lên trước nhưng vẫn theo dõi cánh cửa, nếu vị kia, như vẫn thường xảy ra, nhanh chóng, thận trọng mở cửa để lôi vào phòng hồ sơ tài liệu thì người phục vụ chỉ nhảy vài bước là có mặt ngay ở đó, chân đút vào khe cửa, buộc vị kia ít ra cũng phải trực tiếp bàn bạc với anh ta mà phần lớn sự việc kết thúc bằng sự thỏa thuận nào đó. Nếu việc đó không thành công như vậy, hoặc nếu anh ta cho rằng ở cửa

này hoặc cửa kia phương pháp đó không thích hợp, thì anh ta thử làm cách khác. Ví dụ anh ta cứ bám lấy vị có nhu cầu tài liệu, và đẩy người phục vụ khác sang một bên, người làm việc một cách máy móc như một sự giúp đỡ không có hiệu quả, để một mình anh ta thì thầm thuyết phục vị kia một cách tin cậy, anh ta ngó đầu vào trong phòng hứa hẹn với ông ta trong đợt chia tài liệu tiếp theo sẽ trừng phạt thích đáng kẻ đã không chịu trả lại tài liệu, nhiều lần anh ta chỉ về hướng cánh cửa phòng của đối phương và thậm chí còn cười dù đã rất mệt. Nhưng cũng có những trường hợp, một hoặc hai nơi, anh ta dừng lại tất cả các thể nghiệm, nhưng K. cho đó chỉ là vẻ giả vờ, rõ ràng là có cơ sở, bởi vì người phục vụ tiếp tục đi vẻ thản nhiên, không hề nhìn lại phía sau, anh ta chịu đựng sự ầm ĩ của vị chịu thiệt thòi, nhưng thỉnh thoảng lại nhắm mắt một lúc chứng tỏ anh ta đang phải chịu đựng sự ầm ĩ đó. Sau đó dần dần vị kia cũng bình tĩnh trở lại giống như tiếng khóc không ngừng của trẻ con ngày càng trở thành những tiếng nấc thưa thớt, rồi hoàn toàn yên tĩnh, nhưng thỉnh thoảng lại vang lên một tiếng la ó và từng tiếng mở, đóng cửa nhanh. Xem ra thì người phục vụ đã xử sự đúng vô điều kiện ở đây. Cuối cùng thì chỉ có một vị duy nhất còn lại là người không thể nào bình tĩnh được. Ông ta im lặng hồi lâu, nhưng chỉ để lấy sức, và sau đó lại làm ầm ĩ còn hơn trước đó. Không rõ là vị kia vì sao lại la hét và trách móc, có lẽ không phải vì sự phân phát tài liệu. Trong khi đó người phục vụ đã hoàn thành công việc của mình, còn lại một hồ sơ duy nhất, thực ra là một tờ giấy được xé ra từ một quyển sổ ghi chép. Giờ đây họ không biết phải đưa cho ai. "Ai mà biết, cái đó có phải là của mình không?", ý nghĩ này vụt qua đầu K.. Bởi vì trưởng thôn đã liên tục nói rằng công việc của chàng là nhỏ mọn. Người phục vụ do dự nhìn mảnh giấy, K. thật ra biết phỏng đoán của mình là tùy tiện và buồn cười như thế nào, vẫn cố đến gần người phục vụ, một việc không dễ dàng gì, bởi vì người phục vụ chấp nhận sự gần gũi của chàng một cách khó chịu. Vừa rồi, trong khi

công việc đang chồng chất thì anh ta vẫn có thời gian lắc đầu bực tức liếc mắt trông chừng chàng vẻ tức tối và sốt ruột. Dường như chỉ đến lúc này, khi đã hoàn thành công việc phân phát tài liệu thì anh ta mới lãng quên chàng. Giờ đây anh ta trở nên thờ ơ hơn, mà điều đó cũng dễ hiểu trước sự mệt mỏi của anh ta; anh ta không để tâm nhiều đến mảnh giấy, có lẽ cũng không đọc hết mà chỉ làm như là đọc hết, và mặc dù có thể tất cả các vị có mặt trong phòng đều rất vui nếu được nhận mảnh giấy đó, anh ta vẫn có quyết định khác, anh ta đã ngán đến tận cổ việc phân phát đó. Để ngón tay trỏ lên môi, anh ta ra hiệu cho đồng nghiệp hãy im lặng, rồi xé mảnh giấy thành nhiều mẩu nhỏ - K. còn ở xa anh ta - và đút những mẩu giấy vụn vào túi. Đây là sự vi phạm đầu tiên mà K. thấy được trong quá trình người ta thực hiện công vụ ở đây, nhưng cũng có thể là chàng lí giải không đúng việc này. Mà nếu có sự vi phạm thì vẫn có thể tha thứ được, giữa những mối quan hệ như vậy, người phục vụ không thể làm việc mà không phạm lỗi, anh ta cần phải giải tỏa ở đâu đó sự bực tức và hồi hộp chồng chất bấy lâu, vẫn là vô tội nếu một kẻ quá mệt mỏi xé nát mảnh giấy duy nhất còn lại. Ngoài hành lang tiếng la hét của ngài mà không ai có thể làm cho bình tĩnh lại được, đang ngày một vang lên ầm ĩ, còn những người đồng nghiệp vốn không cư xử thân mật gì với nhau nhưng về phương diện làm ầm ĩ thì có vẻ như hoàn toàn chung ý kiến. Dần dần có cảm giác dường như vị đó đảm nhận việc làm ầm ĩ thay cho họ, những người khác thì bằng lời, bằng gật đầu đã cổ vũ ông ta hãy kiên trì công việc của mình. Những người phục vụ giờ đây không thèm để ý đến ông ta, anh ta làm xong công việc của mình và đưa mắt ra hiệu để người phục vụ kia nắm lấy tay cầm của chiếc xe con; họ đã đi như khi họ đến nhưng bây giờ thanh thản hơn, họ đi nhanh, chiếc xe cứ nhảy lên trước mặt họ. Chỉ có một lần họ khựng lại và liếc nhìn về phía sau khi con người liên tục gào thét đó - K. lúc này đang nhởn nhơ trước cửa phòng ông ta vì chàng muốn tìm hiểu ông ta thật sự

muốn gì - do gào thét không mang lại kết quả, có thể ông ta đã phát hiện ra cái nút bấm chuông điện và trong niềm vui của sự nhẹ nhõm tột độ, thay cho la hét giờ đây ông ta liên tục ấn chuông. Trong các phòng còn lại mọi người bắt đầu nhao nhao cả lên, có thể đó là dấu hiệu đồng tình, vị kia có lẽ đã làm cái việc mà mọi người đã muốn làm từ lâu, có điều do những nguyên nhân không biết được, họ đã phải từ bỏ ý muốn đó. Có lẽ ông ta bấm chuông để gọi nhân viên hay Frida, vậy thì ông ta có thể bấm chuông cho đến ngày phán xử. Frida đang đặt những miếng gạc lên người Jeremiás, và cô ta cũng không rỗi nếu Jeremiás đã khỏi bệnh, bởi vì lúc đó cô ta bận ôm ấp hắn. Nhưng tiếng chuông có tác động ngay lập tức. Đã có ai đó vội vã đến từ xa: đó là ông chủ của quán Ông chủ, trong bộ quần áo màu đen, cài khuy cẩn thận như thường lệ, nhưng ông ta chạy như thể quên hết vẻ trang nghiêm của mình. Cánh tay dang ra nửa chừng như thể đang xảy ra chuyện bất hạnh lớn lắm, bây giờ ông ta đến là để tóm lấy và bóp nghẹt nó trên ngực mình; khi tiếng chuông bất chợt lặng đi ông ta nhảy bật lên và càng chạy nhanh hơn nữa. Lúc này, sau lưng ông ta là bà vợ, bà ta cũng chạy, cánh tay dang rộng, nhưng với những bước ngắn, điệu bộ. K. nghĩ rằng bà ta sẽ đến muộn, và chủ nhân đã kịp làm tất cả những gì cần thiết. K. đứng sát vào tường để nhường cho chủ nhân. Nhưng chủ nhân đã đứng lại bên cạnh chàng cứ như K. là đích của ông ta vậy, và bà chủ quán cũng đã có mặt, họ dồn lên chàng những lời trách móc nhưng K. không hiểu được chúng vì bị bất ngờ và kinh ngạc, nhất là vì tiếng chuông của vị kia lẫn vào, thậm chí những người khác cũng bắt đầu bấm chuông, bây giờ thì không phải do cần thiết mà chỉ là trò quấy phá, là niềm vui tràn ngập. K. cho là rất quan trọng việc phải hiểu một cách chính xác, chàng đã phạm lỗi gì, chính vì thế mà chàng sẵn sàng để cho chủ nhân khoác tay và dẫn ra khỏi nơi mà sự ầm ĩ đang ngày càng gia tăng về phía sau chàng - K. không quay lại, phần do chủ nhân đang nói với chàng, phần do vợ ông ta

cũng nói ngày một hăng hơn - giờ đây các cánh cửa đã mở toang, hành lang nhộn nhịp hẳn lên, bắt đầu sự đi lại ở đó giống như trong ngõ nhỏ, những cánh cửa trước mặt họ chắc chắn đã nóng lòng chờ đợi K. hãy đi nhanh để các ngài có thể mở chúng ra. Trong khi họ đi, tiếng chuông vẫn vang lên hết đợt này đến đợt khác như thể ăn mừng chiến thắng nào đó. Cuối cùng dần dần K. đã hiểu chuyện gì xảy ra. Họ lại ở ngoài sân yên tĩnh, đầy tuyết, nơi đang có vài chiếc xe trượt tuyết chờ đợi. Cả chủ nhân lẫn vợ ông ta đều không hiểu nổi làm sao K. có thể liều lĩnh đến thế.

- Nhưng tôi đã làm gì nào? - K. cứ hỏi mãi câu đó, nhưng hồi lâu vẫn không có câu trả lời cần thiết, bởi vì cả hai người này đều thấy tội của chàng rõ ràng đến mức không thể nào tin vào lòng thành thực của chàng. Sự việc chỉ dần dần được sáng tỏ trước mặt K.. Chàng đã ở lại ngoài hành lang trái phép, cùng lắm chàng chỉ có thể được vào quán rượu, mà điều đó cũng chỉ nhờ thiện chí, cho đến khi phải trở về. Nếu có một ngài nào đó triệu đến thì tất nhiên chàng phải có mặt ở nơi đó, nhưng không được quên dù chỉ trong chốc lát - ít ra thì chàng cũng có ngần ấy trí khôn như mọi người - rằng chàng đang đi lại ở nơi mà thực ra chàng không được phép, và vô cùng miễn cưỡng đến nơi mà một trong số các ngài mời chàng đến là, hoặc vì công vụ, hoặc vì sự cần thiết mà thôi. Lẽ ra chàng phải nhanh chóng xuất hiện, để cho người ta thẩm vấn, và rồi phải biến khỏi đó một cách nhanh nhất. Chả nhẽ chàng không cảm thấy vô cùng bất lịch sự về hành vi của mình? Nhưng nếu cảm thấy thì làm sao chàng lại có thể ngao du ở đó như vật nuôi trên bãi cỏ vậy? Không phải người ta triệu chàng đến để thẩm vấn vào ban đêm sao? Và lẽ nào chàng không biết vì sao người ta sinh ra trò thẩm vấn ban đêm? Mục đích của những cuộc thẩm vấn ban đêm là - bây giờ K. mới được nghe lời giải thích mới mẻ về ý nghĩa của chúng - để nghe càng nhanh càng tốt các đương sự trong ánh sáng nhân tạo về ban đêm, để rồi ngay sau khi thẩm vấn, trong giấc ngủ của

mình họ có thể quên đi sự đáng ghét của các đương sự, vì ban ngày các ngài không chịu nổi việc nhìn thấy họ. Cách ứng xử của K. đã coi thường mọi quy tắc phòng ngừa. Thậm chí đến sáng những bóng ma còn biến mất thế mà K. thì ở lại đó, tay đút túi như đang chờ biến mất cả hành lang với toàn bộ các căn phòng lẫn các quý ngài. Và việc này chắc hẳn đã xảy ra nếu như có một khả năng như vậy, bởi vì trong các ngài ở đây có nhiều vô cùng những phẩm chất tinh tế, nhẹ nhàng. Không bao giờ có một người nào xua đuổi K., thậm chí cũng không nói với chàng rằng anh hãy đi khỏi đây, không ai làm việc đó cả, cho dù trong khi K. còn ở đó, có thể mọi người đều run sợ, và như vậy cả buổi sáng, thời điểm dễ chịu nhất của họ - có lẽ cũng hỏng mất rồi. Thay vì chống lại K. thì họ lại chọn sự chịu đựng, tất nhiên với niềm hi vọng rằng cuối cùng K. vẫn nhận ra sự thật hiển nhiên, và cũng phải chịu đựng như các ngài, chàng sẽ dằn vặt vì việc lang thang ở nơi không liên quan đến mình, ngoài hành lang, trước con mắt của mọi người mà lại ngay giữa ban ngày ban mặt nữa chứ. Niềm hi vọng hão huyền! Các ngài kia không biết, hoặc với thiện chí đầy hạ cố họ không muốn biết rằng có những trái tim vô cảm, sắt đá không thể làm cho mềm yếu bằng bất kì sự tế nhị nào. Nếu mặt trời thức dậy, lẽ nào con bướm đêm không tìm cho nó một góc yên tĩnh? Cái con vật đáng thương này không muốn co lại, không muốn biến đi, và không cảm thấy mình bất hạnh vì không thể nào biến đi được hay sao? Còn K., ngược lại, đã đứng ở đó, nơi thấy rõ nhất; chàng đứng ở đó kể cả khi việc ấy làm cho mặt trời không mọc. Dĩ nhiên chàng không cản trở được mặt trời mọc, nhưng làm chậm nhịp sống ban ngày, gây khó khăn cho nó, thì đáng tiếc, chàng làm được. Có phải chàng đã xem từ đầu đến cuối sự phân phát tài liệu? Chàng đã xem một việc mà ngoài những người trực tiếp thực hiện nó, không một ai được phép xem. Đó là việc mà ngay chủ quán và vợ trong nhà riêng của mình cũng không dám nhìn. Về việc đó cùng lắm họ chỉ nghe những lời ám chỉ từ những người phục

vụ, ví dụ như hôm nay. Sao chàng lại không nhận thấy việc phân phát tài liệu diễn ra giữa những khó khăn như thế nào, điều mà hoàn toàn không thể hiểu, bởi vì các ngài ai cũng quan tâm đến lợi ích của công việc, không bao giờ nghĩ đến những lợi thế cá nhân của mình, nghĩa là mọi sức lực đều dồn vào việc phân phát tài liệu, cái công việc quan trọng, chủ yếu này phải hoàn thành nhanh chóng, nhẹ nhàng và không phạm lỗi? Chả lẽ K. không dự cảm được dù là mơ hồ, rằng nguyên nhân chính của mọi khó khăn là sự phân phát tài liệu đều phải thực hiện bên cạnh những cánh cửa đóng kín, các ngài không tiếp xúc trực tiếp với nhau, để có thể chỉ cần một chớp mắt là họ thống nhất được với nhau, còn sự trung gian hòa giải nhờ những người phục vụ thì phải mất hàng mấy giờ, gây nên bao lời trách móc, đối với các ngài cũng như đối với những người phục vụ đó là nỗi đau khổ kéo dài, càng làm ảnh hưởng xấu thêm công việc tiếp theo. Tại sao các ngài không thể tiếp xúc trực tiếp với nhau? K. vẫn chưa hiểu hay sao? Những việc như thế - ông chủ quán nói bà chủ quán cũng chung ý nghĩ như vậy - họ chưa gặp phải bao giờ. - Vậy mà họ đã từng có chuyện với nhiều kẻ bướng bỉnh. Cần phải nói thẳng cho K. biết một số chuyện mà chưa bao giờ ông bà chủ quán dám thốt thành lời, nếu không thì chàng không hiểu nổi điều cốt lõi. Nếu nhất thiết cần phải nói ra thì thế này: vì chàng, chỉ vì chàng mà các ngài đã không thể ra khỏi phòng, bởi nhẽ sáng sớm, sau giấc ngủ, họ quá rụt rè và dễ bị tổn thương không thể xuất hiện trước những ánh mắt xa lạ; dù có ăn mặc nghiêm túc như thế nào thì họ vẫn cảm thấy mình quá trần truồng không thể xuất đầu lộ diện. Thật khó nói vì sao họ lại xấu hổ; có lẽ những con người lao động không biết mệt mỏi này xấu hổ vì họ đã ngủ chăng. Nhưng có lẽ xấu hổ hơn cả sự xuất đầu lộ diện là việc phải nhìn thấy những người lạ. Nhờ những cuộc thẩm vấn ban đêm họ đã tránh được việc phải nhìn thấy bộ dạng với họ gần như không thể nào chịu đựng nổi của các đương sự, họ không muốn giờ đây, sáng sớm

những điều này lại trực tiếp bao vây mình. Đấy chính là điều họ không thể nào chịu nổi. Người không biết tôn trọng sự nhạy cảm này là loại người gì vậy? Tất nhiên K. là người như vậy, một kẻ phớt lờ tất cả bằng sự hờ hững thô thiển và trạng thái ngái ngủ, kẻ đã phớt luật pháp cũng như sự tế nhị tối thiểu của con người; chàng không cần biết mình đã làm cho việc phân phát tài liệu trở nên không thể thực hiện, và phương hại đến tiếng tăm tốt của ngôi nhà; vì chàng mà đã xảy ra điều chưa từng xảy ra: các ngài trong nỗi tuyệt vọng của mình đã phải cần đến sự tự vệ bằng cách tự trấn an không thể hiểu nổi đối với một người bình thường, họ sờ đến nút chuông, gọi sự giúp đỡ để đuổi K. ra khỏi đấy, vì không có cách nào khác để làm cho chàng hiểu. Các ngài phải gọi đến sự giúp đỡ! Ông chủ quán, bà chủ quán và tất cả nhân viên đã tụ tập đông đủ từ lâu, nếu sáng sớm không mời mà họ dám đến gần các ngài, cho dù đến để giúp đỡ các ngài thì rồi cũng phải biến ngay lập tức! Họ run lên vì tức giận và tuyệt vọng trước sự bất lực của mình; họ chờ đợi ở đây, ngay đầu hành lang, và tiếng chuông mà họ không dám chờ đợi là cứu cánh thật sự đối với họ. Nhưng giờ đây điều xấu nhất đã qua. Ôi, nếu họ có thể được phép nhìn giây lát các ngài đang xôn xao náo động lên một cách vui vẻ như thế nào vì cuối cùng được giải thoát khỏi K.! Dĩ nhiên, K. thì chưa qua được cái gì cả, chắc chắn rồi đây chàng phải chịu trách nhiệm về việc đã làm.

Trong lúc ấy họ đã đến quán rượu. Hoàn toàn không rõ tại sao, mặc dù tức giận, chủ quán vẫn đưa K. đến đây. Có lẽ ông ta thấy rằng K. rất mệt mỏi, không thể bỏ đi ngay được. K. không chờ người ta mời, đổ ngay xuống một thùng đựng rượu, nói đúng theo nghĩa hẹp nhất của từ này. Chàng cảm thấy thoải mái ở đó, trong bóng tối. Trong phòng lớn giờ đây chỉ có duy nhất một ngọn đèn tỏa sáng yếu ớt ở phía trên quầy rượu. Ở ngoài kia bóng tối vẫn dầy đặc, khả năng có bão tuyết. May mắn cho ai được co ro ở đây, trong sự ấm áp, và phải lưu ý để người ta không đuổi đi. Ông chủ quán và vợ vẫn đứng ở đó,

những điều này lại trực tiếp bao vây mình. Đấy chính là điều họ không thể nào chịu nổi. Người không biết tôn trọng sự nhạy cảm này là loại người gì vậy? Tất nhiên K. là người như vậy, một kẻ phớt lờ tất cả bằng sự hờ hững thô thiển và trạng thái ngái ngủ, kẻ đã phớt luật pháp cũng như sự tế nhị tối thiểu của con người; chàng không cần biết mình đã làm cho việc phân phát tài liệu trở nên không thể thực hiện, và phương hại đến tiếng tăm tốt của ngôi nhà; vì chàng mà đã xảy ra điều chưa từng xảy ra: các ngài trong nỗi tuyệt vọng của mình đã phải cần đến sự tự vệ bằng cách tự trấn an không thể hiểu nổi đối với một người bình thường, họ sờ đến nút chuông, gọi sự giúp đỡ để đuổi K. ra khỏi đấy, vì không có cách nào khác để làm cho chàng hiểu. Các ngài phải gọi đến sự giúp đỡ! Ông chủ quán, bà chủ quán và tất cả nhân viên đã tụ tập đông đủ từ lâu, nếu sáng sớm không mời mà họ dám đến gần các ngài, cho dù đến để giúp đỡ các ngài thì rồi cũng phải biến ngay lập tức! Họ run lên vì tức giận và tuyệt vọng trước sự bất lực của mình; họ chờ đợi ở đây, ngay đầu hành lang, và tiếng chuông mà họ không dám chờ đợi là cứu cánh thật sự đối với họ. Nhưng giờ đây điều xấu nhất đã qua. Ôi, nếu họ có thể được phép nhìn giây lát các ngài đang xôn xao náo động lên một cách vui vẻ như thế nào vì cuối cùng được giải thoát khỏi K.! Dĩ nhiên, K. thì chưa qua được cái gì cả, chắc chắn rồi đây chàng phải chịu trách nhiệm về việc đã làm.

Trong lúc ấy họ đã đến quán rượu. Hoàn toàn không rõ tại sao, mặc dù tức giận, chủ quán vẫn đưa K. đến đây. Có lẽ ông ta thấy rằng K. rất mệt mỏi, không thể bỏ đi ngay được. K. không chờ người ta mời, đổ ngay xuống một thùng đựng rượu, nói đúng theo nghĩa hẹp nhất của từ này. Chàng cảm thấy thoải mái ở đó, trong bóng tối. Trong phòng lớn giờ đây chỉ có duy nhất một ngọn đèn tỏa sáng yếu ớt ở phía trên quầy rượu. Ở ngoài kia bóng tối vẫn dầy đặc, khả năng có bão tuyết. May mắn cho ai được co ro ở đây, trong sự ấm áp, và phải lưu ý để người ta không đuổi đi. Ông chủ quán và vợ vẫn đứng ở đó,

trước mặt K. như thể chàng còn có thể gây nguy hiểm, không thể tin được, luôn tồn tại khả năng chàng đột ngột bỏ chạy, thử đột nhập lần nữa vào hành lang. Họ cũng đã mệt mỏi vì sự hoảng hốt đêm qua và vì phải dậy sớm, nhất là bà vợ ông chủ quán, bà ta mặc áo váy bằng nhung màu nâu, sột soạt, óng ánh, được cài và buộc hơi lộn xộn - không biết bà ta lôi ở đâu ra trong khi vội vàng? - bà ta dường như ngủ gật, đầu ngả vào vai chồng, thỉnh thoảng bà ta đưa chiếc khăn nhỏ xinh xắn lên mắt và tức tối liếc nhìn K. một cách trẻ con. Để đôi vợ chồng được yên tâm, K. nói rằng những gì mà họ vừa nói cho chàng là hoàn toàn mới mẻ, nhưng cho dù vô ý thức thì chàng cũng đã không muốn ở ngoài hành lang lâu, nơi mà quả thật chàng không có gì để tìm kiếm, và chàng không hề có ý định hành hạ bất kì ai. Nhưng việc này xảy ra là vì chàng đã quá mệt. Chàng cảm ơn họ đã làm chấm dứt tình trạng oái oăm, và rất mừng nếu rồi đây người ta quy trách nhiệm, vì chỉ nhờ thế chàng mới có thể ngăn chặn, để người ta không xuyên tạc về sự ứng xử của chàng. Việc chàng đã gây nên chỉ là do sự mệt mỏi, không vì cái gì khác. Sự mệt mỏi này là do chàng chưa quen những cuộc thẩm vấn. Bởi vì chàng chưa ở đây lâu. Nếu rồi đây có được ít nhiều kinh nghiệm thì những việc như thế sẽ không xảy ra nữa. Chắc chắn chàng đã chấp hành những cuộc thẩm vấn quá nghiêm chỉnh, nhưng có lẽ việc đó không phải là khuyết điểm. Chàng đã phải trải qua hai cuộc thẩm vấn liên tiếp, một cuộc ở chỗ Bürgel, cuộc kia ở chỗ Erlanger; chủ yếu cuộc đầu tiên đã làm cạn kiệt sức chàng, vì cuộc thứ hai không diễn ra lâu, Erlanger chỉ yêu cầu chàng một sự giúp đỡ nhỏ, nhưng cả hai cuộc cộng lại thì vẫn là nhiều hơn so với số lượng mà một lần có thể chịu đựng được. Ngần ấy cuộc có lẽ đối với người khác, tỉ như đối với ngài chủ quán là nhiều. Sau cuộc thẩm vấn thứ hai thì chàng đã khật khưỡng, giống như cơn say vậy, bởi vì chàng như bị mây mù vây bọc, mới thấy và lần đầu tiên nghe hai ngài này, mà lại còn cần phải trả lời họ nữa. Các việc, trong chừng mực có thể đánh

giá được, đã diễn ra tốt đẹp, chỉ sau đó mới xảy ra chuyện bất hạnh này, nhưng không thể kết tội chàng sau những việc đã qua. Tiếc rằng chỉ Erlanger và Bürgel là có thể thật sự biết về chàng đang ở trong trạng thái như thế nào, và rõ ràng lẽ ra họ đã quan tâm, ngăn ngừa được việc xảy ra, nhưng sau khi nghe thẩm vấn, Erlanger cần phải đi ngay, ông ta cần phải trở lại Lâu đài, còn Bürgel thì có lẽ đã ngủ vì mệt mỏi qua các cuộc thẩm vấn, ngài đã ngủ bỏ qua việc phân phát hồ sơ tài liệu vậy thì K. làm sao đủ sức chịu đựng? Nếu K. cũng có được khả năng để ngủ như thế, chàng đã vui sướng tận hưởng rồi, và sẵn sàng từ bỏ mọi sự nhòm ngó đã cấm vào diễn biến của các sự việc, hơn nữa chàng cũng ở trạng thái không thể nhìn thấy bất kì cái gì, cho nên cả những ngài nhạy cảm nhất lẽ ra đã có thể xuất hiện trước mặt chàng mà không phải e dè.

Việc nhắc đến hai cuộc thẩm vấn, chủ yếu là cuộc thẩm vấn với Erlanger và sự kính trọng mà K. thể hiện khi nói đến các ngài, đã làm cho chủ quán có tâm trạng dễ chịu hơn đối với chàng. Ông ta đã cho phép K. bắc một mảnh ván lên các thùng bia theo yêu cầu của chàng, ít ra thì chàng có thể ngủ ở đó cho đến khi trời sáng, nhưng bà vợ ông chủ quán thì lại phản đối việc đó; bà ta liên tục sửa lại quần áo của mình một cách vô ích, chỉ bây giờ bà ta mới nhận ra sự bất ổn của nó; bà ta lắc đầu liên tục và cuộc chiến cũ giữa họ với nhau về sự sạch sẽ của ngôi nhà lại bùng nổ. K. rất mệt mỏi, lời qua tiếng lại của cặp vợ chồng có ý nghĩa đặc biệt đối với chàng. Nếu người ta đuổi chàng đi khỏi nơi này thì đó là sự không may mắn lớn nhất từ trước tới nay. Không thể để việc này xảy ra kể cả khi ông chủ quán và vợ ông ta đoàn kết chống lại chàng. Ngồi co ro trên thùng, chàng nhìn họ với vẻ chờ đợi cho đến khi bà chủ quán với sự nhạy cảm đặc biệt mà K. đã thấy từ lâu, đột ngột bước lùi sang một phía và - có thể bà ta đã nói với ông chủ quán về chuyện khác - kêu lên:

- Ông xem kìa, anh ta nhìn tôi như thế nào kìa! Hãy tống cổ hắn đi!

Nhưng K. chớp lấy cơ hội, và bây giờ chàng hoàn toàn tin chắc đến mức thờ ơ, rằng mình có thể ở lại, chàng nói:

- Tôi không nhìn bà, tôi chỉ nhìn quần áo bà.

- Tại sao lại nhìn quần áo tôi? - bà vợ ông chủ quán hỏi vẻ lo lắng.

K. nhún vai.

- Đi thôi ông, - bà ta nói với ông chủ quán, - một thằng cha say khướt nói huyên thuyên! Để hắn ngủ ở đây cho qua cơn chếnh choáng!

Và bà ta còn ra lệnh cho Pepi ném cho chàng một cái gối nào đó, khi cô ta xuất hiện từ trong bóng tối lờ mờ, vẻ bẩn thỉu và mệt mỏi, tay vung vẩy cái chổi.

CHƯƠNG XX

Khi K. thức dậy, chàng tưởng mình chưa hề ngủ gì cả. Căn phòng vẫn chống rỗng và ấm áp, những bức tường trong bóng tối, phía trên quầy uống rượu là một ngọn đèn duy nhất cũng đã tắt, và phía ngoài cửa sổ cũng là đêm. Nhưng khi chàng duỗi chân tay, chiếc gối đã rơi xuống, còn tấm ván và những chiếc thùng thì rung rinh; ngay lập tức Pepi đã có mặt ở đó, bây giờ K. mới biết trời đã tối, và chàng đã ngủ liền một mạch hơn mười hai giờ. Bà chủ quán một vài lần có quan tâm tới chàng trong ngày; và Gerstäcker, người lúc sáng sớm, khi K. nói chuyện với bà chủ quán, ông ta đã chờ ở quầy rượu, trong bóng tối không dám quấy rầy chàng, cũng có ghé qua xem có chuyện gì xảy ra với K. không. Cuối cùng nghe nói Frida cũng qua đó, và dừng lại chốc lát bên cạnh K., nhưng cô ta không

đến vì K., mà là vì cần phải chuẩn bị trước một vài thứ, bởi vì buổi tối cô ta làm nghề phục vụ cũ.

- Chị ấy không yêu anh nữa à? - Pepi hỏi khi mang cà phê và bánh mì sữa đến. Nhưng bây giờ cô ta không hỏi xỏ xiên như trước đây khi cô ta nói chuyện, mà hỏi một cách buồn bã, như thể từ bấy đến giờ cô ta đã biết được sự độc ác của thế gian mà đối diện với nó, sự độc ác riêng của chúng ta đều vô ích, và chịu thất bại. Cô ta nói năng với K. như thể mình là bạn của chàng trong cơn hoạn nạn, và khi K. nếm cà phê, Pepi cảm thấy rằng chàng cho là chưa đủ ngọt, cô đã chạy đi lấy cho chàng cả hộp đường. Tâm trạng buồn bã của cô tất nhiên đã không cản trở cô hôm nay trang điểm diêm dúa có lẽ hơn cả trước đây. Xung quanh trán, tết vào tóc cô là cả một lô nơ và dải băng, trên thái dương tóc cô được uốn quăn cẩn thận, và trên cổ cô là một sợi dây chuyền thõng xuống phần hở sâu của cổ áo bluz. Khi K. đã thỏa mãn vì được ngủ đẫy giấc, được uống cà phê ngon, chàng đã đụng vào một trong những chiếc nơ và thử tháo nó ra thì Pepi nói, vẻ mệt mỏi: "Đừng anh" và ngồi xuống một trong những chiếc thùng cạnh chàng. K. không cần phải hỏi cô có chuyện gì thì Pepi đã bắt đầu kể ngay về mình, mắt vẫn chằm chằm nhìn vào cốc cà phê của K. như thể trong khi kể cô ta vẫn cần đến sự lãng quên nào đó, nhưng kể cả khi nói về nỗi đau của cô, vẫn không thể để toàn tâm vào chúng bởi vì điều này vượt quá sức cô ta. Lần đầu tiên K. biết được rằng chàng chính là nguyên nhân của những bất hạnh của Pepi, nhưng cô gái không quy kết gì chàng vì việc đó. Và trong khi kể, cô lắc đầu liên tục dường như để K. khỏi có bất kì khả năng phản đối nào. K. bắt đầu bằng việc đưa Frida ra khỏi quầy rượu, và với việc đó chàng tạo điều kiện để Pepi vươn lên. Nói cách khác, không thể tưởng tượng được cái gì đã dẫn Frida đến chỗ phải từ bỏ công việc, bởi vì cô ta ngồi ở đó, đằng sau quầy rượu như con nhện trong cái lưới của mình, những sợi tơ nhện đến khắp nơi và chỉ có cô ta biết được chúng. Đưa cô ta ra khỏi đấy, bất chấp ý muốn của cô ta là hoàn toàn không thể, Frida không thể

chuyển dịch khỏi vị trí của mình, chỉ có tình yêu dành cho một kẻ hèn hạ nào đó, tức là một cái gì đó không phù hợp với công việc của cô ta mới có thể đuổi cô ta rời chỗ. Còn Pepi? Cô có thể nghĩ ra việc giành vị trí đó cho mình hay sao? Là cô gái hầu phòng, một việc làm không đáng kể, không hứa hẹn mang lại cho cô chút ít triển vọng nào, tất nhiên cô cũng mơ ước về tương lai tốt đẹp như tất cả các cô gái, ai cấm được mình mơ ước, nhưng cô chưa nghĩ đến một cách nghiêm chỉnh rằng mình có thể đạt được nhiều hơn, cô bằng lòng với những gì đã có. Và bất ngờ Frida biến khỏi quầy rượu, toàn bộ sự việc diễn ra ngẫu nhiên làm cho ông chủ quán, vì đột ngột, không nghĩ ra được người thay thế thích hợp, ông ta nhìn quanh và bắt gặp Pepi, về phần mình Pepi cũng đã dọn đường từ trước. Trong thời gian đó cô đã yêu K., yêu như chưa từng yêu ai đến thế; cô đã từng ngồi ở dưới đó hàng bao nhiêu tháng trời, trong phòng để bát đĩa xấu xí, tăm tối, và chuẩn bị sẽ sống nhiều năm ở đó, thậm chí trong trường hợp không may mắn cô sẽ sống suốt đời ở đó mà không ai biết đến. K. bỗng xuất hiện như người anh hùng đã giải phóng các cô gái, và chàng đã mở ra trước mắt cô con đường đi lên. K. tất nhiên đâu có biết gì về Pepi, chàng không vì cô mà làm việc đã làm, nhưng điều đó không hề làm mất đi lòng biết ơn của Pepi, và đêm trước ngày nhận việc - khi mà cô chưa hoàn toàn chắc chắn, nhưng rất có thể là họ nhận cô - cô đã thức mấy giờ liền để thì thầm với K. những lời cảm ơn, và hành động của K. càng trở nên cao thượng trong con mắt của Pepi, vì chàng đã chịu một gánh nặng cho mình tức là Frida; có sự vô tư không thể tưởng tượng nổi qua việc K. đã làm cho Frida trở thành tình nhân của chàng vì sự thành công của Pepi; Frida, một cô gái già xấu xí, gày gò với mái tóc thưa và ngắn, lại còn có tính lập lờ, cô ta luôn có bí mật gì đó mà tất nhiên là liên quan đến ngoại hình của mình. Nếu khuôn mặt và cơ thể của cô ta đáng thương một cách không thể che giấu, thì ít ra cô ta cũng phải có bí mật gì đó mà không thể kiểm tra, ví dụ như mối quan hệ mà người ta đồn đại giữa cô ta với ngài

Klamm. Còn có những ý nghĩ như thế này trỗi dậy trong Pepi: Lẽ nào K. yêu Frida thật, và có phải chàng tự dối mình, hoặc có thể chàng chỉ lừa dối Frida, và kết quả của mọi chuyện có lẽ vẫn chỉ là sự vươn lên của Pepi, vậy thì đến lúc ấy K. hoặc là nhận ra sự nhầm lẫn của mình, hoặc là không muốn tiếp tục che đậy sự nhầm lẫn đó, và lúc đó chàng sẽ không chú ý tới Frida nữa, mà chỉ quan tâm đến Pepi. Điều đó không phải là sự tưởng tượng điên rồ từ phía Pepi, bởi vì như là phụ nữ, rõ ràng cô đủ sức ganh đua với Frida, việc này không một ai có thể phủ nhận, và chắc chắn việc làm của Frida, trong chốc lát, đã làm cho K. lóa mắt, rồi sự tỏa sáng mà Frida biết tạo ra cho hoàn cảnh của mình, còn trong mơ tưởng Pepi đã thấy rằng khi cô chiếm chỗ của Frida, K. sẽ cầu xin cô, và cô có cách để lựa chọn: hoặc là nghe K. thì mất việc làm, hoặc cự tuyệt K. thì cô tiếp tục vươn tới. Và cô đã thầm quyết định từ bỏ tất cả, hạ cố đến với K. để dạy chàng tình yêu đích thực là gì, vì ở cạnh Frida chàng không bao giờ có thể gặp được tình yêu đích thực là cái độc lập với mọi danh vọng trần thế. Thế rồi sau đó sự việc đã xảy ra khác đi. Ai là người có lỗi trong việc này? Nhưng lỗi trước hết là K., sau đó tất nhiên là Frida cùng với sự trơ trẽn của cô ta. Trước hết là K., không biết chàng muốn gì, con người mới lạ lùng làm sao? Chàng cố gắng làm điều gì, những việc quan trọng nào làm chàng bận tâm, để vì chúng mà chàng quên đi cái có sẵn nhất, tốt nhất và đẹp nhất? Và Pepi trở thành nạn nhân. Mọi thứ hóa ra đều ngu xuẩn, và tất cả đều đổ vỡ, và hôm nay Pepi có thể vui sướng trao mình cho người nào dám đốt cháy quán Ông chủ này, đốt cho đến bụi cũng không còn, phải làm cho nó cháy hết như giấy trong bếp lò vậy. Vâng, tóm lại Pepi đã vào làm việc ở chỗ quầy uống, trước đây bốn ngày, trước bữa cơm trưa không nhiều. Công việc ở đây không nhẹ nhàng gì, nó có thể xay nát con người ra, nhưng điều đạt được nhờ nó cũng không ít. Cho đến lúc này Pepi không bỏ ngày nào, và với một việc làm mà trong những giấc mơ táo bạo nhất cô cũng không dám màng tới, cho nên cô đã chú ý đến tất cả; cô

biết hết tất cả những gì gắn với công việc này, nếu không có sự chuẩn bị ấy hẳn cô đã không dám đảm nhận nó. Mà cũng không thể đảm nhận công việc một cách mù quáng, vì như thế thì ngay trong giờ đầu sẽ bị đánh mất nó. Thật đẹp mặt, nếu ở đây mà lại vẫn cư xử như cô gái hầu phòng! Nếu là gái hầu phòng thì không còn cảm nhận thời gian, hoàn toàn lãng quên thời gian; như thể đang làm việc trong hầm mỏ, ít ra thì ở ngoài hành lang của các thư kí, suốt ngày không nhìn thấy ai ở đó ngoài một hai đương sự đến ban ngày, chạy đi chạy lại và không dám nhìn lên, hoặc hai ba cô hầu phòng khác cũng đang đau khổ. Sáng sớm họ không được bước ra khỏi phòng, lúc đó các vị thư kí muốn được ở với nhau, những người phục vụ mang thức ăn từ nhà bếp lên cho họ, cứ thế những người hầu phòng thường xuyên không có việc làm, và trong thời gian ăn uống họ cũng không được xuất hiện ngoài hành lang. Họ chỉ được phép lau chùi dọn dẹp trong khi các ngài đang làm việc, tất nhiên không phải trong các phòng có người ở mà là trong các phòng không, phải làm việc hoàn toàn im lặng, không được ảnh hưởng tới công việc của các ngài. Nhưng làm sao có thể lau chùi quét dọn sạch nổi khi mà các ngài mấy ngày liền đã ở trong những phòng đó, thậm chí những người phục vụ cũng qua lại đó, đây là dân bẩn thỉu, và cuối cùng căn phòng được giao lại cho cô hầu phòng trong trạng thái mà đến đại hồng thủy cũng không thể rửa sạch. Các ngài thượng lưu đấy, không ai nghi ngờ, nhưng buộc phải gạt bỏ sự kinh tởm của mình thì mới quét dọn được nơi họ ở. Các cô hầu phòng không có nhiều việc, nhưng công việc của họ thật cay đắng. Không bao giờ họ được nhận một lời tốt đẹp, chỉ luôn luôn bị trách mắng, mà lời trách oái oăm nhất là dường như các tập tài liệu biến mất trong khi họ dọn dẹp. Thật ra không có gì mất cả, họ đưa xuống cho ông chủ quán tất cả các tờ giấy, vậy những tập tài liệu có mất, thì không phải mất vì tay các cô gái. Thế là các ủy ban đến, các cô gái phải rời bỏ phòng mình và ủy ban bới tung giường họ lên; các cô gái không có gì cả, một ít tư trang thì họ để cả trong một

cái gùi, thế mà ủy ban vẫn kiếm tìm hàng mấy giờ. Tất nhiên là ủy ban không tìm thấy gì, làm sao mà tập tài liệu lại đến đó được? Các cô gái cần gì các tập tài liệu! Nhưng kết quả thì lại là những lời chửi mắng và đe dọa của cái ủy ban thất bại đó được ông chủ quán truyền lại các cô gái. Không bao giờ có được một phút yên tĩnh, ngày cũng như đêm, ầm ĩ từ nửa đêm, ầm ĩ từ sáng sớm. Giá mà không phải ở đó, nhưng buộc phải ở, vì đó là việc của những cô hầu phòng, để thỉnh thoảng, nhất là ban đêm, mang mấy thứ lặt vặt từ nhà bếp lên theo yêu cầu của các ngài. Việc ấy mới buồn làm sao: hết lượt này đến lượt khác người ta đập ầm ầm lên cửa phòng của các cô hầu phòng, đọc tên những thứ các ngài cần, và các cô phải chạy xuống bếp lắc gọi người đầu bếp đang yên giấc, sau đó để những thứ yêu cầu lên khay, đặt xuống cạnh cửa phòng, những người phục vụ sẽ mang chúng đi khỏi đó. Nhưng việc đó vẫn chưa phải là xấu nhất. Việc tồi tệ nhất là nếu không có đòi hỏi gì cả, và đêm khuya, khi mọi người cần phải ngủ, nhiều người đã ngủ, trước cửa phòng của các cô hầu phòng thỉnh thoảng có người bắt đầu nhấp nhổm, lén lút. Các cô gái lúc đó đều ra khỏi giường - những chiếc giường chồng lên nhau, ở dưới kia nơi nào cũng ít chỗ, phòng của các cô gái thật ra không khác gì một chiếc tủ lớn có ba ngăn kéo - họ quỳ xuống nghe ngóng bên cửa, và ôm lấy nhau vì sợ. Ở trước cánh cửa luôn luôn nghe tiếng đi lại lén lút. Nếu kẻ đó bước vào thì các cô gái mừng hơn, nhưng không xảy ra điều gì cả, cũng không có ai bước vào. Buộc phải tự trấn an mình rằng không có sự nguy hiểm nào đe dọa họ, có thể ai đó chỉ đi lại ở trước cửa phòng, suy tính có nên gọi cái gì không, mà vẫn không quyết được. Có thể tất cả chỉ có thế, nhưng có thể hoàn toàn khác. Bởi vì các cô không quen biết các ngài, cũng không nhìn thấy họ. Ở bên trong, các cô gái rất sợ hãi, và cuối cùng nếu ở ngoài cửa yên tĩnh trở lại, họ nằm ngay trên sàn tựa lưng vào tường, không còn đủ sức để bò về giường nữa. Cái cuộc sống như thế bây giờ lại đang chờ Pepi, ngay tối nay cô phải trở lại chỗ cũ của mình trong phòng đầy tớ. Tại sao vậy?

Tại vì K. và Frida. Lại trở về với cuộc sống mà cô vừa trốn khỏi, đúng là nhờ sự giúp đỡ của K., nhưng bằng cả nỗ lực của bản thân cô nữa. Trong công việc này các cô gái thường không chăm sóc đến bản thân, kể cả những cô chu đáo nhất. Họ trang điểm cho ai? Không ai nhìn đến họ, cùng lắm chỉ có nhân viên nhà bếp, người nào như thế là đủ thì cứ đi mà trang điểm. Hơn nữa họ luôn ở trong phòng mình, hoặc trong phòng của các ngài, những nơi mà bước vào đó với quần áo sạch sẽ thôi cũng đã là nông nổi và lãng phí. Họ luôn ở trong ánh điện, trong bầu không khí ngột ngạt - người ta liên tục đốt lò sưởi - và luôn mệt mỏi. Bởi vì hàng tuần họ nghỉ một buổi chiều tốt nhất bằng cách chui vào xó xỉnh nào đó trong nhà kho, nhà bếp mà làm một giấc yên ổn không phải lo sợ gì cả. Vậy thì còn bôi son trát phấn làm gì? Đến quần áo họ cũng chỉ mặc qua quýt vậy. Bỗng người ta chuyển Pepi sang quầy uống, nơi mà - nếu như cô muốn ở lại đó - con người ta cần phải làm ngược lại so với cuộc sống cô hầu phòng, nơi mà luôn luôn phải xuất hiện trước mắt người khác, và chính vì vậy luôn luôn phải tỏ ra duyên dáng nhất, hấp dẫn nhất. Bước ngoặt lạ lùng! Pepi có thể nhận định về mình: cô đã không bỏ lỡ điều gì cả. Như sau này sẽ rõ, cô không hề lo lắng. Cô biết, cô hoàn toàn tin chắc rằng trong cô có những khả năng cần thiết đối với công việc, bây giờ cô cũng tin chắc như vậy, không ai có thể lay chuyển được cô, kể cả hôm nay, ngày cô thất bại. Chỉ có một việc khó nhất là làm thế nào cô đứng vững ở vị trí của mình ngay từ đầu, rốt cuộc thì cô chỉ là cô hầu phòng nghèo khổ, không quần áo, không đồ trang sức, mà các ngài thì không có kiên nhẫn chờ đợi cho đến khi ai đó phát triển, đơn giản là các ngài chỉ muốn có ngay cô bán ở quầy như cần phải thế, không cần có sự chuẩn bị, nếu không thì họ quay mặt đi. Có thể nghĩ rằng, các ngài không có những nhu cầu gì lớn, đến như Frida mà cũng làm cho họ thỏa mãn. Nhưng không đúng thế đâu. Pepi thường xuyên suy nghĩ về việc này, cũng đã nhiều lần cô gặp gỡ Frida, có thời gian họ ngủ chung với nhau. Gặm được Frida không phải là dễ, và người

nào không để ý kĩ - có vị nào để ý kĩ đâu - thì ngay lập tức bị cô ta làm cho lạc hướng. Frida biết về mình hơn cả người khác, một kẻ đáng thương làm sao. Ví dụ, nếu ai đó lần đầu tiên nhìn thấy cô ta để tóc xõa ra thì dễ đập tay vào nhau vì cảm thông; một cô gái như thế này, nói thực là ngay cả làm cô hầu phòng cũng không được; nhưng cô ta cũng biết việc này, và đêm đến cô ta khóc vì nó, cô ta nép vào người Pepi và kéo tóc Pepi áp vào đầu mình. Nhưng nếu cô ta bước vào chỗ làm việc, mọi ngờ vực của cô ta đều tan đi, cô ta coi mình là người đẹp nhất và có thể làm cho những người khác, với mọi người, tin như vậy, theo cách của cô ta. Cô ta hiểu con người và đây là nghệ thuật riêng của cô ta. Cô ta dễ dàng nói dối và lừa đảo, không để cho người ta có thì giờ xem xét sự việc một cách thấu đáo. Tất nhiên điều đó cũng không phải là không có giới hạn, người ta vẫn có mắt, và cuối cùng thì người ta tin vào sự thật mà mắt mình nhìn thấy. Nhưng cô ta, ngay trong giây phút phát hiện ra điều này, đã có ngay phương pháp khác thích hợp, thí dụ gần đây nhất là mối quan hệ của cô ta với Klamm. Quan hệ với Klamm cơ đấy! Nếu anh không tin thì cứ đi mà hỏi Klamm, anh sẽ tin chắc điều đó. Cô ta mới xảo quyệt làm sao, xảo quyệt làm sao! Còn nếu như anh không dám đến hỏi Klamm bằng những câu như thế, và có lẽ người ta cũng không cho anh đến gần ông ta, cho dù anh có những câu hỏi nghìn lần quan trọng hơn, hoặc nếu đối với anh, Klamm không không thể nào tiếp cận được - chỉ đối với anh và những loại người như anh, bởi vì Frida chẳng hạn, cô có thể nhảy vào với ông ta lúc nào cô ta muốn - nếu sự việc như vậy thì anh cần chờ đợi, anh vẫn có thể biết được chắc chắn điều đó. Klamm không thể chịu được lâu những điều đồn đại giả dối như thế, chắc chắn ông ta tỉnh táo theo dõi xem người ta nói gì về ông ta ở quầy uống và trong các phòng khách, vì tất cả những điều đó cực kì quan trọng đối với ông ta, chỉ cần nghe thấy những lời dối trá kia thì ông ta phủ nhận ngay tức khắc. Nhưng ông ta không điều chỉnh, vậy là không có gì phải phủ nhận, nghĩa là điều đó là sự thật hoàn toàn. Người ta chỉ nhìn

thấy Frida mang bia vào phòng Klamm, sau đó cô ta lấy tiền đi ra, còn cái gì không nhìn thấy thì Frida kể lại, và cần phải tin cô ta. Nhưng thật ra cô ta không kể gì hết, cô ta chẳng đàm tiếu những bí mật loại đó; không, những bí mật xung quanh cô ta tự nói về mình, và một khi chúng đã tự nói lên thì lúc đó Frida không miễn cưỡng gợi lại chúng, chính cô ta cũng nói về chúng, nhưng nói một cách khiêm tốn, không khẳng định bất kì điều gì dứt khoát, chỉ nhắc đến điều mà ai cũng biết. Mà cũng không phải tất cả những gì mọi người biết đều được nhắc đến, chẳng hạn từ khi Frida bán đồ uống, Klamm uống ít bia hơn so với trước, không ít hơn lắm nhưng có thể thấy là uống ít hơn, về điều này cô ta không nói tới. Việc này có thể có nhiều nguyên nhân, có lẽ đã đến thời kì mà bia ít hợp khẩu vị của Klamm, hoặc có lẽ vì Frida mà ông ta quên việc uống bia. Dù sao thì Frida vẫn là người tình của Klamm, cho dù sự thật có kì lạ như thế nào đi nữa. Giờ đây, khi Frida là đẹp đối với Klamm thì những người khác làm sao không mê cô ta chứ! Thế rồi trong chớp mắt Frida cùng một lúc trở thành người đẹp mà không ai ngờ tới, cô ta trở thành người lịch sự xinh xắn mà quầy uống cần đến, thậm chí cô ta quá đẹp, quá quyền uy, gần như quầy rượu không vừa lòng cô ta nữa. Quả thật người ta ngạc nhiên là cô ta vẫn còn ở quầy rượu, trở thành cô phụ trách quầy rượu là việc lớn, và như vậy việc quen biết với Klamm có thể tin được, nhưng một khi cô bán rượu là người tình của ông ta, tại sao Klamm lại để cô ta ở lại quầy rượu lâu như thế? Tại sao ông ta không đưa cô ta lên cao hơn? Người ta nói hàng trăm và hàng trăm lần cho dân tình mà đều vô ích, rằng trong chuyện này không có gì mâu thuẫn cả, rằng Klamm có những lí do để hành động như vậy, hoặc rồi có lúc, một cách bất ngờ, có lẽ trong tương lai gần sẽ xảy ra sự thăng tiến của Frida: thảy những điều này đều không tác động gì đến họ, dân tình vốn có những khái niệm cố định mà không có hành động giả dối nào có thể phá vỡ nổi. Không một ai nghi ngờ nữa việc Frida là người tình của Klamm, cho đến những người chắc chắn là biết rõ chuyện

hơn cả thì cũng mệt mỏi vì ngờ vực. "Quỷ tha ma bắt cô đi, thì cô cứ là người tình của Klamm - họ nghĩ - nhưng nếu là như vậy, thì chúng tôi muốn được thấy cô tiến tới". Nhưng không thể thấy gì cả, Frida vẫn ở đó, trong quầy rượu, và mừng thầm rằng sự việc vẫn như vậy. Nhưng trước mặt mọi người cô ta đã mất uy tín, và tất nhiên cô ta cũng phải nhận thấy điều đó: thấy hết khi sự việc xảy ra. Một cô gái thật sự đẹp và đáng yêu thì khi đã ấm chỗ ở quầy rượu thì cô ta không cần phải làm duyên nữa, còn đẹp thì cô ta còn làm việc đó, nếu không có tai nạn gì bất ngờ xảy ra. Nhưng loại con gái như Frida thì vĩnh viễn phải lo lắng vì việc làm, mặc dù, có thể hiểu được, cô ta không tỏ ra điều đó, mà chỉ phàn nàn và nguyền rủa chỗ làm của mình. Và cô ta bí mật theo dõi không khí xung quanh. Cô ta đã thấy người ta thờ ơ như thế nào, người ta không còn nhìn lên khi cô ta xuất hiện, thậm chí những người phục vụ cũng không còn quan tâm đến cô ta nữa, họ đang chạy theo Olga và những cô gái giống cô ấy; qua cách ứng xử của chủ nhà cũng thấy rằng Frida ngày càng ít quan trọng. Trong quan hệ với Klamm thì không phải thường xuyên nghĩ ra được những câu chuyện mới mẻ; cái gì cũng có giới hạn của nó, cho nên sau đó Frida thân mến quyết định làm một việc gì mới mẻ. Ôi, nếu có ai thấy được lòng dạ của cô ta! Pepi dự cảm điều gì đó, nhưng rất tiếc cô không nhận ra được. Frida quyết định sẽ gây tai tiếng, rằng cô ta, người tình của Klamm đi trao mình cho kẻ khác, nếu có thể là cho kẻ vô tích sự nhất. Việc này làm mọi người chú ý, rồi người ta sẽ nói về nó lâu, cuối cùng người ta nhớ lại rằng làm người tình của Klamm nghĩa là gì, và coi khinh sự danh giá này vì sự say đắm của một mối tình mới nghĩa là gì. Chỉ có một khó khăn là kiếm đâu ra được người phù hợp để cô ta có thể chơi trò chơi láu cá này. Người đó không thể là người quen của Frida, ngay cả trong đám những người phục vụ cũng không ai có thể được nhắc tới, mà nếu có thì người đó có lẽ chỉ sửng sốt nhìn Frida và đi luôn, nhất là anh ta không giữ được sự nghiêm túc cần thiết, dù là có tài hùng biện nhất

thì Frida cũng không thuyết phục nổi ai, rằng có người phục vụ theo đuổi Frida, cô ta không chống cự nổi và trong một giây phút thiếu suy nghĩ cô ta đã trao mình cho hắn. Cho dù con người đó thuộc hạng tứ cố vô thân như thế nào thì cũng phải là người có thể làm cho người ta tin về anh ta rằng, dù là bằng cách đần độn và thô thiển của mình, anh ta không muốn ai khác ngoài Frida, và không có khát vọng nào lớn hơn - Ô, trời cao đất dày! - là được lấy Frida làm vợ. Có điều, dù là hạng người tứ cố vô thân, có thể ở đẳng cấp thấp hơn những người phục vụ, thấp hơn nhiều so với những người phục vụ thì cũng phải là người mà không làm cho các cô gái cười cô ta, người mà có lẽ cô gái có trí tuệ bình thường khác cũng tìm thấy ở anh ta một điều gì hấp dẫn. Nhưng có thể tìm được người như thế ở đâu? Cô gái khác thì có khả năng phải tìm kiếm suốt cả cuộc đời một cách vô ích. Còn Frida thì may mắn có một chàng đạc điền trôi dạt đến quán rượu, có lẽ đúng vào tối mà kế hoạch của cô ta lần đầu tiên nảy ra ở trong đầu. Chàng đạc điền! Vâng, K. đang nghĩ gì vậy? Anh ta đang đau đầu vì điều gì đặc biệt đây? Anh ta muốn đạt được kết quả gì? Việc làm tốt hay thưởng huy chương? Anh ta muốn như thế chăng? Vậy thì ngay từ đầu anh ta cần phải bắt đầu một cách khác. Bởi vì anh ta không là ai mà cũng chẳng là cái gì cả, tình cảnh của ông ta thật đáng thương. Người đạc điền, có lẽ cũng là một cái gì đó, vì anh ta có học một điều gì đó, nhưng nếu anh ta không biết dùng nó để làm gì thì điều đã học cũng không là cái gì cả. Trong khi đó anh ta có những đòi hỏi không xấu hổ gì cả, những đòi hỏi không công khai nhưng vẫn nhận thấy được là anh ta có đòi hỏi, và việc đó mới gây hứng thú. Phải chăng K. không biết rằng một cô hầu phòng cũng thấy bị xúc phạm nếu chàng nói chuyện lâu với cô ta? Và với những đòi hỏi đặc biệt này, ngay từ tối đầu tiên chàng đã rơi vào cái bẫy sơ sài nhất của cô ta. Anh ta không xấu hổ hay sao? Cái gì đã giúp Frida chinh phục được chàng đến như vậy? Bây giờ thì chàng đã có thể nhận thức được rồi. Có thật là chàng đã thích cô gái gầy gò, con người vàng ủng

nhợt nhạt này không? Không, không, không, chàng không hề nhìn cô ta, Frida chỉ nói với chàng rằng cô ta là người tình của Klamm, và điều này đã tác động tới chàng bằng cả sức mạnh của sự mới mẻ, thế là chàng chịu thua. Còn Frida sau những việc đó tất nhiên cô ta phải ra đi; trong quán Ông chủ không có chỗ cho loại người như thế. Pepi còn nhìn thấy cô ta vào cái buổi sáng trước khi cô ta chuyển đi; tất cả nhân viên túm tụm lại, ai cũng tò mò trước cảnh tượng đó. Cô ta vẫn còn quyền uy, người ta thương hại cô ta, đến những kẻ thù của cô ta cũng vậy; ngay từ đầu mọi tính toán của cô ta đều đúng, quả là việc cô ta hạ cố đến với người như thế này là một tai họa; các cô gái làm việc ở nhà bếp, những người mà tất nhiên vẫn thường ngưỡng mộ trước mọi cô gái phụ trách quán rượu, không thể nào an ủi được. Ngay đến Pepi cũng cảm động, cô vẫn chưa quen ở lại hoàn toàn độc lập, cho dù về cơ bản sự chú ý của cô đã hướng sang việc khác. Điều dễ nhận thấy đối với cô là Frida mới ít buồn làm sao. Bởi vì thực ra cô ta gặp sự bất hạnh ghê gớm, và cô ta đã làm như thể rất bất hạnh, nhưng vẫn làm chưa đủ, trò chơi này không đánh lừa được Pepi. Cái gì đã giữ cho tâm hồn Frida được như vậy? Có lẽ niềm hạnh phúc của cuộc tình mới mẻ? Không, giả thiết này không ổn. Nhưng vậy thì đó là cái gì? Cái gì đã cho cô ta sức mạnh để vẫn giữ tình bạn bè dè dặt như luôn luôn vẫn thế đối với Pepi, người lúc đó được xem là kẻ kế tục Frida? Thời kì đó Pepi không có đủ thời gian để suy nghĩ về sự việc, cô có quá nhiều việc phải chuẩn bị cho chỗ làm mới. Có thể trong vòng vài giờ cô cần phải nhận việc làm, vậy mà cô chưa có kiểu tóc đẹp, không có quần áo lịch sự, không có quần áo trong tốt và đôi giầy tử tế. Tất cả những thứ này cần phải có trong vài giờ; nếu cô không ăn mặc tử tế thì tốt hơn là đừng nhận việc, bởi vì ngay trong nửa giờ đầu tiên chắc chắn cô sẽ đánh mất nó. Và phần nào cô đã thành công, cô đã dành tâm sức lớn đặc biệt cho công việc làm đầu, bà chủ quán cũng nhờ cô làm đầu cho mình, đối với việc như thế này cô có bàn tay khéo léo hết sức, tất nhiên cô có thể làm gì với mái tóc dày của bà ta

là tùy thích. Cô cũng được giúp đỡ về quần áo. Có hai cô đồng nghiệp luôn ở bên cô, trong một mức độ nhất định cũng là vinh dự cho họ, nếu có một cô gái từ nhóm của họ lên phụ trách quầy rượu, hơn thế nữa là rồi đây Pepi sẽ có quyền, cô có thể bảo đảm cho họ những ưu tiên nho nhỏ. Một trong số những cô gái đó từ lâu đã giữ một mảnh vải đẹp, đây là của quý của cô ta, cô ta thường cho mọi người cùng chiêm ngưỡng, và mơ ước rồi đây có lần dùng nó may cho mình một bộ váy đẹp lộng lẫy. Bây giờ Pepi cần đến, cô ta đã trao cho cô, một nghĩa cử cao đẹp. Còn việc may quần áo thì cả hai cô đã giúp đỡ Pepi một cách nhiệt tình, nếu may cho chính mình họ cũng không thể chăm chỉ hơn thế, công việc diễn ra vui vẻ và thích thú. Họ ngồi trên giường tầng, cùng may và hát, đưa lên đưa xuống cho nhau những phần việc đã xong và những phần phụ. Bây giờ nghĩ đến kỉ niệm này, Pepi cảm thấy lòng mình trở nên nặng nề, bởi vì tất cả đều vô ích, và cô phải trở về với các bạn gái của mình với hai bàn tay trắng. Số phận hẩm hiu làm sao, người ta nông cạn làm sao, mà đó chính là tội lỗi, đặc biệt là từ phía K.! Lúc đó ai cũng mừng vì cô đã có quần áo, họ xem đó là dấu hiệu của sự thành công, và khi đến phút cuối cùng vẫn còn chỗ cho dải băng thì mọi ngờ vực cũng đã tiêu tan. Bộ quần áo không đẹp thật sao? Giờ đây nó đã nhầu nhĩ và có ít vết bẩn, Pepi không có bộ quần áo khác, cô phải mặc bộ quần áo này cả đêm lẫn ngày, nhưng nó vẫn còn đẹp, cô ả đáng nguyền rủa nhà Barnabás cũng không thể may được bộ nào đẹp hơn. Theo sở thích, con người ta có thể kéo cho chật lại, sau đó lại nới cho nó rộng ra, trên cũng như dưới, trong khi chỉ có một bộ duy nhất mà quần áo của cô vẫn phong phú, đa dạng: điều này rất có lợi thế, nó là do Pepi nghĩ ra. Tất nhiên, may cho cô không khó khăn gì, Pepi vẫn không có ý định khoe khoang; đối với một cô gái khỏe mạnh, trẻ trung thì tất cả đều thích hợp. Chỉ có đồ lót và ủng là khó tìm hơn cả, thực ra sự thất bại bắt đầu ở đây. Những người bạn gái của cô cũng đã cố giúp cô trong việc đó, với khả năng của họ, nhưng họ không giúp được nhiều. Cô chỉ góp nhặt được

những đồ lót thô và may ngay cho mình, thay cho ủng cao gót cô đã dùng đôi giầy đi ở nhà mà thà giấu đi còn hơn là phô ra trước thiên hạ. Người ta an ủi Pepi rằng Frida cũng chẳng trang điểm gì, thỉnh thoảng cô ta ăn mặc, đi lại lôi thôi, luộm thuộm đến mức khách thích cho mấy cậu dưới hầm rượu phục vụ họ hơn là để cho cô ta phục vụ. Đấy là sự thật, nhưng Frida có thể làm như thế, cô ta sống trong ân huệ, cô ta có uy tín: nếu một quý bà thật sự mà xuất hiện trong bộ quần áo bẩn thỉu, may cẩu thả thì lại càng hấp dẫn, nhưng một kẻ mới bắt đầu như Pepi thì có ổn không? Hơn nữa, Frida hoàn toàn không có khả năng mặc đẹp, cô ta hầu như không có một năng lực cảm nhận nào cả; nếu ai đó có nước da màu vàng thì tất nhiên không thể lột da mình đi được, nhưng không vì thế mà cần phải mặc áo bluz hở cổ quá rộng, màu kem theo cách của Frida, bởi vì nó sẽ đập ngay vào mắt người ta, toàn là một màu vàng. Nhưng bỏ qua chuyện đó, thì cô ta cũng lo ki cóp nhiều hơn là ăn mặc; số tiền kiếm được cô ta đều góp lại, không ai biết để làm gì. Trong khi phục vụ, cô ta không cần tiền, mà chỉ bằng sự dối trá và xảo quyệt đã đạt được mọi thứ. Pepi không muốn làm theo, mà cô cũng không thể bắt chước được, vì thế cô đã hành động đúng đắn với việc trang điểm lại mình, để ngay từ đầu cô có thể khẳng định mình một cách phù hợp. Nếu cô có thể đưa vào cuộc những thủ đoạn mạnh hơn thì bất chấp mưu toan của Frida và mọi sự dại dột của K., thì hẳn cô vẫn là người chiến thắng. Tất cả đều bắt đầu rất tốt đẹp. Một ít mánh khóe nhà nghề, sự hiểu biết cần thiết thì cô đã chiêm nghiệm từ trước. Mới đến làm việc ở quầy uống mà cô đã cảm thấy như ở nhà. Không một ai nhớ đến Frida không còn làm việc nữa. Chỉ đến ngày hôm sau thì mới có một số khách quan tâm xem cô ta đang ở đâu. Pepi không để xảy ra sai sót gì cả, chủ quán cũng đã bằng lòng. Ngày đầu tiên ông ta còn lo lắng, thường xuyên có mặt ở trong quầy uống, nhưng rồi sau đó chỉ thỉnh thoảng ông ta mới ghé qua, và cuối cùng thì chủ quán giao hết cho Pepi bởi vì trong két không thiếu hụt tiền mà trung bình phần thu

vào lại có phần nhiều hơn so với thời Frida làm ở đây. Pepi lại còn có những cải tiến mới nữa. Frida không phải do chăm chỉ, mà là do tính ki cóp, tự cao tự đại và bởi vì cô ta sợ phải san sẻ bớt cho người khác cho dù chỉ một chút xíu quyền lợi của mình, nên đã theo dõi những người phục vụ, chí ít thì cũng là khi không có ai nhìn đến chỗ đó. Pepi thì lại dành hoàn toàn công việc này cho các chàng trai dưới hầm rượu, họ phù hợp hơn. Như vậy cô có nhiều thì giờ đến phòng của các ngài hơn, phục vụ khách nhanh hơn mà vẫn trao đổi được vài lời với từng người khách, không phải như Frida, người chỉ giữ mình cho Klamm nếu có người khác đến với cô ta thì cô ta xem việc đó là sự xúc phạm Klamm. Tất nhiên cô ta cũng làm việc này một cách thông minh, vì nếu như cô ta hạ cố đến với ai thì việc đó được xem là ân huệ ghê gớm. Còn Pepi thì căm ghét những trò bày đặt kiểu đó, mà thực ra cô cũng không thể bắt đầu từ những trò như vậy. Pepi đối với ai cũng chân tình, và mọi người đều đáp lại bằng sự chân tình. Có thể thấy mọi người vui mừng trước sự thay đổi. Nếu các ngài làm việc quá sức mà cuối cùng lại có thể ngồi xuống một lúc bên cốc bia thì chỉ cần một lời, một ánh mắt, một bờ vai duy nhất cũng có thể biến họ thành người khác. Có bao nhiêu bàn tay đã sục vào những lọn tóc xoăn của Pepi đến nỗi một ngày cả chục lần cô phải sửa sang lại mái tóc của mình; không một ai cưỡng lại được trước những lọn tóc và những dải băng này kể cả K.. mặc dù chàng quả là người lơ đễnh. Cứ như vậy trôi đi những ngày căng thẳng với công việc triền miên nhưng với thành công lớn; ngày nọ tiếp ngày kia. Giá mà ngày không trôi qua quá nhanh, giá mà có thêm nhiều ngày hơn nữa! Bốn ngày là quá ít, kể cả khi con người ta làm việc đến kiệt sức; có thể, ngày thứ năm chắc đã mang lại nhiều hơn, nhưng chỉ có bốn ngày, quá ít. Ngay trong bốn ngày đầu, Pepi đã tìm kiếm được nhiều người nâng đỡ và bạn bè, và nếu cô có thể tin được những ánh mắt khi cô lượn khắp gian phòng với những cốc bia thì đúng là cô đang bơi trên biển tình bạn. Có một nhân viên phụ trách hồ sơ, anh chàng

Bartmeier đã chết mê chết mệt vì cô, tặng cô cái vòng này, trên đó gắn hình của anh ta, dẫu tất nhiên đó là một việc làm bất nhã. Những việc như thế đã xảy ra, nhưng tổng cộng chỉ có bốn ngày, trong bốn ngày nếu Pepi thực sự bắt tay vào việc, thì chắc có thể làm người ta quên Frida. dù là không thể quên hoàn toàn. Nhưng thực ra, người ta hẳn đã quên cô ta từ trước kia. có lẽ còn quên nhanh hơn, nếu như cô ta không chuẩn bị sẵn một vụ tai tiếng ầm ĩ để trở thành đối tượng của dư luận. Với điều tai tiếng đó, cô ta đã tạo nên bộ mặt mới trước mọi người, người ta muốn nhìn lại cô ta chỉ vì tò mò; điều mà họ đã chán tận cổ thì giờ đây thông qua con người hoàn toàn hờ hững là K., lại trở nên đáng quan tâm đối với họ. Tất nhiên mọi người không khước từ Pepi khi cô chưa đi khỏi nơi đó và tác động bằng sự có mặt của mình, nhưng những người này phần lớn là các ngài đã có tuổi, với thói quen cố hữu, phải cần có thời gian để họ quen với một cô phụ trách quầy uống mới; và mặc dù sự thay thế có lợi như thế nào thì để quen được, bất chấp ý muốn tốt đẹp nhất, các ngài vẫn phải mất mấy ngày, có lẽ năm ngày, chứ bốn ngày thì không đủ. Lúc này đối với họ, Pepi chỉ được xem như một người thay thế tạm thời cho ai đó. Và điều không may mắn lớn nhất: suốt trong bốn ngày này Klamm không hề xuống phòng khách, mặc dù suốt thời gian này ngài đã ở trong làng. Nếu ngài xuống, thì đó đã là cuộc thử thách quyết định mà cô không sợ gì cả, chưa nói là cô đã vui mừng mong đợi. Cô sẽ không trở thành nhân tình của Klamm - tốt nhất là không đụng đến chuyện như thế này bằng lời - và cô đã không dối trá tự nhận là người tình của Klamm, nhưng ít ra thì cô cũng biết khéo léo để xuống bàn ngài những cốc bia một cách tử tế như Frida, cô cũng biết tươi cười chào và tạm biệt mà không trơ tráo như Frida; còn nếu Klamm tìm kiếm điều gì đó trong mắt một cô gái thì trong mắt Pepi ngài có thể nhận đủ. Nhưng tại sao ngài không đến? Do tình cờ? Lúc đó trong đầu Pepi cũng có ý nghĩ này. Trong hai ngày cô đã chờ đợi rất lâu, trong mọi giây phút, và cả đêm cô cũng đợi. "Bây giờ Klamm

đến" - cô liên tục nghĩ, và chạy đi chạy lại chẳng để làm gì cả, chỉ vì cô sốt ruột chờ đợi và vì cô muốn mình là người đầu tiên nhìn thấy ngài khi ngài bước vào. Sự thất vọng liên tục này đã làm cô rất mệt mỏi, có lẽ vì thế cô đã làm việc kém hơn so với khả năng có được của mình. Hễ có một chút thời gian là cô chạy lên hành lang, đến nơi nghiêm cấm nhân viên không được bước vào, ở đó cô nép vào một góc tường và chờ đợi. "Nếu như bây giờ, cuối cùng Klamm cũng đến - cô nghĩ - hẳn mình có thể bế ngài từ phòng ngài xuống phòng khách bằng đôi cánh tay của mình! Mình sẽ không khuỵu xuống dưới sức nặng này, dù ngài to lớn như thế nào đi nữa". Nhưng Klamm không đến. Ở trên đó, ngoài hành lang yên tĩnh đến nỗi không thể hình dung nổi ngài lại không có ở trên ấy. Yên tĩnh đến mức không chịu được lâu, sự yên tĩnh xua đuổi người ta ra khỏi đó. Vô ích: sự yên tĩnh mười lần xua đuổi Pepi thì mười lần cô trở lại. Tất nhiên là hoàn toàn vô nghĩa. Nếu Klamm muốn đến thì ngài sẽ đến, nhưng nếu ngài không muốn đến thì Pepi khó lòng nhử được ngài, cho dù cô bị nghẹt thở bởi nhịp tim đập gấp, trong góc tường. Chờ đợi là vô nghĩa, nhưng nếu Klamm không đến thì mọi thứ hỏi còn ý nghĩa gì. Hẳn sẽ là trò giải trí tuyệt vời đối với Frida, nếu cô ta nhìn thấy Pepi ở trên đó, ngoài hành lang, tay áp vào chỗ trái tim, nép người trong góc. Klamm không đi xuống, bởi vì Frida không để cho ngài đi xuống. Không phải bằng những yêu cầu, những yêu cầu của cô ta không đến được Klamm. Nhưng ở cô ta, ở con nhện tinh khôn, có những mối liên kết mà không ai biết được. Nếu Pepi nói điều gì đó với khách thì cô nói công khai, ở bàn bên người ta có thể nghe được. Frida thì không có gì để nói, cô ta đặt bia xuống bàn và đi ngay; chỉ có chiếc váy bằng lụa của cô ta sột soạt, đó là thứ duy nhất mà cô ta mất tiền mua. Nhưng nếu có lúc cô ta nói điều gì thì không nói công khai, mà cúi xuống, nói thầm vào tai khách làm cho những người ở bàn bên cũng phải cố dỏng tai lên. Điều cô ta nói có thể là hoàn toàn vô nghĩa, nhưng không phải luôn luôn là thế, các mối liên kết của cô ta nhiều, mà cô ta còn củng cố

chúng, cái này ủng hộ cái kia, và nếu có gì đó thất bại - ai quan tâm được mãi tới Frida kia chứ? - thì một số vẫn được cô ta giữ chặt. Bây giờ cô ta bắt đầu lợi dụng những mối liên kết này. K. đã tạo điều kiện trọn vẹn cho cô ta làm việc đó, thay vì ngồi bên Frida và giữ lấy cô ta thì chàng lại ít khi có ở nhà, mà lang thang đây đó, nơi thì trao đổi chuyện này, nơi thì chuyện khác, chàng để ý đến tất cả, chỉ riêng Frida là không. Và cuối cùng, để cô ta càng được tự do hơn, chàng đã chuyển từ quán Bên cầu sang trường học trống không! Những tuần trăng mật này bắt đầu tốt đẹp làm sao! Về việc đó, Pepi là người cuối cùng chỉ trích K. tại sao chàng không thể ở cạnh Frida. Ai mà chịu đựng nổi với cô ta cơ chứ! Nhưng nếu vậy thì tại sao chàng không bỏ hẳn cô ta ở đó, tại sao lại cứ về với cô ta hết lần này đến lần khác, tại sao bằng những mối bận rộn của mình chàng đã tạo ra ấn tượng với tất cả mọi người, là đang tranh đấu vì Frida? Sự việc cứ như thể chàng chỉ nhận ra mình không là cái gì cả nhờ tiếp xúc với Frida, và dường như chàng muốn xứng đáng với cô ta, muốn bằng cách nào đó leo lên cao, vì thế tạm thời chàng đã từ bỏ cuộc sống chung để rồi đây có thể nhận được sự đền bù phong phú hơn cái điều đã mất của mình. Trong khi đó, Frida không để phí thì giờ, cô ta ngồi ở trong trường học, chính nơi mà cô ta đã lừa K. đến, quan sát quán Ông chủ và K.. Có những kẻ đưa tin xuất sắc nằm trong tay cô ta: đó là những người giúp việc của K., những kẻ mà K. - hoàn toàn không thể hiểu nổi, kể cả ai đó quen biết chàng cũng không thể nào hiểu nổi - đã giao phó hoàn toàn cho cô ta. Frida cử họ đến gặp những người bạn cũ của cô ta để nhắc họ nhớ đến mình; cô ta than thở rằng người như K. chỉ giam cầm cô ta, âm mưu chống lại Pepi; cô ta cho biết là sẽ chóng quay về, yêu cầu họ giúp đỡ; cô ta van xin họ đừng nói gì với Klamm về việc đó, làm như là cần phải giữ gìn cho Klamm, và vì vậy không được để ngài xuống quầy uống. Điều cô ta nói là để giữ gìn cho Klamm trước mặt những người này thì trước chủ quán cô ta lợi dụng chứng cớ về thành tích của riêng mình, lưu ý rằng Klamm không

xuống nữa. Ngài xuống làm sao được, nếu ở dưới đó chỉ một mình Pepi nào đó phục vụ mọi người? Chủ quán không mắc lỗi gì cả, cô Pepi này luôn luôn là người thay thế tốt nhất, người có thể tìm được, chỉ có điều là cô ta không phù hợp, dù chỉ trong vài ngày. K. không biết gì về hành động này của Frida, nếu như chàng không lang thang khắp nơi thì chắc chắn chàng đang nằm bên chân Frida, trong khi Frida đang tính giờ nào thì cô ta được trở lại quầy uống. Còn những người giúp việc thì không chỉ thực hiện công việc sứ giả, họ còn phục vụ cô ta làm cho K. phải ghen. Từ thuở nhỏ, Frida đã quen những người giúp việc này, chắc chắn từ lâu họ không có gì bí mật đối với nhau nhưng giờ đây họ làm như là đang héo hắt vì nhau, và đối với K. có mối nguy hiểm bắt đầu đe dọa, đó là sự việc nảy sinh một tình yêu lớn. Và K. làm tất cả mọi điều ngốc nghếch, chỉ để cho Frida thấy, chàng làm cả việc không thể làm được: mặc cho bọn giúp việc làm cho chàng ghen, nhưng vẫn chấp nhận để ba người ở lại trong khi chàng một mình lang thang đây đó. Sự việc đã đến mức dường như chàng không khác gì người giúp việc thứ ba của Frida. Cuối cùng, trên cơ sở của những cuộc theo dõi, Frida thực hiện bước quyết định: cô ta quay trở về. Và thực sự, để làm việc đó thời gian đã chín muồi. Cô ta thật đáng khâm phục, làm sao Frida tinh quái nhận ra và lợi dụng được tình thế, đó là nghệ thuật không thể nào bắt chước được của cô ta; đây chính là khả năng quan sát và quyết định sắc sảo, cuộc đời của Pepi đã khác đi nếu cô cũng có được khả năng đó! Nếu Frida còn ở lại trong trường học thêm hai ngày nữa thì không có thế lực nào có thể đuổi được Pepi, cô hẳn đã củng cố vững vàng vị trí phụ trách quầy uống, ai cũng quý mến, và ủng hộ, cô kiếm đủ tiền để thay bộ quần áo nghèo nàn bằng những bộ đồ choáng lộn; chỉ cần một hai ngày nữa, và không có âm mưu nào giữ nổi Klamm ở trong phòng nữa; ngài sẽ xuống quầy uống, cảm thấy thoải mái, và ngài rất bằng lòng với sự thay đổi nếu như ngài còn nhận thấy được rằng Frida không có ở đó; chỉ cần một - hai ngày nữa người ta vĩnh viễn quên Frida với những

điều tai tiếng, với những người giúp việc cùng các mối liên kết với những gì liên quan tới cô ta, và chắc không bao giờ còn ai nhắc tới cô ta nữa. Có thể, đến lúc ấy cô ta mới bám chặt K. hơn, rồi sẽ yêu chàng thực sự, nếu cô ta còn có khả năng yêu? Không, điều đó không thể xảy ra. Bởi vì lúc đó K. chỉ cần một ngày cũng đủ để ghê tởm cô ta, và phát hiện ra cô ta đã lừa dối chàng một cách đê tiện trong mọi chuyện: bằng sắc đẹp và sự chung thủy được đồn đại, nhất là bằng tình yêu được đồn đại với Klamm; chỉ cần một ngày duy nhất, không cần gì nhiều hơn, để chàng tống cổ cô ta với lũ phụ tá bẩn thỉu ra khỏi nhà! Có thể K. cũng chẳng cần nhiều thời gian cho việc này. Và đúng lúc ấy, giữa hai hiểm hoạ, khi mà gần như mộ lạnh đã hoác miệng đợi cô ta - K. còn dại dột níu giữ cho cô ta một lối đi nhỏ hẹp tự do - thì cô ta quyết định chuồn thẳng. Bỗng dưng - không ai tính đến việc này, nó hoàn toàn trái với tự nhiên - bây giờ thì cô ta xua đuổi K., người vẫn luôn luôn yêu và theo đuổi cô ta. Trước sức ép của bạn bè và những người giúp việc, cô ta được chủ quán nhìn nhận như là thiên thần cứu hộ, sau điều tai tiếng cô ta càng trở nên hấp dẫn hơn so với trước đây. Ai cũng tỏ ra muốn có cô ta, kẻ hạ đẳng cũng như người thượng đẳng; nhưng cô ta chỉ ban cho người hạ đẳng một ánh mắt rồi hất họ ra như cần phải thế, và sau đó đối với chủ quán cũng như đối với những người khác cô ta lại xa vời như trước đây, chỉ có sự khác biệt là trước đây người ta còn nghi ngờ cô ta, còn giờ đây thì người ta đã tin cậy cô ta. Cô ta trở về như vậy, và chủ quán liếc nhìn Pepi, ngập ngừng - phải hi sinh Pepi, người đã thay thế tốt như vậy sao? - nhưng sau đó ông ta làm theo sự thuyết phục, vì lợi thế nghiêng về phía Frida, mà trước hết là việc Frida đã giành lại được Klamm cho phòng khách! Mọi chuyện đến tối nay là như vậy. Pepi sẽ không đợi đến khi Frida trở về nhận lại chỗ làm, và hoan hỉ ăn mừng chiến thắng. Cô đã trao két tiền cho bà chủ quán, cô có thể ra đi được rồi. Chiếc giường của cô đã đợi cô ở trong phòng đầy tớ; cô đi xuống, những người bạn gái sẽ đón cô, nức nở; cô sẽ trút bỏ quần áo

xuống, rũ những dải băng ra khỏi tóc, và nhét tất cả vào xó xỉnh nào đó, giấu kĩ để nó khỏi làm cô nhớ lại một cách không cần thiết về những ngày mà quên hẳn đi là tốt nhất. Sau đó cô sẽ cầm xô và chổi, nghiến răng lại bắt tay vào công việc. Nhưng trước hết cô cần phải kể cho K. nghe tất cả để cuối cùng chàng thấy rõ, vì tự mình chàng không nhận ra được, kể cả lúc này, rằng chàng đã đối xử tồi tệ với Pepi như thế nào và đã làm cho cô bất hạnh ra sao. Tất nhiên là người ta cũng chỉ lợi dụng chàng.

Pepi đã nói xuống. Cô thở dài, lau vài giọt nước mắt từ mắt. từ mặt và lắc đầu nhìn K., dường như cô muốn nói thật ra không phải chuyện về số phận bất hạnh của riêng cô, sự bất hạnh đó rồi cô cũng chịu được, không cần sự giúp đỡ, hay an ủi của ai cả, ít nhất là từ K., cho dù còn trẻ như thế nào thì cô cũng hiểu cuộc sống, và sự bất hạnh của cô chỉ là chứng cứ mới nhất cho những hiểu biết của cô. Không phải là chuyện của cô mà là chuyện của K., cô muốn chỉ cho chàng thấy bức tranh thực, việc này cô cho là cần thiết phải làm, kể cả sau khi mọi hi vọng của cô đã tiêu tan.

- Trí tưởng tượng của cô mới khủng khiếp làm sao, Pepi! - K. nói. - Không, những điều này không phải chỉ bây giờ cô mới phát hiện ra; tất cả chỉ là những điều tưởng tượng, đấy là những tưởng tượng sinh ra trong những căn phòng đầy tớ chật chội và tối tăm của các cô, chúng thuộc về nơi đó, còn ở trên này, trong không khí tự do của quầy uống, nghe rất kì quặc. Với những ý nghĩ như thế, tất nhiên cô không trụ được ở đây. Ngay cả quần áo, đầu tóc của cô mà cô vẫn tự hào thì cũng chẳng khác gì sản phẩm sinh ra trong bóng tối và trong sự chật chội, cả giường và phòng của các cô, ở đó tất nhiên chúng rất đẹp, còn ở trên này thì mọi người, kín đáo hay công khai, đều chê cười. Thế mà, cô lại còn bịa đặt bao nhiêu chuyện! Người ta đã lạm dụng và lừa dối tôi như thế nào ư? Không, Pepi thân mến ạ, người ta không ai lạm dụng tôi cũng như lạm dụng cô, lừa dối tôi cũng như lừa dối cô. Đúng là Frida trong lúc này có

bỏ tôi, hoặc nói theo cách của cô, đã chuồn cùng với một người giúp việc, cô đã thấy một tí ánh sáng khúc xạ của sự thật, và theo sự thật thì việc cô ta sẽ làm vợ tôi là điều không thể nào có được, nhưng nghĩ rằng tôi đã chán ngấy cô ta vào ngày hôm sau, hoặc Frida đã phản bội tôi như các bà vợ đã làm với các ông chồng của họ thì sai to. Các cô, những cô hầu phòng, quen ngó trộm qua lỗ khoá, và việc đó quy định cách nghĩ của các cô: từ một điều nhỏ nhặt mà các cô nhìn thấy, ngay lập tức các cô kết luận về toàn bộ một cách to tát và giả dối. Hậu quả của việc này, như trong trường hợp hiện nay, bản thân tôi biết ít hơn cô. Tôi chẳng hạn, hoàn toàn không nói được một cách chính xác như cô, rằng tại sao Frida đã bỏ tôi. Tôi cho sự lí giải mà cô đã nói tới là có thể nhất, nhưng cũng chỉ thoáng qua, thực tế là tôi đã bỏ mặc cô ấy, việc này cũng có những nguyên nhân riêng của nó, không liên quan đến đây; tôi sẽ hạnh phúc nếu cô ấy về với tôi, nhưng mặc dù vậy tôi vẫn bắt đầu lại từ đầu, và tôi lại phải để mặc cô ấy một mình. Như vậy đấy. Khi cô ấy ở bên tôi, tôi chỉ lang thang như cô đã nói mỉa mai: bây giờ, khi cô ấy đã ra đi, tôi hầu như hoàn toàn chẳng còn gì mà làm nữa, ngồi rồi, mệt mỏi và tôi thật muốn bỏ quách cái công việc này. Cô có lời khuyên nào tốt không, Pepi?

- Sao lại không! - Pepi nói. Bỗng cô phấn chấn, nắm vai K.. - Hai chúng ta đều bị lừa dối, ở lại với nhau đi anh! Anh xuống chỗ các cô gái với em.

- Khi cô nói về sự lừa dối, tôi không đồng ý với cô, - K. nói. - Cô luôn luôn lấy sự lừa dối ra mà huyễn hoặc mình, vì điều đó làm cô khoái chí và nghe cảm động. Nhưng sự thật là cô không thích hợp với công việc này. Cô không thích hợp đến mức nào thì đã rõ, vì đến cả tôi mà cũng nhìn thấy, vậy mà theo ý kiến cô tôi hoàn toàn không biết gì. Cô là cô gái tốt, Pepi ạ, nhưng điều đó không dễ nhận ra. Lúc đầu tôi cũng cứ tưởng cô là loại người dùi đục chấm nước mắm và kiêu kì, thế mà cô đâu phải là người như vậy, chỉ có việc làm này đã khuấy động cô vì cô không thích hợp với nó. Với điều này tôi không muốn nói rằng

chỗ làm ấy quá cao xa đối với cô, hoàn toàn không phải là việc làm đặc biệt gì; nếu nhìn nhận kĩ hơn, có lẽ việc làm này tử tế hơn một tí so với việc làm trước đó của cô, nhưng xét toàn bộ thì sự khác biệt không lớn, chúng giống nhau như hai giọt nước, thậm chí có thể nói rằng làm cô hầu phòng vẫn tốt hơn làm cô phụ trách quầy uống, bởi vì những cô hầu phòng ở trên đó chỉ bận với các thư kí, còn ở đây, nếu trong phòng khách cô có thể phục vụ thủ trưởng của các thư kí thì cô cũng phải phục vụ hết các loại người tầm thường, ví dụ như tôi; tôi không thể trú ở đâu hợp pháp, chỉ ở đây, trong quầy uống, và lẽ nào cô đánh giá cao việc được tiếp xúc với tôi? Cô nhìn nhận sự việc như vậy, có thể cô có lí do. Nhưng chính vì thế mà cô không thích hợp với việc làm này. Việc nào cũng như việc nào, thế mà đối với cô nó lại là thiên đường, vậy nên cô mới quá sốt sắng vì nó, cô tô son trát phấn bản thân cho lộng lẫy như là các thiên thần mà cô tưởng tượng; nhưng các thiên thần trong thực tế hoàn toàn khác; cô run sợ vì việc làm, luôn luôn cảm thấy người ta xua đuổi, cô cố gắng làm vừa lòng tất cả những ai mà cô cho rằng có thể ủng hộ cô, chính vì vậy mà cô quá thân thiện đối với họ, và trở thành gánh nặng của họ. Cô đã làm cho họ hoảng lên, vì họ muốn nghỉ ngơi yên tĩnh trong phòng khách, không muốn cộng thêm những lo toan của các cô gái phụ trách quầy uống vào những lo toan của mình. Có thể sau khi Frida ra đi, trong số những vị khách có tước vị cao nhất có ai đó nhận ra sự kiện này, nhưng hôm nay thì người ta đã biết về nó, và quả thật người ta muốn Frida trở về, bởi vì trong thời gian cô ấy làm việc tất cả đều diễn ra một cách khác. Cho dù cô ấy là người như thế nào, và dù cô ấy đánh giá ra sao chỗ làm của mình, thì trong công việc cô ấy là người rất có kinh nghiệm, cô ấy làm việc với thái độ điềm đạm và tính tự chủ cần thiết, điều này chính cô cũng đã nhấn mạnh, nhưng cô không rút ra bài học từ đó. Cô đã để ý tới ánh mắt của cô ấy chưa? Ánh mắt này không còn là ánh mắt của một cô gái làm việc ở quầy rượu nữa rồi, mà nó hợp với ánh mắt của bà chủ quán thì hơn. Cô ấy bao quát tất

cả, trong khi đó vẫn thấy riêng từng người một; ánh mắt của cô ấy có bên cạnh tất cả mà vẫn dành cho từng người, và luôn luôn đủ mạnh để đè bẹp đối phương. Có gì là quan trọng, nếu cô ấy, có lẽ, một chút mảnh khảnh, lạc mốt một chút, một bộ tóc dày hơn thì tất cả cũng không là gì so với cái bản chất trong con người cô ấy. Và người nào lấy làm khó chịu trước những khiếm khuyết kia thì chứng tỏ người đó không có cảm quan gì đối với những việc lớn hơn. Tất nhiên không thể trách cứ Klamm trong chuyện đó, tuy vậy cô không tin vào tình yêu của Klamm dành cho Frida bởi vì cô nhìn sự việc từ quan niệm sai lầm của một cô gái trẻ, thiếu kinh nghiệm. Cô cho là không thể nào với tới Klamm, cô hoàn toàn có quyền nghĩ như thế, và cô tưởng rằng Frida không thể gần gũi được với Klamm. Cô nhầm đấy. Trong chuyện này tôi chỉ tin vào lời Frida, kể cả khi tôi không có các chứng cớ tin cậy. Cho dù cô thấy không thể tin được như thế nào đi chăng nữa, và cho dù cô không đối chiếu được bằng các khái niệm của cô nói về thế giới, và về các nhà chức trách, về giới thượng lưu và về ảnh hưởng của sắc đẹp phụ nữ thì cô vẫn không thể phủ nhận mối quan hệ của họ, và - như bây giờ chúng ta đang ngồi bên nhau ở đây, tôi nắm tay cô trong tay tôi - thì Klamm và Frida cũng ngồi cạnh nhau như thể đó là việc tất nhiên nhất trên đời vậy. Và Klamm đã tự nguyện đi xuống, không phải đi từ tốn mà là vội vã, ở ngoài hành lang không có ai phải rình đợi, không ai vì ngài mà phải bỏ bê công việc, ngài phải chịu vất vả, cần phải xuống dưới đó; những khiếm khuyết nơi quần áo của Frida mà cô sững sờ ấy không làm ngài bận tâm. Cô không muốn tin phải không? Thế cô không thấy cô đã phạm sai lầm như thế nào hay sao, cô không thấy với việc đó cô đã vạch áo cho người xem lưng, xem sự non nớt của mình à? Ngay cả người không biết gì về mối quan hệ của cô ấy với Klamm thì họ cũng cần phải biết về thực chất rằng diện mạo ấy phải hình thành dưới ảnh hưởng của người nào đó là người đứng cao hơn nhiều so với cô và tôi, so với tất cả mọi người trong làng; và rằng ngài và cô ấy nói năng với nhau hoàn toàn

khác so với những người khách vẫn thường đùa cợt với các cô hầu bàn, một việc mà xem ra cô cho là mục đích của đời cô. Nhưng tôi thật bất công đối với cô. Chính cô cũng thấy rất rõ những lợi thế của Frida như kĩ năng quan sát, tính quyết đoán, khả năng tác động đến người khác, tất nhiên cô lí giải tất cả một cách giả dối; cô tưởng cô ấy vì ích kỉ đã sử dụng tất cả những phẩm chất đó phục vụ cho lợi ích của riêng mình và mang lại sự độc ác cho người khác hoặc tệ hơn, làm vũ khí chống lại cô. Không, Pepi ạ, nếu cô ấy có những mũi tên như thế đi chăng nữa thì cô ấy cũng không thể bắn chúng đi từ khoảng cách gần như thế này. Còn cô ấy là người ích kỉ ư? Không, đúng hơn phải nói rằng: cô ấy đã hi sinh cái mà cô ấy có, và cả cái mà cô ấy có thể chờ đợi, cô ấy đã trao cho hai chúng ta khả năng để thể hiện mình ở vị trí cao hơn, nhưng chúng ta đã làm cho cô ấy thất vọng, và gần như chúng ta đã ép buộc cô ấy quay về đây. Tôi không biết là có phải như vậy không, và tôi không hoàn toàn biết rõ lỗi lầm của tôi; chỉ khi tôi so sánh mình với cô thì trong tôi mới xuất hiện cảm giác: có lẽ cả hai chúng ta đã cố đạt được một cái gì đó bằng đao to búa lớn, quá ầm ĩ, quá trẻ con, quá nông nổi; bằng khóc lóc, cào cấu và xô đẩy chúng ta muốn đạt được cái mà bằng sự điềm đạm, tính năng động của Frida sẽ dễ dàng đạt được. Chúng ta như đứa trẻ hất cả chiếc khăn trải bàn xuống mà vẫn không lấy được gì, chỉ hất đổ hết của ngon vật lạ lên mặt đất, với việc làm đó nó không thể nào có được cái nó muốn. Tôi không biết là có phải như vậy không, nhưng hoàn toàn chắc chắn như vậy. Chứ không phải như cô nói, tôi biết chắc chắn như vậy.

- Vâng, - Pepi nói, - anh yêu Frida vì chị ấy đã bỏ anh không thương tiếc, thật dễ yêu nếu người ta đã bỏ anh. Nhưng được thôi, cứ như anh muốn vậy, anh cứ cho là anh đúng tất cả đi, kể cả việc anh làm cho em trở thành lố bịch. Còn bây giờ thì anh sẽ làm gì? Frida đã bỏ anh, và không theo sự lí giải của em, cũng chẳng giống như sự lí giải của anh, anh không có hi vọng là chị ấy sẽ quay lại với anh, và nếu chị ấy có trở về

đi nữa thì trong thời gian chờ đợi anh cũng phải ở đâu chứ, trời lạnh mà anh không có việc làm, không nơi ngả lưng: thôi đến chỗ bọn em, những người bạn gái của em sẽ chiều anh, chúng em sẽ chăm sóc để anh được thoải mái, còn anh rồi đây sẽ giúp bọn em trong công việc, việc đúng là chỉ nặng nhọc đối với các cô gái mà! Chúng em sẽ không bị bỏ rơi và đêm đến không cần phải chịu đựng nỗi sợ hãi nữa. Đến với bọn em đi, anh! Những người bạn gái của em cũng biết Frida, chúng sẽ kể về chị ấy cho đến khi anh chán ngấy thì thôi. Đi thôi anh! Chúng em cũng có những bức ảnh về Frida, rồi chúng em sẽ cho anh xem. Hồi đó chị ấy khiêm tốn hơn bây giờ, anh sẽ khó mà nhận ra, cùng lắm anh chỉ nhận ra đôi mắt, ngay từ hồi đó mắt chị ấy đã giảo quyệt. Nào, anh đến chứ?

- Tôi có thể đi được hay sao? Bởi vì hôm qua vừa xảy ra việc tai tiếng là người ta bắt được tôi ở ngoài hành lang của các cô.

- Bởi vì họ bắt gặp anh ở đó, còn nếu anh ở chỗ bọn em thì họ không bắt anh. Không một ai biết về anh, chỉ có ba đứa bọn em. Ôi, đó sẽ là cuộc sống vui vẻ! Em thấy nó có thể chấp nhận được hơn nhiều so với thời gian vừa qua. Ai mà biết được, có lẽ việc em phải đi khỏi đây cũng không phải là sự mất mát lớn. Anh, kể cả ba người thôi, bọn em cũng không buồn chán đâu, bằng cách nào đó vẫn phải làm cho cuộc sống cay đắng trở nên ngọt ngào, người ta đã đầu độc cuộc sống bọn em từ khi bọn em còn trẻ, vì vậy cả ba đứa bọn em đã gắn bó với nhau, chúng em sống vui vẻ trong khả năng có thể ở dưới đó, nhất là Henriette sẽ làm anh thích và Emilia cũng vậy, em đã kể về anh cho chúng nó nghe. Ở dưới đó chúng nó nghe những câu chuyện loại ấy một cách ngờ vực, dường như ở ngoài căn phòng không thể xảy ra việc gì cả. Bọn em ở đó chật chội và nóng, thế mà còn túm tụm lại với nhau. Không, dù chúng em luôn luôn ở với nhau mà vẫn không thể chán nhau, ngược lại; khi em nghĩ đến các bạn gái, thì gần như em cảm thấy xác đáng việc mình quay trở về, vì tại sao em phải được nhiều thứ hơn chúng nó? Tương lai đều đã khép lại trước cả ba chúng em, và chính điều đó đã gắn bó

chúng em, vậy mà em đã bỏ chúng nó. Tất nhiên em đã không quên chúng nó, điều em lo lắng nhất là làm sao em có thể làm được việc gì cho chúng nó, trong khi chỗ làm của em còn chưa chắc chắn - mặc dù chính bản thân em cũng không biết là nó không chắc chắn đến mức nào - em vẫn nói chuyện với chủ quán về Henriette và Emilia. Đối với Henriette thì không hoàn toàn không thể lay chuyển được chủ quán, còn đối với Emilia, người nhiều tuổi hơn bọn em, bằng tuổi Frida đấy, thì không có hi vọng gì cả. Nhưng anh thử hình dung xem, chúng nó không hề muốn đi; chúng nó biết rằng cuộc đời chúng nó ở dưới đó là khốn khổ, nhưng chúng nó đã an phận: thật là những tâm hồn đôn hậu, khi chia tay nhau, em nghĩ chúng nó khóc vì em phải từ bỏ căn phòng chung, phải đi vào nơi lạnh lẽo (chúng em cho là những nơi ở ngoài phòng của chúng em đều lạnh) phải dấn thân đầy lo âu trong những căn phòng lớn, xa lạ, với những con người xa lạ, chẳng vì cái gì khác mà chỉ để kiếm sống, một việc cũng đã thành công trong cuộc sống chung. Các bạn em sẽ không nhạc nhiên nếu bây giờ em quay trở về, chiều theo em có thể họ sẽ khóc thương tí chút cho số phận của em mà thôi. Và lúc nhìn thấy anh, các bạn em sẽ thấy việc em ra đi ít lâu thế mà lại hay. Chúng nó sẽ hạnh phúc vì giờ đây có một người đàn ông giúp đỡ và bảo vệ chúng em. Các bạn em sẽ lấy làm thích thú trước việc phải giữ bí mật, và sự bí mật này càng làm gắn bó chúng ta với nhau hơn. Đi anh, em xin anh hãy đến chỗ chúng em! Với việc này anh không phải chịu trách nhiệm gì cả, anh cũng không phải vĩnh viễn trói buộc mình với căn phòng của chúng em như là chúng em. Nếu mùa xuân đến và anh tìm được chỗ ở khác ở nơi nào đó, anh không cảm thấy dễ chịu ở chỗ chúng em thì anh có thể ra đi, chỉ xin anh tiếp tục giữ bí mật, và không được phản bội chúng em bởi vì lúc đó bọn em sẽ sống giờ cuối cùng trong quán Ông chủ. Tất nhiên, anh cũng phải thận trọng khi còn ở chỗ bọn em, anh không được xuất hiện ở đâu cả, chỉ được phép có mặt ở những nơi mà bọn em cho là không nguy hiểm, và nói chung anh phải làm theo những lời

khuyên của bọn em. Chỉ có việc đó trói buộc, không có gì khác cả, và việc đó đối với anh cũng quan trọng như đối với chúng em, còn lại anh hoàn toàn tự do, cái công việc mà chúng em phân chia cho anh, sẽ không có khó khăn gì đặc biệt hơn, anh không cần phải sợ. Vậy anh đến chứ?

- Còn bao nhiêu thời gian nữa thì đến mùa xuân? - K. hỏi.

- Đến mùa xuân à? - Pepi nhắc lại, - ở chỗ bọn em mùa đông rất dài, mùa đông của chúng em rất dài và đơn điệu. Nhưng ở dưới đó chúng em cũng không thắc mắc vì điều đó, chúng em đã được trang bị chống lại mùa đông. Rồi có lần mùa xuân sẽ đến, mùa hè nữa, cái gì cũng có thời gian của nó; nhưng bây giờ nhớ lại, em thấy mùa xuân cũng như mùa hè đến có vẻ ngắn ngủi, dường như nó không nhiều hơn hai ngày, và trong vài ngày đó, kể cả khi trời đẹp nhất thỉnh thoảng cũng có tuyết rơi.

Lúc này cánh cửa mở. Pepi run lẩy bẩy, trong ý nghĩ cô đã đi rất xa quầy uống. Không phải Frida đến mà là bà chủ quán. Bà ta làm như bà ta bị bất ngờ vì K. vẫn còn ở đó. K. phân bua rằng chàng đợi bà ta, và cảm ơn họ đã cho phép chàng nghỉ đêm tại đây. Bà chủ quán không hiểu vì sao K. lại đợi bà ta. K. trả lời rằng chàng cảm thấy bà còn muốn nói chuyện với chàng, và xin lỗi nếu chàng nhầm; bây giờ chàng cần phải đi thật sự bởi vì chàng đã bỏ trường học khá lâu, nơi đó chàng là người gác cổng. Tất cả đều xảy ra do cuộc triệu tập hôm qua, K. còn rất non nớt trong những việc này, và chắc chắn sẽ không xảy ra một lần nữa chuyện như hôm qua, gây khó chịu cho bà chủ quán. Và chàng cúi chào để ra đi. Bà chủ quán nhìn khắp người chàng bằng ánh mắt kì lạ như đang mơ. Ánh mắt này đã giữ K. tiếp tục ở lại đó hơn là chàng muốn. Giờ đây bà chủ quán hơi mỉm cười, và chỉ bừng tỉnh trước ánh mắt ngạc nhiên của K., dường như bà ta chờ đợi câu trả lời cho nụ cười của mình, nhưng chỉ bây giờ bà ta mới tỉnh ra rằng không có câu trả lời.

- Nếu tôi nhớ không sai thì hôm qua anh đã bất nhã và có nhận xét gì về quần áo của tôi?

K. không nhớ.

- Anh không nhớ ư? Ở anh, sự bất nhã đi cùng với sự hèn nhát.

K. chống chế bằng sự mệt mỏi của ngày hôm qua, dễ có thể là hôm qua chàng đã nói huyên thuyên điều gì đó, nhưng không nhớ nữa. Chàng có thể nói điều gì về quần áo của bà chủ quán nhỉ? Cùng lắm là chàng đã nói quần áo đẹp như thế này chàng chưa bao giờ nhìn thấy trong cuộc đời. Ít ra thì chàng chưa bao giờ nhìn thấy bà chủ quán mặc quần áo đẹp như thế trong khi làm việc.

- Anh đừng nói những điều phát hiện của anh nữa! - bà chủ quán nói nhanh. - Tôi không muốn nghe anh nói một lời nào nữa về quần áo của tôi. Anh không có gì liên quan đến quần áo của tôi. Tôi dứt khoát cấm anh quan tâm tới quần áo của tôi.

K. lại cúi và đi về phía cánh cửa.

- Như thế nghĩa là thế nào, - bà chủ quán kêu lên phía sau chàng, - anh chưa bao giờ nhìn thấy bà chủ quán mặc quần áo đẹp khi đang làm việc à? Những nhận xét quá quắt này để làm gì? Hoàn toàn không thể chịu nổi! Anh muốn nói gì qua nhận xét đó?

K. quay lại và yêu cầu bà chủ quán đừng tức giận. Tất nhiên nhận xét thế là quá quắt. Chàng không hề am hiểu về quần áo. Chàng đang ở trong một tình thế mà nhìn mọi bộ quần áo không vá và sạch sẽ đều quý cả. Chàng chỉ ngạc nhiên là giữa đêm khuya khi mọi người chỉ kịp quàng lên người một thứ gì đó thì bà chủ quán đã xuất hiện ngoài hành lang trong một bộ đồ buổi tối đẹp, tất cả chỉ có thể.

- Cuối cùng thì, - bà chủ quán nói, - xem ra, anh đã nhớ lại điều anh nói hôm qua. Anh lại cộng thêm một sự quá quắt mới. Anh không hiểu về quần áo, điều đó đúng. Vậy thì tôi đề nghị anh một cách nghiêm chỉnh nhất là anh hãy bỏ lối xét đoán loại quần áo nào đắt, loại nào không; và bộ nào thích hợp vào buổi tối v.v... Mà nói chung, - nói đến đây dường như

có cơn rùng mình chạy khắp người bà ta, - anh làm ơn đừng can thiệp vào chuyện quần áo của tôi, anh hiểu chứ?

Và khi K. định quay đi lần nữa không nói năng gì, bà ta hỏi:

- Do đâu anh có được những hiểu biết về quần áo?

K. nhún vai, nói rằng chàng không có hiểu biết gì cả.

- Anh không có hiểu biết gì cả, - bà chủ quán nói. - Vậy thì anh đừng tôn cho mình bất kì thứ hiểu biết chuyên ngành gì hết. Anh đi theo tôi vào văn phòng, tôi cho anh xem một cái gì đó và hi vọng anh sẽ dứt khoát từ bỏ thói bất nhã.

Bà ta ra khỏi cửa, đi trước. Pepi nhảy đến chỗ K. lấy cớ là lấy tiền chàng còn cầm của cô, và họ nhanh chóng thỏa thuận, sự việc diễn ra dễ dàng, K. đã biết cái sân mà cổng của nó mở ra ngõ phụ, cạnh cổng có một cánh cửa nhỏ, khoảng một giờ nữa Pepi sẽ đứng sau đó, nghe ba lần gõ thì mở cửa.

Văn phòng nằm đối diện với quầy uống, chỉ cần bước qua hành lang, bà chủ quán đã đứng trong văn phòng có điện sáng và sốt ruột chờ K.. Nhưng vẫn còn một trở ngại: Gerstäcker đang chờ ngoài hành lang và muốn nói chuyện với K..

Không dễ gì tống khứ được gã, bà chủ quán cũng giúp đỡ, bà lệnh cho Gerstäcker phải giữ trật tự.

- Đi đâu? Đi đâu? - Mặc dù họ đã đóng cửa, vẫn còn nghe thấy tiếng của Gerstäcker, hòa quyện với tiếng thở dài và tiếng ho nghe ghê rợn.

Căn phòng nhỏ, được sưởi ấm một cách quá đáng. Đứng ven theo hai bức tường ngắn là giá sách và chiếc tủ sắt, còn dọc theo hai bức tường dài là một chiếc tủ và một chiếc đi văng. Phần lớn vị trí được dành cho tủ, không chỉ vì tủ đã chiếm cả phần tường dài, mà nó còn rất sâu, choán một phần căn phòng, mở ra ba cánh cửa. Bà chủ quán chỉ vào chiếc đi văng để K. ngồi vào đó, còn bà ta thì ngồi xuống chiếc ghế xoay đặt trước giá sách.

- Anh chưa học nghề cắt may sao? - bà chủ quán hỏi.

- Chưa bao giờ, - K. trả lời.

- Anh làm nghề gì?

- Đạc điền.

- Nghề đó là gì?

K. giải thích, bà chủ quán vừa nghe vừa ngáp.

- Anh không nói thật. Tại sao anh không nói thật?

- Bà cũng không nói thật.

- Tôi ư? Anh lại bắt đầu bất nhã à? Nếu tôi không nói thật thì dễ thường tôi phải chịu trách nhiệm với anh vì nó chắc? Thế tôi không nói thật về điều gì?

- Bà không chỉ là bà chủ quán đơn thuần như bà vẫn cố tỏ ra.

- Xem kìa, anh có những phát hiện lạ lùng chưa! Vậy tôi còn là ai nữa? Bây giờ quả thật anh đã bất nhã quá đáng.

- Tôi không biết bà còn là ai nữa; - tôi chỉ thấy bà là vợ ông chủ quán, và bà mặc quần áo không hợp với bà chủ quán một tí nào, đó là thứ quần áo mà theo tôi biết, không một ai trong làng mặc, ngoài bà ra.

- Nào chúng ta bắt đầu chuyển sang thực chất của vấn đề. Anh không thể im lặng, có lẽ anh không phải là kẻ bất nhã, mà anh chỉ giống một đứa trẻ, người biết chuyện ngu ngốc gì đó và thế là dù có đổi tất cả của cải châu báu của thế giới cũng không thể bảo nó im lặng. Thế thì anh hãy nói đi: Có gì đặc biệt trên bộ quần áo này?

- Nếu tôi nói, bà sẽ giận.

- Không, tôi sẽ cười điều anh nói, sự huyên thuyên trẻ con mà. Vậy quần áo của tôi như thế nào?

- Nếu bằng mọi giá bà muốn biết thì xin thưa: quần áo của bà làm từ nguyên liệu tốt, nguyên liệu đắt tiền, nhưng thuộc về mốt cũ, trang trí quá nhiều, người ta lại cắt quá rộng, chúng đã lỗi thời, không phù hợp với tuổi tác, thân hình cũng như địa vị của bà. Khi lần đầu tiên tôi nhìn thấy bà, khoảng một tuần rồi, ở trên hành lang này, ngay lập tức quần áo bà làm tôi để ý.

- Tức là chúng tôi thuộc mốt cũ, trang trí quá nhiều, và còn gì nữa? Và do đâu mà anh biết tốt những việc này thế?

- Tôi thấy. Để biết được điều đó không cần phải có sự tinh thông nghề nghiệp gì đặc biệt cả.

- Chỉ đơn giản là anh nhìn thấy ngay ư. Anh không cần phải tìm hiểu mà vẫn biết được mốt muốn gì. Thế thì anh sẽ không thể thiếu được đối với tôi, bởi vì chỗ yếu của tôi là quần áo đẹp. Anh có ý kiến gì không, cái tủ này chứa đầy quần áo đấy!

Bà ta gạt sang bên cánh cửa tủ đẩy: Suốt cả chiều dài và chiều sâu chiếc tủ, quần áo chồng lên quần áo, xếp chặt vào nhau, phần nhiều là quần áo màu tối, xám, nâu, đen, tất cả được treo và làm cho phẳng phiu.

- Quần áo của tôi ở đây, theo anh tất thảy đều mốt cũ, trang trí quá nhiều. Nhưng đây chỉ là những quần áo không có chỗ để ở trong phòng tôi, trên đó còn có hai tủ đầy quần áo, hai tủ to gần như chiếc này. Anh ngạc nhiên à?

- Không, tôi đã đợi một điều gì như thế này, vì tôi đã nói rằng bà không chỉ là bà chủ quán, bà còn muốn một cái gì khác.

- Tôi không cố gắng đạt được cái gì khác, mà chỉ muốn ăn mặc đẹp, còn anh chỉ là một thằng điên, hoặc là đứa trẻ, hoặc là người rất độc ác và nguy hiểm. Bây giờ thì anh hãy đi đi!

K. đã ở ngoài hành lang, và Gerstäcker đã bám lấy ống tay áo bành tô của chàng, thì bà chủ quán gọi với theo:

- Ngày mai nhận quần áo mới, có lẽ tôi sẽ cho tìm anh.

TRUYỆN NGẮN

HANG Ổ

Tôi đã tổ chức được một cái hang và nó có vẻ rất ổn. Từ ngoài nhìn vào ta thấy đó là một cái hốc lớn, nhưng cái hốc đó chẳng dẫn đến đâu: chỉ đi sâu vào vài bước chân là ta sẽ vấp phải đá tảng. Tôi không muốn khoe khoang là ở đây tôi đã có một mưu mẹo cố ý; cái hốc này chỉ là kết quả của nhiều nỗ lực mà tôi đã cố sức làm mà không được, nhưng tôi cảm thấy tốt hơn là không che giấu nó. Tất nhiên, nó là một trong những mưu mẹo tinh vi đến nỗi tự chúng chống lại nhau, tôi biết rõ điều đó hơn ai hết, và thật cả gan nếu muốn làm cho người ta tin rằng cái hốc này có thể che giấu được một con mồi đáng săn lùng. Nhưng nếu cho là tôi nhát gan và rằng tôi đào cái hang này chỉ là vì hèn nhát thì thật là không hiểu tôi. Cách chỗ này khoảng một nghìn bước chân gì đó mới thực sự là lối vào chỗ ở của tôi, nó nằm ẩn giấu dưới một lớp rêu mà người ta có thể xác định vị trí được; nó cũng được bảo vệ như mọi vật khác trên thế gian này: tất nhiên, một kẻ nào đó có thể giẫm lên lớp rêu phong ấy, y có thể bị thụt chân và thế là lối vào hang của tôi bị lộ ra, và nếu y muốn - tất nhiên với điều kiện là y phải có những phẩm cách hiếm hoi nhất định - y chỉ việc chui vào và phá phách tất cả. Tôi biết rõ điều đó, và ngay cả bây giờ, vào lúc tột đỉnh của đời tôi, tôi vẫn chưa bao giờ có được một giờ phút yên tâm thật sự. Tôi biết là ở chỗ kia, dưới cái lớp rêu phong u tối ấy, tôi hoàn toàn có thể bị tấn công, và trong tâm tưởng, lúc nào tôi cũng hình dung thấy

cái mõm của một con vật nào đó đánh hơi xung quanh. Người ta sẽ cho rằng tôi cũng có thể bít kín cái lối vào này bằng một lớp đất dày và phía dưới là một lớp đất tơi xốp để tôi có thể dễ dàng mở lối thoát. Nhưng điều đó không thể làm được; bởi vì, than ôi, chính sự thận trọng ấy thường đòi hỏi người ta phải liều mạng; đó là những tính toán khó nhọc nhất và là niềm vui mà chỉ có một bộ óc tinh tế mới ham thích suy tính. Tôi cần phải có một lối thoát nhanh chóng: bởi vì cho dù tôi có cảnh giác đến đâu thì tôi vẫn có thể bị tấn công một cách bất ngờ nhất. Tôi đang sống yên bình trong căn hầm bí mật của tôi, nhưng đâu đó, bất kể là chỗ nào, kẻ thù của tôi vẫn đang đào một cái hốc để tìm đến chỗ tôi. Tôi không muốn nói là hắn ta có tài đánh hơi hơn tôi; có thể là hắn không biết tôi cũng như tôi không biết hắn. Nhưng trên đời có những kẻ săn lùng ham mồi sục sạo mù quáng, và vì cái hang của tôi trải dài ngang dọc, cho nên những kẻ đó có thể hi vọng rằng một ngày nào đó cũng có thể bắt gặp một ngách hang của tôi. Tất nhiên, tôi có ưu thế đây là hang của tôi, tôi thuộc lòng mọi ngóc ngách đường đi. Kẻ tấn công có nguy cơ dễ dàng trở thành con mồi của tôi, và đó là một con mồi ngon lành. Nhưng giờ đây tôi đã trở nên già yếu và lại có quá nhiều kẻ thù! Trong khi chạy trốn kẻ này tôi có thể sẽ rơi vào nanh vuốt của kẻ khác. Than ôi! Cầu mong cho tôi không gặp rủi ro! Tôi cần phải chắc chắn có được ở đâu đó một lối thoát dễ dàng và rộng mở để tôi có thể thoát ra ngoài; trong khi tôi tuyệt vọng đào đất, tôi không muốn liều mạng thấy mình bất ngờ bị một con thú săn mồi ngoạm vào đùi - lạy Chúa phù hộ cho tôi! Tôi không chỉ có kẻ thù ở trên mặt đất, chúng còn có mặt cả dưới lòng đất nữa. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy chúng, nhưng những câu chuyện hoang đường đã nhắc đến chúng và tôi rất tin vào những chuyện đó. Đó là những linh hồn sống dưới đất; bản thân câu chuyện hoang đường không thể mô tả được chúng, còn chính các nạn nhân của chúng lại chưa bao giờ nhìn thấy chúng; chúng đang đi lùng sục, ta có thể nghe

thấy tiếng móng vuốt của chúng cào đất ngay dưới chân ta; lúc đó thì coi như ta đã hết đời rồi. Việc ta đang sống trong cái hang của mình chẳng có ý nghĩa gì đối với chúng cả, vì thực ra lối thoát của tôi chẳng có tích sự gì; thậm chí nó còn gây ra cái chết cho tôi; nhưng nó lại là một niềm hi vọng và tôi không thể sống thiếu nó được. Ngoài cái hành lang rộng lớn này, tôi còn có những đường hầm nhỏ hẹp và mạo hiểm nữa nối liền với thế giới bên ngoài để cung cấp không khí cho tôi hít thở; chúng được đào bởi những con chuột đồng. Tôi đã bố trí cái hang của mình để sử dụng chúng. Chúng mở rộng phạm vi đánh hơi của tôi và do đó củng cố thêm sự bảo vệ cho tôi. Ngoài ra, chúng còn cung cấp cho tôi một số lượng lớn những con mồi bé nhỏ để tôi tiêu xài, đến mức tôi có thể có được thức ăn đủ cho cuộc sống đạm bạc của tôi mà không cần phải ra khỏi hang.

Nhưng trong cái hang này tôi thích nhất là sự yên tĩnh. Tất nhiên nó là một sự yên tĩnh giả tạo. Nó có thể bất ngờ bị phá tan và khi ấy mọi cái sẽ kết thúc. Nhưng trong khi chờ đợi, tôi vẫn vui thú hưởng thụ nó. Tôi có thể bò hàng giờ trong những ngách hang của mình để chỉ nghe thấy tiếng sột soạt của một con vật nhỏ mà tôi nhanh chóng dùng hai hàm răng của mình bắt nó im tiếng, hoặc nghe thấy tiếng sào sạo của đất lở nhắc tôi phải sửa chữa; ngoài những cái đó ra thì hoàn toàn yên tĩnh. Khi không khí của khu rừng lọt vào hang thì nó đem theo cả hơi ấm lẫn sự trong lành. Đôi lúc tôi đứng vươn vai và vặn người thoải mái trong đường hầm. Ôi! Thật là dễ chịu khi đã có tuổi mà có được một cái hang như hang của tôi đây! Thật dễ chịu có chốn nương thân khi người ta cảm thấy mùa thu đang đến gần! Cứ một trăm mét tôi lại mở rộng đường hầm của mình, tôi khoét những hầm tròn nhỏ ở những ngã tư đường hầm để có thể nằm cuộn mình thoải mái nghỉ ngơi và sưởi ấm bằng chính hơi nóng của mình. Ở đó là nơi tôi được ngủ giấc ngủ bình yên với niềm khao khát được thỏa mãn, với mục đích đã đạt được và với tâm trạng của người chủ

sở hữu. Tôi không biết có phải là do một thói quen đã có từ lâu hay là do những mối nguy hiểm mà ngay cả cái hang ổ như hang ổ của tôi đây vẫn có thể gặp phải, nhưng tôi thường giật mình tỉnh giấc. Thỉnh thoảng, cứ cách một quãng thời gian nhất định, nỗi hốt hoảng lại làm cho tôi tỉnh khỏi giấc ngủ say sưa và dỏng tai nghe ngóng trong không khí tĩnh mịch, cái không khí luôn giống nhau cả ngày lẫn đêm, để rồi tôi lại mỉm cười yên tâm dang chân dang tay chìm sâu vào một giấc ngủ say hơn. Khốn khổ thay cho những du khách không nhà không cửa phải nằm co rúm giữa rừng phó mặc cho những hiểm nguy có thể xuất hiện từ trên trời hay dưới đất! Còn tôi, tôi được nằm ở đây, trong một chỗ được che chắn kín xung quanh - và tôi có khoảng năm mươi chỗ như thế này trong hang của tôi - tôi nằm nghỉ hàng giờ trong cảnh mơ màng nửa thức nửa ngủ, và tôi thích thú với những giờ phút như thế này.

Tại một địa điểm hoàn toàn không phải là giữa hang nhưng đã được tôi chọn lựa cẩn thận để đề phòng trường hợp cực kì nguy hiểm - đó là trường hợp bị bao vây, chứ không phải là bị săn đuổi, - tôi đã xây dựng cho mình một pháo đài trung tâm. Trong khi mọi công việc khác chỉ là một công việc mưu mẹo, thì cái pháo đài này hoàn toàn là kết quả của một công việc mệt nhọc. Đã nhiều lần, trong cảnh kiệt sức tuyệt vọng, tôi đã toan từ bỏ tất cả, tôi nằm vật ra đất nguyền rủa cái hang ổ này và bò ra ngoài không thèm đóng cửa hang. Chẳng có gì ngăn cản tôi, tôi không còn muốn quay trở lại đó nữa, thế rồi mấy ngày sau tôi lại trở về lòng đầy hối hận, tôi gần như reo lên vui sướng khi thấy cái hang của mình thật là chắc chắn và tôi lại bắt tay vào việc với niềm hân hoan chân thành. Nhưng công việc xây dựng pháo đài trở nên nặng nhọc một cách vô ích (vô ích vì công việc này chẳng đem lại lợi lộc gì cho cái hang của tôi) tôi muốn nói là công việc ấy trở nên nặng nhọc một cách vô ích vì ở đây đất rất xốp và nhiều cát, muốn làm thành một cái hầm có vòm tròn thì tôi phải đầm

đất thật kĩ. Thế nhưng tôi lại chỉ có mỗi vầng trán của mình để làm việc này. Thế là suốt ngày này qua đêm khác tôi đã phải đập đầu vào đất hàng nghìn lần, vui sướng khi thấy đầu mình rớm máu, bởi vì đó là một bằng chứng cho thấy rằng thành hầm bắt đầu trở nên rắn chắc; phải thừa nhận là tôi đã xây được pháo đài bằng một cái giá như vậy.

Đó là chỗ tôi gom góp đồ ăn thức uống của tôi: ngoài những nhu cầu hàng ngày, tất cả những gì tôi bắt được trong cái hang của tôi cũng như tất cả những gì tôi kiếm được sau chuyến đi săn tôi đều chất đống cả vào chỗ này. Cái hầm ấy rộng đến nỗi thực phẩm dành cho cả sáu tháng vẫn không chất đầy được nó. Cho nên tôi có thể bày chúng ra khắp hầm để đi lại giữa chúng mà vui đùa, mà thưởng thức cái khối lượng đồ sộ cùng những mùi thơm khác nhau của chúng và luôn luôn có thể dùng mắt mà kiểm kê được chúng. Thế là tôi luôn luôn phải sắp xếp lại chúng, phải đề ra những dự kiến và phải đặt chương trình săn bắt phù hợp với từng mùa. Tôi biết khi nào tôi có thừa thãi thức ăn, đến nỗi tôi không thèm để ý đến những con vật nhỏ lảng vảng quanh đó, và có thể đó cũng là một sự thiếu thận trọng. Khi mải lo phòng thủ thì mọi ý nghĩ của tôi chỉ biến đổi và phát triển trong một khung cảnh hạn hẹp. Đôi khi tôi cảm thấy nguy hiểm nếu chỉ tập trung phòng thủ ở giữa hang; sự đa dạng của hang sẽ tạo cho tôi biết bao khả năng khác! Phải chăng sẽ thận trọng hơn nếu ta phân tán thực phẩm ra nhiều chỗ cất giấu nhỏ hẹp hơn? Như vậy tôi sẽ phải chọn ra một phần ba hoặc một phần bốn số hầm ngầm để làm kho dự trữ, và một phần hai số hầm làm kho phụ, v.v... Hoặc hơn nữa, để đánh lừa kẻ thù, tôi sẽ dành riêng một đường hầm nào đó để bố trí các kho dự trữ, hoặc tôi sẽ chọn một số lượng ít kho dự trữ, với điều kiện chỉ tính đến vị trí của chúng so với cửa chính của hang. Việc thực hiện mỗi một kế hoạch mới này đòi hỏi một công việc lao động nặng nhọc thực sự; tôi sẽ phải tính toán lại từ đầu và sau đó phải khuân hàng đến những nơi cất giấu mới. Nhưng tôi có thể yên

tâm làm việc này mà không phải vội vã, và tôi cũng không khó chịu khi phải ngoạm những thứ ngon lành ấy vào mồm để đem đi cất giấu, vì tôi có thể vừa làm vừa nghỉ ngơi tùy ý mà nhấm nháp những gì tôi thích. Điều làm tôi bực mình là tôi hay phải thức dậy bất thình lình, nói chung là do một nỗi hoảng sợ nào đó, và phải lo nghĩ rằng việc phân bố lại kho thực phẩm của tôi có thể là không được suy tính kĩ, rằng nó có nguy cơ dẫn tôi đi đến chỗ gặp phải những nỗi nguy hiểm lớn và rằng nó đòi hỏi phải được tổ chức lại ngay mà không tính đến chuyện ăn ngủ cũng như đến nỗi mệt mỏi của tôi, thế là tôi vắt chân lên cổ mà chạy, tôi không còn thời gian suy tính nữa; tôi đang phải thực hiện một kế hoạch mới chính xác nhất, tôi ngoạm bất cứ cái gì vớ được để mang đi, và tôi không thắc mắc gì chuyện thay đổi kho dự trữ một khi tôi cảm thấy cái kho đó là cực kì nguy hiểm; cho đến khi cuối cùng lí trí lạnh lùng trở lại với tôi làm cho tôi tỉnh ngộ, và khi ấy, không hiểu nổi việc làm hấp tấp của mình, tôi hít thở sâu vào lòng sự bình yên của chiếc hang của tôi, sự bình yên mà tự tôi đã phá vỡ; tôi quay trở về chỗ ngủ thiếp đi ngay trong cơn mệt mỏi, và khi tỉnh dậy, tôi phát hiện ra mồm tôi vẫn còn ngậm một con chuột - một bằng chứng không thể chối cãi về cái công việc hồi đêm mà giờ đây tôi chỉ còn thấy như một giấc mơ. Cũng có những lúc tôi bắt đầu nghĩ rằng tốt hơn hết là tôi nên đem tất cả đồ ăn dự phòng trở về chỗ cũ. Tôi tự hỏi là tôi cần phân tán đồ ăn dự phòng như vậy để làm gì? Vả lại phải cất bao nhiêu đồ ăn vào những chỗ ngóc ngách như vậy? Và hơn nữa, cho dù tôi chỉ cất rất ít đồ ăn dự phòng vào những chỗ ấy thì chúng cũng đủ chặn lối đi lại của tôi, một ngày nào đó có thể chúng sẽ ngăn cản không cho tôi có khả năng phòng thủ và nhất là không cho tôi khả năng tự giải thoát. Ngoài ra - có thể là hơi ngớ ngẩn, nhưng tôi cần phải nói ra sự thật - lòng tự ái của người ta sẽ bị tổn thương khi người ta không còn được nhìn thấy kho dự trữ của mình nằm tập trung ở một chỗ, khi người ta không còn có thể chỉ bằng

một cái nhìn mà bao quát được tất cả những gì mình có. Với lại, biết đâu tôi sẽ có nguy cơ đánh mất nhiều thứ với cách phân tán đồ ăn như thế này? Tôi không thể có thời gian chạy đi khắp các ngóc ngách trong hang để kiểm tra các kho hàng của mình. Nguyên tắc phân tán kho dự trữ tự nó là đúng đắn, nhưng nó chỉ đúng khi nào tôi có được nhiều chỗ như căn hầm kiên cố của tôi. Đúng là như vậy! Nhưng ai có thể xây được những căn hầm như vậy? Vả lại tôi cũng không thể bố trí chúng trong một mặt bằng tổng thể. Tôi thừa nhận là chiếc hang của tôi có một khiếm khuyết, cũng giống như bất kì vật nào khác khi người ta chỉ có một nguyên bản. Và tôi cũng phải thú nhận rằng, trong suốt thời gian đào hang, tôi có một ý nghĩ mơ hồ nhưng cũng khá rõ để đi đến một quyết định là tôi sẽ phải đào thêm nhiều cái nữa; tôi vẫn chưa từ bỏ ý định này, mặc dù giờ đây tôi cảm thấy mình quá yếu đối với một công việc phi thường như vậy. Thậm chí tôi cũng quá yếu để có thể hình dung được tính cần thiết của công việc; tôi tự an ủi với những ý nghĩ không phải là khó hiểu, tôi mơ hồ tự nhủ rằng những gì bình thường không đáp ứng thì sẽ ngẫu nhiên đáp ứng trong trường hợp của tôi, có thể bởi vì Thượng đế đã hiểu được những cú đập đầu của tôi. Cuối cùng, giờ đây tôi đã có căn hầm kiên cố của mình, nhưng cái ý nghĩ mơ hồ cho rằng chỉ một mình nó là đủ đã biến mất. Dù thế nào chăng nữa thì tôi cũng phải công nhận rằng những căn hầm nhỏ không thể thay thế được cho pháo đài kia, và khi ý nghĩ này trở nên khá rõ ràng trong tôi, thì tôi lại bắt đầu khuân tất cả đồ dự trữ từ các căn hầm nhỏ trở về pháo đài. Thế là từ khi ấy tôi cảm thấy một niềm an ủi khi lại được nhìn thấy các căn hầm nhỏ và đường hầm được giải tỏa; hàng đống thịt được chất đầy trong hầm ngầm kiên cố và tỏa ra những mùi thơm lẫn lộn hấp dẫn mà từ xa tôi vẫn có thể ngửi thấy và có thể phân biệt được từng mùi thơm. Sau đó là đến thời kì bình yên khi tôi chuyển dần hầm ngủ đến gần pháo đài trung tâm, càng đến gần tôi càng bị ngập chìm vào đám mùi thơm của

kho dự trữ cho đến khi tôi không thể nào chịu nổi nữa và cuối cùng tới một đêm tôi chui hẳn vào pháo đài khua khoắng kho dự trữ, say sưa ních đầy bụng những thứ tôi thích nhất. Thật là một thời hạnh phúc! Nhưng cũng thật là nguy hiểm! Nếu có kẻ nào dám lợi dụng thì nó có thể dễ dàng tiêu diệt tôi; chính lúc đó tôi cảm thấy rõ là mình cần phải có một pháo đài thứ hai hoặc thứ ba nữa; chính cái viễn cảnh về kho dự trữ chất đầy đã hấp dẫn tôi. Tôi tìm nhiều cách để tránh sự cám dỗ này; và sự phân tán kho dự trữ là một trong những biện pháp đề phòng; tiếc thay, cũng giống như những biện pháp đề phòng khác, biện pháp đó chỉ dẫn tôi đi đến chỗ hám của hơn đến mức làm cho tôi mất trí và tự ý làm thay đổi mọi biện pháp phòng thủ.

Sau thời gian này tôi đã phải trấn tĩnh lại; tôi đi kiểm tra lại hang và sau khi hoàn thiện một số việc cần thiết, tôi thường bỏ hang đi ra ngoài, cho dù chỉ trong một thời gian ngắn. Ngay cả đến lúc ấy tôi vẫn thấy quá khổ sở khi phải rời hang. Nhưng tôi thấy cần phải tạm thời vắng mặt như vậy. Tôi luôn cảm thấy mình có một vẻ trang trọng khi ra gần tới cửa hang. Trong thời gian ở ẩn, tôi vẫn tránh đến gần cửa hang, thậm chí tôi còn tránh không đi vào cả những ngách đường hầm dẫn tới cửa hang; vả lại cũng không dễ gì đi lại được trong khu vực gần cửa hang này, bởi vì ở đây tôi đã đào một mê cung rắc rối; đó chính là khu vực khởi đầu công việc đào hang của tôi; khi ấy tôi không dám hi vọng là có thể hoàn thành công việc theo đúng kế hoạch; thế là tôi bắt đầu công việc một phần do ý thích chơi bời, và niềm say mê công việc của tôi được thể hiện bằng những ngách hang ngoắt ngoéo mà khi ấy tôi cho là tột đỉnh của nghệ thuật đào hang; hôm nay tôi không còn cho là như vậy nữa, tôi coi chúng, tất nhiên là với cách nhìn nhận chính xác hơn, như là những công trình phụ quá tầm thường, không xứng được gọi là một công trình hoàn thiện; về mặt lí thuyết có thể chúng rất đáng giá ("đây là lối vào nhà của ta đây", khi ấy tôi mỉa mai nói với những

kẻ thù vô hình của mình như vậy và tưởng tượng thấy chúng chết ngợp trong dãy mê cung này), vậy là về mặt lí thuyết có thể chúng rất đáng giá nhưng trên thực tế chúng chỉ là một trò chơi bấp bênh; chúng không thể chịu được một cuộc tấn công ráo riết cũng như không thể chống chọi được một kẻ thù điên cuồng. Lẽ nào tôi phải xây dựng lại toàn bộ khu vực này? Tôi vẫn do dự không muốn làm và chắc là tôi vẫn cứ bỏ mặc nó như vậy thôi. Ngoài việc tôi phải bỏ ra một công sức lớn, công việc sửa sang này có thể sẽ còn làm cho tôi gặp phải những nguy hiểm nghiêm trọng hơn. Trước đây, lúc mới bắt đầu đào hang, tôi có thể làm việc tương đối yên tâm, vì sự nguy hiểm ở khu vực này không lớn hơn so với ở khu vực khác, nhưng giờ đây công việc ấy có thể sẽ gây chú ý cho thiên hạ đối với toàn bộ hang ổ của tôi; giờ đây tôi không còn có thể làm được công việc này nữa. Tôi gần như bằng lòng với nó, tôi cảm thấy thích cái tác phẩm ban đầu này. Vả lại, trong trường hợp bị tấn công thì lối vào nào có thể cứu thoát tôi? Lối vào có thể đánh lạc hướng kẻ thù, và trong trường hợp cần thiết, lối vào này của tôi có thể làm được công việc ấy. Nhưng nếu bị tấn công dữ dội thì tất nhiên tôi sẽ phải huy động mọi nguồn lực vật chất lẫn sức mạnh của thể xác và tinh thần để chống lại. Cho nên tôi có thể cứ để nguyên mọi việc như cũ, cái hang của tôi có khá nhiều điểm yếu do đặc điểm tự nhiên, nên nó cũng có thể cứ giữ lại những khiếm khuyết do tôi gây ra, những khiếm khuyết mà tôi biết rất rõ, cho dù chỉ sau này tôi mới biết. Tất nhiên, điều đó không có nghĩa là thiếu sót này thỉnh thoảng mới làm cho tôi lo lắng, mà có thể nói là nó luôn ám ảnh tôi. Sở dĩ hàng ngày khi đi dạo trong hang tôi thường né tránh khu vực mê cung chủ yếu là vì tôi không muốn nhìn thấy nó, là vì tôi không muốn cứ phải thừa nhận mãi một điểm yếu trong thành trì của tôi, mặc dù nó thừa mức làm cho tôi phải day dứt.

Hãy cứ để mặc nó như vậy; về phần tôi, tôi cố gắng tránh gặp nó. Chỉ cần tôi bước chân vào quãng đường hầm dẫn tới

cửa hang, thì mặc dù tôi còn ở cách cửa hang hàng mấy ngách hầm, nhưng tôi vẫn cảm thấy cái mùi vị của sự nguy hiểm, một sự nguy hiểm ghê gớm; đôi khi tôi cảm thấy như mình đang đứng trước cửa và ngay lập tức được kẻ thù reo to đón tiếp. Tất nhiên bản thân cửa hang cũng đủ để gây cho ta có cảm giác như vậy, nhưng dù sao thì chính cái cách xây cửa hang là cái làm tôi lo lắng hơn cả. Có hôm tôi đã mơ là tôi đã sửa sang được nó từ đầu đến cuối chỉ trong vòng một đêm với sức lực của người khổng lồ mà không ai nhận ra, và bây giờ nó trở thành bất khả xâm phạm. Chưa bao giờ tôi ngủ yên như hôm tôi nằm mơ như vậy; khi tỉnh dậy, râu tóc tôi vẫn còn đẫm nước mắt vui sướng.

Như vậy là tôi phải khắc phục cả về mặt thể xác nỗi lo lắng mà cái mê cung ấy gây ra: tôi cảm thấy vừa tức giận vừa xúc động khi có lúc tôi thấy mình bị lạc trong chính công trình của mình, và thấy nó có vẻ như vẫn muốn chứng minh lí do tồn tại của nó cho một kẻ đã bị vây hãm từ lâu như tôi. Nhưng sau đó tôi lại thấy mình có mặt ngay dưới chiếc nắp hầm phủ rêu phong trông giống như tấm thảm xanh, và tôi chỉ cần khẽ đội đầu lên là đã ra đến thế giới bên ngoài. Tôi do dự khá lâu trước khi làm động tác này: nếu như không phải đi qua cái mê cung để quay về hang thì có lẽ tôi đã bỏ cuộc rồi, có lẽ tôi đã quay về hang. Sao cơ! - tôi tự nhủ - căn nhà của mi đã được cố thủ chắc chắn, nó làm thành một thế giới biệt lập, ở đó mi được sống tự do, được ăn no mặc ấm, được làm chủ một đô thành đường ngang lối dọc, thế mà bây giờ mi lại muốn nếu không phải là hi sinh tất cả những cái đó thì - tôi hi vọng - ít nhất là mi cũng cố tình đánh liều tất cả cho một cuộc phiêu lưu khinh xuất, mặc dù mi tự phụ là sẽ lại thu phục được tất cả những cái đó. Việc làm này có thể có những lí do hợp lí không? Không, không có một cuộc phiêu lưu nào thuộc kiểu như thế mà lại có lí do hợp lí cả. Ấy vậy mà giờ đây tôi đang thận trọng đội nắp hầm lên rồi cũng thận trọng đậy nó lại và co cẳng chạy xa khỏi cái chốn có thể làm

cho tôi bị lộ. Nhưng tôi vẫn chưa được cảm thấy thoải mái. Tất nhiên tôi không còn phải len lỏi trong các ngách hang, tôi đang chạy ở giữa rừng, tôi cảm thấy mình có thêm sức lực mới mà tôi không thể phát huy được khi ở trong hang, mặc dù cái pháo đài của tôi có diện tích rộng gấp mười lần so với những khoảng trống trong rừng; thức ăn ở trên này cũng ngon hơn, và mặc dù công việc săn bắt ở trên này có khó khăn hơn, nhưng kết quả săn bắt lại quý giá hơn xét về mọi phương diện, tôi không phủ nhận tất cả những điều ấy, tôi hiểu và biết đánh giá chúng không kém gì bất cứ một kẻ nào khác, và có khi còn hơn họ, bởi vì tôi săn bắt không phải như một kẻ rong chơi hoặc như một kẻ cuồng si, mà tôi săn bắt với một thái độ bình tĩnh và có một mục đích chính xác. Tôi sinh ra không phải để sống lang thang, tôi biết là thời gian sống của tôi có hạn, rằng tôi không buộc phải làm nghề săn bắt ở đây cho đến ngày tận thế, và rằng khi nào muốn, khi nào tôi chán cuộc đời này thì, có thể nói là có lẽ tôi sẽ được mời đến sống với một kẻ nào đó mà tôi không thể cưỡng lại được lời mời của người ấy. Đó chính là điều cho phép tôi tận hưởng thời giờ của mình và tự ý tiêu khiển không chút lo nghĩ, hay đúng hơn đó sẽ là điều có thể xảy ra và tuy nhiên nó đã không xảy ra. Cái hang đã làm cho tôi quá bận tâm.

Tôi đã nhanh chóng rời cửa hang, nhưng tôi cũng nhanh chóng quay trở về. Tôi tìm một chỗ ẩn náu kín đáo - lần này là ở ngoài hang - để rình quan sát lối vào của mình. Mặc cho người ta cho tôi là một kẻ điên, nhưng việc này đã đem lại cho tôi một niềm vui khó tả và làm cho tôi yên tâm.

Khi ấy tôi có cảm giác rằng không phải là tôi đang ngồi trước cửa nhà tôi mà là trước bản thân mình, trước một cái tôi đang sắp ngủ thiếp đi, và tôi có diễm phúc vừa được ngủ say sưa vừa được canh giấc ngủ cho chính mình như một người lính gác. Tôi có cảm giác rằng tôi không chỉ có may mắn được nhìn thấy những bóng ma ban đêm trong trạng thái bất lực và khoan khoái ngủ say, mà đồng thời tôi còn được gặp mặt

chúng thật sự trong trạng thái hoàn toàn minh mẫn và tỉnh táo. Tôi thấy một điều ngạc nhiên là tình trạng của tôi không xấu như tôi thường nghĩ và có lẽ khi trở về hang tôi lại vẫn nghĩ như vậy. Về mặt này, cũng như về nhiều mặt khác, nhưng nhất là về mặt này, tôi cho rằng những chuyến xuất hành như vậy là thực sự không thể thiếu được. Tất nhiên, mặc dù tôi đã chọn làm cửa hang ở một chỗ rất xa lánh nhưng sau một tuần quan sát tôi thấy sự đi lại ở đây vẫn rất nhộn nhịp, nhưng chắc chắn là ở mọi chỗ khác cũng vậy cả thôi, và có lẽ cứ đánh liều làm cửa hang ở những chỗ có người qua lại còn hơn là tìm một nơi hẻo lánh hoàn toàn để rồi rất dễ bị phát giác nếu có một kẻ nào đó kiên nhẫn dò tìm, và hơn nữa còn có cả nhiều trợ thủ của kẻ thù, nhưng chúng tranh giành lẫn nhau và trong khi chúng cắn xé nhau thì cửa hang của tôi lại được bình yên. Tôi vẫn chưa nhìn thấy kẻ nào thật sự chủ tâm đi tìm cửa hang của tôi, điều đó thật may cho tôi và cũng may cho hắn ta, bởi lẽ nếu hắn tìm thấy thì chắc chắn tôi sẽ lao vào xé họng hắn ra. Tất nhiên cũng có loại sinh vật mà tôi không dám đến gần và tôi phải chạy xa khi đánh hơi thấy họ, nhưng tôi nhanh chóng quay trở lại và chỉ cần thấy họ đã đi khỏi và không động đến cửa hang của tôi là tôi yên tâm rồi. Tôi đã có được những ngày hạnh phúc và tôi gần như tự nhủ rằng thái độ thù địch của thế giới đối với tôi có lẽ đã chấm dứt, hoặc rằng khả năng của cái hang đã lôi tôi ra khỏi cuộc chiến đấu sống còn mà tôi đã theo đuổi cho tới phút này. Có lẽ cái hang sẽ bảo vệ được cho tôi hơn là tôi đã tưởng hoặc hơn là tôi dám tưởng khi ở trong hang. Cảm giác này của tôi mạnh đến nỗi đôi khi tôi có một ước muốn trẻ con là không quay trở về hang nữa mà cứ sống ở gần cửa hang như thế này để quan sát nó và để có diễm phúc được tưởng tượng thấy cái hang của tôi có thể bảo vệ được tôi như thế nào khi tôi ở trong hang. Nhưng nỗi khiếp sợ vẫn làm cho tôi giật mình tỉnh khỏi những giấc mơ ấu trĩ như vậy. Cái gì có thể là sự an toàn mà tôi quan sát thấy từ bên ngoài đây? Liệu tôi có thể

dựa vào những kinh nghiệm ngoài cửa hang để đánh giá mối hiểm nguy trong hang không? Liệu kẻ thù của tôi đã tận dụng hết tài đánh hơi của chúng khi tôi còn ở ngoài hang không? Chúng còn giữ lại một chút, nhưng có lẽ là tài đánh hơi của chúng đã yếu đi. Để tôi có thể đánh giá được mối hiểm nguy thông thường, phải chăng kẻ thù của tôi phải bộc lộ hết tài năng? Đây chỉ là một nửa kinh nghiệm, là những kinh nghiệm thứ yếu mà tôi có được từ bên ngoài; chúng đi đến chỗ làm cho tôi yên tâm, ru ngủ tôi trong tình trạng an toàn giả dối mà thực chất là dấn tôi vào những tình huống nguy hiểm tồi tệ hơn. Tôi nhầm, khi tưởng rằng tôi đang canh giữ cho giấc ngủ của mình, mà đúng hơn chính tôi là người đang ngủ trong khi kẻ thù rình rập tôi. Có thể kẻ thù của tôi đi lẫn trong đám đông đang hờ hững diễu qua trước cửa hang, những kẻ chỉ đi qua để - cũng giống như tôi - đảm bảo cho mình rằng cửa hang vẫn nguyên vẹn và sẵn sàng đón chờ cuộc tấn công của chúng; chúng chỉ đi diễu qua bởi vì chúng biết là chủ nhân của chiếc hang đang vắng nhà, hoặc thậm chí chúng biết là gã chủ nhân đó đang ngây thơ ngồi rình trong bụi cây bên cạnh. Thế là tôi liền rời bỏ đài quan sát, tôi chán ngấy cuộc sống ngoài cửa hang; tôi có cảm giác rằng tôi không còn có thể học được gì ở đây nữa, cả bây giờ lẫn sau này. Tôi vui lòng chia tay với tất cả những gì ở quanh tôi và quay trở về hang để không bao giờ ra khỏi hang nữa, để phó mặc tất cả và không cản trở diễn biến tất yếu của các sự kiện bằng những cuộc quan sát vô tích sự của mình nữa. Nhưng, vì đã quen nhìn tất cả những gì xảy ra ngoài cửa hang, nên giờ đây tôi cảm thấy vô cùng khó khăn khi phải trở vào hang để không bao giờ được biết những gì xảy ra đằng sau mình. Ban đầu, sau nhiều đêm trăn trở, tôi thử vứt nhanh chiến lợi phẩm qua lỗ thông hơi vào trong hang; công việc này có vẻ như thu được kết quả, nhưng có thật nó thu được kết quả không? Điều này chỉ có thể biết được khi nào tôi xuống hang; vả lại cũng có thể không phải tôi là người được biết điều đó, có thể sự việc sẽ là quá

muộn. Tôi đào cách cửa hang một khoảng cách vừa phải một cái lỗ thử nghiệm rồi đậy nó lại bằng một lớp rêu, tôi chui xuống lỗ, đậy nắp lại rồi thận trọng chờ đợi, sau đó tôi đội nắp ra khỏi lỗ để ghi nhận kết quả quan sát. Tôi làm những cuộc thí nghiệm khác nhau, theo nghĩa tốt hoặc xấu, nhưng tôi không tìm thấy được quy luật khái quát, tôi không tìm ra được phương pháp chắc chắn để trở về hang. Thế cho nên tôi vẫn chưa quyết định xuống hang và tôi thấy tình cảnh mình thật tuyệt vọng khi nghĩ sắp tới mình sẽ phải thực hiện công việc ấy. Tôi cũng đã nghĩ đến việc chuồn khỏi nơi này để trở về với cuộc sống buồn tẻ ngày nào, cái cuộc sống chẳng đem lại cho tôi một sự an toàn mà nó chỉ là một chuỗi nguy hiểm không dứt và do đó nó không để cho tôi có thời gian xem xét cũng như không có thì giờ rỗi để lo nghĩ nhiều về mỗi một mối nguy hiểm riêng biệt như giờ đây tôi đang từng lúc phải đương đầu sau những tính toán so sánh mà tôi đã thiết lập được giữa sự an toàn của cái hang với những điều không chắc chắn ở bên ngoài. Nhưng một quyết định như vậy là một sự điên rồ hoàn toàn mà chỉ riêng thái độ lần lữa cố bám lấy cuộc sống tự do phi lí này cũng có thể gây ra. Cái hang vẫn còn là của tôi, tôi chỉ cần làm một động tác là có thể được trở về với sự an toàn. Thế là tôi tự dứt mình khỏi những mối hoài nghi, để chạy thẳng về cửa hang giữa ban ngày, với ý định không thể tha thứ được là mở nắp hầm lên, nhưng tôi không thể làm được, tôi đã chạy qua trước cửa hang rồi gieo mình vào một bụi gai để tự trừng phạt vì một sai lầm mà tôi không hiểu rõ. Sau đó, tất nhiên là tôi buộc phải tự nhủ rằng dù sao tôi cũng có lí và rằng thực sự tôi không thể trở xuống hang mà không từ bỏ những gì mình quý nhất, ít nhất là bây giờ, bỏ lại cho những cư dân của mặt đất, đó là cỏ cây và không khí. Và mối nguy hiểm này không phải là điều tưởng tượng mà là sự thật. Không nhất thiết là tôi sẽ ban thưởng cho một kẻ thù đích thực nỗi thèm muốn được đuổi theo tôi, mà điều này có thể dành cho bất cứ một con thú nhỏ ngây thơ nào, cho

bất cứ một sinh vật nhỏ bé ghê tởm nào mà chỉ vì tò mò thôi, nó vô tình có thể làm cho cả thế giới biết chỗ ở của tôi; một trường hợp không kém phần nguy hiểm, và thậm chí nguy hiểm hơn cả xét về nhiều phương diện, là con vật cũng có thể là một kẻ cùng hạng như tôi, một kẻ thạo đào hang, một đệ tử rừng xanh nào đó, một kẻ ham thích cuộc sống yên bình, nhưng cũng có thể là một con vật hung dữ muốn có chỗ ở mà không muốn đào hang. Ôi! Giá mà nó có thể đến ngay bây giờ để phát hiện ra cửa hang của tôi trong cơn thèm muốn bẩn thỉu của hắn, để rồi nó mầy mò mở được nắp hang và chui vào với cái đít vẫn còn hở ra ngoài? Ôi! Giá mà điều đó xảy ra để tôi có thể lao vào đằng sau hắn để tôi móc thịt hắn, lột da hắn, xé xác và uống máu hắn! và để tôi vứt xác hắn vào kho chiến lợi phẩm! Ôi! Nhất là giá như tôi đã có mặt ở trong hang rồi, lần này chắc là tôi sẽ ngưỡng mộ cái mê cung của tôi, sẽ đậy kĩ tấm thảm rêu phong trên cửa hầm của tôi và sẽ yên tâm nghỉ ngơi! Chắc là tôi sẽ yên tâm nghỉ ngơi, tôi tin như vậy, trong suốt cả quãng thời gian còn lại của đời mình. Nhưng chẳng có ai đến đây cả và chỉ có một mình tôi thôi. Vì mải lo nghĩ về nỗi khó khăn duy nhất của sự việc, nên dần dần tôi quên mất nỗi lo âu của mình, tôi không còn phải lảng tránh cửa hang nữa, cuối cùng tôi không còn thích được lượn lờ quanh cửa hang nữa, gần như thể tôi chính là kẻ thù đang rình rập cơ hội để lọt vào trong hang. Ôi! Giá mà tôi có một ai đó để tôi có thể tin tưởng nhờ anh ta canh gác cho tôi khi tôi yên tâm trở vào hang! Tôi sẽ thoả thuận với anh ta để anh ta quan sát địa hình trong lúc tôi xuống hang và khi có động thì anh ta sẽ gõ nắp hang báo cho tôi biết. Như vậy là tôi sẽ để lại sau lưng tôi một hiện trường hoàn toàn rõ ràng cho người bạn thân tín của tôi: bởi lẽ anh ta chắc là sẽ yêu cầu tôi được tới thăm hang của tôi để trả công cho việc anh ta canh gác cho tôi xuống hang. Tôi sẽ rất khó vui lòng để cho một ai đó được xuống hang; tôi đã đào chiếc hang này để cho tôi chứ không phải để cho khách tham quan, và tôi cho rằng tôi sẽ

không bao giờ để cho người bạn thân tín của tôi xuống hang; cho dù là để giúp tôi trở về chỗ ở thì tôi cũng không thể để cho anh ta xuống. Vả lại tôi không thể làm được điều đó, bởi vì nếu thế thì tôi sẽ phải để cho anh ta xuống một mình mà điều đó là hoàn toàn không thể chấp nhận được, hoặc là chúng tôi sẽ phải cùng nhau xuống hang, và như thế thì tôi sẽ không được diễm phúc có một người lính canh sau lưng mình. Lòng tin là gì? Tôi có thể tin một người nào đó khi tôi đối diện với anh ta, nhưng tôi có thể tin được anh ta nữa không khi tôi không còn nhìn thấy anh ta nữa và khi chiếc nắp hầm bằng rêu phong đã ngăn cách tôi với anh ta? Ta có thể tương đối dễ tin một người nào đó khi ngay lúc đó ta giám sát được anh ta; thậm chí ta cũng có thể dễ tin một người nào đó ở cách xa ta, nhưng nếu sống trong một cái hang sâu mà thực chất là một thế giới khác thì tôi cho rằng khó có thể tin vào một ai đó ở bên ngoài. Vả lại, để tự kiềm chế, tôi nghĩ thậm chí những điều nghi hoặc nói trên cũng không phải là cần thiết, tôi chỉ cần nghĩ đến vô số điều ngẫu nhiên xảy ra trong lúc hoặc sau khi tôi xuống hang để ngăn cản người bạn thân tín.của tôi thực hiện trọn vẹn nhiệm vụ của mình và nghĩ đến những hậu quả không thể lường được do một điều trở ngại tối thiểu nhất có thể gây ra cho tôi. Không, không, sau khi cân nhắc kĩ, tôi thấy mình không phải than phiền với chuyện phải sống một mình và không có ai để trông cậy. Tôi không hề bị bất lợi và có thể tôi còn tránh được nhiều điều phiền toái. Tôi chỉ có thể tin tưởng vào bản thân mình và vào chiếc hang. Đáng ra tôi đã phải nghĩ đến điều này sớm hơn và đề ra ngay từ đầu những biện pháp để đề phòng cho việc trở về hang. Đáng ra tôi có thể làm được việc này ngay từ đầu, ít nhất là một phần. Tôi có thể bố trí đường hầm đầu tiên sao cho có thể mở được hai cửa hang ở cách nhau một khoảng cách thích hợp, khi ấy tôi có thể xuống hang qua cửa hầm thứ nhất, với tất cả những điều phiền toái không thể tránh khỏi, nhưng xuống dưới hang rồi tôi có thể chạy mau tới cửa hầm

thứ hai, hé mở nắp hang làm bằng một lớp rêu phong để từ đây tôi có khả năng quan sát tình hình trong vòng hai ngày đêm. Đó là phương pháp duy nhất. Tất nhiên hai cửa hang có thể làm tăng thêm nguy hiểm, nhưng có thể dễ dàng khắc phục bằng cách khoét cửa hang thứ hai thật hẹp, vì nó chỉ dùng làm đài quan sát thôi. Khi nghĩ đến chuyện này, tôi trở nên say mê với những tính toán kĩ thuật, tôi bắt đầu mơ ước có được một chiếc hang hoàn hảo về mọi mặt, tôi say sưa tưởng tượng ra những khả năng kiến trúc lí tưởng - có một số khả năng hiện ra rõ ràng, còn một số thì vẫn mơ hồ - chúng có thể cho phép tôi ra vào mà không bị phát hiện. Khi tôi nghĩ rộng rãi về những vấn đề ấy thì tôi đã tính toán rất kĩ, nhưng chỉ về mặt kĩ thuật chứ không tính đến những ưu thế thực tế, bởi vì vấn đề đặt ra là làm nhiều cửa ra vào như thế để làm gì? Việc đó chứng tỏ là tôi có một chứng bệnh hay lo nghĩ, thiếu tự tin, có những dục vọng mơ hồ, những phẩm cách kém cỏi mà chúng còn tỏ ra hơn khi tôi đã có một chiếc hang có khả năng đem lại sự bình yên như thế này. Nhưng tất nhiên, hiện tại tôi đang ở bên ngoài và đang tìm cách để trở vào hang; chính đây là lúc những kĩ thuật kiến trúc có thể giúp ích cho tôi rất nhiều. Tuy nhiên cũng không nhiều như tôi nghĩ. Phải chăng sẽ là một dấu hiệu coi thường đối với cái hang khi, do ảnh hưởng của một nỗi sợ hãi nhất thời, chỉ coi nó là một cái hốc để cho ta tìm kiếm sự an toàn tối thiểu? Tất nhiên nó đúng là như vậy hoặc phải là như vậy, và khi tôi hình dung nó trong trường hợp gặp nguy hiểm, thì tôi nghiến răng và với tất cả ý chí của mình chỉ muốn nó là một cái hốc có khả năng cứu mạng sống của tôi; tôi muốn nó thực hiện được nhiệm vụ này một cách hoàn hảo với tất cả khả năng của nó, và tôi sẵn sàng coi yêu cầu ấy là yêu cầu hàng đầu. Nhưng trong thực tế nó không thể đảm bảo được cho tôi một sự an toàn vững chắc, đó là một sự an toàn chưa đáp ứng. Liệu ở trong hang tôi có còn phải lo nữa không? Những điều lo lắng của tôi khi ở dưới hang khác với những điều lo lắng

khi tôi ở ngoài cửa hang, chúng là những nỗi lo lắng sâu sắc hơn, quan trọng hơn mà tôi thường phải cố nén nhịn nhưng có lẽ chúng dằn vặt tôi chẳng kém gì những điều lo lắng kia. Nếu như tôi đào hang chỉ để tồn tại thì chắc chắn tôi đã không bị lầm lẫn, nhưng công việc phi thường đòi hỏi khi xây dựng chiếc hang này lại không tương xứng với mức độ an toàn thực tế do nó đem lại, ít nhất là trong chừng mực tôi có thể cảm thấy và lợi dụng. Thật đau lòng khi phải thú nhận điều đó, nhưng tôi buộc phải thú nhận trước cái lối vào giờ đây đang co thắt lại, thậm chí tôi có thể nói là nó đang trở nên cứng nhắc trước mặt tôi với tư cách là người kiến trúc sư và là người sở hữu của nó. Nhưng cái hang của tôi không phải chỉ là một cái hốc đơn giản có nhiệm vụ cứu thoát tôi. Khi tôi có mặt tại pháo đài, đứng giữa kho thịt sống dự trữ, mặt quay về mười ngách hang tỏa đi từ pháo đài này, mỗi ngách tùy theo sơ đồ tổng thể, đi sâu xuống hoặc đi lên, kéo dài ra hoặc lượn vòng tròn, mở rộng hoặc thu hẹp, và khi tôi ngắm nhìn chúng trong cảnh tĩnh mịch trống trải như vậy và sẵn sàng dẫn tôi đi tới những căn hầm tròn cũng tĩnh mịch và trống trải như chúng, thì mọi lo âu của tôi đều biến mất; tôi biết rằng đây chính là pháo đài mà tôi đã chinh phục được trên mảnh đất bất trị bằng sức lực của hàm răng và móng vuốt, bằng những cú đập đầu và bằng cơ bắp của chân tay, pháo đài này chỉ thuộc về tôi và là chỗ tôi có thể bình yên hạ gục kẻ thù, bởi vì máu của tôi sẽ chảy ra trên mảnh đất đã thuộc về tôi và nó sẽ không bị đánh chiếm...

Phải chăng đây là ý nghĩ mà tôi có được trong những giờ phút hạnh phúc sống trong đường hầm, những giờ phút ngủ yên cũng như những giờ phút thức tỉnh, bởi vì các ngách hang đã được tính toán đúng theo tầm cỡ cơ thể của tôi để có thể cho phép tôi co duỗi một cách thoải mái, cho phép tôi nằm cuộn tròn như một đứa trẻ, ngủ say mê để rồi lại thức dậy với nỗi niềm hạnh phúc. Còn những căn hầm tròn mà tôi đã quen thuộc và có thể nhắm mắt mà vẫn nhận ra chúng, cho dù chúng

giống nhau một cách tuyệt đối, những căn hầm ấy ấm áp yên bình hơn bất cứ một cái tổ chim nào ở bên ngoài. Và tất cả những cái đó tồn tại trong cảnh tĩnh mịch và trống trải.

Nhưng nếu như vậy thì tại sao tôi lại phải do dự, tại sao tôi phải sợ một kẻ đột nhập hơn là sợ cái khả năng sẽ chẳng bao giờ được nhìn lại chỗ ở của mình? Rất may là cái khả năng này sẽ không bao giờ xảy ra, nó là một điều không thể có được; tại sao lại phải tìm cách chứng minh tầm quan trọng của cái hang đối với tôi? Tôi và nó gắn bó với nhau bền chặt đến nỗi mặc cho tôi có những lo âu, tôi vẫn có thể hoàn toàn yên tâm nghỉ ngơi ở đây, đến nỗi thậm chí tôi không cần phải tìm cách tự chủ mình và tìm cách mở nắp hầm làm bằng tấm rêu phong lên bất chấp sợ hãi; có lẽ tôi chỉ cần chờ đợi mà chẳng phải làm gì, bởi lẽ sau một thời gian chẳng có cái gì có thể chia cắt được chúng tôi, và chắc chắn bằng cách này hay cách khác tôi cũng sẽ đi đến chỗ có mặt ở trong hang. Nhưng tất nhiên điều đó không đòi hỏi nhiều thời gian! Và có biết bao sự kiện có thể xảy ra ở đây cũng như ở dưới hang! Và tất nhiên tôi chỉ còn việc rút ngắn thời hạn mà làm ngay điều cần thiết.

Thế là, đã quá mệt mỏi nên không còn có thể suy nghĩ được gì nữa, với đầu óc nặng trĩu, đôi chân không vững vàng trong tình trạng nửa ngủ nửa thức và dò dẫm hơn là bước đi đàng hoàng, tôi tiến đến gần cửa hang, chậm rãi mở nắp rêu phong ra, chậm rãi chui xuống, rồi tôi lơ đãng để mặc cửa hang bỏ ngỏ lâu hơn mức cần thiết; tôi nhớ lại hành động chểnh mảng của mình và lại bò lên cửa hang để sửa chữa sai lầm: nhưng xét cho cùng tôi phải bò lên cửa hang để làm gì? Tôi chỉ có nắp hang làm bằng tấm rêu phong để đậy cửa; đúng rồi; thế là tôi bò lên và cuối cùng tôi đóng cửa lại. Chỉ có trong tình trạng này thì tôi mới có thể đóng được cửa. Giờ đây tôi đã được nằm dài dưới lớp rêu phong, trên đống chiến lợi phẩm mà tôi đã quẳng vào, và tôi có thể bắt đầu giấc ngủ hằng mơ ước. Chẳng có cái gì quấy rầy tôi, chẳng có ai theo

dõi tôi; trên đầu tôi, ít nhất là cho tới giờ, dường như chỉ có sự yên tĩnh đang ngự trị, và cho dù không có sự yên tĩnh thì tôi nghĩ mình cũng không thể chần chừ ở lại ngoài cửa hang để rình mò nữa; tôi đã thay đổi chỗ ở, đã từ bỏ thế giới, đã trở về hang và tôi cảm thấy ngay hiệu quả việc làm của mình. Đây là một vương quốc mới có khả năng đem đến cho tôi sức lực mới, và nếu như ở trên kia tôi cảm thấy mệt mỏi thì dưới này tôi không thấy nữa. Tôi vừa đi du ngoạn về, người mệt mỏi đến kiệt sức, nhưng khi nhìn thấy ngôi nhà cũ của mình với những công trình kiến trúc đang chờ đợi tôi, và khi cảm thấy sự cần thiết phải kiểm tra ngay tất cả mọi khu vực, nhất là căn hầm pháo đài, thì tôi lại cảm thấy nỗi mệt nhọc của mình được biến thành lòng hăng hái và sự sốt sắng; trong cái khoảng khắc ngắn ngủi khi trở về hang, tôi có cảm giác là mình đã ngủ một giấc dài say sưa. Công việc đầu tiên là công việc khó nhọc và nó đã thu hút hết tâm trí tôi, đó là việc tôi phải tha chiến lợi phẩm vừa kiếm được trở về căn hầm pháo đài qua những ngách hầm chật hẹp và thiếu vững chãi của khu mê cung. Tôi lấy hết sức đẩy đống chiến lợi phẩm tiến lên phía trước, nhưng thật là chậm chạp; để đi được nhanh hơn, tôi bớt lại phía sau một phần trong số đống thịt sống rồi tôi trèo lên và cố lách qua; giờ đây tôi chỉ còn một phần nhỏ chiến lợi phẩm trước mặt mình nên dễ dàng đẩy nó, nhưng tôi bị ngập quá sâu trong đống thịt giữa ngách hang chật hẹp, nơi mà ngay cả chỉ đi chân tay không tôi cũng không dễ gì lách qua nổi, đến nỗi tôi có thể bị chết ngạt giữa đống thực phẩm của chính mình; đôi lúc tôi phải ngốn đỡ đi một phần thì mới làm giảm nhẹ được sức ép của chúng. Nhưng cuối cùng thì tôi cũng hoàn thành được công việc vận chuyển này; sau khi qua được khu mê cung thì quãng đường còn lại mất ít thời gian hơn; lúc này tôi mới được đi trong một đường hầm thật sự, tôi thở ra nhẹ nhõm và đẩy đống chiến lợi phẩm qua một hành lang cắt ngang chạy thẳng tới một trong những đường hầm rộng rãi được thiết kế dành riêng cho những trường hợp

như thế này và nó dẫn tới căn hầm pháo đài theo một độ dốc đứng. Giờ đây tôi không còn phải bỏ sức ra nữa, gánh nặng chiến lợi phẩm gần như tự nó lăn đi. Cuối cùng tôi đã về tới căn hầm pháo đài. Cuối cùng tôi sẽ được nghỉ ngơi. Không có gì thay đổi cả, những vết lở mà thoạt tiên tôi nhận xét thấy sẽ nhanh chóng được sửa chữa; tôi chỉ cần đi kiểm tra một loạt đường hầm, nhưng điều này chẳng khó nhọc gì, mà đó chỉ là một việc chơi bời như trước đây tôi đã từng làm, hoặc - tôi chưa già lắm nhưng trí nhớ tôi đôi khi không còn tốt nữa - như tôi hiểu nó là như vậy. Thế là tôi bắt đầu đi kiểm tra đường hầm thứ hai với một sự chậm rãi cố ý; một khi tôi đã thấy căn hầm pháo đài rồi thì thời giờ của tôi luôn luôn là vô hạn; và trong căn hầm của tôi luôn luôn là như vậy, bởi vì tất cả những gì tôi làm đều là tốt đẹp và quan trọng; có thể nói là tôi đã chán chê những điều đó rồi. Như vậy là tôi bắt đầu với đường hầm thứ hai, sau đó đến nửa chừng thì tôi chuyển sang đường hầm thứ ba và đường hầm này lại dẫn tôi quay trở về căn hầm pháo đài, điều đó rõ ràng lại buộc tôi phải quay trở lại đường hầm thứ hai; tôi vừa chơi vừa làm việc như vậy, tôi làm tăng thêm nhiệm vụ của tôi để tiêu khiển và tôi cười một mình, rồi tôi khoái chí và trở nên mê mẩn hoàn toàn với việc đó, nhưng tôi không từ bỏ nó. Chính là vì những con đường hầm và những căn hầm tròn ở đây, và nhất là vì căn hầm pháo đài mà tôi đã trở về với thái độ hoàn toàn coi thường mạng sống sau khi đã run sợ một cách ngớ ngẩn khá lâu và chần chừ không dám quay về. Khi tôi có mặt ở đây thì nỗi nguy hiểm còn có ý nghĩa gì? Cái hang là của tôi, tôi là của cái hang, chúng tôi đã gắn bó với nhau, vậy thì còn có gì có thể xảy đến với chúng tôi? Đám đông có thể tụ tập ở trên kia, bất cứ kẻ nào cũng có thể thọc mõm qua cái nắp hầm làm bằng rêu phong ấy, điều đó chẳng có gì là quan trọng; bằng sự tĩnh mịch và trống rỗng của mình, giờ đây chiếc hang đang chào đón tôi và xác nhận lời lẽ của tôi.

Nhưng bỗng nhiên có một sự chán chường xâm chiếm lòng

tôi và tôi chui vào nằm cuộn tròn trong một trong những căn hầm quý giá nhất của tôi, tôi vẫn chưa hoàn thành công việc kiểm tra của mình, tôi vẫn đang muốn kết thúc nó, tôi không muốn nằm ngủ ở đây, tôi chỉ nhượng bộ ý định muốn tự thu xếp cho mình ở căn hầm này như thể tôi vẫn muốn làm như vậy, chính là để xem xem liệu tôi có làm được điều đó như trước đây không? Và quả thực tôi đã làm được, nhưng tôi lại không thể ra khỏi đó được nữa, tôi nằm đó trong trạng thái hoàn toàn đờ đẫn. Chắc là tôi đã ngủ thiếp đi rất lâu, mãi về sau tôi mới thức dậy được. Chắc là lúc ấy giấc ngủ của tôi đã trở nên chập chờn, bởi vì chính là có một tiếng rít rất khó nhận ra đã làm cho tôi tỉnh giấc. Tôi chợt hiểu ngay: những con vật nhỏ mà tôi không để ý đã đào được một đường hầm mới ở đâu đó trong lúc tôi vắng nhà, đường hầm này đã cắt ngang một đường hầm của tôi, làm cho không khí ùa vào và gây ra tiếng rít. Cái bọn này thật là hăng hái và lòng hăng hái của chúng thật đáng bực mình! Tôi sẽ phải áp tai vào vách hang để nghe ngóng và phải đào thử thêm một số đường hầm để xem xem tiếng động đến từ phía nào trước khi có thể chặn nó lại. Vả lại, nếu nó được sáp nhập vào hệ thống đường hầm của tôi thì ngách hang mới này có thể cung cấp thêm cho tôi một giếng thông hơi nữa. Nhưng giờ đây tôi sẽ phải canh chừng kĩ hơn cái đám thú vật nhỏ mọn kia và sẽ không bao giờ tha cho chúng nữa.

Vì tôi rất thành thạo đối với loại công việc tìm kiếm này nên chắc là nó sẽ không đòi hỏi tôi phải mất nhiều thời gian và tôi sẽ phải bắt tay vào việc ngay; đúng là tôi đang có nhiều việc phải làm, nhưng việc này là gấp nhất, tôi đang muốn có sự yên tĩnh trong hang của tôi. Vả lại, tiếng động kia tỏ ra tương đối vô hại, tôi đã không nghe thấy nó khi xuống hang, mặc dù chắc chắn là nó đã có từ trước rồi; tôi đã phải đắm mình vào cái không khí của nơi mình ở thì mới nghe thấy được nó; đó là một tiếng động mà người ta chỉ có thể cảm nhận được một cách nào đó bằng đôi tai của người sở hữu

chiếc hang. Nó không diễn ra đều đặn như những tiếng động thông thường, mà nó bị ngắt quãng lâu, chắc là do không khí bị tắc nghẽn. Thế là tôi bắt tay vào công việc tìm kiếm, nhưng tôi không thể tìm ra được chỗ nào cần phải tấn công vào; tôi thử thăm dò mấy chỗ nhưng không gặp may; hiển nhiên tôi chẳng thấy được gì và lại mất công đào rồi lại lấp đi một cách vô ích; tôi không tiếp cận được nơi phát ra tiếng động, nó vẫn tiếp tục vọng đến không hề thay đổi, vẫn phát ra một cách đều đặn, lúc thì như một tiếng "suỵt" lặp đi lặp lại, lúc thì như một tiếng gió rít. Tạm thời tôi có thể bỏ mặc nó; mặc dù nó rất khó chịu, vì chắc chắn là tôi không lầm về nguồn gốc của nó, nhưng có lẽ nó không to tiếng thêm nhiều; trái lại, đôi khi - nhưng tôi không bao giờ phải đợi lâu - những tiếng động ấy tự chúng mất đi dưới tác động công việc của những con vật đào bới cỡ nhỏ, rồi sau đó, thường là vận may sẽ giúp cho tôi bắt gặp dấu vết của vị trí bị thiệt hại mà công việc tìm kiếm được tiến hành một cách có bài bản lại không tìm ra. Thế cho nên tôi tự an ủi mình và tôi lại thích tiếp tục đi lang thang trong các ngách hang của mình, đi thăm thú những căn hầm tròn mà tôi vẫn chưa xem xét lại được hết, và thỉnh thoảng tôi lại vui đùa một chút trong căn hầm cố thủ, nhưng tôi không có được một phút nghỉ ngơi, tôi vẫn phải tiếp tục theo đuổi công việc tìm kiếm của mình. Những con vật bé nhỏ này đã làm cho tôi mất biết bao thời gian mà đáng ra tôi có thể sử dụng nó vào những công việc có ích hơn nhiều! Trong những chuyện như vậy, thông thường chính cái vấn đề về chuyên môn là cái lôi cuốn tôi; chẳng hạn tôi hình dung ra nguồn gốc của sự cố theo tiếng động mà đôi tai của tôi biết phân biệt trong mọi sắc thái của nó, và tôi không thể cưỡng lại được nỗi khát khao muốn xác minh xem liệu thực tế có đúng như tôi dự đoán không. Điều đó không phải là không có nguyên do, bởi lẽ, một khi còn chưa biết chắc chắn được sự việc thì tôi không thể cảm thấy yên tâm được, cho dù chỉ là việc tìm hiểu xem một hạt cát bị rơi ra khỏi vách hang sẽ lăn

đi đâu, và đây lại là một tiếng động có khả năng không phải là một việc nhỏ. Nhưng cho dù nó có quan trọng hay không thì tôi cũng chỉ mất công tìm kiếm mà chẳng thấy gì, hoặc đúng hơn là tôi tìm thấy quá nhiều điều. Có thể là sự cố đã xảy ra đúng tại căn hầm pháo đài của tôi! Tôi nghĩ thế nhưng tôi lại tiến hành tìm kiếm ở một chỗ cách ra xa, gần ở giữa quãng đường dẫn đến căn hầm tròn kế tiếp. Thật là một trò đùa! Có thể nói là tôi đang cố gắng chứng minh rằng chỉ có căn hầm cố thủ của tôi là không thể gây ra những điều phiền toái như vậy và rằng tất nhiên những chuyện phiền nhiễu phải xảy ra ở chỗ khác! Thế là tôi bắt đầu mỉm cười nghe ngóng, nhưng niềm vui của tôi nhanh chóng biến mất, bởi vì trên thực tế tôi cũng nghe thấy ở đây có tiếng "suỵt" như vậy. Tiếng "suỵt" này rất khẽ, đôi khi có vẻ như chỉ có tôi mới có thể nghe thấy, nhưng đôi tai của tôi đã quen nghe ngóng rồi nên càng ngày tôi càng nghe thấy rõ, mặc dù khắp nơi đều có cùng một thứ tiếng động như nhau, sau khi tôi đã so sánh để đi đến một nhận xét tin chắc như vậy. Nhưng tiếng động đó không vang to; tôi nhận ra được nó khi tôi đứng ở giữa đường hầm mà không cần áp tai vào vách hang. Từ chỗ này tôi phải gắng sức lắm mới phân biệt được, thậm chí phải phỏng đoán, hơi thở nhẹ của một âm thanh. Nhưng chính cái cường độ giống nhau ở khắp nơi của tiếng động ấy là cái làm cho tôi lo lắng hơn cả, bởi vì nó không phù hợp với giả thiết ban đầu của tôi. Nếu tôi đoán được nguồn gốc chính xác của tiếng động thì có lẽ tôi sẽ phải nghe được tiếng động đó vang to hơn ở một địa điểm cụ thể, là địa điểm mà tôi xác định được một cách chính xác, và, càng đi xa khỏi địa điểm ấy thì tôi càng phải nghe thấy nó nhỏ hơn. Nhưng nếu như giả thiết của tôi không đúng thì chuyện gì đã xảy ra? Có thể xảy ra chuyện là đã có hai trung tâm phát ra tiếng động, rằng tôi mới chỉ nghe thấy tiếng động ở cách xa ngoài hai trung tâm đó, và rằng khi tới gần một trung tâm thì sở dĩ tôi nghe thấy cùng một cường độ âm thanh là vì tiếng động kia giảm đi trong khi tiếng động

này tăng lên. Khi chăm chú nghe kĩ thì tôi bắt đầu muốn tin rằng tôi phân biệt được những cung bậc khác nhau của âm thanh theo đúng như giả thiết mới của tôi, nhưng điều này tỏ ra không rõ ràng. Dù sao, tôi cũng đã phải mở rộng đáng kể phạm vi thử nghiệm của mình. Thế là tôi lại trượt theo đường hầm quay trở về căn hầm pháo đài và bắt đầu nghe ngóng ở đó. Thật kì lạ, vẫn cùng một âm thanh đó. Thôi nào, chắc đây là tiếng động của những con chấy rận đang tranh thủ đào bới lúc tôi vắng nhà; dù sao chúng cũng không có ác ý gì, chúng chỉ lo lắng đến công việc của mình và một khi chưa gặp chướng ngại vật thì chúng cứ thẳng tiến theo hướng đã định; tôi biết tất cả những điều đó nhưng tôi không nghĩ là chúng đã dám tiến thẳng đến căn hầm pháo đài, điều này đã làm cho tôi bối rối trong lúc tôi đang cần phải làm nhiều việc. Phải chăng trước đây độ sâu đáng kể của căn hầm pháo đài cùng tầm cỡ to lớn của nó và luồng gió mạnh mà nó tạo ra đã làm cho những con vật đào bới phải chùn bước, hoặc chỉ riêng chuyện là ở đó có một căn hầm cố thủ và rằng cuối cùng thì chúng cũng đã biết được như vậy mặc dù đầu óc chúng trì độn (tôi cũng không biết lí giải thế nào), dù sao trước đây tôi cũng vẫn chưa nhận thấy có vết đào khoét trên vách hầm cố thủ của tôi. Ở đây cũng đã có nhiều con vật kéo đến do mùi thơm hấp dẫn của kho thịt sống, nhưng chúng đến từ trên cao qua các ngách hang.

Vậy mà giờ đây chúng bắt đầu khoét vách! Ôi! Giá như ít ra tôi đã có thể thực hiện được những dự kiến quan trọng nhất của thời tuổi trẻ và ở thời kì đầu của tuổi chín chắn! Than ôi! Tôi đã chẳng có được sức để làm! Bởi vì không phải là tôi không có ý chí. Một trong số những dự định của tôi là cách li căn hầm pháo đài, tách biệt nó khỏi vùng đất xung quanh, tức là chỉ để vách hang có độ dày gần bằng cỡ người tôi và đào xung quanh sát nền hầm một khoảng trống có độ dày bằng độ dày của vách hầm. Tôi luôn luôn hình dung, và không phải là không có lí, rằng cái khoảng không này sẽ đem

đến cho tôi một chỗ ở lí tưởng. Ôi! Tôi có thể leo trèo và nô đùa ngay xung quanh pháo đài của mình! Tôi có thể ngắm nhìn nó từ bên ngoài, có thể được ôm lấy nó trong móng vuốt của mình, - điều này không thể có được nếu tôi chỉ có một lối vào hầm - như vậy là tôi sẽ không bị thất vọng bởi việc không được nhìn thấy nó, đến nỗi nếu như phải lựa chọn giữa căn hầm và khoảng trống xung quanh thì chắc là tôi sẽ chọn khoảng trống này để sống cho đến hết đời, để tôi có thể thường xuyên đi lại và bảo vệ cho pháo đài!... Khi ấy sẽ không còn có tiếng động trong vách hầm nữa, sẽ không có chuyện đào bới táo tợn xuyên tới tận căn hầm cố thủ này nữa, và sẽ chỉ có sự bình yên ngự trị ở đây, còn tôi sẽ làm người lính canh cho nó; tôi sẽ không phải miễn cưỡng nghe cái lũ súc vật lau nhau đào vách nữa, mà sẽ tìm lại được điều huyền diệu đang mất đi sau đây: đó là tiếng rì rầm của không khí im lặng trong căn hầm. Điều hạnh phúc này không có được nữa và tôi lại phải bắt tay vào việc, gần như với niềm sung sướng là công việc của tôi có liên quan trực tiếp tới pháo đài, bởi vì điều này sẽ chắp cánh cho tôi. Tất nhiên sau đó tôi nhận ra rằng sức lực của tôi không đủ để làm cái công việc mà ban đầu có vẻ như đơn giản ấy. Giờ đây tôi lại nghe ngóng vách hầm, và bất cứ chỗ nào, ở trên hay ở dưới, ở dọc theo vách hầm hay trên mặt đất, ở cửa ra vào hay ở bên trong, đâu đâu cũng có cùng một thứ tiếng động ấy. Và chẳng phải mất thì giờ với đầu óc căng thẳng là mấy mới nghe được tiếng sào sạo không dứt này! Nếu muốn tự lừa dối mình thì tôi có thể tự an ủi đôi chút bằng ý nghĩ cho rằng ở đây, trong căn hầm pháo đài, khi ta thôi không áp tai vào vách để nghe ngóng nữa thì ta sẽ đi đến chỗ không nghe thấy gì vì kích thước rộng lớn của căn hầm, trái với những gì xảy ra trong các ngách hang. Nhưng thế thì chuyện gì đã xảy ra? Không một giả thiết nào của tôi có thể lí giải được hiện tượng này. Tôi lại đặt ra những giả thiết khác, nhưng chúng cũng chẳng hơn gì. Có thể nghĩ rằng tôi đã nghe thấy tiếng động của đám sinh vật nhỏ

bé sống trong lòng đất đang làm việc chăng? Nhưng cách giải thích đó trái với tất cả những gì tôi biết được qua kinh nghiệm thực tế; tôi không thể bỗng dưng nghe được một tiếng động mà tôi chưa phân biệt nổi, mặc dù nó đã tồn tại từ trước. Sau một thời gian, trong khi sống ở trong hang tôi đã trở nên nhạy cảm hơn với những hiện tượng nhiễu loạn. Nhưng đôi tai của tôi đã không được thính nhạy nữa. Người ta không thể nghe được loại chấy rận, đó chính là đặc điểm của chúng. Liệu tôi có thể chịu được chúng như vậy không? Vì sợ chết đói tôi đã trục xuất chúng ra khỏi hang. Nhưng liệu có phải đây là tiếng động của một con vật lạ mà tôi chưa được biết không? Có thể. Tất nhiên tôi đã quan sát từ lâu thế giới dưới lòng đất và tôi quan sát rất kĩ, nhưng cuộc sống dưới này rất đa dạng và rất hay xảy ra những sự cố bất ngờ khó chịu. Vả lại, có thể đây không phải là một con vật riêng lẻ mà chắc phải là một bầy đã bất ngờ xâm phạm lãnh địa của tôi, một tập đoàn lớn bao gồm những con vật nhỏ, lớn hơn loại chấy rận, bởi vì ta vẫn nghe thấy tiếng động của chúng, nhưng khó khăn lắm mới nghe thấy được, vì nó vẫn rất nhỏ. Như vậy đây có thể là những con vật lạ, một bầy đoàn di cư đi qua đây để quấy rầy tôi nhưng chắc là chúng sẽ nhanh chóng bỏ đi. Từ nay tôi có thể yên tâm chờ đợi mà không phải tiến hành một việc làm phí sức. Nhưng nếu như chúng là những sinh vật lạ thì tại sao tôi lại không thể nhìn thấy chúng được? Tôi đã đào bới nhiều chỗ hòng tóm được một tên nhưng không thành. Tôi chợt nảy ra một ý: có thể chúng là những con vật nhỏ tí xíu, nhỏ hơn rất nhiều so với những con mà tôi được biết, và chỉ có tiếng động của chúng là vang to hơn so với tiếng động của những loài khác. Tôi lại kiểm tra một lần nữa đống đất mà tôi moi từ vách hang ra, tôi tung từng cục đất lên không cho chúng rơi xuống vỡ tan ra... nhưng chẳng hề thấy dấu vết nào của những kẻ gây rối! Cuối cùng tôi hiểu ra là đào bới lung tung như thế này thì không thể đưa lại kết quả, thế là tôi bắt đầu chỉ đào bới các vách hang, tôi hối hả đục khoét hết chỗ

này đến chỗ khác, tôi không còn đủ thời gian để lấp lỗ đào nữa, đất đá rơi ra chất đống khắp hang làm tắc nghẽn lối đi và che khuất cả tầm nhìn của tôi. Tất nhiên tất cả những điều phiền toái đó chỉ là chuyện vặt, lúc này không phải là lúc tôi có thể đi dạo hoặc nghỉ ngơi; nhiều lần tôi đã ngủ thiếp đi một lát trong lúc đang làm việc, một bàn chân vẫn bấu vào vách hang trong tư thế đang moi đất. Tôi sẽ phải thay đổi phương pháp. Tôi sẽ đào một đường hầm theo hướng tiếng động, và tôi sẽ chỉ dừng lại khi tìm thấy nguyên nhân đích thực gây ra tiếng động bất chấp mọi giả thiết. Sau đó tôi sẽ tiêu hủy cái nguyên nhân này nếu có thể; nếu không thì ít ra tôi cũng hiểu rõ được vấn đề. Việc hiểu rõ này sẽ đem lại cho tôi hoặc là sự bình yên hoặc là cơn tuyệt vọng; bằng cách nào thì nó cũng sẽ đem lại một trong hai kết quả ấy; tất cả sẽ rõ ràng và minh bạch. Quyết định này làm cho tôi thấy dễ chịu... tất cả những gì tôi làm đến giờ có vẻ hấp tấp, bị xuyên tạc bởi cảm xúc khi quay trở về hang và vẫn còn bị ảnh hưởng đôi chút bởi những yếu tố không phù hợp với không khí bình yên trong hang; bị kích thích bởi sự vắng mặt lâu ngày, tôi đã mất bình tĩnh trước một hiện tượng mà kể ra tôi phải nhượng bộ tính chất khác lạ của nó. Vậy thì nó là cái gì? Đó chỉ là một tiếng rít nhỏ mà tôi nghe thấy từng cơn, một chuyện vặt mà tôi có thể, tôi không dám nói là có thể quen - chuyện này tôi không thể quen được - nhưng tôi có thể quan sát một thời gian mà không cần làm gì để ngăn chặn nó; chẳng hạn tôi có thể nghe ngóng hai, ba tiếng đồng hồ một lúc để kiên nhẫn ghi nhận kết quả hơn là không ngớt đi nghe ngóng dọc theo vách hang và bới tung đất đá lên như tôi đang làm mỗi lần nghe thấy một dấu hiệu nào đó - nói cho cùng là để đáp lại sự lo âu hơn là để phát hiện nguyên nhân. Tôi hi vọng là việc này sẽ thay đổi, nhưng sau đó tôi lại không hi vọng nữa - như tôi đã phải miễn cưỡng bực bội công nhận - bởi vì nỗi lo âu vẫn run lên trong lòng tôi như lúc ban đầu, và nếu lương tri không kìm tôi lại thì chắc là tôi đã bắt tay vào đào bới bất cứ

chỗ nào như một thằng điên bất chấp mọi điều, cho dù tôi có nghe thấy điều gì hay không, tôi đào chỉ là để đào, giống như một con rận đào đất không cần biết lí do hoặc là đơn thuần chỉ là để gặm nhấm đất thôi. Cái kế hoạch mới, là kế hoạch hợp lẽ nhất, đang hấp dẫn mà cũng chẳng hấp dẫn. Nó chẳng có gì để phản bác; ít ra thì cá nhân tôi chẳng thấy có gì phải chê bai nó cả; có thể nó sẽ dẫn tôi đi tới đích. Tuy nhiên, thực ra tôi không tin vào nó, tôi ít tin nó đến nỗi thậm chí tôi cũng chẳng sợ gì những nỗi lo mà kết quả của nó có thể sẽ đem lại cho tôi, và thậm chí nó cũng chẳng có thể có một kết quả nào có khả năng làm tôi sợ; có thể nói tôi có cảm giác rằng ngay từ đầu tôi đã nghĩ đến chuyện tiến hành cuộc thăm dò một cách có hệ thống như vậy, và rằng sở dĩ tôi không làm chỉ vì tôi không tin tưởng vào nó. Tất nhiên dù sao tôi cũng sẽ phải bắt tay vào làm, tôi không còn khả năng nào khác, nhưng tôi sẽ không bắt đầu ngay, tôi sẽ dành cho tôi một thời hạn ngắn; nếu tôi muốn kí thác lương tri cho danh dự thì tôi phải làm đến nơi đến chốn, tôi sẽ không hấp tấp nhảy xổ vào công việc này. Dù sao tôi cũng sẽ bắt đầu bằng việc sửa chữa những điều thiệt hại do công cuộc đào bới của tôi gây ra cho chiếc hang; đây không phải là việc nhỏ, nhưng cần phải làm như vậy; nếu thực sự đường hầm mới của tôi dẫn tôi đi tới đích thì có thể nó sẽ phải là một đường hầm dài, và nếu nó chẳng dẫn tới đâu, thì nó sẽ còn dài hơn nữa; dù thế nào thì công việc này cũng sẽ buộc tôi phải ở cách xa hang của tôi một thời gian lâu; kể ra đây cũng sẽ không phải là một sự vắng nhà nghiêm trọng như lần tôi ra khỏi hang để vào rừng, lần này tôi có thể tạm dừng công việc khi nào tôi muốn quay về thăm nhà và, ngay cả khi tôi không về nhà thì không khí ở căn hầm cố thủ vẫn thổi tới được chỗ tôi và bao bọc quanh tôi trong khi tôi làm việc; nhưng dù sao nó vẫn làm cho tôi phải xa cách cái hang, làm tôi phải phó mặc mình cho số phận bấp bênh, và tôi cũng phải để cái hang ở lại phía sau mình trong tình trạng an toàn; là người vật lộn cho sự bình yên của cái

hang, tôi không được làm cho nó trở nên lộn xộn mà không tái lập ngay trật tự cho nó. Cho nên nỗi lo đầu tiên của tôi là phải bắt đầu bằng việc lấy đất bịt hết những cái hốc mà tôi đã đục khoét, đó là công việc mà tôi rất thành thạo, là công việc tôi đã làm không biết bao nhiêu lần mà không có cảm giác là phải làm việc, và trong việc này - đây không phải là chuyện khoe khoang, tôi chỉ nói hoàn toàn sự thật - tôi tuyên bố rằng không ai có thể bằng tôi, nhất là ở khâu đầm đất và san phẳng. Nhưng lần này tôi cảm thấy có nhiều khó khăn, tôi thấy mình trở nên đãng trí; trong lúc làm việc tôi luôn luôn cứ phải áp tai vào vách để nghe ngóng và lơ đãng bỏ mặc cho đất vừa đắp lên lại rơi vãi xuống nền hang. Trong khâu hoàn tất đòi hỏi phải chăm chú thì hầu như tôi không đáp ứng nổi. Vách hang vẫn còn lại những ụ đất và những kẽ nứt khó chịu; đấy là tôi chưa nói đến vẻ trang nhã tổng thể của đường hầm, điều này sẽ chẳng bao giờ có được nữa với những vách hang vá víu như thế này. Tôi cố tự an ủi bằng cách tự nhủ rằng đây chỉ là tạm thời. Khi nào làm xong công việc kia và thiết lập lại sự bình yên thì tôi sẽ hoàn thiện lại tất cả, sẽ kết thúc trong nháy mắt, niềm an ủi của tôi chỉ là chuyện hoang đường. Tốt hơn cả là tôi nên làm ngay từ bây giờ một cách dứt khoát cho xong, điều đó sẽ có lợi hơn nhiều so với việc cứ chốc chốc lại bỏ dở việc để đi lang thang trong các ngõ ngách hòng tìm ra những nơi nghe thấy tiếng động, một việc làm thật là dễ dàng: chỉ cần dừng lại ở bất cứ chỗ nào và nghe ngóng. Và tôi đã có nhiều phát hiện mới thật vô ích. Đôi khi tôi có cảm giác là tiếng động đã ngừng hẳn: nó ngừng khá lâu! Và thật dễ dàng để không nghe thấy tiếng "suỵt" này!... Đó là khi mạch máu trong thái dương anh đập quá to nên có lúc anh không nghe thấy tiếng động và anh tin rằng nó đã mất hẳn. Anh không nghe ngóng nữa và nhảy lên vì vui sướng, anh bảo rằng thế là cuộc sống đã thay đổi, hình như nguồn tiếp sức cho sự bình yên của cái hang đã mở ra. Anh tránh không kiểm tra ngay điều nhận xét của mình, trước hết

anh muốn tìm một ai đó để có thể thổ lộ tâm tình mà không bị nghi ngờ, thế là anh chạy về pháo đài nhắc nhở mình là ta đã có một cuộc sống mới với tất cả những nhu cầu và ham muốn của nó, rằng từ lâu ta vẫn chưa ăn gì, anh vớ lấy bất cứ cái gì trong đống đồ ăn dự trữ đã bị đất đá lở trùm kín, anh vừa nhai vừa nhanh chóng quay trở về với phát minh kì diệu của mình, trước tiên trong khi ăn anh chỉ muốn tin một cách hời hợt về tính chính xác của sự việc, anh nghe ngóng, nhưng sự nghe ngóng hời hợt nhất cũng nhanh chóng chứng minh được rằng anh đã nhầm lẫn một cách đáng xấu hổ; tiếng "suỵt" vẫn tiếp tục điềm tĩnh vọng đến từ cõi xa xăm. Anh nhổ toẹt những gì anh đang nhai trong miệng, anh muốn chôn vùi thức ăn bằng cách lấy chân di xuống đất và anh lại trở về với công việc mà không biết phải làm gì, anh bắt tay vào việc ở bất cứ chỗ nào - vì chỗ nào anh cũng thấy đáng phải đào bới! Anh bắt đầu làm bất cứ việc gì một cách máy móc, đơn giản như thể anh đang phải đóng kịch trước mặt một viên thanh tra vừa mới đến để thị sát. Nhưng đôi khi vừa mới bắt đầu mà anh đã lại phát hiện ra một điều mới. Tiếng động có vẻ như vang to hơn một chút, chỉ một chút thôi - ở đây những tiếng động chỉ khác nhau một cách không đáng kể - nhưng anh vẫn thấy nó vang to hơn một chút và tai anh có thể phân biệt khá rõ. Và sự vang to hơn này có vẻ như là anh đang tiến đến gần mục tiêu: anh nhìn thấy tiếng động đang rõ dần lên, còn rõ hơn là anh tưởng, anh nhìn thấy bước chân đang dẫn tiếng động tiến sát lại anh. Anh nhảy lùi lại phía sau, anh bao quát quan sát mọi khả năng mà sự phát hiện này có thể gây ra. Anh có cảm giác rằng thực ra anh đã không tổ chức được cái hang này sao cho có thể chống lại được một cuộc tấn công; anh đã có ý định đó, nhưng, bất chấp mọi cuộc thử nghiệm, anh vẫn tin rằng mối nguy hiểm đang còn ở xa và anh không lo lắng chuẩn bị phòng thủ, hoặc đúng hơn là anh có lo lắng (bởi lẽ làm sao mà lại không lo lắng được...) nhưng anh lo đến việc đó ít hơn nhiều so với việc tổ chức cuộc sống

bình yên mà mọi thứ đều phải phụ thuộc vào. Về vấn đề này đáng ra anh đã có thể phải chuẩn bị nhiều cách mà không làm xáo trộn kế hoạch tổng thể; anh đã bỏ qua một cách không thể hiểu nổi. Trong những năm qua tôi đã gặp nhiều may mắn; vận may đã nuông chiều tôi, tôi là người rất hay lo nhưng sống trong may mắn thì sự lo nghĩ trở thành vô bổ. Việc đầu tiên cần phải làm là kiểm tra lại kĩ càng toàn bộ khu vực hang, kiểm tra tất cả các khả năng phòng thủ, soạn thảo một kế hoạch phòng thủ, sau đó bắt tay vào việc với một sự hăng say của thời tuổi trẻ. Đó chính là việc phải làm; cần nói thêm là lúc này đã quá muộn khi phải nghĩ đến điều đó nhưng đó là điều cần phải làm thay vì đào khoét thêm một đường hầm nữa mà nó có khả năng chỉ dẫn tôi đến chỗ gặp nguy, điều mà chắc là sẽ xảy ra khá nhanh! Thế là bỗng dưng tôi không còn hiểu được kế hoạch cũ của tôi nữa; tôi không còn tìm thấy bất cứ một dấu hiệu hợp lí nhỏ nhất nào của cái kế hoạch mà trước đây tỏ ra là hợp lí; tôi chấp thuận công việc mới và từ bỏ cả việc dò xét; tôi không còn muốn phát hiện thêm nhiều tiếng động mới nữa đang gia tăng, tôi đã phát hiện khá nhiều tiếng động như thế này rồi, tôi rũ bỏ tất cả, tôi sẽ tự cho mình là hạnh phúc nếu tôi có thể dẹp yên được những xung đột nội tâm của mình. Một lần nữa tôi lại bỏ mặc cho các ngách hang lôi cuốn, tôi lần tới những ngách hang ở xa hơn nữa mà từ khi trở về hang tôi vẫn chưa đi thăm, chúng nằm ở khu vực mà bàn chân tôi chưa đào bới, nơi mà sự yên tĩnh được đánh thức dậy khi tôi đặt chân tới và nó ập xuống chào đón tôi. Tôi không đi mà là hối hả chạy, tôi không biết phải tìm gì, có thể đó chỉ là một sự nghỉ ngơi. Tôi lạc đường quá xa đến nỗi tôi lại thấy mình quay trở về khu vực mê cung, tôi cảm thấy mình bị lôi cuốn bước đến chỗ nắp cửa hang để nghe ngóng; cái thế giới xa xăm kia, giờ đây nó tỏ ra quá xa xăm, chính nó là cái tôi phải quan tâm. Thế là tôi khó nhọc leo lên bậc cửa trên cao để nghe ngóng. Im lặng hoàn toàn; ở đây thật dễ chịu! Chẳng có ai quan tâm đến cái

hang của tôi, người nào cũng chăm lo cho công việc của riêng mình mà chẳng có gì liên quan đến tôi; tôi đã làm thế nào để đạt được kết quả này? Giờ đây chỗ này có lẽ là chỗ duy nhất ở trong hang mà ở đó tôi nghe ngóng hàng giờ vẫn không thấy gì. Đây là một sự xoay chuyển hoàn toàn tình thế: cái chỗ mà trước đây tỏ ra nguy hiểm nhất thì nay trở thành một trại an dưỡng yên bình, trong khi đó thì khu vực căn hầm pháo đài đã bị tiếng động của thế giới cùng những hiểm nguy của nó xâm nhập. Vả chăng sự việc còn tồi tệ hơn thế nữa, bởi vì thực ra thì ngay cả ở đây cũng không có sự bình yên; ở đây chẳng có gì thay đổi cả; dù có tiếng động hay không thì mối nguy hiểm vẫn đang rình rập ở ngoài cửa hang như trước đây, nhưng đến đây tôi trở nên vô cảm trong mối bận tâm mà cái tiếng sào sạo của vách hang đã gây ra. Chung quy liệu có phải là cái tiếng sào sạo này đã thu hút hết tâm trí tôi không? Nó cứ vang rõ thêm lên và tiến lại gần, nhưng tôi thì lại luồn lách trong khu mê cung để đến ngồi ở đây, dưới tấm nắp rêu phong này; liệu có phải là tôi muốn giao nộp ngôi nhà của mình cho kẻ gây ra tiếng động ấy không? Và liệu có phải tôi đầu hàng chỉ là để nghỉ ngơi không? Kẻ gây ra tiếng động ư? Chẳng lẽ tôi đã có một ý tưởng mới, một ý tưởng chính xác về nguyên nhân của tiếng động này? Phải chăng nó xuất phát từ những cái hốc do bọn rận đào khoét? Phải chăng ý nghĩ của tôi đã đi đến quyết định? Tôi không nghĩ là tôi đã suy luận sai. Nếu tiếng động không phát trực tiếp từ các lỗ hổng thì dù sao bằng cách này hay cách khác chính chúng là cái có thể lí giải được nó. Và, nếu chúng không có liên quan gì thì liệu có một giả thiết nào khác không? Tôi cần phải đợi cho đến khi tìm ra nguyên nhân hoặc cho đến khi nó tự bộc lộ. Tất nhiên tôi vẫn có thể tiếp tục đưa ra các giả thiết: chẳng hạn, tôi có thể nói rằng ở một chỗ nào đó đã có nước rò vào, và rằng cái mà tôi cho là tiếng rít hoặc tiếng sào sạo thực ra là một tiếng rì rầm. Nhưng thứ nhất là tôi chẳng có một kinh nghiệm gì về sự việc này cả; tôi đã đổi hướng các con nước mà tôi bắt

gặp từ đầu, và trong cái khu vực hầm ngầm đất cát này chúng sẽ chẳng bao giờ quay trở lại nữa; thứ hai, đây đúng là một tiếng sào sạo chứ không thể coi nó là một tiếng rì rầm. Thế nhưng khuyến khích sự bình tĩnh để làm gì? Trí tưởng tượng không dừng lại, và thực ra, - không cần phải phủ nhận điều này - tôi tin rằng cái tiếng sào sạo ấy là tiếng của một con thú chứ không phải của một số đông các con vật nhỏ, mà chỉ là của một con thú to lớn thôi. Có nhiều sự việc có khả năng bác bỏ giả thiết này. Tôi đã nghe thấy tiếng động phát ra ở khắp nơi với cường độ luôn luôn giống nhau. Và cứ đều đặn lại được bổ sung thêm ngày cũng như đêm; tất nhiên, trong những điều kiện như vậy, trước hết ta sẽ phải nghiêng về ý nghĩ cho rằng ở đây có một số lượng lớn các con vật nhỏ, nhưng vì nếu như chúng có mặt ở đây thì trong khi đào bới dứt khoát tôi sẽ tìm thấy chúng, và vì trong thực tế tôi không bắt gặp chúng cho nên chỉ còn cách công nhận sự có mặt của duy nhất một con thú to lớn, càng hơn thế là vì cái điều có vẻ như phủ nhận giả thiết ấy lại không chứng minh cho khả năng về sự không tồn tại của con vật, mà nó chỉ chứng minh rằng con vật đó phải là nguy hiểm hơn so với tất cả những gì mà ta có thể tưởng được. Đó là lí lẽ duy nhất khiến tôi muốn loại bỏ giả thiết của mình. Nhưng tôi phải từ bỏ ảo tưởng. Đó là vì định đề cuối cùng của tôi phải là đúng khi nó cho rằng tôi có thể nghe thấy con thú này từ rất xa; từ lâu tôi đã trăn trở với ý nghĩ này trong đầu rồi, con thú chắc là phải làm việc rất nhanh, nó đi qua trên mặt đất cũng nhanh như một người đi dạo qua đường; mặt đất rung động dưới móng vuốt của nó, và, ngay cả khi con vật đã đi qua rồi, sự rung động ấy cùng với tiếng động công việc của nó vẫn truyền âm thanh tới một khoảng cách lớn như thế này, còn tôi, vì chỉ nghe thấy những tiếng rung động cuối cùng của chúng, nên tôi thấy chúng vang lên như nhau ở mọi chỗ. Thêm vào đó con thú không đi qua ngay trên đầu tôi, nên tiếng động không thể thay đổi cường độ được; con thú chắc là phải có một dự định nào đó mà tôi

không được biết; tôi cho rằng nó đang bao vây tôi - điều đó không có nghĩa là nó biết đến sự tồn tại của tôi, chắc là nó đã đi quanh khu vực hang của tôi nhiều lần kể từ khi tôi nghe thấy tiếng động. Tính chất của tiếng động này, dù là tiếng sào sạo hay tiếng rít, đã làm cho tôi phải suy nghĩ nhiều. Khi tôi cào và bới đất theo kiểu của tôi thì công việc đó không hề có tiếng động giống như vậy; tôi chỉ có thể giải thích được tiếng sào sạo ấy bằng ý nghĩ cho rằng con thú không dùng móng làm công cụ chính để đào; nó chỉ dựa vào móng vuốt một chút thôi, còn chắc là nó làm việc chủ yếu bằng mõm để trợ giúp cho cái sức khỏe phi thường của nó bằng những cạnh sắc mà tôi không hiểu chúng là cái gì. Có lẽ nó chỉ đào đất bằng một nhát của cái mõm khỏe mạnh của nó, sau đó nó moi ra một tảng đất khổng lồ, và trong quãng thời gian nó moi đất tôi sẽ không nghe thấy gì cả, đó là khoảng thời gian yên tĩnh chuyển tiếp giữa hai lần giũi đất; sau đó nó lại lấy hơi trước khi giũi một cú khác. Chính cái việc nó hít hơi này làm cho tôi nghe như một tiếng suỵt; trong thực tế chắc đó là tiếng đông đã làm rung chuyển đất đá, không chỉ do sức mạnh của con thú mà còn là do nó hối hả làm việc. Và cái điều mà tôi không thể hiểu nổi là khả năng làm việc không nghỉ của nó, có thể những lần nghỉ ngắn ngủi xen kẽ giữa hai cú giũi đã cho nó có dịp nghỉ ngơi chút ít, nhưng chắc là nó chưa được thư giãn thật sự, nó đào suốt ngày đêm với một sức khỏe không đổi, không bao giờ lãng quên mục đích của mình, và nó có mọi khả năng cần thiết để đạt được mục đích. Tôi không thể ngờ lại được gặp một đối thủ như vậy. Nhưng, cho dù không kể đến những điều nói trên thì chuyện xảy ra bây giờ vẫn chỉ là một chuyện mà đáng ra tôi đã luôn luôn phải lo nghĩ tới, một sự kiện mà đáng ra tôi đã phải luôn luôn sẵn sàng đón đợi có một kẻ nào đó đã tới đây. Làm sao mà tất cả những chuyện này có thể xảy ra đã lâu một cách bình yên và may mắn như vậy? Ai đã dẫn đường cho kẻ thù của tôi để nó tới được đây? Tại sao tôi lại náu mình được một thời gian dài

như thế để rồi bỗng dưng bị cơn sợ hãi làm cho thức tỉnh? So với nỗi nguy hiểm này thì tất cả những hiểm nguy vặt vãnh mà suốt đời tôi phải lo nghĩ tới kia liệu có ý nghĩa gì! Liệu tư cách chủ nhân của tôi có thể cho tôi có khả năng chống lại sự đột nhập ấy không? Than ôi! Chính vì tôi là chủ của cái công trình quá mong manh này mà tôi thấy mình không có khả năng chống trả được bất cứ một cuộc tấn công nghiêm túc nào: niềm hạnh phúc được sở hữu nó đã làm hỏng tôi; tính chất mong manh của chiếc hang đã làm cho tôi trở nên nhạy cảm và yếu ớt, những vết thương của nó làm cho tôi đau đớn như thể chính tôi đang bị thương. Đó chính là điều đáng ra tôi phải nhìn thấy trước; đáng ra tôi không nên nghĩ đến việc phòng thủ cho riêng tôi - mặc dù tôi đã hành động thật bộp chộp và vô ích - mà phải nghĩ đến việc phòng thủ cho cái hang. Đáng ra phải sắp xếp sao cho một số khu vực hang, và số này càng nhiều càng tốt, có thể rất nhanh chóng được bịt lại trong trường hợp bị tấn công và phải được cách li với những khu vực ít bị đe dọa hơn bằng những đống đất lớn và kín sao cho kẻ đột nhập thậm chí không ngờ rằng cái hang đích thực đang tồn tại ở đằng sau những đống đất đó. Ngoài ra, những đống đất sụt lở này phải có khả năng không chỉ giấu kín chiếc hang mà chúng còn có thể chôn vùi được kẻ xâm nhập, khốn nỗi tôi đã chẳng làm được điều gì như vậy cả; tôi đã chẳng làm được điều gì để có thể phục vụ cho mục đích ấy, tôi đã trở nên mê mẩn như một đứa trẻ, tôi đã trải qua tuổi chín chắn bằng những cuộc chơi ấu trĩ, đầu óc tôi lúc nào cũng chỉ nghĩ vẩn vơ đến chuyện nguy hiểm, tôi đã thực sự không nghĩ đến nỗi nguy hiểm đích thực. Vậy mà đã có biết bao điều báo trước! Đúng là vẫn chưa xảy ra chuyện gì giống với mối nguy hiểm, nhưng trong thời gian đầu của công việc đào hang, tôi cũng thấy những trường hợp như trường hợp bây giờ... Khi ấy tôi đang thử đào đường hầm đầu tiên, khu mê cung mới chỉ được phác họa một cách đại thể, lúc ấy tôi đã đào được một quãng hầm nhỏ, nhưng nó hoàn toàn bị sai về

quy cách và kích thước; tóm lại, đó là một công việc khởi đầu mà người ta chỉ có thể coi là một công việc thử nghiệm, một việc mà bỗng dưng ta có thể bỏ mà không tiếc công bao nhiêu, nếu như ta không còn đủ kiên nhẫn làm tiếp. Khi ấy, trong một lần nghỉ giải lao - trong lúc tôi đang nằm giữa đống đất đá, tôi bỗng nghe thấy một tiếng động ở phía xa. Vì còn trẻ nên tôi cảm thấy mình tò mò nhiều hơn là sợ, tôi ngừng tay nghe ngóng, không, tôi chạy tới chỗ nắp hầm để nghỉ ngơi chứ không phải nghe ngóng! Nói tóm lại tôi vẫn dò xét. Tôi phân biệt rất rõ đó là tiếng đào đất cũng giống như tiếng đào đất của tôi; tiếng động ấy có vẻ nhỏ hơn, nhưng tôi không thể biết được có phải là do nó ở cách xa tôi không: Tôi rất muốn tìm hiểu cho rõ, nhưng tôi vẫn giữ được bình tĩnh. Tôi nghĩ có thể tôi đang ở giữa hang của một kẻ khác, kẻ đó sẽ tiến tới chỗ gặp phải tôi. Nếu như giả thiết này được chứng minh là đúng thì tôi, vì không bao giờ thích xâm chiếm và tranh chấp, chắc là đã chuồn đi để đào hang ở chỗ khác. Nhưng khi ấy tôi còn trẻ và vẫn chưa có chỗ ở, nên chẳng có gì ngăn cản tôi giữ bình tĩnh. Hậu quả của việc phiêu lưu không làm tôi phải suy nghĩ, dù sao tôi cũng không biết có chuyện gì đang xảy ra. Nếu cái kẻ đang đào hang tìm cách tiến đến chỗ tôi vì nó đã nghe thấy tôi thì tôi vẫn không hiểu tại sao nó bỗng dưng thay đổi phương hướng, nếu thế thì, là vì sự im lặng của tôi đã làm nó mất hướng, hoặc có thể là vì kẻ thù của tôi đã thay đổi sách lược. Nhưng cũng có thể tôi đã hoàn toàn nhầm lẫn, có thể nó không bao giờ có ý đồ xấu, dù sao tiếng động cũng vẫn nghe rõ hơn, trong một lát như thể nó đang tới gần, còn tôi, với sức lực của tuổi trẻ, có lẽ tôi sẽ không ngán khi thấy kẻ đào bới bỗng xuất hiện, nhưng không có gì xảy ra như vậy cả; từ lúc nào đó tiếng cào đất cứ giảm dần, nó càng ngày càng yếu đi như thể kẻ đục khoét đang thay đổi dần hướng đi ban đầu của nó, rồi bỗng nhiên tôi không nghe thấy gì nữa; có thể nói con vật đã chuyển hướng đào ngược hẳn lại và quay lưng đi cách xa tôi; tôi vẫn dỏng tai nghe một lúc lâu rồi mới

bắt tay trở lại làm việc. Điều báo trước đã xuất hiện một cách rõ ràng, dù sao tôi cũng đã nhanh chóng quên nó đi và nó không hề ảnh hưởng tới kế hoạch của tôi. Giờ đây, một thời gian dài đã qua đi cho tới lúc tôi đến tuổi chín chắn, nhưng có phải như thể đã không có chuyện gì xảy ra từ bấy đến nay không? Bây giờ tôi vẫn phải luôn luôn dừng tay để áp tai vào vách nghe ngóng: kẻ đào hang vừa thay đổi ý đồ của mình, nó đã quay trở lại, nó vừa đi xa về, nó cho rằng nó đã để cho tôi có đủ thời gian để chuẩn bị gặp lại nó. Nhưng tôi lại tỏ ra kém sẵn sàng hơn bao giờ hết; cái hang rộng lớn của tôi vẫn không có khả năng phòng thủ, tôi không còn là một kẻ học việc tí nhau, tôi đã trở thành một thợ cả già nua, và lúc phải ra một quyết định quan trọng thì cái sức tàn của tôi lại từ bỏ tôi; nhưng dù già yếu đến mức nào thì tôi cảm thấy mình vẫn còn ham sống lắm, rằng tôi vẫn ham sống đến nỗi không thể từ bỏ cái xó cửa nơi tôi đang ngồi đây, bởi lẽ quả thực tôi không thể cứ ngồi ở đây được nữa, tôi đứng dậy hối hả trở vào sâu trong hang như thể tôi chỉ thấy ở đây những chuyện đáng lo âu hơn là được nghỉ ngơi như mong muốn. Tình hình đã diễn ra như thế nào trong khi tôi lên chỗ cửa hang này? Tiếng xào xạc có giảm đi không? Không, nó đã tăng lên, tôi đi nghe ngóng nhiều chỗ và thấy mình đoán sai; tiếng xào xạc vẫn y nguyên như cũ, nó chẳng hề giảm đi chút nào. Chẳng có gì thay đổi ở phía trên kia, trên ấy vẫn yên tĩnh, tôi không phải đo đếm thời gian, trong khi ở dưới này mỗi giây phút lại làm cho tôi run sợ khi áp tai nghe ngóng. Tôi đi thẳng về hướng căn hầm cố thủ; xung quanh tôi, tất cả dường như đang xúc động, tất cả dường như đang quan sát tôi, sau đó chúng quay mặt đi một lát để khỏi làm phiền tôi nhưng vẫn cố đọc trên nét mặt tôi sự quyết định để cứu vãn tình thế. Tôi lắc đầu, tôi vẫn chưa đề ra được quyết định, tôi không về căn hầm cố thủ để vạch kế hoạch nữa, tôi đi ngang qua nơi mà tôi đã muốn đào một đường hầm thăm dò, tôi kiểm tra lại nó một lần nữa, đây là một địa điểm thuận lợi, đường hầm có thể sẽ dẫn tôi

tới nơi có nhiều thiết bị thông gió nhất; chúng sẽ tạo thuận lợi cho công việc của tôi; có thể tôi sẽ không phải đào ra xa, có thể tôi sẽ không phải đào cho tới tận nơi phát ra tiếng động, có thể tôi sẽ chỉ cần nghe ngóng dọc theo đường hầm. Nhưng không có một lí lẽ nào đủ sức thuyết phục để buộc tôi phải đào hang như vậy. Liệu con đường hầm này có chứng minh cho tôi được tính xác thực của sự việc không? Thậm chí tôi đang không muốn tìm cách chứng minh tính xác thực ấy nữa. Tôi tìm trong căn hầm pháo đài một miếng thịt màu đỏ bị tróc da và nằm vùi mình trong đống đất; ít nhất là ở đây tôi sẽ được bình yên, trong chừng mực mà sự bình yên còn có thể ngự trị ở đây. Tôi nhai miếng thịt và nghĩ về con thú lại đang đào hầm ở phía xa, sau đó tôi tự nhủ rằng tôi sẽ phải ních thức ăn cho đầy bụng nếu tôi còn có khả năng. Đây có lẽ là dự kiến khả thi duy nhất còn lại cho tôi. Tôi tìm cách để hiểu ý đồ của con thú: liệu nó đang đi du ngoạn hay đang đào hang của riêng mình? Nếu nó đi du ngoạn thì có lẽ tôi có thể thỏa thuận được với nó. Nếu nó phát hiện ra tôi thì tôi sẽ cho nó ít đồ ăn để nó đi tiếp. Tất nhiên trong lúc nằm ở đây tôi có thể mơ ước mọi điều, thậm chí tôi có thể mơ tới một quan hệ đồng minh, mặc dù tôi biết rất rõ rằng điều này không thể có được, và rằng ngay khi vừa nhìn thấy nhau, biết nói thế nào nhỉ? ngay khi chúng tôi vừa cảm thấy đã tiến tới sát bên nhau, chúng tôi đã giơ móng vuốt và nhe nanh ra với một nỗi thèm khát mới mẻ, cho dù ngay tức khắc chúng tôi có bị ngã gục bởi móng vuốt của nhau với một nỗi điên khùng cùng cân sức. Và cũng thật chính đáng; ai có thể không thay đổi kế hoạch du ngoạn của mình khi nhìn thấy chiếc hang của tôi, cho dù hắn ta đang chuyên tâm đi du ngoạn? Nhưng có thể con thú đang đào hang cho chính mình, như thế thì không thể có chuyện thỏa thuận. Cho dù đó là một con vật đặc biệt đến nỗi cái hang của nó có thể chịu được cảnh hàng xóm ở gần nhau, thì chiếc hang của tôi cũng không chấp nhận được chuyện ấy, ít ra là không

chấp nhận được kẻ có khả năng thỏa thuận với kẻ khác. Tất nhiên hiện tại con thú có vẻ như đang ở rất xa; nếu như nó rút lui thêm một chút thì tôi nghĩ rằng tiếng động cũng sẽ mất đi và có thể mọi việc sẽ được thu xếp ổn thỏa như trước đây; tôi sẽ chỉ được một kinh nghiệm đau đớn nhưng bổ ích, nó sẽ buộc tôi phải tiến hành sửa đổi nhiều chỗ; ngay khi tôi được nghỉ ngơi một chút và mối nguy hiểm không còn gây áp lực ở gần tôi nữa, tôi sẽ có thể làm được nhiều việc quan trọng; có thể, vì sức làm việc của nó tạo cho nó có những khả năng phi thường, con thú sẽ thôi không đào hang nhằm hướng vào tôi nữa mà sẽ chuyển hướng khác. Tất nhiên việc này cũng không thể thu được kết quả bằng con đường thương lượng, mà con thú phải tự hiểu hoặc là tôi sẽ phải buộc nó phải làm như vậy. Trong cả hai trường hợp, điều rất quan trọng là phải biết liệu nó có biết về sự tồn tại của tôi không và biết tới mức nào. Càng nghĩ về chuyện này tôi càng cảm thấy rằng nó không thể nghe thấy tôi được: có thể, mặc dù cá nhân tôi thấy chuyện này thật khó tin, là bằng cách nào đó nó đã có những tin tức mơ hồ về tôi, nhưng chắc chắn nó vẫn chưa nghe thấy được tiếng động của tôi. Khi mà tôi còn chưa biết gì về nó thì nó không bao giờ có thể nghe thấy được tôi, bởi lẽ tôi vẫn giữ im lặng - chẳng có gì im lặng hơn cảnh quay trở về hang của tôi, khi tôi gặp lại hang ổ của mình sau một thời gian dài vắng mặt - rồi sau đó, khi tôi đào bới để tìm kiếm rất có thể nó đã nghe thấy tôi, mặc dù cách đào của tôi gây ra rất ít tiếng động, nhưng nếu quả thực nó đã nghe thấy tôi, thì tất yếu tôi cũng phát hiện ra nó, vì nó sẽ phải thường xuyên ngừng tay để dò xét trong khi làm việc, song tiếng động của nó vẫn không hề thay đổi[*]...

NGUYỄN VĂN DÂN
(dịch qua bản tiếng Pháp)

---

[*] Truyện này bị tác giả bỏ dở tại đây. (ND).

TRẠI LAO CẢI

- Đây là một cỗ máy đặc biệt, - viên sĩ quan nói với nhà thám hiểm và nhìn bao quát cỗ máy với vẻ có phần nào thán phục, mặc dù y đã biết rất rõ cỗ máy này. Nhà thám hiểm tỏ ra là chỉ vì phép lịch sự mà ông chấp nhận lời mời của ngài chỉ huy tham dự cuộc hành hình đối với một anh lính bị kết án vì tội bất tuân lệnh và xúc phạm thượng cấp. Hình như ngay cả ở trại lao cải đây người ta cũng không quan tâm nhiều đến vụ hành quyết. Ít nhất là tại cái thung lũng bé nhỏ nằm sâu giữa những triền đồi trơ trọi này cũng đang có mặt, ngoài viên sĩ quan và nhà thám hiểm, duy nhất chỉ có kẻ phạm tội - một kẻ có bộ quai hàm to bạnh, với vẻ mặt ngơ ngác và đầu tóc rối bù - cùng với một anh lính; anh lính cầm trong tay một sợi dây xích to nối liền với những sợi dây xích nhỏ buộc vào chân, tay và cổ phạm nhân, và những sợi dây xích này được nối với nhau bằng những sợi dây xích nhỏ khác. Nhưng thực ra, kẻ phạm tội có một vẻ thuần phục như một con chó, đến nỗi ta có cảm tưởng rằng có thể thả cho anh ta đi dạo chơi quanh đồi cho đến khi bắt đầu hành quyết thì chỉ cần huýt sáo là anh ta sẽ chạy về ngay lập tức.

Nhà thám hiểm không quan tâm mấy đến cỗ máy và ông đi đi lại lại phía sau lưng phạm nhân với một vẻ hoàn toàn vô tâm, trong khi đó viên sĩ quan đang lo chuẩn bị cho những công việc cuối cùng, lúc thì y chui vào cỗ máy đã được chôn sâu xuống đất, lúc thì y trèo lên một chiếc thang để xem xét những bộ phận ở bên trên. Đây là công việc có thể giao cho một thợ máy, nhưng viên sĩ quan đã thực hiện với một lòng say mê cao độ, có

thể vì y là một kẻ thực lòng hâm mộ cỗ máy đó, hoặc vì công việc này không thể giao cho một ai khác.

- Giờ thì xong cả rồi! - cuối cùng y reo to và bước xuống thang. Trông y vô cùng mệt mỏi, y há mồm thở hổn hển và nhét hai chiếc khăn tay mỏng vào dưới lần cổ áo quân phục.

- Những bộ quân phục này dù sao cũng quá nặng nề đối với xứ nhiệt đới, - nhà thám hiểm nhận xét thay vì cho ý kiến về cỗ máy như viên sĩ quan mong đợi.

- Tất nhiên, - viên sĩ quan đáp, rồi y rửa hai bàn tay dính đầy dầu mỡ và mồ hôi vào một chiếc chậu gỗ, - nhưng chúng đại diện cho tổ quốc; chúng tôi không muốn mất tổ quốc. Bây giờ xin mời ngài ngắm cỗ máy kia, - y nói thêm rồi vừa chùi tay vào một chiếc giẻ lau y vừa chỉ cỗ máy. - Cách đây không lâu chúng tôi còn phải làm bằng tay tất cả mọi việc, nhưng bây giờ thì cỗ máy sẽ tự nó làm tất. - Nhà thám hiểm vừa nghe vừa gật đầu. Viên sĩ quan đang cố gắng phòng ngừa mọi sự cố có thể bất ngờ xảy ra và nói tiếp: - Tất nhiên có thể có những sự trục trặc xảy ra; nhưng tôi hi vọng rằng hôm nay sẽ không xảy ra một sự cố gì, tuy nhiên chúng ta nên dự phòng đến cả những chuyện này. Cỗ máy sẽ phải hoạt động mười hai tiếng đồng hồ liên tục. Nhưng, cho dù có trục trặc xảy ra thì chúng cũng sẽ chỉ là những sự cố rất không đáng kể và sẽ được khắc phục ngay.

- Ngài có muốn ngồi không? - cuối cùng y hỏi khách rồi lôi trong đống ghế mây ra một chiếc đưa cho nhà thám hiểm; ông này không thể không nhận. Giờ đây ông đang ngồi bên miệng một chiếc hố và lấm lét nhìn xuống. Chiếc hố không sâu; ở một bên hố đất đào được đổ lên thành đống, ở bên kia là cỗ máy.

- Tôi không biết là ngài chỉ huy đã giải thích về cỗ máy cho ngài nghe chưa, - viên sĩ quan nói tiếp. Nhà thám hiểm giơ tay phác một cử chỉ mơ hồ. Chỉ chờ có thế, viên sĩ quan liền tự mình giải thích về cỗ máy. Y cầm lấy tay quay và nói:

- Cỗ máy này là một phát minh của ngài chỉ huy cũ của chúng tôi. Tôi đã cộng tác với ông ấy ngay từ những cuộc thí nghiệm đầu tiên và đã tham gia ở mọi công việc cho đến khi cỗ máy được hoàn thành. Tất nhiên là công lao phát minh chỉ thuộc về một mình ông thôi. Ngài đã nghe nói về ngài chỉ huy cũ của chúng tôi chưa? Chưa à? Thế thì, tôi cho là mình không quá phóng đại khi nói rằng việc tổ chức ra trại lao cải này chính là công trình của ông ấy. Chúng tôi, những người bạn của ông, ngay đến khi ông mất chúng tôi mới biết được rằng việc tổ chức ra trại lao cải này là vô cùng hoàn hảo, đến nỗi - ít nhất là trong nhiều năm qua - người kế nhiệm của ông đã không thể thay đổi được gì, cho dù ông ta có thể có trong đầu hàng nghìn kế hoạch mới. Điều dự đoán của chúng tôi đã trở thành hiện thực: ngài chỉ huy mới đã phải công nhận điều này. Đáng tiếc là ngài đã không được biết ngài chỉ huy cũ! Nhưng, - viên sĩ quan tự ngắt lời, - sao tôi lại cứ ba hoa mãi thế này, trong khi cỗ máy của ông ấy đang tồn tại trước mặt chúng ta đây. Như ngài thấy đấy, cỗ máy bao gồm ba bộ phận. Trải qua một thời gian người ta đã đặt cho chúng những cái tên có phần nào dân dã. Bộ phận phía dưới được gọi là giường nằm, bộ phận phía trên có tên là thiết bị họa hình, còn bộ phận treo ở giữa này gọi là cái bừa.

- Cái bừa ư? - nhà thám hiểm hỏi. Ông đã không chú ý lắng nghe, bởi vì cái nắng đang nung nóng khủng khiếp trong cái thung lũng không một bóng cây này và làm cho ông không thể tập trung được tư tưởng. Trong bộ quân phục bó sát người và với những dây ngù trông như bộ lễ phục, viên sĩ quan tỏ ra là một người đáng khâm phục khi anh ta giải thích mọi việc với vẻ thật say mê, và vừa nói anh ta vừa cầm tô-vít chỉnh lại chỗ này chỗ nọ. Anh lính tỏ ra cũng đang ở trong một trạng thái như nhà thám hiểm. Anh ta cuốn sợi dây trói phạm nhân quanh cổ tay, rồi, một tay chống súng, anh ta ngồi ngửa đầu ra phía sau và chẳng quan tâm đến chuyện gì. Nhà thám hiểm không ngạc nhiên về chuyện này, bởi vì viên sĩ quan nói bằng tiếng Pháp,

mà cả anh lính lẫn kẻ phạm tội đều không biết tiếng Pháp. Chính vì vậy mà sự việc tỏ ra thật đáng ngạc nhiên khi anh chàng phạm nhân vẫn cố theo dõi những lời giải thích của viên sĩ quan. Với vẻ cố gắng ngái ngủ, anh ta không ngừng đưa mắt về chỗ mà viên sĩ quan chỉ tay, còn khi nhà thám hiểm ngắt lời viên sĩ quan bằng một câu hỏi, thì, cũng giống như viên sĩ quan, anh ta lại quay sang nhìn nhà thám hiểm.

- Vâng, cái bừa, - viên sĩ quan nhấn mạnh, - cái tên này rất hợp với nó. Các mũi tên của nó được bố trí như những chiếc răng bừa và nó được điều khiển cũng giống như một cái bừa, nhưng cái bừa này chỉ hoạt động tại một chỗ và với vẻ thành thạo nhiều hơn. Vả lại ngài sẽ hiểu mọi việc ngay bây giờ. Phạm nhân sẽ được nằm trên giường đây. Trước hết tôi muốn mô tả chiếc máy cho ngài, và chỉ sau đó tôi mới cho ngài xem nó vận hành ra sao. Bằng cách đó ngài sẽ có thể theo dõi được mọi việc tốt hơn. Nhất là vì có một bánh răng của thiết bị họa hình đã bị cùn đi rất nhiều và kêu cót két rất to khi cỗ máy hoạt động, đến nỗi gần như không thể hiểu nổi; tiếc rằng việc kiếm những bộ phận thay thế ở đây là cực kì khó khăn. Vậy là, như tôi đã nói, đây là cái giường. Toàn bộ cái giường được phủ bằng một lớp bông mà tác dụng của nó sau này ngài sẽ được biết. Phạm nhân sẽ bị đặt nằm sấp lên trên lớp bông đó, tất nhiên là trong tình trạng bị lột truồng; đây là dây da dùng để trói tay, đây là dây dùng để trói chân, còn đây là để buộc cổ; như thế là phạm nhân sẽ bị trói rất chặt. Chỗ đầu giường này, nơi phạm nhân sẽ phải nằm úp mặt vào đó, có một miếng giẻ bịt miệng bằng dạ phớt có thể điều chỉnh được sao cho nó nằm đúng vào vị trí của miệng phạm nhân. Tác dụng của nó là để cho phạm nhân khỏi kêu và khỏi cắn vào lưỡi. Tất nhiên là phạm nhân phải chấp nhận ngoạm miếng dạ phớt bịt miệng, bởi vì nếu không thì dây buộc cổ sẽ xiết đứt gáy anh ta.

- Đây là bông ư? - nhà thám hiểm cúi người nhìn xuống chiếc giường và hỏi.

- Vâng, tất nhiên, - viên sĩ quan mỉm cười đáp, - ngài hãy tự mình sờ thử xem. - Nói rồi y nắm tay nhà thám hiểm xoa lên giường. - Đây là một loại bông đặc biệt, do đó ngài khó có thể nhận ra được; rồi tôi sẽ có dịp nói về tác dụng của nó. - Nhà thám hiểm bắt đầu quan tâm đến cỗ máy; ông đưa tay lên mắt che ánh nắng mặt trời và ngước nhìn cỗ máy. Đây là một công trình bề thế. Giường nằm và thiết bị họa hình có cùng một chu vi và trông chúng như hai cái hòm tối. Thiết bị họa hình được bố trí cách giường khoảng hai mét ở phía trên; cả hai được nối với nhau ở bốn góc bằng bốn thanh đồng thau, giờ đây trông chúng còn đang phản chiếu lấp lánh dưới ánh mặt trời. Ở khoảng giữa hai cái hòm này là chiếc bừa nằm đung đưa được treo bằng một dải dây thép.

Nếu như trước đó viên sĩ quan hầu như không để ý đến vẻ thờ ơ của nhà thám hiểm, thì giờ đây y nhận ra ngay mối quan tâm của ông dành cho cỗ máy; do đó y ngừng giải thích để cho ông có thời gian xem xét cỗ máy. Gã phạm nhân cũng bắt chước nhà thám hiểm; và bởi vì anh ta không có được đôi tay tự do để che nắng nên phải nheo mắt mà nhìn lên.

- Như vậy là phạm nhân sẽ được đặt nằm ở đây, - nhà thám hiểm nói rồi ngồi vắt chân chữ ngũ ngả người trên ghế.

- Vâng, - viên sĩ quan khẳng định, sau đó y lật mũ ra sau gáy rồi đưa tay lau bộ mặt nóng rát, - bây giờ ngài hãy nghe tiếp đây: cả chiếc giường lẫn thiết bị họa hình đều có bộ pin điện riêng của chúng; chiếc giường cần có pin để thực hiện những động tác chuyển động riêng của nó, còn thiết bị họa hình cần có pin để điều khiển cho chiếc bừa hoạt động. Ngay khi phạm nhân được buộc chặt vào giường thì chiếc giường bắt đầu hoạt động. Nó rung động rất khẽ nhưng rất nhanh, nó rung động theo cả chiều ngang lẫn chiều thẳng đứng. Có thể ngài đã nhìn thấy những cỗ máy như thế này ở các viện điều dưỡng; chỉ có điều, ở chiếc giường này của chúng tôi, mọi vận động đã được tính toán chính xác; chúng cần phải được diễn ra hoàn toàn ăn khớp với những bước vận động của chiếc bừa.

Thực ra, công việc thi hành bản án chính thức là thuộc nhiệm vụ của chiếc bừa.

- Bản án như thế nào? - nhà thám hiểm hỏi.

- Ngay cả bản án ngài cũng không biết ư? - viên sĩ quan ngạc nhiên hỏi và cắn môi. - Xin lỗi ngài, nếu như những lời giải thích của tôi có thể không mạch lạc; xin ngài thứ lỗi. Trước đây, việc giải thích thường là thuộc thẩm quyền của ngài chỉ huy; nhưng giờ đây ngài chỉ huy mới tự rút khỏi nghĩa vụ vinh quang đó; việc ông ta thậm chí không thông báo cho một vị thượng khách như thế này - nhà thám hiểm giơ cả hai tay định phản đối những ngôn từ trang trọng của viên sĩ quan, nhưng anh ta vẫn khăng khăng giữ ý kiến của mình - cho một vị thượng khách như thế này về hình thức bản án của chúng tôi lại là một sự đổi mới nữa, một sự đổi mới mà... - đến đây thì trên môi anh ta đã hiện lên hình bóng của một câu chửi rủa, nhưng anh ta kịp trấn tĩnh lại và chỉ nói rõ thêm: - Tôi không được thông báo về điều này, đây không phải là lỗi của tôi. Vả lại, tôi là người có khả năng nhất trong việc giải thích cho ngài biết các kiểu kết án của chúng tôi, bởi vì ở đây - anh ta vỗ vào túi áo ngực - tôi có các phác thảo về các kiểu kết án đó do chính tay ngài cựu chỉ huy soạn thảo.

- Do chính tay ngài chỉ huy soạn thảo ư? - nhà thám hiểm hỏi. - Nhưng ông ta có đầy đủ tất cả mọi năng lực sao? Ông ta là lính, là quan tòa, là công trình sư, là nhà hóa học, và đồng thời còn là nhà họa hình ư?

- Tất nhiên, - viên sĩ quan gật đầu công nhận, đôi mắt y mơ màng như đang chìm đắm trong suy tư. Sau đó y lại xem xét hai bàn tay; y có cảm giác như chúng chưa đủ sạch sẽ để cho y thực hiện các kế hoạch, thế là y liền bước tới chỗ chậu nước để rửa tay thêm một lần nữa. Sau đó y lôi ra một chiếc xà cột nhỏ bằng da và nói: - Bản án của chúng tôi không phải là khắc nghiệt. Chúng tôi sẽ dùng bừa viết lên thân thể của kẻ bị kết án cái lệnh mà anh ta đã chống đối. Chẳng hạn như đối với kẻ bị kết án đây, - viên sĩ quan chỉ tay vào anh chàng

phạm nhân ở bên cạnh - chúng tôi sẽ viết lên lưng anh ta câu nói: Hãy kính trọng thượng cấp của ngươi!

Nhà thám hiểm lén nhìn về phía phạm nhân; khi viên sĩ quan chỉ tay về phía anh ta, thì anh ta cúi đầu và có vẻ như đang căng tai lên nghe ngóng hòng hiểu được một điều gì đó. Nhưng cặp môi dày đang co giật của anh ta tỏ rõ là anh ta chẳng hiểu chút gì. Nhà thám hiểm muốn hỏi thêm nhiều điều nữa, nhưng trước sự có mặt của kẻ phạm tội ông chỉ hỏi được một câu:

- Anh ta có biết bản án không?

- Không, - viên sĩ quan đáp rồi y lại muốn giải thích tiếp, nhưng nhà thám hiểm ngắt lời y:

- Anh ta không biết bản án dành cho chính mình ư?

- Không, - viên sĩ quan lại đáp, sau đó y ngừng một lát như thể muốn yêu cầu nhà thám hiểm nói rõ thêm lí do cho câu hỏi vừa rồi, cuối cùng y bảo:

- Chẳng cần phải nói cho anh ta biết. Anh ta sẽ tự nhận biết được bằng chính da thịt của mình. - Nhà thám hiểm định im lặng không hỏi gì nữa, nhưng cảm thấy kẻ phạm tội đang nhìn mình; anh ta như thể muốn hỏi ông là liệu ông có đồng tình với cái phương pháp vừa được mô tả không. Do đó, mặc dù đang ngồi tựa lưng thoải mái trên ghế bành, nhưng ông cũng phải ngồi thẳng dậy hỏi tiếp:

- Nhưng liệu anh ta có được biết ít nhất là anh ta bị kết án thực sự không?

- Ngay cả điều này cũng không, - viên sĩ quan đáp rồi mỉm cười với nhà thám hiểm như thể y đang đợi những câu hỏi kì cục tiếp theo nữa.

- Không thể như thế được, - nhà thám hiểm vừa nói tiếp vừa đưa tay lau trán, - như thế thì giờ đây bị cáo thậm chí cũng không biết được việc bào chữa cho anh ta đã có được tiếng vang như thế nào ư?

- Anh ta không có dịp được bào chữa, - viên sĩ quan vừa đáp vừa nhìn sang một bên như thể y muốn nói cho chính mình,

bởi vì y không muốn xúc phạm đến nhà thám hiểm bằng việc thuật lại một số sự việc hiển nhiên.

- Nhưng đáng ra phải cho anh ta có dịp được bảo vệ, - nhà thám hiểm vẫn cố giữ ý kiến của mình rồi đứng lên khỏi ghế.

Viên sĩ quan hiểu rằng y có nguy cơ bị cản trở, không biết đến bao giờ, trong việc giải thích tiếp về cỗ máy; y liền bước tới bên cạnh nhà thám hiểm, nắm lấy tay ông rồi chỉ tay về phía kẻ phạm tội, anh này thấy mình đang được chú ý liền vội đứng nghiêm. - Vả lại vì anh lính cũng kéo căng dây xích - sau đó viên sĩ quan nói tiếp:

- Sự việc không phải như thế. Ở đây, tại trại lao cải này, tôi đã được chỉ định làm quan tòa, mặc dù tôi còn rất trẻ, và như vậy là bởi vì tôi đã trợ giúp cho ngài cựu chỉ huy trong tất cả những công việc hình sự và bởi vì trong số tất cả chỉ có mình tôi là hiểu rõ nhất về cỗ máy. Nguyên tắc của tất cả mọi quyết định là như sau: tội phạm luôn luôn được đặt ra ngoài mọi sự nghi ngờ. Các tòa án khác không thể tuân theo nguyên tắc này, bởi vì chúng có nhiều người tham gia và chúng còn có những cấp xét xử cao hơn. Nhưng ở đây không như vậy, hay ít nhất là không như vậy ở thời của ngài cựu chỉ huy của chúng tôi. Tất nhiên là ngài chỉ huy mới đang muốn can thiệp vào công việc xét xử của tôi, nhưng cho đến bây giờ tôi đã thành công trong việc ngăn không cho ông ta can dự vào, và trong tương lai tôi sẽ vẫn làm được như vậy. Ngài có muốn tôi giải thích cho ngài trường hợp của kẻ phạm tội đây không? Nó cũng đơn giản như các trường hợp khác. Sáng nay có một viên đại úy tố cáo rằng anh chàng này, người đã được giao làm cần vụ cho viên đại úy và được phép ngủ trước cửa phòng ông ta, đã ngủ quên trong khi làm nhiệm vụ. Thực tế anh ta có nghĩa vụ phải thức dậy mỗi giờ đồng hồ, khi chuông đồng hồ điểm giờ, để đứng chào trước cửa phòng viên đại úy. Tất nhiên nghĩa vụ này không nặng nề, nhưng nó là điều cần thiết, bởi vì anh ta cần phải tỉnh táo để làm nhiệm vụ canh gác cũng như để có thể phục dịch khi cần thiết. Đêm qua, viên đại uý

phạm nhân ở bên cạnh - chúng tôi sẽ viết lên lưng anh ta câu nói: Hãy kính trọng thượng cấp của ngươi!

Nhà thám hiểm lén nhìn về phía phạm nhân; khi viên sĩ quan chỉ tay về phía anh ta, thì anh ta cúi đầu và có vẻ như đang căng tai lên nghe ngóng hòng hiểu được một điều gì đó. Nhưng cặp môi dày đang co giật của anh ta tỏ rõ là anh ta chẳng hiểu chút gì. Nhà thám hiểm muốn hỏi thêm nhiều điều nữa, nhưng trước sự có mặt của kẻ phạm tội ông chỉ hỏi được một câu:

- Anh ta có biết bản án không?

- Không, - viên sĩ quan đáp rồi y lại muốn giải thích tiếp, nhưng nhà thám hiểm ngắt lời y:

- Anh ta không biết bản án dành cho chính mình ư?

- Không, - viên sĩ quan lại đáp, sau đó y ngừng một lát như thể muốn yêu cầu nhà thám hiểm nói rõ thêm lí do cho câu hỏi vừa rồi, cuối cùng y bảo:

- Chẳng cần phải nói cho anh ta biết. Anh ta sẽ tự nhận biết được bằng chính da thịt của mình. - Nhà thám hiểm định im lặng không hỏi gì nữa, nhưng cảm thấy kẻ phạm tội đang nhìn mình; anh ta như thể muốn hỏi ông là liệu ông có đồng tình với cái phương pháp vừa được mô tả không. Do đó, mặc dù đang ngồi tựa lưng thoải mái trên ghế bành, nhưng ông cũng phải ngồi thẳng dậy hỏi tiếp:

- Nhưng liệu anh ta có được biết ít nhất là anh ta bị kết án thực sự không?

- Ngay cả điều này cũng không, - viên sĩ quan đáp rồi mỉm cười với nhà thám hiểm như thể y đang đợi những câu hỏi kì cục tiếp theo nữa.

- Không thể như thế được, - nhà thám hiểm vừa nói tiếp vừa đưa tay lau trán, - như thế thì giờ đây bị cáo thậm chí cũng không biết được việc bào chữa cho anh ta đã có được tiếng vang như thế nào ư?

- Anh ta không có dịp được bào chữa, - viên sĩ quan vừa đáp vừa nhìn sang một bên như thể y muốn nói cho chính mình,

bởi vì y không muốn xúc phạm đến nhà thám hiểm bằng việc thuật lại một số sự việc hiển nhiên.

- Nhưng đáng ra phải cho anh ta có dịp được bảo vệ, - nhà thám hiểm vẫn cố giữ ý kiến của mình rồi đứng lên khỏi ghế.

Viên sĩ quan hiểu rằng y có nguy cơ bị cản trở, không biết đến bao giờ, trong việc giải thích tiếp về cỗ máy; y liền bước tới bên cạnh nhà thám hiểm, nắm lấy tay ông rồi chỉ tay về phía kẻ phạm tội, anh này thấy mình đang được chú ý liền vội đứng nghiêm. - Vả lại vì anh lính cũng kéo căng dây xích - sau đó viên sĩ quan nói tiếp:

- Sự việc không phải như thế. Ở đây, tại trại lao cải này, tôi đã được chỉ định làm quan tòa, mặc dù tôi còn rất trẻ, và như vậy là bởi vì tôi đã trợ giúp cho ngài cựu chỉ huy trong tất cả những công việc hình sự và bởi vì trong số tất cả chỉ có mình tôi là hiểu rõ nhất về cỗ máy. Nguyên tắc của tất cả mọi quyết định là như sau: tội phạm luôn luôn được đặt ra ngoài mọi sự nghi ngờ. Các tòa án khác không thể tuân theo nguyên tắc này, bởi vì chúng có nhiều người tham gia và chúng còn có những cấp xét xử cao hơn. Nhưng ở đây không như vậy, hay ít nhất là không như vậy ở thời của ngài cựu chỉ huy của chúng tôi. Tất nhiên là ngài chỉ huy mới đang muốn can thiệp vào công việc xét xử của tôi, nhưng cho đến bây giờ tôi đã thành công trong việc ngăn không cho ông ta can dự vào, và trong tương lai tôi sẽ vẫn làm được như vậy. Ngài có muốn tôi giải thích cho ngài trường hợp của kẻ phạm tội đây không? Nó cũng đơn giản như các trường hợp khác. Sáng nay có một viên đại úy tố cáo rằng anh chàng này, người đã được giao làm cần vụ cho viên đại úy và được phép ngủ trước cửa phòng ông ta, đã ngủ quên trong khi làm nhiệm vụ. Thực tế anh ta có nghĩa vụ phải thức dậy mỗi giờ đồng hồ, khi chuông đồng hồ điểm giờ, để đứng chào trước cửa phòng viên đại úy. Tất nhiên nghĩa vụ này không nặng nề, nhưng nó là điều cần thiết, bởi vì anh ta cần phải tỉnh táo để làm nhiệm vụ canh gác cũng như để có thể phục dịch khi cần thiết. Đêm qua, viên đại uý

đã thử xem xem anh chàng cần vụ có làm tròn phận sự của mình không. Thế là ông ta mở cửa khi chuông đồng hồ điểm hai giờ và nhìn thấy anh chàng vẫn cuộn tròn ngủ say. Ông ta liền rút roi ngựa quất vào mặt anh chàng. Đáng ra phải đứng dậy xin lỗi thì anh này lại túm lấy chân viên sĩ quan lắc mạnh và la to: - Hãy quẳng roi đi nếu không tao sẽ nuốt sống mi! - Sự việc là như vậy. Cách đây một tiếng đồng hồ viên đại úy đến báo cáo cho tôi, tôi ghi lại lời khai của ông ta và thảo ngay bản án. Sau đó tôi ra lệnh trói anh chàng kia lại. Mọi việc diễn ra rất đơn giản. Nếu như ban đầu tôi gọi anh ta đến để thẩm vấn thì có thể xảy ra bao nhiêu chuyện rắc rối. Anh ta có thể sẽ nói dối, và nếu như tôi chứng minh được rằng anh ta nói dối thì có thể anh ta sẽ lại bịa đặt ra những điều dối trá khác và cứ thế không bao giờ dứt. Nhưng như vậy là tôi đã nắm hắn trong tay và sẽ không tha cho hắn. Giờ thì ngài đã rõ cả chưa? Nhưng thời gian cứ trôi đi, đáng ra cuộc hành hình đã phải được bắt đầu từ lâu rồi mà tôi vẫn chưa giải thích xong về cỗ máy. - Y lại buộc nhà thám hiểm ngồi xuống ghế rồi bước tới bên cỗ máy nói tiếp: - Như ngài thấy đấy, chiếc bừa phù hợp với hình thể của con người; đây là chiếc bừa dành cho phần trên của cơ thể, đây là những chiếc bừa dành cho đôi chân. Dành cho đầu chỉ có một chiếc răng bừa này thôi. Ngài đã rõ chưa? - Y thân thiện nghiêng mình về phía nhà thám hiểm, tỏ ra sẵn sàng giải thích cặn kẽ hơn.

Nhà thám hiểm nhìn chiếc bừa và cau mày. Câu chuyện về thủ tục tố tụng không làm cho ông hài lòng. Nhưng dù sao ông cũng buộc phải công nhận rằng đây là một trại lao cải, nơi đây cần phải có những biện pháp đặc biệt và, nói cho cùng thì cần phải được tiến hành theo kiểu quân sự. Ngoài ra ông cũng đang đặt hi vọng vào viên chỉ huy mới, người mà có vẻ như đang muốn áp dụng, tất nhiên là dần dần, những biện pháp mới mà bộ óc thiển cận của viên sĩ quan đang đứng đây không thể hiểu nổi. Đang lúc chìm đắm trong suy tư, nhà thám hiểm bỗng hỏi:

- Ngài chỉ huy có tham dự buổi hành hình này không?

- Không chắc, - viên sĩ quan đáp và có vẻ khó chịu trước câu hỏi bất ngờ của nhà thám hiểm, sau đó cái vẻ mặt thân thiện của y bỗng trở nên cau có: - Chính vì thế mà chúng tôi cần phải khẩn trương. Thậm chí tôi sẽ phải rút ngắn những lời giải thích của mình, cho dù tôi rất lấy làm tiếc. Nhưng tôi có thể sẽ giải thích thêm vào ngày mai, khi cỗ máy lại được rửa sạch sẽ, bởi vì nhược điểm duy nhất của nó là nó rất bẩn. Vậy là bây giờ tôi chỉ giải thích những điều tối cần thiết. Khi phạm nhân được đặt nằm trên giường và khi chiếc giường bắt đầu rung thì chiếc bừa được hạ xuống trên thân thể phạm nhân. Chiếc bừa được điều chỉnh tự động sao cho mũi răng bừa chỉ vừa chạm vào da thịt phạm nhân; ngay khi chiếc bừa được chỉnh vừa tầm thì dải băng bằng thép được kéo căng thẳng ra. Và lúc đó bắt đầu cuộc hành hình. Một người không thông thạo sẽ không thể nhận thấy có một sự khác biệt bên ngoài nào giữa các hình phạt khác nhau. Chiếc bừa có vẻ như hoạt động giống nhau trong mọi trường hợp. Chiếc bừa vừa rung vừa cắm mũi răng vào thân thể phạm nhân, trong khi thân thể phạm nhân cũng rung động theo chiếc giường. Để cho bất cứ ai cũng có thể theo dõi được cuộc hành hình, chiếc bừa đã được làm bằng thủy tinh. Chúng tôi đã gặp phải nhiều khó khăn kĩ thuật trong việc gắn răng bừa vào thân bừa bằng thủy tinh ấy, nhưng sau nhiều lần thử nghiệm, mọi việc đã thành công hoàn hảo. Chúng tôi đã làm việc không biết mệt mỏi. Và bây giờ, bất cứ ai cũng có thể nhìn qua thủy tinh để theo dõi việc khắc chữ lên thân thể phạm nhân. Ngài có muốn đến gần xem các răng bừa không?

Nhà thám hiểm thong thả đứng dậy bước tới và cúi người nhìn chiếc bừa.

- Mời ngài nhìn đây, - viên sĩ quan nói tiếp, - ở đây có hai loại răng bừa được sắp xếp theo các cách khác nhau. Ở bên cạnh mỗi một răng dài có một chiếc răng ngắn. Chiếc răng dài làm nhiệm vụ viết chữ, còn chiếc răng ngắn làm nhiệm vụ

tưới nước rửa cho sạch máu để giữ cho dòng chữ luôn luôn được hiện ra rõ ràng. Nước pha lẫn máu được dẫn vào những chiếc máng nhỏ rồi chảy vào một chiếc máng chính và từ đó chảy xuống hố. - Viên sĩ quan đưa ngón tay chỉ rõ đường đi của nước máu. Để diễn đạt chính xác quá trình hành hình, viên sĩ quan đưa hai bàn tay làm muôi hứng vào miệng ống máng như thể đang hứng máu, và khi ấy nhà thám hiểm đứng thẳng người lên rồi đi giật lùi trở về chỗ ngồi, một tay quờ ra sau tìm ghế. Bất đồ ông kinh hoàng nhận thấy rằng cả anh chàng phạm nhân cũng đã theo chân viên sĩ quan bước tới gần để xem chiếc bừa. Anh ta kéo theo cả anh lính cầm dây trói đang ngủ gật rồi đứng cúi người xem chiếc bừa bằng thủy tinh. Có vẻ như anh ta đang ngơ ngác muốn hiểu rõ những gì hai ông lớn đang xem xét nhưng không thể hiểu nổi, bởi vì anh ta không thể nghe được lời giải thích. Anh ta hết nghiêng bên này lại ngó bên kia. Rồi anh ta không ngừng đưa mắt ngắm nhìn từ đầu đến cuối chiếc bừa bằng thủy tinh. Nhà thám hiểm phác một cử chỉ như muốn xua anh ta rời khỏi chỗ đó, bởi vì những gì anh ta đang làm có lẽ là bị cấm. Nhưng viên sĩ quan đã cầm tay ngăn ông lại, trong khi đó y dùng tay kia nhặt một cục đất ở cạnh hố ném vào người anh lính. Anh này hoảng hốt mở mắt, nhìn thấy hành động cả gan của kẻ phạm tội, anh ta liền buông súng, đứng dé chân chèo giật mạnh sợi dây xích làm cho phạm nhân ngã bổ chửng ngay xuống hố, sau đó anh ta đứng nhìn phạm nhân nằm cựa quậy dưới hố làm cho dây xích kêu loảng xoảng. “Đỡ anh ta đứng dậy!” - viên sĩ quan quát lên khi thấy kẻ phạm tội đang làm sao nhãng quá nhiều sự chú ý của nhà thám hiểm. Ông này thậm chí còn cúi người hẳn xuống hố để nhìn xem kẻ phạm tội có sao không. “Đỡ anh ta cho cẩn thận!” - viên sĩ quan lại quát lên. Sau đó y đi vòng tránh cỗ máy, xốc nách anh chàng phạm nhân, rồi, trong khi kẻ phạm tội liên tục bị trượt chân, viên sĩ quan cùng anh lính cũng lôi được anh ta lên khỏi hố.

- Bây giờ thì tôi biết cả rồi, - nhà thám hiểm nói khi viên sĩ quan quay về chỗ cạnh ông.

- Nhưng còn một điều quan trọng hơn mà ngài chưa biết, - viên sĩ quan phản bác rồi nắm tay nhà thám hiểm chỉ lên phía trên. - Ở trên thiết bị họa hình kia có một bộ bánh răng làm nhiệm vụ truyền động cho chiếc bừa, và bộ bánh răng này được điều chỉnh theo bản phác thảo được soạn ra dành cho hình phạt tương ứng. Tôi vẫn sử dụng các phác thảo của ngài cựu chỉ huy. Chúng đây, - y lôi ra vài tờ giấy trong chiếc xà cột bằng da, - nhưng tôi không thể trao tận tay cho ngài xem được, vì đây là những thứ quý nhất mà tôi có. Mời ngài ngồi, tôi sẽ giơ ra cho ngài xem từ xa và ngài có thể nhìn thấy rất rõ.

Y giơ tờ giấy thứ nhất ra. Nhà thám hiểm cũng muốn tỏ ra thán phục, nhưng ông chỉ nhìn thấy những đường vạch ngang dọc như là hình vẽ một mê cung; chúng được vạch sát nhau đến nỗi rất khó có thể nhận ra rằng giữa chúng còn có các khoảng trống.

- Mời ngài đọc đi! - viên sĩ quan bảo.

- Tôi không đọc được, - nhà thám hiểm đáp.

- Nhưng mà nó được ghi rất rõ, - viên sĩ quan bác lại.

- Trông nó rất nghệ thuật, - nhà thám hiểm thoái thác, - nhưng tôi không thể giải mã nổi.

- Phải, - viên sĩ quan cười đáp rồi cất chiếc xà cột đi, - đây không phải là kiểu chữ viết chân phương dành cho trẻ em học sinh. Nó cần phải được nghiên cứu kĩ càng. Nhưng rồi cả ngài cũng sẽ hiểu được nó. Tất nhiên đây không phải là một kiểu chữ đơn giản; hình phạt được ghi là không nên giết ngay mà trung bình là sau một khoảng thời gian 12 tiếng đồng hồ; 6 giờ được coi là thời điểm tuyệt đỉnh. Do đó chữ viết chính thức cần phải được bao quanh bằng nhiều hoa văn trang trí; chữ viết cần phải in dấu trên thân thể phạm nhân chỉ giống như một dây lưng hẹp; phần còn lại của thân thể được dành cho hình hoa lá. Bây giờ ngài đã có thể đánh giá cái cách thức làm việc của chiếc bừa và của toàn bộ cỗ máy được chưa? Đây, ngài hãy trông xem! - Viên sĩ quan nhảy lên thang, quay một vòng bánh xe răng rồi đứng ở trên réo xuống: - Chú ý, xin các vị tránh sang một bên!

Sau đó tất cả bắt đầu chuyển động. Giá như bánh răng không kêu cót két thì mọi việc sẽ diễn ra thật tuyệt vời. Như thể sửng sốt trước tiếng kêu khó chịu của bánh răng, viên sĩ quan giơ nắm đấm dứ dứ vào cỗ máy, sau đó y nhún vai tỏ ra bất lực như muốn xin nhà thám hiểm thứ lỗi, rồi y nhanh chóng bước xuống thang để đứng dưới giám sát sự vận hành của cỗ máy. Vẫn còn một điều gì đó không ổn mà chỉ có y mới quan sát thấy; y lại trèo lên thang, dùng cả hai tay nắm lấy một vật gì đó ở bên trong thiết bị họa hình, sau đó, để tụt xuống cho nhanh, y không dùng thang nữa mà trượt xuống theo một thanh thép rồi quát to vào tai nhà thám hiểm:

- Ngài có hiểu nó hoạt động thế nào không? Chiếc bừa bắt đầu viết đấy; khi nào nó viết xong hàng chữ đầu tiên trên lưng phạm nhân thì lớp bông sẽ xoắn lại và từ từ làm cho thân thể phạm nhân lăn sang một bên để phơi bày một mảng da mới cho chiếc bừa viết tiếp. Trong khi đó, những chỗ bị thương do đợt viết đầu tiên sẽ tiếp xúc với lớp bông để cho lớp bông làm cầm máu và chuẩn bị cho đợt viết tiếp sâu hơn. Những chiếc răng ở mép bừa đây sẽ làm nhiệm vụ gỡ bông ra khỏi các vết thương khi thân thể phạm nhân tiếp tục bị lăn rồi quẳng bông xuống hố; còn chiếc bừa lại tiếp tục có đối tượng để thi hành nhiệm vụ. Và cứ thế nó cứ càng ngày càng viết sâu hơn trong suốt mười hai tiếng đồng hồ. Sáu tiếng đầu, phạm nhân vẫn sống gần giống như lúc ban đầu, chỉ có điều là anh ta sẽ phải cảm thấy đau đớn. Sau hai tiếng đồng hồ người ta rút miếng giẻ bịt miệng phạm nhân ra, bởi vì bấy giờ phạm nhân không còn sức để kêu nữa. Ở đây, trong chiếc nồi được đun bằng điện đặt ngay cạnh đầu phạm nhân này, người ta đổ vào đấy một ít cơm, để cho nếu có đói thì phạm nhân có thể dùng lưỡi liếm cơm. Từ trước đến nay không có kẻ nào bỏ lỡ cơ hội này. Ít nhất là theo kinh nghiệm của tôi thì tôi chưa thấy một kẻ nào từ chối liếm cơm cả, mà tôi thì có khá nhiều kinh nghiệm. Chỉ sau tiếng đồng hồ thứ sáu thì anh ta mới không còn thèm ăn nữa. Thông thường, tại thời

điểm ấy tôi phải quỳ xuống đây để quan sát hiện tượng. Rất hiếm khi có kẻ còn ngoạm thêm một miếng cuối cùng, hắn ngậm trong mồm rồi sau đó nhổ xuống hố. Khi ấy tôi phải nghiêng người để tránh, nếu không hắn sẽ nhổ vào mặt tôi. Sau tiếng đồng hồ thứ sáu thì phạm nhân trở nên yên lặng hoàn toàn! Trong đầu một kẻ ngu ngốc nhất cũng thức dậy trí thông minh. Bắt đầu từ đôi mắt. Từ đôi mắt hắn bao quát tất cả. Đó là một cảnh tượng làm cho anh bị hấp dẫn muốn tự mình nằm xuống dưới chiếc bừa. Còn thì ngoài ra không có điều gì đặc biệt, chỉ có mỗi một điều là phạm nhân bắt đầu giải mã được dòng chữ viết trên lưng và chúm môi như thể đang chú ý lắng nghe điều gì đó. Ngài thấy đấy, không dễ gì giải mã được dòng chữ nếu nhìn bằng mắt thường; nhưng phạm nhân giải mã bằng các vết thương của anh ta. Tất nhiên anh ta phải mất nhiều công sức để làm công việc này; cần phải mất sáu tiếng đồng hồ để cho anh ta hoàn thành công việc ấy. Sau đó chiếc bừa sẽ xuyên thủng toàn thân anh ta rồi quẳng anh ta xuống hố, để cho anh ta nằm bập bềnh trong vũng nước pha lẫn máu và bông. Lúc ấy vụ án mới kết thúc, còn chúng tôi, gồm có tôi và anh lính kia, chúng tôi làm nhiệm vụ chôn xác anh ta.

Nhà thám hiểm vừa nghiêng tai nghe viên sĩ quan nói vừa ngắm nhìn cỗ máy làm việc, hai tay đút vào hai túi áo vét-tông. Kẻ phạm nhân cũng đứng nhìn mà không hiểu tí gì. Đúng lúc anh ta đang đứng cúi người về phía trước để theo dõi nhịp rung của những chiếc răng bừa thì bất thần, theo hiệu lệnh của viên sĩ quan, anh lính cầm một con dao rạch bộ quần áo của anh ta từ phía sau lưng theo một kiểu như thế nào đó mà làm cho quần áo anh ta tụt xuống đất; phạm nhân phác một cử chỉ như muốn túm lấy mảnh quần áo kéo lên để che đậy trạng thái trần truồng của mình, nhưng anh lính đã lôi anh ta đứng dậy rồi giũ mạnh làm cho những mảnh quần áo còn lại trên người anh ta rơi xuống nốt. Viên sĩ quan tắt máy, rồi, trong không khí im lặng, anh chàng phạm nhân bị đặt

nằm dưới chiếc bừa. Hai người kia tháo còng cho anh ta rồi trói anh ta lại bằng những sợi dây da; ban đầu, anh chàng phạm nhân có vẻ như cảm thấy sự thay đổi này là một sự nhẹ nhõm. Sau đó chiếc bừa được hạ thấp xuống nữa, bởi vì kẻ phạm nhân có thân hình hơi gầy gò. Khi mũi những chiếc răng bừa chạm vào người anh ta thì da thịt anh ta trở nên run rẩy; trong khi đó thì anh lính đang bận trói bàn tay phải của phạm nhân, còn anh này giơ tay trái ra mà không biết đặt vào đâu; nhưng anh ta giơ ra nhằm đúng vào hướng của nhà thám hiểm. Viên sĩ quan không ngừng liếc xéo về phía nhà thám hiểm, như thể y muốn đọc được trên mặt ông ấn tượng của ông về cuộc hành hình này, cuộc hành hình mà cho đến giờ y mới chỉ đưa ra được vài lời giải thích sơ qua.

Sợi dây da dùng để trói cổ tay phạm nhân bị đứt; có thể là anh lính kéo quá căng. Có lẽ viên sĩ quan phải can thiệp; vì anh lính giơ mẩu dây đứt cho y xem. Quả thực, viên sĩ quan bước tới gần anh ta rồi quay mặt về phía nhà thám hiểm bảo:

- Chiếc máy này đã bị vá víu nhiều rồi, đôi khi nó không thể không đứt cái này hay không gãy cái khác; nhưng điều này chắc sẽ không ảnh hưởng xấu đến ấn tượng chung. Vả lại, chúng tôi sẽ kiếm ngay được một vật gì đó để thay dây da; tôi sẽ dùng dây xích; tất nhiên là điều đó sẽ làm giảm độ tinh tế trong nhịp rung của cánh tay phải. - Trong khi buộc dây xích, y còn nói thêm: - Các phương tiện bảo dưỡng máy móc bây giờ hạn chế lắm. Vào thời của ngài cựu chỉ huy còn có một quỹ được trợ cấp dành riêng cho mục đích này và cả tôi cũng có thể được phép sử dụng nó. Ở đây trước kia có một nhà kho trong đó có tất cả các đồ phụ tùng thay thế. Phải công nhận là chúng tôi có hơi hoang phí, nhưng chỉ trước đây thôi chứ không phải bây giờ như viên chỉ huy mới khẳng định, gã này lợi dụng bất cứ cớ gì để công kích các thể chế cũ. Giờ đây hắn đích thân quản lí quỹ máy móc, và cứ mỗi khi tôi xin một dây da mới thì hắn đều bắt tôi phải đem cái cũ đến để làm bằng chứng; còn cái dây mới thì phải sau mười ngày mới có, tệ hại

hơn nữa là nó có chất lượng rất thấp, chẳng được tích sự gì cả. Trong khi đó thì chẳng ai quan tâm xem tôi làm cách nào để vận hành được cỗ máy.

Nhà thám hiểm suy nghĩ: nếu như ta can thiệp vào quyết định của người ngoài thì sẽ chẳng bao giờ đem lại ấn tượng tốt đẹp. Ông không phải là công dân của trại lao cải, cũng không phải là công dân của quốc gia có trại lao cải này. Nếu ông thử phản đối hoặc thậm chí thử ngăn cản cuộc hành hình thì người ta có thể sẽ bảo ông: ông là người ngoài, xin ông đừng có rối lên như thế. Trước câu nói như vậy thì ông sẽ không thể đối đáp được gì mà chỉ có thể nói thêm rằng ông không thể hiểu nổi, bởi vì ông đi du lịch chỉ với ý định tham quan chứ không hề muốn sửa đổi luật tổ chức toà án của nước ngoài. Nhưng, trong trường hợp trước mắt, sự việc thật khó cưỡng nổi. Sự bất công của thủ tục xét xử và tính chất phi nhân tính của hình phạt là những điều không có gì phải nghi ngờ. Không ai có thể cho rằng nhà thám hiểm có một quyền lợi ích kỉ ở đây, bởi vì đối với ông, kẻ phạm tội là người nước ngoài, không phải là đồng bào của ông và cũng chẳng phải là một người có khả năng làm cho ông mủi lòng. Nhà thám hiểm đã có được lời giới thiệu của một số quan chức cao cấp và đã được tiếp đón ở đây rất lịch sự; còn việc ông được mời tham dự cuộc hành hình này thậm chí còn chứng tỏ rằng người ta đang muốn xin ý kiến ông về một cuộc xét xử như vậy. Việc đó càng tỏ ra gần với sự thật hơn khi mà giờ đây ông càng cảm thấy rõ ràng rằng viên chỉ huy không phải là người ủng hộ phương thức xét xử như thế và ông ấy có một thái độ gần như ác cảm đối với viên sĩ quan.

Bất đồ nhà thám hiểm nghe thấy viên sĩ quan giận dữ quát tháo. Đúng lúc y vất vả lắm mới nhét được chiếc giẻ vào miệng phạm nhân thì anh chàng này lên cơn lợm giọng rồi nhắm mắt nôn mửa. Viên sĩ quan cố nhấc đầu anh ta lên để lôi búi giẻ ra rồi quay mặt anh ta hướng xuống hố mà không kịp; chất bẩn thải ra chảy cả vào máy móc ở phía dưới.

- Tất cả chỉ tại cái gã chỉ huy, - viên sĩ quan vừa gào lên vừa lay những thanh đồng thau như điên như dại, - nó làm bẩn hết máy móc của tôi như một cái máng lợn rồi! - Rồi y rung tay chỉ cho nhà thám hiểm thấy những gì đang xảy ra. - Tôi đã phải mất hàng mấy tiếng đồng hồ để cố thuyết phục cho gã chỉ huy hiểu rằng không nên cho tử tù ăn trước khi ra hành hình. Nhưng ban lãnh đạo mới, hiền lành hơn, lại có ý kiến khác. Mấy bà mấy mợ của gã chỉ huy đã nhồi nhét cho kẻ tử tù đủ các loại bánh kẹo trước khi hắn được đưa ra pháp trường. Cả đời hắn, hắn chỉ ăn cá thôi, thế mà bây giờ hắn phải ăn của ngọt! Nhưng mà thôi, các vị ấy muốn gì thì muốn tôi sẽ chẳng nói làm gì, song tại sao tôi đã đề nghị hơn ba tháng nay rồi mà họ vẫn không kiếm cho miếng giẻ bịt mồm mới? Làm sao mà hắn không nôn mửa khi phải ngậm chiếc giẻ này, chiếc giẻ đã bị hàng trăm người nhai mút khi hấp hối?

Phạm nhân quay đầu trở về chỗ cũ và tỏ ra bình tĩnh, trong khi anh lính lấy áo của anh chàng kia lau máy. Viên sĩ quan bước đến chỗ nhà thám hiểm; linh cảm thấy điều gì đó, ông này vội lùi lại một bước nhưng viên sĩ quan đã nắm lấy tay ông kéo ra một bên:

- Tôi muốn nói riêng với ngài vài lời, ngài cho phép chứ?

- Tất nhiên, - nhà thám hiểm đáp và cúi đầu nghe y nói.

- Trình tự tố tụng và kiểu hành hình như thế này hiện nay không còn được ai ủng hộ công khai ở trại lao cải này nữa. Tôi là người duy nhất ủng hộ và đồng thời là người duy nhất đại diện cho di sản của ngài chỉ huy cũ. Về việc hoàn thiện phương thức làm việc thì tôi không hề dám nghĩ đến, mà tất cả mọi nỗ lực của tôi là hướng vào việc giữ gìn những cái đang tồn tại. Khi ngài cựu chỉ huy còn sống thì trại lao cải đầy những người ủng hộ ông ấy; và tôi cũng có một phần khả năng thuyết phục của ngài cựu chỉ huy, nhưng tôi hoàn toàn không có được sức mạnh như của ông; kết quả là những người ủng hộ ông đã phải lặn biệt tăm; vẫn còn có rất nhiều người ủng hộ, nhưng không một ai dám công khai thú nhận. Hôm

nay, nếu ngài đến quán trà và nếu ngài chú ý lắng nghe thì ngài sẽ chỉ có thể nghe được những lời bóng gió nước đôi. Tất cả bọn họ đều ủng hộ cách thức nói trên, nhưng với những quan niệm hiện tại của gã chỉ huy mới thì họ sẽ chẳng giúp gì được cho tôi cả. Còn bây giờ tôi hỏi ngài: phải chăng chỉ vì gã chỉ huy đó cùng với những bà vợ của hắn mà một công trình của cả một đời người như thế này sẽ bị phá sản? - vừa nói y vừa chỉ tay vào cỗ máy. - Ngài có dung thứ cho một chuyện như vậy không? Cho dù ngài chỉ là một người ngoại quốc ở chơi vài ngày, trên hòn đảo của chúng tôi? Nhưng không được để phí thời gian, người ta đang chuẩn bị một cái gì đó để chống lại quyền tài phán của tôi; người ta còn tổ chức các cuộc hội nghị tại ban chỉ huy mà không mời tôi tham dự; ngay cả cuộc viếng thăm của ngài ngày hôm nay cũng có ý nghĩa cho cả toàn bộ tình hình; chúng là một lũ hèn nhát và chúng cử ngài, một người ngoại quốc, đi làm quân tiên phong. Phải, trước đây những cuộc hành hình diễn ra hoàn toàn khác hẳn! Ngay từ trước ngày hành hình thung lũng đã chậtních người xem; từ sáng sớm, ngài chỉ huy cùng các bà vợ của ông xuất hiện; đội kèn đồng đánh thức cả đám người dậy; tôi bước lên báo cáo là mọi việc đã sẵn sàng; khách đến dự - trong đó không được phép vắng mặt một viên chức cao cấp nào - ngồi xếp hàng xung quanh cỗ máy; cái đống ghế mây này là di sản thảm hại của thời xa xưa ấy. Cỗ máy được lau chùi sạch sẽ phản chiếu ánh sáng lấp lánh; gần như đối với mỗi cuộc hành hình chúng tôi đều thay các phụ tùng mới tinh. Người xem đứng kiễng chân suốt từ đây lên tới tận đỉnh đồi, và, trước hàng mấy trăm con mắt, phạm nhân được chính tay ngài chỉ huy đặt nằm xuống dưới bừa. Cái việc mà giờ đây được giao cho một anh lính tầm thường thì thời bấy giờ là nhiệm vụ của tôi với tư cách là chánh án, và nhiệm vụ đó đem lại vinh dự cho tôi. Sau đấy là bắt đầu cuộc hành hình! Không có một tiếng động không cho phép nào làm rối loạn sự vận hành của cỗ máy. Thậm chí có nhiều người không nhìn cỗ máy mà họ ngồi bệt

trên cát, hai mắt nhắm nghiền; tất cả đều biết rằng bây giờ là lúc công lí bắt đầu được thực hiện. Trong không khí im lặng bao trùm, người ta chỉ nghe thấy tiếng rên tắc nghẹn của phạm nhân. Bây giờ thì cỗ máy không còn có khả năng làm cho phạm nhân rên lên được mà không bị miếng giẻ chẹn ngang; thời bấy giờ răng bừa còn có nhiệm vụ nhỏ một thứ dung dịch ăn da mà ngày nay chúng tôi không được phép sử dụng nữa. Vâng, sau đó đến tiếng đồng hồ thứ sáu! Không thể đáp ứng được lời đề nghị của tất cả những người muốn được đến gần để xem. Với trí thông minh của mình, ngài chỉ huy trước hết muốn ưu tiên cho trẻ em; tất nhiên tôi vẫn luôn luôn được phép ngồi ở phía trước vì nhiệm vụ của mình; rất nhiều lần tôi ngồi xổm ở đó với hai đứa bé trên tay. Tất cả chúng tôi háo hức ngắm nhìn vẻ thay hình đổi dạng trên khuôn mặt của kẻ bị hành hình, chúng tôi hân hoan đón chào công lí đang được thực hiện và sắp sửa kết thúc! Thật là cái thời tuyệt vời, ông bạn ạ! - Hình như viên sĩ quan quên mất người đang đứng trước mình là ai; y ôm hôn nhà thám hiểm rồi gục đầu vào vai ông. Nhà thám hiểm tỏ ra vô cùng lúng túng và sốt ruột nhìn qua vai viên sĩ quan. Anh lính đã lau sạch xong cỗ máy và bây giờ đang đổ cơm từ một chiếc hộp ra liễn. Vừa thấy thế, anh chàng phạm nhân, khi ấy đã bình phục, liền lè lưỡi để đớp cơm. Anh lính cố đẩy anh ta xuống, vì cơm được dành cho thời điểm về sau; dù sao cũng thật đáng khó chịu khi hắn dùng hai bàn tay bẩn thỉu để bốc cơm ăn trước mặt phạm nhân, người cũng đang thèm ăn như hắn.

Viên sĩ quan trấn tĩnh lại ngay:

- Xin ngài đừng cho là tôi muốn làm cho ngài động lòng, tôi biết quá rõ là ngày nay khó có thể làm cho một ai đó hiểu được cái thời xa xưa. Vả lại, cỗ máy vẫn còn hoạt động được và tự bản thân nó vẫn có thể gây ấn tượng. Tự nó có thể gây được ấn tượng, cho dù chỉ có một mình nó ở thung lũng này. Còn thi thể của phạm nhân cuối cùng sẽ rơi xuống hố với một tư thế bay liệng không thể tưởng tượng nổi, cho dù giờ đây ở xung quanh hố không còn có hàng trăm người đứng tụ tập như

trước kia. Khi ấy chúng tôi đã phải xây một hàng lan can chắc chắn bao xung quanh hố, nhưng giờ thì nó đã bị hỏng từ lâu.

Nhà thám hiểm muốn tránh ánh mắt nhìn của viên sĩ quan liền đưa mắt nhìn xa xăm ra xung quanh. Viên sĩ quan tưởng rằng ông khách ngoại quốc đang ngắm cảnh thung lũng hoang vu; thế là y cầm tay ông,xoay người ông về phía y rồi nhìn thẳng vào mắt ông hỏi:

- Ngài có thấy cuộc sống của chúng tôi đáng xấu hổ không?

Nhưng nhà thám hiểm không đáp. Viên sĩ quan buông tay ông ra; y đứng dạng chân im lặng, hai tay chống nạnh và mắt nhìn xuống đất. Sau đó y mỉm cười khích lệ nhà thám hiểm rồi bảo:

- Hôm qua tôi đã có mặt bên cạnh ngài khi gã chỉ huy mời ngài tham dự cuộc hành hình. Tôi đã nghe thấy lời mời. Tôi rất hiểu gã chỉ huy. Tôi hiểu ngay hắn muốn gì sau lời mời đó. Mặc dù gã có đủ quyền lực để đề ra các biện pháp chống lại tôi, thế nhưng gã vẫn không dám; ngược lại gã muốn để cho ngài, một người ngoại quốc có uy tín, đánh giá tôi. Gã đã rất thận trọng tính toán tất cả; ngài mới có mặt trên hòn đảo này được hai ngày, ngài không quen biết ngài cựu chỉ huy cũng như giới tư tưởng của ông ấy, ngài đang bị kiềm chế bởi những quan niệm của châu Âu; thậm chí có thể theo nguyên tắc ngài là một đối thủ của hình phạt tử hình nói chung và của cách hành hình cơ học như thế này nói riêng; ngoài ra, ngài sẽ được xem cuộc hành hình diễn ra một cách buồn tẻ, không có công chúng đến xem, với một chiếc máy hơi bị hư hỏng, nghĩa là phải chăng rất có thể (theo suy nghĩ của gã chỉ huy) sau khi xem xét tất cả những điều đó ngài sẽ cho phương pháp của tôi là không thích hợp? Và nếu ngài cho là không thích hợp thì ngài sẽ không im lặng (tôi vẫn nói theo tinh thần của gã chỉ huy), bởi vì tất nhiên ngài tin vào những điều tin chắc đã được kiểm nghiệm của ngài. Chắc chắn là ngài đã được thấy nhiều điều kì quặc của nhiều dân tộc và ngài đã học được cách tôn trọng họ, do đó có lẽ ngài sẽ không can thiệp

quyết liệt chống lại phương pháp này như ngài có thể làm ở nước ngài. Nhưng gã chỉ huy không cần ngài phải tỏ thái độ đến mức ấy. Chỉ cần một câu nói bất cẩn thoáng qua là đủ. Thậm chí câu nói đó không cần phải phù hợp với niềm tin của ngài, nếu như nhìn bề ngoài nó tỏ ra ủng hộ cho ý muốn của gã. Tôi tin chắc rằng gã sẽ biết cách khai thác ý kiến của ngài. Còn các bà đầm của gã sẽ vây xung quanh và dỏng tai lên nghe ngóng; có thể ngài sẽ nói như thế này: "Ở nước chúng tôi thủ tục xét xử không giống như thế này", hay "Ở nước chúng tôi bị cáo được thẩm vấn trước khi phán quyết" hay "Ở nước chúng tôi nhục hình chỉ tồn tại ở thời Trung Cổ". Đây là những nhận xét hoàn toàn chính xác mà ngài cảm thấy rất tự nhiên, những nhận xét vô tội này không xúc phạm đến phương pháp của tôi. Nhưng gã chỉ huy sẽ hiểu chúng như thế nào? Tôi hình dung thấy gã đứng ngay dậy xô ghế rồi bước vội ra ban-công, tôi cũng hình dung thấy các bà đầm của gã hối hả theo chân gã, và tôi như nghe thấy gã nói: "Một nhà thám hiểm vĩ đại đến từ phương Tây, có nhiệm vụ nghiên cứu các thủ tục xét xử ở tất cả các nước, đã nói rằng cái phương pháp theo mốt cũ của chúng ta là vô nhân đạo. Theo quan điểm của một nhân vật như thế này thì tất nhiên tôi không được phép dung thứ cho một phương pháp như vậy. Cho nên bắt đầu từ hôm nay tôi quyết định... vân vân và vân vân." Khi ấy ngài sẽ muốn can thiệp, ngài sẽ muốn nói rằng ngài đã không nói cái điều mà gã vừa khẳng định, rằng ngài đã không đánh giá cái phương pháp của tôi là vô nhân đạo, mà ngược lại, sự nhận thức sâu sắc của ngài coi nó là một phương pháp nhân đạo nhất và xứng đáng được áp dụng nhất cho mọi người, và rằng ngài khâm phục cỗ máy này - nhưng tất cả sẽ là quá muộn. Vả lại, ngài cũng không thể chen chân tới được ban-công, nơi đã chật cứng các bà mệnh phụ; ngài tìm cách làm cho người ta chú ý đến ngài; ngài định la lên; nhưng một bàn tay đàn bà sẽ bịt miệng ngài lại - còn tôi cùng với công trình của ngài cựu chỉ huy sẽ bị đi tong.

Nhà thám hiểm cố nén nụ cười; như vậy là cái nghĩa vụ mà

trước đây ông cho là vô cùng nặng nề thì giờ đây trở nên thật nhẹ nhàng! Ông trả lời nước đôi:

- Ông đánh giá quá mức uy tín của tôi; ngài chỉ huy đã đọc bức thư giới thiệu của tôi và biết rằng tôi không phải là chuyên gia về các thủ tục xét xử. Nếu như tôi có nói ý kiến của tôi thì đó cũng chỉ là ý kiến của một người bình thường, một ý kiến không hề cao hơn so với ý kiến của bất cứ một người nào khác, và, dù thế nào thì nó cũng không thể quan trọng bằng ý kiến của ngài chỉ huy, người mà theo tôi được biết thì có một quyền lực gần như vô hạn định ở cái trại lao cải đây. Nếu như ý kiến của ông ấy về thủ tục xét xử này đã được xác định rõ ràng rồi như lời ông nói, thì tất nhiên tôi sợ là bây giờ đã đến lúc kết thúc cái phương pháp của ông rồi đấy mà không cần đến sự đóng góp nhỏ mọn của tôi đâu.

Liệu viên sĩ quan có hiểu được lời nhà thám hiểm không? Không, y vẫn chưa hiểu. Y quả quyết lắc đầu rồi quay nhìn về phía kẻ phạm nhân và anh lính, hai người kia giật mình không dám bận tâm đến liễn cơm nữa, sau đó viên sĩ quan bước tới gần nhà thám hiểm mà không nhìn vào mắt ông mà lại nhìn chăm chăm vào đâu đó trên chiếc áo vét-tông của ông, rồi y nói nhỏ hơn trước:

- Ngài không hiểu gã chỉ huy đâu; đối với hắn và đối với tất cả chúng tôi - xin lỗi vì tôi đã tách bạch như vậy - ngài có một thái độ rất giữ gìn ý tứ; nhưng uy tín của ngài, xin lỗi, tỏ ra mạnh hơn so với ngài tưởng. Tôi rất vui khi nghe thấy rằng ngài sẽ một mình tham dự cuộc hành hình. Việc bố trí của gã chỉ huy như thế chắc là muốn nhằm chống lại tôi, nhưng bây giờ tôi sẽ tương kế tựu kế để nhằm có lợi cho tôi. Trong hoàn cảnh không bị chi phối bởi những lời thì thầm ác ý và bởi những ánh mắt khinh bỉ - điều mà không thể có được trong trường hợp có sự tham dự của một cử tọa đông hơn - ngài đã có thể nghe được những lời giải thích của tôi, đã được nhìn kĩ cỗ máy và sắp được chứng kiến cuộc hành hình. Chắc chắn là ngài sẽ có được một ý kiến của mình; nếu như còn có

một số điều nghi ngờ nào đó thì chúng sẽ được khắc phục khi ngài được xem cảnh hành hình. Và bây giờ tôi có một yêu cầu đối với ngài: hãy giúp tôi chống lại gã chỉ huy!

Nhà thám hiểm không để cho y nói tiếp, ông thốt lên:

- Làm sao tôi có thể làm được điều ấy. Tôi không thể giúp ông được điều gì cả, cũng như tôi cũng không thể làm điều gì có hại cho ông!

- Được chứ, - viên sĩ quan nhảy dựng lên. Nhà thám hiểm hơi hoảng sợ khi nhìn thấy viên sĩ quan nắm chặt hai tay. - Ngài có thể giúp được, - viên sĩ quan khăng khăng nhắc lại. - Tôi có một kế hoạch có thể thành công. Ngài cho rằng uy tín của ngài không đủ, nhưng tôi bảo là đủ. Nhưng cứ cho là ngài nói đúng! Như thế thì chúng ta sẽ không cần phải làm gì cả, kể cả những việc tỏ ra không có cơ hội thành công, chỉ cần chúng ta có thể cứu vãn được cái thủ tục xét xử này? Vậy thì xin ngài hãy lắng nghe kế hoạch của tôi đây. Để thực hiện được kế hoạch đó, điều cần thiết trước hết là hôm nay ngài phải rất dè dặt trong việc bày tỏ ý kiến của ngài về phương pháp của tôi. Nếu như người ta không trực tiếp hỏi ngài thì dứt khoát ngài không được nói ra; còn nếu phải tuyên bố thì ngài cần phải tuyên bố ngắn gọn và mơ hồ; ngài hãy để cho người ta hiểu rằng ngài rất khó nói về chuyện này, rằng ngài đang bị phẫn nộ, rằng - nếu ngài thấy cần phải bày tỏ công khai - đáng ra ngài phải lên tiếng nguyền rủa. Tôi không yêu cầu ngài phải nói dối; hoàn toàn không; tôi chỉ xin ngài trả lời ngắn gọn kiểu như: "Vâng, tôi đã chứng kiến cuộc hành hình" hay "Vâng, tôi đã nghe tất cả những lời giải thích". Chỉ thế thôi. Đối với vẻ buồn rầu mà chắc là sẽ thể hiện rõ trên nét mặt của ngài thì ngài có đủ các lí do, cho dù chúng không theo tinh thần của gã chỉ huy. Tất nhiên hắn sẽ hiểu ngược lại theo tinh thần của hắn. Đây là cơ sở cho kế hoạch của tôi. Ngày mai, tại ban chỉ huy sẽ có một cuộc hội nghị lớn dưới sự chủ tọa của gã chỉ huy, với sự tham gia của tất cả các quan chức quản lí cao cấp. Tất nhiên gã chỉ huy thích biến các cuộc

họp như thế này thành trò cười cho thiên hạ. Hắn đã cho xây dựng trong phòng họp một dãy ban-công cho khán giả. Cả tôi cũng buộc phải tham gia những cuộc họp như thế, nhưng tôi rất ghê tởm. Theo cách đó, dứt khoát ngài sẽ được mời dự; nếu ngài xử sự theo đúng kế hoạch của tôi thì lời mời của gã chỉ huy sẽ biến thành một sự thỉnh cầu tha thiết. Nhưng nếu như vì một lí do bất ngờ nào đó mà ngài không được mời, thì tất nhiên ngài sẽ phải yêu cầu được mời; và trong trường hợp đó chắc chắn ngài sẽ được mời. Như vậy là, cứ cho rằng ngày mai ngài có mặt tại khoang lô của gã chỉ huy ngồi cùng với các quý bà; hắn sẽ luôn luôn ngước nhìn lên đó để tin chắc là ngài đang có mặt ở đấy. Sau những chủ đề thảo luận không quan trọng và khôi hài chỉ dành cho cử tọa - mà nói chung thường là bàn về việc xây dựng hải cảng, lúc nào cũng chỉ bàn về chuyện xây dựng hải cảng! - sẽ đến tiết mục thảo luận về thủ tục xét xử. Nếu hắn không nhanh chóng hoặc thậm chí không muốn nói đến chủ đề này thì tôi sẽ lo. Tôi sẽ đứng lên trình bày bản báo cáo về cuộc hành hình ngày hôm nay. Tôi sẽ báo cáo rất ngắn gọn. Thực ra người ta chưa quen với việc trình bày một bản báo cáo như thế, nhưng tôi vẫn cứ làm. Gã chỉ huy, như lệ thường, sẽ mỉm cười thân thiện cảm ơn tôi, sau đó hắn sẽ không thể không lợi dụng dịp may. "Vì có báo cáo về công việc thi hành án, nên tôi muốn bổ sung thêm rằng cuộc hành hình này đã được chứng kiến bởi một nhà thám hiểm vĩ đại, người mà cuộc viếng thăm của ông đã làm vinh hạnh đặc biệt cho hòn đảo của chúng ta và tất cả các ngài đã được biết đến. Còn cuộc họp của chúng ta ngày hôm nay có được một ý nghĩa lớn lao cũng là nhờ có sự hiện diện của ông ấy. Các vị có cho rằng chúng ta nên hỏi nhà thám hiểm vĩ đại này là ông đánh giá như thế nào về cuộc hành hình theo kiểu cổ của chúng ta và về thủ tục xét xử diễn ra trước đó không?" Tất nhiên cả phòng họp sẽ vỗ tay tán thưởng, còn tôi sẽ là người phấn khởi nhất. Gã chỉ huy sẽ nghiêng mình trước mặt ngài rồi bảo: "Thế thì tôi sẽ thay mặt

mọi người xin hỏi ngài". Còn ngài sẽ đứng lên bước tới gần lan can. Ngài sẽ đặt tay lên lan can như thế này này để cho tất cả mọi người đều nhìn thấy, nếu không các bà mệnh phụ sẽ nắm lấy hai bàn tay ngài mà nghịch ngợm đấy. Cuối cùng sẽ đến lượt ngài phát biểu. Tôi không biết sẽ phải chịu đựng những giờ phút chờ đợi căng thẳng như thế nào. Trong bài phát biểu của mình, ngài không cần phải dè dặt; ngài cứ làm ầm lên xung quanh sự thật, ngài cứ vươn người qua lan can mà quát tháo, vâng, ngài cứ quát vào mặt gã chỉ huy ý kiến của ngài, cái ý kiến không thể lay chuyển. Nhưng có thể là ngài không thích làm thế, vì nó không phù hợp với tính cách của ngài, có thể là ở đất nước ngài người ta bày tỏ thái độ theo một cách khác trong những trường hợp như thế này - và như vậy là tốt, hoàn toàn đáp ứng; ngài sẽ không cần phải đứng dậy, ngài chỉ cần nói vài câu, chỉ cần nói khẽ cho các quan chức ngồi ngay phía dưới nghe thấy là đủ; ngài cũng không cần phải nói về việc không có công chúng tham gia chứng kiến cuộc hành hình, không cần nói về chiếc bánh răng kêu cót két, về sợi dây da bị đứt và về miếng giẻ bịt miệng ghê tởm; không, tất cả những cái đó cứ để cho tôi lo, và xin ngài hãy tin tôi, rằng nếu như bằng lời nói của mình mà tôi không làm cho gã chỉ huy phải chạy ra khỏi phòng họp, thì ít ra tôi cũng sẽ buộc được gã phải quỳ gối mà công nhận: "Tôi xin chịu thua ngài, thưa ngài chỉ huy già cả". Đó chính là kế hoạch của tôi; ngài có muốn tôi thực hiện kế hoạch này không? Tất nhiên là ngài muốn; hơn thế nữa: ngài cần phải làm thế! - Viên sĩ quan nắm lấy cả hai tay nhà thám hiểm và vừa thở hổn hển vừa nhìn thẳng vào mắt ông. Những câu cuối cùng y gào to đến nỗi làm cho cả anh lính lẫn phạm nhân trở nên chú ý; mặc dù không hiểu gì nhưng họ vẫn ngừng ăn cơm rồi vừa nhai vừa nhìn về phía nhà thám hiểm.

Câu trả lời cần phải đưa ra đã trở nên rõ ràng ngay từ đầu đối với nhà thám hiểm; ông đã từng trải quá nhiều nên không thể do dự trong trường hợp trước mắt; thực ra ông là người

trung thực và không hề biết sợ. Tuy nhiên, khi nhìn thấy anh lính và kẻ bị hành hình, ông lại thở dài do dự. Cuối cùng ông nói như cần phải nói: - Không!

Viên sĩ quan chớp chớp mắt nhưng không ngừng nhìn ông. Nhà thám hiểm hỏi tiếp:

- Ông dứt khoát muốn có một lời tuyên bố của tôi ư?

Viên sĩ quan im lặng gật đầu. Nhà thám hiểm nói tiếp:

- Tôi là kẻ thù của thủ tục xét xử này; trước khi tôi bày tỏ ý kiến - mà tất nhiên trong bất cứ trường hợp nào tôi cũng sẽ không lạm dụng ý kiến của tôi - tôi đã suy nghĩ không biết liệu mình có quyền can thiệp chống lại cái thủ tục xét xử này không và liệu sự can thiệp của tôi có cơ may dù là nhỏ nhất hay không. Tôi đã hiểu rõ mình sẽ phải bày tỏ ý kiến với ai: tất nhiên là với ngài chỉ huy. Ông đã giúp tôi hiểu rõ con đường phải theo nhưng không củng cố cho quyết định của tôi; trái lại, niềm tin chân thành của ông đã làm tôi xúc động, cho dù nó đã không thể lôi kéo tôi đi lạc sang một con đường sai lầm.

Viên sĩ quan lặng yên không nói gì, sau đó y quay trở lại chỗ cỗ máy, nắm lấy một thanh đồng thau rồi ngước nhìn lên thiết bị họa hình, đầu hơi cúi về phía trước, như thể đang muốn kiểm tra xem liệu mọi thứ có ổn cả không. Anh lính có vẻ như đã kết bạn được với phạm nhân; anh này ra hiệu cho anh lính, mặc dù rất khó nhọc vì anh ta bị những sợi dây da trói chặt, và anh lính cúi người xuống bên anh ta; anh chàng phạm nhân nói thầm điều gì đó vào tai anh lính và anh này gật gật đầu.

Nhà thám hiểm bước theo sau viên sĩ quan rồi bảo y:

- Ông vẫn chưa biết tất cả những gì tôi muốn làm. Tôi sẽ nói với ngài chỉ huy ý kiến của tôi về thủ tục xét xử, nhưng không phải trong khung cảnh một cuộc họp mà là giữa hai người với nhau; vả lại tôi cũng không ở đây thêm nữa để có thể được mời họp; ngay sáng mai tôi sẽ xuống tàu rời đảo.

Viên sĩ quan có vẻ như không nghe thấy. "Như vậy là thủ tục xét xử của tôi đã không thuyết phục được ngài", y nói như với chính mình rồi mỉm cười như một ông già cười sự ngu ngốc

của một đứa trẻ, sau nụ cười lơ đãng đó y đang che giấu những ý nghĩ riêng tư của mình.

- Thế thì đã đến lúc rồi, - cuối cùng y lên tiếng rồi ngước đôi mắt sáng nhìn nhà thám hiểm, trong ánh mắt y hiện lên một vẻ mời chào, một sự kêu gọi hợp tác.

- Đến lúc làm gì? - nhà thám hiểm lo lắng hỏi nhưng không nhận được câu trả lời.

- Mi được tự do, - viên sĩ quan nói với anh chàng phạm nhân bằng ngôn ngữ của anh ta. Anh này lúc đầu không dám tin. - Phải, mi được tự do, - viên sĩ quan nhắc lại. Lần đầu tiên vẻ mặt phạm nhân tươi tỉnh hẳn lên. Liệu có thật không? Hay đó chỉ là một cơn đồng bóng của viên sĩ quan? Có phải là ông khách nước ngoài đã xin ân xá được cho anh ta không? Chuyện gì xảy ra vậy? Trên nét mặt anh ta hiện rõ những câu hỏi như vậy. Nhưng anh ta không phải phân vân lâu. Gì thì gì, kẻ phạm nhân muốn được tự do nếu được phép, và thế là anh ta bắt đầu vặn mình hòng thoát ra khỏi chiếc bừa.

- Mi làm đứt hết cả dây da của ta bây giờ, - viên sĩ quan quát lên, - nằm im! Ta sẽ thả mi ngay! - Sau đó y ra hiệu cho anh lính và cả hai bắt tay vào việc. Anh chàng phạm nhân lặng lẽ cười, lúc thì quay mặt sang trái nhìn viên sĩ quan, lúc thì quay sang phải với anh lính, cả nhà thám hiểm anh ta cũng không bỏ quên.

- Lôi hắn ra ngoài! - viên sĩ quan ra lệnh cho anh lính. - Nhưng phải chú ý kẻo vướng cái bừa đấy. - Do sốt ruột mà anh chàng phạm nhân phải lĩnh mấy vết xước ở lưng.

Lúc này, viên sĩ quan hầu như không còn chú ý đến kẻ phạm tội nữa. Y bước tới chỗ nhà thám hiểm, lại lôi ra chiếc xà cột nhỏ bằng da, lục tìm và cuối cùng lôi ra một tờ giấy rồi giơ cho nhà thám hiểm xem.

- Ngài đọc đi, - y bảo.

- Tôi không đọc được, - nhà thám hiểm đáp. - Tôi đã nói là tôi không thể đọc được những tờ giấy này.

- Ngài nhìn kĩ tờ giấy này đi, - viên sĩ quan nói lại rồi bước

tới bên cạnh nhà thám hiểm để cùng đọc với ông. Nhưng vì làm thế vẫn không thấy ăn thua gì, nên viên sĩ quan liền đưa ngón tay út chỉ dẫn cho ông đọc, y để ngón tay cách tờ giấy một khoảng cách nhất định như thể sợ chạm vào nó. Nhà thám hiểm cố hết sức để chiều lòng viên sĩ quan nhưng vẫn không đọc nổi. Thế là viên sĩ quan liền đánh vần dòng chữ, sau đó y đọc lại lần nữa một cách trôi chảy:

- Hãy ngay thẳng! Ở đây viết như vậy. Bây giờ chắc là ngài đọc được.

Nhà thám hiểm cúi đầu quá sát xuống tờ giấy, đến nỗi viên sĩ quan vội kéo tờ giấy lùi ra xa, vì sợ nhà thám hiểm sẽ chạm vào nó; nhà thám hiểm không nói thêm gì cả, nhưng rõ ràng là ông vẫn chưa khám phá ra được điều gì.

- Hãy ngay thẳng, ở đây viết như vậy, - viên sĩ quan nhắc lại.

- Cứ cho là như vậy, - nhà thám hiểm đáp, - tôi tin là nó được viết như thế.

- Tốt rồi, - viên sĩ quan nói, ít nhất là có phần nào hài lòng, sau đó y cầm tờ giấy trèo lên thang; y rất cẩn thận đặt tờ giấy vào trong thiết bị họa hình và có vẻ như đang muốn chỉnh lại toàn bộ thiết bị bánh răng; đây là một công việc nặng nề - có lẽ đó là những bánh răng rất nhỏ; thỉnh thoảng cái đầu của viên sĩ quan lại bị mất hút hoàn toàn trong thiết bị họa hình, việc kiểm tra máy móc chắc là phải tỉ mỉ lắm.

Nhà thám hiểm đứng dưới không ngừng theo dõi công việc của viên sĩ quan, đến nỗi cổ ông cứng lại, còn mắt ông thì bắt đầu đau vì chói nắng. Anh lính và phạm nhân thì cả hai đều đang có việc. Áo và quần của anh chàng phạm nhân rơi xuống hố đang được anh lính dùng lưỡi lê câu lên. Chiếc áo bẩn kinh khủng và anh chàng phạm nhân phải nhúng vào chậu nước để giặt. Sau đó, khi anh ta mặc quần áo thì cả anh lính lẫn phạm nhân đều lăn ra cười, bởi vì quần áo của anh ta bị xẻ dọc đằng sau lưng từ trên xuống dưới. Có lẽ anh chàng phạm nhân cảm thấy có nghĩa vụ phải mua vui cho anh lính, bởi vì anh ta cứ đứng quay tròn như chong chóng trước mặt anh lính với bộ

quần áo bị xẻ dọc trên người, còn anh lính thì ngồi xổm trên đất vừa cười vừa vỗ tay lên gối. Dù sao họ vẫn còn kiềm chế phần nào trước sự có mặt của các quý ông kia.

Cuối cùng, sau khi kiểm tra xong ở phần trên, viên sĩ quan ngắm nhìn tất cả một lượt nữa rồi mỉm cười; sau đó y đóng nắp thiết bị họa hình lại, vì từ trước đến giờ nó vẫn bỏ ngỏ, rồi y xuống thang, nhìn xuống hố rồi nhìn sang anh chàng phạm nhân, và y hài lòng nhận thấy rằng anh này đã lấy quần áo ở dưới hố lên; tiếp đến y bước đến bên chậu nước để rửa tay, nhưng rửa xong y mới nhận ra nước trong chậu bẩn gớm ghiếc, y buồn rầu vì không rửa sạch được tay thế là y thọc tay vào trong cát để chùi - giải pháp này không làm y thỏa mãn nhưng không còn cách nào khác; sau đó y đứng lên rồi bắt đầu cởi cúc áo quân phục. Làm đến đây thì hai chiếc khăn mùi-xoa của phụ nữ nhét trong cổ y rơi ra. "Khăn tay của mi đây", y nói rồi quẳng hai chiếc khăn cho anh chàng phạm nhân. Sau đấy y quay sang phía nhà thám hiểm giải thích: "Quà của đàn bà".

Mặc dù đang phải vội vã cởi quần áo, nhưng viên sĩ quan vẫn rất cẩn thận gập từng thứ một, thậm chí y còn vuốt ve những sợi tua rua viền quanh áo và sửa lại cho thẳng một sợi dây áo. Tất nhiên, sau đó y lại tỏ ra rất trái ngược với sự cẩn thận này, vì ngay khi gập xong một vật là y sốt sắng quẳng nó ngay xuống hố. Vật cuối cùng còn lại của y là thanh đoản kiếm với dây đeo kiếm. Y rút kiếm ra khỏi vỏ, bẻ gẫy nó, thu tất cả lại thành một mớ: thanh kiếm gãy, vỏ kiếm và dây đeo kiếm, rồi y quẳng mạnh xuống đáy hố làm cho chúng kêu loảng xoảng.

Bây giờ thì y hoàn toàn trần như nhộng. Nhà thám hiểm cắn môi mà không nói gì. Thực ra ông biết chuyện gì sẽ diễn ra tiếp theo đây, nhưng ông không hề có quyền ngăn cản viên sĩ quan thực hiện ý định của y. Nếu như cái thủ tục xét xử mà viên sĩ quan thiết tha ủng hộ sắp sửa bị bãi bỏ - có thể là do có sự can thiệp của nhà thám hiểm - thì giờ đây y sẽ phải

hành động theo đúng lô gíc của vấn đề; ở vào địa vị của y, ngay cả nhà thám hiểm cũng sẽ phải phản ứng như vậy.

Anh lính và anh chàng phạm nhân ban đầu chẳng hiểu gì cả, vả lại ngay từ đầu thậm chí họ còn không nhìn về phía viên sĩ quan. Anh chàng phạm nhân đang vô cùng vui sướng vì đã giành lại được hai chiếc khăn tay của mình, nhưng niềm vui của anh ta không kéo dài được lâu, bởi vì anh lính đã nhanh tay bất ngờ giật lấy. Giờ thì anh chàng phạm nhân đang thử lấy lại khăn tay của mình đã được anh lính cất giữ dưới thắt lưng da, nhưng anh lính rất cảnh giác. Cứ thế họ tranh giành nhau, nhưng với thái độ đùa cợt nhiều hơn là thật. Chỉ khi viên sĩ quan cởi hết quần áo xong thì cả hai mới bắt đầu chú ý. Đặc biệt anh chàng phạm nhân tỏ ra có linh cảm về một sự đảo lộn lớn. Những gì trước đó đã xảy ra với anh ta thì bây giờ đang xảy ra với viên sĩ quan. Có lẽ là người khách nước ngoài đã ra lệnh phải làm như vậy. Đây chính là sự trả thù. Mặc dù không được thương cảm đến cùng, nhưng ngược lại giờ đây anh ta đã được trả thù đến cùng. Trên nét mặt anh ta hiện lên một nụ cười câm lặng rộng ngoác đến tận mang tai và anh ta cứ cười mãi như thế.

Viên sĩ quan bước thẳng tới chỗ cỗ máy. Nếu như trước khi xảy ra việc này y tỏ ra khá rõ là y thông thạo cách điều khiển cỗ máy, thì bây giờ ta gần như sửng sốt trước cái cách y điều khiển máy và cái cách máy nghe lời y. Chỉ cần y đưa tay ra đến gần chiếc bừa là chiếc bừa tự nâng lên và hạ xuống nhiều lần cho đến khi đạt được một độ cao thích hợp để có chỗ cho y nằm phía dưới; y vừa chạm vào mép giường là lập tức chiếc giường rung lên; miếng giẻ bịt miệng kề sát cạnh mồm y; người ta thấy rõ là viên sĩ quan không muốn chấp nhận nó, nhưng y chỉ do dự một lát, sau đó y phục tùng ngay lập tức và ngoạm nó vào miệng. Mọi việc đã được chuẩn bị chu đáo, nhưng những sợi dây da vẫn buông thõng ở hai bên có vẻ như vô dụng; chẳng cần phải dùng chúng để trói viên sĩ quan. Bỗng nhiên anh chàng phạm nhân nhìn thấy các sợi dây da

bỏ không, và theo ý kiến anh ta thì cuộc hành hình sẽ không thể được thực hiện hoàn hảo nếu những sợi dây da kia không được trói chặt, thế là anh ta vội ra hiệu cho anh lính rồi cả hai cùng chạy đến để trói viên sĩ quan. Lúc ấy viên sĩ quan đang định duỗi chân ra để đạp tay quay khởi động cho thiết bị họa hình làm việc; khi nhìn thấy hai người kia chạy lại, y liền rụt chân về để cho họ trói. Tất nhiên bây giờ y không thể với tới được tay quay nữa; anh lính và anh chàng phạm nhân thì cả hai đều không biết đâu là tay quay, còn nhà thám hiểm thì quyết không rời chỗ. Nhưng cũng không cần thiết; khi dây da vừa được móc vào là cỗ máy bắt đầu hoạt động; chiếc giường rung lên từng nhịp, các mũi răng bừa nhảy múa trên da thịt của viên sĩ quan, chiếc bừa dao động lên xuống theo chiều thẳng đứng. Nhà thám hiểm ngắm nhìn một lát rồi ông chợt nhớ ra là có một bánh răng của thiết bị họa hình đáng ra phải kêu cót két; nhưng mọi việc diễn ra trong im lặng, thậm chí không nghe thấy cả một tiếng vo vo nào.

Vì làm việc êm tai như thế, nên cỗ máy đã không phải để ba người bận tâm. Nhà thám hiểm nhìn anh lính và anh chàng phạm nhân đang đứng ở phía bên kia của cỗ máy. Anh chàng phạm nhân tỏ ra hào hứng hơn cả, mọi thứ của cỗ máy đều làm anh ta quan tâm; lúc thì anh ta ngồi xổm, lúc thì anh ta đứng kiễng chân chỉ trỏ cái gì đó cho anh lính xem. Nhà thám hiểm cảm thấy khó chịu. Ông đã quyết định ở lại đây cho đến phút cuối cùng, nhưng ông không chịu được cái cảnh phải nhìn hai kẻ kia. “Các anh về nhà đi”, ông bảo họ. Có lẽ anh lính đang sẵn sàng nghe lệnh, nhưng anh chàng phạm nhân cảm thấy cái lệnh này như là một sự trừng phạt. Anh ta chắp tay xin nhà thám hiểm cho ở lại, và khi ông này lắc đầu không chịu thì anh ta liền quỳ xuống cầu xin. Nhà thám hiểm thấy lệnh của mình không có hiệu lực liền định bước tới dùng vũ lực để đuổi họ về. Đột nhiên ông nghe thấy một tiếng động ở trên cao trong thiết bị họa hình. Ông ngước nhìn lên. Vậy là vẫn có một bánh răng bị hỏng hóc ư? Nhưng không phải thế. Nắp của thiết bị họa

hình từ từ nâng lên rồi mở ra hoàn toàn. Hàng răng của một bánh xe hiện ra và nhô lên cao; chẳng bao lâu hiện ra cả chiếc bánh răng, như thể có một sức mạnh to lớn đang bóp nghẹt cả thiết bị họa hình làm cho chiếc bánh răng kia phải bật ra; chiếc bánh răng lăn đến mép thiết bị họa hình thì rơi xuống, chạy một đoạn trên cát rồi đổ xuống nằm bẹp gí. Trong lúc đó lại có một bánh răng nữa hiện ra, và tiếp theo là chiếc bánh răng khác, có cả cỡ lớn và nhỏ và chỉ hơi khác nhau một tí; cái nào cũng diễn lại cùng một động tác, và cứ mỗi lần như thế người ta lại tưởng là thiết bị họa hình đã bị khoét rỗng, nhưng bỗng nhiên lại xuất hiện một loạt bánh răng nữa, với số lượng rất lớn, chúng nhô lên, rơi xuống rồi lăn tròn trên cát để rồi nằm bẹp xuống. Nhìn cảnh tượng đang diễn ra, anh chàng phạm nhân quên hẳn cái lệnh của nhà thám hiểm; những chiếc bánh răng đã hoàn toàn mê hoặc anh ta và lần nào anh ta cũng muốn bắt một cái, thậm chí anh ta còn nhờ anh lính bắt giúp, nhưng anh ta lại hoảng hốt rụt tay về vì ngay lúc ấy lại xuất hiện một bánh răng khác lăn đến.

Trái lại nhà thám hiểm thì tỏ ra lo lắng; có vẻ như cỗ máy sẽ sụp đổ hoàn toàn; sự vận hành êm ả của nó chỉ là một ảo giác; ông có cảm tưởng là giờ đây ông phải quan tâm đến viên sĩ quan, bởi vì y đã không còn có thể tự lo cho mình được nữa. Nhưng, trong khi ông mải theo dõi những chiếc bánh răng thì ông đã quên mất những bộ phận khác; tuy nhiên, sau khi chiếc bánh răng cuối cùng rời khỏi thiết bị họa hình, ông cúi xuống xem chiếc bừa thì ông lại gặp phải một việc bất ngờ mới làm ông khó chịu. Chiếc bừa không viết chữ nữa mà chỉ đâm chọc, còn chiếc giường không lật thân thể viên sĩ quan mà chỉ vừa rung vừa đẩy thân thể y lên cao để cắm sâu nó vào răng bừa. Nhà thám hiểm muốn can thiệp; nếu như có thể thì ông đã dừng được cỗ máy rồi, bởi vì đây không còn là một sự tra tấn nữa mà là một cuộc giết người. Ông giơ hai tay ra. Đột nhiên chiếc bừa di chuyển sang bên, với thi thể viên sĩ quan cắm sâu vào hàng răng bừa, điều mà thông thường chỉ

xảy ra vào tiếng đồng hồ thứ 12. Máu của y chảy ròng ròng nhưng không bị hòa lẫn với nước, bởi vì lần này các ống dẫn nước đã không hoạt động. Sau đó cả động tác cuối cùng của nó cũng bị sai lệch; thi thể của viên sĩ quan không tách được ra khỏi những chiếc răng bừa mà nó cứ nằm treo trên miệng hố không rơi xuống, chỉ có máu là vẫn chảy ròng ròng. Chiếc bừa muốn trở về chỗ cũ, nhưng, như thể chính nó cảm nhận được rằng nó vẫn chưa được giải thoát khỏi gánh nặng, cho nên nó cứ đứng treo như vậy trên miệng hố. "Các anh xúm tay vào giúp anh ta đi!" - nhà thám hiểm quát lên với anh lính và anh chàng phạm nhân đang đứng bên kia hố, rồi chính ông cầm lấy chân viên sĩ quan. Ông muốn cầm chân để cho hai kẻ kia cầm đầu ở bên kia hố, và như thế sẽ từ từ kéo thi thể viên sĩ quan ra khỏi răng bừa. Nhưng hai anh chàng không dám quyết; thậm chí anh chàng phạm nhân còn quay lưng lại; nhà thám hiểm phải đến tận nơi để đẩy họ bước tới chỗ đầu viên sĩ quan. Nhân dịp này ông được nhìn thấy, gần như ngoài ý muốn, vẻ mặt của người chết. Y vẫn mang vẻ mặt như khi còn sống; không hề thấy trên nét mặt y một dấu hiệu nào về sự giải thoát được hứa hẹn; viên sĩ quan đã không tìm thấy trong cỗ máy cái mà tất cả những người khác đều thấy; môi y méo xệch, hai mắt mở to như thể vẫn còn sống; ánh mắt y tỏ ra yên bình và đầy tự tin, từ trán y nhô ra mũi của chiếc răng bừa lớn.

Khi vị du khách, theo sau là anh lính và anh chàng phạm nhân, về tới chỗ mấy ngôi nhà đầu tiên của hòn đảo, thì anh lính chỉ tay về phía một ngôi nhà và bảo: - Đây là quán trà.

Ở tầng trệt của ngôi nhà có một căn phòng được khoét sâu trong đất, trần thấp, trông như một chiếc hang, trần và tường ám khói. Phía trông ra đường được mở rộng hết cỡ. Mặc dù quán trà khác rất ít so với những ngôi nhà khác trên đảo, nghĩa là tất cả đều là những ngôi nhà rách nát ngoại trừ tòa lâu đài của viên chỉ huy đảo, nhưng nó vẫn gây cho nhà thám hiểm có một ấn tượng về một kỉ niệm lịch sử, gợi cho ông nhớ lại sức mạnh của thời quá khứ. Ông bước tới quán trà, cùng

với hai kẻ tùy tùng của mình ông đi qua dãy bàn bỏ trống kê ở ngoài đường trước cửa quán, và hít thở cái không khí lạnh lẽo ngột ngạt tỏa ra từ bên trong.

- Ngài chỉ huy già được chôn ở đây, - anh lính nói,- ông linh mục khước từ không cho chôn ở trong nghĩa địa. Có một thời gian người ta không biết chôn ông ở đâu; cuối cùng người ta đã quẳng ông ở đây. Chắc chắn là viên sĩ quan đã không kể gì cho ngài nghe về chuyện này, bởi vì anh ta vô cùng xấu hổ. Thậm chí có mấy lần, vào ban đêm, anh ta định đào xác ông già lên nhưng lần nào anh ta cũng phải bỏ chạy.

- Mộ ông ấy đâu? - nhà thám hiểm hỏi, vì ông không tin lời anh lính. Lập tức cả hai - anh lính và anh chàng phạm nhân - chạy vượt lên trước ông và chỉ cho ông cái chỗ có thể là ngôi mộ. Hai người dẫn nhà thám hiểm tới gần bức tường cuối phòng, nơi có khách hàng đang ngồi ở mấy bàn quanh đó. Hình như họ là công nhân bến cảng, họ là những người đàn ông vạm vỡ, râu cắt ngắn, nước da đen bóng. Tất cả đều không mặc vét-tông mà chỉ mặc áo sơ-mi rách rưới, họ là những người nghèo hèn. Khi nhà thám hiểm bước tới nơi, có mấy người liền đứng lên nép vào tường nhìn ông. "Một người ngoại quốc, - có tiếng thì thầm xung quanh, - ông ấy muốn xem mộ". Mọi người đẩy bàn ghế sang một bên, dưới đó quả thực có một phiến đá làm nắp mộ. Đó là một tảng đá đơn sơ, khá nhỏ nên có thể được che lấp dưới một cái bàn. Trên tảng đá có một dòng chữ rất nhỏ, đến nỗi nhà thám hiểm phải quỳ xuống mới đọc nổi. Trên tảng đá có ghi dòng chữ: "Ở đây yên nghỉ ngài cựu chỉ huy. Những người ủng hộ ông, mà ngày nay không thể có được một nhân vật có tên tuổi, đã chôn cất ông và đậy cho ông một phiến đá. Có một lời tiên tri truyền rằng, sau một vài năm, ngài chỉ huy sẽ sống lại và sẽ ra khỏi căn nhà này, dẫn đầu đoàn quân của ngài đi giành lại hòn đảo. Các vị hãy tin và đợi đấy!" Sau khi đọc xong và đứng lên, nhà thám hiểm nhìn thấy mọi người đứng xung quanh mình cười cợt như thể cả họ cũng đã đọc dòng chữ kia, thấy nó thật khôi hài và muốn nhà thám hiểm đồng

tình với ý kiến của họ. Nhà thám hiểm làm như không nhận thấy điều đó, ông cho họ mấy đồng hào lẻ, sau đó ông đợi cho đến khi người ta đẩy chiếc bàn trả lại chỗ cũ che kín viên đá mới bước ra khỏi quán trà để đi thẳng ra bến cảng.

Anh lính và anh chàng phạm nhân gặp mấy người quen trong quán trà nên đã bị họ giữ lại ở đó. Nhưng có lẽ là hai người đã nhanh chóng thoát khỏi họ, bởi vì khi vị du khách nước ngoài vừa mới bước xuống đến giữa cầu thang dẫn xuống thuyền thì hai người đã chạy theo ra tới nơi. Có thể thấy rõ là họ muốn buộc nhà thám hiểm cuối cùng phải cho họ đi theo. Trong khi nhà thám hiểm đang mặc cả dưới bến với một chủ thuyền để nhờ ông ta chở ra tàu thì hai người lặng lẽ chạy xuống bậc thang, vì họ không dám gọi to. Khi họ xuống tới nơi thì nhà thám hiểm đã bước lên thuyền rồi, còn người chở đò thì vừa đẩy thuyền rời bờ. Họ vẫn còn có thể kịp nhảy xuống thuyền, nhưng nhà thám hiểm đã nhặt dưới đáy thuyền lên một sợi dây cáp to với những nốt buộc sần sùi để đe dọa hai anh chàng kia, ngăn không cho họ nhảy xuống.

NGUYỄN VĂN DÂN
(dịch qua bản tiếng Rumani)

NỮ CA SĨ GIÔĐÊPHIN HAY LÀ TRUYỆN KỂ VỀ DÂN CHUỘT

Nữ ca sĩ của dân tộc chúng tôi tên là Giôđêphin. Ai mà chưa nghe nàng hát thì chưa thể nói là đã thấy hết được sức mạnh

của tiếng hát. Bất kì ai, kể cả những người chẳng có năng khiếu gì về âm nhạc, hễ đã nghe tiếng hát của nàng đều bị cuốn hút. Ngoài tiếng hát ra, sự yên lặng, sự thanh thản trong tâm hồn cũng là một thứ âm nhạc quý. Cuộc sống của chúng tôi đầy những lo âu vất vả. Chúng tôi đã cố gắng xua đuổi một cách vô ích những ưu tư trong đời thường để vượt ra khỏi những điều làm chúng tôi bận lòng. Chúng tôi không chỉ phàn nàn mà cũng đã tìm nhiều phương kế, nghĩ ra nhiều cách rất thực tế để xua đuổi ưu tư phiền muộn. Cuối cùng chúng tôi nhận ra rằng để thư giãn tâm hồn cần tới những nụ cười hóm hỉnh và để bù đắp cho sự vắng thiếu hạnh phúc phải cần có âm nhạc.

Chúng tôi coi Giôđêphin là một trường hợp ngoại lệ: Nàng yêu âm nhạc, biết cách dùng âm nhạc để diễn tả tâm hồn mình. Nàng cho rằng không dùng âm nhạc vào mục đích làm đẹp cho đời thì âm nhạc chẳng có ích gì cho cuộc sống nữa, thà rằng loại hẳn nó ra khỏi cuộc sống còn hơn.

Đôi khi tôi tự hỏi mình: Thực ra âm nhạc có ích cho đời đến một chừng mực nào? Vì bản thân tôi chẳng hiểu biết gì về âm nhạc thì làm sao mà hiểu nổi điều này.

Thú thực là tôi chẳng cảm thông nổi tiếng hát của Giôđêphin nhưng giá có ai hỏi thì tôi vẫn nói là tôi rất hiểu, rất cảm thông. Nếu ai đó lại yêu cầu nói cụ thể hơn thì tôi sẽ nói tránh đi rằng tiếng hát của nàng nghe rất tuyệt nhưng về ý nghĩa bài hát thì người nghe cần được giải thích thêm mới mãn nguyện.

Nghe nàng hát chúng tôi luôn có những cảm giác lạ lùng, dường như đón nhận được tình cảm nàng từ đáy lòng đi qua đường cổ họng để đến với chúng tôi. Một sắc thái rất riêng biệt chưa bao giờ cảm nhận được từ một ca sĩ nào khác.

Một số bạn bè thân thiết của tôi thường nói nhỏ riêng với nhau rằng: những bài Giôđêphin hát chẳng có gì là mới lạ. Nó chỉ là những bài hát bình thường.

Chúng tôi đã có cả một truyền thống về âm nhạc. Âm nhạc

phát sinh từ cổ xưa, từ những tập kể chuyện truyền thuyết của dân tộc chúng tôi. Chúng tôi có khá nhiều những bài hát lưu truyền lại mặc dù đến nay chẳng còn ai biết hát nó nữa. Chúng tôi trân trọng bảo tồn những bài hát đó.

Nàng chuột Giôđêphin đã hát ca ư? Có lẽ tai nhạc kém chăng nên nghe đi nghe lại chúng tôi chỉ thấy đó là những tiếng rúc rích thông thường.

Tất cả dân chuột chúng tôi biết rúc rích. Ý tôi muốn nói tiếng rúc rích đó là bản năng chứ không phải là tài năng.

Cũng có thể Giôđêphin không hát mà chỉ rúc rích - như chúng tôi rúc rích - và nếu quả thật là như vậy, thì tôi hoài nghi năng lực của nàng vì với cái dáng vóc ẻo lả yếu ớt của nàng, nàng sẽ không thể bền bỉ bằng những nàng chuột quê mùa vừa phải làm ăn vất vả, vừa nhằn hạt, vừa rúc rích.

Nhưng nếu đích thực là Giôđêphin cất lên tiếng hát mà tiếng hát đó lại có sức cuốn hút kì lạ thì ai dám nói đó chỉ là những tiếng rúc rích thông thường.

Nếu nghe nàng hát từ rất xa hoặc nghe một cách hời hợt không tập trung thính giác, hoặc để nàng đồng ca với nhiều ca sĩ chuột khác thì đúng là người ta chẳng nhận thấy có gì khác lạ, thậm chí nếu lắng nghe còn phát hiện ra là tiếng rúc rích của nàng ẻo lả yếu ớt nữa là khác.

Nhưng nếu người ta đến gần nàng, đứng sát ngay trước mặt nàng thì rõ ràng không phải chỉ là những tiếng rúc rích thông thường nữa. Và tôi nhận ra rằng muốn hiểu tiếng hát của Giôđêphin thì không chỉ nghe nàng hát mà còn phải ngắm nhìn nàng nữa.

Gặm nhấm một trái hồ đào đối với loài chuột chúng tôi đâu có phải là một việc làm có tính nghệ sĩ. Thật vậy, chưa từng có ai mời người khác đến xem biểu diễn gặm nhấm hồ đào cả. Nhưng nếu có ai đó muốn khẳng định mình, muốn làm nổi mình lên qua việc gặm nhấm hồ đào mà họ lại thành công thì chính là vì họ đã chịu rèn luyện để làm công việc này một

cách thấu đáo. Chỉ là một công việc bình thường ai cũng đã từng làm nhưng nếu thấy được sự cần thiết của nó đối với cuộc sống, trân trọng nó, làm đến nơi đến chốn thì vẫn đáng được mọi người chiêm ngưỡng.

Với tiếng hát của Giôdêphin thì sao? Chúng ta trầm trồ khen ngợi nàng về những gì mà chính chúng ta cũng làm được. Có điều là đối với những việc mà chúng ta làm được đó, kể cả làm có khéo léo hơn nàng đi chăng nữa, chúng ta cũng chẳng bao giờ tự khen mình cả.

Một hôm, tôi chứng kiến có ai đó huýt sáo chê bai nàng. Khen chê là chuyện thường khi thưởng thức nghệ thuật, nhưng trong trường hợp vừa xảy ra, tôi cho rằng đã xúc phạm quá đáng đối với nàng. Nhưng lạ thay thái độ nàng vẫn thản nhiên như không có chuyện gì xảy ra. Tôi không hề thấy nàng tỏ ra cao ngạo hay xấc xược. Xưa nay chúng tôi thường thấy nàng biểu lộ ra bên ngoài vẻ tế nhị lịch sự, điều thường thấy ở những phụ nữ tôn quý ở dân tôi. Giữ được một thái độ thản nhiên như vậy phải là một con người vững vàng, biết tự kiềm chế. Dù thế nào đi nữa nàng phủ định mọi kiểu chê bai gièm pha đối với nghệ thuật chân chính. Thái độ đó chẳng phải là kiêu kì mà là sự cần thiết. Trước mọi sự đối lập với quan điểm nghệ thuật của nàng - mà ngay chính tôi cũng có ít nhiều quan điểm đối lập đó - nàng tỏ ra vững vàng, lập trường không nghiêng ngả.

Thói đời thường hay chê bai mỗi khi thưởng thức nghệ thuật, nhưng người ta nhận ra khán giả của Giôdêphin không làm như vậy. Họ đã ngây người ra như chết lặng đi để theo dõi tiếng hát của nàng làm cho chính chúng tôi, những kẻ hay chê bai nhất cũng im bặt theo. Nhìn chúng tôi ngồi im lặng mấy ai đã hiểu nổi đó là do ảnh hưởng của đám khán giả đông đảo đang yên lặng.

Một hôm có một tay ngỗ ngược đã huýt sáo khi nàng đang hát. Đâu đó vẳng lên một vài tiếng huýt rụt rè hưởng ứng. Chỉ là những tiếng huýt rụt rè của trẻ con thôi nhưng làm sao

mà phân biệt nổi tiếng huýt của trẻ con với tiếng huýt của thực giả. Rõ ràng tiếng huýt vào lúc này là tiếng huýt phá đám, tiếng huýt mang tính chất phê chuẩn có thể làm cho ca sĩ muốn trốn đi vì xấu hổ và sợ hãi. Nhưng Giôđêphin vẫn thản nhiên cất cao tiếng hát, tin một cách mạnh mẽ vào sự thành công của mình, dâng hiến hết mình vào sự rung cảm, tay giơ lên trời, đầu lật ngược. Bao giờ nàng cũng tự xác định: mình chẳng là cái gì hết, mình chỉ là cái phụ thêm cho cuộc sống. Mỗi khi gặp phải những kẻ khùng lên với ta hoặc ai đó gây rối loạn trong công việc của ta, làm rạn nứt thành quả của ta, gây nhiễu loạn cho cách nhìn của ta, ta phải biết chịu đựng, cắn chặt răng lại mà chịu đựng... vì rằng tất cả những cái đó đều đã có tác dụng nâng cao tiếng hát của ta.

Tất nhiên nàng sẽ chẳng phí công hát trước người điếc vì những người này chỉ thờ ơ với tiếng hát của nàng, chẳng nhiệt tình cũng không cổ vũ hoặc chê bai.

*

Từ rất lâu nàng không có sự mong chờ nào khác ngoài sự mong chờ được người nghe cảm thông tiếng hát của mình. Nàng trân trọng đón nhận những cái gọi là phụ vặt của cuộc sống ấy và cũng từ những cái phụ vặt ấy, nàng đã thành công, giành được chiến thắng dễ dàng.

Có điều sự thành công của nàng mới chỉ đem lại cho người nghe chút ít lòng mến mộ đối với âm nhạc, chưa phải đã đem được cho họ sự cảm thông nghệ thuật dù cho họ đã chăm chú lắng nghe một cách kính trọng.

Trên những chặng đường nghệ thuật, có nhiều điều chỉ nhỏ bé thôi nhưng đã giúp cho nàng nhiều;nhưng lại có những nỗ lực lớn lao,nàng chuẩn bị khá công phu mà lại chẳng mang lại những hiệu quả đáng kể.

Cuộc sống của chúng ta luôn biến động không ngừng, hàng ngày đem lại cho chúng ta biết bao điều ngạc nhiên, lo lắng và hi vọng. Chúng ta cũng vấp phải không ít những điều hãi hùng kinh sợ, những khó khăn trở ngại mà chỉ một con người đơn độc thôi không sao vượt qua được, chỉ một con người lẻ loi thôi không sao chịu đựng nổi. Nhiều khi vai của hàng ngàn người đưa ra gánh vác lo lắng cho một con người.

*

Khi cần thiết, Giôđêphin không ngần ngại cống hiến tài năng, sức lực của mình cho dân tộc. Nàng luôn sẵn sàng, người con gái yếu ớt, đa cảm đó ngực phập phồng xúc động khiến cho chúng ta cảm phục.

Nàng dành mọi sức lực cho tiếng hát, không quan tâm đến những gì không phụng sự cho tiếng hát. Người ta nói nàng đã thoát xác dâng hiến, phó mặc thân mình cho tiếng hát mà nàng coi như thiên thần. Nàng mòn mỏi héo hon vì tiếng hát, người mảnh mai đến nỗi người ta cho rằng chỉ một cơn gió mạnh tạt qua cũng có thể xâm hại tới nàng. Nhìn thấy hình hài nàng thiểu não như vậy những người không ưa nàng nói: "Cái cô ả ca sĩ này chẳng được tích sự gì. Cô ả này đâu có biết hát, uốn a uốn éo để rồi phát ra những âm thanh như chọc vào tai người khác".

Ngoài một số ít trong đám đông chê bai nàng, số khác dỏng tai nín thở để nghe nàng hát. Để tập hợp số khán giả đông đảo này, trong đó không ít những kẻ từ những nơi xa đến, Giôđêphin thường có những điệu bộ quyến rũ như nghiêng đầu duyên dáng, miệng hé mở, mắt ngước nhìn trời cao, dáng điệu thật nghệ sĩ, với cái dáng vẻ đó nàng không đếm xỉa đến các góc độ chiêm ngưỡng của khán giả gần hay xa.

Tất nhiên trong hoạt động nghệ thuật của mình, nàng có

những trở ngại cần vượt qua. Giôđêphin say mê nghệ thuật ngay cả trong những thời kì mà dân tôi gặp phải những rối ren phức tạp nhất, thời kì mà những khổ đau, những nỗi lo lắng phiền muộn làm cho con người ta tìm đến với tiếng hát. Họ tìm đến nàng nhanh hơn cả điều nàng thường mong đợi đến nỗi nàng sững sờ bất động như đã bị kết đông lại trước đông đảo khán giả hâm mộ. Điều đó làm nàng hăng hái lên thái quá khiến cho dáng vẻ lời lẽ mất cả nữ tính. Những cử chỉ bốc đồng đó cũng không gây ảnh hưởng xấu cho thanh danh nàng, tuy nhiên giá nàng có thể tự kiềm chế được cả trong những giây phút đó thì thật là trọn vẹn.

Sau này khi Giôđêphin thành nổi tiếng rồi, không rõ vì lí do gì mà có một số người lại đem lại cho nàng nhiều phiền toái. Đó là câu hỏi không dễ gì trả lời: người ta hạch nàng vì tiếng hát của nàng hay là vì sự nổi tiếng đó?

Dù sao việc hiển nhiên là dân chuột chúng tôi đã trở thành nô lệ của tiếng hát nàng từ lúc nào không rõ. Dân chúng tôi hành hạ, gây khó dễ cho nàng mặc dù nàng thật vô tội, tâm hồn nàng trong trắng như tâm hồn trẻ thơ, ấy vậy mà người ta tìm mọi cách nói xấu, bôi nhọ nàng. Nàng hiểu điều đó nhưng nàng vẫn chiến đấu bằng tiếng hát của mình.

Thế rồi, sau này nhờ ở sự kiên trì chịu đựng của nàng, người ta đã giảm bớt lòng ghen ghét và dường như người ta lại hâm mộ và quan tâm đến nàng. Thay vì những lời lẽ dằn vặt hạch sách mới xảy ra hôm nào trong việc đối xử với nàng họ lại thay đổi giọng lưỡi:

"Ngắm nàng hát chẳng ai nỡ cười giễu nàng".

Thế rồi, khi cần sự giúp đỡ, chăm sóc của dân tộc để vượt qua khó khăn thì nàng bị ghét bỏ, khi đã tự mình vượt qua được rồi, không cần thiết lắm về mọi sự giúp đỡ nữa, thì người ta lại chăm sóc nàng như một người cha chăm sóc đến trẻ thơ.

Giôđêphin thì lại nói: "Tôi chỉ cần các người hát lên. Các người hát lên tức là các người đã che chở cho tôi". Lời nói thẳng, thật thà như lời lẽ trẻ thơ của nàng không làm cho ai

giận. Cũng chẳng ai cho là nàng vô ơn, nhưng có một điều khó hiểu, giải thích được điều này không phải là dễ dàng: Giôdêphin cho rằng chính nàng mới là người bảo vệ và che chở cho dân tộc mình. Trong những giai đoạn đất nước có những khủng hoảng về chính trị và kinh tế, nàng đã dùng tiếng hát của mình để động viên tinh thần dân tộc, dũng cảm vượt qua những thử thách đó. Đối với những tai họa quá lớn không thể vượt qua nổi thì nàng hát lên để động viên mọi người chịu đựng chúng. Vốn ít nói,nàng không nhiều lời. Nàng lặng thinh trước những phụ nữ lắm điều. Ánh sáng tỏa ra từ cặp mắt nàng đã nói thay những ý nghĩ của nàng. Người ta cũng đọc được những ý nghĩ đó trên cặp môi nàng mím chặt. Rất hiếm những con người trong chúng ta có thể kiềm chế nổi lời lẽ của mình khi trong lòng có những điều tức giận, vậy mà nàng với thái độ bình tĩnh,lặng thinh của mình đã tỏ ra làm nổi việc đó.

Trước những hành động ngang ngược và lời lẽ trái tai của một số những người quá khích - mà hàng ngày nàng luôn theo dõi để phân tích đúng sai - nàng không hề buông lời than thở mà cứng cáp ngẩng cao đầu. Nàng dùng cặp mắt tràn đầy nghị lực của mình chế ngự đám đông, giống như những người chăn cừu, lấy sự bình tĩnh của mình giữ cho bầy cừu ngoan ngoãn trước giông tố.

Thông thường thì tuổi trẻ có những tính cách riêng như không thuần phục, liều lĩnh, buông thả, nhưng Giôdêphin thì khác hẳn, tính cách thật vững vàng. Không nghi ngờ gì cả, nàng đã không xa rời dân tộc, không chạy trốn khi dân tộc lâm nguy, tự nguyện cống hiến, tự nguyện nhận về mình cái trách nhiệm cứu nguy cho dân tộc. Nàng ráng chịu mọi khổ đau, xả thân cống hiến, quyết định nhanh, hiểu rõ cái chết như thế nào. Trong những giây phút quyết liệt nhất, nàng tỏ ra táo bạo, liều lĩnh nhưng thành công. Sự coi thường cái chết làm cho các sử gia phải bàng hoàng kính trọng.

Có một sự thật rõ ràng là trong những giờ phút nguy nan

nhất, dân tộc chúng tôi lại thường tới lắng nghe tiếng hát của nàng nhiều hơn lúc bình thường. Khi phải chịu đựng những uy hiếp, những đe dọa đè nặng lên đầu lên cổ, thì dân tộc chúng tôi lại bình tĩnh hơn, giản đơn hơn, bề ngoài tỏ ra dễ bảo hơn trước sự chuyên chính; nhưng lại biết tập hợp lại, sát vai nhau chống lại mọi sự áp bức. Dường như trong những giây phút hiểm nghèo đó, tiếng hát của nàng có sức cuốn hút mọi người nhanh nhậy nhất. Có thể người ta cho rằng trong những tình huống cấp bách người ta không ưa những cuộc chuyện trò không cần thiết. Và trên thực tế, tiếng hát đã đi thẳng được vào tâm hồn người ta.

Trong sự xả thân đóng góp của mình, đôi khi nàng mù quáng không nhận ra rằng trong số những khán giả hâm mộ nàng đã có những kẻ nịnh hót, lợi dụng danh tiếng của nàng với mục đích vụ lợi. Họ mời nàng tham gia vào những dàn hợp xướng ở vai trò làm vì - cho dù vai trò của nàng được người ta trọng vọng - như vậy nàng đã để phí phạm tài năng của mình vào những buổi biểu diễn không đáng tham gia.

Thế rồi, cũng chính cái không khí lo âu nặng nề do cái thế giới thù địch mà dân tộc chúng tôi gây nên, đã làm cho một số đông đảo khán giả từ chỗ vốn say mê tiếng hát mà lại trở thành thờ ơ với nó. Đầu óc họ buộc phải đối phó, giải quyết những nhu cầu bức thiết hơn. Bằng trực cảm Giôđêphin cũng đã nhận ra điều này. Nàng đã kiên trì dùng sức mạnh của tiếng hát đè bẹp các trực cảm đó. Và nàng đã có những niềm an ủi lớn, vì đám khán giả hâm mộ nàng đã tôn nàng như một danh ca. Họ và nàng đều thấm thía rằng để trở thành một danh ca phải có một quá trình phấn đấu không ngừng và không phải ai cũng thành đạt được.

*

Dân tộc chúng tôi không hiểu gì về đám trẻ, không quan tâm đến chúng, cho nên lớn lên chúng chỉ được hưởng một tuổi trẻ ngắn ngủi. Những yêu sách cho lớp trẻ thường vẫn luôn lặp đi lặp lại: phải dành cho chúng tự do nhất định, phải bảo vệ chúng, phải cho phép chúng nô đùa vô tư. Những yêu sách này dường như đã trở thành những công thức và được mọi người tán thành. Họ thừa nhận sự cần thiết phải thực hiện những yêu sách đó, rồi họ cũng đã tiến hành các cuộc thử nghiệm nhưng cuối cùng đâu lại hoàn đấy. Cuộc đời con người ta, kể từ khi còn ở lứa tuổi ấu thơ biết chạy nhẩy, biết phân biệt các đồ vật ở quanh mình, phải được cung cấp đầy đủ các nhu cầu như đối với người lớn tuổi. Trong nhiều lĩnh vực của cuộc sống,những yêu cầu cần thiết về kinh tế buộc chúng ta phải sống lẻ loi phân tán, người đua tranh và thù địch quá nhiều, những điều gian nan nguy hiểm rình rập ở mọi nơi. Chúng ta không tách nổi con cái chúng ta thoát ra khỏi cuộc vật lộn gay go về đời sống của chúng ta, bởi vậy tuổi thanh xuân của chúng kết thúc mau chóng. Ngoài cái nguyên nhân đáng buồn trên còn thêm một nguyên nhân còn đáng buồn hơn nữa, nhưng lại được khuyến khích: đó là đẻ nhiều. Thế hệ sau nối tiếp thế hệ trước ngày một đông hơn - càng nối sau càng đông thêm nữa - trẻ con chẳng có đủ thời gian để sống tuổi trẻ con. Các dân tộc khác nuôi dạy con cái họ trong sự ấm no, xây dựng cho chúng nhiều trường học. Trẻ con là tương lai của dân tộc, các thế hệ nối tiếp phải tiến hóa khác đi chứ không thể cứ y nguyên như các thế hệ trước. Chúng tôi không có trường học, nhưng dân chuột chúng tôi thì lại sinh sản đông đúc dồn dập và liên tục như các đợt sóng không sao đếm cho xuể được: chuột sơ sinh kêu rít lên chí chóe khi chúng còn chưa biết rúc rích; chúng lúc nhúc xô lấn, lăn lóc, khi chúng còn chưa biết bò; chúng chuyển dịch nặng nề vì chưa mở mắt, tuổi trẻ của dân chuột chúng tôi là như vậy đó! Và khác với các trường học của dân tộc các bạn luôn luôn có những trẻ thơ mới nối tiếp các đàn anh của chúng, không phải chỉ là những

đứa trẻ đã thấy, mà là những đứa trẻ mới, luôn luôn là những gương mặt mới không dừng lại, không lúc nào ngừng cắp sách tới trường, đứa trẻ này vừa rời khỏi đã có một đứa khác kế tiếp khẩn trương hòa đồng với nhau như những đóa hoa hồng của hạnh phúc. Tất nhiên cái cảnh tượng nối tiếp đó thật đẹp biết bao, làm cho chúng tôi phải thèm muốn. Nhưng với chúng tôi thì con cái chúng tôi đâu có những năm tháng thoả đáng để sống hết tuổi ấu thơ. Điều ấy chẳng đã là điều đáng bận tâm đó sao! Dân chuột chúng tôi thật là ấu trĩ, điều ngờ nghệch này đã kéo dài không sao chấm dứt nổi mâu thuẫn với nền đạo đức cần có làm cho chúng tôi hành động mù quáng, làm ảnh hưởng nặng nề đến các lớp trẻ khiến chúng trở thành ngu dốt, hư hỏng, tự cao tự đại, biến chúng thành loại vô tích sự. Nếu chúng tôi chẳng có được niềm vui về sự tiến bộ của con cái, thì chúng tôi vẫn còn được thấy cái trong sạch hồn nhiên của tâm hồn chúng. Đó chính là cái mà Giôđêphin đã để tâm chăm chút và phát huy bằng tiếng hát của mình.

Lớp trẻ của dân tộc chúng tôi lớn lên rồi già đi trước tuổi. Sự chuyển đổi từ trẻ sang già ở nơi chúng tôi khác với những nơi khác. Chúng tôi không có tuổi thiếu niên. Từ trẻ thơ chúng tôi chuyển thẳng thành người lớn, tâm hồn và thân thể bị tàn héo vì những nỗi chán chường và tuyệt vọng. Chính vì thế chúng tôi không biết thưởng thức âm nhạc. Chúng tôi đã quá già nua để thưởng thức âm nhạc. Lòng nhiệt tình, sự hưng phấn không thể có trong chúng tôi khi nỗi buồn nản và sự chán chường đang đè nặng trong tâm hồn. Ai mà biết được trong dân tộc chúng tôi lại có những tài năng âm nhạc. Nếu có thì những tính cách vừa nói trên cũng sẽ bóp chết những tài năng đó từ trứng nước. Giôđêphin thì ngược lại, say sưa với tiếng rúc rích - nghĩa là say sưa với tiếng hát như nàng thường nói - điều đó không hề làm chúng tôi khó chịu mà còn hợp với ý nhiều người. Tiếng hát của nàng đã khiến cho chúng tôi nghĩ tới việc khôi phục lại nền âm nhạc cổ truyền, việc làm chẳng gây khó chịu cho ai cả.

Giôđêphin đã đem lại một khí thế mới cho lớp trẻ. Trong các buổi hòa nhạc, ngay cả trong những lúc có nhiều lời bình phẩm nhất thường chỉ thấy lớp trẻ quan tâm đến tiếng hát của nàng. Điều thích thú nhất đối với họ là ngắm nàng hát, ngắm đôi môi nàng hé ra để lộ những chiếc răng nanh duyên dáng. Họ ngắm nhìn vẻ mặt nàng rồi ngây ngất lặng đi nghe tiếng hát phát ra từ cổ họng của nàng. Đám khán giả hâm mộ cũng nhận ra ngay trên nét mặt nàng cái vẻ ngây ngất say sưa của chính nàng, biểu lộ ra khi những âm thanh du dương của bài hát phát ra từ cổ họng nàng. Trong những phút tạm nghỉ ngắn ngủi xen giữa buổi biểu diễn, ai ai cũng cảm thấy cơ bắp mình được thư giãn, lòng mình được nồng ấm giữa đám khán giả đông đảo. Chính trong những suy nghĩ của họ, dư âm tiếng hát của Giôđêphin làm họ liên tưởng đến cội nguồn tiếng hát dân tộc, mà nàng cho là trác luyện, chúng tôi thì chỉ cho là nổi lên nhất thời, nhưng dầu sao không ai phủ nhận nổi tác dụng của âm nhạc. Người ta cảm nhận được một cái gì đó giống như một niềm hạnh phúc đã bị mất đi trong quãng đời thơ ấu chẳng bao giờ thấy lại để mà luyến tiếc; một cái gì đó vui vẻ, phấn chấn, rất khó tả trong hiện tại có tác dụng chống lại những cái xấu xa đồi bại. Cái điều mà người ta cảm nhận được này không phải là được diễn đạt bằng những lời lẽ hùng hồn mà nhẹ nhàng như một tiếng thì thầm, như một lời tâm sự, đôi khi còn bằng một giọng nói khàn khàn. Đó là tiếng rúc rích của dân chuột chúng tôi. Chắc chắn là như vậy. Làm sao không phải là tiếng rúc rích cơ chứ. Rúc rích là tiếng nói của dân chuột chính trị. Có nhiều người cả đời rúc rích mà không hề để ý đến điều này, còn ở đây tiếng rúc rích của Giôđêphin đã trở thành tiếng hát đưa người ta ra khỏi những ưu tư phiền muộn hàng ngày và dù chỉ là chốc lát nhưng ai cũng trân trọng nó.

Có thể khẳng định rằng trong những tình thế căng thẳng do sự áp đặt của các thế lực mới gây nên trong đời sống chính trị của dân tộc; chúng tôi, đám thính giả nịnh hót cơ hội, vẫn

tập hợp đông đảo để nghe tiếng hát phê phán chống bạo lực của nàng. Sự tập hợp đó thường bất ngờ bị kẻ thù đàn áp, nhiều người đã bỏ mạng và Giôđêphin, đối tượng đàn áp của bạo lực, vì nàng đã có tiếng hát chống lại chúng, thường phải lặng lẽ chạy trốn dưới sự bảo hộ của thính giả. Nàng buộc phải rút khỏi nơi này nhưng mọi người đều hiểu rằng nàng sẵn sàng khẩn trương cất lên tiếng hát trở lại ở bất kì nơi nào khác. Người ta kết luận rằng nàng đã trỗi lên trên mọi thế lực đàn áp ngay cả trong những lúc cộng đồng dân tộc chúng tôi vì quá khốn quẫn đã bỏ mặc nàng.

Ý nguyện của Giôđêphin lúc đầu người ta không hiểu, nhưng sau đó người ta đã hiểu nàng. Dân tộc đã dành cho nàng sự tự do sáng tác và thấy được sáng tác của nàng đã chống lại những sai trái bất công của chính cái luật pháp lúc đó. Người ta thấy được sự đối xử không đúng đắn đối với nàng, và tìm cách bù lại cho nàng những thiệt thòi nàng đã phải chịu đựng về sự đối xử tàn tệ trước kia. Khi đó, khi nghệ thuật của nàng không được dân chuột chúng tôi ghi nhận thì con người nàng cũng đã xa lánh dân tộc. Thật ra cũng không hoàn toàn là như thế. Có thể ngay từ trước kia dân tộc đã có sự nhượng bộ đối với nàng, nhưng vì vốn khảng khái chẳng chịu đầu hàng đối với bất kì ai nên nàng vẫn mặc cảm và xa lánh.

Giôđêphin đã từ lâu cống hiến hết mình cho nghệ thuật, nàng sẵn sàng làm tất cả mọi công việc phục vụ cho nghệ thuật; đáng lẽ phải để cho nàng khỏi phải lo lắng đến chuyện kiếm sống hàng ngày hoặc khỏi phải lo lắng đến chuyện đối phó với những phức tạp khác trong đời sống, đáng lẽ dân tộc phải lo đến những điều này cho nàng, nhưng chính dân chuột chúng tôi đã bỏ mặc nàng phải tự lo liệu, khiến một con người nghệ sĩ có tinh thần, có tâm huyết như nàng - như chúng ta đã biết - gặp quá nhiều khó khăn.

Giôđêphin thường phàn nàn là nàng vẫn yếu ớt mà công việc kiếm sống thì khó khăn vất vả nên đã vắt kiệt sức lực của nàng, làm hại giọng hát của nàng. Nàng chẳng được nghỉ

ngơi đầy đủ sau khi ca hát để lấy lại sức cho những buổi diễn sau. Dân chuột chúng tôi có nghe lời nàng kêu ca, nhưng đã bỏ qua. Dân tộc chúng tôi như vậy đó, rất dễ xúc động nhưng đôi khi lại vô tình như gỗ đá. Sự từ chối quả đã thật phũ phàng đối với Giôđêphin. Tuy vậy nàng vẫn tỏ ra vâng lời, làm mọi việc và vẫn ca hát với tất cả khả năng của mình. Chỉ sau một thời gian, nàng lại bước vào cuộc chiến đấu với một sức mạnh mới,dường như nàng vốn có một tiềm lực dự trữ không thể khô cạn dành cho cuộc chiến này.

Chắc chắn là trong thâm tâm Giôđêphin không cầu xin, đòi hỏi điều gì. Nàng nói không hề sợ hãi công việc lao động kiếm sống - chúng tôi không hề biết tới sự sợ hãi này, nếu người ta chấp nhận những yêu sách của nàng có lẽ nàng cũng chẳng đổi thay nếp sống. Công việc không gây trở ngại cho tiếng hát của nàng, có điều là người nghệ sĩ phải làm lụng vất vả thì tiếng hát không được hay. Điều mà nàng mong đợi là phải có sự phê chuẩn các chính sách cụ thể đối với các ca sĩ, dân tộc phải khen thưởng họ, đánh giá họ. Sự đánh giá đó có giá trị lâu dài khác hẳn với cách làm từ trước đến nay.

Liệu có khi nào nàng có ý định từ bỏ con đường nghệ thuật của mình? Khi nhận ra sự lựa chọn sai lầm của mình, liệu nàng có lùi lại, giảm bớt ý chí của mình? Nhưng không. Nàng không thể nào lùi lại nữa. Lùi lại là phản bội lại chính mình, chẳng còn con đường nào khác. Một là vươn lên để chiến thắng, hai là chết.

Giả sử có một cá nhân nào đó chứ không phải là cả dân tộc từ lâu muốn bóp chết tiếng hát của nàng. Nếu kẻ đó cho rằng sự kiên trì của con người ta vốn có giới hạn nên lầm tưởng rằng sớm muộn nàng sẽ phải nhượng bộ và từ bỏ ý định thì hắn đã lầm. Càng ngày hắn sẽ càng nhìn thấy rõ sự kiên định của nàng đã đạt tới mức độ tuyệt đỉnh. Sự kiên định của nàng cũng làm cho dân chuột chúng tôi thán phục, nhưng bên cạnh sự thán phục chúng tôi ái ngại cho nàng và thầm nghĩ rằng nàng khó mà thành công. Nàng kiên định bao nhiêu thì

dường như nàng đã gia tăng những điều cay đắng vào sự thất bại đau đớn của mình bấy nhiêu.

Dù gian nan đến đâu Giôđêphin cũng đã không bỏ cuộc. Nàng không hề lùi bước mặc dù có những lúc bị xô lấn, bị đẩy lùi trong cuộc chiến đấu quyết liệt. Gần đây, chiến tranh đã đầu độc, uy hiếp tư tưởng con người, nhưng nàng vẫn lặng lẽ dấn thân vào những hành động nguy hiểm.

Có không ít người cho rằng Giôđêphin sở dĩ đeo đuổi mãi con đường nghệ thuật của mình như thế vì nàng đã trở về già, giọng hát đã bộc lộ sự suy yếu nhưng vì hiếu danh nên đã không bỏ cuộc. Phải chăng chỉ vì nàng muốn lưu danh lại với dân tộc của mình. Tôi không tin là như vậy, vì nếu Giôđêphin lao động nghệ thuật chỉ vì động cơ ấy thì nàng sẽ chẳng còn là Giôđêphin nữa. Ở nàng không có sự già nua cũng chẳng có sự yếu ớt. Nàng hành động quyết liệt không phải là do sự thúc đẩy của hoàn cảnh khách quan mà là do sự thúc đẩy của nội tâm. Nàng đã làm cho tiếng hát có ý nghĩa, đã nâng tiếng hát lên cao, và càng chiến thắng nàng càng nâng nghệ thuật lên cao hơn nữa.

Coi thường khó khăn khách quan, điều đó làm cho hành động của nàng linh hoạt hơn. Thực tình mà nói nàng có quyền dùng đến những biện pháp khôn ngoan, biến dạng những hành động nghệ thuật của mình để khỏi phải trả bằng những cái giá quá đắt.

Các thế hệ thính giả có loan truyền một tin rằng nàng có khả năng ca hát vừa lòng mọi loại thính giả bao gồm cả những người đối lập. Tuy nhiên người ta hầu hết đã hiểu rằng vì tình thế bắt buộc nàng đã phải ngụy trang mục đích cao quý của nghệ thuật. Người ta cũng lại đưa tin rằng nàng có ý định thu hẹp phạm vi của nghệ thuật. Tôi không hiểu biết gì về âm nhạc nên không nhận ra được sự thu hẹp của nàng. Còn Giôđêphin thì thừa nhận là có biểu diễn ngắn gọn lại vì tình thế bó buộc nàng phải thu hẹp như vậy. Nàng trình bầy rằng trong tương lai nàng sẽ có những chương trình trình diễn đầy đủ như cũ. Sau này người ta thấy nàng đã giữ lời.

Gần đây để khước từ việc trình diễn nàng đã vờ là bị thương ở chân khi làm việc nên không thể đứng hát được, hoặc có hát thì cũng phải rút ngắn sự ngân. Mặc dù nàng đi khập khiễng và những người hâm mộ phải để nàng vịn tựa vào mới đi nổi, không ai cho rằng nàng đau chân thật sự. Nàng đã hoài công đi đi lại lại như người què với điệu bộ rầu rĩ, người ta vẫn kéo đến nghe nàng hát, vẫn thích thú, vẫn tỏ ra biết ơn nàng, cũng chẳng ai đếm xỉa đến sự rút ngắn tiết mục trình diễn của nàng cả.

Vì không thể cứ đi khập khiễng mãi, nàng nghĩ ra những lí do thoái thác khác, nào là sự mệt mỏi, sự yếu ớt, nỗi lo buồn... Tôi đã chứng kiến, có một buổi, một số đông khán giả cầu cạnh, nài nỉ, năn nỉ nàng hát. Có thể là nàng cũng muốn hát nhưng dường như nàng đã thực sự không làm nổi. Người ta đã an ủi nàng, động viên nàng, nịnh bợ nàng, mời nàng tới một địa điểm chuẩn bị sẵn từ trước. Cuối cùng nàng đã chấp thuận với dòng nước mắt khôn tả nên lời. Nhưng nàng đã khó nhọc lắm mới cất nổi giọng, tay không dang ra được để làm những điệu bộ duyên dáng như mọi lần được nữa mà buông thõng xuống, uể oải. Đầu nàng lắc lư, đôi lúc như bị giật lên đột ngột. Nàng đã quỵ xuống ngay trước mắt chúng tôi. Nhưng cũng ngay lúc ấy, nàng lại cố gắng đứng dậy rồi hát lên, giọng hát đầy xúc cảm, làn điệu tế nhị, nàng thật đáng thương. Kết thúc bài hát nàng rời đi, bước chân vội vã nhưng cương quyết. Nàng từ chối mọi sự giúp đỡ của đám thính giả, đưa mắt buồn bã nhìn đám đông dãn ra một cách kính cẩn để nhường lối cho nàng đi. Rồi một việc đã xảy ra được ít hôm mà sao vẫn như vừa mới hôm qua: nàng đã đi đâu mất vào lúc đám khán giả chờ nàng lên hát. Mọi người tỏa đi tìm kiếm, hỏi thăm mọi chỗ nhưng vô vọng. Giôdêphin đã biến mất. Nàng đã chẳng còn ở lại với tiếng hát nữa mặc cho bao người đang ngưỡng mộ. Lần này nàng bỏ đi vĩnh viễn. Người ta thương tiếc nàng, nghi ngờ rằng nàng đã tính toán sai lầm mà bỏ đi, nhưng không, điều đơn giản là nàng đã ra đi theo tiếng gọi của số phận, cái số phận mà trong thế

giới của chúng ta bao giờ cũng là đáng buồn nhất. Nàng đã chạy trốn khỏi tiếng hát, nàng đã tự huỷ đi cái sức mạnh lạ lùng của ý chí nàng. Nàng đã ẩn nấp nơi đâu mà không hát nữa để cho dân chuột chúng tôi tiếc thương thất vọng? Ôi ca sĩ Giôdêphin của chúng tôi, người đã cống hiến nhiều mà hưởng thụ chẳng được là bao. Giờ đây nàng đã cự tuyệt mọi thứ để ra đi. Âm thanh giọng hát của nàng đã tắt. Dân tộc đã mất nàng. Nàng chỉ là một chi tiết nhỏ bé trong lịch sử trường tồn của dân tộc. Dân tộc sẽ vượt được qua sự mất mát này nhưng thật khó mà quên được tiếng hát của nàng. Giôdêphin hỡi, nàng cũng câm lặng rồi ư? Tiếng rúc rích của nàng liệu có còn vang lên mạnh mẽ đầy sức sống hay mãi mãi chỉ còn là kỉ niệm? Nếu dân tộc chúng tôi, trong sự sáng suốt của mình, đã đánh giá cao tiếng hát của Giôdêphin thì phải chăng dân tộc chúng tôi sẽ chẳng mất gì hết mặc dù đã mất nàng?

Giôdêphin đã thoát ra khỏi được sự đầy ải trên cái mảnh đất trần gian đầy đau khổ này để hòa nhập vào với đông đảo các anh hùng đã ra đi của dân tộc chúng tôi. Chừng nào còn lịch sử dân tộc, thì nàng và những người anh hùng ấy còn mãi mãi được dân tộc ghi nhớ.

NGUYỄN VĂN QUA *dịch*

LỜI TUYÊN ÁN

Hôm ấy là buổi sáng chủ nhật đẹp trời nhất của mùa xuân. Georg Bendemann, một thương gia trẻ tuổi, ngồi trong phòng

mình tại gác hai của một trong những căn nhà thấp lùn,ọp ẹp trải dài dọc theo bờ sông và chúng chỉ khác nhau về chiều cao và màu sắc. Anh vừa viết xong bức thư gửi cho một người bạn từ thời còn trẻ hiện đang ở nước ngoài, anh gấp bức thư cho vào phong bì với một vẻ chậm rãi giống như thể anh đang gập đồ chơi, rồi, ngồi tì vào bàn giấy, anh nhìn qua cửa sổ trông ra dòng sông, ra cây cầu cùng những quả đồi bên kia sông với đám cây xanh mới bắt đầu nảy lộc.

Anh đang nghĩ đến việc người bạn mình, vì không hài lòng với công việc làm ăn ở nhà, đã bỏ sang Nga cách đây mấy năm. Giờ đây anh ta đang làm ăn tại Peterburg, công việc của anh ta ban đầu tỏ ra có triển vọng, nhưng lâu nay có vẻ như đang đình trệ, nếu cứ xét theo cái cách anh ta than vãn trong những lần về thăm nhà, trong những cuộc viếng thăm ngày càng thưa dần. Anh ta làm việc cật lực một cách vô ích ở nơi đất khách, bộ râu lạ kiểu không che giấu được khuôn mặt quen thuộc từ thời ấu thơ, một bộ mặt mang nước da vàng bủng, dấu hiệu của một căn bệnh đang phát. Qua những gì anh ta kể thì anh ta chẳng có một mối liên quan thật sự nào với nhóm người đồng hương ở bên đó, nhưng đồng thời hầu như anh ta cũng chẳng có quan hệ với xã hội và những người bản xứ, tóm lại là anh ta tạo cho mình một cuộc sống biệt lập hoàn toàn.

Anh có thể viết gì cho một con người rõ ràng là đang thất bại trong cuộc sống ấy, người mà anh chỉ có thể bày tỏ lòng thương cảm mà không giúp được gì? Chẳng lẽ anh khuyên anh ta quay về nhà, về đây để nối lại các quan hệ tình bạn cũ - điều mà không có gì gây cản trở cả - và mọi thứ hãy giao phó cho sự giúp đỡ của bạn bè? Nhưng điều đó chỉ có nghĩa là ngụ ý nói cho anh ta biết - mà càng nói bóng gió thì càng làm nhục anh ta - rằng mọi nỗ lực của anh ta cho đến nay đã không đem lại kết quả, rằng cuối cùng anh ta nên từ bỏ tất cả, nên quay về nhà để mọi người ngạc nhiên thấy rằng chỉ có bạn bè anh là khôn ngoan, còn anh chỉ là một cậu bé con lớn

tuổi cần nghe lời bạn bè ở nhà. Vậy anh ta có còn tin chắc rằng tất cả những nỗi cơ cực anh ta phải chịu có một ý nghĩa nào chăng? Có lẽ anh cũng chẳng thuyết phục nổi anh ta quay về nhà đâu - anh ta đã chẳng tự thú nhận rằng không còn hiểu tình hình công việc ở trong nước nữa là gì; và khi ấy có lẽ anh ta sẽ ở lại nước ngoài, lòng buồn phiền bởi những lời khuyên và càng xa cách bạn bè hơn. Nhưng nếu như anh ta thật sự nghe theo lời khuyên thì về đây anh ta sẽ bị chết bẹp - tất nhiên không phải do ý muốn mà là do hoàn cảnh. Nếu như anh ta không cảm thấy dễ chịu hoặc là với bạn bè hoặc là không có bạn bè, nếu như anh ta đau khổ vì nhục nhã, nếu như, trong trường hợp như vậy, anh ta thật sự không còn tổ quốc cũng chẳng còn bạn bè nữa, thì phải chăng nên để cho anh ta cứ ở đó giữa nơi đất khách? Trong hoàn cảnh này, liệu anh có tưởng tượng được rằng anh ta sẽ thật sự khắc phục được khó khăn để tiến lên?

Vì những nguyên nhân ấy, nếu anh muốn duy trì quan hệ thư từ với anh ta, thì thực ra anh không thể nói cho anh ta những điều mà anh có thể không ngại ngùng nói cho một người quen bình thường nghe. Đã ba năm nay bạn anh không bước chân về quê, và anh ta không giải thích được điều này một cách thuyết phục khi nói rằng điều kiện chính trị không ổn định ở nước Nga không cho phép anh ta - một thương gia bình thường - vắng mặt khỏi công việc, trong khi có hàng trăm nghìn người Nga vẫn đi lại bình yên khắp thế giới. Vậy mà trong ba năm qua đã có nhiều biến cố xảy ra đối với chính bản thân Georg. Bạn anh cũng biết được tin rằng mẹ anh đã chết - điều này xảy ra đã gần hai năm và từ đó anh cùng cha già cai quản việc làm ăn - và đã gửi lời chia buồn bằng một giọng khô khan mà điều đó chỉ có thể giải thích rằng ở nơi đất khách anh ta không tưởng tượng được nỗi đau của một sự kiện như vậy. Nhưng, từ ngày đó, Georg bắt đầu dốc sức chăm lo đến công việc làm ăn của mình cũng như chăm lo đến mọi công việc khác. Có lẽ, khi mẹ anh còn sống, cha anh đã ngăn

cản anh hoạt động, chỉ vì ông chỉ chấp nhận quan điểm cá nhân của mình; có lẽ từ khi mẹ anh mất, cha anh trở nên ít hoạt động hơn, mặc dù ông vẫn còn làm việc trong xí nghiệp; và cũng rất có thể là những chuyện may mắn đóng một vai trò quan trọng hơn nhiều; dù sao, một hai năm qua xí nghiệp của anh ngày càng mở mang một cách vô cùng tốt đẹp, nhân lực có lẽ đã tăng gấp đôi, doanh số tăng mạnh, và chắc chắn nó sẽ còn thịnh vượng hơn nữa.

Nhưng bạn anh đã không hề nghĩ là có sự thay đổi như vậy. Từ lâu - có lẽ lần cuối cùng trong bức thư chia buồn - anh ta đã định thuyết phục Georg di cư sang Nga và anh ta nói nhiều đến triển vọng mở ra ở Peterburg cho lĩnh vực của Georg. Nhưng những con số anh ta đưa ra chẳng có ý nghĩa gì so với doanh số của xí nghiệp anh bây giờ. Nhưng lúc ấy anh không muốn viết cho bạn mình biết về những thành công của mình trong việc làm ăn, còn bây giờ nếu anh có viết rõ thì có lẽ sẽ chẳng hay ho gì.

Thế cho nên Georg chỉ viết cho bạn mình về những sự kiện không quan trọng, anh nhớ gì thì viết nấy như thể người ta vẫn nghĩ ngợi trong một ngày chủ nhật yên bình. Anh chỉ muốn để cho bạn mình giữ nguyên hình ảnh về thành phố quê hương đã khắc sâu trong đầu anh ta trong khoảng thời gian dài mấy năm qua. Chính vì vậy mà đã xảy ra một điều là Georg thông báo cho bạn mình đến ba lần, trong những bức thư cách nhau khá xa, về chuyện đính hôn của một người bạn trai xa cách với anh ta với một người con gái cũng không kém phần xa cách, cho đến khi, trái với ý định của Georg, chắc chắn là bạn anh cũng bắt đầu quan tâm đến sự kiện lạ này.

Nhưng Georg lại thích viết về những chuyện như vậy hơn là tự thổ lộ rằng cách đây một tháng bản thân anh cũng đã đính hôn với cô nàng Frieda Brandenfeld, một cô gái con nhà giầu. Anh đã nhiều lần nói chuyện với vị hôn thê về bạn mình và về mối quan hệ thư từ đặc biệt giữa anh với anh ta. "Như vậy là anh ấy sẽ không về dự đám cưới chúng ta, - cô nói với

anh, - mà em thì có quyền được biết tất cả bạn bè của anh." "Anh không muốn làm phiền anh ấy, - Georg đáp, - bởi vì theo như anh biết rõ anh ấy thì có thể là anh ấy sẽ về, ít nhất là anh tin như vậy, nhưng anh ấy sẽ có cảm giác là bị o ép và bị thiệt hại, có thể anh ấy sẽ ghen ghét với anh, sẽ cảm thấy không được vừa lòng và không thể thắng nổi nỗi bất bình để một mình quay sang Nga nữa. Để một mình anh ấy thôi - em có biết điều đó nghĩa là thế nào không?" "Nhưng anh ấy có thể bằng cách khác biết được tin về đám cưới của chúng ta không?" "Tất nhiên anh không thể ngăn cản được chuyện này, nhưng anh ấy khó có thể biết được, cứ xét theo lối sống của anh ấy." "Nếu anh có những người bạn như vậy thì tốt hơn hết anh không nên đính hôn." "Thôi nào, đây là lỗi của cả hai chúng ta; nhưng ngay cả bây giờ anh cũng không muốn sự việc khác đi." Và khi cô vừa thở hổn hển vừa lầu bầu trước những cái hôn của anh: "Thực ra em vẫn thấy buồn", thì anh cho rằng anh nên viết tất cả cho bạn mình biết. "Mình là thế này và anh ta phải chấp nhận mình như vậy, - anh tự nhủ, - mình không thể biến mình thành một kẻ khác sao cho phù hợp với tình bạn của anh ta hơn là như mình bây giờ."

Và quả thực, trong bức thư dài sáng chủ nhật hôm nay, anh đã kể cho bạn mình về chuyện đính hôn như sau: "Tin tức tốt đẹp nhất mình để dành đến cuối thư. Mình đã đính hôn với cô Frieda Brandenfeld, một cô gái con nhà giầu đến định cư ở đây một thời gian sau khi cậu ra đi và vì thế cậu không quen biết. Sẽ có dịp mình kể cho cậu nghe chi tiết hơn về vị hôn thê của mình, còn hôm nay cậu chỉ cần biết rằng mình rất hạnh phúc và rằng quan hệ giữa chúng ta không có gì thay đổi ngoài một điều là giờ đây cậu có mình là một người bạn hạnh phúc chứ không phải chỉ là một người bạn bình thường. Hơn nữa, cậu sẽ có được ở vị hôn thê của mình - cô ấy gửi lời chào cậu nồng nhiệt và sắp tới cả cô ấy cũng sẽ viết thư cho cậu - một người bạn gái chân thành, điều này hoàn toàn không phải là không quan trọng đối với một chàng trai chưa

vợ. Mình biết là có nhiều việc ngăn cản cậu về thăm chúng mình, nhưng chẳng lẽ đám cưới của mình không phải là dịp để cậu gạt bỏ mọi điều ngăn trở ấy sao? Nhưng dù thế nào chăng nữa thì cậu cũng hãy xử sự theo cách mà cậu cho là phải nhất mà không cần phải đắn đo gì cả."

Với bức thư như vậy trong tay, Georg ngồi bên bàn giấy trông ra cửa sổ một lúc lâu. Anh chỉ hơi lơ đãng mỉm cười đáp lại lời chào của một người quen đi qua đường.

Một lát sau anh đút bức thư vào túi rồi bước ra khỏi phòng, đi qua dãy hành lang hẹp rồi bước vào căn phòng của cha anh, nơi mà mấy tháng nay anh không đặt chân vào nữa. Vả lại điều đó cũng thường là không cần thiết, bởi vì anh luôn luôn gặp cha ở cửa hàng, bữa trưa họ ăn cùng nhau tại quán rượu, còn đến tối, cho dù mỗi người ăn tối theo kiểu riêng của mình, nhưng họ vẫn ngồi một lát với nhau tại phòng khách, mỗi người cầm một tờ báo trong tay, tất nhiên trừ những hôm Georg đi chơi với bạn bè hoặc đi thăm người yêu, những dịp mà giờ đây rất hay diễn ra. Georg ngạc nhiên thấy căn phòng của cha quá tối tăm ngay cả vào buổi sáng đầy nắng ấm này. Như vậy là bức tường cao ở bên kia chiếc sân hẹp đã tạo nên quá nhiều bóng tối! Cha anh đang ngồi bên cửa sổ, trong cái góc phòng trang trí đầy những vật kỉ niệm của người vợ quá cố, và ông đang đưa tờ báo lên sát tận mắt để đọc. Trên bàn là thức ăn sáng còn thừa, cho thấy ông đã không ăn được bao nhiêu.

- A, Georg đấy ư, - cha anh nói và đứng ngay dậy đón anh. Vạt áo choàng mặc trong nhà bay phất phơ theo chân ông.

"Cha mình vẫn còn là một người khổng lồ thật sự", Georg nghĩ thầm rồi lên tiếng:

- Ở đây tối không thể chịu được.

- Phải, quả là tối, - cha anh đáp.

- Bố đóng cả cửa sổ à?

- Bố thích như vậy hơn.

- Nhưng ngoài trời rất ấm, - Georg nói nhỏ một câu thêm thắt cho những lời vừa rồi, đoạn anh ngồi xuống ghế.

Cha anh thu dọn bát đĩa trên bàn rồi đặt lên nóc một chiếc tủ.

- Thực ra, - Georg vừa nói tiếp vừa lơ đãng theo dõi hành động, cử chỉ của cha, - con chỉ muốn nói cho bố biết là dù sao con cũng đã báo tin đi Peterburg về chuyện đính hôn của con. - Anh rút hé bức thư trong túi ra một chút rồi lại đút nó vào túi.

- Báo đi Peterburg ư? - cha anh hỏi.

- Tất nhiên, báo cho bạn con mà, - Georg vừa nói vừa tìm ánh mắt cha anh. - "Thế mà ở cửa hàng ông tỏ ra hoàn toàn khác so với ở đây, đầu tóc rã rượi và hai tay khoanh trước ngực", - anh nghĩ thầm.

- Phải. Cho bạn con, - cha anh nặng nhọc nói.

- Bố biết đấy, ban đầu con định giấu anh ấy chuyện đính hôn của con. Chỉ vì con ngại thôi. Bố biết anh ấy là người khó tính. Con tự nhủ hãy để cho anh ấy tìm hiểu bằng cách khác, cho dù điều này khó có thể xảy ra, căn cứ vào lối sống biệt lập của anh ấy.

- Và bây giờ con đã nghĩ lại? - cha anh hỏi, đặt tờ báo lên thành cửa sổ, ông gỡ kính đặt lên tờ báo rồi đặt tay lên kính.

- Vâng, bây giờ con đã nghĩ lại. Con tự nhủ rằng nếu anh ấy là bạn tốt của con, thì chuyện đính hôn hạnh phúc của con cũng là hạnh phúc của anh ấy. Và do đó con đã báo tin cho anh ấy không chút do dự nữa. Con muốn nói cho bố biết trước khi con đi bỏ bức thư này.

- Georg này, - cha anh nói, cái miệng móm bạnh ra, - con hãy nghe ta đây! Con đã đến gặp ta để xin ý kiến. Điều này chắc sẽ làm cho con vinh hạnh. Nhưng nếu bây giờ con không nói hết sự thật cho ta nghe thì cũng chẳng có gì là quan trọng. Ta không muốn bới tung những sự việc mà chúng không có chỗ ở đây. Từ ngày mẹ mất, đã xảy ra một số sự việc không lấy gì làm tốt đẹp. Có thể sẽ đến lúc chúng phải xảy ra và chúng sẽ xảy ra sớm hơn chúng ta tưởng. Ở cửa hàng có một số chi tiết ta không được biết, có thể không phải

là chúng bị che giấu - bây giờ ta không muốn khẳng định là ta bị người ta che giấu không cho biết - ta không còn đủ khả năng nữa, trí nhớ của ta có phần nào bị giảm sút, ta không thể hiểu được tất cả mọi công việc nữa. Đây trước hết là quá trình diễn biến bình thường của tự nhiên, thứ hai là cái chết của mẹ đã làm ta gục ngã tồi tệ hơn anh. Nhưng, chính bởi vì chúng ta đang nói đến chuyện này, đến bức thư kia, cho nên, Georg này, ta xin con đừng lừa dối ta. Chuyện này chẳng sao đâu, nó không đáng phải bận tâm, thế cho nên con đừng lừa dối ta. Có phải quả thật con có bạn ở Peterburg không?

Georg lúng túng đứng lên:

- Thôi đừng nói đến bạn bè của con nữa. Một nghìn người bạn không bằng bố con. Bố có biết con nghĩ gì không? Rằng con đã không để cho bố được yên. Thế nhưng tuổi bố đáng được hưởng sự an nhàn. Bố biết rõ là bố rất cần cho con ở cửa hàng, nhưng nếu như cửa hàng đe dọa sức khỏe của bố thì con có thể đóng cửa nó vĩnh viễn ngay từ ngày mai. Như thế này thì không thể được. Bố cần phải có một lối sống khác, phải thay đổi hoàn toàn. Ở đây bố ngồi trong bóng tối, trong khi ở ngoài phòng khách thì sáng sủa. Bữa sáng bố chỉ nếm có một tí, trong khi đáng ra bố phải ăn uống như mọi người để đảm bảo sức khỏe. Bố đóng cửa sổ ngồi trong nhà, trong khi không khí trong lành có thể làm cho bố khỏe mạnh. Không, thưa bố! Con sẽ đi mời bác sĩ và chúng ta sẽ phải nghe ý kiến của ông ta. Bố con mình sẽ đổi phòng, bố sẽ dọn ra phòng ngoài, còn con sẽ ở phòng này. Đối với bố chẳng có gì đảo lộn cả, con sẽ chuyển hết đồ đạc của bố sang. Nhưng cứ thong thả đã, còn bây giờ bố hãy lên giường một chút, dứt khoát bố cần phải nghỉ ngơi. Nào, con giúp bố cởi áo ngoài, bố sẽ thấy con rất thành thạo. Hoặc, nếu bố muốn chuyển ngay ra phòng ngoài thì con sẽ tạm đặt bố nằm nghỉ trên giường con.

Thực ra như thế là rất đúng. Georg bước tới đứng ngay cạnh cha anh, lúc này ông đang ngồi gục đầu với mái tóc bạc rối tung.

- Georg, - cha anh nói khẽ mà vẫn không động đậy. Georg lập tức quỳ xuống cạnh cha và nhìn thấy trên khuôn mặt mệt mỏi của ông già hai tròng mắt đang mở to nhìn anh chằm chằm. - Con không có bạn nào ở Peterburg cả. Con luôn luôn là một kẻ thích bông đùa và con đã không giữ ý ngay cả đối với ta. Làm sao con có thể có bạn bè ở đó được! Ta không tin.

- Bố hãy nghĩ kĩ lại đi, thưa bố, - Georg vừa nói vừa nhấc bố đứng lên khỏi ghế, và trong khi ông đứng liêu siêu thì anh giúp ông cởi áo khoác, - sắp tới sẽ được ba năm kể từ khi bạn con về thăm nhà ta. Con nhớ rõ là bố không thích anh ấy lắm. Ít nhất đã có hai lần con phải nói dối là anh ấy không ở chỗ con, mặc dù chính lúc đó anh ấy đang có mặt trong phòng con. Con có thể hiểu rất rõ thái độ khó chịu của bố đối với anh ấy, vì anh ấy có cách cư xử kì cục. Nhưng về sau bố đã đối xử rất tốt với anh ấy. Thậm chí con rất vui khi thấy bố đã nghe anh ấy nói chuyện và còn hỏi chuyện anh ấy nữa. Nếu bố nghĩ kĩ thì bố sẽ nhớ ra. Khi ấy bạn con đã kể những câu chuyện khó tin về cuộc cách mạng Nga. Chẳng hạn anh ấy kể là trong một chuyến đi làm ăn tại Kiev, anh ấy đã nhìn thấy một vị linh mục đứng trên ban công khắc một cây thánh giá lên lòng bày tay đến chảy máu rồi giơ tay lên nói chuyện với đám đông. Chính bố về sau thỉnh thoảng vẫn kể lại câu chuyện này.

Trong lúc đó, Georg lại đặt cha mình ngồi xuống ghế để cẩn thận cởi chiếc quần dài bằng vải flanel và đôi tất chân ra. Nhìn thấy quần áo của cha không được sạch lắm, anh tự trách mình đã không quan tâm đến cha. Tất nhiên anh có bổn phận phải chăm lo thay quần áo cho cha. Anh vẫn chưa thảo luận kĩ với vị hôn thê của anh về chuyện tổ chức cuộc sống sau này của cha anh như thế nào, bởi vì đã hiểu ngầm với nhau là ông già sẽ ở lại sống một mình tại căn nhà cũ. Nhưng bây giờ anh dứt khoát quyết định sẽ đưa bố mình về ở cùng tại ngôi nhà mới. Nếu xem xét sự việc kĩ càng, có lẽ công việc chăm lo cho cha anh có thể sẽ là quá muộn.

Anh bế cha bước tới giường. Anh có cảm giác hoảng sợ khi, trên quãng đường vài bước chân từ ghế tới giường, anh nhận ra là ông già cứ nghịch sợi dây đồng hồ của anh đeo trước ngực. Thậm chí anh không thể đặt cha nằm xuống giường được ngay, bởi vì ông cụ cứ giữ chặt lấy sợi dây này.

Khi cha anh đã được đặt nằm trên giường rồi thì mọi chuyện có vẻ như ổn thỏa. Ông tự kéo chăn đắp cho mình lên tận vai. Ông ngước nhìn Georg không phải là không có thiện cảm.

- Có phải bố đã nhớ ra anh ấy rồi không? - Georg hỏi và gật đầu động viên ông.

- Ta đắp chăn đã kín chưa? - cha anh hỏi, như thể ông không nhìn thấy được chân mình đã kín chưa.

- Như vậy là bố thích nằm trên giường, - Georg vừa nói vừa tém chăn xung quanh ông.

- Ta đắp đã kín chưa? - cha anh lại hỏi một lần nữa và có vẻ như rất chú ý đợi câu trả lời.

- Bố cứ yên tâm, kín cả rồi.

- Không! - ông thét lên như thể câu trả lời của anh đã va phải câu hỏi của ông, sau đó ông tung chăn mạnh đến nỗi làm cho nó bay đi một quãng, rồi ông đứng thẳng dậy trên giường. Ông chỉ tay lên trần nhà. - Mi định trùm kín ta. Và cho dù ta chỉ còn ít sức tàn, nhưng cũng quá đủ cho mi. Tất nhiên là ta có biết bạn mi. Ta coi anh ấy như thể con trai ta. Vì thế mà mi đã lừa dối anh ấy suốt mấy năm nay. Còn vì điều gì khác nữa? Mi tưởng ta không thương xót anh ấy ư? Chính vì thế mà mi đã giam mình trong phòng giấy - lấy lí do là thủ trưởng bận việc để không bị ai quấy rầy - để mi có thể viết những bức thư giả tạo gửi đi nước Nga. Nhưng rất may là một người bố không cần phải được ai chỉ bảo mới có thể đoán được ý định của con trai và khi mi tưởng là mi đã xỏ mũi được anh ấy rồi, cụ thể là khi mi tưởng là đã xỏ mũi được anh ấy tới mức mi có thể ngồi lên đầu anh ấy mà cha mi vẫn không phản đối, thì bây giờ ông con tôi quyết định lấy vợ đây!

Georg ngước nhìn cái hình hài bóng ma của cha anh. Lúc

này anh càng thương người bạn ở Peterburg hơn lúc nào hết, người bạn mà cha anh cũng biết rất rõ. Anh tưởng tượng thấy anh ấy mất hút trên đất nước Nga rộng lớn mênh mông. Anh tưởng tượng thấy anh ấy đang đứng trước cửa hàng đã bị vét sạch. Anh ấy đang cố gắng gượng bên những giá kệ đổ nát, bên đống hàng hóa rách bươm, bên những ngọn đèn ga sắp đổ sụp xuống. Tại sao anh ấy phải đi xa quê đến như vậy?

- Mi hãy nhìn ta một lần nữa đi! - cha anh quát lên làm cho anh vội lao tới trong trạng thái gần như đãng trí, nhưng bước gần tới giường anh bỗng dừng lại.

- Chỉ vì cô ta đã tốc váy lên, - cha anh lên tiếng giọng ngọt xớt, - chỉ vì cô ta đã tốc váy lên như thế này, cái con vịt cái đáng kinh tởm ấy - và, để minh họa cụ thể, ông vén áo ngủ cao đến nỗi nhìn thấy cả vết sẹo trên đùi ông do vết thương chiến tranh để lại - vì cô ta đã tốc váy lên như thế này, như thế này này, cho nên mi đã bám lấy cô ta, và để tự do thỏa mãn dục vọng với cô ta, mi đã làm uế tạp vong linh mẹ mi, mi đã phản bội bạn bè và cuốn chăn kín cha mi trên giường để cho ông không còn cựa quậy được nữa. Nhưng mi xem cha mi có còn cựa quậy được không? - Và ông lấy chân hất chăn, đứng thẳng lên giữa giường. Mặt ông rạng rỡ niềm vui vì tin rằng con ông đã hiểu tất cả.

Georg đứng trong xó nhà, cố giữ khoảng cách xa với cha mình. Cách đây ít lâu anh đã bắt đầu quyết định là sẽ cố gắng chú ý quan sát tất cả mọi việc để không bị bất ngờ. Giờ đây anh nhớ lại cái quyết định đã bị lãng quên ấy, cái quyết định bây giờ anh vẫn bỏ quên nó như nước chảy qua lá khoai.

- Tuy nhiên bạn mi đã không bị phản bội! - cha anh reo to, và ông đưa ngón tay trỏ chỉ tứ tung để nhấn mạnh cho lời nói của mình. - Chính ta là đại diện cho anh ấy tại đây.

- Thật là dối trá! - Georg không kìm được mình kêu lên, tuy nhiên anh nhận thức ngay được sự lỡ lời của mình và anh trố mắt cắn môi đến phát đau.

- Phải, đây hiển nhiên là một sự lừa dối! Đúng thế! Thử

hỏi ông già goá bụa của mi còn có niềm an ủi nào khác không? Mi hãy nói đi - và trong khi trả lời, mi hãy cố một lần là con trai ta - hãy nói xem ta còn biết làm gì khác trong căn phòng bé nhỏ sau nhà và trong trạng thái bị ngược đãi và già nua đến tận xương tủy? Trong khi đó con trai ta đi lại vênh vang, kí kết những hợp đồng làm ăn đã được ta chuẩn bị sẵn, vui chơi thỏa thích, và trước mặt cha mình, y xuất hiện với vẻ mặt bí hiểm của con người chân thực! Mi tưởng rằng ta, người đã sinh ra mi, không còn yêu mi nữa ư?

"Bây giờ ông ấy sẽ đổ nghiêng, - Georg nghĩ, - cầu cho ông ấy ngã tan xương ra! " - Ý nghĩ này sôi lên trong đầu anh.

Cha anh nghiêng người nhưng không ngã. Nhưng vì không thấy Georg chạy lại đỡ như ông nghĩ nên ông lại đứng thẳng người lên.

- Hãy cứ đứng yên ở đó, ta không cần đến mi! Mi tưởng là mi còn đủ can đảm bước tới chỗ người ta và rằng mi không tới chỉ là vì mi muốn thế. Mi đừng nhầm! Ta còn khỏe lắm! Nếu chỉ một mình ta thì có lẽ ta đã phải rút lui rồi nhưng mẹ mi đã cho ta sức lực, với bạn mi ta đã liên kết một cách tuyệt vời, khách hàng của mi đang ở trong túi ta đây.

"Cả áo ngủ ông già cũng có túi!" - Georg nghĩ thầm và tưởng rằng mình có thể làm cho cha mình mất uy tín bằng điều nhận xét này. Nhưng anh chỉ nghĩ thoáng qua về nó, bởi vì anh vẫn thường hay quên đi mọi chuyện.

- Mi cứ thử cầm tay vị hôn thê của mi đến gặp ta xem! Ta sẽ quét nó ra khỏi cái nhà này, ngay cả mi cũng không biết ta sẽ làm như thế nào đâu!

Georg làm ra vẻ như thể không tin. Cha anh gật đầu về phía anh và nhắc lại những điều đã nói.

- Mi đã hỏi ta là mi có nên viết thư cho bạn mi về chuyện đính hôn của mi không ư? Nhưng mà anh ấy biết hết tất cả rồi, đồ ngốc ạ, anh ấy đã biết hết! Chính ta đã viết thư cho anh ấy biết, bởi vì mi đã quên không giấu giấy bút của ta đi.

Chính vì thế mà đã mấy năm nay anh ấy không về nhà ta nữa, nhưng anh ấy biết tất cả rõ hơn bản thân mi hàng trăm lần, tay trái anh ấy vò nát những bức thư chưa đọc của mi, trong khi tay phải anh ấy cầm đọc thư của ta!

Ông phấn khích vung tay huơ lên đầu.

- Anh ấy biết tất cả rõ hơn mi hàng nghìn lần! - ông quát to.

- Rõ hơn mười nghìn lần! - Georg định nói mỉa ông già, nhưng câu nói của anh cất lên với giọng nghiêm trang ngay từ đầu.

- Từ mấy năm nay ta vẫn đợi mi tới hỏi ta về chuyện đó! Mi tưởng là ta còn quan tâm đến chuyện khác được ư? Mi tưởng ta còn đọc báo được nữa ư? Này! - và ông quẳng một tờ báo vào mặt con trai khi ấy không biết đã bước tới bên giường từ lúc nào. Đó là một tờ báo cũ có cái tên hoàn toàn xa lạ với Georg.

- Mi đã phải do dự biết bao nhiêu trước khi trở thành con người chín chắn! Mẹ mi đã phải chết mà không được hưởng ngày vui; bạn mi thì chết mòn chết mỏi ở tận nước Nga, từ ba năm nay anh ấy đã héo hon tới mức có thể bị vứt vào sọt rác, còn ta, mi nhìn xem ta đã trở nên như thế nào rồi. Vì rằng mi chỉ mong có thế này thôi.

- Như vậy là bố đã theo dõi con! - Georg kêu lên.

Người cha nói với giọng phần nào thương cảm:

- Có lẽ mi đã muốn nói câu đó từ lâu. Bây giờ thì nó không còn thích hợp nữa. - Rồi ông cất giọng nói to: - Như vậy giờ đây mi biết là ngoài mi ra còn có cái gì, cho đến giờ mi chỉ biết có một mình mi! Sự thực mi chỉ là một thằng bé con vô tội, nhưng một sự thực lớn hơn nữa là mi là một kẻ độc ác! Cho nên mi hãy nghe đây: bây giờ ta kết án mi tội chết đuối!

Georg cảm thấy như mình bị đuổi ra khỏi phòng, trong tai anh còn văng vẳng tiếng động vang lên khi cha anh ngã lăn ra giường. Ngoài cầu thang, trong lúc lao xuống, anh va phải cô hầu phòng đang chuẩn bị leo lên gác để dọn phòng. "Lạy chúa Giêsu!" cô kêu lên và lấy tạp dề che mặt, nhưng anh đã biến khỏi nhà. Anh lao ra khỏi cửa, chạy trên hè phố mà có cảm giác như bị ma nước lôi kéo. Anh nắm chặt lấy lan can

thành cầu y như một kẻ chết đói nắm chặt nắm cơm. Anh tung người qua lan can như một vận động viên thể dục dụng cụ thành thạo, giống như anh vẫn làm thời còn trai trẻ trước niềm tự hào của cha mẹ. Anh vẫn giữ tay bám lấy thành lan can, và qua chấn song lan can, anh đợi một chiếc ôtô chạy qua để cho nó át đi tiếng rơi của anh, rồi anh khẽ gọi: "Thưa cha mẹ thân yêu, dù sao con vẫn luôn yêu cha mẹ", và anh buông hai tay rơi xuống nước.

Đúng lúc đó trên cầu quang cảnh đi lại thật là nhộn nhịp.

NGUYỄN VĂN DÂN *dịch.*

TRƯỚC CỬA PHÁP LUẬT

Trước cửa pháp luật có một người bảo vệ. Một hôm, một bác nông dân đến trước mặt anh ta xin được vào gặp pháp luật. Nhưng anh bảo vệ bảo bác rằng bây giờ chưa được phép. Người nông dân chần chừ một lúc rồi hỏi liệu bác ta có thể đợi được không? "Tùy bác, - anh ta nói, - nhưng bây giờ thì không vào được đâu". Thế là bác nông dân bèn đứng đợi. Và bởi vì cửa pháp luật vẫn mở như mọi ngày, còn anh gác cửa thì đứng tránh sang một bên, nên bác đã vươn người nhòm qua cửa vào bên trong. Thấy thế anh lính gác cười và bảo: "Nếu bác muốn thì cứ thử vượt quyền tôi mà vào thử xem. Nhưng bác nên biết rằng: tôi có sức mạnh đấy nhé. Đã thế tôi mới chỉ là bảo vệ ở vòng ngoài cùng, trong kia trước mỗi lần cửa còn có các nhân viên bảo vệ khác nữa, người bảo vệ vòng

trong lại khỏe hơn người vòng ngoài. Ngay cả tôi mà còn không dám nhìn mặt người bảo vệ ở vòng ba cơ đấy".

Bác nông dân không ngờ lại gặp phải những khó khăn như vậy, bởi lẽ bác nghĩ pháp luật là của tất cả mọi người và phục vụ toàn dân bất cứ lúc nào; nhưng giờ đây khi nhìn kĩ anh chàng bảo vệ mặc áo lông, có chiếc mũi to và nhọn, có bộ râu đen tua tủa kiểu Tácta, thì bác ta quyết định là tốt hơn hết hãy đợi đến lúc người ta cho phép bác vào.

Anh gác cửa cho bác mượn một chiếc ghế con và bảo bác ngồi sang một bên cửa. Thế là bác nông dân cứ ngồi đợi ở đó suốt mấy năm ròng. Bác đã cố hết sức tìm cách xin được vào gặp pháp luật, bác đã làm cho anh chàng bảo vệ phát ngấy lên vì những lời nài nỉ. Đôi khi người gác cửa cũng hỏi bác một đôi điều, chỉ là những câu hỏi qua quýt như những ông lớn vẫn thường hỏi, nhưng cuối cùng thì anh ta vẫn bảo rằng chưa thể cho phép bác vào được.

Bác nông dân, vì đã mang theo rất nhiều thứ để đi đường, đã đem tất cả, kể cả những vật quý giá nhất, để hối lộ người gác cửa; tất nhiên anh này nhận hết, nhưng lần nào anh ta cũng bảo: "Tôi nhận quà của bác chỉ là để cho bác đừng nghĩ rằng bác đã không làm hết mình".

Trong suốt bao năm chờ đợi, bác nông dân hầu như không rời mắt khỏi người gác cửa. Bác quên hẳn những người bảo vệ ở vòng trong và đối với bác thì cái anh bảo vệ đầu tiên này xem ra là vật cản đường duy nhất. Bác nguyền rủa điều bất hạnh đó... Những năm đầu bác còn có sức để gào to và bất chấp mọi sự, nhưng về sau, khi già đi, bác chỉ còn lẩm bẩm được mấy câu không ra tiếng. Càng ngày đầu óc bác càng trở nên lú lẫn và bởi vì trong suốt bao năm chờ đợi, bác đã quen cả mấy con rận trong cổ áo lông của anh bảo vệ, nên bác đã cầu cứu đến cả lũ chúng để giúp bác thuyết phục anh ta. Cuối cùng mắt bác ngày càng kém đi, không còn nhận ra xung quanh trời tối hơn hay là do mắt mình đã lòa. Nhưng bây giờ bác nhìn thấy rõ một đốm sáng rọi qua cửa pháp luật trong đêm tối. Chỉ có điều là bác

chẳng còn sống được bao lâu nữa. Trong lúc hấp hối, tất cả kinh nghiệm mà bác học được qua những năm chờ đợi đã kết đọng lại thành một câu hỏi mà bác vẫn chưa kịp hỏi người gác cửa. Bác ra dấu cho anh lại gần, vì không còn nhấc nổi cái cơ thể đã bắt đầu lạnh cứng. Người gác cửa phải cúi thấp xuống để nghe. “Bây giờ bác còn muốn biết gì nữa, - anh ta hỏi, - bác vẫn chưa thỏa mãn ư?” “Anh thấy đấy, mọi người muốn tìm hiểu pháp luật là gì, - bác hỏi thều thào. - Vậy tại sao trong suốt mấy năm trời cay đắng vừa qua tôi chẳng thấy ai đến xin được vào gặp pháp luật ngoài tôi ra cả?” Người gác cửa thấy ông già sắp chết đến nơi và để cho đôi tai nghễnh ngãng của bác còn có thể nghe ra, anh ta gào to: “Ở đây không một ai khác được phép vào, bởi vì cái cửa này chỉ dành cho một mình bác thôi. Bây giờ tôi đóng lại đây!”

NGUYỄN VĂN DÂN *dịch*

VÔ ĐỊCH NHỊN ĂN

Mấy chục năm gần đây, mối quan tâm dành cho các nhà nghệ sĩ biểu diễn tiết mục nhịn ăn đã giảm đi nhiều. Nếu trước đây việc tổ chức những buổi biểu diễn như vậy rất có lãi, thì bây giờ hoàn toàn chẳng ăn thua gì. Hồi xưa thì khác. Lúc bấy giờ cả thành phố đều quan tâm đến nghệ sĩ diễn trò nhịn ăn; cứ sau một ngày nhịn ăn là công chúng lại đến xem đông hơn; tất cả mọi người đều muốn đến xem chàng nghệ sĩ ít nhất là một lần mỗi ngày; đến cuối giai đoạn nhịn ăn đã có

những người mua vé đặt dài hạn ngồi hàng ngày trước chiếc cũi nhỏ nhốt chàng nghệ sĩ; người ta còn tổ chức cả những buổi diễn đêm dưới ánh đuốc để tăng thêm ấn tượng; trong những ngày đẹp trời người ta đem cũi ra ngoài trời để dành chủ yếu cho trẻ em xem; nếu người lớn coi việc nhịn ăn chỉ là một sự giải trí theo mốt thì trẻ con há hốc miệng ngạc nhiên, vừa xem vừa nắm tay nhau cho thêm phần can đảm; chúng muốn xem chàng nghệ sĩ biểu diễn như thế nào khi anh không cần đến cả ghế ngồi mà chỉ nằm dài trên đống rơm, nước da vàng võ, mặc một chiếc áo dệt kim màu đen, với những chiếc xương sườn nhô cả ra ngoài, thỉnh thoảng khó nhọc trả lời mấy câu hỏi, gật đầu lịch sự đáp lại, thậm chí còn thò cánh tay qua chấn song ra ngoài để cho mọi người sờ xem anh gầy đến mức nào, sau đó anh lại chìm vào cõi mơ màng, không hề để ý đến cả tiếng tích tắc đồng hồ vô cùng quan trọng đối với anh và là thứ duy nhất trong cũi cử động, chúng cũng muốn xem anh nằm bất động không làm gì ngoài việc nhìn chăm chăm trước mặt, hai mắt gần như nhắm chặt, thỉnh thoảng uống một ít nước trong chiếc cốc nhỏ để giữ cho môi khỏi khô.

Ngoài các khách vãng lai, ở đó còn có những người canh gác thường xuyên, và thật lạ là họ lại được lựa chọn trong số dân hàng thịt; mỗi ca có ba người, làm nhiệm vụ ngày đêm theo dõi nhà nghệ sĩ, giữ cho anh không thể ăn vụng được một tí gì. Nhưng đây chỉ là chuyện hình thức để trấn an dân chúng, bởi vì những người thành thạo đều biết rõ rằng trong thời gian nhịn đói, bằng bất cứ giá nào người nghệ sĩ cũng không chịu ăn, ngay cả khi bị ép buộc; danh dự nghề nghiệp không cho phép anh làm như vậy. Tất nhiên không phải tất cả những người canh gác đều hiểu điều đó; đôi khi có những tốp gác đêm làm việc rất qua loa, họ cố ý ngồi ở một góc xa chơi bài với ý đồ rõ ràng là để cho nghệ sĩ có thể ăn điểm tâm đôi chút bởi họ nghĩ thế nào anh chả có một chỗ giấu thức ăn kín đáo nào đó. Đối với người nghệ sĩ thì không gì

làm anh đau khổ hơn chuyện có những người canh gác kiểu ấy, anh buồn phiền vì họ; họ làm cho việc chịu đựng nhịn đói của anh trở nên vô cùng khó nhọc; đôi khi anh cũng vượt qua được cả sự yếu mệt của mình và, trong những ca gác kiểu ấy, anh đã lấy hết sức cất tiếng hát để chỉ cho mọi người thấy rằng điều nghi ngờ của họ là không chính đáng. Nhưng anh làm thế cũng chẳng ích gì; họ chỉ càng thán phục tài khéo léo vừa ăn vừa hát của anh. Anh thích những người canh gác ngồi ngay cạnh cũi hơn, những người này không bằng lòng với ánh sáng ban đêm yếu ớt của căn phòng, họ còn thắp sáng trưng những ngọn đèn chiếu lên như ông bầu cho phép. Ánh sáng chói mắt không hề làm anh khó chịu, vì dù thế nào anh cũng không thể ngủ được, thế nhưng anh lại có thể thiu thiu ngủ dưới bất cứ ánh sáng nào và vào bất cứ giờ nào, ngay cả khi trong phòng ồn ào chật ních người xem. Với những người canh gác như vậy anh sẵn sàng thức trắng đêm; anh sẵn sàng đùa cợt thường xuyên với họ, sẵn sàng kể cho họ nghe những câu chuyện trong cuộc đời viễn du của mình, sau đó anh nghe họ kể chuyện cốt để giữ cho họ tỉnh ngủ và để có thể không ngừng chứng minh cho họ thấy rằng anh không có gì ăn được ở trong cũi cả, và rằng anh có thể nhịn đói tới mức không một ai trong số họ có thể làm được. Nhưng thời điểm hạnh phúc nhất là vào buổi sáng sau đó, như để chọc tức anh, người ta đem đến cho họ một bữa sáng thịnh soạn và bọn họ lao vào ăn uống say sưa sau một đêm thức canh vất vả. Thực ra có những người muốn dùng bữa sáng này để ngầm thử thách sự ảnh hưởng của anh đối với những người canh gác, nhưng việc đó lại đi quá xa, và khi những người canh gác được hỏi có muốn tiếp tục gác đêm chỉ vì nghệ thuật mà không có ăn sáng nữa không thì họ đều từ chối, tuy nhiên họ vẫn có ý hoài nghi. Tất nhiên những nghi ngờ này không thể tránh khỏi đối với việc biểu diễn nhịn đói, bởi không ai có thể ngồi canh suốt ngày đêm bên cạnh người nghệ sĩ được, và như vậy không ai có thể biết được liệu việc nhịn ăn ấy có thực nghiêm chỉnh và

liên tục không? Chỉ có người nghệ sĩ là có thể biết được điều này, vậy chỉ có anh là nghệ sĩ đồng thời là khán giả thỏa mãn đối với sự nhịn ăn của chính mình. Nhưng anh lại không bao giờ hài lòng, nhưng là bởi những nguyên nhân khác; có lẽ không phải vì nhịn ăn mà anh gầy yếu như thế - đến nỗi một số người không dám xem tiếp vì không thể ngắm nhìn anh được nữa - đúng hơn anh gầy yếu đi nhiều bởi không hài lòng với chính mình. Bởi lẽ không một ai ngoài anh biết được nhịn đói dễ như thế nào. Đó là việc dễ nhất trên đời. Vả lại anh đâu có giấu giếm điều đó, song mọi người lại không muốn tin anh, may lắm thì họ cho là anh khiêm tốn, còn thông thường họ kết tội anh là tự quảng cáo cho mình hay thậm chí cho anh là một kẻ bịp bợm, là người có thể dễ dàng nhịn đói vì biết cách làm thế nào cho dễ chịu đựng, và hơn nữa lại còn cả gan dám công nhận một phần sự thật đó. Tất cả những điều này anh buộc phải chịu đựng, thậm chí trong nhiều năm anh đã quen với chúng, và - chúng ta phải công nhận điều này - anh chưa bao giờ tự mình rời khỏi cũi sau một giai đoạn nhịn ăn.

Thời hạn tối đa cho việc nhịn đói do ông bầu ấn định là bốn mươi ngày, không bao giờ ông để cho anh nhịn đói lâu hơn, ngay cả ở thủ đô, và điều này vì một lí do có căn cứ. Theo kinh nghiệm ông biết rằng, nhờ có quảng cáo ngày càng rầm rộ, mối quan tâm của công chúng có thể được kích thích khoảng bốn mươi ngày, sau đó nó bắt đầu giảm và người ta có thể nhận thấy khán giả thưa dần; tất nhiên về mặt này có sự khác biệt nhỏ giữa các thành phố và các nước khác nhau, nhưng quy luật chung vẫn có giá trị, bốn mươi ngày là giới hạn thời gian tối đa. Thế cho nên, trong ngày thứ bốn mươi cửa cũi kết hoa được mở ra, căn phòng biểu diễn chật ních công chúng trong niềm phấn khích, một ban quân nhạc cử hành bài hát mừng, hai bác sĩ bước vào cũi để tiến hành công việc đo lường bắt buộc trên cơ thể của người nghệ sĩ diễn trò nhịn đói, người ta thông báo kết quả trong loa phóng thanh, và cuối cùng có hai cô gái, những người may mắn trong cuộc

rút thăm, tới giúp người nghệ sĩ nhịn ăn bước ra khỏi cũi và đưa anh leo lên mấy bậc để tới chỗ chiếc bàn nhỏ bày sẵn một bữa ăn trưa dọn theo đúng chế độ một cách cẩn thận. Nhưng đúng lúc đó thì người nghệ sĩ lại phản đối. Thực ra anh vẫn vui lòng đưa hai cánh tay toàn xương ra cho hai người phụ nữ đang cúi xuống đỡ anh đứng dậy, nhưng anh không muốn đứng lên. Tại sao anh lại phải ngừng diễn đúng vào lúc này, khi mới được bốn mươi ngày như vậy? Anh vẫn còn có thể chịu được nhiều nữa; tại sao anh lại phải ngừng diễn đúng vào lúc anh đang có thể nhịn đói được lâu nhất? Tại sao họ muốn tước đoạt niềm vinh quang, không phải là của nhà vô địch nhịn ăn của mọi thời đại, bởi lẽ điều này từ lâu đã trở thành khả năng hiện thực, mà là niềm vinh quang của người tự vượt lên khỏi chính mình, qua cả giới hạn của sự hiểu biết, bởi vì anh không hề cảm thấy một sự giới hạn nào trong khả năng nhịn đói của mình. Tại sao cái đám đông vẫn cho là rất khâm phục anh kia lại thiếu kiên nhẫn đến như vậy; nếu anh có thể còn nhịn ăn được nữa thì tại sao họ lại không muốn để cho anh tiếp tục nhịn? Vả lại anh cũng đang mệt và vẫn thấy thoải mái trên đệm rơm, còn bây giờ anh phải đứng thẳng dậy để bước tới bàn ăn, trong khi cứ nghĩ đến ăn là anh thấy buồn nôn rồi, nhưng vì tôn trọng hai người phụ nữ trẻ mà anh cố kìm nén không để lộ ra. Anh ngước nhìn thẳng vào mắt hai cô gái đang có vẻ thân thiện nhưng thực tế thì thật là tàn nhẫn, rồi anh khó nhọc lắc cái đầu trên cái cổ yếu ớt đang cố đỡ nó. Sau đó diễn ra cái mà vẫn thường diễn ra. Ông bầu bước tới, ông im lặng đưa cánh tay lên - bởi âm nhạc át hết cả mọi tiếng nói - ông giơ cánh tay lên bên trên người nghệ sĩ, như thể muốn mời thượng đế ngắm nhìn tác phẩm của Người đang nằm trên đống rơm kia, cái con người tử vì đạo xứng đáng được thương cảm tất nhiên chính là người nghệ sĩ diễn trò nhịn đói này, nhưng anh là người tử vì đạo hoàn toàn theo một nghĩa khác; ông ta đỡ lấy eo lưng gầy tọp của người nghệ sĩ với vẻ thận trọng thái quá để làm cho mọi người tin rằng

ông đang phải đỡ một con người vô cùng yếu ớt, rồi ông trao anh cho hai cô gái lúc này trở nên tái xanh như tàu lá - tất nhiên không phải là không kín đáo tỏ ra tránh né, đến nỗi người nghệ sĩ không giữ vững được người và bước đi lảo đảo. Giờ đây anh chấp nhận bất cứ điều gì; đầu anh gục xuống như thể bị lìa khỏi cổ mà vẫn treo lơ lửng trước ngực một cách khó hiểu; có thể anh có vẻ như hoàn toàn trống rỗng ở bên trong; được thôi thúc bởi bản năng sinh tồn, hai chân anh dựa đầu gối vào nhau để giữ cho vững, nhưng chúng dò dẫm sàn nhà như thể không tin đây là sàn nhà thực; và tất cả sức nặng cơ thể của anh, tất nhiên là rất nhẹ, đều đổ sang phía một cô gái, làm cho cô này - vì không nghĩ cái nhiệm vụ vinh dự này lại diễn ra như vậy - vừa thở hổn hển vừa cố vươn cổ ra để ít nhất tránh cho khuôn mặt mình khỏi chạm vào người nghệ sĩ, sau đó, vì không tránh được - còn người bạn may mắn của cô thì không chịu giúp cô mà chỉ run rẩy đỡ cánh tay toàn xương kia của người nghệ sĩ - cô nàng nói trên bắt đầu khóc lóc trong tiếng cười thích thú của những người trong phòng, và người ta đã phải thay cô bằng một anh hầu đã được bố trí kịp thời. Sau đó là đến việc cho ăn. Ông bầu bón từng miếng vào mồm anh lúc này đang ở trong trạng thái lơ mơ ngủ gần giống như bị ngất; trong lúc đó ông bầu nói chuyện vui vẻ với mọi người để đánh lạc hướng sự chú ý của họ về tình trạng của anh; sau đó ông còn phát biểu một lời chúc tụng công chúng và làm ra vẻ như thể người nghệ sĩ đã nhắc ông lời chúc đó; ban nhạc tấu một bản nhạc cuối cùng để kết thúc, mọi người ra về và không ai có quyền được bất bình về những gì mình đã được xem, không một ai ngoài người nghệ sĩ, người duy nhất mãi mãi bất bình.

Anh cứ sống nhiều năm như thế mà chẳng mấy khi được nghỉ ngơi, luôn luôn trong cảnh hào quang bề ngoài, được cả thế giới kính trọng, nhưng, mặc dù vậy nhiều khi anh vẫn cảm thấy buồn, và nỗi buồn càng tăng lên vì không ai muốn coi chuyện của anh là nghiêm túc. Làm thế nào để an ủi được

anh? Anh còn muốn gì nữa? Và nếu như thỉnh thoảng có một người tử tế thông cảm với anh và muốn giải thích cho anh biết rằng nỗi sầu muộn của anh có thể là do anh bị đói, thì có thể xảy ra chuyện - nhất là vào cuối giai đoạn nhịn đói - là người nghệ sĩ đáp lại bằng một cơn tức giận và bắt đầu túm lấy chấn song mà lắc như một con thú làm cho mọi người phải hoảng sợ. Tuy nhiên, ông bầu có một cách trừng phạt đối với những trạng thái như vậy, và ông rất thích sử dụng nó. Ông xin lỗi công chúng thay cho người nghệ sĩ và công nhận rằng thái độ của anh chỉ có thể là do khó tính khi bị đói, cái trạng thái mà những người no đủ không thể một sớm một chiều hiểu ngay được; sau đó nhân tiện ông nói về lời khẳng định cũng có thể giải thích được của người nghệ sĩ diễn trò nhịn đói, cho rằng anh có thể nhịn đói nhiều hơn nhiều so với mức anh đã nhịn; ông ngợi khen tinh thần cố gắng cao, ý định tốt đẹp và lòng tận tâm thể hiện qua lời khẳng định này, nhưng nói xong ông lại tìm cách quả quyết phủ nhận ngay nó bằng cách cho mọi người xem mấy tấm ảnh, thậm chí ông còn bán chúng nữa, trong ảnh là cảnh chụp người nghệ sĩ trong ngày nhịn đói thứ bốn mươi, anh nằm trên giường gần như chết lả đi vì yếu mệt. Chuyện bóp méo sự thật này thật quá sức chịu đựng đối với người nghệ sĩ, và dù nó quá quen thuộc đối với anh, nhưng cứ mỗi lần được chứng kiến anh lại khó chịu. Ở đây hậu quả của việc ngừng diễn sớm đã được coi chính là nguyên nhân của nó. Anh không thể đấu tranh chống lại một sự thiếu hiểu biết như vậy, chống lại cái thế giới thiếu hiểu biết như vậy được. Cứ mỗi lần đứng bên song cửa với vẻ tò mò và có thiện ý nghe ông bầu giải thích và sau đó chứng kiến cảnh ông ấy giới thiệu mấy tấm ảnh anh lại quay vào thở dài nằm vật ra đệm rơm, còn công chúng lại có thể yên tâm tới gần ngắm anh.

Nhiều năm sau, khi các nhân chứng của những cảnh như vậy nghĩ lại về chúng thì nhiều khi họ không còn hiểu chính cả bản thân mình. Bởi vì trong thời gian đó đã có sự thay đổi

mà tôi đã nói tới; sự thay đổi diễn ra gần như bất ngờ; có thể có những nguyên nhân sâu xa, nhưng giờ đây có ai còn muốn tìm hiểu chúng nữa đâu, dù sao thì đến một ngày nào đó người nghệ sĩ diễn trò nhịn đói trước đây vẫn từng được cưng chiều bỗng thấy mình bị cái đám đông mê giải trí kia từ bỏ để tìm đến những trò khác. Ông bầu còn vội vã làm một chuyến lưu diễn nữa qua nửa vòng châu Âu để xem có còn nơi nào lại quan tâm đến cái trò cũ này không; nhưng tất cả chỉ là vô ích; như thể có một âm mưu thông đồng rộng khắp làm cho bất cứ đâu người ta cũng tỏ ra ghê tởm thực sự đối với trò nhịn đói này. Tất nhiên rằng trên thực tế sự việc không biến đổi một cách đột ngột như vậy, và giờ đây cả hai đều nhớ lại một số triệu chứng báo trước mà hồi đó, vì quá say sưa bởi thành công, họ đã không chú ý đúng mức; còn giờ đây thì đã quá muộn để có thể làm được cái gì đó chống lại chúng. Thực ra có một điều chắc chắn rằng sẽ đến lúc người ta lại thích xem trò nhịn đói, nhưng điều này không an ủi được những người đang sống. Bởi lẽ bây giờ người nghệ sĩ diễn trò nhịn đói có thể làm được gì? Người đã từng được hàng nghìn người hoan hô giờ đây không thể xuất hiện trên những sân khấu bình thường, tại những khu chợ nhỏ, còn đối với chuyện tìm nghề khác thì người nghệ sĩ diễn trò nhịn đói không những đã quá già mà còn là quá say mê cuồng tín đối với trò nhịn đói. Thế là anh giã từ ông bầu, giã từ người bạn của một nghề có một không hai để gia nhập một gánh xiếc lớn; để khỏi tự ái, thậm chí anh cũng chẳng thèm xem các điều kiện hợp đồng.

Một gánh xiếc lớn, với một số lượng đông đảo người, vật và máy móc không ngừng hỗ trợ và bổ sung cho nhau, có thể sử dụng bất cứ ai vào bất cứ lúc nào, thậm chí cả một nghệ sĩ diễn trò nhịn đói, tất nhiên là trong những giới hạn của một số tham vọng khiêm tốn, và hơn nữa, trong trường hợp đặc biệt này, bản thân người nghệ sĩ biểu diễn nhịn đói không phải là người được thuê mướn mà chính là người ta thuê mướn

cái danh tiếng cũ của anh; thậm chí do tính chất đặc thù của loại hình nghệ thuật này là nó không giảm sút khi con người đến tuổi về già, ta sẽ không thể cho rằng một nghệ sĩ về hưu đang muốn tìm nơi ẩn náu trong một công việc chắc ăn ở rạp xiếc; trái lại, người nghệ sĩ diễn trò nhịn đói còn cam đoan rằng anh vẫn có thể nhịn ăn được như trước, điều mà người ta hoàn toàn có thể tin được, thậm chí anh còn khẳng định rằng nếu cứ để cho anh tự do hành động - điều mà anh sẽ hoàn toàn dễ dàng được phép - thì bây giờ mới là lúc thiên hạ phải ngạc nhiên thực sự, lời khẳng định này chỉ làm cho các nhà chuyên môn mỉm cười, do họ căn cứ vào không khí của thời đại, cái không khí mà người nghệ sĩ diễn trò nhịn đói đã vì say sưa mà đã quên đi một cách quá dễ dàng. Nhưng nói cho cùng thì người nghệ sĩ diễn trò nhịn đói cũng chưa bỏ mất hết cảm quan thực tiễn trước tình hình thật sự của vấn đề, cho nên anh đã không đồng ý cho trưng bày cũi của mình ở giữa vòng tròn rạp xiếc như là một tiết mục thành công, mà phải đặt ở ngoài trời, cạnh khu chuồng thú cho có vẻ tự nhiên, nhưng dù sao cũng phải ở một chỗ dễ tiếp cận. Xung quanh cũi sẽ dán các tờ quảng cáo to và nhiều màu sắc sặc sỡ để thông báo chuyện gì sẽ diễn ra trong cũi. Vào giờ giải lao, khi công chúng đổ xô về phía chuồng thú để xem các con vật, thì họ không thể không đi qua chỗ biểu diễn của chàng nghệ sĩ nhịn ăn và không thể không dừng chân một chút; thậm chí có thể họ sẽ còn nấn ná trước mặt anh lâu hơn nếu như dòng người từ phía sau không đẩy họ đi, bởi sự tò mò muốn biết chuyện gì đã làm tắc nghẽn đám đông trong cái hành lang nhỏ hẹp này. Đây là lí do làm cho chàng nghệ sĩ diễn trò nhịn đói luôn luôn hồi hộp trước lúc diễn ra những cuộc tham quan mà tất nhiên anh vẫn khát khao như là mục tiêu duy nhất của đời mình. Ban đầu phải cố gắng lắm anh mới đợi được đến giờ nghỉ giải lao; anh nhìn mê mẩn vào đám người đang chen vai nhau bước tới gần, cho đến khi anh nhanh chóng hiểu ra rằng, cứ xét theo ý định của họ thì đa số mọi

người muốn tới xem thú vật nhốt trong chuồng. Nhưng cái cảnh đám đông chen nhau từ xa vẫn là cảnh đẹp nhất. Bởi vì ngay khi họ tới gần là lập tức anh bị điếc tai bởi tiếng kêu và tiếng chửi rủa của hai phe đối lập nhau: một là của những người muốn yên lặng đứng ngắm anh, không phải vì thông cảm, mà là vì thói đồng bóng và cố chấp - phe này nhanh chóng trở nên khó chịu nhất đối với chàng nghệ sĩ - và một là của những người muốn ra thẳng ngoài chuồng thú. Sau khi đám đông đi khỏi thì đến lượt những người ra sau; nhưng những người này, mặc dù không còn gì ngăn cản họ và họ có thể dừng lại bao lâu tùy thích bên cũi của anh, nhưng họ lại tự nhiên vội vã bước qua để tranh thủ tới xem các con thú. Và cũng có khi có trường hợp may mắn là một ông bố dẫn theo đám trẻ con đi qua, ông chỉ tay về phía chàng nghệ sĩ diễn trò nhịn đói và giải thích cặn kẽ cho các con mình về công việc của anh, về những năm tháng trước kia khi ông đã từng được xem những buổi biểu diễn tương tự như thế này, tuy nhiên những buổi biểu diễn hồi đó tỏ ra uy nghiêm hơn nhiều, còn bọn trẻ thì vẫn không hiểu gì vì chúng không được học hành đầy đủ ở nhà trường cũng như ở ngoài đời - chúng có biết gì về chuyện nhịn đói đâu? - nhưng ánh mắt tò mò của chúng dù sao cũng để lộ một cái gì đó hứa hẹn một thời tương lai thuận lợi hơn. Về sau đôi khi khi chàng nghệ sĩ diễn trò nhịn đói đã tự nhủ rằng có lẽ tốt hơn là cũi của anh không nên để quá gần chuồng thú như thế này. Như thể người xem sẽ quá dễ dàng chọn lựa cảnh xem thú hơn, đó là chưa kể đến một điều, là mùi hôi của thú vật, tiếng động ban đêm của chúng, việc chuyên chở thịt sống đi qua ngay trước mũi anh, cùng những tiếng gầm của thú vật khi chúng ăn, tất cả đã làm anh không ngừng vô cùng đau khổ. Nhưng anh không dám than phiền với ban lãnh đạo; dù sao thực ra thì nhờ có đàn thú mà đám đông kéo đến xem xiếc và thỉnh thoảng cũng được một vài khán giả dành cho anh; ai mà biết được họ sẽ nhốt anh vào chỗ nào nếu như tình cờ họ bỗng nhớ tới sự tồn tại của anh và qua đó

nhớ tới chuyện anh chỉ là một vật cản trên con đường dẫn đám đông tới xem chuồng thú.

Tất nhiên anh chỉ là một vật cản nhỏ bé và càng ngày càng trở nên bé nhỏ hơn. Thiên hạ bắt đầu quen với sự việc kì lạ là ở thời nay mà người ta vẫn cố đòi hỏi họ phải chú ý tới một chàng nghệ sĩ diễn trò nhịn đói và cùng với thói quen ấy, họ bắt đầu tuyên bố lời phán quyết về anh: Anh cứ việc nhịn đói bao lâu tùy thích, và anh đã làm như vậy; nhưng chẳng còn gì có thể cứu vãn anh được nữa, thiên hạ cứ đi qua mà không hề chú ý đến anh. Ai dám giải thích cho họ nghệ thuật nhịn đói? Người nào không cảm thấy đói thì không thể hiểu được. Những tấm quảng cáo trình bày đẹp đẽ trở nên bẩn thỉu và không thể đọc nổi, chúng được đem cất đi và chẳng ai nghĩ đến chuyện thay cái mới, tấm bảng ghi ngày tháng để theo dõi số ngày nhịn đói của anh ban đầu được ghi chép cẩn thận hàng ngày, giờ đây nó bị người ta bỏ mặc không ngó ngàng gì đến, bởi vì sau mấy tuần đầu, nhân viên rạp xiếc bắt đầu ngán cái công việc tẻ nhạt này; và thế là thực ra chàng nghệ sĩ diễn trò nhịn đói vẫn cứ tiếp tục nhịn đói như trước đây anh đã từng mơ ước, và anh đã dễ dàng nhịn đói được tới mức như anh đã từng tuyên bố; nhưng chẳng ai còn đếm số ngày nhịn đói cho anh nữa, chẳng còn ai, ngay cả bản thân chàng nghệ sĩ cũng không còn biết mình đã thành công tới mức nào, điều này đã làm cho anh đau lòng. Và nếu như trong thời gian ấy có một kẻ vô công rồi nghề nào đó dừng lại thích thú xem cái bảng ghi số ngày vẫn không thay đổi từ lâu và nói lời bậy bạ, thì điều đó chỉ là một sự dối trá ngu ngốc xuất phát từ thái độ thờ ơ và bản năng xấu tính, bởi lẽ không phải chàng nghệ sĩ nhịn đói là người lừa dối - anh là người làm việc nghiêm túc, mà chỉ có thiên hạ là lừa dối anh về chuyện thưởng công.

Tuy nhiên, nhiều ngày nữa trôi qua và sự việc này cũng đi đến kết thúc. Một hôm có một viên quản lí nhìn thấy cái cũi

và hỏi những người phục vụ là tại sao họ lại bỏ cái cũi ở đó không dùng và chứa đầy rơm mục nát thế kia, một cái cũi còn có thể dùng được rất tốt; chẳng ai biết gì cả, cho đến khi có một người, khi nhìn thấy tấm bảng con ghi ngày tháng, mới sực nhớ đến chàng nghệ sĩ diễn trò nhịn đói. Họ bèn lấy sào bới đống rơm ra và tìm thấy anh nằm phía dưới. "Anh vẫn còn nhịn đói nữa ư? - viên quản lí hỏi, - khi nào thì anh định kết thúc?". "Xin các ông tha lỗi", - chàng nói thì thào, nhưng chỉ có viên quản lí là nghe thấy, vì ông ghé tai sát chấn song. "Tất nhiên, - ông này vừa nói vừa chỉ tay lên trán để giải thích trạng thái thần kinh của chàng nghệ sĩ cho đám nhân viên biết, - chúng tôi tha lỗi cho anh". "Suốt thời gian qua tôi đã muốn các ông thán phục cái cách nhịn đói của tôi", - chàng nghệ sĩ nói. "Thì đúng là chúng tôi thán phục", - viên quản lí ân cần đáp. "Nhưng các ông chẳng cần phải làm như vậy đâu", - chàng nghệ sĩ đáp lại. "Được thôi, thế thì chúng tôi không thán phục nữa, - viên quản lí nói lại, - nhưng tại sao chúng tôi lại không nên thán phục?". "Bởi vì tôi phải nhịn đói, không thể khác được", - chàng nghệ sĩ thều thào. "Ô kìa, tại sao lại không thể khác được?". "Bởi vì, - chàng nghệ sĩ vừa thều thào vừa ngóc đầu lên ghé sát tai viên quản lí như thể không muốn ông bỏ sót một câu, - bởi vì tôi không tìm thấy được món ăn ưa thích. Nếu thấy được, xin ông hãy tin tôi, tôi đã không làm cao đến thế đâu mà đã ăn no như ông và như tất cả mọi người rồi". Đó là những câu nói cuối cùng của anh, và trong đôi mắt hết sinh khí của anh vẫn ánh lên niềm tin chắc chắn, mặc dù niềm tin này không còn có vẻ tự hào như hồi xưa nữa, rằng anh vẫn cứ tiếp tục nhịn ăn.

"Giờ thì các anh dọn dẹp đi!" - viên quản lí ra lệnh, và thế là mọi người đem chôn chàng nghệ sĩ cùng với cả đống rơm. Còn chiếc cũi được dùng để nhốt một con báo. Đây thực sự là một cảnh tượng vui nhộn, thậm chí đối với cả người vô tình nhất, khi được ngắm con vật hoang dại lồng lộn trong cái cũi

bỏ không lâu ngày như thế này. Nó chẳng phải thiếu thốn gì cả. Những người canh gác sẵn sàng đem thức ăn hợp khẩu vị cho nó không chút do dự; thậm chí nó cũng không có vẻ cảm thấy thiếu tự do; cái cơ thể cao quý ấy mang trong mình nó tất cả những gì nó cần, thậm chí cho cả việc xé xác kẻ khác, nó làm cho người ta có cảm tưởng là nó mang trong mình cả sự tự do, sự tự do ấy có vẻ như trú ngụ ở đâu đó trong những chiếc răng khoẻ mạnh; và niềm vui cuộc sống toát ra từ cổ họng nó mãnh liệt đến nỗi khán giả không dễ gì sánh nổi. Nhưng họ vẫn kìm được mình để đứng vây quanh chiêm ngưỡng và không muốn rời khỏi cũi.

NGUYỄN VĂN DÂN *dịch.*

MƯỜI MỘT NGƯỜI CON TRAI

Tôi có mười một người con trai.

Người con cả không đẹp trai, nhưng nó đứng đắn và thông minh; song, mặc dù cũng yêu nó như tất cả những đứa con khác của mình, tôi vẫn không quý nó nhiều. Tôi cảm thấy tư duy của nó quá đơn giản, không nghĩ được rộng và cũng chẳng nghĩ được xa; nó chỉ quanh quẩn trong vòng tròn hay nói đúng hơn nó quay cuồng tại chỗ trong phạm vi tư duy chật hẹp của nó.

Người con thứ hai đẹp trai, cao dong dỏng và có thân hình cân đối; thật thích mắt khi nhìn thấy nó trong tư thế đấu kiếm. Nó cũng là người thông minh, và ngoài ra nó cũng là người hiểu đời; nó đi nhiều vì thế cho nên đến cả thiên nhiên

của đất nước cũng trở nên thân thiết với nó hơn là với những người chỉ quanh quẩn ở nhà. Tuy nhiên, đặc tính này hoàn toàn không chỉ - cũng như không phải trước hết là - do nó đi du hành nhiều mà đúng ra nó thuộc bản tính không thể bắt chước được của cậu con trai này, cái đặc tính mà bất cứ người nào cũng phải công nhận khi người ấy muốn bắt chước cú nhảy cầu lộn nhiều vòng của nó. Dù có can đảm và ham muốn, người bắt chước nó cũng chỉ dám bước ra tới đầu mút cầu nhảy rồi giơ hai tay làm bộ xin lỗi. Mặc dù vậy (thực ra tôi phải hạnh phúc vì có được đứa con như thế), quan hệ giữa tôi và nó không phải là không bị xáo trộn. Con mắt trái của nó nhỏ hơn mắt phải và nháy liên tục; tất nhiên đó chỉ là một khuyết tật nhỏ, nó làm cho vẻ mặt con trai tôi có nét khiêu khích hơn; và, trước cái tính cách bí hiểm khó tiếp cận của nó, sẽ không ai nhận thấy cái con mắt nhỏ hay nháy ấy. Nhưng tôi, với tư cách là người cha, tôi thấy rõ điều đó. Tất nhiên không phải khuyết tật này là cái làm cho tôi đau lòng, mà là trong tâm hồn nó có một điều dị thường nho nhỏ đặc trưng cho nó, như một thứ chất độc len lỏi trong máu, một sự bất lực trong việc tự hoàn thiện tổ chức cuộc sống riêng mà chỉ có tôi mới nhận ra. Cái khuyết tật này thực sự là của con trai tôi, bởi nó đồng thời cũng là khuyết tật của cả gia đình chúng tôi và nó xuất hiện rõ nhất ở đứa con thứ hai này.

Đứa con thứ ba của tôi cũng đẹp trai, nhưng không phải cái kiểu đẹp mà tôi thích. Đó là cái đẹp của một ca sĩ: cái miệng tròn, con mắt mơ màng, một cái đầu đòi hỏi phải có ri đô treo ở đằng sau để gây ấn tượng, bộ ngực ưỡn vồng lên, hai bàn tay sẵn sàng làm điệu bộ, hai chân đi lại kiểu cách bởi vì chúng không mang nặng được. Thêm vào đó, giọng nói của nó không tròn tiếng; nó làm cho người ta bị mê hoặc một lát, sau đó nó nhanh chóng mất đi tác dụng. Nói chung, mặc dù có thể tự hào về một người con như vậy, nhưng tôi vẫn muốn giữ kín nó; ngay cả nó cũng không muốn xuất hiện giữa đám đông, nhưng không phải vì nó biết khuyết tật của mình, mà chỉ vì

sự ngây thơ. Vả lại, nó cũng cảm thấy xa lạ giữa thời đại chúng ta; nó thường chẳng có ham muốn gì và chẳng gì có thể làm nó vui vẻ được, như thể ngoài gia đình tôi nó còn là thành viên của một gia đình khác đã vĩnh viễn biến mất.

Thằng con thứ tư của tôi có lẽ là người dễ gần nhất trong đám con cái tôi. Là một đứa con thực sự của thời đại, ai cũng có thể hiểu được nó, nó có chung mảnh đất với tất cả mọi người và bất cứ ai cũng muốn gật đầu chào khi gặp nó. Có lẽ, do sự đánh giá chung của mọi người như vậy, cho nên tính tình nó phần nào trở nên khoáng đạt, cử động của nó có phần tự do, những ý kiến của nó có phần dửng dưng. Người ta có thể muốn nhắc lại một số câu cách ngôn của nó, tất nhiên là chỉ một số câu thôi bởi vì nhìn chung chúng quá hời hợt. Nó giống như một người biết nhảy đẹp như một con én, tuy nhiên cuối cùng chẳng đi tới đâu. Những ý nghĩ trên đây làm tôi đau xót khi nhìn thấy đứa con trai này.

Đứa con trai thứ năm dễ thương và tốt bụng; nó hứa ít làm nhiều; nó ít có vai trò đến nỗi trước mặt nó anh vẫn thấy mình lẻ loi; nhưng dù sao nó vẫn được người ta kính trọng phần nào. Nếu ai hỏi tôi tại sao lại có chuyện như vậy thì hầu như tôi không thể nào trả lời được. Có lẽ do sự ngây thơ vẫn còn len lỏi nhẹ nhàng giữa sự hỗn loạn của các thành phần trong thế giới chúng ta, và thằng con tôi thật sự là người ngây thơ. Thậm chí có thể là quá ngây thơ. Nó tỏ ra thân thiện với bất cứ ai. Thậm chí có thể là quá thân thiện. Thực tình tôi phải công nhận rằng tôi không cảm thấy dễ chịu mấy khi có người khen ngợi nó trước mặt tôi. Vì như thế có nghĩa là anh đánh giá quá thấp lời khen của anh nếu anh khen một người rõ ràng là đáng khen như thằng con trai của tôi.

Đứa con thứ sáu của tôi. Nó là loại người uể oải và tuy thế vẫn là một kẻ ba hoa. Do đó đối với nó cũng khó có thể dàn xếp được. Nếu như đang rơi vào tình trạng tuyệt vọng thì nó trở nên buồn phiền không cứu vãn nổi, còn nếu giành được ưu thế thì nó trở nên ba hoa. Tuy nhiên tôi không phủ nhận là

nó có một niềm say mê nhất định, niềm say mê có thể làm cho nó trở nên quên mình; ngay giữa ban ngày mà đôi khi nó tỏ ra trầm tư như thể đang mơ. Nó không ốm - thậm chí có thể nói là rất khỏe - nhưng thỉnh thoảng nó vẫn hay lảo đảo, nhất là vào lúc chiều tối, nhưng nó không cần ai giúp đỡ cả mà vẫn không ngã. Có thể đây là lỗi ở sự phát triển thể xác của nó, vì nó quá cao so với tuổi. Điều này nhìn chung làm nó mất cân đối, bất chấp một số nét tỏ ra khá đẹp trai, chẳng hạn như tay chân của nó. Cả cái trán nó trông cũng khó coi, với nước da và cái hộp sọ phần nào khô đét.

Đứa con thứ bảy có lẽ hợp với tôi hơn tất cả. Thiên hạ không biết đánh giá cao nó; người ta không hiểu được tâm hồn khác biệt của nó. Tôi không phóng đại những ưu điểm của nó; tôi biết rõ là nó khá vô vị; giá như thiên hạ không còn có sai lầm nào khác ngoài sai lầm không biết đánh giá cao nó, thì thiên hạ còn là trong trắng. Nhưng trong gia đình tôi, tôi không muốn thiếu một người con như vậy. Nó vừa mang đến sự xáo trộn lẫn sự tôn trọng đối với truyền thống, và nó kết hợp cả hai, ít nhất là theo sự đánh giá của tôi, thành một nhất thể không thể chê trách được. Nhưng tất nhiên nó là người cuối cùng biết cách phải sử dụng các khối nhất thể ấy như thế nào, nó sẽ không khởi động cái bánh xe của tương lai; tuy nhiên tư chất này của nó thật là đáng khích lệ, thật là đầy hi vọng; tôi muốn nó có nhiều con, nhiều cháu. Đáng tiếc là ước muốn này có vẻ như sẽ không được thực hiện. Bị chế ngự bởi sự thỏa mãn mà tôi hiểu rõ đồng thời cũng không thể nào chịu nổi và nó mâu thuẫn với quan điểm của những người xung quanh, con tôi chỉ sống có một mình, không hề để ý đến một cô gái nào và, mặc dù vậy, nó vẫn không bao giờ mất đi vẻ thoải mái.

Đứa con thứ tám là đứa chỉ mang lại cho tôi nỗi lo lắng và buồn phiền; thực ra tôi chẳng tìm thấy một lí do nào cho tâm trạng này cả. Nó nhìn tôi với vẻ xa lạ, vậy mà tôi vẫn cảm thấy tôi với nó có những mối quan hệ cha con chặt chẽ. Thời gian đã uốn nắn nhiều điều; nhưng về sau đôi khi nghĩ đến nó

là tôi thấy rùng mình. Nó đã tự đi theo con đường của mình; nó cắt đứt mọi quan hệ với tôi. Nó đi bất cứ nơi nào nó muốn, với cái đầu cứng và với cái thân thể nhỏ nhắn, rắn rỏi của nó - chỉ có đôi chân thiếu niên của nó là yếu ớt, nhưng với thời gian chúng sẽ cứng cáp lên. Nhiều khi tôi muốn gọi nó về để hỏi xem thực ra nó có chuyện gì, tại sao nó lại xa lánh bố nó như vậy và nói cho cùng thì nó có ý định gì; nhưng giờ đây nó đã ở quá xa và thời gian cũng đã trôi qua quá lâu rồi, cho nên chỉ còn cách cứ để mặc nó muốn ở đâu thì ở. Tôi nghe nói nó là đứa con duy nhất của tôi để râu; tất nhiên, đối với một người quá thấp như nó thì để râu như vậy là không hợp lắm.

Đứa con thứ chín của tôi rất lịch lãm và nó có cái nhìn ngọt ngào dành cho phụ nữ, ngọt ngào đến nỗi đôi khi nó có thể quyến rũ được cả tôi, mặc dù, tôi biết rõ rằng thực ra chỉ cần dùng một miếng giẻ ướt là có thể lau sạch hoàn toàn cái vẻ rạng rỡ siêu nhiên ấy. Nhưng đặc điểm của thằng con này là thậm chí nó cũng không có ý định quyến rũ; nó có thể hài lòng nằm suốt ngày trên đi văng nhìn lên trần nhà, hay đúng hơn là nhắm mắt nghỉ ngơi. Khi nó nằm ở tư thế ưa thích này thì nó nói chuyện rất thoải mái và không hẳn là tồi; ngắn gọn và hoa mĩ; nhưng chỉ trong giới hạn hiểu biết của nó; nếu nó vượt quá giới hạn của mình - không thể tránh khỏi bởi lẽ hiểu biết của nó rất hạn hẹp - thì lời nói của nó trở nên rỗng tuếch. Anh có thể ra hiệu cho nó im lặng, nếu anh muốn đôi mắt ngái ngủ của nó có thể theo dõi được anh nói chuyện.

Thằng con thứ mười của tôi đúng là một tính cách giả dối. Tôi không muốn hoàn toàn phủ nhận, cũng không muốn quả quyết khẳng định cái khuyết tật ấy. Có một điều chắc chắn là bất cứ ai nhìn thấy nó xuất hiện với một vẻ trang trọng quá mức so với tuổi của nó, với chiếc áo vét tông lúc nào cũng cài khuy kĩ càng, với chiếc mũ phớt đen đội trên đầu - chiếc mũ cũ kĩ nhưng luôn luôn được chải chuốt cẩn thận, - với vẻ mặt bất động, với cái cằm hơi nhô ra phía trước, với đôi mí mắt cố giương to, và đôi khi với hai ngón

tay đưa lên miệng - bất cứ ai nhìn thấy nó như vậy cũng phải tự nhủ: đây là một thằng đạo đức giả vô liêm sỉ. Nhưng sau đó cứ thử nghe nó nói chuyện mà xem! Nó nói đâu ra đấy, mực thước, dứt khoát, trả lời câu hỏi với vẻ sắc sảo độc ác; trong sự hài hòa tự nhiên và đáng kinh ngạc với toàn bộ hoàn cảnh xung quanh; một sự hài hòa dứt khoát làm cho người ta phải vươn cổ và nhấc mình khỏi ghế. Có nhiều người tự cho là mình rất thông minh và tưởng rằng cái vẻ ngoài của con trai tôi làm cho họ ghê tởm, nhưng họ lại bị lời nói của nó cuốn hút rất mạnh. Tất nhiên cũng có những người không bận tâm đến vẻ ngoài của nó và họ thấy lời nói của nó là giả dối. Với tư cách là người cha, tôi không muốn có ý kiến quyết định về vấn đề này, nhưng tôi vẫn phải công nhận rằng ý kiến của nhóm người sau đáng được quan tâm hơn là của nhóm người trước.

Đứa con thứ mười một của tôi là một đứa ẻo lả, có lẽ là đứa yếu nhất trong số các con trai tôi; nhưng vẻ yếu đuối của nó có thể làm người ta mắc lừa; thỉnh thoảng nó tỏ ra mạnh mẽ và rắn rỏi; tuy nhiên ngay cả những lúc đó thì sự yếu đuối của nó vẫn là cơ bản. Nhưng đó không phải là một sự yếu đuối đáng xấu hổ, mà đó chỉ là cái được coi là sự yếu đuối trên trái đất của chúng ta. Chẳng hạn phải chăng việc anh sẵn sàng bay nhảy cũng là sự yếu đuối, bởi vì rõ ràng nó cũng có nghĩa là sự do dự, sự thiếu kiên quyết và là sự thiếu kiên định? Con trai tôi là một kẻ gần như vậy. Tất nhiên một người cha không thích con mình có những tư chất như thế; bởi vì có lẽ chúng sẽ dẫn đến việc hủy hoại cả gia đình. Đôi khi nó nhìn tôi như thể muốn nói: "Con sẽ cưu mang cha". Còn tôi thì nghĩ: "Mi sẽ là đứa con cuối cùng mà ta có thể trông cậy". Và cái nhìn của nó như muốn đáp lại: "Như vậy là ít nhất con cũng có thể trở thành đứa con cuối cùng".

Đó chính là mười một người con trai của tôi.

NGUYỄN VĂN DÂN *dịch*

GIẤC MƠ

Josef K. đang mơ.

Hôm ấy là một ngày đẹp trời và Josef K. cảm thấy thích đi dạo. Nhưng lúc đã đến nghĩa địa thì anh không thể nào đi nổi lấy vài bước nữa. Ở đó, các lối mòn rất ngoằn nghoèo, vừa thực lại vừa không thực, và anh đã trượt theo một trong số đó như thể lướt trên dòng nước chảy xiết với tư thế đĩnh đạc, thăng bằng, không run rẩy. Mãi tận đằng kia, một nấm mồ mới đắp đập vào mắt anh, anh muốn dừng lại bên cạnh. Nấm mồ ấy có sức quyến rũ lạ thường và anh cảm thấy mình không thể tiến nhanh đến đấy được. Thỉnh thoảng anh gần như không còn nhìn thấy do tầm nhìn của anh bị choán bởi những lá cờ cứ đột ngột đổi hướng và cứ vỗ phần phật vào nhau bằng một sức mạnh phi thường; người ta có thể nhìn thấy những kẻ cầm cờ và có vẻ nơi ấy đang diễn ra một buổi lễ cực kì vui nhộn.

Trong lúc vẫn đang nhìn về phía xa, bỗng nhiên anh lại thấy nấm mộ ngay bên cạnh con đường thay vì như thể anh đã bỏ xa nó lại phía sau. Anh vội vã nhảy lên vạt cỏ. Nhưng bởi vì con đường cứ tiếp tục lao đi dưới bàn chân đang di chuyển nên anh bị trượt và ngã khuỵu gối ngay trước nấm mồ. Hai người đàn ông đang đứng phía sau nấm mồ và giữ một tấm bia mộ lửng lơ trong không khí, giật mình bởi sự xuất hiện của K., họ dộng mạnh tấm bia xuống đất và nó đứng sừng sững như được gắn xi măng. Ngay lúc ấy, từ trong bụi cây, người đàn ông thứ ba xuất hiện; K. nhận ra ngay đấy là một nghệ sĩ. Ông ta chỉ vận một chiếc quần dài và một cái áo sơ mi cài cúc xộc xệch; trên đầu ông ta là cái mũ nhung; tay ông ta cầm một cây bút chì bình thường và vừa đi vừa vẽ những hình thù gì đó lên không trung.

Cầm cây bút ấy trong tay, ông ta hướng nỗ lực của bản thân vào đầu tấm bia mộ; phiến đá bia rất cao, ông không

phải cúi xuống, mặc dù phải nghiêng người về phía trước bởi lẽ nấm mồ, mà ông vừa mới rụt chân về, đang chắn giữa ông và bia mộ. Thế là, ông nhón chân lên và giữ cơ thể thăng bằng bằng cách chống tay trái lên mặt bia. Với một kĩ năng xoay người rất đáng kinh ngạc, ông ta cố viết dòng chữ vàng bằng cây bút chì bình thường của mình; ông viết: *Nơi đây an nghỉ* - từng chữ một sắc sảo và tuyệt đẹp bằng vàng ròng in sâu xuống mặt đá. Khi khắc xong hai từ này, ông ta liếc qua vai nhìn K. ; còn K., người nóng lòng muốn biết nốt dòng chữ ấy, không để ý gì đến người đàn ông mà chỉ chăm chăm nhìn tấm bia đá. Và thực tế là nghệ sĩ đã quay lại để viết tiếp, nhưng ông ta không thể, có cái gì đó đang ngăn cản ông ta, ông ta để cây bút xuống rồi quay nhìn K. thêm lần nữa. Lần này, K. nhìn lại ông ta và thấy rằng ông ta đang cực kì xấu hổ và không thể nào tự mình cắt nghĩa nổi. Tất cả sự hưng phấn ban đầu của ông ta đã biến đi đâu mất. Điều đó cũng khiến K. cảm thấy xấu hổ; họ trao cho nhau mấy cái nhìn cầu mong sự giúp đỡ; nhưng đã có một sự hiểu lầm kinh khủng xảy ra giữa họ mà cả hai đều không có khả năng giải quyết. Cái chuông nhỏ trong nhà nguyện ở nghĩa địa gióng lên không đúng lúc, nghệ sĩ đưa tay lên phác một dấu hiệu, tiếng chuông ngừng bặt. Nhưng chỉ lúc sau, nó lại ngân lên; lần này thì rất khẽ và không có vẻ gì là ương bướng, song lại dội vang lên đột ngột như thể bản thân nó đang tự kiểm tra giọng điệu của mình. K. cảm thấy khổ sở bởi vì tình huống khó xử của nghệ sĩ, anh bắt đầu oà khóc và thổn thức hồi lâu trong hai bàn tay khum lại, úp lên mặt. Nghệ sĩ đợi cho đến lúc K. bình tĩnh trở lại rồi quyết định - nhưng nó cũng chẳng ích gì - tiếp tục với việc khắc chữ. Cái dấu phẩy nhỏ đầu tiên ông ta đã làm, khiến K. nguôi ngoai, nhưng rõ ràng, thái độ của nghệ sĩ là cực kì miễn cưỡng khi làm điều đó; rồi chẳng mấy chốc cái công việc tẻ nhạt ấy cũng được kết thúc; ban đầu, cái hình thù ấy như thể một chiếc lá vàng bị khuyết hay một cái cọc hàng rào chưa dựng xong, rồi dần dần, dấu phẩy ấy kéo dài xuống chuyển

thành một chữ rất lớn. Đó là chữ J, và hầu như đã sắp hoàn thành; song ngay lúc đó, nghệ sĩ giận dữ giẫm một bàn chân lên nấm mồ mạnh đến nỗi đất cát dưới bàn chân ấy bay tung cả lên trời. Đến khi ấy, K. mới hiểu ông ta nhưng bây giờ thì đã quá muộn để ngỏ lời xin lỗi; dùng tất cả mấy ngón tay, anh đào sâu xuống lòng đất đã tơi, không một tí trở ngại; mọi thứ dường như đã được chuẩn bị từ trước; một lớp đất cứng mỏng đã được đắp lên chỉ để gìn giữ hiện vật; ngay bên dưới nó, một cái hố mở ra, bờ hố thoai thoải, K. chìm xuống hố, lưng lướt nhẹ trên luồng không khí mềm mại. Và trong lúc anh đã sẵn sàng để chìm xuống độ sâu tàn nhẫn thì đầu anh vẫn cứ nghểnh lên khỏi cổ, tên anh chạy ngang qua phiến đá phía trên trong dòng chữ rực rỡ.

Hớn hở trước cảnh tượng ấy, anh thức giấc.

LÊ HUY BẮC *dịch*

MỘT THẦY THUỐC NÔNG THÔN

Tôi rơi vào tình cảnh cực kì khó xử; tôi phải bắt đầu một chuyến đi khẩn cấp; một người mắc trọng bệnh đang đợi tôi ở một ngôi làng cách xa mười dặm; trận bão tuyết dữ dội đã lấp dày khoảng không gian rộng lớn giữa anh ta và tôi; tôi có một chiếc xe độc mã, một cỗ xe nhẹ bốn bánh, rất thuận tiện để đi lại trên các con đường ở vùng nông thôn của chúng tôi; quấn kín người trong chiếc áo lông, tay xách túi đồ nghề, tôi ra sân, sẵn sàng lên đường; nhưng không có một con ngựa nào ở đấy, không có lấy một con. Ngựa của tôi đã chết hồi đêm, chết vì

kiệt sức trong mùa đông giá lạnh này; bây giờ cô hầu của tôi đang chạy khắp làng cố mượn một con ngựa; nhưng việc ấy thật là vô vọng, tôi hiểu điều ấy, rồi tôi đứng đó, bất hạnh và cô đơn trong trời bão tuyết cứ thả tuyết lấp dày lên người tôi, cứ dày, dày thêm nữa, không thể nào cử động được. Cô hầu xuất hiện ở cổng, đi một mình, tay vung vẩy chiếc đèn lồng; dĩ nhiên vào thời điểm này, ai lại dám cho tôi mượn ngựa để đi? Tôi sải bước quanh sân thêm lần nữa; tôi không thể nào tìm thấy lối thoát; trong cơn cùng quẫn bối rối của mình, tôi co chân đá vào cánh cửa mục nát của cái chuồng lợn đã lâu không được sử dụng. Nó bật tung ra rồi cứ đưa qua đưa lại trên bản lề. Một luồng hơi mang mùi như mùi của ngựa thoát ra. Ngọn đèn lồng tù mù trong chuồng treo trên sợi dây cứ chao đi chao lại. Một gã đàn ông ngồi bệt trên nền đất thu mình trong khoảng không gian chật hẹp ấy, chìa bộ mặt có đôi mắt xanh mở to ra. "Tôi thắng xe được chứ?" gã hỏi lúc đang chống tay chân bò ra. Tôi không biết phải nói gì mà chỉ cúi xuống nhìn xem có còn vật gì nữa trong chuồng lợn không. Cô hầu khi ấy đang đứng bên cạnh tôi. "Ngài sẽ chẳng bao giờ biết ngài sẽ phát hiện ra cái gì trong chính ngôi nhà của ngài đâu," nó nói rồi cả hai chúng tôi cùng cười vang lên. "Nào, ra đi, người anh em; nào, hãy cùng ra đi, cô bạn gái!" gã chăn ngựa gọi và hai con ngựa, những con vật đồ sộ có những cái lườn chứa đầy sức mạnh, nối đuôi nhau tiến ra; chân chúng quặp sát vào mình, mấy cái đầu đẹp đẽ cúi thấp xuống như thể đầu lạc đà, rồi bằng sức mạnh phi thường của bộ mông, chúng nhích len qua khung cửa vừa sít thân hình chúng. Nhưng ngay lúc chúng đứng dậy, chân chúng dài ra và thân hình bốc hơi mù mịt. "Giúp anh ta một tay," tôi bảo, cô hầu vui vẻ chạy đến giúp gã thắng ngựa vào xe. Nhưng điều rắc rối đã xảy ra vào lúc cô hầu đến bên cạnh gã thì gã coi ngựa quờ nhanh tay ôm chầm lấy cô rồi gí mặt gã vào sát mặt cô. Cô hầu hét lên, vùng chạy lùi lại phía tôi, trên má cô hãy còn hằn đỏ những vết cắn của hai hàm răng. "Cái thằng súc sinh

kia," tôi giận dữ hét lên, "mày có muốn ăn đòn không?" nhưng ngay lúc ấy, tôi nhận ra rằng gã đàn ông ấy là một người lạ; tôi không biết gã từ đâu đến và gã tự nguyện giúp tôi khi tất cả những người khác đã từ chối. Như thể hiểu được những ý nghĩ của tôi, gã không phật lòng bởi lời đe dọa mà vẫn loay hoay với mấy con ngựa, và duy nhất một lần quay về phía tôi. "Lên xe đi," gã nói rồi nhấn mạnh: "mọi thứ đã sẵn sàng". Một đôi ngựa tuyệt vời, tôi nhận thấy, tôi chưa bao giờ ngồi sau con ngựa nào đẹp như thế; tôi hạnh phúc leo lên. "Nhưng tôi sẽ điều khiển, anh không biết đường," tôi nói. "Đương nhiên," gã đáp, "dẫu sao thì tôi sẽ không đi cùng ông. Tôi sẽ ở lại với Rose." "Không," Rose hét lên rồi lao vội vào nhà bằng một linh cảm chính xác rằng số phận của cô không thể nào thoát được; tôi nghe tiếng sợi xích cửa rung lên khi cô móc vào chốt; tôi nghe tiếng chìa khóa xoay trong ổ; hơn thế nữa, tôi có thể thấy cô tắt đèn trên lối ra vào và kể cả các ngọn đèn trong những căn phòng của ngôi nhà để giữ không bị phát hiện. "Anh sẽ đi cùng tôi," tôi bảo gã coi ngựa, "hoặc là tôi sẽ không đi dẫu cho chuyến đi này khẩn cấp đến đâu chăng nữa. Tôi sẽ không bận tâm đến nó bằng việc để anh ở lại đây với cô hầu." "Hãy chạy đi!" gã ra lệnh rồi vỗ mạnh tay; chiếc xe ngựa lao vù đi như thể một khúc gỗ cuốn giữa thác nước; tôi chỉ kịp nghe thấy cánh cửa của ngôi nhà kêu răng rắc và bật tung ra khi gã coi ngựa cạy phá, rồi tôi bị điếc và mù bởi cơn bão tuyết hung hãn ấy đã làm tê liệt các giác quan của tôi. Nhưng chỉ trong nháy mắt, tôi đã đến nơi; sân nhà bệnh nhân của tôi như nối liền trước cổng sân nhà tôi; mấy con ngựa lặng lẽ tiến về phía ngưỡng cửa; cơn bão tuyết dữ dội đã ngừng lại; ánh trăng toả sáng khắp nơi; bố mẹ bệnh nhân của tôi vội vã ra khỏi nhà, em gái của anh ta đi ra sau; tôi hầu như được nhấc bổng ra khỏi xe ngựa; trong mớ âm thanh chào hỏi hỗn độn của họ, tôi chẳng nghe nổi lấy một từ; trong phòng của người ốm, không khí ngột ngạt đến mức khó có thể thở nổi; một cái lò sưởi bừa bộn đang bốc khói um tùm; tôi muốn mở một cái

cửa sổ; nhưng trước hết tôi phải xem qua bệnh nhân của mình cái đã. Hốc hác, không sốt, không lạnh, không nóng, chỉ có đôi mắt vô hồn; không áo sơ mi, chàng trai nhổm người dậy từ dưới tấm chăn lông, quàng tay ôm lấy cổ tôi rồi thì thầm vào tai tôi: "Thưa bác sĩ, hãy để tôi chết." Tôi liếc nhìn quanh phòng; không có ai nghe được lời nói ấy; bố mẹ chàng trai đang cúi đầu im lặng chờ đợi lời chẩn đoán của tôi; cô em gái mang ra một cái ghế để tôi đặt túi; tôi mở túi và lục lọi trong mớ dụng cụ của mình; chàng trai vẫn cứ giữ chặt lấy tôi cạnh giường để nhắc nhở tôi về lời cầu khẩn; tôi nhặt ra một cái kẹp, soi nhìn dưới ánh nến rồi lại đặt vào túi. "Phải," tôi bỗng nảy lên ý nghĩ có tính chất báng bổ thần thánh, "trong những trường hợp như thế này thì đã có Thượng Đế cứu ta, người ban cho ta ngựa, và cho thêm một con thứ hai nữa đề phòng trường hợp khẩn cấp, rồi lại còn ban thêm cho ta một gã coi ngựa nữa chứ." Và chỉ đến bây giờ tôi mới sực nhớ tới Rose; tôi phải làm gì, tôi có thể cứu cô bằng cách nào, làm sao tôi có thể kéo cô tránh cái gã coi ngựa ở cách xa đây mười dặm đường với một đôi ngựa mà tôi không thể nào điều khiển nổi. Giờ đây, những con ngựa không biết bằng cách nào đã mở được dây cương, kéo bật được cửa sổ từ bên ngoài, tôi hoàn toàn không hiểu; mỗi con thò đầu vào một cửa sổ rồi mặc cho cả gia đình la hét thất thanh, chúng đứng bất động nhìn bệnh nhân. "Tốt hơn là trở về ngay thôi," tôi nghĩ, như thể những con ngựa đang gọi tôi đi về, nhưng tôi lại để cho em gái của bệnh nhân, người có vẻ vui vẻ khi thấy tôi bị choáng váng bởi hơi nóng, cởi cái áo khoác lông ra khỏi người tôi. Một cốc rum được rót cho tôi, ông lão vỗ vào vai tôi, cử chỉ thân mật quá trớn này được biện minh bởi món tài sản quý giá của lão đem ra mời tôi. Tôi lắc đầu; tôi cảm thấy khó chịu bởi tầm suy nghĩ hẹp hòi của lão; đấy là lí do duy nhất để tôi từ chối cốc rượu. Bà mẹ đứng cạnh giường cố mời mọc tôi uống; tôi đành chịu thua, rồi, trong lúc một con ngựa cất tiếng hí vang làm rung chuyển cả trần nhà, tôi áp tai xuống ngực chàng trai, bộ ngực

đang run lẩy bẩy dưới chòm râu ướt của tôi. Sự việc chứng tỏ đúng như tôi đã đoán trước; chàng trai hoàn toàn khỏe mạnh; chỉ tuần hoàn máu hơi trục trặc một chút, nó bị dồn mạnh bởi tách cà phê mà người mẹ quá nuông chiều ép con mình uống, nhưng cậu ta khỏe mạnh và việc tốt nhất mà tôi có thể làm là đẩy cậu ta ra khỏi giường. Tôi không phải là nhà cải cách thế giới và thế là tôi cứ để cậu nằm đó. Tôi là một thầy thuốc nông thôn và thực hiện nhiệm vụ của mình đến mức tối đa, tới một mức độ nào đó thì lòng tận tuy với công việc hầu như trở nên quá thừa thãi. Lương tôi cực thấp nhưng tôi lại hay hào phóng và giúp đỡ người nghèo. Tôi vẫn phải hiểu rằng Rose bình yên, và sau đó chàng trai chắc sẽ thực hiện được ước muốn của mình, tôi cũng muốn chết. Tôi biết làm gì ở đó trong mùa đông bất tận này! Ngựa của tôi đã chết và trong làng không có lấy một người nào sẵn lòng cho tôi mượn ngựa. Tôi phải lấy ngựa từ trong chuồng lợn; nếu chúng không có cơ hội trở thành ngựa thì tôi hẳn sẽ phải được mấy con lợn kéo đi. Sự thể là thế đấy. Tôi gật đầu với gia đình. Họ chẳng hiểu tí gì về chuyện ấy rồi khi hiểu ra thì họ không thể nào tin được..Kê một cái đơn thuốc là dễ nhưng để thấu hiểu mọi người thì không hề đơn giản tí nào. Ừ, đã đến lúc chấm dứt cuộc thăm viếng của tôi, đã hơn một lần, tôi bị gọi đi một cách không cần thiết, tôi đã quen với chuyện này, toàn bộ khu vực đã khiến cuộc sống của tôi khổ sở bởi những tiếng chuông đêm, nhưng cũng chính vì tiếng chuông ấy mà lần này tôi phải hi sinh cả Rose, một cô gái nết na đã sống trong nhà tôi suốt nhiều năm qua mà chưa nhận được sự lưu ý nào từ tôi - sự hi sinh ấy quả là quá mức đòi hỏi, và tôi, bằng cách nào đó phải nghĩ ra một lí do hợp lí cho nó bằng một mánh khoé mà tôi có thể tập trung vào, để không giận dữ chỉ trích gia đình này, mà với tất cả thiện chí, họ cũng không thể hoàn trả Rose cho tôi. Nhưng khi tôi đóng túi lại và đưa tay ra nhận áo khoác thì gia đình ấy vẫn đứng cả ở đó, ông bố ngửi ngửi cốc rượu rum đang cầm trong tay, còn bà mẹ thì hoàn toàn tỏ vẻ

thất vọng vì tôi - sao vậy, con người ta hi vọng điều gì nhỉ? - bà cắn chặt môi, mặt bà giàn giụa nước mắt, cô em gái bệnh nhân đang phe phẩy cái khăn đẫm máu, bằng một bí quyết truyền thống nhà nghề. tôi thực sự nhận ra rằng chàng trai đó đã bị ốm. Tôi tiến về phía bệnh nhân, anh ta nở một nụ cười chào đón như thể tôi đang mang đến cho anh ta một món xúp không còn một tí giá trị dinh dưỡng nào nữa - a, giờ thì cả hai con ngựa cùng hí vang; tôi cho là âm thanh ấy đã được Đấng Tối Cao truyền xuống giúp tôi khám cho bệnh nhân - và lần này, tôi phát hiện ra rằng chàng trai thực sự bị đau. Bên phía sườn phải của anh ta, đoạn gần hông, là một vết thương toác hoác miệng lớn bằng lòng bàn tay tôi. Màu đỏ tươi, luôn thay đổi hình dạng, đen ngòm ở dưới đáy, sáng hơn khi ở quanh miệng, những hạt máu nhỏ mịn, xen lẫn với những cục máu đen dị thường bày ra trông như thể miệng của một hầm mỏ trong ánh sáng ban ngày. Đấy là ngoại diện của nó khi nhìn từ xa. Nhưng khi quan sát gần hơn, ta lại thấy một sự phức tạp khác. Tôi không thể ngăn được tiếng suyt nho nhỏ biểu lộ sự ngạc nhiên. Những con giòi, mập và dài bằng ngón tay út của tôi, thân mình cũng có màu đỏ tươi và những cục máu đông, đang vặn vẹo mình bò hết tốc lực trong vương quốc vết thương về phía ánh sáng, chúng có những cái đầu trắng nhỏ và nhiều chân bé xíu. Chàng trai tội nghiệp, không còn cách cứu vãn nữa rồi. Tôi đã phát hiện ra vết thương khủng khiếp của chàng; cái bông hoa bên sườn ấy đã huỷ hoại đời chàng. Cả gia đình tỏ vẻ hài lòng bởi họ thấy tôi bận rộn; cô em gái khẽ nói với bà mẹ, bà mẹ thì thầm với ông bố, ông bố nói với nhiều người khách đang bước qua ngưỡng cửa tràn ngập ánh trăng, đi vào; họ nhón chân bước tới, hai cánh tay dang rộng ra để giữ thăng bằng. "Ông sẽ cứu được tôi chứ?" chàng trai thì thào trong tiếng nấc, hơi bị lòa bởi phải sống trong tình trạng thương tật. Tình cảnh ấy y hệt như nhiều người trong khu vực của tôi. Họ luôn hi vọng sự bất lực của thầy thuốc. Họ đã đánh mất những đức tin cao quý của mình;

cha xứ thì ngồi ở nhà cởi những chiếc áo lễ của mình, hết chiếc này đến chiếc khác; nhưng một người thầy thuốc thì được xem là người có quyền lực vô biên nhờ bàn tay phẫu thuật tài ba của mình. Ồ, như cách nó đã làm họ hài lòng; tôi không buộc họ phải chấp nhận sự chữa chạy của mình; nếu họ sử dụng sai chức năng của tôi cho mục đích thiêng liêng của họ thì tôi cũng để mặc cho nó xảy ra; tôi còn đòi hỏi điều gì tốt hơn nữa chứ khi ở địa vị một thầy thuốc nông thôn già còm cõm là tôi đây, người bị mất cô hầu gái của mình! Và thế rồi, họ tiến đến, toàn bộ gia đình ấy và các bô lão trong làng, để lột quần áo ra khỏi người tôi; một dàn đồng ca với những người lĩnh xướng dẫn đầu đã đứng trước ngôi nhà và hát vang lên những lời này bằng một giai điệu cực kì tẻ nhạt:

Hãy lột sạch quần áo hắn ra,
rồi thì hắn sẽ chữa được bệnh,
Nếu hắn không chữa được,
hãy cho hắn chết tươi!
Hắn là một thầy thuốc mà,
hắn là một thầy thuốc mà.

Khi quần áo tôi bị lột hết, tôi lặng lẽ nhìn mọi người, mấy ngón tay tôi lùa vào trong bộ râu, đầu tôi nghiêng sang một bên. Tôi đủ khả năng và bình tĩnh đương đầu với tình thế và cứ giữ nguyên tư thế như vậy, mặc dù nó chẳng giúp gì được tôi, nhưng bây giờ, họ khênh tôi - bằng đầu và chân - mang đến bên chiếc giường. Họ đặt tôi vào phía sát tường bên cạnh người bị thương. Rồi tất cả ra khỏi phòng; cánh cửa được đóng lại; giọng hát im bặt; những đám mây che khuất mặt trăng; chăn đệm ấm áp bọc quanh tôi; đầu của mấy con ngựa thò vào những cửa sổ để ngó gật gù tựa như những cái bóng. "Ông có biết," một giọng nói vọng vào tai tôi, "tôi đã hơi đặt niềm tin vào ông. Nhưng sao ông lại bị tống vào trong này, ông không thể đứng lên bằng đôi chân của chính mình. Thay vì giúp đỡ tôi, ông lại đang lấn chỗ trên giường chết của tôi. Điều tôi

muốn làm nhất bây giờ là móc mắt ông ra." "Được thôi," tôi nói, "làm thế thì thật là xấu hổ đấy. Vả lại tôi là một thầy thuốc. Tôi sẽ làm gì? Hãy tin tưởng tôi, việc ấy cũng đâu dễ đối với tôi." "Tôi có nên mãn nguyện với lời xin lỗi này không? Ồ, chắc tôi phải thế, tôi không thể nào cầm lòng nổi. Tôi luôn phải hài lòng với mọi việc. Tôi sinh ra với một vết thương đẹp; đấy là tất cả của hồi môn của tôi." "Anh bạn trẻ của tôi ơi," tôi nói, "sự nhầm lẫn của bạn là: bạn chưa từng trải. Tôi đã từng có mặt trong tất cả các phòng bệnh, ở bất cứ xó xỉnh nào và để tôi nói cho bạn hay: vết thương của bạn không quá mức hiểm nghèo. Nó có hình một cái góc nhọn, với hai vết rìu chém. Nhiều người đứng giơ sườn ra và khó nghe được tiếng rìu trong rừng, lại càng không nghe thấy tiếng rìu bên cạnh mình." "Chuyện này có thật không hay là ông đang lừa tôi lúc tôi bị sốt?" "Hoàn toàn có thật, tôi xin thề trước danh hiệu thầy thuốc nông thôn của mình." Chàng trai tin tưởng và nằm im. Nhưng bây giờ đã đến lúc tôi tính chuyện chạy trốn. Mấy con ngựa vẫn trung thành đứng tại chỗ của mình. Quần áo của tôi, áo khoác lông của tôi, cái túi dụng cụ của tôi nhanh chóng được thu nhặt lại; tôi không muốn lãng phí thời gian để mặc chúng vào; nếu lũ ngựa phóng về nhà nhanh như lúc chúng đến đây thì tôi chỉ như thể bước ra khỏi cái giường này để sang giường tôi. Một con ngựa tuân lệnh rời xa cửa sổ; tôi ném mớ quần áo vào trong xe; chiếc áo khoác lông bay quá xa và bị giữ lại do ống tay áo vướng vào móc. Thế cũng ổn rồi. Tôi nhảy lên lưng ngựa. Với những sợi dây cương được buông lòng thòng, một con ngựa chạy hơi nhanh hơn con kia; cỗ xe tròng trành ở phía sau, cái áo khoác lông của tôi bị kéo rê trong tuyết. "Chạy nhanh lên!" tôi giục, nhưng chúng không phi nước đại; mà cứ đi từ từ như những ông già, chúng tôi bò xuyên qua những đụn tuyết; suốt cả khoảng thời gian dài, phía sau chúng tôi, bọn trẻ cứ ngân nga một bài hát mới nhưng bị lỗi nhịp:

Hãy vui lên, hỡi các bệnh nhân.
Bởi thầy thuốc được nằm trên giường, bên cạnh các bạn!

Tôi sẽ chẳng bao giờ về được đến nhà bởi tốc độ đi này; kho kinh nghiệm phong phú của tôi càng được tích lũy; tay kế nhiệm đang ăn cướp của tôi, nhưng vô ích bởi lẽ y không thể nào chiếm được chỗ của tôi; trong nhà tôi, gã coi ngựa súc sinh kia đang hoành hành; Rose là nạn nhân của gã; tôi không muốn nghĩ về chuyện ấy thêm tí nào nữa. Trụi trần, phô tấm thân trong băng tuyết lúc đã vào độ tuổi bất hạnh nhất này, trên cỗ xe trần tục và mấy con ngựa siêu phàm, lão già ấy là tôi, tôi lạc lối. Chiếc áo khoác lông của tôi bị mắc ở phía sau xe nhưng tôi không thể nào với tới được, và chẳng một ai trong đám bệnh nhân tráo trở của tôi buồn nhúc nhích lấy một ngón tay. Bị lừa dối! Bị lừa dối! Một lần đã trót nghe theo tiếng chuông lọc lừa ấy trong đêm thì vĩnh viễn không thể nào cứu vãn nổi...

LÊ HUY BẮC *dịch*

CHÓ SÓI VÀ NGƯỜI A - RẬP

Chúng tôi dựng trại ở một nơi thoáng mát dễ chịu. Bạn đồng hành của tôi là giấc ngủ. Bóng dáng một người A-rập cao lớn, trắng trẻo đi ngang qua; ông ta trông mấy con lạc đà và đang trên đường về chỗ ngủ của mình.

Tôi đặt lưng mình xuống cỏ; tôi cố ngủ; tôi không thể ngủ

được; một con chó sói tru lên từ phía xa; tôi lại ngồi dậy. Và cái tiếng rú ở xa ấy đột nhiên trở nên gần hẳn. Đàn sói nhung nhúc vây quanh tôi, những đôi mắt chiếu ra tia sáng vàng đục rồi lại biến mất, những thân hình mềm mại di chuyển nhanh nhẹn nhịp nhàng như thể đang lẩn tránh làn roi.

Một con chó sói đến từ phía sau tôi rúc thẳng vào dưới cánh tay tôi, nép sát người tôi, như thể nó cần hơi ấm của tôi; rồi chuyển ra đứng phía trước, gần như gí sát mặt vào tôi mà nói.

"Con là một con chó sói già nhất trên thế gian này. Rốt cuộc, con đã rất sung sướng vì được gặp ngài ở đây. Con gần như đã tuyệt vọng, kể từ khi chúng con chờ đợi ngài trong những năm dài vô tận. Mẹ con đã đợi ngài, bà con cũng đợi ngài, và tất cả cao tằng thủy tổ nhà con cho tới người mẹ đầu tiên khai sinh ra dòng giống sói cũng đợi ngài. Đó là sự thật, xin ngài hãy tin con!"

"Thật đáng kinh ngạc," tôi nói, quên cả nhóm lửa đống củi đã được xếp sẵn để đốt đuổi chó sói đi xa, "điều vừa nghe được ấy đang làm ta ngạc nhiên quá đỗi. Đó là bởi sự ngẫu nhiên đơn thuần mà ta đến đây từ phương Bắc xa xôi và ta chỉ làm một tua du lịch ngắn trong vương quốc của ngươi. Vậy thì các ngươi cần gì, hỡi chó sói?"

Như thể được khuyến khích bởi câu hỏi có lẽ quá thân thiện mà vòng tròn sói ấy tiến lại gần tôi hơn; cả bọn há hốc mồm và thở hổn hển.

"Chúng con biết," sói già nhất bắt đầu nói, "rằng ngài đến từ phương Bắc; đó chính là điều mà chúng con lấy làm cơ sở để tiếp tục hi vọng. Người phương Bắc ngài có một kiểu trí tuệ mà không tìm thấy được ở những người A-rập. Để con nói cho ngài nghe nhé, với những người A-rập ấy thì chẳng có một tí trí tuệ nào có thể bám được vào sự kiêu ngạo lạnh lùng của họ. Họ giết động vật làm thức ăn, còn những con đã chết thì họ không để mắt tới."

"Không nên lớn tiếng thế," tôi nói, "có mấy người A-rập đang ngủ ở gần đây."

"Ngài là người lạ mặt duy nhất ở đây," chó sói nói, "nếu không thì hẳn ngài đã biết rằng trong lịch sử thế giới chưa từng có bất kì một con chó sói nào lại sợ người A-rập. Tại sao chúng con phải sợ hãi họ. Phải chăng là chưa đủ bất hạnh đối với chúng con để phải sống tha hương giữa những sinh vật ấy sao?"

"Có thể, có thể." tôi nói, "nhưng những vấn đề quan trọng như vậy lại nằm quá xa quyền hạn của ta, ta không đủ thẩm quyền để phân xử; đối với ta, vấn đề tranh cãi ấy dường như đã rất xưa rồi. Ta cho rằng việc tranh cãi ấy đã ngấm vào máu và có lẽ chuyện ấy nên kết thúc đi thôi."

"Ngài rất thông minh," sói già nói; và hơi thở hổn hển của đàn sói càng dồn dập hơn; khí từ phổi chúng thoát ra ngoài mặc dù chúng vẫn đang đứng bất động; luồng xú uế tuôn ra từ cái mõm há ra của chúng thỉnh thoảng đã khiến tôi phải nghiến chặt răng để chịu đựng, "ngài rất thông minh, điều mà ngài vừa nói hoàn toàn phù hợp với truyền thống lâu đời của chúng con. Vì vậy chúng con sẽ hút máu chúng và bất hòa sẽ hết."

"Ôi!" tôi nói, hào hứng hơn cả dự định, "Họ sẽ tự bảo vệ; họ sẽ hạ các ngươi hàng tá một bằng súng trường."

"Ngài hiểu sai chúng con rồi," nó nói, "nhược điểm của con người là sự cố chấp rõ rệt thậm chí cũng xảy ra cả với những người sống ở nơi tận cùng của miền Bắc. Chúng con không dự định giết họ. Tất cả nước sông Nile cũng sẽ không rửa sạch được cho chúng con điều tội lỗi đó. Tại sao, chỉ một cái nhìn tham lam sống sượng của họ cũng đủ để khiến chúng con phải cụp đuôi lại và chạy trốn vào không gian trong lành, vào sa mạc, những nơi ấy đích thị là nhà của chúng con".

Rồi tất cả những con chó sói trong vùng, kể cả nhiều con mới đến từ nơi xa đều hạ mõm xuống giữa hai chân trước và dụi mõm vào chân; như thể là chúng đã cố nén sự phẫn nộ lớn đến nỗi tôi cảm thấy muốn nhảy qua đầu chúng để cao chạy xa bay.

"Vậy thì, các ngươi muốn đề nghị điều gì?" tôi hỏi trong lúc đang nhấc chân lên nhưng tôi không thể bước nổi; hai con súc sinh miệng còn hôi sữa phía sau tôi đã ngoạm răng chúng xuyên qua cả áo khoác lẫn áo sơ mi của tôi. Tôi phải tiếp tục ngồi yên. "Đấy là những người hầu mang đuôi áo cho ngài", sói già giải thích với vẻ rất nghiêm túc, "dấu hiệu của lòng tôn kính." "Chúng phải thả áo ra!" tôi gào lên, trong lúc hết quay nhìn sói già, lại quay nhìn sói non. "Tất nhiên chúng sẽ buông," sói già nói, "nếu đó là điều ngài muốn. Nhưng sẽ mất một chút thời gian, để chúng phải nhả răng ra, đấy là phong tục của chúng con, và trước tiên chúng phải há miệng dần dần. Trong lúc ấy, xin ngài hãy lắng tai nghe lời cầu xin của chúng con." "Thái độ của ngươi không chính xác là lời cầu xin sự ban ơn của ta," tôi nói. "Đừng có đưa cái đó ra để khước từ chúng con, việc ấy sẽ khiến chúng con hoang mang," nó nói, và bây giờ lần đầu tiên nó trông cậy vào chất giọng buồn bã tự nhiên của mình, "chúng con là loài vật đáng thương, chúng con không có gì cả mà chỉ có răng thôi; bất cứ việc gì chúng con muốn làm, dầu tốt hay xấu, chúng con chỉ có một dụng cụ duy nhất là răng.". "Được rồi, thế ngươi muốn gì?" tôi nói, tình thế không vì thế mà dịu đi nhiều.

"Thưa ngài," nó gào, và cả đàn sói cùng tru lên; nghe từ xa đấy như thể một giai điệu du dương. "Thưa ngài, chúng con muốn ngài làm chấm dứt mối bất hoà đã cắt chia thế giới này. Ngài đúng là người mà tổ tiên chúng con đã tiên đoán là sinh ra để làm việc đó. Chúng con không muốn bị người A-rập làm khổ hơn nữa; chúng con muốn có không gian để thở; có đường ranh giới để cách ngăn với họ; chúng con không muốn có thêm nữa tiếng kêu be be của những con cừu bị giết dưới lưỡi dao của người A-rập; loài vật phải được chết một cái chết tự nhiên; không được can thiệp cho đến khi chúng con hút sạch trơn cái xác và mút xương của nó. Làm sạch, làm sạch không là gì cả nhưng đấy là điều mà chúng con cầu" - và bây giờ cả đàn sói đang than vãn và thổn thức -

"làm sao mà con người ta có thể chịu đựng nổi để sống trong một thế giới như thế, trái tim cao quý và tấm lòng nhân ái ơi? Màu trắng của chúng mới tục tĩu thay; màu đen của chúng mới tục tĩu thay; râu ria của chúng là cả một nỗi kinh hoàng; mỗi cái nhìn phát ra từ những hốc mắt của chúng khiến cho con người ta muốn khạc nhổ; và khi chúng nhấc tay lên, cái mõm tối tăm của địa ngục ngoác ra trong nách chúng. Và cứ thế, thưa ngài, cứ thế, thưa ngài cao quý với phương tiện của bàn tay đầy sức mạnh của ngài xin ngài hãy đâm toạc cổ họng chúng bằng chiếc kéo này!" Rồi đáp lại cái gật đầu của nó, một con sói lon ton chạy ra, răng nanh nó ngoạm lủng lẳng một chiếc kéo may nhỏ đã bị gỉ từ lâu.

"A, chiếc kéo đây rồi, và đã đến lúc phải dừng lại!" người A-rập dẫn đầu đoàn lái buôn của chúng tôi kêu lên, ông ta đã bò ngược gió về phía chúng tôi và bây giờ đang vung cái roi da to tướng của mình lên.

Lũ sói hốt hoảng bỏ chạy nhưng chỉ vừa chạy một quãng ngắn chúng liền tập hợp lại thành một đám đông lúc nhúc, cả đàn sói đã quây lại cứng đến nỗi trông chúng như thể bị nhốt trong một bãi quây súc vật nhỏ được bao quanh bởi những cái bóng ma trơi lập lòe dồn chúng lại.

"Thế là ngài cũng phải xử lí cái trò này, thưa ngài," người A-rập nói rồi cười một cách hoan hỉ tới mức mà khả năng của dòng giống y cho phép. "Vậy ông có biết những con thú ấy sẽ làm gì tiếp theo?" tôi hỏi. "Đương nhiên," ông ta nói, "chuyện ấy đơn giản thôi mà; nếu người A-rập tồn tại thì chiếc kéo đó sẽ lang thang khắp sa mạc và sẽ vờn chúng tôi cho đến ngày tận thế. Người ta phân phát nó cho những người châu Âu để làm công việc vĩ đại; tất cả những người châu Âu là những người mà Thần Định Mệnh đã chọn cho chúng. Chúng có những hi vọng cực kì điên cuồng, cái lũ sói ấy mà; chúng đần lắm, hoàn toàn đần độn. Điều đó giải thích tại sao chúng tôi thích chúng; chúng là những con chó của chúng tôi, những con chó hoàn hảo hơn bất kì con nào trong số của ngài. Bây giờ, thì ngài hãy nhìn

kìa, một con lạc đà đã chết tối qua và tôi đã sai người mang nó về đây."

Bốn người đàn ông mang cái xác nặng nề tới và quẳng xuống trước mặt chúng tôi. Ngay khi cái xác chưa chạm đến mặt đất thì lũ sói đã cất giọng hú vang. Rồi như thể không thể cưỡng lại được sợi dây kéo vô hình, từng con một bắt đầu lần về phía trước, bò dán bụng xuống đất. Chúng đã quên bẵng đi những người A-rập, quên luôn cả sự căm thù; sự xuất hiện mùi thối của xác chết đã ngay lập tức xóa bỏ tất cả những xung đột trong chúng và hớp hồn chúng về phía cái xác. Một con sói đã kề mõm vào cổ của con lạc đà, răng sói cắm ngập thẳng vào động mạch. Giống như một cái bơm xe đang nỗ lực với rất nhiều những quyết tâm cũng như hi vọng để xoá bỏ ngọn lửa căm thù nào đó, mỗi một bắp thịt trên cơ thể nó căng ra và hùng hục thực hiện nhiệm vụ. Trong nháy mắt cả đàn sói đã chồm lên cái xác dồn thành đống cao tựa ngọn núi, cùng nhau xâu xé cái xác đó.

Và bây giờ người dẫn đầu đoàn lái buôn vung cái roi da mảnh lên vụt chéo trên lưng chúng. Chúng ngẩng đầu; trong trạng thái nửa tỉnh nửa mê; và thấy những người A-rập đứng trước mặt chúng: cảm thấy cái đau nhói của chiếc roi da trên mõm: chúng nhảy lên rồi vội vã chạy lùi lại. Nhưng máu của con lạc đà đã đọng thành vũng, bốc mùi nồng nặc lên trời, cái xác bị xé tanh bành ra làm nhiều mảnh, chúng không thể chống lại được sự quyến rũ ấy; chúng lại quay lại; thêm một lần nữa người chỉ huy sắp vung cái roi da của ông ta lên. Tôi giữ tay y lại.

"Ngài đúng đấy, thưa ngài," ông ta nói, "ta sẽ để mặc chúng với công việc của chúng; hơn nữa, đã đến lúc phải nhổ trại. Đấy, ngài đã thấy chúng đấy. Những sinh vật tuyệt vời, có phải không? Và sự căm thù của chúng dành cho chúng ta mới khủng khiếp làm sao!"

ĐÀO THU HẰNG *dịch*

NGƯỜI CƯỠI XÔ

Than đã hết nhẵn; cái xô trống rỗng, cái xẻng vô dụng; bếp lò buông từng hơi thở lạnh buốt; căn phòng băng giá; bên ngoài cửa sổ, lá cây đờ đẫn, phủ đầy sương muối; bầu trời tựa cái khiên bạc cự tuyệt bất cứ ai nhìn lên tỏ ý cầu khẩn. Tôi phải có than; tôi không thể bị chết cóng; phía sau tôi là lò sưởi tàn nhẫn, đằng trước mặt là bầu trời độc ác, thế là tôi phải len qua chúng, trên hành trình tìm kiếm sự cứu giúp từ người bán than. Nhưng rõ ràng ông ta đã điếc trước bất kì những yêu cầu bình thường nào; tôi phải chứng minh đầy thuyết phục với ông ta là tôi chẳng còn lấy một mẩu than nhỏ nào nữa và nói cho ông ta biết rằng với tôi ông ta là ánh dương trên bầu trời. Tôi phải đến trong dáng điệu của một kẻ ăn mày, với những âm thanh hấp hối đã dâng lên tận cổ và tỏ dấu hiệu sẽ gục chết trên ngưỡng cửa; với dáng điệu ấy, tay đầu bếp của một con người vĩ đại hẳn sẽ mủi lòng bố thí cho chỗ cặn cà phê; như thế hẳn là quá đủ đối với người bán than, với thái độ giận dữ, nhưng hiểu được yêu cầu, "Mày sẽ không chết đâu," hất một xẻng than đầy vào xô của tôi.

Tư thế đến của tôi hẳn quyết định vấn đề; vậy nên tôi nhảy cỡi lên cái xô. Khi đã ngồi trên xô, tay tôi nắm quai xô, một loại dây cương giản dị nhất, tôi chật vật đẩy thân mình xuống cầu thang; nhưng khi vừa đến bên dưới, cái xô của tôi bay lên, diệu kì, diệu kì; lũ lạc đà nằm chồm chổm trên mặt đất, rùng mình khi bị xà ích quật, cũng không thể đứng lên nghiêm trang hơn thế. Qua những đường phố đóng băng lạnh giá, chúng tôi đi dễ dàng bằng những nước phi đều đặn; đôi khi tôi được nâng cao lên ngang tầng hai của một ngôi nhà; chẳng bao giờ tôi thấp hơn những cánh cửa của ngôi nhà đó. Và cuối cùng tôi

bềnh bồng ở độ cao khó tả bên trên căn hầm vòm của người bán than, người mà từ xa tôi thấy đang lom khom bên cái bàn nơi ông ta đang viết; ông đã mở cửa để cho thoát bớt lượng nhiệt quá nóng.

"Ông bán than ơi!" tôi gào bằng giọng bỏng cháy vang vọng bởi sương giá và nghèn nghẹn trong đám mây do hơi thở tôi tạo ra, "hãy làm ơn, ông bán than ơi, cho tôi ít than. Cái xô của tôi nhẹ đến nỗi tôi có thể cỡi lên nó. Xin ông làm phúc cho. Khi nào có, tôi sẽ trả ngay cho ông."

Người bán than đưa bàn tay lên tai. "Tôi nghe thật chứ?" ông ta ngoảnh lại hỏi vợ. "Tôi có nghe rõ không? Một khách hàng."

"Tôi chẳng nghe thấy gì," vợ ông nói, bà ta tiếp tục đan, thở ra hít vào đều đặn, lưng bà ta được sưởi ấm dễ chịu bởi hơi nóng.

"Ồ, đúng; ông đã nghe rồi," tôi gào lên. "Tôi đây, một khách hàng cũ; thuỷ chung và trung thực; duy chỉ bây giờ không có phương tiện mà thôi."

"Bà này," người bán than nói, "có ai đấy, hẳn là ai đấy; tai tôi không thể nghe rõ; nhưng đấy chắc là một khách hàng cũ, một khách hàng rất xưa cũ, âm thanh ấy có thể làm lay động tận đáy lòng tôi."

"Ông nói gì, có người ư?" vợ ông ta nói lúc ngừng đan một lúc và thả đồ đan vào lòng. "Chẳng có ai cả đâu, đường phố hoang vắng, tất cả khách hàng của chúng ta đã được cung cấp đủ; chúng ta có thể đóng cửa hàng vài ngày để nghỉ ngơi."

"Nhưng tôi vẫn đang ngồi trên cái xô đây này," tôi gào lớn và không cảm thấy nước mắt đã đông thành đá làm mờ mắt tôi, "xin hãy nhìn lên đây, chỉ một lần thôi; ông bà sẽ thấy tôi ngay; tôi van hai người, chỉ một tiếng thôi; và ngộ nhỡ ông bà cho tôi thêm thì ơn huệ ấy sẽ khiến tôi hạnh phúc đến nỗi tôi chắc không biết mình sẽ phải làm gì. Tất cả khách hàng khác

đã được cung cấp. Ôi, giá mà tôi có thể nghe được tiếng than lạo xạo trong xô này!"

"Tôi sắp ra đây," người bán than nói, và đứng dậy trên đôi chân ngắn của mình, ông ta sắp leo lên các bậc cấp của căn hầm, nhưng bà vợ đã đứng ngay sau ông, nắm tay giữ lại và nói, "Ông cứ ở trong này; tôi sẽ đi bởi thấy ông cứ khăng khăng với ảo tưởng của mình. Thử nghĩ đến những cơn ho tồi tệ mà ông đã ho suốt đêm. Nhưng chỉ vì một tí công việc, thậm chí đấy chỉ là người mà trí tưởng tượng của ông dựng lên, ông đã quên phắt vợ con và hi sinh cả buồng phổi của mình nữa. Tôi sẽ đi."

"Vậy thì hãy nhớ nói cho anh ta hay tất cả các loại than ta có trong cửa hàng; tôi sẽ đọc to giá ngay sau lời bà."

"Thôi được," vợ ông nói lúc leo lên để ra đường. Rõ ràng bà ta thấy tôi ngay. "Bà bán than ơi," tôi gọi, bằng giọng điệu nhã nhặn nhất của tôi; "chỉ một xẻng than đầy; đổ vào xô của tôi đây này; tôi sẽ tự mang nó về. Một xẻng than xấu nhất mà bà có. Dĩ nhiên, tôi sẽ trả bà tiền của cả xô đầy, nhưng không phải ngay bây giờ, không phải ngay bây giờ." Cụm từ "không phải ngay bây giờ" nghe như thể tiếng chuông cáo chung và thật hãi hùng làm sao khi những âm thanh ấy lại hòa vào tiếng chuông tối vọng xuống từ tháp chuông nhà thờ bên cạnh.

"Này, anh ta cần gì vậy?" người bán hàng hét hơi lớn. "Không có gì," vợ ông hét đáp lại, "không có gì ở đây cả; tôi chẳng nhìn thấy gì, tôi chẳng nghe thấy gì; chỉ có sáu tiếng chuông, và bây giờ chúng ta phải đóng cửa hàng. Cái lạnh thực khủng khiếp; ngày mai, chúng ta sẽ có nhiều việc để làm lại đấy."

Bà ta không thấy gì và chẳng nghe thấy gì; cũng như lúc bà ta tháo dây buộc tạp dề rồi vung tạp dề quạt tôi đi xa. Xúi quẩy thay, bà ta đã thành công. Cái xô của tôi có tất cả những phẩm chất của một con ngựa hay ngoại trừ sức kháng cự, nó

không có; nó quá nhẹ; cái tạp dề của người đàn bà có thể quạt nó bay trong không khí.

"Đồ đàn bà ác độc!" tôi hét với lại trong lúc bà ta quay vào cửa hàng nửa tỏ vẻ ngạo nghễ, nửa trấn an, vung nắm đấm trong không khí. "Cái con mụ đàn bà khốn nạn! Tao cầu xin mày mỗi một xẻng than xấu nhất mà mày cũng không cho." Với tiếng nguyền rủa ấy, tôi đáp xuống dãy núi băng và vĩnh viễn biến mất.

LÊ HUY BẮC *dịch*

THÔNG ĐIỆP CỦA HOÀNG ĐẾ

Hoàng thượng - nên bắt đầu câu chuyện như vậy - đã gửi bức thông điệp cho bạn, một kẻ cô đơn, một kẻ kém cỏi nhất trong số thần dân của ngài, kẻ đã chạy trốn trước ánh sáng chở che của Hoàng đế cho tới khi trở nên rất nhỏ bé ở một nơi xa xôi hẻo lánh nhất, thật xứng đáng để bạn được Hoàng đế gửi thư trong lúc lâm chung. Ngài bắt sứ giả quỳ xuống bên giường để thì thầm vào tai gã; cảm thấy nó khá quan trọng nên ngài bắt gã nhắc lại vào tai ngài. Bằng một cái gật đầu, ngài xác nhận thông điệp đã được nhắc lại chính xác. Và rồi, trước mặt toàn bộ đám cận thần tập hợp lại để chứng kiến cái chết của ngài - tất cả những bức tường ngăn cách cái nhìn trước đấng quân vương đã bị sụp đổ và trên bệ đứng của các vị quý tộc

trong vương quốc ở đường vòng cung cao rộng của các bậc tam cấp, trước mặt tất cả những người xung quanh, người đưa thông điệp được cử đi. Ngay lập tức sứ giả lên đường; đó là một gã khỏe mạnh, không biết mệt mỏi; giờ đây đang vung một cánh tay ra, rồi vung tiếp tay còn lại, dùng sức mạnh của mình rẽ lối qua đám đông; khi nhận thấy sự cản trở thì gã liền chỉ vào dấu hiệu mặt trời trên ngực mình; gã đã vượt qua quá dễ dàng, như không một lần nào có thể dễ hơn thế nữa. Đám quần thần tụ họp đông đảo, và kéo dài đến vô tận. Nếu gã chỉ có một khoảng trống tự do trước mặt, thì gã sẽ chạy và ngay khi ấy bạn sẽ nghe thấy tiếng gõ đầy vinh dự bằng nắm đấm của gã trên cửa nhà bạn. Nhưng thay vì điều đó, với sự gắng sức vô ích của gã - gã vẫn dùng vũ lực để đi vào buồng ngủ chốn hậu cung - gã sẽ chẳng bao giờ đi hết được đám đông ấy; và dù nếu gã có đi được, gã cũng không đi hết nổi; gã sẽ phải đấu tranh để đi xuống cầu thang; và dù cho nếu gã có đi xuống được, gã cũng sẽ không đi hết; gã sẽ vẫn phải đi qua những cái sân nhỏ; và sau những sân nhỏ đó là một cái sân thứ hai nằm ngoài cung điện đầu tiên; rồi nhiều cầu thang hơn, nhiều sân nhỏ hơn; vẫn còn một cung điện khác nữa; và cứ thế cho đến hàng ngàn năm; để cuối cùng gã xông ra cái cổng xa nhất - nhưng không bao giờ, không bao giờ có thể xảy ra chuyện đó - gã sẽ vẫn phải đứng trước thủ đô của gã, trung tâm của thế giới, ngập ngụa những cặn bã của loài người. Không ai có thể dùng sức mạnh để vượt qua được điều đó, xấu hổ hơn cả lại là một thông điệp được phó thác từ người đã khuất. - Còn bạn thì cứ ngồi bên cửa sổ của mình mà mơ mộng đó là sự thực, khi màn đêm buông xuống.

ĐÀO THU HẰNG *dịch*

LÀNG GẦN NHẤT

Ông tôi thường hay nói: Cuộc đời ngắn ngủi đến kì lạ. Trong kí ức của ông, giờ đây nó thu nhỏ mình lại đến mức thật khó hiểu nổi vì sao một chàng trai lại có thể quyết định đi ngựa tới làng gần nhất mà không e ngại - cứ cho là không gặp tai nạn gì đi nữa - rằng một kiếp sống bình thường và trôi chảy cũng còn khó mà đủ cho cuộc du lãm ấy.

ĐẶNG ANH ĐÀO *dịch*

NHẬT KÝ

ĐOÀN TỬ HUYẾN *dịch*

Lời người dịch: *Franz Kafka là một trong những nhà văn phức tạp nhất của thế kỉ XX - phức tạp ngay trong chính tư tưởng sáng tác của ông, phức tạp cả ở sự tiếp nhận, đánh giá ông của công chúng và các nhà nghiên cứu, phê bình khắp thế giới. Để hiểu ông hơn phải cần đến những chìa khoá dẫn vào cánh cửa tâm hồn ông. Nhật kí của Kafka, nhiều trăm trang, được viết rải rác trong nhiều năm, là một trong những chìa khoá quan trọng đó. Vì vậy, trong khi làm* Tuyển tập tác phẩm Kafka, *chúng tôi cố gắng chọn dịch một số trang nhật kí của ông, nhằm giúp bạn đọc có thêm tư liệu tìm hiểu cuộc đời và tác phẩm của nhà văn "bí ẩn" này. Dịch nhật kí rất khó, đặc biệt là nhật kí Kafka, chúng tôi là người đầu tiên làm việc này, - nghĩa là dịch nhật kí Kafka sang tiếng Việt, mà lại qua một thứ tiếng trung gian, - nên chắc chắn không thể nào tránh khỏi sai sót (ngay ở hai bản tiếng Nga của cùng một dịch giả mà chúng tôi sử dụng đã có những khác biệt nhiều khi trái nghĩa nhau, nên rất khó xử lí). Chúng tôi chỉ hi vọng rằng đây mới là bước đầu có ích cho người khác về sau tiếp tục công việc hoàn chỉnh, tốt hơn. Mong được bạn đọc thông cảm, các nhà nghiên cứu, phê bình chỉ bảo, giúp đỡ.*

Bản dịch nhật kí này được Đoàn Tử Huyến thực hiện từ bản tiếng Nga (của E. Caxeva in trong tạp chí Những vấn đề văn học *số 3 năm 1968, tham khảo thêm văn bản lấy từ Internet), có sử dụng một số đoạn do Nguyễn Văn Thảo và Nguyễn Kiều Diệp phác dịch và Đoàn Tử Huyến hiệu đính. Người dịch cám ơn dịch giả tiếng Đức Lê Chu Cầu, hiện đang sống và làm việc ở Cộng hoà Liên bang Đức, đã nhiệt tình đọc đối chiếu với nguyên bản tiếng Đức và góp nhiều ý kiến sửa chữa cho bản dịch này.*

1910

19 tháng 7

Tôi thường nghĩ đến điều này và lần nào cũng đi đến kết luận: sự giáo dục tôi được nhận đã mang hại cho tôi rất nhiều. Lời trách móc này liên quan đến vô số người, quả thật, họ đang đứng ngay đây, và như trên những bức ảnh chụp chung đã cũ, họ không biết phải làm gì với nhau: họ không nghĩ đến việc cúi nhìn xuống, mà mỉm cười vì chờ đợi căng thẳng cũng không dám. Ở đây có cha mẹ tôi, một số là họ hàng, thầy giáo của tôi, chị làm bếp mà tôi còn nhớ, một vài cô học trường múa, một vài người khách trước kia thường đến thăm nhà tôi, một vài nhà văn, thầy giáo dạy bơi, người soát vé, viên thanh tra học đường, rồi những người tôi chỉ mới gặp một lần trên phố, và còn thêm những người nào đó mà bây giờ tôi không thể nhớ ra, và cả những người tôi sẽ không bao giờ nhớ đến, và cuối cùng là những người mà giờ lên lớp của họ, vì mải nghĩ đến một chuyện gì đó mà tôi hầu như không chú ý tới, - tóm lại họ nhiều đến nỗi cần phải gắng ghi nhớ để không nhắc tới một người nào đó hai lần. Và tôi hướng lời trách móc của mình tới tất cả bọn họ, bằng cách đó giới thiệu họ với nhau, và không chấp nhận bất cứ lời phản đối nào. Thật sự là tôi đã nghe chúng quá đủ rồi và bởi vì phần lớn những lời phản đối này tôi không thể tranh cãi nổi, nên tôi chẳng làm được điều gì khác ngoài việc ghi chúng vào sổ nợ và nói rằng, hệt như sự giáo

dục tôi được nhận, những lời phản đối của họ cũng mang hại cho tôi nhiều lắm.

Có thể, mọi người nghĩ dường như tôi được nuôi dạy ở một nơi khỉ ho cò gáy nào đó? Không, tôi đã được nuôi dạy ở thành phố, ở chính trung tâm thành phố. Không phải nơi bãi hoang, không phải nơi rừng rú, không phải trên bờ hồ. Cha mẹ tôi và những người quanh họ tới giờ cau có và tái xám mặt mày vì những lời trách móc của tôi, nhưng rồi họ dễ dàng bỏ qua và mỉm cười, vì rằng tôi đã thu hai tay về và đặt lên trán và nghĩ: giá như tôi là một cư dân nhỏ bé của bãi hoang, tai lắng nghe tiếng quạ kêu, phơi mình dưới ánh trăng lạnh – cứ cho là đầu tiên tôi còn quá yếu dưới sức nặng của những đức tính tốt đẹp mà chúng sẽ phải phát triển thật mạnh mẽ trong tôi như loài cỏ dại được sưởi ấm bởi ánh nắng từ mọi phía xuyên qua những khe đổ nát và chiếu sáng chỗ nằm của tôi được kết lại bằng dây trường xuân(*).

27 tháng 11

Bernhard Kellermal đọc thành tiếng: "Một vài đoạn chưa in trong bản thảo của tôi", - ông ta bắt đầu như vậy. Có vẻ ông ta là một người dễ thương: bộ tóc gần như bạc trắng, dựng ngược, mũi nhọn, mày râu nhẵn nhụi và đôi lưỡng quyền chuyển động như những đỉnh sóng trên đôi gò má. Ông ta là một nhà văn tầm tầm nhưng cũng có những đoạn khá; (một người đàn ông đi ra hành lang, húng hắng ho và nhìn quanh xem có ai ở ngoài đó không); một người trung thực, muốn đọc hết những gì đã hứa, nhưng thính giả không muốn, vì câu chuyện đầu tiên về bệnh viện tâm thần làm cho họ sợ: vì buồn chán bởi cách đọc, những người nghe, mặc dù câu chuyện có nội dung ít nhiều hấp dẫn, vẫn từng người một hăng hái bỏ ra khỏi phòng như thể việc đọc sách đang xảy ra ở phòng bên

cạnh chứ không phải ở đây. Khi ông ta đọc xong một phần ba câu chuyện, dừng lại để uống cốc nước, có khối người đã bỏ đi. Ông ta lo lắng: "Sắp hết rồi", - ông ta nói dối. Khi ông ta kết thúc, mọi người đứng dậy, có tiếng vỗ tay rời rạc như thể giữa đám đông đã đứng cả dậy, có người nào đó vẫn ngồi và vỗ tay cho chính mình nghe. Kellermal muốn đọc tiếp – thêm một hoặc thậm chí vài truyện nữa. Nhưng nhìn thấy mọi người đều ra về hết, ông ta há hốc miệng. Cuối cùng, nghe theo lời khuyên của ai đó, ông ta nói: "Tôi muốn đọc thêm một chuyện cổ tích ngắn nữa, chỉ mất mười lăm phút. Sẽ nghỉ giải lao năm phút". Một số ở lại, và ông đọc câu chuyện cổ tích khiến cho người nghe như thể được quyền leo qua đầu mọi người để chạy bán sống bán chết ra cửa.

15 tháng12

Tôi khó có thể tin vào những kết luận được rút ra từ tình trạng kéo dài đã một năm nay của mình – tình trạng của tôi quá ư là nghiêm trọng. Tôi thậm chí còn không biết liệu tôi có thể nói rằng đây là tình trạng mới? Đúng ra tôi nghĩ: đây là tình trạng mới, tôi đã từng gặp phải những điều tương tự, nhưng như thế này thì chưa bao giờ. Tôi dường như là một phiến đá, dường như là tấm bia mộ của mình, không có đến cả một kẽ hở để tin hay nghi ngờ, để yêu hay căm ghét, để can đảm hay sợ hãi trước một điều gì đó đặc biệt hay nói chung – chỉ có một mảnh hi vọng bấp bênh, chẳng hơn gì những lời văn bia trên mộ. Hầu như không có một từ nào tôi viết ra được kết hợp với các từ khác, tôi nghe thấy các phụ âm cọ vào nhau loảng xoảng, còn các nguyên âm hát phụ hoạ theo như những gã da đen trên sân khấu. Những hoài nghi vây chặt từng từ, tôi nhìn thấy chúng trước khi nhìn thấy các từ, - mà tôi nói gì vậy! - tôi hoàn toàn không thấy từ, tôi chỉ bịa ra nó. Nhưng

đấy vẫn chưa phải là điều bất hạnh nhất, - giá mà tôi có thể bịa ra được những từ có thể xua tan đi mùi tử khí, để nó không xộc vào mũi tôi và mũi độc giả.

Khi ngồi vào bàn viết, tôi cảm thấy tình trạng của mình còn tồi hơn cả người bị ngã gãy cả hai chân trong dòng xe cộ ở Place de l' Opera. Những cỗ xe lặng lẽ, mặc cho tiếng động do chúng gây ra, kéo đến và tản về mọi hướng, và cái trật tự, - còn tốt hơn cái trật tự do cảnh sát lập nên, - khiến cho người đó đau đớn, bịt mắt anh ta lại và xua trống quảng trường và đường phố – không cho xe cộ quay lại. Cuộc sống sôi động làm anh ta đau đớn bởi vì anh ta đang cản trở sự hoạt động, nhưng cả sự trống vắng cũng không kém khổ sở vì nó bỏ mặc anh ta cho sự đau đớn.

16 tháng 12

"Con đường cô đơn" của W. Fred(*). Những cuốn sách loại này được viết như thế nào? Một người vừa đạt được một cái gì đấy nho nhỏ đã đem tài năng của mình rải căng lên cả một cuốn tiểu thuyết lớn khiến đến buồn nôn, thậm chí cả khi ta thán phục sự hăng hái mà anh ta dùng để cưỡng hiếp tài năng của mình.

Để làm gì cái lối coi thường các nhân vật phụ mà tôi đã đọc trong các cuốn tiểu thuyết, kịch và v.v? Tôi cảm thấy thật gần gũi với họ! Trong cuốn "Những cô gái ở Bishofsberg"(*) (nó được gọi như thế thì phải?) có nói về hai cô thợ may may đồ cho cô dâu. Cuộc sống của hai cô gái ra sao? Họ sống ở đâu? Họ đã làm cái gì nên tội để người ta không cho họ vào vở kịch? Họ chỉ được phép chìm nghỉm trong cơn mưa rào, từ phía ngoài một lần cuối áp mặt vào ô cửa sổ của con tàu Noe để khán giả ngồi ở hàng ghế của tầng trệt trong thoáng chốc nhìn thấy một cái gì đó lờ mờ.

17 tháng12

Nếu người Pháp mà có tính cách của người Đức, thì hẳn là người Đức sẽ khâm phục họ lắm!

Việc tôi vứt bỏ và gạch xoá quá nhiều - mà đó là cái tôi đã làm với hầu hết những gì tôi viết ra trong năm nay – cũng rất cản trở việc viết lách của tôi. Đó là cả một ngọn núi, nhiều gấp năm lần những gì nói chung tôi đã từng viết trước đây. Và chỉ riêng bằng cái khối lượng ấy nó đã hút đi mất tất cả những gì tôi đang viết từ ngay dưới ngòi bút của tôi.

19 tháng 12

Bắt đầu đi làm. Sau bữa trưa tôi đến nhà Max(*).

Đọc một ít nhật kí của Goethe(*). Thời gian đã tráng một lớp lặng tờ lên cuộc đời ông, những cuốn nhật kí làm cho nó toả sáng. Sự rõ ràng của tất cả các sự kiện làm chúng trở thành bí ẩn, cũng như hàng rào công viên làm dịu mắt khi ta quan sát những bãi cỏ rộng và đồng thời khiến sự ngưỡng mộ của chúng ta được tăng lên.

Bà chị gái vừa lập gia đình đến thăm chúng tôi lần đầu tiên.

•

20 tháng 12

Tôi lấy gì để biện hộ lời nhận xét ngày hôm qua về Goethe (gần như nó không đúng, cũng như cái cảm giác đã được ghi lại, bởi vì cảm xúc thật đã bị tan đi khi chị gái tôi đến)? Không có gì cả. Tôi lấy gì để biện hộ việc hôm nay tôi chưa viết được chữ nào ? Không có gì cả. Hơn nữa tình trạng của tôi không phải là xấu nhất. Bên tai tôi lúc nào cũng vang lên lời kêu gọi: "Hãy đến đi, hỡi toà án vô hình."

21 tháng 12

Ở nhà Baum(*), tôi đã nghe những đoạn tuyệt vời. Tôi đuối sức như xưa nay vẫn thế. Một cảm giác như tôi đang bị trói chặt và đồng thời lại một cảm giác khác, giống như nếu tôi được cởi trói ra thì còn tồi tệ hơn.

Những chỗ đáng chú ý trong truyện "Những chiến công của Alecxandr Đại đế" của Mikhail Kuzmin(*): "Đứa trẻ, nửa trên của nó đã chết, còn nửa dưới cho thấy tất cả dấu hiệu của sự sống. Một cái xác sơ sinh với đôi chân nhỏ đỏ hỏn đang động đậy". "Những ông vua tà giáo Gog và Magog ăn sâu và ruồi bị đẩy vào những bãi đá chìm và bị dán đạo bùa Solomon cho đến ngày tận thế". "Những dòng lũ đá, thay vào nước là những luồng cát đá chạy ầm ầm, ba ngày chạy xuống phía Nam, ba ngày chạy lên hướng Bắc". "Những người đàn bà Amazon, ngực phải bị đốt cháy, tóc cắt ngắn, đi ủng đàn ông". "Những con cá sấu đốt cháy cây bằng nước tiểu của mình."

22 tháng 12

Hôm nay tôi thậm chí không dám trách móc mình. Nếu những lời trách móc ấy vang lên trong ngày trống rỗng này thì chúng sẽ có tiếng vọng thật tởm lợm.

27 tháng 12

Tôi không còn sức để viết một câu nào nữa. Và nếu nói về lời, nếu như có thể thêm một lời đủ để quay đi trong nhận thức thanh thản rằng lời đó chứa đầy bản thân ta.

1911

12 tháng 1

Chân dung Schiller, do Schadow(*) vẽ năm 1804 tại Berlin, nơi ông được long trọng tổ chức lễ mừng. Không thể tóm được khuôn mặt vào đâu chắc hơn là vào cái mũi này. Nó hơi bị kéo dài xuống dưới do thói quen vuốt mũi trong lúc làm việc. Một người dễ mến, đôi má hơi hóp, gương mặt cạo nhẵn khiến trông như một ông già.

14 tháng 1

Tiểu thuyết "Hai vợ chồng" của Beragd(*). Dùng không đúng nhiều từ Do Thái. Thường xuyên tác giả xuất hiện bất ngờ không hiểu để làm gì, chẳng hạn: "Tất cả mọi người đều vui vẻ, nhưng có một người ngồi không vui". Hoặc: "Và có một ngài Stern nào đó đến (người mà chúng ta đã biết đến tận xương tuỷ)". Những đoạn tương tự như vậy cũng có ở Hamsun(*), nhưng ở đó rất tự nhiên, như những cành lá mọc trên cây. Còn ở đây nó bị cấy ghép vào hành động như người ta trộn thuốc vào đường. Một cách vô cớ, sự chú ý bị hút vào những câu kì quái nào đó. Ví dụ như: "Anh ta loay hoay trên mái tóc cô này, loay hoay, loay hoay mãi." Những khuôn mặt riêng rẽ, mặc dù không được chiếu rọi bằng một luồng ánh sáng mới, nổi lên khá rõ, rõ đến mức đôi chỗ nếu có những sai sót thì cũng chẳng ảnh hưởng gì. Các nhân vật phụ phần lớn là vô vọng.

19 tháng 1

Có lẽ vì tôi đã kiệt sức đến tận cùng – năm vừa qua tôi chỉ tỉnh táo được chưa đầy năm phút, ngày nào tôi cũng mong mỏi được biến khỏi mặt đất này, hay, - mặc dù điều này không cho tôi một hi vọng nào - bắt đầu tất cả lại từ đầu như một đứa bé con. Bề ngoài tôi sẽ dễ dàng hơn khi đó. Bởi vì hồi đó tôi chỉ có thể mơ hồ hình dung làm cách nào để đạt được điều đó, cố hướng đến một hình ảnh mà bằng mỗi lời nói gắn chặt với cuộc đời tôi, mà tôi có thể ép chặt vào lồng ngực và có thể kéo tôi ra khỏi chỗ. Tôi bắt đầu với những nỗi thống khổ thật khủng khiếp (thật ra, chúng không thể so sánh với những nỗi thống khổ hiện tại). Những điều viết ra đã ám ảnh tôi bao nhiêu ngày bằng sự lạnh lẽo! Nhưng sự nguy hiểm ẩn trong nhận thức của tôi lớn tới mức những quãng nghỉ mà nó dành cho tôi nhỏ nhoi đến nỗi tôi đã hoàn toàn không còn cảm nhận sự lạnh lẽo đó, - điều này tất nhiên chẳng làm tôi thấy đỡ bất hạnh hơn.

Một lần tôi định viết cuốn tiểu thuyết nói về hai anh em thù địch lẫn nhau. Một người bỏ đi sang Mỹ, trong khi người kia phải ngồi tù ở Châu Âu. Tôi chỉ thỉnh thoảng viết được một đôi câu là đã cảm thấy mệt. Một chiều chủ nhật chúng tôi đến nhà ông bà chơi; sau khi ăn no bánh mì đặc biệt mềm với bơ mà ông bà luôn đưa ra mời khách, tôi bắt đầu viết về cái nhà tù đó. Hoàn toàn có thể là tôi làm điều đó vì hiếu danh, và bằng tiếng sột soạt của tờ giấy trên khăn trải bàn, bằng tiếng gõ bút chì, bằng cái nhìn quanh lơ đãng dưới ánh đèn, tôi muốn gợi cho ai đó ý muốn cầm lấy những gì tôi vừa viết ra, đọc nó và tỏ ra khâm phục tôi.

Trong một đoạn tôi tập trung mô tả hành lang nhà tù, chủ yếu là bóng tối và sự lạnh lẽo; tôi viết những lời đầy thông cảm về người em trai bị bỏ tù, vì anh ta là người tốt. Có thể tôi cảm thấy mình miêu tả không được biểu cảm lắm, nhưng từ ngày đó tôi không bao giờ còn để ý đến những cảm giác như thế mỗi khi ngồi bên chiếc bàn tròn trong căn phòng quen thuộc giữa những người thân quen (sự rụt rè trong tôi lớn đến nỗi giữa những gì thân quen tôi đã thấy mình hạnh phúc một nửa), và không một phút nào tôi quên rằng mình còn trẻ và cuộc sống bình lặng hiện nay không phải để cho tôi - có điều gì đó lớn lao đang gọi tôi đến.

Cuối cùng, một người chú vốn thích giễu cợt cầm lấy một trang giấy tôi viết, - tôi chỉ giữ lại một cách yếu ớt – liếc nhìn qua rồi trả lại tôi, thậm chí chẳng buồn cười lấy một tiếng; ông quay sang những người khác đang theo dõi cử chỉ của ông, phán: "Toàn chuyện cũ rích." Còn với tôi ông chẳng nói một lời nào. Tôi vẫn ngồi im như cũ, mặt cúi xuống trang giấy hoá ra là vô dụng của mình, nhưng thực sự tôi đã bị đẩn ra khỏi cộng đồng bằng một cú đá; nhận xét của người chú về sau bám rễ trong tôi, một thế giới lạnh lẽo của cuộc sống chúng tôi đã mở ra trước mặt tôi ngay trong gia đình, cái thế giới mà tôi

cần phải dùng lửa để sưởi ấm, nhưng ngọn lửa ấy tôi chỉ mới đang dự định đi tìm.

19 tháng 2

Hôm nay khi tôi muốn dậy khỏi giường thì lại ngã vật xuống. Nguyên nhân rất đơn giản: tôi đã làm việc quá sức. Không phải vì phải đi làm ở công sở, mà vì công việc khác của tôi. Đi làm chỉ chiếm một phần khiêm tốn vì rằng: giá như tôi không phải đi đến công sở để có thể bình thản sống vì công việc của mình và hàng ngày không phải tiêu phí sáu tiếng đồng hồ ở đấy, tôi cực kì chán các ngày thứ 6 và thứ 7 bởi vì tôi có nhiều việc phải làm, tôi chán đến mức Ông không thể tưởng tượng nổi đâu. Xét cho cùng – tôi biết - đây là chuyện vớ vẩn, chỉ mình tôi có lỗi, công việc ở Sở chỉ đưa ra những yêu cầu chính đáng và đơn giản. Nhưng đối với tôi đó là cuộc sống hai mặt đáng sợ, lối thoát của nó, có lẽ, chỉ có một – là tôi sẽ hoá điên. Tôi viết ra điều này vào buổi sáng rạng rỡ, và chắc là tôi đã không viết ra nếu đó không phải là sự thật và nếu tôi không thương Ông như một người con thương cha.

Tuy nhiên, ngày mai có lẽ tất cả lại như cũ, và tôi sẽ đi làm, ở đó câu đầu tiên tôi nghe thấy là Ông muốn tống tôi ra khỏi phòng do Ông phụ trách.

20 tháng 2

Những chàng trai trẻ, trông chỉn chu, ăn mặc đẹp đang đi dạo bên cạnh tôi khiến tôi nhớ lại thời trẻ của mình và vì thế họ gây cho tôi cảm giác khó chịu.

Những bức thư của anh chàng Kleist(*), 22 tuổi. Từ chối không theo đường binh nghiệp. Ở nhà mọi người hỏi: Để theo nghề kiếm ăn nào? - người ta chỉ có thể nghĩ về một nghề như vậy mà thôi. Cậu có thể lựa chọn – luật sư hay tài chính. Nhưng cậu có quan hệ nào ở trong triều không?

"Thoạt đầu tôi bối rối trả lời là không có, nhưng sau đó tôi tuyên bố đầy tự hào rằng, giả sử nếu tôi có những quan hệ nào đấy, tôi, theo quan điểm hiện nay của mình, sẽ lấy làm xấu hổ nếu phải hi vọng vào chúng. Mọi người cười; tôi cảm thấy mình đã trả lời một cách xốc nổi. Cần phải tránh nói to lên những chân lí như vậy."

28 tháng 3(*)

...Dường như có một sức hút mạnh kéo tôi đến với thần trí luận, nhưng đồng thời tôi cảm thấy rất sợ nó. Tôi sợ nó sẽ gây cho tôi một cơn hoảng loạn mới, nó có thể rất nguy hiểm đối với tôi, bởi vì tình trạng bất hạnh hiện nay của tôi chính là do hoảng loạn mà ra. Nguyên nhân của sự hoảng loạn là: hạnh phúc của tôi, tất cả những khả năng và cơ hội trở thành có ích của tôi đã từ lâu rồi nằm trong việc viết lách của tôi.Và ở đây tôi thấy xuất hiện những trạng thái (không thường xuyên), theo tôi rất giống với những trạng thái thấu thị tiên tri mà Ngài đã mô tả, thưa tiến sĩ; lúc đó tôi sống hoàn toàn với từng mơ tưởng và mỗi một mơ tưởng đó tôi thể hiện và cảm nhận không chỉ nơi tột cùng sức lực của riêng tôi, mà của con người nói chung. Nhưng những trạng thái này lại bị tước đi, mặc dù không hoàn toàn, sự yên ổn vốn thường mang lại cho nhà tiên tri niềm hưng phấn. Tôi cảm thấy như thế vì những tác phẩm khá nhất của tôi được viết ra không phải trong các trạng thái đó.

Nhưng tôi đã không thể hiến hết mình cho việc sáng tác như lẽ ra phải thế, vì nhiều lí do: không kể hoàn cảnh gia đình, tôi sẽ không thể tồn tại được chỉ bằng lao động văn học ít ra là vì tôi viết các tác phẩm của tôi rất chậm và vì tính chất đặc biệt của chúng; ngoài ra, sức khoẻ và bản tính của tôi không cho phép tôi hiến mình cho một cuộc sống mà

trường hợp tốt nhất vẫn là bất ổn định. Chính vì vậy tôi trở thành nhân viên của một Sở Bảo hiểm xã hội. Nhưng hai nghề này không bao giờ có thể dung hoà được với nhau và cho phép tôi cảm thấy hạnh phúc đồng thời với cả hai. Một chút hạnh phúc nhỏ nhoi nhất do nghề này đem lại sẽ gây ra một bất hạnh lớn từ nghề kia. Nếu buổi tối tôi viết được cái gì đó hay ho, thì hôm sau đi làm sẽ như phát sốt suốt ngày và không thể làm được gì cả. Tâm trạng bị giằng co như vậy ngày càng trở nên không chịu nổi. Khi đến nhiệm sở, vẻ ngoài tôi thực hiện chức trách của mình; nhưng chức trách bên trong của mình tôi không thực hiện được, mà mỗi một chức trách bên trong không được thực hiện lại biến thành nỗi bất hạnh trong tôi, và nỗi bất hạnh đó từ đấy không rời bỏ tôi nữa. Và thế rồi thêm vào hai lực kéo không bao giờ dung hoà được này phải chăng giờ đây tôi lại phải chịu thêm một lực kéo nữa – thần trí học? Liệu nó có cản quấy hai công việc kia và hai công việc kia có cản quấy nó hay không? Liệu tôi có thể, ngay cả bây giờ đã bất hạnh nhường ấy, ôm cả bộ ba này đến tận cùng? Tôi đến đây, thưa tiến sĩ, để hỏi Ngài điều này, vì tôi cảm thấy rằng nếu Ngài cho là tôi có khả năng, tôi quả thật có thể gánh vác tất cả...

2 tháng 10

Đêm mất ngủ. Đã là đêm thứ ba liên tiếp. Tôi thiếp đi dễ dàng, nhưng sau một tiếng thì tỉnh dậy, dường như chui đầu vào một lỗ hư ảo. Giấc ngủ hoàn toàn tan biến. Tôi có cảm giác như thể mình chưa ngủ được chút nào hoặc chỉ mới nửa thức nửa ngủ; tôi cần làm lại tất cả từ đầu để thiếp đi, và tôi cảm thấy mình đã bị đuổi khỏi giấc mơ. Và từ đó trở đi, suốt đêm đến khoảng năm giờ tôi dường như vẫn ngủ và đồng thời vừa thức vừa mộng mị. Tôi có vẻ như ngủ “bên cạnh” mình, – còn

trong khi đó chính tôi lại đang phải vật lộn với những giấc mơ. Khoảng đến năm giờ sáng thì những tàn tích cuối cùng của giấc ngủ đã bị tiêu diệt, tôi chỉ mộng mị thảng thốt và điều này khiến tôi kiệt sức nhiều hơn cả khi không ngủ được. Nói tóm lại, suốt đêm tôi ở trong trạng thái mà người khoẻ mạnh chỉ cảm thấy một phút trước lúc ngủ. Khi tôi tỉnh dậy, tất cả những giấc mơ vây lấy tôi, nhưng tôi tránh nghĩ đến chúng. Rạng sáng, tôi thả đầu vào gối, vì rằng tất cả hi vọng vào đêm hôm trước đã tan biến rồi. Tôi nghĩ đến những đêm mà khi đêm tàn tôi tỉnh dậy sau giấc ngủ rất sâu như là tôi đã bị nhốt lại trong vỏ một quả hồ đào vậy.

...Có lẽ, tôi mất ngủ chỉ vì tôi viết. Mà dù tôi viết được ít và viết chẳng ra gì, thì những chấn động nhỏ này vẫn làm tôi trở nên dễ bị tổn thương, tôi cảm thấy - nhất là vào các buổi tối, và các buổi sáng thì còn hơn thế nữa – cái hơi thở, sự lại gần của trạng thái mãnh liệt khiến tôi có thể làm mọi thứ chuyện, và sau đó tôi không thể nào tìm thấy sự yên tĩnh vì tiếng âm vang kéo dài; nó gào xé nặng nề trong tôi, nhưng để chế ngự nó tôi không có thời gian. Nói cho cùng, tiếng âm vang đó không phải cái gì khác mà chính là sự hài hoà bị đè nén và kìm hãm; được thả tự do chắc nó sẽ hoàn toàn xâm chiếm tôi, mở rộng ra rồi lại tràn ngập trong tôi. Còn bây giờ cái tình trạng này, chỉ tạo ra những hi vọng yếu ớt, lại mang hại cho tôi, bởi vì tôi không đủ sức để chịu đựng sự pha trộn hiện nay, thế giới nhìn thấy được ban ngày hỗ trợ tôi, còn ban đêm thì nó thoả sức xén tôi ra thành từng mảnh. Trong khi đó tôi lúc nào cũng nghĩ về Paris, nơi vào thời kì bị bao vây và cả sau đó, đến thời công xã, dân ngoại thành phía Bắc và phía Đông, trước kia xa lạ đối với dân Paris, nhiều tháng trời, từng nhích, từng nhích như kim đồng hồ, cứ từng giờ từng giờ một tiến gần về trung tâm Paris qua các đường phố nhỏ.

Niềm an ủi của tôi – mà tôi nằm xuống ngủ cùng với nó – là lâu

rồi tôi không viết, và việc viết lách còn chưa thể có chỗ trong cuộc sống hiện nay của tôi, tuy vậy nó cần phải – với đôi chút quả cảm– có chỗ dù chỉ tạm thời.

4 tháng 10

Tôi lo lắng và cay cú. Hôm qua trước lúc ngủ tôi cảm thấy có một đốm lửa mát lạnh chập chờn trong phần nửa trên của đầu. Một sức nặng bị dồn ép nào đó đã đồn trú một cách chắc chắn trên mắt trái. Khi nghĩ về điều này tôi cảm thấy không thể chịu nổi nơi nhiệm sở thậm chí cả khi người ta bảo tôi rằng tôi sẽ được nghỉ việc sau một tháng. Thế nhưng tôi vẫn hoàn thành chức trách của mình, và khá yên tâm nếu tôi có thể tin rằng sếp hài lòng về tôi, và tôi không cho rằng tình trạng của mình đến mức kinh khủng: Thêm vào đó, chiều hôm qua tôi cố tình biến thành một kẻ vô cảm, đi dạo, đọc Dickens(*), sau đó tôi cảm thấy khoẻ hơn đôi chút và không còn sức mà buồn nữa, nỗi buồn này tôi cho là cũng phải chăng khi nó hơi bị lùi ra xa để tạo cho tôi hi vọng có một giấc ngủ ngon. Giấc ngủ đã sâu hơn, nhưng vẫn chưa đủ và thường đứt quãng. Tôi tự an ủi rằng, đổi lại tôi đã chế ngự được nỗi xúc động lớn nảy sinh trong tôi, rằng tôi không muốn đánh mất khả năng điều khiển bản thân như trước đây sau những thời kì như thế, rằng chính những cơn đau sau khi sinh nở của nỗi xúc động này gây ra sẽ không làm tôi mất sáng suốt như vẫn thường xảy ra trước kia. Có thể bằng cách ấy tôi sẽ biết tìm ra được một lực đề kháng nào đó còn tiềm ẩn trong mình.

9 tháng 10

Nếu tôi sống đến 40 tuổi, có lẽ tôi sẽ lấy một cô gái vẩu quá lứa làm vợ... Nhưng tôi khó lòng sống được đến 40 tuổi lắm và minh chứng cho điều này, chẳng hạn, là cảm giác

dường như có cái gì đó trương lên trong nửa đầu bên trái của tôi. nó giống như một vết lở bên trong, khi tôi cố quên đi sự khó chịu và chỉ muốn quan sát cảm giác này. nó như hình cắt ngang của cái đầu trong các quyển sách giáo khoa phổ thông, hay giống như ca mổ không gây đau đớn nơi một cơ thể sống, khi mũi dao lạnh, rất thận trọng, chốc chốc lại dừng, quay lui, có lúc nằm yên một chỗ, tiếp tục tách các lớp mô mỏng gần các bộ phận chức năng của não.

17 tháng10

Tôi chợt nhớ ra một giai thoại do Napoleon kể tại bữa ăn trong hoàng cung ở Erfurt: "Khi tôi còn là một thiếu uý quèn của trung đoàn thứ năm...(Các quan trong triều bối rối nhìn nhau, Napoleon nhận ra điều đó và sửa lại)... khi tôi còn vinh hạnh là một thiếu uý... " – những đường gân trên cổ tôi nổi phồng lên vì một sự tự hào nhỏ giả tạo của tôi.

28 tháng10

"Những định đề về kịch" của Max trên tạp chí "Sân khấu". Mang tính của một chân lí viển vông, chính cái tên "Định đề" nói lên điều đó. Nó càng được thổi lên viển vông chừng nào, thì việc tiếp nhận nó càng phải thận trọng chừng ấy. Những nguyên tắc sau đây được đưa ra:

Thực chất của kịch nằm trong một thiếu hụt nào đó của con người, đó là luận đề.

Kịch (trên sân khấu) nói được nhiều hơn so với tiểu thuyết, vì chúng ta nhìn thấy được tất cả những gì mà trong tiểu thuyết chúng ta chỉ đọc.

Nhưng đó chỉ là cảm thấy thế, vì trong tiểu thuyết tác giả chỉ có thể đưa ra cho chúng ta điều quan trọng nhất, còn trong kịch, ngược lại, chúng ta nhìn thấy tất cả - diễn viên, cảnh trí – và vì vậy không chỉ những gì quan trọng, có nghĩa là chúng

ta thấy ít hơn. Vì vậy, xét từ góc độ tiểu thuyết, thì một vở kịch hay nhất là vở kịch không gợi nên điều gì cả, ví dụ như một vở kịch triết lí, do các diễn viên ngồi trong một căn phòng với bất kì một cảnh trí nào đọc lên thành tiếng.

Nhưng dù sao vở kịch tốt nhất là vở kịch, phụ thuộc vào thời gian và địa điểm, gợi ra nhiều cảm hứng nhất, thoát ra khỏi những đòi hỏi của cuộc sống, chỉ giới hạn bằng những lời nói, những suy nghĩ trong độc thoại, bằng những thời điểm kịch tính của sự kiện, còn tất cả những điều còn lại, được điều khiển bằng những cảm hứng, bệ trên một tấm khiên do các diễn viên, hoạ sỹ, đạo diễn nâng lên theo các cảm hứng tối cao.

Cái sai trong lập luận này là: nó thay đổi vị trí quan sát – mà không chỉ ra điều đó, - xem xét các sự vật lúc thì từ phòng làm việc của nhà văn, lúc thì từ chỗ ngồi của khán giả. Cứ cho là công chúng không nhìn thấy tất cả bằng con mắt của tác giả, cứ cho là vở diễn khiến chính tác giả ngạc nhiên, nhưng bởi vì tác giả mang trong mình toàn bộ vở kịch với tất cả các chi tiết, đi từ chi tiết này đến chi tiết khác, và chỉ vì ông ta tập hợp tất cả các chi tiết vào trong lời thoại, nên mới tạo cho chúng trọng lượng và sức mạnh. Chính vì thế, vở kịch trong điểm đỉnh phát triển của nó được nhân cách hoá đến không chịu nổi, và trách nhiệm của người nghệ sĩ là giảm thiểu, để nó được chấp nhận, làm cho vai diễn sôi lên hoặc lắng lại, mang theo hơi thở của nó. Bằng cách ấy, vở kịch bay lượn trên không nhưng không giống như mái nhà bị bão cuốn lên, mà như cả một toà nhà bị một sức mạnh, cho đến ngày hôm nay vẫn còn giống như sự điên loạn, giật tung khỏi mặt đất và nhấc bổng lên không trung.

Đôi khi có cảm tưởng rằng vở diễn lơ lửng mãi trên trần nhà, các diễn viên xén nó ra từng dải băng, để biểu diễn họ cầm chặt các đầu giải trong tay hoặc quấn quanh mình, và

chỉ đây đó một dải băng nào đó kéo người diễn viên lên cao khiến cho khán giả lo sợ.

1 tháng11

Quá trưa ngày hôm nay, cơn đau vì sự cô đơn của tôi hoành hành tôi dữ dội đến nỗi tôi nhận ra: chính bằng cách đó đã tan biến đi cái sức lực mà tôi có được nhờ sự viết lách, cái sức lực mà tôi định dùng, trong bất kì trường hợp nào, không phải cho việc này.

5 tháng 11

Nỗi đau mà hôm qua tôi cảm thấy khi Max đọc một truyện ngắn về xe hơi của tôi ở nhà Baum. Tôi thu mình lại và ngồi, không dám ngẩng đầu lên, cằm dí sát vào ngực. Những câu văn lủng củng với nhiều chỗ trống có thể nhét được cả hai tay vào. Một câu cao, một câu thấp, tuỳ tiện; câu nọ chèn câu kia, như lưỡi chèn vào răng sâu hoặc là răng giả vậy;. có câu còn thô thiển chòi lên trước khiến cả truyện cứng đơ trong sự ngơ ngác đáng buồn, đôi chỗ sự bắt chước Max lại chồi nổi lên như một con sóng (cốt truyện khi thì bị khoả lấp, khi thì phô nổi ra), đôi khi điều này trông như những bước chân thiếu tự tin trong 15 phút đầu tiên của giờ học khiêu vũ. Tôi tự giải thích điều đó, rằng tôi có quá ít thời gian và sự yên tĩnh để có thể bộc lộ hết những khả năng của mình. Chính vì vậy mà tôi chỉ luôn luôn tạo ra được cái phần mở đầu, nó ngay tức khắc bị cắt ngang; chẳng hạn như toàn bộ câu chuyện về chiếc ô tô cũng bị cắt ngang. Nếu như tôi có thể lúc nào đó viết được cả một truyện dài được kết cấu hoàn chỉnh từ đầu đến cuối, thì khi đó câu chuyện ấy sẽ không bao giờ có thể bị tách hẳn ra khỏi tôi và tôi sẽ có quyền bình thản ngẩng cao đầu, như

cha ruột của tác phẩm lành mạnh, nghe đọc nó; còn giờ đây, những mẩu con câu chuyện, như những kẻ vô gia cư, chạy nhông khắp thế giới, và dồn tôi sang phía bên kia (thêm vào đó, tôi còn phải hài lòng, nếu cách giải thích này là đúng).

21 tháng 11

Bà vú trước đây của tôi, mặt vàng xạm, mũi thẳng và một mụn cơm đâu đó trên má có thời tôi đã từng rất thích, hôm nay đến thăm tôi lần thứ hai. Lần trước tôi không có nhà, còn hôm nay tôi muốn được yên và ngủ nên bảo mọi người nói tôi đi vắng. Tại sao bà ấy nuôi dạy tôi tồi thế, bởi vì trước kia tôi là một đứa trẻ ngoan, bây giờ chính bà ấy đang nói thế với chị làm bếp và chị phục vụ ở phòng ngoài, tôi dễ tính và dễ bảo. Tại sao bà ấy lại không sử dụng điều này có lợi cho tôi và tạo dựng cho tôi một tương lai tốt đẹp? Bà ấy đã có chồng hay đang ở góa, có con, nói luôn mồm không cho tôi ngủ, bà ấy nghĩ rằng tôi là một quý ngài cao to, khỏe mạnh đang ở độ tuổi 28 tuyệt vời, tôi thích thú nhớ lại thời thơ trẻ của mình và nói chung tôi biết, nên làm gì với mình. Còn tôi thì nằm đây trên ghế đi văng, bị đá văng ra khỏi thế giới, đợi chờ giấc ngủ không buồn đến, còn nếu đến, thì cũng chỉ chạm phớt qua tôi với các khớp xương đau nhức vì mệt mỏi. Tấm thân tôi bị vò nát trong cơn run rẩy của những lo lắng mà nó không dám nhận thức rõ ràng, thái dương như bị ai gõ mạnh. Mà ở đây có ba người phụ nữ đứng ngoài cửa, một người khen tôi thủa nhỏ, hai người kia khen tôi hiện tại. Chị nấu bếp nói rằng tôi, ngay lập tức – ý chị ta là đi thẳng, không phải qua đường vòng – sẽ lên thiên đường. Rồi sẽ như thế thôi.

8 tháng 12

Thậm chí nếu không tính đến tất cả những trở ngại khác (thể trạng, cha mẹ, tính cách), những lời biện hộ rất tốt cho việc

tôi, bất chấp tất cả, không tập trung vào văn học, tôi đứng trước một tình trạng hai mặt: đến tận khi nào tôi chưa viết được một tác phẩm lớn khiến tôi hoàn toàn hài lòng, tôi sẽ không dám làm một điều gì cho bản thân. Đó là điều chắc chắn.

13 tháng 12

Tôi bắt đầu viết lại sau một thời gian nghỉ, tôi dường như kéo từng từ một ra từ chỗ trống. Tôi nhận được một từ – thì tôi chỉ có một từ đó mà thôi, và lại phải bắt đầu tất cả lại từ đầu.

16 tháng 12

Vào những lúc giao thời, - mà đối với tôi đó là một tuần vừa qua và, ít ra cũng là cả thời điểm hiện nay, - tôi thường cảm thấy một sự ngạc nhiên buồn bã nhưng lặng lẽ trước sự vô cảm của mình. Tôi bị tách ra khỏi tất cả bởi một không gian trống rỗng, mà tôi thậm chí không tìm cách vượt qua biên giới của nó.

Khi nào tôi thôi việc, tôi sẽ lập tức thực hiện mong muốn viết cuốn sách tự thuật của mình. Để biết cách sắp xếp một khối lớn các sự kiện, mục tiêu đầu tiên khi bắt đầu viết cần phải là chính sự thay đổi triệt để đó. Tôi không thấy có sự thay đổi nào hiệu quả hơn – tự nó đã là quá không hiện thực. Lúc đó việc viết một cuốn sách tự thuật sẽ là một niềm vui lớn, bởi vì tôi sẽ viết nó dễ dàng, giống như việc ghi lại các giấc mơ, nhưng đồng thời nó sẽ đem đến một kết quả lớn hoàn toàn khác, nó sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến tôi và sẽ đến được với trí tuệ và tình cảm của mỗi người.

24 tháng 12

Thủa nhỏ tôi cảm thấy sợ hãi, còn nếu như không phải là nỗi sợ, thì là một cảm giác khó chịu, khi bố tôi nói về ngày cuối

cùng của tháng, về Ultimo, mà vốn là một nhà doanh nghiệp, ông thường xuyên nói về điều này. Bởi vì tôi không phải là một đứa trẻ tò mò, - còn nếu như có một lần nào đó tôi hỏi, thì do khả năng tư duy chậm tôi sẽ không thể hiểu đủ nhanh câu trả lời, và nếu đôi khi tôi có hơi tò mò, thì chính bản thân câu hỏi và câu trả lời sẽ thoả mãn trí tò mò của tôi mà không cần đến ý nghĩa của chúng, - nên khái niệm "ngày cuối cùng" với tôi vẫn là một bí ẩn đầy day dứt, nếu nghe chăm chú hơn tôi đã phân biệt được từ "Ultimo" nhưng nó không gây cho tôi ấn tượng mạnh đến vậy. Tệ hơn nữa là tôi chưa bao giờ có thể làm chủ được cái "ngày cuối cùng" được chờ đợi lâu với nỗi sợ hãi đó, vì rằng, nó chỉ vừa mới trôi qua – không một dấu hiệu đặc biệt nào, thậm chí không một sự chú ý đặc biệt nào (việc nó luôn đến khoảng sau 30 ngày mãi về sau tôi mới nhận ra) – và ngày đầu tháng đã bình yên đến, và người ta lại bắt đầu nói về "ngày cuối tháng", thật ra họ không tỏ ra quá sợ hãi, nó vô hình lẫn vào những điều khó hiểu khác.

•

25 tháng12

Những gì Loewy(*) cho tôi biết về văn học Do Thái hiện đại ở Varsava và những gì tôi phần nào có thể tự mình biết được trong văn học Sec hiện đại chứng minh rằng, rất nhiều đóng góp lớn của văn học là sự đánh thức trí tuệ; là sự bảo tồn tính trọn vẹn ý thức dân tộc thường không thể hiện rõ ra ở cuộc sống bên ngoài và thường xuyên tan rã; là lòng tự hào và chỗ dựa mà mỗi dân tộc thấy được cho mình trong văn học và trước sự bao vây của kẻ thù; là việc ghi lại như một quyển nhật kí dân tộc, nhưng hoàn toàn không phải là viết sử, nhờ nó mà diễn ra quá trình phát triển nhanh hơn, nhưng vẫn luôn luôn được đánh giá có phê phán một cách toàn diện hơn; là sự khởi hứng sâu sắc đời sống xã hội rộng lớn; là sự thu hút

những phần tử bất mãn mà ngay tức khắc trở nên có ích ở nơi mà sự thiếu trách nhiệm có thể gây nên tổn thất; là sự tập trung sự chú ý của dân tộc vào việc nghiên cứu những vấn đề của mình và sự tiếp nhận những điều lạ chỉ dưới dạng được phản ánh; là sự khơi gợi lòng kính trọng đối với những người hoạt động văn học; là sự thôi thúc những khát vọng cao cả, tuy nhất thời nhưng mang lại kết quả trong thế hệ trẻ; là sự đưa các hiện tượng văn học vào vấn đề thời sự chính trị; là việc khuyến khích và tạo ra khả năng bàn luận về mâu thuẫn giữa hai thế hệ cha và con; là sự phô bày đầy đau đớn những khuyết tật dân tộc nhưng gợi nên sự thông cảm, thanh lọc; là sự xuất hiện một cách sôi động và vì thế ý thức được giá trị của mình của nghề buôn sách và lòng thèm khát sách - toàn bộ những điều trên có thể đạt được thậm chí đối với một nền văn học mà do thiếu vắng tài năng kiệt xuất có bề ngoài mạnh mẽ phát triển nhưng trên thực tế lại không phát triển mạnh mẽ. Tính tích cực của nền văn học tương tự thậm chí còn lớn hơn nền văn học nhiều tài năng, bởi vì ở đây không có nhà văn nào bằng tài năng của mình có thể khiến phần lớn người đa nghi ít ra phải im tiếng, nên cuộc luận chiến văn học thực sự có tính chính đáng. Chính vì vậy trong một nền văn học không bị những tài năng lớn bóp chẹt sẽ không có kẽ hở để những kẻ thờ ơ chui vào. Sự đòi hỏi được quan tâm của nền văn học như vậy sẽ càng cấp bách hơn. Tính độc lập của từng nhà văn được bảo đảm tốt hơn – tất nhiên, chỉ trong giới hạn các ranh giới dân tộc. Sự thiếu vắng các uy tín dân tộc tuyệt đối sẽ loại hẳn những kẻ thực sự bất tài khỏi việc sáng tác văn học. Nhưng có được những khả năng bình thường cũng chưa đủ để rơi vào ảnh hưởng của các nhà văn hiện đang thống lĩnh văn đàn không có những đặc điểm riêng biệt, hay để tiếp nhận thành tựu của các nền văn học khác, hay bắt chước nền văn học khác đã được tiếp nhận, điều có thể nhận thấy được,

thí dụ, ở bên trong một nền văn học giầu tài năng lớn như văn học Đức, các nhà văn kém tài nhất tìm cách sao chép những đề tài lớn lồng vào khung cảnh trong nước. Cũng trong hướng đó, sức sáng tạo và khả năng chuyển đổi của một nền văn học, cho dù có ít nhiều yếu kém, được thể hiện mãnh liệt nhất khi người ta bắt đầu công việc đưa các nhà văn quá cố vào văn học sử. Ảnh hưởng không thể tranh cãi đương thời và hiện nay của họ trở thành một cái gì đó hiện thực đến mức có thể lẫn lộn điều đó với sự nghiệp sáng tác của họ. Người ta nói về tác phẩm nhưng lại hàm ý về ảnh hưởng của họ, hơn thế nữa - thậm chí đang đọc tác phẩm mà lại chỉ nhìn thấy ảnh hưởng. Nhưng vì cái ảnh hưởng đó không bị quên đi, còn tác phẩm thì không tự tác động lên kí ức nên không có cả sự lãng quên lẫn không có sự sống lại. Lịch sử văn học mang đến một cơ sở bất biến, có sức thuyết phục, mà tính thời thượng ít có thể gây hại được.

Kí ức của một dân tộc nhỏ không nhỏ hơn kí ức của một dân tộc lớn, chính vì thế nó lĩnh hội tư liệu có được tốt hơn. Quả thật, số các nhà hoạt động văn học sử ít hơn, nhưng văn học là sự nghiệp không chỉ của ngành văn học sử, mà còn là của cả dân tộc, chính nhờ vậy nó được gìn giữ rất chắc chắn, mặc dù không ở dạng ban đầu thuần tuý. Bởi vì những đòi hỏi mà ý thức dân tộc của một dân tộc nhỏ đưa ra đối với mỗi người bắt mỗi người phải luôn sẵn sàng biết, gánh vác và bảo vệ cái phần văn học của anh ta – bảo vệ trong bất kì trường hợp nào, thậm chí cả khi anh ta không biết đến và không gánh vác nó.

Các tác phẩm cũ nhận được nhiều cách bàn luận, những bàn luận này ứng xử với các "chất liệu" non yếu một cách khá hăng hái, thật ra sự hăng hái này còn bị kìm bớt bởi vì e ngại, có vẻ như để không quá dễ dàng đào đến bản chất, cũng như bởi sự kính trọng mà người ta đã nhất trí với

nhau. Tất cả đều diễn ra một cách hết sức trung thực, nhưng chỉ với một sự rụt rè nào đó không bao giờ hết, nó loại trừ mọi sự mệt mỏi, và bằng cử động của một cánh tay khéo léo của ai đó truyền xa nhiều dặm xung quanh. Nói cho cùng, sự rụt rè này không chỉ cản trở việc nhìn thấy viễn cảnh, mà còn cản trở việc đi sâu vào các tác phẩm, vì điều này làm tất cả những nhận xét trên bị xoá hết.

Bởi vì không có những con người hoạt động chung nên không có cả những hoạt động văn học chung. (Một hiện tượng nào đó được đẩy sâu đến độ sâu để có thể quan sát nó từ trên cao, hoặc là được đưa lên cao để có thể tự khẳng định mình ở trên đó cùng với nó. Sai.) Tuy một hiện tượng riêng lẻ đôi khi được xem xét một cách bình tĩnh, thì dù sao người ta vẫn không đạt đến những ranh giới của nó, nơi nó được tiếp nối với các hiện tượng đồng loại khác, người ta thường đạt được ranh giới đối với chính trị, hơn nữa người ta gắng nhìn thấy cái ranh giới này thậm chí trước cả khi nó xuất hiện, và thường tìm thấy cái ranh giới hẹp này khắp nơi. Sự hạn hẹp của không gian, rồi việc nhìn lại tính đơn giản và đều đặn, cuối cùng, sự toan tính rằng, do tính độc lập bên trong của văn học mà mối quan hệ bên ngoài của nó với chính trị khá an toàn, - kết quả của tất cả những cái đó là văn học được truyền bá trong nước là nhờ nó bám chắc vào các khẩu hiệu chính trị.

Nói chung, người ta sẵn lòng soạn các tác phẩm văn học đề tài nhỏ, những đề tài này chỉ có quyền lớn đến mức có thể tạo ra một sự thán phục nhỏ, và có được những chỗ dựa và viễn cảnh mang tính luận chiến. Những lời nhiếc mắng được đưa ra một cách văn học lăn qua lăn lại, còn trong lãnh địa những tính cách mạnh mẽ thì chúng bay như tên bắn. Những gì ở các nền văn học lớn diễn ra ở bên dưới và tạo thành tầng

hầm của một tòa nhà, tầng hầm mà không có nó cũng chẳng sao, thì ở đây lại diễn ra giữa thanh thiên bạch nhật; những gì mà ở kia chỉ tạo ra một tập hợp chốc lát, thì ở đây ít ra dẫn đến một quyết định sống chết đối với tất cả.

29 tháng 12

Những khó khăn của việc kết thúc ngay cả một tác phẩm nhỏ không phải là ở chỗ cảm xúc của chúng ta đòi hỏi phải có lửa đối với đoạn kết tác phẩm, ngọn lửa mà chính nội dung thực sự cũng không thể nhóm lên được; những khó khăn này xuất hiện trước hết bởi vì ngay cả một tác phẩm nhỏ cũng đòi hỏi ở tác giả sự tự thỏa mãn và thâm nhập sâu vào bản thân, ra khỏi trạng thái đó để quay trở lại không khí thường nhật quen thuộc mà không cần đến quyết tâm lớn và tác động bên ngoài là rất khó, vậy nên trước khi hoàn thiện tác phẩm và lặng lẽ tách ra khỏi nó, tác giả trong cơn bồn chồn lo lắng đã rời bỏ vị trí và sau đó buộc phải từ bên ngoài, bằng đôi tay cần không chỉ để làm việc mà còn để bám víu vào một cái gì đó, làm nên đoạn kết.

•

1912

3 tháng 1

Trong tác phẩm tự thuật không thể tránh được việc nhiều khi đáng ra phải viết “một lần” mới đúng với sự thật thì người ta lại viết “thường thường”. Bởi vì bao giờ ta cũng hiểu rằng cái vừa được lôi ra từ bóng tối bằng hồi tưởng sẽ bị hủy diệt ngay bằng từ “một lần”, và mặc dù từ "thường thường" cũng không hẳn bảo vệ được nó nguyên vẹn, thì ít nhất trong mắt

người viết, nó cũng được giữ lại và đưa anh ta đến với các sự kiện mà có thể không xảy ra trong cuộc đời anh ta, nhưng đối với anh ta lại như một vật thay thế cho điều mà trong kí ức của mình thậm chí anh ta không thể tiếp cận.

5 tháng 2

Hôm qua ở nhà máy. Những cô gái ăn mặc cực bẩn thỉu và cẩu thả, tóc rối bù như vừa ngủ dậy, mặt dờ đẫn – vì tiếng động không ngừng của máy truyền động và một vài cái máy khác dừng lại tự động nhưng đột ngột, - họ dường như không phải là người, không ai nói chuyện với họ, không ai xin lỗi khi đụng phải họ; nếu bị sai đi làm những việc lặt vặt – họ làm, nhưng ngay tức khắc quay lại máy, người ta hất đầu ra hiệu bảo họ việc phải làm, họ đứng đây trong những chiếc váy lót, một thế lực nhỏ nhất cũng có quyền hành đối với họ, và họ thậm chí không có lấy chút hiểu biết tỉnh táo để nhìn nhận cái thế lực đó là ai để bằng một cái nhìn hay một lần cúi chào tỏ lòng biết ơn nó. Nhưng khi đồng hồ vừa mới điểm 6 giờ, họ liền hét toáng lên để thông báo cho nhau điều này, cởi khăn ra khỏi đầu và cổ, đánh bụi trên người bằng cái bàn chải được chuyền từ người này sang người kia và bị những người thiếu kiên nhẫn réo gọi, họ lột váy qua đầu, rửa tay qua loa, - dù sao thì họ cũng là phụ nữ, mặc dù mặt tái nhợt và răng xấu vẫn biết mỉm cười, họ vươn thẳng cơ thể cứng đơ của mình, bây giờ thì không thể xô đẩy họ, không nhìn thấy họ, bây giờ ta phải nép sát vào những cái thùng bẩn thỉu để nhường đường cho họ, phải bỏ mũ xuống khi họ nói "chào anh" và không biết phải làm sao khi ai đó trong số họ giữ sẵn áo bành tô để ta mặc nó vào.

2 tháng 3

Ai khẳng định cho tôi tính chân lí hoặc tính hiển nhiên rằng chỉ do thiên hướng văn học của tôi mà tôi không quan tâm đến điều gì khác và chính vì thế, là một kẻ vô cảm.

18 tháng 3

Có thể, tôi là một kẻ khôn ngoan, bởi vì bất cứ lúc nào tôi cũng sẵn sàng chết, nhưng không phải vì đã thực hiện tất cả những trách nhiệm đặt ra cho tôi, mà là vì tôi không làm được một cái gì trong số trách nhiệm đặt ra cho tôi và không thể thậm chí hi vọng lúc nào đó sẽ làm dù chỉ một phần điều đó.

26 tháng 3

Đừng quá đánh giá những gì tôi đã viết, nếu không tôi sẽ không viết được cái mà tôi cần phải viết.

1 tháng 4

Lần đầu tiên trong suốt một tuần gần như thất bại hoàn toàn trong việc viết. Tại sao? Mà trong tuần trước tôi cũng gặp phải đủ thứ tâm trạng và tôi đã giữ gìn để chúng không tác động đến sáng tác của tôi; nhưng tôi sợ viết về điều này.

3 tháng 4

Một ngày trôi qua như sau: trước bữa trưa – ở nhiệm sở, sau bữa trưa - đến nhà máy, bây giờ buổi chiều – những tiếng la hét trong căn hộ cả hai bên trái và phải, sau đó - đón chị gái xem kịch "Hamlet" về, - và không có một khoảng khắc nào tôi biết phải làm gì.

9 tháng 5

...Bất chấp mọi lo lắng, tôi giữ chặt cuốn tiểu thuyết của mình, - hệt như một tượng đài mắt hướng nhìn ra xa và gắn chặt vào bệ tượng(*).

6 tháng 6

Tôi đọc trong những bức thư của Flaubert(*): "Cuốn tiểu

thuyết của tôi là một tảng đá, tôi bám vào đó và không biết tí gì về những chuyện đang xảy ra trên thế giới". Thật giống như tôi viết về mình hôm mồng 9 tháng 5.

Nhẹ bẫng, không cảm thấy thân thể, xương cốt, hai tiếng đồng hồ tôi lang thang các phố và suy ngẫm về những gì tôi đã trải qua khi ngồi viết suốt nửa ngày qua.

11 tháng 8

Không có gì. Hoàn toàn không có gì. Tôi mất bao nhiêu thời gian để in được một cuốn sách nhỏ, và bao nhiêu là sự tự tin có hại và lố bịch khi đọc lại những tác phẩm cũ định đem ra xuất bản. Chỉ riêng điều này đã kìm hãm tôi viết. Nhưng dù sao trên thực tế tôi chưa đạt được điều gì, sự ngưng trệ là một chứng cớ của điều đó. Sau khi được in sách rồi, trong mọi trường hợp, bây giờ tôi sẽ cần phải tiếp tục tránh xa hơn các tạp chí và phê bình, nếu như tôi không muốn thoả mãn bằng việc chạm đến sự thật bằng các đầu ngón tay. Tôi đã trở nên thật nặng nề! Trước đây chỉ cần nói với tôi một từ ngược lại với cái khuynh hướng được đưa ra vào thời điểm đó, là tôi đã ngay lập tức bay sang hướng khác, còn bây giờ tôi chỉ đơn giản đứng nhìn mình và ngồi im như cũ.

14 tháng 8

Thư gửi Rowohlt(*)

Thưa ông Rowohlt *vô cùng kính mến!*

Tôi gửi đến ông những truyện ngắn mà ông muốn xem; chúng có lẽ sẽ làm thành một cuốn sách nhỏ. Khi tôi tập hợp chúng cho mục đích này, đôi khi tôi buộc phải lựa chọn giữa một bên là tinh thần trách nhiệm và một bên là khao khát được nhìn thấy tập sách nhỏ của mình giữa những

cuốn sách tuyệt vời của ông. Tất nhiên, sự lựa chọn không phải lúc nào cũng tuyệt đối trung thực. Nhưng bây giờ hiển nhiên là tôi sẽ sung sướng nếu các tác phẩm của tôi được ông thích, ít ra là đủ để ông xuất bản chúng. Nói cho cùng, những thiếu sót trong các truyện ngắn này kể cả những độc giả có kinh nghiệm và hiểu biết cũng không phát hiện ngay được. Tính độc đáo phổ biến nhất của các nhà văn chủ yếu thể hiện ở chỗ mỗi người biết cách che giấu những thiếu sót bằng cách riêng của mình.

Kính thư.

23 tháng 9

Truyện ngắn "Lời tuyên án" tôi viết một mạch từ đêm 22 đến sáng 23, từ 10 giờ tối đến 6 giờ sáng. Hai chân tê cứng lại vì ngồi lâu, tôi phải khó khăn lắm mới duỗi ra được dưới bàn viết. Một sự căng thẳng khủng khiếp và một niềm vui khi câu chuyện mở ra trước mặt tôi giống như có một dòng nước cuốn tôi về phía trước. Nhiều lần trong đêm nay tôi mang tất cả sức nặng của mình trên lưng. Có thể nói, có một ngọn lửa lớn đã được nhóm lên cho tất cả, cho những điều hoang tưởng lạ kì nhất, chúng chết đi rồi hồi sinh trong ngọn lửa đó. Trời xanh dần ngoài cửa sổ. Một chiếc xe tải chạy qua. Hai người đàn ông đi qua cầu. Lần cuối cùng tôi nhìn đồng hồ đã là 2 giờ. Tôi viết xong câu cuối cùng khi cô người làm đi qua tiền sảnh lần đầu tiên. Tắt đèn, trời đã sáng như ban ngày. Những cơn đau nhẹ trong tim. Sự mệt mỏi tan biến trong đêm. Tôi run rẩy bước vào phòng các chị em gái. Đọc thành tiếng. Trước đó tôi đứng trước mặt cô người làm và nói: "Tôi viết cho đến tận giờ". Giường chăn còn chưa động tới như thể người ta mới mang nó đến. Một niềm tin đã được khẳng định rằng bằng việc viết cuốn tiểu thuyết của tôi, tôi đang ở trong vực sâu nhục nhã của sự sáng tác(*). *Chỉ như thế* mới có thể viết, chỉ trong tình trạng như thế, chỉ trong

sự trải mở tâm hồn và thể xác đến tận cùng như thế. Tôi nằm trong giường đến bữa ăn trưa. Hai mắt luôn mở chong. Rất nhiều cảm xúc tôi đã trải qua khi viết, ví dụ niềm vui vì sẽ có một cái gì đó kha khá để gửi đến "Arcadia"(*) của Max, dĩ nhiên, những ý nghĩ về Fred, về một đoạn trong "Arnold Beer"(*), đoạn khác trong "Wassermann"(*), trong "Mụ khổng lồ" của Werfel(*), dĩ nhiên, cả về "Thế giới đô thị" của tôi nữa.

1913

11 tháng 2

Nhân sửa bản in thử "Lời tuyên án", tôi ghi lại tất cả những mối quan hệ mà giờ đây tôi nhìn thấy chúng ngay trước mắt mình trong câu chuyện này. Điều này cần thiết, bởi vì truyện ngắn từ tôi mà ra, như khi sinh nở, mang theo trên mình đủ thứ bẩn thỉu, nhầy nhụa mà chỉ tay tôi mới có thể và muốn đụng đến thân thể.

Người bạn là mối quan hệ giữa cha và con, là cái chung lớn nhất của họ. Khi ngồi một mình bên cửa sổ, George khoái trá đào bới trong cái chung này, anh ta nghĩ anh ta mang ông bố trong mình và cho rằng tất cả, ngoại trừ một thoáng đăm chiêu buồn bã, đều bình yên. Và sự phát triển câu chuyện chỉ ra, từ cái chung, - từ người bạn, - ông bố tách ra và trở thành đối cực với George và được củng cố bằng những cái chung khác kém quan trọng hơn như: tình yêu, sự chung thủy với người mẹ, việc luôn nhớ đến bà, đám khách hàng mà ông bố thoạt tiên giành được cho xí nghiệp. George không có gì cả; cô vợ chưa cưới bị ông bố dễ dàng đuổi đi, - cô ta có mặt trong truyện chỉ nhờ mối quan hệ với người bạn, nghĩa là với cái chung, và vì đám cưới chưa được tổ chức, cô ta không thể tham

gia vào vòng tròn huyết thống bao quanh ông bố và người con. Cái chung vây kín quanh ông bố, George cảm nhận nó như một cái gì đó xa lạ trở nên độc lập, không bao giờ được anh ta bảo vệ đầy đủ và bỏ mặc cho các cuộc cách mạng Nga, và chỉ vì chính anh ta không còn gì hơn nữa, ngoài việc nhìn lại ông bố, nên lời tuyên án hoàn toàn ngăn trở anh ta tiếp xúc với người bố đã tác động đến anh ta mạnh đến như vậy.

2 tháng 5

Câu chuyện của cô con gái người làm vườn làm gián đoạn công việc của tôi vào hôm kia. Tôi đang dự định lấy công việc để chữa bệnh suy nhược thần kinh của mình, thì lại phải lắng nghe chuyện về người anh trai của cô ta, - tên là Jak, thật ra đã là một người làm vườn, thậm chí đã là chủ một vườn hoa, là người sẽ kế nghiệp ông già Dvorsky, - hai tháng trước ở tuổi 28 đã rơi vào căn bệnh trầm uất và uống thuốc độc tự tử. Mùa hè, mặc dù có tính ẩn dật, anh ta cảm thấy mình tương đối thoải mái, bởi vì dù sao cũng cần phải tiếp xúc với khách hàng; còn mùa đông, anh ta chui hẳn vào vỏ ốc của mình. Người yêu của anh ta cũng là một cô gái đa sầu. Họ thường hay cùng nhau đi đến nghĩa trang.

4 tháng 5

Tôi không ngừng tưởng tượng về một con dao làm bếp rộng bản, rất nhanh và đều đặn như máy chém đâm vào sườn tôi và xẻ tôi ra thành từng lát hết sức mỏng, với tốc độ nhanh chúng bắn văng ra và cuộn tròn lại.

24 tháng 5

... Rất tự đắc, vì tôi coi "Người thợ lò"(*) là một thành công lớn. Buổi chiều đọc cho bố mẹ nghe; khi tôi đọc một điều gì đó cho một người rất không muốn nghe là cha tôi, thì không có

nhà phê bình nào tốt hơn tôi. Có nhiều chỗ quá nông cạn trước những độ sâu rõ ràng là không đạt đến.

21 tháng 6

Một thế giới thật khủng khiếp chật cứng trong đầu tôi! Nhưng làm sao để tôi thoát ra khỏi nó và giải thoát cho chính nó mà không làm nó nổ tung. Nhưng dù sao thì nổ tung nó ra nghìn lần còn tốt hơn là giữ nó lại hoặc chôn cất nó trong đầu. Chính vì việc đó mà tôi sống trên đời này, đó là điều tôi hoàn toàn biết rõ.

1 tháng 7

Khao khát cô đơn không giới hạn. Được ở riêng với chính bản thân mình. Có thể tôi sẽ có được điều này ở Riva(*).

2 tháng 7

Tôi nức nở trước bản báo cáo về vụ án cô Maria Abraham 23 tuổi vì nghèo và đói đã thắt cổ đứa con gái nhỏ chín tháng Barbara bằng chiếc caravat đàn ông được cô ta dùng làm vải quấn chân. Một câu chuyện cũ mèm.

3 tháng 7

Một ý nghĩ khi được tôi nói ra thành tiếng ngay lập tức mất hẳn giá trị; khi được ghi lại, ý nghĩa nó cũng luôn luôn bị mất, nhưng đôi khi nó lại có được ý nghĩa mới.

21 tháng 7

Đừng tuyệt vọng, đừng tuyệt vọng cả với cái cớ là mi không tuyệt vọng. Khi tưởng như tất cả đã chấm hết, thì từ đâu đó xuất hiện những nguồn sức mạnh mới, và điều đó có nghĩa là mi còn sống. Còn nếu chúng không xuất hiện nữa, khi đó quả thật tất cả đã chấm hết, và chấm hết thực sự.

Không ngủ được. Chỉ toàn mộng mị, không có giấc ngủ...

Đây là bản liệt kê tất cả những điều ủng hộ và phản đối việc tôi lấy vợ:

1. Không có khả năng chịu đựng cuộc sống một mình, không có khả năng sống, hoàn toàn ngược lại, thậm chí có vẻ khó tin rằng tôi có thể sống chung với ai đó, nhưng tôi không có khả năng chịu đựng áp lực của cuộc sống của chính mình, những đòi hỏi của chính cá nhân tôi, của những đòn tấn công của thời gian và tuổi tác, của cơn khát khao mơ hồ được viết, của những đêm mất ngủ, của tình trạng sắp hoá điên, - tất cả những cái đó tôi không có khả năng chịu đựng một mình. Lấy F.(*) sẽ tạo thêm cho tôi sức mạnh để chống đỡ.

2. Tất cả đều cho tôi cớ để suy nghĩ. Câu chuyện cười trong tờ báo cười, hồi tưởng về Flaubert và Grillparzer(*), hình dạng những chiếc áo ngủ trên giường ngủ của cha mẹ tôi, đám cưới của Max. Hôm qua chị gái tôi nói: "Tất cả những người có gia đình (những người quen của chúng tôi) đều hạnh phúc, chị không thể hiểu được điều này", - câu nói này cũng buộc tôi phải suy nghĩ, tôi lại cảm thấy sợ.

3. Tôi cần nhiều thời gian để ở một mình. Tất cả những gì tôi đã làm được đều là kết quả của sự cô đơn.

4. Toàn bộ những gì không liên quan đến văn học tôi đều căm ghét, tôi cảm thấy buồn chán khi phải nói chuyện với ai đó (thậm chí về văn học), tôi cảm thấy buồn chán phải đến thăm ai đó, những buồn vui của người thân làm tôi buồn đến chết. Những câu chuyện làm cho những suy nghĩ của tôi mất đi tính nghiêm túc, chân thực và quan trọng.

5. Nỗi sợ hãi trước sự kết hợp, hoà nhập. Sau đó tôi sẽ không bao giờ có thể ở một mình.

6. Khi đứng trước chị em gái của tôi, tôi thường là một người hoàn toàn khác hơn là trước những người khác, đặc biệt

trước đây đã thế. Dũng cảm, cởi mở, mạnh mẽ, đầy bất ngờ, hứng khởi hệt như khi tôi viết. Giá mà tôi có thể nhờ vợ để trở nên như vậy trước tất cả mọi người! Nhưng điều đó liệu có phải có được nhờ trả giá cho việc viết lách? Chỉ cần không phải, chỉ cần không phải thế!

7. Nếu tôi sống một mình, có thể đến một lúc nào đó tôi nhất định sẽ bỏ việc ở nhiệm sở. Lấy vợ rồi tôi sẽ chẳng bao giờ có thể thực hiện được điều này.

Một người thảm hại!

Quật con ngựa khéo ra trò! Từ từ chọc những cái đinh thúc ngựa vào nó, sau đó giật phắt chúng ra, rồi lại dùng toàn lực đâm vào thịt nó một lần nữa.

Thật là khốn khổ!

Không sao, không sao, không sao cả. Sự hèn yếu, sự tự huỷ diệt, những lưỡi lửa địa ngục xuyên qua tầng đất.

15 tháng 8

Tôi sẽ lẩn tránh tất cả, sẽ trốn vào cô đơn đến vô cảm. Sẽ cãi nhau với tất cả, sẽ chẳng chuyện trò với ai hết.

21 tháng 8

Hôm nay tôi nhận được cuốn "Sách của quan toà" của Kierkegaard(*). Đúng như tôi nghĩ, trường hợp anh ấy, mặc dù có những nét khác biệt lớn, vẫn giống tôi; ít ra anh ấy cũng ở cùng một phía của thế giới. Anh ấy như một người bạn đã giúp tôi khẳng định bản thân.

Tôi viết vội lá thư sau đây gửi bố của cô ấy(*), ngày mai tôi sẽ gửi nếu có đủ can đảm.

"Bác chần chừ trả lời yêu cầu của cháu, điều này rất dễ

hiểu, bất kì người cha nào cũng xử xự với con rể tương lai như thế, và cháu viết thư cho bác hoàn toàn không phải vì điều đó, điều mà cháu hi vọng nhất là muốn bác xem xét lá thư của cháu một cách bình tĩnh. Cháu viết vì e rằng sự ngần ngại và băn khoăn của bác có nhiều nguyên nhân nói chung lớn hơn chứ không phải chỉ vì một chỗ duy nhất, - chỉ có nó mới gợi ra những băn khoăn trên, - trong lá thư đầu tiên khiến cháu có thể bộc lộ mình. Ý cháu muốn nói về công việc ở nhiệm sở đối với cháu là không chịu đựng nổi.

Có thể bác không chú ý đến điều này, nhưng đáng ra không nên như thế. Ngược lại, bác cần phải hỏi thật kĩ về điều này và khi đó cháu sẽ phải trả lời bác thật ngắn gọn và chính xác như sau. Cháu không chịu đựng nổi công việc ở nhiệm sở bởi vì nó đối lập hẳn với thiên hướng và công việc của cháu - đó là văn học. Vì cháu là nhà văn chứ không phải là ai khác, không thể và không muốn là ai khác. Công việc ở nhiệm sở không bao giờ cuốn hút cháu, nhưng nó có thể làm cháu bị suy sụp hoàn toàn. Cháu sắp đến nước đó rồi. Những trạng thái tinh thần tồi tệ nhất luôn giày vò cháu, những vướng bận và buồn khổ vây kín tương lai của cháu và con gái bác suốt một năm nay đã chứng tỏ rằng cháu không có khả năng chống đỡ. Bác có thể hỏi tại sao cháu không bỏ công việc ở nhiệm sở và thử - tài sản thì cháu không có - sống bằng những công việc văn học. Về điều đó cháu chỉ có thể đưa ra một câu trả lời thảm hại rằng cháu không có sức để làm điều đó và, trong chừng mực mà cháu có thể phán xét tình trạng của mình, công việc ở nhiệm sở sẽ giết chết cháu, hơn nữa sẽ giết chết thật nhanh.

Bây giờ bác hãy so sánh cháu với con gái bác, một cô gái khoẻ mạnh, yêu đời, tự nhiên và mạnh mẽ. Dù cho cháu có nhắc đi nhắc lại với cô ấy trong năm trăm lá thư và dù cho cô ấy thường xuyên trấn an cháu bằng cái từ "không"không được thuyết phục – vấn đề vốn là thế này: trong chừng mực

cháu nhận thấy, thì với cháu cô ấy sẽ bất hạnh. Không chỉ vì hoàn cảnh khách quan, mà chủ yếu tính cách của cháu là người cô độc, ít nói, không chan hoà, rầu rĩ, nhưng đối với riêng cháu thì đó không phải là điều bất hạnh, bởi vì điều này chỉ phản ánh mục đích của cháu. Có thể rút ra một vài kết luận từ cách sống của cháu ở nhà. Chẳng hạn, cháu sống trong gia đình mình giữa những người thân yêu và tử tế nhất mà còn xa lạ hơn cả người xa lạ. Trong một vài năm gần đây cháu nói với mẹ trung bình không nổi hai mươi từ một ngày, với bố có lẽ không nói gì khác ngoài những lời chào hỏi. Còn với các bà chị đã lấy chồng và các ông anh rể cháu hầu như không nói chuyện, mặc dù cháu chẳng xích mích gì với họ. Nguyên nhân đơn giản là cháu hoàn toàn chẳng có gì để nói với họ cả. Tất cả những gì không phải là văn học khiến cháu buồn và căm ghét tại vì nó cản trở hoặc kìm hãm cháu, mặc dù đó chỉ là do cháu nghĩ ra. Cháu không có lấy một chút hiểu biết nào về cuộc sống gia đình, khá nhất cháu chỉ có thể làm một người quan sát. Cháu hoàn toàn không cảm nhận được tình thân, cháu thấy trong sự thăm viếng ý đồ độc ác chống lại cháu.

Hôn nhân có lẽ cũng không thể thay đổi cháu, cũng như công việc ở nhiệm sở vậy."

20 tháng 10

Từ sáng buồn không chịu nổi. Chiều đọc "Sự nghiệp Jacobson" của Jacobson(*). Khả năng sống, khả năng quyết định của ông, thích thú được đặt chân lên đúng nơi, đúng chốn. Ông ngồi vững chãi trong bản thân mình như người chèo thuyền tài ba trong con thuyền của mình. Tôi muốn viết thư cho ông. Nhưng thay vào đó lại đi dạo, sau khi đã dập tắt tất cả những tình cảm chi phối tôi bằng cuộc nói chuyện với Haas(*) mà tôi gặp trên đường, những người phụ nữ kích động

tôi, bây giờ tôi đang ở nhà đọc "Hóa thân" và thấy nó tồi. Có lẽ không gì cứu được tôi nữa rồi, nỗi buồn ban sáng quay trở lại, tôi sẽ không thể chống chọi với nó lâu, nó cướp đi hết mọi hi vọng của tôi. Tôi thậm chí còn chẳng muốn viết nhật kí, có thể vì trong đó thiếu quá nhiều điều, có thể vì tôi lúc nào cũng phải miêu tả những thứ nửa vời và có vẻ không tránh khỏi những hoạt động nửa vời, có thể chính việc viết lách làm tăng thêm nỗi buồn trong tôi...

26 tháng 10

"Tôi là ai đây?" – tôi trách mắng mình. Tôi nhổm dậy khỏi ghế đi văng mà tôi co hai đầu gối, ngồi thẳng lên. Cánh cửa dẫn thẳng vào phòng tôi từ một đoạn cầu thang mở toang ra và một người đàn ông trẻ bước vào, đầu cúi xuống và mắt nhìn dò xét. Anh ta đi tránh, vừa đủ mức có thể trong một căn phòng chật hẹp, qua ghế đi văng và dừng lại ở một góc tối om cạnh cửa sổ. Tôi muốn xem đấy có phải là ma không, tôi đi đến đó và cầm lấy tay anh ta. Đó là người sống, thấp hơn tôi một chút, anh ta dướn mắt nhìn tôi và mỉm cười, và chính cái vẻ vô tư lự khi anh ta gật đầu và nói: "Ông cứ kiểm tra đi" lẽ ra phải trấn an tôi. Thế nhưng, tôi túm lấy đằng trước áo gi lê và đằng sau áo khoác của anh ta, và lắc mạnh. Đập vào mắt tôi là chiếc dây chuyền đồng hồ vàng dầy, đẹp và tôi giật nó xuống mạnh đến nỗi bung cái khuy áo móc chặt sợi dây chuyền. Anh ta bình thản chịu đựng điều này, chỉ nhìn vào vết toác và hoài công cố gắng cài lại cúc áo gi lê vào cái khuy áo vừa bị giật ra. "Anh làm gì vậy?" – cuối cùng anh ta nói và chỉ tay vào áo gi lê. "Im!" – tôi gằn giọng đe dọa.

Tôi bắt đầu chạy quanh phòng, mỗi lúc một nhanh hơn và mỗi lần chạy qua kẻ đột nhập lại dứ nắm đấm vào anh ta. Anh ta cứ loay hoay với cái áo gi lê, chẳng chú ý gì đến tôi cả. Tôi cảm thấy mình rất tự do, tôi thở nhẹ khác thường, và chỉ mỗi bộ quần

áo là cản trở lồng ngực tôi đang phồng to lên một cách lạ thường.

6 tháng 11

Sự tự tin đột ngột này ở đâu ra? Ước gì nó sẽ ở lại! Giá như tôi có thể đi vào đi ra tất cả các cánh cửa như một con người tương đối lương thiện! Tôi chỉ không biết mình có muốn điều này hay không.

18 tháng 11

Tôi sẽ lại viết, nhưng việc viết lách đã gây cho tôi quá nhiều nghi ngờ. Về cơ bản tôi như một kẻ bất tài, dốt nát, người mà nếu như không bị bắt phải đến trường (thêm vào đó đến trường cũng chẳng có chút công cán nào, nhưng cũng không chắc đã nhận ra sự bắt buộc), thì đúng là phải nằm bẹp nơi ổ chó, chỉ nhảy ra khi người ta mang thức ăn đến, rồi lại nhảy vào sau khi đã nuốt hết thức ăn.

19 tháng 11

Tôi đọc nhật kí suốt. Liệu có phải nguyên nhân là giờ đây tôi chẳng có lấy một chút nào niềm tin vào thực tại? *Tôi cảm thấy tất cả được gá ghép.* Mọi nhận xét, mọi cái nhìn tình cờ đều đảo lộn trong tôi, thậm chí cả điều đã bị lãng quên hoàn toàn vô nghĩa. Tôi chưa bao giờ mất lòng tin vào bản thân nhiều như vậy, chỉ cảm nhận được sức ép của cuộc sống. Và tôi hoàn toàn trống rỗng. Tôi giống như con cừu bị lạc trong đêm trên núi, hay như con cừu đang chạy theo con cừu kia. Bị lạc mất và không còn sức để khóc cho điều đó.

4 tháng 12

Từ ngoài nhìn điều này thật kinh khiếp – chết khi đã là người lớn nhưng hãy còn trẻ và hoặc giả lại là tự tử. Chết trong cơn hoảng loạn tột cùng mà chắc nó sẽ có ý nghĩa nếu như nó phải kéo dài sau khi để mất tất cả mọi hi

vọng, ngoại trừ một hi vọng duy nhất là việc sinh ra trên đời được xem như không có trong sự toan tính vĩ đại. Lúc này đây tôi như đang ở trong tình trạng ấy. Chết không có nghĩa gì khác là đưa cái hư không cho cái Hư không, nhưng lí trí chống lại điều này, bởi vì làm sao có thể trao mình - cho dù chỉ là hư không - cho cái Hư không, hơn nữa không đơn thuần là cho cái Hư không trống rỗng, mà là một Hư không đang sôi réo, cái mà chúng ta cảm thấy nó Hư không chỉ vì không thể nào đạt tới nó.

Nỗi sợ hãi trước cái ngu xuẩn, cái ngu xuẩn hiển hiện trong mỗi một mong muốn hướng tới mục đích, khiến quên đi tất cả những điều khác. Khi đó cái gì là không - ngu xuẩn? Không - ngu xuẩn là đứng như một gã ăn mày ở bên lối vào, đứng cho đến khi chết... Có lẽ có những cái ngu xuẩn lớn hơn cả những kẻ thể hiện chúng. Nhưng tởm lợm biết mấy những kẻ ngu xuẩn nhỏ bé lại gắng sức làm những điều ngu xuẩn lớn. Chẳng phải trong mắt những kẻ Pharisei(*) Đức Chúa Christ không là như vậy sao?

9 tháng 12

Tôi ghét sự tự quán tỉ mỉ. Những giải thích tâm lí tương tự như: hôm qua tôi như thế này thế nọ là vì thế nọ thế này... còn hôm nay tôi thế nọ thế này là vì thế này thế nọ...Không đúng, không phải vì thế và vì thế, không phải vì vậy mà tôi như thế này thế nọ. Cần bình tĩnh chấp nhận và chịu đựng, không vội vã kết luận, sống như cần phải sống, chứ không loay hoay như con chó chạy quanh cái đuôi của mình.

10 tháng12

Không thể tính hết và đánh giá hết tất cả hoàn cảnh lúc này hay lúc khác ảnh hưởng đến tâm trạng hay thậm chí xác

định chính cả tâm trạng, cả việc đánh giá nó, và sẽ là không đúng khi nói rằng hôm qua tôi cảm thấy tự tin, còn hôm nay tôi tuyệt vọng. Những sự nhận biết như thế chỉ chứng minh một điều là con người muốn tự kỉ ám thị và sống một cuộc sống tách biệt khỏi bản thân, trốn vào sau những thiên kiến và ảo tưởng, phần nào ngụy tạo, giống như kẻ ngồi trong một góc quán rượu, nấp sau cốc rượu, tự tiêu sầu bằng những hoang tưởng và những mơ ước hết sức viển vông và giả dối.

16 tháng12

Tôi ngồi trên ghế xích đu nhà Weltsch(*), chúng tôi nói về tình trạng bất ổn trong cuộc sống của hai chúng tôi, anh ấy dù sao vẫn còn chút hi vọng nào đấy ("Cần phải mong điều không thể"), còn tôi – không chút hi vọng nào, dán mắt vào những ngón tay của mình với một cảm giác dường như tôi là kẻ đại diện cho cái khoảng trống trong mình, một khoảng trống hoàn toàn đặc biệt và thậm chí không phải là quá lớn.

1914

5 tháng 1

...Mỗi người đều bị đánh mất không tìm lại được ở ngay trong chính bản thân mình, và chỉ sự suy ngẫm về những người khác và về những qui luật thống trị trong họ và khắp cả mọi nơi mới có thể mang lại niềm an ủi...

Tại sao những người Tructri(*) không rời bỏ xứ sở khủng khiếp của họ, ở bất cứ nơi nào họ cũng có thể sống tốt hơn so với cuộc sống hiện tại của họ và những nhu cầu của họ. Nhưng lại không thể; tất cả những gì có thể, đều đang diễn ra; chỉ những gì đang diễn ra mới có thể.

12 tháng 1

Tất nhiên, đối với tôi cũng tồn tại những cái có thể. Nhưng chúng nằm dưới tảng đá nào?

Sự vô nghĩa của tuổi trẻ. Nỗi kinh hoàng trước tuổi trẻ, nỗi kinh hoàng trước sự vô nghĩa, trước sự sung mãn vô nghĩa của cuộc sống phi nhân.

19 tháng 1

Nỗi kinh hoàng luân phiên với sự tự tin nơi nhiệm sở. Nói chung đã trở nên tự tin hơn. Một nỗi kinh tởm to đùng đối với "Hoá thân". Một kết cục rối rắm. Hầu như tất cả không hoàn thiện. Thiên truyện có thể tốt hơn nhiều nếu hồi đó mình không bị xáo trộn do chuyến đi công tác.

15 tháng 3

Sinh viên muốn mang chiếc còng của Doxtoevxki đi theo quan tài của ông. Ông mất trong một khu công nhân, trên tầng bốn khu chung cư.

5 tháng 4

Nếu như có thể định cư ở Berlin, trở thành người độc lập; có thể sống ngày này qua ngày khác, mặc cho đói khát, nhưng giá mà có thể tạo lối thoát cho toàn bộ sức lực của mình thay cho việc làm ăn kinh tế ở đấy, hay còn tốt hơn, thay cho việc hoá thành hư không.

8 tháng 4

Hôm qua không thể viết nổi một từ. Hôm nay cũng chẳng khá hơn. Ai sẽ giải thoát cho tôi? Và sự chen lấn bên trong tôi,

nơi sâu thẳm, không nhìn thấy được. Tôi như một cái chấn song sống, cái chấn song đang đứng và muốn đổ sập xuống...

27 tháng 5

Nếu như tôi rất không lầm, tôi bắt đầu có được sự rõ ràng. Cảm giác như ở đâu đó nơi khoảng rừng thưa đang xảy ra một trận chiến tinh thần. Tôi lẻn vào rừng, không tìm thấy gì vì yếu sức nên nhanh chóng quay ra; thường thường, khi rời bỏ rừng tôi nghe thấy, - hay cảm tưởng như nghe được, - tiếng loảng xoảng của vũ khí trong trận đánh đó. Có thể, những ánh nhìn của các chiến binh tìm tôi trong bóng tối của rừng, nhưng tôi biết quá ít về họ, và những điều biết được lại không chắc chắn.

Hãy tiếp tục đi, lũ lợn, điệu nhảy của mình; tôi có liên quan gì với điều đó.

29 tháng 5

Ngày mai đi Berlin(*). Tình trạng của tôi đơn giản chỉ là một cơn phấn chấn tinh thần hay thực sự có hi vọng? Điều gì sẽ đến? Liệu có đúng là nếu một lần ta nhận thức được bản chất của sự sáng tạo, thì sẽ không có gì bị chết đi, sẽ không có gì bị chìm xuống, mặc dù, quả thật, hiếm khi có gì đạt được những tầm cao khác thường. Có thể, cuộc hôn nhân sắp tới với F. sẽ như thế? Một trạng thái kì lạ, mặc dù qua những hồi tưởng không phải là không quen thuộc đối với tôi.

Thư của Doxtoevxki gửi anh trai kể về cuộc sống ở nơi lao động khổ sai.

6 tháng 6

Từ Berlin trở về. Bị cùm như một tên tội phạm. Giả sử tôi bị cùm bằng những chiếc cùm thật, đặt ngồi ở một góc với

những gã sen đầm trước mặt, và chỉ trong tình trạng như thế mới cho phép tôi nhìn vào những gì đang diễn ra, thì có lẽ cũng không kinh khủng hơn. Lễ đính hôn của tôi đã diễn ra thế đấy! Tất cả mọi người thử tìm cách làm cho tôi lạc quan yêu đời hơn, nhưng vì không thành công họ đành cố gắng thoả hiệp với con người tôi như hiện nay. Thật ra, không kể F. - điều này hoàn toàn có cơ sở, vì cô ấy là người đau khổ hơn tất cả. Bởi vì những gì người khác cảm thấy đơn thuần là biểu hiện bên ngoài, đối với cô ấy ẩn chứa cả một mối đe doạ.

11 tháng 6

Đã gần nửa đêm. Năm người đàn ông chặn tôi lại, người thứ sáu từ phía sau lưng họ vươn tay ra để túm lấy tôi. "Thả tôi ra", - tôi kêu lên và quay người như con quay khiến tất cả bọn họ phải buông tôi ra. Tôi cảm thấy như có những qui luật nào đó đã bắt đầu tác dụng, tôi biết, khi cố gắng lần cuối, rằng qui luật này sẽ thắng, tôi nhìn thấy những người đàn ông vung tay lên nhảy lùi về phía sau, và hiểu rằng chỉ một khoảnh khắc nữa thôi tất cả bọn họ lại cùng xông vào tôi, tôi quay người tiến về phía cánh cổng, - tôi ở bên cạnh nó, - mở ổ khoá dường như hết sức dễ dàng và vội vã, rồi chạy dọc theo cầu thang tối đen lên phía trên.

Lên trên, ở tầng cuối cùng, người mẹ già của tôi tay cầm nến đứng ở cửa ra vào. "Mẹ cẩn thận, cẩn thận, - tôi kêu lên từ dưới tầng áp cuối, - chúng đang lùng bắt con".

- Ai? Ai cơ? - Mẹ tôi hỏi. – Ai có thể lùng bắt cậu bé của mẹ chứ?

- Sáu gã đàn ông, – tôi đáp, vừa thở hổn hển.

- Con biết chúng không? - Mẹ tôi hỏi.

- Không, toàn người lạ, - tôi đáp.

- Trông bọn chúng thế nào?

- Con nhìn không rõ. Một gã có râu quai nón màu đen, gã khác tay đeo một cái nhẫn to, gã thứ ba đeo thắt lưng đỏ, gã thứ tư hai bên đầu gối quần bị rách, gã thứ năm bị chột và gã cuối cùng răng nhe ra.

- Bây giờ con đừng nghĩ gì về việc này nữa, - mẹ nói, - vào phòng con ngủ đi, mẹ đã trải giường rồi.

Mẹ tôi, một người phụ nữ đã già, đã xa lạ với tất cả hiện thực, với một nếp nhăn ranh mãnh bao quanh cái miệng làm tái hiện những dại dột tám mươi năm qua một cách vô thức.

- Bây giờ ngủ? – tôi thốt lên...(Đoạn ghi chép bị ngắt)

12 tháng 6

Thư của Doxtoevxki gửi một nữ hoạ sĩ.

Đời sống xã hội vận động theo vòng tròn. Chỉ những người bị cùng một căn bệnh mới hiểu nhau. Nhờ đặc điểm của nỗi khổ đau của mình họ tạo thành một vòng tròn và giúp đỡ nhau. Họ trượt đi trong vòng tròn đó, nhường đường cho nhau hay trong đám đông thận trọng nương đẩy nhau. Người này an ủi người kia với hi vọng sự an ủi đó sẽ có tác động trở lại với chính mình, hay ngay tức khắc tận hưởng đến quên mình tác động trở lại đó. Mỗi người chỉ có một kinh nghiệm do nỗi đau khổ của người đó đưa lại, thế nhưng trong những câu chuyện kể của những người bạn cùng cảnh ngộ kinh nghiệm xem có vẻ vô cùng phong phú. "Sự việc của anh như thế, - họ nói với nhau, - và đừng có than khóc, hãy tạ ơn Chúa, là sự việc của anh chỉ là như thế, bởi vì nếu nó khác đi, nó hẳn sẽ gây cho anh những bất hạnh hay sự nhục nhã còn lớn hơn nhiều". Vì sao anh ta biết điều đó? Xét theo điều anh ta nói, thì dẫu sao anh ta cũng thuộc về vòng tròn đó như người đối thoại của anh ta, và anh ta cũng có nhu cầu được an ủi như thế. Mà sự nhận thức của những người trong

một vòng tròn luôn giống nhau. Tình trạng của người an ủi hoàn toàn không một tẹo nào khá hơn người được an ủi. Chính vì thế, các buổi tâm sự của họ chỉ là sự tập hợp những lời ám thị, sự trao đổi những lời cầu chúc. Lúc thì một người cúi đầu xuống, còn người kia nhìn chim bay trên trời (đây chính là toàn bộ sự khác nhau giữa họ). Khi thì có một hi vọng liên kết họ lại, và cả hai vai kề vai cùng nhìn ra những chân trời xa vô tận. Nhưng họ chỉ hiểu được tình trạng của mình khi hai người cùng cúi đầu xuống và bị một cái búa giáng xuống cả hai.

29 tháng 7

Josef K., con trai của một thương gia giàu có, một lần vào buổi chiều sau trận cãi vã gay gắt với bố, - ông bố quở mắng cậu ta vì cuộc sống bừa bãi của cậu ta và yêu cầu cậu ta nhanh chóng chấm dứt nó, - đã đi không mục đích, hoàn toàn thiếu tự tin và mệt mỏi, đến một câu lạc bộ thương nhân ở gần bờ biển. Người gác cửa rạp mình chào cậu ta. Josef gần như không nhìn ông ta, không chào hỏi. "Những kẻ tôi tớ lầm lì này làm tất cả những gì người ta muốn, - cậu ta nghĩ. – Một khi mình nghĩ gã lén lút theo dõi mình, thì quả gã làm việc đó thật". Và cậu ta lại nhìn người gác cửa, vẫn không chào hỏi gì, ông ta đã quay mặt ra phố và nhìn lên bầu trời đầy mây.

Tôi ghi chép về chuyến du lịch trong một quyển vở khác. Những tác phẩm mà tôi bắt đầu viết, không thành công. Tôi không chịu đầu hàng, bất chấp đêm mất ngủ, đau đầu, suy nhược toàn thân. Để làm được như thế đòi hỏi

phải tập trung những sức lực cuối cùng. Tôi đi đến kết luận rằng tôi trốn tránh mọi người không phải để được sống yên ổn, mà để chết thanh thản. Nhưng tôi sẽ tự vệ. Tôi có cả một tháng không có sếp.

31 tháng 7

Tôi không có thời gian. Một cuộc tổng động viên. K. và P. bị gọi nhập ngũ. Giờ đây tôi đang có được phần thưởng của sự cô đơn. Tuy nhiên, chắc gì có thể gọi đó là phần thưởng, sự cô đơn thường chỉ mang lại hình phạt. Dù sao đi nữa, tai hoạ chung ít động đến tôi, tôi tràn đầy quyết tâm hơn bao giờ hết. Sau buổi trưa tôi cần phải đến nhà máy, tôi sẽ không sống ở nhà vì E.(*) cùng hai con đến ở đó. Nhưng tôi sẽ viết, bất chấp tất cả, đó là cuộc đấu tranh của tôi vì sự sống còn(*).

6 tháng 8

Những khẩu pháo vượt qua hào. Những bông hoa, những tiếng kêu "Hoan hô!" nhiệt liệt. Một khuôn mặt rám nắng mắt đen đột nhiên đờ ra, sửng sốt, trố nhìn căng thẳng.

Đáng ra phải cảm thấy khoẻ hơn tôi lại bị tê liệt hoàn toàn. Một cái bình rỗng, vẫn còn nguyên, nhưng đã bị chôn sâu dưới những mảnh vỡ, hay đã là một mảnh vỡ nhưng vẫn còn mang sức nặng của cái bình còn nguyên. Đầy dối trá, lòng căm ghét và ghen tị. Đầy bất tài, ngu si, tối dạ. Đầy lười biếng, yếu đuối và bất lực. Tôi 31 tuổi. Tôi thấy hai gã quản lí trong bức ảnh của Ottla(*). Hai con người tươi trẻ, biết một vài điều gì đó và đủ mạnh mẽ để áp dụng kiến thức của mình giữa những kẻ phản đối yếu ớt theo thói quen. Một người dắt những con ngựa tuyệt vời, người kia nằm trên cỏ, đầu lưỡi thò ra nghịch ngợm giữa cặp môi trên khuôn mặt thường bất động và chắc chắn gợi nên sự tin cậy của anh ta.

Tôi phát hiện trong mình chỉ có sự nhỏ nhen, do dự, ganh tị và căm ghét, muốn tất cả tai hoạ đổ lên đầu những kẻ đang đánh nhau.

Từ góc độ văn học số phận tôi rất đơn giản. Cái ý muốn mô tả một cuộc sống nội tâm hoang tưởng của tôi đã làm tất cả những cái khác trở thành không quan trọng, bị cằn cỗi đi và tiếp tục cằn cỗi một cách thảm hại nhất. Không bao giờ có một cái gì khác làm tôi thoả mãn. Nhưng tôi không biết liệu tôi còn có sức cho sự mô tả đó hay không, có thể, sức lực của tôi đã cạn kiệt mãi mãi, có thể nó lại quay trở lại với tôi, mặc dù điều kiện sống của tôi không thuận lợi cho điều này. Cứ như thế tôi bị quẳng qua quẳng lại, tôi không ngừng bay lên đỉnh núi, nhưng không thể trụ lại trên đó lấy một khoảnh khắc. Những người khác cũng bị quăng qua quăng lại, nhưng là ở dưới các thung lũng, và họ còn nhiều sức lực hơn; họ chỉ mới bắt đầu rơi xuống thì có ngay một người thân đỡ lấy, người đó đi theo họ là vì mục đích ấy. Tôi thì bị quẳng qua quẳng lại ở trên cao, - và thật đáng tiếc, đó không phải là cái chết, mà là nỗi đau khổ muôn thủa của hấp hối.

•

Cuộc diễu hành yêu nước. Diễn văn của thị trưởng. Biến mất, xuất hiện, kết thúc bằng những tiếng hô của người Đức "Đức vua yêu quí của chúng ta muôn năm, ura!" Tôi đứng và nhìn bằng đôi mắt ác cảm. Những cuộc diễu hành này là một trong những trò ghê tởm đi kèm theo chiến tranh...Dĩ nhiên, nó thu hút nhiều người. Nó được tổ chức tốt. Nó sẽ được lặp lại mỗi buổi chiều, còn ngày mai, chủ nhật, sẽ lặp lại hai lần.

30 tháng 8

Lạnh và trống rỗng. Tôi cảm nhận quá rõ đường ranh giới hạn khả năng của tôi, những đường ranh rõ ràng được vạch quá sát nếu tôi không xúc động đến tận đáy lòng. Tôi nghĩ ngay cả khi xúc

động tôi cũng chỉ bị kéo vào không gian hạn hẹp của những lằn ranh giới hạn mà bản thân tôi không cảm nhận vì chính tôi bị kéo vào. Tuy nhiên giữa những lằn ranh đó vẫn có đủ chỗ để sống được và do đó tôi sẽ tận dụng cho tới mức kinh tởm.

30 tháng 11

Tôi không thể viết được nữa. Tôi đang ở giới hạn cuối cùng, mà trước nó, có lẽ tôi sẽ lại phải dừng lại nhiều năm trời để rồi có thể bắt đầu tác phẩm mới mà thế nào cũng bị bỏ dở dang. Số phận đó cứ đeo đuổi tôi. Tôi lại trở nên lạnh lùng và vô cảm, chỉ còn lại tình yêu già cỗi với sự yên tĩnh tuyệt đối. Và, như một con vật hoàn toàn tách khỏi con người, tôi lại sẵn sàng giơ cổ ra và muốn thử cố gắng có được F. trong thời gian này. Thực sự tôi sẽ cố thử làm điều đó, nếu sự ghê tởm đối với bản thân mình không cản trở tôi.

13 tháng 12

Tôi vừa ở chỗ Felix. Trên đường về nhà, tôi nói với Max rằng vào lúc lâm chung, chỉ cần những cơn đau không quá dữ dội, tôi sẽ cảm thấy mãn nguyện. Tôi quên nói thêm, nhưng sau đó chủ định không nói, rằng, những gì khá nhất trong sáng tác của tôi đều xuất phát từ chính khả năng chết một cách mãn nguyện này. Ở tất cả những đoạn hay và có sức thuyết phục luôn nói về ai đó đang chết, rằng điều này làm anh ta rất khổ sở; rằng anh ta cho như thế là bất công với mình hay ít ra cũng là sự nhẫn tâm, - điều này, ít ra tôi cảm thấy, cũng khiến độc giả cảm động. Còn đối với tôi, người nghĩ rằng lúc lâm chung tôi có thể sẽ mãn nguyện, thì trong thâm tâm những mô tả kiểu ấy là trò chơi, tôi thậm chí còn vui mừng với khả năng được chết trong kẻ đang hấp hối, tôi tận dụng một cách đầy tính toán sự chú ý vào cái chết của độc giả,

trí tuệ của tôi còn sáng suốt hơn nhiều so với độc giả, người mà như tôi đoán, sẽ than khóc trong lúc lâm chung, và sự than khóc của tôi chính vì thế hoàn thiện hơn, nó không bị cắt ngang đột ngột như sự than khóc thật sự, mà được kết thúc bằng một nốt nhạc thuần khiết và đẹp đẽ. Điều này cũng giống như tôi luôn kêu ca với mẹ về những đau đớn còn lâu mới ghê gớm như trong những lời kêu ca của tôi. Quả thật, trước mặt mẹ tôi không cần phải quá khéo léo như trước mặt độc giả.

19 tháng 12

Bắt đầu một truyện ngắn thoạt đầu bao giờ cũng có vẻ nực cười. Có vẻ thật khó tin việc một thực thể mới, còn chưa hình thành, hết sức nhạy cảm này có thể đứng vững được trong cái cơ cấu đã ổn định của thế giới, cái cơ cấu mà, như bất kì một cơ cấu đã ổn định nào, đều có khuynh hướng khép kín. Trong lúc đó, ta quên rằng truyện ngắn, nếu nó đã có được quyền tồn tại, đã mang trong mình một cơ cấu ổn định của mình, cứ cho là cơ cấu này chưa phát triển hoàn toàn; chính vì vậy nỗi tuyệt vọng loại đó trước khi ta bắt tay vào một truyện ngắn mới là vô căn cứ; với một căn cứ tương tự hẳn những bậc cha mẹ sẽ tuyệt vọng trước một đứa con vừa sinh ra, vì họ muốn cho ra đời đâu phải một sinh vật nực cười và thảm hại như vậy. Thật ra, ta không bao giờ biết được nỗi tuyệt vọng ta cảm thấy là có căn cứ hay không. Nhưng ý nghĩ này có thể mang lại một sự nâng đỡ nhất định; việc thiếu một kinh nghiệm như vậy đã mang hại cho tôi.

20 tháng 12

Nhận xét của Max về Doxtoevxki, rằng trong tác phẩm của ông có quá nhiều những kẻ tâm thần. Hoàn toàn không

đúng. Đó không phải là những kẻ tâm thần. Mô tả bệnh tật chính là một thủ pháp định tính, hơn nữa là một thủ pháp rất mềm dẻo và hữu hiệu. Thí dụ, khi người ta thường xuyên và rất kiên trì nhắc đi nhắc lại với ai đó rằng anh ta thiển cận và ngu ngốc, thì nếu như anh ta có hạt nhân của chủ thuyết Doxtoevxki, điều đó sẽ trực tiếp kích động ngay anh ta bộc lộ hết những khả năng của mình. Xét từ góc độ này, sự biểu thị đặc điểm của anh ta cũng có ý nghĩa như những lời mắng chửi bạn bè với nhau. Khi họ nói: "Anh ngu lắm" thì không có nghĩa người bị mắng là một kẻ ngu thực sự và họ tự hạ thấp mình bằng cách kết bạn với anh ta; thường thường, - nếu đây không phải là một câu đùa, nhưng thậm chí kể cả đó là một câu đùa, - thì điều này chứa đựng trong mình sự đan xen vô tận những ý đồ khác nhau. Chẳng hạn, ông bố của anh em nhà Karamazov hoàn toàn không phải là một người ngu ngốc, ông ta rất thông minh, trí tuệ của ông ta không kém gì Ivan, nhưng là một kẻ độc ác, và ít ra ông ta cũng thông minh hơn những kẻ, - mà người kể chuyện không bác bỏ, - chẳng hạn như người anh họ hay người cháu địa chủ vẫn cho rằng mình tôn quí hơn ông ta.

23 tháng12

Đọc một vài trang trong "Sương mù London" của Gersen. Hoàn toàn không hiểu nói về điều gì, thế nhưng trước mắt tôi lại xuất hiện một con người – quyết đoán, tự hành hạ bản thân, có nghị lực nhưng rồi lại ngã lòng.

31 tháng 12

Làm việc từ tháng 8, nói chung không ít và cũng không tồi, nhưng cả về chất lượng lẫn số lượng tôi đều chưa đạt mức tột cùng giới hạn khả năng của mình, như lẽ ra phải thế, đặc biệt vì thấy trước rằng qua các triệu chứng (mất ngủ, đau đầu,

yếu tim) thì khả năng của tôi sẽ nhanh chóng cạn kiệt. Viết tiếp các tác phẩm đang dở dang: "Vụ án", "Những hồi tưởng về tuyến đường sắt đến Kalda", " Thầy giáo nông thôn", " Viên thẩm phán trẻ" – và phần đầu của những truyện ngắn hơn. Chỉ mới hoàn chỉnh "Trại lao cải" và một chương cuốn tiểu thuyết "Người mất tích"(*), cả hai được hoàn thành trong kì nghỉ phép mười bốn ngày. Không biết tôi liệt kê ra để làm gì, - đây hoàn toàn không phải tính cách của tôi.

1915

6 tháng1

"Thầy giáo nông thôn" và "Viên thẩm phán trẻ" tạm thời để sang một bên. Nhưng tôi gần như không thể tiếp tục cả "Vụ án". Những ý nghĩ về cô gái ở Lamberg. Hi vọng vào một hạnh phúc nào đó, tương tự như những hi vọng về cuộc sống vĩnh hằng. Nhìn từ một khoảng cách nhất định chúng nghe chừng có cơ sở, còn lại gần thì ta không dám.

18 tháng 1

Cho tới sáu giờ ba mươi, làm việc trong nhà máy, đọc, đọc cho viết, nghe và viết với một sự vô nghĩa không đổi. Sau đó cũng không đổi một cảm giác vô nghĩa của sự thoả mãn. Đau đầu. Ngủ kém. Không đủ sức làm một công việc ít nhiều căng thẳng kéo dài. Thêm vào đó lại quá ít khi ra ngoài thở không khí trong lành. Mặc dù vậy, đã bắt đầu một truyện ngắn mới, tôi sợ làm hỏng những truyện ngắn cũ. Và đây,

chúng đang đứng trước mặt tôi, bốn hay năm truyện ngắn dàn hàng như những chú ngựa đứng trước ông bầu xiếc Schuman trước giờ biểu diễn.

19 tháng 1

Chừng nào tôi còn đến nhà máy, tôi sẽ không thể viết được. Tôi nghĩ, sự bất lực trong công việc hiện tôi đang cảm thấy này cũng giống như tình trạng đặc biệt tôi đã trải qua khi làm việc ở "Generali"(*). Việc tiếp xúc trực tiếp cuộc sống lao động, mặc dù bên trong tôi cố hết sức lãnh đạm đến mức có thể, vẫn che mất tầm nhìn của tôi, tôi như đang ở trong một cái khe, hơn nữa lại cúi đầu xuống. Thí dụ, hôm nay báo đăng phát ngôn của giới có thẩm quyền Thuỵ Điển về việc bất chấp những đe doạ của "Hoà ước ba bên", đường lối trung lập tất yếu phải được duy trì. Để kết luận họ nói: "Các thành viên của "Hoà ước ba bên" sẽ gãy răng ở Stockholm". Hôm nay tôi chấp nhận điều đó gần giống như điều được nói ra. Còn ba ngày trước đây chắc tôi đã cho rằng đấy là do một bóng ma Stockholm nào đó nói ra, rằng "những đe doạ của "Hoà ước ba bên", "đường lối trung lập", "các giới có thẩm quyền Thuỵ Điển" – tất cả chỉ là những công trình bằng không khí, có thể nhìn thấy, chứ không bao giờ có thể chạm tay vào.

24 tháng 1

Gặp F. ở Bodenbach. Tôi cảm thấy việc chúng tôi lấy nhau là không thể, nhưng tôi không có can đảm nói với cô ta điều này, và – trong thời điểm quyết định – cả với chính mình nữa. Và tôi lại gieo hi vọng cho cô ta một cách điên rồ, vì tôi càng ngày càng già hơn và bảo thủ hơn. Khi tôi cố hiểu xem cô ta sẽ đau khổ như thế nào và đồng thời vẫn tỏ ra thản nhiên và vui vẻ, thì những cơn đau đầu trước đây quay trở lại với tôi.

Chúng ta không nên hành hạ nhau bằng những lá thư dài, tốt hơn hết là để cho cuộc gặp không đi đến đâu; hoặc có thể là tôi lại tin rằng ở đây tôi sẽ có thể thành người tự do, có thể sống bằng lao động văn học, hay có thể đi ra nước ngoài hay một nơi nào đó và bí mật sống ở đó với F? Chúng tôi thấy cả hai đều không có gì thay đổi. Mỗi người đều im lặng thú nhận với mình rằng người kia sắt đá và nhẫn tâm. Tôi không bỏ những dự định sống một cuộc đời hoang tưởng, hoàn toàn được tạo ra bởi công việc của mình; còn cô ta, điếc đặc trước những yêu cầu câm lặng của tôi, muốn một cuộc sống bình lặng, một căn hộ ấm cúng, lo lắng đến nhà máy, những bữa ăn thịnh soạn, đi ngủ từ 11 giờ tối, một căn phòng được sưởi ấm, cô ta vặn lại kim đồng hồ của tôi, - đã ba tháng nay chạy nhanh hơn một tiếng rưỡi, chính xác đến từng phút. Và cô ta đúng, và cô ta sẽ luôn luôn đúng, cô ta đúng khi phê bình tôi lúc tôi nói với người phục vụ: "Anh đưa báo lại đây khi cô ấy còn chưa đọc hỏng cả báo", - và tôi không thể đưa ra bất cứ lời đính chính nào khi cô ta nói về "tính cách riêng" (từ này luôn được nói ra với một âm rít) của việc bố trí căn hộ tương lai. Hai bà chị gái đầu của tôi bị cô ta cho là "nhạt nhẽo", về cô em út cô ta không hỏi gì cả, cô ta chẳng tỏ vẻ quan tâm công việc của tôi và rõ ràng không hiểu gì về nó.

Tôi bất lực và trống rỗng, như thường vẫn vậy, và đúng ra không có thì giờ để suy nghĩ về điều gì khác hơn là vì sao mà vẫn có ai đó có được ý muốn, cho dù rất nhỏ, giao tiếp với tôi.

Tôi tỏ thái độ lạnh nhạt với ba người hoàn toàn khác nhau, thứ tự từng người một...

F. nói: "Chúng ta ở bên nhau thì thật tuyệt vời". Tôi im lặng như không nghe thấy câu nói hân hoan đó. Hai tiếng đồng hồ chúng tôi ngồi riêng trong phòng. Tôi cảm thấy buồn chán và tuyệt vọng. Chúng tôi chẳng có lấy một giây phút tốt đẹp nào để tôi có thể thở hít một cách tự do. Bên F. tôi, ngoại

trừ trong những lá thư, chưa bao giờ cảm nhận được vị ngọt ngào trong mối quan hệ với người mình yêu như là đã từng ở Zuckmantel và Riva, - chỉ có những lời thán phục, sự vâng lời, lòng thương hại, nỗi tuyệt vọng và khinh rẻ chính bản thân mình. Tôi thử đọc thành tiếng cho cô ta nghe. Các câu văn dẫm chân tại chỗ một cách rời rạc, không có sự giao tiếp nào với người nghe đang nằm trên ghế đi văng nhắm mắt lại và im lặng lắng nghe. Hờ hững xin đưa bản thảo về chép lại. Câu chuyện về người gác cổng còn có vài chỗ được chú ý hơn, một vài nhận xét chính xác. Với tôi chỉ trong khi đọc ý nghĩa của câu chuyện mới được mở ra, cô ta cũng đã hiểu đúng nó, nhưng sau đó, quả thật, chúng tôi xéo bừa lên nó với những nhận xét thô bạo mà chính tôi là kẻ khai mào.

Nguyên nhân của những khó khăn tôi gặp phải khi nói chuyện với mọi người mà những người khác hoàn toàn không hiểu được là ở chỗ tư duy của tôi, đúng hơn, nội dung nhận thức của tôi rất mù mờ, - khi sự việc chỉ liên quan tới mình tôi, thì tự tôi có thể bình tĩnh và thậm chí đôi khi còn tự mãn thoả mãn với điều này, nhưng những cuộc trò chuyện với người khác lại đòi hỏi sự sắc sảo, nhanh nhạy và giao tiếp kéo dài – những điều tôi không có. Chẳng có ai muốn mơ màng viển vông với tôi trên mây mù, mà thậm chí nếu có muốn thì tôi cũng không thể lôi đám mù ấy ra khỏi đầu: giữa hai người nó lớn lên và hoá thành hư không...

7 tháng 2

Trong mức độ nhất định của sự tự nhận thức và trong những điều kiện thuận lợi khác để quan sát mình bạn sẽ không thể tránh khỏi đôi khi cảm thấy mình thật xấu xa. Bất kì một tiêu chí nào của điều tốt đẹp – dù ý kiến về điều này có khác nhau – sẽ được hình dung quá cao. Buộc phải thừa nhận rằng mình chẳng qua là cái hang chuột của những ẩn ý thầm

hại. Ngay cả một hành động nhỏ nhất cũng phụ thuộc vào những ý nghĩ thảm hại đó. Những ẩn ý này sẽ nhơ nhuốc đến nỗi, khi phân tích hành vi của mình, bạn thậm chí không muốn nghĩ rốt ráo, mà giới hạn bằng cái nhìn từ xa. Những ẩn ý này sẽ được xác định không phải bởi một sự hám lợi nào đó – đem so sánh với chúng sự hám lợi sẽ là lí tưởng của cái thiện và cái đẹp. Sự nhơ nhuốc mà ta tìm thấy sẽ tồn tại vì chính nó, ta hiểu rằng ta sinh ra trên đời đã bị thấm đẫm nó, vì nó ta sẽ rời khỏi thế gian không được ai biết đến hoặc được biết đến quá rõ. Sự nhơ nhuốc này là tầng đất sâu nhất mà ta có thể đạt đến được, nhưng cái tầng sâu nhất này sẽ không phải là nham thạch, mà là bùn nhơ. Nó sẽ là sâu nhất và cao nhất, và ngay cả những hoài nghi được sinh ra từ việc tự phân tích cũng sẽ rất nhanh chóng trở nên đờ đẫn và tự mãn, như những ả lợn nằm lăn lóc trong nước phân chuồng.

9 tháng 2

Hôm qua và hôm nay viết được một ít. Về một con chó. Bây giờ đọc xong phần mở đầu. Nó thật tệ hại và gây nên cơn đau đầu. Mặc dù rất hiện thực, nó rất độc ác, giáo điều, máy móc – như một con cá thoi thóp thở trên bãi cạn. Tôi đã viết cuốn "Bouvard và Pécuchet"(*) của mình quá sớm. Nếu cả hai yếu tố này,– chúng được thể hiện rõ ràng nhất trong "Người thợ lò" và "Trại lao cải", - không hoà hợp thống nhất với nhau, thì tôi chết. Nhưng liệu sự hoà trộn này có thể được thực hiện?

10 tháng 2

...Ngay lập tức tuyệt vọng một cách vô nghĩa, tốt hơn là tìm ra một lối thoát, cho dù...- không, điều này không mâu thuẫn với tính cách của tôi, trong tôi vẫn còn một cái gì đó của tính ngoan cường của tín đồ Do Thái giáo, nhưng nó luôn mang đến kết quả ngược lại.

14 tháng 2

Nước Nga có một sức hấp dẫn vô cùng. Đẹp hơn cả cỗ xe tam mã của Gogol, nước Nga được vẽ lên trong bức tranh về một con sông lớn mênh mông nước ngả vàng, nước dồn đi khắp bốn phía những ngọn sóng của mình, những ngọn sóng không cao lắm. Một vùng thảo nguyên hoang vắng, xác xơ dọc theo hai bên bờ cỏ rũ.

Không, điều này không thể hiện gì cả, đúng hơn là nó dập tắt tất cả.

15 tháng 2

Tất cả ngưng trệ. Việc xắp xếp thời gian kém và ngớ ngẩn.

16 tháng 2

Ngồi đứng không yên. Dường như tất cả những gì tôi có đã từ bỏ tôi, còn nếu chúng quay trở lại, chắc gì tôi đã vui.

22 tháng 2

Một sự bất lực – hoàn toàn và trong mọi ý nghĩa.

25 tháng 2

Sau những cơn đau đầu liên tục kéo dài suốt nhiều ngày trời cuối cùng tôi cảm thấy mình tự do và tự tin hơn. Nếu tôi là người ngoài cuộc quan sát mình và quá trình sống của mình, tôi sẽ phải nói rằng tất cả sẽ phải chấm dứt một cách vô ích, phải tan đi trong những nỗi hoài nghi liên tiếp nẩy sinh chỉ trong lúc tự giày vò. Nhưng tôi vẫn sống bằng hi vọng.

1 tháng 3

Sau nhiều tuần chuẩn bị và những nỗi khiếp sợ, tôi khó khăn lắm mới từ bỏ căn hộ, từ bỏ mà không có những nguyên do đặc biệt nào, - vì ở đây khá yên tĩnh, - tôi đơn giản không làm

việc một cách thực sự và chính vì thế không trải qua cả sự yên tĩnh lẫn sự lo lắng. Tôi từ bỏ có lẽ là vì nỗi lo riêng. Tôi muốn tự giày vò, muốn những thay đổi không ngừng, tôi cảm thấy cứu cánh của tôi là ở trong sự thay đổi, và tôi còn cảm thấy rằng những thay đổi nhỏ như vậy người khác tạo ra dường như trong lúc mơ ngủ, còn tôi thì phải gắng toàn lực trí tuệ, – chúng có thể chuẩn bị cho tôi đến một thay đổi lớn mà có lẽ là tôi đang cần. Tất nhiên, tôi sẽ chuyển đến một căn hộ kém hơn về mọi mặt. Nhưng dù sao hôm nay là ngày đầu tiên (hay ngày thứ hai), khi tôi, giá đừng có cơn đau đầu dữ dội đến thế, đã có thể làm việc khá tốt. Tôi viết nhanh một trang giấy.

13 tháng 3

... Viết trang rưỡi thảm hại một truyện ngắn mới nhưng đã hoàn toàn vứt đi, sau đó trong nỗi tuyệt vọng bị cơn đau dạ dày bồi thêm bắt tay vào đọc Gersen(*), để bằng cách nào đấy tìm được ở ông một lối thoát cho mình. Hạnh phúc của năm đầu tiên ông cưới vợ, và nỗi kinh hoàng khi tôi hình dung hạnh phúc ấy giành cho mình, đời sống cao trong giới của ông, và Belinxki, và Bakunin, suốt ngày mặc áo lông nằm trên giường.

Đôi khi một cảm giác tuyệt vọng xé nát tâm hồn, và cùng với nó là niềm tin rằng nó là cần thiết, rằng bất kì một bất hạnh đang đến nào cũng giúp ta tạo nên mục đích (trong thời điểm này điều đó xảy ra dưới ảnh hưởng của những hồi tưởng về Gersen, nhưng có khi nó cũng diễn ra không có những nguyên do này).

3 tháng 5

Một sự thờ ơ và đờ đẫn tuyệt đối. Một cái giếng cạn, nước chỉ ở dưới đáy sâu không thể chạm tới, mà cũng chẳng rõ là nó có hay không ở đấy nữa. Chẳng sao, chẳng sao. Tôi không hiểu cuộc sống trong “Đoạn tuyệt” của Strindberg(*); điều mà

ông gọi là tuyệt diệu lại gây nên ở tôi sự tởm lợm, nếu như nó liên quan tới tôi. Thư gửi F. là giả dối, không thể gửi nó đi được. Tôi sống bằng quá khứ hoặc tương lai nào đây? Hiện tại đầy ảo ảnh, tôi không ngồi cạnh bàn, mà tôi đang quay quanh nó. Chẳng sao, chẳng sao. Trống rỗng, buồn tẻ, không, không phải buồn tẻ mà chỉ có trống rỗng, vô nghĩa, yếu đuối ...

4 tháng 5

Trạng thái đã khá hơn, bởi vì tôi đọc Strindberg ("Đoạn tuyệt"). Tôi đọc ông không phải chỉ để mà đọc, mà là để nằm tựa lên ngực ông. Ông giữ tôi như giữ một đứa trẻ, trên cánh tay trái. Tôi ngồi ở đấy như một người ngồi trên bức tượng. Mười lần bị đe doạ nỗi nguy tuột xuống, nhưng đến lần thứ mười một tôi đã bám chắc, lấy được niềm tin và có một trường rộng để quan sát .

5 tháng 5

Không sao, đầu đờ đẫn và hơi đau. Sau buổi trưa ở vườn Hotecpe đọc Strindberg, người nuôi dưỡng tôi.

•

16 tháng 9

Tôi mở cuốn kinh thánh. Về những quan toà không công chính. Bằng cách đó, tôi đã tìm ra ý kiến của tôi, hay ít ra là ý kiến mà từ trước tới nay tôi ủng hộ. Thực ra, điều này không có ý nghĩa, trong những chuyện như thế chẳng bao giờ tôi bị thuyết phục lắm, các trang kinh thánh không phải là định hướng của tôi.

28 tháng 9

Sự vô nghĩa của những lời than vãn. Tiếng búa gõ trong đầu như đáp lại chúng.

Tại sao những câu hỏi là vô nghĩa? Than vãn có nghĩa là: đặt câu hỏi và đợi lời giải đáp. Nhưng những câu hỏi không tự

mình trả lời cho mình ngay lúc nảy sinh sẽ không bao giờ nhận được câu trả lời. Không có khoảng cách giữa người hỏi và người trả lời. Không cần phải vượt qua khoảng cách nào. Vì vậy, các câu hỏi và sự chờ đợi là vô nghĩa.

29 tháng 9

Các quyết định mờ mịt khác nhau. Tôi lại đạt được chính những quyết định như thế. Tình cờ trông thấy trên đường Ferdinand một bức tranh có quan hệ phần nào đối với việc ấy. Một phác thảo tranh ghép tồi. Phía dưới nó là châm ngôn Sec, ý nghĩa đại ý: “Bị loá mắt, bạn để bình lại vì cô gái, bạn sẽ nhanh chóng sáng mắt ra và quay lại".

Trước đây tôi nghĩ: sẽ chẳng có gì làm hại cái đầu cứng rắn, sáng tỏ, hoàn toàn trống không của mi, chẳng bao giờ mi phải nheo mắt bất ý hoặc vì đau, không nhíu trán, không vung tay – bao giờ mi cũng chỉ có thể miêu tả điều đó.

30 tháng 9

Rossman và K.(*) vô tội và có tội, cuối cùng cả hai đều bị trừng phạt như nhau bằng cái chết – kẻ vô tội nhẹ nhàng hơn, y coi như bị loại bỏ hơn là bị giết.

7 tháng 10

Một vấn đề chưa được giải quyết: tôi đã bị quị hay chưa? Tôi sẽ chết hay không? Tất cả các dấu hiệu đều nói lên điều đó (cái lạnh, sự đờ đẫn, trạng thái thần kinh, tính lơ đãng, sự vô tích sự *ở* nhiệm sở, những cơn đau đầu, mất ngủ), chỉ có hy vọng là nói ngược lại.

21 tháng 11

Một sự vô tích sự tuyệt đối. Chủ nhật. Đêm mất ngủ trọn vẹn. Nằm trên giường đến 11 giờ 15, trong ánh sáng ngày.

Dạo chơi. Ăn trưa. Đọc báo, lật giở những catalog cũ. Cuộc đi dạo trên đường Hyberner, công viên thành phố, sau đó tới Podol. Khó khăn lắm mới kéo cuộc dạo được hai giờ. Thỉnh thoảng cảm thấy những cơn đau đầu dữ dội, một lần buốt đến không chịu nổi. Ăn tối. Bây giờ tôi ở nhà. Ai có thể ở trên cao nhìn từ đầu tới cuối điều này bằng cặp mắt mở to?

25 tháng 12

Mở nhật ký với mục đích cố ý gọi giấc ngủ. Nhưng trông thấy đoạn ghi ngẫu nhiên cuối cùng(*) - tôi có thể tưởng tượng ra hàng nghìn đoạn ghi có nội dung tương tự trong ba bốn năm cuối này. Tôi vắt kiệt sức mình một cách vô nghĩa, tôi hẳn ở tuyệt đỉnh của hạnh phúc nếu như có thể viết, nhưng tôi không viết. Những cơn đau đầu không buông tha tôi. Thực sự tôi đã kiệt quệ.

Hôm qua nói chuyện thẳng thắn với sếp – bằng quyết định sẽ nói, bằng lời hứa không lùi bước tối qua tôi đã ngủ lại được hai tiếng, thực ra là giấc ngủ không yên. Tôi đề nghị với sếp bốn phương án:

1. Giữ nguyên mọi thứ như tuần vừa rồi, một tuần khủng khiếp nhất, đau đớn nhất, và kết thúc bằng một cơn động kinh, cơn điên hoặc một cái gì đó tương tự.

2. Xin nghỉ phép tôi không muốn, vì một ý thức trách nhiệm nào đó, mà điều này cũng chẳng giúp được gì.

3. Xin thôi việc lúc này tôi không thể - vì cha mẹ và nhà máy.

4. Còn lại mỗi một khả năng: vào lính.

Lời đáp: một tuần nghỉ phép và khoá chữa trị chứng huyết thũng mà sếp cũng đi chữa với tôi. Chính ông hình như cũng đang rất ốm. Nếu tôi bỏ đi, phòng làm việc sẽ trống vắng.

Sự nhẹ nhõm bởi đã nói được một cách thẳng thắn. Lần đầu tiên dẫu sao tôi cũng đã làm không khí văn phòng rung chuyển bởi cái từ "thôi việc".

Nhưng thế mà hôm nay tôi hầu như không ngủ.

Vẫn cái nỗi lo lắng chủ yếu này: giá như năm 1912 tôi đã bỏ đi lúc sung sức nhất, với cái đầu rõ ràng, chưa bị kiệt quệ bởi những cố gắng kìm hãm sức sống!

1916

20 tháng 4

Giấc mơ: hai nhóm đàn ông đánh nhau. Nhóm có tôi tham gia đã bắt được một đối thủ, một gã đàn ông khổng lồ trần truồng.

Năm người trong số chúng tôi giữ hắn, một giữ đầu, hai người giữ tay, hai người giữ chân. Thật tiếc, chúng tôi không có dao để đâm hắn, chúng tôi hỏi nhanh khắp cả lượt những người đứng quanh ai có dao không- chẳng một ai có cả. Nhưng không hiểu tại sao lại không thể để phí thời giờ, mà gần đó lại có một cái bếp lò, cánh cửa bằng gang to lớn khác thường của nó bị nung đỏ rực, chúng tôi lôi hắn tới đó, ép một chân hắn sát vào cánh cửa cho đến lúc chân bốc khói, sau đó kéo ra cho nguội đi để rồi lại đẩy tới cánh cửa. Chúng tôi làm trò đó suốt thời gian mãi tới khi tôi tỉnh giấc không những khắp người đầm mồ hôi lạnh mà hai hàm răng còn đánh cầm cập vì sợ.

4 tháng 7

Mi là gì? Tôi thực thê thảm. Hai miếng gỗ xiết ốc vào hai thái dương.

5 tháng 7

Nỗi thống khổ của cuộc sống lứa đôi. Xa lạ, thảm hại, dục vọng, hèn nhát, háo danh, và chỉ ở tận dưới đáy có thể còn một

dòng suối con đáng được đặt tên là tình yêu, không thể tìm thấy được, chỉ một lần loé lên trong tích tắc.

6 tháng 7

Hãy đón nhận tôi vào vòng tay của mình, ở đó có chiều sâu, hãy đón nhận tôi vào chiều sâu, không muốn ngay giờ - thì muộn hơn cũng được .

Hãy đón nhận tôi, hãy đón nhận tôi - một hỗn hợp nỗi đau và ngu xuẩn.

20 tháng7

Hãy xót thương tôi, tôi tội lỗi đến tận cùng bản thể. Nhưng ở tôi đã từng có những mầm mống không đến nỗi tầm thường, ít nhiều những khả năng tốt đẹp, - mà tôi ngu xuẩn đã phung phí chúng một cách vô ích, và giờ đây đúng lúc khi bề ngoài mọi thứ có thể trở nên tốt đẹp đối với tôi, thì đời tôi đã sắp hết. Xin đừng đẩy tôi vào hàng những kẻ lạc loài. Tôi biết, đó là tiếng nói của lòng tự ái nực cười, nực cười từ ngoài nhìn vào, thậm chí cả ở gần cạnh cũng nực cười, nhưng một khi tôi đang sống thì tôi vẫn có cái quyền tự yêu mình của một sinh vật sống, và nếu sự sống không là nực cười, thì tất cả những biểu hiện bình thường của nó cũng là không nực cười. Một phép biện chứng thảm hại!

Nếu như số phận tôi đã được định đoạt, thì tôi được định đoạt không chỉ phải chết, mà còn được định đoạt phải kháng cự cho đến tận khi chết.

27 tháng 8

Kết luận cuối cùng sau hai ngày đêm khủng khiếp: hãy cảm ơn thói xấu quan liêu của mi, thói xấu yếu đuối, tằn tiện,

không quyết đoán, chi li và cả lo v.v...vì rằng mi đã không gửi bưu thiếp cho F. Có thể mi sẽ không đoạn tuyệt với nàng, tôi đồng ý, rằng điều đó có thể. Kết quả liệu sẽ ra sao? Hành động, vượt lên? Không. Đã có lần mi đã thực hiện cái hành động ấy, nhưng không có gì tốt lên. Đừng có cố lí giải điều ấy; tất nhiên, mi biết cách lí giải mọi điều quá khứ, thậm chí mi không dám đi tới tương lai nếu trước đó chưa lí giải nó. Mà điều đó lại đúng là không thể! Cái gọi là tinh thần trách nhiệm và nó xứng đáng mọi sự tôn trọng, nói cho cùng chính là tính quan liêu, thói trẻ con, là ý chí bị ông bố bẻ gãy. Hãy chọn lấy cái gì là tốt nhất trong con người mi, hãy hoàn thiện nó, - điều đó nằm trong tay mi. Điều đó có nghĩa là: đừng thương tiếc bản thân (hơn nữa còn làm hại F. yêu quí của mi nữa), bởi thương tiếc là không thể, sự thương tiếc giả tạo hầu như đã giết chết mi. Vấn đề thương tiếc không chỉ liên quan đến F., đến đám cưới, con cái, trách nhiệm vv...vấn đề thương tiếc liên quan đến cả nhiệm sở, nơi mi ì ạch mãi, đến căn hộ tồi mà mi không thể từ bỏ. Tất thảy. Vậy thì thôi nói chuyện này. Không thể thương tiếc bản thân, không thể tính toán trước mọi chuyện. Mi không biết gì về bản thân để mà đoán trước điều gì là tốt hơn đối với mi. Đêm nay, chẳng hạn, trong mi đã diễn ra cuộc đấu giữa hai mô típ ngang giá và ngang sức làm hao tổn tâm trí của mi, mỗi mô típ đều đem lại những lo toan - điều đó có nghĩa là không thể lường trước được. Vậy làm gì đây? Đừng hạ mình, đừng biến mình thành một loại trường đấu nơi người ta chiến đấu mà không cần biết mi sống hay chết ra sao và mi không cảm thấy gì ngoài những cú đánh của các đấu sĩ đáng sợ. Vậy thì hãy tập trung toàn lực. Hãy sửa chữa bản thân, hãy bỏ thói quan liêu, hãy bắt đầu hiểu mi đang là ai thay vì việc suy tính nên thành loại người nào. Nhiệm vụ gần nhất là đi lính. Mi đang phạm phải một sai lầm rồ dại khi so sánh, chẳng hạn, với

Flaubert, Kierkegaard, Grillparzer - hãy chấm dứt điều đó. Đó là kiểu hết sức trẻ con. Như mắt xích trong chuỗi những tính toán, các thí dụ, tất nhiên, có thể có ích, hoặc chính xác hơn, vô ích đồng thời với tất cả các tính toán còn được xếp riêng lẻ trong sự so sánh, ngay từ đầu chúng đã chẳng ích gì. Flaubert và Kierkegaard biết rất rõ tình cảnh này, họ có ý chí kiên định, đó không phải là sự tính toán, đó là hành động. Ở mi thì một chuỗi bất tận những tính toán, suốt bốn năm trời cứ hết cố sức vươn lên rồi lại chìm nghỉm. So sánh với Grillparzer có thể là đúng, nhưng mi lại không cho Grillparzer là xứng đáng bắt chước, đó là một thí dụ khốn khổ mà hậu thế cần phải cám ơn, vì ông ta đã đau khổ vì họ.

1917

3 tháng 8

Thêm một lần tôi hét toáng bằng toàn bộ sức mạnh của lá phổi. Sau đó người ta tọng giẻ vào mồm tôi, đeo gông lên tay và chân, dùng khăn bịt lấy mắt. Tôi bị lôi đi lôi lại mấy lần, dựng lên đè xuống cũng mấy lần, nắm chân kéo đau đến nỗi tôi phải bật dậy, cho nằm yên một chốc, rồi sau đó đã đâm một vật gì đó rất nhọn, rất sâu chỗ này chỗ nọ một cách tuỳ hứng.

4 tháng 8

Văn học, khi được sử dụng để trách móc, là một sự giản lược ngôn ngữ mạnh đến mức dần dần tự nó dẫn theo, - có thể, ngay từ đầu nó đã được dự tính sẵn như vậy - cả sự giản lược

tư duy, điều đó làm mất đi viễn cảnh đúng đắn và khiến cho sự chỉ trích bắn chệch mục tiêu rất xa.

15 tháng 9(*)

Mi có một khả năng, - trong trường hợp thật sự có một khả năng như thế - bắt đầu từ đầu. Đừng bỏ qua nó. Nếu nhất quyết muốn đi đến tận cùng thì không thể tránh khỏi bị vấy bẩn bởi những thứ bẩn thỉu từ trong con người của chính mi tuôn ra. Nhưng đừng lăn lộn trong đó. Nếu như mi khẳng định, vết thương trong phổi chỉ là biểu tượng, biểu tượng của sự tổn thương mà sự viêm cấp của nó có tên là F., độ sâu của nó có tên là sự Bào chữa, nếu đúng như thế, thì cả lời khuyên của bác sĩ (ánh sáng, không khí, mặt trời, sự yên tĩnh) – cũng là biểu tượng. Hãy bám chặt lấy biểu tượng này.

18 tháng 9

Xé tan hết tất cả.

19 tháng 9

Tôi luôn luôn không thể hiểu nổi, rằng hầu như mỗi người biết viết đều có thể khách quan hóa cái đau trong cơn đau, rằng tôi, nói thí dụ, trong cơn bất hạnh, có thể với cái đầu hãy còn đang bốc hỏa vì bất hạnh, lại ngồi viết thư cho ai đó rằng: tôi đang bất hạnh. Hơn thế nữa, thậm chí với các đường lượn khác nhau, tùy cái tài năng dường như chẳng liên quan gì tới sự bất hạnh, vẽ vời về nó một cách đơn giản, hoặc đối chọi, hoặc với cả một dàn hợp xướng của sự liên tưởng. Và điều đó hoàn toàn không phải là sự dối trá và không làm dịu cơn đau, mà đó chỉ đơn giản là một chút sức lực may mắn còn sót lại vào thời điểm khi nỗi đau đã bào đến cạn kiệt thấy rõ toàn bộ sức lực của tôi đến tận đáy tâm hồn tôi. Vậy cái còn sót lại ấy là gì?

Trong thời bình mi không tấn tới, lúc chiến tranh mi lại chảy máu.

25 tháng 9

Sự thỏa mãn tạm thời tôi vẫn còn có thể có được từ những tác phẩm như "Một thày thuốc nông thôn", - với điều kiện tôi vẫn còn làm được những điều tương tự (rất ít khả năng). Nhưng tôi chỉ hạnh phúc khi tôi có thể nâng thế giới tới được sự trong sạch, sự thật và ổn định.

Những cái roi chúng ta dùng để quất nhau, qua năm năm đã trổ đầy những cái mấu chắc nặng.

28 tháng 9

Trích thư gửi F.; có thể là thư cuối cùng.

Khi tôi kiểm tra lại bản thân bằng mục tiêu cuối cùng của mình, thì hóa ra rằng tôi, thật ra không hướng đến việc trở thành người tốt và có thể chịu trách nhiệm trước một tòa án tối cao nào đó, mà hoàn toàn ngược lại, tôi muốn nhìn tổng quát toàn bộ cộng đồng người và động vật, nhận biết những mối quan tâm, những mong muốn, những lí tưởng đạo đức của nó, giản lược chúng thành những tiêu chuẩn đơn giản, tự mình làm sao có thể phát triển tương ứng nhanh nhất khiến mình có thể trở thành một kẻ vừa ý tất cả, và hơn nữa (đây mới là mấu chốt) vừa ý đến mức, không để mất đi tình yêu toàn thể, tôi trở thành kẻ có tội duy nhất mà không bị ném vào vạc dầu; được phép công khai, phơi bày những tật xấu của mình trước mắt tất cả. Nói tóm lại, tôi chỉ quan tâm tới tòa án của con người, hơn nữa tôi còn muốn đánh lừa, - tất nhiên, không bằng sự lừa đảo.

8 tháng 10

Việc trong thời gian qua: những bức thư ca thán của F., G.B. dọa gửi thư đến. Một trạng thái chẳng vui sướng gì.

Cho dê ăn, ruộng bị chuột đào bới, nhặt khoai tây ("Gió thốc vào mông đít chúng tôi"), hái hoa kim anh, gia đình nông dân F. (bảy cô bé, một cô nhỏ với ánh mắt đáng yêu, trên vai là một chú thỏ trắng), trong phòng treo bức tranh "Hoàng đế Franz Josef trong hầm mộ của những tu sĩ dòng tu khổ hạnh", người nông dân K (khổng lồ, sự trình bày dông dài về lịch sử thế giới của nền kinh tế của ông ta, nhưng vui tính và dễ mến). Ấn tượng chung về những người nông dân: những ngài quý tộc tìm được sự cứu rỗi trong công việc nhà nông, ở đó họ tổ chức công việc của mình một cách thông minh và khiêm tốn, khiến nó hoà hợp khít khao với toàn thể và gìn giữ họ khỏi mọi dao động và bệnh say sóng. Những công dân thật sự của đất.

"Copperfield"(*) của Dickens ("Người thợ lò" là sự bắt chước hoàn toàn Dickens, cuốn tiểu thuyết đang thai ngén còn hơn thế nữa). Câu chuyện với chiếc vali, người mang lại hạnh phúc và kẻ quyến rũ, những công việc thấp hèn, người yêu ở thái ấp, những ngôi nhà nhớp nhúa,v.v..., nhưng trước hết là phong cách. Ý đồ của tôi, như bây giờ tôi thấy, là viết một cuốn tiểu thuyết kiểu Dickens, nhưng được làm phong phú bằng những nguồn sáng gay gắt hơn mà tôi sẽ mượn ở thời gian, hoặc yếu hơn nếu tôi lấy ở chính mình. Sự phong phú của Dickens và dòng trần thuật sôi nổi, mạnh mẽ, nhưng đồng thời là những chỗ thiếu sinh động đến kinh khủng, nơi ông chỉ uể oải khuấy trộn những cái đã có sẵn. Một thể thống nhất vô nghĩa tạo ra một ấn tượng dã man, cái dã man mà tôi đã tránh được, thật ra, nhờ sự yếu đuối của mình và tôi là kẻ hậu sinh. Một sự vô tình đằng sau phong cách tràn đầy cảm giác. Đó là khối biểu lộ đặc tính còn thô được gán ghép giả tạo vào từng nhân vật và nếu không có chúng thì có lẽ Dickens không đủ sức, dù chỉ một lần, leo nhanh lên công trình của mình...

1921(*)

17 tháng 10

Cái sự tự huỷ hoại chính tôi một cách có hệ thống trong suốt nhiều năm này thật đáng kinh ngạc, nó giống như con đập cũ nát cứ sụt dần – một hành vi đầy ý đồ. Cái tinh thần đã thực hiện việc này chắc bây giờ phải ăn mừng thắng lợi; tại sao nó không cho tôi tham dự vào cuộc lễ đó? Nhưng có thể nó còn chưa thực hiện xong ý đồ của mình và vì vậy nó không thể nghĩ đến chuyện gì khác.

18 tháng 10

Ta hoàn toàn có thể hình dung rằng sự tuyệt vời của cuộc sống vẫn hiện hữu trong mỗi sinh vật từ muôn đời toàn diện. Thế nhưng nó nằm khuất ở nơi sâu thẳm hay chốn xa xôi, không nhìn thấy được. Nhưng mà nó nằm đó, không thù địch, không miễn cưỡng, không điếc. Nếu gọi nó đúng lời, đúng tên, thì nó sẽ đến. Đó là bản chất của phép mầu, nó không tạo ra, nó gọi đến.

19 tháng 10

Người nào khi sống không thể xoay xở được với cuộc đời, thì một tay cần cản phần nào nỗi thất vọng về số phận của mình – việc này rất không trọn vẹn, – còn tay khác anh ta có thể ghi lại những gì anh ta thấy dưới đống đổ nát, bởi vì anh ta nhìn thấy nhiều hơn và khác hơn những người khác: anh ta đã chết ngay sinh thời và là kẻ thật sự sống sót. Với điều kiện để chống chọi với nỗi tuyệt vọng anh ta không cần dùng đến hai tay và không nhiều hơn những gì anh ta có.

21 tháng 10

Anh ta không thể bước vào nhà được vì đã nghe thấy một giọng nói ra lệnh: "Hãy chờ, ta sẽ dẫn anh vào!" Và anh ta vẫn cứ nằm trong bụi đất trước ngôi nhà, mặc dù tất cả có lẽ đã trở thành vô vọng.

Tất cả đều là hoang tưởng – gia đình, công việc, bạn bè, đường phố; tất cả đều là hoang tưởng– xa hơn hay gần hơn, - và vợ cũng là hoang tưởng; còn cái sự thật gần gũi nhất chỉ là việc anh đập đầu vào bức tường của gian xà lim không cửa sổ lẫn cửa ra vào.

6 tháng 12

Trích từ một lá thư: "Nhờ đó mà tôi sưởi ấm, chịu đựng cái lạnh trong mùa đông u uất này". Ẩn dụ là một trong nhiều điều khiến tôi lâm vào tuyệt vọng khi viết.

Sự gò bó khi viết, sự phụ thuộc vào cô người làm đốt lò sưởi, vào con mèo nằm sưởi cạnh lò, thậm chí vào ông già nghèo sưởi ấm. Tất cả những cái đó là những hành động độc lập có qui luật riêng, chỉ có việc viết là bất lực, không tự tồn tại, nó chỉ là một trò giải trí và nỗi tuyệt vọng.

Hai đứa trẻ ở nhà một mình, leo vào cái hòm lớn, nắp hòm đóng sập lại, chúng không thể mở ra được và chết ngạt.

1922

16 tháng 1

Tuần lễ cuối này như một sự suy nhược, một sự suy nhược hoàn toàn đến thế chỉ xảy ra vào một đêm hai năm

trước đây, và tôi không gặp phải một lần nào như vậy nữa. Dường như tất cả đã chấm hết, mà ngay đến tận bây giờ mọi việc vẫn còn chưa có gì thay đổi. Điều đó có thể cảm nhận khác nhau và, có lẽ, cũng chỉ cảm nhận đồng thời như thế mà thôi.

Thứ nhất: bất lực, không thể ngủ, không thể thức, không thể chịu đựng cuộc sống, hay đúng hơn, sự tuần tự của cuộc sống. Thời gian trôi đi khác nhau, bên trong phi lên phía trước với một nhịp điệu quỉ dữ, hay là ma quái, hay ít ra là không phải của con người; còn bên ngoài thì vừa đi vừa chựng lại theo nhịp điệu thường nhật. Còn có thể xảy ra chuyện gì khác hơn là hai thế giới khác nhau đó tách rời nhau ra, và chúng quả đang tách nhau, hay ít nhất cũng đang giằng xé khỏi nhau một cách khủng khiếp nhất. Bước chạy điên cuồng của thời gian bên trong có thể có nhiều căn cứ, và căn cứ hiển nhiên nhất trong số đó là sự tự quán, nó không để cho bất cứ ý niệm nào được lắng đọng lại, dồn đuổi hết lên bề mặt, để rồi tự trở thành một ý niệm và lại bị một sự tự quán mới tiếp tục xua đuổi.

Thứ hai, chiều hướng của cuộc săn đuổi này là từ nhân loại. Nỗi cô đơn mà đã từ lâu một phần tôi bị áp đặt, một phần do tôi tìm kiếm – nhưng tìm kiếm chẳng lẽ không phải do bắt buộc? – nỗi cô đơn đó giờ đã trở nên tuyệt đối rõ ràng và đạt đến giới hạn. Nó sẽ dẫn tới đâu? Nó có thể dẫn đến mất trí - điều đó có lẽ là hiển nhiên nhất và không thể nói gì về điều đó thêm nữa, cuộc săn đuổi xuyên qua tôi và xé tôi ra từng mảnh. Hoặc giả tôi có thể – liệu có thể không? – cho dù là ở mức độ ít nhất – đứng vững, nghĩa là để cuộc săn đuổi mang tôi đi. Lúc đó thì tôi sẽ đi tới đâu? "Cuộc săn đuổi" chỉ là hình ảnh, cũng có thể nói "cuộc tấn công vào giới hạn trần gian cuối cùng" và chính là một cuộc tấn công từ phía dưới, từ phía mọi người, và vì đây cũng chỉ là hình

ảnh, có thể thay nó bằng hình ảnh một cuộc tấn công từ trên xuống, nhằm vào tôi...

21 tháng 1

Không tổ tiên, không hôn nhân, không con cháu, với một nỗi khát khao điên cuồng tổ tiên, hôn nhân, con cháu. Tất cả chìa tay cho tôi: tổ tiên, hôn nhân, con cháu, nhưng quá xa tôi.

Đối với tất cả đều có thế phẩm nhân tạo thảm hại: đối với tổ tiên, hôn nhân, con cái. Người ta tạo ra trong những cơn co giật, và, nếu người ta không chết bởi những cơn co giật, thì cũng chết bởi sự buồn thảm của cái thế phẩm đó.

27 tháng 1

Một sự an ủi kì lạ, bí ẩn, có thể nguy hiểm, có thể cứu nguy của việc viết lách: thoát ra khỏi hàng ngũ kẻ giết người, cho phép thường xuyên quan sát các hành động. Sự quan sát hành động, trong đó nẩy sinh một kiểu quan sát khác cao cả hơn, không sắc bén hơn, và nó càng cao cả hơn thì càng khó đạt tới hơn đối với "hàng ngũ", càng không phụ thuộc, càng thẳng hướng đi theo các quy luật vận động riêng, và con đường của nó càng bất ngờ, vui sướng và thăng tiến hơn.

Mặc dù tôi đã viết tên tôi rất rõ ràng ở khách sạn, mặc dù họ cũng đã hai lần viết đúng tên tôi, nhưng trên tấm bảng ở phía dưới vẫn viết là Josef K.. Tôi phải khai sáng cho họ hay để họ khai sáng mình?

2 tháng 2

Hạnh phúc biết bao được cùng với mọi người.

3 tháng 2

Sự yếu đuối, khiếm khuyết là hiển nhiên, nhưng thật khó mà tả, đó là hỗn hợp của sự rụt rè, dè dặt, ba hoa, hờ hững, tôi

muốn bằng hợp chất đó mô tả một cái gì đó không xác định, một nhóm các điểm yếu trong một phương diện nào đó đại diện cho một điểm yếu được xác định chính xác (nó không hòa lẫn với những tật xấu lớn như dối trá, hiếu danh v.v...). Nhược điểm này giúp tôi khỏi mất trí, cũng như khỏi các cơn hứng khởi. Vì nó tránh cho tôi khỏi mất trí, tôi nuôi nấng nó; vì sợ phải mất trí tôi hi sinh những cơn hứng khởi, và, tất nhiên, sẽ thua thôi trên cái lĩnh vực không biết đến sự thỏa hiệp này. Nếu như sự ngái ngủ không can thiệp vào và bằng tác động ngày đêm không phá hủy tất cả những gì cản trở, và dọn sạch đường. Nhưng lúc đó tôi lại vẫn bị mất trí, bởi vì tôi không muốn sự hứng khởi mà ta chỉ đạt tới khi ta muốn có nó.

4 tháng 2

Lạnh đến tuyệt vọng, mặt biến dạng, những nét mặt khó hiểu của những người khác.

Những gì M.(*) nói về niềm vui được chuyện vãn cùng người khác, nói mà không hiểu hết sự thật về điều đó (có một thái độ ngạo mạn tuy đáng buồn nhưng lại có cơ sở). Sao lại có người khác ngoài tôi lấy làm sung sướng khi được trò chuyện nhỉ? Tôi quay trở về với con người nhưng chắc đã quá muộn và lại lần theo con đường vòng rất quanh co khúc mắc.

15 tháng 3

Còn chưa sinh ra – và đã bị định mệnh buộc lang thang ngoài phố và nói chuyện với mọi người.

14 tháng 11

Buổi tối thân nhiệt cứ 37.6, 37.7. Tôi ngồi sau bàn làm việc, chẳng được gì, gần như không ra khỏi nhà. Dù sao đây cũng là thói vờ vĩnh kêu ca về bệnh tật.

1923(*)

12 tháng 6

Những nỗi kinh hoàng của thời gian gần đây không kể xiết, gần như không dứt. Những cuộc dạo, đêm, ngày, tôi không còn khả năng gì nữa, ngoài khả năng đau.

Nhưng dù sao. Không, không dù sao nào cả...

Càng ngày càng sợ khi viết. Điều đó dễ hiểu. Mỗi từ, được bàn tay thần linh xoay chuyển, - cái vung tay đó là cử động đặc trưng của họ – trở thành ngọn giáo chống lại người nói ra. Đặc biệt là những nhận xét kiểu như vậy. Và như vậy đến vô cùng. Chỉ có một an ủi là điều đó sẽ xảy ra, anh có muốn hay không cũng vậy. Còn nếu như anh cũng muốn, điều đó chỉ giúp anh rất ít. Nhưng còn hơn sự an ủi là ý thức: anh cũng có vũ khí.

CHÚ THÍCH

Trang 804

(*) Đoạn viết ngày 19/7 được ghi lại trong "Nhật kí" thành ba dị bản (ở đây dịch theo bản thứ ba). Trong ba dị bản, chỉ có một câu trong bản thứ hai tương đối khác: "Nói ngắn gọn, lời trách móc này như một con dao găm đâm vào cả xã hội, và không một ai, - tôi lặp lại: rất tiếc, không một ai, - có thể tin rằng mũi dao nhọn sẽ không bất ngờ đâm vào phía trước, hay từ đằng sau, hay từ bên cạnh".

Trang 806

(*) *W. Fred.* (1879 - 1922) – nhà viết tiểu luận và phê bình nghệ thuật.

(*) *"Những cô gái vùng Bishofsberg"*: - vở hài kịch của nhà văn Đức Gerhart Hauptmann (1862 – 1946).

Trang 807

(*)*Max Brod* (1884 - 1968) – nhà văn và nhà phê bình người Áo, bạn thân nhất và là người được ủy thác thực hiện di chúc Kafka, in và xuất bản những tác phẩm và Nhật kí của Kafka; nghiên cứu và viết tiểu sử Kafka.

(*)*Johann Wolfgang Goethe* (1749 - 1832) - đại văn hào Đức.

(*)*Oskar Baum* (sinh năm 1883) - nhà văn Áo, bạn thân của Kafka.

Trang 808

(*)*Mikhail Alecxandr Kuzmin* (1875 - 1936) – nhà văn Nga; "Những chiến công của Alecxandr Đại đế" được đăng năm 1910 ("Tuyển tập truyện ngắn thứ hai". M. và "Nhện độc"). Tuyển tập của M. Kuzmin lần đầu bằng tiếng Đức (năm 1912), những ghi chép trong nhật kí ngày 21/12/1910 của Kafka được dịch rất chính xác, có thể nói như là nguyên bản.

(*) *Johann Golttfried Schadow* (1764 - 1850) - nhà điêu khắc người Đức.

Trang 809

(*)*Martin Beragd* (1881 - 1949) - cộng tác viên của tờ tuần báo Berlin "Chứng khoán" (1911 - 1914).

(*)*Knut Hamsun*, tên thật là Pedersen (1859 - 1952) - nhà văn Nauy, giải thưởng Nobel năm 1920.

Trang 811

(*)Có lẽ là *Heinrich von Kleist* (1777 - 1811) - nhà viết kịch, nhà văn và nhà thơ Đức.

Trang 812

(*)Đoạn trước trong "Nhật kí" miêu tả cuộc viếng thăm nhà thần trí học Rudolf Steiner của Kafka. Ở đây chúng tôi trích dịch "Những câu nói đã chuẩn bị trước" của Kafka để trả lời câu hỏi của tiến sĩ Steiner "Ông là nhà văn Kafka?" "Ông nghiên cứu thần trí luận đã lâu chưa?"

Trang 815

(*)*Charles Dickens* (1812 - 1870) - nhà viết tiểu thuyết người Anh nổi tiếng thế giới.

Trang 821

(*) *Icak Loewy* - diễn viên một đoàn kịch Do Thái lưu động, chơi thân với Kafka.

Trang 827

(*) Ở đây nói đến cuốn "Nước Mĩ" của Kafka.

(*)*Flaubert* (1821 - 1880) - nhà văn Pháp, tác giả cuốn "Bouvard và Pécuchet".

Trang 828

(*) *Ernst Rowohlt* (1887 - 1960) – người đã xuất bản cuốn sách đầu tiên của Kafka, tập truyện "Quan sát", tháng 1 năm 1913 tại Leipzig.

Trang 829

(*)Vào thời gian này Kafka đang viết cuốn tiểu thuyết "Nước Mĩ" của mình.

Trang 807

(*)*Max Brod* (1884 - 1968) – nhà văn và nhà phê bình người Áo, bạn thân nhất và là người được ủy thác thực hiện di chúc Kafka, in và xuất bản những tác phẩm và Nhật kí của Kafka; nghiên cứu và viết tiểu sử Kafka.

(*)*Johann Wolfgang Goethe* (1749 - 1832) - đại văn hào Đức.

(*) *Oskar Baum* (sinh năm 1883) - nhà văn Áo, bạn thân của Kafka.

Trang 808

(*)*Mikhail Alecxandr Kuzmin* (1875 - 1936) – nhà văn Nga; "Những chiến công của Alecxandr Đại đế" được đăng năm 1910 ("Tuyển tập truyện ngắn thứ hai". M. và "Nhện độc"). Tuyển tập của M. Kuzmin lần đầu bằng tiếng Đức (năm 1912), những ghi chép trong nhật kí ngày 21/12/1910 của Kafka được dịch rất chính xác, có thể nói như là nguyên bản.

(*) *Johann Golttfried Schadow* (1764 - 1850) - nhà điêu khắc người Đức.

Trang 809

(*)*Martin Beragd* (1881 - 1949) - cộng tác viên của tờ tuần báo Berlin "Chứng khoán" (1911 - 1914).

(*)*Knut Hamsun*, tên thật là Pedersen (1859 - 1952) - nhà văn Nauy, giải thưởng Nobel năm 1920.

Trang 811

(*)Có lẽ là *Heinrich von Kleist* (1777 - 1811) - nhà viết kịch, nhà văn và nhà thơ Đức.

Trang 812

(*)Đoạn trước trong "Nhật kí" miêu tả cuộc viếng thăm nhà thần trí học Rudolf Steiner của Kafka. Ở đây chúng tôi trích dịch "Những câu nói đã chuẩn bị trước" của Kafka để trả lời câu hỏi của tiến sĩ Steiner "Ông là nhà văn Kafka?" "Ông nghiên cứu thần trí luận đã lâu chưa?"

Trang 815

(*)*Charles Dickens* (1812 - 1870) - nhà viết tiểu thuyết người Anh nổi tiếng thế giới.

Trang 821

(*) *Icak Loewy* - diễn viên một đoàn kịch Do Thái lưu động, chơi thân với Kafka.

Trang 827

(*) Ở đây nói đến cuốn "Nước Mĩ" của Kafka.

(*)*Flaubert* (1821 - 1880) - nhà văn Pháp, tác giả cuốn "Bouvard và Pécuchet".

Trang 828

(*) *Ernst Rowohlt* (1887 - 1960) – người đã xuất bản cuốn sách đầu tiên của Kafka, tập truyện "Quan sát", tháng 1 năm 1913 tại Leipzig.

Trang 829

(*)Vào thời gian này Kafka đang viết cuốn tiểu thuyết "Nước Mĩ" của mình.

Trang 830

(*) *"Arcadia"* – tạp chí xuất bản hàng năm do M. Brod xuất bản (chỉ xuất bản một số, năm 1913); lần đầu tiên cho đăng truyện vừa "Lời tuyên án" của Kafka.

(*) *"Arnold Beer"* – tiểu thuyết của M. Brod (1912).

(*) *Jacob Wassermann* (1873 - 1934) - nhà văn Đức.

(*) *Franz Werfel* (1890 - 1945) - nhà văn Áo, bạn của Kafka.

Trang 831

(*) Đây là tiểu thuyết "Nước Mĩ", sinh thời Kafka in chương đầu dưới tên "Người thợ lò" (năm 1913).

Trang 832

(*) Một thị trấn ở Thuỵ Sĩ, nơi Kafka mấy lần đến nghỉ.

Trang 833

(*) Ở đây nói về *Felice Bauer* (1887 - 1960), - một cô gái Berlin, Kafka làm quen vào tháng 8 năm 1912; cuối tháng 5 năm 1914 hai người đính hôn tại Berlin, nhưng cuối tháng 7 lại huỷ hôn; năm 1915 hai người quan hệ trở lại, tháng 7 năm 1917 họ làm lễ đính hôn lần thứ hai nhưng đến tháng 12 lại huỷ hôn. Nhiều trang nhật kí của Kafka nói đến F.

(*) *Franz Grillparzer* (1791 - 1872) - nhà viết kịch lớn và là nhà văn cổ điển Áo, viết tiếng Đức.

Trang 834

(*) *Soeren Kierkegaard* (1813 - 1835) - nhà văn Đan Mạch, triết gia và nhà thần học.

(*) Ý nói bố vợ tương lai của Kafka, F. (Felice) đã được nhắc đến.

Trang 836

(*) *Siegfried Jacobson* (1881 - 1926) - nhà báo Đức và nhà phê bình sân khấu.

(*) Willy Haas - nhà báo người Đức; sau này đã cho đăng những bức thư của Kafka gửi Milena Esenskaia.

Trang 839

(*) *Pharisei*: nguyên là một tổ chức tôn giáo - chính trị của Giêđa cổ đại (thế kỉ II tr. CN - thế kỉ II sau CN). Ở đây có nghĩa là những kẻ đạo đức giả.

Trang 840

(*) *Felics Weltsch* (sinh năm 1884) - nhà văn và là một triết gia, bạn của Kafka.

(*) Một dân tộc ít người của khu vực tự trị Tructri, thuộc Nga.

Trang 842

(*) Trong chuyến đi này Kafka đính hôn với Felice lần thứ nhất.

Trang 846

(*) *Elli* - chị gái Kafka.

(*) Những đoạn nhật kí này được viết sau khi xẩy ra cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918).

(*) *Ottla* - em gái của Kafka.

Trang 851

(*) Đây là tên mà Kafka đã tạm gọi cuốn tiểu thuyết sau này là "Nước Mĩ".

Trang 852

(*)Công ty bảo hiểm "Assicurazioni Generali", nơi làm việc đầu tiên của Kafka.

Trang 855

(*) "Bouvard và Pécuchet " - tiểu thuyết của Flaubert.

Trang 857

(*) Ý nói đến cuốn "Quá khứ và suy nghĩ" của Gersen (1812 - 1870), nhà văn, nhà tư tưởng cách mạng dân chủ Nga.

(*)*August Strindberg* (1849 - 1912) - nhà văn, nhà thơ, nhà viết kịch Thuỵ Điển.

Trang 859

(*) *Karl Rossmann* - nhân vật trong tiểu thuyết "Nước Mĩ"; Josef K. - nhân vật trong tiểu thuyết "Vụ án" của Kafka.

Trang 860

(*) Ở đây là đoạn ghi chép ngày 21 tháng 11.

Trang 865

(*) Trước ghi chép này ít lâu, lần đầu tiên các bác sĩ xác định Kafka bị bệnh lao, ông quyết định huỷ hôn với F., thôi việc và chuyển về sống với em gái Ottla ở nông thôn.

Trang 867

(*) *David Copperfield* - tiểu thuyết của nhà văn Anh Charles Dickens.

Trang 868

(*) Suốt năm 1918 trong nhật kí không có ghi chép gì; năm 1919 viết chỉ trang rưỡi; năm 1920: một trang; từ ngày 9 tháng 1 năm 1920 đến 15 tháng 10 năm 1921 không ghi chép gì.

Trang 872

(*) M: *Milena Esenskaia* - nữ nhà văn người Sec, bạn thân của Kafka trong thời gian 1920 – 1922, dịch giả cuốn "Người thợ lò".

Trang 873

(*)Nhật kí của Kafka kết thúc vào năm 1923, trong năm này ông chỉ ghi lại đoạn được trích dẫn ra ở đây.

THƯ GỬI NÀNG FELICE

DƯƠNG TẤT TỪ *dịch và giới thiệu*

Lời người dịch:

Để giúp bạn đọc hiểu thêm về cuộc đời và con người của Franz Kafka, chúng tôi chọn dịch một số thư ông gửi người yêu là Felice Bauer.

Nói về cuộc sống riêng tư, trong đời Franz Kafka đã ba lần đính hôn, hai lần với Felice và một lần với con gái một gia đình thợ giày ở Praha. Nhưng rồi cả ba lần đều không dẫn đến hôn nhân. Dấu ấn tình cảm sâu nặng nhất là mối quan hệ giữa Kafka và Felice Bauer (1887 - 1960). Felice là người Do Thái sống tại Đức, có quan hệ thân thích xa với Max Brod. Kafka gặp nàng lần đầu tiên tại nhà riêng của Max Brod. Cuộc trao đổi thư từ giữa hai người bắt đầu từ ngày 20.9.1912 và trong các lá thư Kafka đã thổ lộ nỗi lòng với tất cả tâm trạng chân thành, xao xuyến, yêu thương cuồng nhiệt, hờn giận và cả tuyệt vọng. Kafka sống ở Praha, còn nàng thì sống tại Berlin. Cuộc gặp gỡ lần cuối của họ là Noel năm 1917 tại Praha. Và đó cũng là lần quyết định chia tay nhau mãi mãi.

Sáng sớm ngày 27.12.1917 Kafka tiễn nàng lên tàu hỏa trở về Berlin. Đó cũng là những giây phút chót của một cuộc tình dang dở. Sau đó nhà văn lâm bệnh rồi qua đời ngày 3.6.1924, ở tuổi đời 41. Còn nàng thì trước đó (tháng 3 năm 1919) đã lấy một thương gia giầu có ở Berlin. Hai người sang sống ở Thụy Sĩ rồi sau đó định cư tại Mỹ. Bà qua đời ngày 15.10.1960.

Những bức thư của Kafka gửi Felice còn được giữ lại khá nhiều, chúng tôi xin chỉ chọn dịch một phần rất nhỏ trong số những bức thư nói trên, qua bản tiếng Séc, xuất bản tại Praha.

Praha 20. 9. 1912

Cô gái hết đỗi yêu quý!

Bởi vì cũng rất có thể là Em không hề nhớ lại câu chuyện, cho nên tôi xin tự giới thiệu một lần nữa tôi tên là Franz Kafka, người mà lần đầu tiên đã chào Em vào cái buổi tối tại nhà ông giám đốc Brod ở Praha, rồi tôi đã đưa cho Em xem những tấm ảnh chụp trong chuyến đi thăm ông bạn Thali. Cuối cùng, đôi bàn tay tôi đã cầm lấy tay Em và Em hứa sẽ đi thăm Palestin cùng tôi vào năm sau.

Nếu như cho đến lúc này Em vẫn còn có ý định thực hiện cuộc hành trình đó (khi ấy Em đã nói rằng Em không phải là người vui tính, còn tôi thì cũng không thấy ở Em có cái nét giống như vậy) thì đã đến lúc không những tốt mà là cần thiết một cách vô điều kiện để chúng ta cùng nhau bàn bạc về chuyến đi đó. Thời gian nghỉ phép năm của chúng ta đối với một chuyến đi Palestin như thế là quá ngắn, và để tận hưởng cho đến giây phút cuối cùng của chuyến đi, chúng ta phải chuẩn bị thật tốt và trao đổi với nhau mọi công việc liên quan đến chuyến đi.

Tôi phải nói thật, dù điều đó nghe có vẻ chối tai và không phù hợp: tôi không phải là người giỏi viết thư tay. Mỗi lần không có máy chữ thì thật là khốn đốn. Chỉ khi nào không có máy, tôi mới phải huy động đến cây bút. Mặt khác, tôi cũng chẳng bao giờ trông chờ thư sẽ đến với tôi một cách chính xác, mặc dù hàng ngày tôi chờ thư một cách căng thẳng.

Tôi gửi đến Em lời chào thân ái
Tiến sĩ Franz Kafka
Pořič 7 - Praha

27. 10. 1912

Em yêu thương!

Cuối cùng, bây giờ đã 8 giờ tối - và là ngày chủ nhật - tôi viết thư kể cho Em nghe, tuy chưa phải là tất cả những gì tôi làm trong ngày hôm nay. Và bây giờ bắt đầu bằng chuyện gì đây? Em sống ngày chủ nhật có vui không? Chắc hẳn là vui, sau những công việc hàng ngày không thay đổi của Em. Đối với tôi, chủ nhật ít ra là một chuỗi kì lạ mà ánh sáng của sự kì lạ đó tôi đã nhìn thấy từ sáng sớm thứ hai khi tỉnh giấc. Vấn đề là nhập cuộc vào cả một tuần lễ cho đến chủ nhật, đương đầu với công việc ngày qua ngày và dù bất cứ làm gì. cứ đến thứ sáu là nó chững lại. Trải qua một tuần lễ, con người sống qua từng giờ, từng giờ, và ban ngày con người thường không để ý lắm như những ai đêm không ngủ. Mỗi lúc nhìn lại cái guồng máy không khoan nhượng của mỗi tuần lễ như vậy, người đó sẽ lấy làm sung sướng là những ngày như thế không trở lại để nhường chỗ cho những ngày mới nối tiếp nhau trôi qua một cách êm ả hơn, để rồi cuối cùng lại bắt đầu buổi tối và đêm dành cho sự nghỉ ngơi.

Cũng có lúc tôi vui nhưng hôm nay thì không, ngoài trời mưa, tôi mất một cuộc đi bách bộ chủ nhật. Nửa ngày trời nằm trên giường, đó là chỗ tốt nhất để tiêu khiển nỗi buồn và sự thu mình.

...

Cô Em thân mến! lúc này tôi có nên đứng dậy và bỏ giở những dòng thư này? Nhưng Em hãy cứ nhìn xung quanh và Em thấy rằng cuối cùng tôi sẽ là người rất hạnh phúc được viết tiếp những dòng này cho Em.

Trong thư Em có đề cập là cái buổi tối hôm đó ở Praha Em cảm thấy hiu quạnh mà Em chẳng muốn nói, và có lẽ Em

cũng không tưởng tượng được rằng viết đến đoạn thư này, sự hiu quạnh dường như đã ập đến với tôi, bởi lẽ trước đó ông bạn Max Brod vừa mới nói về vở ca kịch của ông đã không bắt ông phải lao tâm lắm, còn cái bọc tài liệu đáng buồn cười của tôi thì chưa đến nỗi làm mất không khí buổi họp mặt. Thỉnh thoảng tôi vui đùa với ông bạn Brod, một con người quen đi ngủ đúng giờ, trong những cuộc thăm viếng đặc biệt sôi nổi kéo dài ông thường phải chịu đựng lâu đến mức cả gia đình ông hợp lực, đẩy khéo tôi ra khỏi nhà, tất nhiên chỉ là thiện chí. Vì vậy việc tôi thường đến muộn - có khi sau chín giờ tối - là một tín hiệu có tính đe dọa. Và tâm trạng những người trong gia đình như đứng trước hai cuộc thăm viếng trái ngược nhau: một phía là Em - một người khách luôn giữ cách cư xử hiền hòa và lịch thiệp, còn tôi - một con người chuyên phá giấc ngủ của kẻ khác. Chẳng hạn vì Em mà người ta chơi đàn piano, còn vì tôi, ông bạn Max lấy mảnh tôn che lò sưởi như muốn lưu ý tôi là đã đến giờ đi ngủ, khi con người không nhận ra điều đó thì quả thật là vô nghĩa và mỏi mệt. Hôm đó tôi hoàn toàn không mảy may chờ đợi là gia đình có khách, nhưng tôi đã hẹn với ông bạn Max vào 8 giờ tối (và như thường lệ, tôi thường đến chậm một tiếng) để cùng với ông ta sắp xếp bản thảo mà bấy lâu nay tôi không hề quan tâm, bởi vì đáng lí sáng hôm sau đã phải gửi đi. Đúng lúc đó tôi gặp một người khách cho nên tôi hơi cau có. Ngược lại, người khách đó đã không làm tôi ngạc nhiên. Tôi đưa tay qua chiếc bàn lớn để bắt tay Em trước khi giới thiệu, mặc dù Em có đứng lên nhưng hình như Em chẳng muốn bắt tay tôi. Tôi nhìn Em một cách thoáng qua, rồi tôi ngồi xuống và hình như tất cả mọi việc đều quá tốt đẹp. Đứng trước Em, tôi cảm thấy có một sự phấn chấn nhẹ nhàng - một thứ cảm giác thường đến với tôi mỗi lần không khí bè bạn vây quanh tôi. Khi tôi thấy không phải là thời điểm phù hợp để có thể cùng với ông bạn Max rà soát bản thảo, mọi người chuyển sang việc xem ảnh ông bạn Thali, một

sự thay đổi dễ chịu (giờ đây xa cách Em, tôi vẫn thấy cái khoảnh khắc đó lột tả rất đúng cái cảm giác lúc bấy giờ). Lúc đó Em nhìn những tấm hình với dáng vẻ nghiêm nghị, và chỉ xem lướt qua khi ông bạn Brod giải thích một điều gì đó hoặc khi tôi đưa cho Em một tấm hình mới. Tôi còn nhớ một người nào đó trong chúng ta mà tôi không biết là ai, trong lúc bình luận về các tấm ảnh đã buông ra một lời hiểu lầm đáng buồn cười. Lúc đó, để tập trung vào việc xem ảnh, Em đã ngừng ăn và khi ông bạn Max nói một ý gì đó về chuyện ăn uống, Em có phát biểu đại ý là trên đời này ớn nhất là những người ngồi xuống là ăn một thôi một hồi. Vừa lúc đó có chuông điện thoại.

(Chuyện đã lâu rồi, và lúc này là 11 giờ đêm. Mọi khi vào giờ này tôi đã bắt đầu công việc riêng của tôi, nhưng hôm nay tôi không thể rời khỏi bức thư này). Đúng là có tiếng chuông và lúc đó Em đang kể về một tiểu phẩm sân khấu gì đó có tên là *Das Autogirl* mà Em đã được thưởng thức ở nhà hát Residenz (có đúng là nhà hát Residenz không? Và có đúng là một tiểu phẩm sân khấu không?). Trong tiểu phẩm đó xuất hiện tới 15 nhân vật trên sân khấu, rồi từ gian sảnh có tiếng chuông điện thoại, một người nào đó bước vào và gọi lần lượt từng người vào nghe. Tôi vẫn còn nhớ cái câu nói đó của Em, nhưng tôi ngượng viết ra đây, bởi vì tôi phát âm không đúng huống hồ là viết. Nhưng tôi đã nghe rất rõ từ đôi môi của Em và cho đến nay câu nói đó đã nhiều lần vẩn vơ trong đầu tôi, cứ như tôi muốn tìm cách dựng lại câu chuyện trong kí ức. Tôi không biết, rồi sau đó (sau đó chứ không phải trước đó, vì trước đó tôi vẫn còn ngồi cạnh cửa ra vào, tức là chéo góc với Em) câu chuyện sẽ ra sao. Tôi nghe thấy đề cập đến tên tuổi một số thành viên trong gia đình mà tôi chưa bao giờ được nghe...

Khi Em đứng dậy tôi mới thấy Em đang đi đôi dép lê trong nhà của bà Brodova bởi vì giầy của Em chưa khô. Suốt cả ngày hôm đó thời tiết thật khủng khiếp. Đôi dép lê Em đi hơi

thấp và ở cuối gian phòng lờ mờ tối Em nói với tôi là Em chỉ quen đi giầy đế cao. Trong phòng piano Em ngồi đối diện với tôi còn tôi thì bắt đầu giàn trải những trang bản thảo. Những trang cuối của từng bài rơi vãi tung tóe một cách đáng buồn cười và tôi không thể nào phân biệt được trang nào là của Em. Tôi còn nhớ, một chi tiết xảy ra ở phòng bên cạnh khiến tôi phải ngạc nhiên là tôi đập nhẹ tay lên bàn. Em có nói với tôi là đối với Em, việc sao chép bản thảo là một điều hân hạnh, bởi vì ở Berlin Em đã từng có lần đánh máy lại bản thảo cho một người đàn ông nào đó (cái từ toát ra một âm thanh mà chẳng có tên, cũng không lời giải thích) và Em có nói với ông bạn Max để ông ta gửi bản thảo sang cho Em. Điều thú nhất hôm qua là tôi mang theo trong người số báo Palestin, nó làm tôi bỏ qua những chuyện khác. Chúng ta đã trao đổi câu chuyện về chuyến đi Palestin và khi đó Em đã đặt tay lên lòng bàn tay tôi, hay nói khác là nhờ cái cử chỉ đó mà tôi đã có dịp âu yếm Em. Trong lúc chơi đàn piano, tôi ngồi chéo góc với Em, còn Em thì hai chân để chéo lên nhau, một vài lần Em sửa mái tóc, nhìn từ phía trước, lúc chơi đàn piano, tôi mới biết rằng mái tóc hơi rủ xuống. Không khí gia đình sau đó đã phân tán, bà Brodova thì ngủ thiếp đi trên chiếc đi-văng, ông Brod thì lần tìm cái gì đó cạnh giá sách, còn Otto thì tẩn mẩn với tấm lá chắn cạnh lò sưởi. Trong câu chuyện về sách vở của ông bạn Brod, Em có nói cái gì đó về cuốn *Anold Beer*(*), Em đề cập đến một bài phê bình đăng trên tờ *Ost und West*, trong khi đó, tay Em vẫn lần giở những trang trong tập sách của Goethe do Nhà xuất bản Propylaen phát hành.

...

Cuối cùng Em nhanh chóng ra khỏi nhà và trở về với đôi giầy cao gót. Tôi còn nhớ khá chính xác khi Em đội mũ và cài

---

(*) *Anold Beer - số phận người Do Thái*, tiểu thuyết của Max Brod - Berlin 1912.

trâm lên mái tóc. Chiếc mũ thì to vành và phía dưới màu trắng. Ra phố, ngay tức khắc tôi đã rơi vào một tâm trạng ảm đạm hiếm thấy, tôi cảm nhận một điều nổi bật đó là sự hiện diện vô ích của tôi. Lúc đi đến phố Perlova, Em hỏi liệu Em có thể giúp tôi thoát khỏi sự câm lặng của nơi tôi đang ở. Đương nhiên là Em có ý dò hỏi xem đường tôi về nhà có cùng đường khi tôi đưa Em đến khách sạn. Còn tôi thì đúng là một thằng ngốc bất hạnh, tôi lại hỏi liệu Em có muốn biết địa chỉ của tôi không, tất nhiên chỉ vì tôi muốn rằng ngay sau khi về đến Berlin, với tất cả sự phấn chấn của mình, Em sẽ viết thư cho tôi về chuyến đi Palestin và để khỏi rơi vào tâm trạng thất vọng là Em không có địa chỉ của tôi trong tay.

...

Lúc Em ra đi trời còn quá sớm, cửa hàng chưa bán hoa, mong Em thông cảm. Lúc đi trên phố Ovocna và phố Prikov, người trò chuyện chủ yếu là ông giám đốc Brod. Còn Em thì chỉ kể rằng khi về tới nhà, mẹ Em nghe tiếng vỗ tay sẽ xuống mở cổng cho Em. Còn nói về phương tiện giao thông ở Praha thì làm sao mà so sánh với Berlin được. Nếu như anh không nhầm, hôm đó hình như Em ăn điểm tâm tại nhà hàng Reprezentacni dum, đối diện với khách sạn Em ở. Cuối cùng, ông bạn Brôd còn căn dặn em một số điều và chỉ dẫn cho Em những bến tàu nào dọc đường có thể mua đồ giải khát. Mới đầu Em có ý định ăn điểm tâm ngay trên toa tàu. Và bây giờ thì tôi nghe nói Em đã để quên chiếc ô trên tàu hỏa. Đối với tôi đó chỉ là chuyện vặt, nhưng nó đã gợi thêm một âm thanh mới về hình ảnh của Em...

Trên đây là những chuyện vụn vặt không cơ bản, mặc dù có nhiều chỗ lướt qua, tất cả những tình tiết của cái buổi tối hôm đó mà tôi còn nhớ đến hôm nay, tức là sau trên 30 buổi tối khác từ khi có mặt tại nhà ông bạn Brod. Tôi viết những dòng trên đây để trả lời ý kiến của Em bảo rằng cái buổi tối hôm đó

mọi người ít quan tâm đến Em, và cũng là để tôi khỏi trì hoãn quá lâu ý định viết lên những kỉ niệm về cái buổi tối hôm đó, chừng nào tôi còn ấp ủ trong lòng.

Nhưng giờ đây, khi nhìn cái mớ giấy viết bề bộn này, Em sẽ thấy kinh khủng và trước hết Em sẽ trách móc cái lời góp ý đã dẫn đến chuyện này, trách móc chính bản thân Em phải đọc nó và vì tò mò, sẽ đọc nó cho đến hết trong khi chén trà của Em đã hoàn toàn nguội lạnh, nội tâm Em sẽ trở nên khó chịu bởi tất cả những gì thân thiết đối với Em, Em sẽ chối bỏ và kiểu gì Em cũng sẽ không muốn đem những kỉ niệm của mình để bổ sung vào những kỉ niệm của tôi. Vì cơn tức giận, Em sẽ không ý thức được rằng việc bổ sung ý sẽ không vất vả như việc khởi thảo ban đầu, và rằng qua việc bổ sung của mình, Em sẽ làm tôi vui hơn nhiều. Tôi mong ước Em được thật sự yên tĩnh và một lần nữa, gửi Em lời chào thân ái.

Franz K. của Em

Vẫn chưa hết: tôi còn một câu hỏi có thể khó trả lời: làm thế nào để giữ cho kẹo socola được lâu và không bị hỏng?

1. 11. 1912

Cô Felice thân mến!

Thư này Em không được bực bội vì cách xưng hô của tôi, bởi lẽ nếu như tôi cần kể cho Em nghe về lối sống của tôi như Em đã yêu cầu mấy lần, thì tôi buộc phải nói đôi điều nhạy cảm đối với tôi trước một cô gái đáng yêu. Tuy nhiên, cách

xưng hô mới như vậy không thể là một biểu hiện hoàn toàn xấu. Cuộc sống của tôi, về cơ bản vốn đã và đang được cấu tạo bởi những cuộc thể nghiệm với cây bút, và phần lớn không thành công. Khi tôi không viết, tức là tôi đã nằm dưới đất, rũ bỏ sạch sành sanh. Sức lực của tôi vốn nhỏ bé, và mặc dù tôi không nói ra một cách cởi mở, thì tự nó cũng cho thấy là tôi đã phải dè dặt mọi phương diện, ở đâu tôi cũng phải làm ngơ một cái gì đó cốt để giữ lấy cái sức lực cần thiết cho mục đích chính mà mình đã đề ra. Ở đâu mà tôi chẳng tự hành động, (Trời ơi, thậm chí cả cái ngày lễ này ngồi trực ở cơ quan, chẳng hề có một chút yên tĩnh, hết người khách này đến người khách khác, cứ như một địa ngục nhỏ sắp bùng nổ). Còn ở đâu mà tôi muốn tự vượt lên chính mình, thì tự tôi lại bị đè nén, tổn thương, xỉ vả và luôn luôn hèn yếu. Nhưng những gì trong chốc lát định làm tôi bất hạnh thì trải qua thời gian, chính những điều đó đã mang lại cho tôi lòng tin và tôi bắt đầu tin rằng ở nơi nào đó, cho dù khó mà tìm đến nơi đó, nhất định sẽ xuất hiện một ngôi sao tốt lành và dưới vòm sao đó con người có thể sống tiếp tục.

...

Quả thật tôi là một chàng trai gầy gò, gầy gò nhất trong số những người mà tôi quen biết (có cơ sở nói điều đó, bởi vì tôi đã kinh qua nhiều nhà an dưỡng). Chẳng có gì khác đối với tôi để tôi có thể gọi cái việc viết lách là thừa, thừa với cái nghĩa tốt của nó. Nếu như ở đây có một thứ quyền lực nào đó cao hơn muốn sử dụng tôi hoặc đang sử dụng tôi, thì tôi sẽ nằm chết như một thứ công cụ đã được gọt dũa. Và nếu không, tức là tôi hoàn toàn không còn là một cái gì cả, bỗng nhiên tôi chỉ còn lại như một cái gì thừa thãi trong sự trống rỗng ghê gớm.

Giờ đây cuộc sống của tôi đã được trải rộng thêm bởi những suy nghĩ về Em và đúng vào thời gian tôi vừa tỉnh dậy

được 15 phút. Nếu như tôi không nghĩ đến Em thì ngược lại, sẽ có rất nhiều những khoảnh khắc mà tôi sẽ không làm gì hết. Điều đó thậm chí còn liên quan đến việc viết lách của tôi, chỉ có sự đam mê viết lách điều hành được tôi, và nếu rơi vào quãng thời gian câm lặng của cái nghề cầm bút, chắc là tôi sẽ không đủ lòng can đảm nghĩ đến Em. Đó là một chân lí, từ cái buổi tối hôm đó tôi có cảm giác như trên lồng ngực tôi có một lỗ hổng, hít vào và thở ra một cách bất kham cho đến khi vào một buổi tối, nằm trên giường tôi nhớ lại câu chuyện trong Kinh Thánh, điều đó đồng thời chứng minh sự cần thiết của cái cảm giác đã đến và cả sự thật của câu chuyện trong Kinh Thánh.

...

Cách sống của tôi là hướng vào viết. Và nếu như có sự thay đổi nào đó thì chỉ vì để viết tốt hơn, bởi vì thời gian thì ngắn ngủi, sức lực có hạn... Phòng làm việc thì kinh khủng, nhà ở thì ồn ào, con người phải vật lộn với những dối trá, bởi cuộc đời không phải lúc nào cũng đẹp đẽ, phẳng phiu... Đã một tháng rưỡi nay thời gian biểu của tôi, ngoài một số lần bị cản trở do hậu quả của sự yếu đuối không chịu nổi phát sinh trong những ngày gần đây, đại thể như sau: từ 8 đến 2h hoặc 2h20 có mặt ở văn phòng, đến 3h hoặc 3h30 ăn trưa, rồi lên giường nghỉ ngơi (phần lớn chỉ là ý định, cả tuần lễ tôi nằm mơ thấy trong giấc ngủ hiện lên chỉ toàn có *Núi đen*. Sau 7h30 là 10 phút cởi trần tập thể dục cạnh cửa sổ, rồi một giờ đi dạo, đi một mình, cùng với ông Max hoặc một người bạn trai, tiếp đến là ăn tối cùng gia đình (tôi có 3 chị em gái, một đã có chồng, một có người yêu, còn cô út chưa có ai). Đối với tôi, cô em út là thân thiết hơn cả, tất nhiên không có nghĩa là không quý hai người kia. Rồi 10h30 (cũng có khi thường là 11h30) ngồi vào bàn viết và viết cho tới khi kiệt sức, có khi viết say sưa đến tận 1, 2, 3 giờ đêm, có một lần đến tận 6 giờ sáng. Rồi lại tập

thể dục, đương nhiên chỉ là tập nhẹ nhàng, rửa ráy một chút và phần lớn khi lên giường thì tim đau nhẹ, các cơ bắp vùng bụng thì bứt rứt. Tôi cố tìm cách thiếp đi - tức là cố làm một điều không thể, bởi vì con người không thể ngủ và đồng thời suy nghĩ về công việc, và lại còn muốn giải quyết một vấn đề chắc chắn mà không thể trả lời chắc chắn, liệu hôm sau có nhận được thư của Em không, và khi nào. Thế là đêm được cấu tạo từ hai phần, phần thứ nhất là trằn trọc và phần thứ hai là không ngủ. Nếu như tôi muốn kể cho Em một cách tỉ mỉ và nếu Em muốn lắng nghe thì câu chuyện sẽ không bao giờ có hồi kết. Đương nhiên là sau đó cũng không có gì ngạc nhiên quá đáng, khi đến cơ quan, tôi lại bắt đầu ngày làm việc với những sức lực cuối cùng của mình. Trước giờ làm, ở ngoài hiên chỗ tôi thường lui tới phòng nhân viên thư kí, thường có một chiếc xe đẩy phân phát tài liệu, mẫu hồ sơ, bao giờ cũng vậy, mỗi lần đi qua tôi đều cảm thấy hình như chiếc xe đẩy đó hợp đối với tôi, họ chờ tôi.

Để tôi khỏi quên và nói một cách chính xác, tôi không phải chỉ là một viên chức, mà đồng thời là một chủ nhà máy. Cậu em rể của tôi có một nhà máy sản xuất amiăng, tôi là người canh ti (bố tôi góp vốn), tôi có đăng kí hành nghề. Cái nhà máy này đã mang lại cho tôi không ít những lo toan và phiền toái, nhưng lúc này tôi không tiện kể với Em về chuyện đó. Sớm hay muộn tôi cũng sẽ buông bỏ nó (tức là không hợp tác nữa), tình hình trước mắt nói chung là ổn.

Tôi kể cho Em còn ít quá và cũng chưa kịp hỏi chuyện Em nhưng đã phải kết thúc. Và sẽ không một câu hỏi và một câu trả lời nào bị bỏ qua. Thư tín đúng là một phương tiện kì diệu, hai người chẳng trông thấy nhau, chẳng nói cùng nhau, nhưng vẫn có thể chia sẻ với nhau phần lớn về những chuyện quá khứ. Chẳng cần phải viết ra tất cả nhưng nó gần như là một phương tiện kì ảo cao độ (trông

thì không có vẻ như vậy) mà con người nhập vào nó, mặc dù chẳng có thưởng nhưng không phải là không có phạt. Cho nên tôi sẽ không nói thêm, Em sẽ tự đoán. Ngắn ngủi quá, cứ như tất cả những lời cầu xin.

Chúc Em khỏe và cho phép tôi đảm bảo lời chúc đó bằng một cái hôn tay thật lâu.

Franz Kafka của Em

8. 11. 1912

Cô Felice yêu quý!

Lá thư trước của Em (chứ không phải "lá thư cuối cùng" như Em viết), làm tôi rối trí. Chắc chắn là như vậy, nhưng tôi đâu có biết là nó tồi tệ đến mức giờ đây tôi phải tin vào lá thư cuối cùng của Em. Chẳng lẽ tôi là người không chắc chắn? Chẳng lẽ những dòng chữ của tôi lại biểu lộ sự rung động kín đáo nhất bằng sự thiếu kiên nhẫn và sự bất mãn không thể hàn gắn được? Tôi có cần bắt buộc để mặc những bức thư của tôi tự nói lên những gì tôi suy nghĩ không? Tôi bị vây quanh bởi một nỗi buồn ghê gớm và tôi muốn lôi kéo Em bằng tất cả sức lực của mình!

Tôi không biết liệu cuộc sống của tôi biểu lộ có đúng không, Em hiểu cho sự nhạy cảm của tôi, một sự nhạy cảm bị thần kinh và luôn luôn bị kích động, nhưng nếu một lần nó bị quyến rũ thì nó sẽ buông tôi như buông một hòn đá. Tôi đã đọc thư của Em tới 20 lần, vài lần khi nhận được thư, một vài lần khi ngồi cạnh chiếc máy chữ. Có một khách hàng ăn

nhồm nhoàm ngay cạnh bàn làm việc của tôi, còn tôi thì tranh thủ đọc thư của Em, cứ như là vừa mới nhận được. Tôi đọc nó khi đi trên đường phố và giờ đây đọc ở nhà. Tôi không biết nên ứng xử thế nào, giờ đây tôi như cảm thấy bất lực. Giá như hai chúng ta ở bên nhau, tôi sẽ im lặng, nhưng bởi vì chúng ta ở xa nhau, tôi buộc lòng phải viết thư, nếu không, tôi sẽ bị tiêu tan vì nỗi buồn. Ai mà biết được cái nắm tay buổi đó tôi cần đến nó hơn Em, và không phải bàn tay an ủi mà là một bàn tay giúp tôi thêm nghị lực. Sự mệt mỏi làm sức khỏe tôi hôm qua tồi đi, cứ như là để đón cái chết, bởi vì hôm qua, sau nhiều thứ quyết định, cuối cùng đêm qua tôi đã tự ra kỉ luật không được viết. Buổi tối, hai giờ đồng hồ liền tôi đi dạo phố và lúc trở về, hai bàn tay băng giá, mặc dù đút trong túi áo. Rồi 6 tiếng liền tôi thiếp đi, trong mơ hiện lên một kỉ niệm mờ ảo về Em, giấc mơ đã mô tả một sự cố nào đó bất hạnh. Đó là lần đầu tiên tôi mơ về Em, tôi đã hồi nhớ lại điều đó. Bây giờ tôi khẳng định chính là cái giấc mơ này, một giấc mơ duy nhất trong đêm, mặc dù chỉ thoảng qua, đã làm tôi tỉnh dậy. Sáng hôm sau tôi thức dậy sớm hơn so với mọi ngày. Trong khi tôi đang ngái ngủ, một cô bé ập vào nhà hét tướng lên là lúc nửa đêm về sáng em gái tôi sinh con gái. Tôi nấn ná lại một lát trên giường, giá như có chuyện gì xấu cũng chẳng ai đánh thức tôi, tôi thức dậy chẳng qua vì tiếng ồn ngoài cửa. Tôi cũng không hiểu được niềm hân hoan của cô gái xung quanh việc sinh đẻ. Như tôi đây là anh, là bác, tôi không cảm thấy hân hoan mà chỉ thấy ghen tức, ghen tức với em gái một phần, nhưng chủ yếu là với cậu em rể, bởi vì tôi sẽ chẳng bao giờ có con, đó là điều chắc chắn (tôi không muốn dùng từ bất hạnh).

Hôm nay tôi thấy vui quá, sau một đêm ngủ ngon và sau một buổi tối vô ích vì thận trọng một cách ngu ngốc. Chào Em, cô gái thân yêu nhất!

Franz K. của Em

15. 11. 1912

Chào Em yêu quý nhất, làm khổ anh ít thôi! Làm khổ anh ít thôi! Kể cả hôm nay là thứ bảy, Em để mặc anh không có thư, đúng là cái ngày mà anh đã nghĩ rằng chắc chắn thế nào thư cũng phải đến, cũng như hết đêm rồi phải đến ngày. Mà có ai yêu cầu thư đâu chứ, chỉ cần hai dòng chữ, một lời chào, chiếc phong bì, tấm bưu thiếp là đủ rồi. Sau bốn bức thư vừa qua, nó sẽ là lá thư thứ năm, thế nhưng anh vẫn chưa được trông thấy một dòng chữ của Em. Sao lại thế hả Em? Làm thế nào để anh có thể sống qua những ngày dài đó được? Để có thể làm việc, nói năng, nghĩa là tất cả những gì mà người ta đòi hỏi ở anh.

Có thể hoàn toàn không có chuyện gì xảy ra mà chỉ vì em không có thì giờ. Có thể Em bận vì những môn thi sân khấu, hoặc vì chuẩn bị cho những cuộc đối thoại. Nhưng Em hãy cứ nói cho anh biết, người nào có thể ngăn cản Em ngồi vào bàn viết cho anh một mẩu giấy, chỉ cần ghi "Felice" rồi gửi cho anh. Chỉ ngần nấy thôi cũng bao hàm bao nhiêu ý nghĩa đối với anh. Nó sẽ là tín hiệu rằng em đang sống yên lành và sống trong nghị lực, rằng anh là kẻ lệ thuộc vào sự sống của một sinh linh khác. Ngày mai sẽ đến và nhất định phải có thư, nếu không, không biết anh sẽ ra sao. Rồi tất cả mọi việc sẽ tốt lành và anh sẽ không yêu cầu Em viết thư thường xuyên nữa. Nếu ngày mai nhận được thư, có nghĩa là những lời trách móc này sẽ trở thành vô nghĩa, bởi vì nếu Em không trả lời thì anh có cảm giác, một thứ cảm giác không thể dùng lí trí để gạt bỏ nó, rằng Em đang quay lưng lại đối với anh, rằng Em đang trò chuyện với người khác và Em đã quên anh. Không lẽ anh phải im lặng chịu đựng? Đây không phải là lần đầu tiên anh chờ đợi thư Em (mặc dù

anh luôn luôn tin rằng đó không phải lỗi tại Em). Lá thư lần trước chứng minh cho Em điều đó.

K. của Em

24.11.1912

Em yêu quý nhất!

Một câu chuyện đối phó ngoại lệ anh đã gạt sang một bên để ý nghĩ được thanh thản dành cho Em. Quá nửa công việc đã qua, đại thể không phải là anh không hài lòng, nhưng đó là những chuyện đối phó không hồi kết, rồi Em sẽ thấy, những chuyện xuất phát từ một trái tim giống nhau, chính Em là người sống trong trái tim đó...

Em đừng buồn, bởi vì ai mà biết được rằng anh càng viết thư nhiều, càng cảm thấy được tự giải phóng và có lẽ như vậy anh sẽ ngoan ngoãn hơn đối với Em. Điều chắc chắn là còn nhiều thứ trong anh cần vứt bỏ và đêm sẽ không đủ dài cho một cơ hội trác táng.

Còn bây giờ trước khi đi ngủ (lúc này là 3 giờ đêm, bình thường anh chỉ làm việc đến 1 giờ, hình như Em hiểu sai về câu chuyện thời gian kể trong một trong những bức thư gần đây nhất của anh, tức là 3 giờ chiều, lúc đó anh ở lại văn phòng viết thư cho Em). Bởi vì Em yêu cầu và bởi vì anh cũng muốn nói tận tai Em là anh yêu Em như thế nào. Felice, anh yêu Em đến mức nếu như Em giữ trọn cho anh, anh muốn sống mãi mãi, đương nhiên không được quên một điều là sống như một người mạnh khoẻ và bình đẳng với Em. Ngược lại với

những nụ hôn, anh không còn một tín hiệu nào khác là chỉ vuốt ve bàn tay Em. Vì vậy anh gọi tên Felice hơn là Em yêu quý nhất, và gọi là Em vẫn hơn là hỡi tình yêu. Nhưng bởi vì anh muốn quan hệ với Em thật nhiều, anh thích gọi Em là người yêu quý nhất và anh thấy mình hạnh phúc được gọi Em như thế.

Chủ nhật 24.11.1912
Sau bữa ăn trưa.

Hai thư! Hai thư cùng một lúc! Một ngày chủ nhật có thể tiếp tục trả lời Em bằng sự mở đầu như thế. Nhưng Em yêu quý nhất ơi, giờ đây không những Em đã tha thứ cho anh mà Em còn hiểu những gì chúng ta mong muốn, phải không, Felice? Dù bất cứ chuyện gì xảy ra, Em hãy bình tĩnh và yêu thương nhau một cách thanh thản. Anh mong sao có đủ nghị lực để làm Em thanh thản và vui, có lần đáng tiếc vì yếu đuối mà anh đã làm Em mệt mỏi bởi những lá thư của anh, làm Em buồn và khóc. Anh có đủ lòng tin. Nếu như điều đó thực hiện được thì anh phải biết ơn lương tâm là anh có được người bạn gái như Em, và rằng anh có thể tin cậy vào một người như Em.

Em yêu quý nhất của anh, anh chỉ yêu cầu một điều là Em đừng viết thư về khuya. Đọc những dòng thư đã phải đánh đổi bằng giấc ngủ của Em, anh thấy niềm hạnh phúc hòa trộn với nỗi buồn. Em đừng làm điều đó nữa, Em hãy ngủ cho ngon giấc, cho xứng đáng với Em. Anh không thể yên tâm làm việc khi thấy Em vẫn còn thức, thậm chí thức vì anh. Khi anh biết

rằng Em đang ngủ, anh sẽ làm việc với nghị lực tốt hơn, bởi có như vậy anh mới thấy được là Em hoàn toàn phó thác mình cho sự chăm sóc của anh, Em cần những giấc ngủ khoẻ khoắn để anh lao động vì Em và vì hạnh phúc của Em. Làm sao công việc lại có thể tách rời những ý nghĩ như thế! Em ngủ đi, Em hãy ngủ đi! Một ngày trôi qua, công việc của Em bề bộn hơn anh biết mấy. Mai Em phải ngủ một cách vô điều kiện và Em đừng ngồi trên giường mà viết thư cho anh nữa, nếu như lời cầu mong của anh có đủ sức mạnh. Một điều Em có thể làm được là trước khi đi ngủ, Em hãy quẳng cái gói aspirin mà em dự phòng ra ngoài cửa sổ. Buổi tối Em không được viết thư, việc đó Em dành cho anh, Em dành cho anh cái niềm tự hào nhỏ nhoi về khả năng làm việc đêm, đó là điều duy nhất anh dành cho Em, nếu không, anh sẽ là kẻ quá ư nô lệ vào Em, và điều đó chắc Em chẳng hề thích thú. Em chờ một lát, để chứng minh rằng làm việc về đêm là chuyện phổ biến khắp nơi, cả ở Trung Quốc giới đàn ông cũng đều như vậy. Anh ra tủ sách ở ngay phòng bên lấy một quyển sách và chép cho Em mấy câu thơ Trung Quốc. Sách đây rồi (anh nói to cứ như ông bố anh quát tháo). Đây là bài thơ của Viên Tử Tài (1716 - 1797). Trong sách có đoạn viết: Một thi sĩ tài năng đã từng làm nên những điều kì diệu phục vụ triều đình. Một con người và một nghệ sĩ đa dạng. Để hiểu được bài thơ, người đọc cần lưu ý rằng ngày xưa, những nhà quyền quý bên Trung Hoa, trước khi ngủ, chăn đệm trên giường đều được ướp hương thơm. Cũng có thể bài thơ này không hợp đối với Em, nhưng vẻ đẹp bài thơ sẽ thay thế tất cả. Sau đây là nội dung bài thơ:

ĐÊM KHUYA

Đêm lạnh ngồi cùng đèn sách mà quên mất thời gian
Chăn gối thêu thùa thoang thoảng hương thơm
nhưng mùi thơm đã bay đi, lửa sưởi ấm cũng đã tắt.

đủ trong tay những tạp chí mà Em có. Đã từ lâu, anh có kế hoạch là sẽ cắt những bài báo và tin tức thích thú, quan trọng đối với anh, chẳng hạn thời gian gần đây có "Tuyên bố của 22 thanh niên người da đen theo đạo Giatô ở Uganđa" (vừa rồi anh đã tìm thấy và gửi cho Em đọc). Hầu như cứ cách một ngày anh lại tìm thấy trên báo có những tin tức đại loại như thế, nhưng do thiếu tính kiên nhẫn cho nên anh không làm được cái việc sưu tập cho bản thân. Nhưng nếu Em thích, anh sẽ sung sướng làm điều đó, và em cũng làm sưu tập như vậy cho anh.

...

Trời ơi, anh còn phải kể cho Em nghe và hỏi chuyện Em nhiều lắm nhưng bây giờ thì không thể được vì đã muộn. Chiều hôm nay anh vừa mới ở chỗ nhà ông bạn Baum (Em có biết ông Oskar Baum không?). Thường lệ chủ nhật nào anh cũng có mặt ở đây (hôm nay có mặt cả cô người yêu của ông Max). Anh đọc cho mọi người nghe phần đầu của một truyện ngắn. Sau đó có một cô gái nào đó xuất hiện, một vài cử chỉ cô ta làm anh liên tưởng đến Em. Anh nhìn cô gái như người bị thôi miên, anh đưa mắt lướt qua cái dáng người nhỏ nhắn của cô gái rồi anh quay ra cửa sổ để không nhìn thấy ai hết và để anh hoàn toàn thuộc về Em.

Với mẹ anh, anh quan hệ rất tốt. Thậm chí có thể nói giữa anh và mẹ tình máu mủ đã nói lên cái ý nghĩa đó và hình như mẹ cũng thích Em. Mẹ đã viết thư cho Em nhưng anh không gửi bức thư đó vì nó quá ư là dè dặt, cứ như là cái buổi tối hôm đó anh là người cầu xin, như vậy là không hay. Anh nghĩ rằng vài hôm nữa mẹ sẽ viết thư cho Em, sẽ là một lá thư trầm tĩnh, thân thiện.

Thế liệu anh có nhận được tấm hình không? Thế còn ông Humor có được chụp ảnh không? Một cuộc gặp mặt đặc biệt như thế sao Em lại bỏ qua? Thế có những tấm ảnh chụp chung trong cơ quan không? Rồi tấm ảnh văn phòng làm việc? Ảnh

nhà máy? Ảnh đường phố Nhà thờ Thánh Immanuel? Địa chỉ chi nhánh cơ quan tại Praha? Công việc của Em gồm những gì? Từng việc nhỏ trong cơ quan Em anh đều muốn biết (nó khác hẳn với cơ quan anh). Ở chỗ em người ta hay vui đùa với nhau như thế nào? Em bảo Em thuộc bộ phận ***đăng kí*** - nội dung công việc là thế nào? Làm sao mà cùng một lúc Em lại có thể điều hành hai cô gái? Khi nào Em gửi cho anh những gì thú vị ở cơ quan Em, anh sẽ gửi cho Em một số tin tức về hoạt động kỉ niệm Viện anh làm việc, trong đó có những bài viết rất lí thú của anh.

Bây giờ anh ôm Em để tạm biệt.

Franz

27. 5. 1913

Thế là hết, Em Felice, bằng sự lặng im, Em đã buông bỏ anh và Em đã dập tắt những hi vọng của anh về một niềm hạnh phúc duy nhất đối với anh trên trái đất này. Nhưng tại sao lại có sự im lặng kinh khủng đó? Tại sao không có một lời cởi mở? Tại sao mấy tuần nay Em đã làm khổ anh một cách ra mặt như vậy? Từ phía Em, anh không thấy có sự đồng cảm nữa, bởi lẽ nếu như anh là con người xa lạ nhất đối với Em, thì ít ra Em cũng phải biết anh đang khổ sở như thế nào, sự khổ sở đến mức làm anh mất trí. Không một sự đồng cảm nào lại có thể kết thúc bằng những giây phút lặng im như vậy. Tạo hóa đi theo con đường của nó, giờ đây sự việc đã cạn tàu ráo máng. anh càng nhận biết thêm về Em, càng yêu Em chừng nào, Em càng hiểu rõ thêm anh chừng nào thì anh càng trở

thành kẻ bất lực đối với Em. Nếu như Em thú nhận điều đó, nếu như Em nói thẳng ra, nếu như Em không chờ đợi lâu đến mức khi sự việc trở thành không thể chấp nhận đối với Em, rằng Em không thể vượt qua được - chỉ cần Em viết cho anh một lời từ cuộc hành trình 5 ngày để trả lời cho anh về những bức thư, dù chỉ một dòng chữ thôi - tức là những bức thư mà anh đã đề nghị Em cho anh biết ý kiến quyết định - thì phải chăng Em đã làm nguôi nỗi lòng anh trong cơn bất hạnh khi lâu ngày không có tin tức gì về Em.

Cho đến ngày hôm qua, khi gọi điện thoại, anh chỉ hiểu được rất ít, bởi lẽ anh cảm thấy hạnh phúc được nghe giọng nói của Em thì thầm bên tai anh, Em có nói rằng chiều chủ nhật Em đã viết thư cho anh, rằng chậm nhất là hôm nay - tức là thứ ba - anh sẽ nhận được thư Em.

Không phải như vậy, chủ nhật Em không viết thư, kể cả thứ hai sau cuộc nói chuyện điện thoại. Em đã không viết thư và Em cũng không thể nói rằng là Em không thể viết. Bây giờ thì anh đã nghĩ ra, điều duy nhất mà hôm qua tự Em đã nói lên là Em hỏi thăm sức khỏe của anh, quả thật là anh đã nhận thức ra như vậy.

Thế là anh không thể sống lâu hơn được nữa. Đương nhiên là điều này anh không cần phải cầu xin Em, Em cũng đừng viết thư cho anh nữa, đừng viết dù chỉ một lời, Em hãy hành động theo tiếng nói của trái tim. Và anh cũng sẽ không viết thư cho Em đâu, Em sẽ không nghe một lời trách móc nào, sẽ không có gì làm Em phiền lòng nữa. Anh chỉ mong ở Em một điều duy nhất để Em giữ lại trong kí ức rằng mặc dù có im lặng đến bao lâu nữa thì *tiếng gọi khẽ khàng nhất, chân thành nhất* của anh hôm nay và mãi mãi luôn thuộc về Em. (*)

Franz

(*) Trên thực tế, tiếp theo thư này Franz Kafka còn gửi hằng chục bức thư khác cho nàng Felice, cho đến tận tháng 10 - 1917. (D.T.T)

PHỤ LỤC

Lời người làm sách:

Để giúp bạn đọc có thêm tư liệu tìm hiểu, nghiên cứu Franz Kafka, chúng tôi soạn thêm phần Phụ lục này, gồm:

1. Bài viết của Đặng Anh Đào "Franz Kafka" in trong Giáo trình văn học phương Tây, *Nxb Giáo dục, 1997*

2. Bài viết của Trương Đăng Dung "Thế giới nghệ thuật của Franz Kafka" in trong: Lâu đài, *Nxb Văn học, 1998*

3. Bài viết của Lê Huy Bắc, được tổng hợp, bổ sung, phát triển từ một vài bài viết đã được công bố của tác giả. Các bài viết này đều đã được tác giả xem lại, sửa chữa những chi tiết cần thiết.

4. Thư mục Kafka. Phần này gồm:

- Danh mục tác phẩm Kafka bằng tiếng Việt

- Các công trình nghiên cứu về Kafka

- Các bộ phim dựng theo tác phẩm của Kafka

- Danh mục tác phẩm Kafka bằng tiếng Đức.

5. Tiểu sử tác giả, dịch giả

FRANZ KAFKA

ĐẶNG ANH ĐÀO

I. Con người và sự nghiệp văn chương

Là người của văn hóa Đức, Kafka vẫn không hoàn toàn thoải mái trong môi trường xã hội của người Đức, và trong ngôn ngữ, với tư cách là nhà văn, ông cũng không hoàn toàn thoải mái khi diễn đạt bằng lối viết và lối nói tiếng Đức, ở Praha, đặc biệt của người Do Thái. Điều này đã được nhiều nhà nghiên cứu xác nhận: "Tiếng Đức do Kafka viết, luôn bị những âm hưởng ngoại quốc bao vây và trùm lên, không phải là một chất liệu tiếng nói khiến nhà văn cảm thấy yên ổn" (Hecmsđooc). Cái tâm trạng bất ổn này dường như cũng bao trùm cả một loạt những nhà văn Tiệp viết tiếng Đức lúc bấy giờ, kể cả những người nổi tiếng như Rilker hoặc người bạn thân của Kafka là Max Brod.

Tình trạng cô đơn, "lưu đày" ở mọi chốn có thể phát triển đậm nét hơn sau này ở Kafka, do tình hình sức khỏe và gốc tích. Song ở các sứ xở từng là quê hương thứ hai của ông - bởi lẽ ông không có quê hương thật sự - thì cũng đã xuất hiện những dự cảm về một tình trạng bất ổn. "Ở Viên cũng như ở Praha, người ta chứng kiến sự hấp hối của một xã hội, nhưng Praha có lẽ chính là nơi rõ nhất (...) Bởi vì Praha từ trước chiến tranh 1914 đã tập hợp lại cả một chùm dày đặc những mâu thuẫn gây

chấn động mà nhà địa chấn kí Kafka với sự nhạy cảm cực kì đã có thể ghi lại những động thái sâu thẳm khó có thể nhận biết được ở nơi khác"(*).

Không phải ngẫu nhiên mà ở Áo lúc này xuất hiện Xtefan Zveig, Freud..., ở Tiệp, xuất hiện nhóm "Almanach 1914" (với Neumann, Karel Capek...) và đặc biệt là Iaroslav Hasek. Ngày nay, một số nhà nghiên cứu có uy tín đều đã coi Kafka - dù rất khác biệt - nhưng là một hiện tượng song song, bổ sung cho hai nhà văn Tiệp xuất sắc của đầu thế kỉ là K.Capek và I.Hasek.

Karel Capek (1890-1938) đã sớm cảm nhận những bất hạnh của con người hiện đại, họ bị chế ngự bởi chính những sáng tạo khoa học và kĩ thuật của mình. Ông diễn tả nỗi lo âu bứt rứt ấy trong hàng loạt tiểu thuyết và truyện ngắn. Con người có khi lại bị chính những người máy điều khiển: chữ *robot* (người máy) ngày nay được sử dụng rộng rãi là do chính Capek sáng tạo ra. Tiểu thuyết lớn nhất của ông là ***Cuộc đời và tác phẩm của nhà soạn nhạc Fontyn*** (1939). Tiêu biểu hơn nữa là vở kịch *R. U. R.* (1920).

Còn Iaroslav Hasek (1883-1923), nổi tiếng với bộ tiểu thuyết châm biếm ***Những chuyện phiêu lưu của chú lính dũng cảm Scheiwk vào thời Đại chiến*** (1920-1923). Nhà viết kịch Đức nổi tiếng Bertolt Brecht đã từng xác nhận ảnh hưởng của Hasek đối với sáng tác của bản thân ông. Hasek cùng sinh một năm với Kafka, cùng trưởng thành ở Praha, cùng nổi tiếng trên toàn thế giới chỉ sau khi đã mất. Cả hai đều độc đáo ở cách viết không theo tiêu chí truyền thống. Và bằng cách ấy họ gợi lên cảm nhận về tính chất phi lí của hiện thực, tới mức được coi như sự vượt lên trên cả "Đađa hài hước" (Hasek) lẫn "Đađa bi đát" (Kafka). Để rồi có những lúc kết hợp chúng với

(*) Claude Prévost: *Đi tìm Kafka*, tạp chí *Europe*. Tháng XI và XII năm 1971, tr.35-36.

nhau trong những sự thể hiện vừa mang tính chất uy mua grôtexcơ, vừa đầy tính bi kịch ở tác phẩm của hai tác giả này.

Đồng thời với sáng tác của các nhà văn trên, cũng phải kể đến hướng tiếp cận với cảm hứng cách mạng. Về thơ, ta có thể kể tên Vitezslav Nezval (1900-1958) mà sáng tác biến thiên theo một đường đặc biệt: ông phát triển từ cảm hứng vô sản sang chủ nghĩa siêu thực rồi lại trở về với thi ca chính trị trong thời kì chống phát xít, để kết thúc bằng trữ tình thuần túy riêng tư. Những tập thơ tiêu biểu nhất của ông là *Chiếc cầu* (1922), *Thơ Đêm* (1930). *Khúc ca hòa bình* (1950), *Hoa mua và thành phố* (1955). Về văn xuôi, đặc biệt ở Việt Nam, với xu hướng cách mạng, ta thường được biết tên tuổi của Julius Fucik (1903- 1943). Fucik đã từng là chủ bút báo *Quyền lợi Đỏ,* tờ báo Đảng đầu tiên đã ngợi ca Kafka khi nhà văn này chưa nổi tiếng. Là một phóng viên, Fucik chuyên viết tiểu luận, kí. Phóng sự nổi tiếng thế giới của Fucik, chính là tác phẩm cuối cùng, được viết trong một điều kiện đặc biệt đã biến cuốn "phóng sự" (như tên gọi *Reportaz* của nó trong văn bản gốc) thành một thiên anh hùng ca bất tử: *Viết dưới giá treo cổ* (1943).

Song nếu xét như một bối cảnh văn học, thì khi nói đến Kafka, B.Brecht, G.Benn, H.Mann(*) và một số nhà văn viết tiếng Đức nổi tiếng ở nửa đầu thế kỉ, chúng ta không thể không nói tới *chủ nghĩa biểu hiện.* Đây là một trào lưu nổi lên gần như ở toàn bộ những loại hình nghệ thuật khác nữa (hội họa, điện ảnh, vũ) của châu Âu, đặc biệt là ở Đức. "Nó trước hết là tiếng kêu đầy lo âu và nổi loạn của một lớp người trẻ tuổi trước tính chất bạo liệt và bùng nổ của văn minh châu Âu. Trong một xã hội cứ trôi tuột đi, điếc đặc và thản nhiên trước thảm họa, cần phải làm cho người ta nghe thấy mình

(*) Bertolt Brecht (1898-1956), Gottfried Benn (1886-1956), Henrich Mann (1871-1950): đều là nhà văn Đức.

hoặc phải nện khỏe: từ đó xảy ra những đặc trưng đầu tiên của chủ nghĩa biểu hiện trong văn chương, tính chất sơ đồ của những chủ đề và tính chất bạo liệt của phong cách viết (...). Văn xuôi của chủ nghĩa biểu hiện, ở hình thức tiểu thuyết, thường tìm cách lộn nhèo thời gian và địa điểm, thủ tiêu những nhân vật truyền thống"(*).

Nếu xét về mặt trào lưu, Kafka không hề đại diện cho một trào lưu nào, song người ta vẫn nhận thấy sự gần gũi của ông với chủ nghĩa biểu hiện ở đầu thế kỉ: những dấu hiệu của sự phủ nhận, bất lực trước sự tha hóa của con người, yếu tố kì ảo, sự lắp ghép hai bình diện, cái bình thường hằng ngày và logic của giấc mơ.

Franz Kafka (theo tiếng Đức) hoặc Frantisek Kafka (theo tiếng Tiệp) sinh ngày 3.7.1883 ở Praha. Đối với Kafka, hơn bất cứ một nhà văn nào khác, thật khó xác định một bối cảnh lịch sử xã hội truyền thống văn chương. Sở dĩ như vậy, chẳng những vì tính chất toàn thế giới, đa dạng và phong phú trong vốn văn học của ông, mà còn vì rất khó xác định rằng ông chỉ là kết tinh của một nền văn hóa Tiệp, Đức hay Do Thái. Về nguồn gốc, người ta xác định rằng ông là người Tiệp, gốc Do Thái, viết bằng tiếng Đức, có khi lại gọi ông là người Tiệp, gốc Đức... Vả chăng, tuy sinh trưởng ở Bohemia, nhưng thời thanh niên của ông lại rất gắn bó với Viên (lúc bấy giờ thuộc đế quốc Áo - Hung).

Bố của Kafka, do làm ăn khá giả, đã nhập vào cộng đồng người Đức sống ở Praha. Có thể coi đây là cộng đồng của một lớp hãnh tiến, có tước vị hoặc là đại tư sản, sở hữu các mỏ, đứng đầu các công ti sắt thép, các nhà máy sản xuất vũ khí thuộc hãng Xkôđa. Họ buôn nguyên liệu làm rượu mạnh có khi xuất sang tận Mĩ, sản xuất kinh doanh giấy, đường v.v... Kafka giữ lại ấn tượng rất sâu về sự đánh giá khắc nghiệt của

---

(*) *Bách khoa toàn thư Larousse omnis,* 1977, tr. 700.

cha đối với mình và về quyền lực của người cha. Bởi thế, sau này, những nhà phê bình phân tâm học thường giải thích nhiều môtip quan trọng trong tác phẩm của ông (như: đứa trẻ bị kết tội, hình ảnh kẻ ăn bám, lời phán quyết...) như những chấn thương (*trauma*) của tuổi thơ hằn lại trong tác phẩm.

Kafka được học hành ở trường Đức, bởi thế, viết văn bằng tiếng Đức. Và các nhà nghiên cứu Tiệp vẫn đánh giá rằng ông sử dụng tiếng Tiệp "một cách tuyệt vời". Những năm cuối đời, Kafka mới học tiếng Do Thái, song nền văn hóa và tín ngưỡng Do Thái vẫn phảng phất trong không khí của Kafka. Vào khoảng mười bốn, mười lăm tuổi, ông đã bắt đầu viết và bị gia đình chê bai. Ông theo học trường luật, có cảm tình với chủ nghĩa xã hội, dự các sinh hoạt của "Câu lạc bộ Thanh niên". Đỗ tiến sĩ luật năm 23 tuổi, ông đi làm ở Hội Bảo hiểm Công nhân, phụ trách việc đề phòng tai nạn lao động (sau này, vào năm 1963, ở Tiệp Khắc đã in tập *Thư của F. Kafka gửi Hội Bảo hiểm Công nhân vùng Bohemia* ở Praha bằng tiếng Tiệp trong nguyên văn). Lúc này, ông có tham dự một số sinh hoạt chính trị.

Từ 1909, ông đi du lịch nhiều nơi, đặc biệt là Pháp và Đức. Ông gặp và yêu Felice Bauer, người mà ông đã cắt đứt sau hai lần hứa hôn. Từ 1912, là thời kì ông viết những tác phẩm quan trọng. Từ 1914, đã có những phác thảo đầu tiên của *Lâu đài* và *Vụ án*. Sinh thời, tác phẩm của ông chỉ in ra rất ít: trừ một vài bài in trong tạp chí, chỉ có tập *Chiêm ngưỡng* (1913), *Lời phán quyết* và *Người đốt lò* (chính là chương một của *Nước Mĩ* (1913), *Biến dạng*[*] (1915), *Trại cải tạo*[*] và *Một người thầy thuốc nông thôn* (1919), cuối cùng là tuyển truyện *Một nhà vô địch về nhịn đói*[*] (1924).

---

[*] Trong *Tuyển tập tác phẩm* này Đức Tài dịch là *Hóa thân*.
[*] Trong *Tuyển tập tác phẩm* này Nguyễn Văn Dân dịch là *Trại lao cải*.
[*] Trong *Tuyển tập tác phẩm* này Nguyễn Văn Dân dịch là *Vô địch nhịn ăn*.

Từ 1917, ông bị ho ra máu, song vẫn tiếp tục viết. Ông lại gặp gỡ với một cô gái, song người cha phản đối cuộc hôn nhân này. Gặp và yêu Milena Jesénska, dịch giả một số tác phẩm của mình, Kafka cũng không thể kết hôn được vì nàng không li dị được với chồng. Lúc bấy giờ, bệnh ho lao còn là một nan y. Từ năm 1921, ông phải vào viện điều dưỡng ở Áo, ở Đức. Năm 1924, người ta mang ông về Tiệp, và ông mất ngày 3 tháng 6 ở Kirling, sau đó được chôn cất ở Praha. Ông mất sớm, vào lúc hơn bốn mươi tuổi trong một trạng thái bi đát về tinh thần. "Khi tâm hồn và trái tim không chịu nổi gánh nặng nữa, thì lá phổi phải gánh chịu lấy nửa phần để chia sẻ". Ông đã tiên cảm thấy những ngày đen tối sắp tới qua không khí nặng nề bao trùm trên Vương quốc Áo Hung lúc bấy giờ.

Sinh thời và trước lúc mất, theo lời Max Brod, Kafka có dặn ông là cần cất kín một số bài viết, hoặc đốt một số tác phẩm của mình. Tuy nhiên, Kafka đã không tự tay làm việc ấy: điều này chứng tỏ Kafka không hoàn toàn là người nghệ sĩ của một thế giới "không giao tiếp", đóng kín, như một số nhà nghiên cứu muốn chứng minh. Và ông cũng không hoàn toàn là nhà sáng tạo những "kiệt tác chưa ai từng biết". Ngay khi ông mất, dù tác phẩm chưa được dịch ra rộng rãi, thì ngoài một số nhà phê bình phương Tây, những nhà văn mác xít cũng đã đánh giá ông rất cao. Năm 1924, báo *Quyền lợi Đỏ* của Đảng Cộng sản Tiệp Khắc đã viết về ông: "Một nhà văn tiếng Đức đã từ giã chúng ta, một trí tuệ tinh tế và trong sạch, từng ghê tởm cái thế giới này và mổ xẻ nó bằng con dao không xót thương của lẽ phải. Kafka thâm nhập vào cơ chế xã hội, ông thấy nỗi đau của kẻ này, quyền lực và giàu sang của kẻ khác. Trong những bài viết của mình, ông tấn công vào kẻ mạnh của thế giới này bằng phương tiện trào phúng và bằng một hình thức chứa chất đầy hình ảnh". Milena Jesénska viết trên tờ báo *Nhân dân* tháng 6 năm ấy

rằng: "Những cuốn sách (của ông) đã để lại một ấn tượng về thế giới hoàn chỉnh đến nỗi người ta không thể thêm vào đó một chữ nào". Tới năm 1935, B.Brecht vẫn nhận định: "Đối với tôi, tôi ưa thích văn học Tiệp Khắc hiện đại nói chung hơn tất cả các nền văn học tư sản. Trong khi viết điều này, tôi nghĩ tới Hasek, Kafka và Bezruc".

Song nhiều tác phẩm quan trọng của ông chỉ in ra sau khi ông đã mất: *Vụ án* (1925), *Lâu đài* (1926), *Nước Mĩ* (1927). Toàn tập của Kafka in năm 1935-1937, bị bọn phát xít kết tội, thủ tiêu (cùng với những tác phẩm của Freud, B.Brecht v.v...). Tác phẩm của ông chỉ được giới thiệu ở nước ngoài và dịch thuật rộng rãi nhất là từ sau năm 1933. Từ 1939 ông đặc biệt có ảnh hưởng ở phương Tây, bởi theo ý kiến của nhiều nhà nghiên cứu, từ những năm ấy "thế giới bắt đầu giống như thế giới của Kafka". Michel Raimond viết: "Thế giới bắt đầu gặp gỡ Kafka, và định ngữ *K* rời bỏ lĩnh vực văn chương để áp dụng vào cuộc sống hằng ngày". Theo các nhà nghiên cứu này, câu cửa miệng người ta thường nói là: "Thật theo đúng kiểu Kafka!". Cũng chính vì thế, lịch sử phê bình Kafka dường như chỉ phát triển sau khi ông đã mất. Từ 1939, người ta thấy bắt đầu xuất hiện "thế giới Kafka", khi con người chỉ còn là một con số trong các trại tập trung phát xít, khi thế giới phương Tây đột nhiên phát hiện ra ung nhọt vô phương cứu chữa ở cái thân thể tưởng như tráng kiện của mình, khi một sáng nào đó, những gã áo đen (hoặc áo nâu, tùy theo đồng phục kiểu phát xít Đức hay Ý) xuất hiện ở ngôi nhà mình ở, và thế là: "Anh đã bị kết tội" (*Vụ án*). Người yêu của Kafka, Milena chết trong trại tập trung của bọn phát xít năm 1944. Các em gái của Kafka, bạn bè thân thiết của ông cũng trở thành những nạn nhân của chúng. Năm 1945, Praha nổi dậy, được sự hỗ trợ của Hồng quân, đã tự giải phóng, và Chiến tranh thế giới lần thứ hai cũng kết thúc. Năm 1946, Tiệp Khắc lập

tức in tập *Tác phẩm* của Kafka. Từ 1951, một số thư từ và ghi chép của Kafka được in thành tập: ***Nhật kí từ 1910-1923*** (in năm 1951), ***Thư gửi Milena*** (1952), ***Hội hè ở nông thôn***(*) (1953), ***Thư từ viết từ 1902-1924*** (1958), ***Thư gửi Felice Bauer*** (1967).

Kafka, sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, được coi như "một phát hiện" đối với thế giới phương Tây, dù một phần tác phẩm của ông đã nổi tiếng từ lúc ông còn sống, như đã nói trên. Sự tiên cảm của Kafka đối với số phận bi đát của con người không phải là một huyền thoại. Chính Bertolt Brecht cũng đã nhận định rất sớm về Kafka, không hề sợ bị "phạm húy" như một số nhà phê bình tự nhận là mác xít sau này: "Người ta tìm thấy ở ông ta, đằng sau những hóa trang rất kì cục, những linh cảm về nhiều điều mà vào thời kì những cuốn sách của ông xuất hiện thường chỉ có một vài người nhận thấy mà thôi" (Bertolt Brecht, *Viết về nghệ thuật*).

Ngoài ra, do việc nhiều nhà văn hiện sinh, đặc biệt từ sau 1950, đem gắn liền tên tuổi của Kafka với những khuynh hướng suy đồi, coi Kafka như ông tổ của họ, nên một số nhà văn mác xít, trong khi tiến hành cuộc đấu tranh chống lại việc "huyền thoại hóa" Kafka, cũng có những phản ứng cực đoan. Trong những năm 60, đã có những hội nghị quốc tế bàn về Kafka (Hội thảo Liblice năm 1963; hội thảo Tây Berlin, 1966). Ngay trong các nhà mác xít, ý kiến về Kafka cũng có những mâu thuẫn. Tổng kết về tình hình ấy, Claude Prévost nhận xét: "Giới phê bình phương Tây, trong khi ấn cho Kafka một thế giới quan sao chép từ chủ nghĩa phi lí sau đại chiến đã khuyến khích sự phê bình nọ" (ý nói sự bài bác Kafka ở một số nhà mác xít).

Tuy vậy, với thời gian, khi những tranh cãi đã lắng đọng lại, ngay cả một số nhà nghiên cứu Xô Viết cũng thừa nhận

(*) Có bản dịch là *Đám cưới ở nông thôn*.

rằng ở những tác giả như Kafka "theo cách riêng của tác phẩm, vẫn vang vọng những vấn đề sôi nổi của thế kỉ"(*).

Tới 1981, theo sự tổng kết của Yves Gilli, nếu chỉ tính trên nhan đề, đã có hơn 5000 công trình viết về Kafka(*). Cho tới nay, người ta cho rằng sở dĩ Kafka có thể luôn đặt ra những vấn đề mới, có khi những đánh giá rất trái ngược nhau, là bởi lối viết độc đáo của ông khiến người đọc có thể bóc những tầng ý nghĩa khác nhau, đó là một "tác phẩm mở", theo lối gọi của nhà kí hiệu học Umberto Eco. Điều lạ lùng là tính chất phức tạp ấy lại được gợi lên từ những tác phẩm viết một cách đơn giản đến mức thoạt nhìn tưởng nhàm chán, và ngày nay một số bản dịch hãy còn phải làm lại, để nổi bật nét đó trong nguyên bản của Kafka"(*).

Ở Kafka, còn một khó khăn nữa trong việc nghiên cứu đó là: gần như các tiểu thuyết đều chưa hoàn thành, lại xuất bản sau khi nhà văn mất, khiến một số chương ở đó trình tự sắp xếp không hẳn là của Kafka. Bên cạnh đó, trình tự xuất bản không đi theo thời gian sáng tác khiến việc xem xét tư tưởng nghệ thuật trong sự phát triển, biến đổi của ông rõ ràng là khó chính xác và không thể lấy đó làm những cái mốc cho một trình tự phân tích tác phẩm.

II - Biến dạng: *Đề tài, môtip và những vấn đề của con người hiện đại - uy mua đen*

Trong số những tác phẩm xuất bản lúc sinh thời của Kafka, cuốn *Biến dạng* được coi như "tác phẩm có sức mạnh nhất của

(*) Motileva: *Tiểu thuyết nước ngoài hôm nay*, Nhà văn Xô Viết, Maxcova, 1966, tr. 129.

(*) Yves Gilli: *Kafka, những hướng tiếp nhận mới* trong *La Pensée*.

(*) Xem Kundera: *Những di chúc bị phản bội*, Gallimard, Paris, 1993, (bản tiếng Pháp).

văn học Đức hiện đại" (Milena Jesénska). Cho tới nay, tác phẩm ngắn cỡ truyện vừa ấy vẫn chưa cạn hết ý nghĩa với người đọc, với các nhà phê bình.

Ông viết tác phẩm này khi trong đời sống riêng tư có chuyện tình với Felice Bauer, người mà sau này ông còn ghi lại trong nhật kí: "Thế giới mà Felice là người đại diện - và cái Tôi của tôi xé rách cơ thể tôi trong một cuộc đấu nan giải". Tên của nhân vật chính Samsa được coi như một sự láy lại tên Kafka. Bởi thế, có những người đã đọc cuốn truyện này như một cuốn tự truyện, bao hàm cả môtip thường hấp dẫn những nhà phân tâm học: xung đột cha và con, mặc cảm tội lỗi của Kafka.

Mặt khác, các nhà triết học hiện sinh như Sartre và Camus, cũng như một số nhà phê bình xã hội đều gặp gỡ ở điểm coi tác phẩm này như một phúng dụ về thân phận con người. Quả vậy, nhan đề của truyện đã gợi lên một môtip ám ảnh văn chương hiện đại. "Lo âu, thường biến và tha hóa là những từ vựng cơ bản của thời đại" (Germaine Brée).

Nếu xét về đề tài, cốt truyện thì trong truyền thống, câu chuyện về biến dạng, hóa thân không phải là xa lạ, đặc biệt đối với huyền thoại và văn học dân gian. Song dấu vết tinh tế hàm ẩn cái bi đát trong vấn đề triết lí, nhân sinh của thế giới hiện đại phương Tây nằm ở cái chu kì không hoàn trả lại cái kiếp ban đầu qua *Biến dạng* của Kafka. Thông thường, chu kì hóa kiếp có thể là:

Vật - Người - Vật.

(Vật = Cá, cáo, hổ tinh, gấu v.v... hoặc đồ vật)

hoặc:

Người - Vật - Người

hoặc:

Tiên - Người - Tiên (hoặc ngược lại: Người - Tiên - Người).

Nhưng chu kì hóa thân của Gregor Samsa trong *Biến dạng* đã khép kín, vô vọng: Người - Bọ - Cái chết.

Một số nhà hiện sinh hoặc người đọc đi tìm ý nghĩa siêu hình của câu chuyện, còn phát hiện qua đây những ý nghĩa xã hội gắn với con người hiện đại hơn. Hiện tượng vật hóa của Gregor là một hình tượng cụ thể hóa điều đã xảy ra trong con người xã hội của anh trước đây: sự tha hóa. Song chưa phải đã hết. Hiện tượng vật hóa lại chính là cái mốc khởi đầu sự phát hiện, "bừng ngộ" của Gregor: anh bắt đầu ý thức về cái thân phận của mình trước đây, một cuộc sống mà tới nay, khi hóa thành bọ, anh mới bắt đầu đặt những câu hỏi về nó. Trạng thái này rất gần với điều mà các nhà hiện sinh gọi là "sự thức tỉnh triết học". Thậm chí có nhà nghiên cứu còn đặt thêm một song đề thứ ba nữa: Bừng ngộ / giải thoát.

Chính sự giản dị, trần trụi nhưng đồng thời mơ hồ, khó nắm bắt ở tác phẩm khiến cho người đọc từ đó có những kiến giải khác nhau về một câu chuyện hoang đường phi lí đến như vậy, để rồi từ đó đi đến chỗ tranh cãi xem Kafka, với song đề "Vật hóa / tha hóa; Vật hóa / bừng ngộ và Bừng ngộ / giải thoát" đã đặt ra một ý nghĩa nhân sinh tích cực hay tiêu cực. Hơn nữa, nếu đặt tác phẩm trong toàn bộ hệ thống sáng tác của nhà văn, thì ông quả đã có một sự thể nghiệm chua chát chẳng những về sự tha hóa, bất lực của con người mà cả về tự do và cách mạng. Ông đã từng ghi lại: "Ở cuối mỗi một chặng đường cách mạng chân chính, lại xuất hiện một Napoléon. Lũ lụt càng lan rộng thì mặt nước càng phẳng lặng và càng đục. Làn sóng cách mạng rút đi, chỉ còn lại chế độ quan liêu mới!".

Tuy nhiên, nếu nói rằng dường như đối với Kafka, con người không xứng đáng có một số phận tốt đẹp hơn, rằng chỉ trong biến dạng, tha hóa, con người mới thực sự trở lại với bản thể của mình, mới "bừng ngộ", thấy được kiếp sống vô nghĩa của mình trước đây, thì cách đánh giá ấy cũng không phù hợp hoàn toàn với hình tượng nhân vật. Trong Gregor,

có một quá trình vật hóa, nhưng cốt truyện và tình tiết (vẫn còn tồn tại rõ nét ở tác phẩm này) cũng chứng minh một quá trình ngược lại: sự cưỡng lại với việc biến dạng. Điều này đã khiến cho trong khi kể chuyện, Kafka hay xen vào đó những đoạn tiếp cận với độc thoại nội tâm miêu tả được sự cưỡng lại quá trình biến dạng, và khát vọng trở lại kiếp người của Gregor Samsa. Đoạn văn sau đây vừa kể, vừa tả, hướng tới độc thoại nội tâm đã khiến điểm nhìn được đặt từ bên trong, thể hiện nhân vật với tất cả chiều sâu của nó. Khi nghe mẹ bàn với em gái rằng: "Nếu ta dọn sạch đồ đạc đi như thế này, ta có vẻ như nói lên rằng chúng ta từ bỏ hi vọng thấy anh con khỏi bệnh và bỏ mặc anh con trong cảnh ấy", Gregor đã phản ứng như sau:

"Nghe lời mẹ nói, Gregor nhận ra rằng hai tháng sống tẻ nhạt chẳng hề ai nói với anh lấy một câu hẳn đã khiến đầu óc anh rối loạn: anh chẳng thể giải thích việc mình tự nhiên muốn có một căn phòng trống bằng lí lẽ nào khác được. Có thật anh vẫn khát khao để mặc cho người ta biến căn phòng ấm áp, đầy đủ đồ đạc tiện nghi này thành một hang hốc, ở đó anh sẽ trả giá niềm quên lãng chóng vánh toàn bộ kiếp người của mình bằng cái quyền được chạy nhung nhăng trên các bức tường hay chăng? Ấy bởi vì niềm quên lãng đã tác động, và để dứt mình khỏi trạng thái u mê, dẫu sao vẫn phải có giọng nói của mẹ anh mà lâu nay anh chẳng được nghe thấy. Không, đừng khuân gì đi hết, tất cả đều phải ở chỗ cũ, anh chẳng thể nào thiếu được tác động tốt lành của các đồ đạc của mình và nếu chúng ngăn anh không tự buông thả theo những cuộc bò lê lang thang, thì đó chẳng phải là điều xấu, mà là một việc tốt"(*).

(*) Tất cả các đoạn dịch truyện ngắn ở bài viết này đều do Đặng Anh Đào dịch theo bản tiếng Pháp trong tập *La Métamorphose* (bản dịch của A. Vialatte), Gallimard, Paris, 1955.

Hoặc đoạn kể - tả - độc thoại nội tâm sau đây, khi Gregor nghe em gái chơi đàn cho ba người khách trọ nghe:

"Chẳng lẽ anh chỉ là một con vật ư? Điệu nhạc ấy khiến anh xúc động biết mấy. Anh có một cảm giác như có một con đường mở ra cho anh đi tới cái thứ thức ăn chưa từng biết mà anh hằng khao khát. Anh quyết định rẽ một con đường đi tới tận chỗ em gái và kéo áo cô em để khiến cô hiểu được rằng cần phải vào trong phòng anh bởi chẳng có ai ở đây biết đền đáp lại âm nhạc của cô bằng sự chiêm ngưỡng giống như anh".

Như vậy, không thể khẳng định rằng qua Gregor, Kafka muốn gửi gắm một thái độ cam chịu hoàn toàn, huống chi, càng không thể đồng nhất toàn bộ thái độ của nhân vật với thái độ của tác giả trước sự biến dạng, trước vấn đề tha hóa. Cái nhìn bi quan ở đây nếu có thì chủ yếu nó toát lên qua màu sắc siêu thời gian, phi lịch sử của áng huyền thoại. Dường như qua số phận của một con người bé nhỏ, "Ông đã muốn miêu tả thân phận con người" (Sartre). Hiện tượng đường viền lịch sử bị xóa mờ đã gợi lên một cảm quan bi đát, một sự bất lực, một căn bệnh vô phương cứu chữa.

Nét độc đáo nữa so với huyền thoại cổ xưa là ở đây, cái kì ảo, quái dị không chủ yếu do dạng thái vật chất, hình thức (người biến thành bọ) mang lại. Trạng thái lo âu, bất ổn toát lên từ câu chuyện chính là ở chỗ cái quái đản "trở thành hết sức tự nhiên. Nó được cảm nhận từ bên trong" (Roger Nimier). Phản ứng của mỗi người trước việc Gregor biến thành bọ tuy có khác nhau về mức độ, nhưng sự chấp nhận vẫn có cái gì đó rất tự nhiên. Đối với nhân vật chính, có lẽ việc đó cũng không khác gì một cơn ác mộng kéo dài, và chính anh cũng nghĩ rằng chẳng thể nào "thức giấc dậy khỏi cơn ảo giác". Nó là một loại giấc mơ ban ngày, vậy thôi!

Cái khủng khiếp đan cài với cái thường nhật, tạo thành một không khí bi đát kệch cỡm rất độc đáo của tác phẩm Kafka mà người ta thường gọi là "uy mua đen". Mở đầu

truyện, tác giả tả tỉ mỉ cái tư thế bất tiện của Samsa khi đã biến thành bọ: đã bị lật ngửa lên rồi, nó rất khó lật mình trở lại. Đã vậy, Samsa vẫn nghĩ đến "cái nghề nghiệp chết tiệt" của mình, lo gượng dậy để... ra tàu cho đúng giờ, và tuôn ra một tràng lời lẽ hùng hồn để cãi lại lão quản lí dù anh nghe thấy giọng của mình đã biến thành "một thứ tiếng chút chít khổ sở" v. v... Phản ứng của những khách trọ trong nhà khi thấy Gregor bò ra phòng ăn cũng gợi lên màu sắc "uy mua đen". Người đầu tiên nhìn thấy anh "quay về phía bạn của ông ta đầu lắc lư". Ông bố hốt hoảng, "mặc dù mấy vị này chẳng hề có vẻ bị xúc động vì cảnh tượng ấy và thậm chí có vẻ như Gregor còn làm họ thú vị hơn là đàn viôlông"!...

Sự đan cài giữa uy mua và cái quái dị tạo nên không khí đặc biệt của *Biến dạng*, song nét này cũng đã tiềm tàng trong nghệ thuật của nhiều nhà văn lớn, đặc biệt ở thế kỉ XX. Định nghĩa về uy mua, Escarpit cho rằng: "Đó là sự sử dụng vừa có tính nghệ thuật, vừa có tính tư tưởng cái cực đoan". Và ở thế kỉ XX "nó cặp kè với cái phi lí... Đó là ngôn ngữ của một thứ lo âu đang cưỡng lại với chính mình"[*].

Sự đan cài cái quái đản với cái thường nhật khiến từ tác phẩm người ta suy diễn ra một ý nghĩa tư tưởng nữa: cái phi lí đã trở thành cái bình thường hàng ngày.

Nếu ở *Biến dạng*, tác phẩm còn dễ tiếp cận bởi những ý nghĩa gợi lên - dù rất khác nhau, ta vẫn có thể bám chặt một phần nào vào một số nét trong lối kể chuyện truyền thống (có cốt truyện), cái hoang đường quái dị còn nằm ở cái vỏ vật chất, hình thức, thì ở những tác phẩm khác, cảm giác về cái quái dị, tính chất khó nắm bắt ở những "huyền thoại" Kafka phát triển đến mức gây một cảm giác bất ổn và tạo nên những tiếng nói rất khó xác định.

---

[*] Robert Escarpit: *Uymua và văn học, Đại bách khoa toàn thư,* Larousse, 1974, t.10, tr. 6055.

III - Truyện ngắn của Kafka: Một người thày thuốc nông thôn *và vấn đề huyền thoại*

Một nét độc đáo trong sáng tạo của Kafka là có một số truyện cực ngắn, trên dưới hai trang giấy khổ 11 x 17 như *Một bức thông điệp của Hoàng đế*(*) hoặc *Đứng trước pháp luật*(*) (khi xuất bản *Vụ án*, truyện này được ghép thành một truyện kể ở tầng thứ hai trong cuốn tiểu thuyết này), hoặc thậm chí có truyện chỉ dài có mấy dòng (*Làng gần nhất*). Những truyện này đã chứa đựng một nét độc đáo trong nghệ thuật kể chuyện của Kafka và sẽ phát triển trong văn học hiện đại.

Nét độc đáo đầu tiên là tính chất không có cốt truyện, hoặc cốt truyện rất đơn giản. Tiểu thuyết của Kafka vì thế rất khó tóm tắt, còn truyện ngắn lại giống như một bài thơ. Truyện *Làng gần nhất* là một trường hợp tiêu biểu.

"Ông tôi thường hay nói: Cuộc đời ngắn ngủi đến kì lạ. Trong kí ức của ông, giờ đây nó thu nhỏ mình lại đến mức thật khó hiểu nổi vì sao một chàng trai lại có thể quyết định đi ngựa tới làng gần nhất mà không e ngại - cứ cho là không gặp tai nạn gì đi nữa - rằng một kiếp sống bình thường và trôi chảy cũng còn khó mà đủ để cho cuộc du lãm ấy".

Song dấu ấn độc đáo chung cho các tác phẩm của Kafka, chính là nét nghệ thuật dễ nhận thấy ở *Biến dạng*, và bàng bạc ở các truyện trên đây: gần như không phải là một hình ảnh quái dị hoang đường mà là một trạng thái cảm nhận về cái phi lí, tác phẩm mà sinh thời, Kafka đã xếp vào loại mấy truyện ngắn giá trị nhất là *Một người thày thuốc nông thôn. Ở Biến dạng*, ngoài hình tượng người biến thành bọ bao trùm toàn bộ câu chuyện, hiện tượng bất bình thường, phi lí được

(*) Trong *Tuyển tập tác phẩm* này Đào Thu Hằng dịch là *Thông điệp của Hoàng đế*.

(*) Trong *Tuyển tập tác phẩm* này Nguyễn Văn Dân dịch là *Trước cửa pháp luật*.

chỉ rõ ngay từ đầu: "Một buổi sáng, sau một giấc mơ hỗn loạn, Gregor Samsa khi tỉnh dậy đã hóa thành một con bọ thực sự". Còn ở *Một người thày thuốc nông thôn*, gần như không có một chi tiết nào thật sự là huyền thoại ở cái vỏ vật chất của nó. Tuy nhiên, truyện ngắn được đặt tên như sự lặp lại một tiểu thuyết Balzac này (cuốn tiểu thuyết kia chỉ thiếu có mạo từ "Một") vẫn giống như một phần tiểu thuyết hiện thực chủ nghĩa theo kiểu Balzac. Sở dĩ như vậy, chính là do màu sắc phi lí - không hẳn nằm ở hình thức quái dị - vẫn bàng bạc toát ra như một sự cảm nhận, một trạng thái tinh thần. Và nghịch lí chính là ở chỗ: một sự dao động, không rõ rệt trước ranh giới của cái phi lí và cái có thực. Một sự cảm nhận gần như bình thường trước cái không bình thường.

Vì vậy, ở truyện ngắn *Một người thày thuốc nông thôn* (1919), tính chất hỗn hợp, xóa nhòa ranh giới giữa cái bình thường và dị thường còn rõ nét và tiêu biểu hơn ở *Biến dạng*. Ở đây, không còn ai có một phản ứng gì trước những điều khác thường. Nhân vật chính, đồng thời là người kể chuyện, xuất hiện ở ngôi thứ nhất. Người thày thuốc ấy chờ mãi một con ngựa để thắng vào cỗ xe của mình, bởi trong đêm giá lạnh ông cần ra đi cứu một người bệnh nặng ở một làng cách đó mười dặm. Đột nhiên ông phát hiện thấy trong chuồng lợn bỏ hoang lâu ngày một gã phu ngựa "bò bốn chân ra khỏi đó". Rồi hai con ngựa "lấp kín cửa chuồng" và khi ra ngoài sân, chúng "vươn thân hình tỏa ra khói". Vậy mà cả người thày thuốc lẫn cô hầu gái đều chấp nhận chuyện đó hết sức tự nhiên. Cô hầu gái nói rất bình thản: "Chả ai biết được trong nhà mình có chứa thứ gì khi thấy gã mã phu bò bốn chân chui ra!". Khi người thày thuốc còn ngần ngại vì gã phu ngựa ở lại nhà ông để trêu chọc cô hầu gái thì "hắn vỗ tay và như thế là chiếc xe đã bị cuốn đi, như một mẩu gỗ cuốn giữa thác nước" nhanh đến nỗi "có thể nói rằng từ ngôi nhà của người ốm cửa mở thông ngay sang nhà tôi". Tới nhà người bệnh, những con

ngựa đứng ngoài sân thò đầu vào cửa sổ để quan sát cảnh trong nhà! Đối thoại của thầy thuốc và bệnh nhân chuệch choạc, trật khớp và đầu đuôi tự mâu thuẫn. Ông thầy thuốc bảo "Cậu này khỏe mạnh", rồi đột nhiên lại phát hiện thấy một vết loét khủng khiếp trên mình cậu ta, đầy giòi: "Chàng trai này ốm rồi". Bệnh nhân nói: "Bác sĩ, xin hãy mặc cho tôi chết", rồi lại khóc lóc hỏi: "Ông có cứu tôi không?". Bọn người nhà và các bô lão trong làng lột hết quần áo của người thầy thuốc, trong khi bọn học trò, và thầy giáo làng hát một khúc ca ngây ngô... Đó là chuyện ngớ ngẩn hay một lễ tiết, nghi thức tôn giáo? Cách kể chuyện của Kafka khiến người đọc không thể xác định được.

Độc thoại nội tâm của người thầy thuốc vẫn cứ tiếp tục một cách vừa bình thường vừa khó hiểu như vậy: "Tội nghiệp cho thằng bé, chẳng ai có thể làm gì được cho mày. Tao đã phát hiện ra vết loét to tướng của mày, mày sẽ chết vì cái bông hoa nằm giữa sườn của mày"... Cuối cùng, người thầy thuốc mừng rỡ vì thấy ngựa vẫn còn bên cửa sổ và lại lên đường ra về "giữa cái bãi sa mạc của tuyết ấy".

Thế nhưng lần này cái khoảng cách mà trước đó, người thầy thuốc vừa nói rằng nó ngắn tới mức nó như "từ ngôi nhà của người ốm cửa mở thông ngay sang nhà tôi" ấy, nay lại không bao giờ vượt qua được: "Thế là tôi chẳng bao giờ về tới nhà, tôi mất sạch đám khách hàng béo bở, một kẻ thế chân tôi sẽ nẫng hết của tôi, nhưng chẳng ăn thua gì vì hắn chẳng thể thay thế tôi được; trong nhà tôi, thằng phu ngựa tha hồ tung hoành; Rosa là nạn nhân của nó, tôi chẳng muốn nghĩ tới chuyện ấy. Trần truồng, phơi mình giữa giá lạnh của cái thời tiết bất hạnh này, trên cái xe trần thế và những con ngựa siêu phàm, tôi đi lang thang, cái thân già lão này. Chiếc áo choàng vắt sau xe, tôi chẳng thể nào với tới được và chẳng một ai trong lũ bệnh nhân tráo trở khốn kiếp ấy thèm nhúc nhích một li. Bị lừa rồi! Bị lừa rồi! Chỉ cần một lần: mình nhầm nhỡ

nghe theo tiếng chuông bấm trong đêm... thế là không bao giờ cứu vãn được nữa".

Trong phần cuối của đoạn trích này, có một sắc thái mà khi dịch sang tiếng Việt, ta không thể lột tả hết được: đó là toàn bộ động từ của đoạn này đặt ở thì hiện tại trong khi toàn bộ câu chuyện vẫn có xen kẽ thì quá khứ, theo quy ước kể chuyện của một số ngôn ngữ châu Âu (Đức, Pháp, Anh, Nga v.v...). Sự lạ hóa về mặt ngôn ngữ này, trước hết, gợi lên một không khí huyền thoại. Theo Etiemble, nhà nghiên cứu về huyền thoại, thì đây là một nét đặc trưng thời gian: "Giống như ở những huyền thoại, những biến cố trong các truyện kể hoặc truyền thuyết đều được xác định trong một hiện tại vĩnh cửu"(*). Động từ ở thời hiện tại còn mang sắc thái tu từ: diễn đạt những hiện tượng có tính quy luật, vĩnh hằng. Ở đây, nó gợi lên ý nghĩa về một thực tại đang tiếp tục, có ý nghĩa khái quát cho thân phận con người.

Cảm nhận với thời đại "bất hạnh", về căn bệnh "vô phương cứu chữa", về thân phận con người trong câu chuyện lại đan cài với những tính toán trần tục, nực cười thảm hại về "đám khách hàng bị mất sạch", về "Kẻ thế chân mình", về gã phu ngựa đang tán tỉnh cô hầu gái. Một con người "trần truồng" với một tấm áo choàng rất trần thế (vắt ngay sau lưng) song lại cũng rất siêu thường ("tôi chẳng thể nào với tới được"), một động tác bình thường - chỉ một lần nghe thấy tiếng chuông gọi trong đêm vậy mà rồi mọi chuyện trở thành vô vọng...

Đây cũng là một nét khác biệt với huyền thoại cổ xưa. Theo Dolezel, huyền thoại xưa xây dựng trên một thế giới hư cấu "gồm hai lĩnh vực hoàn toàn tách riêng, một thế giới tự nhiên và thế giới siêu nhiên" (gồm những lực lượng đã nhân hóa). "Lĩnh vực tự nhiên được tác động bởi ý chí tối cao của lĩnh vực siêu nhiên, trong những điều kiện nhất định, những tác nhân

(*) Etiemble: *Lịch sử các nền văn học,* Gallimard, Paris, 1956, t.1, tr. 10.

siêu việt can thiệp vào công việc của thế giới tự nhiên, gây nên những hiện tượng siêu phàm". Còn ở Kafka không khí kì lạ, khác thường không nằm rõ rệt ở tác động của lĩnh vực siêu nhiên, bởi ranh giới không còn rõ rệt nữa: xuất hiện cái mà Dolezel gọi là thế giới "tạp chủng". "Thế giới tạp chủng của Kafka là một sự biến đổi kết cấu của thế giới huyền thoại. Sự biến đổi chính là ở chỗ ranh giới giữa những vùng tự nhiên và siêu phàm bị xóa nhòa và ở việc trung hòa sự đối lập về kiểu thức giữa chúng".(*)

Có điều, ở những nghệ sĩ lớn như Kafka, một dấu hiệu độc đáo của nghệ thuật không bao giờ đơn giản chỉ giới hạn trong vấn đề hình thức. Cũng như ở ***Biến dạng***, thế giới tạp chủng ở đây giống như một thể nghiệm của con người ở thế kỉ XX; có những thời điểm trong lịch sử con người, cái quái đản, phi lí đã trở thành cái bình thường hằng ngày. Yếu tố nghệ thuật ở Kafka không bao giờ chỉ là chuyện hình thức.

IV - Nước Mĩ: *Tính chất để ngỏ của tiểu thuyết Kafka*

Không những chỉ truyện ngắn, truyện vừa mà ngay cả tiểu thuyết Kafka cũng mang tính chất mở, trước hết theo nghĩa: hé ra những cách hiểu, tiếp nhận rất khác nhau và khó vắt kiệt ý nghĩa của tác phẩm.

Với tiểu thuyết của Kafka, tính chất trên lại càng dễ có điều kiện để phát triển: ba cuốn tiểu thuyết của Kafka, được coi như những kiệt tác, đều ít nhiều chưa hoàn thành. Đó là: *Nước Mĩ, Lâu đài, Vụ án*. Riêng trường hợp *Vụ án,* nó hơn các cuốn kia ở chỗ có một kết thúc, song cũng chưa có thể coi là thật sự hoàn chỉnh.

Nước Mĩ có phần khác với hai truyện kia trước hết ở không

(*) L.Dolezel: *Thế giới hư cấu theo kiểu Kafka,* in trong *Littérature,* số 37, Larousse, 1985, tr. 84.

khí câu chuyện: phần đã in được coi như cuốn tiểu thuyết tươi vui, trong sáng nhất của ông. Max Brod còn khẳng định rằng, kết thúc của nó có hậu. Trong lời bạt cho cuốn này khi xuất bản lần thứ nhất (lúc ấy Kafka đã mất), Max Brod viết: "Kafka dường như mỉm cười hứa hẹn rằng nhân vật trẻ tuổi của ông sẽ được vận may run rủi kiếm được tại cái sân khấu gần như không giới hạn kia cả nghề nghiệp, tự do, sự giúp đỡ của họ hàng"(*). Song đó có thể chỉ là một dự định mà nhà văn đã tâm sự với bạn. Ngược lại, trong *Nhật kí* viết ngày 30.9.1915, dự kiến về kết thúc nhân vật chính, ông lại ghi "Rossmann và K, kẻ vô tội cũng như người có tội, cả hai rút cục sẽ bị trừng trị tội chết không khác nhau, kẻ vô tội do một bàn tay nhẹ nhàng hơn, được gạt sang bên lề chứ không phải là bị quật chết". Dẫu sao thì từ toàn bộ câu chuyện, vẫn toát lên một không khí trẻ trung tươi mát hiếm thấy trong tác phẩm Kafka, có lẽ nhân vật chính của câu chuyện còn rất trẻ và ngây thơ. Khi viết truyện này, Kafka nói rằng ông đã cảm hứng từ Dickens.

Cảm giác ấy có lẽ còn gợi lên do một yếu tố trong nghệ thuật kể chuyện: đây là câu chuyện trong sáng nhất của ông, bởi tính chất có cốt truyện còn rất rõ, nó không quẩn quanh mù mịt, giống như trong một mê cung mê thất, theo kiểu *Vụ án* và *Lâu đài*. Tuy vậy, tác phẩm được coi là trong sáng, cổ điển nhất trong ba cuốn tiểu thuyết của Kafka vẫn được đọc qua nhiều tầng ý nghĩa khác nhau.

Karl Rossmann, nhân vật chính của câu chuyện, chưa đầy mười sáu tuổi, bị bố mẹ gửi sang Mĩ, vì cậu đã để cho một người hầu gái lôi vào phòng, quyến rũ cậu làm những việc mà bản thân cậu cũng không hiểu rõ lắm. Con tàu vừa đi vào cảng New-York, ánh sáng chói lòa chiếu từ pho tượng thần Tự Do đã khiến cậu tưởng như nhìn thấy cánh tay của pho tượng đang

(*) Max Brod: *Lời giới thiệu* in trong *Nước Mĩ*, Gallimard, 1946, tr. 8.

hươ thanh kiếm lên. Cậu bé tiếp xúc với nhiều người trên cái xứ sở lạ lùng ấy. Những thói quen kì quặc của họ - đặc biệt là ông chú triệu phú, người bạn già của ông cùng con gái của ông này - cũng như thói độc ác của hai người bạn đường lúc cậu lang thang cùng họ đi tìm việc, khiến Rossmann không thể giải thích được. Và điều ấy càng làm nổi bật tâm tính thơ ngây, dễ cảm của Rossmann. Nét độc đáo của Rossmann chính là ở điểm đó. Có nhà phê bình đã từ nhân vật này liên tưởng tới Charlot nổi tiếng của điện ảnh: dù lúc này anh hề Charlot chưa xuất hiện, nhưng dáng dấp ngây thơ và tâm hồn trong sạch của cậu bé giữa một thế giới đông đúc, ở đó con người cô đơn đến cực độ dường như đã báo trước nhân vật kiểu Charlot (vả chăng, cuối cùng cái nghề mà Rossmann tìm đến cũng tương tự: anh đã nhập vào một đoàn biểu diễn sân khấu ở cuối tác phẩm). Do phải đi khỏi nhà ông chú triệu phú ở Mĩ, anh tìm tới khách sạn "Phương Tây" để xin việc. Ở chốn náo nhiệt ấy, Rossmann được nhận chân gác thang máy, tìm được tình bạn, sự giúp đỡ. Nhưng rồi cũng vì lòng tốt, cậu lại bị hai gã bạn cũ gặp trên dọc đường lang thang trước đó đánh lừa. Cậu bị kết tội oan, bị đuổi việc. Chúng biến cậu thành một thằng nhỏ bị giam lỏng, để hầu hạ chúng và hầu hạ Brunelda - người tình đồng thời là bà chủ của một trong hai gã bụi đời ăn bám đó. Để đối phó lại sự độc ác, cậu chỉ có mỗi nỗi ngạc nhiên và sự vô tội của mình. Nơi giam lỏng cậu là một gác trọ kì quái, nơi mà chỉ một tấm thân đồ sộ của Brunelda, nữ ca sĩ về già, cũng đủ để lấp kín cái ban công nhìn thông ra thế giới bên ngoài. Có một nét gì đó, vừa quái gở vừa rất thực, khi điểm nhìn bị thu hẹp lại ở cái thế giới chật hẹp ấy của Karl Rossmann: thân hình phì nộn của cô đào hát quấn đầy quần áo hóa trang, ánh đèn thắp ở bao lơn bên cạnh, nơi một anh sinh viên nghèo láng giềng thức suốt đêm này qua đêm khác để học, và cuộc biểu tình với những trò quảng cáo mị dân của các đảng phái chính trị đang diễn ra ở dưới mặt đường... Khi thoát khỏi tay hai thằng lưu manh, cậu

lại lên đường tìm việc trên những ngả đường của nước Mĩ, và chạy theo rạp hát di động Okhlahoma. Câu chuyện bị bỏ dở ở đoạn cậu tìm thấy lại được một số bạn cũ, hi vọng được nhận vào cái rạp hát ngoài trời đặc biệt với một sân khấu hùng tráng, dàn cảnh bao la, gồm những đội ca múa hàng trăm người trong đó có cả cô bạn gái thân thiết của cậu...

Câu chuyện với những tình tiết sáng rõ ấy vẫn được đọc theo những tầng ý nghĩa khác nhau.

Theo sự tổng kết của Y.Gilli năm 1981, đã có ít nhất 5 cách tiếp cận khác nhau nếu chỉ kể một vài cách đọc chính. Có người đã đọc qua đây những ý nghĩa triết lí siêu hình: Tân thế giới là biểu tượng của Tân Ước, Rossmann là sự vươn tới nhà thờ Gia Tô giáo... Có người đọc qua số phận của Rossmann sự thể nghiệm về cái phi lí. Có người đọc theo lối phân tâm học, tìm thấy ở đây sự đối lập giữa Kafka và người cha. Các nhà ngôn ngữ học cấu trúc đọc thấy ở đây những mô hình cho các kiểu nhân vật của Kafka. Các nhà phê bình xã hội học, ở những mức độ khác nhau, vẫn tìm thấy qua tác phẩm có vẻ phi chính trị này, những khuynh hướng xã hội thậm chí những quan hệ xã hội lịch sử cụ thể. Có thể nói đây là điều khiến *Nước Mĩ* khác biệt với *Vụ án* và *Lâu đài*. Trong trò chơi đánh bốc của cô Clara, con gái nhà tư sản Polunder nhằm hành hạ Karl, đã xuất hiện vẻ ma quái kì cục của một số nhân vật kiểu Kafka. Song Clara vẫn mang dáng dấp rất thực của một cô gái Mĩ (dù lúc viết truyện này, Kafka cũng chưa hề sang Mĩ). Cách xử sự của ông chú (Jacob) có nét kì cục, ma quái. Ông cho cháu đi chơi tới nhà Polunder, gửi ông này trao cho cháu một mảnh giấy chỉ mở ra lúc nửa đêm, trong có ghi rằng: ông sẽ đuổi Karl khỏi nhà nếu không về đúng hẹn trước mười hai giờ đêm. Và bởi thế cậu bé lại một lần nữa bị đuổi ra khỏi nhà, trên nước Mĩ. Song cách xử sự của ông cũng rất phù hợp với một con người có hàng dãy tàu buôn bán xuất ngoại mà Karl Rossmann còn gặp trên dọc đường kiếm việc sau đó. Trên đường lang

thang, Karl gặp những người tốt tại một khách sạn, mặc dù lòng tốt của họ chẳng thể nào giúp Karl có được việc làm lâu dài. Đó là bà đầu bếp trưởng và cô nhân viên đánh máy Therese. Những nhân vật này hoàn toàn không có vẻ quái gở mà ta thường thấy ở loại người này trong nhiều truyện khác của Kafka. Trong cuốn tiểu thuyết này có một truyện kể ở tầng thứ hai xen vào. Đó là câu chuyện do Therese kể lại cho Karl nghe về cái chết của mẹ cô, khi cô hãy còn là một bé gái. Câu chuyện hoàn toàn không phải là một hoang tưởng bệnh hoạn, hoặc một ẩn dụ, một parabôn về thân phận con người, mà chứa đựng những chi tiết chân thực, có ý nghĩa tiêu biểu cho muôn vàn số phận thảm thương. Mẹ cô bị bỏ rơi với đứa con nhỏ giữa một đô thị mịt mùng và hoang vắng tình người. Cảnh người mẹ kéo lê em gái nhỏ giữa phố xá phủ đầy tuyết, gõ cửa từng ngôi nhà mà không một ai mở cửa; cảnh đứa bé gục xuống mà vẫn bị mẹ kéo lê đi - không phải vì bà tàn nhẫn mà vì bà sợ không còn đủ sức lôi con vào một xó cửa nào đó để tránh cho con khỏi bị tuyết vùi trước khi bà quỵ xuống; cảnh bà nhảy từ trên dàn giáo cao vòi vọi xuống đất, nằm chết giữa công trường xây dựng... đó là những cảnh sinh động, đầy chất liệu thực.

Chính vì vậy, bên cạnh hai cuốn tiểu thuyết kia, dù có những nét chung, *Nước Mĩ* vẫn gây một ấn tượng khác. Những nét độc đáo khác lạ, với *Vụ án* (được coi là hoàn chỉnh hơn so với *Lâu đài*) dường như đã có một sự phát triển đậm nét hơn, bởi *Nước Mĩ*, như đã phân tích, vẫn gắn bó nhiều với tiểu thuyết truyền thống do tính chất có cốt truyện, do màu sắc lịch sử - cụ thể của nhân vật còn phảng phất, cũng như khuynh hướng phê phán xã hội của nó. Tuy nhiên, cho tới nay, trong khi một chuyên gia về tiểu thuyết như Kundera chứng minh những môtip theo kiểu Dickens ở *Nước Mĩ*, ông đã đồng thời phát hiện tính chất phản - Dickens: "Ở *Nước Mĩ* của Kafka, ta sống giữa một thế giới tình cảm đặt nhầm chỗ, lệch lạc, thái quá, bất cập hoặc ngược lại, khiếm khuyết một cách

kì cục. Trong nhật kí của mình, Kafka dùng những chữ sau để nêu đặc điểm của Dickens: "Trái tim khô khốc ẩn giấu sau một lối viết tràn trề". Và Kundera đã gọi *Nước Mĩ* là một sự "phê phán thói đa cảm"(*). Quả là, ngay ở *Nước Mĩ,* ta đã thấy tính chất lạ lẫm của thế giới Kafka.

V - Vụ án: *kết cấu, điểm nhìn của nhân vật; mối liên hệ với các tác phẩm khác*

Trong số 3 tiểu thuyết của Kafka, chỉ có *Vụ án* là hoàn thành theo nghĩa là đã có một kết thúc. Còn thật ra ngay cả bản đã được Max Brod sắp xếp lại và cho in, được dịch ra tiếng Pháp rất phổ biến hiện nay(*), từ năm 1963 đã có những ý kiến phê phán. Người ta cho rằng sự sắp xếp của Max Brod vẫn mang tính chủ quan, bởi ông này cho rằng chỉ cần dựa vào những chương ông đã chọn lọc, rồi sắp xếp lại là đã hoàn chỉnh theo ý đồ của Kafka. Ít nhất, theo H.Richter(*), đã có những sơ hở sau đây:

- Toàn bộ bản thảo có 17 chương, bản Max Brod chỉ có 10 chương.
- Trật tự một số chương chưa chính xác.
- Có sự thiếu hụt do một vài chương bị đặt dưới chú thích, hoặc ghép với chương khác, hoặc không hề xuất hiện trong bản dịch tiếng Pháp (ví dụ: chương mà H.Richter gọi là "Ra khỏi nhà hát").

Điều quan trọng là quan niệm chỉ đạo của Max Brod đã khiến ông có thể chủ quan lược bỏ một số chương, đoạn có ý

(*) Milan Kundera: ***Những di chúc bị phản bội,*** **sdd, tr. 104.**

(*) Tất cả những đoạn trích dịch *Vụ án* và *Lâu đài* ở đây chúng tôi đều dựa vào bản của Vialatte. Bản dịch *Vụ án* in năm 1989 cũng dựa vào bản tiếng Pháp này.

(*) Helmut Richter: *Nét mới về Vụ án,* in trong *La Nouvelle Critique* số 143 năm 1963.

nghĩa của *Vụ án*: Brod đọc tác phẩm này theo ý nghĩa tượng trưng là chủ yếu. Ông cho rằng, *Vụ án* và *Lâu đài* thể hiện cho ta thấy "hai hình thái Công lí và Lượng thứ", nên một số những đoạn liên quan tới đời sống riêng của nhân vật bị gạt xuống phần phụ chú hoặc bị bỏ đi.

Sau đây là một sự bổ sung và sắp xếp lại các chương trong *Vụ án* của nhà nghiên cứu Đức Helmut Richter, có đối chiếu với sự sắp xếp của Max Brod qua bản dịch của Vialatte(*) cũng là bản dịch lưu hành ở Việt Nam hiện nay (phần sửa đổi chủ yếu nằm ở cột thứ nhất; bản do M.Brod sắp xếp ở cột thứ hai)(*).

SỰ XÂU CHUỖI CÁC TÌNH TIẾT	BẢN IN HIỆN NAY	TRÌNH TỰ THỜI GIAN
Trật tự các chương I. Vụ bắt bớ Jôzep K. chuyện trò với bà Grubach, rồi cô Bơcxne	Chương I	Kết thúc mùa xuân, đầu hạ
II. Người bạn gái của cô Bơcxne	Chương IV	Năm ngày sau
III. Ngài biện lí	Chương bỏ dở tr. 381-389	Trong thời kì trên
IV. Hỏi cung lần thứ nhất	Chương II	Ngày chủ nhật thứ hai
V. Gã đao phủ	Chương V	"Một trong những tối sau đó" (tr. 159)
VI. Trong căn phòng trống Chàng sinh viên...	Chương III (ở đây có một chỗ khuyết)	Ngày chủ nhật thứ ba

(*) Nhà xuất bản Livre de poche.
(*) Dựa vào bản của Helmut Richter, sđd, tr. 83-84-85.

Gọi hầu tòa tiếp theo, K. nhiều lần từ chối (xem cuối chương VI và phần mở chương VII)		
VII. Nhằm vào chuyện nói tới Enxa	Phụ lục tr. 370-373	Đã bắt đầu trở lạnh (tr. 372); tiết đầu thu
VIII. Ông chú - Leni	Chương VI	
XIX. Mẩu chuyện: ra khỏi nhà hát	Không in trong bản dịch tiếng Pháp	Cuối tháng chín
X. Luật sư, nhà công nghiệp và nhà họa sĩ	Chương VII	Tháng mười một
XI. Ngài Blôc, thương gia, K. tách khỏi luật sư	Chương VIII	Tháng mười một
VII. Đấu tranh với ông phó giám đốc	Phụ lục tr. 399-406	Tháng mười một
VIII. Tại nhà thờ lớn	Chương IX	Tháng mười một
XIV. Ngôi nhà (mẩu duy nhất lấp kín được một chỗ khuyết; nỗ lực mới để thoát khỏi vụ án)	Phụ lục tr. 391-397	Không xác định (nằm vào khoảng giữa tháng chạp và tháng sáu năm sau)
XV. K. tới thăm mẹ	Phụ lục tr. 375 -380	Tháng sáu
XVI. Một giấc mơ	Không có trong bản này mà in ở tuyển tập truyện *Biến dạng*	Cuối mùa xuân, đầu hạ
XVII. Kết thúc	Chương X	

Căn cứ vào bản bổ sung trên đây, ta có thể thấy các phần bị Max Brod lược bỏ hoặc đưa xuống phụ chú. Đó là các phần về: buổi tối Jôzep K. tới nhà tình nhân, cuộc viếng thăm mẹ, một cuộc viếng thăm khác tại nhà ông chú, những cố gắng thêm để xích lại cô Bơcxne, tranh luận với ông phó giám đốc, sự giúp đỡ của Titôreli và Uônfac, giấc mơ và cái chết. Tuy nhiên, trên cơ sở bản in đã được phổ biến và dịch thuật rộng rãi, nếu đặt trong hệ thống sáng tác của Kafka, những điều đã phát hiện vẫn rất có cơ sở.

Vụ án, ở mặt này hay mặt khác, vẫn giống như một biến thái của những đề tài và chủ đề đã xuất hiện ở nhiều truyện của Kafka. Trước hết, nó được mở đầu bằng một mắt xích, một trục trặc từ đó sẽ tiếp diễn những chương khác của câu chuyện: "Hẳn là người ta đã vu khống K..., bởi lẽ chẳng làm nên tội gì, anh đã bị bắt vào một buổi sáng". Đoạn này giống như một biến thái câu mở đầu của *Biến dạng* hoặc đi xa hơn nữa, mở đầu *Lâu đài* với sự việc K, người làm nghề trắc địa, vào một lúc xẩm tối đã tới một vùng xa lạ "ẩn trong sương mù và đêm tối". Đồng thời, *Vụ án* lại cũng giống như một biến thái khác của *Lời phán quyết*(*), truyện này lại vốn được coi như cùng môtip, chủ đề với *Nước Mĩ* do nhân vật chính là một người trẻ tuổi với mặc cảm tội lỗi đang ở trạng thái chịu đựng sự trừng phạt.

Từ khởi điểm ấy tình thế của K.(*) gần như không phát triển hay nói đúng hơn là nhân vật bị cuốn hút vào những tình tiết giống như một mê cung mê thất, ở đó những sự kiện giống như những ám ảnh hơn là hành động. Từ buổi sáng mở đầu câu chuyện, Jôzep K. sẽ tiếp xúc với nhiều nhân vật: những người láng giềng (bà Grubach, cô Bơcxne...), ông chú, họa sĩ

(*) Trong *Tuyển tập tác phẩm* này Nguyễn Văn Dân dịch là *Lời tuyên án*.

(*) Trong tiểu thuyết cũng như ở đây, có những lúc tên Jôzep K. được gọi tắt là K. do đó gần như trùng tên với nhân vật chính của *Lâu đài*.

Titôreli, vị linh mục, luật sư Hun, cô Leni và những đám đông ở phiên tòa, cả trẻ con nữa. Nhưng cái thế giới nhân vật này không xuất hiện như những nhân vật trong tiểu thuyết trước đây, không gợi lên quan hệ xã hội qua những tuyến nhân vật của nó, mà lại có phần trừu tượng, ma quái, giống như những ám ảnh của K.. Thậm chí, có những nhân vật giống như sự trùng điệp lại một ám ảnh, mang tính chất định mệnh dù được thể hiện với những chi tiết cụ thể, đôi khi kệch cỡm, rất khó phân biệt được sự khác biệt của họ: hai người khách bận đồ đen tự nhiên xuất hiện trong phòng Jôzep K. sáng hôm ấy, hai kiểm tra viên, hai tên gác "đóng ở ngay phòng bên cạnh", hai tên tra tấn người với tiếng kêu la mà Jôzep K. chợt nghe thấy ở trong phòng xép chứa đồ đạc nơi công sở của anh, và cuối cùng, là hai gã đao phủ dẫn anh đi ra ngoại thành để xử án vào một đêm trăng sáng, với điệu bộ "giống hệt hai diễn viên giọng hát nam cao" của một nhà hát nào đó... Cả sự trùng hợp của con số hai ở đây cũng khiến câu chuyện tắm trong một không khí ác mộng, ở đó nhân vật chính tức là K. - giống như một người mắt mở mà vẫn nằm mê. Mặt khác, mối liên hệ như vậy giữa nhân vật chính với các nhân vật khác, khiến cốt truyện không có sự phát triển, và tình tiết không tạo nên một kết cấu đramatic, theo lối sắp xếp các chương hồi nhằm tạo nên một tình thế căng thẳng, lao tới đỉnh điểm và thắt nút. Các nhà nghiên cứu gọi lối xếp đặt tình tiết ở tiểu thuyết Kafka là kết cấu "lắp ráp", cảnh nọ đặt bên cảnh kia theo những tuyến song song mà không khiến sự kiện và hành động tiến triển. Cấu trúc này có một ý nghĩa nội dung: đó là một thế giới đã đổ vỡ thành từng mảnh, con người không thể tạo dựng nổi. Nói như Alain Robbe - Grillet, đó là "thế giới ở đó con người đã đánh mất cái chìa khóa của mình", hoặc nói như Roland Barthes: "Thế giới phương Tây đã đi vào một ngõ cụt (...), người ta chỉ còn có thể đặt câu hỏi "Ta là ai?", chứ không thể đặt câu hỏi "Vì sao?".

Vì thế, tuy trong truyện có xuất hiện nhiều nhân vật, và phát ngôn của tiểu thuyết Kafka vẫn chủ yếu là người kể chuyện, nhưng vấn đề *điểm nhìn* ở đây có thay đổi so với tiểu thuyết thế kỉ XIX. Điểm nhìn đã có sự chuyển dịch rõ rệt từ chỗ người kể chuyện sang điểm nhìn của nhân vật. Thế giới trong cuốn tiểu thuyết này chỉ xuất hiện qua một mối ám ảnh của nhân vật: đối với K., đó là việc anh bị kết tội. Điểm nhìn của nhân vật như vậy đã tập trung và thu hẹp đến cực độ. Giữa người bị kết tội và thế giới quanh anh, có một bức tường ngăn cách không thể nào vượt qua được. Anh chỉ có cách thích nghi với cái phi lí. Đó cũng là một môtip, một âm hưởng chủ đạo ở nhiều tác phẩm của Kafka. "Làng gần nhất" lại cũng là vùng đất mà, có khi ta bỏ cả kiếp người cũng chẳng vươn tới nó. "Bức trường thành Trung Hoa" trong tác phẩm *Vụ án* không còn hữu hình nằm ngoài con người, mà nằm trong chính bản thân K. Trong tác phẩm, có một truyện kể ở tầng thứ hai nhan đề là *Đứng trước pháp luật*, do vị linh mục kể lại cho K. nghe. "Người dân quê" tới cổng pháp luật và "người gác cổng nói rằng giờ đây chưa có thể cho phép anh vào được". Năm này qua năm khác, anh cứ chờ ở đó, mặc dù "để tìm cách mua chuộc người gác cổng, anh đã sử dụng mọi cách, kể cả những cách tốn kém nhất". Anh ta già đi, hóa lẩn thẩn, bởi lẽ đã "quan sát người gác cổng năm này qua năm khác, cuối cùng anh biết rõ cả những con rận trên tấm áo choàng của người này". Thế nhưng, khi đã kiệt sức gục xuống, cũng chính là lúc anh được nghe người gác cổng thét vào cái tai đã điếc đặc của mình: "Chẳng ai ngoài mày có thể bước vào cái cổng này được, bởi lẽ nó làm ra là để cho mày. Bây giờ thì tao đi khỏi đây và tao đóng cửa lại".

Như vậy "Người dân quê" ở đây cũng chỉ lặp lại cảm giác phi lí, vô phương cứu chữa của K. trước số phận của mình. Do đó, dù chuyển dịch điểm nhìn từ người kể chuyện sang

nhân vật, thì cái cách "khách quan hóa" ở đây lại làm diễn ra một quá trình ngược lại, một cảm giác về sự chủ quan hóa, bởi tính chất hạn hẹp, ám ảnh của điểm nhìn này. Bên cạnh đó, cảm giác đóng kín về không gian và tính chất không có lịch sử, không có tính cách của nhân vật cũng là những nét độc đáo mang lại dáng dấp đặc biệt của tiểu thuyết Kafka. Thời gian ở đây dù có được đo bằng kích thước của lịch biểu (đúng một năm, từ lúc K. ba mươi tuổi tới 2 ngày trước lễ kỉ niệm sinh nhật lần thứ 31), thì ấn tượng gợi lên vẫn là cảm giác về một mối ám ảnh, một thời hạn lưu đày, một khoảng cách giữa lúc tuyên án đến khi án được thực hành. Nhân vật không có tính cách mà chỉ như sự lắp ghép của hai mảnh đứt đoạn, không chắp nối lại được: đó là K - một nhân viên của một công sở nào đó trước đây là K, một người đang bị kết tội. Nhân vật có tính cách phải là nhân vật được tâm lí hóa, nhân vật có lịch sử. Ở đây, nhân vật bị chặt cụt mất nhiều chiều, và dường như chỉ còn lại một mảnh, rất đậm, rất sâu. Ngay ở hiện tượng phi tâm lí hóa nhân vật (con người ở đây thường bất nhất, không tuân theo lôgic tâm lí thông thường) lại làm nổi bật lên một nét suy tưởng ám ảnh, mãnh liệt. Hiện tượng "phản nhân vật" (truyền thống) bước đầu đã xuất hiện: cái tên của nhân vật đang bị mất dần, chỉ còn lại một chữ viết tắt. Không thể xác định rõ hình hài diện mạo, giọng nói riêng của một nhân vật Kafka. Thậm chí những chi tiết lịch sử - cụ thể khác, một gia đình, một quan hệ bạn bè, những dấu vết nghề nghiệp, tất cả đều bị xóa mờ, hết sức mông lung.

Ở đây, người ta nói đến nhân vật trừu tượng, nhân vật ý niệm. Hiện tượng xóa mờ đường viền lịch sử của nhân vật gây một ấn tượng rõ rệt: dường như đó không chỉ là thân phận của một con người bé nhỏ của một xứ sở nào, mà đó là sự khái quát về thân phận con người nói chung. Nó cũng tạo nên

không khí huyền thoại của tác phẩm này - với ý nghĩa như một cảm nhận trực tiếp, hồn nhiên về định mệnh đang đè nặng lên số phận con người. Sự cảm nhận ấy có phần một chiều, bi đát bởi lẽ đó không nhằm lí giải định mệnh như huyền thoại cổ xưa. Đó là thế giới phi lí, song "Không nên quên rằng những môtip đau buồn, bi thảm nhất, những môtip về sự xa lạ và cô đơn, về sự bứt rứt của tâm hồn, chứ chưa nói gì đến những phương diện khác của bộ mặt tinh thần của con người, là đặc trưng cho những quá trình phát triển phức tạp của tâm lí xã hội và cá nhân. Những quan niệm cho rằng các trào lưu phi hiện thực nói chung, trong đó có cả những trào lưu phi hiện thực của thế kỉ XX, là một cái gì hoàn toàn thuần nhất và đồng thời không chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của đời sống là trái với chân lí"(*).

Vả chăng có người đọc lại thấy rằng: cũng không thể nói Kafka hoàn toàn chấp nhận số phận bằng cách căn cứ vào kết thúc không có hậu, bi thảm nhân vật. Chất "hài hước đen" ở đây không nói lên sự lãnh đạm, mà nói lên nỗi lo âu trước cái phi lí nhiều hơn. Trong *Vụ án* và *Lâu đài*, đầy rẫy chất "uy mua đen": K, trong khi tìm cách chứng minh mình vô tội, đã lấy nhầm giấy đăng kí xe đạp(*) thay vì giấy căn cước. Ở cuối tác phẩm, khi K. đi theo hai gã đao phủ, "hai quý vị" này lập tức áp sát vào hai bên nách anh, và quàng tay khít vào K. đến nỗi anh nghĩ rằng: "Hẳn họ phải dày công luyện tập". Hai gã đao phủ chuyền tay nhau con dao qua đầu anh, nhường nhau đâm một cách lễ phép đến nỗi anh chỉ muốn giằng lấy mà tự đâm quách cho xong v.v... Trong tác phẩm này, cái khủng khiếp không còn xuất hiện ở

(*) Khravtrenco - *Sáng tạo nghệ thuật, hiện thực, con người*, tập II, Khoa học xã hội, Hà Nội, 1985. tr. 61.

(*) Thời đó ở một số nước châu Âu vẫn còn giấy đăng kí xe đạp.

một yếu tố quái dị nào, mà hoàn toàn nằm trong nội tâm nhân vật. Tuy thế, sự cưỡng lại hiện tượng phi lí vẫn bàng bạc trong suốt tác phẩm. Đoạn độc thoại nội tâm của K. xen lẫn lời người kể chuyện ở cuối *Vụ án* là một tiếng kêu, một câu hỏi day dứt:

"Cặp mắt anh bắt gặp tầng cuối của căn nhà sát với hầm đá. Như ánh sáng vọt ra từ hai cánh cửa của một khung cửa sổ mở tung ra phía trên cao, một người đàn ông mảnh dẻ và yếu đuối quá từ khoảng cách và độ cao đến như thế, đột ngột thò đầu ra ngoài, tung hai cánh tay ra phía trước. Ai đó? Một người bạn chăng? Một tấm lòng nhân hậu chăng? Một người nào đó chia sẻ nỗi đau khổ của anh ư? Phải chăng chỉ có một người? Phải chăng là tất cả? Có thể xin khiếu tố được chăng? Còn có thể có những lí lẽ chưa nêu lên hết chăng? Hẳn là như vậy. Phép lôgic dù không thể nào bác bỏ được, thì cũng vẫn không thể cưỡng lại nổi một con người đang muốn sống. Đâu là vị quan tòa mà anh không bao giờ nhìn thấy? Đâu là tòa cao đẳng pháp viện mà anh không bao giờ vươn tới được? Anh giơ hai bàn tay và xòe các ngón tay ra.

Nhưng một trong hai vị đã vừa túm lấy cổ anh, người kia cắm dao ngập vào tim anh và ngoáy hai lần. Đôi mắt đã lạc thần, K. hãy còn nhìn thấy hai vị kề má bên nhau cúi sát xuống gương mặt anh mà quan sát cái cảnh kết thúc.

- Như một con chó! - Anh nói, và dường như nỗi nhục nhã vẫn còn sống sót lại vậy".

Đó là đoạn kết thúc của *Vụ án*, cuối tiểu thuyết duy nhất đã có một kết thúc của Kafka. Nó rất tiêu biểu cho toàn bộ tiểu thuyết của ông, nhất là về mặt điểm nhìn từ bên trong của nhân vật. Chẳng những nghệ thuật độc thoại nội tâm đã góp phần vào đó, mà ngay cả lời người kể chuyện, khi thấm được chất "uy mua đen" vẫn thể hiện một trạng thái cưỡng

lại cái phi lí, giống như "cảm giác lo âu đang cưỡng lại với chính nó".

VI- Tiếng nói đa âm về thân phận con người

Trong *Lâu đài*, nhân vật chính chỉ còn một chữ cái thay cho cái tên: anh ta tên là K. Một chiều mưa tuyết, rất muộn, anh chàng làm nghề đo đạc ấy đến một cái làng "ẩn trong sương mù và đêm tối", sừng sững một lâu đài xa xăm. Anh xin trọ ở quán, nhưng người chủ quán cho nằm trên một tấm dạ, lấy cớ là anh không có giấy phép ngụ cư. Anh tự nhận là được gọi tới đây. Người ta liền gọi điện thoại tới lâu đài để xác nhận việc này, song lúc đầu không được xác nhận, rồi lại được cải chính lại... Và chương nọ nối chương kia, cuốn tiểu thuyết viết dở dang ấy gồm nhiều cảnh, ở đó, K. chạy vạy để được "những người ở lâu đài" xác nhận quyền hợp pháp ngụ cư trong làng. Anh cố tìm gặp một vị bá tước mà không có ai được nhìn thấy bao giờ. Con người bé nhỏ, tội nghiệp, kiệt sức trong cuộc sống để tìm thấy chỗ 'đứng dưới ánh mặt trời liệu có gục xuống không? Câu chuyện bị bỏ dở.

Trong những mẩu văn, truyện ngắn của Kafka, có những chỗ khó hiểu, song cũng có những đoạn chua chát, phê phán xã hội khá rõ. Trong *Báo cáo gửi một viện Hàn lâm*[*], báo cáo viên diễn thuyết trước các "Hàn lâm viện sĩ tôn quý" như sau về sự tự do của người châu Âu:

"... Sự tự do, tiện thể tôi cũng xin nói, giữa con người với nhau họ cũng hay lầm lẫn quá đấy. Bởi sự tự do được coi như thuộc loại những tình cảm cao cả nhất, nên sự bịp bợm tương ứng với nó cũng được coi như cao cả nốt. Tôi thường được thấy, trong những rạp tạp - kĩ, trước khi tới tiết mục

[*] Có bản dịch là *Báo cáo dành cho Viện Hàn lâm*.

của tôi, có các nghệ sĩ chơi du bay. Họ lao đi, họ đu đưa, nhảy, bay trong cánh tay người nọ sang người kia, và một trong hai người mang bạn mình bằng cách ngậm lấy tóc anh ta. "Cả cái ấy nữa, đó chính là sự tự do của con người, tôi nghĩ vậy, và đó chính là động tác cao cả nhất đấy". Ôi trò đùa của thiên nhiên thần thánh: Chẳng có một tòa kiến trúc nào chịu đựng nổi trận cười của nòi giống khỉ khi chứng kiến cảnh tượng kia!".

Con khỉ này vốn gốc ở vùng bãi biển vàng. Khi bị bắt, do sự phát triển đặc biệt của nó, các nhà nghiên cứu đã mang về nuôi dạy xem nó có thể thành người được không. Và kết quả là "do một sự nỗ lực chưa từng được lặp lại ở trái đất, tôi đã đạt được trình độ văn hóa trung bình của một người châu Âu", bởi lẽ "Thẳng thắn mà nói: kiếp khỉ của các ngài, thưa quý vị, nếu như các vị đã từng trải một cuộc sống kiểu ấy, thì nó cũng không thật cách xa các vị như nó cách xa với tôi đâu. Nó hãy còn ngứa ngáy ở gót chân của những kẻ đang bước trên trái đất này"... Sự cô đơn và những cảnh ngộ không lối thoát, bệnh tình vô phương cứu chữa của con người qua tác phẩm của Kafka - đối với ai đó có thể là yếm thế, bi quan nếu từ đó người ta đi đến một sự khái quát chung về thân phận con người. Nhưng nếu đặt nó trong một bối cảnh nhất định, ở những điểm xuất phát của chính ông, một người đã sớm nhạy cảm và ghê tởm chủ nghĩa Đại Đức - lúc ấy mới chỉ xuất hiện như "những luồng chuyển động sâu thẳm và vốn dĩ còn rất mơ hồ" thì nhà phê bình và độc giả có thể rút ra những kết luận khác hẳn, giống như báo *Quyền lợi Đỏ* năm 1924, và như lời đánh giá của Brecht.

Song như đã nói trên khi bàn về tiểu thuyết *Nước Mĩ,* ý nghĩa xã hội chỉ là một cấp độ đầu tiên và thông thường dễ nhận thấy đối với bạn đọc. Đối với một số bạn đọc đặc biệt, cũng như đối với Kafka - ở một số trường hợp mà ông đã thú

nhận một cách kín đáo (ít nhất là ở chữ cái viết tắt cái tên vần K.) - nhiều tác phẩm của ông có thể "lồng vào một tổng thể rộng lớn hơn mang tên *Những đứa con trai*" (Pierre Brunel). Như vậy, qua lối đọc phân tâm học, đi tìm những mặc cảm và lồng vào lối đọc tiểu sử cá nhân nhà văn, người ta vẫn tìm thấy một ý nghĩa rộng lớn hơn, liên quan tới những vấn đề xã hội. Cái bệnh hoạn, nỗi đau vô phương cứu chữa ở đây vẫn có cơn cớ trong xã hội một phần nào. Chỉ có điều, cách thể hiện của Kafka hoàn toàn không đơn giản, và cùng một lúc, một chi tiết nghệ thuật có thể phát ra những thông điệp khác nhau, tùy theo kinh nghiệm, sự lịch lãm của người đọc. Đã thế, trong khi sử dụng những phương tiện nghệ thuật truyền thống, Kafka cũng mang cho nó một sắc thái khác lạ, hiếm thấy. Chỉ kể riêng vấn đề sử dụng cái kì ảo, ông cũng đã được Todorov coi như người đánh dấu một bước ngoặt đối với thể loại này. Pierre Brunel cũng xác nhận: "Những nhà phê bình kể cả Lansbert cũng như Todorov, đều phải kinh ngạc bởi độ thích ứng mà Kafka đã đạt tới: sự biến dạng rốt cuộc xuất hiện trước độc giả như một hiện tượng tự nhiên, đặc biệt nhờ tính chất tầm thường của cái bao quanh nó"(*). Một số nhà lí luận Xô Viết cũng xuất phát từ những tác phẩm của Kafka mà nói đến "cái dị dạng - bình thường". Đó cũng chính là cái mà Dolezen gọi là "thế giới tạp chủng". Phương tiện này, ở trong tay Kafka, đã biến thành một ám chỉ, một ẩn dụ về thế giới hiện đại. Bởi vậy, không thể nào hiểu những "huyền thoại" của Kafka với định nghĩa về hình thức cổ điển của nó, cũng như với ý nghĩa tinh thần xa xưa.

Tuy không đề xướng lên một trường phái nào, nhưng do những nét độc đáo trên đây trong nghệ thuật kể chuyện, nhất

---

(*) Pierre Brunel: *Huyền thoại về sự biến dạng*, Armand Colin, 1974, tr. 17.

là do những yếu tố nghệ thuật đều nhằm gợi lên một cảm giác lo âu, một thân phận bi đát có ý nghĩa đặc biệt với một lớp người bé nhỏ, với những thể nghiệm trong một thế giới đầy bạo lực và phi lí, nên cho đến nửa sau của thế kỉ XX, bóng dáng Kafka vẫn trùm xuống thế giới hiện đại, đặc biệt khi người ta có những thể nghiệm khủng khiếp về cái phi lí của cuộc đời, về sự bất lực của con người trước những "Tòa án", những "lời phán quyết", những sự "biến dạng"... Do lối viết vừa trần trụi, hồn nhiên, do việc khách quan hóa điểm nhìn (chuyển từ người kể chuyện sang nhân vật), do tính chất bóng gió, ám chỉ (chứ không hẳn là biểu tượng) của lối viết Kafka, do sự xóa mờ những đường viền lịch sử, nên mỗi một chi tiết, tác phẩm lại tùy lúc, tùy nơi, tùy độc giả, tùy sự thể nghiệm của họ mà hé ra những ý nghĩa khác nhau. Không hẳn là biểu tượng, hình ảnh của Kafka bởi mang tính chất mơ hồ, thường bao hàm những song đề, nghịch lí sâu xa. *Vụ án* phải chăng chỉ là hình ảnh của một chế độ quan liêu, vô nhân đạo, đối lập với những nạn nhân, những con người bình thường mà cái tên cũng chỉ giống như một con số? Thực ra tác phẩm của Kafka đã gợi lên một thể nghiệm phức tạp hơn thế, và sức thu hút của nó cũng chính là ở chỗ đó. Song đề, nghịch lí bi đát của Kafka được gợi lên qua hình tượng những nhân vật "tội phạm - vô tội" là: trong khi cảm thấy tất cả cái phi lí của "lâu đài", của "vụ án", của "lời phán quyết", của việc trở thành "người châu Âu trung bình" thì nhân vật Jôzep K., hay K., hay Georg Budelmann, hay con khỉ trong *Báo cáo gửi một viện Hàn lâm* vẫn dính vào những chuyện đó, như "những con ruồi bị dính chân vào đĩa đường". Cảm giác ma quái, nhưng không phải không hiện thực toát ra từ những kết thúc của *Một người thày thuốc nông thôn, Lời phán quyết, Vụ án*... chính là ở chỗ: dường như vừa có một định mệnh, vừa có một lực tự bên trong đẩy nhân vật đi tới cái chết, dù là do "bị nhầm lẫn" như người

thày thuốc, bị cha kết tội như Georg, hoặc bị áp lực của một tòa án không có đủ tư cách nhưng tồn tại khắp nơi, như K... Trong *Lời phán quyết,* lối kết thúc rất tiêu biểu cho môtip "kẻ tội phạm - vô tội" của Kafka. Cái chết vừa được thực hiện như một áp lực ma quái từ bên ngoài vào, vừa như một sự tự vẫn do nhân vật mang mặc cảm tội lỗi "Georg cảm thấy bị đuổi ra khỏi phòng... bị xô xuống nước không tài nào cưỡng lại được... và tự buông mình vào khoảng không".

Người ta thường gọi tác phẩm của Kafka là huyền thoại chính bởi vậy: nó có thể là nơi bão hòa của bao biểu tượng, chính vì nó là một sự cảm nhận trực tiếp, hồn nhiên để gợi lên những tổng hợp, những khái quát về những vấn đề lớn lao của thân phận con người. Tác phẩm của Kafka cũng vì vậy, là một tác phẩm "mở", giàu tính chất đa âm, đối thoại. Cho tới bây giờ, người ta vẫn không ngớt đi tìm những nguồn ý nghĩa ở đó. Bởi lẽ, theo nhà kí hiệu học Umberto Eco: "... Tác phẩm của Kafka xuất hiện như một điển hình của tác phẩm *mở*: vụ án, lâu đài, đợi chờ, lời kết tội, bệnh tật, biến dạng, tra tấn đều không thể hiểu theo chữ nghĩa của chúng. Và ở Kafka, trái ngược với lối kết cấu phúng dụ thời Trung Cổ, những ý nghĩa ngầm ẩn đều đa trị: chúng không hề được bảo đảm bằng một cuốn bách khoa nào và không dựa trên một trật tự nào của thế giới. Lối biện giải hiện sinh chủ nghĩa, thần học, lâm sàng, phân tâm học, mỗi loại cũng chỉ có thể rút đi một bộ phận khả năng của tác phẩm. Nó không bao giờ cạn kiệt và vẫn để ngỏ, bởi lẽ nó mơ hồ. Nó thay thế cái thế giới tổ chức theo những quy luật được tất cả chấp nhận bằng một thế giới không có các trung tâm định hướng, tuân thủ theo một sự đặt lại liên tục các vấn đề giá trị và xác tín!"[(*)].

[(*)] Umberto Eco: *Tác phẩm mở*, trích trong *Magazine Litterature* số 262. 1989, tr. 47.

THẾ GIỚI NGHỆ THUẬT CỦA FRANZ KAFKA

TRƯƠNG ĐĂNG DUNG

"Nghệ thuật hiện đại: Cuộc nổi dậy chống lại sự bắt chước hiện thực nhân danh những quy luật tự trị của nghệ thuật".

M. Kundera

"... Thế kỉ XIX: Thế giới là Tôi
Thế kỉ XX: Tôi không phải là Thế giới"

V. Bela

Tiêu chí giống như thật có từ quan niệm nghệ thuật là sự bắt chước hiện thực của Aristot, đã trở thành yêu cầu cơ bản của đời sống nghệ thuật ở châu Âu nửa sau thế kỉ XIX. Những nhà tiểu thuyết hiện thực lớn như Balzac, Stendhal, Flauber, L. Tolstoi đã thực hiện bổn phận đó của nghệ thuật theo đúng hệ thống thẩm mĩ quy ước của chủ nghĩa hiện thực. Nhưng tiêu chí phản ánh hiện thực giống như thật, "với toàn bộ các hình thức của đối tượng" (G. Lucács) đã phải tự điều chỉnh trước sự bừng tỉnh của tinh thần nghệ thuật hiện đại: Khám phá cuộc sống, chống lại sự "lãng quên con người" trong một thế giới đã trở nên bí ẩn và phức tạp! Cùng với M. Proust, Ady Endre, Franz Kafka là nhà văn lớn đầu thế kỉ đã cảm nhận sâu sắc về trạng thái tồn tại của con người hiện đại, và đã thể hiện bản chất của thời đại mình một cách độc đáo, mở ra những khả năng mới cho tiểu thuyết hiện đại. Các tác phẩm của Franz Kafka là sự lí giải những ấn tượng nghiệt ngã về

thế giới phi lí, về sự tha hóa của con người trong vòng vây của những thiết chế quyền lực vô hình.

Năm 1844, lần đầu tiên K. Marx nghiên cứu về sự tha hóa, nhưng khái niệm triết học về sự tha hóa đã có ở Hegel. Marx đã chỉ ra rằng con người sẽ xa lạ trong cái thế giới mà chính nó tạo nên; con người xa lạ với con người, nội dung của các mối quan hệ giữa người với người sẽ trở nên mờ nhạt. Trong văn học, Dickens. Dostoievski là những nhà văn đã cảm nhận được điều mà sau này trở thành ấn tượng thường trực của Franz Kafka: đó là việc thế giới đã trở nên bí ẩn và phức tạp, không thể thấy được. Rồi Swifr và Gogol: nhất là Gogol, người cũng đã cảm nhận thế giới từ phía trong, đối với ông thế giới không chỉ là cái mắt ông nhìn thấy. Đến Franz Kafka, ông cảm thấy mình đồng thời tồn tại trong hai môi trường. Một môi trường là nơi mà cuộc đời ông trải qua trong những giới hạn của nó, đó là nơi ông làm việc, uống bia, trò chuyện với bạn bè và vui vẻ với phụ nữ... Và một môi trường khác mắt thường không nhìn thấy, nó là ảo ảnh với những bóng người bị tách khỏi thế giới, vật vờ, vô nghĩa. Nhà văn không nghi ngờ sự tồn tại của cái hiện thực độc lập với ý thức. nhưng ông không cho đó là hiện thực thuần nhất. Những gì mà ông quan hệ trong cái thế giới hiện diện đều có hình thù hai mặt. Chúng vừa là chúng lại vừa là cái gì khác đầy bí ẩn và không thể nắm bắt. Mọi đồ vật như cái cặp. chiếc áo vắt trên ghế, hay cái răng duy nhất còn lại trong miệng gã xà ích. trong sự bất biến, chúng độc lập với chính mình. mang thêm ý nghĩa biểu tượng và nói lên một chân lí nào đó trong hình thức huyền thoại. Như là nghệ sĩ, ông thấy mình có nhiệm vụ thể hiện cho được trạng thái cùng tồn tại của cái hiện thực hai bình diện. Trong con mắt của nhà văn. mọi hiện tượng đơn lẻ đều nói về cái chung, phổ quát nào đó. Ông mang lại sự tồn tại có cảm xúc cho cái mà bản chất nó là trừu tượng.

Franz Kafka không phải triết gia, ông là nhà văn, và đó là

một điều may mắn cho lịch sử văn học thế giới. Ông không tư duy và viết bằng khái niệm mà thể hiện các trạng thái, các tình huống bằng hình ảnh. Thế giới nghệ thuật của ông là một trong những hiện tượng độc đáo của văn học thế giới thế kỉ XX không phải do những điều nó thể hiện về mặt khái niệm mà do cái nhìn hình ảnh được thực hiện đầy sáng tạo về thế giới. Kafka không có ý định mô tả các mối liên hệ thuộc về tư tưởng. Ông viết trong nhật kí: "Không cần tìm trong tác phẩm của tôi các ý tưởng, tư tưởng và sự tranh luận nào cả, bởi vì những thứ ấy không có trong đó. Nếu có cái gì thì đó là *những hình ảnh, luôn luôn chỉ là hình ảnh*". Tuy nhiên, nhà văn nào chẳng tư duy và mô tả bằng hình ảnh, và hình ảnh nào mà chẳng là hình ảnh của một cái gì đó. Nhưng hình ảnh của Kafka là hình ảnh của cõi mộng, của những cơn ác mộng có nguồn gốc từ nỗi hoang mang, lo sợ trước thế giới. Điều đó làm nên đặc trưng của thế giới Kafka. Đọc bất kì cái gì ông viết, thư từ, nhật kí, hoặc các tác phẩm văn xuôi khác, ta đều cảm thấy không khí căng thẳng đặc trưng mà ta thường gặp trong cơn ác mộng: Con người chạy trốn khỏi nỗi kinh hoàng mà chân thì cứ bám vào đất, càng cựa quậy càng lún sâu xuống hơn. Sự độc đáo của nhà văn nhạy cảm đến mức bệnh hoạn này là ông đã không đưa giấc mơ vào phục vụ nghệ thuật mà ngược lại, theo cách riêng, Kafka đã đưa nghệ thuật của mình "phục vụ" những giấc mơ! Đây là yếu tố đã gây nên những cuộc tranh luận về Kafka và chủ nghĩa hiện thực, nó làm cho giới triết học và mĩ học phải quan tâm nhiều hơn đến các vấn đề về mối quan hệ giữa giấc mơ và hiện thực, tồn tại và ý thức, cái tôi và không phải cái tôi, chủ thể và khách thể, thời gian và cái chết...

Thực ra, nỗi lo âu và sự tha hóa là những hiện tượng đi cùng với nhau, cùng tăng lên hoặc giảm đi trong quá trình lịch sử nhân loại. Về phương diện này có thể nói lịch sử nỗi lo âu của con người là đặc trưng của lịch sử nhân loại. Xã hội phát

triển đồng thời với việc phát sinh những nỗi lo âu mới, và bên cạnh nỗi lo sợ có nguồn gốc tự nhiên đã xuất hiện nỗi lo sợ có nguồn gốc xã hội mà nền tảng của nó là sự tha hóa giữa người với người. Như vậy, bên cạnh nỗi lo sợ Thượng đế đã xuất hiện *nỗi lo sợ con người!* Vấn đề này gắn liền với sự phát triển của con người như thế nào thì chính khoa triết học lịch sử và khoa chính trị kinh tế Macxit đã hơn một lần chỉ rõ.

Đối tượng trung tâm của thế giới nghệ thuật của Kafka là sự tha hóa, nỗi lo âu, sự lưu đày và cái chết. Trong thế giới của Kafka, đối với cái Tôi, Thế giới trở nên xa lạ; đối với Thế giới, cái Tôi trở nên xa lạ: số phận con người bị kết án là phải chết một cách cô đơn, thê thảm "như con chó"! Nhân vật của *Nước Mĩ* chỉ mới bị lạc trong sự hỗn mang của số phận, còn nhân vật của *Vụ án* thì đã bị dồn cho đến chết. Cái cô đơn chết người ngày càng được thể hiện với những hình thức khác nhau trong ba cuốn tiểu thuyết nối tiếp nhau của Kafka là *Nước Mĩ* (1912), *Vụ án* (1914), và *Lâu đài* (1920). Có thể nói Franz Kafka là nhà văn đã cảm nhận một cách sâu sắc nhất *nỗi cô đơn trong thời gian* của người hiện đại. Đó là nỗi cô đơn khi con người (buộc phải) từ giã quá khứ, đứng giữa hiện tại, đối diện với tương lai bấp bênh đầy bí ẩn. Ấy là khi con người cảm thấy bất an, hoang mang và lo sợ. Con người nỗ lực tìm kiếm và tạo lập các mối quan hệ mà quên mất rằng các mối quan hệ đó không giúp được nó thoát khỏi nỗi cô đơn thời gian. Nhưng chí ít thì đó cũng là một niềm an ủi, và là lối thoát cuối cùng trong sự bất lực của con người trước số phận. Trong thế giới của Kafka, các nhân vật càng cô đơn thì lại càng khao khát đến được nơi nào đó, và rút cuộc họ đều bị chặn lại trước cửa pháp luật hay trước cổng tòa lâu đài... bởi những lí do không thể hiểu nổi. Nếu sự cô đơn của Karl Rossmann (nhân vật của tiểu thuyết *Nước Mĩ*) còn mang tính xã hội, cụ thể, thì nỗi cô đơn của Jozep K. (nhân vật của tiểu thuyết *Vụ án*) gần như siêu hình, trừu tượng,

một nỗi cô đơn tượng trưng. Nỗi cô đơn của K. (nhân vật của tiểu thuyết *Lâu đài*) vừa mang tính biểu tượng, siêu hình mạnh mẽ lại vừa có những mối liên hệ xã hội, cụ thể. Trong tiểu thuyết *Nước Mĩ*, nhất là ở phần đầu, dường như nhà văn không quyết định được cho nhân vật lựa chọn gì; trong *Vụ án* thì sự lựa chọn đã quá rõ. Trong tác phẩm này, cái phi lí và chủ nghĩa bi quan đã được đẩy tới mức cực đoan.

Với tiểu thuyết *Lâu đài* Franz Kafka muốn nói nhiều hơn.

Trong *Lâu đài* nỗi cô đơn vẫn chưa là số phận tiền định của con người, nó là hệ quả của các mối quan hệ với người khác, có thể tranh đấu và điều chỉnh. Người đọc cảm thấy dường như qua tiểu thuyết *Lâu đài*, Kafka tiếp tục nói điều mà trong *Vụ án* ông đã nêu lên; dường như cái *trạng thái tồn tại của Jozep K.* (vừa bị cái chết cắt ngang) *là vô cùng*, và cuốn tiểu thuyết mới này làm sống lại con người đó, *trạng thái tồn tại đó* với những sự kiện và không gian đã thay đổi. K. đến làng, nơi có tòa lâu đài ẩn hiện và nói mình là người đạc điền, được người ta mời đến làm việc trong lâu đài. Đọc hết cuốn tiểu thuyết ta vẫn không rõ lời K. nói có đúng không, vì cả hai khả năng đều có thể xảy ra. Ngay từ đầu, K. đã muốn vào lâu đài, nhưng con đường chàng xuất phát rất dài và nó không dẫn chàng đến ngọn đồi có lâu đài, cứ đến gần đó là như cố ý, nó lại vòng sang lối khác. Lâu đài trong cuốn tiểu thuyết này, thực ra, cũng là luật pháp trong *Vụ án*: không thể tiếp cận, không thể tìm gặp, nó tồn tại không cụ thể; khắp mọi nơi đều như có nó mà vẫn không có nó. Tòa lâu đài là hình ảnh huyền thoại về một tổ chức quyền lực quan liêu với những sợi dây vô hình đã trói buộc cuộc đời của từng con người. (Cũng có thể xem tòa lâu đài đó là Chân lí, Đức tin, là Thượng đế mà con người muốn vươn tới trong cô đơn và bất lực). Lâu đài thông qua những mắt xích vô tận là các viên chức, thư kí, liên lạc viên để thực thi ý nguyện của nó, trong khi đó những người này không biết gì về nhau mà vẫn

coi thường nhau, nghi ngờ, xa lánh nhau. Họ đều giống nhau ở *trạng thái sống*: ai cũng sợ lâu đài và những gì liên quan tới nó, sợ ngài Klamm mà chưa một ai thật sự biết mặt, sợ tất cả và sợ lẫn nhau! Nếu trong *Vụ án*, tòa án được bố trí ở trên tầng thượng tồi tàn, thì trong *Lâu đài*, những lúc trời quang đãng, tòa lâu đài cũng lộ rõ vẻ tàn tạ trước mắt K.. Cái thiết chế quyền lực bí ẩn, với những hình ảnh quái dị, tầm thường đó đã chế ngự đời sống của từng con người, quy định *trạng thái sống*, hành vi ứng xử và cách nghĩ của họ, biến họ thành những kẻ làm theo, nói theo, vừa hài hước vừa tội nghiệp!

Lâu đài là tác phẩm duy nhất của Franz Kafka mà trong đó thế giới của nó được chia làm ba tầng tách bạch: trên là lâu đài, dưới là làng, ở giữa lâu đài và làng là K. đơn độc. Các công chức của lâu đài đại diện cho thứ pháp lí "Không thể thấy được", còn làng và dân làng là biểu tượng của hiện thực "trần thế" định mệnh. Trong sự phân tầng không gian này, K. không thuộc về đâu cả, chàng ở ngoài rìa của hai thế giới đó. Không vào được lâu đài, cũng không được làng chấp nhận, nên chàng buộc phải tự tạo ra một thế giới thứ ba từ chính bản thân mình, thế giới đó lang thang một cách xa lạ giữa thế giới bên trên và thế giới bên dưới. K. tìm kiếm sự thật và ý nghĩa của cuộc đời. Không cam chịu số phận như người "anh em" trong *Vụ án*, không một phút chùn bước trước cái không thể, cái phi lí, chàng tìm kiếm khả năng thay đổi hình thức sống, trạng thái sống của mình.

Các nhân vật của Franz Kafka thường xuất hiện giữa một thế giới kì lạ, hoặc trong một hoàn cảnh trớ trêu, hài hước. Cái thế giới đang mở ra trước mắt các nhân vật là thế giới quái dị và xa lạ, xa lạ với họ cho đến chết. Karl Rossmann đến nước Mĩ xa xôi (*Nước Mĩ*), Gregor Samsa khi tỉnh giấc thấy mình đã biến thành con bọ ghê tởm (*Hóa thân*). Jozep K. bị bắt mà không biết vì sao (*Vụ án*), và chàng

đạc điền K. được mời đến lâu đài làm việc, vậy mà không làm sao vào được nơi đó (*Lâu đài*). Nhưng các nhân vật của Kafka không phải là "những điển hình xã hội", họ "được" Kafka giao cho vai trò khám phá cái thế giới bi - hài mà họ xâm nhập. Jozep K. thay vì quan tâm tới thực chất vụ án của mình thì anh ta lại cố gắng biết thật nhiều về thế giới tòa án. Nhưng càng tiếp xúc, anh ta càng nhận ra là chưa biết gì về nó. Người đạc điền K. trong *Lâu đài* cũng vậy, chàng muốn biết sự thật về lâu đài, nhưng càng theo đuổi mục đích này chàng lại càng xa nó hơn. Franz Kafka đã thấy rõ nguyên nhân bị "lưu đày" của con người trong thế giới hiện đại: trong mê cung của những thiết chế mờ ám và phi lí được bày đặt ra như những cái bẫy, con người bị tước mất khả năng tìm hiểu và thiết lập quan hệ với thế giới một cách bình thường, vì con người không phải là chủ mà là nạn nhân của thế giới! Một thế giới bi - hài đúng như S. Kierkegaard nói về thời đại ông: bi vì nó đang đi tới chỗ bị hủy diệt, hài vì nó vẫn luôn luôn còn đó!

Lí luận văn học hiện đại thường nói nhiều đến *tính chất mở* của tác phẩm văn học, xem tác phẩm không phải là sản phẩm cố định mà là quá trình, một quá trình tạo nghĩa không ngừng. Các tác phẩm của Franz Kafka luôn luôn *mở*. Người đọc khó có thể "giải mã" một cách nhất quán nội dung của một tác phẩm nào đó của Kafka. Nội dung ý nghĩa hay trạng thái cảm xúc của nhà văn không bao giờ được thể hiện rõ ràng bằng khái niệm. Các tác phẩm của Franz Kafka luôn tạo khả năng cho người đọc đồng sáng tạo với tác giả. Và người đọc thường cảm nhận từ các văn bản của Kafka những điều gần gũi nhất đối với mình. Chẳng hạn A. Camus tìm thấy huyền thoại của sự phi lí trong các tiểu thuyết của Kafka, còn một số nhà nghiên cứu văn học Macxit thì đã xếp ông vào hàng ngũ những người theo chủ nghĩa duy vật vô thần, thậm chí có người đội cho ông cái mũ "thế giới quan xã hội chủ nghĩa"(!).

Đọc các tác phẩm của Franz Kafka người đọc đều có cái cảm giác bấp bênh giữa hư và thực. Cái thế giới có trong tác phẩm vừa giống lại vừa không giống hiện thực bên ngoài, nó vừa có thể xảy ra lại vừa không thể hình dung được. *Vụ án* diễn ra trong thành phố, *Lâu đài* ở làng, nhưng người đọc không biết ngay được hiện trường thuộc về thời nào, chỉ biết gián tiếp qua quần áo, đồ dùng của nhân vật. Trong các thành phố và làng mạc của Kafka, trời tối và sáng một cách tuần tự, nhưng thời gian dường như dừng lại, không thể nhận thấy. Không có sự khác biệt nổi bật nào giữa thời gian một năm của *Vụ án* và sáu ngày của *Lâu đài*. Nghĩa là trong thế giới của Franz Kafka, không gian và thời gian không mang tính cụ thể; không có không gian của đời sống ở thành phố hiện đại, và thời gian đầu thế kỉ XX. Tất cả đều diễn ra với những hình ảnh nhuốm màu sắc huyền thoại. Các nhân vật đi lại, nói cười, ăn uống, làm tình rất đời thường, thậm chí cũng sợ trễ giờ làm (mặc dù đã biến thành bọ), nhưng bỗng nhiên, do một sự kiện nào đó, họ vượt khỏi những giới hạn của cái hiện thực - đời thường, trở thành huyền thoại. Người đọc không biết được tại sao sự việc lại xảy ra như đã xảy ra; hiện thực được huyền thoại hóa ở nơi "phù hợp" nhất, vào thời điểm "hợp lí" nhất mà chỉ có Franz Kafka biết được. Cách làm đó có ở M. Chagall và Picasso trong hội họa. Chúng ta đã quen với cách phản ánh hiện thực của "những nhà hiện thực lớn" (chữ dùng của G. Lucács) thế kỉ XIX. Ở Balzac và L. Tolstoi cái hiện thực có thể nhìn thấy luôn xuất hiện trong những hình thức trực tiếp của chính nó; ở Stendhal và Flaubert thì sự trọn vẹn của hiện thực được phản ánh qua ý thức chủ quan của một nhân vật, nhà văn đứng ngoài thế giới tiểu thuyết để tổ chức và điều khiển số phận của nhân vật theo ý đồ của mình. Còn đối với Franz Kafka, hiện thực, về mặt tổ chức của nó, là hình ảnh, là hiện thực - hình ảnh. Đặc biệt Franz Kafka luôn bị cuốn hút bởi các chi tiết, ông ý

thức rất rõ rằng chi tiết là hình thức xuất hiện của những quy luật không thể thấy, là khả năng để diễn đạt cái không thể diễn đạt được. Trong thế giới nghệ thuật của Kafka luôn có một hình ảnh bao trùm lên tất cả như là ấn tượng duy nhất: một tòa án quyết án tử hình người ta vô cớ, một lâu đài không thể tiếp cận, một con chó, con khỉ, con bọ mang ý thức con người... Nhưng đó là hình ảnh của một hiện thực hai mặt. Nhà văn không mang đến cho người đọc những gì có thể tin ngay, phù hợp với yêu cầu thẩm mĩ của sự bắt chước hiện thực, mà đưa ra một hiện thực tưởng như không thể có mà vẫn có thật. Ông viết trong nhật kí: "Có ai đó ca ngợi trí tưởng tượng của tôi và cho là không có thật, vậy mà *tôi thấy nó xảy ra ở khắp mọi nơi*".

Cuối thế kỉ này, sau những gì đã xảy ra trong thế giới của chúng ta, sau hai cuộc Đại chiến thế giới, sau Auschwitz, Hirosihma, chiến tranh lạnh và những cuộc thanh trừng sắc tộc đẫm máu mới đây, chúng ta càng hiểu hơn Franz Kafka và thế giới nghệ thuật của ông, mới nhận ra dự cảm thiên tài của nhà văn về sự tha hóa và những nỗi kinh hoàng của con người trước khi chúng trở thành trạng thái phổ biến của thế giới sau những năm ba mươi của thế kỉ. Lẽ dĩ nhiên, Franz Kafka chưa bao giờ nhận thức được tội lỗi của chủ nghĩa tư bản và Đế chế Áo - Hung như Iaroslav Hasek, Julius Fucik hoặc Ady Endre. Nhưng sẽ không nói hết được những giá trị đích thực của thế giới nghệ thuật Franz Kafka, nếu ai đó chỉ cố công phát hiện những yếu tố tích cực trong các tác phẩm của Franz Kafka qua việc ông đã phơi bày sự tha hóa của chủ nghĩa tư bản. Thực ra, Kafka không chỉ xem xã hội tư bản là phi lí, mà mọi loại xã hội với những thiết chế quyền lực không thật sự vì lợi ích của con người đều phi lí, xấu xa, không đáng sống và không thể nào sống được!

Không phải ngẫu nhiên mà hơn nửa thế kỉ nay, Franz Kafka đã ảnh hưởng đến hầu hết các nhà văn nổi tiếng của

phương Tây, từ Thomas Mann đến A. Camus, Faulkner. Sống và sáng tác trong một thời kì sôi động của đời sống văn học nghệ thuật, giữa bao nhiêu tuyên ngôn, trường phái cách tân, đổi mới ầm ĩ, nhưng Franz Kafka đã lặng lẽ lao động nghệ thuật một cách có hiệu quả nhất bằng chính những sáng tạo độc đáo của mình. Ông lao động nghệ thuật nghiêm túc đến mức không mấy khi tự bằng lòng với những gì mình đã viết ra. Chính vì vậy mà số lượng các tác phẩm của ông được in rất ít khi ông còn sống. Thậm chí ông còn nhờ bạn đốt hết các bản thảo sau khi ông chết. Cả ba cuốn tiểu thuyết của ông đều chưa hoàn thành. *Nước Mĩ* và *Lâu đài* chưa có chương kết. *Vụ án* có vẻ như đã trọn vẹn, nhưng ở từng chương vẫn chưa hoàn thành, văn bản có thể đọc hiện nay là nhờ Max Brod, bạn ông sắp xếp. Đã và sẽ có nhiều nhà văn tài năng xuất hiện, nhưng sống và ứng xử với những gì mình viết ra như Franz Kafka thì không phải ai cũng làm được. Nếu có nhà văn nào thật sự sống hết mình cho văn chương thì đó chính là Franz Kafka. Ông viết văn như là nhu cầu nội tại không thể thiếu. Dường như mọi hoạt động sinh tồn của nhà văn đều chỉ là thứ yếu trước việc khám phá và giải mã những bí ẩn của thế giới bằng sáng tác văn học. "Tôi chỉ là nhà văn, tôi không thể và cũng không muốn trở thành người khác, tất cả đều làm tôi chán, *tôi chán tất cả những gì không phải văn học*" (Nhật kí, ngày 21-8-1913). Ông nói với bạn: "Đối với tôi, viết như là hình thức cầu nguyện". Và chúng ta có thể nói thêm, đối với Franz Kafka, viết là cuộc chiến chống lại sự tha hóa và phi lí "trong giới hạn của sự tha hóa" (R. Garaudy). Nhà văn khao khát tìm kiếm sự thật về kiếp người và mong ước Con Người được sống với Con Người, được hòa hợp với gia đình, xã hội và tìm được chính mình trong một thế giới có ý nghĩa. Mục đích của ông là làm thế nào để nói được *bằng nghệ thuật* những điều quan trọng đó về Con Người một cách hiệu quả nhất.

Và Franz Kafka đã thành công!

TRÊN HÀNH TRÌNH CHÂN LÍ KAFKA

LÊ HUY BẮC

Văn chương hiện đại đòi hỏi một cách đọc trí tuệ và chủ động. Kiểu đọc nhẩn nha, thưởng thức theo lối đồng cảm trước những sáng tác của Hugo, Balzac, Tolstoi... nay không còn phù hợp nữa. Sở dĩ có hiện tượng này là bởi lẽ, những nhà Hiện đại kiệt xuất (như J.Joyce, W.Faulkner...) khước từ cách *miêu tả hiện thực trực tiếp* mà ngót bốn mươi thế kỉ nay nhân loại đã sử dụng (từ Hy Lạp cổ đại khoảng năm 2000 trước công nguyên đến cuối thế kỉ mười chín sau công nguyên). Đây là bước đột phá vĩ đại trong tiến trình văn chương của nhân loại. Các nhà Hiện đại đề xuất cách *miêu tả hiện thực gián tiếp.*

Nhìn nhận một cách khái quát, có hai cách *miêu tả gián tiếp:* hoặc là khai thác kí ức nhân vật (vậy thì hiện thực xã hội đồng thời là hiện thực nội tâm con người) hoặc là huyền thoại hóa nhân vật theo các môtip *biến dạng* (vậy thì hiện thực xã hội đồng dạng với hiện thực ngoại diện và tâm hồn theo kiểu *khác biệt* của nhân vật). Cả hai cách phản ánh này, đặt trong quan hệ với hiện thực, đều vận dụng nguyên tắc *lạ hóa*: hoặc thu hẹp hiện thực đến mức tối đa hoặc mở rộng hiện thực đến siêu thực, hoang đường. Do vậy, cái hiện thực mà độc giả cần nắm bắt thì chẳng tập trung vào *nghĩa đen* do hình tượng mang lại (nếu thế thì hiện thực của các **nhà** Hiện đại thật nghèo nàn vô cùng) mà cơ bản là tập trung vào *nghĩa bóng*

của hình tượng. Từ đây, các nhà nghiên cứu đề cập đến nghệ thuật *miêu tả cái vắng mặt* của các nhà văn Hiện đại.

Vậy nên tính đa nghĩa của văn bản văn chương Hiện đại là vô cùng phong phú. Xuất phát từ dụng *ý mờ hóa* hình tượng, các nhà Hiện đại đã tạo ra một hiện tượng tiếp cận văn bản một cách kì thú. Chưa bao giờ trong lịch sử văn học của nhân loại (trừ Sêcxpia), một sự kiện, một vấn đề có thể hiểu hoàn toàn trái ngược nhau và cách hiểu nào cũng có thể chấp nhận. Kafka là bậc thầy của nghệ thuật độc đáo này. Chúng ta có thể khám phá qua một truyện cực ngắn của ông: *Làng gần nhất.*

"Ông tôi thường nói: - Cuộc đời ngắn ngủi đến kì lạ. Đối với ông, ngoái nhìn lại, cuộc đời dường như bị thu ngắn đến nỗi ông chẳng thể hiểu, chẳng hạn như, việc một chàng trai trẻ quyết định cưỡi ngựa đến làng bên cạnh mà không hề lo sợ - cho dù không có sự cố nào xảy ra, thì ngay cả tuổi thọ trung bình của một cuộc đời hạnh phúc bình thường hẳn không đủ thời gian cho chuyến đi ấy"[*].

Tuy vẻn vẹn chưa đến một trăm chữ (chính xác, bản tiếng Anh là 66 chữ, bản tiếng Việt là 84 chữ) nhưng *Làng gần nhất* vẫn là một truyện ngắn, bởi nó có người kể chuyện (ở ngôi thứ nhất: *tôi*); có nhân vật, ba người: *tôi,* ông tôi và chàng trai; có hành động truyện: đi đến làng bên cạnh... Nhưng nếu cứ hiểu theo cách hiểu truyền thống thì văn bản này chẳng có gì đáng nói. Nghĩa đen của truyện là việc cuộc đời ngắn đến nỗi chàng trai kia không thể đến được làng bên cạnh và một ông lão chiêm nghiệm sự ngắn ngủi đó.

Nhưng điều phi lí ở đây là tại sao một người trẻ khỏe

---

[*] Bản tiếng Anh của Willa và Edwin Muir, in trong *Franz Kafka, Collected Stories,* Everyman's Library, London 1993, p 182. Các đoạn trích tác phẩm trong bài viết nếu không có chú thích gì thêm, đều được chúng tôi dịch từ sách này.

(chàng trai), có phương tiện (cưỡi ngựa), không gặp trở ngại gì trên đường lại không thể nào đi đến đích của mình, mà cái đích ấy nào có xa xôi gì (làng bên cạnh). Như vậy, có hai giả thiết được đặt ra: nhân vật *ông tôi* ấy hoặc là thông thái hoặc là đã... lẩm cẩm. Bởi tín hiệu "thường nói" cộng với tuổi tác (ông tôi) của ông cũng có thể khiến ta hình dung ra hai nét đặc trưng trái ngược đó. Có điều hiểu theo cách nào cho đúng với ý đồ của Kafka lại là chuyện khác. Điều đó hoàn toàn phụ thuộc vào độc giả.

Rõ ràng Kafka không hề "lẩm cẩm" khi xây dựng một nhân vật "lẩm cẩm" theo kiểu suy luận ấy. Bản thân Kafka lẫn nhân vật chính của ông ngẫm cho cùng luôn là mẫu người thông tuệ, am hiểu cuộc đời sâu sắc, chỉ có điều họ ***không có phương tiện***. Vậy thì, đến đây ta có thể đặt một giả thiết ngược rằng chỉ có những ai lẩn thẩn thì mới xem nhân vật của Kafka "lẩm cẩm" mà thôi.

Kafka xây dựng nhân vật khác xa với truyền thống: không tên (tôi, ông tôi, chàng trai) không tuổi (chỉ xác định được là trẻ hay già), không lịch sử (ở đâu, sống với ai, làm nghề gì...) vậy nên cách đặt vấn đề của Kafka ở truyện này cũng không giống với truyền thống. Ở đây, ta không thể và không bao giờ đưa ra được kết luận cuối cùng. Động từ thích hợp dùng trong phân tích giá trị tư tưởng nghệ thuật của Kafka luôn là *dường như*.

Dường như người ông ấy muốn dạy *tôi* rằng cuộc đời ngắn ngủi lắm nên cháu (hoặc con người ta) cần phấn đấu hơn nữa. Nhưng *dường như* người ông ấy hẳn muốn đưa ra triết lí bi quan rằng cuộc đời ngắn ngủi quá, phấn đấu làm gì cho nhọc công. Cả hai cách hiểu, tích cực và tiêu cực, đều có thể đúng với câu chuyện.

Nhưng chẳng lẽ Kafka lại đi cổ vũ cho tư tưởng bi quan? Câu trả lời rất dễ, bởi chẳng một nhà văn lớn nào của thế giới lại đi xui con người sống yếm thế trước cuộc đời. Con người

càng khao khát vươn lên bao nhiêu thì nhà văn với tư cách là người nắm phần hồn của nhân loại lại càng có khát vọng vươn lên mãnh liệt hơn, ngay cả khi họ đề xuất sự tách li, cô độc, bi quan của con người.

Điều quan trọng đối với Kafka là sự song trùng (phần nào đó) giữa *tôi* và *chàng trai*. *Tôi* là chủ thể chiêm nghiệm. *Chàng trai* là đối tượng chiêm nghiệm. Điểm cốt lõi để giải đáp cho câu hỏi (bi quan hay lạc quan) là ở chỗ *chàng trai* có đi đến cái làng gần nhất kia không. Chắc chắn *chàng trai ấy có đi*. Nhưng đến được hay không thì lại là chuyện khác.

Kafka thường miêu tả *con người cô độc*. Trong tác phẩm của ông, ta bắt gặp cả thế giới những người cô đơn. Họ không có gia đình. Họ sống đơn độc. Họ xa lạ và lạc lõng trước cộng đồng. Nguyên nhân tạo nên sự trơ trọi khốn cùng này là chỉ tại họ *khác người*. Trong lúc cả xã hội sống bình yên hoặc điềm nhiên chấp nhận hiện thực phi lí, phi nhân bản ấy thì con người của Kafka lại cố đi *tìm hiểu, cắt nghĩa* nó. Vì khả năng tồn tại tích cực này nên nhân vật của Kafka là kiểu *con người hành động*. Họ không bao giờ chịu ngồi yên một chỗ để chấp nhận những ngang trái giáng xuống cuộc đời. Chỉ có điều dẫu cho họ cố hành động đến mức nào đi nữa thì đa phần, cái chết cũng sẵn sàng đợi họ.

Như thế, trong câu chuyện trên, *chàng trai* hẳn đã cưỡi ngựa lên đường. Còn việc có đến được, chưa đến được hay không đến được *làng gần nhất* thì lại là chuyện phải bàn. Ta biết, ngôi làng đó là mục tiêu hướng đến của chàng trai và cũng biết dẫu có tài giỏi đến mức nào chăng nữa thì chàng cũng không thể đến được ngôi làng đó. Điều phi lí được đặt ra ở đây: làng *gần nhất*, người nuôi *khát vọng* mà chẳng thể nào tiếp cận nổi? Ngoại trừ cảm quan bi đát về sự hữu hạn của con người (có thể là tư tưởng chủ đạo của tác phẩm), ta thấy cứ mỗi chặng đường phấn đấu, chàng trai ấy đều có khả năng tiếp cận gần hơn với cái đích của mình. Thì ra, *làng gần nhất*

ẩn dụ cho mục tiêu cao cả nhất của cuộc đời. Nhưng trong cuộc sống, hiểu theo hướng tích cực, thì chẳng có ai thỏa mãn với những gì mình đạt được trước khi đặt chân vào nấm mồ. Vậy nên vĩnh viễn *làng gần nhất* lại là *làng xa nhất* - cái đích lí tưởng luôn vẫy gọi con người vươn đến. Cho dù trong cuộc đời, con người có thành công, thất bại hay luôn thành công thì khát vọng vượt lên mình luôn là thách thức lớn để hướng con người đến bến bờ hạnh phúc hơn.

Vì những lẽ đó, *Làng gần nhất* phải được hiểu ở góc độ ẩn dụ. Kafka đã sử dụng *hình thức nghệ thuật gián tiếp:* gợi nhiều hơn bình luận, trưng ra nhiều hơn mô tả... tất cả đều được hiểu theo nghĩa bóng, nghĩa hàm ẩn ở độ sâu vi diệu của ngôn từ. Cách viết này trước đây là đặc quyền của *Ngụ ngôn* và *Dụ ngôn* trong Kinh Thánh. Vì thế nên nhiều nhà nghiên cứu khẳng định Kafka là *người viết Kinh Thánh hiện đại, ngụ ngôn hiện đại.*

Thông điệp của Hoàng đế cũng là một truyện ngắn độc đáo theo phong cách này.

Có một người sắp mất, đó là Hoàng thượng, người gởi lại bức thông điệp. Thông điệp này chắc chắn là quan trọng. Và người được Hoàng thượng ủy thác cũng là người quan trọng, đáng tin cậy để chuyển thông điệp đi. Đến đâu? Cho ai? Ta không biết. Nội dung như thế nào? Ta cũng không biết. Hoàng thượng ở đây cũng chỉ chung chung chứ ta không biết cụ thể đấy là Hoàng thượng của ai hay của nước nào. Cả người được Hoàng thượng phái đi ta cũng không biết rõ. Tính mơ hồ của cung cách tự sự này đã tắm câu chuyện trong không khí huyền thoại. Hoàng thượng không xác định, thông điệp không xác định, và cả người đưa thư cũng không xác định nốt. Vậy nên bất kì ai đọc câu chuyện cũng có thể đứng vào các vị trí: trao thông điệp (Hoàng thượng), đưa thông điệp (người đưa thư) và nhận thông điệp (bạn). Vậy nên nội dung của thông điệp rất phong phú, và sẽ được tạo dựng, lan tỏa theo cấp số nhân.

Thông điệp đó là gì? Ta theo dõi tiếp.

Chuyện chỉ xảy ra trong cung Hoàng đế. Hoàng đế ốm nằm trên giường. Cận thần đứng xem cái chết của Hoàng đế, gã đưa thư lên đường. Gã dễ dàng len qua đám cận thần đứng dài vô tận, nhưng lúc sắp thoát ra để đến trước cửa nhà *bạn* thì gã phải qua chốn hậu cung, nơi đầy rẫy đàn bà, và đắm chìm trong đó. Gã quên nhiệm vụ, quên lời nhắn gởi, bởi cái hậu cung của Hoàng thượng kia nhiều ngóc ngách đồ sộ nên lời nhắn gởi của ông ta cũng hun hút chìm vào cái thế giới ấy. Chính ông vua tham lam lại góp phần làm hỏng việc mình.

Còn kẻ đưa thư? Rõ ràng gã là đồ vô trách nhiệm. Nhưng điều ấy cũng cho thấy gã rất người. Ta đâu có quyền trách gã khi lạc thú ở đời hãy còn nhiều mà có người lại cứ chăm chăm làm mỗi cái việc chán ngắt là đi trao thông điệp kia. Mặc, gã tận hưởng cái đã.

Nhưng hiểu như thế thì lại có phần không thực nhân văn. Gã đưa thư kia, dẫu có chết cũng phải thực hiện cho bằng được ước nguyện của người kí thác lúc lâm chung. Hiểu thế này cũng có phần oan cho gã. Tại hậu cung ấy dài quá, loằng ngoằng quá nên đã khiến gã không thoát ra nổi chứ gã đâu có dám làm điều gì xằng bậy ở đó đâu?

Thì ra thông điệp ở đây là, chớ có tham lam (nhất là sắc dục) kẻo lại tự làm hại mình. Lỗi là tại Hoàng thượng.

Vậy người đưa tin kia đúng chăng? Gã vừa đúng lại vừa sai. Nhưng cái sai lớn nhất của gã là khả năng hữu hạn của con người. Gã không vượt thoát nổi dục vọng (nếu có) và không thoát khỏi mớ hậu cung kia vì sức yếu và vì giới hạn quá ngắn ngủi trong một kiếp người của gã.

Truyện còn người thứ ba, *bạn* - kẻ nhận thư. Bạn chờ thông điệp. Nhưng thông điệp do những nguyên nhân trên đã không đến. Bạn mòn mỏi chờ, rồi đêm xuống bạn vẫn cứ chờ.

Thông điệp không đến, người chờ không nhận được, quan

hệ giữa người và người trên thế gian là cả sự lệch pha, khập khiễng thảm hại. Triết lí bi đát của Franz Kafka đã thể hiện rõ nơi này. Cho dù vì lí do này hay lí do nọ nhưng một khi con người không nhận được thông điệp thì họ *không thể nào hiểu nhau*. Và đấy là nguyên nhân của mọi mối bất hòa, đổ vỡ.

Thông điệp của Hoàng đế là vậy chăng? Nếu khác, chúng tôi xin dành để bạn đọc nghĩ tiếp.

Làng gần nhất và *Thông điệp của Hoàng đế* thuộc nhóm tác phẩm xây dựng huyền thoại dựa trên những yếu tố không có gì là hoang đường, kì ảo. Trong khi đó, *Người cưỡi xô* lại thuộc nhóm tác phẩm, ngay từ đầu sử dụng yếu tố phi thực để dựng huyền thoại. Cùng nhóm với *Người cưỡi xô* còn có *Biến dạng*(*), *Hang ổ, Chó sói và người Arập*... Xét tỉ lệ giữa hai nhóm này thì nhóm *hiện thực* chiếm ưu thế song có lẽ những tác phẩm sử dụng cái *phi thực* mới thể hiện rõ nét phong cách Kafka hơn. Vì ở những tác phẩm không trực tiếp sử dụng cái *phi thực,* để tạo dựng huyền thoại Kafka, phải đẩy *hiện thực*, phần nào đó, sang phạm vi của cái *phi thực*.

Biệt tài của Kafka khi sử dụng cái hoang đường là bằng nhiều cách, ông khiến bản thân nhân vật và cả độc giả chấp nhận chúng và xem đấy như là một phần tất yếu của cuộc sống. Để làm được điều này, Kafka đã sử dụng *thời gian huyền thoại*. Tác phẩm của ông, về bản chất, đề cập đến những vấn đề hiện tại song ông luôn đặt chúng vào môi trường huyền ảo, bằng cách xóa bỏ hết đường viền *thời gian thực*. Đọc Kafka, ta luôn bắt gặp ngay từ đầu những tín hiệu *thời gian huyền thoại*: "Một buổi sáng nọ" (*Vụ án*), "Một sáng tỉnh giấc băn khoăn" (*Biến dạng*), "Một hôm một bác nông dân đến" (*Trước cửa pháp luật*)... Sự phiếm chỉ về thời gian này không chỉ gợi trong độc giả cảm thức về không khí của một câu truyện cổ

(*) Bản tiếng Việt của Đức Tài in trong *Tuyển tập tác phẩm* này được dịch là *Hóa thân*.

vốn dĩ đã ăn sâu trong tâm thức của bao người (điều này giải thích tại sao người đọc dễ chấp nhận những điều phi lí do Kafka tạo dựng) mà nó còn tạo điều kiện để Kafka dễ bề huyền thoại hóa hiện tại.

Cách xây dựng *thời gian huyền thoại* nữa của Kafka là thay vì đưa tín hiệu thời gian phiếm chỉ, Kafka *phớt lờ thời gian* và lôi cuốn độc giả vào các sự kiện dồn dập, khó xác định thời gian: "Tôi có mười một con trai. Con cả không đẹp trai nhưng nó đứng đắn và thông minh" (*Mười một người con trai*); "Than đã hết nhẵn; cái xô trống rỗng; cái xẻng vô dụng; bếp lò buông từng hơi thở lạnh buốt; căn phòng băng giá; bên ngoài cửa sổ, lá cây đờ đẫn, phủ đầy sương muối..." (*Người cưỡi xô*). Kiểu *phớt lờ thời gian* này thường được phụ họa bởi một không gian huyền thoại: *tuyết trắng*. Nếu K. loanh quanh mãi trên vùng tuyết không vào được lâu đài (*Lâu đài*); ông thầy thuốc (*Một Thầy thuốc nông thôn*) vĩnh viễn bị vùi chôn vào cánh đồng tuyết bao la thì *tôi* trong *Người cưỡi xô* "đáp xuống dãy núi băng và vĩnh viễn biến mất"...

Thế giới tồn tại trong thời gian phiếm chỉ và không gian vô định của Kafka là thế giới báo hiệu sự bất bình thường, không chỉ là cái chết dành cho các nhân vật chính mà còn là sự què quặt, bất thành nhân dạng ở các nhân vật phụ của ông. Trong *Vụ án*, cô hầu Leni có bàn tay với các ngón dính với nhau bằng màng như chân vịt, luật sư Hun nằm liệt giường, thương gia Bloc sống trong cái hốc ở nhà luật sư Hun, người bõ già ở nhà thờ thì bước đi xiêu vẹo... Còn ở *Người cưỡi xô*, ông bán than, người *tôi* van xin cứu giúp, thì bị *điếc*.

Hệ thống nhân vật trong truyện này được khắc họa theo lối tương phản. *Tôi* nghèo, không có than, sắp chết vì giá lạnh; trong khi đó vợ chồng người bán than sống trong căn hầm vòm ấm áp, vợ ngồi đan, chồng viết và phải "mở cửa để cho thoát bớt lượng nhiệt quá nóng". *Tôi* cần phải mua được than thì mới có thể giữ được mạng sống của mình. Nhưng *tôi* không có

tiền. *Tôi* phải van nài để vợ chồng kia bán chịu cho vài xẻng than. Và đây là cách *tôi* tỏ sự thảm hại của mình: "Tư thế đến của tôi hẳn quyết định vấn đề, vậy nên tôi nhảy cưỡi lên cái xô. Khi đã ngồi yên trên xô, tay tôi nắm quai xô, một loại dây cương giản dị nhất, tôi chật vật đẩy thân mình xuống cầu thang; nhưng khi vừa đến bên dưới, cái xô của tôi bay lên, diệu kì, diệu kì; lũ lạc đà nằm chồm chỗm trên mặt đất, rùng mình khi bị xà ích quật, cũng không thể đứng lên nghiêm trang hơn thế".

Tính chất hoang đường của cái xô biết bay được giảm thiểu khi Kafka so sánh nó với đám lạc đà. Cách so sánh này hiển nhiên cốt tạo nên tiếng cười. Song tiếng cười ở Kafka hoàn toàn không trong trẻo, giải tỏa, mà tiếng cười ấy góp phần khoét sâu hơn sự bi đát qua một cảnh ngộ trớ trêu. Các nhân vật của Kafka *đều không có phương tiện để thực hiện ước nguyện* (K. không có giấy gọi để vào lâu đài, Joseph K. không có cách nào để tiếp cận người tuyên án anh, người nông dân trước cửa pháp luật không được phép bước vào pháp luật...) nhưng họ không bao giờ chịu bó tay, bằng cách nào đó họ phải cố tiếp cận cho bằng được cái đích mình cần vươn đến. Vậy nên, ông thầy thuốc nông thôn đi thăm bệnh cho bệnh nhân trên cỗ xe do hai con lợn-ngựa kéo. Samsa (*Biến dạng*) phải dùng những âm thanh chút chít thảm hại của loài côn trùng của mình để cố giao tiếp với người thân... nên việc *tôi* cưỡi xô đến nhà người bán than thì chẳng có gì lạ lẫm cả. Kafka rất có biệt tài khi hòa lẫn cái quái dị trong cái bình thường. Cái quái dị của Kafka thường được tạo dựng từ cái tương đồng. Có nghĩa người đọc dễ chấp nhận về mặt suy lí: lợn thành ngựa, cái xô rỗng thì có thể bay... Mặt khác, do hàm lượng quái dị trong tác phẩm của ông khá cao nên người đọc dễ bị *đánh lừa*, dễ xem những quái dị ấy là bình thường:

"- Ông bán than ơi! - tôi gào bằng giọng bỏng cháy vang vọng bởi sương giá và nghèn nghẹn trong đám mây do hơi thở

tôi tạo ra, - hãy làm ơn, ông bán than ơi, cho tôi ít than. Cái xô của tôi nhẹ đến nỗi tôi có thể cưỡi lên nó. Xin ông làm phúc cho. Khi nào có, tôi sẽ trả ngay cho ông.

Người bán than đưa bàn tay lên tai. - Tôi nghe thật chứ? - Ông ta ngoảnh lại hỏi vợ. - Tôi có nghe rõ không? Một khách hàng.

- Tôi chẳng nghe thấy gì cả, - vợ ông nói".

Ta gặp cặp tương phản nữa giữa hai vợ chồng người bán than. Nghịch lí ở đây là người điếc thì nghe thấy còn người không điếc thì không nghe thấy. Môtip ***không thấu hiểu, không nghe thấy, không nhìn thấy***... thường xuyên xuất hiện ở Kafka. Tuy nhiên, ông không sử dụng chúng theo lôgic suy lí bình thường: dốt không hiểu, điếc không nghe, mù không thấy... Các nhân vật của ông có đầy đủ các giác quan cũng như trí tuệ, tình cảm nhưng đấy là những thứ họ không có khả năng sử dụng (hay không sử dụng). Trong trường hợp vợ của người bán than, bà ta không sử dụng đôi tai thính của mình. Đây là biện pháp *lạ hóa* của Kafka, nhằm lột tả sự thờ ơ lạnh lùng trước nỗi đau khổ của đồng loại. Người vợ này vì thế là vật cản không thể vượt qua được giữa *tôi* và người chồng bán than tốt bụng. Những lời cầu xin đầy thuyết phục của *tôi* không đến được tai của người chồng. Điều cuối cùng *tôi* nhận được từ người đàn bà kia là sự chối từ thẳng thừng: "Bà ta không thấy gì và chẳng nghe thấy gì; cũng như bà ta tháo dây buộc tạp dề rồi vung tạp dề quạt tôi ra xa. Xúi quẩy thay, bà ta đã thành công. Cái xô của tôi có tất cả những phẩm chất của một con ngựa hay ngoại trừ sức kháng cự, nó không có, nó quá nhẹ; cái tạp dề của người đàn bà có thể quạt nó bay trong không khí".

Không có than, cái chết ắt sẽ đến với *tôi*. Điều duy nhất *tôi* có thể làm lúc này là nguyền rủa người đàn bà kia: "- Đồ đàn bà độc ác! - tôi hét với lại trong lúc bà ta quay vào cửa hàng, nửa tỏ vẻ ngạo nghễ, nửa trấn an, vung nắm đấm trong không

khí. - Cái con mụ đàn bà khốn nạn! Tao cầu xin mày mỗi xẻng than xấu nhất mà mày cũng không cho".

Thế giới Kafka là thế giới pha trộn đến quái đản giữa thực và mơ. Nhiều lúc ta không thể nào phân biệt được câu chuyện ông kể được thực hiện vào lúc ông tỉnh hay ông mơ. Rõ ràng thế giới của ông là thực, thực hơn mọi sự thực khác. Nhưng bảo cõi ấy là mơ thì cũng chẳng hề sai tí nào. Kafka không chỉ viết hẳn một truyện ngắn nhan đề *Giấc mơ*, để nhân vật chứng kiến cảnh người ta khắc bia mộ cho mình, không chỉ khai thác giấc mơ, như cánh cửa khai thông tiềm thức (nơi lưu giữ những ẩn ức) với thực tại theo cách của các nhà Phân tâm học mà ông biến cả thế giới thực tại thành cõi mơ. Xét từ góc độ này, ta có thể xem nhân vật *tôi* trong *Người cưỡi xô* là kẻ đã chết. Vì chỉ có người chết thì mới có thể cưỡi được xô. *Tôi* ấy chẳng gì khác hơn là một linh hồn. Một linh hồn lang thang, vật vờ không nơi neo đậu. Linh hồn ấy chết vì giá rét nhưng trong cõi phiêu du vô định kia, cái lạnh vẫn đeo đẳng, vẫn bám riết để tôi quay về dương thế tìm chút lửa hồng nơi người bán than kia. Nhưng sự phũ phàng tình người đã tàn nhẫn xua đuổi. Vĩnh viễn *tôi-linh hồn* không thể tái sinh để hòa nhập vào cõi người.

Thế giới nhân vật lành lặn của Kafka thường là thế giới của kẻ xấu. Những kẻ ích kỉ, mất hết tính người. Còn những *người biến dạng* của ông lại là những người tốt, nhưng lại bị thế giới đẹp đẽ kia thống trị. Họ không chỉ là người nghèo, người thiếu phương tiện, người không thể vượt qua sự xa lạ giữa người với người... mà họ còn là nạn nhân của thế giới kia. Nạn nhân một cách phi lí của một thế lực thống trị vô cùng phi lí.

Hình thức thống trị ở Kafka có thể chia làm ba loại chính: ông bố, luật pháp - tòa án và *kẻ thống trị không lộ mặt*. Môtip *ông bố thống trị* xuất hiện trong những tác phẩm có xuất hiện quan hệ cha - con: *Biến dạng* (Samsa với bố), *Lời tuyên án* (Georg Bendemann với bố)... Trong quan hệ này, ông bố có

quyền năng tuyệt đối. Con trai nhất nhất phải nghe theo lời bố. Nhưng quan hệ ấy luôn đặt trong thế tương phản: con trai là vết nhơ của gia đình bị bố chối bỏ. Ông bố của Gregor Samsa không thể nào chấp nhận được việc anh bỗng biến thành côn trùng. Ông vô cùng xấu hổ khi sống cùng con côn trùng ấy trong nhà. Ông nhốt kĩ đứa-con-côn-trùng trong phòng và không thèm để ý đến những khát vọng bình thường của con người dưới cái lốt dị dạng ấy vẫn không ngớt yêu cầu được thông cảm, xẻ chia. Cuối cùng chính ông là nguyên nhân gây ra cái chết cho đứa-con-côn-trùng tội nghiệp đó khi ông dùng táo ném thối lưng nó lúc nó bò ra khỏi phòng, phô sự điếm nhục trước bàn dân thiên hạ.

Sự khánh kiệt tình cảm cha con, mẹ con và cả anh em trong *Biến dạng* cho thấy sự lạnh lùng bi hài của thế sự. Hôm qua người ta quan tâm tới anh chỉ vì anh là cái máy nuôi sống họ, nhưng hôm nay, anh không còn có ích cho họ thì lập tức anh bị lãng quên. Gregor Samsa chết, cũng chẳng có ai buồn ngỏ lời thương tiếc. Mụ giúp việc quét xác anh gom vào giỏ rác đổ lên xe, dửng dưng như khi người ta quẳng một thứ vô giá trị vào thùng rác.

Quan hệ đổi chác, phi tình cảm từ tế bào gia đình này đã khái quát mọi quan hệ tình cảm xã hội. Do vậy, nhiều nhân vật của Kafka đôi lúc không khỏi ngậm ngùi thế sự: "Tay kế nhiệm đang ăn cướp của tôi, nhưng vô ích bởi lẽ y không thể nào chiếm được chỗ của tôi; trong nhà tôi, gã coi ngựa súc sinh kia đang hoành hành; Rosa là nạn nhân của gã; tôi không muốn nghĩ về chuyện ấy thêm tí nào nữa. Trụi trần, phô tấm thân trong băng tuyết lúc đã vào độ tuổi bất hạnh nhất này, trên cỗ xe trần tục và mấy con ngựa siêu phàm, lão già ấy là tôi, tôi lạc lối. Chiếc áo khoác lông của tôi bị mắc ở phía sau xe nhưng tôi không thể nào với tới được, và chẳng một ai trong đám bệnh nhân tráo trở của tôi buồn nhúc nhích lấy một ngón tay. Bị lừa rồi! Bị lừa rồi! Một lần đã trót nghe theo tiếng

chuông lọc lừa ấy trong đêm thì vĩnh viễn không thể nào cứu vãn nổi..." (*Một thầy thuốc nông thôn*).

Từ sở hữu (*của tôi*) đến tay trắng, từ ân tình đến tráo trở... nhân vật của Kafka bị tước đoạt sạch sành sanh. Ý thức "bị lừa rồi" ở đây không chỉ là lời than chua xót trước những đổi thay của thế thái nhân tình mà còn được khái quát ở cấp độ cao hơn: lời hiệu triệu của thế lực phi nhân bản, ngầm chỉ phát xít, và một khi đã *trót nghe theo* thì *vĩnh viễn không thể nào cứu vãn*. Như thế con người chỉ còn một lối duy nhất: đi thẳng đến cõi chết.

Một thầy thuốc nông thôn còn là câu chuyện ẩn dụ về mối hiểm họa phát xít qua *vết thương trên cơ thể cường tráng của chàng trai*. Chàng trai ấy là ẩn dụ của châu Âu. Vết thương của chàng thoạt tiên rất khó nhận ra, ngay đến người thầy thuốc ban đầu cũng bảo "người này không mắc bệnh". Rồi ngay sau đó ông ta lại thấy chàng trai bị thương, nhưng vết lở loét ấy đã đầy giòi bọ, có nghĩa "không thể nào cứu chữa được". Thái độ của chàng trai ấy cũng đầy bí hiểm: thoạt tiên anh ta xin thầy thuốc để anh ta chết (phải chăng ẩn dụ châu Âu tự nguyện nảy sinh phát xít?) rồi anh ta lại cầu xin thầy thuốc cứu chữa (vì sợ phát xít?)... Nhưng tất cả đã quá muộn, một khi đã phát tác thì khối ung nhọt phát xít kia đâu dễ hủy bỏ. Nên không chỉ *thầy thuốc kia bị lột truồng ném lên giường người bệnh* mà cả nhân loại cũng phải chịu chung căn bệnh nan y kia.

Cảm quan về việc *bị lừa* ấy cũng còn có thể được khai thác ở cấp độ cha - con. Người cha của Gregor Samsa, lúc anh còn đi làm thì suốt ngày tỏ vẻ yếu đuối không thể đứng dậy khỏi giường, nhưng khi Samsa biến thành con bọ thì người cha ấy bỗng khỏe khoắn và đi làm như không hề có bệnh tật gì. Thế nhưng, những người cha ấy lại có quyền phán quyết. Phán quyết kinh hoàng nhất là buộc con trai tội phải chết đuối.

Đành rằng trong cuộc sống hiện đại lời phán quyết phi lí theo kiểu trung cổ này không thể nào thích hợp, thế mà điều phi lí hơn lại xảy ra, người con ấy chấp nhận lời phán quyết, nhảy xuống sông tự vẫn. Phải chăng khi xây dựng lời nguyền này, Kafka đã *lạ hóa* việc đối xử và áp bức của người cha (hay của tầng lớp thống trị) đối với con (hoặc những người bị trị) để chỉ ra rằng theo lời phán quyết đó họ sắp đi đến chỗ chết và họ sẽ phải chết. Dùng cái phi lí để nói điều có lí là một biện pháp nghệ thuật tiêu biểu của Kafka.

Cùng nghệ thuật miêu tả cái phi lí này, Kafka xây dựng một khả năng quyền lực khác. Đấy là luật pháp - tòa án. Năm 1942, Bertolt Brecht trình làng vở kịch *Vòng phấn Kapkazơ*. Trong đó có quan tòa Azdac do quần chúng bầu lên. Phép *lạ hóa* Brecht sử dụng ở đây là cho vị quan tòa chân đất này xử kiện theo cách chủ quan của mình, không tuân theo bất kì điều luật thành văn nào: trước khi xử, Azdac uống rượu say; bao giờ cũng xử hai vụ kiện một lúc; mở đầu phiên tòa là đòi ăn hối lộ; dùng sách luật kê đít ngồi; nhưng bằng cách nào đó Azdac đều xử cho người nghèo thắng kiện. Điều này cho thấy dụng ý đả kích, phủ nhận hệ thống luật pháp phi lí đương thời của Brecht. Song hơn hai mươi năm trước, *Vụ án* của Kafka cũng đã tiên phong trên lĩnh vực này. Dưới cái nhìn của Kafka, hệ thống luật pháp, tượng trưng cho nền văn minh hiện đại của con người, hiện lên một cách quái gở, hoang đường.

Vụ án được xuất bản vào năm 1925, sau khi Kafka qua đời. Tác phẩm do Max Brod - bạn thân và là người không nghe theo ước nguyện của Kafka (hủy bỏ bản thảo) mà biên tập và cho in. Tác phẩm gồm mười chương. Chương thứ chín có tựa đề: *Ở nhà thờ lớn*, đan xen phần: *Trước cửa pháp luật*, vốn là một truyện độc lập được Kafka cho in vào năm 1919. Câu chuyện này góp phần thể hiện thêm sự phi lí của hệ thống luật pháp - hành pháp (tòa án) của thể chế chính trị đương thời.

Luật pháp là sản phẩm của xã hội văn minh có tổ chức cao. Con người sở dĩ là người chứ không phải thú vật nhờ biết cách định ra những quy chế để bảo vệ những gì họ cho là tốt đẹp, ưu việt. Như thế bản chất của luật pháp, tự thân, đã là một yếu tố tích cực: vì con người. Tuy nhiên, trong thực tiễn, khó có một hệ thống pháp luật nào lại có thể đáp ứng đầy đủ mọi yêu cầu của các giai tầng xã hội. Đấy là *gót chân Asin* của luật pháp, vì thế khi xã hội phát triển thì luật pháp cũng phải được bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với thời đại mới. Thế nhưng, nếu cứ suy luận theo cách này thì chúng ta sẽ hoàn toàn bị sốc khi tiếp xúc với hệ thống luật pháp của Kafka. Bởi luật pháp ở đó lập ra đầy phi lí, không để dành cho ai cả.

Một người nông dân (ẩn dụ cho người lao động) muốn bước vào cánh cửa pháp luật (để tìm hiểu hay khiếu nại vấn đề gì đó) nhưng tên lính gác không cho phép. Người nông dân ấy kiên nhẫn chờ đợi và nhẫn nại hối lộ gã. Gã nhận và bảo sở dĩ gã làm như vậy là để cho người nông dân ấy yên tâm vì nghĩ rằng mình đã làm hết sức. Nhưng gã vẫn không cho người nông dân ấy vào vì theo gã đằng sau cánh cửa này, còn nhiều cánh cửa khác. Cứ mỗi cánh cửa ấy có một người gác lực lưỡng, dữ tợn hơn gã. Do vậy, người nông dân ấy cứ đợi mãi, đợi mãi, cho đến khi tuổi già kéo đến, thần chết đang đợi sẵn thì gã gác cổng ấy cúi xuống trả lời vào đôi tai gần như điếc đặc của người nông dân về câu hỏi phều phào, tại sao không thấy ai đến cửa pháp luật này ngoài mình: cánh cửa này được làm cho riêng mi, bây giờ mi chết rồi thì tao sẽ đóng cửa để đi đây.

Ngoài lớp nghĩa ám chỉ sự thụ động của người nông dân, hèn nhát đến mức không dám liều mình bước qua cánh cửa ấy, Kafka cho thấy sự xa lạ, bí hiểm của luật pháp trước con người. Luật pháp được đặt ra là để bảo vệ con người, để con người thấu hiểu và hành động đúng với trách nhiệm bổn phận. Ấy thế mà nay, luật pháp đó là cả một thách thức lớn.

Con người không chỉ không thấu hiểu mà còn không thể tiếp cận được. Thủ pháp *lạ hóa* của Kafka đã được sử dụng đắc địa. Hóa ra luật pháp ấy không phải dành cho con người. Nó là hiện thân của sự phi lí, của cái cao siêu mà con người không thể với tới. Thoạt nhìn ta cứ ngỡ làm gì có một thứ luật pháp dị dạng như thế nhưng, Kafka đã hiện thực hóa bằng một gã gác cửa bằng xương bằng thịt hẳn hoi. Và đằng sau cánh cửa ấy là một mê cung mê thất. Thảo nào, chỉ ghé mắt nhìn vào, người nông dân tội nghiệp ấy chẳng dám bước chân qua.

Mê lộ của Kafka là cả một thế giới thách thức trí tưởng tượng và thách thức cả hình thức tư duy suy lí. ***Mê lộ*** tạo nên huyền thoại, huyền thoại về cõi chết. Không đặt chân vào ***mê lộ***, cũng chết. Bước vào ***mê lộ***, tất nhiên, sẽ chết. ***Mê lộ*** của Kafka là một thứ quyền năng vô biên mà con người không thể cưỡng. Thêm nữa, nó là một hệ biến hóa khôn lường.

Mê lộ của một con thú mang nỗi lo âu thường trực của kiếp người (***Hang ổ***). Sợ kẻ thù tấn công, con thú ấy đào nhiều ngóc ngách, ngụy trang khéo léo để phòng thủ. Nhưng càng lo cho bản thân, càng đào thêm nhiều nhánh hang nữa, nó lại rơi vào mê lộ của nó. Thì ra mê lộ ấy là do chính nó tự tạo. Và mê lộ ấy cũng dành cho con người. Tại sao họ không sống bình thản mà luôn nơm nớp trong nỗi lo âu? Tại sao họ cứ phải hùng hục ***đào hang*** để cố che giấu cái xác thân thảm hại ấy? Tại sao con người không đủ dũng khí để đứng lên dưới ánh mặt trời bao la kia?

Và đây là câu trả lời: họ đã bị kết án. Không những *người cha* kết án họ mà còn cả một thiết chế *tòa án* hẳn hoi cũng kết án họ - những con người vô tội.

Một sớm nọ (vẫn không xác định rõ thời gian) Joseph K. thức dậy, thấy xuất hiện hai người lạ mặt mặc đồng phục tự xưng là người của tòa và tuyên bố Joseph K. đã bị kết án. Từ một công dân mực thước, làm đại diện cho một ngân hàng, Joseph K. đã trở thành tội phạm. Thoạt tiên anh ngỡ đấy là

chuyện đùa rồi anh nổi cáu khi hiểu ra chẳng có gì là đùa trong câu chuyện kì quặc ấy cả. Song sự cáu giận cũng chẳng giúp ích gì cho anh khi mấy kẻ lạ mặt kia chỉ một mực nói rằng chúng chỉ thừa lệnh cấp trên (và trong chừng mực nào đó chúng cũng chỉ là nạn nhân của cái mệnh lệnh quái đản kia). Chi tiết này cho thấy Kafka rất tài nghệ trong việc *thuyết phục* nhân vật của mình chấp nhận cái phi lí, bởi những kẻ đến giám sát Joseph K. ấy nào có hơn gì anh. Nhưng thực chất Kafka đề xuất cách nhìn khác. Đấy là sự mị dân của tầng lớp thống trị đương thời: "chúng tôi nào có hơn gì anh". Do vậy người thừa hành luật pháp cũng như người bị buộc tội vừa có quan hệ trên dưới vừa có quan hệ đồng đẳng. Vì lẽ này mà từ một người hoàn toàn lương thiện dần dần Joseph K. lại nghĩ mình có tội và tìm cách chạy tội.

Quá trình chạy tội của Joseph K. đồng nghĩa với việc bóc trần bộ mặt thật của thể chế quan liêu và cho thấy con đường bị đồng lõa bất khả kháng của người lương thiện vào thế giới tội đồ. Nói như Joseph K., một khi đã bị tuyên bố là có tội thì "tôi buộc phải nhúng vào [luật pháp-tòa án] vì nó liên quan đến tôi"(*). Nhưng từng bước, con người phản kháng trong Joseph K. dần nhường chỗ cho con người tất tả chạy vạy để tìm hiểu cái án của mình, đặng nhờ người cứu giúp. Những nơi Joseph K. tìm đến thì thật khôi hài hết chỗ nói.

Sáng chủ nhật nọ, nhận được giấy mời hầu tòa, Joseph K. loanh quanh mãi mới tìm ra nơi theo địa chỉ đã ghi. Đấy là một khu chung cư bẩn thỉu. Lên mãi tầng áp mái, anh mới tìm ra phòng xử án. Nhưng hóa ra, người ta đã gọi nhầm. Trước sự lơ đãng của các vị luật sư trước đám đông người dự, Joseph K. hùng hồn đứng lên diễn thuyết. Nhưng chẳng ai thèm nghe anh. Trên bàn bồi thẩm đoàn có một bộ sách, dạng như sách luật nhưng khi đến tòa vào lần sau, Joseph

(*) Franz Kafka, *Vụ án*, Phùng Văn Tửu dịch, Nxb Văn học, H 1989, tr 74.

K. mới biết đấy là bộ tranh ảnh khiêu dâm tục tĩu. Cũng vào dịp này Joseph K. mới hay những ngày không xử án thì căn phòng được chuyển thành phòng ở cho đôi vợ chồng mõ tòa. Như thế sự trang nghiêm (tòa) với sự hỗn độn (của đôi vợ chồng mõ trẻ tuổi và cô vợ lại rất lẳng lơ, vật mua vui của các quan tòa) đã tạo nên một thay thế nực cười của không gian ấy. Rồi trong cuộc kiếm tìm đó, Joseph K. rơi vào mê cung của tòa án. Gõ cửa phòng nào anh cũng gặp phòng làm việc của tòa, hỏi ai anh cũng gặp người của tòa. Sự xa lạ của Joseph K. trước thế giới tòa án trùng điệp bủa vây ấy còn được khắc họa rõ nét thêm qua việc những căn phòng, những hành lang kín bưng không lối thoát ấy thiếu không khí đến nỗi Joseph K. suýt ngất, nhưng khi các nhân viên của tòa giúp anh tìm được cửa bước ra thì chính bầu không khí trong lành đang khiến anh tỉnh ra lại làm các nhân viên ấy suýt ngất vì đã quen sống trong những căn phòng thán khí.

Kể từ khi Joseph K. bị kết tội thì mọi thứ xung quanh anh đều trở thành tai mắt của tòa, từ bà chủ nhà đến láng giềng của anh đều giữ một khoảng cách và luôn rình rập anh. Ngay cả cái buồng nhỏ chứa đồ phế thải của ngân hàng cũng bỗng nhiên biến thành nơi xử tội hai kẻ giám sát anh. Điều ấy chưa phải là nực cười tuyệt đỉnh mà đỉnh cao của nó là lúc Joseph K. vì thương hại Vilem và Franz đã bỏ tiền ra hối lộ tên thanh tra cấp trên chúng để giải thoát hai đứa ra khỏi roi đòn. Thế giới Kafka là sự trộn lẫn hiện thực và hư ảo. Người đọc Kafka bao giờ cũng được đặt trong một ngữ cảnh song song giữa thực và mơ. Thực của Kafka là mơ, song mơ ấy lại rất thực. Người đọc thoải mái đi giữa không gian vô hạn định ấy, để nhận ra rằng anh hùng và kẻ bại trận, người yếu và người mạnh, người sang người hèn thoáng chốc dễ hoán đổi vị trí cho nhau. Nhưng bên trên họ bao giờ cũng tồn tại hai thế lực chi phối: *Đồng tiền và quyền chức.*

Quyền lực tối cao trong tác phẩm của Kafka không bao giờ lộ diện nhưng chúng có sức mạnh thống trị và khả năng chi phối vô biên. Cái án của Joseph K. không những kì quặc ở kiểu tuyên án mà còn ở cái kết-cục-có-thể của nó: tạm tha hoặc hoãn xử chứ chưa hề được tha bổng bao giờ. Sở dĩ có điều đó là vì, "các quan tòa cấp dưới không có thẩm quyền tuyên bố tha hẳn; cái quyền ấy thuộc về tòa án tối cao mà... không ai với tới được." Họa sĩ Titoreli khẳng định quả quyết: "Những chuyện diễn ra trên đó, chúng ta chẳng biết tí gì, và xin nói thêm, chúng ta chẳng muốn biết" (tr. 196). Dễ nhận thấy thế giới quyền lực phi nhân ấy đã trở thành ***Đấng tối cao toàn năng***, ngự trị và gieo rắc thêm nỗi đau cho con người. Titoreli đã thấu hiểu nhưng lại phản ứng rất bị động theo lối để mặc: không muốn biết. Thái độ đó hẳn đã tiếp tay cho cái xấu hoành hành.

Joseph K. là nạn nhân vì anh không có tiền và quyền. Mặc dù Kafka không hề chỉ rõ vấn đề này ra một cách trực tiếp như Balzac, song chỉ cần nhìn vào cuộc sống không ra hồn người của các nghệ sĩ, thương gia trong tác phẩm của ông thì ta sẽ rõ.

Họa sĩ Titoreli, người mà Joseph K. tìm đến nhờ vả lo lót các quan tòa giúp, luôn tự hào rằng gia đình mình có nghề gia truyền là được ban đặc ân vẽ chân dung các quan tòa. Bí quyết gia truyền mấy đời của Titoreli là khi vẽ cốt làm sao cho các quan tòa ấy uy nghi lẫm liệt, ai nhìn cũng thấy sợ chứ không buộc phải vẽ cho giống. Bởi nếu giống thì các vị ấy bất quá cũng chỉ tựa như mấy chú khỉ gầy mà thôi. Tuy nhờ ân sủng ấy nhưng Titoreli vẫn cứ là họa sĩ đói rách. Anh ta sống độc thân. Phòng của anh ta chật đến nỗi muốn ra cửa thì khách phải bước qua giường... Do vậy, vớ được Joseph K., Titoreli ấn ngay cho anh gần cả chục bức tranh, bắt phải mua để "lấy đường đi lại".

Kafka xây dựng rất nhiều nhân vật nghệ sĩ trong tác phẩm

của mình: Nghệ sĩ nhịn ăn (*Nghệ sĩ đói*(*)), ca sĩ Josephine (*Ca sĩ Josephine hay câu chuyện cổ về chuột*(*)), cô em gái Grete của Gregor Samsa (*Biến dạng*)... họ đều là những người nuôi tham vọng vươn lên, khẳng định tài năng mình và mong muốn được đóng góp cho cộng đồng. Thế nhưng tất cả ước vọng cao đẹp của họ đều tan thành mây khói khi những người xung quanh họ thờ ơ và không thèm hiểu họ.

Nghệ sĩ nhịn ăn sau khi lập kỉ lục hơn bốn mươi ngày thì vẫn cứ muốn nhịn tiếp để đến nỗi người ta chẳng đoái hoài đến xem, lãng quên anh ta trong đống rạ mủn nát trong chuồng biểu diễn. Sau đó anh ta chết vì cảm thấy thức ăn của con người bình thường nay không còn phù hợp với anh ta nữa. Viên quản lí thờ ơ ra lệnh chôn cái xác nhẹ bẫng chỉ còn da bọc xương của anh ta cùng đám rơm mục kia.

Grete phải từ bỏ mộng học đàn vì anh mình, người thấu hiểu, khuyến khích và chu cấp cho cô, bỗng nhiên biến thành con bọ và đám khách trọ kia thì chẳng thèm để ý mảy may đến tiếng đàn của cô. Nhưng bi đát nhất lại là ca sĩ chuột Josephine. Đảm nhiệm vai trò kể chuyện là *tôi* - một con chuột: "Josephine là ca sĩ của chúng tôi". Ai chưa từng nghe nàng hát thì chẳng thể nào biết được quyền năng của tiếng hát. Giữa những tiếng chút chít thảm hại, "Josephine là trường hợp ngoại lệ. Nàng yêu âm nhạc và biết cách thể hiện; nàng là ca sĩ duy nhất; khi nàng chết, âm nhạc - từng tồn tại bấy nay - cũng sẽ biết mất khỏi cuộc sống chúng tôi".

Tiếng hát ấy của Josephine là nguồn cổ vũ động viên lớn lao dân tộc chuột vượt qua bao khổ ải. Tiếng hát ấy, xuất phát từ tâm hồn nghệ sĩ thực thụ, đã khơi dậy niềm tự hào dân tộc, mang lại hi vọng, niềm tin cho cộng đồng chuột. Tuy nhiên

(*) Trong *Tuyển tập tác phẩm* này, Nguyễn Văn Dân dịch là *Vô địch nhịn ăn.*
(*) Trong *Tuyển tập tác phẩm* này, Nguyễn Văn Qua dịch là *Nữ ca sĩ Giôdêphin hay là chuyện kể về dân chuột.*

không phải lúc nào thứ ngôn ngữ rúc rích của loài chuột kia cũng tán thành, động viên Josephine. Bất chấp mọi dị nghị, Josephine vẫn cất cao tiếng hát vì dòng giống chuột của mình. Nhưng sự nghiệp cao cả của nàng ca sĩ chuột ấy rồi cũng đến hồi cáo chung. "Thời khắc ấy đến khi những âm thanh cuối của nàng vang lên rồi chìm vào yên lặng. Nàng là một sự kiện nhỏ trong lịch sử vĩnh hằng của dân tộc chúng tôi, và dân tộc ấy sẽ vượt qua được nỗi mất mát nàng. Điều ấy sẽ không dễ dàng với chúng tôi; bằng cách nào mà những cuộc tụ họp của chúng tôi lại có thể diễn ra trong sự im lặng tuyệt đối? Nhưng, chúng có im lặng không ngay cả khi Josephine hiện diện? Tiếng rúc rích trứ danh của nàng có lớn hơn và sống động hơn kí ức về nó? Ngay cả trong thời của nàng nó có hơn một kỉ niệm bình thường không? Không hơn, bởi tiếng hát Josephine đã mất hút trong cái cách dân tộc chúng tôi bằng sự thông thái của mình đã ngợi ca nó quá cao?

"Vậy thì rốt cuộc chúng tôi sẽ không quá nhớ, trong lúc Josephine, cứu rỗi những buồn đau trần thế mà trong suy nghĩ của nàng đã nằm chờ đợi cho mọi linh hồn được lựa chọn, sẽ hạnh phúc đánh mất bản thân giữa hằng hà vô số anh hùng của dân tộc chúng tôi và ngay lập tức, bởi vì chúng tôi không phải là những sử gia, sẽ được tôn vinh đến đỉnh cao của sự cứu rỗi và bị lãng quên giống như tất cả anh em nàng".

Những câu kết trong tác phẩm Kafka luôn ẩn chứa trong nó nỗi kinh hoàng vô cùng tận. Hoặc là nó đúc kết cả một chuỗi các biến cố bên trên lại theo hướng thuận chiều, chẳng hạn như câu nói của Joseph K. trước khi tắt thở: "Như một con chó!" tương ứng với cuộc chạy tội long đong bất thành của anh; hoặc là nó đề xuất một mệnh đề trái ngược, tương phản với những lời ca ngợi bên trên, chẳng hạn như câu kết về chuyện của nữ ca sĩ chuột. Như thế, giọng điệu kết thúc truyện của Kafka rất đa dạng. Có khi đó là tiếng cười bi đát, có khi là sự nghiêm trang đầy mai mỉa... Nhưng tất cả đều

giống nhau ở điểm: rất mơ hồ. Ta chỉ có thể đoán định ý nghĩa của nó (hoặc là của toàn thiên truyện) ở một, hai hoặc các cấp độ nhất định nào đó. Còn nếu cứ khăng khăng một cách hiểu thì chắc chắn chúng ta sẽ rơi vào tình thế mang ý kiến chủ quan áp đặt lên một ngữ cảnh, một văn bản giàu sức gợi mở.

Trong câu chuyện về Josephine, việc người kể chuyện cứ xưng là *chúng tôi* ấy, tuy là kể câu chuyện cổ về loài chuột song nội hàm đại từ sở hữu này đã được tác giả nới rộng khi đề xuất những đặc điểm tâm lí chuột, tâm hồn chuột, tính đố kị chuột, sự hi sinh cao cả chuột, sự ương bướng gàn rở chuột, khát vọng hiến dâng chuột, tác động của nghệ thuật đến dân tộc chuột, sự tôn vinh hạ bệ chuột, ý nghĩa tồn tại của nghệ sĩ chuột... dường như đâu chỉ nói về loài chuột mà còn nói về nhiều loài khác, trong đó có cả loài người - loài biết diễn thuyết, lập luận hùng hồn và làm nhiều điều phi thường khác, song trong mắt *dân tộc chuột chúng tôi* hẳn đấy cũng chỉ bất quá là những tiếng chút chít, rúc rích thảm hại mà thôi. Như thế *chuột* của Kafka cũng tương tự như *lá cỏ* của Whitman, chúng vừa là đối tượng bị kẻ khác (kẻ mạnh) xem thường vừa mang mặc cảm tự ti, khiêm nhường của số phận nhưng cũng rất đỗi tự hào, kiêu hãnh về dòng giống mình... Những sắc thái tâm lí này thì đâu có khác xa với con người.

Nhưng khác với cái nhìn lãng mạn thơ mộng của Whitman, cuộc đời với Kafka được tạo dựng ở góc độ hiện thực nghiệt ngã nhất, đầy bất trắc, hiểm họa khôn lường. Có lẽ điều này phần nào được phát xuất từ thể trạng của một nhà văn ốm yếu, bệnh tật. Trong sự mong manh của tồn vong kiếp người của chính bản thân mình, Kafka đã nghiệm ra và đã tiên đoán được nhiều điều, không chỉ cho bản thân ông mà còn cho cả bao nhiêu kiếp đời tiếp nối.

Căn bệnh nan y thời đó (lao phổi) của Kafka, thật vô tình, đã gặp căn bệnh nan y của thời đại (họa phát xít, Kafka đã ẩn dụ bằng khối ung nhọt trên cơ thể chàng trai trong *Một thầy*

thuốc nông thôn) - mà bản chất của nó là sự suy kiệt tình người, là sự a dua theo một thứ quyền năng phản động, đi ngược lại xu hướng phát triển tất yếu của nhân loại tiến bộ: thói quan liêu, cửa quyền, mất bình đẳng, thiếu dân chủ... Chỉ một lời tuyên án vu vơ, con người ta lập tức trở thành có tội, chỉ một câu phán quyết chết đuối thì nhân vật phải nhảy xuống sông. Chưa bao giờ *nhân loại rơi vào sự thụ động* như ở thời Kafka. Thế giới Kafka đã giúp họ nhận thức ra sự thụ động đó.

Song dẫu có ý thức được đà suy thoái về mọi mặt của mình, con người vẫn chưa thể cưỡng lại được. Bởi quyền lực của sự tha hóa đó đang ở trên đỉnh cao của nó. Có lẽ Kafka thấu hiểu điều này nên ông chỉ đề xuất giải pháp hạn chế sự tiêu cực kia. Kafka có thành công hay không? Đến nay ta cũng khó trả lời. Nhiều nhà nghiên cứu (Alan Udoff, Frederick Karl, A. Karelski...) đều xem Kafka là *nhà tiên tri cừ khôi* trong số những khổng lồ văn chương của nhân loại, còn chúng tôi thì cho rằng Kafka đã *khai sinh ra một hiện thực*, nơi con người nhọc nhằn khai phá cho mình một cuộc sống trên sự sụp đổ nhân sinh.

Kafka luôn có cái nhìn hài hước, mỉa mai về các *quan hệ cuộc đời, xã hội*. Ông đề xuất *cái phi lí, cái bi đát, sự tha hóa, nỗi cô đơn, sự nhỏ bé, sự bất lực, xa lạ...* của con người. Nhưng ông không hề cổ xuý cho những phạm trù triết học đó. Với Kafka, cuộc sống đồng nghĩa với tranh đấu, vươn lên. Toàn bộ sáng tác của ông, nói tóm lại, đấy là *cuộc tranh đấu vĩnh hằng của con người trước cuộc đời*. Con thú đào hang để cố giữ mạng sống của mình, chàng nghệ sĩ nhịn đói để khẳng định tài năng của mình, con khỉ phát biểu trước Viện hàn lâm, chó sói lên tiếng đòi bình đẳng... Con người thì cố tìm cho ra nguyên nhân cái án của mình và cố vào cho bằng được lâu đài.

Nhân vật chính của *Lâu đài* là một người không tuổi, không tên: K., nghề đạc điền. K. đến Lâu đài vì được gọi tới đo

đất. Đường đi xuyên qua một ngôi làng. Làng có quán trọ (kiêm nhà hàng hay tiệm rượu tùy theo cách ta gọi), có đường làng, nhà dân, trường học. Tóm lại, đấy là một cơ cấu hành chính thu nhỏ của một mô hình hiện đại, là làng nhưng cũng có thể là thị trấn hay thành phố. Cách làng một khoảng là Lâu đài. Lâu đài liên lạc với làng bằng điện thoại hay người đưa thư. Tất cả chìm trong màu trắng tuyết của một mùa đông không xác định. Khác với *Vụ án* (chuyện xảy ra từ lần sinh nhật thứ ba mươi kéo dài đến lần sinh nhật thứ ba mốt của Joseph K.) ta khó có thể xác định rõ độ dài thời gian nội tại của tác phẩm này. Kafka đã phủ mờ thời gian trong cái giá lạnh của tuyết và đo thời gian của tác phẩm bằng những bước loanh quanh, vô định của K. trong cái làng ấy; mặc dù ta vẫn có thể tính được K. ngủ lại nơi đó mấy đêm.

K. đến Lâu đài, không đến. Lâu đài có và không. Ngay cả ngài Klamm, một quý ông của Lâu đài cũng vừa tồn tại vừa không tồn tại. Chúng tôi gọi đấy là *tính cụ thể không cụ thể, tính mục đích không mục đích* của phong cách nghệ thuật Kafka. Mọi thứ đối với K. dường như vừa trong tầm tay lại ngoài tầm tay. K. luôn ở trong trạng thái lơ lửng của không gian huyền thoại.

Huyền thoại nhưng đôi chỗ lại rất đời. Lóe sáng đây đó là những cuộc làm tình đặt dưới tầm mắt xoi mói của hai tên giúp việc. Chúng vừa là người giúp việc vừa là người giám sát, vừa là đầy tớ vừa là tình địch của K.: một trong hai tên ấy đã nẫng mất Frida của K.... Cứ thế, Kafka đưa ta đi vào một thế giới kì quặc. Nó đúng là cái thế giới ta đang sống và cũng chẳng giống cái thế giới của chúng ta mảy may. Ở đó, mỗi hình ảnh, mỗi chi tiết, thậm chí mỗi câu nói đều mang tính ẩn dụ, khái quát rất cao. Có thể nói, hơi quá một tí, đọc *Lâu đài* hay hầu hết các tác phẩm của Kafka ta như thể đọc một cuốn Kinh Thánh hiện đại, nơi mỗi chữ, mỗi dòng đều chứa đựng nhiều vấn đề, đúc kết những chân lí sâu xa về nhân sinh.

Nhường lời cho nhân vật, không phải kể mà đối thoại (dài cả chục trang) là cách tự sự độc đáo của Kafka. Lúc ấy, trong *Lâu đài*, nhân vật như đảm trách vai trò trần thuật của người kể chuyện ở ngôi thứ ba. Đối thoại của Kafka khác Hemingway ở điểm: dài và ít người tham gia cuộc thoại. Hầu hết thoại của Kafka được thực hiện bởi hai người. Nhưng do không liên tục và quá dài nên nó dễ gây sự nhàm chán. Nhưng đấy là một trong những nơi tập trung mạnh nhất những giá trị nghệ thuật siêu việt của Kafka. Con người với con người, trong đối thoại nhưng vẫn cách xa. Nó tạo nên cái phi lí, bi đát về thân phận.

Về hình thức đấy là những đối thoại, nhưng về bản chất chúng như thể là dòng độc thoại nội tâm. Kết hợp với tính *mục đích không mục đích* của hành động (ở đây là hành động thoại) nó góp phần tạo nên chất huyền thoại.

Kafka là người khai sinh ra huyền thoại hiện đại. Một con người bình thường, một câu chuyện bình thường... nhưng dưới cái nhìn của ông, hơi đẩy quá một tí, hơi để lùi một tí, đã tạo nên *độ vênh* với thực tại. Và thế là huyền thoại ra đời. Với Kafka, huyền thoại là vật thể, ý tưởng tồn tại giữa hai mút của một cặp danh từ thuận chiều hay đối nghịch, được khai thác dưới nhiều cấp độ khác nhau.

Ảnh hưởng của Kafka đối với các thế hệ nhà văn trên thế giới thật là lớn. Ngay cả bây giờ, *nói như Kafka, kiểu Kafka, vụ án Kafka*... vẫn đang tồn tại trên văn đàn đương đại và nhiều lĩnh vực văn hóa nghệ thuật khác. Các nhà văn Hiện Sinh chịu ảnh hưởng của Kafka đã đành mà Kịch Phi lí cũng bị Kafka chi phối mạnh. Thử đọc kĩ các dòng thoại của kịch này (Ionesco hay Beckett chẳng hạn) ta sẽ thấy xen giữa mớ bòng bong ngôn từ vô nghĩa ấy là những câu triết lí cực kì sâu sắc.

Về nguyên tắc, nhiều câu triết lí đứng bên nhau thì sự tỏa chiếu giữa chúng sẽ làm giảm khả năng phát sáng

nhưng nếu một câu triết lí đặt giữa vô vàn câu có vẻ vu vơ thì câu ấy sẽ in sâu vào tâm trí người đọc. Kafka đã làm được điều này.

Tiếp đó, Tiểu Thuyết Mới, Tiểu Thuyết Mới Mới cũng đã tiếp nhận Kafka ở tính phi cốt truyện, phi cá tính, phi nhân vật... Kể cả khuynh hướng văn học xuất hiện sau này và cách xa Kafka về phương diện địa lí như Chủ Nghĩa Hiện Thực Huyền Ảo cũng chịu ảnh hưởng của Kafka.

Thế kỉ mười sáu, Don Quixotte của Cervantes lên đường hành hiệp rồi quay về, dẫu thất bại nhưng đã dấy lên được cả tư tưởng Phục Hưng trong và sau chuyến đi ấy. Thế kỉ hai mươi, K. của Kafka cũng đi, với mục đích khiêm tốn hơn: đến đo đất cho Lâu đài, nhưng không chỉ dấy lên tư tưởng Hiện Đại mà còn tiên đoán được thân phận của con người trước họa phát xít và trước cả cõi đất trời mênh mang kia. K. không đến được Lâu đài và ta cũng không nghe nói K. quay về hay dự định quay về (bởi tác phẩm cho biết K. đến và về từ đâu đâu). Hóa ra con đường của nhân loại vẫn luôn ở phía trước.

May mắn hơn hai nhà văn nổi tiếng cùng thời, được hậu thế suy tôn là những bậc khai sinh nền văn xuôi Hiện đại (Kafka, Joyce, Faulkner), tác phẩm của Franz Kafka gần như được dịch trọn vẹn ở Việt Nam. Và chúng ta dễ nhận thấy dấu ấn của ông trong các cây bút văn xuôi hiện đại Việt Nam.

Trí tưởng tượng của Kafka thật phi thường. Khả năng này càng góp phần đắc lực hơn cho ông trong việc hư cấu hình tượng, và càng khẳng định hơn tài *tiên tri* của ông. Dora Geritt trong hồi kí về Kafka đã kể lại mẩu chuyện sau: Trong tập *Một thầy thuốc nông thôn,* Kafka có miêu tả một căn bệnh kì lạ của một phụ nữ nông dân. Ông đưa bản thảo cho một người bạn gái đọc để nhận xét. Khi đưa trả bản thảo, người bạn nói cô ta có một đứa cháu đã chết vì căn bệnh ấy. "Kafka thốt lên: - Thật kì lạ! Tôi chưa bao giờ nghe y học nói về căn bệnh này - tôi chỉ viết nó theo tưởng tượng của mình; tôi kinh

ngạc khi nghe nó thực sự tồn tại, nhưng nó khiến tôi hài lòng vì đã tưởng tượng ra căn bệnh thật chính xác."[*]

Thế kỉ mười chín, đại thi hào Hugo tuyên bố: "Cái bình thường giết chết nghệ thuật". Thế kỉ hai mươi, Kafka cũng tiếp bước Hugo. Chỉ có khác là ông *phi thường hóa nghệ thuật* vượt qua cả giới hạn *cái thông thường* cho phép. Do vậy, hình tượng của Kafka không còn là *lãng mạn* (romance) mà đã là *huyền ảo* (magic - đúng hơn là *thần ma*). Walter H. Sokel đã ghi nhận dấu ấn này:

"Từ lúc khởi đầu, Kafka đã nối cách viết của mình với huyền ảo. Tại một trong những bức thư sớm nhất của mình, Kafka đã ngụ ý cách viết của bản thân gắn với *Wunderdingen* (những điều thần kì: miracle things) và hai mươi năm sau, gần cuối cuộc đời, trong khi nói về chuyện viết lách, ông vẫn đề cập đến những lĩnh vực ma quái, quỷ Xatăng và huyền ảo."[*]

Nhờ cách viết này mà Kafka đã vượt thoát tầm ảnh hưởng của các *cụ bô* (Hugo, Balzac, Dostoievski...), để khai sinh ra thi pháp mới cho kỉ nguyên hiện đại. Và quan trọng hơn, ông đã khai sinh ra một cách đọc, mà theo đó độc giả đóng vai trò chủ động, đồng hành cùng nhân vật, tác giả trong quá trình đi tìm chân lí.

Đặt Kafka vào nhóm những nhà tiên phong đầu thế kỉ hai mươi, Frederick Karl khẳng định: "Những tác giả vĩ đại của phép biện chứng giữa cũ và mới, truyền thống và cách tân, bình thường và bài xích thần tượng này, hiển nhiên là Proust, Musil và Kafka. *Lâu đài* là tuyệt tác của Kafka trong bước phát triển ấy. Lúc này khi trật tự trên đã qua đi, đế chế lưỡng

---

[*] Dora Geritt, *Brief Memories of Franz Kafka,* in *Franz Kafka, A Biography* by Max Brod, Da Capo Press, New York 1995, p 260.

[*] Walter H. Sokel, *Kafka's Beginnings: Narcissism, Magic, and the Function of Narration in "Description of a Struggle"* in *Kafka and the Contemporary Critical Performance,* Ed: Alan Udoff, Indiana University Press, 1987, p 98.

diện kia đã phân chia thành những khối thiên về chủ nghĩa dân tộc, Kafka hiểu cách trật tự đa quốc gia cũ đã cố tách bản thân ra khỏi việc bị "mô tả tổng quát", bị đo đếm hoặc bị định giá theo cách mới.

"Ở Kafka, chìa khóa cho việc định giá ấy là sự làm biến dạng hoặc biến hóa, sự thay thế không chỉ ở nội dung mà còn ngay trong chính bản thân hình thức của nó."(*) Hiểu từ góc độ này, dưới cái nhìn của Kafka không chỉ người biến thành vật, loài vật biến thành người mà *đồ vật cũng không còn nguyên hình thức và nội hàm cũ*. Tất cả đều nằm trong *hệ biến hóa Kafka*. Khi ngòi bút thần của Kafka chạm vào bất cứ vật nào thì ngay tức khắc vật ấy tỏa chiếu thứ ánh sáng khác lạ. Lạ nhưng lại rất quen bởi nó đã ẩn sâu trong vô thức của ta từ bao đời nay mà chưa một lần được đánh thức.

Bởi thế cả cái tòa lâu đài lù lù kia, vẫn trong tầm mắt, vẫn nghe nói về nó, vẫn sống, vẫn vận hành đều đặn nhưng K. thì vĩnh viễn không thể nào được đặt chân vào đó. Lâu đài ấy có lẽ không chỉ là biểu tượng cho quyền lực quan liêu tuyệt đối của cõi trần mà hẳn nó còn là thiên đường không thể với tới của bất kì con người, hay mơ ước cháy bỏng của chốn dân gian nhiễu phiền này.

Đọc Kafka, ta luôn bắt gặp trên trang sách của ông kiểu *con người tìm kiếm*. Họ là những đại diện xuất sắc, nổi bật nhất của nhân loại trong thời mất Chúa và cả phần nào đó là của thời bị đánh mất đi *cái tôi*, cái cá thể uy nghi để tan biến vào đám đông của những *âm thanh và cuồng nộ* (Nhan đề một tác phẩm của W. Faulkner), của những mảnh hình hài quái dị bất thành nhân thể (*Biến dạng*, một nhan đề của Kafka)... Dẫu thế, họ vẫn không chấp nhận cuộc suy tàn nhân sinh ấy. Thế chiến I và hiểm họa phát xít lơ lửng ấy

(*) Frederick Karl, *Franz Kafka - Representative Man*, Ticknor & Fields, New York, 1991, p 708.

đâu có ngăn nổi họ trong cuộc tìm kiếm cho mình một lí do, một phương cách để tồn tại. Do vậy, chưa kể đến việc họ tìm kiếm điều gì thì bản thân hành động cố vượt thoát cái thế lực quyền năng vô hình kia rất đáng được ghi nhận ở góc độ tích cực.

Tuy nhiên *con người tìm kiếm* này còn xuất phát từ cái nhìn rất Kafka về nghệ thuật. Ông xem toàn bộ hành động của những áng văn kiệt xuất của nhân loại đều được khai thác dưới dạng một câu chuyện điều tra trinh thám (Detective Story). Trả lời cho câu hỏi do chính Kafka đặt ra: "Nhà văn muốn viết cho ai?", Gustav Janouch ghi lại lời Kafka trong cuộc đối thoại sau:

"Khi Kafka trông thấy cuốn tiểu thuyết tội phạm giữa đám sách trong cặp của tôi, ông nói:

- Chẳng xấu hổ gì khi đọc những tác phẩm loại này. *Tội ác và trừng phạt* của Dostoievski rốt cuộc cũng chỉ là một cuốn tiểu thuyết tội phạm. Còn *Hamlet* của Shakespeare? Đấy là một câu chuyện trinh thám. Trung tâm của hành động là một sự bí ẩn, mà dần dần sẽ được mang ra ánh sáng. Nhưng liệu có bí ẩn nào vĩ đại hơn chân lí không? Văn chương mãi vẫn là cuộc thám hiểm trên hành trình tìm kiếm chân lí."[*]

Cái chân lí mà, vẫn lời Kafka: *Có lẽ chính là bản thân cuộc sống*. Lời giải đáp này thực tế vẫn chưa hề giải đáp được gì. Hóa ra, trước sau Kafka vẫn kiên định trong cái cách *không nói hết của mình*.

Thiên tài văn học của Kafka không phải đợi khi ông qua đời, phát xít Đức ra lệnh đốt hết tác phẩm của ông rồi thế giới bỗng nhiên giống hệt thế giới của Kafka... mới phát lộ mà chính bản thân Kafka ngay từ khi hai mươi bảy tuổi đã ý thức được khả năng trác tuyệt của mình. Thật ngạc nhiên khi đọc

---

[*] Dẫn lại Alan Udoff. *Kafka's Question*, in *Kafka and the Contemporary Critical Performance*. p 12.

lại những dòng nhật kí do chính Kafka viết vào ngày 19.2.1911:

"Bản chất đặc biệt trong cảm hứng sáng tạo của tôi... nằm ở chỗ tôi có khả năng về mọi thứ, không riêng với những gì thuộc lĩnh vực thông thạo nhất. Nếu tôi viết một câu đầu tiên xuất hiện trong đầu, chẳng hạn như, - Hắn nhìn ra cửa sổ, thì cái câu ấy đã thực sự hoàn hảo rồi".

Sinh thời, Kafka chỉ cho in bảy tập truyện (hay một truyện) ngắn của mình: *Chiêm nghiệm* (Meditation, 1913), *Lời phán quyết* (The Judgement, 1913), *Người đốt lò* (The Stoker, 1913), *Biến dạng* (The Matamorphosis, 1915), *Trong trại cải tạo*(*) (In the Penal Colony, 1919), *Một thầy thuốc nông thôn* (A Country Doctor, 1919), *Nghệ sĩ đói* (A Hunger Artist, 1924). Những truyện này có cấu trúc khác lạ và không thống nhất. Nếu *Chiêm nghiệm* và *Một thầy thuốc nông thôn* là hai tập truyện ngắn tập hợp nhiều truyện (chẳng hạn như *Làng gần nhất, Giấc mơ, Chó sói và người Arập*... là truyện của *Một thầy thuốc nông thôn*) thì các tác phẩm còn lại, chúng đều có độ dài của một truyện ngắn (kể cả *Biến dạng*) độc lập. Cùng với *Vụ án* (The Trial, 1925) *Lâu đài* (The Castle, 1926), và *Nước Mĩ* (The America, 1927), những tiểu thuyết xuất bản sau khi Kafka mất (vào năm 1924), ta thấy số lượng tác phẩm của Kafka rất ít. Xét ở góc độ này, Kafka là hiện tượng độc đáo bậc nhất thế kỉ hai mươi. Khối lượng tác phẩm ít ỏi ấy không hề hạn chế danh tiếng lẫy lừng vào hàng số một của đại văn hào của thế kỉ đầy biến động, lo âu và hoài nghi.

Biệt ngữ mà giới nghiên cứu ngày nay thường dùng để chỉ tính chất huyền thoại trong nghệ thuật Kafka là *chất Kafka*. Quả thật Kafka không chỉ tạo nên huyền thoại cho những trang viết, hình tượng trên trang sách của mình mà còn tạo được cho mình một tầm vóc huyền thoại. Ông là Promethe của

(*) Trong *Tuyển tập tác phẩm* này Nguyễn Văn Dân dịch là *Trại lao cải*.

ngôn từ, của sự sống tinh thần bất diệt. Nhưng ông không đánh cắp lửa từ Thượng đế tối cao mà công khai (tuy có phần rụt rè) mang ngọn lửa sáng tạo ấy đặt ngay xuống biển đời đang vỡ tung thành trăm ngàn con sóng cuồng nộ, để nhen nhóm trong họ khát vọng sống, để xoa dịu nỗi đau vô cùng tận, để họ nhìn thấy thứ ánh sáng bên kia, vẫn ngay trên cuộc đời, một khả năng tồn tại tốt đẹp hơn cho con người. "Kafka biết cách tìm ra mặt sáng của mọi thứ. Điều đó như thể một người đến bên hồ nơi mặt trời đang tỏa chiếu, đang nhảy nhót với hàng ngàn gợn sóng lấp lánh, rồi do bị lóa mắt, người ấy phải nheo lại để nhìn cho đỡ chói."(*)

(*) Dora Geritt, *Brief Memories of Franz Kafka*, p 260.

THƯ MỤC KAFKA(*)

DANH MỤC TÁC PHẨM KAFKA

* *Tiểu thuyết*

- Người mất tích (Nước Mĩ)
- Vụ án
- Lâu đài

* *Truyện ngắn*

- Mô tả một cuộc chiến
- Đám cưới ở nông thôn
- Trẻ con trên đường
- Kẻ gian trá bị vạch mặt
- Cuộc dạo chơi bất ngờ
- Những giải pháp
- Cuộc dạo chơi trên núi
- Nỗi khổ tâm của người không vợ
- Thương nhân

(*) Thư mục này tổng hợp từ các nguồn tiếng Nga, tiếng Đức và tiếng Hunggari, có thể còn chưa đầy đủ, chính xác; tên tác phẩm chuyển sang tiếng Việt có thể chưa chính xác, mong được góp ý sửa chữa.

- Lơ đãng nhìn ra cửa sổ
- Đường về nhà
- Những người chạy ngang qua
- Hành khách
- Áo dài
- Từ chối
- Khiến kị sĩ suy nghĩ
- Cửa sổ trông ra phố
- Mong muốn trở thành người da đỏ
- Cây
- Bất hạnh
- Lời tuyên án
- Hóa thân
- Trại lao cải
- Một thầy giáo nông thôn
- Blumfield, ông già không vợ
- Người thợ săn Gracchus
- Người cưỡi xô
- Luật sư mới
- Một thầy thuốc nông thôn
- Ở hành lang
- Mẩu ghi chép cũ
- Trước cửa pháp luật
- Những con chó núi và những người Ả Rập
- Thăm mỏ
- Làng gần nhất
- Mật thư của hoàng đế
- Mối quan tâm của người trụ cột gia đình
- Mười một người con trai
- Huynh đệ tương tàn
- Giấc mơ
- Báo cáo dành cho Viện Hàn lâm

- Nỗi khổ đầu tiên
- Người đàn bà nhỏ bé
- Kẻ đói khát
- Nữ ca sĩ Jozefin hay là chuyện kể về dân chuột
- Vạn lí trường thành được xây dựng như thế nào
- Trong nhà cầu nguyện của chúng ta
- Những quan sát của một con chó
- Hang ổ

** Tiểu phẩm*

- Cây cầu
- Tiếng gõ vào cánh cổng
- Người hàng xóm
- Tạp chủng
- Sự thật về Sancho Pansa
- Sự im lặng của các nàng tiên cá
- Hội những thằng đểu cáng
- Prômêtê
- Công trình
- Sự rối loạn hàng ngày
- Về các biểu tượng
- Suy ngẫm về tội lỗi, đau khổ, hi vọng và con đường chân lí
- Trở về nhà
- Biểu tượng của thành phố
- Paseidon
- Hiệp hội
- Đêm
- Yêu cầu bị bác bỏ
- Về vấn đề luật pháp
- Tuyển binh
- Kì thi
- Con diều hâu

- Tay lái
- Con quay
- Ngụ ngôn
- Lên đường
- Những người bảo vệ
- Một cặp vợ chồng
- Lời bình (đừng hi vọng)
- Về ngụ ngôn

* *Nhật kí (1910-1923)*

* *Thư từ*

CÁC CÔNG TRÌNH VIẾT VỀ KAFKA

* *Dmi'tri Conxtantinov:*

- Kafka tại Liên Xô. Thư mục 1959-1989.

* *Max Brod:*

- Sự tuyệt vọng và lối thoát trong sáng tác của Franz Kafka.
- Lời bạt và chú giải cho tiểu thuyết *Lâu đài*.

* *Valter Beniamin:*

- Franz Kafka.
- Franz Kafka: Vạn lí trường thành được xây dựng như thế nào.
- Đạo đức dung tục.
- Max Brod: Franz Kafka. Tiểu sử: Praha, 1937.

* *Vladimir Nabocov:*

- *Hóa thân* của Franz Kafka.

* *Lev Copelev:*

- Chuyến đi khó khăn của Franz Kafka tới nước Nga.
- Nơi vực thẳm cô đơn. F. Kafka và những đặc trưng của chủ nghĩa chủ quan hiện đại.

* *Valeri Belonojco:*

- *Hóa thân* của Franz Kafka qua hóa thân của V. Nabocov.
- Những ghi chép không vui về tiểu thuyết *Vụ án*.
- Ba truyền thuyết về những tiểu thuyết chưa hoàn thành của Kafka. Truyền thuyết thứ nhất. Nước Mĩ của *Nước Mĩ*.
- Ba truyền thuyết về những tiểu thuyết chưa hoàn thành của Kafka. Truyền thuyết thứ hai. Vụ án xử *Vụ án*.

* *Albert Camus:*

- Hi vọng và phi lí trong sáng tác của Franz Kafka.

* *Anjelica Xineoc:*

- Số phận các tác phẩm của Kafka qua kiểm duyệt tại nước Nga.
- Kafka trong cuộc sống của chúng ta.

* *Anjelica Xineoc, Eduard Psenitrnưi:*

- Kafka và Paxternac.

* *C.V. Faradjev:*

- Nỗi tuyệt vọng và niềm hi vọng của Franz Kafka.

* *V. Cruglicov:*

- Những ghi chép trong mê sảng và ác mộng: N. Gogol và F. Kafka

* *Xintia Ozic.*

- Không thể là Kafka.

* *IU. Mann:*

- Cuộc gặp trong mê cung (Franz Kafka và Nicolai Gogol)

* *Max Frai:*

- Tuyệt thực theo Kafka.

* *D.V. Datonxki:*

- F. Kafka và vấn đề chủ nghĩa hiện đại.

* *Roger Garaudy:*

- Chủ nghĩa hiện thực không bờ bến.

* *Ernst Fischer,*

- Kafka.

* *Werner Mittenzwei.*

- Brecht và Kafka.

CÁC BỘ PHIM DỰNG THEO TÁC PHẨM CỦA KAFKA

1 - *Lâu đài*, Gruzia, SHVIDKATSA, 1990-1993, phim màu, 108 phút.

Dựng theo tiểu thuyết cùng tên của Kafka và môtip truyện cổ dân gian Gruzia.

Đạo diễn: Dato Djanelidze.

Tác giả kịch bản: Dato Djanelidze.

2 - *Lâu đài*, Nga, Đức, Pháp, 1994, phim màu, 110 phút.

Dựng theo tiểu thuyết cùng tên của Kafka.

Đạo diễn: Alecxei Balabanov.

Tác giả kịch bản: Alecxei Balabanov, Xergei Xelianov.

3 - *Phỏng vấn*, Italia, 1987, 112 phút.

Federico Fellini, người quay bộ phim theo tiểu thuyết *Nước Mĩ* của Franz Kafka, trả lời phỏng vấn truyền hình Nhật Bản,

kể lại lần xuất hiện đầu tiên của mình tại hãng phim "Trinetritta" ở Rôm năm 1940, về những thước phim sau đó và những dự án không thực hiện được.

Đạo diễn: Federico Fellini.

4 - *Nữ ca sĩ Jozefin hay là chuyện kể về dân chuột*, Ucraina - Đức, 1994, phim màu, 90 phút.

Dựng theo môtip tiểu thuyết *Lâu đài* và các truyện ngắn của Kafka.

Đạo diễn: Xergei Maxloboisicov.

Tác giả kịch bản: Xergei Maxloboisicov.

Giải thưởng: "Kinosoc" về tạo hình năm 1994 ở Anap.

5 - *Vụ án*, Anh-Séc, 1992, 115 phút.

Dựng theo tác phẩm *Vụ án* của Kafka.

Đạo diễn: David John.

6 - *Kafka*, Mĩ, 1991, phim màu và đen trắng, 98 phút.

Đạo diễn: Steven Soderbergh.

Kịch bản: Lem Dobbs.

Giải thưởng: Independent Spirit Awards, 1991.

7 - *Lâu đài*, Thụy Sĩ - Đức, 1968, 93 phút, phim màu.

Đạo diễn - biên kịch: Rudolf Noelte.

8 - *Vụ án,* Đức - Italia - Pháp, 1963, 118 phút, phim đen trắng.

Đạo diễn: Orson Welles.

9 - *Trại lao cải*, Pháp, 1971.

Đạo diễn: Raul Riux.

10 - *Cuộc đời tuyệt diệu của Franz Kafka*, Anh, 1993, phim màu và đen trắng, 84 phút.

Đạo diễn: Peter Capaldi.

Giải thưởng: Oscar 1995.

11 - *Milena,* Canađa - Pháp - Đức, 1991, phim màu, 139 phút. Đạo diễn: Vera Belmont.

BIBLIOGRAPHIE
KAFKAS LITERARISCHE SCHRIFTEN
(Các tác phẩm của Kafka đã được công bố bằng tiếng Đức)

•*Drucke zu Lebzeiten*, hrsg. von H.-G. Koch, W. Kittler, G. Neumann. Frankfurt am Main: S. Fischer, 1994.

"Betrachtung", in: *Hyperion. Ein Zweimonatsschrift*, hrsg. von Franz Blei und Carl Sternheim, 1 (1908) I, Nr. 1 (Jan./Feb.), 91-94.

Acht Kurzgeschichten, ohne Titel: I ["Der Kaufmann"], II ["Zerstreutes Hinausschaun"], III ["Der Nachhauseweg"], IV ["Die Vorüberlaufenden"], V ["Kleider"], VI ["Der Fahrgast"], VII ["Die Abweisung"], VIII ["Die Bäume"].

Moderne Ausgabe: *Drucke zu Lebzeiten*, 7-40.

"Gespräch mit dem Beter", "Gespräch mit dem Betrunkenen", in: *Hyperion. Ein Zweimonatsschrift*, hrsg. von Franz Blei und Carl Sternheim, 2 (1909) I, Nr. 8 (März/Apr.), 126-131 und 131-133.

Beide Texte bilden die Eröffnung von "Beschreibung eines Kampfes", Version A.

Moderne Ausgabe: *Drucke zu Lebzeiten*, 384-394, 395-400.

"Betrachtungen", in: *Bohemia* (Prag), 27. März 1910.

Inhalt: "Am Fenster" [später: "Zerstreutes Hinausschaun"], "In der Nacht" [später: "Die Vorüberlaufenden"], "Kleider", "Der Fahrgast", "Zum Nachdenken für Herrenreiter".

Moderne Ausgabe: *Drucke zu Lebzeiten*, 7-40.

Mit Max Brod: "Erstes Kapitel des Buches *Richard und Samuel*: Die erste lange Eisenbahnfahrt (Prag-Zürich)", in: *Herderblätter*, hrsg. im Auftrag der J.-G. Herder-Vereinigung Prag von Willy Haas, Norbert Eisler, Otto Pick, 1 (1912), Nr. 3 (Mai), 15-25.

Moderne Ausgabe: *Drucke zu Lebzeiten*, 419-440.

"Großer Lärm", in: *Herderblätter*, hrsg. im Auftrag der J.-G. Herder-Vereinigung Prag von Willy Haas, Norbert Eisler, Otto Pick, 1 (1912), Nr. 4/5 (Okt.), 44.

Moderne Ausgabe: *Drucke zu Lebzeiten*, 441-442.

Betrachtung, Leipzig: Ernst Rowohlt, 1913 [Nov./Dez. 1912].

Inhalt: "Kinder auf der Landstraße", "Entlarvung eines Bauernfängers", "Der plötzliche Spaziergang", "Entschlüsse", "Der Ausflug ins Gebirge", "Das Unglück des Junggesellen", "Der Kaufmann", "Zerstreutes Hinausschaun", "Der Nachhauseweg", "Die Vorüberlaufenden", "Der Fahrgast", "Kleider", "Die Abweisung", "Zum Nachdenken für Herrenreiter", "Das Gassenfenster", "Wunsch, Indianer zu werden", "Die Bäme", "Unglücklichsein".

Moderne Ausgabe: *Drucke zu Lebzeiten*, 7-40.

"Kinder auf der Landstraße (Betrachtung)", in: *Bohemia* (Prag), 25. Dezember 1912.

Moderne Ausgabe: *Drucke zu Lebzeiten*, 7-40.

"Betrachtung - Aus dem wunderschönen Skizzenbuch eines neuen Dichters", in: *Deutsche Montags-Zeitung* (Berlin), 31. März 1913.

Inhalt: I. "Die Vorüberlaufenden", II. "Zum Nachdenken für Herrenreiter", III. "Das Unglück des Junggesellen".

Moderne Ausgabe: *Drucke zu Lebzeiten*, 7-40.

"Das Urteil. Eine Geschichte [...] für Fräulein Felice B.[auer]",

in: *Arkadia. Ein Jahrbuch für Dichtkunst*, hrsg. von Max Brod, Leipzig: Kurt Wolff Verlag, 1913, 53-65.
Moderne Ausgabe: *Drucke zu Lebzeiten*, 41-62.

Der Heizer. Ein Fragment (Der Jüngste Tag, 3), Leipzig: Kurt Wolff Verlag, 1913.
Erstes Kapitel der posthum veröffentlichten Novelle *Der Verschollene*, früher bekannt als *Amerika*.
Moderne Ausgabe: *Drucke zu Lebzeiten*, 63-112.

"Zum Nachdenken für Herrenreiter", in: *Das bunte Buch* [Almanach und Verlagsverzeichnis], 1. und 2. Ausgabe, Leipzig: Kurt Wolff Verlag, 1914 [1913], 40.
Moderne Ausgabe: *Drucke zu Lebzeiten*, 7-40.

"Vor dem Gesetz", in: *Selbstwehr. Unabhängige jüdische Wochenschrift*, hrsg. von Siegmund Kaznelson (Prag), 9 (1915), Nr. 34 (7. September).
Teil des Kapitels "Im Dom" der posthum veröffentlichten Novelle *Der Proceß*.
Moderne Ausgabe: *Drucke zu Lebzeiten*, 249-314.

"Die Verwandlung", in: *Die weißen Blätter. Eine Monatsschrift*, hrsg. von René Schickele, 2 (1915), Nr. 10 (Okt.), 1177-1230.
Moderne Ausgabe: *Drucke zu Lebzeiten*, 113-200.

Die Verwandlung (Der Jüngste Tag, 22/23), Leipzig: Kurt Wolff Verlag, 1915.
Moderne Ausgabe: *Drucke zu Lebzeiten*, 113-200.

Betrachtung, 2. Auflage, Leipzig: Kurt Wolff Verlag, 1915.
Nicht von Kafka autorisiert.
Moderne Ausgabe: *Drucke zu Lebzeiten*, 7-40.

"Vor dem Gesetz", in: *Vom jüngsten Tag. Ein Almanach neuer Dichtung*, Leipzig: Kurt Wolff Verlag, 1916 [1915], 126-128.
Moderne Ausgabe: ***Drucke zu Lebzeiten***, 249-314.

Der Heizer. Ein Fragment (Der Jüngste Tag, 3), 2. Auflage, Leipzig: Kurt Wolff Verlag, 1916.
Erstes Kapitel der posthum veröffentlichten Novelle ***Der Verschollene***, früher bekannt als ***Amerika***.
Moderne Ausgabe: ***Drucke zu Lebzeiten***, 63-112.

Das Urteil. Ein Geschichte (Der jüngste Tag, 34), Leipzig: Kurt Wolff Verlag, 1916.
Moderne Ausgabe: ***Drucke zu Lebzeiten***, 249-314.

"Vor dem Gesetz", in: *Vom jüngsten Tag. Ein Almanach neuer Dichtung.*, 2., überarbeitet Auflage, Leipzig: Kurt Wolff Verlag, 1917, 124-126.
Moderne Ausgabe: ***Drucke zu Lebzeiten***, 249-314.

"Ein Traum", in: *Der Almanach der Neuen Jugend auf das Jahr 1917*, hrsg. von [Wieland Herzfelde und] Heinz Barger, Berlin: Verlag Neue Jugend, Nov./Dez. 1916, 172-174.
Geschichte gehört zur posthum veröffentlichten Novelle ***Der Proceß***.
Moderne Ausgabe: ***Drucke zu Lebzeiten***, 249-314.

"Ein Traum", in: *Das jüdische Prag. Eine Sammelschrift*, hrsg. von der Redaktion [Siegmund Kaznelson alias Albrecht Hellmann] der "*Selbstwehr*" (Prag, 1917 [Dez. 1916]), 32-33.
Moderne Ausgabe: ***Drucke zu Lebzeiten***, 249-314.

"Ein Traum", in: *Prager Tagblatt* (Prag), 6. Januar 1917.
Moderne Ausgabe: ***Drucke zu Lebzeiten***, 249-314.

"Ein altes Blatt", in: *Marsyas. Eine Zweimonatsschrift*, hrsg.

von Theodor Tagger [= Ferdinand Bruckner], 1917, Nr. 1 (Juli/Aug.), 80-81.

Moderne Ausgabe: *Drucke zu Lebzeiten*, 249-314.

"Der neue Advokat", in: *Marsyas. Eine Zweimonatsschrift*, hrsg. von Theodor Tagger [= Ferdinand Bruckner], 1917, Nr. 1 (Juli/Aug.), 81.

Moderne Ausgabe: *Drucke zu Lebzeiten*, 249-314.

"Ein Brudermord", in: *Marsyas. Eine Zweimonatsschrift*, hrsg. von Theodor Tagger [= Ferdinand Bruckner], 1917, Nr. 1 (Juli/Aug.), 82-83.

Moderne Ausgabe: *Drucke zu Lebzeiten*, 249-314.

"Zwei Tiergeschichten - 1. Schakale und Araber", in: *Der Jude. Eine Monatsschrift*, hrsg. von Martin Buber, 2 (1917/18) Okt. [1917], 488-490.

Moderne Ausgabe: *Drucke zu Lebzeiten*, 249-314.

"Zwei Tiergeschichten - 2. Ein Bericht für eine Akademie", in: *Der Jude. Eine Monatsschrift*, hrsg. von Martin Buber, 2 (1917/18) Nov. [1917], 559-565.

Moderne Ausgabe: *Drucke zu Lebzeiten*, 249-314.

"Ein Landarzt", in: *Die neue Dichtung. Ein Almanach*, mit 9 Bildbeigaben von Ludw.[ig] Meidner, Leipzig: Kurt Wolff Verlag, 1918 [ca. Dez. 1917], 17-26.

Moderne Ausgabe: *Drucke zu Lebzeiten*, 249-314.

"Der Mord", in: *Die neue Dichtung. Ein Almanach*, mit 9 Bildbeigaben von Ludw.[ig] Meidner, Leipzig: Kurt Wolff Verlag, 1918 [ca. Dez. 1917]), 72-76.

"Der Mord" ist die erste Version von "Ein Brudermord".

"Schakale und Araber", in: *Österreichische Morgenzeitung*, 3. Dezember 1917.

Moderne Ausgabe: *Drucke zu Lebzeiten*, 249-314.

"Ein Bericht für eine Akademie", in: *Österreichische Morgenzeitung*, 25. Dezember 1917.

Moderne Ausgabe: *Drucke zu Lebzeiten*, 249-314.

Der Heizer. Ein Fragment (Der jüngste Tag, 3), 3. Auflage, Leipzig: Kurt Wolff Verlag, ca. 1917/18.

Nicht von Kafka autorisiert.

"Schakale und Araber", in: *Neue deutsche Erzähler*, hrsg. von J. Sandmeier, Band 1, 1. und 2. Auflage, Berlin: Furche Verlag, 1918, 223-240.

Moderne Ausgabe: *Drucke zu Lebzeiten*, 249-314.

Die Verwandlung (Der jügste Tag, 22/23), 2. Auflage, Leipzig: Kurt Wolff Verlag, 1918.

Moderne Ausgabe: *Drucke zu Lebzeiten*, 113-200.

"Eine kaiserliche Botschaft (Aus dem in nächster Zeit erscheinenden Buch: »Ein Landarzt«)", in: *Selbstwehr. Unabhängige jüdische Wochenschrift* (Prag), 13 (1919), Nr. 38/39 (24. September).

Moderne Ausgabe: *Drucke zu Lebzeiten*, 249-314.

In der Strafkolonie (Drugulindrucke, N. F. 4), Leipzig: Kurt Wolff Verlag, Okt. 1919.

Moderne Ausgabe: *Drucke zu Lebzeiten*, 201-248.

"Die Sorge des Hausvaters", in: *Selbstwehr. Unabhängige jüdische Wochenschrift* (Prag), 13 (1919), Nr. 51/52 (19. Dezember).

Moderne Ausgabe: *Drucke zu Lebzeiten*, 249-314.

Ein Landarzt. Kleine Erzählungen, München/Leipzig: Kurt Wolff Verlag, 1919 [Mai 1920].

Inhalt: "Der neue Advokat", "Ein Landarzt", "Auf der Galerie", "Ein altes Blatt", "Vor dem Gesetz", "Schakale und Araber", "Ein Besuch im Bergwerk", "Das nächste Dorf", "Eine kaiserliche Botschaft", "Die Sorge des Hausvaters", "Elf Söhne", "Ein Brudermord", "Ein Traum", "Ein Bericht für eine Akademie".

Moderne Ausgabe: *Drucke zu Lebzeiten*, 249-314.

Das Urteil. Eine Geschichte (Der jüngste Tag, 34), 2. Auflage, München: Kurt Wolff Verlag, ca. 1920-1922.

Moderne Ausgabe: *Drucke zu Lebzeiten*, 41-62.

"Ein Brudermord", in: *Entfaltung. Novellen an die Zeit*, hrsg. von Max Krell, Berlin: Ernst Rowohlt, 1921 [Dez. 1920], 168-170.

Moderne Ausgabe: *Drucke zu Lebzeiten*, 249-314.

"Auf der Galerie", in: *Prager Presse*, 3. April 1921

Moderne Ausgabe: *Drucke zu Lebzeiten*, 249-314.

"Entlarvung eines Bauernfängers", in: *Prager Presse*, 11. September 1921.

Moderne Ausgabe: *Drucke zu Lebzeiten*, 7-40.

"Ein altes Blatt", in: *Selbstwehr. Unabhängige jüdische Wochenschrift* (Prag), 30. September 1921.

Moderne Ausgabe: *Drucke zu Lebzeiten*, 249-314.

"Der Kübelreiter", in: *Prager Presse* (Prag), Nr. 270 (25 Dezember 1921).

Moderne Ausgabe: *Drucke zu Lebzeiten*, 444-448.

"Erstes Leid", in: *Genius. Zeitschrift für werdende und alte Kunst* (München), hrsg. von Carl Georg Heise und Hans

Mardersteig, 3 (1921 [Herbst 1922]) II, 312-313.
Moderne Ausgabe: *Drucke zu Lebzeiten*, 315-350.

"Ein Hungerkünstler. Erzählung", in: *Die neue Rundschau* (Leipzig/Berlin), 33 (1922), Nr. 10 (Okt.), 983-992.
Moderne Ausgabe: *Drucke zu Lebzeiten*, 315-350.

"Ein Hungerkünstler", in: *Prager Presse* (Prag), 11. Oktober 1922.
Moderne Ausgabe: *Drucke zu Lebzeiten*, 315-350.

"Josefine, die Sängerin", in: *Prager Presse* (Prag), 110 (20. April 1924).
Moderne Ausgabe: *Drucke zu Lebzeiten*, 315-350.

"Eine kleine Frau", in: *Prager Tagblatt* (Prag), 20. April 1924.
Moderne Ausgabe: *Drucke zu Lebzeiten*, 315-350.

Ein Hungerkünstler. Vier Geschichten (Die Romane des XX. Jahrhunderts), Berlin: Verlag Die Schmiede, 1924 [Aug.].
Inhalt: "Erstes Leid", "Eine kleine Frau", "Ein Hungerkünstler", "Josefine, die Sängerin oder Das Volk der Mäuse".
Moderne Ausgabe: *Drucke zu Lebzeiten*, 315-350.

KAFKAS AMTLICHE SCHRIFTEN

• *Amtliche Schriften*. Mit einem Essay von K. Hermsdorf, hrsg. von K. Hermsdorf unter Mitwirkung von W. Poßner und Jaromir Louzil, Berlin: Akademie-Verlag, 1984.

"Umfang der Versicherungspflicht der Baugewerbe und der baulichen Nebengewerbe", in: *Bericht der Arbeiter-Unfall-Versicherungs-Anstalt für das Künigreich Böhmen in Prag [1907]* (Prag, 1908), 4-21.

Moderne Ausgabe: *Amtliche Schriften*, 95-120.

"Einbeziehung der privaten Automobilbetriebe in die Versicherungspflicht. Übernahme bzw. Ablösung der Privat-Automobilversicherungsverträge nach § 61 U. V. G.", in: *Bericht der Arbeiter-Unfall-Versicherungs-Anstalt für das Königreich Böhmen in Prag [1908]* (Prag, 1909), 10-14.
Moderne Ausgabe: *Amtliche Schriften*, 124-132.

"*Die Mutterschaftsversicherung vom Standpunkte der Versicherungswissenschaft* von Dr. Robert Marschner [...]", in: *Deutsche Arbeit. Monatsschrift für das geistige Leben der Deutschen in Böhmen*, 9 (1909/10), Juni 1910, 580
Rezension eines Essays von Kafkas Vorgesetztem Moderne Ausgabe: *Amtliche Schriften*, 132.

"Unfallverhütungsmaßregel bei Holzhobelmaschinen", in: *Bericht der Arbeiter-Unfall-Versicherungs-Anstalt für das Königreich Böhmen in Prag [1909]* (Prag, 1910), 7-12.
Moderne Ausgabe: *Amtliche Schriften*, 134-141.

"Maßnahmen zur Unfallverhütung", in: *Bericht der Arbeiter-Unfall-Versicherungs-Anstalt für das Königreich Böhmen in Prag [1910]* (Prag, 1911), 33-42.
Moderne Ausgabe: *Amtliche Schriften*, 142-154.

"Die Arbeiter-Versicherung und die Unternehmer", in: *Tetschen-Bodenbacher Zeitung*, 18. September 1911.
Moderne Ausgabe: *Amtliche Schriften*, 154-162.

"Die Arbeiterunfallversicherung und die Unternehmer", in: *Tetschen-Bodenbacher Zeitung*, 4. November 1911, I. Beilage, 1-3.
Moderne Ausgabe: *Amtliche Schriften*, 163-174.

"Gewerbliche Unfallverhütung", in: *Bericht der Arbeiter-Unfall-Versicherungs-Anstalt für das Königreich Böhmen in Prag [1913]* (Prag, 1914), 10-11.

Möglicherweise von Kafka

Moderne Ausgabe: *Amtliche Schriften*, 183-185.

"Allgemeine Bemerkungen zur Gebarung im Jahre 1914", in: *Bericht der Arbeiter-Unfall-Versicherungs-Anstalt für das Königreich Böhmen in Prag [1914]* (Prag, 1915), 11-78.

Moderne Ausgabe: *Amtliche Schriften*, 186-267.

"Unfallverhütung und erste Hilfe", in: *Fünfundzwanzig Jahre Arbeiter-Unfall-Versicherung. Bericht über die Entwicklung der Arbeiter-Unfall-Versicherungs-Anstalt für das Königreich Böhmen in Prag in der Zeit vom 1. November 1889 bis 31. Oktober 1914*, hrsg. von Robert Marschner (Prag, 1915), 98-106.

Möglicherweise von Kafka

Moderne Ausgabe: *Amtliche Schriften*, 267-281.

"Kriegslage, Gefahrenklassen-Einreihung und Unfallverhütung", in: *Bericht der Arbeiter-Unfall-Versicherungs-Anstalt für das Königreich Böhmen in Prag [1915]* (Prag, 1917), 31-32 und 38-45.

Möglicherweise von Kafka

Moderne Ausgabe: *Amtliche Schriften*, 281-294.

Aufruf des Deutschen Vereins zur Errichtung und Erhaltung einer Krieger- und Volksnervenheilanstalt in Deutschböhmen in Prag [Pamphlet] (Prag, November 1916)

Moderne Ausgabe: *Briefe an Felice [...]*, hrsg. von Erich Heller und Jürgen Born (Frankfurt am Main: S. Fischer, 1967), 764-766; *Amtliche Schriften*, 295-297.

KAFKAS REZENSIONEN UND BERICHTE

•*Drucke zu Lebzeiten*, hrsg. von H.-G. Koch, W. Kittler, G. Neumann. Frankfurt am Main: S. Fischer, 1994.

"Ein Damenbrevier", in: *Der neue Weg*, hrsg. von der Genossenschaft deutscher Bühnenangehöriger (Redaktion von Herwarth Walden), 38 (1909), Nr. 2 (Feb. 6), 62.

Rezension von: Franz Blei, *Die Puderquaste. Ein Damenbrevier* (München, 1909).

Moderne Ausgabe: *Drucke zu Lebzeiten*, 381-383.

"Die Aeroplane in Brescia", in: *Bohemia* (Prag), 29. September 1909.

Bericht über eine Luftfahrtschau in Brescia, Norditalien.

Moderne Ausgabe: *Drucke zu Lebzeiten*, 401-412.

"Ein Roman der Jugend", in: *Bohemia* (Prag), 16. Januar 1910.

Rezension von: Felix Sternheim, *Die Geschichte des jungen Oswald* (München, 1910).

Moderne Ausgabe: *Drucke zu Lebzeiten*, 413-415.

"*Die Mutterschaftsversicherung vom Standpunkte der Versicherungswissenschaft* von Dr. Robert Marschner [...]"

Siehe Amtliche Schriften, Nr. 3.

"Eine entschlafene Zeitschrift", in: *Bohemia* (Prag), 19. März 1911.

Rezension der eingestellten *Hyperion. Eine Zweimonatsschrift*, 1 (1908) bis 2 (1909).

Moderne Ausgabe: *Drucke zu Lebzeiten*, 416-418.

"Über Kleists »Anekdoten«, in: [Unbekannt].

Rezension von: Heinrich von Kleist, *Anekdoten*, hrsg. von Julius Bab (Leipzig, 1911).

Mit Max Brod: "Erstes Kapitel des Buches *Richard und Samuel...*"

Siehe Literarische Schriften, Nr. 4.

"Aus Matlárháza", in: *Karpathenpost*, April 1921.

Rezension einer "Ausstellung von Tatra-Gemälden" von Anton Holub, einem lokalen Künstler in Tatranske Matliary.

Moderne Ausgabe: *Drucke zu Lebzeiten*, 443.

POSTHUM ERSCHIENENE WERKE KAFKAS

•Aufgeführt werden die Erstveröffentlichungen.

Der Prozeß [1914], Berlin: Verlag Die Schmiede, 1925.

Das Schloß [1922], München: Kurt Wolff Verlag, 1926.

Amerika [1912], München: Kurt Wolff Verlag, 1927.

Beim Bau der chinesischen Mauer [1917], Berlin: Gustav Kiepenhauer Verlag, 1931.

Die Originalausgabe enthielt 22 Stücke: "Beim Bau der chinesischen Mauer", "Zur Frage der Gesetze", "Das Stadtwappen", "Von den Gleichnissen", "Die Wahrheit über Sancho Pansa", "Das Schweigen der Sirenen", "Prometheus", "Der Jäger Gracchus", "Der Schlag ans Hoftor", "Eine Kreuzung", "Die Brücke", "Kleine Fabel", "Eine alltägliche Verwirrung", "Der Kübelreiter", "Das Ehepaar", "Der Nachbar", "Der Bau", "Der Riesenmaulwurf" [identisch mit: "Der Dorfschullehrer"], "Forschungen eines Hundes", "Betrachtungen über Sünde, Leid, Hoffnung und den wahren Weg".

Nachwort (von Max Brod und Hans Joachim Schöps).

Vor dem Gesetz [1914-1922], Berlin: Schocken, 1934.

ÜBERSETZUNGEN DER WERKE KAFKAS

•Nicht alle tschechischen diakritische Zeichen, wie das "hacek", können korrekt wiedergegeben werden.

"Topic" ["Der Heizer"], *Kmen* (Prag) 4 (1920), Nr. 6 (Apr. 22), 61-72.
Ins Tschechische übersetzt von Milena Jesenská.

"Nest'astny" ["Unglücklichsein"], *Tribuna* (Prag) 2 (1920), Nr. 166 (Juli 16), 1-2.
Ins Tschechische übersetzt von Milena Jesenská.

"Náhlá procházka" ["Der plötzliche Spaziergang"], "Vylet do hor" ["Der Ausflug ins Gebirge"], "Nestestí mládence" ["Das Unglück des Junggesellen"], "Kupec" ["Der Kaufmann"], "Cesta domu" ["Der Nachhauseweg"], "Ti, kterí bezí mimo" ["Die Vorüberlaufenden"], *Kmen* (Prag) 4 (1920), Nr. 26 (Sept. 9), 308-310 ["Unglück": 308-309].
Ins Tschechische übersetzt von Milena Jesenská.

"Zpráva pro akademii" ["Ein Bericht für eine Akademie"], *Tribuna* (Prag) 2 (1920), Nr. 227 (Sept. 26), 1-4.
Ins Tschechische übersetzt von Milena Jesenská.

"Pred zákonem" ["Vor dem Gesetz"], *Právo lidu* 29 (1920) Nr. 253 (Okt. 24), Sunday Annex Nr. 43.
Ins Tschechische übersetzt von Milena Ilová.

"A változás" ["Die Verwandlung"], *Szebadság* (Kaschau) Nr. 182-188 und Nr. 190-191, 23./29., 31. Juli, 1. August 1921.
Ins Ungarische übersetzt von Sandor Márai.

"..." ["Das Urteil"], *Szebadság* (Kaschau) 1922.
Ins Ungarische übersetzt von Sandor Márai.

"..." ["Ein Brudermord"], *Kassai Naplo* (Kaschau), Ostern 1922.
Ins Ungarische übersetzt von Sandor Márai.

"Mordet" ["Ein Brudermord"], *Mot Dag* 2 (1922), Juni 24, 188-189.

Ins Norwegische übersetzt von Haakon Meyer.

"Závodníkum na uvázenou" ["Zum Nachdenken für Herrenreiter"], *Vänocní besídka* [Beilage der *Tribuna*] 4 (1922), Dez. 24.
Ins Tschechische übersetzt von Jaroslav Dohnal [= Milena Jesenská?].

"Soud" ["Das Urteil"], *Cesta* (Prague) 5 (1922/23), Nr. 26/27 (Dez./Jan. 1923), 369-372.
Ins Tschechische übersetzt von Milena Jesenská.

"Nejblizsí vesnice" ["Das nächste Dorf"], *Eva* (Olomouc) 21[?] (1924) Nr. 21, 237-238.
Ins Tschechische übersetzt von O. F. Babler.

TIỂU SỬ TÁC GIẢ, DỊCH GIẢ

Lê Huy Bắc. Sinh ngày: 01/08/1968; nguyên quán: Triệu Đô, Triệu Phong, Quảng Trị; trình độ học vấn: tiến sĩ ngữ văn; ngoại ngữ: tiếng Anh; 1994-1997: giảng viên khoa ngữ văn trường Đại học Sư phạm Huế; 1998 - nay: giảng viên khoa ngữ văn trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Các tác phẩm chính đã xuất bản: ***E.Hemingway, truyện ngắn,*** Nxb Văn học, 1998; *Truyện ngắn châu Mỹ chọn lọc*, Nxb Thanh niên, 1999; *Ông già và biển cả* E. Hemingway (tủ sách Văn học Giảng bình), Nxb Văn học, 1999; *Ernest Hemingway - Núi băng và Hiệp sĩ*, Nxb Giáo dục 1999; *Giết quỷ*, R. L. Stine, Nxb Kim Đồng, 1999; *Quái vật từ phương Đông*, R. L. Stine, Nxb Kim Đồng, 2000; *Chiếc lá cuối cùng* (tủ sách Văn học Giảng bình), Nxb Văn học, 2000; *Ba điều ước của lão ma thần*, R. L. Stine, Nxb Kim Đồng, 2001; *Sức mạnh siêu nhiên*, R. L. Stine, Nxb Kim Đồng, 2001; *Giải phẫu văn chương trong nhà trường*, Nxb Đại học Quốc gia, 2002; *Phê bình lí luận văn học Anh - Mỹ*, Nxb Giáo dục, 2002.

Nguyễn Văn Dân. Sinh ngày: 16/01/1950; nguyên quán: Quất Lưu, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc; trình độ học vấn: tiến sĩ ngữ văn; ngoại ngữ: tiếng Rumani, Pháp, Anh; Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam (1997); 1972: tốt nghiệp cử nhân ngữ văn tại Rumani; 1973: công tác tại Viện Thông tin Khoa học và Kỹ thuật Trung ương; 1977-nay: công tác tại Viện Thông tin Khoa học Xã hội, thuộc Trung tâm

Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia; trưởng phòng Thông tin Khoa học về khu vực; ủy viên Hội đồng Khoa học Viện

Các giải thưởng: Giải thưởng Hội nhà văn Việt Nam về lí luận phê bình; tặng thưởng văn học dịch loại A của Tạp chí *Văn học nước ngoài* năm 1996

Các tác phẩm chính đã xuất bản: *Vòng tròn ma thuật*, tiểu thuyết của Nicolae Margeanu, (Rumani), Nxb Pháp lý, 1987; *Thủ lĩnh Fracax*, tiểu thuyết của Théophile Gautier, (Pháp), Nxb Văn học, 1991; *Nửa đời phấn hương*, tiểu thuyết của Richard Mason (Anh), Nxb Lao động, 1991; *Hồ sơ 113*, tiểu thuyết của Émile Gaboriau (Pháp), Nxb Quân đội nhân dân, 1993; *Bí mật quả chuông*, tiểu thuyết của Robert Van Gulik (Hà Lan), Nxb Quân đội nhân dân, 1994, Nxb Thanh niên, 2001; *Cảng Xuđăng*, tiểu thuyết của Olivier Rolin (Pháp), Nxb Văn học, 1995; *Hành trình đêm tối*, tiểu thuyết của Bob Shaw, (Ailen), Nxb Văn nghệ Tp Hồ Chí Minh, 2000; *Những vấn đề lí luận của văn học so sánh*, 1995; *Từ điển thần thoại Hy Lạp - La Mã*, 1993

Trương Đăng Dung. Sinh ngày: 8/5/1955; nguyên quán: Diễn Trường, Diễn Châu, Nghệ An; trình độ học vấn: giáo sư, tiến sĩ văn học; ngoại ngữ: tiếng Hungary; Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam (2000); hiện là Phó Viện trưởng Viện Văn học

Các giải thưởng văn học: tặng thưởng của tạp chí *Văn học nước ngoài* năm 1999

Các tác phẩm chính đã xuất bản: *Truyện Kiều*, Nguyễn Du, (dịch sang tiếng Hungary), Nxb Europa, 1984; *Đứa trẻ mồ côi*, tiểu thuyết của Moricz Zsigmoud, Nxb Văn học, 1987; *Lâu đài*, tiểu thuyết của Franz Kafka, Nxb Văn học, 1998; *Trên đường đến với ngôn ngữ*, công trình nghiên cứu triết học của Martin Heiderger, tạp chí *Văn học nước ngoài*, số 1/1999; *Thằng điên và quỷ sứ*, Sakadi Imce, Nxb Trẻ, 2000; *Nghệ thuật và chân lí khách quan* của G.Lukacs, TCVHNN số 6/1999; *Ảo ảnh và hiện thực* của C.Caudwell, TCVHNN số 5/2000; *Từ văn bản đến tác phẩm văn học*, Nxb Khoa học Xã hội, 1998

Đặng Anh Đào. Sinh ngày: 7/12/1934; nguyên quán: Thanh Chương, Nghệ An; trình độ học vấn: trên đại học; ngoại ngữ: tiếng Pháp, Anh, Nga; Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam (1993); giáo viên phổ thông trung học; 1967 - nay: giảng viên khoa văn trường Đại học Sư phạm Hà Nội 1

Các tác phẩm chính đã xuất bản: *Thế kỉ ánh sáng,* A. Carpentier, (dịch cùng Đặng Thị Hạnh), Nxb Tác phẩm mới, 1986; *Tuyển tập truyện ngắn Pháp thế kỉ XIX*, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, 1986; *Tuyển tập truyện ngắn phương Tây thế kỉ XX*, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, 1988; *Pierrette,* tiểu thuyết của Balzac, Nxb Giáo dục, 1988; *Tuyển văn học Pháp thế kỉ XIX, XX,* Nxb Thế giới, 1996, 1998; *Đại tá Chabert*, truyện vừa của Balzac, tạp chí *Văn học nước ngoài* số 1/1999; *Bãi nắng và người thưởng thức* (nghiên cứu, phê bình,1994); *Đổi mới nghệ thuật tiểu thuyết phương Tây hiện đại* (nghiên cứu, phê bình,1995); *Victo Huygô ở Việt Nam* và *Victo Huygô với chúng ta* (nghiên cứu, 1985)

Đào Thu Hằng. Sinh ngày: 17/1/1977; nguyên quán: Hoa Lư, Ninh Bình; trình độ học vấn: đại học; trình độ ngoại ngữ: tiếng Anh; năm 1998, tốt nghiệp khoa Ngữ văn - Đại học Tổng hợp Hà Nội; hiện chuẩn bị bảo vệ luận văn thạc sĩ khoa học Ngữ văn

Đã dịch một số truyện ngắn in trên các báo và tạp chí

Đoàn Tử Huyến. Sinh ngày: 27/12/1952; nguyên quán: Đức Thọ, Hà Tĩnh; trình độ học vấn: đại học; ngoại ngữ: tiếng Nga; Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam (1989); năm 1976 - 1983: giảng viên văn học Nga trường Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội; từ 1983-nay: biên tập viên Nxb Lao động; nguyên Phó Tổng Biên tập tạp chí *Văn học nước ngoài* Hội Nhà văn Việt Nam; hiện là ủy viên Hội đồng Văn học Dịch Hội Nhà văn Việt Nam; Chủ tịch Hội đồng Khoa học Trung tâm Văn hoá Ngôn ngữ Đông Tây

Các giải thưởng văn học: Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam 1990-1991; Tặng thưởng tạp chí *Văn nghệ Quân đội*

Các tác phẩm chính đã xuất bản: *Tiếng gọi vĩnh cửu*, tiểu thuyết của A. Ivanov, Nxb Cầu Vồng (Nga), 1986; Nxb Lao động, 1999; *Kỳ lạ thế đấy cuộc đời này*, tiểu thuyết của Đ. Granin, Nxb Lao động, 1986; *Nguyệt thực*, tiểu thuyết của V. Tendriacov, Nxb Tác phẩm mới, 1986; Nxb Cầu Vồng (Nga), 1989, Nxb Hội Nhà văn 2001; *Sáu mươi ngọn nến*, tiểu thuyết của V. Tendriacov, Nxb Hà Nội, 1986; *Nghệ nhân và Margarita,* tiểu thuyết của M. Bulgacov, Nxb Cầu Vồng (Nga), 1987; *Trái tim chó*, truyện vừa của M. Bulgacov, Nxb Văn học, 1988, 1997; *Đấng Cứu Thế*, tiểu thuyết của Otero Silva, tạp chí *Văn học nước ngoài* số 1/1996; Nxb Văn học, 1997; *Đêm trắng*, truyện vừa của Doxtoevxki, Nxb Văn học, 2000.

Nguyễn Văn Qua. Sinh ngày: 15/10/1932; nguyên quán: Đông Ngạc, Từ Liêm, Hà Nội; trình độ học vấn: tú tài (trước 1945); ngoại ngữ: tiếng Pháp, Anh; nghề nghiệp hiện nay: giáo viên ngoại ngữ, dịch thuật

Các tác phẩm chính đã xuất bản: *Chàng thứ sáu hay vầng hào quang Thái Bình Dương*, tiểu thuyết của Michel Tournier (Pháp), Nxb Văn học, 1996; *Tập bản thảo bị xé bỏ,* tiểu thuyết của Monique Lange, Nxb Văn học, 1997; *Truyện ngụ ngôn La Fontaine,* Nxb Kim Đồng, 1995, 1997; *Vòng xoáy,* tập truyện của Le Clézio, (Pháp), Nxb Văn học, 1997; *Cô gái trên thị trường văn chương,* Daniel Pennac, Nxb Văn học, 1999; *Sa-pa,* Leigh Stubblefield, (dịch từ tiếng Anh sang tiếng Pháp), Nxb Thế giới, 1998.

Dương Tất Từ. Sinh ngày: 16/10/1935; nguyên quán: Nga Sơn, Thanh Hóa; trình độ học vấn: đại học; ngoại ngữ: tiếng Tiệp, Pháp; Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam (1987); cán bộ nghiên cứu Viện Văn học; biên tập viên tạp chí *Văn học*; cán bộ thư viện Thư viện Khoa

học Xã hội; phiên dịch tiếng Tiệp tại Đại sứ quán Tiệp, Đài phát thanh Tiệp, Thông tấn xã CTK; giảng dạy tiếng Việt tại Praha (Tiệp Khắc cũ)

Các tác phẩm chính đã xuất bản: *Truyện ngắn Tiệp Khắc*, Nxb Văn học, 1963; *Viết dưới giá treo cổ*, Julius Fuxich, Nxb Thanh niên, 2000; *Truyện dân gian Tiệp Khắc*, Nxb Văn hóa, 1991; *Thiên đường của trái tim,* J. Amos Komensky, Nxb Ngoại văn, 2000; *Truyền thuyết và cổ tích Séc,* Nxb Thế giới, 2000; *Thành phố tội lỗi*, thơ Tiệp thế kỉ hai mươi, Nxb Thế giới, 2000.

Phùng Văn Tửu. Sinh ngày: 10/4/1935; nguyên quán: Bát Tràng, Gia Lâm, Hà Nội; trình độ học vấn: giáo sư văn học; ngoại ngữ: tiếng Pháp; Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam (1991); 1959-1961: nghiên cứu văn học phương Tây giảng dạy văn học phương Tây trường Đại học Tổng hợp Hà Nội; 1961-1969: giảng dạy văn học phương Tây trường Đại học Sư phạm Vinh; 1969-nay: giảng dạy nghiên cứu văn học phương Tây, Chủ nhiệm bộ môn Văn học phương Tây khoa ngữ văn trường Đại học Sư phạm Hà Nội 1

Các tác phẩm chính đã xuất bản: *Người đi xuyên tường,* tập truyện của Marcel Aymé, Nxb Tác phẩm mới, 1983; *Truyện dân gian Pháp,* Nxb Văn hóa, 1988; *Ông bạn đẹp,* tiểu thuyết của Maupasant, Nxb Hà Nội, 1989; *Vụ án,* tiểu thuyết của Kafka, (in trong *Vụ án - Hóa thân*), Nxb Văn học, 1989; *Mười giờ rưỡi đêm hè,* tiểu thuyết của Marguerite Duras, Nxb Quảng Ngãi, 1990; *Bọn làm bạc giả,* tiểu thuyết của André Gide, Nxb Văn học, 1992; *Tác phẩm Louis Aragon,* tiểu thuyết và truyện ngắn, Nxb Giáo dục, 1987, 1997; *Aragon, tiểu thuyết Pháp hiện đại, những tìm tòi đổi mới*, 1990

MỤC LỤC

Chịu trách nhiệm xuất bản:
NGUYỄN PHAN HÁCH
Biên tập:
HÀ VIỆT ANH
Trình bày:
HƯƠNG GIANG
Vẽ bìa:
VĂN SÁNG
Sửa bản in:
GIANG HƯƠNG

Tổng đại lý phát hành:
Nhà sách Đông Tây • Số 466 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
ĐT/Fax: (04) 7733041
• 32 Bà Triệu, Hà Nội
ĐT/Fax: 8251374

FRANZ KAFKA
Nhà xuất bản Hội Nhà văn, 65 Nguyễn Du, Hà Nội
Trung tâm VHNN Đông Tây, 8/91 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
Bộ tuyển những tác phẩm tiêu biểu của một trong những nhà văn lớn nhất thế kỉ XX có ảnh hưởng sâu rộng đến tư tưởng nghệ thuật và văn chương thế giới, như Lâu đài, Hóa thân, Vụ án...

In 1.000 cuốn khổ 14,5 x 20,5 tại Xí nghiệp in 951.
Giấy phép xuất bản số : 63/814/XB-QLXB, ngày 23/7/2002.
In xong và nộp lưu chiểu Quý I năm 2003.

franz kafka

TUYỂN TẬP TÁC PHẨM

* LÂU ĐÀI
* VỤ ÁN
* HÓA THÂN
* TRUYỆN NGẮN
* NHẬT KÝ
* THƯ TỪ



Giá:135.000đ